

Luận
HIỂN DƯỠNG THÁNH GIÁO

(Trọn bộ gồm 2 tập)

TẬP 1



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Đại sĩ VÔ TRƯỚC tạo luận

LUẬN
HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

顯揚聖教論

Prakaraṇāryavācā-śāstra



Pháp sư Huyền Trang

Hán dịch từ Phạn bản

QUẢNG MINH

Viết dịch và chú giải



Dịch phẩm Luận Hiển Dương Thánh Giáo này,

Con xin thành tâm đánh lễ:

Hiển cúng Bồ-tát Di Lặc, Đại sĩ Vô Trước,
Pháp sư Huyền Trang.

Hiển cúng Thượng nhân Thích Trí Quang,
Bổn sư Thích Minh Hạnh,

Đại sư Thích Minh Phát, Ân sư Thích Lệ Trang.

Hiển cúng chư Đại đức Tăng - già, các bậc Sư
trưởng, Giáo thọ sư, Du-già sư.

Kính dâng lên Phụ mẫu hiện tiền.

Xin nguyện hồi hướng công đức cho pháp giới
chúng sinh và cha mẹ.



Con thành kính tri ân

Thầy Thích Pháp Chơn

Trụ trì chùa Liễu Quán và chùa Tâm Từ

*Đã hỗ trợ duyên lành để quyển Luận
Hiển Dương Thánh Giáo có nghĩa
văn cụ túc thanh tịnh này được ấn
tống và hiến cúng đến chư thiện tri
thức mười phương.*



Lời Giới Thiệu

Sau khi đức Phật nhập diệt khoảng 500 năm, Phật giáo Đại thừa hưng khởi. Khi Phật giáo Đại thừa phát triển thì các Tông phái như Hoa Nghiêm, Tịnh Độ, Pháp Tướng (Duy Thức), v.v... được hình thành. Khi các Tông phái được hình thành thì chư vị Tổ sư biên soạn các bộ luận giải, chú sớ... để xiển dương giáo nghĩa của Tông phái mình.

Hiển Dương Thánh Giáo luận là một trong những bộ luận quan trọng của Phật giáo Đại thừa, được ngài Vô Trước biên soạn (nhưng ngày nay, đa số các nhà nghiên cứu nhận định rằng ngài Thế Thân mới là người biên soạn bộ Luận thư này) để xiển dương giáo nghĩa của Duy Thức. Luận thư đề cập đến tất cả các vấn đề như Uẩn, Xứ, Giới, Duyên khởi, Vô thường, Khô, Không, Vô tánh, Nhất thiết pháp (tâm, tâm sở, sắc pháp,...), Tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới), Tam thiên thế giới, Tứ đế, Thế gian, Xuất thế gian, Bốn niệm trú, Bốn chánh đoạn, Bốn thần túc, Năm căn, Năm lực, Bảy biến giác chi, Tám thánh đạo chi, Bảy loại Hiền Thánh, Tám bậc Thánh quả, Ba thừa, Bốn Sa-môn quả, Sáu thần thông, Mười tám loại bất cộng pháp, Ba mươi hai tướng đại trượng phu, Tám mươi vẻ đẹp, Nhất thiết chủng diệu



trí, v.v... Có thể được xem là bộ Đại từ điển Phật học, là kim chỉ nam để đi vào giác lộ của tông Pháp tướng nói riêng, để hiểu rõ Phật giáo mà đặc biệt là Phật giáo Đại thừa nói chung.

Cư sĩ Quảng Minh¹ đã dịch bộ Luận này với văn phong đơn giản, dễ hiểu. Không chỉ cẩn thận trong việc phiên dịch mà Cư sĩ còn chịu khó chú thích rất chi tiết, kỹ lưỡng. Nhờ việc chú thích này mà Luận thư vốn đã được trân trọng lại càng được trân trọng hơn. Thật đáng tán dương công đức. Mong rằng nhờ chỉ dẫn của Luận thư này mà độc giả đạt được Nhất thiết chủng diệu trí.

Phương Ngoại am, thứ Năm, ngày 5 tháng 5 năm 2022

Tu viện trưởng Tu viện Vĩnh Nghiêm

Thích Giác Dũng

¹ Cư sĩ Quảng Minh ngày xưa cùng ngồi trên chiếc ghế Trường Cao cấp Phật học Việt Nam Cơ sở 2 (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh) với chúng tôi, niên khóa 1988-1992. Sau khi tốt nghiệp một thời gian, do duyên nghiệp, Cư sĩ đã đi theo con đường khác nhưng vẫn còn chí nguyện ban đầu. Tuy thân tại trần nhưng tâm thoát tục, Cư sĩ miệt mài phiên dịch, chú thích khoảng 50 bộ kinh, luận như Ba Kinh Nhật Tụng, Kinh Phạm Võng-quyển thượng, Biện Trung Biên Luận, Luận Đại Thừa Chương Trân, Luận Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh, Luận Hiển Dương Thánh Giáo,... Xin xem tất cả dịch phẩm của Cư sĩ Quảng Minh tại đây : <https://sites.google.com/site/cusiquangminh/home> . Thật đáng trân trọng.



MỤC LỤC

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO - TẬP 1

Lời Giới Thiệu	6
Dẫn Nhập	42

(Một)

Phẩm 1:

Nhiếp Sự (Phần 1) - Quyển 1	65
Nhiếp Sự (Phần 2) - Quyển 2	105
Nhiếp Sự (Phần 3) - Quyển 3	145
Nhiếp Sự (Phần 4) - Quyển 4	187

Phẩm 2:

Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 1) - Quyển 5	228
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 2) - Quyển 6	262
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 3) - Quyển 7	291
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 4) - Quyển 8	320
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 5) - Quyển 9	349
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 6) - Quyển 10	376

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO - TẬP 2

Lời Giới Thiệu	6
Dẫn Nhập	42

Phẩm 2 (tiếp theo Tập 1):

Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 7) - Quyển 11.....	64
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 8) - Quyển 12	94
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 9) - Quyển 13	125



Phẩm 3:

Thành Thiện Xảo - Quyển 14.....	158
---------------------------------	-----

Phẩm 4:

Thành Vô Thường - Quyển 14	180
----------------------------------	-----

Phẩm 5:

Thành Khô - Quyển 15	204
----------------------------	-----

Phẩm 6:

Thành Không - Quyển 15	223
Thành Không (tiếp theo) - Quyển 16	243

Phẩm 7:

Thành Vô Tánh - Quyển 16.....	249
-------------------------------	-----

Phẩm 8:

Thành Hiện Quán (Phần 1) - Quyển 16.....	272
Thành Hiện Quán (Phần 2) - Quyển 17.....	286

Phẩm 9:

Thành Du Già - Quyển 17	296
-------------------------------	-----

Phẩm 10:

Thành Bất Tư Nghị - Quyển 17.....	299
-----------------------------------	-----

Phẩm 11:

Nhiếp Thắng Quyết Trạch (Phần 1) - Quyển 17.....	307
Nhiếp Thắng Quyết Trạch (Phần 2) - Quyển 18.....	329
Nhiếp Thắng Quyết Trạch (Phần 3) - Quyển 19.....	360
Nhiếp Thắng Quyết Trạch (Phần 4) - Quyển 20.....	402

Phụ Lục:

Hiển Dương Thánh Giáo Luận Tụng	439
---------------------------------------	-----



(Hai)

A. Duyên khởi

B. Chánh minh Du-già

B1. Văn trì

B1.1. Biết pháp là biết về 9 sự (phẩm Nhiếp sự)

B1.2. Biết nghĩa là biết 4 tướng (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa)

B2. Tu hành

B2.1. Thành tựu sở duyên (phẩm Thành thiện xảo)

B2.2. Thành tựu gia hành

a. Biến tri vô thường (phẩm Thành vô thường)

b. Biến tri khổ (phẩm Thành khổ)

c. Biến tri không (phẩm Thành không)

d. Biến tri vô tánh (phẩm Thành vô tánh)

B2.3. Thành tựu thú nhập

a. Quả hiện quán (phẩm Thành hiện quán)

b. Nhân Du-già (phẩm Thành Du-già)

B3. Tư trạch

B3.1. Giải trạch về bất khả tư nghị (phẩm Thành bất tư nghị)

B3.2. Quyết trạch về tối thắng (phẩm Nhiếp thắng quyết trạch)

C. Quy kết năm địa Du-già (trì, trú, minh, kính, chuyển y)



(Ba)

I. Phẩm Nhiếp sự: có 9 sự nhiếp hết giáo pháp của Phật.

1. Sự Nhất thiết, có 5 (kệ 2ab)

2. Sự Giới, có 2 (kệ 2cd)

3. Sự Tạp nhiễm, có 3 (kệ 3ab)

4. Sự Đế, có 6 (kệ 3c)

5. Sự Y chỉ, có 2 (kệ 3d)

6. Sự Giác phân, có 28 (kệ 4 – 7)

7. Sự Bồ-đặc-già-la, có 11 (kệ 8 – 10)

8. Sự Quả, có 8 (kệ 11 – 13)

9. Sự Công đức, có 20 (kệ 14 – 16)

10. Tổng liệu giản:

a. Quyết định về số, thứ tự (kệ 17 – 19)

b. Tư lượng pháp môn (kệ 20): qua 4 ôn-đà-nam già-tha, tư lượng 45 pháp môn.

c. Tu hành pháp môn (kệ 21)

II. Phẩm Nhiếp tịnh nghĩa: Biết nghĩa qua 4 sắc thái.

1. Sắc thái tối thắng (kệ 1, 2)

2. Sắc thái tự thể (kệ 3 – 7)

3. Sắc thái thanh tịnh (kệ 8, 9)

4. Sắc thái biện giáo (kệ 10)

4.1. Nêu chung bảy loại

4.2. Tùy loại riêng giải:

a. Thánh hành có 4 thứ



- b. Vô thượng thừa có 5 thứ (vô thượng thừa đa chủng)
- c. Đại bồ-đề có 5 thứ (đại bồ-đề đa chủng)
- d. Công đức có 27 thứ (công đức đa chủng), qua 5 ôn-đà-nam (tụng 1 - 5), cf. Luận Du-già, Bồ-tát địa, quyển 46, tr. 545b-549b.
- e. Di luận có 16 thứ, qua 3 ôn-đà-nam (tụng 6 - 8), cf. Luận Du-già, Hữu tâm hữu tứ đẳng tam địa, quyển 6 và 7, tr. 303b-313a.
- f. Luận pháp có 7 thứ nhân minh, qua 1 ôn-đà-nam (tụng 9), cf. Luận Du-già, Văn sở thành địa, quyển 15, tr. 355a-360c.
- g. Thích phần có 7 thứ, qua 2 ôn-đà-nam (tụng 10, 11), cf. Luận Du-già, Nhiếp thích phần, quyển 80 và 81, tr. 749c-754c.

III. Phẩm Thành thiện xảo:

- 1. Nêu 7 thiện xảo (kệ 1)
- 2. Kiến lập trừ khử ngu si (kệ 2 – 10)
- 3. Phân biệt thích nghĩa
 - 3.1. Uẩn (kệ 11, 12)
 - 3.2. Giới (kệ 13, 14)
 - 3.3. Xứ (kệ 15, 16)
 - 3.4. Duyên khởi (kệ 17, 18)
 - 3.5. Xứ phi xứ (kệ 19, 20)
 - 3.6. Căn (kệ 21, 22)
 - 3.7. Đế (kệ 23, 24)
- 4. Tổng kết 23 thứ sai biệt (kệ 25)

IV. Phẩm Thành vô thường:

- 1. Kiến lập sắc thái vô thường (thể tánh và sai biệt)



- 1.1. Thể tánh của vô thường (kệ 1)
- 1.2. Sai biệt của vô thường (kệ 2)
 - 1.2.1. Sáu thứ vô thường
 - 1.2.2. Tám thứ vô thường
 - 1.2.3. Vô tánh vô thường
 - 1.2.4. Biến dị vô thường: 15 loại và 8 duyên (kệ 3, 4)
 - 1.2.5. Nghĩa của vô thường: 8 thứ vô thường và 3 cõi
- 1.3. Ba tướng sở nhiếp: 6 thứ vô thường và ba tánh (kệ 5)
- 2. Quyết trạch nghĩa khác:
 - 2.1. Nghĩa vô thường đều khổ (kệ 6)
 - 2.2. Nghĩa sát-na vô thường: 3 nhân thành lập (kệ 7 – 12) (sát-na diệt luận)
- 3. Đối trị chướng ngại chấp thường (phê phán thuyết thường hằng)
 - 3.1. Ngã là thường, bất thành (kệ 13)
 - 3.2. Tự tại là thường, bất thành (kệ 14)
 - 3.3. Tự tánh là thường, bất thành (kệ 15, 16)
 - 3.4. Cực vi thường trú, bất thành (kệ 17)
 - 3.5. Hiểu biết (: giác) là thường, bất thành (kệ 18)
- 4. Thuyết thành biến tri (tu tập pháp vô thường)
 - 4.1. Xem xét ngu si (kệ 19 – 21)
 - 4.2. Nói rõ trí tuệ (kệ 22 - 23)

V. Phẩm Thành khổ:

- 1. Kiến lập sắc thái khổ
 - 1.1. Sắc thái phổ quát các khổ (kệ 1)
 - 1.2. Phân biệt ba khổ (kệ 2 – 6)



1.3. Sai biệt 55 khổ (kệ 7, 8)

1.4. Sai biệt 2 đế (kệ 9, 10)

1.5. Sai biệt 8 khổ (kệ 11, 12)

1.6. Sai biệt 3 đời (kệ 13)

2. Thích thành biến tri

2.1. Xem xét ngu si (kệ 14 – 18)

2.2. Nói rõ trí tuệ (kệ 19, 20)

VI. Phẩm Thành không:

1. Kiến lập sắc thái không

1.1. Tự tướng (kệ 1)

1.2. Thâm tướng (kệ 2ab)

1.3. Biệt tướng (kệ 2cd)

2. Đối trị chướng ngại chấp ngã

2.1. Dựa vào uẩn chấp ngã, bất thành (kệ 3, 4)

2.2. Thấy, nghe, hay, biết chấp ngã, bất thành (kệ 5 – 9)

2.3. Những vấn nạn chấp ngã, bất thành (kệ 10 – 17)

3. Thích thành biến tri

3.1. Sở trị là ngã kiến (kệ 18)

3.2. Năng trị là 16 không (kệ 19)

3.3. Sở đoạn là 6 ngu si (kệ 20)

3.4. Năng chứng là trí tu (kệ 21 – 23)

VII. Phẩm Thành vô tánh:

1. Kiến lập sắc thái vô tánh

1.1. Tổng thuyết tánh và vô tánh (kệ 1, 2)

1.2. Biệt thành tánh biến kế



a. Danh và nghĩa cùng làm khách vô thể (kệ 3 – 6)

b. Biến kế bất đồng nên tánh sai biệt (kệ 7)

c. Tám phân biệt làm nhân sinh 3 sự (kệ 8, 9)

1.3. Biệt thành tánh y tha:

a. Nhân vì nhiễm có thể thủ đắc nên có (kệ 10)

b. Tướng và thô trọng duyên sinh nhau là thể (kệ 11)

c. Không xác định là có không nên nói thể tục có (kệ 12, 13)

1.4. Biệt thành tánh viên thành thật

a. Thắng nghĩa đế là tự tánh (kệ 14, 15)

b. Do thắng nghĩa mà vô tánh (kệ 16, 17)

2. Thích thành biến tri

2.1. Ngăn chặn pháp chấp làm nhân sinh chấp (kệ 18)

2.2. Lìa chấp, huân tịnh tức là chuyển y (kệ 19, 20ab)

2.3. Do 4 đạo lý nên chuyển y là bất khả tư nghị (kệ 20cd, 21)

2.4. Chuyển y sai biệt, trí Phật thì tối thắng (kệ 22 – 24)

VIII. Phẩm Thành hiện quán:

1. Bảy môn quyết trạch

1.1. Tam giới sự làm sở quán (kệ 1) – cảnh giới hiện quán

1.2. Xuất thế trí làm năng quán (kệ 2) – trí hiện quán

1.3. Dục giới nhân thiên khởi quán (kệ 3) – xứ hiện quán

1.4. Tam thừa năng nhập mà duy tâm vô ngã (kệ 4 – 6) – 5 bậc hiện quán

1.5. Bồ-đề phân để vào thứ đệ (kệ 7, 8) – thứ đệ hiện quán

1.6. Kiến đạo đoạn hoặc làm chánh nhập vị (kệ 9, 10) – vĩnh



đoạn 3 kết

1.7. Giản trách cứu cánh quyết định để nhập tướng (kệ 11 – 13) – tướng trạng hiện quán

2. Thành tu tập thứ đệ

2.1. Ba loại thứ đệ quay về ba tịnh (kệ 14 – 16) – tu tập thứ đệ hiện quán

2.2. Niệm trú gia hành tiệm thứ nhập quán (kệ 17 – 19) – nhập thứ đệ hiện quán: gia hành đạo

2.3. Chánh nhập đoạn hoặc, ý lạc bình đẳng (kệ 20 – 23): kiến đạo (6 thứ thanh tịnh trí, 5 thứ tâm bình đẳng)

2.4. Tu đạo hậu đắc tịnh trí cứu cánh (kệ 24): tu đạo

2.5. Nhân tu thắng lợi hiện quán sai biệt (kệ 25) – hiện quán sai biệt

IX. Phẩm Thành Du-già:

1. Tổng nêu bát-nhã làm thể (kệ 1)
2. Biệt thích các nghĩa Nhất thiết chủng (kệ 2)
3. Biệt thích nghĩa vô phân biệt (kệ 3, 4)

X. Phẩm Thành bất tư nghị:

1. Chung nói 9 bất tư nghị, nhân duyên được mất (kệ 1, 2)
2. Riêng làm rõ những sự bất tư:
 - 2.1. Ngã (kệ 3)
 - 2.2. Hữu tình và khí thể giới (kệ 4)
 - 2.3. Nghiệp báo (kệ 5)
 - 2.4. Cảnh giới bậc tính lự và cảnh giới chư Phật (kệ 6)
 - 2.5. Bất tư vô ký sự (kệ 7) – (7) 14 bất khả ký sự



2.6. Tư bất tư công đức, tội lỗi (kệ 8, 9) – (8) Phi chánh pháp, (9) Sự được dẫn nhiếp bởi tất cả phiền não.

2.7. Trùng thuyết nhân thành (kệ 10)

XI. Phẩm Nhiếp thắng quyết Trạch:

I. Tổng minh 10 tướng: 1. Số; 2. Tướng; 3. Sai biệt; 4. Hữu tánh; 5. Xứ sở; 6. Biên tế; 7. Sinh khởi; 8. Tướng; 9. Thiện xảo; 10. Nhiếp. (kệ 1)

II. Quyết Trạch 9 sự:

1. Sự nhất thiết (kệ 2, tụng 1 và 2, kệ 3 - 12)
2. Sự giới (kệ 13)
3. Sự tạp nhiễm (kệ 15 - 21)
4. Sự đế (kệ 22 - 25)
5. Sự y chỉ (kệ 26 - 31)
6. Sự giác phần (kệ 32 - 36)
7. Sự bổ-đặc-già-la (kệ 37)
8. Sự quả (kệ 38)
9. Sự công đức (kệ 39 - 45)

III. Kết quy 5 địa (kệ 46)



(Bốn)

Hiển dương Thánh giáo luậnDu-già luận (quyển)

A. Tựa duyên khởi

B. Chánh minh Du-già:

1. Văn trì – Biết pháp qua 9 sự:

Phẩm Một – Nhiếp sựQuyển 1

I. Biết pháp qua 9 sự: (kệ 1)

- 1. **Sự Nhất thiết**, có 5: (kệ 2ab)..... 1~3
 - 1.1.1 Tâm pháp (8) 1, 51
 - 1.1.2 Tâm sở pháp (51)..... 3, 55, 58
 - 1.1.3 Sắc pháp (15)..... 27, 53, 54
 - 1.1.4 Bất tương ưng hành pháp (24)..... 52
 - 1.1.5 Vô vi pháp (8)..... 53, 77

1.2 Biệt thích nghĩa pháp tướng

2. Sự Giới, có 2: (kệ 2cd)

- 2.1 Tam giới: Dục, Sắc, Vô sắc 43
- 2.2 Tam thiên thế giới..... 2

3. Sự Nhiễm tịnh, có 3: (kệ 1-3ab)..... 8

- 3.1 Phiền não tạp nhiễm
- 3.2 Nghiệp tạp nhiễm
- 3.3 Sinh tạp nhiễm

4. Sự Đế, có 4: (kệ 3c).....Quyển 2



- 4.1.1 Thế tục đế
- 4.1.2 Thắng nghĩa đế
- 4.1.3 Khổ đế
- 4.1.4 Tập đế
- 4.1.5 Diệt đế
- 4.1.6 Đạo đế
- 4.2 Biệt thích nghĩa Thánh đế
- 5. **Sự Y chỉ**, có 2 thứ 8: (kệ 3d)..... 11, 12, 43
 - 5.1.1 Thế gian: sơ tĩnh lự ... phi tướng phi phi tướng xứ
 - 5.1.2 Xuất thế gian: sơ tĩnh lự ... phi tướng phi phi tướng xứ
 - 5.2 Biệt thích định tướng 4 môn
- 6. **Sự Giác phần**, có 28:..... 28, 29
 - 6.1 Bốn niệm trú (kệ 4ab)
 - 6.2 Bốn chánh đoạn
 - 6.3 Bốn thần túc
 - 6.4 Năm căn
 - 6.5 Năm lực
 - 6.6 Bảy biến giác chi
 - 6.7 Tám Thánh đạo chi
 - 6.8 Mười chủng trí (kệ 4cd)..... 34
 - 6.9 Ba giải thoát môn..... 28, 74
 - 6.10 Bốn chủng hành..... 26
 - 6.11 Bốn pháp tích
 - 6.12 Chỉ quán..... 45
 - 6.13 Bốn cư xứ (kệ 5)



6.14	Bốn chủng y.....	45
6.15	Phát tâm.....	35, 40
6.16	Bi mẫn.....	44
6.17	Mười thứ pháp hành.....	74
6.18	Bảy thứ thông đạt.....	Quyển 3 64
6.19	Mười địa.....	78
6.20	Mười ba-la-mật-đa.....	78
6.21	Bốn thứ Bồ-tát hành (kệ 6).....	49
6.22	Bốn nhiếp sự.....	43
6.23	Đà-la-ni.....	45
6.24	Tam-ma-địa.....	12, 45
6.25	Năm vô lượng tác ý.....	46
6.26	Bảy thứ tác ý biến mãn chân như (kệ 7).....	77
6.27	Tín giải bất tư nghị.....	77
6.28	A-thê-da rộng lớn.....	77
6.29	Kết số	
7.	Sự Bồ-đặc-già-la , có 11:.....	21, 26, 64
7.1	Bảy loại Hiền Thánh: Tùy tín hành, v.v... (kệ 8)	
7.2	Tám bậc Thánh quả: Dự lưu hướng, v.v...	
7.3	Tám bậc theo sự sinh: Cực thất phản, v.v...	
7.4	Sáu quả Vô học: Thối pháp, v.v...	
7.5	Bảy hạng dựa theo căn: nhuyển căn, v.v... (kệ 9)	
7.6	Tại tục	
7.7	Ba thừa: Thanh văn thừa, v.v...	



7.8	Khả cứu – bất khả cứu (kệ 10)	
7.9	Nhập phương tiện, v.v... có 9	
7.10	Sinh sai biệt có 2	
7.11	Các giới sai biệt nên biết 13 bậc	
8.	Sự Quả , có 8:	
8.1.1	Năm thứ quả đoạn (kệ 11).....	59
8.1.2	Chín biến tri.....	57
8.1.3	Chín thứ thanh tịnh.....	94
8.1.4	Bốn chứng tịnh.....	64
8.1.5	Bốn sa-môn quả.....	29
8.1.6	Ba thứ quả.....	27
8.1.7	Ba thứ Bồ-đề.....	13
8.1.8	Mười pháp Vô học.....	34
8.1.9	Kết số	
8.2	Biệt thích 5 môn của nghĩa đoạn (kệ 12, 13).....	59
9.	Sự Công đức , có 20:.....	Quyển 4
9.1	Tám loại cộng pháp:	
9.1.1	Bốn vô lượng (kệ 14).....	11, 12
9.1.2	Tám giải thoát.....	11, 12
9.1.3	Tám thắng xứ.....	11, 12
9.1.4	Mười biến xứ.....	11, 12
9.1.5	Vô tránh.....	69
9.1.6	Điều nguyện trí.....	69
9.1.7	Bốn vô ngại giải.....	45
9.1.8	Sáu thần thông.....	37



9.2	Mười hai loại bất cộng pháp:.....	49, 50
9.2.1	Ba mươi hai tướng đại trượng phu (kệ 15)	
9.2.2	Tám mươi vẻ đẹp	
9.2.3	Bốn Nhất thiết tướng thanh tịnh	
9.2.4	Như lai mười lực	50
9.2.5	Bốn vô úy	5, 50
9.2.6	Ba bất hộ	
9.2.7	Ba niệm trú	
9.2.8	Vĩnh đoạn các tập khí	
9.2.9	Không quên mất diệu pháp (kệ 16)	
9.2.10	Như lai đại bi	
9.2.11	Mười tám pháp bất cộng của Phật	
9.2.12	Nhất thiết chủng diệu trí	
9.3	Trình bày rộng	
10.	Tổng phân biệt	
10.1	Xác định về số và thứ tự (kệ 17-19)	
10.2	Vô lượng pháp môn (kệ 1-20)	13
Pháp môn có 45 (tụng 1-4)		
Tụng 1: 12 pháp môn		
10.2.1	(1) Cú	
10.2.2	(2) Mê hoặc	
10.2.3	(3) Hý luận	
10.2.4	(4) Trú	
10.2.5	(5) Chân thật	
10.2.6	(6) Tịnh	



10.2.7	(7) Diệu	
10.2.8	(8) Tịch tĩnh	
10.2.9	(9) Tánh	
10.2.10	(10) Đạo lý	
10.2.11	(11) Giả thi thiết	
10.2.12	(12) Hiện quán	
Tụng 2: 14 pháp môn		
10.2.13	(13) Phương sở	
10.2.14	(14) Vị	
10.2.15	(15) Phân biệt	
10.2.16	(16) Tác	
10.2.17	(17) Chấp trì	
10.2.18	(18) Tăng	
10.2.19	(19) Giám	
10.2.20	(20) Âm	
10.2.21	(21) Ngữ	
10.2.22	(22) Sở giác	
10.2.23	(23) Thượng	
10.2.24	(24) Viễn ly	
10.2.25	(25) Chuyển	
10.2.26	(26) Tàng hộ	
Tụng 3: 9 pháp môn		
10.2.27	(27) Giản trạch	
10.2.28	(28) Hiện hành	
10.2.29	(29) Tùy miên	



10.2.30	(30) Trương thuộc	
10.2.31	(31) Chư tướng nhiếp	
10.2.32	(32) Trương ung	
10.2.33	(33) Thuyết	
10.2.34	(34) Nhiệm trì	
10.2.35	(35) Thứ đệ	
Tụng 4: 10 pháp môn		
10.2.36	(36) Sở tác	
10.2.37	(37) Cảnh	
10.2.38	(38) Du-già	
10.2.39	(39) Xa-ma-tha	
10.2.40	(40) Quán	
10.2.41	(41) Chư tác ý	
10.2.42	(42) Giáo thọ	
10.2.43	(43) Đức	
10.2.44	(44) Bô-đề	
10.2.45	(45) Thánh giáo	
10.3	Tu hành pháp môn (kệ 21)	64

B. Chánh minh Du-già: 1. Văn trì

Biết nghĩa qua 4 tướng:

Phẩm Hai – Nhiếp tịnh nghĩa..... Quyển 5

1. Sắc thái tối thắng (kệ 1, 2)	
1.1	Thù thắng bất cộng..... 28
1.2	Thanh tịnh bất cộng..... 64, 77
2. Sắc thái tự thể	



2.1	Tổng nêu hai đế (kệ 3)	
2.2	Lược thích (kệ 4).....	92
2.3 Quảng thành:		
2.3.1	Bảy môn thiện xảo để thành tục (kệ 5).....	53~56
2.3.2	Năm thứ sai biệt để thuyết chân (kệ 6).....	Quyển 6 36, 72, 73
2.3.3	Biệt thành ba tánh (kệ 7).....	74
3. Sắc thái thanh tịnh		
3.1	Tổng minh bốn pháp: (kệ 8).....	78
3.1.1	Nghe 12 phần giáo.....	25
3.1.2	Ba tối thắng quy y	
3.1.3	Ba học.....	28
3.1.4	Ba Bô-đề	
3.2 Phân biệt quảng thành: (kệ 9)		
3.2.1	Phân biệt 6 môn của sự nghe.....	13, 45
3.2.2 Phân biệt 3 môn của sự quy y:		
3.2.2.1	Thành tựu.....	74
3.2.2.2	Kiến lập.....	64
3.2.2.3	Sai biệt.....	64
3.2.3	Phân biệt 12 môn của sự học:.....	Quyển 7 22, 28, 33
3.2.3.1	Phân biệt sai biệt.....	27, 28
3.2.3.2	Phân biệt sinh khởi.....	28
3.2.3.3	Phân biệt chuyển dị.....	28
3.2.3.4	Phân biệt năng trị, sở trị	



3.2.3.5	Phân biệt năng dẫn tăng thượng sinh quyết định thắng	28
3.2.3.6	Pháp thuận pháp phần.....	28
3.2.3.7	Phân biệt bồ-đặc-già-la	
3.2.3.8	Phân biệt hạ, trung, thượng	
3.2.3.9	Phân biệt Du-già.....	28
3.2.3.10	Phân biệt tác ý	33
3.2.3.11	Phân biệt dẫn phát	
3.2.3.12	Phân biệt hỏi đáp.....	22
3.2.4	Phân biệt 5 môn của Bồ-đề	
3.2.4.1	Chủng tánh	
3.2.4.2	Phương tiện.....	42
3.2.4.3	Thời	
3.2.4.4	Chứng giác	
3.2.4.5	Giải thoát	
4.	Sắc thái biện giáo.....	Quyển 8
4.1	Tổng nêu 7 loại (kệ 10)	
4.2	Tùy loại biệt thích:	
4.2.1	Thánh hành có 4	49
4.2.2	Vô thượng thừa có 5	13
4.2.3	Đại Bồ-đề có 5.....	74
4.2.4	Công đức có 27:.....	46
(a)	Tụng 1: 7 công đức	
4.2.4.1	(1) Đặc thù	
4.2.4.2	(2) Phi đặc thù	
4.2.4.3	(3) Bình đẳng tâm	



4.2.4.4	(4) Lợi ích	
4.2.4.5	(5) Báo ân	
4.2.4.6	(6) Hân tán	
4.2.4.7	(7) Phương tiện hành	
(b)	Tụng 2: 7 công đức	
4.2.4.8	(8) Phương tiện không điên đảo	
4.2.4.9	(9) Thối đọa	
4.2.4.10	(10) Thắng tiến	
4.2.4.11	(11) Công đức tương tự	
4.2.4.12	(12) Công đức chân thật	
4.2.4.13	(13) Khéo điều phục hữu tình	
(c)	Tụng 3: 5 công đức	
4.2.4.14	(14) Các Bồ-tát thọ ký	
4.2.4.15	(15) Rơi vào số quyết định	
4.2.4.16	(16) Định tác	
4.2.4.17	(17) Thường phải tác	
4.2.4.18	(18) Pháp tối thắng	
(d)	Tụng 4 và 5: 9 công đức	
4.2.4.19	(19) Các thi thiết kiến lập	
4.2.4.20	(20) Tầm tư tất cả pháp	
4.2.4.21	(21) Như thật biến tri	
4.2.4.22	(22) Các vô lượng	
4.2.4.23	(23) Tuyên thuyết quả lợi ích	
4.2.4.24	(24) Tánh Đại thừa	
4.2.4.25	(25) Nhiếp tánh	



4.2.4.26	(26) Bồ-tát có 10 bậc	40
4.2.4.27	(27) Thiết lập các danh hiệu	
4.2.5	(e) Tụng 6~8: 16 thứ dị luận	Quyển 9 6, 7
4.2.5.1	Nhân trung hữu quả luận	
4.2.5.2	Tùng duyên hiển liễu luận	
4.2.5.3	Khứ lai thật hữu luận	
4.2.5.4	Kế ngã luận	
4.2.5.5	Kế thường luận	*54
4.2.5.6	Túc tác nhân luận	Quyển 10
4.2.5.7	Tự tại đẳng tác giả luận	
4.2.5.8	Hại vi chánh pháp luận	
4.2.5.9	Biên vô biên luận	
4.2.5.10	Bất tử kiêu loạn luận	
4.2.5.11	Vô nhân kiến luận	
4.2.5.12	Đoạn kiến luận	
4.2.5.13	Không kiến luận	
4.2.5.14	Vọng kế tội thắng luận	
4.2.5.15	Vọng kế thanh tịnh luận	
4.2.5.16	Vọng kế cát tường luận	
4.2.5.17	Tổng kết	
4.2.6	(f) Tụng 9: 7 thứ luận pháp	Quyển 11 15
4.2.6.1	Luận thể tánh	
4.2.6.2	Luận xứ sở	



4.2.6.3	Luận sở y	
4.2.6.4	Luận trang nghiêm	
4.2.6.5	Luận đọa phụ	
4.2.6.6	Luận xuất ly	
4.2.6.7	Luận đa sở tác pháp	
4.2.7	(g) Tụng 10 và 11: 7 thứ luận pháp	Quyển 12 81, 82
4.2.7.1	Thê	
4.2.7.2	Thích	
4.2.7.3	Sư	
4.2.7.4	Thuyết chúng	
4.2.7.5	Thính.....	Quyển 13
4.2.7.6	Tán Phật quảng lược	
4.2.7.7	Học thắng lợi	86
4.2.7.8	Biệt minh 6 tướng	
5.	Năm tổng kết	
B. Chánh minh Du-già: 2. Tu hành		
Thành sở duyên:		
Phẩm Ba – Thành thiện xảo		Quyển 14
1.	Nêu 7 thiện xảo (kệ 1)	57
2.	Kiến lập trừ khử ngu si (kệ 2-10)	
3.	Phân biệt thích nghĩa	27, 53
3.1	Uẩn (kệ 11, 12)	
3.2	Giới (kệ 13, 14)	
3.3	Xứ (kệ 15, 16)	



- 3.4 Duyên khởi (kệ 17, 18)
- 3.5 Xứ phi xứ (kệ 19, 20)
- 3.6 Căn (kệ 21, 22)
- 3.7 Đế (kệ 23, 24) 55
- 4. Tổng 23 thứ sai biệt (kệ 25)

B. Chánh minh Du-già: 2. Tu hành

Thành gia hành:

Tổng nêu 4 biến trí về khổ đế:

(Một) Vô thường 34, 46, 52, 67, 81, 86

Phẩm Bốn – Thành vô thường Quyển 14

- 1. Kiến lập vô thường (kệ 1)
 - 1.1 Thê tánh sai biệt (kệ 2 – 4)
 - 1.2 Ba tướng được nhiếp (kệ 5)
- 2. Quyết trạch nghĩa khác
 - 2.1 Nghĩa vô thường đều là khổ (kệ 6)
 - 2.2 Nghĩa sát-na vô thường, 3 nhân thành lập (kệ 7)
 - 2.2.1 Hành tùy tâm khởi (kệ 8)
 - 2.2.2 Diệt không đọi nhân (kệ 9 – 11)
 - 2.2.3 Trước sau biến đổi (kệ 12)
- 3. Đối trị chướng chấp thường
 - 3.1 Ngã thường trú bất thành (kệ 13) *6
 - 3.2 Đại Tự tại thường trú bất thành (kệ 14) *7
 - 3.3 Tự tánh thường trú bất thành (kệ 15, 16)
 - 3.4 Cực vi thường trú bất thành (kệ 17) *6
 - 3.5 Hiểu biết là thường bất thành (kệ 18)



4. Giải thích thành biến tri

- 4.1 Ngu si
 - 4.1.1 Thường không có mà dị chấp (kệ 19)
 - 4.1.2 Vô thường mà không biết (kệ 20)
 - 4.1.3 Vô thường kể đạt là thường (kệ 21)
 - 4.1.4 Hữu vi tướng không phải sát-na (kệ 22ab)
- 4.2 Trí tuệ
 - 4.2.1 Thú nhập 2 nhân (kệ 22cd)
 - 4.2.2 Trí thể có 6 thứ (kệ 22 ef)
 - 4.2.3 Duyên khởi 4 đạo lý (kệ 23)

(Hai) Khổ

Phẩm Năm – Thành khổ Quyển 15

- 1. Kiến lập khổ
 - 1.1 Các khổ thông tướng (kệ 1)
 - 1.2 Ba khổ sai biệt (kệ 2~6) 15, 27, 66, 70
 - 1.3 55 khổ sai biệt (kệ 8, 7) 44
 - 1.4 Hai đế sai biệt (kệ 9, 10)
 - 1.5 Tám khổ sai biệt (kệ 11, 12) 61
 - 1.6 Ba đời sai biệt (kệ 13)
- 2. Giải thích thành biến tri
 - 2.1 Ngu si
 - 2.1.1 Nơi khổ cảnh thật có, các ngu si chuyển (kệ 14)
 - 2.1.2 Do 4 thứ nhân, khởi niệm quên mất (kệ 15)
 - 2.1.3 Do 4 thứ nhân, vô công dụng chuyển (kệ 16)
 - 2.1.4 Do 4 thứ nhân, khởi 4 điên đảo (kệ 17)



2.1.5	Do không hiểu rõ 5 thứ nguyên nhân (kệ 18)	
2.2	Trí tuệ (kệ 19, 20)	
(Ba)	Không	90
	Phẩm Sáu – Thành không	Quyển 15
1.	Kiến lập không	
1.1	Tự tướng (kệ 1)	
1.2	Thâm tướng (kệ 2ab)	
1.3	Biệt tướng (kệ 2cd).....	77
2.	<i>Đối trị chướng chấp ngã</i>	
2.1	Y triền chấp ngã, bất thành	
2.1.1	Tức ly và phi (kệ 3)	65
2.1.2	Trú ở giữa (kệ 4)	
2.2	Thấy, nghe, hay, biết chấp ngã, bất thành	
2.2.1	Làm thể (kệ 5, 6)	
2.2.2	Làm nghiệp dụng (kệ 7)	
2.2.3	Làm công cụ (kệ 8, 9)	
2.3	Những vấn nạn chấp ngã, bất thành	
2.3.1	Vô ngã có nhiễm tịnh (kệ 10)	
2.3.2	Vô ngã có thọ tác thoát (kệ 11)	
2.3.3	Vô ngã có chuyển hoàn (kệ 12, 13)	
2.3.4	Vô ngã có danh tướng (kệ 14, 15).....	6
2.3.5	Vô ngã khởi hữu tình giác (kệ 16, 17)	
3	Giải thích thành biến tri	
3.1	Sở trị ngã kiến (kệ 18)	
3.2	Năng trị 16 không (kệ 19)	75



3.3	Sở đoạn 6 ngu (kệ 20)	
3.4	Năng chứng trí tu:	
3.4.1	Trí có 8 loại (kệ 21)	
3.4.2	Tu có 16 sự (kệ 22)	Quyển 16
		67
(Bốn)	Vô tánh	
	Phẩm Bảy – Thành vô tánh	Quyển 16
1.	Kiến lập vô tánh	73, 74
1.1	Tổng thuyết tánh và vô tánh	*64
1.2	Biệt thành tánh biến kế sở chấp	
1.2.1	Danh và nghĩa hỗ tương làm khách vô thể (kệ 3~6)	
1.2.2	Biến kế không đồng nên tánh sai biệt (kệ 7)	
1.2.3	Tám phân biệt làm nhân sinh 3 sự (kệ 8, 9)	36
1.3	Biệt thành tánh y tha khởi	
1.3.1	Do nhiễm khả đắc nên có (kệ 10)	
1.3.2	Tướng và thô trọng duyên nhau làm tướng (kệ 11)	
1.3.3	Có và không bất định nên nói tục hữu (kệ 12, 13)	
1.4	Biệt thành tánh viên thành thật	
1.4.1	Thắng nghĩa để làm tự tánh (kệ 14, 15)	
1.4.2	Do thắng nghĩa mà vô tánh (kệ 21)	
2.	Giải thích thành biến tri	
2.1	Vì pháp chấp mà khởi chúng sinh chấp (kệ 18)	
2.2	Ly chấp, huân tịnh tức là chuyển y (kệ 19, 20)	
2.3	Do 4 đạo lý nên chuyển y bất khả tư nghị (kệ 21)	27
2.4	Chuyển y sai biệt, trí Phật tối thắng (kệ 22, 23, 24)	



B. Chánh minh Du-già: 2. Tu hành

Thành thú nhập:

(Một) Quả hiện quán

Phẩm Tám – Thành hiện quánQuyển 16
34, 55, 71, 95

1. Bảy môn quyết trạch

- 1.1 Sự tam giới làm sở quán (kệ 1)
- 1.2 Trí xuất thế làm năng quán (kệ 2)
- 1.3 Dục giới nhân thiên khởi quán (kệ 3)
- 1.4 Ba thừa năng nhập nên duy tâm vô ngã (kệ 4~6)
- 1.5 Bồ-đề phạm làm thứ đệ nhập (kệ 7~8)
- 1.6 Kiến đạo đoạn hoặc làm chánh nhập vị (kệ 9, 10)
- 1.7 Giải trạch cứu cánh quyết định làm nhập tướng(kệ 11~13)

2. Quảng thành tu thứ

- 2.1 Ba loại thứ đệ nhiếp quy 3 tịnh (14~16)
- 2.2 Niệm trú gia hành tiệm thứ nhập quán (kệ 17~19)
- 2.3 Chánh nhập đoạn hoặc, ý lạc bình đẳng (kệ 20~23) **Quyển 17**
- 2.4 Tu đạo hậu đắc tịnh trí cứu cánh (kệ 24)
- 2.5 Nhân tu thắng lợi hiện quán sai biệt (kệ 25)

(Hai) Quả Du-già 28

Phẩm Chín – Thành Du-giàQuyển 17

- 1. Học bát-nhã làm thể (kệ 1)
- 2. Thích nghĩa Nhất thiết chủng (kệ 2)
- 3. Thích nghĩa vô phân biệt (kệ 3, 4)



B. Chánh minh Du-già: 3. Tư trạch

Bất tư nghị:

Phẩm Mười – Thành Bất tư nghịQuyển 17
25, 64

- 1. Tổng thuyết 9 bất tư nghị, lý do được mất (kệ 1, 2)
- 2. Biệt thích:
 - 2.1 Không tư duy ngã (kệ 3)
 - 2.2 Không tư duy 2 giới tình khí (kệ 4)
 - 2.3 Không tư duy nghiệp báo (kệ 5)
 - 2.4 Không tư duy định cảnh, Phật cảnh (kệ 6)
 - 2.5 Không tư duy vô ký sự (kệ 7)
 - 2.6 Tư duy, không tư duy công đức và tội lỗi (kệ 8, 9)
 - 2.7 Trùng thuyết nhân thành (kệ 10)

B. Chánh minh Du-già: 3. Tư trạch

Tối thắng quyết trạch:

Phẩm Mười Một – Nhiếp thắng quyết trạchQuyển 17

I. Tổng minh 10 tướng (kệ 1)

II. Biệt tường 9 sự:

1. Quyết trạch sự nhất thiết:

- 1.1 Tâm, có 10 nghĩa:
 - 1.1.1 Tâm tánh 2 loại (kệ 2)..... 63
 - 1.1.2 8 tướng chứng có a-lại-da (tụng 1)..... 51
 - 1.1.3 5 tướng kiến lập a-lại-da (tụng 2)
 - 1.1.4 Y duyên kiến lập sai biệt (kệ 3).....**Quyển 18**



1.1.5	7 tướng khó hiểu	
1.1.6	3 nhân làm tâm trời buộc (kệ 4)	
1.1.7	6 thứ tán loạn (kệ 5)	
1.1.8	15 thứ an trú	
1.1.9	6 thứ duyên cảnh	69
1.1.10	Nhiều thứ sở trị	
1.2	Tâm sở, có 2 nghĩa:	
1.2.1	Duyên đồng, nghiệp biệt (kệ 6)	
1.2.2	5 biến hành thắng nghiệp (kệ 7)	55
1.3	Sắc pháp, có 8 nghĩa:.....	3, 54
1.3.1	Hương, vị bất biến (kệ 8)	
1.3.2	4 đại sở tạo biến khắp	
1.3.3	Thể giả của cực vi.....	3
1.3.4	7 sự không phải thật	
1.3.5	Vi tế tùy hòa hợp (kệ 9)	
1.3.6	Thiện ác theo tâm	
1.3.7	Nhiếp quy 3 tướng tương	
1.3.8	12 pháp xứ sắc	
1.4	Bất tương ưng hành, có 2 nghĩa: (kệ 10)	
1.4.1	6 thứ giả có	16
1.4.2	2 lỗi thành giả	
1.5	Tâm, tâm sở, v.v... do tánh nhân, có 6 nghĩa: (kệ 11)	
1.5.1	5 thứ: đồng loại, v.v... không phải nhân	5, 38
1.5.2	2 thứ nhân như lý	
1.5.3	5 thứ nhân tướng: sinh, v.v...	



1.5.4	15 thứ y xứ	
1.5.5	Nhân duyên quả sai biệt	
1.5.6	Kiến lập nhân, v.v...	
1.6	Vô vi một khi thành lập (kệ 12)	
2.	Quyết trạch sự giới: có 6 nghĩa	
2.1	12 tướng sai biệt (kệ 13)	
2.2	Năng sở trị sai biệt	
2.3	Chủ làm pháp vương (kệ 14)	
2.4	Nước biển đều mặn	
2.5	<i>Ác thú trường thọ</i>	
2.6	<i>Đa dạng giới đồng nói là một</i>	
3.	Quyết trạch sự tạp nhiễm:.....	Quyển 19
3.1	Phiền não , có 6 nghĩa:	
3.1.1	Ý hoặc chư môn phân biệt (kệ 15)	63
3.1.2	<i>Đồng địa tục sinh (kệ 16)</i>	
3.1.3	5 thứ: hiện hành, v.v..., mỗi có 20:	59
3.1.3.1	Hiện hành	
3.1.3.2	Duyên	
3.1.3.3	Tùy miên	
3.1.3.4	Cảnh	
3.1.3.5	Thô trọng	
3.1.4	5 sắc thái liễu tri	
3.1.5	4 nhân duyên nói tùy miên (kệ 17).....	8
3.1.6	3 nhân nói bất thiện	
3.2	Nghiệp , có 6 nghĩa:	8, 9



- 3.2.1 2 nghiệp, 13 thứ sai biệt (kệ 18)
- 3.2.2 6 quả 3 vị
- 3.2.3 5 thứ quyết định
- 3.2.4 Tự nghiệp, v.v... y 4 thứ (kệ 19)
- 3.2.5 Báo thực trước sau
- 3.2.6 Nghiệp thiện ác sai biệt
- 3.3 **Sinh**, có 6 nghĩa:..... 1, 9, 52
 - 3.3.1 Mạng chung định, bất định (kệ 20)
 - 3.3.2 6 nhân chết yếu
 - 3.3.3 Hiểu rõ 3 tâm khi mạng chung
 - 3.3.4 Trung hữu khi có, khi không có (kệ 21)
 - 3.3.5 Nhiệm tâm liên tục sinh khởi
 - 3.3.6 Xứ sở thọ sinh
- 4. **Quyết trạch sự đê**: có 6 nghĩa
 - 4.1 2 đế xuất thế (kệ 22)
 - 4.2 4 đế sai biệt (kệ 23) 27
 - 4.3 16 hành tướng (kệ 24)
 - 4.4 Nhân quả: biên tri, v.v...
 - 4.5 Huân thích 2 đế (kệ 25) 27
 - 4.6 4 đế, 3 tánh
- 5. **Quyết trạch sự y chỉ**:
 - 5.1 Kiến lập do 3 sở y (kệ 26)
 - 5.2 Tứ cú của 2 thứ thiện xảo 13
 - 5.3 Tĩnh lực chỉ có 4 (kệ 27) 62, 63
 - 5.4 Trị chướng của tĩnh lực



- 5.5 Chi phần của tĩnh lực
- 5.6 Nỗ lực viễn ly khổ
- 5.7 Về sau phân thắng dị
- 5.8 3 môn sơ cận phần (kệ 28)
- 5.9 Duyên âm thanh trong định
- 5.10 Xả 8 đẳng chí
- 5.11 4 thứ y nhân (kệ 29)
- 5.12 Nhiệm tịnh 3 định sai biệt (kệ 30)
- 5.13 Thoái lui liên tục
- 5.14 2 căn bất thoái (kệ 31)
- 5.15 Phát khởi dựa vào hạ địa
- 6. **Quyết trạch sự giác phần**: có 11 nghĩa
 - 6.1 Kiến lập phương tiện của 3 thừa (kệ 32) 45
 - 6.2 Niệm trú mỗi có 3 sai biệt (kệ 33) 28, 70
 - 6.3 Pháp quán niệm theo ảnh tượng
 - 6.4 9 chướng được đối trị (kệ 34)
 - 6.5 2 thứ tác ý
 - 6.6 3 thứ tu biệt
 - 6.7 2 thứ bất hoại
 - 6.8 *Đoạn trầm trạo ở tu đạo (kệ 35)*
 - 6.9 Quán sát xả hoặc, tận ái
 - 6.10 3 loại đối trị (kệ 36)
 - 6.11 3 tâm thú hướng tu tập
- 7. **Quyết trạch sự bổ-đặc-già-la**: có 3 nghĩa **Quyển 20**
 - 7.1 Căn sai biệt, kiến lập 5 duy 2 (kệ 37)



7.2	Giả thiết 5 nhân	
7.3	Thành mãn 3 sự	
8.	Quyết trạch sự quả: có 4 nghĩa	
8.1	<i>Đoạn hoặc, chuyển y (kệ 38)</i>	
8.2	2 nhân bất thoái	
8.3	3 nhân đoạn thành	
8.4	3 nhân ký quả	
9.	Quyết trạch sự công đức:	
9.1	Ba nghĩa chung thông:	
9.1.1	Kiến lập 17 tầng thượng (kệ 39)	
9.1.2	Vô biên đối trị sai biệt	
9.1.3	Tư duy 9 môn (kệ 40)	
9.1.3.1	Nghĩa	
9.1.3.2	Lạc	
9.1.3.3	Khổ	
9.1.3.4	Tác ý	
9.1.3.5	Trú	
9.1.3.6	Gian nan.....	48
9.1.3.7	Tướng	47
9.1.3.8	<i>Đặc thù</i>	
9.1.3.9	Phi đặc thù	
9.2	Tám nghĩa không chung thông:	
9.2.1	5 nhân chủng tánh sai biệt (kệ 41).....	67
9.2.2	10 nhân Đại thừa là Phật thuyết	
9.2.3	6 nhân nhiều Phật cùng xuất hiện.....	38



9.2.4	6 nhân Phật thuyết nhất thừa	
9.2.5	Chư Phật bình đẳng (kệ 42)	
9.2.6	Phật sự nhậm vận (kệ 43)	
9.2.7	3 tạng được thuyết (kệ 44).....	78
9.2.7.1	Kinh.....	85
9.2.7.2	Luật	
9.2.7.3	Bản mẫu.....	81, 100
9.2.8	Lược thuyết kinh nghĩa (kệ 45)	
C.	Kết quy 5 địa (kệ 46)	





DẪN NHẬP

Luận Hiển dương Thánh giáo 顯揚聖教論, tiếng Phạn là Ārya-sāsana-prakarāṇa-śāstra hay *Prakaranaryavaca-sastra* (Acclamation of the Scriptural Teaching/ Treatise of Acclamation of the Sagely Teaching), là một bộ luận trọng yếu của Phật giáo Đại thừa Duy thức tông, do đại sĩ Vô Trước (無著, 310-390) trước tác. Về hệ thống truyền thừa của Duy thức tông, nó bắt nguồn từ sau khi đức Phật nhập diệt 900 năm, ở Ấn Độ có Bồ-tát Di Lặc ra đời nói luận Du-già sư địa; ngài Vô Trước vâng theo ý chỉ của luận này mà soạn ra các bộ: luận Đại thừa trang nghiêm kinh, luận Nhiếp đại thừa và luận Hiển dương Thánh giáo. Vào đời Đường, ngài Huyền Trang (玄奘, 602-664) phiên dịch luận này ra chữ Hán.¹

Luận này còn được gọi là Tổng bao chúng nghĩa luận 總苞眾義論, Quảng bao chúng nghĩa luận 廣苞眾義論 (vì bao quát các nghĩa của 10 chi luận), và gọi tắt là Hiển dương luận. Luận này có 20 quyển, nằm trong Đại chánh tân tu đại tạng kinh, tập 31, No. 1602. Luận này làm cho yếu nghĩa của bộ luận Du-già sư địa được sáng tỏ rạch ròi nhất, nên gọi là Hiển dương Thánh giáo, hoặc Tiểu Du-già luận. Luận này là

¹Đại Đường Tây Vực Ký, No. 2087, quyển 5, A-du-đà quốc, có ghi: “Phía Tây Nam kinh thành, khoảng 5 đến 6 dặm, có một già-lam cổ kính, nằm giữa khu rừng cây am-một-la, là trú xứ Bồ-tát A-tăng-già (Vô Trước, Asaṅga) vừa thỉnh cầu thọ giáo vừa dẫn dắt phàm phu. Bồ-tát Vô Trước mỗi đêm lên thiên cung thọ học với Bồ-tát Từ Thị các bộ luận như Du-già sư địa luận, Trang nghiêm Đại thừa kinh luận, Trung biên phân biệt luận, v.v..., rồi ban ngày vì đại chúng mà tuyên giảng những diệu lý.” (tr. 896b20)



một trong 10 chi luận Du-già²; là một trong 11 bộ luận của tông Duy thức³ và là chỗ y cứ của luận Thành duy thức⁴. Thánh giáo là giáo pháp của Phật. Trong nghĩa hẹp, Thánh giáo là “sáu kinh, mười một luận”⁵, là “một kinh, một luận.”⁶

Tìm trong Hiển dương luận có thể thấy một số định nghĩa về Thánh giáo, như sau: (1) Mười hai phần Thánh giáo: khế kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tụng thuyết, duyên khởi, thí dụ, bản sự, bản sinh, phương quảng, vị tăng hữu pháp và luận nghị. (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, 508c15); (2) “*Các việc ác chớ làm, Các việc lành vâng làm, Khéo điều phục tâm mình, Đó lời chư Phật dạy.*” (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, 536a05); (3) Đức Bạc-già-phạm dựa vào ba xứ: sự, thời và bổ-đặc-già-la để lưu bố Thánh giáo, cho nên gọi là y xứ. (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, 538a25); (4) Thứ đệ, lược có ba thứ: 1. Thứ đệ viên mãn;

2Mười chi luận Du-già: 1. Luận Đại thừa bách pháp minh môn; 2. Luận Đại thừa ngũ uẩn; 3. Luận Hiển dương Thánh giáo; 4. Luận Nhiếp Đại thừa; 5. Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp tập; 6. Luận Biên trung biên; 7. Luận Duy thức nhị thập; 8. Luận Duy thức tam thập; 9. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh; 10. Luận Phân biệt Du-già.

3Mười một luận của tông Duy thức: 1. Luận Du-già sư địa; 2. Luận Hiển dương Thánh giáo; 3. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh; 4. Luận Tập lượng; 5. Luận Nhiếp Đại thừa; 6. Luận Thập địa kinh; 7. Luận Quán sở duyên duyên; 8. Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp; 9. Luận Duy thức nhị thập; 10. Luận Biên trung biên; 11. Luận Phân biệt Du-già.

4Luận Thành duy thức 成唯識論 là bộ luận căn bản quan trọng của Pháp tướng tông của Trung Hoa, là để giới thiệu một vài lý thuyết đặc biệt của Thế Thân (世親, Vasubandhu, 320-400 CN) và Hộ Pháp (護法, Dharmapaala, 530-561 CN) cho những học giả Phật giáo là tông phái Duy thức mới hình thành vào triều đại nhà Đường.

5Sáu kinh là:

1. Kinh Hoa nghiêm (có 2 bản dịch, 1 của ngài Phật-đà Bạt-đà-la và 1 của ngài Thực-xoa Nan-đà).
2. Kinh Giải thâm mật (có 2 bản dịch, 1 của ngài Bồ-đề Lưu-chi và 1 của ngài Huyền trang).
3. Kinh Như lai xuất hiện công đức trang nghiêm (không có bản Hán văn).
4. Kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma (được nhắc đến trong Nhiếp đại thừa luận, Du-già sư địa luận nhưng không có bản Hán văn, có lẽ đã thất truyền).
5. Kinh Lăng già (có 3 bản dịch, 1 của ngài Cầu-na Bạt-đà-la, 1 của ngài Bồ-đề Lưu-chi và 1 của ngài Thực-xoa Nan-đà).
6. Kinh Hậu nghiêm (chưa truyền dịch, có thuyết cho rằng đây là kinh Đại thừa mật nghiêm do ngài Nhật Chiêu dịch).

6Một kinh là kinh Giải thâm mật. Một luận là luận Du-già sư địa.



2. Thứ đệ giải thích; 3. Thứ đệ năng thành. Vì muốn hiển thị ba thứ đệ này, lược dẫn Thánh giáo. (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, 539b19) ; (5) Đạo lý và Thánh giáo: Thánh giáo là ba thứ Thánh ngôn, như trong kinh có nói: “*Tâm dẫn thế gian đi, tâm lực để phòng hộ, tùy tâm sinh khởi rồi, tự tại đều tùy chuyển.*” Lại nói: “*Cho nên bí-sô! Hãy khéo chuyên tinh, như chánh đạo lý, quán sát nơi tâm.*” Lại nói: “*Bí-sô nên biết! Nói thành chủ tức là tất cả hữu thủ thức uẩn.*” (phẩm Thành vô thường, 548c27-549a03)

Tất cả có hơn 252 bài tụng, cuối quyển có phụ thêm Hiển dương Thánh giáo luận tụng 顯揚聖教論頌, 1 quyển, No. 1603, cũng gọi là Hiển dương luận tụng.

Những sách chú thích của luận này gồm có: *Nhập Du-già luận* (sa. yogāvātāra), một luận giải về phẩm Thành Du-già của ngài Trần Na 陳那, hiện còn bản Tạng ngữ. *Hiển dương sơ* 顯揚疏, 1 quyển, của ngài Khuy Cơ 窺基 đời Đường; *Hiển dương luận sơ* 顯揚論疏, 8 quyển, của ngài Cảnh Hưng 璟興 người Tân la 新羅, v.v... nhưng đều đã thất truyền. Phật giáo thời hiện đại thì có: Âu Dương Cảnh Vô 歐陽竟無 (1871 – 1943), *Hiển dương luận*, Nội học viện China, 1936; Lữ Trung 呂澂 (1896 – 1989), *Hiển dương Thánh giáo luận đại ý* 顯揚聖教論大意, Nội học viện China, 1924; Đàm Huyền 談玄, *Hiển dương Thánh giáo luận dữ Du-già sư địa luận tỷ giáo* 顯揚聖教論與瑜伽師地論比較; Hayashima Osamu (Tảo Đảo Lý 早島理), đại học Ryukoku, Kyoto, *Hiển dương Thánh giáo luận nghiên cứu tự* 顯揚聖教論研究序, cùng những biên khảo xuất sắc khác về luận này bằng Nhật ngữ của ông.

Ngày nay, tại Bảo tàng lịch sử Seoul (the Seoul Museum of History) ở Nam Hàn, có trưng bày một bản in Hiển dương Thánh



giáo luận được cho là bản kinh xưa nhất của Sơ điều bản⁷ Cao ly tạng (Tripitaka Koreana). Có khoảng 300 bản in của Sơ điều bản vẫn tồn tại ở Hàn quốc, nhưng số lượng Sơ điều bản ở Nhật bản là 2.400 bản in, trong đó phần lớn được lưu trữ tại chùa Nam Thiên (Nanzen), Kyoto, còn lại khoảng 600 bản in được lưu trữ ở Bảo tàng lịch sử dân gian Tsushima (the Tsushima Folk History Museum) cùng những nơi khác.⁸

Hiển dương luận và Hiển dương Thánh giáo luận tụng do ngài Huyền Trang dịch thành 2 bản riêng biệt, cho nên giới học giả thắc mắc không biết 2 tác phẩm này có cùng một tác giả hay là khác. Về vấn đề này, học giả Nhật bản là ông Vũ tinh Bá thọ 宇井伯壽 (Uihakujū, 1882-1963) cho rằng Hiển dương luận là tác phẩm của ngài Thế Thân 世親, còn Hiển dương Thánh giáo luận tụng mới là tác phẩm của ngài Vô Trước. Quan điểm của ông là: Luận Tam vô tánh 三無性論 (No. 1617, 2 quyển, do ngài Chân Đế 真諦 dịch) tương đương với phần văn luận giải của phẩm Thành vô tánh trong luận Hiển dương, còn luận Tam vô tánh và luận Chuyển thức 轉識論 (cũng do ngài Chân đế dịch) đều là một phần của luận Vô tướng 無相論. Và lại, luận Chuyển thức và Tam thập duy thức tụng 三十唯識頌 của ngài Thế Thân là cùng một bản mà dịch khác, cho nên biết luận Vô tướng là tác phẩm của ngài Thế Thân. Cũng cứ theo đó mà suy thì biết luận Hiển dương hẳn là văn chú thích của ngài Thế Thân.

Luận Hiển dương không tìm thấy trong Đại tạng kinh Tây Tạng

⁷ Sơ điều bản của Cao ly tạng (First edition of Tripitaka Koreana) được khắc in vào năm 1011, dùng Thục Bản (còn gọi là Bắc Tống tạng bản hay Khai bảo tạng, 971~983) làm gốc, thêm vào các soạn thuật ghi trong Trình Nguyên Mục lục, hoàn thành năm 1082. Tái điều bản (Second edition) được khắc in từ năm 1236 đến năm 1251 để cầu nguyện đẩy lùi quân Nguyên, và hiện được cất giữ tại Tàng kinh các của chùa Hải Ấn (Haein), ở Hapcheon, tỉnh South Gyeongsang.

⁸ Số lượng Sơ điều bản lưu trữ ở Nhật bản gấp 8 lần số lượng ở Hàn Quốc, và chất lượng của nó cũng tốt hơn.



(Tibetan Tripitaka; Kagyur & Tangyur); dù vậy Du-già sư địa luận (No. 4035~4042) là bộ luận căn bản và quan trọng của Phật giáo Tây tạng. Các học giả phương Tây dường như không chú ý đến luận Hiển dương, vì lẽ không có Phạn bản và Tây Tạng bản của luận này.

Về thời gian phiên dịch, Hiển dương Thánh giáo luận được ngài Huyền Trang dịch từ ngày 1 tháng 10 năm Trinh Quán thứ 19 (645) nhà Đường, ở Phiên kinh viện, chùa Hoằng Phúc, đến ngày 15 tháng Giêng năm Trinh Quán thứ 20 (646) thì xong, sa-môn Trí Chứng, v.v... ghi lại. Hiển dương Thánh giáo luận tụng được Huyền Trang dịch vào ngày 10 tháng 6 năm Trinh Quán thứ 19, sa-môn Biện Cơ ghi lại.⁹

Nội dung luận Hiển dương gồm có 11 phẩm, không ngoài 4 pháp là Giáo, Lý, Hành, Quả:

1. Phẩm Nhiếp sự (quyển 1 – 4)
2. Phẩm Nhiếp tịnh nghĩa (quyển 5 – 13)
3. Phẩm Thành thiện xảo (quyển 14)
4. Phẩm Thành vô thường (quyển 14)
5. Phẩm Thành khổ (quyển 15)
6. Phẩm Thành không (quyển 15 và 16)
7. Phẩm Thành vô tánh (quyển 16)
8. Phẩm Thành hiện quán (quyển 16 và 17)
9. Phẩm Thành Du-già (quyển 17)
10. Phẩm Thành bất tư nghị (quyển 17)

⁹Ngày 25 tháng Giêng năm Trinh Quán thứ 19, ngài Huyền Trang về đến Trường An. Tháng 5 năm đó, ngài Huyền Trang và các cao tăng từ khắp nơi trong cả nước bắt đầu dịch bộ "Đại bồ tát tạng kinh" gồm 20 cuốn; 9 tháng sau đó thì hoàn thành. Du-già sư địa luận được dịch từ ngày 15 tháng 5 năm Trinh Quán thứ 20 (646) đến ngày 15 tháng 5 năm Trinh Quán thứ 22 (648).



11. Phẩm Nhiếp thắng quyết trạch (quyển 17 và 18 – 20)

1. **Giáo pháp** (hình thức giáo lý) gồm trong phẩm Nhiếp sự. Phẩm Nhiếp sự nói đến 9 sự mà làm bản thể của giáo pháp. Những gì đức Phật Thích Ca giảng dạy không ngoài 9 sự này, đó là:

(1) Nhất thiết pháp: Nói về ngũ vị 106 pháp, đó là: 8 thức, 51 tâm sở, 15 loại sắc pháp (11 sắc pháp và 4 đại), 24 bất tương ưng hành pháp và 8 loại vô vi pháp (hư không, trạch diệt, phi trạch diệt, bất động, tướng thọ diệt, thiện pháp chân như, bất thiện pháp chân như và vô ký chân như).

(2) Giới: Nói về tam giới sai biệt, tam thiên đại thiên thế giới v.v...

(3) Tập nhiễm: Tức phiền não tập nhiễm (có 128 thứ), nghiệp tập nhiễm (tư tâm sở [ý chí, ý muốn, ý nghiệp] và tư sở khởi [cái do tư tác động: thân nghiệp và ngữ nghiệp]) và sinh tập nhiễm (tức sự lưu chuyển sinh tử).

(4) Đế: Có 2: 1. Nhị đế (thế tục đế và thắng nghĩa đế), cuối phẩm Nhiếp tịnh nghĩa nói rõ; 2. Tứ đế (khổ, tập, diệt và đạo).

(5) Y chỉ: tứ thiên và tứ vô sắc định.

(6) Giác phần: Có 16: [1] 37 đạo phẩm; [2] Mười trí (thế tục trí, pháp trí, loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tha tâm trí, tận trí và vô sanh trí); [3] Ba giải thoát môn; [4] Bốn loại hành tích; [5] Chỉ quán; [6] Bốn cư xứ: tuệ cư xứ, đế cư xứ, xả cư xứ và tịch tĩnh cư xứ; [7] Bốn sở y (y pháp bất y nhân, v.v...); [8] Phát tâm bồ-đề; [9] Đại bi; [10] Mười thứ pháp hành; [11] Bảy thứ thông đạt; [12] Mười địa; [13] Mười độ; [14] Các Bồ tát hành; [15] Tác ý chân như; [16] Ý lạc rộng lớn.

(7) Hữu tình (Bồ-đặc-già-la): Có 7 loại hay 8 loại Hiền Thánh.

(8) Quả: Nói về chư đoạn, biến tri, thanh tịnh, v.v...

(9) Công đức: Là 4 vô lượng, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 10 biến



xứ, vô tránh, nguyện trí, 4 vô ngại giải, 6 thần thông, tướng hảo của Phật, 10 lực, 4 vô úy, 3 bất hộ, 3 niệm trú, đại bi, 18 pháp bất cộng.

Chín sự này có thể khái quát cảnh, hành và quả. Năm sự đầu thuộc về Du-già cảnh. Sự giác phần và sự Hữu tình thuộc về Du-già hành. Hai sự sau cùng thuộc về Du-già quả. Lại nữa, sự Nhất thiết pháp là chỗ dựa chung của thanh tịnh và tạp nhiễm; sự Giới và sự Tạp nhiễm thuộc về tạp nhiễm, trong đó, sự Giới là sở y của tạp nhiễm; còn phiền não, nghiệp và sinh là sai biệt của tạp nhiễm; sáu sự còn lại thuộc về thanh tịnh. Phương tiện để tư lượng 9 sự này là sự nhiếp tất cả ngữ ngôn của Phật và tương nhiếp tất cả ngữ ngôn của Phật. Sở y để tu hành 9 sự này là 10 thứ pháp hành và 6 thứ thú nhập.

Luận Du-già sư địa: “*Sự khế kinh gồm có 4 A-cấp-ma (A-hàm, Agama): 1. Tạp A-cấp-ma; 2. Trung A-cấp-ma; 3. Trường A-cấp-ma; 4. Tăng nhất A-cấp-ma. Về Tạp A-cấp-ma, trong đây đức Thế Tôn quán sát căn cơ của người được giáo hóa, rồi tuyên thuyết giáo pháp tương ứng được trình bày bởi Như Lai và các đệ tử, đó là giáo pháp tương ứng uẩn, xứ, giới; tương ứng duyên khởi, thực, đế; tương ứng niệm trú, chánh đoạn, thân tức, căn, lực, giác chi, đạo chi, nhập xuất tức niệm, học, chứng tịnh, v.v... Lại y theo tám chúng, nói các giáo pháp tương ứng với các chúng. Về sau người kết tập vì muốn Thánh giáo tồn tại lâu dài, nên một phần kết tập thành các bài kệ tụng, rồi tùy chỗ thích ứng mà thứ lớp an bố.*”¹⁰

Nhiếp sự phần của luận Du-già sư địa, quyển 58, gồm 9 sự này quy vào 3 loại lớn: 1. Năng thuyết: chỉ Phật và đệ tử Phật; 2. Sở thuyết: chỉ uẩn, giới, xứ, duyên khởi, thực, đế, niệm trú, chứng tịnh, v.v...; 3.

¹⁰ Du-già sư địa luận, quyển 85, tr. 772c09.



Sở vị thuyết: chỉ tám chúng đệ tử Phật. Chín sự hay ba loại lớn, đó là nội dung của kinh Tạp A-hàm, và cũng có thể gọi đó là “Tu-đa-la” – “Sự khế kinh”.

Đối chiếu với luận Du-già sư địa, ngài Ân Thuận phân loại nội dung Tạp A-hàm thành 7 phần: 1. Ngũ uẩn; 2. Lục nhập xứ; 3. Tạp nhân: Nhân duyên, Đế, Giới, Thọ; 4. Đạo phẩm: Niệm xứ, Chánh đoạn, Như ý tục, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo, An-na-ban-na niệm, Học, Bất hoại tịnh; 5. Bát chúng; 6. Đệ tử sở thuyết; 7. Như Lai sở thuyết.

Tư tưởng của Tạp A-hàm có thể nói là căn bản của giáo pháp Phật thuyết, trong đó học thuyết Duyên khởi làm chủ đạo, gồm có 4 phần: (1) Ba pháp ấn (hoặc 4 pháp ấn); (2) Mười hai nhân duyên; (3) Bốn đế; (4) Tám Thánh đạo. Tư tưởng ấy thể hiện rõ nét trong luận Hiển dương. Bằng biện tài vô ngại, đại sĩ Vô Trước đã vận dụng kinh A-hàm để hiển dương Thánh giáo của Phật một cách sâu xa và trọn vẹn. Bằng bạc trong luận Hiển dương là những câu kinh được trích dẫn trong kinh A-hàm, đặc biệt là sự giải thích kinh Trú học thắng lợi của Tạp A-hàm ở quyển 12 và 13. Qua những trích dẫn kinh văn, cho thấy vào thời đại Vô Trước hẳn phải có một bản Tạp A-hàm rất giống với truyền bản Tạp A-hàm mà ngài Cầu-na Bạt-đa-la¹¹ đã phiên dịch ra chữ Hán.

2. Lý pháp (ý nghĩa, nội dung, bản thể của hình thức giáo lý) gồm 3 phẩm: Nhiếp tịnh nghĩa, Thành bất tư nghị và Nhiếp thắng quyết trạch.

¹¹ Cầu-na Bạt-đa-la 求跋陀羅 (Guṇabhadra, 394–468) Hán dịch là Công Đức Hiền 功德賢. Là tăng sĩ dịch kinh vào thời Lưu Tống 劉宋. Sư sinh ở vùng Trung Ấn, sau đó qua Tích Lan, rồi qua Quảng Châu bằng đường biển. Sư tiến hành dịch nhiều kinh luận Đại thừa, Tiểu thừa, nhất khi sư ở chùa Kỳ Hoàn tại Kiến Khang và Tân tự ở Hình Châu. Trong số hơn 30 bản dịch Hán ngữ của Sư, tác phẩm quan trọng nhất là kinh Tạp A-hàm, kinh Thắng Man, và kinh Nhập Lăng-già – bản dịch thứ hai sau bản của Đàm-vô-sám. Các trước tác của Sư gây ảnh hưởng nhiều đến tư tưởng Phật giáo Đông Á. Sư được vương triều ở Hồ Nam kính trọng. Nhiều nhà nghiên cứu Phật giáo cho rằng, Sư chính là người đề xướng phương pháp tu theo thuyết “trực chỉ chân tâm, kiến tính thành Phật” – và nếu như vậy, Sư cũng là người sáng lập Thiên tông. Sư mất tại Trung Quốc năm 468, thọ 75 tuổi.



Cuối phẩm Nhiếp tịnh nghĩa có đoạn văn tóm tắt sự biết nghĩa qua bốn sắc thái: “*Nay ở phẩm đây hiển thị luận này có bốn sắc thái: 1. Sắc thái tối thắng; 2. Sắc thái tự thể; 3. Sắc thái thanh tịnh; 4. Sắc thái biện giáo. Ở đây, sắc thái tối thắng có hai kệ tụng (1, 2); sắc thái tự thể có năm kệ tụng (3~7); sắc thái thanh tịnh có hai kệ tụng (8, 9) và sắc thái biện giáo có một kệ tụng (10).*”

Sắc thái tối thắng, được phân làm hai: 1. Hiển thị luận này là tối thắng trong các luận; 2. Luận này có đủ bốn tịnh đức: nhiếp tất cả nghĩa, các luận thuyết ngoại đạo, tà giáo không thể phá hoại, dễ ngộ nhập và ngộ nhập rồi thì bất hoại. Do đề cập đến bốn tịnh đức mà phẩm này có tên là “Tịnh nghĩa”.

Sắc thái tự thể, là diệu lý của hai đế: 1. Thế tục đế: nói rộng về năm uẩn, giải thích đạo lý thế tục đế; 2. Chân đế: năm pháp (tướng, danh, phân biệt, chân như, chánh trí), ba tự tánh (biên kế sở chấp, y tha khởi, viên thành thật), bốn chân thật (thế gian, đạo lý, phiền não chướng tịnh trí sở hành, sở tri chướng tịnh trí sở hành), bốn tầm tư (danh, tự tánh, giả lập, sai biệt giả lập), bốn như thật trí (do bốn thứ tầm tư dẫn ra).

Sắc thái thanh tịnh, là dựa vào hai đế để khởi ba phương pháp tu tập theo thứ lớp: 1. Lắng nghe giáo pháp, quy y Tam bảo; 2. Tu hành tam học; 3. Do tu hành mà thành được đại bồ-đề và các quả công đức.

Sắc thái biện giáo, được phân làm ba: 1. Biện phá 16 thứ dị luận, và tùy thời hiển thị chánh lý của Phật pháp; 2. Bày thứ luận pháp, và giới thiệu kết cấu của nhân minh – phương pháp luận lý của Phật giáo; 3. Bàn luận nội dung khế kinh qua hai phương diện văn và nghĩa,



giải thích yếu nghĩa của kinh, thiện xảo của sự thuyết pháp, và nói rõ công đức thắng lợi của sự tu học.

Phẩm Thành bất tư nghị nói về chín sự bất tư nghị: ngã, hữu tình, thế giới, nghiệp báo, cảnh giới bậc tỉnh lự, cảnh giới chư Phật, 14 sự không xác định, phi chánh pháp, tất cả phiền não được dẫn nhiếp. Trong 9 sự này, trừ 3 sự sau cùng, 6 sự còn lại, theo phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, là những “*pháp được lắng nghe*”, cho nên không cần tư nghị. Người tư nghị về các sự ở đây, nếu trừ ngã kiến mà tư nghị về ngã, hữu tình và thế giới; nếu tìm cầu các sự không thể xác định, nghiệp báo, cảnh giới bậc tỉnh lự và cảnh giới chư Phật; nếu tâm xao động lợi dưỡng đối với sự phi chánh pháp; nếu tâm tán loạn bởi tất cả phiền não dẫn nhiếp, thì không nên tư nghị, vì các sự ấy đưa đến sự không lợi ích và nó chướng ngại sự tu chỉ quán. Bất tư nghị là vì không cần tư nghị (như tư nghị về vũ trụ thế giới), hoặc khó thể tư nghị (như tư nghị về nghiệp báo), hoặc tư nghị không được (như tư nghị về cảnh giới của thiên định, cảnh giới của Phật). Đối với các sự ấy, nếu miễn cưỡng suy nghĩ tức là điên đảo chấp chặt, mệt nhọc vô ích. Thế thì hành giả tư nghị điều gì? Nên tư nghị nhân quả và nhiệm tịnh, tức là thế tục và thắng nghĩa của Tứ đế.

Phẩm Nhiếp thắng quyết trạch, trước hết đối chiếu 9 sự trong phẩm Nhiếp sự để kiến lập luận lý cho sự quyết trạch, nói rõ những nghĩa chưa nói, xiển dương thắng nghĩa của sự kiến lập giáo pháp Đại thừa và công đức của Phật quả, sau cùng nói rõ đại ý của ba tạng: kinh, luật và luận. Thắng quyết trạch là vì nhân quả và nhiệm tịnh là đối tượng tư nghị tối thắng, vì thức A-lại-da là pháp bất cộng với Tiểu thừa, vì sự kiến lập đạo lý thắng nghĩa là tối thắng của Đại thừa.

Khát quát, thắng quyết trạch gồm có:



Quyết trạch về sự Nhất thiết pháp:

1. Quyết trạch về tâm, có 3 sự: a. Xác lập a-lại-da là tâm; b. Sai biệt của tâm; c. Nghiệp dụng của tâm.

2. Quyết trạch về tâm sở, có 2 sự: a. Sở duyên của tâm sở; b. Nghiệp dụng của tâm sở.

3. Quyết trạch về sắc, có 6 sự: a. Biên tế của sắc; b. Xứ sở của sắc; c. Hai môn giả sắc; d. Cực vi hòa hợp; e. Tánh thiện ác của sắc; f. Hai môn sai biệt của sắc.

4. Quyết trạch về tâm bất tương ưng hành: Sự thành lập giả hữu.

Quyết trạch về bốn pháp trên để nói tánh chất của nhân, có 2 sự: a. Phá bất như lý nhân; b. Kiến lập như lý nhân quả, có 5 môn.

5. Quyết trạch về vô vi: Ba nhân kiến lập.

Quyết trạch về sự Giới: 1. Tướng sai biệt; 2. Năng sở trị sai biệt; 3. Giải thích tứ cú trong Kinh.

Quyết trạch về sự Tap nhiễm:

1. Quyết trạch về phiền não tạp nhiễm, có 3 sự: a. Mạt-na tương ưng hoặc; b. Phiền não giới hệ; c. Phiền não sai biệt, có 7 môn.

2. Quyết trạch về nghiệp tạp nhiễm, có 5 sự: a. Nghiệp sai biệt, có 2 môn; b. Nghiệp quả; c. Nghiệp vị; d. Nghiệp quyết định; e. Nghiệp báo sai biệt, có 4 môn.

3. Quyết trạch về sinh tạp nhiễm, có 3 sự: a. Mạng chung, có 4 môn; b. Sinh hữu tương tục; c. Sinh xứ, có 2 môn.

Quyết trạch về sự Đế: 1. Nhị đế; 2. Tứ đế nhiễm tịnh nhiếp; 3. Mười sáu tướng; 4. Mười sáu hành; 5. Nhân quả của biến tri Tứ đế; 6. Nhị đế được danh; 7. Nhị đế và tam tánh.



Quyết trạch về sự Y chỉ: 1. Ba thứ sở y; 2. Hai thứ thiện xảo; 3. Giảng giải các câu trong Kinh; 4. Nói rộng về tinh lự, có 10 môn; 5. Quyết trạch về 8 đẳng chí, có 6 môn; 6. Tinh lự sai biệt, có 3 môn; 7. Tinh lự tiến thoái, có 3 môn.

Quyết trạch về sự Giác phân: 1. Tổng kiến lập; 2. Giải thích niệm trú trong Kinh, có 9 môn.

Quyết trạch về sự Bỏ-đặc-già-la: Ba môn kiến lập

Quyết trạch về sự Quả: 1. Chư đoạn, có 2 môn; 2. Quả, có 2 môn.

Quyết trạch về sự Công đức: 1. Kiến lập; 2. Sai biệt; 3. Đối tượng nên tư duy, có 9 môn; 4. Bốn nghĩa Đại thừa; 5. Sự công năng của Phật; 6. Tam tạng; 7. Lược nghĩa các Kinh; 8. Lược thuyết Du-già đạo.

3. **Hành pháp** (phương thức thực hành giáo lý) gồm 6 phẩm: Thành thiện xảo, Thành vô thường, Thành khổ, Thành không, Thành vô tánh và Thành Du-già.

Phẩm Thành thiện xảo đề cập 7 thứ thiện xảo đối với 5 uẩn, 18 giới, 12 xứ, 12 duyên khởi, xứ phi xứ, 22 căn và 4 đế. Dùng cái tuệ vô ngã để quán sát các đối tượng nói trên. Bảy thứ thiện xảo này là phương tiện của sự thực hành Du-già, bởi lẽ chúng khái quát được những đối cảnh sở duyên của hành giả Du-già, và do đây phá hết các tà chấp (7 thứ ngu si), đó là: 1. Biến mãn sở duyên; 2. Tịnh hành sở duyên; 3. Thiện xảo sở duyên; 4. Tịnh phiền não sở duyên. Biến mãn sở duyên, có 4: (1) đối cảnh có phân biệt ảnh tượng là đối cảnh do tác ý thắng giải; (2) đối cảnh không phân biệt ảnh tượng là đối cảnh do tác ý chân thật; (3) đối cảnh biên tế các pháp là tánh tận sở hữu và tánh như sở hữu; (4) đối cảnh sở tác thành tựu là sở duyên của chuyển y. [Số



(1) là sở duyên của chỉ, số (2) là sở duyên của quán, số (3) và (4) là sở duyên của cả chỉ quán.] Tịnh hành sở duyên, có 5: nhiều tham, nhiều sân, nhiều si, kiêu mạn và tầm tư. Thiện xảo sở duyên, có 5: uẩn, giới, xứ, duyên khởi, xứ phi xứ. Tịnh phiền não sở duyên, có 3: các tướng thô, tinh v.v..., chân như và bốn Thánh đế.

Phẩm Thành vô thường, Thành khổ, Thành không và Thành vô tánh đề cập đến đối tượng của sự thực hành Du-già, cũng là phương tiện gia hành của đạo xuất thế. Đối tượng ấy là 4 hành tướng của khổ đế: vô thường, khổ, không, phi ngã. Đối tượng ấy là *nhân không*, vì con người là vô thường, khổ, không, và *pháp không*, vì các pháp là phi ngã hay vô tánh. Tọa A-hàm, kinh Vô gián đẳng, số 259: “*Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Ma-ha Câu-hi-la, A-la-hán lại cũng tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì để được điều chưa được, để chứng pháp chưa chứng, để có hiện pháp lạc trú.*” Vô thường, khổ, không và ba vô tánh (: tướng, sinh và thắng nghĩa), được thiết lập trên ba tự tánh là biến kế sở chấp, y tha khởi và viên thành thật. Ba vô tánh là mật ý, ba tự tánh mới là cứu cánh. Nói ba vô tánh tức nói ba tự tánh, bởi vì thể và tướng vốn không thật có nên vô tánh, tức là tánh biến kế của các pháp giả thi thiết; vì các pháp chẳng tự sinh khởi nên vô tánh, tức là tánh y tha của các pháp duyên sinh huyền ảo; và vì thắng nghĩa vô ngã là có nên vô tánh, tức là tánh viên thành thật của các pháp hiển lộ bởi hai không. Sự thực hành Du-già là biến tri tánh biến kế sở chấp, là biến tri và vĩnh đoạn tánh y tha khởi, là biến tri và chứng đắc tánh viên thành thật.

Tư tưởng ba tánh của luận Hiển dương xoay quanh 7 chủ đề: 1. Định nghĩa (507b, 557b); 2. Sự thành lập ba tánh (557b, c; 558a, c;



559b); 3. Sai biệt, nghiệp dụng, ẩn mật, phương tiện, nhiếp và biệt dị của ba tánh (508a, b); 4. Quan hệ giữa ba tánh với vô thường và khổ; 5. Ba tánh với Không; 6. Vấn đề hữu vô của tánh biến kế (563b); 7. Tất cả pháp có đủ nghĩa ba tánh.

Phẩm Thành Du-già nói rõ dựa vào thiên định thì phát khởi được thắng hạnh Du-già. Chính cái tuệ đáo bỉ ngạn là phương tiện tối thắng của đại bồ-đề, vì vậy gọi là Du-già. Sự thực hành Du-già chính là thành tựu tuệ giác bát-nhã, là chỉ quán song vận. Do vô phân biệt chỉ (kệ 1 và 2) và vô phân biệt quán (kệ 3 và 4) mà thành tựu trí vô phân biệt xuất thế. Vô phân biệt là không phân biệt hữu và phi hữu, tức rời xa hai hý luận: pháp và pháp không. Đó là pháp tánh ly ngôn, vô ngã.

4. **Quả pháp** (thành quả của sự tu tập giáo pháp) là 1 phẩm Thành hiện quán. Phẩm này được phân làm hai: (1) Mười ba kệ tụng đầu là thành năng sở nhập, tức phương tiện của hiện quán; (2) Mười hai kệ tụng sau là thành sự tu tập, tức thành tựu 6 hiện quán.

Hiện quán là trí, là kiến, là minh, là tuệ. Đối với sự chứng vô phân biệt, Thanh văn thừa có những nghĩa không chung: Hiện quán của Thanh văn là tư duy thắng nghĩa về chân như ly tướng mà thành vô phân biệt. Hiện quán của Bồ-tát là đối với pháp và pháp không thì không có phân biệt có, không mà thành vô phân biệt. Pháp và pháp không vô phân biệt nên tánh biến kế vốn không thật có, thể của nó không thể thủ đắc. Tánh biến kế không thể thủ đắc nên Bồ-tát đối với sự triển chuyển sai khác của các hữu tình cũng không thủ đắc, cho đến sinh tử và niết bàn sai khác, hữu lậu – vô lậu sai khác, tội lỗi – công đức sai khác cũng không thủ đắc. Do đó, Bồ-tát phát khởi a-thế-da đại ngã và a-thế-da quang đại: “*A-thế-da đại ngã: Các Bồ-tát hiểu được mình người bình đẳng, nên đem tín dục thanh tịnh mà làm cho các hữu tình đều được giải*



thoát. A-thế-da quảng đại: Các Bồ-tát đối với lưu chuyển và tịch diệt, hiểu được cả hai bình đẳng, không có phân biệt, nên đem tín dục thanh tịnh mà làm lợi ích hữu tình, không trú cả hai.” Vì vậy, chư Bồ-tát, từ sơ phát tâm bồ đề, phương tiện đến cứu cánh, nhân tu đến thành quả đều rộng lớn, hàng Thanh văn không thể sánh kịp.

Nói đến phương tiện của hiện quán là nói đến 10 yếu tố quyết định cho sự tu hiện quán, đó là:

1. Với chúng sinh, quyết định là không có ngã.
2. Với tự tánh biến kế sở chấp, quyết định là không thật có.
3. Với vô ngã, quyết định là có.
4. Với các tướng, quyết định là có.
5. Với thô trọng, quyết định là có.
6. Với bất diệt, quyết định là: (1) Vì không có chúng sinh ngã và pháp ngã nên bất diệt; (2) Vì có hai vô ngã [là chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã] nên bất diệt.
7. Với sắc thái không hai, quyết định pháp và pháp không thì không có sai biệt.
8. Với cái không, quyết định là vô phân biệt.
9. Với pháp tánh, quyết định không sợ: kẻ phàm ngu sống trong pháp tánh mà sinh các sợ hãi, còn người trí sống trong pháp tánh không có sợ hãi.
10. Với sự tự tại, quyết định có khả năng đoạn dứt: “Tôi không còn phụ thuộc vào người khác để cầu phương tiện đoạn dứt [phiền não].”

Căn cứ thứ lớp tu tập mà phân chia hiện quán làm bốn giai đoạn:
(1) Phát khởi: chỉ giai đoạn thực hành trước khi được hiện quán, là từ



văn sở sinh trí cho đến thế đệ nhất pháp trí; (2) Chứng đắc: chỉ địa vị chánh hiện quán, tức kiến đạo; (3) Đăng lưu: chỉ sự tu tập sau chánh hiện quán, tức tu đạo; (4) Thành mãn: chỉ hiện quán cứu cánh viên mãn, tức chứng đắc cực quả của ba thừa.

Luận về thể tánh của hiện quán thì lấy 6 thứ hiện quán sai biệt để hiển thị: (1) Tư hiện quán: Đó là tuệ được tác thành bởi tư, tối thượng phẩm tương ưng hỷ thọ. Nó quán sát cộng tướng của các pháp, dẫn sinh noãn v.v... Trong gia hành đạo, tác dụng quán sát các pháp của nó mãnh liệt nhất, nên đặc biệt lập thành hiện quán. Các pháp như noãn v.v... không phân biệt pháp một cách chi tiết, lại cũng chưa chứng nghiệm thật lý, do đó không phải là hiện quán. (2) Tín hiện quán: Đó là tịnh tín quyết định thuộc thế gian và xuất thế gian, duyên đến đối tượng là Tam bảo. Nó hỗ trợ hiện quán để không thối chuyển, do đó được lập làm hiện quán. (3) Giới hiện quán: Đó là vô lậu giới. Nó trừ diệt cấu bẩn của sự phá giới, khiến quán được thêm sáng, do đó cũng được gọi là hiện quán. (4) Hiện quán trí để hiện quán: Đó là trí vô phân biệt căn bản và hậu đắc, một cách triệt để, duyên phi an lập làm đối tượng. (5) Hiện quán biên trí để hiện quán: Đó là trí thế xuất thế gian, duyên các an lập làm đối tượng, sau hiện quán trí để hiện quán. (6) Cứu cánh hiện quán: Trí thuộc giai đoạn cứu cánh, tức tận trí, vô sinh trí.

Sáu thứ hiện quán lấy đều lấy Bồ-đề làm thể. Hành giả Du-già dựa đẳng chí mà phát khởi thắng hạnh Du-già, chỉ quán song vận, thành trí vô phân biệt xuất thế, được gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa, chính là phương tiện tối thắng của Đại Bồ-đề.

Sự phân chia giáo, lý, hành, quả như vậy chỉ là tương đối, vì



trong mỗi phần pháp, mỗi phẩm đã bao hàm cả 4 pháp: giáo, lý, hành, quả.

Sau đây là sự phân khoa theo ba tuệ văn, tư và tu:

(1) Văn tuệ là biết giáo pháp của Phật qua 9 sự (phẩm Nhiếp sự) và biết nghĩa của giáo pháp qua 4 sắc thái: tối thắng, tự thể, thanh tịnh và biện giáo (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa).

(2) Tư tuệ là tư duy chính xác và sâu xa về 9 sự, tức toàn bộ giáo pháp của Phật, để thấy Đại thừa là Phật thuyết, Đại thừa thù đặc như thế nào, và chỉ quán của Đại thừa thì đặc hữu như thế nào (phẩm Nhiếp thắng quyết trạch). Tư tuệ còn là biết những gì không nên tư duy, vì vượt ngoài sự lý luận của con người. Như trong Tăng chi bộ kinh, IV. 77, có ghi bốn điều Phật cho rằng bất khả tư nghị: *”Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thế nào là bốn? Phật giới của các đức Phật, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thiên giới của người ngời Thiên, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ được, nếu nghĩ... thống khổ. Quả dị thực của nghiệp, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến... thống khổ. Tâm tư thế giới, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.”* (HT. Thích Minh Châu dịch)

(3) Tu tuệ bao gồm: a. Sở duyên của tuệ (phẩm Thành thiện xảo); b. Gia hành của tuệ: biến tri vô thường (phẩm Thành vô thường), biến tri khổ (phẩm Thành khổ), biến tri không (phẩm Thành không), biến tri vô tánh (phẩm Thành vô tánh); c. Thú nhập tuệ giác: quả hiện quán (phẩm Thành hiện quán) và nhân Du-già (phẩm Thành Du-già).



Trong khảo luận *Hiển dương Thánh giáo luận đại ý*, học giả Lữ Trùng (呂澂, 1896-1989) phân chia 11 phẩm theo thứ tự như sau:

(1) Thể tánh của luận là giản trạch về pháp tướng, gồm 2 phẩm: (a) về sự pháp có phẩm Nhiếp sự; (b) về nghĩa tướng có phẩm Nhiếp tịnh nghĩa.

(2) Sở y của luận là giản trạch về Du-già, gồm 9 phẩm: (a) về sở duyên có phẩm Thành thiện xảo; (b) về phương tiện có 4 phẩm: Thành vô thường, Thành khổ, Thành không và Thành vô tánh; (c) về Du-già có phẩm Thành Du-già; (d) về đối tượng viễn ly có phẩm Thành bất tư nghị; (e) về thắng nghĩa có phẩm Nhiếp thắng quyết trạch.

Phân tích văn bản thì thấy luận Du-già sư địa và luận Hiển dương có bố cục tương đồng, cùng lấy Bồ-tát đạo làm chủ yếu. Luận Hiển dương (và Đại thừa A tỳ đạt ma tập luận 大乘阿毘達磨集論) là luận cương yếu, là bản tiết lược của luận Du-già sư địa.

Luận Du-già sư địa có 100 quyển, gồm 5 phần chính:

1. Bản địa phần: phân biệt bao quát và phong phú về 17 địa: (1) Ngũ thức thân tương ưng địa, (2) Ý địa, (3) Hữu tầm hữu tứ địa, (4) Vô tầm duy tứ địa, (5) Vô tầm vô tứ địa, (6) Tam ma tư đa địa, (7) Phi tam ma tư đa địa, (8) Tâm địa, (9) Vô tâm địa, (10) Văn sở thành địa, (11) Tư sở thành địa, (12) Tu sở thành địa, (13) Thanh văn địa, (14) Độc giác địa, (15) Bồ-tát địa, (16) Hữu dư y địa, (17) Vô dư y địa. (Quyển 1~50)

2. Nhiếp quyết trạch phần: bàn sâu các nghĩa còn nghi ngờ của 17 địa vừa kể trên. Trong Ngũ thức thân tương ưng địa và Ý địa, đặc biệt luận chứng sự tồn tại của thức a-lại-da. Khi quyết trạch về Bồ-tát địa, quảng dẫn nguyên văn Kinh Giải thâm mật, bàn về thắng nghĩa



đế, Du-già địa, các ba-la-mật, Như Lai thành sở tác sự. (Quyển 51~80)

3. Nhiếp thích phần: bàn về vị trí và nghi tắc của các kinh được trích dẫn trong bộ luận. Các kinh xuất hiện thường nhất là các kinh A-hàm. (Quyển 81~82)

4. Nhiếp dị môn phần: trực tiếp giải thích tên gọi và ý nghĩa của các câu văn được nhắc tới trong kinh A-hàm. (Quyển 83~84)

5. Nhiếp sự phần: nêu rõ những điểm chính yếu trong giáo pháp của Phật như về uân, xứ, duyên khởi, thực, đế, giới, thọ, các bồ đề phần, nhập xuất tức niệm, tam học, chứng tịnh. (Quyển 85~100)

Từ Bản địa phần của luận Du-già sư địa, ngài Vô Trước rút ra những yếu nghĩa để tập thành phẩm Nhiếp sự (quyển 1~4) và phẩm Nhiếp tịnh nghĩa (quyển 5~8), cụ thể là: lấy phần Giới luật nghi của sơ Du-già xứ thuộc Thanh văn địa, đưa vào phần Phân biệt Tăng thượng giới học sai biệt ở quyển 7; lấy phần Thế gian đạo của đệ tứ Du-già xứ thuộc Thanh văn địa, đưa vào quyển 7; lấy phẩm Bồ-tát công đức thuộc Bồ-tát địa, đưa vào quyển 8. Ngài Vô Trước cũng lấy 16 thứ dị luận trong Bản địa phần, đưa vào phẩm Nhiếp tịnh nghĩa (quyển 9 và 10); lấy mục Nhân minh luận ở Bản địa phần, đưa vào phẩm Nhiếp tịnh nghĩa (quyển 12 và 13). Xem mục lục và chú thích có thể thấy ngài Vô Trước đã trích lại những đoạn văn của luận Du-già sư địa để đưa vào các phẩm: Thành thiện xảo, Thành vô thường, Thành khổ, Thành không, Thành vô tánh, Thành hiện quán, Thành du-già, Thành bất tư nghị (từ quyển 14 đến phần đầu quyển 17). Sau cùng, phẩm Nhiếp thắng quyết trạch (phần sau quyển 17 đến quyển 20) có những yếu nghĩa lấy từ Nhiếp quyết trạch phần của luận Du-già sư địa.

Trong sách *Ấn Độ Phật giáo tư tưởng sử*, pháp sư Ấn Thuận



cho rằng: “*Ba phẩm đầu của luận Hiển dương nhiếp lấy văn nghĩa của luận Du-già, tám phẩm sau: Thành vô thường, Thành khổ, Thành không, Thành vô tánh, Thành hiện quán, Thành du-già, Thành bất tư nghị, Nhiếp thắng quyết trạch, thì chú trọng vào sự quán hạnh, minh định nghĩa lý sâu xa của Đại thừa thì hơn hẳn Thanh văn.*” Có thể nói luận Hiển dương là bản tóm tắt của luận Du-già sư địa, nhưng vẫn hiển thị được cấu trúc và giáo lý đặc thù của riêng nó. Và đó là lý do mà ngài Vô Trước trước tác luận này.

Kinh Giải thâm mật ghi: “*Thắng Nghĩa Sinh, trong chánh pháp mà Như lai khéo tuyên thuyết, khéo qui định, và được nói ra bởi ý muốn cực kỳ trong sạch, vẫn có những nhận thức khác nhau của nhiều hạng người. Như lai vốn căn cứ ba vô tánh như trên, nhưng do mật ý sâu xa, nên trong những kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo mà Như lai đã nói, Như lai nói pháp yếu theo cách nói kín đáo, rằng các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh niết bàn. ... Người chưa gieo trồng thiện căn, chưa làm sạch nghiệp chướng, chưa thành thực liên tục, không tu nhiều thắng giải, chưa dồn chứa hai thứ tư lương phước đức trí tuệ, tính không chất trực, không phải loại chất trực, dẫu có sức lực trong việc suy nghĩ chọn lựa những sự phế bỏ và thiết lập, nhưng thường đứng yên trong sự cố thủ kiến thức của mình, thì nghe kinh pháp như vậy họ không thể thấu hiểu đúng như sự thật về lời nói mật ý sâu xa của Như lai, cũng không tin hiểu kinh pháp như vậy, nên kinh pháp cho là phi kinh pháp, nghĩa lý cho là phi nghĩa lý; kinh pháp cho là phi kinh pháp và nghĩa lý cho là phi nghĩa lý, nên nói rằng kinh pháp như vậy không phải Phật nói mà là ma nói, và nhận định này làm cho họ phỉ báng thóa mạ kinh pháp như vậy là hư ngụy, bằng lắm cách, họ hủy diệt xô đổ kinh pháp như vậy, những ai tin*



hiểu kinh pháp như vậy thì bị họ coi là kẻ thù; họ, trước kia bị nghiệp chướng làm cho chướng ngại, nay do lý do trên mà bị nghiệp chướng tiếp tục chướng ngại, và nghiệp chướng này mở đầu (có vẻ) giản dị, nhưng rồi (chịu khổ) trong thời kỳ bằng trăm ngàn câu chi na dữu đa, khó có lúc thoát khỏi.”¹²

Luận Hiển dương Thánh giáo căn cứ mật ý của đức Phật mà xiển dương con đường nhất Phật thừa ngang qua sự ngộ nhập Duy thức tánh và sự thực hành Du-già đạo: “*Nếu lược nói Du-già đạo, nên biết đa văn được nhiếp, chánh pháp làm cảnh giới, xa-ma-tha và tỳ-bát-xá-na làm tự thể, y chỉ ảnh tượng và y chỉ sự thành tựu. Như đức Bạc già phạm nói: ‘Có năm thứ pháp có thể nhiếp lấy tất cả hành giả Du-già, các Du-già địa, đó là trì, trú, minh, kính và chuyển y’. Nên biết, nghe chánh pháp là trì, sở duyên là trú, chỉ quán là minh, ảnh tượng là kính, sự thành tựu là chuyển y.*”

Nghĩa lý luận Hiển dương
 Bao quát tất cả nghĩa
 Khiến Phật pháp trường tồn
 Tứ chúng được lợi lạc.
 Nay con được dịch chú
 Mong đáp đền bốn ơn
 Xin nguyện cho những ai
 Có duyên đọc luận này
 Thì biết đạo chân thật
 Của Bồ-tát Du-già

12HT. Thích Trí Quang dịch.



Có được những thắng giải
 Sinh đức tin trong sáng
 Vững bước trên hành trình
 Tuệ giác của Phật-đà.
 Nguyện đem công đức này
 Hướng về khắp tất cả
 Đệ tử và chúng sinh
 Đều trọn thành Phật đạo.

Mùa Vu Lan, 15.7.2560 (17.8.2016)

Phật tử **Quảng Minh** kính ghi





Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Một

Thiện Thệ, thiện thuyết, diệu ba thân

Vô úy, vô lưu, chứng giáo pháp¹³

Mâu Ni tử thượng thừa, chân thật

Con nay chí thành xin tán lễ.

Cúi đầu kính lạy Đại từ tôn

Sẽ nói chứng trí ngôi Pháp vương

Không dựa thế gian mà quy thú

Bậc tuyên thuyết Du-già sư địa.

Xưa con Vô Trước từ Thầy nghe

Nay tổng hợp yếu nghĩa các địa

Hiển dương Thánh giáo đáng Từ bi

Văn gọn, nghĩa đầy mà dễ hiểu:

Nhiếp sự, Tịnh nghĩa, Thành thiện xảo

Vô thường, Khổ, Không và Vô tánh

Hiện quán, Du-già, Bất tư nghị

Nhiếp thẳng quyết trạch: mười một phẩm.¹⁴

13 Vô úy là bốn vô úy: Chánh đẳng giác vô úy, lậu tận vô úy, chứng pháp vô úy và xuất khổ đạo vô úy. Vô lưu là bốn bậc lưu: dục bậc lưu, hữu bậc lưu, kiến bậc lưu và vô minh bậc lưu. Giáo pháp là giáo, lý, hành và quả.

14 Kệ quy kính, thất ngôn tứ cú tứ kệ. Kệ thứ nhất là quy mạng lễ Phật, Pháp, Tăng Tam bảo. Kệ thứ hai là kính lạy đáng Đại từ tôn là ngài Di Lạc, bậc tiếp nối đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc tuyên thuyết Du-già sư địa luận. Kệ thứ ba và thứ tư là ngài Vô Trước trình bày mục đích tạo luận này là để hiển dương Thánh giáo của Du-già sư địa luận, qua 11 phẩm. Du-già sư địa luận, quyển 64, tr. 658a09: "Lại nữa, nếu muốn tạo luận, trước phải quy lễ cung kính hai điều mới có thể tạo luận: 1.



Phẩm Một NHIẾP SỰ (Phần 1)

Nhất thiết, giới, tạp nhiễm

Đế, y chỉ, giác phần

Bồ-đặc-già-la, quả

Các công đức: chín sự. (kệ 1)

[480b26] Luận giải:

Nhất thiết: Có năm pháp tổng nhiếp Bồ-tát tạng¹⁵, những gì là năm?

Kệ tụng:

Tâm, tâm sở hữu, sắc

Bất tương ưng, vô vi. (kệ 2ab)

[1. Tâm]

[480b29] Luận giải:

Tâm: Là tâm- ý- thức, có các tên gọi sai biệt¹⁶.

Cung kính pháp: trước nên quy lễ luận gốc của Đại sư; 2. Cung kính nghĩa: lại nên quy lễ nghĩa mà bậc Thầy đã khai thị, xiển dương."

15 Kinh Giải thâm mật, phẩm Địa độ: "Đại bồ tát Quan tự tại thừa Phật: Bạch đức Thế tôn, đối với sáu sự phải tu học như vậy, Bồ tát phải tu học như thế nào? Đức Thế tôn dạy đại bồ tát Quan tự tại: Thiện nam tử, phải tu học bằng năm cách thức sau đây: một là đầu tiên, tin hiểu sắc mạnh đối với giáo pháp tinh tế tương ứng với sáu độ, thuộc về Bồ tát tạng; hai là kế đó, đối với mười pháp hạnh thì đem cái trí được tác thành bởi sự nghe, sự nghĩ, sự tu mà tinh tiến tu hành; ba là theo mà giữ tâm nguyện bồ-đề; bốn là thân gần các vị thiện tri thức đích thực; năm là siêng tu các loại thiện pháp một cách không có gián đoạn."

16 Tâm ý thức là nói về Tâm, và về ý với thức của Tâm. Tâm là a-lại-da, ý là mặt-na, thức là 6 thức. Luận Câu xá, quyển 4: "Nó tập khởi nên được gọi là tâm. Nó tư duy trừ lượng nên được gọi là ý. Nó phân biệt nhận thức nên được gọi là thức... Tâm, ý và thức, ba tên gọi cùng chỉ một nội hàm. Nghĩa tuy khác nhau nhưng thể là một." Du-già sư địa luận, quyển 63, tr. 651b14: "Sao gọi là do đạo lý thẳng nghĩa mà kiến lập sai biệt? Lược có 2 thức: 1. A-lại-da thức; 2. Chuyển thức. A-lại-da thức là sở y, chuyển thức là năng y. Chuyển thức có bảy loại, gọi là nhãn thức cho đến ý thức. Thí như sóng nước nương dựa dòng chảy hoặc giống như ảnh tượng nương dựa gương sáng. Như vậy gọi là nương thẳng nghĩa đạo lý mà kiến lập sở y và năng y sai biệt. Lại nữa, trong đây các thức đều gọi là



Hỏi: Những gì là thức?

Đáp: Thức có tám loại, đó là thức a-lại-da, thức nhãn-nhĩ-tỷ-thiệt-thân, ý và ý thức¹⁷.

[480c03] **Thức a-lại-da**: Là các nghiệp và phiền não đã tạo tác, tăng trưởng ở đời trước làm duyên; là các thứ hý luận từ vô thủy đến nay được huân tập [nơi hữu tình] làm nhân; là thức nhất thiết chủng tử dị thực¹⁸ được sinh ra [từ nhân duyên ấy] làm thể. Thức này có năng lực chấp thọ sắc căn¹⁹, liễu biệt căn sở y xứ²⁰ và huân tập các thứ hý luận²¹. Ở trong mọi thời gian, thức này là một loại sinh diệt [tương tục] mà không thể nào biết được. Thức này có năng lực nắm giữ, hiểu biết khí thể giới ở ngoài, cùng tương ưng với cảm thọ bất khổ bất lạc, luôn

tâm, ý, thức. Nhưng vượt trội hơn cả thì A-lại-da thức gọi là tâm. Vì cơ sao? Do thức đây năng chứa nhóm tất cả chủng tử các pháp, ở tất cả thời duyên cảnh chấp thọ, duyên một loại khí cảnh không thể biết. Mạt-na gọi là ý, ở tất cả thời chấp ngã, ngã sở và ngã mạn, v.v..., lấy tư lượng làm tánh. Các thức còn lại gọi là thức, lấy sự liễu biệt nơi cảnh giới làm tướng. Ba loại tâm, ý, ý thức như vậy ở giai vị Hữu tâm, trong tất cả thời cùng tồn tại mà chuyển. Các chuyển thức như nhãn thức, v.v... có lúc không sinh khởi, hoặc có khi sinh khởi, nên biết các thức tăng lên, cùng tồn tại mà chuyển. Như vậy hoặc có lúc bốn thức đồng chuyển, cho đến hoặc có lúc tám thức đồng chuyển. Lại cùng một thời gian thì một ý thức phân biệt hoặc một cảnh, hoặc hai cảnh, hoặc nhiều cảnh, hoặc tự cảnh, hoặc tha cảnh. Cho nên nói ý thức không thể nghĩ bàn." Xin xem thêm phẩm Tâm ý thức tướng trong kinh Giải thâm mật.

17 Thức thứ 8, 5 thức trước, thức thứ 7 và thức thứ 6.

18 Nhất thiết chủng tử dị thực thức 一切種子異熟識, còn gọi là thức chủng tử thức dị thực, là danh từ nói lên đặc tánh làm nhân và đặc tánh làm quả của thức a-lại-da.

19 Sắc căn = thân hữu căn. Thức a-lại-da, cũng tên là thức a-đà-na, nó luôn đi theo chúng sinh mà nắm giữ thân thể, cùng yên cùng nguy với thân thể. Thành Duy thức luận thuật ký, tr. 315c10: "Chấp thọ: Chấp có nghĩa 'niếp', 'tri'. Thọ có nghĩa 'lãnh nạp', 'tri giác'. Niếp làm tự thể. Tri khiến không hoại. Yên và nguy cùng như nhau mà lãnh thọ thân thể, phát sinh giác thọ, gọi là chấp thọ."

20 Căn sở y xứ: Xứ chỉ cho tứ trần – sắc, hương, vị và xúc – mà các căn dựa vào, là đối tượng có thể trực tiếp chấp thọ và liễu biệt. Thanh, trong ngũ trần, do tứ đại vạn vật tiếp xúc nhau mà sinh ra, không có tánh tương tục, hoàn toàn không có tánh độc lập, vì vậy âm thanh không có thật hữu. Căn sở y là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

21 Hý luận huân tập: Cũng gọi là danh ngôn huân tập hay danh ngôn hý luận huân tập. Nói danh ngôn huân tập, hý luận huân tập cũng như nói các pháp huân tập. Các pháp huân tập thành chủng tử tương lai của các pháp, rồi các pháp tương lai do chủng tử ấy mà hiện hành. Chủng tử ấy do ngôn từ hý luận mà có.



mang tánh chất vô phú vô ký²². Thức này làm nhân cho các chuyển thức dựa vào. Thức này chuyển hiện cùng các chuyển thức nhiễm tịnh qua sự thọ dụng, v.v...²³ Các chuyển thức nhiễm ô có thể làm tăng trưởng [chủng tử nhiễm nơi a-lại-da] và các chuyển thức thanh tịnh có thể làm tổn giảm [chủng tử tịnh nơi a-lại-da].

Làm sao biết được có thức này?

Như đức Bạc-già-phạm có nói: “*Kẻ phàm phu ngu si bị vô minh che lấp, ái kết ràng buộc, nên cảm được cái thân có thức này.*”²⁴ Lời nói này hiển thị có thức a-lại-da hay thức dị thực.

Cũng nói: “*Vì như năm loại hạt giống, đây gọi là thức có hữu thủ.*”²⁵ Lời nói này hiển thị có thức nhất thiết chủng tử a-lại-da.

Cũng nói: “*Thức a-đà-na cực kỳ vi tế, tất cả chủng tử như dòng*

22 Thức thứ tám thuộc vô phú vô ký, vì thức này không mang tánh ô nhiễm, nên gọi là vô phú; vì thức này là sở y cho thanh tịnh và tạp nhiễm một cách bình đẳng không chống trái nhau, nên gọi là vô ký.

23 Chuyển thức còn gọi là thức thọ dụng (là 6 thức trước, thọ dụng quả báo khổ vui). Sự thọ dụng của chuyển thức diễn biến qua 3 tâm sở: thọ (thọ dụng), tưởng (phân biệt) và hành (suy động, đặc biệt là tư tâm sở trong hành). Sáu thức đầu do bản (nhiễm) hay trong sạch (tịnh) đều có liên hệ đến thức thứ 7. Thức thứ 7 là nền tảng của nhiễm tịnh nên được gọi là nhiễm tịnh y.

24 Tạp A-hàm, kinh số 294, Ngu si hiệt tuệ: “Kẻ phàm phu ngu si không học bị vô minh che lấp, ái duyên ràng buộc, nên có được thức thân này. Bên trong thân có thức này, ngoài thân có danh sắc. Hai nhân duyên này sanh ra xúc. Bị xúc chạm sáu xúc nhập này, phàm phu ngu si không học cảm nghiệm các cảm thọ khổ lạc, nhân đây khởi lên các thứ sai biệt. Những gì là sáu? Nhãn xúc nhập xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ.” (Thích Đức Thắng dịch) Xem Tương ưng bộ, S.12. 19. Bālena paṇḍito (Bạc hiện so sánh với kẻ ngu). Thân có thức (有識之身, kāya), cũng gọi là Thức thân. Pāli: tañhāya samyuttassa evamayam kāya samudāgato, do bị hệ phược bởi ái, thân này sinh khởi. Thành thật luận gọi thức thân là thọ ấm thân (: ngũ thọ ấm thân, tr. 293a12). Trong các luận diễn của Du-già hành pháp, chỉ có luận Hiển dương dẫn kinh số 294 của Tạp A-hàm để chứng minh có thức A-lại-da. Vô minh, ái kết và thức thân chỉ cho 3 chi: vô minh, hành và thức; và đây là bản nghĩa của duyên khởi.

25 Tạp A-hàm, kinh số 39, Chủng tử: “Tỳ-kheo, năm loại hạt giống này được ví cho các thọ ấm cùng hiện hữu với thức. Đất được ví cho bốn thức trụ. Nước được ví cho hỷ tham. Bốn thủ vin bám nơi thức mà trụ. Bốn là những gì? Thức trụ ở trong sắc, vin bám sắc, hỷ tham được ướt nhuần, sanh trưởng lớn mạnh. Cũng vậy, thức trụ trong thọ, tưởng và hành, vin bám thọ, tưởng, hành, hỷ tham được ướt nhuần, sanh trưởng lớn mạnh.” (Thích Đức Thắng dịch) Xem Tương ưng bộ, S. 22. 54. Bīja (Chủng tử). Thức có hữu thủ (有取之識): Năm loại hạt giống là hạt giống từ rễ, từ thân, từ ngọn, từ đốt và từ hạt giống. Ở đây lấy 5 hạt giống ở ngoài để so sánh với 5 hạt giống ở thân tâm, đó là sắc, thọ, tưởng, hành và thức, trong đó 4 hạt giống đều dựa vào thức a-lại-da mà có sự vin bám (thủ), tồn tại (hữu), được ướt nhuần, tăng trưởng lớn mạnh.



nước mạnh, Như lai không nói cho kẻ phàm ngu, sợ họ phân biệt chấp làm tự ngã.”²⁶ Nhân thức phát sinh từ chủng tử của thức a-lại-da, dựa vào nhân căn mà cùng phát sinh với thức a-lại-da, duyên với cảnh giới hình sắc mà có sự liễu biệt.

Như đức Bạc-già-phạm có nói: “*Nội nhân xứ không bị hư hoại và ngoại sắc xứ hiện tiền, chúng làm duyên cho tác ý sinh khởi đúng lúc, như vậy mà sinh ra nhân thức.*”²⁷

Cũng nói: “*Duyên vào nhân và sắc, sinh ra nhân thức. Như vậy nên biết, cho đến thân thức.*”²⁸ Ở đây, các thức có sự sai biệt, đó là: mỗi thức dựa vào căn của nó, mỗi thức duyên vào cảnh của nó và mỗi thức liễu biệt riêng rẽ. Toàn bộ rút ra từ hai kinh ở trên.

[480c23] Ý: Là từ chủng tử của thức a-lại-da sinh ra rồi trở lại lấy thức ấy làm đối tượng sở duyên²⁹; luôn tương ưng với ngã si, ngã ái, ngã - ngã sở chấp, ngã mạn³⁰; hoặc tương ưng với những [tâm sở] ngược lại; ở trong tất cả thời gian hoạt động với tánh tự thị cao cử³¹; hoặc hoạt động một cách bình đẳng³².

26 Chính cú trong kinh Giải thâm mật.

27 Trung A-hàm, phẩm Xá-lê từ tương ưng, kinh Tượng tích dụ, số 30: “Này chư Hiền, như có người bị hư nhân xứ bên trong, nên ngoại sắc không được ánh sáng rọi đến, thành ra không có niệm và nhân thức không phát sanh. Này chư Hiền, nếu nội nhân xứ không bị hư hoại thì ngoại sắc sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm, nên sanh ra nhân thức.” (Thích Tuệ Sỹ dịch) Xem Trung bộ kinh, M. 28 Mahāhatthipadopama-suttam (Đại kinh Dụ đầu chân voi)

28 Lời dạy này nằm rải rác trong các kinh của Tạp A-hàm, như: kinh số 99, 213, 273, 282, 288, 297, 306

29 Du-già sư địa luận, quyển 51: “Do có a-lại-da nên có mặt-na ... Do mặt-na này, trong trạng thái vô tâm hay hữu tâm, luôn luôn cùng vận hành với a-lại-da, duyên vào a-lại-da làm cảnh giới.” (tr. 580b)

30 Theo đây ngài An Huệ cho rằng không có pháp chấp.

31 Tương ưng với ngã mạn, các thứ ô nhiễm. Nhập A-tỳ-đạt-ma luận, quyển Thượng, tr. 982c27: “Tâm lý tự thị cao cử, gọi là mạn. Như kẻ kiêu ngạo phóng túng ưa lấn lướt, khinh miệt người khác.”

32 Tương ưng với các tâm sở phi nhiễm. Luận Thành duy thức: “Do đó biết rằng thức này thông cả nhiễm và bất nhiễm.”



Tánh chất liễu biệt [của ý thức] chuyển hiện cùng với thức mặt-na. Như đức Bạc-già-phạm có nói: “*Nội nhân xứ không bị hư hoại và ngoại sắc xứ hiện tiền, chúng làm duyên cho tác ý khởi liền, như vậy mà sinh ra nhân thức.*”³³

Ý thức: Là từ chủng tử của thức a-lại-da sinh ra, dựa vào ý căn và hiện khởi cùng thức mặt-na. Đối tượng của ý thức là tất cả pháp chung và pháp bất cộng³⁴. Đặc tánh của ý thức là liễu biệt.

[2. Tâm sở hữu]

Tâm sở hữu pháp: Là những pháp từ chủng tử của thức a-lại-da sinh ra, dựa vào tâm sinh khởi, cùng tương ưng với tâm, cùng tâm chuyển hiện. Tâm sở hữu pháp bao gồm:

Biến hành: Có năm: 1. Tác ý; 2. Xúc; 3. Thọ; 4. Tưởng; 5. Tư.

Biệt cảnh: Có năm: 1. Dục; 2. Thắng giải; 3. Niệm; 4. Đăng trì; 5. Tuệ.

Thiện: Có mười một: 1. Tín; 2. Tàm; 3. Quý; 4. Vô tham; 5. Vô sân; 6. Vô si; 7. Tinh tiến; 8. Khinh an; 9. Bất phóng dật; 10. Xả; 11. Bất hại.

Phiền não: Có sáu: 1. Tham; 2. Sân; 3. Mạn; 4. Vô minh; 5. Kiến; 6. Nghi.

Tùy phiền não: Có hai mươi: 1. Phẫn; 2. Hận; 3. Phú; 4. Não; 5. Tật; 6. Xan; 7. Cuồng; 8. Xiểm; 9. Kiêu; 10. Hại; 11. Vô tàm; 12. Vô quý; 13. Hôn trầm; 14. Trạo cử; 15. Bất tín; 16. Giải đãi; 17. Phóng

33 Trung A-hàm, phẩm Xá-lê từ tương ưng, kinh Tượng tích dụ, số 30: “Này chư Hiền, nếu nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý xứ bên trong bị hư hoại thì các pháp bên ngoài sẽ không được ánh sáng rọi đến nên không có niệm, do đó ý thức không sanh khởi được. Này chư Hiền, nếu nội ý xứ không bị hư hoại thì pháp bên ngoài sẽ được ánh sáng rọi đến và liền có niệm nên sanh ra ý thức.”

34 Pháp chung (cộng pháp) là pháp mà 5 thức trước cùng nhận biết với ý thức. Pháp bất cộng (độc hữu) là các pháp làm đối tượng chỉ cho ý thức, như các pháp tâm cầu, tứ sát v.v... Du-già, quyển 5, tr 302b29: “Có bảy loại sai biệt của tâm tứ: hữu tướng, vô tướng, nhiễm vận, tâm cầu, tứ sát, nhiễm ô, không nhiễm ô.”



dật; 18. Thất niệm; 19. Tâm loạn; 20. Bất chánh tri.

Bất định: Có bốn: 1. Ô tác; 2. Thụy miên; 3. Tầm; 4. Tứ.

[Năm Biến hành]

[481a13] 1. **Tác ý:** Tác ý sinh ra từ chủng tử của thức a-lại-da, dựa vào tâm mà sinh khởi, cùng tương ứng với tâm, cùng tâm chuyển hiện. Tác ý, thể của nó là tâm đã được phát động; nghiệp dụng của nó là dẫn tâm đang hiện khởi [hướng đến cảnh sở duyên]³⁵. Do tác ý và tâm cùng duyên một cảnh, nên nói [tác ý và tâm] hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp. Trong kinh [Khởi tận] có nói: “*Khi đối cảnh sinh khởi tác ý thì ngay đó có liễu biệt*³⁶; *khi đối cảnh sinh khởi liễu biệt thì ngay đó có tác ý.*” Như vậy, tác ý và liễu biệt luôn hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp. Hai pháp này không thể hoạt động tách rời, riêng khác.³⁷ Lại nói như vậy: “*Hoạt động của tâm, tâm pháp thì không thể nghĩ bàn.*” Lại nói: “*Tác ý sinh ra từ tâm, hiện khởi đúng lúc, như vậy mà sinh ra nhãn thức, ... , ý thức.*”³⁸

[481a21] 2. **Xúc:** Tự thể của nó là sự phân biệt hòa hợp của ba sự [là căn, cảnh và thức]; nghiệp dụng của nó là làm sở y cho thọ. Như kinh nói: “*Có sáu xúc thân.*”³⁹ Lại nói: “*Nhãn và sắc làm duyên sinh*

35 Đồng thời duy trì tâm trên cảnh ấy.

36 Hành tướng của thức A-lại-da là liễu biệt; dựa theo đó, 5 tâm sở biến hành cũng có hành tướng liễu biệt. Liễu biệt: là nhận thức, thủ đắc từng đối tượng riêng biệt.

37 Tham khảo, Trung A-hàm, kinh Đại Câu-hy-la, số 211: “Hiền giả Đại Câu-hy-la, trí tuệ và thức, hai pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thì thiết hai pháp này riêng biệt chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp: Hai pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt. Không thể thì thiết hai pháp ấy riêng rẽ. Vì sao vậy? Những gì được biết bởi trí tuệ cũng được biết bởi thức. Cho nên hai pháp này hiệp nhất chứ không riêng biệt, và không thể cho rằng hai pháp này riêng rẽ.”

38 Du-già sư địa luận, quyển 3: “Căn không bị hư hoại, cảnh giới hiện ở trước, khởi tác ý đúng lúc, bấy giờ từ đó thức mới được sanh.” “Làm sao tác ý sanh khởi đúng lúc? Do 4 nhân tố: 1. Mong cầu (dục lực); 2. Ký ức (niệm lực); 3. Chú ý đối với sự vật đặc thù (cảnh giới lực); 4. Tập quán (số tập lực).”

39 Tạp A-hàm, kinh Lục xúc thân, số 326: “Có sáu xúc thân. Đó là nhãn xúc thân, nhĩ xúc thân, tỷ xúc



ra nhãn thức. Ba pháp như vậy tụ tập, hòa hợp mà sinh ra xúc.”⁴⁰ Lại nói: “*Xúc là duyên của thọ.*”⁴¹

3. **Thọ:** Tự thể của nó là lãnh nạp⁴²; nghiệp dụng của nó là làm duyên cho ái. Như kinh nói: “*Có sáu thọ thân.*”⁴³ Lại nói: “*Thọ là duyên của ái.*”⁴⁴

[481a26] 4. **Tưởng:** Tưởng lấy danh, cú, văn thân huân tập làm duyên; sinh ra từ chủng tử của thức a-lại-da, dựa vào tâm mà sinh khởi, cùng tương ứng với tâm cùng tâm chuyển hiện. Tự thể của nó là tiếp thu ảnh tượng. Nghiệp dụng của nó là phát khởi [các loại] ngôn nghị⁴⁵. Như kinh nói: “*Có sáu tưởng thân.*”⁴⁶ Lại nói: “*Những gì tâm tưởng mà khởi lên ngôn nghị.*”⁴⁷

5. **Tư:** Tự thể của nó là khiến tâm tạo tác, là ý nghiệp nơi cảnh

thân, thiết xúc thân, thân xúc thân, ý xúc thân. Đó là sáu xúc thân.” Tương ứng bộ kinh, S.12.1.1.2: “Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xúc? Đây các Tỷ-kheo, có sáu xúc này: nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là xúc.” (HT. Thích Minh Châu dịch)

40 Tạp A-hàm, kinh Thủ thanh dụ, số 273: “Này Tỷ-kheo, thí như hai tay chấp lại tạo thành âm thanh, cũng vậy duyên mắt và sắc sanh nhãn thức. Ba sự này hòa hợp sanh ra xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư.”, và kinh Nhân, số 306. Trung A-hàm, kinh Mật hoàn dụ: “Này chư Hiền, duyên nhãn và sắc mà sanh nhãn thức. Ba sự này cùng tụ hội liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có niệm. Có niệm thì có phân biệt.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

41 Tạp A-hàm, kinh số 41, 42, 61, v.v...

42 Lãnh nạp = cảm nghiệm.

43 Tạp A-hàm, kinh Lục thọ thân, số 327: “Có sáu thọ thân. Đó là mắt tiếp xúc sanh ra thọ và tai mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra thọ. Đó gọi là sáu thọ thân.” (Thích Đức Thắng dịch) Tương ứng bộ kinh, S.12.1.1.2: “Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thọ? Đây các Tỷ-kheo, có sáu thọ này: thọ do nhãn xúc sanh; thọ do nhĩ xúc sanh; thọ do tỷ xúc sanh; thọ do thiệt xúc sanh; thọ do thân xúc sanh; thọ do ý xúc sanh. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là thọ.”

44 Tạp A-hàm, kinh số 221, 284, 372, v.v...

45 Ngôn nghị = danh ngôn (danh tự, ngôn ngữ, tập quán).

46 Tạp A-hàm, kinh Lục tưởng thân, số 328: “Có sáu tưởng thân. Đó là mắt tiếp xúc sanh ra tưởng, và tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra tưởng. Đó gọi là sáu tưởng thân.” (Thích Đức Thắng dịch)

47 Trung A-hàm, kinh Đạt Phạm hạnh, số 111: “Thế nào là biết hữu báo của tưởng? Biết tuyên thuyết, tùy tưởng mà tuyên thuyết.” Tuyên thuyết = ngôn nghị. Kết quả của các tưởng là kết quả của ngôn ngữ, tập quán. Khi nhận biết một vật gì thì người ta nói rằng: ‘Tôi có tưởng (ảnh tượng) như vậy.’



đắc, cảnh thất và cảnh phi đắc phi thất: hoặc là hòa hợp, hoặc là biệt ly, hoặc là trao tặng, hoặc là tham ái, hoặc là sân giận, hoặc là xả bỏ, hoặc là khởi tâm tư, hoặc là khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp, hoặc là hành nhiễm ô, hoặc là hành thanh tịnh. Nghiệp dụng của nó là [tạo tác] các thứ thiện, bất thiện, phi thiện phi bất thiện. Như kinh nói: “*Có sáu tư thân.*”⁴⁸ Lại nói: “*Nên biết, Ta thuyết sáu xúc xứ*”⁴⁹ đời nay chính là nghiệp cũ⁵⁰ đời trước do tư tạo tác.”⁵¹

[Năm Biệt cảnh]

[481b06] 1. **Dục:** Tự thể của nó là hy vọng về cảnh được ưa thích; nghiệp dụng là làm y chỉ cho cần. Như kinh nói: “*Dục là căn bản của tất cả các pháp.*”⁵²

[481b08] 2. **Thắng giải:** Tự thể của nó là nhận biết rõ ràng ấn

48 Tạp A-hàm, kinh Lục tư thân, số 329: “Có sáu tư thân. Đó là mắt tiếp xúc sanh ra tư, và tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc sanh ra tư. Đó gọi là sáu tư thân.”

49 Trung A-hàm, kinh Phân biệt lục giới, số 162: “Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu xúc xứ, do nhân gì mà nói như thế? Đó là, này Tỳ-kheo, xúc con mắt thấy sắc, xúc tai nghe tiếng, xúc mũi ngửi mùi, xúc lưỡi nếm vị, xúc thân cảm xúc, xúc ý biết pháp. Này Tỳ-kheo, nói rằng con người có sáu xúc xứ là do nhân đó mà nói.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

50 Tương ưng bộ kinh, S.35.135: “Này các Tỳ-kheo, thế nào là nghiệp cũ? Mắt, này các Tỳ-kheo, cần phải quán là nghiệp cũ, được tác thành, được tư niệm, được cảm thọ. Tai... Mũi... Lưỡi... Thân... Ý cần phải quán là nghiệp cũ, được tác thành, được tư niệm, được cảm thọ.” Câu-xá luận ký, No. 1821, tr. 79c17: “Như khi nói quả của sáu xúc xứ, nên biết, chỉ cho nhân của tác nghiệp đời trước. Đây là nơi quả mà lập tên của nhân. Sở y xứ của sáu xúc chính là sáu căn: nhãn, v.v...”

51 Tạp A-hàm, kinh 295, Phi như sở hữu: “Thân này chẳng phải sở hữu của các ông, chẳng phải là sở hữu của người khác. Nghĩa là sáu xúc nhập xứ, vốn do ước nguyện mà tu hành trước kia [nghiệp đời trước] nên thọ được thân này. Những gì là sáu? Nhãn xúc nhập xứ; nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc nhập xứ. Đa văn Thánh đệ tử đối với các duyên khởi mà khéo tư duy, quán sát chân chánh là có sáu thức thân, sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân này. Nghĩa là vì cái này có nên sẽ có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong tương lai và tụ tập thuận một khối khổ lớn như vậy. Đó gọi là có nhân có duyên để tập khởi thế gian. Trái lại, nếu cái này không, thì sáu thức thân không; sáu xúc thân, sáu thọ thân, sáu tưởng thân, sáu tư thân cũng không. Nghĩa là vì cái này không, nên không có sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não trong tương lai, thuận một khối khổ lớn tụ tập cũng diệt.”

52 Trung A-hàm, kinh Chư pháp bốn, số 113: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Nếu có đệ đạo đến hỏi các ông ‘Tất cả các pháp lấy gì làm gốc?’ thì các ông nên trả lời họ như thế này: ‘Tất cả các pháp lấy dục làm gốc.’” Du-già sư địa luận, quyển 97 (tr. 856a12): “Nên biết, tất cả pháp ở đây nghĩa là mong cầu thiện pháp, thanh tịnh xuất gia; vì chứng niết bàn, trước thọ trì giới; do đây tiệm thứ, cho đến hoạch đắc niết bàn cứu cánh. Cho nên tuyên thuyết, dục là căn bản của tất cả chư pháp.”



tượng đi kèm theo với cảnh quyết định⁵³; nghiệp dụng là không thể bị dẫn chuyển [bởi duyên khác]⁵⁴. Như kinh nói: “*Chúng con ngày nay tâm sinh thắng giải, biết chắc rằng sáu nội xứ đều vô ngã.*”⁵⁵

[481b11] 3. **Niệm:** Tự thể của nó là khiến tâm nhớ rõ, không quên lãng đối với cảnh quen thuộc; nghiệp dụng là làm sở y cho đẳng trì.⁵⁶ Như kinh nói: “*Đối với các pháp mà có các niệm, tùy niệm, biệt niệm, ức niệm, nhớ không quên mất, ghi nhận rõ ràng trong tâm làm tự tánh.*”⁵⁷

[481b14] 4. **Đẳng trì:** Tự thể của nó là đối với cảnh sở quán chuyên chú vào một đối tượng; nghiệp dụng là tâm không tán loạn, làm y chỉ cho trí. Như kinh nói: “*Tâm trú, dữ đẳng trú, an trú, cận trú, định trú, bất loạn, bất tán, nhiếp tịch chỉ, đẳng trì, là các tâm trú vào một đối tượng làm tự tánh.*”⁵⁸

53 Quyết định cảnh: Cảnh là 5 uẩn hay tự tướng an lập của các pháp, qua đó ghi nhận ấn tượng và quyết định sự thể của ấn tượng ấy. Tạp A-hàm, kinh 265, Bọt nước (bào bọt): “Quán sắc như bọt nước, thọ như bong bóng nước, tưởng như quang năng xuân, các hành như cây chuối, các thức pháp như huyễn.” (Thích Đức Thắng dịch)

54 Một khi cảnh đã được thẩm quyết, ấn tri thì không còn mơ hồ, mộng muội, dao động.

55 Lấy sự quán trí vô ngã duyên với đối cảnh vô ngã thì sinh thắng giải, biết chắc rằng sáu xứ đều là vô ngã. Sáu nội xứ: Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ.

56 Cảnh quen thuộc là cảnh đã từng trải qua trước kia. Không quên lãng, vì nó làm cho đối tượng được nắm giữ không diệt mất. Nhớ rõ là thường xuyên nhớ lại các hình thái đối tượng của cảnh vật đã từng được nắm giữ trước kia. Sự nhớ rõ là khả năng thuật lại rõ ràng. Nghiệp dụng của nó là làm cho không tán loạn, vì khi một đối tượng được ghi lại hay được thuật lại, vẫn không có sự rối loạn nơi đối tượng khác hay hành tướng khác của tâm.

57 Trung A-hàm, kinh Phân biệt Thánh đế, số 31: “Bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu tâm tùy thuận niệm, phản chiếu giải thoát niệm, suy niệm, biến mãn suy niệm, liên tục ức niệm, tâm niệm không xao lãng. Đó là chánh niệm.” Tạp A-hàm, kinh Quảng thuyết Bát Thánh đạo, số 785: “Tâm pháp tương ưng với tư duy vô lậu, hoặc niệm, hoặc tùy niệm, hoặc trùng niệm, hoặc ức niệm, không quên lãng, không hư. Đó gọi là chánh niệm thuộc về xuất thế gian của bậc Thánh, vô lậu, không thủ, chân chánh đoạn tận khổ, chuyển hướng đến thoát khổ.” Tuy niệm là nhớ lại cảnh từng trải qua. Biệt niệm là ghi nhớ tổng tướng rồi biệt tướng của các pháp.

58 Du-già sư địa luận, quyển 30 (tr. 450c121), nói đến 9 loại tâm trú: “Một, nội trú, tức là tất cả mọi cảnh duyên bên ngoài được thu nhiếp trong tâm, buộc ở bên trong không cho tán loạn; đây là ban đầu trôi buộc tâm mình khiến trú ở trong, không tán loạn ở ngoài. Hai, đẳng trú, là đã trôi buộc tâm rồi, nhưng tâm vẫn còn những thô động liên tục và khắp cả, vì vậy phải dùng phương tiện trừ diệt tịnh



[481b18] 5. **Tuệ:** Tự thể của nó là giản trạch đối với cảnh sở quán; nghiệp dụng là [giản trạch] bằng như lý, bất như lý và phi như lý phi bất như lý⁵⁹, và ngộ nhập [các pháp] sở tri. Như kinh nói: “*Giản trạch chư pháp, tối cực giản trạch, cực giản trạch pháp, biến liễu, cận liễu, hiệt liễu, thông đạt, thâm sát, thông duệ, giác, minh, tuệ hành, tỳ bát xá na.*”⁶⁰

[Mười một Thiện]

[481b22] 1. **Tín:** Tự thể của nó là tâm tịnh, nhẫn khả đối với

một cách tương tục để nhiếp tâm vào cảnh vi tế. Ba, an trú, là do thất niệm đối với những tán động bên ngoài, thì thu nhiếp tâm mình trú vào cảnh bên trong. Bốn, cận trú, là gần gũi niệm trú nên lúc nào cũng tác ý nội trú tâm mình. Năm, điều thuận, là đem tâm điều phục không cho lưu tán đối với các tướng làm cho tâm tán loạn, như tướng sắc thanh hương vị xúc, tướng tham sân si, nam nữ v.v. đó là những ý tưởng mang đến làm lỗi cần phải kiềm chế. Sáu, tịch tĩnh, là các ác tâm tư: dục, sân, hại ..., cùng các tùy phiền não: tham dục ..., làm cho tâm nhiễu động, đó là những ý tưởng mang đến làm lỗi cần phải chấm dứt, không cho tâm lưu tán. Bảy, tối cực tịch tĩnh, là do thất niệm mà tạm hiện khởi các ác tâm tư cùng tùy phiền não, vì vậy cần phải đoạn diệt. Tám, chuyên chú nhất thủ, là hữu gia hành và hữu công dụng không có thiếu sót, không có gián đoạn, an trú liên tục trong tam ma địa. Chín, đẳng trí, là từ nhân duyên tu tập luôn luôn, khiến được vô gia hành và vô công dụng chuyển đạo một các nhiệm vận, làm cho tam ma địa cũng tương tục, không tán loạn một cách nhiệm vận.” Trung A-hàm, kinh Phân biệt Thánh đế, số 31: “Bằng suy niệm không nhiễm trước mà quán sát tâm hoàn toàn giải thoát, trong đó, nếu tâm trụ, thiền trụ, thuận trụ, không loạn, không tán, chuyên nhất. Đó là chánh định.” Tạp A-hàm, kinh Tà chánh, số 784: “Thế nào là chánh định? Là trụ tâm không loạn, kiên cố nhiếp trì, tĩnh chỉ, nhất tâm chánh định.” Chín thứ tâm trú cũng được thuật rõ trong Đại thừa Trang nghiêm Kinh Luận, phẩm Giáo thọ, tr. 624b20.

59 Du-già sư địa luận, quyển 1: “Thế nào là thâm lự sở duyên? Là như lý sở dẫn, bất như lý sở dẫn và phi như lý phi bất như lý sở dẫn. Như lý sở dẫn: (1) Không tăng ích phi chân thật hữu, như bốn điền đảo: với vô thường có thường đảo, với khổ có lạc đảo, bất tịnh có tịnh đảo, với vô ngã có ngã đảo; (2) Không tổn giảm chư chân thật hữu, như các tà kiến. Như lý sở dẫn là không trao cho các tà kiến hạnh, hoặc trí pháp trú mà như thật liễu tri chư sở tri sự, hoặc trí thiện thanh tịnh xuất thế gian mà như thật giác tri chư pháp sở tri. Bất như lý sở dẫn là những gì ngược lại với như lý sở dẫn. Phi như lý phi bất như lý sở dẫn là dựa vào tuệ vô ký để thâm sát các pháp. Như vậy gọi là thâm lự sở duyên.” (tr. 280c18)

60 Thành duy thức luận diễn bí, quyển 5: “Tu trạch chính xác về tịnh sở duyên, về thiện xảo sở duyên, hoặc cả hai sở duyên, gọi là giản trạch các pháp. Đối với ba cảnh sở duyên ấy mà giản trạch về tánh chất như thật của chúng, gọi là tối cực giản trạch. Đối với khổ đế và sai biệt tướng, giản trạch khế kinh, thể tánh của khổ đau, gọi là cực giản trạch pháp. Tâm tư biến khắp cảnh sở duyên, gọi là biến liễu. Cảnh sở duyên biến liễu lại được tìm cầu tỉ mỉ ngọn nguồn, tiệm cận chân thật, gọi là cận liễu. Hiểu biết về tâm và tâm pháp, gọi là hiệt liễu. Biết nguyên do của tâm và tâm pháp sở duyên, gọi là thông đạt. Nắm giữ chắc chắn tánh tận sở hữu [của các pháp], gọi là thâm sát. [Tu trạch] trước sau tiệm thứ, các nghĩa trong đó không quên mất, gọi là thông duệ. Kham năng giản trạch thì huệ (: trí sáng) cùng phát sanh, gọi là giác. Chứng đắc được huệ, gọi là minh. Khả năng lật tung [khế kinh], vẫn luận, quyết trạch, mà ở trong nghĩa lý ấy, chuyển tăng sáng rõ, gọi là tuệ hành. Tỳ bát xá na dịch là quán, các bộ đại luận có giải thích rộng đủ.”



những gì có thật thể, có công đức, có năng lực⁶¹. Nghiệp dụng là đoạn chướng bất tín; là viên mãn tư lương [phước trí] và chứng đắc bồ-đề; là lợi ích mình người; là thú hưởng thiện đạo; là tăng trưởng tịnh tín.⁶² Như kinh nói: “*Sinh khởi đức tin kiên cố đối với đức Như lai.*”⁶³

[481b26] 2. **Tâm:** Tự thể của nó là dựa vào tăng thượng lực của bản thân⁶⁴ và tăng thượng lực của giáo pháp⁶⁵ mà có sự xấu hổ về làm lỗi của mình. Nghiệp dụng là đoạn chướng vô tâm. Như trước [chưa có tâm] cho đến tăng trưởng tâm làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Tâm đối với sở tâm*”, cho đến nói rộng.⁶⁶

3. **Quý:** Tự thể của nó là dựa vào tăng thượng lực của thế gian⁶⁷ mà có sự xấu hổ về làm lỗi của mình. Nghiệp dụng là đoạn chướng vô quý. Như trước [chưa có quý] cho đến tăng trưởng quý làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Quý đối với sở quý*”, cho đến nói rộng.

[481c02] 4. **Vô tham:** Tự thể của nó là đối với hữu và tư cụ của

61 Thành duy thức luận, quyển 6: “Thứ nhất, tín nơi những gì là có thật thể, tức tín nhẫn sâu xa nơi sự thật, lý thật của các pháp. Thứ hai, tín nơi những gì có công đức, tức tín lạc sâu xa nơi công đức chân tịnh của Tam bảo. Thứ ba, tín nơi những gì có năng lực, tức tín sâu xa rằng ta có năng lực có thể đắc, có thể thành nơi hết thảy thiện thế gian và xuất thế gian, từ đó mà khởi lên ước vọng.”

62 Tạp A-hàm, kinh Phân biệt, số 647: “Sao gọi là căn Tín? Tỳ-kheo khởi tín tâm thanh tịnh, căn bản bền chắc đối với Như Lai mà các Sa-môn, Bà-la-môn khác, chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Bà-la-môn, cùng thế gian khác không thể làm cản trở, phá hoại tâm ấy, thì đó gọi là căn Tín.” Tạp A-hàm kinh 658, 691, v.v...

63 Như kinh nói: “Sinh khởi đức tin kiên cố đối với đức Như lai, tâm đối với sở tâm, quý đối với sở quý, ba thứ thiện căn vô tham, vô sân, vô si; phát khởi tinh tiến là an trú có thể lực, có tinh cần, có dũng hân, có kiên mãnh và có bất xả thiện ích; vui thích nơi ý thì thân an và tâm an. Bao nhiêu vô lượng thiện pháp sinh khởi, tất cả đều dựa vào thiện căn bất phóng dật. Vì trừ tham ưu, tâm y chỉ nơi xả. Do bất hại mà biết vị ấy thông duệ.”

64 Như không khởi ác nghiệp nên không dựa vào nẻo ác.

65 Như hộ trì chánh pháp thì không những bản thân không khởi ác nghiệp, mà còn không muốn cho người thế gian khinh hủy chánh pháp.

66 Trung A-hàm, kinh Thành dụ, số 3.

67 Như làm việc thiện thì được người thế gian khen ngợi, làm việc ác thì bị người thế gian chê trách.



hữu⁶⁸ mà có tâm yếm ly, không nắm giữ, không dồn chứa, không yêu, không đắm. Nghiệp dụng là đoạn chướng tham. Như trước [chưa có vô tham] cho đến tăng trưởng vô tham làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Vô tham thiện căn*”⁶⁹.

5. **Vô sân:** Tự thể của nó là tâm bi mẫn, không tổn hại tâm hữu tình. Nghiệp dụng là đoạn chướng sân. Như trước [chưa có vô sân] cho đến tăng trưởng vô sân làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Vô sân thiện căn.*”

[481c07] 6. **Vô si:** Tự thể của nó là hiểu chính xác về chân thật. Nghiệp dụng là đoạn chướng si. Như trước [chưa có vô si] cho đến tăng trưởng vô si làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Vô si thiện căn.*”

7. **Tinh tiến:** Tự thể của nó là tâm dũng mãnh, không biếng nhác, không khinh rẻ bản thân. Nghiệp dụng là đoạn chướng giải đãi. Như trước [chưa có tinh tiến] cho đến tăng trưởng tinh tiến làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Phát khởi tinh tiến là an trú có thể lực, có tinh cần, có dũng hãn, có kiên mãnh và có bất xả thiện ách.*”⁷⁰

[481c12] 8. **Khinh an:** Tự thể của nó là rời xa [thân tâm] thô trọng để có được thân tâm nhẹ nhàng thư thái. Nghiệp dụng là đoạn chướng thô trọng. Như trước [chưa có khinh an] cho đến tăng trưởng khinh an làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Vui thích nơi ý thì thân an và tâm an.*”⁷¹

68 Hữu, chỉ cho ba cõi. Hữu cụ, chỉ cho các tư cụ, các phương tiện hỗ trợ cho hữu tồn tại.

69 Trường A-hàm, kinh Tam tụ: “Thế nào là ba pháp dẫn đến thiện thú? Ba thiện căn: vô tham thiện căn, vô nhuế thiện căn, vô si thiện căn.” Tạp A-hàm, kinh Câu-hi-la, số 344: “Thế nào là biết như thật về thiện căn? Ba căn lành không tham, không sân, không si; đó gọi là ba thiện căn. Biết như thật về thiện căn là như vậy.”

70 Du-già sư địa luận, quyển 85: “Do 5 sắc thái phát căn tinh tiến mà mau chứng thần thông và trí tuệ, đó là: (1) Có thể lực, do tinh tiến áo giáp; (2) Có tinh tiến, do tinh tiến gia hành; (3) Có dũng hãn, do ở trong đại pháp mà tinh tiến không khiếp sợ, không có tâm thấp kém; (4) Có kiên mãnh, là dù có nóng lạnh, muỗi mòng v.v. vẫn tinh tiến không gì lay chuyển được; (5) Có bất xả thiện ách, do tinh tiến không hủy tức đối với kẻ hạ liệt.” (tr. 778a18)

71 Du-già sư địa luận, quyển 31: “Do nhân duyên ấy đối trị tất cả thân tâm thô trọng, có năng lực



9. **Bất phóng dật:** Tự thể của nó là nhiếp hết thầy vô tham, vô sân, vô si và tinh tiến, vì [vô tham, vô sân, vô si và tinh tiến] phải dựa vào bất phóng dật để có thể đoạn ác bất thiện pháp và có thể tu tập thiện pháp đối trị với ác bất thiện pháp⁷². Nghiệp dụng là đoạn chướng phóng dật. Như trước [chưa có bất phóng dật] cho đến tăng trưởng bất phóng dật làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Bao nhiêu vô lượng thiện pháp sinh khởi, tất cả đều dựa vào thiện căn bất phóng dật.*”⁷³

[481c19] 10. **Xả:** Tự thể của nó là nhiếp hết thầy vô tham, vô sân, vô si và tinh tiến, vì [vô tham, vô sân, vô si và tinh tiến] phải dựa vào xả mà được tâm bình đẳng, tâm chánh trực và tâm vô phát động⁷⁴. Nghiệp dụng là đoạn chướng phát động. Như trước [chưa có xả] cho đến tăng trưởng xả làm nghiệp dụng. Trước hết do bất phóng dật mà trừ bỏ được nhiễm pháp, sau đó cái tâm đã trừ bỏ nhiễm pháp⁷⁵ sẽ an trú bất nhiễm ô⁷⁶. Như kinh nói: “*Vì trừ tham ưu, tâm y chỉ nơi xả.*”⁷⁷

[481c24] 11. **Bất hại:** Tự thể của nó là lòng bi mẫn, thương xót vật nên không làm não hại các hữu tình. Nghiệp dụng là đoạn chướng hại. Như trước [chưa có bất hại] cho đến tăng trưởng bất hại làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Do bất hại mà biết vị ấy thông duệ*”⁷⁸, cho đến nói rộng.

làm cho tất cả thân tâm vui thích, sanh khởi tất cả thân tâm khinh an, đó gọi là sanh khởi tác ý khinh an.” (tr. 458c07)

72 Bất phóng dật không hoạt dụng riêng biệt ngoài 4 pháp này.

73 Tạp A-hàm, kinh Bất phóng dật căn bản, số 882: “Trong tất cả các pháp thiện, không buông lung là căn bản của chúng.”

74 Vô phát động = vô công dụng.

75 Tức xả tâm.

76 Bất nhiễm ô = tịch tịnh.

77 Trung bộ kinh, kinh Nhập tức xuất tức niệm, số 118: “Vị ấy, do đoạn trừ tham ưu, sau khi thấy với trí tuệ, khéo nhìn sự vật với niệm xả ly.”

78 Do bất hại mà thân và tâm được lợi ích, khéo lạc trú nơi hiện pháp. Vị ấy là bậc thông duệ.



[Sáu Phiền não]

1. **Tham:** Tự thể của nó là sự yêu thích, che dấu, luyến giữ đối với năm thủ uẩn⁷⁹. Tham sinh khởi do câu sinh hoặc do phân biệt⁸⁰. Nghiệp dụng là chướng ngại vô tham; chướng ngại viên mãn tư lương [phước trí] và chứng đắc bồ-đề; làm tổn hại lợi ích mình người; có năng lực thú hưởng ác đạo; làm tăng trưởng tham dục. Như kinh nói: “*Người có tham ái bị tham che lấp.*”⁸¹

[482a03] 2. **Sân:** Tự thể của nó là muốn gây tổn hại đối với hữu tình. Sân sinh khởi do câu sinh hoặc do phân biệt. Nghiệp dụng là chướng ngại vô sân. Như trước [có sân] cho đến tăng trưởng sân khuể làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Người có sân khuể bị sân che lấp.*”

[482a06] 3. **Mạn:** Tự thể của nó là so sánh giữa mình với người cho rằng mình hơn, mình bằng, mình kém, khiến tâm tự thị, cất cao. Mạn sinh khởi do câu sinh hoặc do phân biệt. Nghiệp dụng là chướng ngại vô mạn. Như trước [có mạn] cho đến tăng trưởng mạn làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Ba loại mạn là mình hơn, mình bằng và mình kém.*”⁸²

79 Năm thủ uẩn: Năm uẩn được chấp thủ.

80 Câu sanh là sanh khởi một cách tự nhiên. Phân biệt là sanh khởi do tư sát (cái gì đáng yêu và cái gì không đáng yêu).

81 Trung A-hàm, phẩm Nghiệp tương ưng, kinh Già Lam, số 16: “*Này các người Già-lam, người có tham bị tham che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sanh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam, người có nhuê bị nhuê che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sanh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu. Này các người Già-lam, người có si bị si che lấp, tâm không nhàm đủ, hoặc sát sanh, hoặc lấy của không cho, hoặc hành tà dâm, hoặc biết mà nói dối, hoặc lại uống rượu.*” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

82 Theo Câu xá luận, có 7 loại mạn được tạo thành từ 3 mạn: 1. Mạn, với người kém mình, cho rằng mình hơn; với người bằng, cho rằng mình bằng; là đối tượng dù đúng, nhưng tâm lý cất cao, nên gọi là mạn. 2. Quá mạn, với người bằng, cho rằng mình hơn; với người hơn, cho rằng mình bằng. 3. Mạn quá mạn, với người hơn, cho rằng mình hơn nữa. 4. Ngã mạn, chấp ngã ngã sở làm cho tâm lý cất cao. 5. Tăng thượng mạn, chưa chứng thánh đạo mà bảo đã chứng. 6. Tự mạn, với người hơn mình rất nhiều, cho rằng mình chỉ kém ít thôi. 7. Tà mạn, làm ác, ý cái ác đó mà tâm lý cất cao lên.



4. **Vô minh:** Tự thể của nó là sự hiểu biết không chính xác về chân thật. Vô minh sinh khởi do câu sinh hoặc do phân biệt. Nghiệp dụng là chướng ngại sự hiểu biết chính xác. Như trước [có vô minh] cho đến tăng trưởng vô minh làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Người có ngu si bị vô minh che lấp.*”

[482a13] 5. **Kiến:** Tự thể của nó là năm kiến:

a. **Tát-ca-da kiến:** Tự thể của nó là tuệ nhiệm ô⁸³, là đối với năm thủ uẩn mà kế đạt chấp có ngã, ngã sở. Tát-ca-da kiến sinh khởi do câu sinh hoặc, do phân biệt. Nghiệp dụng là chướng ngại kiến giải không điên đảo về vô ngã. Như trước [có tát-ca-da kiến] cho đến tăng trưởng tát-ca-da kiến làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Thấy biết như vậy thì vĩnh viễn đoạn trừ ba kết là thân kiến, giới cấm thủ và nghi.*”⁸⁴

b. **Biên chấp kiến:** Tự thể của nó là tuệ nhiệm ô, là đối với năm thủ uẩn mà kế đạt chấp có đoạn thường. Biên chấp kiến sinh khởi do câu sinh hoặc do phân biệt. Nghiệp dụng là chướng ngại kiến giải không điên đảo về vô thường. Như trước [có biên chấp kiến] cho đến tăng trưởng biên chấp kiến làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Ca-đa-diễn-na, tất cả thế gian y chỉ hai thứ: hoặc có, hoặc không.*”⁸⁵

Tạp A-hàm, kinh Tán-đạo-tra, số 1078: “*Ai thấy bằng, hơn, kém, ắt có ngôn luận sinh.*”

83 Câu xá luận, quyển 10: “*Tuệ nhiệm ô gọi là ác tuệ.*” Du-già sư địa luận, quyển 62: “*Ác tuệ là an trú nơi kiến thủ của mình, chấp chắc sự bất bình đẳng, khó buông xả lý luận, ngôn từ.*” Đại thừa quảng ngữ uẩn luận (tr. 852c28): “*Tuệ nhiệm ô là tuệ cùng sanh với phiền não.*”

84 Tạp A-hàm, kinh Học, số 820: “*Thế nào là tăng thượng Giới học? Tỷ-kheo thiên trọng nơi giới, giới tăng thượng; không thiên trọng nơi định, định không tăng thượng; không thiên trọng nơi tuệ, tuệ không tăng thượng. Đối với từng phần từng phần giới vi tế, nếu phạm thì theo đó mà sám hối. Vì sao? Ta không nói là kia không có khả năng, nếu giới kia tùy thuận phạm hạnh, làm lợi ích cho phạm hạnh, làm tồn tại lâu dài phạm hạnh; Tỷ-kheo như vậy giới vững chắc, giới sư luôn tồn tại, giới thường tùy thuận mà sanh, thọ trì mà học. Biết như vậy, thấy như vậy, thì sẽ đoạn trừ ba kết là thân kiến, giới thủ và nghi. Ba kết này đã đoạn trừ, đắc Tu-đà-hoàn, không còn đọa vào pháp đường ác, nhất định sẽ hướng đến Vô thượng Chánh giác, chỉ còn qua lại bảy lần Trời, Người, cứu cánh thoát khổ. Đó gọi là tăng thượng Giới học.*” (Thích Đức Thắng dịch)

85 Tạp A-hàm, kinh Ca-chiên-diễn, số 301: “*Phật bảo Tán-đà Ca-chiên-diễn: Thế gian có hai sở y,*



c. **Tà kiến:** Tự thể của nó là tuệ nhiễm ô, là bài bác nhân quả, hoặc bài bác công dụng⁸⁶, hoặc hủy hoại sự thật⁸⁷. Tà kiến sinh khởi chỉ do phân biệt. Nghiệp dụng là chướng ngại chánh kiến. Như trước [có tà kiến] cho đến tăng trưởng tà kiến làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Người có tà kiến thì mọi kiến chấp đều điên đảo*”⁸⁸, cho đến nói rộng⁸⁹.

d. **Kiến thủ:** Tự thể của nó là tuệ nhiễm ô, là đối với ba kiến ở trên và kiến sở y uẩn⁹⁰ mà chấp là tối thắng, thượng diệu, nói rằng đệ nhất⁹¹. Kiến thủ sinh khởi chỉ do phân biệt. Nghiệp dụng là chướng ngại kiến giải không điên đảo về khổ và bất tịnh. Như trước [có kiến thủ] cho đến tăng trưởng kiến thủ làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Nơi các kiến của mình, thủ chấp một cách kiên trú*”, cho đến nói rộng.

e. **Giới cấm thủ:** Tự thể của nó là tuệ nhiễm ô, là đối với

hoặc có hoặc không, bị xúc chạm bởi thủ. Do bị xúc chạm bởi thủ nên hoặc y có hoặc y không. Nếu không có chấp thủ này vốn là kết sử hệ lụy của tâm và cảnh; nếu không thủ, không trú, không còn chấp ngã, thì khi khổ sanh là sanh, khổ diệt là diệt, đối với việc này không nghi, không hoặc, không do người khác mà tự biết; đó gọi là chánh kiến.”

86 Du-già sư địa luận, quyển 30 (tr. 317a07): “Công dụng là: công dụng thực chủng, công dụng nhiệm trì, công dụng lai vãng và công dụng cảm sanh nghiệp.” Công dụng thực chủng và nhiệm trì là công dụng gieo giống của cha và công dụng mang thai của mẹ. Công dụng lai vãng là công dụng đời trước chuyển đến đời sau. Công dụng cảm sanh nghiệp công dụng cảm ra những tự thể chúng sanh khác nhau.

87 Như phủ nhận sự tồn tại của Tam bảo, a-la-hán, tịnh độ v.v...

88 Tăng chi bộ, Một pháp, phẩm Makkhali: “Có một người, này các Tỷ kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa lại bất hạnh cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Một người ấy là ai? Người có tà kiến, người có điên đảo kiến. Người ấy làm cho số đông xa lìa diệu pháp, an trú phi pháp. Chính một người này, này các Tỷ kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đưa lại bất hạnh cho đa số, bất lợi cho đa số, đưa đến bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người.” (HT. Thích Minh Châu dịch)

89 Xem Tạp A-hàm từ kinh 770 đến kinh 793.

90 Kiến sở y uẩn: Là 5 thủ uẩn mà các kiến dựa vào.

91 Câu xá luận, quyển 19: “Đối với những gì bất thiện, thấp kém, cần phải đoạn trừ, lại cho là thiện, là tối thắng thì đó là kiến thủ.”



các kiến ở trên và kiến sở y uẩn mà chấp là thanh tịnh, giải thoát, xuất ly. Giới cấm thủ sinh khởi chỉ do phân biệt. Như trước [có giới cấm thủ] cho đến tăng trưởng giới cấm thủ làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Bị thủ kết trói buộc*.”⁹²

6. **Nghi:** Tự thể của nó là sự do dự, không quyết định nơi các [Thánh] đế. Nghi sinh khởi chỉ do phân biệt⁹³. Nghiệp dụng là chướng ngại vô nghi. Như trước [có nghi] cho đến tăng trưởng nghi làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Do dự là hoại nghi*.”

[Hai mươi Tùy phiền não]

[482b06] 1. **Phẫn:** Tự thể của nó là tâm phẫn nộ đối với nghịch duyên hiện tại. Nghiệp dụng là chướng ngại vô sân. Như trước [có phẫn] cho đến tăng trưởng phẫn làm nghiệp dụng.

[482b08] 2. **Hận:** Tự thể của nó là sự thất kết oán thù, không dứt bỏ đối với nghịch duyên quá khứ. Nghiệp dụng là chướng ngại vô sân. Như trước [có hận] cho đến tăng trưởng hận làm nghiệp dụng.

[482b10] 3. **Phú:** Tự thể của nó là đối với làm lỗi mắc phải dù được người khuyên can hoặc không ai khuyên can vẫn che dấu làm lỗi mình đã làm. Nghiệp dụng là chướng ngại sự bày tỏ hối lỗi. Như trước [có phú] cho đến tăng trưởng phú làm nghiệp dụng.

[482b13] 4. **Não:** Tự thể của nó là đối với làm lỗi mắc phải mà

92 Luận Biện trung biên, phẩm Biện chướng: “Thủ kết có khả năng chướng ngại biến tri về đạo đế, vì chấp thủ pháp khác để cầu được thanh tịnh.” Pháp khác là không phải 37 bồ-đề phần pháp. Ngoại đạo ưa thích pháp khác, ngang qua kiến thủ và giới cấm thủ, và tin tưởng pháp ấy đưa đến thanh tịnh. Tạp tập luận, quyển 6: “Thủ kết, là kiến thủ và giới cấm thủ. Vì bị thủ kết trói buộc nên vọng kể chấp trước đối với tà xuất ly phương tiện, xả bỏ tám thánh chi đạo. Vọng chấp tát-ca-da kiến v.v..., và do các kiến ấy nên lấy giới cấm làm thanh tịnh đạo. Vì vọng kể chấp trước đối với tà xuất ly phương tiện nên làm nhiều việc bất thiện, không làm việc thiện. Do đây chiêu cảm cái khổ tương ưng và cái khổ đời vị lai.” (tr. 723c14)

93 Tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và nghi chỉ thuộc phân biệt, vì phải do ảnh hưởng của ác hữu và tà giáo mới có thể được dẫn sanh.



được người khuyên can liền phát lời thô lỗ, tánh nóng nảy không kiềm được. Nghiệp dụng là chướng ngại thiện hữu. Như trước [có não] cho đến tăng trưởng não làm nghiệp dụng.

[482b15] 5. **Tật:** Tự thể của nó là đối với người có được công đức, danh dự, cung kính, lợi dưỡng thì tâm sinh ganh ghét không vui. Nghiệp dụng là chướng ngại tâm nhân từ. Như trước [có tật] cho đến tăng trưởng tật làm nghiệp dụng.

[482b17] 6. **Xan:** Tự thể của nó là tích chứa, yêu tiếc, tham đắm. Nghiệp dụng là chướng ngại vô tham. Như trước [có xan] cho đến tăng trưởng xan làm nghiệp dụng.

[482b19] 7. **Cuồng:** Tự thể của nó là làm mê hoặc rối loạn lòng người, hiện tướng không thật, tâm ý dối trá. Nghiệp dụng là chướng ngại ái kính⁹⁴. Như trước [có cuồng] cho đến tăng trưởng cuồng làm nghiệp dụng.

[482b21] 8. **Siểm:** Tự thể của nó là vì để dối gạt người nên giả vờ hiện tướng cung thuận mà tâm cong vạy. Nghiệp dụng là chướng ngại ái kính. Như trước [có siểm] cho đến tăng trưởng siểm làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Phẫn, hận, phú, não, tật, xan, cuồng, siểm*”⁹⁵

[482b24] 9. **Kiêu:** Tự thể của nó là tạm thời gạt hái những sự hưng thịnh trong cuộc đời mà sinh tâm tự thị, cất cao, không kiêng dè ai cả. Nghiệp dụng là chướng ngại yểm ly⁹⁶. Như trước [có kiêu] cho

94 Ái nghĩa là yêu thương, thể của nó là tín. Ái có hai: nhiễm ô và không nhiễm ô. Nhiễm ô, đó là tham ái, như thương yêu vợ con v.v. Không nhiễm ô, đó là tín, như yêu kính sự trường.

95 Tạp A-hàm, kinh Tham dục, số 187. Trung bộ kinh, kinh Ví dụ tám vại, số 7.

96 Yểm ly 5 thủ uẩn. Tạp A-hàm, kinh Yểm ly, số 9: “Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường. Vô thường tức là khổ. Khổ tức chẳng phải ta. Cái gì chẳng phải ta thì cũng chẳng phải sở hữu của ta. Quán sát như vậy gọi là chân thật chánh quán. Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ nhàm tởm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm tởm nên không ham muốn, vì không ham muốn nên được giải thoát. Đối với giải thoát, trí chân thật phát sanh, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập,



đến tăng trưởng kiêu làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Kẻ ngu phu không nghe chánh pháp, thấy mình tuổi trẻ không bệnh, thọ mạng v.v... tạm thời yên chí nên sinh ra cuồng ngạo, buông lung*”, cho đến nói rộng.

[482b28] 10. **Hại:** Tự thể của nó là bức não hữu tình, không có tâm bi mẫn, không có tâm thương xót. Nghiệp dụng là chướng ngại bất hại. Như trước [có hại] cho đến tăng trưởng hại làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Người có tâm hại chắc chắn sẽ làm tổn não người khác.*”

[482c02] 11. **Vô tâm:** Tự thể của nó là không dựa vào tăng thượng lực của bản thân và tăng thượng lực của giáo pháp nên không biết xấu hổ về làm lỗi của mình. Nghiệp dụng là chướng ngại tâm. Như trước [có tầm] cho đến tăng trưởng vô tầm làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Không có tầm và sở tầm, [nên nói] vô tầm sinh khởi các ác bất thiện pháp*”, cho đến nói rộng.

12. **Vô quý:** Tự thể của nó là không dựa vào tăng thượng lực của thế gian nên không biết xấu hổ về làm lỗi của mình. Nghiệp dụng là chướng ngại quý. Như trước [có quý] cho đến tăng trưởng vô quý làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Không có quý và sở quý, [nên nói] vô quý sinh khởi các ác bất thiện pháp*”, cho đến nói rộng.

[482c08] 13. **Hôn trầm:** Tự thể của nó là dựa vào thân nặng nề và chấp nhận không tiến tới, lấy đó làm vui, nên khiến tâm chìm xuống⁹⁷. Nghiệp dụng là chướng ngại tỳ-bát-xá-na. Như trước [chưa có hôn trầm] cho đến tăng trưởng hôn trầm làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Vị ấy sinh khởi thân ý hôn trầm*”⁹⁸.

những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không tái sanh đời sau nữa.” (Thích Đức Thắng dịch)

97 Trầm một: Dật dờ, trì trệ, mê muội. Do giải đãi nên sanh ra trầm một.

98 Hôn trầm là tánh không kham nhiệm của thân tâm đối với cảnh, biểu hiện qua thân nặng nề, tâm



14. **Trạo cử:** Tự thể của nó là dựa vào sự tìm cầu không chính xác, hoặc nhớ lại những cảnh đã từng trải qua như chuyện đùa vui, v.v... khiến tâm không yên tĩnh. Nghiệp dụng là chướng ngại xa-ma-tha. Như trước [chưa có trạo cử] cho đến tăng trưởng trạo cử làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “Ông đã chao động và còn bay bổng⁹⁹”, cho đến nói rộng.

[482c15] 15. **Bất tín:** Tự thể của nó là tâm không có tịnh tín¹⁰⁰ đối với những gì có thật thể, có công đức, có năng lực. Nghiệp dụng là chướng ngại tín. Như trước [chưa có bất tín] cho đến tăng trưởng bất tín làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “Người nào không trú cái tâm bất tịnh tín thì trọn không thối thất các thiện pháp”, cho đến nói rộng.

[482c18] 16. **Giải đãi:** Tự thể của nó là ham ngủ, thích nằm, ưa dựa, sợ thẳng tiến, khinh rẻ chính mình nên tâm không nỗ lực gì cả. Nghiệp dụng là chướng ngại phát khởi chánh cần. Như trước [chưa có giải đãi] cho đến tăng trưởng giải đãi làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “Nếu có sự giải đãi thì chắc chắn thoái lui chánh cần”, cho đến nói rộng.

[482c22] 17. **Phóng dật:** Tự thể của nó là tham, sân, si và giải đãi hợp lại. Do dựa vào phóng dật mà tâm không chế ngự được các ác bất thiện pháp và không tu tập được các pháp đối trị. Nghiệp dụng là chướng ngại bất phóng dật. Như trước [chưa có phóng dật] cho đến tăng trưởng phóng dật làm nghiệp dụng. Như

nặng nề, thân không điều nhu, tâm không điều nhu.

99 Do trạo động (chao động) nên sanh ra cao cử (bay bổng/ cất cao).

100 Thành duy thức luận: “Tâm ô uế không thể chấp nhận, hâm mộ, ngưỡng vọng đối với những gì là thật, đức.”



kinh nói: “*Phóng dật là dấu vết của sinh tử*”¹⁰¹, cho đến nói rộng.

[482c26] 18. **Thất niệm:** Tự thể của nó là niệm nhiễm ô¹⁰², không ghi nhớ những việc làm, lời nói và suy nghĩ ở lâu xa, [không ghi nhớ] hoặc pháp hoặc nghĩa [hoặc văn hoặc ý của giáo pháp]. Nghiệp dụng là chướng ngại không quên chánh niệm. Như trước [chưa có thất niệm] cho đến tăng trưởng thất niệm làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Người thất niệm không làm được gì cả*”, cho đến nói rộng.

19. **Tâm loạn:** Tự thể của nó là lúc tu thiện pháp, tâm không có hỷ lạc làm chỗ dựa, vì vậy tâm rong ruổi, phân tán theo ngoại duyên. Nghiệp dụng là chướng ngại đấng trì. Như trước [chưa có tâm loạn] cho đến tăng trưởng tâm loạn làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Sống trong cảnh năm dục thì tâm tán loạn, lưu chuyển không ngừng*”, cho đến nói rộng.

[483a04] 20. **Bất chánh tri:** Tự thể của nó là tuệ nhiễm ô¹⁰³, là có sự nhận thức không chính xác nơi thân, ngữ, ý hành. Nghiệp dụng là chướng ngại chánh tri. Như trước [chưa có bất chánh tri] cho đến tăng trưởng bất chánh tri làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Người có thất niệm thì trú bất chánh tri*”, cho đến nói rộng.

[Bốn Bất định]

[483a07] 1. **Ô tác:** Tự thể của nó là buồn bã truy hồi¹⁰⁴ việc thiện hay bất thiện, điều nhiễm hay bất nhiễm¹⁰⁵ mà mình đã làm hoặc chưa

101 Sanh tử tích (生死跡). Kinh Chánh pháp niệm xứ, quyển 59 (tr. 348b23): “Phóng dật là gốc của sanh tử. Bất phóng dật là nhân của giải thoát.”

102 Niệm nhiễm ô chính là thất niệm, là niệm tương ưng với phiền não, thuộc một phần của si.

103 Tuệ nhiễm ô chính là bất chánh tri.

104 Chánh văn là truy biến (Skt. Vipratīṣāra) = truy hồi, biến hồi.

105 Nhiễm mang tánh chất của si. Bất nhiễm mang tánh chất của vô si.



làm. Nghiệp dụng là chướng ngại xa-ma-tha. Như trước [chưa có ô tác] cho đến tăng trưởng ô tác làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “Ôm giữ sự truy hồi thì tâm không yên ổn”, cho đến nói rộng.¹⁰⁶

[483a11] 2. **Thụy miên**: Tự thể của nó là tóm lấy¹⁰⁷ tâm khiến tâm dịch chuyển không tự tại. Nghiệp dụng là chướng ngại tỳ-bát-xá-na. Như trước [chưa có thụy miên] cho đến tăng trưởng thụy miên làm nghiệp dụng. Như kinh nói: “*Tham đắm mùi vị ngủ nghỉ giống như bị cá lớn nuốt.*”

3. **Tâm**: Tự thể của nó là khi tư [duy] về pháp mà tạo tác, hoặc khi tuệ [quán] về pháp mà tìm cầu, trong đó có sự hoạt động phân tán ra ngoại cảnh, khiến tâm dịch chuyển thô thiển. Nghiệp dụng là chướng ngại sự nội tịnh của tâm¹⁰⁸. Như trước [chưa có tâm] cho đến tăng trưởng tâm làm nghiệp dụng.

106 Tạp A-hàm, kinh Thiêu đốt, số 1244: “Có pháp đốt cháy và pháp không đốt cháy. Hãy lắng nghe và suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì các ông mà giảng nói. Thế nào là pháp đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào, hành pháp ác bất thiện, phạm giới; thân thành tựu ác hạnh; khẩu, ý thành tựu ác hạnh; người ấy về sau, khi khốn khổ bởi tật bệnh, nằm liệt trên giường, chịu nhiều đau đớn. Lúc bấy giờ, tất cả những việc làm ác trước kia người ấy đều nhớ lại hết. Cũng như bóng núi lớn che ánh mặt trời Tây; cũng vậy, chúng sanh trước kia đã tạo ra mọi điều ác, những pháp ác bất thiện do thân, khẩu, ý nghiệp, đến lúc lâm chung, tất cả đều hiện ra, tâm sanh hối hận: ‘Than ôi! Than ôi! Vì trước kia không tu thiện, chỉ làm ác, nên sẽ đọa vào đường dữ, chịu nhiều khổ đau.’ Sau khi nhớ lại rồi, tâm bị đốt cháy, tâm sanh hối hận. Khi sanh tâm hối hận nên không được chết với tâm thiện; đời sau tâm bất thiện cũng tiếp nối sanh. Đó gọi là pháp đốt cháy.

“Thế nào gọi là pháp không đốt cháy? Nếu người nam hay người nữ nào thọ trì tịnh giới, tu pháp chân thật, thân thành tựu nghiệp thiện; khẩu, ý thành tựu nghiệp thiện; khi lâm chung tuy thân gặp phải khổ nạn, nằm liệt trên giường bệnh, thân thể chịu nhiều đau đớn, nhưng tâm người ấy nhớ lại pháp thiện trước kia đã tu; thân, khẩu và ý đã thành tựu thiện hạnh. Lúc bấy giờ, duyên vào những pháp thiện, người ấy nghĩ rằng: ‘Thân, khẩu, ý ta đã tạo ra thiện hạnh như vậy, không làm các điều ác, sẽ sanh về đường thiện, không đọa vào đường ác, tâm không có gì hối hận.’ Do tâm không biến hối, nên mạng chung với thiện tâm, qua đời sau thiện vẫn tiếp tục. Đó gọi là pháp không đốt cháy.” (Thích Đức Thắng dịch)

107 Chánh văn là lược nhiếp 略攝. Lược là làm rút ngắn, thu nhỏ lại, co cụm lại. Du-già và Thành duy thức dùng từ muội lược 味略.

108 Trung bộ kinh, kinh Bát đoạn, số 111: “Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Sariputta diệt tâm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhưt tâm. Và những pháp thuộc về Thiền thứ hai như nội tĩnh, hỷ, lạc, nhưt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được an trú bất đoạn.” (HT. Thích Minh Châu dịch)



[483a16] 4. **Tứ**: Tự thể của nó là sinh ra từ chủng tử của thức a-lại-da, dựa vào tâm mà sinh khởi, cùng tương ưng với tâm, cùng tâm chuyển hiện; đối với pháp được tầm, có sự hoạt động giảm bớt [phân tán ra] ngoại cảnh, khiến tâm dịch chuyển tinh tế. Nghiệp dụng là chướng ngại sự nội tịnh của tâm. Như trước [chưa có tứ] cho đến tăng trưởng tứ làm nghiệp dụng.

Do tứ và tâm cùng duyên một cảnh, nên nói [tứ và tâm] hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp. Như đức Bạc-già-phạm có nói: “*Ở đây có tứ sát thì ngay đây có liễu biệt; ở đây có liễu biệt thì ngay đây có tứ sát.*” Như vậy, tứ sát và liễu biệt luôn hòa hợp, chẳng phải không hòa hợp. Hai pháp này không thể hoạt động tách rời, riêng khác. Lại nói như vậy: “*Hoạt động của tâm, tâm pháp thì không thể nghĩ bàn.*”

[483a24] Chứng minh có hai pháp này, trong A cấp ma¹⁰⁹, đức Bạc-già-phạm có nói: “*Do dựa vào tâm tứ mà phát khởi ngôn thuyết; chẳng phải không có tâm tứ [mà phát khởi ngôn thuyết].*”¹¹⁰

[483a26] Trong các tâm pháp, nên biết có những điều được lược bớt không nói, có những điều tương ứng thì cần nói rộng. Như thức và tâm pháp thì không thể nghĩ bàn. Cũng vậy, nên biết các tâm pháp ấy triển chuyển hướng vào nhau.

[3. Sắc pháp]

[483a29] **Sắc**: Có mười lăm loại, đó là: đất, nước, lửa, gió, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, một phần của xúc và pháp xứ sở nhiếp sắc.

109 A-hàm (āgama) còn có cách phiên âm khác là A-cấp-ma (阿笈摩).

110 Tạp A-hàm, kinh Già-ma, số 568: “Vì sao hơi thở ra vào gọi là thân hành; có giác, có quán gọi là khẩu hành; có tưởng, tư gọi là ý hành? Này Trưởng giả, hơi thở ra vào là pháp của thân, y nơi thân, thuộc nơi thân, nương nơi thân mà chuyển, do đó hơi thở ra vào gọi là thân hành. Vì có giác, có quán nên miệng nói năng, thế nên có giác, có quán gọi là khẩu hành. Tưởng, tư là ý hành. Nương nơi tâm, thuộc về tâm, y tâm mà chuyển, do đó tưởng, tư là ý hành.”



1. **Đất:** Có hai loại: 1. Đất ở trong; 2. Đất ở ngoài.

Đất ở trong: Là nhóm khác biệt ở trong thân, là sở y chỉ của năm căn: nhãn v.v... và chỗ ở của năm căn, thuộc thể cứng chắc, có tánh chấp thọ¹¹¹. Lại có sự tích tập tăng thượng, đó là các vật bất tịnh như: tóc, lông, móng, răng, cẩu bản, da, thịt, gân, xương, mạch máu v.v... Đó là tự thể của đất ở trong. Nghiệp dụng là thọ dụng hình dáng.

Đất ở ngoài: Là nhóm khác biệt ở ngoài thân, là sở y chỉ của năm cảnh: sắc v.v..., thuộc thể cứng chắc, không có tánh chấp thọ. Lại có sự tích tập tăng thượng, đó là sỏi đá, đồi núi, cây rừng, gạch, v.v...; khi các tai họa do nước, v.v... xảy ra thì chẳng bao lâu chúng bị hoại diệt. Đó là tự thể của đất ở ngoài. Nghiệp dụng của nó bao gồm: thọ dụng hình dáng, thọ dụng y trì¹¹², thọ dụng phá hoại và đối trị nuôi dưỡng¹¹³.

[483b11] 2. **Nước:** Có hai loại: 1. Nước ở trong; 2. Nước ở ngoài.

Nước ở trong: Là nhóm khác biệt ở trong thân, là sở y chỉ của năm căn: nhãn, v.v... và chỗ ở của năm căn, thuộc thể lỏng ướt, có tánh chấp thọ. Lại có sự tích tập tăng thượng, đó là các vật bất tịnh như: nước mũi, nước mắt, nước miếng, mồ hôi, mỡ, tủy, đàm, v.v... Đó là tự thể của nước ở trong. Nghiệp dụng của nó là thọ dụng thấm ướt và tụ tập.

Nước ở ngoài: Là nhóm khác biệt ở ngoài thân, là sở y chỉ của năm cảnh: sắc, v.v..., thuộc thể lỏng ướt, không có tánh chấp thọ. Lại có sự tích tập tăng thượng, đó là suối nguồn, khe ao, hồ to, sông lớn, v.v...; khi các tai họa do lửa, v.v... xảy ra thì chẳng bao lâu chúng bị

111 Chấp thọ (執受, upātta): tánh được tiếp thu, tánh chất gắn với khái niệm vật hữu cơ.

112 Y trì: y tựa lẫn nhau, duy trì lẫn nhau.

113 Tức đối nghịch và hỗ trợ.



giảm cạn. Đó là tự thể của nước ở ngoài. Nghiệp dụng của nó bao gồm: thọ dụng y trì, thọ dụng biến hoại và đối trị nuôi dưỡng.

3. **Lửa:** Có hai loại: 1. Lửa ở trong; 2. Lửa ở ngoài.

Lửa ở trong: Là nhóm khác biệt ở trong thân, là sở y chỉ của năm căn: nhãn, v.v... và chỗ ở của năm căn, thuộc thể nóng ấm, có tánh chấp thọ. Lại có sự tích tập tăng thượng, đó là khả năng ấm khắp, tăng nhiệt trong thân hữu tình; là khả năng tiêu hóa các thức uống ăn. Những thức ấy là tự thể của lửa ở trong. Nghiệp dụng của nó là thọ dụng thành thực và hòa hợp.

Lửa ở ngoài: Là nhóm khác biệt ở ngoài thân, là sở y chỉ của năm cảnh: sắc, v.v..., thuộc thể nóng ấm, không có tánh chấp thọ. Lại có sự tích tập tăng thượng, đó là sự đốt cháy thôn làng, thành trì, lan rộng đến bờ nước, cho đến khoảng đất trống mới tắt, vì không có chỗ dựa; hoặc dùi gỗ, đánh đá, các cách tìm lửa, và lửa này sinh ra không bao lâu thì thành tro tàn. Đó là tự thể của lửa ở ngoài. Nghiệp dụng của nó là thọ dụng biến hoại và đối trị nuôi dưỡng.

4. **Gió:** Có hai loại: 1. Gió ở trong; 2. Gió ở ngoài.

Gió ở trong: Là nhóm khác biệt ở trong thân, là sở y chỉ của năm căn: nhãn, v.v... và chỗ ở của năm căn, thuộc thể lay động, có tánh chấp thọ. Lại có sự tích tập tăng thượng, đó là hơi thở vào ra, lên xuống, đi khắp. Những thức ấy là tự thể của gió ở trong. Nghiệp dụng của nó là thọ dụng phát động và tác sự.

Gió ở ngoài: Là nhóm khác biệt ở ngoài thân, là sở y chỉ của năm cảnh: sắc, v.v..., thuộc thể lay động, không có tánh chấp thọ. Lại có sự tích tập tăng thượng, đó là phá hủy vách núi, đè rạp cây rừng, v.v... Cảnh vật tan hoang rồi, gió mới yên vì không còn chỗ



dựa. Người muốn có gió thì phát áo, vẫy quạt; không phát vẫy tức không có duyên tố nên hết gió. Những thứ ấy là tự thể của gió ở ngoài. Nghiệp dụng của nó bao gồm: thọ dụng y trì, thọ dụng biến hoại và đối trị nuôi dưỡng.

[483c09] 5. **Nhãn**: Là đối tượng chấp thọ của thức Nhất thiết chủng tử a-lại-da; tứ đại sở tạo sắc¹¹⁴ là cảnh giới, duyên với sắc cảnh, làm sở y chỉ cho thức¹¹⁵. Tự thể của nó là tịnh sắc¹¹⁶. Nhãn thuộc về sắc uẩn¹¹⁷, có tánh vô kiến hữu đối¹¹⁸.

Cũng vậy, (6 – 9) **nhĩ, tỷ, thiệt, thân** giống như **nhãn**. Sự sai biệt ở đây là, mỗi căn hiện hành tự cảnh¹¹⁹, duyên với tự cảnh, làm sở y chỉ cho thức.

[483c14] 10. **Sắc**: Là sở hành cảnh¹²⁰ của nhãn, là sở duyên của nhãn thức, do tứ đại tạo thành¹²¹, tự thể là hiển sắc, hình sắc và biểu

114 Tứ đại sở tạo sắc: đó là nhãn căn, nhĩ căn, tỷ căn, thiệt căn, thân căn, sắc, thanh, hương, vị, một phần của xúc và vô biểu sắc.

115 Sáu thức, nói chung là thức, chỉ tác dụng liễu biệt cảnh.

116 Tịnh sắc: tánh chất minh tịnh, trong suốt của vật chất. Căn có 2 phần: phần lộ ra ngoài, dễ trông thấy bằng mắt thường, gọi là phủ trần *căn* (*giác quan thô phủ*), và phần ẩn kín tinh tế bên trong, không thể thấy được bằng mắt thường, gọi là *thắng nghĩa căn*, hoặc *tịnh sắc căn* (giác quan vi tế).

117 Sắc uẩn gồm 10 xứ và 10 giới. Mười xứ là nhãn xứ, sắc xứ, v.v., cho đến thân xứ, xúc xứ. Về giới, mười giới là nhãn giới, sắc giới, v.v., cho đến thân giới, xúc giới.

118 Trong 18 giới (6 căn, 6 thức và 6 cảnh), sắc giới thuộc hữu kiến, các giới còn lại đều thuộc vô kiến. Mười giới thuộc sắc uẩn thuộc về hữu đối. Kiến, là vật thể có thể được chỉ cho thấy một cách thích đáng với sự đặc thù. Đối, là sự đối kháng, có 3: đối kháng bằng sự ngăn che, đối kháng bởi môi trường và đối kháng bởi đối tượng. *Vô kiến hữu đối*: như âm thanh ta không thấy được nhưng nó có đối ngại. Âm thanh trong phòng kín, người ở ngoài không nghe được, nên nó là sắc vô kiến hữu đối. Vị xúc, như ngọt, ướt, nóng, lạnh, cứng, mềm... mắt ta không thấy được, nó thuộc về xúc trần. Mắt không thấy nhưng nó có đối ngại nên nó là vô kiến hữu đối.

119 Tự cảnh của nhĩ, tỷ, thiệt, thân là thanh, hương, vị, xúc.

120 Sở hành cảnh 所行境 = cảnh, cảnh giới, chỉ cho môi trường hoạt động.

121 Bốn đại chủng (đất, nước, lửa, gió) làm chỗ dựa, phát sanh và duy trì các sở tạo sắc là sắc, hương, vị và xúc.



sắc¹²², thuộc về sắc uẩn, có tánh hữu kiến hữu đối. Sắc có ba loại: đẹp, không đẹp và trung dung. Sắc thái thế nào? Đó là xanh, vàng, đỏ, trắng, các màu sắc đại loại như thế, dài, ngắn, vuông, tròn, thô, tế, cao, thấp, thẳng, nghiêng, khối, mây, bụi, sương, ánh sáng, bóng ảnh, sáng, tối, bầu trời một màu sắc¹²³, sắc của các ảnh tượng, đó được gọi là sắc.

[483c20] 11. **Thanh**: Là sở hành cảnh của nhĩ, là sở duyên của nhĩ thức, do tứ đại tạo thành, tự thể là âm thanh có thể nghe được, thuộc về sắc uẩn, có tánh vô kiến hữu đối. Thanh có ba loại: vừa ý, không vừa ý và trung tánh¹²⁴. (1) Hoặc dùng tay, v.v... vỗ gõ vào nhau mà tạo ra âm thanh; hoặc tìm tòi mà gảy đàn, vỗ trống; (2) hoặc dựa thể tục¹²⁵, hoặc vì nuôi thân mạng, hoặc tuyên dương pháp nghĩa mà khởi lời nói; (3) hoặc nhờ hẻm núi, mụm vòm hang mà phát tiếng vang. Như vậy, tự tướng, phân biệt hay hưởng âm¹²⁶ đều gọi là thanh.

[483c26] 12. **Hương**: Là sở hành cảnh của tỷ, là sở duyên của tỷ thức, do tứ đại tạo thành, tự thể là vật chất có thể ngửi được, thuộc về sắc uẩn, có tánh vô kiến hữu đối. Hương có ba loại: thơm, hôi và

122 Theo Du-già sư địa luận, quyển 1, 279b04, thì có 3 thứ sắc: hiển sắc, hình sắc và biểu sắc. 1. Hiển sắc (màu sắc), như xanh, vàng, đỏ, trắng, ánh sáng, bóng tối, mây, khối, bụi, sương và hư không, v.v... 2. Hình sắc (hình dạng), như dài, ngắn, vuông, tròn, to nhỏ, lớn bé, thẳng cong, cao thấp, v.v..., là những tướng trạng của các sắc pháp. 3. Biểu sắc (hình thái), là những động tác như đi, đứng, ngồi, nằm, lẩy, bò, co, duỗi, v.v... Biểu sắc này theo nhau sinh diệt, vì nhân biến đổi, nên không sinh lại ở cùng một chỗ sinh ra trước đó, mà chuyển dời đến chỗ khác. Hình thái của động tác trước sau hoặc có gián đoạn, hoặc không gián đoạn, hoặc gần, hoặc xa đều vì sai khác mà sinh, hoặc ở ngay chỗ ấy biến đổi mà sinh. Thuyết nhất thiết hữu bộ và Câu xá tông của tiểu thừa chỉ lập hiển sắc và hình sắc chứ không lập biểu sắc. Câu xá luận, quyển 1: "Sắc có 2: một, hiển sắc; hai, hình sắc. Hiển sắc có 4: xanh, đỏ, vàng, trắng; các màu khác chỉ là màu phụ của bốn màu trên. Hình sắc có 8: là dài, ngắn, vuông, tròn, cao, thấp, bằng và không bằng." Thuyết nhất thiết hữu bộ đem biểu sắc nhiếp thuộc vào hình sắc.

123 Một phần màu sắc của không giới, như màu đỏ nhạt, đỏ đậm, xanh, đen, vàng sẫm.

124 Chánh văn là câu tương vi (trái ngược với cả hai).

125 Chỉ cho ngôn ngữ thể tục.

126 Tự tướng là âm thanh do hữu tình tạo ra nhưng không phải ngôn ngữ (nhân tố là vừa chấp thọ đại chủng, vừa không chấp thọ đại chủng). Phân biệt là âm thanh chính là ngôn ngữ (nhân tố là chấp thọ đại chủng). Hưởng âm là âm thanh do phi hữu tình tạo ra (nhân tố là không chấp thọ đại chủng).



không thơm không hôi¹²⁷. Hương như thế nào? Đó là mùi của rễ cây, cọng, vỏ, lá, hoa, quả, khói, hương bột, v.v... Hoặc câu sinh, hoặc hòa hợp, hoặc biến dị¹²⁸, đều gọi là hương.

13. **Vị:** Là sở hành cảnh của thiết, là sở duyên của thiết thức, do tứ đại tạo thành, tự thể là vật chất có thể nếm, thuộc về sắc uẩn, có tánh vô kiến hữu đối. Vị có ba loại: ngon, không ngon và trung dung¹²⁹. Vị như thế nào? Đó là vị của bơ, đường cát, đường phèn, trái cây chín, v.v... Hoặc câu sinh, hoặc hòa hợp, hoặc biến dị¹³⁰, đều gọi là vị.

14. **Một phần của xúc:** Là sở hành cảnh của thân, là sở duyên của thân thức, do tứ đại tạo thành, tự thể là vật chất có thể cảm xúc, thuộc về sắc uẩn, có tánh vô kiến hữu đối. Xúc có ba loại: tốt, không tốt và trung dung. Xúc như thế nào? Đó là nhám trơn, nhẹ nặng, chậm gấp, ấm lạnh, đói khát, no căng, khỏe yếu, ngứa, bệnh, già, chết, thờ đốc, dính cứng, hoặc duyên với mịn màng hay không mịn màng, hoặc duyên với chắc thật hay không chắc thật, hoặc duyên với trói buộc, hoặc duyên với dồn nén, hoặc duyên với trái nghịch, hoặc duyên với hòa thuận. Hoặc câu sinh, hoặc hòa hợp, hoặc biến dị, đều gọi là một phần của xúc¹³¹.

127 Mùi thơm (hào hương), mùi dễ chịu, như trầm hương. Mùi hôi (ổ hương), mùi khó ngửi, như mùi tanh của cá, mùi hẹ v.v. Phạm loại túc luận chia thành hào hương, ổ hương, bình đẳng hương (quyển 1, tr. 692c23). Bình đẳng hương là không thơm hôi. A-tỳ-đạt-ma đại tỷ-bà-sa luận lại chia thành 4 là hào hương, ổ hương, bình đẳng hương và bất bình đẳng hương (quyển 13, tr. 64c10).

128 Câu sanh như mùi cây trầm hương. Hòa hợp như mùi nước hoa. Biến dị như mùi khói đốt rom rạ.

129 A-tỳ-đạt-ma đại tỷ-bà-sa luận chia thành sáu thứ là ngọt, chua, mặn, cay, đắng và lạt. (quyển 1, tr. 64c21)

130 Câu sanh như trái cây. Hòa hợp như món ăn. Biến dị như sữa chế biến thành bơ.

131 Đại thừa quảng ngữ uẩn luận (tr. 851a26): "Một phần của xúc là gì? Là đối tượng của thân, trừ bốn đại chủng, tức là những đối tượng có tánh trơn, tánh nhám, tánh nặng, tánh nhẹ, lạnh, đói, khát."



[484a13] 15. **Pháp xứ sở nhiếp sắc**¹³², là sở hành cảnh của ý trong tất cả thời gian, thuộc về sắc uẩn, có tánh vô kiến hữu đối. Pháp xứ sở nhiếp sắc có ba loại: luật nghi sắc, bất luật nghi sắc và tam-ma-địa sở hành cảnh sắc. Thế nào là luật nghi sắc? Là sự phòng hộ thân nghiệp và ngữ nghiệp, từ đó tăng thượng sự tạo tác tâm và tâm pháp, và dựa vào *pháp không hiện hành*¹³³ mà thiết lập sắc tánh¹³⁴. Thế nào là bất luật nghi sắc? Là sự không phòng hộ thân nghiệp và ngữ nghiệp, từ đó tăng thượng sự tạo tác tâm và tâm pháp, và dựa vào đó *pháp hiện hành* mà thiết lập sắc tánh¹³⁵. Thế nào là tam-ma-địa sở hành cảnh sắc? Là tam-ma-địa bậc thấp, bậc vừa và bậc cao¹³⁶ cùng chuyển hiện, tương ưng với tâm và tâm pháp, khởi sắc tánh của ảnh tượng mà

132 Pháp xứ sở nhiếp sắc còn gọi là pháp xứ sắc, là sắc pháp thứ 11 trong 11 sắc pháp trong Duy thức (5 căn, 5 cảnh và pháp xứ sắc). Xứ trong pháp xứ là chỗ nương tựa và nuôi lớn tâm sở, chia làm 12 loại gọi là thập nhị xứ (6 căn và 6 cảnh). Pháp cảnh trong 12 xứ là đối cảnh khách quan của ý căn. Pháp xứ bao gồm 11 xứ kia cùng làm nhiệm vụ trường dưỡng tâm và tâm sở. Trong tất cả sắc pháp, hễ pháp nào bị gom vào pháp xứ thì gọi là pháp xứ sở nhiếp sắc. Pháp xứ sở nhiếp sắc có 5 loại: 1. Cực lược sắc: đơn vị vật chất nhỏ nhất do phân tách thực sắc của 5 cảnh và 5 căn. Tiểu thừa Hữu bộ cho nó là vật có thực, và thuộc về sắc xứ, sở duyên của nhãn thức, nhưng đại thừa Duy thức thì cho nó có là do phân tích trên mặt giả tướng, và thuộc về pháp xứ, sở duyên của ý thức; 2. Cực huỳnh sắc: còn gọi là tự ngại sắc, chỉ cho những hiện sắc không đủ tánh ngăn ngại của không giới, như màu sắc, sáng, tối; 3. Thọ sở dẫn sắc: còn gọi là vô biểu sắc, là sắc không nêu bày ra được, như khi thọ giới, ý thức lãnh thọ giới pháp, mà dẫn phát sắc ở trong thân, nên gọi là thọ sở dẫn sắc (sắc do thọ giới dẫn phát); 4. Biến kế sở khởi sắc: là sắc pháp do ý thức vọng tưởng phân biệt mà sanh ra, như ý thức duyên với 5 căn, 5 cảnh mà khởi sanh tác dụng kể đặc, nên nội tâm biến hiện ra ảnh tượng sắc pháp, như hoa đốm giữa hư không, bóng trắng trong nước, ảnh tượng trong gương, đều xếp vào loại sắc pháp này; 5. Định quả sắc: còn gọi là định sở sanh tự tại sắc, chỉ các cảnh sắc, thanh, hương, vị do năng lực thiền định biến hiện, như người quán tưởng đến Phật thấy hình ảnh đức Phật. Hiển dương, quyển 18, phẩm Nhiếp thắng quyết trạch, nói pháp xứ sở nhiếp sắc có 12 tướng.

133 Bất hiện hành pháp 不現行法: là phòng hộ tội lỗi [nơi ý niệm]. Hiện hành pháp, là đã phát khởi thân thể và lời nói.

134 Không hiện hành tội lỗi, vì được phòng hộ.

135 Hiện hành thân nghiệp và ngữ nghiệp, vì không được phòng hộ.

136 Tam-ma-địa bậc thấp là đặc tam-ma-địa; bậc vừa là tam-ma-địa viên mãn, và bậc cao là tam-ma-địa tự tại. Đặc tam-ma-địa là tu tập chỉ - cử - xả tướng, nhiếp nội tâm xa-ma-tha, viễn ly ái lạc, được pháp tỷ-bát-xá-na, chứng nhập căn bản tịnh lự. Tam ma địa viên mãn là chứng đắc gia hành cứu cách quả hoặc đệ tử tịnh lự. Tam-ma-địa tự tại là tâm thanh tịnh, rời tùy phiền não, được bất động, dẫn phát tất cả thần thông.



tam-ma-địa duyên với, cũng như khởi sắc tánh của thành tựu mà tam-ma-địa tạo ra. Đó gọi là pháp xứ sở nhiếp sắc.

[4. Tâm bất tương ưng hành]

Tâm bất tương ưng hành là các hành không tương ưng với tâm; đối với các phần vị [sai biệt] là tâm, tâm pháp và sắc pháp, các hành chỉ có tánh giả thi thiết¹³⁷, không thể quy ước¹³⁸ là đồng nhất hay biệt lập với tâm, tâm sở và sắc pháp¹³⁹.

Các hành sai biệt có hai mươi bốn loại: *đắc, vô tướng định, diệt tận định, vô tướng thiên, mạng căn, chủng đồng phận, sinh, lão, trụ, vô thường, danh thân, cú thân, văn thân, dị sinh tánh, lưu chuyển, định dị, tương ưng, thứ đệ, thể tức, thời, phương, số, hòa hợp, bất hòa hợp*¹⁴⁰. Lại có những loại pháp khác như thế, có chủng loại sai biệt, phải biết.

1. **Đắc:** Lại có ba loại: 1. Tánh tương tục sai biệt của chủng tử chư hành được nhiếp trì¹⁴¹; 2. Tánh tương tục sai biệt của tự tại sinh khởi¹⁴²; 3. Tánh tương tục sai biệt của tự tướng sinh khởi¹⁴³.

137 Các hành này chỉ dựa vào 3 phần là tâm vương, tâm sở và sắc pháp mà giả thành lập. Nói cách khác, đó là sự thi thiết giả danh của tâm mà thôi. Giả, nghĩa là hiện thức xuất hiện tương tự tướng của cái ấy.

138 Chánh văn là thi thiết. Thi thiết là dị danh của an lập. Kiến lập phát khởi cũng gọi là thi thiết.

139 Chánh văn là tâm đẳng pháp, là nói tắt cho tâm, tâm sở và sắc pháp.

140 Trong chánh văn giải thích 24 tâm bất tương ưng hành, để ý sẽ thấy cuối mỗi câu đều có chữ tánh (không được dịch, vì dịch làm rối thêm). Tánh, được hiểu là thi thiết, giả lập, quan niệm, khái niệm. Đó là khái niệm liên quan đến hình thức tồn tại. Tâm bất tương ưng hành pháp có nghĩa là các pháp không giống với những tác dụng tâm lý của người ta và tánh chất của tác dụng đó (đồng thời, chúng cũng lại khác với những tác dụng vật chất), nhưng chúng có ý nghĩa ở khoảng giữa tâm và vật.

141 Còn gọi là chủng tử thành tựu. Thành tựu là sự thủ đắc mà chưa mất.

142 Gia hành chủng tử các thiện pháp v.v..., thì có công năng thủ thắng khởi hiện hành, rồi được tự tại, gọi là tự tại sinh khởi (còn gọi là tự tại thành tựu).

143 Không có gia hành sinh khởi, tức chỉ có hiện hành sinh khởi, gọi là tự tướng sinh khởi (còn gọi là hiện hành thành tựu).



2. **Vô tướng định:** Là đã rời ý muốn trú cõi Biến tịnh¹⁴⁴, nhưng chưa rời ý muốn trú các địa ở trên, quán tưởng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn¹⁴⁵, chỉ có sự tịch tĩnh vi diệu của Vô tướng thiên. Do ở trong Vô tướng thiên, khởi tiền phương tiện¹⁴⁶ bằng tác ý về sự xuất ly tưởng, khiến tâm và tâm pháp không thường hiện hành bị diệt.

3. **Diệt tận định:** Là đã rời ý muốn trú cõi Vô sở hữu xứ, [Thánh giả] nhập Phi tướng phi phi tướng xứ định, rồi tiến lên nữa; hoặc [phàm phu] nhập Vô tướng thiên¹⁴⁷, rồi tiến lên nữa; do khởi tiền phương tiện bằng tác ý về sự tạm tức tưởng, khiến ngưng dứt sở duyên, là *tâm và tâm pháp không thường hiện hành*¹⁴⁸ bị diệt, và một phần *tâm và tâm pháp thường hiện hành*¹⁴⁹ bị diệt.

4. **Vô tướng thiên:** Là trước ở nơi này đắc vô tướng định, sau

144 Trung A-hàm, kinh Ý hành, số 168: "Lại nữa Tỳ-kheo, ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trụ, chánh niệm, chánh trí mà thân cảm giác lạc, điều được Thánh gọi là được Thánh xả, niệm, lạc trụ, chứng đệ Tam thiên, thành tựu an trụ. Đối với định này, vị ấy vui sướng muốn trụ ở đó. Đối với định lạc này, vị kia vui sướng muốn trụ ở đó, tất có trường hợp này, trụ nơi đó, khoái lạc nơi đó, thân hoại mạng chung sanh vào cõi Biến tịnh thiên. Các trời Biến tịnh sanh ở đó, sống ở đó, thọ hưởng diệu lạc do ly hỷ; và Tỳ-kheo sống ở đây nhập Tam thiên này, thọ hưởng diệu lạc do ly hỷ. Diệu lạc do ly hỷ này không có sai khác, cả hai đều đồng nhau. Vì sao vậy? Vì trước tiên ở đâu hành định, sau đó sanh vào chỗ kia. Kia đối với định này, tu như vậy, tập như vậy, phát triển như vậy, sẽ sanh trong cõi Biến tịnh thiên. Như vậy là ý hành sanh." (Thích Tuệ Sỹ dịch)

145 Tập A-hàm, kinh Vô gián đẳng, số 259: "Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Ma-ha Câu-hi-la, A-la-hán lại cũng tư duy năm thọ ám này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì để được điều chưa được, để chứng pháp chưa chứng, để có hiện pháp lạc trú." Bốn tư duy thẳng tiến: 1. Để đắc pháp chưa đắc, chỉ quả Tu-đà-hoàn; 2. Lãnh hội pháp chưa lãnh hội, chỉ Tu-đà-hàm; 3. Chứng pháp chưa chứng, chỉ A-la-hán; 4. Hiện pháp lạc trú: A-la-hán không còn gì phải học nữa, nhưng luôn luôn tu tập tứ thiên để có hiện pháp lạc trú.

146 Tiền phương tiện còn gọi là gia hành, chỉ cho gia hành định, tức sự nỗ lực của định. Sự khác biệt giữa vô tướng định và diệt tận định là khác biệt về gia hành: "Vô tướng định được dẫn đầu bởi tác ý về xuất ly tưởng; diệt tận định chỉ bởi tức tưởng." (Câu xá luận, quyển 5, tr. 25c14)

147 Chánh văn là vô tướng định, đó là quả dị thực của vô tướng định, tức vô tướng thiên. Theo Đại trí độ luận, Giải thích: Thiên ba-la-mật: "Vô tướng có 3 là vô tướng định, diệt thọ tưởng định và vô tướng thiên."

148 Không thường hiện hành là 6 chuyển thức.

149 Thường hiện hành là a-lại-da thức và ý nhiễm ô.



đó sinh về Vô tướng hữu tình thiên xứ¹⁵⁰, do *tâm* và *tâm pháp* không thường hiện hành bị diệt.¹⁵¹

5. **Mạng căn:** Là nghiệp đời trước dẫn dắt, thức dị thực quyết định thời gian mà sáu xứ¹⁵² an trú.

6. **Chúng đồng phạm:** Là các hữu tình có những đặc điểm tương tự.

7. **Dị sinh tánh**¹⁵³: Có hai loại: một, ngu phu dị sinh tánh; hai, vô văn dị sinh tánh. *Ngu phu dị sinh tánh*, là tánh ngu phạm trong thân hữu tình từ đời vô thi đến nay. *Vô văn dị sinh tánh*, là pháp của các tà đạo ở ngoài pháp của Như lai.

8. **Sinh:** Là tự tướng của các hành phát khởi.

9. **Lão:** Là sự biến dị của các hành trước và sau.

10. **Trụ:** Là các hành ở giai đoạn sinh thì liên tục, không ngừng.

11. **Vô thường:** Là tự tướng của các hành sau khi sinh thì hoại diệt.

150 Câu xá luận, quyển 5 (tr. 24b19): “Dị thực ở trên Quảng quả ... Trong trời Quảng quả, có vị trí cao nhất, như trung gian tĩnh lực, được gọi là Vô tướng thiên. Vô tướng hữu tình cư trú tại đó.” Trong Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập luận,

151 A-tỳ-đạt-ma tập luận: “Sự diệt tận của các tâm và tâm pháp vốn không thường hiện hành nơi chúng sinh đã sinh trong các trời hữu tình vô tướng; y trên sự diệt tận này mà thiết lập vô tướng dị thực.” (tr. 700b12)

152 Lục xứ là lục nhập của 12 chi phần duyên khởi. Sáu xứ gồm sáu nội xứ (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý căn) và sáu ngoại xứ (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp).

153 Dị sanh tánh: Hàng phạm phu, đặc tánh khiến cho chúng sanh thành kẻ phạm phu. Đặc tánh đó chính là vô minh, cho nên vô minh là ý nghĩa của dị sanh tánh. Xưa người ta dịch là phạm phu tánh. Thành duy thức luận thuật ký, quyển 3: “Dị có hai nghĩa là biệt dị và biến dị. Biệt dị chỉ cho phạm phu thọ sanh khác nhau trong năm đường (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, trời); biến dị chỉ cho phạm phu do vì trải qua nhiều loại chuyển biến thọ sanh khác nhau mà khởi lên những tà kiến sai biệt. Do đó, có thể nói rằng, dị sanh là những sanh loại khác hẳn với Thánh giả. Tánh chất làm các sanh loại khác với Thánh giả là ‘thú’ và ‘kiến’, nghĩa là sự thọ sanh thú hưởng đến năm đường và chất chứa kiến giải sai lầm, tánh chất đó được gọi là dị sanh tánh.” Đại Tỳ bà sa luận, quyển 45 (tr. 231c14): “Những tánh chất khiến cho chúng sanh hữu tình phát khởi những nhận thức khác nhau, phiền não khác nhau, tạo nghiệp khác nhau, thọ quả báo khác nhau và tự thể khác nhau, gọi là dị sanh tánh”.



12. **Danh thân:** Là giải bày các hành v.v... tự thể các pháp là những khái niệm giả lập.

13. **Cú thân:** Là tập hợp các danh từ để diễn đạt nghĩa nhiệm tịnh, là sở y của ngôn thuyết.

14. **Văn thân:** Là chữ cái làm sở y cho danh thân và cú thân.

15. **Lưu chuyển:** Là nhân quả của các hành liên tục, không ngừng.

16. Định dị: Là nhân quả của các hành có nhiều dị biệt.

17. **Tương ưng:** Là nhân quả của các hành thì tương xứng¹⁵⁴.

18. **Thế tốc:** Là các hành lưu chuyển nhanh chóng.

19. **Thứ đệ:** Là các hành lưu chuyển có thứ tự.

20. **Thời:** Là các hành triển chuyển sinh diệt trong từng sát na¹⁵⁵.

21. **Phương:** Là các sắc hành phân bố như nhau [ở các phương hướng].

22. **Số:** Là các hành, v.v... mỗi một sai biệt tương tục, thể tướng lưu chuyển.

23. **Hòa hợp:** Là các hành do nhiều duyên tập hợp.

24. **Bất hòa hợp:** Là các hành do nhiều duyên chống trái.

[5. Vô vi]

[484b28] *Vô vi* có tám loại: hư không, phi trạch diệt, trạch diệt, bất động, tướng thọ diệt, thiện pháp chân như, bất thiện pháp chân như, vô ký pháp chân như.

154 Quan hệ nhất định, sự tương thuận của nhân quả, như bố thí thì cảm báo giàu có.

155 Chánh văn là tân tân sinh diệt (新新生滅), là niệm vô thường hay sát na vô thường, tức chuyển biến trong từng sát na.



1. **Hư không**: Là đối tượng của tâm và tâm pháp, tức cảnh giới đối trị ngoại sắc¹⁵⁶.

2. **Phi trạch diệt**: Là nhân duyên chưa tập hợp, ở khoảng giữa ấy, các hành không khởi diệt, nhưng chẳng phải ly hệ¹⁵⁷.

3. **Trạch diệt**: Là do phương tiện tuệ¹⁵⁸ mà các hành hữu lậu hoàn toàn không khởi diệt, và đó là ly hệ.

4. **Bất động**: Là rời ý muốn trú cõi Biến tịnh, đặc đệ tứ tĩnh lực¹⁵⁹, ở khoảng giữa ấy, ly hệ đối với khổ lạc.¹⁶⁰

5. **Tưởng thọ diệt**: Là rời ý muốn trú cõi Vô sở hữu xứ, nhập diệt tận định, ly hệ vì tâm và tâm pháp không thường hiện hành bị diệt, và vì một phần tâm và tâm pháp thường hiện hành bị diệt.

6. **Thiện pháp chân như**: Là cảnh giới thanh tịnh nơi thiện pháp

7. **Bất thiện pháp chân như**: Là cảnh giới thanh tịnh nơi bất thiện pháp.

8. **Vô ký pháp chân như**: Là cảnh giới thanh tịnh nơi vô ký pháp.¹⁶¹

[484c10] Lại nữa, năm pháp như vậy (tâm, tâm sở hữu pháp, sắc pháp, bất tương ưng hành pháp, vô vi) còn có ba sắc thái, nên biết: 1.

¹⁵⁶ Hư không có tánh không chướng ngại, nhờ đó ngoại sắc có thể hoàn thành tự thể của nó: "Nhờ vô ngại nên sắc pháp luân lưu trong đó".

¹⁵⁷ Đại thừa quảng ngữ uẩn luận: "Ly hệ là gì? Là đối trị phiền não rồi, thì các uẩn hoàn toàn không sanh nữa." (tr. 854c27)

¹⁵⁸ Tuệ phương tiện (慧方便, Skt. jñānopāya): phương tiện của trí tuệ hay do bởi trí tuệ.

¹⁵⁹ Theo Câu xá luận, đệ tứ tĩnh lực được gọi là bất động bởi vì đã thoát khỏi tám tai hoạn, đó là tầm, tứ, lạc, khổ, hỷ, ưu, hơi thở vào, hơi thở ra. Cả tám loại này đều không có ở đệ tứ tĩnh lực vì thế chỉ có tĩnh lực này là bất động.

¹⁶⁰ Khi thoát ly dục tham của đệ tam tĩnh lực (Biến tịnh dục) để đạt được sự diệt trừ hết thảy khổ lạc, chân như khi ấy được gọi là Bất động vô vi.

¹⁶¹ Thắng nghĩa của các pháp chính là chân như hay như như tánh, vì trong tất cả mọi thời gian, tự thể của nó như là chính nó.



Sắc thái tăng ích; 2. Sắc thái tăng ích sở khởi; 3. Sắc thái pháp tánh.

Sắc thái tăng ích: Là tự tánh biến kế sở chấp nơi các pháp.

Sắc thái tăng ích sở khởi: Là tự tánh y tha khởi nơi các pháp tương ứng với nó.

Sắc thái pháp tánh: Là tự tánh viên thành thật nơi các pháp.

Như vậy đã nói xong **nhất thiết**, nay sẽ nói về **giới**.

Kệ tụng:

Giới: Dục, Sắc, Vô sắc

Và tam thiên thế giới. (kệ 2cd)

[484c16] Luận giải: Giới có hai loại: 1. Tam giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới; 2. Tam thiên thế giới.

1. **Tam giới**: 1. Dục giới, là [hành giả] chưa rời địa vị ở cõi Dục, còn phiền não tạp nhiễm và các uẩn sai biệt; 2. Sắc giới, là [hành giả] đã rời địa vị ở cõi Dục¹⁶², nhưng còn phiền não tạp nhiễm và các uẩn sai biệt; 3. Vô sắc giới, là [hành giả] đã rời địa vị ở cõi Dục và cõi Sắc, cũng còn phiền não tạp nhiễm và các uẩn sai biệt.

Trong tam giới lại còn có năm thứ sai biệt: 1. Tướng sai biệt; 2. Thô trọng sai biệt; 3. Phương xứ sai biệt; 4. Thọ dụng sai biệt; 5. Nhiệm trì sai biệt.

Tướng sai biệt, là trong cõi Dục có nhiều sắc tướng, những tướng không trong sạch và các thứ tạp tướng; trong cõi Sắc có ít sắc tướng, những tướng trong sạch và không có tạp tướng; còn cõi Vô sắc tuy thuộc về không nghiệp nhưng cũng có sắc, mà sắc thuộc về định,

¹⁶² Ly dục địa: địa vị đã rời cõi Dục. Ở địa vị này, hành giả tu tập và diệt trừ hoàn toàn các phiền não gốc rễ của cõi Dục, cho nên vĩnh viễn không còn tái sanh vào cõi Dục nữa, tương đương với A-na-hàm, quả vị thứ ba trong bốn quả vị của cỗ xe Thanh văn.



về vô kiến, vô đối. Lại nữa, trong cõi Dục có tướng khổ thọ tương ưng, tướng sân khuể tương ưng và tướng nhiều tùy phiền não tương ưng. Trong cõi Sắc và Vô sắc có tướng khổ thọ bất tương ưng, tướng sân khuể bất tương ưng và tướng ít tùy phiền não tương ưng.

Thô trọng sai biệt, là trong cõi Dục có những sự thô trọng¹⁶³ phân thô mà tổn hại; trong cõi Sắc và Vô sắc sự thô trọng phân tế mà không tổn hại.

Phương xứ sai biệt, là cõi Dục ở phương dưới, cõi Sắc ở phương trên, còn cõi Vô sắc thì không phương xứ.

Thọ dụng sai biệt, là [chúng sinh] cõi Dục thọ dụng cảnh giới bên ngoài, [chúng sinh] cõi Sắc và Vô sắc thọ dụng cảnh giới bên trong.

Nhiệm trì sai biệt, là các uẩn dựa vào bốn loại thức ăn¹⁶⁴ mà trú trong cõi Dục triền; các uẩn dựa vào ba loại thức ăn¹⁶⁵ mà trú trong cõi Sắc triền và Vô sắc triền.

2. Tam thiên thế giới: (1) Tiểu thiên thế giới; (2) Trung thiên thế giới; (3) Đại thiên thế giới.

Một thế giới có một mặt trời và một mặt trăng chiếu soi. Như vậy, trong một ngàn thế giới có một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng,

163 Hiển dương, quyển 19, 573b17: Thô trọng có 20 loại: 1. Tánh chấp thô trọng; 2. Tánh phiền não thô trọng; 3. Tánh nghiệp thô trọng; 4. Phiền não chướng thô trọng; 5. Sở tri chướng thô trọng; 6. Định chướng thô trọng; 7. Nghiệp chướng thô trọng; 8. Báo chướng thô trọng; 9. Cái chướng thô trọng; 10. Bất chánh tâm tư thô trọng; 11. Sân não thô trọng; 12. Sợ hãi thô trọng; 13. Nhọc nhằn thô trọng; 14. Thức ăn thô trọng; 15. Miên mộng thô trọng; 16. Dâm dục thô trọng; 17. Đại chủng chống trái thô trọng; 18. Thời phần biến dị thô trọng; 19. Tử thô trọng; 20. Biến hành thô trọng.

164 Bốn loại thức ăn là đoạn thực, xúc thực, ý tư thực và thức thực. Tạp A-hàm, kinh số 378, Hữu tham: “Có bốn loại thức ăn giúp ích cho chúng sanh, khiến được nuôi lớn và sống còn ở đời. Những gì là bốn? Đó, một là thức ăn thô từng nắm; hai là thức ăn tế bằng xúc chạm; ba là thức ăn bằng ý chí; bốn là thức ăn của thức. Nếu các Tỷ-kheo nào đối với bốn loại thức ăn này mà có tham, có hỷ, thì thức tồn tại và tăng trưởng, cho đến tụ tập thuần một khối khổ lớn.” (Thích Đức Thắng dịch)

165 Ba loại thức ăn là xúc thực, ý tư thực và thức thực.



một ngàn núi Tô-mê-lô lớn¹⁶⁶, một ngàn Nam Thiệm-bộ châu, một ngàn Đông Tỳ-đề-ha châu, một ngàn Tây Cù-đà-ni châu, một ngàn Bắc Câu-lô châu, một ngàn Tứ đại vương chúng thiên, một ngàn Tam thập tam thiên, một ngàn Dạ ma thiên, một ngàn Đổ sử đa thiên, một ngàn Lạc biến hóa thiên, một ngàn Tha hóa tự tại thiên, một ngàn Phạm thế thiên, hợp lại thành một *tiểu thiên thế giới*. Một ngàn tiểu thiên thế giới hợp thành một *trung thiên thế giới*. Một ngàn trung thiên thế giới hợp thành một đại thiên thế giới.

Hỏi: Lý do gì tiểu thiên thế giới gọi là kém nhỏ?

Đáp: Giống như con trâu đực gãy mất hai sừng, vì sự giảm thiểu nên gọi là kém nhỏ. Cũng vậy, từ cõi Phạm thế thiên trở xuống, trong đó có ngàn thế giới không bằng những cõi trên, nên gọi là kém nhỏ.

Tam thiên thế giới bị ba thứ tai kiếp hủy hoại, đó là tai kiếp lửa, tai kiếp nước và tai kiếp gió. Có giới hạn tốt cùng của ba tai kiếp, đó là cõi đệ nhị tinh lự, cõi đệ tam tinh lự và cõi đệ tứ tinh lự¹⁶⁷. Ở cõi đệ

166 Núi Tô-mê-lô (蘇迷盧) hay còn gọi là núi Tu Di. Núi này là trung tâm của một tiểu thế giới. Trong thế giới này, thấp nhất là phong luân, trên là thủy luân, trên nữa là kim luân (hay địa luân), tiếp đến là cửu châu bát hải, gồm các núi Tri Song, Tri Trục, Thiềm Thủy, Thiện Kiến, Mã Nhĩ, Chướng Ngại, Tri Biên; các núi này cao bốn vạn hai ngàn do tuần, do thất bảo hợp thành. Đó là tám núi và tám biển vây chung quanh núi Tu Di, lấy Tu Di làm trung tâm. Núi Tu Di chân cắm sâu xuống nước tám vạn do tuần, nhô lên khỏi mặt nước tám vạn do tuần, đỉnh núi cung điện của Đế Thích (cung trời Đạo Lợi) cũng rộng tám vạn do tuần, ngang sườn núi là các cung trời của Tứ Thiên Vương - bốn vị thần bảo hộ pháp giới. Vây quanh núi Tu Di có bảy Hương Hải và bảy Kim Sơn. Ngoài núi Kim Sơn thứ bảy có Hàm Hải (biển mặn) rộng tám vạn bốn ngàn do tuần, núi vây ngoài biển là Thiết Sơn. Một mô hình tiểu thế giới như vậy gồm tám biển và chín núi, gọi là “cửu sơn bát hải”. Tứ Đại châu (Đông Thắng thần châu, Tây Ngưu hóa châu, Bắc Câu lô châu và Nam Thiệm bộ châu (địa cầu) nằm ở bốn phương của Hàm Hải. Núi Tu Di cùng nhật nguyệt chiếu khắp bốn châu.

167 Chỉ cho Quang âm thiên (光音天), cao nhất trong ba tầng trời Nhị thiên; Biến tịnh thiên (遍淨天), cao nhất trong ba tầng Tam thiên thiên; và Quả thật thiên (果實天), tầng thứ ba Tứ thiên thiên. Trường A-hàm, kinh Thế ký, phẩm Tam tai: “Khi tai kiếp lửa khởi lên, cháy lên cho đến Quang âm thiên, thì Quang âm thiên là giới hạn. Khi tai kiếp nước khởi lên, ngập cho đến Biến tịnh thiên, thì Biến tịnh thiên là giới hạn. Khi tai kiếp gió khởi lên, thổi cho đến Quả thật thiên, thì Quả thật thiên là giới hạn.”



tứ tĩnh lực¹⁶⁸, cung điện cư trú của chư thiên cùng khởi cùng diệt¹⁶⁹ một cách tự nhiên.

Tam thiên thế giới còn có ba kiếp nạn khởi lên, đó là đói kém, dịch bệnh, chiến tranh.¹⁷⁰

Hai mươi trung kiếp, thế giới đúng lúc hoại. Hai mươi trung kiếp, thế giới hoại rồi trụ. Hai mươi trung kiếp, thế giới đúng lúc thành. Hai mươi trung kiếp, thế giới thành rồi trụ. Như vậy, hợp lại có tám mươi trung kiếp, gọi là một đại kiếp. Thí như mưa cõi trời, những giọt nước mưa như trục bánh xe, từ hư không trút nước xuống không có gián đoạn. Như vậy ở phương Đông, vô biên thế giới không có gián đoạn, hoặc thành, hoặc hoại, hoặc đúng lúc hoại, hoặc hoại rồi trụ, hoặc đúng lúc thành, hoặc thành rồi trụ; như vậy cho đến mười phương thế giới.

Như vậy đã nói về **giới**, nay nói về **tạp nhiễm**.

Kệ tụng:

Phiền não, nghiệp, sinh tánh

Tướng tạp nhiễm nên biết. (kệ 3ab)

[485a28] Luận giải: Tánh tạp nhiễm có ba loại: 1. Phiền não tạp nhiễm; 2. Nghiệp tạp nhiễm; 3. Sinh tạp nhiễm.

1. **Phiền não tạp nhiễm:** Là tất cả phiền não và tùy phiền não, gọi chung là phiền não tạp nhiễm.

168 Chư thiên của cõi trời đệ tứ tịnh lực đã lìa thoát trạng thái diệu lạc của đệ tam tịnh lực mà chỉ có thể tu dưỡng công đức, nên cõi trời này gọi là Xả niệm thanh tịnh địa.

169 Tạp A-tỳ-đàm tâm luận, quyển 11: “Sơ thiên, nội tâm có lửa giác quán nhiều loạn nên bị hỏa tai thiêu đốt. Đệ nhị thiên, nội tâm có nước hỷ nhiều loạn nên bị thủy tai nhấn chìm. Đệ tam thiên, nội tâm có gió xuất nhập tức nên bị phong tai hủy hoại. Đệ tứ thiên dù chưa từng có nhiều loạn nhưng vẫn bị sát na vô thường hủy hoại, nên không được gọi là thường, vì định cảnh của đệ tứ thiên tương tục bất định. Như khi vị thiên tử cõi Tứ thiên mới hóa sanh, cung điện đồng thời xuất hiện; khi vị ấy mạng chung, cung điện đồng thời diệt mất.” (No. 1552, tr. 959c14)

170 Cơ cấn, dịch bệnh, đao binh = nhân mãn (thiếu lương thực, nguồn nước, năng lương), nhiễm bệnh độc (biến đổi khí hậu, nhiễm phóng xạ), chiến tranh.



Phiền não lược có mười loại: 1. Tát-ca-da kiến; 2. Biên chấp kiến; 3. Tà kiến; 4. Kiến thủ; 5. Giới cầm thủ; 6. Tham; 7. Sân; 8. Vô minh; 9. Mạn; 10. Nghi.

Lại có hai loại; 1. Kiến sở đoạn; 2. Tu sở đoạn.¹⁷¹

Lại có ba loại: 1. Dục giới hệ; 2. Sắc giới hệ; 3. Vô sắc giới hệ.¹⁷²

Lại có bảy loại điên đảo hành: 1. Tà giải hành; 2. Bất giải hành; 3. Phi giải phi bất giải hành; 4. Chấp tà giải hành; 5. Bĩ nhân y xứ hành; 6. Bĩ bố sinh hành; 7. Nhiệm vận khởi hành.

Tà giải hành, đó là tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, tà kiến; là khởi tà chấp đối với các pháp sở tri.

Bất giải hành, là vô minh, không biết [như thật]¹⁷³.

Phi giải phi bất giải hành, chính là nghi¹⁷⁴.

171 Kiến sở đoạn (見所斷, Skt. Darzana-prahātavya) là những thứ được đoạn trừ nhờ kiến đạo; còn **Tu sở đoạn** (修所斷 *Bhāvanā*-prahātavya) là những thứ được đoạn trừ ở giai đoạn tu đạo. Theo *Câu-xá luận, quyển 2*, Kiến sở đoạn là khi ở giai vị kiến đạo đoạn trừ 88 tùy miên và các pháp cấu hữu, tùy hành với nó. Tu sở đoạn là khi ở giai vị tu đạo đoạn trừ 81 phẩm tư hoặc và các pháp cấu hữu, tùy hành với nó (còn *Phi sở đoạn là người đã chứng quả A-la-hán, không còn lậu hoặc nào để đoạn*). Còn theo *Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp luận, quyển 4*: Kiến sở đoạn là đoạn trừ Phân biệt hoặc và các phiền não hoặc nghiệp do Kiến hoặc phát khởi; Tu sở đoạn là đoạn trừ các pháp hữu lậu còn lại, (còn Phi sở đoạn là các pháp vô lậu, vô vi, tự tánh thanh tịnh).

172 Hệ (繫): trói buộc, tên khác của phiền não. Phiền não trong 3 cõi thường trói buộc các pháp hữu lậu, do đó, các pháp phải hệ thuộc vào 3 cõi nên gọi là giới hệ hoặc tam giới hệ. Nói rõ hơn, các pháp bị trói buộc trong cõi Dục, gọi là Dục giới hệ; bị trói buộc trong cõi Sắc, gọi là Sắc giới hệ; bị trói buộc trong cõi Vô sắc, gọi là Vô sắc giới hệ.

173 Vô minh có 2: căn bản vô minh và chi mạng vô minh. Tạp A-hàm, kinh 750, Vô Minh: “Tỳ-kheo, các pháp ác bất thiện sanh khởi, tất cả đều do vô minh làm gốc, vô minh tập, vô minh sanh, vô minh khởi. Vì sao? Vì vô minh là vô trí, không biết như thật đối với pháp thiện, pháp bất thiện; không biết như thật có tội, không có tội, pháp thấp, pháp cao, nhiễm ô, không nhiễm ô, phân biệt, không phân biệt, duyên khởi, không duyên khởi. Vì không biết như thật nên khởi lên tà kiến; khi đã khởi tà kiến rồi, thì có khả năng khởi lên tà chí, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định.” (Thích Đức Thắng dịch)

174 Nghi có 2: nghi sự và nghi lý.



Chấp tà giải hành, đó là kiến thủ, giới cầm thủ và các kiến¹⁷⁵ sinh khởi tham, sân, si v.v...

Bỉ nhân y xứ hành, là [phiền não] thuộc kiến khổ tập sở đoạn.¹⁷⁶

Bỉ bố sinh hành, là [phiền não] thuộc kiến diệt đạo sở đoạn.¹⁷⁷

Nhiệm vận khởi hành, là [phiền não] thuộc kiến sở đoạn và tu sở đoạn. Kiến sở đoạn có một trăm mười hai phiền não¹⁷⁸. Tu sở đoạn có mười sáu phiền não¹⁷⁹. Như vậy, kiến tu sở đoạn hợp lại có một trăm hai mươi tám phiền não.

Như vậy, phiền não tạp nhiễm vì có nhiều nghĩa sai biệt nên lập ra nhiều danh, như là: kết, phược, tùy miên, tùy phiền não, triền, dòng nước dốc, ách, thủ, hệ, cái, gốc cây¹⁸⁰, cấu, thiêu hại, gai nhọn, sở hữu, ác hành, lậu, thiếu thốn¹⁸¹, nhiệt não, đấu tranh, lửa bốc cháy, rừng rậm, ngấn ngai. Tất cả có danh sai biệt và nghĩa sai biệt.

[485b20] 2. **Nghiệp tạp nhiễm**: Là do phiền não sinh khởi, hoặc

175 Các kiến như tát-ca-da kiến, đoạn kiến, vô nhân kiến, bất bình đẳng nhân kiến, thường kiến, ngã kiến, tà kiến, ác kiến, 62 kiến chấp.

176 Bỉ nhân y xứ hành (彼因依處行), kia hành do y xứ. Kiến khổ tập sở đoạn (見苦集所斷) là tùy miên được đoạn trừ nhờ thấy được khổ đế và tập đế. Đây chỉ cho kiến hoặc thuộc biến hành nhân, bao gồm: 1. Mê nơi khổ đế: thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cầm thủ, nghi và vô minh; 2. Mê nơi tập đế: tà kiến, kiến thủ kiến, nghi và vô minh.

177 Bỉ bố sanh hành (彼佈生行), kia hành vì sợ sanh [tử]. Kiến diệt đạo sở đoạn (見滅道所斷), là tùy miên được đoạn trừ nhờ thấy được diệt đế và đạo đế. Theo Câu xá luận (Q5, tr. 102a17), có 3 loại tùy miên được đoạn trừ bởi sự nhìn thấy diệt đế là tà kiến, nghi và vô minh tương ưng hoặc bất cộng với chúng; và 3 loại tùy miên được đoạn trừ bởi sự nhìn thấy đạo đế giống như trên; tất cả tạo thành 6 loại tùy miên có sở duyên là pháp vô lậu.

178 Một trăm mười hai phiền não là: dục giới, kiến hoặc của khổ, tập, diệt, đạo phải đoạn đều có 10 thứ; sắc giới và vô sắc giới, kiến hoặc của khổ, tập, diệt, đạo phải đoạn đều có 9 thứ, trừ sân ra. Tổng cộng là 112 phiền não thuộc kiến sở đoạn.

179 Mười sáu phiền não: Dục giới tu sở đoạn có 6 phiền não: câu sanh tát-ca-da kiến, biên chấp kiến, tham, sân, mạn và vô minh. Sắc giới tu sở đoạn có 5 phiền não như trên trừ sân. Vô sắc giới tu sở đoạn có 5 phiền não như Sắc giới. Tổng cộng là 16 phiền não thuộc tu sở đoạn.

180 Chu ngột (株杻): gốc cây.

181 Quý (匱): thiếu. Hoặc quý phạt (匱乏): thiếu thốn.



do phiền não làm duyên tổ hỗ trợ mà thiện pháp sinh khởi; những gì tương ứng đều nhiếp hết thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp trong tam giới.

Lại có hai loại: 1. Tư; 2. Sinh khởi bởi tư.¹⁸²

Nghiệp sai biệt còn có nhiều loại: Nghiệp nhiếp trong Dục giới gọi là *phước* và *phi phước*; trong Sắc giới và Vô sắc giới gọi là *bất động*.¹⁸³

Lại có *dẫn nghiệp*, là nghiệp tạo tác và tăng trưởng có năng lực dẫn phát quả [đăng lưu] và quả dị thực¹⁸⁴ của hữu tình thể gian và khí thể gian.

Lại có *sinh nghiệp*, là dẫn nghiệp hỗ trợ sự thọ sinh.

[485b27] 3. **Sinh tạp nhiễm**: Là do phiền não và nghiệp nên sinh; do sinh nên khổ. Khổ lại có nhiều thứ: khổ vì bức bách trong bào thai, khổ vì già bệnh chết, khổ vì oán tắng hội, khổ vì ái biệt ly, khổ vì cầu bất đắc, khổ vì sinh trưởng với thân thể thô trọng¹⁸⁵, khổ vì bao lần sinh tử, khổ vì sinh trong kiếp nạn. Đó gọi là sinh.

182 Tư, là ý nghiệp. Sanh khởi bởi tư, là thân nghiệp và khẩu nghiệp.

183 Ở Dục giới, nghiệp thiện gọi là phước, vì chiêu cảm quả báo đáng ưa, lợi ích cho hữu tình; các nghiệp bất thiện gọi là phi phước, vì chiêu cảm quả báo đáng ghét, tổn hại cho hữu tình. Nghiệp thiện ở thượng giới, tức ở các địa của hai giới cao hơn, Sắc và Vô sắc giới, được gọi là bất động. (Câu xá luận, Q.15, tr. 81a05) Do hữu chi huân tập (trong 12 duyên khởi), bằng các nghiệp phước, phi phước và bất động, mà có ra tự thể và quả báo của tự thể là 3 cõi 6 đường đáng ưa và đáng ghét.

184 Đăng lưu quả là cái kết quả do đồng loại nhân, hoặc biến hành nhân mà có. Đó là chỉ cái kết quả về hiện tượng nào cùng đồng đẳng, đồng lưu, đồng loại với nguyên nhân của hiện tượng ở trước nó. Dị thực quả là do dị thực nhân mà có, bởi cái nghiệp lực quá khứ hoặc thiện hoặc ác làm ra, mà ta không nhận thấy được quả thể, tức là dị thực quả.

185 Chánh văn là thô trọng hành 麤重行.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Hai

Phẩm Một

NHIẾP SỰ (Phần 2)

[485c10] Như vậy đã nói về **tạp nhiễm**, nay nói về **đế**.

Kệ tụng:

Các đế có sáu loại (kệ 3c)

[485c12] Luận giải:

Đế có sáu loại: 1. Thế tục đế; 2. Thắng nghĩa đế; 3. Khổ đế; 4. Tập đế; 5. Diệt đế; 6. Đạo đế.

1. **Thế tục đế**: Là danh, cú, văn thân, và dựa vào nghĩa của chúng mà có tất cả ngôn thuyết, và dựa vào ngôn thuyết mà hiểu được nghĩa. Lại từng có được tâm và tâm pháp thế gian, và sở hành cảnh nghĩa¹⁸⁶ của chúng.

[485c16] 2. **Thắng nghĩa đế**: Là Thánh trí và sở hành cảnh nghĩa của Thánh trí, và Thánh trí tương ưng với tâm, tâm pháp, v.v.

[485c18] 3. **Khổ đế**: Có hai loại: 1. Khổ thuộc về thế tục đế; 2. Khổ thuộc về thắng nghĩa đế. Khổ thuộc về thế tục đế, như trong kinh nói: “*Sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ.*” Khổ thuộc về thắng nghĩa đế, như trong kinh nói: “*Tóm lại, hết thấy ngũ thủ uẩn khổ.*”¹⁸⁷

186 Sở hành cảnh nghĩa 所行境義 = sở hành cảnh giới 所行境界: môi trường hoạt động.

187 Trung A-hàm, kinh Phân biệt Thánh đế. Tương đương Trung bộ kinh, 141. Kinh Phân biệt về sự thật Saccavibhaṅga-suttam.



[485c22] 4. **Tạp đế**: Có bốn loại: 1. Toàn nhiễm; 2. Thắng nhiễm; 3. Thế tục đế nhiễm; 4. Thắng nghĩa đế nhiễm. *Toàn nhiễm*, là tất cả phiền não và nghiệp trong ba cõi, đều gọi là tạp đế. *Thắng nhiễm*, là tự thể¹⁸⁸ mà duyên¹⁸⁹ đã có được hay tự thể mà duyên chưa có được, và cảnh sở khởi ái, hậu hữu ái¹⁹⁰, hỷ câu hành ái¹⁹¹, xứ xứ hỷ ái¹⁹², đều gọi là tạp đế¹⁹³. *Thế tục đế nhiễm*, là nhân tố nào có thể cảm được cái khổ thuộc về thế tục đế. *Thắng nghĩa đế nhiễm*, là nhân tố nào có thể cảm được cái khổ thuộc về thắng nghĩa đế.

5. **Diệt đế**: Cũng có bốn loại như đã nói ở tạp đế. *Toàn nhiễm*, là tạp đế [của toàn nhiễm] đã đoạn trừ không còn dư tàn, đã xả hết, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh.¹⁹⁴ *Thắng nhiễm*, là tạp đế của thắng nhiễm đã đoạn trừ không còn dư tàn, đã xả hết, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh. *Thế tục đế nhiễm*, là tạp đế của thế tục đế nhiễm đã đoạn trừ không còn dư tàn, đã xả hết, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh. *Thắng nghĩa đế nhiễm*, là tạp đế của thắng nghĩa đế nhiễm đã đoạn trừ không còn dư tàn, đã xả hết, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh.

[486a05] 6. **Đạo đế**: Cũng có bốn loại như đã nói ở diệt đế.

188 Tự thể là sinh mạng và thế giới của sinh mạng.

189 Duyên: là các khổ ở đời vị lai là do chủng tử huân tập, rồi lần lượt hiện hành các khổ tập.

190 Hậu hữu ái: là mong cầu tự thể (sanh mạng, thân hậu hữu) ở đời vị lai.

191 Hỷ câu hành ái (hỷ tham câu hành ái): là đối với cảnh giới hiện tiền, của cái đã thu nhận mà sanh tâm đắm trước.

192 Xứ xứ hỷ ái (bỉ bỉ hỷ ái): là đối với cảnh giới chẳng hiện tiền, của cái chưa thu nhận mà tâm truy cầu đủ chỗ.

193 Trung bộ kinh, kinh Phân biệt về sự thật: “Này chư Hiền, thế nào là Khổ tập Thánh đế? Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia; như dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.” (HT. Thích Minh Châu dịch)

194 Trung A-hàm, phẩm Nghiệp tương ưng, kinh Độ: “Thế nào là biết như thật về Khổ diệt? Do Ái này mà thọ Hữu trong tương lai cùng với lạc dục, mong cầu hữu nơi này hay nơi kia, tất cả như vậy đã đoạn trừ không còn dư tàn, đã xả ly, diệt tận, vô dục, tịch tĩnh, tịch diệt. Đó gọi là biết như thật về Khổ diệt.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)



Toàn nhiếp, là tất cả giác phần. *Thắng nhiếp*, là tám chi Thánh đạo. *Thế tục đế nhiếp*, là đối với khổ đế, tập đế và diệt đế thuộc về thế tục đế mà có thể biến tri, vĩnh đoạn và tác chứng.¹⁹⁵ *Nhất thiết Thánh đạo thắng nghĩa đế nhiếp*, là là đối với khổ đế, tập đế và diệt đế thuộc về thắng nghĩa đế mà có thể biến tri, vĩnh đoạn và tác chứng.

[486a11] Nghĩa của Thánh đế về khổ, tập, diệt, đạo, đó là, bốn đế là nơi Thánh trí sở hành. Khổ, tập, diệt, đạo là sự thật (đế), và do các Thánh giả cảm được sự thật ấy, nên gọi là Thánh đế.

Như vậy đã nói về đế, nay nói về **y chỉ**.

Kệ tụng:

Y chỉ tám và hai. (kệ 3d)

[486a15] Luận giải:

Y chỉ có tám loại. Những gì là tám? Là bốn tĩnh lự và bốn Vô sắc định¹⁹⁶.

Lại có hai loại. Những gì là hai? Là sơ tĩnh lự có hai loại: *thế gian sơ tĩnh lự* và *xuất thế gian sơ tĩnh lự*; cho đến Vô sở hữu xứ định có hai loại: *thế gian vô sở hữu xứ định* và *xuất thế gian vô sở hữu xứ định*. *Phi tướng phi phi tướng xứ định* chỉ là thế gian định.¹⁹⁷

195 Biến tri là biết về tánh biến kế sở chấp. Vĩnh đoạn là đoạn phần tạp nhiễm nơi tánh y tha. Tác chứng là chứng tánh viên thành thật.

196 Hữu tâm định bao gồm 4 tĩnh lự (tứ thiền, tứ sắc giới định) và 4 định vô sắc (Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tướng phi phi tướng xứ định, cộng chung là 8 định, hay bát đẳng chi).

197 Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập luận, quyển 5: “Thế nào là đạo xuất thế? Là ở trong [giai đoạn] tu đạo, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí và các tam ma địa tương ưng với các trí ấy được nhiếp trong phẩm chất của pháp trí, loại trí; hoặc được nhiếp trong vị chí định; hoặc được nhiếp trong sơ tĩnh lự cho đến Vô sở hữu xứ định. Phi tướng phi phi tướng xứ định chỉ là thế gian định, vì cái tướng (: ấn tượng) không sáng tỏ thường xuyên hiện hành. Do đạo lý này mà gọi là vô tướng. Như đức Thế tôn nói: ‘Cho đến hữu tướng tam-ma-bát-đề (: quán) mới có khả năng như thật soi rõ, thông suốt.’ Diệt [tận] định cũng được nhiếp trong xuất thế gian định, vì sau Thánh đạo đã chứng đắc. Trọng yếu là đối với người thú hướng mới có thể dẫn phát, hoặc người thú hướng Sắc giới có thể hiện khởi ở trước. Sanh vô sắc giới phần nhiều không hiện khởi, vì trú tịch tĩnh. Giải thoát dị thực thì đối với diệt [tận] định phần



[486a19] (1) *Thế gian sơ tĩnh lự*: Là duyên vào sự ly Dục giới, muốn tăng thượng giáo pháp; hoặc là duyên vào sự ly tăng thượng giáo thọ¹⁹⁸ làm cảnh giới. Rồi do thế gian đạo¹⁹⁹ bằng tác ý, quán sát, tu tập lìa thiêu đốt v.v... mà được sự chuyển y²⁰⁰. Tuy nhiên, vì [Sơ tĩnh lự] không thâm nhập được nghĩa của các pháp sở tri, nên cũng chưa diệt hẳn tùy miên²⁰¹. Thế gian sơ tĩnh lự là sở y xứ của *tự địa*

nhiều không không phát khởi phương tiện tinh cần.” (No. 1605, tr. 683c13~23) Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập luận, quyển 9: “Phi tướng phi phi tướng xứ định chỉ là thế gian định, vì cái tướng không sáng tỏ thường xuyên hiện hành. Do cái tướng không sáng tỏ thường xuyên hiện hành ở trước, nên nó chẳng phải là sở y chỉ của Thánh đạo hiện hành cực kỳ sáng tỏ, vì vậy nó một mặt thuộc về thế gian. Do đạo lý này, tướng này yếu ớt, không thể mạnh mẽ, là tướng nắm lấy sở duyên nên gọi là vô tướng. Lại nữa, vì sao biết Phi tướng phi phi tướng xứ định không có Thánh đạo? Do đức Thế tôn nói: ‘Cho đến hữu tướng tam-ma-bát-đề mới có khả năng như thật soi rõ, thông suốt.’ Diệt tận tam-ma-bát-đề là xuất thế gian định, vì sau Thánh đạo đã chứng đắc.” (No. 1606, tr. 737, a28~b6) Du-già sự địa luận, quyển 72: “Hỏi: Ở trong năm sự, tư duy sự nào để có thể đi vào định xuất thế sơ tĩnh lự? Đáp: Chính là tư duy hệ thuộc dục giới, và tư duy các lĩnh vực như tướng, danh, phân biệt, chân như mà hệ thuộc sơ tĩnh lự. Như vậy cho đến Vô sở hữu xứ, theo chỗ tương ứng, nên biết như vậy. Tướng phi tướng xứ, bản tánh của nó là pháp nhĩ, chỉ là thế gian định. Hỏi: Phi tướng phi phi tướng xứ hệ thuộc tướng, có nên gọi nó là tướng? Đáp: Nên gọi nó là vô tướng tướng, cũng gọi là vi tế tướng.” (No. 1579, tr. 699a14~19)

198 Hiển dương luận, quyển 4: “Giáo thọ: có 5 loại giáo thọ: 1. Giáo giáo thọ; 2. Chứng giáo thọ; 3. Tùy thứ giáo thọ; 4. Bất điên đảo giáo thọ; 5. Thần biến giáo thọ.”

199 Thế gian đạo: còn gọi là hữu lậu đạo. Chín địa trong tam giới, thì ngoại trừ Hữu đẳng địa, còn tất cả là dứt trừ Tu hoặc của tám địa dưới, còn giai vị Gia hành (cũng gọi Gia hành đạo), ở trước giai vị Kiến đạo, dùng trí hữu lậu tu sáu hành quán, thì thuộc Hữu lậu đạo. Cứ theo tông Câu xá, nương theo trí hữu lậu để đoạn trừ phiền não thì gọi là Hữu lậu đoạn, cho nên chú tướng Hữu lậu đạo là một trong các Đoạn đạo. Nhưng tông Duy thức cho rằng Hữu lậu đạo chỉ có thể chế phục phiền não hiện hành (Hiện thế vị: ở vị thế rõ ràng), chứ không thể đoạn trừ phiền não chủng tử (Tiềm thế vị: ở vị thế ẩn kín), vì thế gọi Hữu lậu đạo là Phục đạo (năng phục đạo). Ở đây, do thế gian đạo mà thú hưởng sự ly dục, quán sát các dục ở Dục giới là thô tướng, nên hưởng đến sơ tĩnh lự ly sanh hỷ lạc.

200 Du-già sự địa luận, quyển 26: “Thế nào là sở tác thành biện? Hành giả tu quán, đối với xà-ma-tha (chỉ), tỳ-bát-xá-na (quán), lấy sự tu, sự tập hay sự tu tập thật nhiều làm nhân duyên. Các duyên ảnh tượng qua bao tác ý đều được viên mãn. Vì sự viên mãn này mà được chuyển y: tất cả [ảnh tượng] thô trọng đều diệt mất. Do được chuyển y nên vượt qua ảnh tượng, nơi pháp sở tri có sự vô phân biệt, trí kiến hiện lượng sanh khởi, nhập sơ tĩnh lự. Khi đã được sơ tĩnh lự, trú ở sở hành cảnh giới của sơ tĩnh lự, nhập đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩnh lự. Khi đã được đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩnh lự, trú ở sở hành cảnh giới của đệ nhị, đệ tam, đệ tứ tĩnh lự, nhập Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ. Khi đã được những định ấy, trú ở sở hành cảnh giới của những định ấy. Như vậy gọi là sở tác thành biện.” (tr. 427c08~c19)

201 Tùy miên: chủng tử của phiền não.



*phiền não*²⁰², là pháp thối hoàn²⁰³, là sở y chỉ của tâm và tâm pháp ở tự địa tam-ma-địa. Như vậy cho đến thế gian Phi tướng phi phi tướng xứ định, mỗi định duyên vào sự xuất ly hạ địa²⁰⁴ mà muốn tăng thượng giáo pháp, nói rộng như trên.

(2) *Xuất thế gian sơ tĩnh lự*: Thế gian sơ tĩnh lự lấy sự hành như vậy, trạng như vậy, tướng như vậy mà tác ý đi vào sơ tĩnh lự. Xuất thế gian sơ tĩnh lự cũng lấy sự hành như vậy, trạng như vậy, tướng như vậy mà tác ý, tuy nhiên, hoặc đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức nhiếp thuộc các pháp, mà tư duy chúng như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, như chướng ngại, là vô thường, khổ, không, vô ngã; hoặc lại tư duy khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo²⁰⁵; hoặc lại tư duy chân như, pháp tánh, thật tế²⁰⁶. Như vậy, ở trong các pháp, tư duy như bệnh cho đến thật tế; rồi nơi pháp như vậy, tâm sinh chán sợ; sinh chán sợ rồi, nhiếp tâm mà an trú nơi bất tử giới²⁰⁷, hoặc nhiếp tâm mà

202 Tự địa phiền não: những phiền não có mặt ở giai đoạn (địa vị) mình đang tu tập (tự địa). Tự địa ở đây chỉ cho sơ tĩnh lự.

203 Thối hoàn pháp: còn thoái lui, thoái tâm, và còn sanh trở lại nhân gian.

204 So với thượng địa thì hạ địa là thô, khổ, chướng, cho nên phải quán xét để nhàm chán; còn thượng địa là tinh, diệu, ly, cho nên phải quán xét để ưa thích.

205 Trung A-hàm, kinh Phân biệt Thánh đế: “Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy? Đó là khi vị Thánh đệ tử suy niệm về khổ là khổ, tập là tập, diệt là diệt, đạo là đạo; hoặc quán sát về sự tạo tác trước kia của mình, hoặc học suy niệm về các hành, hoặc thấy các hành là tai họa, hoặc thấy Niết-bàn là tịch tĩnh; hoặc khi bằng suy niệm không nhiếp trước mà quán sát toàn giải thoát, trong đó là sự tư sát, tư sát toàn diện, tùy thuận tư sát, điều nào nên niệm thì niệm, điều nào nên hy vọng thì hy vọng. Đó là chánh tư duy.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

206 Chân như: là nghĩa vô sai biệt, nghĩa là các pháp do tất cả nhân duyên tạo thành nên có các sắc thái khác nhau, nhưng chỉ có tự tánh không của các pháp không có sai biệt, nên gọi là như. Pháp tánh: là nghĩa bất biến, nghĩa là các pháp do tất cả nhân duyên tạo thành, xét theo thời gian thì các pháp sanh diệt biến hóa trong từng sát na, nhưng chỉ có tánh không của các pháp mới thường hằng bất biến, nên gọi là pháp tánh. Thật tế: là nghĩa không có hư vọng, nghĩa là trên bình diện đế lý chân thật thì không thủ chấp một mây bụi trần, tất cả các pháp đều là cứu cánh không tịch, chân thật không có hư dối.

207 Trung bộ kinh, Đại kinh Mālunkya: “Và này Ananda, thế nào là con đường, thế nào là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử? Ở đây, này Ananda, Tỳ-kheo do viễn ly các sanh y (Upa-dhiviveka), do đoạn trừ các bất thiện pháp, do làm cho an tịnh thân thô ác hành một cách toàn diện, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm,



an trú nơi chân như, pháp tánh, thật tế. [Định] xứ này là trí vô phân biệt; có tâm và tâm pháp tương ưng với trí ấy; làm sở y chỉ cho sự chuyển y của trí ấy. Do thâm nhập được nghĩa của các pháp sở tri, nên [định xứ này] có khả năng diệt hẳn tùy miên, chẳng phải sở y xứ của tất cả phiền não, là pháp bất thối chuyển. Như vậy gọi là xuất thế gian sơ tĩnh lự, cho đến Vô sở hữu xứ, cần phải nói rộng.

Ở trong các tĩnh lự và các định Vô sắc, lại có bốn thứ nên biết:

1. *Tạp nhiễm*; 2. *Khiết bạch*; 3. *Kiến lập*; 4. *Thanh tịnh*.

(1) **Tạp nhiễm**: Là đối với thượng tĩnh lự khởi sâu ái vị, kiến, mạn và nghi²⁰⁸.

có tứ. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung tâm vào bất tử giới (Amatadhātu) và nghĩ rằng: “Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn”. Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, thời do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đây, không phải trở lui đời này nữa. Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.”

208 Du-già sư địa luận, quyển 12: “Lại nữa, có 4 hạng người đắc tĩnh lự: 1. Hạng ái thượng tĩnh lự; 2. Hạng kiến thượng tĩnh lự; 3. Hạng mạn thượng tĩnh lự; 4. Hạng nghi thượng tĩnh lự. Thế nào là hạng ái thượng tĩnh lự? Như có người trước nghe nói công đức của tĩnh lự và các định, nhưng chưa nghe các định ấy chỉ là phương tiện xuất ly, đối với các định ấy vẫn một chiều thấy công đức thù thắng, nên dưng mãnh tinh cần; do nhân duyên này nhập sơ tĩnh lự hoặc các định khác. Như vậy nhập rồi, sau sanh sự say mê mùi vị (ái vị). Thế nào là hạng kiến tĩnh lự? Như có người từ chỗ thầy mình hoặc từ chỗ thầy khác, nghe rằng các thế gian đều là thường v.v... phương tiện như vậy để nhập sơ tĩnh lự cho đến trời Hữu đảnh, có thể được thanh tịnh, giải thoát, xuất ly. Người ấy y theo cái thấy này, dưng mãnh tinh cần; do nhân duyên này nhập sơ tĩnh lự hoặc các định khác. Như vậy nhập rồi, có khả năng tự ghi nhớ nhiều kiếp quá khứ, liền sanh cái thấy rằng, tôi và thế gian đều là thường v.v... Từ định khởi dậy, với cái thấy ấy, chấp chặt không bỏ. Rồi ở thời gian sau, thâm tư, thâm lự, thâm để quán sát, và nhờ đó sẽ được thanh tịnh, giải thoát, xuất ly. Thế nào là hạng mạn thượng tĩnh lự? Như có người nghe danh tiếng các trưởng lão v.v... nhập sơ tĩnh lự cho đến trời Hữu đảnh. Nghe việc ấy rồi, bèn sanh kiêu mạn rằng, chư vị có thể nhập tĩnh lự các định, tôi lẽ nào mà không thể nhập. Dựa vào sự kiêu mạn ấy, dưng mãnh tinh cần; do nhân duyên này nhập sơ tĩnh lự hoặc các định khác. Như vậy nhập rồi, sau sanh kiêu mạn, hoặc nhập định rồi, khởi tư duy rằng, chỉ có tôi mới có thể đắc các định như vậy, ai khác không thể đắc. Người ấy mang theo sự kiêu mạn này. Rồi ở thời gian sau, đối với các tĩnh lự, thâm tư, thâm lự, thâm để quán sát, [và nhờ đó sẽ được thanh tịnh, giải thoát, xuất ly.] Thế nào là hạng nghi thượng tĩnh lự? Như có người với tánh ám độn, vốn từng ưa thích thực tập xa-ma-tha, do nhân duyên này, nhập các tĩnh lự hoặc các định khác. Như vậy nhập rồi, lại đối với thượng định, cần tu phương tiện, để đắc cái chưa đắc. Đối với bốn Thánh đế, siêng tu hiện quán, nhưng vì tánh ám độn nên không thể mau chứng hiện quán Thánh đế. Do nhân duyên này, đối với các sở chứng khác bèn sanh nghi ngờ; người ấy mang theo sự nghi ngờ



Ái vị²⁰⁹ có mười thứ: 1. Ái vị do tác ý câu sinh; 2. Ái vị do tác ý phân biệt sở khởi; 3. Ái vị do tác ý tự địa; 4. Ái vị do tác ý tha địa; 5. Ái vị quá khứ; 6. Ái vị vị lai; 7. Ái vị hiện tại; 8. Ái vị bậc thấp; 9. Ái vị bậc vừa; 10. Ái vị bậc cao.

[486b16] (2) **Khiết bạch**²¹⁰: Là tịnh và vô lậu.

Tịnh, lại có ba thứ: 1. Dẫn phát; 2. Thượng luyện; 3. Trừ cấu, sở nhiếp và kham nhiệm.

Vô lậu, cũng có ba thứ: 1. Xuất thế gian vô lậu; 2. Đẳng lưu vô lậu; 3. Ly hệ vô lậu.²¹¹

[486b20] (3) **Kiến lập**: Lại có bốn thứ: 1. *Kiến lập cận phần*; 2. *Kiến lập căn bản*; 3. *Kiến lập định*; 4. *Kiến lập sinh*.

[486b22] a. *Kiến lập cận phần* và b. *kiến lập căn bản* [của sơ tĩnh lự]: Như trong kinh nói, “*Thân này có hỷ lạc do ly dục phát sinh, thấm nhuần khắp cả, thấm nhuần một cách phổ biến, ưa thích khắp cả, sung mãn khắp cả,*” đó là cận phần của sơ tĩnh lự. Như kinh lại nói, “*Ngay trong thân này, mọi chỗ, không có thiếu phần, hỷ lạc do ly dục sinh không chỗ nào không biến mãn,*”²¹² đó là căn bản của sơ tĩnh lự.

này. Rồi vì thắng tiến, vị ấy thâm tư, thâm lự, thâm để quán sát, [và nhờ đó sẽ được thanh tịnh, giải thoát, xuất ly.]” (tr. 335b08~c05)

209 Ái vị: say mê mùi vị.

210 Khiết bạch = thanh bạch: thuần tịnh trong sáng. Tập tập luận: “Thanh bạch, nghĩa là tĩnh lự Vô sắc thanh tịnh. Vì là tánh thiện nên nói là thanh bạch. Tuy là thế gian [định] nhưng vì ly trần cấu nên cũng gọi là tịnh.” (No. 1606, tr. 736, a25~26)

211 Hiển dương, quyển 19: “Sáu loại thanh tịnh: 1. Dẫn phát thanh tịnh; 2. Thượng luyện thanh tịnh; 3. Hậu đắc thanh tịnh; 4. Cấu nhiếp thanh tịnh; 5. Nhiếp thanh tịnh; 6. Kham nhiệm thanh tịnh. Thế nào là ba loại [vô lậu]? Xuất thế gian vô lậu, ly hệ vô lậu, hậu đắc vô lậu.”

212 Trung A-hàm, kinh Niệm thân: “Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc sanh do ly dục, không đâu không có. Như người hầu tắm, bỏ bột tắm đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục nhuần thấm vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc sanh do ly dục, không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không



[486b27] Như trong kinh nói, “*Ngay trong thân này có hỷ lạc phát sinh do đấng trì, thấm nhuần khắp cả, thấm nhuần một cách phổ biến, ưa thích khắp cả, sung mãn khắp cả,*” đó là cận phần của đệ nhị tĩnh lự. Kinh lại nói, “*Ngay trong thân này, mọi chỗ, không có thiếu phần, hỷ lạc phát sinh do đấng trì không chỗ nào không biến mãn,*” đó là căn bản của đệ nhị tĩnh lự.

Như trong kinh nói, “*Ngay trong thân này có lạc do ly hỷ, thấm nhuần khắp cả, thấm nhuần một cách phổ biến, ưa thích khắp cả, sung mãn khắp cả,*” đó là cận phần của đệ tam tĩnh lự. Kinh lại nói, “*Ngay trong thân này, mọi chỗ, không có thiếu phần, lạc do ly hỷ không chỗ nào không biến mãn,*” đó là căn bản của đệ tam tĩnh lự.

Như trong kinh nói, “*Ngay trong thân này, tâm thanh tịnh và*

phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai họa của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cũng như suối trên núi trong sạch không nhơ, nước từ bốn phương chảy đến, đổ vào một cách tự nhiên, tức thì đầy suối nước tự phun lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến sung mãn, không đâu không có. Cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh nhuần thấm thân, phổ biến sung mãn. Khắp trong thân thể, hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai họa của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân.

“Lại nữa, Tỳ-kheo tu tập niệm thân như sau. Tỳ-kheo ở trong thân này biến mãn với tâm thanh tịnh, ý cõi mở, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không chỗ nào là không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo dài bảy hay tám khuỷu tay, từ đầu đến chân, không chỗ nào là không phủ kín; cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này, biến mãn với tâm thanh tịnh, ý cõi mở, thành tựu an trụ; ở trong thân này với tâm thanh tịnh, không chỗ nào là không biến mãn. Như vậy, Tỳ-kheo tùy theo thân hành mà biết trên như thật. Tỳ-kheo như thế, sống cô độc, viễn ly, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn, đoạn trừ các tai họa của tâm và được định tâm. Được định tâm rồi thì biết trên như thật. Ấy là Tỳ-kheo tu tập niệm thân. (Thích Tuệ Sĩ dịch)



*tâm khiết bạch*²¹³, *ý giải biến mãn, an trú đầy đủ*,²¹⁴ đó là cận phần của đệ tứ tinh lục. Kinh lại nói, “*Ngay trong thân này, mọi chỗ, không có thiếu phần, tâm thanh tịnh và tâm khiết bạch không chỗ nào không biến mãn*,” đó là căn bản của đệ tứ tinh lục.

[486c10] Như trong kinh nói, “*Vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hẳn tất cả hữu đối tượng, không tác ý bất cứ loại tướng nào, nhập vô biên hư không, [chứng] Hư không vô biên xứ*,” đó là cận phần của Hư không vô biên xứ. Kinh lại nói, “*An trú đầy đủ*,” là căn bản của Hư không vô biên xứ.²¹⁵

[486c14] Như trong kinh nói, “*Vượt qua tất cả Hư không vô biên xứ, nhập vô biên thức, [chứng] Thức vô biên xứ*,” đó là cận phần của Thức vô biên xứ. Kinh lại nói, “*An trú đầy đủ*,” là căn bản của Thức vô biên xứ.

[486c17] Như trong kinh nói, “*Vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vô thiếu sở hữu, [chứng] Vô sở hữu xứ*,” đó là cận phần của Vô sở hữu xứ. Kinh lại nói, “*An trú đầy đủ*,” đó là căn bản của Vô sở hữu xứ.

[486c20] Như trong kinh nói, “*Vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tướng phi vô tướng, [chứng] Phi tướng phi phi tướng xứ*,” đó là cận phần của Phi tướng phi phi tướng xứ. Kinh lại nói, “*An*

213 Tâm thanh tịnh = xả niệm thanh tịnh. Tâm khiết bạch: tâm thuần tịnh trong sáng. Du-già sư địa luận: “Tâm thanh tịnh, là cùng với xả niệm thanh tịnh tương ưng, vì vượt qua các tai hoạn ở hạ địa. Tiên bạch (tươi đẹp trong sáng): tánh là thiện, tự địa phiền não không say mê mùi vị.” (tr. 339c8~10)

214 Hiển dương luận, quyển 4: “Từ vô lượng: Tâm câu hữu với từ, không oán, không ghét, không có tổn hại, quảng đại vô lượng, rất khéo tu tập, đối với một phương, như vậy tuần tự cho đến mười phương tất cả vô biên thế giới, ý giải biến mãn, an trú đầy đủ. ... Ý giải, là duyên ý mà thắng giải cảnh giới tư duy. Biến mãn, duyên vào cảnh giới hữu tình không có khoảng cách. An trú đầy đủ, như đã nói ở các tinh lục.” (tr. 497a14~27) An trú đầy đủ: thành tựu và an trú.

215 A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận, No. 1536, tr. 438c19: “Vượt qua tất cả sắc tướng, là vượt qua tất cả nhân thức thân mà tương ưng tướng. Diệt hẳn tất cả hữu đối tượng, là diệt bốn thức thân mà tương ưng tướng. Không tư duy với bất cứ loại tướng nào, là không có năm thức thân dẫn phát ý thức tương ưng các loại tướng mà duyên nơi sắc, v.v... gây chướng ngại cho định, nhập hư không vô biên, an trú đầy đủ Không vô biên xứ.”



trú đầy đủ,” đó là căn bản của Phi tướng phi phi tướng xứ.²¹⁶

[486c24] c. *Kiến lập định*: Như trong kinh nói, “*Ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tầm có tứ*²¹⁷, *có hỷ và lạc phát sinh do viễn ly, an trú đầy đủ sơ tinh lục*.”

Ly dục, là duyên vào sự xuất ly Dục giới, muốn tăng thượng giáo pháp; hoặc là duyên vào sự giáo thọ làm cảnh giới; đã đoạn phiền não tạp nhiễm ở Dục giới.

Ly pháp ác bất thiện, là đoạn trừ nghiệp và pháp tạp nhiễm ở Dục giới. Có thể đọa ác thú, gọi là ác. Có thể chứng điều thiện, gọi là bất thộn.

Tầm, là năng lực đối trị hai thứ tạp nhiễm; gồm có tầm xuất ly, tầm không sân khuê và tầm không sát hại²¹⁸.

Tứ, là năng lực đối trị hai thứ tạp nhiễm; gồm có tứ xuất ly, tứ không sân khuê và tứ không sát hại.

Viễn ly, là do tu tập đối trị, đoạn sở tri chướng mà được chuyển y.

Sinh, là từ đây phát sinh.

Hỷ, là đã được chuyển y, dựa vào các chuyển thức mà có tâm hỷ duyệt, tâm dừng mãnh, tâm thỏa thích, tâm vừa ý, tâm điều hòa, bao gồm các cảm thọ dễ chịu.

216 Trung A-hàm, kinh Hành thiên, số 176, lược ghi: “Lại nữa, vị hành thiên vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không tư duy bất cứ loại tướng nào, nhập vô lượng không xứ, thành tựu an trú... Lại nữa, vị hành thiên vượt qua Vô lượng không xứ, nhập vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ ấy, thành tựu an trú... Lại nữa, vị hành thiên vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú... Vị hành thiên ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, chứng Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trú.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

217 Tầm tứ 尋伺: cựu dịch là giác quán, tân dịch là tầm tứ, là 2 tâm sở trong 4 món bất định tâm sở. Tầm có nghĩa là đánh mạnh vào, có đặc tánh là hướng tâm, để tâm trên đối tượng. Tứ là tư duy được đưa lên cao độ, có đặc tánh liên tục nhấn mạnh vào đối tượng, dán chặt vào đối tượng.

218 Ba thiện tâm 三善尋: xuất ly tầm 出離尋, vô nhuê tầm 無恚尋, vô hại tầm 無害尋. Xuất ly tầm, là những tư duy về sự từ bỏ; vô nhuê tầm là những tư duy về lòng từ thiện, và vô hại tầm là những tư duy về sự không nano hại.



Lạc, là đã được chuyển y, dựa vào thức a-lại-da nắm giữ các sở y, làm cho thân khinh an, bao gồm các cảm thọ dễ chịu.

Sơ, chỉ cho thứ tự các định; sơ là số đầu tiên.

Tĩnh lực, là đã đoạn các pháp tạp nhiễm ở Dục giới, là sở y của tầm tứ hỷ lạc, dựa vào sự chuyển y, tâm trú nhất cảnh tánh²¹⁹.

Đầy đủ, là tu tập viên mãn.

An trú, là nhập, trú và xuất [định] tùy ý tự tại.

[0487a11] Như trong kinh nói, “*Vắng lặng tầm tứ, nội tâm an tịnh*²²⁰, *tâm định một cảnh, một trạng thái hỷ lạc do tam-ma-địa sinh, không tâm không tứ, an trú đầy đủ đệ nhị tĩnh lực.*”

Vắng lặng tầm tứ, là duyên sự xuất ly sơ tĩnh lực, muốn tăng thượng giáo pháp; hoặc duyên vào sự giáo thọ làm cảnh giới; đã [chứng] sơ tĩnh lực địa thì vắng lặng tầm tứ, không còn hiện hành.

Nội tâm an tịnh, là vì đối trị tầm tứ nên nhiếp niệm chánh tri, nơi tự nội [định] thể được tâm [bình đẳng] xả trú²²¹, rời xa sự tầm tư về pháp trần cấu, nên gọi là nội tâm an tịnh.

Tâm định một cảnh, là khi nhập định như vậy, an trú định trong thời gian liên tục, các pháp được tầm tứ không còn hiện hành.

Không tâm không tứ, là chứng đắc pháp khi tầm tứ bị đoạn trừ²²².

Tam-ma-địa, là đã được chuyển y thì tâm trú nhất cảnh tánh.

219 Nhất cảnh tánh 一境性: cũng gọi đắc nhất (tập trung vào một cảnh), nhất tâm, tâm nhất cảnh tánh (tâm và cảnh là một). Tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm là 5 chi của sơ thiền.

220 Nội đẳng tịnh 內等淨: chữ đẳng gồm niệm, chánh tri và xả. Đệ nhị tĩnh lực có 4 chi: 1. Nội đẳng tịnh; 2. Hỷ; 3. Lạc; 4. Tâm nhất cảnh tánh.

221 Niệm và tuệ bình đẳng nên nội tâm an tịnh.

222 Tầm tư đoạn pháp 尋伺斷法: pháp được chứng đắc là “sự yên lặng của bậc Thánh” hay nội đẳng tịnh, trong đó không chỉ là sự vắng mặt đơn thuần tầm tư ở nhị thiền, mà là sự tịnh chỉ thực thụ tầm và tứ, khiến chúng không còn hiện hành, nhờ đó có sự nội tĩnh.



Sinh, là từ tam-ma-địa sinh ra hỷ và lạc, như trước đã nói.

Đệ nhị tĩnh lực, là vắng lặng tầm tứ, nội [định] thể biến tịnh; tam-ma-địa làm sở y, sinh ra hỷ và lạc, y theo đó được chuyển y, tâm trú nhất cảnh tánh. Ngoài ra như trước đã nói.

[487a24] Như trong kinh nói, “*Do ly hỷ nên trú xả, niệm chánh tri, và thân cảm lạc của chánh thọ*²²³ *mà bậc Thánh tuyên thuyết là thành tựu xả niệm lạc trú, an trú đầy đủ đệ tam tĩnh lực.*”²²⁴

Ly hỷ, là duyên vào sự xuất ly đệ nhị tĩnh lực, muốn tăng thượng giáo pháp; hoặc duyên vào sự giáo thọ làm cảnh giới; đã thấy trạng thái có hỷ ở đệ nhị thiền là làm lỗi²²⁵.

Trú xả, là không chấp nhận đối với hỷ tướng và tác ý đã sinh khởi, nên có sự chán lìa; tánh chất của nó là tâm trú bất nhiễm ô, tâm bình đẳng và tâm chánh trực, an trú mà không chuyển động.

Niệm, là khi đã quán sát hỷ trong đó không có hành tướng, nhưng không quên mất sự phân minh và liễu tri, khiến cho hỷ chắc chắn không hiện hành trở lại.

Chánh tri, là khi nào thất niệm thì hỷ hiện hành trở lại, và khi hỷ tướng hiện hành thì phân biệt chánh tri.

Lạc, là được chuyển y thì ly hỷ, ly dừng ở trong các cảm thọ dễ chịu.²²⁶ *Thân*, là được chuyển y thì các chuyển thức, a-lại-da thức và

223 Chánh thọ là chánh định hiện tiền, tức trạng thái thiền định đã dứt hết loạn tưởng, duyên lực, lãnh thọ được cảnh sở quán.

224 Du-già sư địa luận, quyển 21: “Viễn ly hỷ tham, an trú xả, niệm và dùng chánh tri, thân lãnh thọ lạc mà các bậc Thánh tuyên thuyết, xả niệm đầy đủ, an lạc mà trú, an trú đầy đủ đệ tam tĩnh lực.” (tr. 397c06~08)

225 Trường bộ kinh, kinh Phạm võng: “Vi ở đây tâm trí có hỷ và bị kích động nên gọi là thô tháo.” (HT. Thích Minh Châu dịch)

226 Thọ có mặt trong tam thiền là thọ lạc không có hỷ, một loại lạc được đức Phật nói là thấm nhuần toàn thân hành giả cũng như nước hồ thấm đầm đóa sen đang vươn lên từ sâu dưới nước.



tâm tánh không còn riêng biệt, gọi chung là thân.²²⁷ *Chánh thọ*, là được chuyển y thì thường nhiếp thọ thân, khiến thân vui thích. Gồm chung gọi là *thân cảm lạc của chánh thọ*. Lạc thọ ở xứ này thâm cực vắng lặng, tối thắng vi diệu; thượng địa và hạ địa không có lạc thọ ấy.

Bậc Thánh, là Phật và đệ tử của Phật. *Tuyên thuyết*, là hiển thị thi thiết. *Thành tựu xả niệm lạc trú*²²⁸, là từ địa này trở lên không có diệu lạc; hạ địa không có thắng lạc như vậy, cũng không có xả và niệm để làm sự đối trị.

Đệ tam tĩnh lự, là ly hỷ rồi, xả, niệm, chánh tri, lạc được y chỉ; dựa vào chuyển y mà tâm trú nhất cảnh tánh. Ngoài ra như trước đã nói.

[487b14] Lại như kinh nói, “*Do đoạn lạc, cùng với từ trước đã đoạn khổ, hỷ và ưu, an trú đầy đủ đệ tứ tĩnh lự, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.*”

Đoạn lạc, là khi nhập đệ tứ tĩnh lự.

Từ trước đã đoạn khổ, là khi nhập đệ nhị tĩnh lự.

Từ trước đã đoạn hỷ, là khi nhập đệ tam tĩnh lự.

Từ trước đã đoạn ưu, là khi nhập sơ tĩnh lự.²²⁹

227 Chữ thân ở đây có nghĩa là danh thân, tức là nhóm các tâm sở đi kèm với tâm vương. Tuy nhiên, lạc của danh thân này cũng tràn ngập và tạo ra cảm giác dễ chịu ở thân. Vì tâm hành giả khi đó thấm đẫm với lạc sẽ sanh ra một vài loại sắc vi tế khiến cho có sự dễ chịu ở thân ngay cả sau khi hành giả đã xuất khỏi thiền ấy.

228 “Một trạng thái mà các bậc Thánh tuyên bố: Người nào có xả và có niệm, người đó trú trong lạc.”

229 Bộ Phân tích (Vibhaṅga), Thiên phân tích theo Kinh: “Ở đây, thế nào là khổ? Sự khó chịu thuộc về thân, sự đau đớn thuộc về thân, cảm giác khó chịu, đau do thân xúc sanh, cảm thọ khó chịu, đau đớn phát sanh do thân xúc. Đây gọi là khổ.” “Ở đây, thế nào là hỷ? Sự dễ chịu thuộc về tâm, sự sáng khoái thuộc về tâm, cảm giác sáng khoái và dễ chịu do tâm xúc sanh, cảm thọ dễ chịu, sáng khoái phát sanh do tâm xúc. Đây gọi là hỷ.” “Ở đây, thế nào là ưu? Sự khó chịu thuộc về tâm, sự đau khổ thuộc về tâm, cảm giác khó chịu và đau khổ do tâm xúc sanh, sự khó chịu và đau khổ phát sanh do tâm xúc. Đây gọi là ưu.” (Trường lão Tịnh Sự dịch) Thanh Tịnh Đạo luận xác nhận rằng bốn thọ – khổ, ưu, lạc, hỷ – đã được diệt lần lượt ở các sát na cận hành của sơ thiền, nhị thiền, tam thiền và tứ thiền: “Định bốn loại thứ ba: đó là sơ thiền gồm năm thiền chi là tâm, tứ, hỷ, lạc, định, đạt đến sau khi trừ bỏ năm triền cái. Nhị thiền còn ba thiền chi, bỏ tâm và tứ. Tam thiền còn hai thiền chi, bỏ hỷ. Tứ thiền bỏ lạc, còn hai yếu tố là định và xả.” (Thích Nữ Trí Hải dịch)



Không khổ không lạc, là đã được chuyển y, các cảm thọ được nhiếp trong Sắc giới, chúng chẳng phải dễ chịu, chẳng phải không dễ chịu, tối cực tăng thượng vắng lặng, tối thắng nhiếp thọ, không có dao động.

Xả thanh tịnh, là vượt qua tâm, tứ, hỷ, lạc và tất cả dao động ở ba địa, có được những tánh chất của tâm bình đẳng, tâm chánh trực, tâm không chuyển động mà an trú.

Niệm thanh tịnh, là vượt qua tâm, tứ, hỷ, lạc và tất cả dao động ở ba địa, tâm không quên mất mà có tánh chất phân minh và liễu tri.

Đệ tứ, là đứng thứ tư trong thứ tự các định. [Đệ tứ] *Tĩnh lự*, là lạc đã đoạn; không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh làm sở y chỉ, theo đó được chuyển y, tâm trú nhất cảnh tánh. Ngoài ra như trước đã nói.

[487b27] Lại như kinh nói, “*Vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hết hữu đối tượng, không tác ý đến các chủng loại tướng, nhập vô biên hư không, an trú đầy đủ Hư không vô biên xứ.*”

Tất cả, là các hành tướng.

Sắc tướng, là tướng về hiển sắc.

Vượt qua, rời xa sự tham đối với sắc.

Như nghĩa “*vượt qua*”, *diệt hết hữu đối tượng, không tác ý đến các chủng chủng tướng*, như vậy nên biết.

Hữu đối tượng, sở y của nó là các tướng về tứ đại, và ngoài ra là các tướng về các sở tạo sắc.

*Chủng chủng tướng*²³⁰, là trong tứ đại và các sở tạo sắc, có dài, ngắn, thô, tế, vuông, tròn, cao, thấp, thẳng, nghiêng, ánh sáng,

230 Chủng chủng tướng: còn gọi là dị biệt tướng: các tướng có những đối tượng đa dạng thuộc y giới và ý thức giới.



bóng ảnh, sáng, tối; như vậy các giả sắc được nhiếp trong chung chung tướng.

Khi chánh nhập Vô biên hư không xứ, diệt hết các hữu đối tướng không cho hiện tiền, và không khởi tác ý đến các chung chung tướng. Vì như vậy mà vượt qua các bậc thiền [Sắc giới] mà dựa vào tất cả sắc tướng.

Vô biên, là không thể phân biệt các tướng ở mười phương.

Hư không, là sở duyên cảnh giới cho sự đối trị sắc.

Hư không vô biên xứ, là xứ này có sự chuyển y và luôn dựa vào định²³¹. Ngoài ra như trước đã nói.

[487c11] Lại như kinh nói, “*Vượt qua tất cả Hư không vô biên xứ, nhập vô biên thức, an trú đầy đủ Thức vô biên xứ.*”

Vượt qua tất cả Hư không vô biên xứ, là vượt qua cận phần và căn bản²³² [của Hư không vô biên xứ]

Vô biên thức, là thức duyên hư không vô biên; nay duyên đây làm cảnh giới.

Thức vô biên xứ, là xứ này có sự chuyển y và luôn dựa vào định. Ngoài ra như trước đã nói.

[487c16] Lại như kinh nói, “*Vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, nhập vô thiếu sở hữu, an trú đầy đủ Vô sở hữu xứ.*”

231 Chỉ cho định Sắc giới. Bốn thiên Vô sắc này hoàn toàn là các trạng thái tâm linh, chúng phát khởi vì tâm, qua sự chứng nghiệm liên tục bốn thiên Sắc giới. Dù vậy, ở bốn thiên Vô sắc này không có sự vượt qua những thiên chi như trong trường hợp các thiên chứng thuộc Sắc giới. Mỗi thiên Vô sắc này chỉ có hai thiên chi là xả và nhất tâm.

232 Trong mỗi tịnh lự đều có cận phần định làm tiền phương tiện cho nó, tức là giai đoạn chuẩn bị vào định. Từ tịnh lự và từ Vô sắc gọi là định căn bản. Còn trong cận phần định thì, cận phần của sơ tịnh lự (trước khi vào sơ thiền) gọi là vị chí định (tức là chưa vào định), 7 giai đoạn chuẩn bị vào định còn lại thì gọi là cận phần định. Ngoài ra, giữa cận phần định của sơ tịnh lự và đệ nhị tịnh lự có giai đoạn trung gian, gọi là trung gian tịnh lự hoặc trung gian định; người nào tu tập định này thì được sanh lên trời Đại phạm. Như vậy, nói một cách tổng quát thì định gồm có: tứ tịnh lự và tứ Vô sắc (8 định căn bản), 7 định cận phần, vị chí định và trung gian định.



Vượt qua tất cả Thức vô biên xứ, là vượt qua cận phần và căn bản [của Thức vô biên xứ].

Vô thiếu sở hữu, là nơi Thức [vô biên] xứ, khi tìm cầu trên cảnh giới ấy, không có gì sở đắc; ngoài vô sở hữu không có cảnh giới nào khác, vì chỉ thấy cảnh này cực kỳ vắng lặng.

Vô sở hữu xứ, là xứ này có sự chuyển y và luôn dựa vào định. Ngoài ra như trước đã nói.

[487c22] Lại như kinh nói, “*Vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tướng phi vô tướng, an trú đầy đủ Phi tướng phi phi tướng xứ.*”

Vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, là vượt qua cận phần và căn bản [của Vô sở hữu xứ].

Phi hữu tướng, là vượt qua cái tướng về vô sở hữu.

Phi vô tướng, là nơi Vô sở hữu xứ, khi tìm cầu trên cảnh giới ấy, chỉ có tâm và tâm pháp cực kỳ vi tế duyên với vô sở hữu, vì chỉ thấy cảnh này cực kỳ vắng lặng.

Phi tướng phi phi tướng xứ, là xứ này có sự chuyển y và luôn dựa vào định. Ngoài ra như trước đã nói.

[487c29] d. *Kiến lập sinh*:²³³

233 Du-già sư địa luận, quyển 4: “Lại nữa, Sắc giới có 18 xứ: (1) Phạm chúng thiên, Phạm tiền ích thiên, Đại phạm thiên; 3 cõi trời này do huân tu sơ tịnh lự duyên phẩm, trung phẩm, thượng phẩm. (2) Thiếu quang thiên, Vô lượng quang thiên, Cực tịnh quang thiên; 3 cõi trời này do huân tu đệ nhị tịnh lự duyên phẩm, trung phẩm, thượng phẩm. (3) Thiếu tịnh thiên, Vô lượng tịnh thiên, Biến tịnh thiên; 3 cõi trời này do huân tu đệ tam tịnh lự duyên phẩm, trung phẩm, thượng phẩm. (4) Vô vân thiên, Phước sanh thiên, Quảng quả thiên; 3 cõi trời này do huân tu đệ tứ tịnh lự duyên phẩm, trung phẩm, thượng phẩm; Vô tướng thiên tức Quảng quả thiên, nhiếp vô biệt xứ sở. Lại nữa, trú chỉ của chư Thánh thì không chung cùng ngũ tịnh cung địa: Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến và Sắc cứu cánh, do tạp huân tu đệ tứ tịnh lự duyên phẩm, trung phẩm, thượng phẩm, thượng thắng phẩm, thượng cực phẩm. Lại nữa, vượt qua tịnh cung, Đại tự tại trú xứ, có bỏ tất thập địa, do cực huân tu địa thứ mười mà được sanh trong trú xứ ấy.” (tr. 295a03~14)



(1) Trước ở chỗ này tu tập sơ tĩnh lự bậc thấp, bậc vừa và bậc cao; sau ở sinh xứ kia, kết quả thọ sinh ba cõi trời: trời Phạm thân, trời Phạm phụ và trời Đại phạm. Nếu khéo tu tập sơ tĩnh lự không tầm có tứ, thì kết quả sinh về cõi trời Đại phạm, mà không có chỗ nào hơn được xứ ấy.

(2) Trước ở chỗ này tu tập đệ nhị tĩnh lự bậc thấp, bậc vừa và bậc cao; sau ở sinh xứ kia, kết quả thọ sinh ba cõi trời: trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang và trời Cực tịnh quang.

(3) Trước ở chỗ này tu tập đệ tam tĩnh lự bậc thấp, bậc vừa và bậc cao; sau ở sinh xứ kia, kết quả thọ sinh ba cõi trời: trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh và trời Biến tịnh.

(4) Trước ở chỗ này tu tập đệ tứ tĩnh lự bậc thấp, bậc vừa và bậc cao; sau ở sinh xứ kia, kết quả thọ sinh ba cõi trời: trời Vô vân, trời Phước sinh và trời Quảng quả.

Từ đây trở lên rời xa sự mong muốn sắc pháp, nên không có phương xứ sai biệt. Tuy có tu tập nhân tố bậc thấp, bậc vừa và bậc cao, nhưng không kiến lập sinh quả sai biệt.

(5) Tu tập Hư không vô biên xứ bậc thấp, bậc vừa và bậc cao, thì kết quả thọ sinh trời Hư không vô biên xứ.

(6) Tu tập Thức vô biên xứ bậc thấp, bậc vừa và bậc cao, thì kết quả thọ sinh trời Thức vô biên xứ.

(7) Tu tập Vô sở hữu xứ bậc thấp, bậc vừa và bậc cao, thì kết quả thọ sinh trời Vô sở hữu xứ.

(8) Tu tập Phi tưởng phi phi tưởng xứ bậc thấp, bậc vừa và bậc cao, thì kết quả thọ sinh trời Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Do định tịch tĩnh có sai biệt và do thời gian an trú viên mãn hay



chưa viên mãn, mà các thiên xứ có sai biệt. Lại do trú nhiều trong ái vị sơ tĩnh lự, cho đến ái vị Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nên chưa hết thọ mạng mà bị chết yểu.

Nếu tạp tu hạ phẩm thế gian cùng với vô lậu đệ tứ tĩnh lự, thì kết quả thọ sinh tịnh cung trời Vô phiền.

Nếu tạp tu trung phẩm [đệ tứ tĩnh lự], thì kết quả thọ sinh tịnh cung trời Vô nhiệt.

Nếu tạp tu thượng phẩm [đệ tứ tĩnh lự], thì kết quả thọ sinh tịnh cung trời Diệu hiện.

Nếu tạp tu thượng thắng phẩm [đệ tứ tĩnh lự], thì kết quả thọ sinh tịnh cung trời Diệu kiến.

Nếu tạp tu thượng cực phẩm [đệ tứ tĩnh lự], thì kết quả thọ sinh tịnh cung trời Vô ngại cứu cánh.

Nếu khéo tu tập vô lượng bát tư nghị tam-ma-địa của Bồ-tát, dẫn ra đệ tứ tĩnh lự trong địa thứ mười, thì vượt qua [ngũ] tịnh cung, và kết quả thọ sinh trời Đại tự tại.²³⁴

(4) **Thanh tịnh:** Là biên tế [định] trong sơ tĩnh lự, dựa vào đây dẫn sinh tất cả thắng đức và thần thông mau lẹ²³⁵. Như sắc thái thanh tịnh của sơ tĩnh lự, các tĩnh lự khác và các định Vô sắc, nên biết như vậy. Trong đây, sự sai biệt của Vô sắc là dẫn phát công đức của giải thoát v.v... nơi các địa kia.²³⁶

234 Du-già sư địa luận, quyển 4, tr. 295a10-14: "Lại có năm tịnh cung địa: Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến và Sắc cứu cánh, là nơi chư Thánh dừng trú nhưng không chung. Năm xứ này là do tạp huân tu Đệ tứ tĩnh lự với các phẩm nhuyển, trung, thượng, thượng thắng, thượng cực. Lại vượt qua các tịnh cung là trú xứ Đại tự tại, có Bồ-tát Thập địa, do cực huân tu địa thứ mười mà được sanh về đây."

235 Tốc tạt thần thông.

236 Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập luận: "Những gì là thanh tịnh, là biên tế định trong sơ tĩnh lự, cho đến biên tế định trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, gọi là thanh tịnh." (tr. 683c12~14) Đại thừa A-tỳ-đạt-ma



Trên đây là sự sai biệt về *tạp nhiễm*, *kiết bạch*, *kiến lập* và *thanh tịnh* ở trong các tinh lự và các định Vô sắc, nên biết như vậy.

Như vậy đã nói về **y chỉ**, nay nói về **giác phần**.

Kệ tụng:

Giác phần có rất nhiều

Trước hết ba mươi bảy (kệ 4ab)

[488b03] Luận giải: Phạm loại của những pháp bờ-đề phần có rất nhiều, trước hết và hơn cả là ba mươi bảy [pháp bờ-đề phần]: bốn niệm trú, v.v. , trong kinh có nói rộng.

[488b05] 1. **Bốn niệm trú:**

Thân niệm trú, là hoặc duyên nơi thân, hoặc lại duyên thân để tăng thượng giáo pháp, hoặc duyên vào sự giáo thọ làm cảnh giới. Rồi do sự văn, tư, tu [giáo pháp] sinh ra tuệ²³⁷, làm cho niệm khéo an trú nơi cảnh xứ của thân - chỉ là ảnh tượng, hoặc là sự thành tựu, có được sự ly hệ đối với thân.

Như thân niệm trú, đối với thọ niệm trú, tâm niệm trú và pháp niệm trú cũng nên biết như vậy. Trong đây có sự sai biệt, nghĩa là mỗi niệm trú có mỗi tự cảnh tương ứng, cho đến có được sự ly hệ đối với [thọ, tâm,] pháp.

Lại nữa, *nhất thiết xứ* nên nói, niệm cùng tương ưng với tâm và tâm pháp. Như vậy, khi phát khởi sự quán sát tâm, thì cảnh sở duyên

tạp tập luận: “Thanh tịnh, là biên tế định trong sơ tinh lự, cho đến biên tế định trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, gọi là thanh tịnh. Biên tế định của tinh lự Vô sắc là muốn dẫn phát công đức thắng phẩm, được tự tại v.v..., tu kham nhiệm định, đạt đến Cứu cánh xứ.” (tr. 737a21~24) Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp tập luận: “Thế nào là dẫn phát các công đức như vậy? Là y chỉ thanh tịnh của bốn tinh lự, hoặc ngoại đạo, hoặc thanh văn, hoặc bồ tát dẫn phát bốn vô lượng, năm thần thông. Nếu đa phần y chỉ biên tế của đệ tứ tinh lự, thì hoặc thanh văn, hoặc bồ tát, hoặc Như lai còn dẫn phát những công đức khác.” (tr. 762b03~06)

237 Nhờ tuệ lực mà niệm lực được an trú nơi cảnh sở quán. Do nơi tuệ mà có tên niệm trú.



[của sự quán sát ấy] có bốn sự: 1. Tâm sở chấp sự; 2. Tâm lãnh nạp sự; 3. Tâm liễu biệt sự; 4. Tâm nhiễm tịnh sự.²³⁸

2. **Bốn chánh đoạn:** Trong kinh có nói rộng.²³⁹

(1) “*Pháp ác bất thiện đã sinh, vì để đoạn trừ chúng nên khởi ước muốn, nỗ lực, phát khởi chánh cần, giục tâm, giữ tâm.*”

Đã sinh, là thuộc về thô triển²⁴⁰.

Pháp ác bất thiện, là có thể khởi ác hành, khởi phiền não và tùy phiền não ở Dục giới. Nghĩa của ác, bất thiện, như trước đã nói.²⁴¹

Vì để đoạn trừ chúng, là tu tập sự đối trị pháp ác bất thiện, làm cho chúng ít đi, giảm bớt.

Khởi ước muốn, là khởi lên ý muốn đoạn niềm vui.

Nỗ lực, là không nhận chịu điều ác và quy hướng sự đoạn.

Phát khởi chánh cần, là nhiều thứ tu tập kiên cố để đối trị pháp ác bất thiện.

Ba câu trên hiển thị *văn tuệ* và *tư tuệ*, thuộc hạ phẩm đối trị trong bất định địa²⁴².

238 Bốn niệm trú – thân, thọ, tâm, pháp - chỉ là quán sát tâm, tức quán tâm chấp thọ (thân), quán tâm lãnh nạp (thọ), quán tâm liễu biệt (tâm), quán tâm nhiễm tịnh (pháp). Cảnh sở duyên của niệm trú chính là pháp sở duyên của tuệ, tức thân, thọ, tâm, pháp.

239 Trung A-hàm, phẩm Trường thọ vương, kinh Thuyết xứ, số 86: “A-nan, trước kia Ta đã nói cho ông nghe về bốn chánh đoạn, Tỷ-kheo đối với pháp ác bất thiện đã sanh, vì để đoạn trừ chúng nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. Đối với các pháp thiện chưa sanh, vì để cho phát sanh nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. Đối với các pháp thiện đã sanh, vì để chúng kiên trụ, không bị quên lãng, không bị thoái hóa, được bồi bổ tăng tiến, được phát triển rộng rãi, được viên mãn cụ túc, nên khởi ước muốn, nỗ lực hành, tinh cần, dốc hết tâm, đoạn trừ. A-nan, bốn chánh đoạn này, ông hãy nói để dạy cho các Tỷ-kheo niên thiếu. Nếu nói và dạy cho các Tỷ-kheo niên thiếu về bốn chánh đoạn này, họ sẽ được an ổn, được sức lực, được an lạc, thân tâm không phiền nhiệt, trọn đời tu hành phạm hạnh.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

240 Thô triển: triển cái (phiền não) thô trọng. Đối lại là tùy miên: chùng tửu phiền não (vi tế).

241 “Có thể đọa ác thú, gọi là ác. Có thể chướng điều thiện, gọi là bất thiện.”

242 Bất định địa: chỉ cho Dục giới, tức ngũ thú tạp cư địa.



Giục tâm, là tu tập đối trị pháp ác bất thiện, *tu tuệ* hiện hành, nếu tâm sinh hôn trầm - một phiền não nhiễm ô²⁴³, thì thúc giục tâm khiến phấn chấn.

Giữ tâm, là ngay khi sự đối trị này hiện hành, nếu tâm sinh trạo cử - một loại phiền não nhiễm ô, thì chế giữ tâm khiến tịnh chỉ.

(2) “*Pháp ác bất thiện chưa sinh, vì để chúng không sinh nên khởi ước muốn, nỗ lực, phát khởi chánh cần, giục tâm, giữ tâm.*”

Chưa sinh, là thuộc về tăng thịnh tùy miên, làm nhân tố khởi thô triển.

Vì để chúng không sinh, là làm cho thô triển không hiện hành.

Khởi ước muốn, khởi lên ý muốn không hiện hành [thô triển].

Nỗ lực, là do không quên trú, làm để không hiện hành, vì khéo trú niệm.

Phát khởi chánh cần, giục tâm, giữ tâm, thì như trước đã nói.

(3) “*Pháp thiện chưa sinh, vì để phát sinh nên khởi ước muốn, nỗ lực, phát khởi chánh cần, giục tâm, giữ tâm.*”

Chưa sinh, là chưa có được.

Pháp thiện, là văn, tư, tu sinh ra ba tuệ. Do cái nghĩa không tội lỗi nên gọi là thiện.

Vì để phát sinh, là để có được pháp thiện.

Khởi ước muốn, là khởi lên ý muốn đạt được.

Nỗ lực, là cầu phương tiện chân chánh để nhiếp thọ pháp thiện.

Phát khởi chánh cần, là trường thời chân thành tu tập nhiều và vững.

243 Tùy phiền não.



Ba câu trên hiển thị có được sự đối trị pháp ác bất thiện ở bất định địa. Văn tuệ và tư tuệ thuộc về pháp thiện.

Giục tâm, giữ tâm, là có được tu tuệ.

Còn lại thì như trước đã nói.

(4) “*Pháp thiện đã sinh, vì để an trú, để không quên lãng, để tu viên mãn, để tu gấp bội, để tăng trưởng, để rộng lớn, nên khởi ước muốn, nỗ lực, phát khởi chánh cần, giục tâm, giữ tâm.*”

Đã sinh, là đã có được.

Để an trú, là văn tuệ.

Để không quên lãng, là tư tuệ.

Để tu viên mãn, là tu tuệ.

Ba câu trên hiển thị sự thủ hộ pháp thiện đã có được.

Để tu gấp bội, để tăng trưởng, để rộng lớn, theo thứ tự, là không biết đủ đối với pháp thiện đã sinh.

Khởi ước muốn, là khởi lên ý muốn đạt được.

Còn lại thì như trước đã nói.

[488c14] 3. **Bốn thần túc:** Trong kinh có nói rộng.²⁴⁴

(1) Dục tăng thượng nên được tam-ma-địa:

Như có hành giả ở đời trước tu tập thiện căn thượng phẩm, đối với bậc đại sư, hoặc đối với bậc có trí đồng phạm hạnh, sinh lòng tin, khởi ước muốn²⁴⁵ lắng nghe chánh pháp. Sinh lòng tin, khởi ý muốn

244 Du-già sư địa luận, quyển 28: “Bốn thần túc là: 1. Dục tam ma địa đoạn hành thành tựu thần túc; 2. Cần tam ma địa đoạn hành thành tựu thần túc; 3. Tâm tam ma địa đoạn hành thành tựu thần túc; 4. Quán tam ma địa đoạn hành thành tựu thần túc.” (tr. 440a02-05)

245 Tâm sở tín và tâm sở dục. Dục như vậy, không chỉ là nghe chánh pháp, mà nó là nhiếp thọ chánh pháp, bao gồm văn, tư, tu tuệ; cho nên đoạn dưới đây nhắc đến dục chính là sự tu bốn chánh đoạn. Nhờ tu bốn chánh đoạn mà được tam-ma-địa, nên gọi là “dục tăng thượng nên được tam-ma-



lắng nghe chánh pháp rồi, triển chuyển chứng đắc *tâm trú nhất cảnh tánh*. Do nương vào dục mà thành tựu tam-ma-địa.

Pháp ác bất thiện đã sinh, vì để đoạn trừ, nên khởi ước muốn, nỗ lực, phát khởi chánh cần, giục tâm, giữ tâm.

Pháp ác bất thiện chưa sinh, vì để không sinh, nên khởi ước muốn, nỗ lực, phát khởi chánh cần, giục tâm, giữ tâm.

Pháp thiện chưa sinh, vì để phát sinh nên khởi ước muốn, nỗ lực, phát khởi chánh cần, giục tâm, giữ tâm.

*Pháp thiện đã sinh, vì để an trú, để không quên lãng, để tu viên mãn, để tu gấp bội, để tăng trưởng, để rộng lớn, nên khởi ước muốn, nỗ lực, phát khởi chánh cần, giục tâm, giữ tâm.*²⁴⁶

Hành giả như vậy còn tu thêm tám thứ đoạn hành: dục, sách cần, tín, an, chánh niệm, chánh tri, tư và xả.²⁴⁷

Do nương vào dục mà thành tựu tam-ma-địa, là ở trong dục định mà được tự tại.

Pháp ác bất thiện đã sinh, là thuộc về chư triền hạ phẩm. Pháp ác bất thiện chưa sinh, là thuộc về tùy miên nhỏ nhiệm, mà chưa làm tổn hại.

địa". Và nhờ tu thêm 8 thứ đoạn hành mà được 3 thần túc còn lại.

246 Chánh văn ở 4 câu này có chút giản lược, nếu dịch sát thì tối nghĩa, nên phải dịch như vậy.

247 Đại thừa trang nghiêm kinh luận sắp xếp 8 đoạn hành như sau: tín, dục, cần, khinh an, chánh niệm, chánh tri, tư và xả. Giải thích: "Ở đây, theo thứ tự là: (một) lấy ba hành tín, dục và cần để thành lập phương tiện khởi tác: do tín khởi dục, do dục khởi cần, theo thứ tự như vậy; (hai) lấy một hành khinh an để thành lập phương tiện tùy nhiếp: do khinh an mà tâm được định; (ba) lấy hai hành chánh niệm và chánh tri để thành lập phương tiện trói buộc: do chánh niệm nên trú tâm ở trong định, không cho rời cảnh sở duyên, và do chánh tri nên khi tâm rời cảnh sở duyên, biết rõ tâm mà tùy nhiếp; (bốn) lấy hai hành tư và xả để thành lập phương tiện đối trị: nhờ có tư mà đối trị được chướng ngại của hôn trầm, và nhờ có xả mà đối trị được chướng ngại của trạo cử; hai hành tư và xả có tác dụng đối trị phiền não." (No. 1604, tr. 643c14~21)



Để đoạn trừ, là rời xa chư triền duyên phẩm²⁴⁸ đã sinh. Để không sinh, là không sinh khởi tùy miên nhỏ nhiệm, tổn hại.

Khởi ước muốn, nỗ lực, phát khởi chánh cần, giục tâm, giữ tâm, như trước đã nói rộng.

Pháp thiện chưa sinh, ... đã sinh, vì để an trú, để không quên lãng, để tu viên mãn, để tu gấp bội, để tăng trưởng, để rộng lớn, nên khởi ước muốn, nỗ lực, phát khởi chánh cần, giục tâm, giữ tâm, như trước đã nói rộng, nên biết.

Hành giả như vậy, là người dành nhiều thời gian tu hành và trú như vậy.

Còn tu dục, là muốn pháp ác bất thiện không hiện hành và không làm tổn hại.

Sách cần, là dục làm nhân tố khởi chánh cần để tu xa-ma-tha và tỷ-bát-xá-na.

Tín, là nhân tố để khởi dục. Để [đoạn trừ] sự tổn hại của pháp ác bất thiện và có được [pháp thiện] thì nhất định phải có tín.

An, là nhờ có sách cần mà trừ được thân tâm thô nặng, làm cho thân tâm kham nhiệm²⁴⁹.

Chánh niệm, là phòng hộ tâm hôn trầm và trạo cử của tùy phiền não, khiến tâm không quên lãng.

Chánh tri, là khi thất niệm, hoặc khi tùy phiền não hiện hành, thì phân biệt chánh tri.

Tư, là tâm tạo tác trong khi [tịnh] chỉ và [sách] cử²⁵⁰.

248 Duyên phẩm = hạ phẩm: bậc thấp kém.

249 Kham nhiệm: tánh mềm dẻo, dễ sử dụng. Thân tâm kham nhiệm = thân tâm thư thối.

250 Tịnh chỉ (định chỉ) là nếu tâm trạo cử hay sợ trạo cử nổi lên thì nên tu tập tịnh chỉ, đối với cảnh



Xả, là tâm trú bất nhiễm ô, tâm bình đẳng và tâm chánh trực, [an trú mà] tánh không chuyển động.

Như vậy, trong tất cả thân tức, nên biết về tám thứ đoạn hành, mà trong đó có các sai biệt:

(2) Cần tăng thượng nên được tam-ma-địa:

Như có hành giả y theo pháp được truyền dạy, răn bảo; hoặc ngồi chôn trống vắng, hoặc sống nơi rừng cây, hoặc độc cư tịnh thất; ở những nơi như vậy, trường thời [tu tập] thuần thực một cách dững mãnh, chánh cần một cách nhiệt thành, chứng đắc *tâm trú nhất cảnh tánh*. Do nương vào chánh cần mà thành tựu tam-ma-địa. Ngoài ra như trước đã nói.

(3) Tâm tăng thượng nên được tam-ma-địa:

Như có hành giả trước đã tu tập hạnh xa-ma-tha, do nhân duyên này tư duy nội pháp²⁵¹, mau chóng chứng đắc *tâm trú nhất cảnh tánh*. Do tu tập tâm mà thành tựu tam-ma-địa. Ngoài ra như trước đã nói.

(4) Quán tăng thượng nên được tam-ma-địa:

Như có hành giả nghe nhiều, nghe rồi ghi nhớ, tích tập sự nghe, ở một mình nơi vắng vẻ yên tịnh, dùng tuệ giản trạch pháp được nghe, giản trạch cực vi, biến giác quán sát, nhân đây chứng đắc *tâm trú nhất cảnh tánh*. Do quán sát mà thành tựu tam-ma-địa. Ngoài ra như trước đã nói.

[489a23] 4. **Năm căn:** Trong kinh có nói rộng.

(1) *Tín căn*, là do thể gian đạo khiến tâm thanh tịnh trong sáng,

sở duyên cực sanh chán ghét. Sách cũ (phần chấn) là nổi lên sự cảnh giác khi tâm bị hôn trầm, làm cho tâm phần chấn lên. Xả (xả bỏ) là rời xa hôn trầm, trạo cử, tâm trú nơi xả.

251 Nội pháp: chỉ cho tướng và hành trong 5 uẩn.



không dơ bẩn, lia tùy phiền não, được trú bất động. Từ đây về sau, cầu Thánh để để hiện quán²⁵², vì vĩnh đoạn tùy miên; tu tập các phương tiện, để có được sự đối trị; nhờ đó khởi tăng thượng tín.

(2) *Chánh cần căn*, là dựa vào tín căn, [tu] tăng tiến, dững mãnh; câu hành với tín căn.

(3) *Niệm căn*, là dựa vào chánh cần, [trí] sáng tỏ, không quên lãng; câu hành với chánh cần căn.

(4) *Đẳng trì căn*, là dựa vào niệm căn, tâm trú nhất cảnh; câu hành với niệm căn.

(5) *Tuệ căn*, là dựa vào đẳng trì căn, [tuệ] giản trạch các pháp; câu hành với đẳng trì căn.

[489b02] 5. **Năm lực:** Trong kinh có nói rộng.

Năm lực tức tín căn v.v... do khéo tu tập, nhiều tu tập, nên không bị các pháp như bất tín v.v.²⁵³ làm cho tạp loạn, còn có công năng đối trị các pháp tạp loạn. Với ý nghĩa không thể bị đàn áp nên gọi là lực.

[489b05] 6. **Bảy biến giác chi:** Trong kinh có nói rộng.

(1) *Niệm biến giác chi:* do thể gian đạo cụ bị thiện lực cho kiến đạo hiện tiền²⁵⁴, và do trước tu tập thể gian niệm biến giác chi, dẫn đến có được xuất thế vô công dụng, vô phân biệt, vì vậy [tâm trí] sáng tỏ Thánh đế, không quên mất Thánh đế.

252 Cầu để hiện quán: Theo Câu xá luận, quyển 22, hành giả lấy tứ đế để để hiện quán: Trước hết quán Khổ đế, tiếp theo quán Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Hiện quán bốn đế bằng 16 tâm, gọi là 8 trí, 8 nhãn: 1. Khô pháp trí nhãn; 2. Khô pháp trí; 3. Khô loại trí nhãn; 4. Khô loại trí; 5. Tập pháp trí nhãn; 6. Tập pháp trí; 7. Tập loại trí nhãn; 8. Tập loại trí; 9. Diệt pháp trí nhãn; 10. Diệt pháp trí; 11. Diệt loại trí nhãn; 12. Diệt loại trí; 13. Đạo pháp trí nhãn; 14. Đạo pháp trí; 15. Đạo loại trí nhãn; 16. Đạo loại trí.

253 Năm lực có khả năng đối trị năm chướng ngại: tà tín, giải đãi, tà niệm, loạn tưởng và lậu hoặc.

254 Kiến đạo của nhị thừa với sanh không trí đoạn trừ phiền não chướng; kiến đạo của bồ tát với pháp không trí đoạn trừ phiền não chướng và sở trí chướng.



(2) *Trạch pháp biến giác chi*: do trước đã dẫn phát vô công dụng, vô phân biệt, y chỉ nơi niệm, cùng niệm câu hành, vì vậy hiểu rõ Thánh đế, giác ngộ Thánh đế. Như vậy, tất cả biến giác chi [còn lại] do trước dẫn phát vô công dụng, vô phân biệt [ở niệm giác chi]; sau y chỉ giác chi ở trước nó và cùng câu hành với giác chi ấy. Nên hiểu rõ như vậy, trong đây có phân biệt:

(3) *Chánh cần biến giác chi*: nơi Thánh đế sinh tâm dũng mãnh.

(4) *Hỷ biến giác chi*: nơi Thánh đế sinh tâm hỷ duyệt.

(5) *An biến giác chi*: ở trong chân đế²⁵⁵, thân tâm kham nhiệm.

(6) *Tam-ma-địa biến giác chi*: ở trong chân đế, tâm trú nhất cảnh.

(7) *Xả biến giác chi*: ở trong chân đế, tâm bình đẳng, tâm chánh trực, tâm không chuyển động.

[489b17] Lại như kinh nói, “*Còn khéo tu tập y chỉ tịch diệt, y chỉ ly dục, y chỉ diệt, thú hướng khí xả.*”

Y chỉ tịch diệt, là y chỉ tịch diệt ở Dục giới.

Y chỉ ly dục, là y chỉ ly dục ở Sắc và Vô sắc giới.

Y chỉ diệt, là y chỉ vĩnh đoạn, không còn dư đối với uẩn, giới, xứ đã được.

Thú hướng khí xả, là làm cho không tương tục uẩn, giới, xứ ở vị lai.

[489b22] 7. **Tám Thánh đạo chi**: Trong kinh có nói rộng.

(1) *Chánh kiến*: Ở giai đoạn kiến đạo, có được biến giác chi thì kiến thanh tịnh, và ở giai đoạn tu đạo, sau khi an lập biến giác chi đã được, thì kiến thanh tịnh. Tổng hợp hai kiến này gọi là chánh kiến.

255 Chân đế: chỉ cho chân đế hiện quán, tức kiến đạo. Chân đế hiện quán thì ly dục ở cả tam giới.



(2) *Chánh tư duy*: Dựa vào chánh kiến và câu hành với chánh kiến, tư duy ly dục, tư duy không sân khuê, tư duy không sát hại. Ở giai đoạn tu đạo, liên tục tác ý, tư duy các đế, cùng tương ưng với tác ý vô lậu, khiến tâm hướng vào, cực độ hướng vào, tìm cầu, cực độ tìm cầu, hiện tiền tìm cầu, giác liễu suy nghĩ, quán sát tư duy, đặc tánh tư duy.²⁵⁶

(4). *Chánh ngữ*: Ở giai đoạn tu đạo, dựa vào chánh tư duy, do liên tục tác ý vô lậu, tư duy các đế, nên có được bốn thứ ngữ nghiệp, thuộc về Thánh ái giới²⁵⁷, bất lạc ly lạc, trừ diệt các thứ ly, trừ diệt²⁵⁸, phòng hộ, bất tác ly tác, không hành, không hủy, không phạm, cầu kiều thuyền bè, viễn ly không trái vượt, đặc tánh không có các thứ trái vượt.²⁵⁹

(4) *Chánh nghiệp*: Ở giai đoạn tu đạo, do liên tục tác ý vô lậu, tư duy các đế, nên có được ba thứ thân nghiệp, thuộc về Thánh ái giới, bất lạc ly lạc, trừ diệt các thứ ly, trừ diệt, phòng hộ, bất tác ly tác, không hành, không hủy, không phạm, cầu kiều thuyền bè, viễn ly không trái vượt, đặc tánh không có các thứ trái vượt.

(5) *Chánh mạng*: Ở giai đoạn tu đạo, do liên tục tác ý vô lậu, tư duy các đế, nên viễn ly pháp ác, tà mạng đã làm, thuộc về Thánh ái

256 Thể của tư duy là tầm (tìm cầu, suy tìm).

257 Thánh ái giới 聖愛戒: còn gọi Thánh sở ái giới 聖所愛戒, giới được các Thánh hiền hàm mộ, đi đến.

258 Trừ diệt: tâm trừ diệt, lắng trong chất bản của phiền não và tùy phiền não, như nước lắng trong do liên hệ với minh châu tịnh thủy.

259 A-tỳ-đạt-ma phẩm loại túc luận, quyển 8: “Thế nào là chánh ngữ? Là chư vị Thánh đệ tử với khổ tư duy khổ, với tập tư duy tập, với diệt tư duy diệt, với đạo tư duy đạo, bỏ xu hướng tà mạng ngữ với bốn ác hành và các ngữ ác hành khác. Do lực quyết trạch dẫn ra vô lậu, viễn ly chỉ tức, mỗi riêng viễn ly, tịch tịnh luật nghi, không tác không tạo, không hành không phạm, không hủy bỏ phận, con đê, cầu, thuyền bè, xả bỏ quý tặc, không trái không vượt, an trú không trái vượt, đó gọi là chánh ngữ.” (tr. 722a07~23)



giới, bất lạc ly lạc, trừ diệt các thứ ly, trừ diệt, phòng hộ, bất tác ly tác, không hành, không hủy, không phạm, cầu kiều thuyền bè, viễn ly không trái vượt, đặc tánh không có các thứ trái vượt.

(6) *Chánh sách lệ*: Ở giai đoạn tu đạo, do liên tục tác ý vô lậu, tư duy các đế, nên đối với sự tu tập niệm trú, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, mà ưa muốn chánh cần, nỗ lực, dũng mãnh, kham nhiệm tâm khó chế ngự, gắng sức, đặc tánh liên tục tinh tiến.

(7) *Chánh niệm*: Ở giai đoạn tu đạo, do liên tục tác ý vô lậu, tư duy các đế, hoặc y theo con đường xa-ma-tha, hoặc y theo con đường tỳ-bát-xá-na, hoặc y theo cả hai con đường, đối với sự tu tập các biến giác chi: trạch pháp, chánh cần, hỷ, an, đẳng trì và xả, mà niệm và chánh niệm, tùy niệm, các niệm không quên lãng, niệm tâm sáng tỏ, không quên mất, tuyệt đối không quên mất, tuyệt đối không quên mất các pháp.

(8) *Chánh đẳng trì*: Ở giai đoạn tu đạo, do liên tục tác ý vô lậu, tư duy các đế, lại dựa vào ba con đường²⁶⁰ cho sự tu tập [đẳng trì] như: chánh niệm nhiếp tâm, tâm trú, an trú, cận trú, đẳng trú, bất loạn bất tán, chánh nhiếp trì, xa-ma-tha²⁶¹, tâm trú nhất cảnh tánh; các đạo chi này, cái sau dựa vào cái trước, tương ứng cùng khởi, nên biết.

Lại nữa, kệ tụng:

Trí và giải thoát môn

Hành, tích và chỉ quán. (kệ 4cd)

[489c22] Luận giải:

Trí: Là mười loại trí, trong kinh có nói rộng.

260 Ba con đường: chỉ (xa-ma-tha), quán (tỳ-bát-xá-na) và chỉ quán song hành.

261 Thêm quán (tỳ-bát-xá-na) và chỉ quán song hành.



1. *Pháp trí*: Trí vô lậu mà cùng liễu tri, hiện kiến sở tri đối với cảnh giới chư nghĩa.

2. *Chủng loại trí*: Trí vô lậu mà không cùng liễu tri, không hiện kiến sở tri đối với cảnh giới chư nghĩa.

3. *Tha tâm trí*: Trí biết tâm và tâm pháp của người khác, có được do tu tập sinh ra tu quả; và chư Như lai biết các chúng sinh, theo ý giải của chúng sinh, theo tùy miên của chúng sinh, mà chuyển khởi diệu trí giáo thọ, giáo huấn.

4. *Thế tục trí*: Tuệ thế gian, dựa vào tuệ này mà chư Như lai theo ý giải của chúng sinh, theo tùy miên của chúng sinh, mà tuyên thuyết diệu pháp.

5. *Khổ trí*: Nơi các hành hữu lậu²⁶², tư duy [bốn hành tướng] vô thường, khổ, không, ly ngã²⁶³; hoặc trí, hoặc kiến²⁶⁴ hiểu rõ, giác ngộ [các hành]; đặc tánh là tuệ quán sát.

6. *Tập trí*: Nơi nhân tố của các hành hữu lậu, tư duy [bốn hành tướng] nhân, tập, sinh, duyên; hoặc trí, hoặc kiến hiểu rõ, giác ngộ [nhân tố của các hành]; đặc tánh là tuệ quán sát.

7. *Diệt trí*: Nơi sự diệt của các hành hữu lậu, tư duy [bốn hành

262 Các hành hữu lậu: Các hành chỉ cho các pháp hữu vi. Đặc tính của các pháp ấy là diễn biến trong thời gian, nên gọi là các hành. Các pháp hữu vi thì hữu lậu, vì các pháp đó nó làm sanh ra và tăng trưởng phiền não, lậu hoặc.

263 Thích Thiện Siêu, Đại cương về luận Câu xá: “Tu mười sáu hành tướng để đối trị mười sáu bính vọng chấp. Quán bốn hành tướng vô thường, khổ, vô ngã của Khổ để đối trị bốn vọng chấp là chấp thường, chấp lạc, chấp ngã sở (các sở hữu của ta), chấp ngã. Quán bốn hành tướng nhân, tập, sanh, duyên của Tập để đối trị bốn vọng chấp của ngoại đạo là vô nhân luận, nhất nhân luận, thường nhân luận, năng sanh luận. Quán bốn hành tướng diệt, tịnh, diệu, ly của Diệt để đối trị bốn vọng chấp sanh cõi trời Tự tại là Niết-bàn, tự thể sẵn giải thoát, Niết-bàn là hoại diệt như bị bùa chú, giải thoát rồi vẫn sanh tử. Quán bốn hành tướng đạo, như, hành, xuất của Đạo để đối trị bốn vọng chấp là không có đạo giải thoát, khổ hạnh là chánh đạo giải thoát, không tu đạo mà vẫn thanh tịnh và chấp Thánh đạo không có khả năng giải thoát.”

264 Khi tuệ tâm sở với công dụng suy đạt tầm cầu thì gọi là kiến, với công dụng quyết đoán thì gọi là trí.



tướng] diệt, tĩnh, diệu, ly; hoặc trí, hoặc kiến hiểu rõ, giác ngộ [sự diệt của các hành]; đặc tánh là tuệ quán sát.

8. Đạo trí: Nơi vô lậu đạo có khả năng đoạn trừ các hành hữu lậu, tư duy [bốn hành tướng] đạo, như, hành, xuất; hoặc trí, hoặc kiến hiểu rõ, giác ngộ [vô lậu đạo có khả năng đoạn trừ các hành hữu lậu]; đặc tánh là tuệ quán sát.

9. Tận trí: Khổ đã biết, tập đã đoạn, diệt đã chứng, đạo đã tu, hoặc duyên cảnh giới cùng tận [về tứ đế], hoặc việc làm đã hết²⁶⁵; hoặc trí, hoặc kiến hiểu rõ, giác ngộ [cảnh giới cùng tận về tứ đế]; đặc tánh là tuệ quán sát.

10. Vô sinh trí: Khổ đã biết, không còn phải biết nữa; tập đã đoạn, không còn phải đoạn nữa; diệt đã chứng, không còn phải chứng nữa; đạo đã tu, không còn phải tu nữa; hoặc duyên cảnh giới vô sinh, hoặc làm sự vô sinh²⁶⁶; hoặc trí, hoặc kiến hiểu rõ, giác ngộ [cảnh giới vô sinh]; đặc tánh là tuệ quán sát.

[490a12] **Giải thoát môn:** Là ba giải thoát môn: 1. *Không giải thoát môn*; 2. *Vô tướng giải thoát môn*; 3. *Vô nguyện giải thoát môn*.

Không có hai thứ: 1. *Sở tri không*; 2. *Trí không*.²⁶⁷

Sở tri không: pháp được chấp trước là tánh biến kế về chúng sinh và tánh biến kế về pháp; hai tánh biến kế này đều tách rời vô tánh, và ngoài hai tánh biến kế này là vô ngã hữu tánh²⁶⁸. Trong các pháp, tánh

265 “Sinh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa”.

266 A là hán là vị đã đạt mục đích tối hậu, Niết bàn, thoát khỏi sinh tử (bất sinh hay vô sinh, bất lai), không còn gì để học nữa (vô học).

267 Sở tri là đối tượng sở tri. Trí là chủ thể năng tri.

268 Không tánh là nơi ngã (uẩn, xứ, giới) mà như thật tri là vô tánh và vô ngã hữu tánh (cái tánh vô ngã của sự hiện hữu). Không tánh có 3 thứ: 1. Tự tánh không tánh, dựa vào tánh biến kế sở chấp mà quán; 2. Như tánh không tánh, dựa vào tánh y tha khởi mà quán; 3. Chân tánh không tánh, dựa



biến kế là chẳng có, tức tánh vô ngã là có. Trong các pháp, tánh vô ngã là có, tức tánh biến kế là chẳng có. Ở đây, có và chẳng có, tánh của chúng là không hai²⁶⁹, là *vô phân biệt cảnh giới*.

Trí không, là duyên cảnh giới ấy, như thật liễu tri.

Vô tướng cũng có hai thứ: 1. *Sở tri vô tướng*; 2. *Trí vô tướng*.

Sở tri vô tướng, là sở tri về không cảnh²⁷⁰; do cảnh tướng này mà mọi ý tưởng²⁷¹ không hiện hành.

Trí vô tướng, như trên đã nói.

Vô nguyện cũng có hai thứ: 1. *Sở tri vô nguyện*; 2. *Trí vô nguyện*.

Sở tri vô nguyện, là do không có trí [vô tướng] nên đối với tướng trạng của các hành còn khởi [cái thấy] điên đảo.

Trí vô nguyện, là duyên cảnh kia, biết rõ nên chán ghét.

Hành tướng của không, là nơi các hành, không thể thủ đắc ngã, và nơi các ý tưởng và sự phân biệt thể tục, không thể thủ đắc pháp.

Hành tướng của vô tướng, là nơi các hành, có thể thủ đắc vô ngã tánh ở chúng sinh; là nơi các ý tưởng và sự phân biệt thể tục, có thể thủ đắc vô ngã tánh ở pháp; và là hành tướng diệt, tĩnh, diệu, ly của diệt đế.²⁷²

Hành tướng của vô nguyện, là vô thường, khổ và bất tịnh²⁷³, như

vào tánh viên thành thật mà quán.

269 Không hai: có mà chẳng có, chẳng có mà có.

270 Là vô phân biệt cảnh giới đã nói ở trên.

271 Nhất thiết chư tướng: tướng được dịch là ý tưởng.

272 Ở đây chỉ cho sự quán chân như và trạch diệt là vô tướng. Hai vô ngã tánh ở chúng sinh và pháp chính là chân như.

273 Khổ vì biên chấp kiến (điên đảo về vô thường) và khổ vì kiến thủ (điên đảo về khổ và bất tịnh).



bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn [của khổ đế]; và là hành tướng nhân, tập, sinh, duyên [của tập đế].

Duyên *trí không* nơi đạo đế, là tạo tác hành tướng đạo, như, hành, xuất; đây cũng là hành tướng của không.

Duyên *trí vô tướng* nơi đạo đế, là tạo tác hành tướng đạo, như, hành, xuất; đây cũng là hành tướng của vô tướng.

Duyên *trí vô nguyện* nơi đạo đế, là tạo tác hành tướng đạo, như, hành, xuất; đây cũng là hành tướng của vô nguyện.²⁷⁴

Nếu không có sai biệt, gọi chung là không, vô tướng, vô nguyện, ba pháp này là ba tuệ văn, tư, tu, thông với thế gian và xuất thế gian, nên biết.

Nếu gọi là không, vô tướng, vô nguyện tam-ma-địa, thì chỉ có tu tuệ, thông với thế gian và xuất thế gian, nên biết.

Nếu gọi là không, vô tướng, vô nguyện giải thoát môn, thì ba giải thoát môn này chỉ có ở xuất thế gian, nên biết.

[490b07] **Hành:** Là bốn thứ hành, trong kinh có nói rộng²⁷⁵.

274 Bốn hành tướng nơi đạo đế không thuộc về khổ, tập, diệt; nó chẳng phải vọng nên chẳng phải không, chẳng phải chân nên hữu tướng. Cho nên tuệ giác bồ-đề có thể mong cầu (nguyện). Xét theo hành tướng của trí năng quán, thì ở đạo đế tạo tác 3 trí: không, vô tướng, vô nguyện, và chính là nói đạo đế chính là 3 trí ấy.

275 Trường A-hàm, kinh Tự hoan hỷ: “Pháp Như Lai thuyết lại còn có pháp trên nữa; đó là diệt. Diệt, tức là: Diệt bằng khổ hành nhưng chậm chứng đắc, cả hai đều thấp kém. Diệt bằng lạc, chậm chứng đắc, duy chỉ sự chậm là thấp kém. Diệt bằng lạc, chóng chứng đắc, nhưng không phổ rộng; vì không phổ rộng nên nói là thấp kém. Như nay Như Lai diệt bằng lạc, chóng chứng đắc, mà lại phổ rộng, cho đến trời và người đều thấy biến hóa thân diệu.” (Thích Tuệ Sỹ dịch) Kinh Tự hoan hỷ sử dụng: Khổ diệt trì đắc 苦滅遲得, Khổ diệt tốc đắc 苦滅速得, Lạc diệt trì đắc 樂滅遲得, Lạc diệt tốc đắc 樂滅速得. Bốn thứ hành này chỉ cho quá trình tu tập bao gồm 2 khía cạnh khổ và lạc, chậm và nhanh. A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận, quyển 7: “Bốn hành là: 1. Khổ trì thông hành; 2. Khổ tốc thông hành; 3. Lạc trì thông hành; 4. Lạc tốc thông hành. Thế nào là khổ trì thông hành? Đáp: Tĩnh lực mà không nhiếp năm căn hạ phẩm, gọi là khổ trì thông hành. Thế nào là khổ tốc thông hành? Đáp: Tĩnh lực mà không nhiếp năm căn hạ phẩm, gọi là khổ tốc thông hành. Thế nào là lạc trì thông hành? Đáp: Tĩnh lực mà đã nhiếp năm căn thượng phẩm, gọi là lạc trì thông hành. Thế nào là lạc tốc thông hành? Đáp: Tĩnh lực mà đã nhiếp năm căn thượng phẩm, gọi là lạc tốc thông hành.” (No. 1536, tr. 395b11~17).



1. *Khổ trì thông*, là bậc độn căn, chưa được hiện pháp lạc trú²⁷⁶, dứt hết các lậu, hoặc đạo, hoặc hành.

2. *Khổ tốc thông*, là bậc lợi căn, chưa được hiện pháp lạc trú, dứt hết các lậu, hoặc đạo, hoặc hành.

3. *Lạc trì thông*, là bậc độn căn, đã được hiện pháp lạc trú, dứt hết các lậu, hoặc đạo, hoặc hành.

4. *Lạc tốc thông*, là bậc lợi căn, đã được hiện pháp lạc trú, dứt hết các lậu, hoặc đạo, hoặc hành.

[490b12] **Tích:** Là bốn pháp tích, trong kinh có nói rộng²⁷⁷.

1. *Vô tham tích:* Khả năng nắm giữ pháp nghĩa của *thi-la uẩn*²⁷⁸, nên gọi là tích. Người chưa tiếp nhận *thi-la*, thì làm cho đi đến tiếp nhận; người đã tiếp nhận *thi-la*, thì làm cho thủ hộ, làm cho tăng trưởng, làm cho rộng lớn.

2. *Vô sân tích:* Giống như vô tham tích.

3. *Chánh niệm tích:* Khả năng nắm giữ pháp nghĩa *tam-ma-địa*

276 Hiện pháp lạc trú: An trú pháp lạc của giải thoát. Các bậc thánh cõi sắc nhờ tu tập các thiền định mà an trú trong pháp lạc của giải thoát. Do căn cứ vào kết quả của thiền định nên gọi là hiện pháp lạc trú. Hiện pháp lạc trú là 1 trong 4 đẳng trí của cõi Sắc, là 1 trong 7 loại thiền định. Luận Câu xá, quyển 28 ghi: “Nương vào thanh tịnh, 4 căn bản tịnh lự của vô lậu mà được pháp lạc hiện tiền.” Luận Đại tỳ bà sa, quyển 26, ghi: “Cái vui xuất gia, cái vui viễn ly (sơ thiên), cái vui tịch tĩnh (nhị thiên), cái vui tam bồ-đề (rất ráo rời sự thất buộc của phiền não, thấy biết như thật về các pháp sở tri), 4 loại hiện pháp lạc trú này chỉ giới hạn trong 4 căn bản định của cõi Sắc, mà không có trong cận phần định và cõi Vô sắc.”

277 Tích 跡. Trường A-hàm, kinh Chúng tập: “Lại có bốn pháp, tức là bốn pháp túc 四法足: Pháp túc không tham, pháp túc không sân, pháp túc chánh niệm và pháp túc chánh định.” (Thích Tuệ Sỹ dịch) Không tham, không sân thuộc giới học; chánh niệm thuộc định học (vì pháp thiện phát sinh), và chánh định thuộc tuệ học (vì mê hoặc không còn).

278 Thi-la uẩn 尸羅蘊: Thi-la (Sila), dịch là giới, là biệt giải thoát (ba-la-đề-mộc-xoa, Pràtimoksa). Uẩn, nghĩa là tích tập, tụ tập, tập hợp. Người khéo trú thi-la uẩn là người trong sạch không phạm bốn căn bản tánh tội: sát, đạo, dâm, vọng; là người khéo an trú tất cả thiện pháp, bậc cụ túc trú tam thừa: Thanh văn, Duyên giác, Đại thừa. Kinh Đại bảo tích: “Xá-lợi tử, bồ-đề tâm chính là căn bản (pháp thân, pháp uẩn) của Như lai: thi-la uẩn, tam-ma-địa uẩn, bát-la-nhã uẩn, giải thoát uẩn, giải thoát trí kiến uẩn. Lại bồ-đề tâm là căn bản của Như lai: 10 lục, 4 vô sở úy, 18 Phật pháp bất cộng.” (No. 310, tr. 206c03~06)



uẩn, nên gọi là tích. Người chưa sinh chánh niệm thì làm cho sinh; người đã sinh chánh niệm thì làm cho tăng trưởng.

4. *Chánh đẳng trì tích*: Khả năng nắm giữ pháp nghĩa của *tuệ uẩn*, *giải thoát uẩn*, *giải thoát trí kiến uẩn*, nên gọi là tích. Người chưa sinh, chưa chứng tuệ, giải thoát và giải thoát trí kiến thì làm cho sinh, làm cho chứng; người đã sinh, đã chứng tuệ, giải thoát và giải thoát trí kiến thì làm cho tăng trưởng, làm cho rộng lớn.

[490b20] **Chỉ**: Là khi chính xác tu hành, nơi các pháp được nghe và tư duy; do duyên cảnh là các ảnh tượng trong tam-ma-địa mà tác ý, nên được yên ổn trong tam-ma-địa, trú tâm ở trong.

[490b23] **Quán**: Là khi chính xác tu hành, nơi các pháp được nghe và tư duy; do duyên cảnh là các ảnh tượng trong tam-ma-địa mà tác ý, nên được yên ổn trong tam-ma-địa, giản trạch các pháp.

Lại nữa, kệ tụng:

Cư xứ và sở y

Phát tâm và bi mẫn

Các hành, thông đạt tánh

Địa, ba-la-mật-đa. (kệ 5)

[490b28] Luận giải:

Cư xứ: Là bốn cư xứ, trong kinh có nói rộng.²⁷⁹

1. *Tuệ cư xứ*, là tuệ thể gian quán sát kỹ càng phương tiện, để an lập nghĩa của trí xuất thế thể chứng đế lý.

279 Du-già sư địa luận, quyển 14: “Lại có bốn thứ có khả năng thông đạt pháp, có khả năng diệt hết thượng lậu dựa vào vết đi (tức tích足迹) [của các thức lưu chuyển], đó là: (1) được Thánh đạo, tu hữu lậu tuệ; (2) đã đắc đạo rồi, trống vắng phiền não và trống vắng chư sự; (3) vĩnh đoạn không dư tàn phiền não và chư sự; (4) như chỗ đắc đạo, chuyển đổi sự tu tập.” (tr. 350c17~20)



2. *Đế cư xứ*, là đã được tuệ xuất thế quán sát kỹ càng [đế lý], để an lập nghĩa của sự đoạn trừ diên đảo hữu sự²⁸⁰.

3. *Xả cư xứ*, là đoạn trừ diên đảo hữu sự, để an lập nghĩa phiền não được hủy diệt không dư tàn.

4. *Tịch tĩnh cư xứ*, phiền não [được hủy diệt] không dư tàn, được tịch tĩnh, để an lập nghĩa tất cả khổ không còn sinh khởi.

Sở y: Là bốn thứ y, trong kinh có nói rộng²⁸¹.

1. *Y pháp, không y chúng sinh*: Pháp là mười hai phần giáo được đức Như lai tuyên thuyết hay các đệ tử tuyên thuyết, y theo pháp ấy tùy học, tùy chuyển; không y theo sở hành của chúng sinh mà hành, học, cũng không tùy chuyển.

2. *Y nghĩa, không y văn*: Pháp chẳng phải ngôn từ trau chuốt được làm đẹp bởi văn tự, cú pháp; [hành giả] chỉ bày tỏ sự cô độc nhưng sung mãn phạm hạnh thanh tịnh trong sáng; ở trong pháp ấy cung kính, tín giải; chẳng phải sự bày tỏ phạm hạnh diên đảo²⁸², và không bày tỏ phạm hạnh bằng ngôn từ trau chuốt được làm đẹp bởi văn tự, cú pháp.

3. *Y kinh liễu nghĩa, không y kinh bất liễu nghĩa*: Đức Như lai tuyên thuyết không tánh tương tự và sâu xa, mà tương ứng các pháp nhân duyên, tùy thuận các pháp duyên khởi; không vọng tưởng chấp trước ngôn từ đúng đắn, nghĩa lý cạn cợt; cũng không trú kiến thủ tâm

280 Sự là nguyên nhân. Nguyên nhân có ra diên đảo nên gọi là hữu sự diên đảo (diên đảo có nguyên nhân). Sự còn có nghĩa là rắc rối. Hữu sự là có rắc rối, có khổ đau. Vì có diên đảo nên có rắc rối, có khổ đau, nên gọi là hữu sự diên đảo.

281 Xem Đại bát niết bàn kinh, quyển 6, phẩm Tứ y (tr. 401b27~402c10); Đại phương đẳng đại tập kinh, quyển 29, (tr. 205a01~c11).

282 Diên đảo phạm hạnh: phạm hạnh của cõi trời, vì chẳng phải vô lậu thiện nên an vui rồi trở lại khổ đau.



ở bên trong, chỉ siêng năng tìm cầu, thấu đạt kinh liễu nghĩa²⁸³.

4. *Y trí, không y thức*: Không chỉ biết lắng nghe [pháp] mà sinh tâm biết đủ, rồi không tiên tu pháp, không tùy thuận pháp mà thực hành; ngược lại, vì chắm dứt các lậu, cần cầu tự nội, chứng trí chân đế²⁸⁴.

[490c18] **Phát tâm**: Là các Bồ-tát phát bồ-đề tâm. Nếu các Bồ-tát trú Bồ-tát pháp tánh, [lấy bồ-đề tâm làm y chỉ], vì muốn lợi ích tất cả hữu tình trong các thế giới mười phương, y theo hành tướng [bồ-đề tâm] ấy làm cường thắng nhân duyên²⁸⁵, phát đại thệ nguyện đối với Vô thượng chánh đẳng chánh giác, phép tắc của *thọ phát tâm*, rằng: “*Tôi nhất định sẽ chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì hóa độ tất cả hữu tình trong mười phương, làm cho rời xa các phiền não và các khổ nạn.*”

Thọ phát tâm này lại có hai thứ: 1. Thế tục phát tâm; 2. Chứng pháp tánh phát tâm.

Thế tục phát tâm: Như có người đi theo bậc trí, cung kính đứng trước bậc ấy, khởi tăng thượng ý, phát thệ nguyện rằng: “*Xin trưởng lão ghi nhớ, {hoặc nói xin Thánh giả ghi nhớ, hoặc nói xin ô-ba-đà-da* ²⁸⁶ *ghi nhớ,} tôi tên như vậy, từ hôm nay bắt đầu phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác, vì muốn lợi ích các hữu tình. Từ hôm nay trở*

283 Liễu nghĩa: nghĩa lý cứu cánh. Như kinh Viên Giác được mệnh danh là kinh nói về Nghĩa lý cứu cánh của khế kinh (Tu đa la liễu nghĩa kinh).

284 Trí chân đế: trí thấu hiểu chân như các pháp là không thể nói.

285 Cường thắng nhân duyên = tăng thượng duyên (dữ kiện thêm lên làm duyên tố). Tăng thượng duyên của bồ-đề tâm là thiện hữu (Phật, Bồ tát, sư trưởng, đồng học) và Thánh giáo (Phật pháp).

286 Ô-ba-đà-da 陂波駄耶 (s: upādhyāya, p: upajjhāya): dịch là hòa thượng, chỉ bậc thầy có trí tuệ, dạy bảo đệ tử, vì nghĩa này mà dịch nghĩa là lực sinh (người làm cho đạo lực của đệ tử phát sinh) hay thân giáo sư (người mà đệ tử thân cận thọ giáo). Hòa thượng là bậc thầy mô phạm của người thọ giới, cho nên các tông Hoa nghiêm, Thiên thai, Tịnh độ đều gọi là Giới hòa thượng 戒和尚.



về sau, hễ tôi tu tập được bố thí, trì giới, nhẫn nhục, chánh cần, tinh lực và tuệ, tất cả đều vì chứng đắc Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nay tôi cùng với các vị đại Bồ-tát hòa hợp xuất gia, nguyện tôn đức chứng tri, tôi là Bồ-tát.” Bạch lần thứ hai, lần thứ ba cũng như vậy.

Chứng pháp tánh phát tâm: Như có người trải qua kiếp a-tăng-xí-da²⁸⁷ thứ nhất, đã chứng Sơ cực hỷ địa của Bồ-tát; đã nhập địa vị Bồ-tát quyết định vô sinh; đã như thật tri về Vô thượng bồ-đề và phương tiện của bồ-đề; đã ngộ tự thân sẽ đến, gần đến quả đại bồ-đề, chứng giải mình người đều bình đẳng nên biết được ý đại ngã²⁸⁸; đã đến đạo bồ-đề, tịch diệt, không trú lưu chuyển, nên biết được ý quảng đại. Vì những nguyên do như vậy, người ấy phát nguyện không thoái chuyển đối với đại bồ-đề. Đó gọi là chứng pháp tánh phát tâm.

[491a10] **Bi mãn**: Đã phát tâm như vậy, ở các thế giới mười phương, đối với hữu tình khổ vì ba thứ thối đọa²⁸⁹, hoặc hữu tình khổ

287 A-tăng-xí-da 阿僧企耶 Còn gọi là a-tăng-già, a-tăng-kỳ, a-tăng, tăng-kỳ; dịch ý là vô lượng số. Theo luận Đại tỷ bà sa, quyển 177, thì có 3 loại a-tăng-xí-da, tức là: 1. Kiếp a-tăng-xí-da, lấy đại kiếp làm một, tích chứa đến lạc-xoa-câu-chi, dần dà cho đến quá số bà-yết-la; 2. Sinh a-tăng-xí-da, chỉ mỗi mỗi kiếp trải vô số đời; 3. Diệt hành a-tăng-xí-da, trong mỗi mỗi kiếp tu vô số diệu hạnh. Do 3 loại a-tăng-xí-da ấy mà chứng Vô thượng chánh giác.

288 Đại ngã: tức thật ngã, đại thân, pháp thân chân như thanh tịnh tuyệt bậc. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh: “Thanh tịnh không vô ngã/ Phật nói ngã tuyệt bậc/ Chư Phật thì ngã tịnh/ Nên Phật danh đại ngã.” (tr. 603c09) Phật tánh luận: “Tất cả hư vọng chấp trước ngã (của ngoại đạo), vô ngã (của nhị thừa) đều diệt hết, nên gọi là đại ngã.” ... “Lại có hai thứ nhân duyên, nói pháp thân Như lai có đại ngã ba-la-mật: 1. Do viễn ly biên kiến chấp của ngoại đạo nên không có ngã chấp; 2. Do viễn ly sở chấp vô ngã biên của nhị thừa nên không có vọng chấp vô ngã. Cả hai chấp diệt hết nên gọi là đại ngã ba-la-mật.” (No. 1610, tr. 799b17~27)

289 A-tỳ-đạt-ma Câu-xá thích luận: “Kê tụng: Thối đọa có ba thứ/ Đã được, chưa được, dụng. Giải thích: Đã được thối: Người đã có được công đức rồi thối đọa. Chưa được thối: Người chưa thể có được, cần phải có được công đức [mà thối đọa]. Thọ dụng thối: Người đã được công đức mà không khiến hiện tiền.” (No. 1559, tr. 282, a22~25)



vì năm [ác] thú định²⁹⁰, hoặc hữu tình khổ vì bốn thứ cực [ác]²⁹¹, hoặc hữu tình khổ vì sáu thứ trọng khổ²⁹², hoặc hữu tình khổ vì ba thứ tướng khổ²⁹³, Bồ-tát làm cho các hữu tình rời xa các khổ như vậy. Đặc tánh của bi mẫn là hành bất hại.

[491a14] **Các hành:** Là mười thứ pháp hành, trong kinh có nói rộng.²⁹⁴

1. Đối với giáo pháp của Bồ-tát tạng, hoặc nhiều hoặc ít tôn trọng cung kính, thực hành sao chép thọ trì pháp.
2. Các vật phẩm hiến cúng hoặc kém hoặc tốt, thực hành hiến cúng pháp.
3. Hoặc tự mình sao chép rồi, do tâm thương xót, thực hành bố thí cho người pháp.
4. Người phát ý cung kính tôn trọng, dùng âm thanh vi diệu

290 Ngũ thú định 五趣定 = ngũ ác thú định 五惡趣定: chỉ cho ngũ vô gián nghiệp, nghĩa là năm tội nghịch, khi phạm vào phải đọa địa ngục Vô gián, chịu sự khổ sở không gián đoạn. Năm tội nghịch là: 1. Giết cha; 2. Giết mẹ; 3. Giết A-la-hán; 4. Phá hòa hợp tăng; 5. Làm thân Phật chảy máu. Trái với ác thú định là thiện thú niết bàn định 善趣涅槃定 (pháp vô lậu mà hữu vi, tức đạo đế).

291 Tứ chủng cực: bốn thứ cực ác, tức bốn ba-la-di 波羅夷 của Tỷ-kheo giới: giết hại, trộm cướp, dâm dục, nói dối. Người tu hành nếu phạm giới này thì: 1. Mất tư cách Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, không có phần trong đạo quả; 2. Bị giáo đoàn trục xuất, không được ở chung với tăng; 3. Sau khi chết rơi vào địa ngục.

292 Sáu thứ trọng khổ: 1. Bức bách khổ; 2. Chuyển biến khổ; 3. Hợp hội khổ; 4. Biệt ly khổ; 5. Sở hy bất quả khổ; 6. Thô trọng khổ. Sáu trọng khổ này là lược nhiếp từ 8 khổ (sinh, lão, bệnh, tử, oán tắng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc, ngũ thủ uẩn khổ) (Tập luận, q.3, tr. 674b)

293 Ba thứ [sự] tướng khổ: 1. Khổ khổ: khổ sở vì nóng lạnh, đói khát, bệnh tật ...; 2. Hành khổ: khổ sở vì sự biến động của pháp hữu vi, trong đó, là 5 uẩn bao gồm thân tâm và thể giới của thân tâm ấy; 3. Hoại khổ: khổ sở vì cái vui mất đi.

294 Du-già sự địa luận, quyển 74: "Trong đại thừa có 10 pháp hành làm cho Bồ tát thành tựu hữu tình. Những gì là mười? Đại thừa mà tương ứng là Bồ tát tạng, nhiếp 12 loại giáo pháp: kệ kinh, v.v. mà biết sao chép, thọ trì, hiến cúng, huệ thí cho người, ai nói thì cung kính lắng nghe, hoặc nghiền ngẫm đọc, hoặc lĩnh thọ, học rồi lớn tiếng mà tụng, hoặc giảng rộng khai thị cho người, hay ở một mình chỗ thanh vắng mà suy nghĩ quán sát và tùy nhập tu tập." (tr. 706c22~27) Luận Biện trung biên: "Ở trong đại thừa có mười pháp hành: 1. Sao chép; 2. Hiến cúng; 3. Chuyển cho người; 4. Nếu ai đọc tụng, chuyên tâm lắng nghe; 5. Tự mình đờ đọc; 6. Thọ trì; 7. Vì người khai diễn văn nghĩa; 8. Phụng tụng; 9. Suy nghĩ; 10. Tu tập." (No. 1600, tr. 474b24)



tuyên dương, đọc tụng pháp, thì mình kính ngưỡng, thực hành lắng nghe pháp.

5. Phát tín giải thanh tịnh, tâm cung kính tôn trọng, thực hành mở đọc pháp.

6. Vì muốn tu tập pháp tùy pháp hành²⁹⁵, từ thầy thọ học rồi, thực hành cao giọng tụng pháp.

7. Đã cao giọng tụng pháp rồi, vì thọ trì chắc chắn, bằng âm thanh rộng hay, thực hành ôn tập pháp.

8. Bi mẫn với người, truyền trao cho người, theo chỗ rộng lược, thực hành khai mở diễn giảng pháp.

9. Ở một mình nơi vắng vẻ yên tịnh, rất khéo nghiên tầm, xứng lý quán sát, thực hành tư duy pháp.

10. Theo chỗ tư duy, tu hành xa-ma-tha và tỳ-bát-xá-na, vì muốn thú nhập, cho đến vì đạt các nghĩa tìm cầu, thực hành thành tựu pháp.

295 Pháp tùy pháp hành 法隨法行, cũng nói là pháp thứ pháp hướng 法次法向, pháp tùy hành hướng 法隨行向. (p: dhammānuddhammā-ṭṭipanno): thực hành pháp và tùy pháp, thực hành tùy thuận theo tuần tự của pháp.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Ba

Phẩm Một

NHIẾP SỰ (Phần 3)

[491b07] **Thông đạt:** Là bảy thứ thông đạt, trong kinh có nói rộng.²⁹⁶

1. *Thông đạt chữ:* Không có phân biệt đối với ba mươi hai chữ²⁹⁷, như thật hiểu rõ nghĩa của sở hành tướng [của các pháp], vì trước đã tăng thượng pháp hành²⁹⁸, khéo [tác ý] tu đối trị nơi tâm.

2. *Thông đạt tướng của chữ:* Có phân biệt hình dáng con sư tử, các tướng (: nghĩa) của chữ, v.v., như thật hiểu rõ nghĩa của sở hành tướng [của các pháp], vì trước đã tăng thượng pháp hành, khéo [tác ý] tu đối trị nơi tâm.²⁹⁹

296 Du-già sư địa luận, quyển 64: “Lại nữa lược có 7 thứ thông đạt: 1. Thông đạt chữ; 2. Thông đạt nghĩa của chữ; 3. Thông đạt năng thủ; 4. Thông đạt nghĩa của năng thủ; 5. Thông đạt hệ phược; 6. Thông đạt giải thoát; 7. Thông đạt pháp tánh. Thông đạt chữ: thông đạt là thường. Thông đạt nghĩa của chữ: thông đạt là vô thường. Thông đạt năng thủ: thông đạt căn, thức, v.v. để an lập để, hoặc chẳng phải để an lập. Thông đạt nghĩa của năng thủ: như thông đạt năng thủ, nên biết như vậy. Thông đạt hệ phược: thông đạt trói buộc của tướng hoặc trói buộc của thô trọng (phiền não). Thông đạt giải thoát: là những gì trái ngược với thông đạt hệ phược. Thông đạt pháp tánh: là khả năng thông đạt pháp tánh an trú, pháp giới an trú; chẳng phải từ bậc Tự tại, tự tánh, sĩ phu, trung gian, v.v. mà hiện hữu.” (tr. 658b17~25)

297 Chỉ cho chính cú có 32 chữ, hay còn gọi là chính cú bốn câu. (tứ cú kệ), tức đơn vị trong lối tính chữ xưa của kinh sách Phật giáo Ấn, cứ 32 chữ, bất cứ bắt đầu từ đâu, là một kệ 4 câu, mỗi câu 8 chữ. Nói chính cú bốn câu cũng như nói một đoạn có ý nghĩa chính yếu của pháp thoại.

298 Pháp hành là 10 pháp hành đã nói ở trước.

299 Thông đạt chữ 字通達, là thông đạt về pháp tướng. Thông đạt tướng của chữ 字相通達, là thông đạt về pháp nghĩa.

3. *Thông đạt năng thủ:* Đối với mọi sở duyên tương ưng với tâm pháp, như thật hiểu rõ sự liễu biệt³⁰⁰, vì trước đã tăng thượng pháp hành, khéo [tác ý] tu đối trị nơi tâm.

4. *Thông đạt sở thủ:* Đối với mọi cảnh giới của các thức, như thật hiểu rõ ảnh tượng của các thức, vì trước đã tăng thượng pháp hành, khéo [tác ý] tu đối trị nơi tâm.

5. *Thông đạt hệ phược:* Đối với sự hệ phược của các tướng và sự hệ phược của các thô trọng, như thật hiểu rõ chúng, vì trước đã tăng thượng pháp hành, khéo [tác ý] tu đối trị nơi tâm.

6. *Thông đạt giải thoát:* Đối với sự giải thoát hệ phược của các tướng và sự giải thoát hệ phược của các thô trọng, như thật hiểu rõ chúng, vì trước đã tăng thượng pháp hành, khéo [tác ý] tu đối trị nơi tâm.

7. *Thông đạt pháp tánh:* Đối với sự hệ phược và sự giải thoát của các hành duyên khởi từ vô thi đến nay, và đối với tịch diệt, chân như, pháp tánh của các hành ấy, như thật hiểu rõ chúng, vì trước đã tăng thượng pháp hành, khéo [tác ý] tu đối trị nơi tâm.

[491b20] **Địa:** Là mười địa của Bồ-tát, trong kinh có nói rộng.

1. *Cực hy địa:* Các Bồ-tát trú trong địa này, vì trước đã tăng thượng pháp hành, khéo [tác ý] tu đối trị nơi tâm, nên vượt qua hiện quán của Thanh văn, Độc giác, có được hiện quán của Bồ-tát³⁰¹. Do

300 Sự liễu biệt tức là cái tánh duy thức của các hành.

301 Nhiếp luận: “Hiện quán của thanh văn với hiện quán của bồ tát có sai khác gì? Hiện quán của bồ tát khác với hiện quán của thanh văn là do 11 thứ, nên biết như vậy. Một là do đối tượng mà khác nhau, là lấy giáo pháp đại thừa mà làm đối tượng. Hai là do nuôi giữ mà khác nhau, là do 2 loại tư lương đại phược và đại trí làm yếu tố nuôi giữ. Ba là do thông suốt mà khác nhau, là thông suốt cả nhân vô ngã và pháp vô ngã. Bốn là do niết bàn mà khác nhau, là nhiếp thọ đại niết bàn vô trú. Năm là do địa vị mà khác nhau, là xuất ly bằng 10 địa. Sáu và Bảy là do thanh tịnh mà khác nhau, là dứt sạch tập khí phiền não, là làm sạch cõi Phật. Tám là do bình đẳng mà khác nhau, là được cái tâm bình đẳng đối với mình người, sự nỗ lực thành thực chúng sinh không bao giờ ngưng nghỉ. Chín là do chỗ sinh mà khác nhau, là sinh vào nhà Phật. Mười là do thọ sinh mà khác nhau, là thường sinh



chánh thức chứng được hiện quán vô thượng, nên các Bồ-tát ở trong địa này an trú tăng thượng hỷ, cho nên địa này gọi là Cực hỷ.

2. *Ly cầu địa*: Các Bồ-tát trú trong địa này, vì trước đã khéo tu đối trị ở Sơ địa hành, vượt qua tất cả Thanh văn, Độc giác địa, chứng được Cực tịnh³⁰² diệu thi-la uẩn, đối trị tất cả vi phạm rất nhỏ giới dơ bẩn, cho nên địa này gọi là Ly cầu.

3. *Phát quang địa*: Các Bồ-tát trú trong địa này, vì trước đã khéo tu đối trị ở địa thứ hai, vượt qua tất cả Thanh văn, Độc giác địa, chứng được Cực tịnh tam-ma-địa uẩn, làm chỗ dựa cho ánh sáng của đại trí, cho nên địa này gọi là Phát quang.

4. *Diệm tuệ địa*: Các Bồ-tát trú trong địa này, vì trước đã khéo tu đối trị ở địa thứ ba, vượt qua tất cả Thanh văn, Độc giác địa, chứng được Cực tịnh duyên các giác phần³⁰³, năng thủ pháp cảnh là vi diệu tuệ uẩn mà luôn hiện tiền để đốt tiêu tất cả phiền não, cho nên địa này gọi là Diệm tuệ.

5. *Nan thắng địa*: Các Bồ-tát trú trong địa này, vì trước đã khéo tu đối trị ở địa thứ tư, vượt qua tất cả Thanh văn, Độc giác địa, chứng được Cực tịnh duyên các đế lý³⁰⁴, các pháp được biết đến bằng vi diệu

trong các đại tập hội của chư Phật. Mười một là do kết quả mà khác nhau, là 10 lực, 4 vô úy, 18 bất cộng, vô số phẩm chất của Phật như vậy đều được thành mãn." (HT. Thích Trí Quang dịch)

302 Cực tịnh: tâm cực đại và thanh tịnh. Theo luận Đại thừa trang nghiêm kinh, Bồ-tát từ địa đầu tiên đến địa thứ bảy là Tịnh (tâm cực đại đã thanh tịnh) và Bồ-tát ở 3 địa sau cùng là Cực tịnh (tâm cực đại cùng cực thanh tịnh). Kinh Giải thâm mật: "Bốn sự thanh tịnh bao gồm được các địa là: 1. Sự thanh tịnh do ý lạc tăng thượng thì bao gồm địa thứ nhất; 2. Sự thanh tịnh do giới tăng thượng thì bao gồm địa thứ hai; 3. Sự thanh tịnh do tâm tăng thượng thì bao gồm địa thứ ba; 4. Sự thanh tịnh do tuệ tăng thượng thì trong các địa sau đó càng siêu việt và tinh tế hơn lên nên bao gồm từ địa thứ tư cho đến Như lai địa. Đó là bốn sự thanh tịnh bao gồm tất cả các địa." (HT. Thích Trí Quang dịch)

303 Là 37 bồ-đề phân pháp.

304 Là chân đế và tục đế.



tuệ uẩn, thành được sự cực kỳ khó thành³⁰⁵, không trú trong sự [sinh tử] lưu chuyển cũng như trong Thánh đạo tịch diệt, cho nên địa này gọi là Nan thắng.

6. *Hiện tiền địa*: Các Bồ-tát trú trong địa này, vì trước đã khéo tu đối trị ở địa thứ năm, vượt qua tất cả Thanh văn, Độc giác địa, chứng được Cực tịnh duyên trí và phi trí³⁰⁶, hai thứ tạo nên các hành lưu chuyển hay ngưng dứt, là vi diệu tuệ uẩn³⁰⁷ về pháp cảnh, mà phần nhiều là hữu tướng tương tục một cách nhiệm vận³⁰⁸, khiến cho diệu trí hiện ra trước mắt, cho nên địa này gọi là Hiện tiền.

7. *Viễn hành địa*: Các Bồ-tát trú trong địa này, vì trước đã khéo tu đối trị ở địa thứ sáu, vượt qua tất cả Thanh văn, Độc giác địa, chứng được Cực tịnh, vi diệu giải thoát uẩn và vi diệu giải thoát tri kiến uẩn. Do đứng xa mà thể nhập tất cả hiện hành của các tướng đã được giải thoát, cho nên địa này gọi là Viễn hành.

8. *Bất động địa*: Các Bồ-tát trú trong địa này, vì trước đã khéo tu đối trị ở địa thứ bảy, vượt qua tất cả Thanh văn, Độc giác địa, chứng được Cực tịnh, vi diệu giải thoát uẩn và vi diệu giải thoát tri kiến uẩn, giải thoát tất cả [hữu] tướng vì tự tại với các chướng ngại, được vô công dụng tương tục một cách nhiệm vận, làm sở y chỉ cho đạo [cứu cánh], cho nên địa này gọi là Bất động.

9. *Thiện tuệ địa*: Các Bồ-tát trú trong địa này, vì trước đã khéo tu

305 Nhiếp luận: "Địa thứ năm gọi là nan thắng, vì trí chân đế với trí thế gian mâu thuẫn với nhau, mà ở đây kết hợp được 2 thứ khó kết hợp đó, làm cho thích ứng với nhau." (HT. Thích Trí Quang dịch)

306 Trí là trí chân đế. Phi trí là trí thế gian.

307 Vi diệu tuệ uẩn quán trí chân đế và trí thế gian là chẳng phải trí (phi trí), chẳng phải phi trí (trí). Vì biết rõ trí và phi trí đều là không, là bất khả đắc cả, nên được rốt ráo thanh tịnh, chẳng trú ở bất cứ định tướng nào cả.

308 Không cần tác ý và dụng công.



đối trị ở địa thứ tám, vượt qua tất cả Thanh văn, Độc giác địa, chứng được Cực tịnh, vi diệu giải thoát uẩn và vi diệu giải thoát tri kiến uẩn, giải thoát tất cả chướng ngại cho vô ngại biện, làm sở y chỉ cho trí tuệ rộng lớn và không tội lỗi³⁰⁹, cho nên địa này gọi là Thiện tuệ.

10. *Pháp vân địa*: Các Bồ-tát trú trong địa này, vì trước đã khéo tu đối trị ở địa thứ chín, vượt qua tất cả Thanh văn, Độc giác địa, chứng được Cực tịnh, vi diệu giải thoát uẩn và vi diệu giải thoát tri kiến uẩn, giải thoát trí chướng³¹⁰ nên phát khởi đại thần thông như mây³¹¹, làm chỗ dựa cho pháp thân viên mãn, cho nên địa này gọi là Pháp vân.³¹²

[492a01] **Ba-la-mật-đa**: Là mười ba-la-mật-đa, trong kinh có nói rộng.

1. *Thí ba-la-mật-đa*: Dựa vào bồ-đề tâm mà dẫn đầu là lòng bi; cùng với mười thứ pháp hành hỗ trợ cho sự khéo tu đối trị; bảy thứ thông đạt làm căn bản vững chắc, [mà thực hành bố thí] hoặc bằng của cải, hoặc bằng chánh pháp, hoặc bằng sự vô úy, mà có tánh chất của

309 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Hành trú: “Bồ tát ở trong địa thứ chín được bốn vô ngại tuệ (: pháp, nghĩa, từ và biện vô ngại) thuộc loại thù thắng nhất, nên ở trong khoảng một sát na, hết thấy người trời có chủng loại khác nhau nơi ba ngàn thế giới, cùng hỏi những câu hỏi khác nhau bằng tiếng nói khác nhau và nghĩa lý khác nhau, vậy mà Bồ tát ở địa này có thể dùng một tiếng nói trả lời khắp cả những câu hỏi của mọi loài, đoạn trừ những hoài nghi. Do sự thuyết pháp một cách khéo léo như vậy nên gọi là Thiện tuệ địa.” (tr. 659b12~15)

310 Do vĩnh viễn diệt trừ trí chướng mà pháp thân tự biểu hiện. Sở tri chướng cũng gọi là trí chướng, là sự ngu si làm chướng ngại cho tuệ giác bồ-đề. Sở tri là các pháp, đối với các pháp ấy mà không biết hay biết sai là vi ngu si, nên sự ngu si được gọi là sở tri chướng. Ngoài ra, sự biết chưa hoàn toàn nhưng lại tự mãn cho là đủ, thì chính sự tự mãn ấy cũng chướng ngại cho sự toàn giác, nên cũng gọi là sở tri chướng, và vì vậy sở tri chướng cũng gọi là trí chướng (trí ở đây là trí biết chưa hoàn toàn).

311 Nhiếp luận: “Tại sao địa thứ mười gọi là Pháp vân, vì ở đây được cái trí tổng duyên tất cả các pháp, hàm tàng hết thảy đà la ni môn và tam ma địa môn; ở đây ví như mây lớn, che được sự chướng ngại rộng lớn như không gian; ở đây lại viên mãn được pháp thân.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

312 Năm phần pháp thân (pháp uẩn) của Phật là thi-la uẩn, tam-ma-địa uẩn, bát-la-nhã uẩn, giải thoát uẩn và giải thoát tri kiến uẩn. Thi-la uẩn là địa thứ hai. Tam-ma-địa uẩn là địa thứ ba. Bát-la-nhã uẩn (tuệ uẩn) gồm địa thứ tư, năm và sáu. Giải thoát uẩn và giải thoát tri kiến uẩn gồm địa thứ bảy, tám, chín và mười. Viên mãn pháp thân là thành tựu năm phần pháp thân ấy.



năm thứ công đức thuộc về đại ngã: (1) Xả mà không đắm trước; (2) Xả mà không quán thấy [ghét thương]; (3) Xả mà không làm lỗi [nơi thân, miệng và niệm]³¹³; (4) Xả bằng không phân biệt; (5) Xả qua sự chánh hồi hướng.³¹⁴ Vì thực hành bố thí mà các Bồ-tát đem tư hữu nuôi sống để nhiếp hóa các hữu tình, và vì thân cận sự tu tập nhiều mà làm cho tư lương của Bồ-tát viên mãn, sẽ thành tựu quả Vô thượng chánh biến tri.

Như thí ba-la-mật-đa³¹⁵, giới cho đến tuệ, nên biết như vậy; trong đó có những sai biệt:

2. *Giới ba-la-mật-đa*: [Thực hành trì giới] hoặc bằng sự dứt lia pháp bất thiện, hoặc bằng sự nhiếp thọ pháp thiện, hoặc bằng sự lợi ích hữu tình luật nghi giới qua tánh chất thu nhiếp thân, ngữ, ý nghiệp. Vì thực hành trì giới mà các Bồ-tát đem sự không sân khuê và không não hại để nhiếp hóa các hữu tình.³¹⁶

3. *Nhẫn ba-la-mật-đa*: [Thực hành nhẫn nhục] hoặc bằng sự nhẫn chịu những việc không lợi ích của người qua tâm không sân khuê, hoặc bằng sự yên chịu các khổ [của người] qua tâm bất loạn, hoặc bằng sự thâm sát các pháp qua chánh tuệ³¹⁷. Vì thực hành nhẫn

313 Ba trong 18 pháp bất cộng của Phật: thân vô thất, khẩu vô thất và niệm vô thất.

314 Không đắm trước (lưu luyến) là nhân tố cho sự không phóng túng ở vị lai. Không quán thấy là nhân tố cho tâm bình đẳng mình người. Không làm lỗi là nhân tố cho tu tập các ba-la-mật một cách rất khéo léo, hoàn hảo, trong sáng. Không phân biệt là không nhiễm ô, nên mau chóng viên mãn các ba-la-mật bằng phương tiện khéo léo. Chánh hồi hướng nên thọ sinh ở đâu, tu tập các ba-la-mật, và thành quả cùng dị thực quả khả ái của các ba-la-mật đều có đặc tánh vô tận, đến tận Vô thượng bồ-đề.

315 “Dựa vào bồ-đề tâm mà dẫn đầu là lòng bi; cùng với mười thứ pháp hành hỗ trợ cho sự khéo tu đối trị; bảy thứ thông đạt làm căn bản vững chắc ...”

316 “...và vì thân cận sự tu tập nhiều mà làm cho tư lương của Bồ-tát viên mãn, sẽ thành tựu quả Vô thượng chánh biến tri.”

317 Tập A-hàm, kinh Sanh tử lưu chuyển, số 133: “Cho nên, này các Tỳ-kheo, những gì là sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó



nhục mà các Bồ-tát đem sự nhẫn chịu mọi điều không lợi ích và mọi sự tổn hại để nhiếp hóa các hữu tình.

4. *Cần ba-la-mật-đa*: [Thực hành tinh cần] hoặc bằng sự trang bị áo giáp phát tâm, hoặc bằng sự gia hành phương tiện³¹⁸, hoặc vì lợi ích hữu tình mà liên tục cái tâm thuần thực và tánh dũng mạnh, muốn dẫn sinh tất cả thiện căn. Vì thực hành tinh cần mà các Bồ-tát tuy chưa đê bẹp được các hoặc nhưng vẫn có thể một chiều chuyên tu các pháp thiện.

5. *Tĩnh lự ba-la-mật-đa*: [Thực hành tĩnh lự] hoặc bằng sự đối trị phiền não, hoặc bằng sự phát khởi công đức, hoặc vì lợi ích hữu tình mà tâm trú nhất duyên tánh. Vì thực hành tĩnh lự mà các Bồ-tát đê bẹp được các phiền não, làm cho an trú *pháp không hiện hành*³¹⁹.

6. *Tuệ ba-la-mật-đa*: [Thực hành trí tuệ] hoặc bằng sự đối trị phiền não, hoặc bằng sự phát khởi công đức, hoặc vì lợi ích hữu tình mà giản trách các pháp. Vì thực hành trí tuệ mà các Bồ-tát vĩnh viễn đoạn trừ tất cả chủng tử của phiền não chướng và sở tri chướng.

7. *Phương tiện thiện xảo ba-la-mật-đa*: Các Bồ-tát lấy sáu ba-la-

gọi là chánh tuệ. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Cũng vậy, cái thấy, cái nghe, cái hay, cái biết, cái sờ cầu, cái sờ đắc, cái được nhớ nghĩ; tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Nếu có kiến chấp cho rằng có ngã, có thể gian, có đời này, là pháp thường hằng, không biến dịch, thì tất cả đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ. Lại nữa, nếu có kiến chấp cho rằng không phải cái này là tôi, không phải cái này là của tôi, không phải là tôi trong tương lai, không phải là của tôi trong tương lai; thì tất cả chúng cũng đều chẳng phải ngã, chẳng phải khác ngã, chẳng ở trong nhau. Đó gọi là chánh tuệ." (Thích Đức Thắng dịch)

318 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Giác phần: "Năm thứ phương tiện thiện xảo: 1. Tự thành thực Phật pháp, là lấy trí vô phân biệt làm phương tiện thiện xảo; 2. Thành thực chúng sanh, là lấy bốn pháp nhiếp làm phương tiện thiện xảo; 3. Mau đắc quả bồ-đề, là lấy sám hối (nghiệp chướng), tùy hỷ (công đức), thỉnh (Phật) chuyển pháp luân và sanh khởi thắng nguyện làm phương tiện thiện xảo; 4. Tác nghiệp thành tựu, là lấy hai môn làm phương tiện thiện xảo. Hai môn là đà la ni môn và tam muội môn. Sử dụng hai môn này thì có khả năng thành tựu sự nghiệp lợi ích chúng sanh; 5. Đường sanh tử không xả bỏ, là lấy niết bàn vô trú xứ làm phương tiện thiện xảo." (tr. 645a25)

319 Bất hiện hành pháp 不現行法: chỉ cho tâm ý; không phải thân, ngữ.



mật-đa ở trước làm phương tiện, hoặc bằng sự tùy thuận, hoặc bằng sự trái nghịch, hoặc bằng những ý lạc không đồng đều, hoặc bằng sự thi ân báo ân, hoặc bằng sự uy bức, hoặc bằng sự thanh tịnh³²⁰, dùng ba thứ lợi ích³²¹ để nhiếp hóa hữu tình, ở mọi thiện xứ đều làm cho hữu tình tiếp nhận, điều phục, an trú và thành lập³²².

8. *Nguyện ba-la-mật-đa*: Các Bồ-tát đều có một thệ nguyện để làm bản thể của mình. Bồ-tát nếu vì biếng nhác, nhiều phiền não, thì phải phát thệ nguyện chánh yếu để tu tập các pháp thiện: "*Làm cho tôi ở đời sau có được sự tự tại, dũng mãnh, chánh cần, phiền não được nhẹ và nhỏ đi.*" Do nhân duyên này, trong các đời sống khác, theo ước muốn đã phát mà cảm được quả như nguyện; trong sự tu tập pháp thiện sẽ được cái lực mạnh mẽ.

9. *Lực ba-la-mật-đa*: Các Bồ-tát do khi tu tập pháp thiện được cái lực mạnh mẽ, nên dựa vào cái lực này mà mau chóng phát khởi tĩnh lự ba-la-mật-đa.

10. *Trí ba-la-mật-đa*: Các Bồ-tát đối với Bồ-tát tạng mà tĩnh lự ba-la-mật-đa nhiếp thọ được các pháp thì có được cái trí dẫn ra tuệ thế

320 Du-già sư địa luận, quyển 45: "Lại có sáu thứ phương tiện thiện xảo: 1. Tùy thuận hội thông phương tiện thiện xảo; 2. Cộng lập yếu khế phương tiện thiện xảo; 3. Dị phần ý lạc phương tiện thiện xảo; 4. Bức bách sở sinh phương tiện thiện xảo; 5. Thi ân báo ân phương tiện thiện xảo; 6. Cứu cánh thanh tịnh phương tiện thiện xảo." (tr. 540, c23~26, những đoạn sau giải thích chi tiết) Tùy thuận hội thông phương tiện thiện xảo: Thuận theo căn cơ chúng sinh mà răn dạy, khiến họ tin tưởng ưa thích; thuyết pháp rất sâu mà dễ hiểu cho mọi người. Cộng lập yếu khế phương tiện thiện xảo: Hứa cho chúng sinh tài sản ruộng nương (xe hươu, xe trâu) mà họ mong muốn, để dần dần khiến họ thực hành thiện pháp. Dị phần ý lạc phương tiện thiện xảo: Khi họ chẳng tùy thuận thì làm ra vẻ giận dữ quờ trách khiến họ phải sợ mà sửa đổi. Bức bách sở sinh phương tiện thiện xảo: Đối với những kẻ phạm giới thì có hình thức trừng phạt khiến họ lia bỏ ác pháp. Thi ân báo ân phương tiện thiện xảo: Cho tài vật để họ sinh tâm cúng dường bố thí. Cứu cánh thanh tịnh phương tiện thiện xảo: Thị hiện 8 tướng thành đạo (giáng thần, nhập thai, trú thai, xuất thai, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập niết bàn) khiến chúng sinh đều tín lạc và thanh tịnh.

321 Ba thứ lợi ích: 1. Tài thí lợi ích thân người; 2. Pháp thí lợi ích tâm người; 3. Vô úy thí lợi ích thân tâm của người.

322 Tiếp nhận, là tin tưởng và tiếp nhận chánh pháp. Điều phục, là đoạn trừ những nghi ngờ về chánh pháp. An trú, là nhờ sự dạy bảo mà tâm an trú. Thành lập, là thành thực thiện căn.



gian. Dựa vào tuệ thể gian này, các Bồ-tát mau chóng phát khởi [phần hậu đắc của trí] vô phân biệt xuất thế và đạo tịch diệt không trú lưu chuyển mà đều nhiếp vào tuệ ba-la-mật-đa.

[492b12] Mười ba-la-mật-đa như vậy đều được tu tập đầy đủ ở trong các địa. Nên biết, ở khía cạnh mười ba-la-mật-đa thêm hơn lên mà nói thì thí ba-la-mật-đa chỉ ở sơ địa, và theo thứ đệ thì tuệ ba-la-mật-đa ở địa thứ mười.

Lại nữa, kệ tụng:

Bồ-tát hành, nhiếp sự

Và đà-la-ni môn

Các tam-ma-địa môn

Những vô lượng tác ý. (kệ 6)

[492b17] **Bồ-tát hành:** Là bốn thứ Bồ-tát hành, trong kinh có nói rộng.³²³

1. Đáo bỉ ngạn hành: Tổng nhiếp là mười ba-la-mật-đa, gọi là đáo bỉ ngạn hành; đều là nghĩa xuất ly của đại thừa.

2. *Biến giác phân hành:* Tổng nhiếp là ba mươi bảy pháp bồ-đề phân, gọi là biến giác phân hành; là như thật hiểu rõ nghĩa của tất cả sở tri.

3. *Thần thông hành:* Tổng nhiếp là sáu thần thông, gọi là thần thông hành; đều vì dẫn ra các cảnh giới để nhiếp hóa hữu tình, làm cho họ sinh lòng cung kính, đi vào nghĩa của Thánh đạo.

323 Trọn vẹn Bồ-tát đạo chỉ gói gọn trong 4 Bồ-tát hành. Du-già sư địa luận, quyển 49, Trì cứu cánh Du-già xứ, Hành phẩm: “Bồ-tát đầu tiên là từ Thắng giải hành địa cho đến sau cùng là Cứu cánh địa, ở trong tất cả địa ấy, nên biết lược có 4 Bồ-tát hành. Những gì là bốn? 1. Ba-la-mật-đa hành; 2. Bồ-đề phần pháp hành; 3. Thần thông hành; 4. Thành thực hữu tình hành.” (tr. 565, c15~18)



4. *Thành thực hữu tình hành:* Tổng nhiếp là bốn nhiếp sự, gọi là thành thực hữu tình hành; là hữu tình đã đi vào Thánh giáo bằng các cảnh giới được hiện hóa, Bồ-tát dùng nghĩa của hai thứ nhiếp thọ là tài nhiếp và pháp nhiếp. Trong đó, tài nhiếp là nhiếp thọ hỗ trợ, là phương tiện [nhiếp thủ] làm cho thành thực; pháp nhiếp là nhiếp thọ chánh yếu, là phương tiện [chánh] chuyển và tùy chuyển³²⁴ làm cho thành thực. Như vậy, bốn nhiếp sự dựa theo *năm thứ nhiếp hành* nên gọi là nhiếp sự.

Năm thứ nhiếp hành: 1. Nhiếp hành làm cho nương tựa; 2. Nhiếp hành làm cho tiếp nhận pháp thiện; 3. Nhiếp hành làm cho sinh khởi pháp thiện thì chánh cần; 4. Nhiếp hành làm cho pháp thiện thành thực; 5. Nhiếp hành làm cho [tâm] khéo giải thoát.

Nhiếp sự: Là bốn nhiếp sự, trong kinh có nói rộng.³²⁵ Nên biết, nếu thiết lập được bốn nhiếp sự này thì cũng thiết lập được *thành thực hữu tình hành*.

[492c03] **Đà-la-ni môn:** Là vô lượng đà-la-ni môn của các Bồ-tát, trong kinh có nói rộng.

Nếu muốn nói sơ lược thì sắc thái đà-la-ni môn là các Bồ-tát

324 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Độ nhiếp: “Bồ thí là phương tiện tùy nhiếp, do thí của cải mà theo đó người nhận được nhiếp phục. Ái ngữ là phương tiện nhiếp thủ, do thí chánh pháp mà người vô tri và người nghi ngờ tiếp nhận được nghĩa lý. Lợi hành là phương tiện chánh chuyển, do lợi hành mà các điều thiện chuyển hóa. Đồng lợi là phương tiện tùy chuyển, do bồ tát thực hành những gì mình nói ra, chúng sanh thấy biết điều đó, nếu trước chưa thực hành điều thiện thì noi theo bồ tát mà thực hành điều thiện.” (tr. 633c11)

325 Tạp A-hàm, kinh Tứ nhiếp sự, số 668: “Lược Nhiếp là những gì? Là bốn nhiếp sự. Đó là Bồ thí, Ái ngữ, Hành lợi, Đồng lợi. Bồ thí tối thắng, đó là pháp thí. Ái ngữ tối thắng, là khiến thiện nam tử thích nghe, nói pháp đúng lúc. Hành lợi tối thắng là đối với người không có tín khiến có tín, xác lập trên tín; đối với người học giới thì xác lập bằng tịnh giới; đối với người bỏn sên thì bằng bồ thí; đối với người ác trí tuệ thì bằng chánh trí mà xác lập. Đồng lợi tối thắng là, A-la-hán thì trao cho quả A-la-hán; A-na-hàm thì trao cho A-na-hàm; Tư-đà-hàm thì trao cho Tư-đà-hàm; Tu-đà-hoàn thì trao cho Tu-đà-hoàn; người Tịnh giới thì trao người khác bằng Tịnh giới.” (Thích Đức Thắng dịch)



thành tựu *thông đạt tự loại*³²⁶ về danh thân, cú thân và văn thân³²⁷, tự tại như ý, có được cái lực niệm trì về các chủng loại như thế. Nhờ niệm lực ấy mà theo mỗi một chữ có thể hiển thị, phân biệt, khai diễn về nghĩa của tất cả các pháp nhiệm tịnh, đó gọi là đà-la-ni môn.

[492c09] **Tam-ma-địa môn:** Là vô lượng tam-ma-địa môn của các Bồ-tát, trong kinh có nói rộng.

Nếu muốn nói sơ lược thì có tám loại tam-ma-địa: Sơ tĩnh lực, đệ nhị tĩnh lực, đệ tam tĩnh lực, đệ tứ tĩnh lực, Hư không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ. Các Bồ-tát ma-ha-tát y theo mỗi một tam-ma-địa môn này để xuất sinh vô lượng tam-ma-địa. Các vị Thanh văn, Độc giác không thể đạt đến vô lượng tam-ma-địa. Các tam-ma-địa này đều có thể thiết lập các sự mà tất cả tam-ma-địa làm được trong mười phương thế giới³²⁸, cho nên gọi đó là tam-ma-địa môn.

Vô lượng tác ý: Là năm vô lượng tác ý³²⁹, trong kinh có nói rộng.

326 Tự loại 字類: các loại văn tự. Thông đạt tự loại là thông đạt về danh thân, cú thân và văn thân.

327 Danh thân, cú thân và văn thân là tổng thuyết (hợp thể) của ý tưởng, chương cú và âm tiết. Trong đó, danh thân chỉ các danh từ như rūpa (sắc), śabda (thanh), v.v.; cú thân, chỉ thành cú hay mệnh đề như anityā bata samskārah (ôi, các hành là vô thường). Văn thân là âm tiết như nguyên âm: a ā i ī; phụ âm: k, c, ṭ, t, p. (trong tiếng Pali).

328 Theo luận Đại thừa trang nghiêm kinh, Bồ-tát an trú các tam-ma-địa thì: 1. Du hành tự tại trong mọi thế giới; 2. Hiển thị nghiệp dụng giáo hóa: có ba thứ: a. Nghiệp xứ giáo hóa, là dùng công xảo nghiệp xứ mà giáo hóa tự tại; b. Tùy tâm giáo hóa, là tùy theo những mong cầu của chúng sanh mà giáo hóa tự tại; c. Thắng thượng giáo hóa, là thị hiện sự thắng thượng như trú ở Đâu suất thiên cung v.v... mà giáo hóa. Bồ-tát thường dùng 3 loại giáo hóa này để lợi ích chúng sanh. (tr. 599c25)

329 Năm vô lượng tác ý: hữu tình vô lượng tác ý, thế giới vô lượng tác ý, pháp giới vô lượng tác ý, sở điều phục vô lượng tác ý và điều phục phương tiện vô lượng tác ý. Luận Câu-xá, quyển 7, chia Tác ý làm 3 thứ: Tự tướng tác ý, Cộng tướng tác ý và Thắng giải tác ý. 1. Tự tướng tác ý: Khi quán xét một vật nào đó thì chỉ thấy tướng riêng của vật ấy thôi; như quán sắc thì thấy tướng biến đổi và chất ngại. 2. Cộng tướng tác ý: Khi quán pháp Tứ đế thì thấy 16 hành tướng là tướng chung của các pháp. 3. Thắng giải tác ý: Tức khi quán tướng các pháp bất tịnh, sinh khởi tác ý thù thắng. Ở cõi Dục có 3 thứ tác ý là Văn sở thành, Tự sở thành và Sinh sở đắc; cõi Sắc có 3 thứ tác ý là Văn sở thành, Tự sở thành và Sinh sở đắc; còn cõi Vô sắc thì chỉ có 2 thứ tác ý là Tự sở thành và Sinh sở đắc. Theo luận Du-già sư địa, quyển 33, nếu các vị Du-già sư muốn lìa dục ở cõi Dục mà siêng tu quán hạnh thì phải qua 7 thứ tác ý mới có thể lìa được dục, đó là: Bảy thứ tác ý: 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác



1. *Vô lượng tác ý về hữu tình:* Các Bồ-tát lấy pháp hành tăng thượng để khéo tu tập đối trị, tác ý vi diệu³³⁰, tư duy mười phương vô lượng thế giới, bao gồm tất cả hữu tình thế gian mà không thể nói hết sắc thái của các loại nghiệp báo sai biệt: hoặc [không chân], một chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân; hoặc có sắc, vô sắc; hoặc có tướng, vô tướng, chẳng phải hoàn toàn có tướng, chẳng phải hoàn toàn vô tướng; hoặc Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; hoặc na-lạc-ca³³¹, bàng sinh, quỷ thú, người, trời; hoặc noãn sinh, thấp sinh, thai sinh, hóa sinh. Sau khi tư duy, như thật liễu tri: như vậy hữu tình lưu chuyển, như vậy hữu tình hoàn diệt, như vậy nhiễm ô, như vậy thanh tịnh, như vậy tà hành, như vậy chánh hành. Như vậy, như vậy là các hành sai biệt³³², cho nên như vậy, như vậy có các dị thực sinh³³³.

2. *Vô lượng tác ý về thế giới:* Các Bồ-tát lấy pháp hành tăng thượng để khéo tu tập đối trị, tác ý vi diệu, tư duy mười phương vô lượng thế giới, có những sắc thái khí thế gian³³⁴. Sau khi tư duy, như thật liễu tri: thế giới này nhiễm, thế giới này tịnh, như thật liễu tri [thế giới] đều như huyễn hóa, chỉ là ảnh tượng của sự phân biệt hư vọng, hư ngụy không thật, theo nhau lưu chuyển, các thứ hình dạng sai biệt

ý thắng giải; 3. Tác ý viễn ly; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý phương tiện cứu cánh; 7. Tác ý phương tiện cứu cánh quả. (tr. 465b29-466c23) Ngoài ra, luận Đại thừa trang nghiêm kinh, quyển 7, cho rằng sau khi sinh khởi 6 tâm là: 1. Tâm cần bản; 2. Tâm tùy hành; 3. Tâm quán sát; 4. Tâm thật giải; 5. Tâm tổng tụ; 6. Tâm mong cầu; thì kế đó sinh khởi 11 thứ tác ý: 1. Tác ý có giác có quán; 2. Tác ý không giác có quán; 3. Tác ý không giác không quán; 4. Tác ý xa ma tha; 5. Tác ý tỷ bát xá na; 6. Tác ý hai tương ưng; 7. Tác ý khởi tướng; 8. Tác ý nhiếp tướng; 9. Tác ý xả tướng; 10. Tác ý hằng tu; 11. Tác ý cung kính. (tr. 624a26)

330 Vi diệu tác ý, chỉ cho định, là tâm trú nhất cảnh tánh.

331 Na-lạc-ca (那洛迦, s: Naraka): Địa ngục.

332 Hành sai biệt: Hoặc thân hành, khẩu hành, ý hành; hoặc tà hành, chánh hành; hoặc tham hành, sân hành, si hành, mạn hành, tầm tư hành, đẳng phần hành, bực trần hành.

333 Dị thực sinh: Là tự thể quả, tức là sinh mạng và thế giới của sinh mạng.

334 Khí thế gian: Thế giới, thiên nhiên, là y xứ của các hữu tình.



được thiết lập: hoặc thành hoặc hoại, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc thô hoặc tế, hoặc xa hoặc gần, hoặc là chia chẻ cho đến cực vi³³⁵; như thật liễu tri: hoặc đối với sự quảng lược, hoặc đối với sự hiện hóa, hoặc đối với sự biến dị, hoặc đối với sự viển cận, hoặc đối với sự ẩn hiển, đối với những sự như vậy [về thế giới] mà có được tự tại³³⁶.

3. *Vô lượng tác ý về pháp giới*: Các Bồ-tát lấy pháp hành tăng thượng để khéo tu tập đối trị, tác ý vi diệu, tư duy mười phương vô lượng thế giới, tất cả tự tướng và cộng tướng của các pháp. Sau khi tư duy, như thật liễu tri: pháp này là sắc, pháp này là phi sắc³³⁷, pháp này là như sắc và như phi sắc; như vậy các pháp [có thể] là hữu kiến, vô kiến³³⁸; hữu đối, vô đối³³⁹; hữu lậu, vô lậu³⁴⁰; hữu vi, vô vi; thiện, bất thiện, vô ký³⁴¹; có lầm lỗi, không lầm lỗi³⁴²; Dục hệ, Sắc hệ, Vô

335 Tự thọ dụng của thần thông: là thấy các thế giới và các chúng sanh khi thành, khi hoại, đều như huyền như hóa.

336 Tha thọ dụng của thần thông: là chấn động thế giới, phóng ánh sáng, ẩn một tự thân rồi lại hiển hiện, hóa tác cảnh giới, hiện hóa thế giới thanh tịnh, du hành qua lại tự tại giữa các thế giới xa gần, tùy tâm mong cầu mà thị hiện thân biến hóa một cách tự tại.

337 Trong các cảm thọ (thân thọ, tâm thọ), nếu dựa vào sắc, duyên sắc, gọi là thân thọ; nếu dựa vào phi sắc, duyên phi sắc và phi sắc, gọi là tâm thọ. Trong 12 chi duyên khởi, 6 chi vô minh, thức, xúc, thọ, ái, thủ chi là phi sắc; còn các chi kia (hành, danh sắc, lục nhập, hữu, sinh, lão tử) thông cả sắc và phi sắc.

338 Hữu kiến 有見: Vật thể hữu hình có thể được chỉ cho thấy một cách thích đáng với sự đặc thù. Theo A-tỳ-đạt-ma thuận chánh lý luận, quyển 4, có 3 thuyết: 1. Nhân thấy gọi là kiến: sắc và kiến luôn luôn cùng có mặt với nhau; do sắc và nhãn cùng khởi lên một lúc, nên gọi là hữu kiến; 2. Ngôn thuyết gọi là kiến: sắc có thể được chỉ cho thấy ở chỗ này chỗ kia khác nhau nên gọi là hữu kiến; 3. Ảnh tượng gọi là kiến: sắc có thể hiển hiện ảnh tượng ở trong gương v.v... nên gọi là hữu kiến. (No. 1562, tr. 348a16~26) Vô kiến 無見: có tánh chất không được chỉ cho thấy, vô hình. Trong 18 giới, chỉ riêng sắc giới thuộc hữu kiến, còn lại là vô kiến.

339 Hữu đối 有對: có tánh chất phương hại, gây trở ngại. Theo Câu xá luận quang ký, quyển 2: Đối có nghĩa là cản trở. Cản trở có hai loại, một là che chắn; hai là níu kéo, ràng buộc. Cản trở bằng sự ngăn che chính là sự cản trở bởi che chắn. Cản trở bởi hoạt trường, bởi đối tượng thuộc sự cản trở níu kéo, ràng buộc. (No 1821, tr. 34c09~12) Vô đối 無對: không có tánh phương hại, gây trở ngại. Mười sắc (5 căn và 5 cảnh) là hữu đối.

340 Trong 18 giới, ý, ý thức và pháp giới nhiếp thuộc đạo để gọi là vô lậu; còn lại 15 giới là hữu lậu.

341 Trong 10 sắc giới, trừ 2 giới sắc và thanh, 8 giới còn lại thuộc vô ký. Đó là 5 sắc căn và 3 trần cảnh hương, vị, xúc. Tám giới này không xác định được thiện hay bất thiện nên gọi là vô ký.

342 Ví dụ, bố thí có 2 loại: 1. Bố thí có lầm lỗi, như vì biếng nhác, không theo ý muốn, luyến tiếc



sắc hệ³⁴³; học, vô học, phi học phi vô học³⁴⁴; kiến [sở] đoạn, tu [sở] đoạn, vô đoạn³⁴⁵; pháp chuyển, pháp hoàn³⁴⁶; pháp nhiễm, pháp tịnh; pháp lưu chuyển, pháp tịch diệt³⁴⁷; pháp dị sinh, pháp hiển thánh; pháp Thanh văn, pháp Độc giác, pháp Như lai. Các pháp như vậy, như thật liễu tri.

4. *Vô lượng tác ý về sự điều phục*: Các Bồ-tát lấy pháp hành tăng thượng để khéo tu tập đối trị, tác ý vi diệu, tư duy mười phương vô lượng thế giới, sự hóa độ hữu tình có các thứ tâm hành, các loại chủng tánh: chủng tánh Thanh văn, chủng tánh Độc giác, chủng tánh Như lai; như vậy thấy các chủng tánh được điều phục. Sau khi tư duy, như thật liễu tri: Đối tượng được điều phục, đó là nhuyển căn, trung căn và lợi căn; đó là thắng giải thấp kém và thắng giải rộng lớn; đó là tham hành tham a-thế-da³⁴⁸, sân hành sân a-thế-da, si hành si a-thế-da, đẳng phần hành đẳng phần a-thế-da; đó là thắng tiến a-thế-da, không thắng tiến a-thế-da; đó là nhỏ nhẹ trần cấu hiển thiện a-thế-da; đó là tùy miên thêm mạnh, tùy miên nhỏ nhẹ, tùy miên cực nhỏ; đó là tùy

quá khứ, hy vọng vị lai, khinh mạn, cầu giàu vui, cầu người biết mình; 2. Bố thí không lầm lỗi, là hồi hướng niết bàn.

343 Dục hệ, Sắc hệ, Vô sắc hệ: là cảm [chủng tử] dị thực của Dục giới, Sắc giới hay Vô sắc giới mà rơi vào nghiệp của Dục giới, Sắc giới hay Vô sắc giới.

344 Du-già sư địa luận, quyển 9: "Học nghiệp, là dị sinh (phàm phu) hay chẳng phải dị sinh (hiền Thánh) mà trong [hữu] học liên tục có được thiện nghiệp. Vô học nghiệp, là trong vô học liên tục có được thiện nghiệp. Phi học phi vô học nghiệp, là ngoài cả hai trên, là trong [hữu] học và vô học liên tục có được thiện, bất thiện và vô ký nghiệp." (tr. 320a06~09)

345 Du-già sư địa luận, quyển 9: "Kiến sở đoạn nghiệp, là thọ ác thú do những nghiệp bất thiện. Tu sở đoạn nghiệp, là thọ thiện thú do những nghiệp thiện, bất thiện và vô ký. Vô đoạn nghiệp, là các nghiệp vô lậu của thế gian và xuất thế gian." (tr. 320a10~12)

346 Pháp chuyển là chuyển nhiễm pháp. Pháp hoàn là hoàn tịnh pháp.

347 Pháp lưu chuyển là khổ và tập. Pháp tịch diệt là diệt và đạo.

348 A-thế-da (阿世耶, s: Àzaya): Dịch ý là ưa, còn gọi là A-xa-dã. Chỉ ý niệm ưa thích tham dục. Câu xá luận quang ký, quyển 14, lập ra thiện a-thế-da và bất thiện a-thế-da. Huyền ứng âm nghĩa, quyển 23, cho rằng a-thế-da là hạt giống.



miên giảm yếu, tùy miên không giảm yếu; đó là tùy miên hoàn toàn, tùy miên không hoàn toàn; đó là nói rộng mới hiểu, nghe qua liền hiểu; đó là xua đuổi được điều phục, nhiếp thọ được điều phục; đó là nhu nhuyễn được điều phục, thô tháo được điều phục, nhu nhuyễn và thô tháo được điều phục; đó là phải gác lại, loại bỏ³⁴⁹ mới điều phục được. Các trường hợp như vậy, như thật liễu tri.

5. *Vô lượng tác ý về phương tiện điều phục*: Các Bồ-tát lấy pháp hành tăng thượng để khéo tu tập đối trị, tác ý vi diệu, tư duy mười phương vô lượng thế giới, sự hóa độ hữu tình cần có phương tiện điều phục. Sau khi tư duy, như thật liễu tri: Đây là do thuyết pháp bí mật mới điều phục được; đây là do thuyết pháp hiển liễu mới điều phục được; đây là do phương tiện nhiếp thọ; đây là do phương tiện chiết phục; đây là phương tiện [chánh] chuyển; đây là phương tiện tùy chuyển; đây là nên tùy thuận; đây là nên trái nghịch; đây là do a-thế-da không đồng phân; đây là nên thi ân báo ân; đây là nên cho thấy uy lực, sức mạnh; đây là do thanh tịnh; đây là do thị hiện thần biến kỳ đặc; đây là do thị hiện kỳ biệt³⁵⁰ kỳ đặc; đây là do giáo giới kỳ đặc; đây là do thị hiện các thứ uy thế; đây là do khéo dẫn dụ các thứ giáo thọ; đây là do tướng thô tháo, đây là do tướng nhu nhuyễn, đây là do tướng thô tháo và tướng nhu nhuyễn; đây là do gác lại, loại bỏ; đây là do nói lược pháp yếu mới điều phục được; đây là do nói rộng pháp yếu mới điều phục được. Các phương tiện như vậy, như thật liễu tri.

349 Xá trí 捨置, chỉ những vấn đề thuộc bất khả thuyết. Trung A-hàm, kinh Kiến, số 220: “Sự kiện như vậy. Những quan điểm này bị gác lại, bị loại bỏ, không được giải thích tường tận, đó là, ‘Thế giới hữu thường hay vô thường; thế giới hữu biên hay vô biên; sinh mạng tức là thân hay sinh mạng khác thân khác; Như Lai tuyệt diệt hay Như Lai không tuyệt diệt; Như Lai vừa tuyệt diệt vừa không tuyệt diệt; hay Như Lai cũng không phải tuyệt diệt, cũng không phải không tuyệt diệt?’ Sa-môn Cù-đàm có biết rõ các quan điểm này đúng như lý ứng phải biết chăng?” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

350 Ký biệt 記別: ghi nhận, xác định, thọ ký.



Lại nữa, kệ tụng:

Tướng tác ý chân như

Tín giải bất tư nghị

A-thế-da rộng lớn

Nên biết các tục số. (kệ 7)

[493b10] **Tướng tác ý chân như**: Là tác ý duyên với bảy thứ chân như biến mãn, trong kinh có nói rộng.³⁵¹

1. *Tác ý chân như nơi sự lưu chuyển*: Các Bồ-tát đã kiến đế³⁵² lấy sự tăng thượng pháp hành mà khéo tu đối trị [nơi tâm]; khi tác ý về pháp nhiệm tịnh, thì tư duy về thật tánh của các hành thì lưu chuyển từ vô thi đến vị lai. Tư duy như vậy rồi, rời xa kiến chấp vô nhân³⁵³ và kiến chấp bất bình đẳng nhân³⁵⁴.

351 Kinh Giải thâm mật: “Tánh như hữu là chân như nơi các pháp nhiệm tịnh, chân như ấy gọi là tánh như hữu. Chân như ấy có bảy: một là chân như nơi sự lưu chuyển, tức cái tánh không mờ đầu không chấm hết của các hành; hai là chân như nơi các tướng, tức cái tánh nhân vô ngã và pháp vô ngã của các pháp; ba là chân như nơi sự liễu biệt, tức cái tánh duy thức của các hành; bốn là chân như nơi sự an lập, tức thánh đế về khổ mà Như lai nói; năm là chân như nơi sự tà hành, tức thánh đế về tập mà Như lai nói; sáu là chân như nơi sự thanh tịnh, tức thánh đế về diệt mà Như lai nói; bảy là chân như nơi sự chánh hành, tức thánh đế về đạo mà Như lai nói. Nên biết trong đây do chân như nơi sự lưu chuyển, nơi sự an lập và nơi sự tà hành nên tất cả chúng sinh rất là bình đẳng; do chân như nơi các tướng và nơi sự liễu biệt nên tất cả các pháp rất là bình đẳng; do chân như nơi sự thanh tịnh nên Thanh văn bồ-đề, Độc giác bồ-đề và Vô thượng bồ-đề rất là bình đẳng; do chân như nơi sự chánh hành nên cái tuệ của chỉ quán siêu việt vin vào pháp tổng quát, sau khi nghe giáo pháp, rất là bình đẳng.” (HT. Thích Trí Quang dịch) Xem thêm mục Mười thứ nghĩa, phẩm Niếp tịnh nghĩa, phần 1.

352 Kiến đế, chỉ sự thấy và chứng bốn thánh đế.

353 Vô nhân: Chỉ cho vô nhân luận hay ngẫu nhiên luận. Ngoại đạo cho rằng do nguyên nhân tự nhiên, chứ không do hội đủ các điều kiện, quả thường xuyên được sản sinh một cách đột nhiên; rằng thế giới này do ngẫu nhiên, không bởi nguyên nhân nào cả, xuất hiện từ hư vô.

354 Bất bình đẳng nhân: Là luận thuyết cho rằng một nhân có thể sanh ra vạn vật, và nhân ấy thì thường hằng, còn quả thì vô thường; nhân ấy không do một nhân khác sanh ra, mà chỉ có năng sanh quả; nhân và quả không tương tự cho nên gọi là bất bình đẳng. Ngoại đạo cho rằng có một vị Tự tại thiên (hay Thượng đế) mà tự thể là thật, phổ biến, thường hằng, sanh ra các pháp (từ hành cho đến lão tử). Kinh Đại bảo tích, quyển 35, phẩm Khai hóa Trường giá, có nói đến 10 thứ rừng rậm ác kiến của chúng sanh ở thế gian: ngã kiến, hữu tình kiến, thọ mạng kiến, sát thủ thú kiến, đoạn kiến, thường kiến, vô tác kiến, vô nhân kiến và bất bình đẳng nhân kiến.



2. *Tác ý chân như nơi thật tướng*: Các Bồ-tát đã kiến đế lấy sự tăng thượng pháp hành mà khéo tu đối trị [nơi tâm]; khi tác ý về nhân tố của các pháp nhiệm tịnh, thì tư duy về cái tánh chúng sinh vô ngã và cái tánh pháp vô ngã của các pháp. Tư duy như vậy rồi, tất cả thân kiến và những tác ý để suy nghĩ phân biệt về các tướng không còn hiện hành nữa.

3. *Tác ý chân như nơi duy thức*: Các Bồ-tát đã kiến đế lấy sự tăng thượng pháp hành mà khéo tu đối trị [nơi tâm]; khi tác ý về sở y của các pháp nhiệm tịnh, thì tư duy về cái tánh duy thức của các pháp. Tư duy như vậy rồi, như thật liễu tri: chỉ vì tâm nhiệm nên chúng sinh nhiệm, chỉ vì tâm tịnh nên chúng sinh tịnh.

4. *Tác ý chân như nơi sự an lập*: Các Bồ-tát đã kiến đế lấy sự tăng thượng pháp hành mà khéo tu đối trị [nơi tâm]; khi tác ý về thể của các pháp nhiệm ô, thì tư duy về khổ đế. Tư duy như vậy rồi, muốn khổ đế phải được nhận thức nên thuyết giảng cho hữu tình.

5. *Tác ý chân như nơi sự tà hành*: Các Bồ-tát đã kiến đế lấy sự tăng thượng pháp hành mà khéo tu đối trị [nơi tâm]; khi tác ý về nhân của các pháp nhiệm ô, thì tư duy về tập đế. Tư duy như vậy rồi, muốn tập đế phải được đoạn diệt nên thuyết giảng cho hữu tình.

6. *Tác ý chân như nơi sự thanh tịnh*: Các Bồ-tát đã kiến đế lấy sự tăng thượng pháp hành mà khéo tu đối trị [nơi tâm]; khi tác ý về thể của các pháp thanh tịnh, thì tư duy về diệt đế. Tư duy như vậy rồi, muốn diệt đế phải được chứng ngộ nên thuyết giảng cho hữu tình.

7. *Tác ý chân như nơi sự chánh hành*: Các Bồ-tát đã kiến đế lấy sự tăng thượng pháp hành mà khéo tu đối trị [nơi tâm]; khi tác ý về các hạnh đưa tới thanh tịnh, thì tư duy về đạo đế. Tư duy như vậy rồi, muốn đạo đế phải được tu tập nên thuyết giảng cho hữu tình.



[493b29] **Tín giải bất tư nghị**: Các Bồ-tát đối với cảnh giới khó tư duy mà đã được tín giải, trong kinh có nói rộng. Nếu muốn nói lược về những sắc thái tín giải này, thì đó là cái nghĩa của sở tri cực kỳ sâu xa, là cảnh giới sở hành của chư Như lai và các Bồ-tát đã nhập địa, và là uy đức cực kỳ rộng lớn của chư Phật, Bồ-tát. Bồ-tát khởi tâm ngay thẳng, chất phác³⁵⁵ mà tin vào cảnh giới khó nghĩ bàn này, chứ không phải cảnh giới của sự suy lường; khi đã thấu rõ rồi thì sinh tín giải.

[493c06] **A-thế-da rộng lớn**: Là A-thế-da đại ngã và a-thế-da quang đại³⁵⁶.

A-thế-da đại ngã: Các Bồ-tát hiểu được mình người bình đẳng, nên đem tín dục thanh tịnh mà làm cho các hữu tình đều được giải thoát.

A-thế-da rộng khắp: Các Bồ-tát đối với lưu chuyển và tịch diệt³⁵⁷, hiểu được cả hai bình đẳng, không có phân biệt, nên đem tín dục thanh tịnh mà làm lợi ích hữu tình, không trú cả hai.

[493c11] **Nên biết các tự số**: Là nên biết tự số của các loại giác phần.

Như vậy đã nói về **giác phần**, nay nói về **bổ-đặc-già-la**.

Kệ tụng:

Tùy tín hành, bầy hạng

Còn tám bậc nên biết

355 Thuần trực = trực tâm.

356 Ở đây, a-thế-da có nghĩa là ý lạc tăng thượng, là y trên thâm tâm, trên tâm nguyện nhiệt thành và luôn luôn hướng thượng, ước mong xóa sạch mọi thống khổ của thế gian. A-thế-da đại ngã là ý lạc quang đại. A-thế-da quang đại là ý lạc quang phổ.

357 Tức sinh tử và Niết bàn.



Cực thất phần vân vân

Thối pháp đấng có sáu. (kệ 8)

[493c15] Luận giải: Nên biết có nhiều hạng **bổ-đặc-già-la**. Nay trước hết giải thích **bảy hạng hiền thánh**³⁵⁸, nghĩa là bảy hạng: tùy tín hành v.v..., trong kinh có nói rộng³⁵⁹.

1. *Tùy tín hành*: Như một hạng người có duyên căn³⁶⁰ thuần thực liên tục, từ trước tới nay luôn tin hiểu và thực hành; do nhân duyên này mà hiện tại đối với các đế có sự tùy thuận, tin hiểu, thực hành, thú hướng để quán³⁶¹.

2. *Tùy pháp hành*: Như một hạng người có lợi căn thuần thực liên tục, từ trước tới nay luôn trạch pháp³⁶² và thực hành; do nhân duyên này mà hiện tại đối với các đế có sự tùy thuận, trạch pháp, thực hành, thú hướng để quán.

3. *Tín giải*: Là bậc tùy tín hành đã thấy thánh đế³⁶³.

4. *Kiến chí*: Là bậc tùy pháp hành đã thấy thánh đế.

358 Trước khi đạt 7 Thánh giả thì phải tu 7 hiền vị: 1. Ngũ đình tâm quán; 2. Biệt tướng niệm trú; 3. Tổng tướng niệm trú; 4. Noãn pháp; 5. Đánh pháp; 6. Nhẫn pháp; 7. Thế đệ nhất pháp.

359 Trung bộ kinh, kinh Kitagiri, số 70. Trung A-hàm, kinh A-tháp-bối, số 195.

360 Duyên căn còn gọi là độn căn. Du-già sư địa luận, quyển 21: “Thế nào là duyên căn bổ-đặc-già-la? Có một vị bổ-đặc-già-la như thế, đối với các sự sở tri, cảnh giới sở duyên mà có các căn vận chuyển rất chậm, vận chuyển yếu kém, hoặc do sự nghe mà thành, hoặc do tư duy mà thành, hoặc do tu tập mà thành, tác ý tương ứng, nghĩa là hoặc tín căn, hoặc tinh tiến căn, hoặc thêm niệm căn, hoặc thêm định căn, hoặc thêm tuệ căn, không có kham năng, không có thể lực để thông đạt pháp nghĩa, mau chứng chân thật, đó gọi là duyên căn bổ-đặc-già-la.” (tr. 398c17~23)

361 Đế quán: tu để hiện quán. Quán tứ đế bằng 16 hành tướng: Khổ là vô thường, khổ, không và vô ngã; Tập là nhân, tập, sinh và duyên; Diệt là diệt, tĩnh, diệu và ly; Đạo là đạo, như, hành và xuất. Nói rộng trong Câu xá luận, phẩm Phân biệt hiền thánh.

362 Trạch pháp: thẩm sát pháp, như lý tác ý, một trong Bảy giác chi. Trạch pháp là “sự tìm kiếm, thẩm sát, xem xét kỹ lưỡng, để có tuệ giác hay sự hiểu biết sâu sắc về những điều kiện bên trong tự thân...và những điều kiện bên ngoài.”

363 Đế là chắc chắn, chân lý. Thánh đế là chân lý được thấy bởi các thánh giả. Thánh đế là từ đế.

5. *Thân chứng*: Đối với tám giải thoát³⁶⁴ thân chứng an trú đầy đủ³⁶⁵, nhưng chưa được tận diệt các lậu, không còn dư tàn.

6. *Tuệ giải thoát*: Đã được tận diệt các lậu, không còn dư tàn, nhưng chưa được tám giải thoát thân chứng an trú đầy đủ.

7. *Câu giải thoát*: Đã được tận diệt các lậu, không còn dư tàn, và đối với tám giải thoát thân chứng an trú đầy đủ.³⁶⁶

Còn tám bậc nên biết: Đó là tám bậc [thánh quả]: Dự lưu hướng, Dự lưu quả v.v..., trong kinh có nói rộng³⁶⁷.

1. *Dự lưu hướng*: Như có một vị thuần thực liên tục, vượt qua tất cả ngoại dị sinh địa³⁶⁸, nhập chánh tánh ly sinh [của Thanh văn]³⁶⁹;

364 Tám giải thoát: 1. Tự mình có sắc, thấy các sắc; 2. Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; 3. Quán tưởng sắc là tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; 4. Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tướng hữu đối, không tác ý đến những tướng khác biệt, với suy tư «hư không là vô biên», chứng và trú Không vô biên xứ; 5. Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư «thức là vô biên», chứng và trú Thức vô biên xứ; 6. Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư «không có vật gì», chứng và trú Vô sở hữu xứ; 7. Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi tướng xứ; 8. Vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi tướng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng; đó là sự giải thoát thứ tám.

365 Hiền dương, quyển 2: “Đầy đủ, là tu tập viên mãn. An trú, là nhập, trú và xuất [định] tùy ý tự tại.”

366 Bậc Tùy tín hành, Tín giải [thoát] và Thân chứng là quả chứng đi từ thiên chỉ, tâm giải thoát, đến Câu [phần] giải thoát. Bậc Tùy pháp hành, Kiến chí (Kiến đạo) và Tuệ giải thoát là quả chứng đi từ thiên quán, tuệ giải thoát, đến Câu giải thoát. Tất cả sáu bậc ấy đều hướng đến quả vị cao hơn cả là bậc Câu giải thoát: sau khi chứng đắc các tịch tịnh giải thoát vượt khỏi các sắc pháp và vô sắc pháp; sau khi đã thấy với trí tuệ các lậu hoặc được đoạn trừ hoàn toàn. Chỉ có Câu giải thoát và Tuệ giải thoát là các bậc vô học, năm bậc còn lại là thuộc hàng đệ tử Hữu học.

367 Trung A-hàm, Kinh Phước điền, số 127: “Hạng hữu học có mười tám, hạng vô học có chín. Nay Cư sĩ, mười tám hạng người hữu học là những ai? Là tín hành, pháp hành, tín giải thoát, kiến đạo, thân chứng, gia gia, nhất chủng, hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm, trung Bát-niết-bàn, sanh Bát-niết-bàn, hành Bát-niết-bàn, vô hành Bát-niết-bàn, thượng lưu sắc cứu cánh. Đó là mười tám hạng hữu học. Nay Cư sĩ, chín hạng người vô học là những ai? Tư pháp, thăng tấn pháp, bất động pháp, thối pháp, bất thối pháp, hộ pháp, hộ tắc bất thối bất hộ tắc thối, thật trụ pháp, tuệ giải thoát, câu giải thoát. Đó là chín hạng vô học.” A-tỳ-đạt-ma Thuận chánh lý luận, No. 1562, quyển 62, tr. 864c01; quyển 65, tr. 699b26.

368 Dị sinh địa = phàm phu địa. Ngoại dị sinh địa, chỉ cho ngoại phàm, tức ba hiền vị: Ngũ đình tâm quán, Biệt tướng niệm trú và Tổng tướng niệm trú. Tất cả thánh giả đều gọi là đồng sinh, vì đồng thấy chân lý, đồng chí nguyện. Dị sinh là vì dị kiến, dị loại phiền não, đồng tạo dị nghiệp, đồng đọa dị giới. (Đại tỳ bà sa luận, No. 1545, tr. 232a27)

369 Chánh tánh ly sinh: Từ Thế đệ nhất pháp bước tới sự nhập vào Niết bàn (chánh tánh) = viễn ly phiền não (ly sinh). Nói giản dị là bước tới sự nhập vào địa vị Thánh giả = thoát ly phàm phu. Bằng



nếu chưa chứng được sơ quả Dự lưu thì thân mạng không yếu thọ.

2. *Dự lưu quả*: Nếu theo sự *thắng nhiếp* mà ba kết vĩnh đoạn³⁷⁰, hoặc nếu có được sự *toàn nhiếp* các kết³⁷¹ thì vĩnh đoạn tất cả kiến sở đoạn hoặc³⁷², nhờ đó vị thánh giả đã kiến đế, nên đầu tiên chứng được nghịch lưu hành quả³⁷³.

3. *Nhất lai hướng*: Như có một vị y thể gian đạo, bội ly tham ở cõi Dục, bước tới sự nhập chánh tánh ly sinh³⁷⁴, hoặc vị đã đắc quả Dự lưu, vì đoạn trừ [tư] hoặc thượng phẩm và trung phẩm ở cõi Dục³⁷⁵, nên tu các hạnh đối trị.

4. *Nhất lai quả*: Hoặc vị đã bội ly tham ở cõi Dục, nhập chánh tánh ly sinh, sau đó chứng đắc; hoặc vị đã đắc quả Dự lưu, đi tới sự đoạn trừ [tư] hoặc thượng phẩm và trung phẩm ở cõi Dục nên chứng đắc.

Dựa vào sự đoạn [tư] hoặc này mà nói mỏng nhẹ tham, sân, si ở cõi Dục. Làm sao biết được việc đó? Là do khi suy tư, tác ý, quán

cách định quán trên tham dục, hành giả có thể vào an định trong Chánh tánh ly sinh. Khi nhập *chánh tánh ly sinh*, tức không có sự lưu chuyển của tử và sinh, thì xả bỏ đồng phần của dị sinh và đắc được đồng phần của thánh giả. Theo Câu xá luận, có 16 loại tâm của Dự lưu hướng và Dự lưu quả. Mười sáu tâm là quán 4 đế, mỗi đế có pháp và loại, pháp và loại đều có nhãn và trí (thí dụ khổ thì có khổ pháp nhãn, khổ pháp trí, khổ loại nhãn, khổ loại trí) thành 16 tâm. Trong 16 tâm này, 15 tâm đầu là hướng về kiến đạo (hướng quả), tâm cuối cùng (đạo loại trí) là ở vào kiến đạo (trú quả).

370 Ba kết: tát-ca-da kiến (thân kiến), giới cấm thủ và nghi. Do tát ca da kiến nên không muốn bước tới thánh đạo. Tuy đã bước tới thánh đạo nhưng do giới cấm thủ nên thực hành sai trái. Chánh đạo chưa thuần thực là vì do dự, hoài nghi.

371 Các kết sử của luận này: 1. Tát-ca-da kiến; 2. Biên chấp kiến; 3. Tà kiến; 4. Kiến thủ; 5. Giới cấm thủ; 6. Tham; 7. Sân; 8. Vô minh; 9. Mạn; 10. Nghi. Chỗ khác nói 10 kết sử là: thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, tham đắm vào cõi Dục, sân hận, tham đắm vào cõi Sắc, tham đắm vào cõi Vô sắc, mạn, trạo cử vi tế, si vi tế.

372 Xem phần Tập nhiệm của luận này.

373 Trú tâm thứ 16 ở kiến đạo.

374 Trong giai đoạn phàm phu, bằng hữu lậu đạo (thể gian đạo), vị ấy đã trấn áp 6 phẩm tham thuộc Dục giới. Khi vào giai đoạn Thánh đế hiện quán, cùng lúc đoạn trừ cả 6 phẩm Dục tham, gọi là bội ly tham; chứng quả Nhất lai mà không ngang qua quả Dự lưu, nên gọi là siêu việt chứng.

375 Tham, sân, si, mạn.



sát cảnh, tâm sinh nơi xả, không thường hướng tâm, không thường thú tâm, không thường trước tâm, cho nên biết vị ấy ba độc mỏng nhẹ.

5. *Bất hoàn hướng*: Như có một vị y thể gian đạo, trước đã ly tham ở cõi Dục, bước tới sự nhập chánh tánh ly sinh, hoặc vị đã đắc quả Nhất lai, đi tới sự đoạn trừ những phiền não còn lại ở cõi Dục, nên tu các hạnh đối trị.

6. *Bất hoàn quả*: Hoặc vị trước đã ly tham ở cõi Dục, nhập chánh tánh ly sinh, sau đó chứng đắc; hoặc vị đã đắc quả Nhất lai, đoạn hết những phiền não còn lại ở cõi Dục nên chứng đắc.

7. *A-la-hán hướng*: Như có một vị mà sự học đã thấy dấu³⁷⁶, vì đoạn phiền não ở Phi tướng phi phi tướng địa, nên tu các hạnh đối trị.

8. *A-la-hán quả*: Vị vĩnh đoạn tất cả phiền não ở Phi tướng phi phi tướng địa nên chứng đắc.

[494a18] **Cực thất phản vân vân**: Cực thất phản, v.v..., tám bậc dựa vào [tám] sự sinh mà thiết lập, trong kinh có nói rộng.

1. *Cực thất phản*: Bậc Dự lưu quả khéo tu thánh đạo nên, hoặc ở thiên thượng, hoặc ở nhân gian, hoặc thọ sinh thiên thượng, nhân gian [tối đa] bảy lần³⁷⁷ thì đến được tận cùng biên tế khổ³⁷⁸.

2. *Gia gia*: Bậc Dự lưu quả khéo tu thánh đạo nên, hoặc sinh thiên thượng, hoặc sinh nhân gian, từ nhà đến nhà, thì đến được tận cùng biên tế khổ.³⁷⁹

376 Học kiến tích 學見跡, chỉ giai đoạn kiến đạo (kiến đế) của hàng hữu học.

377 Thánh giả Dự lưu vì có thể tái sinh đến 7 lần nhưng không thể nhiều hơn nên nói là “tối đa bảy lần” (cực thất phản, 極七返). Vì không nhất thiết phải tái sinh đến 7 lần nên mới nói là “tối đa”. Kinh nói “sinh bảy lần là tối đa” (cực thất phản sinh). Ở đây chữ cực có nghĩa là tối đa.

378 Biên tế khổ: Là ranh giới của khổ, cũng gọi là niết bàn; nghĩa là vượt qua khỏi biên tế khổ thì hết khổ, tức giải thoát niết bàn. Kinh nói bậc Dự lưu làm ra biên tế khổ, nói cách khác, là đến được biên tế khổ. Bậc A la hán thì vượt qua biên tế khổ.

379 Thánh giả Nhất lai hướng đang lúc đoạn ba phẩm hay bốn phẩm tu hoặc cõi Dục thì gọi là thánh



3. *Nhất gián*: Bậc Nhất lai khéo tu thánh đạo nên, hoặc sinh thiên thượng, ở ngay xứ ấy quyết định chứng tịch diệt; hoặc sinh nhân gian, ở ngay xứ ấy quyết định chứng tịch diệt.³⁸⁰

4. *Trung gian chứng tịch diệt*: Bậc Bất hoàn quả đã đoạn sinh kết căn bản, nhưng chưa đoạn sinh kết thú hướng; do sức tu tập thánh đạo thuộc thượng phẩm nên sinh ở trung hữu, ngay đó chứng tịch diệt³⁸¹; hoặc có vị chứng tịch diệt mà không cần tiến tới sinh xứ; hoặc có vị đang tiến tới sinh xứ nhưng chưa tới đúng chỗ sinh đã chứng tịch diệt.

5. *Sinh chứng tịch diệt*: Bậc Bất hoàn quả tu tập thánh đạo thuộc trung phẩm, chưa đoạn hai thứ sinh kết, tùy sinh một chỗ nào trong cõi trời Ý sinh³⁸², khi mới sinh ra liền chứng tịch diệt.³⁸³

6. *Vô hành chứng tịch diệt*: Bậc Bất hoàn quả tu tập thánh đạo thuộc trung phẩm, chưa đoạn hai thứ sinh kết, tùy sinh một chỗ nào trong cõi trời Ý sinh, đã hành ít gia hạnh, và ít tinh tiến mà chứng tịch diệt.³⁸⁴

quả gia gia, có nghĩa là từ nhà đến nhà, tức là từ nhân gian đến trời, hoặc từ trời sanh lại nhân gian.

380 Khi đoạn hết phần tư hoặc thứ 7 và 8, là đạo nhân hướng đến đạo quả Bất hoàn, cho nên gọi là Bất hoàn hướng, cũng gọi là Nhất sanh hay Nhất gián Thánh giả. Vì còn một phần tư hoặc thứ 9 chưa đoạn, tức còn phải một phen sanh cõi Dục, do đó làm cách ngại việc chứng quả Bất hoàn nên gọi Nhất gián.

381 Còn gọi là trung ban. “Thánh giả Bất hoàn này, sau khi chết ở cõi Dục, chưa sanh đến cõi Sắc, ngay tại trung hữu vị phát sanh sức Thánh đạo rất mạnh, đoạn hết của hai cõi trên, thành A-la-hán mà nhập (ban) Vô dư Niết-bàn. Ví như đập cái bát bằng sắt được đốt cháy cả ngày, một mảnh vụn có thể văng ra và trở thành nguội lạnh liền.” (Đại cương về luận Câu xá, HT. Thích Thiện Siêu)

382 Ý sinh thiên 意生天: Chỉ cho các trời Sắc giới mà một vị A-na-hàm (Bất hoàn) thác sinh.

383 Còn gọi là Sinh ban. “Vị Thánh giả Bất hoàn này chết ở cõi Dục, sanh lên cõi Sắc không bao lâu liền khởi sanh sức Thánh đạo rất mạnh, đoạn hết các tu hoặc còn lại, thành A-la-hán và mệnh chung mới nhập Vô dư Niết-bàn. Ví như mảnh vụn của cái bát sắt đốt cháy, có thể văng ra, bay lên, rớt xuống chạm vào đất mới trở thành nguội lạnh.” (sđd)

384 Còn gọi là Vô hành ban. “Vị Thánh giả Bất hoàn này chết ở cõi Dục sanh lên cõi Sắc, trong thời gian rất lâu, không có gia hạnh tu hành gì, tự nhiên được nhập Hữu dư y Niết-bàn. Ví như mảnh



7. *Hữu hành chứng tịch diệt*: Bậc Bất hoàn quả tu tập thánh đạo thuộc hạ phẩm, chưa đoạn hai thứ sinh kết, tùy sinh một chỗ nào trong cõi trời Ý sinh, đã hành nhiều gia hạnh, và nhiều tinh tiến mà chứng tịch diệt.³⁸⁵

8. *Thượng lưu*: Bậc Bất hoàn quả tùy sinh một chỗ nào trong cõi trời Ý sinh; ở nơi cõi đó không thể hết được các lậu, nên phải chuyển sinh lên các cõi cao hơn, trong cái thân khác mới chứng tịch diệt.³⁸⁶

[494b09] **Thối pháp đẳng có sáu**: Sáu quả Vô học như thối pháp [A-la-hán] v.v..., trong kinh có nói rộng.

1. *Thối pháp*: Bậc thành tựu nhuuyến căn như vậy, nghĩ tự hại³⁸⁷ hoặc không nghĩ tự hại, phóng dật hoặc không phóng dật, cả hai trường hợp đều thối thất hiện pháp lạc trú³⁸⁸ và công đức thế gian, không thể

vụn của cái bát sắt cháy đỏ có thể văng ra, bay lên, rớt xuống trên một đồng cỏ hay củi nhỏ, rồi bắt lửa khói, đốt cháy tiêu hết đồng cỏ hay củi nhỏ đó, mới trở thành nguội lạnh, vì không còn nhiên liệu.” (sđd)

385 Còn gọi là Hữu hành ban. “Vị Thánh giả Bất hoàn này chết ở cõi Dục, sau khi sanh đến cõi Sắc, qua thời gian lâu dài, gia hạnh siêng tu mới có thể nhập Hữu dư y Niết-bàn. Ví như mảnh vụn của cái bát sắt cháy đỏ có thể văng ra, bay lên, rơi xuống đồng cỏ hoặc củi rỗng lớn, bốc lửa khói, đốt cháy tiêu cỏ hoặc củi ấy, rồi mới trở thành nguội lạnh.” (sđd)

386 Còn gọi là Thượng lưu ban. “Thượng lưu có nghĩa là đi lên. Vị Thánh Bất hoàn này, sau khi sanh đến cõi Sắc nhưng không nhập Niết-bàn tại đó, mà cứ chuyển sanh lên lần lần cho đến cõi trời Sắc cứu cánh mới nhập Niết-bàn. Ví như mảnh vụn của cái bát cháy đỏ có thể văng ra, bay lên, rơi xuống trên một đồng cỏ hay củi to lớn, rồi bốc thành lửa khói, đốt cháy đồng cỏ hay củi to lớn ấy, thiêu cháy luôn cả lùm cây rừng rậm, thảo nguyên, ruộng xanh, gò cao, dòng nước...rồi mới trở thành nguội lạnh (Năm đoạn ví dụ trên đây, trích trong Tăng Chi Bộ Kinh, tập III, Kinh Các Sanh Thú Của Loài Người).” (sđd) Từ số 4 đến số 8 gọi là Ngũ ban Bất hoàn.

387 Tự hại là muốn kết liễu mạng sống để nhập Vô dư Niết-bàn.

388 Hiện pháp lạc trú: An trú pháp lạc của giải thoát. Các bậc thánh cõi sắc nhờ tu tập các thiền định mà an trú trong pháp lạc của giải thoát. Do căn cứ vào kết quả của thiền định nên gọi là hiện pháp lạc trú. Hiện pháp lạc trú là 1 trong 4 đẳng tri của cõi Sắc, là 1 trong 7 loại thiền định. Luận Câu xá, quyển 28 ghi: “Nương vào thanh tịnh, 4 căn bản tịnh lự của vô lậu mà được pháp lạc hiện tiền.” Luận Đại tỷ bà sa, quyển 26, ghi: “Cái vui xuất gia, cái vui viễn ly (sơ thiền), cái vui tịch tĩnh (nhị thiền), cái vui tam bồ-đề (rót ráo rời sự thất buộc của phiền não, thấy biết như thật về các pháp sở tri), 4 loại hiện pháp lạc trú này chỉ giới hạn trong 4 căn bản định của cõi Sắc, mà không có trong cận phần định và cõi Vô sắc.”



luyện căn, không thể phát khởi công đức thắng phẩm.

2. *Tư pháp*: Bậc thành tựu nguyện căn như vậy, nếu nghĩ tự hại thì có thể không thối thất, khi không nghĩ [tự] hại thì có thể thối thất³⁸⁹. Vị này khởi lên suy nghĩ: “*Thà khiến tôi thắng các ma*³⁹⁰, không làm cho các ma thắng tôi.” Nghĩ như vậy để rồi nghĩ tự hại. Vị này không thể luyện căn, không thể phát khởi công đức thắng phẩm.

3. *Hộ pháp*: Bậc thành tựu nguyện căn như vậy, tuy không nghĩ tự hại, nhưng vì không phóng dật³⁹¹ nên có thể không thối thất. Nếu tâm phóng dật thì có thể thối thất, vị này không thể luyện căn, không thể phát khởi công đức thắng phẩm.

4. *Trú bất động*: Bậc thành tựu nguyện căn như vậy, tuy không nghĩ tự hại và [dù] hành phóng dật, mà đều không thối thất³⁹². Vị này không thể luyện căn, không thể phát khởi công đức thắng phẩm.

5. *Kham năng thông đạt*: Bậc thành tựu nguyện căn như vậy, kham năng [tu hành], không thối thất, có thể luyện các căn và có thể phát khởi công đức thắng phẩm.

6. *Bất động pháp*: Bậc mà từ trước đến nay thành tựu tự tánh lợi căn. Vị này đối với các thiện căn không bị thối pháp đã được làm cho lay động, cũng không bị sự phát khởi công đức thắng phẩm và sự luyện căn làm cho lay động, cho nên gọi là bất động pháp.³⁹³

389 Là thối thất quả chứng, lùi xuống quả Bất hoàn, Nhất lai hay Dự lưu.

390 Ma có 4: phiền não, 5 uẩn, sự chết và ma vương. Gọi là ma vì đoạn sinh mạng nghĩa đen, đoạn sinh mạng tuệ giác (tuệ mạng), đoạn thiện căn. Tuy ma có 4, nhưng căn bản chính là phiền não. Phá phiền não là phá cả 4 ma.

391 Vị này thường phòng hộ để khỏi thối thất quả A-la-hán.

392 Do vị này an trú quả vị A-la-hán đã chứng được.

393 Năm bậc A-la-hán trên đều là độn căn, nếu không chờ thời cơ tốt, thì khó chứng quả A-la-hán, gọi chung là “thời ái tâm giải thoát”, tức là hằng thời, ái mộ và tâm giải thoát, gọi tắt là thời giải thoát. Vì những vị này phải chờ thời mới có thể nhập định và tâm được giải thoát. Còn bất động pháp



Lại nữa, kệ tụng:

Nhuyến căn đẳng bầy hạnh

Tại tục và xuất gia

Có ba: Thanh văn thừa ...

Khả cứu, bất khả cứu. (kệ 9)

[494b29] **Nhuyến căn đẳng bầy hạnh:**

1. *Nhuyến căn*: Thành tựu năm căn: tín, tiến, niệm, định và tuệ. Tự tánh của nó yếu ớt hoặc chưa tăng trưởng; khi mong cầu thăng tiến mà gia hạnh chậm lụt.

2. *Lợi căn*: Trái ngược với nhuyến căn.

3. *Tham hành*: Ở đời trước tập quen tham dục đã lâu, và không tu tập sự đối trị tham dục. Do nhân duyên ấy, ở trong đời này tuy gặp cảnh giới khả ái thấp kém, cũng khởi tham ái một cách nhanh nhạy và liên tục, khó rời, khó chán; đối với sự tu tập thiện pháp thì gia hạnh chậm lụt.

4. *Sân hành*: Giống như tham hành.

5. *Si hành*: Giống như tham hành.

Ở đây có sai biệt: Tuy gặp cảnh giới khả sân nhỏ nhất, cũng khởi sân giận một cách nhanh nhạy và liên tục. Tuy gặp cảnh giới khả si thô thiển, cũng khởi ngu si một cách nhanh nhạy và liên tục.

6. *Đẳng phần hành*: Ở đời trước không tập quen thượng phẩm tham dục, sân, si; hoặc giả có tập quen thì cũng biết tu tập pháp đối trị chúng. Do nhân duyên ấy, ở trong đời này gặp các cảnh giới khả ái, khả

A-la-hán vì lợi căn nên không cần chờ thời cơ tốt, vẫn giải thoát dễ dàng hai kiến hoặc, tu hoặc, nên gọi là “bất thời giải thoát”, cũng gọi là bất động và tâm giải thoát. Vì vị này không còn bị phiền não làm thối động và tâm được giải thoát luôn.



sân, khả si, tùy phẩm loại mỗi cảnh mà khởi ba thứ hoặc trói buộc: tham, sân, si, không khó rời, không dễ rời, không khó chán, không dễ chán; đối với sự tu tập thiện pháp thì [gia hạnh] không chậm, không nhanh.³⁹⁴

7. *Bạc trần hành*: Như có người ở đời quá khứ tập quen tham dục, sân, si không lâu, nhưng đã tu tập pháp đối trị chúng. Do nhân duyên ấy, ở trong đời này, tuy gặp những cảnh thắng thượng khả ái, khả sân, khả si, vẫn có thể không khởi ba trói buộc tham, sân, si một cách nhanh nhạy và liên tục. Cũng có lúc khởi hạ phẩm, trung phẩm [tham dục, sân, si], nhưng dễ rời, dễ chán; đối với sự tu tập thiện pháp thì gia hạnh mau lẹ.

[494c18] **Tại tục**: Người bạch y ở nhà, thọ dụng năm dục, tạo dựng sự nghiệp thế tục, để tự nuôi sống.

Xuất gia: Giữ giữ tướng mạo uy nghi của người xuất gia, xả bỏ cảnh tục, thọ trì giới cấm, như pháp khát cầu, thanh bạch tự sống.

Có ba: Thanh văn thừa

1. *Thanh văn thừa*: Trú pháp tánh³⁹⁵ Thanh văn, vì để tự thân chứng tịch diệt, đã phát chánh nguyện³⁹⁶, tu phương tiện hạnh³⁹⁷.

2. *Độc giác thừa*: Trú pháp tánh *Độc giác*, vì để tự thân chứng tịch diệt, không do Thầy dạy³⁹⁸, đã phát chánh nguyện³⁹⁹, tu phương tiện hạnh.

394 Hành là hành động, như tham hành, sân hành, si hành. Những hành ấy đồng phần (tương tự) như nhau nên nói là đồng phần hành.

395 Pháp tánh = chủng tánh.

396 Chánh nguyện thành tựu Thanh văn bồ-đề hay tuệ giác Thanh văn.

397 Phương tiện hạnh là thu nhiếp thiện pháp.

398 Không do Thầy dạy, tự nhiên giác ngộ.

399 Chánh nguyện thành tựu *Độc giác* bồ-đề hay tuệ giác *Độc giác*.



3. *Đại thừa*: Trú pháp tánh *Đại thừa*, vì để tự thân và tha nhân chứng tịch diệt, không do Thầy dạy⁴⁰⁰, đã phát chánh nguyện⁴⁰¹, tu phương tiện hạnh⁴⁰².

Khả cứu: Có pháp tánh ba thừa tịch diệt.

Bất khả cứu: Không có pháp tánh ba thừa tịch diệt.

Lại nữa, kệ tụng:

Có chín: nhập phương tiện ...

Sinh sai biệt có hai

Do các giới sai biệt

Nên biết mười ba bậc. (kệ 10)

[495a03] Luận giải: [**Có chín: nhập phương tiện ...**]

1. *Đã nhập phương tiện*: Đối với tuệ giác Phật tự chứng, pháp Phật tự thuyết⁴⁰³ và Tỳ-nại-da⁴⁰⁴ mà có được tịnh tín kiên cố, đã thọ Thi-la⁴⁰⁵, đã nghe chánh pháp, đã tăng trưởng xả⁴⁰⁶, đã thăng đến chánh kiến⁴⁰⁷.

2. *Chưa nhập phương tiện*: Ngược với điều trên.

3. *Có chương*: Có ba chương: a. Phiền não chương; b. Nghiệp

400 Không do Thầy dạy mà được chánh kiến.

401 Chánh nguyện thành tựu Vô thượng bồ-đề hay tuệ giác Vô thượng.

402 Phương tiện hạnh là thu nhiếp thiện pháp, làm sạch quốc độ, thành tựu chúng sinh.

403 Ưu đà na (Udana = tự thuyết) là Phật tự nói chứ không ai hỏi được. Ví dụ như kinh Pháp ấn, nói về ba cánh cửa giải thoát (tam giải thoát môn): không, vô tướng và vô tác (vô thường, vô ngã và khổ), hay như kinh A Di Đà.

404 Tỳ-nại-da (vinaya), dịch là luật, diệt, điều phục, thiện trị.

405 Thi-la (sila), dịch là giới, thanh lương.

406 Chỉ cho thiền định. Trung bộ kinh, kinh 118, Nhập tức xuất tức niệm: "Vị ấy, do đoạn trừ tham ưu, sau khi thấy với trí tuệ, khéo nhìn sự vật với niệm xả ly."

407 Chỉ cho trí tuệ.



chương; c. Báo chương; vì có thể chương ngại sự tu tập thiện pháp.

4. *Không chương*: Ngược với điều trên.

5. *Chưa thành thực*: Chưa có được thiện căn giúp tâm tương tục⁴⁰⁸ nên không thể có được hiện pháp [lạc trú], chứng *kiến đế lý*. Không có được hiện pháp [lạc trú] của thừa bậc thấp, bậc vừa và bậc cao, chưa chứng tịch diệt.

6. Đã thành thực: Ngược với điều trên.

7. *Cụ phược*: Là hàng dị sinh.⁴⁰⁹

8. *Không cụ phược*: Là sáu bậc thánh giả hữu học ở trên, từ Dự lưu quả [thứ hai] đến A-la-hán hướng thứ sáu.

9. *Vô phược*: Là bậc vô học a-la-hán quả.

Sinh sai biệt có hai:

1. *Nhân thú*: Là sinh cõi người, được chủng loại là con người.

2. *Phi nhân thú*: Là sinh các cõi khác, như na-lạc-ca, bàng sinh, quỷ thú, cùng với trời, rồng, được xoa, a-tô-lạc, yết-lộ-trà, khẩn-nại-lạc, mâu-hô-lạc-già, các sinh loài sai biệt.

[495a17] **Lại do các giới sai biệt, nên biết mười ba bậc:**

1. *Dục giới dị sinh*: Vị thọ sinh Dục giới, chưa kiến đế.

408 Thiện căn tư tâm tương tục 善根資心相續: Du-già sư địa luận, quyển 58: "Hỏi: Các tu hành giả hàng phục phiền não trời buộc, làm sao hàng phục? Đáp: Lấy cái lực của sự tu ba thứ đối trị để hàng phục phiền não trời buộc: 1. Hiểu rõ tội lỗi của tự tánh phiền não; 2. Tư duy về sự đối trị cảnh tướng sở duyên; 3. Lấy thắng thiện phẩm thấm nhuần tâm tương tục. Nên biết, ba thứ đối trị này là con đường vĩnh đoạn chánh kiến nói sự tu hành trước đó." (tr. 623b13~17) Đại thừa nhập đạo thứ đệ 大乘入道次第, No. 1864, giải thích thêm: đối trị 1 để "biết phiền não có năng lực phát nghiệp, năng lực chiêu khổ não đời này và đời sau", đối trị 2 bằng cách "học quán hai không để hiển lộ chân như", đối trị 3 bằng cách "tu sáu độ để trợ giúp tâm." (tr. 463c12~15). Du-già luận ký 瑜伽論記, No. 1828, cho rằng, hai đối trị đầu thuộc tư lương vị (thuận giải thoát phần: 10 trú, 10 hạnh, 10 hướng), đối trị sau cùng thuộc gia hành vị (thuận quyết trạch phần: noãn, đánh, nhấn, thể đệ nhất) (tr. 677a13).

409 Cụ phược 具縛: tên gọi khác của phạm phu (dị sinh), cho nên phạm phu cũng gọi là Cụ phược phạm phu. Loài hữu tình còn đủ kiến hoặc và tư hoặc trời buộc, khiến phải rơi vào cảnh khổ sống chết xoay vần, gọi là cụ phược.



2. *Dục giới hữu học*: Sáu bậc hữu học thọ sinh Dục giới, đã kiến thánh đế, tức từ Dự lưu quả [thứ hai] đến A-la-hán hướng thứ sáu.

3. *Dục giới vô học*: Vị thọ sinh Dục giới, chứng A-la-hán quả.

4. *Sắc giới dị sinh*: Vị thọ sinh Sắc giới, chưa kiến đế.

5. *Sắc giới hữu học*: Vị thọ sinh Sắc giới, đã kiến thánh đế, tức hai bậc hữu học: Bất hoàn quả và A-la-hán hướng.

6. *Sắc giới vô học*: Vị thọ sinh Sắc giới, chứng A-la-hán quả.

7. *Vô sắc dị sinh*: Vị thọ sinh Vô sắc giới, chưa kiến đế.

8. *Vô sắc hữu học*: Vị thọ sinh Vô sắc giới, đã kiến thánh đế, tức hai bậc hữu học: Bất hoàn quả và A-la-hán hướng.

9. *Vô sắc vô học*: Vị thọ sinh Vô sắc giới, chứng A-la-hán quả.

10. *Dục giới Độc giác*: Vị trú pháp tánh Độc giác, ở trong đời trước hoặc chưa kiến đế, hoặc đã kiến đế; đời này thọ sinh Dục giới, không do Thầy dạy, dựa vào cái lực của nhân tố đời trước, tu pháp giác phần mà chứng được, vĩnh viễn diệt tận tất cả kết hoặc. Ở đây có hai trường hợp: một là, như con tê ngu [một sừng] lè loi mà đi⁴¹⁰; hai là, như con vật độc thặng cảm đầu đoàn mà đi.

11. *Dục giới Bồ-tát*: Vị thọ sinh Dục giới, trú pháp tánh Bồ-tát, vì để tự thân và tha nhân chứng tịch diệt, đã phát chánh nguyện, tu tập tất cả phương tiện hạnh để đạt Vô thượng bồ-đề.

12. *Sắc giới Bồ-tát*: Vị thọ sinh Sắc giới, trú pháp tánh Bồ-tát, viễn ly Vô sắc, tu các tĩnh lự, vì để tự thân và tha nhân chứng tịch diệt, đã phát chánh nguyện, tu tập tất cả phương tiện hạnh để đạt Vô thượng bồ-đề.

410 Kinh Tập (Sutta Nipata), Kinh Con Tê ngu một sừng (Khaggavisana Sutta): "Hãy sống riêng một mình/ Như Tê ngu một sừng."



13. *Bất khả tư nghị chư Phật Như lai*: Dựa vào sự tu tập, không trú lưu chuyển và đạo vô phân biệt đưa đến tịch diệt, chứng đắc pháp thân giải thoát cộng hữu của chư Phật, nhiếp lấy sự chuyển y vô thượng, biến hành mười phương tất cả thế giới, làm tất cả sự lợi ích cho mọi loài hữu tình không có ngưng nghỉ.

Như vậy đã nói về **bổ-đặc-già-la**, nay nói về **quả**.

Kệ tụng:

Quả đoạn có năm thứ

Biến tri và thanh tịnh

Tịnh, quả, giới, bồ-đề

Vô học, do tự số. (kệ 11)

[495b14] Luận giải:

Quả đoạn có năm thứ: Trong các quả, các đoạn có năm thứ:

1. Đoạn các triền: Do bốn thứ đối trị nên rời xa sự hiện hành các phiền não trói buộc.

Bốn thứ đối trị là: (1) Đối trị tán loạn; (2) Đối trị hiển liễu; (3) Đối trị luy liệt; (4) Đối trị tội phục.

Đối trị tán loạn: Tu tập phương tiện trong tám diệu pháp hành đã nói ở trên⁴¹¹, hoặc tu tập phương tiện thiện pháp ở trong các định địa khác⁴¹².

Đối trị hiển liễu: Tu tập phương tiện trong pháp hành thứ chín.

411 Xem Mười thứ pháp hành của luận này. Đó là: 1. Sao chép; 2. Hiển cúng; 3. Chuyển cho người; 4. Nếu ai đọc tụng, chuyên tâm lắng nghe; 5. Tự mình dõ đọc; 6. Thọ trì; 7. Vì người khai diễn văn nghĩa; 8. Phúng tụng; 9. Suy nghĩ; 10. Tu tập. Ở đây, 8 pháp hành đầu là văn tuệ; pháp hành thứ 9 là tư tuệ; pháp hành cuối là tu tuệ.

412 Định địa: Chỉ cho 4 định địa ở sắc giới: 1. Sơ thiền ly sanh hỷ lạc địa; 2. Nhị thiền định sanh hỷ lạc địa; 3. Tam thiền ly hỷ lạc địa; 4. Tứ thiền xả niệm thanh tịnh địa; và 4 định địa ở vô sắc giới: 1. Không vô biên xứ địa; 2. Thức vô biên xứ địa; 3. Vô sở hữu xứ địa; 4. Phi phi tưởng xứ địa. Đây là địa vị tu học của các thánh giả từ Bất hoàn đến A-la-hán.



Đối trị luy liệt: Do các thiện căn trước trợ giúp tâm nên phiền não yếu kém.

Đối trị tội phục: Do thế gian đạo, tùy sức mà chế phục các chủng tử phiền não.

2. Đoạn tùy miên: Do xuất thế gian đạo⁴¹³, tùy sức mà vĩnh đoạn các chủng tử phiền não.

3. Đoạn vĩnh tận tham: Do vĩnh đoạn tùy miên hoặc mà tham phiền não được đoạn trừ.

4. Đoạn vĩnh tận sân: Do vĩnh đoạn tùy miên hoặc mà sân phiền não được đoạn trừ.

5. Đoạn vĩnh tận si: Do vĩnh đoạn tùy miên hoặc mà si phiền não được đoạn trừ.

Nên biết, do cái lực của tri kiến cực tịnh khéo thông đạt mà các nguyên nhân của phiền não⁴¹⁴ được hoàn toàn đoạn trừ, gọi là đoạn vĩnh tận.

[495b27] **Biến tri**: Là chín biến tri⁴¹⁵. Các quả được sắp xếp là dựa vào đoạn biến tri mà nói.

413 Xuất thế gian đạo: Đạo xuất thế đưa đến giác ngộ. Đạo giác ngộ được hành trì để tăng trưởng đạo tâm: đó là Kiến đạo, Tu đạo và Cứu cánh đạo.

414 Chánh văn là chư sự phiền não. Sự, là nguyên nhân, gốc rễ.

415 HT. Thích Thiện Siêu, Đại cương về Luận Câu Xá: “Biến tri nghĩa là biết cùng khắp. Có hai thứ là Trí biến tri và Đoạn biến tri. Trí vô lậu cùng khắp lý Tứ đế gọi là Trí biến tri, kết quả đoạn trừ hết các phiền não bởi kiến đạo và tu đạo gọi là Đoạn biến tri. Nhưng đây từ Đoạn biến tri lập ra chín thứ gọi là Chín biến tri. Biến tri là trí, nhưng đây không gọi trí, là biến tri mà chủ yếu gọi đoạn là biến tri, vì đoạn là quả (trạch diệt, ly hệ) mà trí là nhân. Nhân trí biết cùng khắp lý Tứ đế mà phiền não được đoạn trừ, được thành ly hệ quả, nơi quả đã hàm có nhân, nên gọi là đoạn biến tri. Chín biến tri là kết quả đoạn trừ những phiền não do kiến đạo sở đoạn trong ba cõi, lập sáu biến tri; kết quả đoạn trừ những phiền não do tu đạo sở đoạn trong ba cõi, lập ba biến tri. Cọng cả hai kết quả trên thành chín. Nói rõ hơn, đoạn kiến hoặc của ba cõi lập sáu biến tri là đoạn kiến hoặc thuộc Khổ, Tập đế của Dục giới lập một biến tri; đoạn kiến hoặc thuộc Diệt đế của Dục giới lập một biến tri; đoạn kiến hoặc thuộc Đạo đế của cõi Dục lập một biến tri; đoạn kiến hoặc thuộc Khổ, Tập đế của hai cõi Sắc và Vô sắc lập một biến tri; đoạn kiến hoặc thuộc Diệt đế của hai cõi Sắc và Vô sắc lập một biến tri; đoạn kiến hoặc thuộc Đạo đế của hai cõi Sắc và Vô sắc lập một biến tri. Cọng tất cả kiến hoặc trong ba cõi được đoạn trừ có sáu biến tri. Đoạn tư hoặc trong ba cõi lập ra ba biến tri là: đoạn hết tư hoặc thuộc cõi Dục lập một biến tri, đó là sự biến tri của sự dứt hết năm thuận hạ phần kiết; đoạn hết tư hoặc thuộc cõi Sắc và Vô sắc lập một biến tri, đó là biến tri của sự dứt hết kiết sử sắc ái; đoạn hết tư hoặc thuộc cõi Vô sắc lập một biến tri, đó là biến tri của sự đoạn hết vĩnh viễn mọi kiết sử.”



1. Dục hệ, *kiến khổ tập sở đoạn phiền não*⁴¹⁶ đoạn biến tri, do hai đế này thuộc vào hữu lậu.
2. Sắc và Vô sắc hệ, *kiến khổ tập sở đoạn phiền não* đoạn biến tri, do hai cõi này thuộc định địa.
3. Dục hệ, *kiến diệt sở đoạn phiền não* đoạn biến tri, do vô lậu này thuộc vô vi.
4. Sắc và Vô sắc hệ, *kiến diệt sở đoạn phiền não* đoạn biến tri, do định địa này thuộc tăng thượng.
5. Dục hệ, *kiến đạo sở đoạn phiền não* đoạn biến tri, do vô lậu này thuộc hữu vi.
6. Sắc và Vô sắc hệ, *kiến đạo sở đoạn phiền não* đoạn biến tri, do định địa này thuộc tăng thượng.
7. *Ngũ thuận hạ phần kết*⁴¹⁷ đoạn biến tri, do thoát khỏi làm lỗi ở hạ giới.
8. *Sắc tham tận* biến tri, do thoát khỏi làm lỗi ở trung giới.
9. *Vô sắc tham tận* biến tri, do ra thoát khỏi làm lỗi ở diệu giới.

[495c09] **Thanh tịnh:** Là chín thứ thanh tịnh, trong kinh có nói rộng⁴¹⁸.

416 Phiền não biến hành (thân kiến và biên chấp kiến) được đoạn trừ nhờ thấy được khổ và nguồn gốc của nó, gọi là kiến khổ tập sở đoạn. Phiền não thuộc nhóm tham ái, v.v..., được đoạn trừ nhờ thấy được khổ, gọi là kiến khổ sở đoạn.

417 Ngũ thuận hạ phần kết: Còn gọi là ngũ hạ phần kết. Hạ phần, chỉ cho Dục giới, năm loại kết sử đưa đến sự tái sanh ở Dục giới, đó là: tham dục, sân nhuế, thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Xem Trung A-hàm, kinh Ngũ hạ phần kết, số 205.

418 Trung bộ kinh, kinh Trạm xe (*Rathavinīta sutta*) số 24, nói về 7 giai đoạn thanh tịnh: 1. Giới thanh tịnh; 2. Tâm thanh tịnh; 3. Kiến thanh tịnh; 4. Đoạn nghi thanh tịnh; 5. Đạo-phi đạo tri kiến thanh tịnh; 6. Đạo tri kiến thanh tịnh; 7. Tri kiến thanh tịnh.

Tạp A-hàm, kinh Bà-đầu, số 565: "Lúc ấy Tôn giả A-nan bảo các thiếu niên: "Này các Hổ chúng, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, nói bốn thứ thanh tịnh: Giới thanh tịnh, Tâm thanh tịnh, Kiến thanh tịnh, Giải thoát thanh tịnh.
"Thế nào là Giới thanh tịnh? Thánh đệ tử trụ nơi Ba-la-đề-mộc-xoa, giới tăng trưởng, oai nghi đầy



1. *Thi-la thanh tịnh:* Như có một vị khéo trú thi-la và khéo thủ hộ biệt giải thoát giới⁴¹⁹, uy nghi đúng pháp, hành xử đầy đủ, đối với một tội nhỏ cũng thấy lớn lao mà lo sợ, thọ học các học xứ [trong giới bản].
2. *Tâm thanh tịnh:* Như có một vị dựa vào giới thanh tịnh, viễn ly dục và ác bất thiện pháp (đã nói ở trên), an trú đầy đủ sơ tinh lự, đệ nhị tinh lự, đệ tam tinh lự và đệ tứ tinh lự.
3. *Kiến thanh tịnh:* Như có một vị đầy đủ tâm thanh tịnh, trong sạch không dơ, lia các phiền não, được trú bất động, vì muốn chứng đắc lậu tận trí mà quán sát các đế, như thật liễu tri: đây là khổ thánh đế, đây là khổ tập thánh đế, đây là khổ diệt thánh đế, đây là hành đạo thánh đế đưa đến diệt khổ.
4. *Độ nghi thanh tịnh:* Như có một vị y theo kiến thanh tịnh, đối với Phật, Pháp, Tăng, không có nghi hoặc.
5. *Đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh:* Như có một vị y theo độ nghi thanh tịnh mà được diệu trí kiến rằng: chỉ có đạo do Phật giảng dạy, do Tăng thực hành, mới có thể xuất ly được. Vì sao nói vậy? Vì có thể

đủ, đối với tội vi tế cũng sanh sợ hãi, giữ gìn các học giới, giới thân chưa trọn vẹn có thể làm cho đầy đủ hoàn toàn, đã đầy đủ rồi tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn phương tiện siêu xuất, siêng năng dũng mãnh, thân, tâm pháp luôn luôn nhiếp thọ; đó gọi là Giới tịnh đoạn.

"Này các Hổ chúng? Thế nào là Tâm tịnh đoạn? Thánh đệ tử ly dục, lìa pháp ác bất thiện chứng và an trú đệ Tứ thiên; định thân chưa đầy đủ thì làm cho được đầy đủ, đã đầy đủ rồi thì tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn, cho đến luôn luôn nhiếp thọ; đó gọi là Tâm tịnh đoạn.

"Này các Hổ chúng, thế nào gọi là Kiến tịnh đoạn? Thánh đệ tử nghe Đại sư nói pháp; với pháp được nói như vậy, như vậy, thì như vậy, như vậy mà nhập chánh quán như thật, như vậy, như vậy mà được hoan hỷ, được tùy hỷ, được theo Phật..."

"Như thế từ người khác được nghe, bên trong chánh tư duy. Đó gọi là chánh kiến chưa khởi khiến khởi; chánh kiến đã khởi làm cho rộng thêm. Đó gọi là tuệ thân chưa đầy đủ làm cho đầy đủ; tuệ thân đã đầy đủ rồi, tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn, cho đến luôn luôn nhiếp thọ; đó gọi là Kiến tịnh đoạn."

"Này các Hổ chúng, thế nào gọi là Giải thoát thanh tịnh đoạn? Thánh đệ tử đối với tâm tham mà vô dục được giải thoát; đối với tâm sân, si mà vô dục được giải thoát. Giải thoát như thế chưa đầy đủ khiến cho đầy đủ; đã đầy đủ rồi tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn, cho đến luôn luôn nhiếp thọ; đó gọi là Giải thoát tịnh đoạn." (Thích Đức Thắng dịch)

419 Biệt giải thoát giới: Còn gọi là biệt giải thoát luật nghi. Là giới bốn ba-la-đề-mộc-xoa (Sk: Prātimoksa, Pāli: Patimokkha), là luật nghi của 7 chúng, là Dục giới triển giới.



chấm dứt khổ và chứng được biên tế khổ. Đạo do các ngoại đạo giảng dạy thì không thể chấm dứt khổ và chứng được biên tế khổ.

6. *Hành trí kiến thanh tịnh*: Như có một vị y theo đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh mà được diệu trí kiến, biết đạo xuất ly có bậc thấp, bậc vừa, bậc cao. Bậc thấp nhiếp vào *khổ trì thông hành*. Bậc vừa nhiếp vào *khổ tốc thông hành* và *lạc trì thông hành*. Bậc cao nhiếp vào *lạc tốc thông hành*.⁴²⁰

7. *Hành đoạn trí kiến thanh tịnh*: Như có một vị y theo hành trí kiến thanh tịnh mà được diệu trí kiến⁴²¹, rằng: “*Tôi nên đoạn các hạnh của bậc thấp và bậc vừa, mà vì phát khởi Thánh hạnh thượng diệu.*”

8. *Vô duyên tịch diệt thanh tịnh*: Như có một vị y theo hành đoạn trí kiến thanh tịnh, chứng được Vô dư, dứt hết các lậu.

9. *Quốc độ thanh tịnh*: Chư Phật có chung cái quả công năng vô thượng, có năng lực thị hiện quốc độ trang nghiêm không thể nghĩ bàn, đức Phật cực kỳ trong sáng, Bồ-tát cực kỳ trong sáng, pháp và quyến thuộc cũng cực kỳ trong sáng.

[496a04] **Tịnh**: Là bốn chứng tịnh, trong kinh có nói rộng.⁴²²

420 Bốn sự hành tích 四事行跡; bốn thông hành 四通行: khổ trì thông hành 苦遲通行, khổ tốc thông hành 苦速通行, lạc trì thông hành 樂遲通行, lạc tốc thông hành 樂速通行. Bốn sự hành trì: hành trì khổ, chứng trí chậm; hành trì khổ, chứng trí nhanh; hành trì lạc, chứng trí chậm; hành trì lạc, chứng trí nhanh. Xem A-tỳ-đạt-ma Pháp uẩn túc luận, quyển 3, T26n1537, tr. 465a23.

421 Diệu trí kiến = A-la-hán đạo trí.

422 Bốn chứng tịnh 四證淨: Cũng nói là bốn bất hoại tín 四不壞信, cũng nói là bốn bất động tín 四不動信 hay bốn Dự lưu chi 四預流支: tín Phật, tín Pháp, tín Tăng, tín Thánh giới. Trường A-hàm, kinh Du hành: “*Này A-nan! Pháp kính là, Thánh đệ tử đã đạt được bất hoại tín. Hoan hỷ tín Phật là Đức Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, mười đức hiệu đầy đủ. Hoan hỷ tín Pháp là giáo pháp chân chính vi diệu, Phật tự ý nói ra, không cuộc hạn thời tiết, dạy bày con đường đi đến Niết-bàn; được thực hành bởi kẻ trí. Hoan hỷ tín Tăng là chúng khéo hòa đồng, sở hành chất trực không dối trá và chứng thành đạo quả, trên dưới thuận hòa, đầy đủ pháp thân, hoặc có người đang hướng tới Tu-đà-hoàn và được quả Tu-đà-hoàn, có người đang hướng tới Tu-đà-hàm và được quả Tu-đà-hàm, có người đang hướng tới A-na-hàm và được quả A-na-hàm, có người đang hướng tới A-la-hán và được quả A-la-hán. Ấy là bốn đời tám bậc, chứng Hiển thánh của Như Lai, xứng đáng được cung kính, làm ruộng phước cho đời. Tín giới của Hiền thánh là thanh tịnh, không nhớ, không bị sút mẻ, không rõ*



1. *Phật chứng tịnh*: Vị đã kiến đế, đối với đức Như lai, khéo trú đức tin xuất thế gian, và sau khi có được [đức tin ấy], khéo trú đức tin thế gian.

2. *Pháp chứng tịnh*: Vị đã kiến đế, đối với chánh pháp, khéo trú đức tin xuất thế gian, và sau khi có được [đức tin ấy], khéo trú đức tin thế gian.

3. *Tăng chứng tịnh*: Vị đã kiến đế, đối với chư Tăng, khéo trú đức tin xuất thế gian, và sau khi có được [đức tin ấy], khéo trú đức tin thế gian.

4. *Thánh sở ái giới chứng tịnh*: Vị đã kiến đế, đối với sự quyết định có được luật nghi bất tác⁴²³ và thánh sở ái giới⁴²⁴, khéo trú đức tin xuất thế gian, và sau khi có được [đức tin ấy], khéo trú đức tin thế gian.

[496a10] **Quả**: Là bốn quả sa-môn, trong kinh có nói rộng.⁴²⁵

1. *Quả sa-môn Dự lưu*: Nếu *tùy thắng nhiếp*⁴²⁶ thì ba kết vĩnh đoạn, là thân kiến, giới cấm thủ và nghi. Nếu *nhiếp toàn phần* thì tất cả *kiến đạo sở đoạn phiền não*⁴²⁷ vĩnh viễn được đoạn trừ. Do sự đoạn ấy mà được quả Dự lưu, không còn đọa lạc, hoặc là *bậc cực thất phần*, hoặc là *bậc gia gia*.

2. *Quả sa-môn Nhất lai*: Nếu *nhiếp tùy thắng* thì ba kết vĩnh

rĩ, được các bậc minh triết tu theo mà chứng đến tam muội tam-muội định vậy.” (Thích Tuệ Sĩ dịch)

423 Luật nghi bất tác: Đối với tà hạnh thì Thánh giả đều đắc được loại luật nghi bất tác, có nghĩa là họ đã đắc được sự xa lìa vĩnh viễn tà hạnh.

424 Thánh sở ái giới, hay thánh ái giới, giới được các Thánh hiền hâm mộ.

425 Tạp A-hàm, kinh Bốn quả, số 1129

426 Tùy thắng nhiếp: Phiền não nào nổi trội, thô thiển, dễ hàng phục thì đoạn trừ trước.

427 Kiến đạo sở đoạn phiền não: Còn gọi là kiến đạo sở đoạn hoặc, gọi tắt là kiến hoặc, cũng gọi là Kiến phiền não, Kiến chướng. Chỉ cho những phiền não được đoạn diệt khi tiến lên giai vị Kiến đạo, tức là khi thấy chân lý, thấy từ đề thì những phiền não này được đoạn trừ. Gồm 10 thứ: thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến (Ngũ lợi sử), tham, sân, si, mạn, nghi (Ngũ độn sử).



đoạn, làm mỏng nhẹ tham, sân, si. Nếu *niếp toàn phần* thì tất cả *kiến đạo sở đoạn phiền não* vĩnh viễn được đoạn trừ, và Dục giới hệ, *tu đạo sở đoạn phiền não thượng phẩm và trung phẩm* vĩnh viễn được đoạn trừ. Do sự đoạn ấy mà được quả Nhất lai, hoặc là bậc *Nhất gián*.

3. *Quả sa-môn Bất hoàn*: Nếu *niếp tùy thắng* thì *ngũ thuận hạ phần kết* vĩnh đoạn, đó là: thân kiến, giới cầm thủ, nghi, tham dục và sân khuê. Nếu *niếp toàn phần* thì tất cả *kiến đạo sở đoạn phiền não* vĩnh viễn được đoạn trừ, và Dục giới hệ, *tu đạo sở đoạn phiền não* vĩnh viễn được đoạn trừ; hoặc Sắc giới hệ, *phiền não* vĩnh đoạn; hoặc Vô sắc giới, một phần *phiền não* vĩnh đoạn. Do sự đoạn ấy mà được quả Bất hoàn, hoặc là bậc *trung gian tịch diệt*, hoặc là bậc *sinh tịch diệt*, hoặc là bậc *vô hành tịch diệt*, hoặc là bậc *hữu hành tịch diệt*, hoặc là bậc *thượng lưu*.

4. *Quả sa-môn A-la-hán*: Nếu *niếp tùy thắng* thì tham dục, sân, si vĩnh đoạn, không còn dư tàn. Nếu *niếp toàn phần* thì tất cả *kiến tu sở đoạn phiền não* vĩnh viễn đoạn, không còn dư tàn. Do sự đoạn ấy mà được quả A-la-hán, các lậu vĩnh tận. Cho đến nói rộng về sáu bậc A-la-hán⁴²⁸ hằng an trú pháp.

Giới: Là ba loại giới, trong kinh có nói rộng.

1. *Đoạn giới*: *Đoạn chư hành*⁴²⁹ ở *kiến đạo sở đoạn*.

2. *Ly giới*: *Ly chư hành* ở *tu đạo sở đoạn*.⁴³⁰

428 Sáu bậc A-la-hán: Thối pháp, Tư pháp, Hộ pháp, Trú bất động (An trú pháp), Kham năng thông đạt (Kham đạt pháp) và Bất động pháp. Xem ở luận này.

429 Chư hành: Hiện tượng chuyển biến, có 2: nội pháp và ngoại pháp. Chư hành thuộc nội pháp: chỉ cho tâm, tâm sở và sắc trong nội thân, tức thân tâm. Chư hành thuộc ngoại pháp: chỉ cho các hành phi tâm sở, tương ưng hành không tương ưng tâm, sáu ngoại xứ và vô biểu sắc, tức thế giới của thân tâm.

430 Ly giới 離界: Còn gọi là Vô dục giới 無欲界.



3. *Diệt giới*: Diệt *sở y* và *sở nhiếp*⁴³¹ của *chư hành*.

[496b01] **Bồ-đề**: Là ba loại bồ-đề, trong kinh có nói rộng.

1. *Thanh văn bồ-đề*: Là chuyển y của Thanh văn thừa để đạt được *tịch diệt* và đi tới *tịch diệt đạo*.⁴³²

2. *Độc giác bồ-đề*: Là chuyển y của Độc giác thừa để đạt được *tịch diệt* và đi tới *tịch diệt đạo*.

3. *Vô thượng chánh đẳng bồ-đề*: Là chuyển y của Đại thừa để đạt được *tịch diệt* và đi tới *tịch diệt đạo*, đồng thời hành đạo vì lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình.

Vô học: Là mười pháp vô học, trong kinh có nói rộng⁴³³.

1. *Vô học chánh kiến*: Bậc A-la-hán đối với khổ tư duy khổ, đối với tập tư duy tập, đối với diệt tư duy diệt, đối với đạo tư duy đạo, trạch pháp, cực giản trạch v.v... tương ưng với tác ý vô lậu.

Như vô học chánh kiến⁴³⁴, nên biết về:

2. *Vô học chánh tư duy*, cho đến 8. *Vô học chánh tam-ma-địa*.

9. *Vô học chánh giải thoát*: Liả tất cả *phiền não thô trọng*, liả *phiền não chướng trên tâm vô học*, thích hợp pháp kham nhiệm.

431 Sở y sở nhiếp là tánh vô thường, khổ não, vô ngã của các pháp hữu lậu. Dứt bật các pháp chuyển biến toàn không cố định (vô thường) và các pháp tổ hợp toàn không cá thể (vô ngã), là niết bàn tịch tịnh. Diệt giới bao gồm 2 giới: hữu dư y niết bàn giới và vô dư y niết bàn giới.

432 Chuyển y: chuyển bỏ 2 trọng chướng (phiền não chướng và sở tri chướng) mà chuyển được 2 đại quả là: đại niết bàn và đại bồ-đề. Hiển dương, quyển 16: "Chuyển y của Thanh văn, nên biết, có 2 thứ: 1. Đi tới tịch diệt (niết bàn); 2. Đi tới bồ-đề." Tịch diệt đạo = bồ-đề. Bồ-đề (Bodhi), có khi dịch là đạo, có khi dịch là giác. Bồ-đề mà dịch là đạo, là lấy ý nghĩa đức lý, chỉ cho chân tánh bồ-đề, tức bản thể bất sinh bất diệt của chân như.

433 Trường A-hàm, kinh Thập thượng: "Thế nào là mười vô học pháp? Vô học chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí."

434 Xem Trung A-hàm, kinh Phân biệt Thánh đế, số 31.



10. *Vô học chánh trí*: Là tận trí⁴³⁵ và vô sinh trí⁴³⁶ của bậc A-la-hán.

[496b13] **Do tự số**: Nên biết, các quả đã nói ở trước, mỗi quả do tự số sai biệt.

Lại nữa, kệ tụng:

Đoạn nhiều nhân nên đoạn

Từ đâu thiết lập đoạn

Do tác ý, y, tu

Được đoạn theo thứ tự. (kệ 12)

[496b17] Luận giải: Đoạn nhiều nhân nên đoạn: Đoạn quả có nhiều nhân nên phiền não đoạn, nghĩa là do bốn thứ nhân nên các phiền não đoạn: 1. Vì diệt y chỉ; 2. Vì chuyển y chỉ; 3. Vì biến trí sở duyên; 4. Vì hỷ lạc sở duyên.⁴³⁷

Lại có năm nhân đoạn các phiền não: 1. Biết bản chất của phiền não; 2. Biết nguyên nhân của phiền não; 3. Biết tội lỗi của phiền não; 4. Tránh các duyên sinh phiền não; 5. Tu đối trị phiền não bằng tác ý chánh pháp.

Lại có bốn nhân khiến phiền não đã đoạn: 1. Y vô dư mà diệt;

435 Tận trí: Trí khởi lên đầu tiên của bậc vô học, vì với bậc Thánh vô học còn được xưng là việc cần làm đã làm xong (sở tác dĩ biện) tức là làm xong việc biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo, và tất cả sự nghiệp cần làm để đưa đến giải thoát đạo.

436 Vô sinh trí: Do nhân viên mãn lập ra vô sinh trí, vì vô sinh trí là tột đỉnh trong tất cả trí, nó cũng đồng loại với tất cả Thánh đạo, gồm kiến đạo, tu đạo, vô học đạo, tận trí mà được phát sinh. Tận trí phát sinh, tuy lấy Thánh đạo gồm kiến đạo, tu đạo làm nhân, nhưng chưa lấy vô học làm nhân, nên với tận trí không gọi là do nhân viên mãn. Vô sinh trí lấy cả vô học Thánh đạo làm nhân nên gọi là do nhân viên mãn, tức do vô học Thánh đạo là cái nhân viên mãn cho vô sinh trí được phát sinh. Xem định nghĩa tận trí và Vô sinh trí ở luận này, tr. [489c22].

437 Diệt y chỉ: Lấy sự diệt ác pháp làm y chỉ. Chuyển y chỉ: Lấy sự sinh thiện pháp làm y chỉ. Biến trí sở duyên (cái biết về sở duyên): Các phiền não duyên vào giới địa mà chúng hệ thuộc, được đoạn trừ bởi kiến khổ tập. Hỷ lạc sở duyên: Hỷ lạc trong diệt đạo.



2. Y vô dư mà chuyển; 3. Đối trị bằng sự tu vô dư; 4. Tâm vô dư mà giải thoát.⁴³⁸

[496b24] **Thiết lập đoạn từ đâu**: Đoạn phiền não từ cảnh sở duyên. Nơi cảnh sở duyên mà đoạn hết phiền não thì không còn bị trôi buộc. Các pháp tương ưng⁴³⁹ cũng theo đó mà đoạn. Có thể đoạn sự vĩnh hại thô trọng của phiền não hiện tại và vị lai, gọi là *phiền não đoạn*.

Do tác ý: Do tổng duyên đủ tứ đế mà tu tác ý⁴⁴⁰ để đoạn các phiền não.

Do y: Do y chỉ bảy y định để đoạn các phiền não, nghĩa là từ sơ tĩnh lự cho đến tĩnh lự thứ bảy là Vô sở hữu xứ.⁴⁴¹

Do tu: Là tu bốn niệm trú và bốn chánh đoạn, cho đến tu tập tám Thánh đạo chi, để đoạn các phiền não.

[496c03] Được đoạn theo thứ tự: Các phiền não đoạn theo năm thứ tự: 1. Trước đoạn *kiến đạo sở đoạn phiền não*; 2. Sau đoạn *tu đạo sở đoạn phiền não*; 3. Trước dần dần điều phục các phiền não hiện

438 Khi vị A-la-hán đã diệt tận phiền não, chứng đắc niết bàn, nhưng thọ mạng chưa dứt, dòng tương tục của sắc thân bốn đại chủng chưa bị cắt đứt, thì gọi đó là niết bàn với sở y còn tồn tại (hữu dư, hay hữu dư y niết bàn). Khi A-la-hán xả bỏ thọ hành mà nhập niết bàn, bấy giờ gọi là vô dư y (hay vô dư) niết bàn.

439 Chỉ cho tùy phiền não.

440 Tác ý: Là 7 thứ tác ý: 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác ý thắng giải; 3. Tác ý viễn ly; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý gia hành cứu cánh; 7. Tác ý gia hành cứu cánh quả. Đây là tác ý căn bản. Ngoài ra còn có 40 tác ý: duyên pháp, duyên nghĩa, duyên thân, duyên thọ, duyên tâm, duyên pháp, thắng giải, chân thật, hữu học, vô học, phi học phi vô học, biến trí, chánh đoạn, dĩ đoạn, hữu phân biệt ảnh tượng sở duyên, vô phân biệt ảnh tượng sở duyên, sự biến tế sở duyên, sở tác thành tựu sở duyên, thắng giải tư trạch, tịch tịnh, nhất phần tu, cụ phần tu, vô gián, ân trọng, tùy thuận, đối trị, thuận thanh tịnh, thuận quán sát, lực lệ vận chuyển, hữu gián vận chuyển, hữu công dụng vận chuyển, tự nhiên vận chuyển, tư trạch, nội nhiếp, tịnh chướng, y chỉ thành tựu sở hành thanh tịnh, tha sở kiến lập, nội tăng thượng thủ, quảng đại và biến hành. (Du-già sư địa luận, quyển 30, tr. 332c03-c18)

441 Theo Tát-bà-đa bộ (Hữu bộ) thì có 9 y định: bốn thiền căn bản, vị chí định, trung gian định và 3 Vô sắc định. Đại thừa có 8 y định: cận phần định, bốn thiền căn bản, vị chí định, trung gian định và 3 Vô sắc định.



hành; 4. Về sau vĩnh đoạn tất cả phiền não; 5. Sau rốt vượt qua tất cả phiền não.

Lại nữa, kệ tụng:

Đoạn sai biệt nên biết

Đoạn hành tướng lợi ích

Cả hai như được nói

Đều nên biết nhiều thứ. (kệ 13)

[496c09] Luận giải: Đoạn sai biệt nên biết có nhiều thứ: Các *phiền não đoạn* có nhiều thứ sai biệt: có các triền đoạn, có tùy miên đoạn, có do thể gian đạo, có do xuất thể gian đạo, có do tác ý của Thanh văn thừa, có do tác ý của Độc giác thừa, có do tác ý của Bồ-tát thừa, có đoạn tạm thời, có đoạn hoàn toàn. Nên biết, các phiền não như vậy đoạn diệt có sai biệt.

[496c14] Đoạn hành tướng lợi ích cũng nên biết có nhiều thứ: Các *phiền não đoạn* có nhiều hành tướng lợi ích, trong kinh có nói rộng. Nghĩa là, [được quả Dự lưu] không còn thối đạo, nhất định đi tới bờ-đề; vì đến chánh pháp, đi đến chánh pháp, chứng giải chánh pháp, đắc chứng nguồn gốc, đắc chứng khắp nguồn gốc, thành tựu Thánh trí kiến. Không còn xét các pháp khổ, lạc, do tự tác, do tha tác hay do tự tha tác, và chẳng có hai thứ tự tha cộng tác, cũng không còn xét các pháp khổ, lạc, vô nhân mà sinh.⁴⁴² Không còn đoạn sinh mạng bằng

442 Tạng A-hàm, kinh A-chi-la, số 302: “A-chi-la Ca-diếp bạch Phật: - Bạch Cù-đàm, thế nào, khổ, lạc có phải do tự tác không? Phật đáp: - Nói khổ, lạc do tự tác, điều này Ta không khẳng định. Ca-diếp lại hỏi: - Bạch Cù-đàm, thế nào khổ, lạc là do người khác làm ra chăng? Phật bảo Ca-diếp: - Nói khổ do người khác làm ra, điều này Ta cũng không khẳng định. Ca-diếp lại hỏi: - Bạch Cù-đàm, thế nào, khổ, lạc do tự mình và người khác làm ra chăng? Phật bảo Ca-diếp: - Nói khổ do tự mình và người khác làm ra, điều này Ta cũng không khẳng định. Ca-diếp lại hỏi: - Bạch Cù-đàm, thế nào, khổ chẳng phải tự, chẳng phải tha, vô nhân tác chăng? Phật bảo Ca-diếp: - Khổ chẳng phải tự, chẳng phải tha, vô nhân tác, điều này Ta cũng không khẳng định. Ca-diếp hỏi: - Bạch Cù-đàm, thế nào, tôi hỏi khổ tự tác chăng? Ngài đáp không ký thuyết. Tôi hỏi khổ tha tác, tự tha tác chăng? Chẳng phải tự, tha, vô nhân tác chăng? Ngài



sinh, v.v... Không còn vượt phạm các học xứ. Không còn khởi năm nghiệp vô gián. Không còn cầu thỉnh chư sư ngoại đạo, cũng không coi họ là ruộng phước chân thật. Không còn chiêm ngưỡng, quán sát dung nhan các sa-môn, bà-la-môn ... tà chúng. Không còn sinh nghi hoặc đối với pháp ba đời. Không còn thọ sinh nghiệp báo lần thứ tám⁴⁴³ [ở Dục giới]. Như vậy chứng được quả A-la-hán, vĩnh tận các lậu, đã làm việc cần làm, việc cần làm đã làm xong, chứng sáu bậc A-la-hán⁴⁴⁴ hằng an trú pháp, nói rộng trong kinh, nghĩa là thành tựu sáu thứ tương tục trú pháp. Nếu mắt thấy sắc, tâm không ưu hỷ, xả niệm chánh tri. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, đến ý thức và pháp, tâm không ưu hỷ, xả niệm chánh tri. Các việc đã làm, đang làm, là vì lợi cho mình, vì lợi cho người, vì lợi ích chúng sinh, vì an vui chúng sinh, vì thương xót thể gian, vì chư thiên và nhân loại được nghĩa lợi lạc. Các phiền não như vậy vĩnh viễn đoạn trừ thì có nhiều hành tướng lợi ích, nên biết.

cũng đáp là không ký thuyết. Vậy, nay không có cái khổ này chăng? Phật bảo Ca-diếp: - Chẳng phải không có cái khổ này, mà thật có cái khổ này. Ca-diếp bạch Phật: - Lành thay, bạch Cù-đàm! Ngài nói có cái khổ này. Vậy xin vì tôi thuyết pháp khiến cho tôi biết khổ, thấy khổ. Phật bảo Ca-diếp: - Nếu thọ tức là tự cảm thọ, thì Ta mới có thể nói nói khổ do tự tạo. Nếu người khác thọ người khác tức là thọ giả, thì Ta nói là tha tạo. Nhưng nếu nói thọ, vừa tự thọ vừa cái khác cảm thọ rồi mang lại khổ, như thể thì tự làm vừa do người khác làm, nhưng Ta cũng chẳng nói như vậy. Hoặc chẳng phải nhân tự, tha, mà là vô nhân sanh ra khổ, Ta cũng chẳng nói như vậy. Như Lai thuyết pháp lìa hai bên này mà nói Trung đạo; tức là 'Cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi, nghĩa là duyên vô minh nên có hành, ... cho đến thuận một khối khổ lớn. Nếu vô minh diệt thì hành diệt, ... cho đến thuận một khối khổ lớn bị diệt.'"

443 Thánh giả Dự lưu thọ sinh tối đa 7 lần (cực thất phần).

444 Hiển dương, phẩm Nhiếp sự, phần 3, [494b09]: Sáu bậc A-la-hán: 1. Thối pháp; 2. Tư pháp; 3. Hộ pháp; 4. Trú bất động; 5. Kham năng thông đạt; 6. Bất động pháp.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Bốn

Phẩm Một

NHIẾP SỰ (Phần 4)

[497a11] Như vậy đã nói về **quả**, nay nói về các công đức.

Kệ tụng:

Vô lượng, các giải thoát

Thắng xứ và biến xứ

Vô tránh, diệu nguyện trí

Vô ngại giải, thần thông. (kệ 14)

[497a14] **Vô lượng:** Là bốn vô lượng, trong kinh có nói rộng.⁴⁴⁵

1. *Từ vô lượng:* Tâm câu hữu với từ, không oán, không ghét, không có tổn hại, quảng đại vô lượng, rất khéo tu tập, đối với một phương, như vậy tuần tự cho đến mười phương tất cả vô biên thế giới, ý giải biến mãn, an trú đầy đủ.

445 Trường bộ kinh, kinh Chuyển luân Thánh vương Sư tử hống, số 26: "Này các Tỷ kheo, thế nào là vị Tỷ kheo tài sản được tăng thịnh? Này các Tỷ kheo, ở đây, vị Tỷ kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết bảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân, với tâm câu hữu với từ... với tâm câu hữu với từ... Vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Này các Tỷ kheo, như vậy vị Tỷ kheo, tài sản được tăng thịnh." (HT. Thích Minh Châu dịch)



Tâm câu hữu với từ, là đối với chúng sinh không khổ không lạc⁴⁴⁶, muốn cho họ những thứ vui thú, tương ưng với tâm a-thế-da⁴⁴⁷.

Không oán, là tâm từ đối trị tham dục và sân hận⁴⁴⁸ mà tăng thêm nguyên nhân của khổ⁴⁴⁹.

Không ghét, là tâm từ đối trị sân hận mà chướng ngại sự phát sinh an lạc.

Không có tổn hại, là tâm từ đối trị tham dục và sân hận không đáng có.

Quảng, là sở hành tác ý⁴⁵⁰ của thấy.

Đại, là sở hành tác ý của nghe.

Vô lượng, là sở hành tác ý của hay và biết.⁴⁵¹

Rất khéo tu tập, là tu tập thuần thực những gì rời xa các triền cái.

Đối với một phương, như vậy tuần tự cho đến mười phương tất cả vô biên thế giới, là duyên khắp khí thể gian và hữu tình thể gian.

Ý giải, là duyên với cảnh giới ý giải tư duy⁴⁵².

Biến mãn, là duyên với cảnh giới hữu tình không có khoảng cách.

446 Ba thọ là khổ thọ, lạc thọ và không khổ không lạc thọ. Cõi Dục có đủ 3 thọ. Cõi Sắc có 2 là lạc thọ và không khổ không lạc thọ. Cõi Vô sắc chỉ có 1 là không khổ không lạc thọ. Do đó, chúng sinh không khổ không lạc có mặt trong ba cõi.

447 Tâm a-thế-da = ý lạc tăng thượng: ý lạc làm lợi ích yên vui cho chúng sinh.

448 Hiển dương: "Vô sân, tự thể của nó là tâm bi mãn, không tổn hại tâm hữu tình. Nghiệp dụng là đoạn chướng sân."

449 Khổ cụ 苦具: Nghiệp nhân của khổ. Sân hận vừa là khổ, vừa là nguyên nhân của khổ.

450 Sở hành tác ý: Môi trường tác ý, phạm vi tác ý.

451 Thấy, nghe, hay, biết (kiến, văn, giác, tri): 4 chữ bao gồm 6 thức: thấy là nhãn thức, nghe là nhĩ thức, hay là tỷ thức, thiết thức và thân thức, biết là ý thức.

452 Ý giải tư duy = tác ý tư duy.



An trú đầy đủ, như đã nói ở các tịnh lự.⁴⁵³

2. *Bi vô lượng*: Tâm câu hữu với bi, không oán, không ghét, không có tổn hại, quảng đại vô lượng, rất khéo tu tập, đối với một phương, như vậy tuần tự cho đến mười phương tất cả vô biên thế giới, ý giải biên mãn, an trú đầy đủ.

Tâm câu hữu với bi, là đối với chúng sinh có khổ⁴⁵⁴, muốn trừ bỏ nguyên nhân của khổ, tương ưng với tâm a-thế-da.

Không oán, là tâm bi đối trị sự tai hại của khổ.⁴⁵⁵

Không ghét, là tâm bi đối trị chướng ngại sự trừ khử tai hại của khổ.

Không có tổn hại, là tâm bi đối trị tham dục và cái tâm bất hỷ lạc không nên có⁴⁵⁶.

Ngoài ra như trên nói.

3. *Hỷ vô lượng*: Tâm câu hữu với hỷ, không oán, không ghét, không có tổn hại, quảng đại vô lượng, rất khéo tu tập, đối với một phương, như vậy tuần tự cho đến mười phương tất cả vô biên thế giới, ý giải biên mãn, an trú đầy đủ.

453 Chỉ cho Đệ tứ tĩnh lự, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi tưởng xứ. Nói chung là an trú trong định và tuệ; định tuệ làm tự thể.

454 Chúng sinh ở Dục giới.

455 Tạp A-hàm, kinh Thất xứ, số 42: “Tỳ-kheo, thế nào là bảy xứ thiện? Tỳ-kheo biết như thật về sắc; biết như thật về sự tập khởi của sắc, về sự tận diệt của sắc, về con đường đưa đến sự diệt tận của sắc, về vị ngọt của sắc, về sự tai hại của sắc, về sự xuất ly sắc. Cũng vậy, biết như thật về thọ, tưởng, hành, thức; biết như thật về sự tập khởi của thức, về sự tận diệt của thức, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức, về vị ngọt của thức, về sự tai hại của thức, về sự xuất ly của thức.” (Thích Đức Thắng dịch) Biết vị ngọt, biết sự tai hại, biết sự xuất ly, là một cách trình bày về nguyên nhân của khổ và sự chấm dứt của khổ.

456 Bất hỷ lạc: Rời xa ý lạc tăng thượng gọi là bất hỷ lạc. Bồ tát thì không nên có sự bất hỷ lạc như vậy. Nguyên do là thiếu tâm bi.



Tâm câu hữu với hỷ, là đối với chúng sinh có lạc⁴⁵⁷, tùy hỷ cái lạc của họ, tương ưng với tâm a-thế-da.

Không oán, là tâm hỷ đối trị tham dục, nguyên nhân của khổ và cái tâm bất hỷ lạc.

Không ghét, là tâm hỷ đối trị chướng ngại sự phát sinh an lạc và tâm bất hỷ lạc.

Không có tổn hại, là tâm hỷ đối trị tham dục và cái tâm bất hỷ lạc không nên có.

Ngoài ra như trên nói.

4. *Xả vô lượng*: Tâm câu hữu với xả, không oán, không ghét, không có tổn hại, quảng đại vô lượng, rất khéo tu tập, đối với một phương, như vậy tuần tự cho đến mười phương tất cả vô biên thế giới, ý giải biên mãn, an trú đầy đủ.

Tâm câu hữu với xả, là muốn làm cho tâm không nhiễm ô, tương ưng với tâm a-thế-da.

Không oán, là tâm xả đối trị tham và sân mà làm cho tâm nhiễm ô.

Không ghét, là tâm xả đối trị chướng ngại sự trừ khử tham và sân mà làm cho tâm nhiễm ô.

Không có tổn hại, là tâm xả đối trị sự điên đảo⁴⁵⁸, tâm không nhiễm ô bởi tham và sân⁴⁵⁹.

Ngoài ra như trên nói.

[497b13] Thể tánh của bốn vô lượng này như thế nào? Tâm từ

457 Chúng sinh ở Dục giới và Sắc giới.

458 Điên đảo là thiếu trí tuệ: không biết mình đang có các tâm cấu uế hay không biết mình đang không có tâm cấu uế.

459 Hướng tâm về vô tham, vô sân, vô si, và nuôi dưỡng tâm vô tham, vô sân, vô si.



lấy vô sân thiện căn làm thể; tâm bi lấy bất hại thiện căn làm thể; tâm hỷ lấy bất tật thiện căn làm thể; tâm xả lấy vô tham thiện căn và vô si thiện căn làm thể.⁴⁶⁰

Bốn vô lượng này đều là pháp thương xót chúng sinh, tuy nhiên, từ vô lượng chỉ có vô sân; bi vô lượng và hỷ vô lượng đều có một phần vô sân; xả vô lượng có vô tham và một phần vô sân. Lại nữa, đẳng trì⁴⁶¹, các tâm và tâm pháp tương ứng với bốn vô lượng; các quyền thuộc ấy đều là thể của bốn vô lượng. Nên biết, trước do sự tăng thượng pháp hành mà khéo tu đối trị nơi tâm, và sau dựa vào các tĩn lệ thanh tịnh, mới được [bốn] vô lượng thanh tịnh.

[497b21] **Các giải thoát:** Là tám giải thoát, trong kinh có nói rộng.⁴⁶²

1. *Hữu sắc chư sắc quán giải thoát:*⁴⁶³ *Hữu sắc*, là dựa vào định hữu sắc⁴⁶⁴ mà ý giải tư duy. *Chư sắc*, là các sắc trong [tám] thắng xứ⁴⁶⁵, [muốn hiểu] rộng thì tự mình phân biệt. *Quán*, là ở trong chư sắc làm

460 Vô tham, vô sân, vô si tức là siêu việt mọi hạn lượng, là sự giải thoát rốt ráo (bất động A-la-hán) của vị tỳ kheo lậu tận.

461 Đẳng trì: Định, chỉ cho xa-ma-tha (chỉ) và tỳ-bát-xá-na (quán).

462 Tám giải thoát: 1. Tự mình có sắc, thấy các sắc; 2. Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; 3. Quán tưởng sắc là tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; 4. Vượt khỏi hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ các tướng hữu đối, không tác ý đến những tướng khác biệt, với suy tư «hư không là vô biên», chứng và trú Không vô biên xứ; 5. Vượt khỏi hoàn toàn Không vô biên xứ, với suy tư «thức là vô biên», chứng và trú Thức vô biên xứ; 6. Vượt khỏi hoàn toàn Thức vô biên xứ, với suy tư «không có vật gì», chứng và trú Vô sở hữu xứ; 7. Vượt khỏi hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ; 8. Vượt khỏi hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứng và trú Diệt thọ tưởng; đó là sự giải thoát thứ tám. Xem Trung A-hàm, kinh Đại nhân, số 97.

463 Du-già sư địa luận: “Hữu sắc quán chư sắc giải thoát”.

464 Định hữu sắc: Bốn định hữu sắc hay tứ thiền.

465 Tám thắng xứ: 1. Bên trong có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ; 2. Bên trong có sắc tưởng, bên ngoài quán sắc vô lượng; 3. Bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc lượng nhỏ; 4. Bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc vô lượng; 5. Bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc xanh; 6. Bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc vàng; 7. Bên trong không sắc tưởng, bên ngoài quán sắc đỏ; 8. Bên trong tưởng sắc tưởng, bên ngoài quán sắc trắng. Nói chung, chư sắc là các sắc ở trong và các sắc ở ngoài.



sự biến hóa tự tại⁴⁶⁶, ý giải tư duy, hiển thị ẩn tượng của chúng.

2. *Nội vô sắc tưởng, ngoại chư sắc quán giải thoát:*⁴⁶⁷ *Nội vô sắc tưởng*, là dựa vào định Vô sắc⁴⁶⁸ mà ý giải tư duy. *Ngoại*, là trừ [sắc] của các căn: mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, ý giải tư duy sắc còn lại⁴⁶⁹. *Chư sắc quán*, như trước giải thích.

3. *Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trú giải thoát:* *Tịnh*, là nhất hướng ý giải tư duy các sắc tịnh diệu, để được tăng thượng an lạc trú. *Giải thoát*, là giải thoát tịnh sắc và bất tịnh sắc mà có công dụng làm chướng ngại tâm⁴⁷⁰. *Thân*, là ý thân⁴⁷¹. *Tác chứng*, là do trí đoạn [phiền não] mà được tác chứng. *Cụ túc trú*, như trước đã nói⁴⁷².

4. *Vô biên hư không xứ giải thoát:* Sự giải thoát nơi vô sắc đã được nói ở trên. Ở đây có sai biệt, vì muốn được các thứ thân nghiệp tự tại và vì giải thoát các chướng ngại thân nghiệp tự tại, lại từ bỏ ánh sáng đủ màu, tác ý *hư không là vô biên* mà ý giải tư duy.

5. *Vô biên thức xứ giải thoát:* Vì muốn phát khởi các công đức như Thánh thần thông, vô tránh, nguyện trí, vô ngại biện, v.v., lại vì chúng đắc tâm tự tại để trợ giúp phát khởi các công đức ấy, lại vì giải thoát các chướng ngại tâm tự tại, lại tác ý *thức là vô biên* mà ý giải tư duy.

466 Biến hóa tự tại: Muốn gì cũng biến hóa được. Thần thông có ra từ định.

467 Du-già sư địa luận: “Nội vô sắc tưởng quán ngoại chư sắc giải thoát”.

468 Định vô sắc: Bốn bậc thiền vô sắc.

469 Ngoại sắc là sắc, thanh, hương, vị, xúc.

470 Tịnh sắc và bất tịnh sắc triển chuyển biến hóa làm sinh khởi phiền não chướng.

471 Ý thân: Chỉ cho ý sinh thân, thân do ý sinh, tạo nên bởi tâm thức, nên không bị ngăn ngại (không như sắc thân kết hợp bằng bốn đại); là thân do nhập pháp lạc tam muội mà thành.

472 Cụ túc trú: An trú đầy đủ 4 tịnh xứ: Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ.



6. *Vô sở hữu xứ giải thoát*: Hành giả làm những phương tiện để phát khởi các công đức như vậy, đã làm cho đệ tử tinh lực sinh khởi, ở ngay hiện tại phát sinh các công đức, vì muốn chứng đắc trú tự tại nơi tối thắng vô lậu, lại vì giải thoát các chướng ngại trú tự tại, lại tác ý *vô sở hữu* mà ý giải tư duy.

7. *Phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát*: Vì muốn chứng đắc hữu trú tự tại tối đệ nhất, lại vì giải thoát các chướng ngại hữu trú tự tại, lại tác ý *phi tướng phi phi tướng* mà ý giải tư duy.

8. *Tướng thọ diệt giải thoát*:⁴⁷³ Vì muốn chứng đắc trú tự tại tối thắng tịch tĩnh, lại vì giải thoát các chướng ngại trú tự tại, lại từ *phi tướng phi phi tướng xứ* mà tâm phan duyên và hơi thở ra vào tới ngưng đều bị diệt trừ.⁴⁷⁴

[497c19] **Thắng xứ**: Là tám thắng xứ⁴⁷⁵, trong kinh có nói rộng.

1. *Trong có sắc tướng, ngoài quán các sắc ít, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc kém hoặc hơn; đối với các sắc ấy, thắng tri, thắng kiến các sắc ấy; được tướng như vậy gọi là thắng xứ đầu tiên.*

Trong có sắc tướng: Đã nói trong các giải thoát.

Ngoài: Là trừ [sắc] của các căn: mắt, tai, mũi, lưỡi và thân, hiển thị các sắc còn lại.

473 Du-già sư địa luận: “Tướng thọ diệt thân tác chứng cụ túc trú giải thoát”.

474 Trường A-hàm, kinh Thập thượng, số 10: “Thế nào là chín chứng pháp? Đó là chín tận: Nếu nhập Sơ thiên, thì gai nhọn là âm thanh bị diệt trừ. Nhập đệ Nhị thiên, thì gai nhọn là giác và quán bị diệt trừ. Nhập đệ Tam thiên, thì gai nhọn là hỷ bị diệt trừ. Nhập đệ Tứ thiên, thì gai nhọn là hơi thở ra vào bị diệt trừ. Nhập không xứ thì gai nhọn là sắc tướng bị diệt trừ. Nhập thức xứ thì gai nhọn là không tướng bị diệt trừ. Nhập bất dụng xứ thì gai nhọn là thức tướng bị diệt trừ. Nhập hữu tướng vô tướng xứ thì gai nhọn là bất dụng tướng bị diệt trừ. Nhập diệt tận định thì gai nhọn là tướng và thọ bị diệt trừ.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

475 Luận Đại trí độ, quyển 21: “Thắng xứ là hành giả ở trong quán môn bất tịnh, dù có các kiết sử dâm dục, sân thù đến đến đều không theo nó, ấy gọi là thắng xứ, vì là thắng các giặc phiền não đối với bất tịnh mà điên đảo cho tịnh.” (HT. Thích Thiện Siêu dịch)



Quán các sắc: Như trên đã nói.

Ít: Ý giải tư duy về sắc thuộc đồ dùng để sống⁴⁷⁶.

Hoặc tốt hoặc xấu: Ý giải tư duy về tịnh sắc và bất tịnh sắc mà thuộc về sắc pháp.

Hoặc kém hoặc hơn: Ý giải tư duy về tịnh và bất tịnh của thanh, hương, vị, xúc mà thuộc về sắc pháp.

Đối với các sắc ấy: Tác ý tư duy về năng trị và sở trị, chướng ngại công dụng không bị nào hại.

Thắng tri: Sử dụng con đường xa-ma-tha.

Thắng kiến: Sử dụng con đường tỳ-bát-xá-na.

Được tướng như vậy: Đối với [sắc] quả thật tốt và hơn thì biết quả thật tốt và hơn, không có mạn tướng⁴⁷⁷, và đối với [sắc] quả thật không tốt và không hơn thì biết quả thật không tốt và không hơn, không có mạn tướng.

2. *Trong có sắc tướng, ngoài quán các sắc nhiều, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc kém hoặc hơn; đối với các sắc ấy, thắng tri, thắng kiến các sắc ấy; được tướng như vậy gọi là thắng xứ thứ hai*

Trong có sắc tướng, ngoài quán các sắc: Như trên có nói.

Nhiều: Tư duy sắc biến được hiển thị bởi hữu tình thế gian và khí thế gian.

Ngoài ra, như trên có nói.

3. *Trong không sắc tướng, ngoài quán các sắc ít, hoặc tốt hoặc*

476 Hiển dương, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, tr. [803c19]: “Tư cụ sắc: Là mười loại nhu yếu đời sống: 1. Âm thực; 2. Y phục và trang sức; 3. Đồ dùng; 4. Vui chơi; 5. Đánh trống nhảy múa; 6. Ca ngâm; 7. Âm nhạc; 8. Trang điểm vòng hoa, hương thơm; 9. Đèn sáng; 10. Trai gái phục dịch.”

477 Mạn tướng: Ý tướng phân biệt, so sánh hơn thua, tốt xấu.



xấu, hoặc kém hoặc hơn; đối với các sắc ấy, thắng tri, thắng kiến các sắc ấy; được tướng như vậy gọi là thắng xứ thứ ba.

4. Trong không sắc tướng, ngoài quán các sắc nhiều, hoặc tốt hoặc xấu, hoặc kém hoặc hơn; đối với các sắc ấy, thắng tri, thắng kiến các sắc ấy; được tướng như vậy gọi là thắng xứ thứ ba.

Trong không sắc tướng thì quán ít hay quán nhiều cũng như nhau.

5. Trong không sắc tướng, ngoài quán các sắc xanh, xanh rõ rệt, xanh thấy được, ánh lên màu xanh⁴⁷⁸, như hoa ô-mạc-ca, như [người] xứ Bà-la-ni-tư⁴⁷⁹ nhuộm áo màu xanh; đối với các sắc ấy, thắng tri, thắng kiến các sắc ấy; được tướng như vậy gọi là thắng xứ thứ năm.

6. Trong không sắc tướng, ngoài quán các sắc vàng, vàng rõ rệt, vàng thấy được, ánh lên màu vàng, như hoa yết-ni-ca-la, như [người] xứ Bà-la-ni-tư nhuộm áo màu vàng; đối với các sắc ấy, thắng tri, thắng kiến các sắc ấy; được tướng như vậy gọi là thắng xứ thứ sáu.

7. Trong không sắc tướng, ngoài quán các sắc đỏ, đỏ rõ rệt, đỏ thấy được, ánh lên màu đỏ, như hoa bàn-đâu-thời-phược-ca, như [người] xứ Bà-la-ni-tư nhuộm áo màu đỏ; đối với các sắc ấy, thắng tri, thắng kiến các sắc ấy; được tướng như vậy gọi là thắng xứ thứ bảy.

8. Trong không sắc tướng, ngoài quán các sắc trắng, trắng rõ rệt, trắng thấy được, ánh lên màu trắng, như ngôi sao ô-xa-na, như [người] xứ Bà-la-ni-tư tẩy áo màu trắng; đối với các sắc ấy, thắng tri, thắng kiến các sắc ấy; được tướng như vậy gọi là thắng xứ thứ tám.

478 Thanh, thanh hiển, thanh khả kiến, thanh quang 青,青顯,青可見,青光.

479 Bà-la-ni-tư 婆羅痾斯: Còn gọi là Ca thi quốc (S. Kāzi), tên một nước xưa ở trung Ấn Độ, một trong 16 nước lớn ở thời đại đức Phật. Ca thi vốn là tên giống tre ở Tây vực, vì nước này sản xuất nhiều tre nên gọi là Ca thi. Cũng gọi Già thi quốc, Già sĩ quốc, Ca đi quốc, Ca xá quốc, Già xa quốc. Dịch ý là nước cây lau. Nước này ở phía bắc nước Kiêu tát la, thủ đô là Bārājasi, tức là Varanasi hiện nay, Thánh địa của Phật giáo và Bà la môn giáo. Trong Đại đường Tây vực ký, Ca thi quốc được gọi là Bà-la-ni-tư quốc.



Xanh: Là câu tổng quát.

Xanh rõ rệt: Là màu xanh câu sinh.

Xanh thấy được: Là do hòa hợp mà thành xanh.

Ánh lên màu xanh: Là hai thứ xanh trên toát ra ánh sáng xanh trong sạch.

Như màu xanh, vàng, đỏ, trắng cũng giải thích như vậy. Nói rộng nên biết, ngoài ra như trên có nói.

Ở trong một thắng xứ nêu hai thí dụ là để hiển thị hai thứ sắc: câu sinh và hòa hợp.

Tám thắng xứ này cùng tu với ba thứ giải thoát duyên sắc⁴⁸⁰ mà làm sở y chỉ. Bốn thắng xứ sau, ý giải tư duy sắc của Dục giới thiên và sắc của Sắc giới. Lại nữa, các thắng xứ này để đối trị tác ý tư duy về chủng tử tùy trực⁴⁸¹ ở hạ địa⁴⁸², chẳng phải để đối trị tác ý tư duy về sở trị ở tự địa⁴⁸³.

Biến xứ: Là mười biến xứ, trong kinh có nói rộng.

Biến xứ đất, một [quán tướng] có thể hiểu rõ trên dưới và các bên thì không có hai, [mà là] vô lượng. Như vậy, biến xứ nước, biến xứ lửa, biến xứ gió, biến xứ màu xanh, biến xứ màu vàng, biến xứ màu đỏ, biến xứ màu trắng, biến xứ hư không, biến xứ thức, một [quán tướng] có thể hiểu rõ trên dưới và các bên thì không có hai, [mà là] vô lượng.

Biến xứ đất: Do sắc sở y biến mãn, nên sắc năng y cũng biến mãn, cả hai đều tăng trưởng.

480 Ba giải thoát đầu trong 8 giải thoát.

481 Chủng tử tùy trực = chủng tử tùy miên. Tùy miên là tùy từng miên phục, chỉ cho 6 phiền não căn bản. Câu xá luận, quyển 22, định nghĩa: vi tế, tùy tăng và tùy trực (hay tùy phược). (tr. 108a21)

482 Hạ địa: Giới địa thấp hơn.

483 Tự địa = bản địa: Giới địa bản thân.



Một [quán tưởng] có thể hiểu rõ: Là có thể chứng nghiệm [biệt] quán bồ-đặc-già-la này.

Trên dưới và các bên: Là biến mãn các phương và bốn hướng.

Không có hai: Là rời xa các giới, và hiển sắc thuần nhất biến mãn.

Vô lượng: Là không có hạn giới sai biệt, sắc thái biến mãn.

Như biến xứ đất, các biến xứ nước, lửa, gió, màu xanh, màu vàng, màu đỏ và màu trắng cũng lại như vậy, theo đó tương ứng.

Biến xứ hư không: Là để đối trị tất cả sắc tướng⁴⁸⁴, tác ý tư duy [hư không] biến mãn. Ngoài ra như trên nói.

Biến xứ thức: Là [sự quán] duyên vô lượng thức, tác ý tư duy [thức] biến mãn. Ngoài ra như trên nói.

[498b02] Ở đây, do ba giải thoát mà được *thắng định tự tại*⁴⁸⁵; do đã được thắng định tự tại nên mới có thể nói *thắng sắc tự tại* được thành tựu cực độ.⁴⁸⁶ Thức [vô biên] xứ trở lên không có biến mãn⁴⁸⁷. [Tác ý vô lượng] và sở duyên vô lượng nên rời xa hình đoạn làm y chỉ cho sự phân biệt. Nên biết, [tám] thắng xứ cùng với [mười] biến xứ đều là các giải thoát có năng lực dẫn đến thanh tịnh đạo. Do các thắng xứ là thắng sở duyên, do các biến xứ là sở duyên biến mãn, [nên sự quán] có năng lực làm cho giải thoát và thanh tịnh.

[498b08] **Vô tránh:** Là khả năng thủ hộ hoạt động thiền não của người khác, được dẫn nhiếp bởi *trí vô si kiến tánh*, và vô tránh tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp. Nhờ hạnh này mà hành nhiều sở hành.

484 Tất cả sắc tướng nương tứ đại, và tứ đại nương hư không mà rộng lớn.

485 Chánh văn ghi là thắng sắc tự tại. Do chép lầm.

486 Thắng giải thoát làm nhân, thắng xứ làm quả.

487 Vì Thức vô biên xứ có hành chuyển vô lượng, vô biên, biến mãn, nên từ Thức vô biên xứ trở lên không cần thiết lập thắng xứ và biến xứ.



[498b11] **Diệu nguyện trí:** Là [nguyện trí] đối với tam thể [pháp] và phi thể [pháp]⁴⁸⁸ mà nhiếp trong các pháp sở tri, như thật liễu tri chúng không sót, được dẫn nhiếp bởi *trí vô si kiến tánh*, và nguyện trí tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp. Nhờ hạnh này mà hành nhiều sở hành.

[498b14] **Vô ngại giải:** Là bốn vô ngại giải, trong kinh có nói rộng.⁴⁸⁹

1. *Pháp vô ngại giải:* Là nơi tên gọi sai biệt của nhất thiết chủng và nhất thiết pháp, như thật giác ngộ, được dẫn nhiếp bởi *trí vô si kiến tánh*, và pháp vô ngại giải tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp.

2. *Nghĩa vô ngại giải:* Là nơi mọi sắc thái của nhất thiết chủng và nhất thiết pháp⁴⁹⁰, như thật giác ngộ, được dẫn nhiếp bởi *trí vô si*

488 Bốn trí: pháp trí, tỷ trí, đẳng trí và tha tâm trí; 3 trí đầu duyên tam thể (quá khứ, hiện tại, vị lai) và phi thể, trí sau cùng duyên quá khứ. Bốn trí: khổ trí, tập trí, đạo trí và diệt trí; 3 trí đầu duyên tam thể, trí sau cùng duyên phi thể. Ba giải thoát môn: Không tam muội duyên tam thể và phi thể, vô nguyện tam muội duyên tam thể, vô tướng tam muội duyên phi thể.

489 Vô ngại giải, Du-già sư địa luận, quyển 45, tr. 539b4: “1. Trí không thối chuyển của Bồ tát, y chỉ trên tu mà được tác thành, không bị trệ ngại, trong hết thầy dị môn của hết thầy pháp. Đó là pháp vô ngại giải của Bồ tát. 2. Trí không thối chuyển của Bồ tát, y chỉ trên tu mà được tác thành, không bị trệ ngại, trong hết thầy dị biệt tướng của hết thầy pháp. Đó là nghĩa vô ngại biện của Bồ tát. 3. Trí không thối chuyển của Bồ tát, y chỉ trên tu mà được tác thành, không bị trệ ngại, trong tất cả sự huân thích từ của hết thầy pháp. Đó là từ vô ngại giải của Bồ tát. 4. Trí không thối chuyển của Bồ tát, y chỉ trên tu mà được tác thành, không bị trệ ngại, trong tất cả phân tích phẩm loại của hết thầy pháp. Đó là biện vô ngại giải của Bồ tát.” Đại thừa A-tỳ-đạt-ma Tập luận, quyển 7, tr. 691a27: “Bốn vô ngại giải: 1. Pháp vô ngại giải, y chỉ tĩnh lực, nơi danh sai biệt của tất cả pháp, hoàn toàn không bị trệ ngại, hoặc định hoặc tuệ, và các tâm, tâm sở tương ưng. 2. Nghĩa vô ngại, y chỉ tĩnh lực, nơi các tướng và ý thú, hoàn toàn không bị trệ ngại, hoặc định hoặc tuệ, và các tâm, tâm sở tương ưng. 3. Từ vô ngại, y chỉ tĩnh lực, nơi các phương ngôn âm và ngôn từ huân thích các pháp, hoàn toàn không bị trệ ngại, hoặc định hoặc tuệ, và các tâm, tâm sở tương ưng. 4. Biện vô ngại, y chỉ tĩnh lực, nơi sự sai biệt của các pháp, hoàn toàn không bị trệ ngại, hoặc định hoặc tuệ, và các tâm, tâm sở tương ưng.” Nhiếp đại thừa luận thích, No. 1598, quyển 7, tr. 424b21: “Do pháp vô ngại, tự tại hiểu rõ tất cả pháp cú. Do nghĩa vô ngại, tự tại thông suốt hết thầy nghĩa lý. Do từ vô ngại, tự tại phân biệt hết thầy ngôn từ. Do biện vô ngại, khắp trong mười phương tùy chỗ thích nghi tự tại biện thuyết.”

490 Luận Đại trí độ, quyển 11, tr. 137c28: “Hỏi: Sao gọi là nhất thiết chủng? Sao gọi là nhất thiết pháp?”

Đáp: Cửa trí tuệ gọi là chủng. Có người do một cửa trí tuệ để quán, có người do hai, ba, mười, trăm, ngàn, vạn cho đến hàng hà sa A-tăng-kỳ cửa trí tuệ để quán các pháp. Nay do nhất thiết cửa trí mà vào nhất thiết chủng loại, quán nhất thiết pháp, cho nên gọi là Nhất thiết chủng. Như người phạm phu có ba thứ quán. Muốn cầu lìa dục, sắc, nên quán Dục giới, Sắc giới là thô ác, đối hoặc, ô



kiến tánh, và nghĩa vô ngại giải tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp.

3. *Huẩn từ vô ngại giải*: Là nơi sự huấn thích từ ngữ của nhất thiết chủng và nhất thiết pháp, như thật giác ngộ, được dẫn nhiếp bởi

trực, nặng nề. Còn Phật đệ tử thì có 8 thứ quán là, quán vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung nhọt, như mũi tên cắm vào thân, bức não hoạn nạn. Tám thứ Thánh quán ấy vào trong bốn Thánh đế trở thành bốn hành tướng trong mười sáu hành tướng.

Mười sáu hành tướng là: Quán Khổ để có bốn hành tướng: Vô thường, khổ, không, vô ngã. Quán khổ nhân (Tập đế) có bốn hành tướng: Tập, nhân, duyên, sanh. Quán khổ tận (Diệt đế) có bốn hành tướng: Tận, diệt, diệu, xuất. Quán đạo để có bốn hành tướng: Đạo, chánh, hành, tích (đầu).

Trong phép quán hơi thở ra vào lại có mười sáu hành tướng: 1. Quán hơi thở vào, 2. Quán hơi thở ra, 3. Quán hơi thở dài, thở ngắn, 4. Quán hơi thở chạy khắp thân, 5. Trừ các thân hành (hơi thở), 6. Thọ hỷ, 7. Thọ lạc, 8. Thọ các tâm hành, 9. Khởi tâm mừng, 10. Tâm khởi thu nhiếp, 11. Tâm khởi giải thoát, 12. Quán vô thường, 13. Quán rã hoại, 14. Quán lia dục, 15. Quán diệt, 16. Quán vứt bỏ. Lại có sáu niệm: Niệm Phật là niệm đức Phật là đáng Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác. Như vậy đủ mười hiệu, năm niệm khác như sau sẽ nói.

Thế trí, xuất thế trí, A-la-hán, Bích-chi Phật, Bồ-tát, Phật trí. Trí tuệ như vậy biết rõ các pháp gọi là Nhất thiết chủng.

Nhất thiết pháp là: Pháp của thức duyên, là Nhất thiết pháp. Đó là nhãn thức duyên sắc, nhĩ thức duyên tiếng, tỷ thức duyên mùi, thiệt thức duyên vị, thân thức duyên xúc, ý thức duyên pháp. Duyên mắt, duyên sắc, duyên nhãn thức cho đến duyên ý, duyên pháp, duyên ý thức, ấy gọi là Nhất thiết pháp, là pháp của các thức duyên.

Lại nữa, pháp của trí duyên là Nhất thiết pháp. Đó là khổ trí biết khổ, tập trí biết tập, đạo trí biết đạo. Thế trí biết khổ, tập, tận, đạo và hư không, chẳng phải thường duyên Diệt đế. Ấy là pháp của trí duyên.

Lại nữa, hai pháp thu nhiếp hết thầy pháp là: Pháp sắc, pháp vô sắc. Pháp có thể thấy, pháp không thể thấy; pháp có đối ngại, pháp không đối ngại; hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi; tương ưng với tâm, không tương ưng với tâm; tương ưng với nghiệp, không tương ưng với nghiệp (trong tâm pháp, trừ tư tâm sở, tất cả đều tương ưng, vì nghiệp tức là tư cho nên trừ), pháp gần, pháp xa v.v... Các loại hai pháp như thế thu nhiếp hết thầy pháp (hiện tại và vô vi là pháp gần, vị lai, quá khứ là pháp xa).

Lại nữa, ba pháp thu nhiếp hết thầy pháp, đó là: Thiện, bất thiện, vô ký; học, vô học, phi học phi vô học; kiến đế đoạn, tư duy đoạn, bất đoạn.

Lại nữa, ba pháp thu nhiếp hết thầy pháp là: Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới. Đem các loại ba pháp như thế thu nhiếp hết thầy pháp.

Lại có bốn pháp thu nhiếp hết thầy pháp, đó là: Pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, pháp chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Pháp ràng buộc ở Dục giới, pháp ràng buộc ở Sắc giới, pháp ràng buộc ở Vô sắc giới, pháp không ràng buộc. Pháp từ nhân thiện, pháp từ nhân bất thiện, pháp từ nhân vô ký, pháp chẳng phải từ nhân thiện, bất thiện, vô ký. Pháp duyên, pháp duyên không duyên, pháp duyên duyên không duyên, pháp chẳng phải duyên duyên chẳng phải duyên không duyên. Các loại bốn pháp như vậy thu nhiếp hết thầy pháp.

Lại có năm pháp thu nhiếp hết thầy pháp, đó là: Sắc, tâm, tâm tương ưng, tâm không tương ưng và pháp vô vi. Các loại như vậy thu nhiếp hết thầy pháp.

Lại có sáu pháp thu nhiếp hết thầy pháp, đó là pháp thấy khổ đoạn, pháp thấy tập đoạn, pháp thấy tận đoạn, pháp thấy đạo đoạn, pháp tư duy đoạn và pháp chẳng đoạn. Các loại sáu pháp như vậy, cho đến vô lượng, thu nhiếp hết thầy pháp. Ấy là Nhất thiết pháp." (HT. Thích Thiện Siêu dịch)



trí vô si kiến tánh, và huẩn từ vô ngại giải tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp.

4. *Biện tài vô ngại giải*: Là nơi sự thông đạt của nhất thiết chủng và nhất thiết pháp, như thật giác ngộ, được dẫn nhiếp bởi *trí vô si kiến tánh*, và biện tài vô ngại giải tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp.

Nhờ hạnh này mà hành nhiều sở hành.

Thần thông: Là sáu thần thông, trong kinh có nói rộng.

1. *Thần cảnh trí kiến tác chứng thông*: Là thị hiện mọi chủng loại thân nghiệp một cách tự tại nhờ *trí vô si kiến tánh*, và thần cảnh trí kiến tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp. Nhờ hạnh này mà hành nhiều cảnh giới quyết định.

2. *Thiên nhĩ trí kiến tác chứng thông*: Là tùy nghe được mọi chủng loại ngữ nghiệp một cách tự tại nhờ *trí vô si kiến tánh*, và thiên nhĩ trí kiến tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp. Nhờ hạnh này mà hành nhiều cảnh giới quyết định.

3. *Tâm sai biệt trí kiến tác chứng thông*: Là đi vào mọi chủng loại tâm hành của người khác nhờ *trí vô si kiến tánh*, và tâm sai biệt trí kiến tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp. Nhờ hạnh này mà hành nhiều cảnh giới quyết định.

4. *Túc trú tùy niệm trí kiến tác chứng thông*: Là đi vào mọi chủng loại hành nghiệp thú hướng ở vô số đời trước⁴⁹¹ nhờ *trí vô si kiến tánh*, và túc trú tùy niệm trí kiến tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp. Nhờ hạnh này mà hành nhiều cảnh giới quyết định.

491 Tiền tế thú hành 前際趣行. Tiền tế là biên tế tối sơ, chỉ giới hạn khởi điểm của thời gian. Thú hành là hành nghiệp dẫn đến tất cả định hướng; có thiện thú hành và ác thú hành.



5. *Sinh tử trí kiến tác chứng thông*: Là đi vào mọi chủng loại hành nghiệp thú hướng của hữu tình nhờ *trí vô si kiến tánh*, và sinh tử trí kiến tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp. Nhờ hạnh này mà hành nhiều cảnh giới quyết định.

6. *Lậu tận trí kiến tác chứng thông*: Là đi vào sự xuất ly tất cả phiền não và khổ não không dư tàn nhờ *trí vô si kiến tánh*, và lậu tận trí kiến tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp. Nhờ hạnh này mà hành nhiều cảnh giới quyết định.

Lại nữa, kệ tụng:

Các tướng hảo, thanh tịnh

Và các lực, vô úy

Bất hộ và niệm trú

Vĩnh đoạn các tập khí. (kệ 15)

[498c10] **Các tướng**: Là ba mươi hai tướng đại trượng phu, trong kinh có nói rộng.⁴⁹²

Một bậc khéo an lập đầy đủ tướng đại trượng phu. Do Như lai khéo viên mãn tư lương bồ-đề⁴⁹³ và thọ trì đầy đủ hạnh bình đẳng mà cảm được các tướng này. Do có được các tướng này mà một người vừa nhìn thấy liền tin rằng Như lai là bậc đại trượng phu⁴⁹⁴ có đủ tướng, đủ tiêu chuẩn, đủ đáng vẻ, thật khéo an lập đầy đủ tướng. Như vậy, các tướng đại trượng phu khác cũng tương thích, cần phải biết. Ví dụ như cánh tay nên nói là tướng cánh tay, tiêu chuẩn cánh tay, đáng vẻ cánh

492 Trung A-hàm, kinh Tam thập nhị tướng, số 59. Trường A-hàm, kinh Đại bản.

493 Hai thứ tư lương phước đức và trí tuệ.

494 Luận Đại trượng phu: "Hành động những điều lợi ích mà không có trí tuệ không có từ bi thì gọi là bậc trượng phu mà thôi. Hành động mà có trí tuệ chỉ đạo, có từ bi chỉ dẫn, mới là bậc đại trượng phu." (HT. Thích Trí Quang dịch)



tay. Cũng vậy, như đỉnh đầu v.v... có những chi tiết khác, mỗi tướng theo tên gọi cần được nói rộng.

Hảo: Là tám mươi vẻ đẹp, trong kinh có nói rộng⁴⁹⁵.

Chính là các vẻ đẹp đầy đủ và tương nhiếp, như trong *Bồ-tát địa*⁴⁹⁶ nói đến. Theo nhu yếu của chúng sinh mà tùy thắng tương nhiếp, như trong *kinh Đại tuệ độ*⁴⁹⁷ có nói. Để phân biệt rõ các vẻ đẹp, nên xem trong kinh có nói rộng phân biệt các tướng.

Thanh tịnh: Là bốn tất cả tướng thanh tịnh⁴⁹⁸, trong kinh có nói rộng.

1. *Y chỉ thanh tịnh*: Do Như lai chứng đắc tất cả tướng thanh tịnh trí và tất cả tướng thanh tịnh đoạn, nên ở trong sự y chỉ thủ, trú xả [của tĩnh lực], hoàn toàn tự tại vô thượng.

2. *Cảnh giới thanh tịnh*: Do Như lai chứng đắc tất cả tướng thanh tịnh trí và tất cả tướng thanh tịnh đoạn, nên ở trong cảnh giới của tất cả sự biến hóa, hoàn toàn tự tại vô thượng.

3. *Tâm thanh tịnh*: Do Như lai chứng đắc tất cả tướng thanh tịnh trí và tất cả tướng thanh tịnh đoạn, nên tất cả tướng thiện căn thể gian và xuất thể gian được tăng trưởng trong tâm, hoàn toàn tự tại vô thượng.

4. *Trí thanh tịnh*: Do Như lai chứng đắc tất cả tướng thanh tịnh

495 Phật bản hạnh tập kinh 佛本行集經, No. 190. Đại bát nhã ba-la-mật-đa kinh, No. 220, quyển 381, tr. 968a9~969a7.

496 Bồ tát địa trì kinh 菩薩地持經, No. 1581.

497 Chỉ cho kinh Ma ha Bát nhã Ba-la-mật-đa, No. 223, Cựu-ma-la-thập dịch, tr. 395c27~396b10. Hoặc Đại bát nhã ba-la-mật-đa kinh, quyển 381.

498 Bốn tất cả tướng thanh tịnh là thân thanh tịnh, độ thanh tịnh, định thanh tịnh và trí thanh tịnh. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Kính Phật: thân thanh tịnh, duyên thanh tịnh, tâm thanh tịnh và trí thanh tịnh.



trí và tất cả tướng thanh tịnh đoạn, ở trong tất cả tướng sở tri, trí vô trước vô ngại, hoàn toàn tự tại vô thượng.

[499a03] **Các lực:** Là mười lực của Như lai, trong kinh có nói rộng⁴⁹⁹.

1. *Trí lực xứ phi xứ:* Ở trong nhân quả của tất cả tướng mà có thể như thật vấn ký⁵⁰⁰ bằng trí tánh vô ngại⁵⁰¹, và trí lực ấy tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp.

2. *Trí lực tự nghiệp*⁵⁰²: Nơi các biệt xứ⁵⁰³ của tất cả tướng đã tương tục, đã khởi nghiệp nhân, đã được quả báo, mà có thể như thật vấn ký bằng trí tánh vô ngại, và trí lực ấy tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp.

499 Tạp A-hàm, kinh Thập lực, số 684. Kinh Đại phẩm Bát-nhã, phẩm Quảng thừa: “Lại có đại Bồ tát Đại thừa, chính là thập lực. Những gì là mười? Một là, Phật biết như thật những tướng thị xứ, bất thị xứ của tất cả pháp. Hai là, Phật biết như thật những nghiệp, những thọ pháp của chúng sanh khác, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhơn duyên, biết báo của chúng sanh khác. Ba là, Phật biết như thật những tướng cấu tịnh sai khác của các thiên giải thoát, các tam muội và các định. Bốn là, Phật biết như thật những tướng căn tánh thượng hạ của chúng sanh khác. Năm là, Phật như thật biết những loại dục giải của chúng sanh khác. Sáu là, Phật như thật biết vô số tánh loại sai khác của thế gian. Bảy là, Phật như thật biết chỗ đến của tất cả đạo hạnh. Tám là, Phật như thật biết túc mạng của mình và của chúng sanh khác từ một đời đến vô lượng đời trong vô lượng kiếp có tướng như vậy, có nhơn duyên như vậy. Chín là, Phật thiên nhân thanh tịnh hơn chư Thiên, như thật thấy biết chúng sanh chết đây sanh kia, hoặc thiện đạo hoặc ác đạo. Mười là, Phật biết như thật các lậu tận nên vô lậu tâm giải thoát, vô lậu huệ giải thoát, trong pháp hiện tại tự chứng biết nhập vào pháp ấy, nghĩa là chứng biết như thật ta đã hết sanh tử, đã thành phạm hạnh, từ đời nay chẳng còn lại thấy có đời sau nữa.” (HT. Thích Trí Tịnh dịch)

500 Xem Hiển dương, quyển 12, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8, mục Thích nạn, điều Bốn vấn ký.

501 Vô ngại trí tánh: Một pháp trong 20 pháp phải viên mãn của Bồ tát ở địa thứ 7, Viễn hành địa (Kinh Đại Bát nhã Ba-la-mật-đa, quyển 54, phẩm Biện Đại thừa). Kinh Đại Bát nhã Ba-la-mật-đa, quyển 451, phẩm Thiện Hiện, giải thích: “Bạch Thế Tôn! Sao là Bồ Tát Ma-ha-tát thường nên viên mãn trí tánh vô ngại? Thiện Hiện! Nếu Bồ Tát Ma-ha-tát tu được Phật nhãn đối tất cả pháp quyết rõ không ngại. Đây là Bồ Tát Ma-ha-tát thường nên viên mãn trí tánh vô ngại.” (HT. Thích Trí Nghiêm dịch) Trí làm tánh nên gọi là trí tánh.

502 Trí lực nghiệp dĩ thực.

503 Các biệt xứ: Theo Du-già sư địa luận, quyển 49, đó là tất cả chủng loại sai biệt: tất cả thời phần, tất cả phẩm loại, tất cả phần vị gia hành sai biệt, tất cả phương sở, tất cả y xứ, tất cả nhân duyên, tất cả quá hoạn, tất cả công đức. (tr. 569b25~28)



3. *Trí lực tĩnh lự giải thoát tam-ma-địa tam-ma-bát-đề*⁵⁰⁴: Là nhiếp thọ thế gian thanh tịnh và công đức phương tiện của tất cả tướng, mà có thể như thật vấn ký bằng trí tánh vô ngại, và trí lực ấy tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp.

4. *Trí lực căn thượng hạ*⁵⁰⁵: Qua xuất thế gian công đức sở y của tất cả tướng, hữu tình căn tánh sai biệt⁵⁰⁶ được giáo hóa, mà có thể như thật vấn ký bằng trí tánh vô ngại, và trí lực ấy tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp.

5. *Trí lực chủng chủng thắng giải:* Nơi tất cả tướng, hữu tình với a-thế-da sai biệt⁵⁰⁷ được giáo hóa, mà có thể như thật vấn ký bằng trí tánh vô ngại, và trí lực ấy tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp.

6. *Trí lực chủng chủng giới:* Nơi tất cả tướng, hữu tình với tùy miên sai biệt⁵⁰⁸ được giáo hóa, mà có thể như thật vấn ký bằng trí tánh vô ngại, và trí lực ấy tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp.

7. *Trí lực biến thú hành*⁵⁰⁹: Nơi tất cả tướng, thừa xuất ly sai biệt⁵¹⁰, mà có thể như thật vấn ký bằng trí tánh vô ngại, và trí lực ấy

504 Trí lực tĩnh lự giải thoát đẳng trì đẳng chí.

505 Trí lực căn thắng liệt.

506 Sự tu năm căn có 3 bậc: nhuyễn căn, trung căn và thượng căn. Hiển dương: Nhuyễn căn, lợi căn, tham hành, sân hành, si hành, đẳng phần hành, bạc trần hành.

507 Hiển dương, phẩm Nhiếp sự, phần 3: “Đó là tham hành tham a-thế-da, sân hành sân a-thế-da, si hành si a-thế-da, đẳng phần hành đẳng phần a-thế-da; đó là thắng tiến a-thế-da, không thắng tiến a-thế-da; đó là nhỏ nhẹ trần cấu hiền thiện a-thế-da.”

508 Hiển dương, phẩm Nhiếp sự, phần 3: “Đó là tùy miên thêm mạnh, tùy miên nhỏ nhẹ, tùy miên cực nhỏ; đó là tùy miên giảm yếu, tùy miên không giảm yếu; đó là tùy miên hoàn toàn, tùy miên không hoàn toàn.”

509 Biến thú hành: Các hành thú nhập tất cả ngũ thú (địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, người, trời). Lại có nghĩa là: chư thú nhập môn tùy thuận chánh hành; ví dụ như, vị tham hành tu bất tịnh quán, Thanh văn thừa tu tứ đế.

510 Ba loại xuất ly sai biệt: Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Đại thừa.



tương ưng với đấng trì, với các tâm và tâm pháp.

8. *Trí lực túc trú trì niệm*: Nơi tất cả tướng, tiền tế thú sai biệt⁵¹¹, mà có thể như thật vấn ký bằng trí tánh vô ngại, và trí lực ấy tương ưng với đấng trì, với các tâm và tâm pháp.

9. *Trí lực sinh tử*: Nơi tất cả tướng, hậu tế thú sai biệt⁵¹², mà có thể như thật vấn ký bằng trí tánh vô ngại, và trí lực ấy tương ưng với đấng trì, với các tâm và tâm pháp.

10. *Trí lực lậu tận*: Nơi tất cả tướng, thú phi thú xuất ly phương tiện sai biệt⁵¹³, mà có thể như thật vấn ký bằng trí tánh vô ngại, và trí lực ấy tương ưng với đấng trì, với các tâm và tâm pháp.

[499a23] Vô úy: Là bốn vô úy⁵¹⁴, trong kinh có nói rộng.⁵¹⁵

1. Phật nói lời thành thật: “*Ta là bậc Chánh đấng giác. Nếu có lời gạn hỏi rằng, trong pháp như vậy không có Chánh đấng giác. Ta đối với lời gạn hỏi ấy chánh kiến vô duyên, cho nên vô úy.*” Nghĩa là đức Như lai chứng được *nhất thiết chủng trí* diệu thiện thanh tịnh.

2. Phật nói lời thành thật: “*Ta đã hết các lậu. Nếu có lời gạn hỏi*

511 Nhớ hết vô số bốn sinh, bốn sự ở tiền tế.

512 Biết hết sự sinh tử của vô số hữu tình và ký thuyết cho đệ tử ở hậu tế.

513 Thú là ngũ thú. Phi thú là cõi trung hữu. Lại nữa, chỗ mà phạm phu hướng đến để quay về gọi là thú 趣. Chỗ quay về của Thánh nhân không phải là chỗ quay về của phạm phu. Đi trên lối đi không thích hợp ấy gọi là hành phi thú 行非趣. Phi thú cũng có nghĩa là phi đạo 非道. Có ba thứ phi đạo. 1. Quả báo dẫn đến cõi xấu ác; 2. Hành nghiệp dẫn đến cõi xấu ác; 3. Nghiệp thiện thế tục, và quả báo của nghiệp thiện.

514 Khi thuyết pháp, Phật có bốn sự tự tin, không sợ hãi, dũng mãnh: 1. Phật nói rõ, Ta là bậc Nhất thiết trí, đó là nhất thiết trí vô úy; 2. Phật nói rõ, Ta đã đoạn tận tất cả phiền não, đó là lậu tận vô úy; 3. Phật nói chánh đạo đưa đến sự diệt tận khổ đau như giới, định, tuệ v.v... mà không sợ hãi, đó là thuyết tận khổ đạo vô úy; 4. Phật nói các pháp chương ngại như hoặc, nghiệp v.v... mà không sợ hãi, đó là thuyết chương đạo vô úy. Hai vô úy trước là trí đức và đoạn đức thuộc công đức lợi mình. Hai vô úy sau là tu tập trí đức và tu tập đoạn đức thuộc công đức lợi người.

515 Bồ vô úy: Chánh đấng giác vô úy, lậu vĩnh tận vô úy, thuyết chương pháp vô úy, thuyết xuất đạo vô úy. Kinh Đại bát nhã ba-la-mật-đa, quyển 381, tr. 966c15-967a18. Phật thuyết từ vô số úy kinh, No. 775, Tổng, Thi Hộ dịch.



rằng, trong pháp như vậy chưa hết hẳn các lậu. Ta đối với lời gạn hỏi ấy chánh kiến vô duyên, cho nên vô úy.” Nghĩa là đức Như lai chứng được *nhất thiết chủng đạo* diệu thiện thanh tịnh.

Hai vô úy này dựa vào công đức lợi mình.

3. Phật nói lời thành thật: “*Ta vì các đệ tử nói pháp chương ngại⁵¹⁶ [rằng], nhiễm ắt là chương⁵¹⁷. Nếu có lời gạn hỏi rằng, trong pháp như vậy tập quen đắm nhiễm không thể là chương. Ta đối với lời gạn hỏi ấy chánh kiến vô duyên, cho nên vô úy.*” Nghĩa là đức Như lai vì giáo hóa các hữu tình mà nói nhất thiết chủng pháp sở đối trị⁵¹⁸.

4. Phật nói lời thành thật: “*Ta vì các đệ tử nói đạo xuất ly, tu tập quyết định xuất ly. Nếu có lời gạn hỏi rằng, tuy tu tập đạo như vậy nhưng không thể xuất ly, không chắc hết khổ và chứng biên tế khổ. Ta đối với lời gạn hỏi ấy chánh kiến vô duyên, cho nên vô úy.*” Nghĩa là đức Như lai vì giáo hóa các hữu tình mà nói nhất thiết chủng pháp năng đối trị⁵¹⁹.

Hai vô úy này dựa vào công đức lợi người.

[499b09] **Bất hộ**: Là ba bất hộ⁵²⁰, trong kinh có nói rộng.

1. “*Như lai hiện hành thân nghiệp diệu thiện thanh tịnh, lúc nào cũng thanh tịnh hiện hành thân nghiệp thì cần gì che giấu, cho nên*

516 Pháp chương ngại = pháp năng chương.

517 Tập nhiễm có năng lực chương ngại đạo quả.

518 Pháp ác bất thiện là những pháp bị đối trị của giới, của định, của tuệ. Pháp bị đối trị của giới là sự phạm giới và pháp phát sinh hủy phạm giới. Pháp bị đối trị của định là vi phạm quý tắc và những pháp dẫn tâm tán loạn. Pháp bị đối trị của tuệ là hủy phạm chánh kiến và những pháp hay dẫn những kiến triển chương cái.

519 Thánh đạo có khả năng đối trị phiền não. Ví dụ, hỷ túc và thiếu dục chính là các pháp có khả năng đối trị bất hỷ túc và đại dục.

520 Thân miệng ý của Phật thuần tịnh thuần trí, nên không có gì cần phải giữ gìn, và khi thuyết pháp cho đại chúng thì điều phục họ bằng thân miệng ý ấy.



không cần giữ gìn.” Nghĩa là trong tất cả chúng, trong mọi thời gian, thân nghiệp của Như lai diệu thiện thanh tịnh. Khi chánh thuyết pháp giáo hóa các hữu tình, Như lai dùng thắng lực [của thân nghiệp diệu thiện thanh tịnh] để chiết phục, nhiếp thọ tất cả đồ chúng.

2. “*Như lai hiện hành ngữ nghiệp diệu thiện thanh tịnh, lúc nào cũng thanh tịnh hiện hành ngữ nghiệp thì cần gì che giấu, cho nên không cần giữ gìn.*” Nghĩa là trong tất cả chúng, trong mọi thời gian, ngữ nghiệp của Như lai diệu thiện thanh tịnh. Khi chánh thuyết pháp giáo hóa các hữu tình, Như lai dùng thắng lực [của ngữ nghiệp diệu thiện thanh tịnh] để chiết phục, nhiếp thọ tất cả đồ chúng.

3. “*Như lai hiện hành ý nghiệp diệu thiện thanh tịnh, lúc nào cũng thanh tịnh hiện hành ý nghiệp thì cần gì che giấu, cho nên không cần giữ gìn.*” Nghĩa là trong tất cả chúng, trong mọi thời gian, ý nghiệp của Như lai diệu thiện thanh tịnh. Khi chánh thuyết pháp giáo hóa các hữu tình, Như lai dùng thắng lực [của ý nghiệp diệu thiện thanh tịnh] để chiết phục, nhiếp thọ tất cả đồ chúng.

[499b15] **Niệm trú:** Là ba niệm trú⁵²¹, trong kinh có nói rộng.

Khi nhiếp thọ giáo hóa chúng, đối với ba loại đồ chúng mà thực hành sai biệt⁵²², Như lai trú tối thắng xả, tâm tánh không tham ái, không sân khuê, không nhiễm ô.

521 Ba niệm trú: Phật vĩnh viễn sống trong chánh niệm và chánh trí, cho nên, một là, ai khen cũng không vui mừng; hai là, ai chê cũng không buồn ghét; ba là, ai khen chê cũng không vui mừng, cũng không buồn ghét. Thành thật luận, phẩm Ba bất hộ: “Mỗi khi thuyết pháp, thánh giả có lắng nghe, Phật chẳng lấy làm mừng, hay thánh giả không lắng nghe, Phật cũng chẳng lấy làm buồn, vì Phật thường tu xả tâm. Vì sao? Vì tập khí tham sân của Phật không còn chút mây may.”

522 Ba loại đồ chúng: Một là, loại đệ tử cung kính, thọ hành đúng đắn; Phật không sinh hoan hỷ, xả mà an trú chánh niệm, chánh trí. Hai là, loại đệ tử bất cung kính, thọ hành không đúng; Phật không sinh buồn rầu, xả mà an trú chánh niệm, chánh trí. Ba là, loại đệ tử cung kính, thọ hành đúng đắn, và loại đệ tử bất cung kính, thọ hành không đúng; Phật không sinh vui buồn, xả mà an trú chánh niệm, chánh trí.



[499b18] **Vĩnh đoạn các tập khí:** Là chư Như lai đã xuất ly vô lượng, vô số đại kiếp sinh tử không có bắt đầu, vì chứng *tự tánh bất tùy chuyển*⁵²³. Vĩnh đoạn các tập khí thì chứng được trí đức và đoạn đức diệu tịnh của Như lai.

Lại nữa, kệ tụng:

Không quên mất diệu pháp

Và Như lai đại bi

Phật bất cộng đức pháp

Nhất thiết chủng diệu trí. (kệ 16)

[499b23] Luận giải: **Không quên mất diệu pháp:** Là [Như lai] chứng nhất thiết chủng [trí], là giáo hóa tất cả hữu tình, là làm tất cả sự mà không bỏ lỡ cơ hội. Không quên mất diệu pháp thì chứng được trí đức và đoạn đức diệu tịnh của Như lai.

[499b26] **Và Như lai đại bi:** Tâm bi của Như lai do bốn thứ nhân duyên nên gọi là đại bi:

1. Y chỉ sự chuyển y sở tác thành tựu⁵²⁴ để được nhất thiết chủng [trí] diệu thiện thanh tịnh.
2. Thời gian dài lâu tu tập mà có được.
3. Dẫn dắt bởi trí diệu thiện thanh tịnh.
4. Duyên với mọi loại ngục tù cực kỳ thâm u, kiên cố⁵²⁵, và

523 Tùy chuyển là khi sắc biến chuyển, thức cũng vận chuyển theo. Tự tánh bất tùy chuyển là tự tánh vốn tự vắng lặng, chân thật, không biến dịch.

524 Đối cảnh sở tác thành tựu (việc làm đã hoàn thành) là sở duyên của chuyển y. Nói cách khác, sở tác thành tựu là chuyển y. Chuyển y là chuyển căn bản y (do đệ bát thức); chuyển bỏ phiền não chướng và sở tri chướng mà chuyển được đại bồ-đề và đại niết bàn, nên chuyển y gọi là sở tác thành tựu. Được chuyển y rồi thì đối tượng không còn điên đảo. Đối tượng ấy chính là đệ bát thức đã vô lậu (chân như xuất trần).

525 Chỉ cho cảnh giới địa ngục.



duyên với cảnh giới khổ đau với mọi hình thái.

[499c02] **Phật bất cộng đức pháp:** Là mười tám pháp bất cộng của Phật, trong kinh có nói rộng.⁵²⁶

Mười tám pháp bất cộng này vượt qua Thanh văn địa và Độc giác địa, được thiết lập như sau:

1. *Như lai không có nghiệp làm lỗi:* Là [thân] không có phạm làm lỗi, vì [thân] không nhiễm ô.

2. *Không có lời nói gáp gáp:* Là [miệng] không có lời nói vội vã, cười cợt, vì [miệng] không nhiễm ô.

3. *Không có niệm quên mất:* Là [ý] không có tùy niệm dù *cửu tác cửu thuyết*⁵²⁷, vì [ý] không nhiễm ô.

4. *Không có tâm chẳng định:* Là ở trong tất cả uy nghi: đi, đứng, ngồi, nằm, *tác ý* *đăng trì* hằng tùy chuyển.

5. *Không có các loại tướng:* Là ở trong lưu chuyển và tịch diệt, chúng được trí vô phân biệt và trí vô sai biệt⁵²⁸.

6. *Không có sự không gián trạch mà xả:* Là cứu cánh không xả bỏ sự hữu tình⁵²⁹.

526 Kinh Đại bảo tích, quyển 40, Pháp hội Bồ tát tạng, phẩm Như lai bát tư nghị tánh.

527 Cửu tác cửu thuyết: việc làm, lời nói (bao gồm thuyết pháp) trải qua thời gian lâu xa thì quên mất. Tùy niệm là ký ức, là lục lợi trí nhớ.

528 Chỉ cho căn bản trí và hậu đắc trí. Trí vô phân biệt, ở giai đoạn chứng đắc thì gọi là căn bản, ở giai đoạn hoạt dụng gọi là hậu đắc.

529 Một trong 9 sự trong ngữ ngôn của Phật. Du-già sư địa luận, quyển 3: “Ngữ ngôn của chư Phật nhiếp trong 9 sự: 1. Sự hữu tình; 2. Sự thọ dụng; 3. Sự sinh khởi; 4. Sự an trú; 5. Sự nhiễm tịnh; 6. Sự sai biệt; 7. Sự thuyết giả; 8. Sự sở thuyết; 9. Sự chúng hội. Sự hữu tình, là năm thủ uẩn. Thọ dụng sự, là 12 xứ. Sự sinh khởi, là 12 phần sự duyên khởi và duyên sinh. Sự an trú, là 4 thức ăn. Sự nhiễm tịnh, là 4 Thánh đế. Sự sai biệt, là vô lượng giới. Sự thuyết giả, là Phật và đệ tử của Phật. Sự sở thuyết, là các bồ-đề pháp: 4 niệm xứ v.v... Sự chúng hội, là 8 chúng: chúng sát đế lợi, chúng bà la môn, chúng trưởng giả, chúng sa môn, chúng tử đại thiên vương, chúng tam thập tam thiên, chúng dạ ma thiên, chúng phạm thiên.” (tr. 294a21~b01)



7. *Nguyện dục không thoái chuyển:* Là được thanh tịnh sở tri chướng.

Giống *nguyện dục không thoái chuyển*, như vậy:

8. *Chánh cần không thoái chuyển.*

9. *Niệm không thoái chuyển.*

10. *Đăng trì không thoái chuyển.*

11. *Tuệ không thoái chuyển.*

12. *Giải thoát, giải thoát tri kiến không thoái chuyển.*

13. *Trí vô trước vô ngại biết đời quá khứ:* Là muốn tác ý, trong khoảng khắc, biết hết mọi thứ.

14. *Trí vô trước vô ngại biết đời vị lai:* Là muốn tác ý, trong khoảng khắc, biết hết mọi thứ.

15. *Trí vô trước vô ngại biết đời hiện tại:* Là muốn tác ý, trong khoảng khắc, biết hết mọi thứ.

16. *Tất cả thân nghiệp của Như lai lấy trí làm đạo thủ và theo trí mà hành:* Là [thân nghiệp] do trí phát khởi, nhiếp thọ, ở trong mọi lúc, [vận dụng] phương tiện thiện xảo.

17. *Tất cả ngữ nghiệp của Như lai lấy trí làm đạo thủ và theo trí mà hành:* Là [ngữ nghiệp] do trí phát khởi, nhiếp thọ, ở trong mọi lúc, [vận dụng] phương tiện thiện xảo.

18. *Tất cả ý nghiệp của Như lai lấy trí làm đạo thủ và theo trí mà hành:* Là [ý nghiệp] do trí phát khởi, nhiếp thọ, ở trong mọi lúc, [vận dụng] phương tiện thiện xảo.⁵³⁰

530 Mười tám pháp bất cộng chia ra 4 loại: hành, là 6 bất cộng đầu tiên; chứng, là 6 bất cộng kế tiếp; trí, là 3 bất cộng tiếp theo; nghiệp, là 3 bất cộng cuối cùng.



[499c19] **Nhất thiết chủng diệu trí:** Là chứng được trí đức và đoạn đức tối cực thanh tịnh của Như lai; là đối với hai pháp nhiễm ô và thanh tịnh, trong đó có vô số sắc thái sai biệt, [được biết] bởi trí tánh vô ngại, và trí ấy tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp. Lại nữa, Như lai trú cảnh giới vô lậu, vì làm việc cần làm cho tất cả hữu tình, nơi mười phương quốc độ, biểu thị cuộc đời đức Phật có hiện thân ngôn thuyết, tâm có sở hành, đã tuyên thuyết thành Đẳng chánh giác, chuyển diệu pháp luân, nhập đại tịch diệt, [biểu hiện] bằng trí tánh vô ngại, và trí ấy tương ưng với đẳng trì, với các tâm và tâm pháp. Đây cũng gọi là *nhất thiết chủng diệu trí*.

[499c27] Lại nữa, các công đức của Phật như tướng hảo, thanh tịnh, v.v... là thích nghĩa của kinh, trình bày sơ lược. Nếu phân biệt rộng thì xem ở *Bồ-tát địa*⁵³¹, nên biết.

Như vậy, đã nói riêng về **chín sự**, nay sẽ nói **tổng phân biệt**.

Kệ tụng:

Nên biết chín sự trên

Đầu là hai sở y

Tiếp hai, sau sáu chủng:

Nhiếp tạp nhiễm, thanh tịnh. (kệ 17)

Là nhiễm y sai biệt

*Là thanh tịnh sở duyên*⁵³²

Vì tâm chẳng lưu tán

531 Xem Du-già sư địa luận, quyển 49, 50, Bồ-tát địa, Trì cứu cánh Du-già xứ.

532 Thanh tịnh sở duyên: đối tượng trong sáng do tuệ giác trong sáng nhận thức. Hiển dương, quyển 16 nói: "Thắng nghĩa để lia tánh nhất dị, chính là thanh tịnh sở duyên, vì duyên theo đối tượng ấy thì được sự thanh tịnh của tâm"; quyển 19 nói: "Thanh tịnh sở duyên là bốn thánh đế và chân như."



Nên chánh tu phương tiện. (kệ 18)

Là phân vị sai biệt

Ngôn thuyết đẳng các nhân

Quả là các công đức

Số, thứ tự chỉ vậy. (kệ 19)

[500a07] Luận giải:

Trong chín sự trên, đầu tiên là *sự nhất thiết pháp* làm sở y cho hai: 1. Sở y của tạp nhiễm; 2. Sở y của thanh tịnh.

Do hai sự tiếp theo nhiếp các tạp nhiễm, đó là: 1. *Sự giới*; 2. *Sự tạp nhiễm*.

Do sáu sự sau cùng nhiếp các thanh tịnh, đó là: 1. *Sự đế*; 2. *Sự y chỉ*; 3. *Sự giác phân*; 4. *Sự chứng sinh*; 5. *Sự quả*; 6. *Sự công đức*.

Hai sự nhiếp các tạp nhiễm, trong đó [sự giới] là sở y của tạp nhiễm và [sự tạp nhiễm] là sai biệt của tạp nhiễm⁵³³.

Sáu sự nhiếp các thanh tịnh đều là cảnh giới thanh tịnh. Ở trong cảnh giới ấy thì tâm không lưu tán; tâm không lưu tán thì nơi đối tượng sở duyên mà chánh [tu] phương tiện.

Là phân vị sai biệt, ngôn thuyết đẳng các nhân⁵³⁴ là chánh [tu] phương tiện.

Quả là các công đức⁵³⁵ là quả của chánh [tu] phương tiện.

Ở đây, *phân vị sai biệt* và *ngôn thuyết đẳng nhân*, hai cái này thiết lập *sự chứng sinh*, nên biết.

533 Phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sinh tạp nhiễm là sai biệt của tạp nhiễm.

534 Sự chứng sinh (bồ-đặc-già-la) là phân vị sai biệt. Sự đế, sự y chỉ và sự giác phân là ngôn thuyết đẳng nhân.

535 Là sự quả và sự công đức.



Ngôn thuyết đấng các nhân, là ngôn thuyết dễ hiểu, là tùy thuận thế gian, là tránh xa sự sợ hãi, là làm cho phát sinh đức tin và sự hiểu biết về công đức và tội lỗi của mình và của người.

Do nhân duyên ấy mà chín sự này có con số nhất định và thứ tự nhất định, nên biết.

Vì muốn tư lượng chín sự như trên thì cần phải nói rộng.

Kệ tụng:

Muốn tư lượng vô lượng

Các vấn đáp sai biệt

Do chư Phật ngữ ngôn

Sự nhiếp và tướng nhiếp. (kệ 20)

[500a24] Nếu muốn tư lượng chín sự như trên thì có vô lượng vấn đáp sai biệt. Do hai thứ nhiếp đưa đến sự tư duy trừ lượng, đó là: 1. *Sự [thi thiết] nhiếp tất cả ngữ ngôn của Phật*⁵³⁶; 2. *Tướng [phân biệt] nhiếp tất cả ngữ ngôn của Phật*.⁵³⁷

Trong đó, *sự [thi thiết] nhiếp tất cả ngữ ngôn của Phật*, là hiểu biết ba thứ kinh: 1. Kinh Tăng thập⁵³⁸; 2. Kinh Quảng nghĩa⁵³⁹; 3. Kinh

536 Sự là sự thi thiết kiến lập tướng. Du-già sư địa luận, quyển 13: “Thế nào là sự thi thiết kiến lập tướng? Là ba thứ sự tổng nhiếp tất cả ngôn giáo chư Phật: 1. Tô-đát-lâm sự (tu-đa-la sự: kinh); 2. Tỳ-nại-da sự (luật); 3. Ma-đát-lí-ca sự (luận).

537 Du-già sư địa luận, quyển 13, Văn sở thành địa: “Thế nào là nội minh xứ? Nếu nói tóm lược thì có 4 sắc thái: 1. Sắc thái sự thi thiết kiến lập; 2. Sắc thái tướng sai biệt thi thiết kiến lập; 3. Sắc thái nhiếp Thánh giáo nghĩa; 4. Sắc thái cần phải biết những gì Phật dạy.” (tr. 345a24) Một là, xác lập sự thi thiết định chủ đề sự kiện; hai là, xác lập sự thi thiết khái niệm và phân loại; ba là, nắm vững ý vị của giáo pháp; bốn là, xác định sự chân thật, chân lý của Phật ngữ.

538 Kinh Tăng thập 增十經: 1. Kinh Thập thượng (Dasuttara-Suttanta, Trường bộ kinh, No. 34); 2. Biệt dịch: Trường A-hàm Thập báo pháp kinh 長阿含十報法經, 2 quyển, Hậu Hán An Thế Cao dịch; 3. Trường A-hàm, kinh Thập thượng.

539 Kinh Quảng nghĩa 廣義經: Quảng nghĩa pháp môn kinh 廣義法門經, No. 97, 1 quyển, Trần Chân Đế dịch.



Tập dị môn⁵⁴⁰. *Tướng [phân biệt] nhiếp tất cả ngữ ngôn của Phật*, là hiểu biết bốn ôn-đà-nam già-tha⁵⁴¹. Những gì là bốn?

Kệ tụng:

Cú, mê hoặc, hý luận

Trú, chân thật, tịnh, diệu

Tịch tĩnh, tánh, đạo lý

Giã thi thiết, hiện quán (tụng 1)

Phương sở, vị, phân biệt

Tác, chấp trì, tăng, giảm

Ám, ngữ, sở giác, thượng

Viễn ly, chuyển, tàng hộ (tụng 2)

Giãn trạch và hiện hành

Thụy miên và tương thuộc

Các tương nhiếp, tương ứng

Thuyết, nhiệm trì, thứ đệ (tụng 3)

Sở tác, cảnh, du-già

Xa-ma-tha và quán

540 Kinh Tập dị môn 集異門經: 1. Trường A-hàm, kinh Chúng tập; 2. Phật thuyết Đại tập pháp môn kinh 佛說大集法門經, No. 12, Tổng, Thi Hộ dịch; 3. Kinh Phúng tụng (Sangīti-suttanta, Trường bộ kinh, No. 33)

Kinh Phúng tụng và kinh Thập Thượng là 2 bài kinh rất quan trọng trong việc tìm hiểu chánh pháp do Đức Phật thuyết giảng. Nội dung chứa đựng các phương pháp tu tập được Ngài Xá-lợi-phất và 500 vị tỷ kheo tổng kết, tụng đọc, và được Đức Phật chấp thuận. Có thể xem sự kiện này như là lần kết tập chánh pháp đầu tiên diễn ra ngay thời đức Phật tại thế. Hai kinh này cùng tóm lược pháp được Đức Phật giảng dạy, có tất cả 329 pháp, gồm: 229 pháp căn bản, từ một pháp đến mười pháp, và 100 pháp được sắp xếp theo 10 đối tượng tu tập (tùy pháp), căn cứ theo tánh chất, mục tiêu của 229 pháp cơ bản trên. Mười đối tượng tu tập gồm: 8 đối tượng thiện, đưa đến an lạc, giải thoát, và 2 đối tượng bất thiện, đưa đến đau khổ, sinh tử luân hồi. Mỗi đối tượng có 10 pháp, như vậy tổng cộng có 100 pháp.

541 Ôn-đà-nam già-tha 嚩唵南伽他 (Pāli. udāna-gāthā): vô vấn tự thuyết tụng.



Chư tác ý, giáo thọ

Đức, bồ-đề, thánh giáo.⁵⁴² (tụng 4)

[500b09] Luận giải:

(1) **Cú:** Là sáu xứ⁵⁴³, [bao gồm] vô lượng cảnh giới, vô lượng phương sở, vô lượng thời tiết.

Lại có ba giới: 1. Dục giới; 2. Sắc giới; 3. Vô sắc giới.

Lại có ba giới: 1. Tiểu thiên thế giới; 2. Trung thiên thế giới; 3. Đại thiên thế giới.

Lại có bốn chúng: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia; 3. Chúng Ô-ba-sách-ca⁵⁴⁴; 4. Chúng phi nhân.

Lại có ba thọ: Khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ.

Lại có ba đời: Đời quá khứ, đời vị lai và đời hiện tại.

Lại có Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo.

Lại có ba pháp: Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký.

Lại có ba thứ tạp nhiễm: Phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sinh tạp nhiễm.

Lại có bốn Thánh đế: Khổ, tập, diệt và đạo.

Lại có chín thứ đệ định: Sơ tĩnh lự, đệ nhị tĩnh lự, đệ tam tĩnh lự, đệ tứ tĩnh lự, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi tướng xứ và Diệt thọ tưởng định.

Lại có ba mươi bảy pháp bồ-đề phần: Bốn niệm trú, bốn chánh

542 Xem Du-già sư địa luận, quyển 13, tr. 345b02~347a18.

543 Sáu xứ, bao gồm: *Sáu nội xứ:* Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. *Sáu ngoại xứ:* Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ.

544 Ô-ba-sách-ca (S. Upāsaka) = Ưu-bà-tắc, cận sự nam.



đoạn, bốn thần túc, năm căn, năm lực, bảy biến giác chi và tám Thánh đạo chi.

Lại có bốn loại quả sa-môn: Quả Dự lưu, quả Nhất lai, quả Bất hoàn và quả A-la-hán tối thắng.

Lại có rất nhiều công đức tối thắng: Bốn vô lượng, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ, vô trính, nguyện trí, bốn vô ngại biện, sáu thần thông v.v...

Lại dựa vào phẩm *Quảng thừa*⁵⁴⁵ có năm thứ sự: 1. Tướng; 2. Danh; 3. Phân biệt; 4. Chân như; 5. Chánh trí.

Lại có hai thứ không tánh: 1. Chúng sinh không tánh; 2. Pháp không tánh.

Lại có hai thứ vô ngã tánh: 1. Chúng sinh vô ngã tánh; 2. Pháp vô ngã tánh.

Lại có sự hành nơi trung đạo rời xa hai bên: rời xa bên tăng ích và bên tổn giảm⁵⁴⁶.

Lại có bốn thứ chân thật: 1. Thế giới sở thành; 2. Đạo lý sở thành; 3. Phiền não chương tịnh trí sở thành xứ; 4. Sở tri chương tịnh trí sở thành xứ.⁵⁴⁷

545 Kinh Đại phẩm Bát-nhã, quyển 6, phẩm Quảng thừa, thứ 19. Đại Phẩm Bát-nhã 25.000 bài tụng (Pancavimsati - Sāhasrikā - Prajñāpāramita) gồm 27 hay 30, 40 cuốn 9 Phẩm. Cưu-ma-la-thập (Kumarajva) đến Trung hoa dịch kinh Đại Phẩm Bát-Nhã ra Hán văn đề là Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật-đa kinh

546 Nơi hữu tình, chấp ngã là tăng ích, chấp vô ngã là tổn giảm. Nơi các pháp, chấp tâm có thật là tăng ích, chấp tâm không có thật là tổn giảm. Luận Biện trung biên: "Nơi nhân, quả và dụng, nếu không tăng ích và không tổn giảm, chính là nghĩa của duyên khởi."

547 Kinh Bồ tát địa trì, phẩm Chân thật nghĩa: "Thế nào là chân thật nghĩa? Lược nói có hai thứ: 1. Thật pháp tánh; 2. Nhất thiết sự pháp tánh. Hai pháp tánh này mà phân biệt ra thì có bốn thứ: 1. Thế gian sở tri; 2. Học sở tri; 3. Phiền não chương tịnh trí sở hành xứ pháp; 4. Sở tri chương tịnh trí sở hành xứ pháp. Thế nào là thế gian sở tri chân thật nghĩa? Các việc thế gian tùy thuận số đông thế tục nên sự thấy biết giống nhau, nghĩa là đất là đất, chẳng phải nước, chẳng phải nước nào khác, chẳng phải lửa, gió, sắc, thanh, hương, vị, xúc, cho đến khổ vui. Lược nói một vật này: nghĩa là vật này chẳng phải vật kia. Như vậy, tất cả quyết định ý giải sở hành xứ sự. Thế gian xưa nay xuất từ



Lại có bốn thứ tầm tư: Tầm tư danh, tầm tư sự, tầm tư tự tánh giả lập và tầm tư sai biệt giả lập.⁵⁴⁸

Lại có bốn thứ như thật biến trí: Tầm tư danh được dẫn bởi như thật biến trí, tầm tư sự được dẫn bởi như thật biến trí, tầm tư tự tánh giả lập được dẫn bởi như thật biến trí, và tầm tư sai biệt giả lập được dẫn bởi như thật biến trí.⁵⁴⁹

Lại có ba thứ tự tánh: 1. Tự tánh biến kế sở chấp; 2. Tự tánh y tha khởi; 3. Tự tánh viên thành thật.

Lại có ba thứ tánh vô tự tánh: 1. Tánh tướng vô tự tánh; 2. Tánh sinh vô tự tánh; 3. Tánh thắng nghĩa vô tự tánh.

Lại có năm sắc thái đại Bồ-đề: Tự tánh, công dụng, phương tiện, [lưu] chuyển và hoàn [diệt].⁵⁵⁰

ức tưởng mà biết, không phải từ sự tu tập, gọi là thế gian sở tri chân thật nghĩa. Thế nào là học sở tri chân thật nghĩa? Như người trí ở thế gian dựa vào trí quan sát, trí so sánh, và từ thầy nghe, suy gẫm, tu học. Đó là quyết định trí sở hành xử pháp được kết tập, thiết lập, gọi là học sở tri chân thật nghĩa. Thế nào là phiền não chướng tịnh trí sở hành xử pháp chân thật nghĩa? Đó là vô lậu trí của tất cả Thanh văn, Duyên giác. Qua phương tiện vô lậu, qua cảnh giới tu hành của thế trí tùy sinh, đối với phiền não chướng mà trí ấy duyên với, thì ở đời vị lai các phiền não chướng hoàn toàn không còn sinh khởi, gọi là phiền não chướng tịnh trí sở hành xử pháp chân thật nghĩa. [Chân thật nghĩa ấy] chính là bốn Thánh đế: khổ, tập, diệt và đạo. Quán bốn đế này, đi vào huệ hiện quán (: vô gián đẳng) và trí tuệ khởi sinh bởi hiện quán. Thanh văn, Duyên giác thấy âm lìa âm, nên thấy ngã bất khả đắc. Chư hành duyên khởi, sinh diệt hòa hợp, âm và lìa âm, vô ngã nhân tánh, tu tập tri kiến. Thế nào là trí chướng tịnh trí sở hành xử pháp chân thật nghĩa? Trí bị sở tri ngăn ngại, nên gọi là chướng. Cảnh giới tu hành của trí giải thoát cái chướng của trí ấy, gọi là trí chướng tịnh trí sở hành xử pháp chân thật nghĩa. [Chân thật nghĩa ấy] chính là chư Phật, Bồ tát đi vào vô ngã pháp, đi vào rồi thì thanh tịnh, đối với tất cả pháp lìa tự tánh ngôn thuyết, tự tánh giả danh, lìa các vọng tưởng, cảnh giới tu hành đại trí bình đẳng, đệ nhất như thật vô thượng vô biên, tất cả pháp trách đoạn diệt vĩnh viễn, không còn sinh khởi.” (No. 1581, tr. 892c21~893a17) Xem thêm kinh Bồ tát thí nghiệm giới 菩薩善戒經, phẩm Nghĩa chân thật, Thích Thiện Thông dịch.

548 Tầm tư là suy tìm. Danh và nghĩa (: sự) ở đây là danh và nghĩa của các pháp, thí dụ bút là danh, để viết là nghĩa. Tự tánh và sai biệt là đặc tính và chi tiết; tự tánh và sai biệt ở đây là của danh và nghĩa; thí dụ bút mực hay bút chì (tự tánh) và mới hay cũ (sai biệt), và đó là tự tánh và sai biệt của nghĩa; còn tên để gọi tự tánh và sai biệt ấy của nghĩa là tự tánh và sai biệt của danh. Tầm tư là suy tìm 4 thứ trên toàn là giả thiết, chỉ là ý thức.

549 Bốn như thật biến trí hay như thật trí là cái biết đúng như sự thật về các pháp chỉ là giả thiết về danh, nghĩa, tự tánh và sai biệt.

550 Ngũ tướng đại Bồ-đề: 1. Tự tánh: Là vượt qua hàng nhị thừa, có được thể chuyển y; 2. Công dụng: Là 10 tự tại: sống lâu tự tại, tâm thức tự tại và đồ dùng tự tại, là do viên mãn thí ba la mật;



Lại có năm thứ đại thừa: 1. Chủng tử đại thừa; 2. Thú nhập đại thừa; 3. Thứ đệ đại thừa; 4. Chánh chuyển đại thừa; 5. Chánh chuyển quả đại thừa. [Theo thứ tự], đó là: tối sơ phát tâm, đối với các hữu tình khởi tâm đại bi, ba-la-mật-đa, nhiếp [chúng sinh] sự, mình người tương tục thành thực.⁵⁵¹

Lại có năm vô lượng tướng: 1. Hữu tình giới vô lượng tướng; 2. Thế giới vô lượng tướng; 3. Pháp giới vô lượng tướng; 4. Sở điều phục giới vô lượng tướng; 5. Sở điều phục phương tiện giới vô lượng tướng.⁵⁵²

Lại có chân thật nghĩa tùy chí [chân như và trí]: Là tất cả vô lượng pháp tùy đưa đến chân như và chánh trí [vô phân biệt].⁵⁵³

Lại có bất tư nghị uy đức tín giải.

Lại có trí vô chướng ngại.⁵⁵⁴

Lại có ba mươi hai tướng đại trượng phu và tám mươi vẻ đẹp tùy hình.

Lại có bốn thứ tất cả tướng thanh tịnh, mười lục, bốn vô sở úy,

ngiệp tự tại và sinh tự tại là do viên mãn giới ba la mật; thắng giải tự tại là do viên mãn nhãn ba la mật; nguyện tự tại là do viên mãn tiến ba la mật; thần lực tự tại, thống nhiếp tất cả ngũ thông, là do viên mãn định ba la mật; trí tự tại và pháp tự tại là do viên mãn tuệ ba la mật); 3. Phương tiện: Là 4 thứ biến hóa: a. Hiện Bồ tát hạnh biến hóa, vì căn chưa thành thực, b. Hiện Như lai biến hóa, vì căn đã thành thực, c. Hiện nhiếp Thanh văn biến hóa, d. Hiện điều phục Độc giác biến hóa; 4. [Lưu] chuyển có 2: a. Tạm thời: đối với các hữu tình chưa giải thoát, thành bậc Như lai giáo hóa, chuyển không ngừng nghỉ, b. Cứu cánh: Công đức của Phật không thể nghĩ bàn, vì các hữu tình mà làm các việc lợi ích, lưu chuyển không ngừng nghỉ; 5. Hoàn [diệt]: Bánh xe ấy gọi là diệt, vì trở về Niết bàn, có 2: a. Tạm thời: đối với hữu tình đã giải thoát, Phật tạm thị hiện nhập Bát niết bàn, b. Cứu cánh: phiền não tập khí và khổ vĩnh viễn diệt.

551 Tối sơ phát tâm là Bồ-đề tâm. Do có chủng tử bị mắc đối với hữu tình nên thú nhập Bồ-đề. Ba-la-mật-đa là thứ đệ các địa. Nhiếp chúng sinh sự là tâm hành của đại thừa. Mình người tương tục thành thực là chánh hành quả, vì hai quả lợi ích mình người thì viên mãn công đức của Phật.

552 Xem Hiển dương, quyển 8, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2.

553 Du-già sư địa luận: “Chân như biến khắp tất cả pháp, gọi là biến chí. Chánh trí vô phân biệt duyên với chân như biến chí ấy, gọi là tùy chí.” (tr. 404a10)

554 Chủng trí của Phật gọi là Bất tư nghị uy đức tín giải vô chướng ngại trí.



ba niệm trú, ba bất hộ, đại bi không quên mất pháp, vĩnh đoạn tập khí, nhất thiết chủng diệu trí, như trên đã nói.

Tóm lược có hai thứ: 1. Cú được giải thích theo Thanh văn thừa; 2. Cú được giải thích theo Đại thừa.

(2) **Mê hoặc**: Là bốn điên đảo: 1. Trong vô thường, điên đảo kế chấp là thường; 2. Trong khổ, điên đảo kế chấp là lạc; 3. Trong bất tịnh, điên đảo kế chấp là tịnh; 4. Trong vô ngã, điên đảo kế chấp là ngã.

(3) **Hý luận**: Là các phiền não và tạp phiền não các uẩn.

(4) **Trú**: Là bốn thức trú và bảy thức trú.⁵⁵⁵

(5) **Chân thật**: Là chân như và bốn Thánh đế.

(6) **Tịnh**: Là ba thứ tịnh tánh: 1. Tự thể tịnh tánh; 2. Cảnh giới tịnh tánh; 3. Giai vị tịnh tánh.⁵⁵⁶

(7) **Diệu**: *Tam bảo xứ* thù thắng được thiết lập, gọi là diệu.

(8) **Tịch tĩnh**: Là bản thân mong muốn có được thiện pháp, cho đến tất cả bờ-đề phần pháp và các quả chứng, đều gọi là tịch tĩnh.

(9) **Tánh**: Là các pháp [thể] tướng: tự tướng, cộng tướng, giả lập tướng, nhân tướng, quả tướng v.v..., gọi chung là tánh.

(10) **Đạo lý**: Là các duyên khởi và bốn đạo lý⁵⁵⁷.

555 Trường A-hàm, kinh Chúng tập: “Lại có bốn pháp tức là bốn trú xứ của thức: sắc là trú xứ của thức, duyên sắc mà trú, sắc và ái cùng tăng trưởng. Thọ, tưởng, hành, cũng đều như vậy.” “Lại có bảy pháp tức là bảy thức trú: 1. Hoặc có chúng sanh với thân sai biệt, với tướng sai biệt, tức là chư Thiên và loài người, đó là trú xứ thứ nhất của thức; 2. Hoặc có chúng sanh với nhiều thân khác nhau nhưng chỉ một tướng, đó là trời Phạm quang âm, lúc đầu tiên mới thọ sinh, đó là trú xứ thứ hai của thức; 3. Hoặc có chúng sanh với một thân nhưng nhiều tướng sai biệt tức là trời Quang âm, đó là trú xứ thứ ba của thức; 4. Hoặc có chúng sanh với một thân và một tướng đó là trời Biến tịnh, đó là trú xứ thứ tư của thức; 5. Hoặc có chúng sanh trú ở Không xứ; 6. Trú ở Thức xứ; 7. Trú ở Vô hữu xứ.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

556 Tự thể là chân như trước khi giác ngộ. Cảnh giới là tuệ giác trong khi tu đạo. Giai vị là các quả chứng thanh tịnh.

557 Bốn đạo lý: 1. Đạo lý tương đãi (quán đãi); 2. Đạo lý nhân quả (tác dụng); 3. Đạo lý thành tựu (chứng thành); 4. Đạo lý pháp nhiên (pháp nhĩ). Kinh Giải thâm mật giải thích: “Thứ 1, đạo lý quán đãi



(11) **Giả thi thiết**: Duy đối với pháp, giả lập chúng sinh, và duy đối với tướng, giả lập các pháp.

(12) **Hiện quán**: Là sáu thứ hiện quán⁵⁵⁸, sẽ nói trong phẩm *Thành hiện quán*.

[0501a05] (13) **Phương sở**: Là sắc uẩn.

(14) **Vị**: Là thọ uẩn.

(15) **Phân biệt**: Là tưởng uẩn.

(16) **Tác**: Là hành uẩn.

(17) **Chấp trì**: Là thức uẩn.

(18) **Tăng**: Nên biết có hai thứ: 1. Phiền não tăng; 2. Nghiệp tăng.

(19) **Giảm**: Cũng có hai thứ: 1. Phiền não giảm; 2. Nghiệp giảm.

(20) **Ám**: Là vô minh và nghi.

(21) **Ngũ**: Là mười hai phần ngũ thú⁵⁵⁹, gọi là ngũ.

là do nhân tố và duyên tố mà phát sanh các hành và phát sanh ngôn từ liên quan các hành. Thứ 2, đạo lý tác dụng là do nhân tố và duyên tố mà các pháp sanh, các pháp thành, các pháp sanh thành rồi tác dụng. Thứ 3, đạo lý chứng thành là do nhân tố và duyên tố mà làm cho ý nghĩa nói ra được xác lập và làm cho người nghe hiểu biết chính xác. Thứ 4, đạo lý pháp nhĩ là Như lai xuất thế hay không xuất thế, pháp tánh các pháp vẫn an lập, pháp giới các pháp vẫn an trú.” (HT. Thích Trí Quang dịch) Trong 4 đạo lý, đạo lý 1, 2 và 3 là sự thật tương đối; đạo lý 4 là sự thật tuyệt đối.

558 Sáu thứ hiện quán: 1. Tự hiện quán: Trí tuệ hiện quán sinh khởi cùng lúc với hỷ thọ do tự duy mà có được; 2. Tín hiện quán: Có đủ niềm tin hữu lậu, vô lậu quyết định đối với Tam bảo, có thể giúp cho trí hiện quán không chuyển lui; 3. Giới hiện quán: Đạt được giới vô lậu, có thể trừ cấu uế, khiến cho hiện quán được rõ ràng; 4. Hiện quán trí để hiện quán: Chỉ cho trí Căn bản và trí Hậu đắc ở giai vị Kiến đạo và Tu đạo có năng lực quán chiếu bản thể chân như; 5. Hiện quán biên trí để hiện quán: Trí tuệ hữu lậu và vô lậu quán xét các pháp sai biệt sau khi trí Hiện quán biên sinh khởi. Cũng tức là trí Căn bản và trí Hậu đắc quán xét tướng chân như (an lập đế) sau khi quán chiếu bản thể chân như (phí an lập đế). Đây là Hiện quán biên, hoặc Hiện quán biên thể tục trí nói trong luận Cầu xá, nó tương đương với Thế tục trí ở vị lai (pháp rốt ráo không sinh). 6. Cứu cánh hiện quán: Chỉ cho 10 trí vô lậu của vị cứu cánh. Trong 6 loại Hiện quán này, 3 loại trước là pháp hiện quán cầu khởi, còn 3 loại sau là tự tính của Hiện quán. (Xem *Hiển dương, phẩm Thành hiện quán*, quyển 17)

559 Tức 12 phần giáo, hay 12 loại thể văn và sự lý trong tất cả các kinh: 1- Khế kinh (Sūtra); 2- Trưng tụng (Gaya); 3- Thọ ký (Vyākaraṇa); 4- Phúng tụng (Gāthā); 5- Tự thuyết (Udāna); 6- Nhân duyên (Nidāna); 7- Thí dụ (Avadāna); 8- Bản sự (Itivṛtaka); 9- Bản sanh (Jātaka); 10- Phương quảng (Vaipulya); 11- Vị tăng hữu (Adbhutahdharma); 12- Luận thuyết (Upadisa).



- (22) **Sở giác:** Là mọi loại pháp nghĩa được thuyết, gọi là sở giác.
- (23) **Thượng:** Là các quả sa-môn.
- (24) **Viễn ly:** Là năm thứ viễn ly: 1. Viễn ly ác hành; 2. Viễn ly dâm dục; 3. Viễn ly đồ dưng; 4. Viễn ly tụ hội⁵⁶⁰; 5. Viễn ly phiền não.
- (25) **Chuyên:** Là ba cõi và năm thú.
- (26) **Tàng hộ:** Là lưu luyến quá khứ, mong cầu vị lai, tham đắm hiện tại.
- (27) **Giản trạch:** Là nhất hành, thuận tiền cú, thuận hậu cú, sự cú, vô sự cú. Lại có pháp hữu sắc, pháp vô sắc, pháp hữu kiến, pháp vô kiến, pháp hữu đối, pháp vô đối, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu tịnh, pháp vô tịnh, pháp có dính mắc mùi vị, pháp không dính mắc mùi vị, pháp dựa vào ưa đắm, pháp dựa vào xuất ly, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp nhiếp thuộc, pháp không nhiếp thuộc, pháp ở trong, pháp ở ngoài, pháp thô, pháp tế, pháp hơn, pháp kém, pháp xa, pháp gần, pháp có sở duyên, pháp không sở duyên, pháp tương ưng, pháp không tương ưng, pháp hữu hành, pháp vô hành, pháp có sở y, pháp không sở y, pháp là nhân, pháp không phải nhân, pháp là quả, pháp không phải quả, pháp dị thực, pháp không phải dị thực, pháp có nhân, pháp không có nhân, pháp có quả, pháp không có quả, pháp có dị thực, pháp không có dị thực, pháp có chấp thọ, pháp không có chấp thọ, pháp bốn đại chủng tạo, pháp không phải bốn đại chủng tạo, pháp đồng phần, pháp bị đồng phần⁵⁶¹, pháp hữu thượng, pháp vô thượng, pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp thiện,

560 Tức viễn ly sự náo động.

561 Có hoạt động tự thân gọi là đồng phần 同分; không có hoạt động tự thân gọi là bị đồng phần 彼同分. Trong 18 giới (nội: 6 căn, 6 thức. Ngoại: 6 cảnh), pháp giới là đồng phần, 17 giới còn lại đều có đồng phần và bị đồng phần. Xem luận Câu xá, quyển 2, phẩm Phân biệt giới.



pháp bất thiện, pháp vô ký, pháp Dục hệ, pháp Sắc hệ, pháp Vô sắc hệ, pháp hữu học, pháp vô học, pháp phi hữu học, pháp phi vô học, pháp kiến [sở] đoạn, pháp tu [sở] đoạn, pháp vô đoạn⁵⁶².

Lại có bốn duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên.⁵⁶³

Lại có bốn y: 1. Y theo pháp, không y theo chúng sinh; 2. Y theo nghĩa, không y theo văn; 3. Y theo kinh liễu nghĩa, không y theo kinh bất liễu nghĩa⁵⁶⁴; 4. Y theo trí, không y theo thức.

Lại có bốn vô lượng, bốn niệm trú, bốn chánh đoạn, bốn thân túc, năm căn, năm lực, bảy biến giác chi, tám Thánh đạo chi, bốn thứ hành, bốn pháp tích, xa-ma-tha, tỳ-bát-xá-na, tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ v.v...

(28) **Hiện hành:** Là các phiền não trói buộc.

(29) **Thụy miên:** Là các phiền não tùy miên.

(30) **Tương thuộc:** Là sáu xứ có một y chi [là cái thân], cùng [triển chuyển] hỗ tương hệ thuộc. Lại có các pháp năng dẫn nhiếp các pháp khác; các pháp ấy [năng dẫn và sở dẫn] cùng triển chuyển hỗ tương hệ thuộc. Lại có các căn và cảnh giới, [là pháp] năng thủ và sở thủ, cùng hỗ tương hệ thuộc.

(31) **Tương nhiếp:** Có mười một thứ tương nhiếp: 1. Giới nhiếp;

562 Kiến sở đoạn là các phiền não được đoạn trừ ở giai đoạn kiến đạo, thấy được để lý. Tu sở đoạn các phiền não được đoạn trừ ở giai đoạn tu đạo, tức ở niệm tâm thứ 16. Vô đoạn hay phi sở đoạn là các pháp vô lậu không phải là pháp được đoạn trừ được xếp vào phi sở diệt.

563 Nhân duyên là cái nhân làm duyên tố. Đẳng vô gián duyên là nói sự mất đi của giai đoạn trước làm duyên tố cho giai đoạn sau sinh ra. Sở duyên duyên là đối cảnh làm duyên tố. Tăng thượng duyên là dữ kiện thêm lên làm duyên tố.

564 Kinh liễu nghĩa là kinh nghĩa lý cứu cánh, thuộc chân thật thuyết. Kinh bất liễu nghĩa là kinh nghĩa lý chưa cứu cánh, thuộc phương tiện thuyết.



2. Tướng nhiếp; 3. Chủng loại nhiếp; 4. Phần vị nhiếp; 5. Bất tương ly nhiếp; 6. Thời nhiếp; 7. Phương nhiếp; 8. Toàn phần nhiếp; 9. Nhất phần nhiếp; 10. Thắng nghĩa nhiếp; 11. Hỗ tương nhiếp.

(32) **Tương ưng:** Có năm thứ [đồng hành tương ưng]⁵⁶⁵: 1. Cùng tha tánh tương ưng, chẳng phải tự tánh⁵⁶⁶; 2. Trong tha tánh tương ưng, cùng pháp bất tương vi tương ưng, chẳng phải pháp tương vi⁵⁶⁷; 3. Trong pháp bất tương vi tương ưng, cùng hạ, trung, thượng phẩm tương tự tương ưng, chẳng phải không tương tự⁵⁶⁸; 4. Trong hạ, trung, thượng phẩm tương tự tương ưng, cùng đồng thời tương ưng, chẳng phải dị thời⁵⁶⁹; 5. Trong đồng thời tương ưng, cùng đồng [phần giới] địa tương ưng, chẳng phải dị [phần giới] địa⁵⁷⁰.

(33) **Thuyết:** Là bốn thứ ngôn thuyết: 1. Kiến ngôn thuyết; 2. Văn ngôn thuyết; 3. Giác ngôn thuyết; 4. Tri ngôn thuyết.⁵⁷¹

(34) **Nhiệm trì:** Là bốn loại thức ăn: 1. Đoạn thực; 2. Xúc thực; 3. Ý tư thực; 4. Thức thực.

(35) **Thứ đệ:** Là năm loại thứ đệ⁵⁷²: 1. Thứ đệ lưu chuyển⁵⁷³;

565 Khi duyên với một đối tượng thì tâm và tâm sở triển chuyển đồng hành.

566 Như tâm không cùng tâm khác tương ưng, như thọ không cùng thọ khác tương ưng v.v...

567 Như tham và sân không tương ưng, thiện và bất thiện không tương ưng v.v...

568 Như sơ tính lự có hạ, trung, thượng phẩm huân tu không tương ưng với đệ nhị tính lự cũng có hạ, trung, thượng phẩm huân tu. Như thân, thọ, tâm, pháp, mỗi một có 3 phẩm hạ, trung, thượng; hạ phẩm của thân không tương ưng với hạ phẩm của thọ v.v...

569 Như pháp hiện tại và pháp vị lai không tương ưng.

570 Như Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới không tương ưng, như sơ tính lự và đệ nhị tính lự không tương ưng v.v...

571 Nói năng (ngôn thuyết) là ngôn ngữ xuất từ thấy, nghe, hay, biết (kiến, văn, giác, tri). Ý thức có vô số cái biết và vô số sự phân biệt sinh ra, nó phân biệt kể đạt khắp cả toàn thể, nên gọi là biến kể. Biến kể do thấy, nghe, hay, biết mà khởi lên ngôn ngữ làm phương tiện để kể đạt khắp cả.

572 Du-già sư địa luận, quyển 13, thêm thứ đệ thứ 6 là thứ đệ đẳng chí, tức 9 thứ đệ định. (tr. 346c15)

573 Thứ đệ lưu chuyển là mặt lưu chuyển của 12 nhân duyên: vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử.



2. Thứ đệ thành sở tác⁵⁷⁴; 3. Thứ đệ tuyên thuyết⁵⁷⁵; 4. Thứ đệ sinh khởi⁵⁷⁶; 5. Thứ đệ hiện quán⁵⁷⁷.

(36) **Sở tác:** Là tám thứ sở tác: 1. Y chỉ diệt; 2. Y chỉ chuyển; 3. Biến tri sở duyên; 4. Hỷ lạc sở duyên; 5. Đắc quả; 6. Ly dục; 7. Chuyển căn; 8. Phát khởi thần thông.⁵⁷⁸

(37) **Cảnh:** Là bốn thứ sở duyên: 1. Biến mãn sở duyên; 2. Tịnh hành sở duyên; 3. Thiện xảo sở duyên; 4. Tịnh phiền não sở duyên.⁵⁷⁹

(38) **Du-già:** Có bốn thứ hay chín thứ.

Bốn thứ: 1. Tín; 2. Dục; 3. Chánh cần; 4. Phương tiện.

Chín thứ: 1. Thế gian đạo; 2. Xuất thế gian đạo; 3. Phương tiện đạo; 4. Vô gián đạo; 5. Giải thoát đạo; 6. Thăng tiến đạo; 7. Hạ phẩm đạo; 8. Trung phẩm đạo; 9. Thượng phẩm đạo.

574 Thứ đệ thành sở tác là xuất gia, thọ cụ túc giới, tu 7 phương tiện (quán bất tịnh, quán hơi thở, bốn niệm xứ, noãn pháp, đánh pháp, nhãn pháp và thế đệ nhất pháp), được kiến đạo v.v...

575 Thứ đệ tuyên thuyết: Tuyên thuyết chánh pháp theo tinh thần bốn chánh đoạn, hay trước nêu vấn đề sau giải thích, hay chỉ dạy lợi mừng. Thị giáo lợi hỷ (chỉ dạy lợi mừng), là lối thuyết pháp của Phật và Bồ tát, theo đó thị là trình bày cho người nghe rõ thiện ác, tốt xấu; giáo là thuyết phục người nghe bỏ ác làm lành, rời xấu theo tốt; lợi là chỉ ra sự lợi ích của việc thực hành ấy; hỷ là tán thưởng sự thực hành ấy cho người nghe vui mừng.

576 Thứ đệ sinh khởi như hạt giống, nảy mầm, thân, cành, lá, hoa, quả.

577 Thứ đệ hiện quán: Có 4: phát khởi, chứng đắc, đẳng lưu và thành mãn. Có 8: pháp trú trí, cầu tự tâm trí, trú tự tâm trí, trừ tâm phược trí, bố hành tương ưng trí, vô nhị phần biệt trí, bất thiện thanh tịnh trí và thiện thanh tịnh trí. Có 7: thi-la, vô hối, tâm định, như thật trí kiến, viễn ly nghi hoặc, thuần tịnh xuất ly khổ đạo và trí hành sai biệt. (Xem phẩm Thành hiện quán)

578 Tám thứ sở tác: 1. Y chỉ diệt, là lấy sự diệt ác làm y chỉ; 2. Y chỉ chuyển, lấy sự sinh thiện làm y chỉ; 3. Biến tri sở duyên, là biến tri khổ tập, các pháp duyên sinh, đưa đến viễn ly; 4. Hỷ lạc sở duyên, là hỷ lạc diệt đạo, đưa đến giải thoát; 5. Đắc quả, là được bốn quả sa-môn; 6. Ly dục, là tinh tiến ly dục; 7. Chuyển căn, chuyển đổi căn tánh, từ hạ lên trung, từ trung lên thượng; 8. Phát khởi thần thông, là định tăng thượng dẫn ra thần thông.

579 Bốn thứ sở duyên: 1. Biến mãn sở duyên, có 4: có phân biệt ảnh tượng, không phân biệt ảnh tượng, biến tế các pháp và sở tác thành tựu (Ghi chú: đối cảnh có phân biệt là đối cảnh do tác ý thắng giải; đối cảnh không phân biệt là đối cảnh do tác ý chân thật; đối cảnh biến tế các pháp là tánh tận sở hữu và tánh như sở hữu; đối cảnh sở tác thành tựu là sở duyên của chuyển y. Số 1 là sở duyên của chỉ, số 2 là sở duyên của quán, số 3 và 4 là sở duyên của cả chỉ quán.); 2. Tịnh hành sở duyên, có 5: nhiều tham, nhiều sân, nhiều si, kiêu mạn và tâm tư; 3. Thiện xảo sở duyên, có 5: uẩn, giới, xứ, duyên khởi, xứ phi xứ; 4. Tịnh phiền não sở duyên, có 3: các tướng thô, tinh v.v..., chân như và bốn Thánh đế.



(39) **Xa-ma-tha**: Là chín thứ tâm trú.⁵⁸⁰

(40) **Quán (tỳ-bát-xá-na)**: Là ba thứ sự quán, hoặc bốn thứ quán, hoặc sáu sự sai biệt sở duyên quán.

Ba thứ sự quán: 1. Quán hữu tướng; 2. Quán tầm cầu; 3. Quán thâm sát.

Bốn thứ quán: 1. Quán giản trạch các pháp; 2. Quán cực giản trạch các pháp; 3. Quán trừ lượng khắp cả; 4. Quán thâm sát khắp cả.

Sáu sự sai biệt sở duyên quán: 1. Quán nghĩa sở duyên; 2. Quán sự sở duyên; 3. Quán tướng sở duyên; 4. Quán phần sở duyên; 5. Quán thời sở duyên; 6. Quán đạo lý sở duyên.⁵⁸¹

(41) **Các tác ý**: Là bảy thứ tác ý: 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác ý thắng giải; 3. Tác ý viễn ly; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý phương tiện cứu cánh; 7. Tác ý phương tiện cứu cánh quả.⁵⁸²

580 Du-già sư địa luận, quyển 30, phẩm Xà ma tha nói đến chín thứ tâm trú: "Một, nội trú, còn gọi là linh trú, tối sơ trú, tức là nhiếp thu nương vào tất cả mọi cảnh duyên bên ngoài, xa lìa tán loạn bên trong, mà khiến cho tâm mình chấp chặt vào cảnh. Hai, đẳng trú, hay là chánh niệm trú, là nhiếp tâm mình vào cảnh động mạnh, khiến tâm mình trú khắp cảnh vi tế. Ba, an trú, hay là phủ thâm trú, là xa lìa tán loạn cùng thất niệm, đem tâm mình trú vào cảnh bên trong. Bốn, cận trú, còn gọi là hậu biệt trú, là gần gũi niệm trú nên lúc nào cũng tác ý. Năm, điều thuận, còn gọi là điều nhu trú, là đem tâm điều phục không cho tan chảy. Sáu, tịch tĩnh, còn gọi là tịch tĩnh trú, thường thấy cái ác tâm tư sâu xa, cùng lỗi lầm của tùy phiền não, cho đến đem tâm nhiếp phục. Bảy, tối cực tịch tĩnh, còn gọi là hàng phục trú, là chế phục do mất niệm mà hiện khởi tâm từ ác cùng tùy phiền não. Tám, chuyên chú như thú, còn gọi là công dụng trú, là nhờ công lực mà định lực được tương tục. Chín, đẳng trì, còn gọi là bình đẳng nhiếp trì, hay nhiếp vận trì, là từ nơi nhân duyên tu tập luôn luôn, khiến cho định tâm của vô công dụng chuyển liên tục." (tr. 450c15~451a19)

581 Nghĩa, là khổ, vô thường, v.v... nghĩa sai biệt (quán này là tiền phương tiện ở kiến đạo). Sự, là các sự có tác dụng, như dụng của tập sinh khổ v.v..., là uẩn, xứ, giới. Tướng, là thể tướng của diệt đế. Phần hay phẩm, là pháp thượng, trung, hạ phẩm, hoặc là đạo đế của ba thừa có các phẩm loại. (Quán sự, tướng và phẩm là ở kiến đạo vị) Thời, là quán sinh khởi ở sau kiến đạo, là quán ba đời ở giai đoạn tu đạo. Đạo lý, là quán 4 thứ đạo lý ở vô học đạo.

582 Tác ý liễu tướng, là tác ý có năng lực giác liễu chính xác thô tướng của Dục giới và tinh tướng của sơ tinh lự. Giác liễu thô tướng của Dục giới là giác liễu 6 sự tâm tư ở Dục giới: nghĩa, sự, tướng, phẩm, thời và đạo lý. Giác liễu tinh tướng của sơ tinh lự, là biết sơ tinh lự có tính tánh, ngoài ra, tất cả thô tướng của Dục giới không phải là tính tánh. Tác ý thắng giải, là khi tu chỉ và quán, đối với các thô tướng và tinh tướng của Dục giới phát khởi thắng giải. Tác ý viễn ly, là từ sự thắng giải ấy, khéo tu, khéo tập, khéo tu tập thật nhiều lần duyên tổ để đoạn phiền não. Tác ý nhiếp lạc, là khi các phiền não thô trọng ở Dục giới được đoạn trừ thì thấy được các công đức thù thắng, xúc chứng được chút

(42) **Giáo thọ**: Là năm thứ giáo thọ: 1. Giáo thọ giáo; 2. Giáo thọ chứng; 3. Giáo thọ tùy thứ; 4. Giáo thọ không điền đảo; 5. Giáo thọ thần biến.⁵⁸³

(43) **Đức**: Như trên đã nói về các pháp công đức như bốn vô lượng, tám giải thoát v.v...

(44) **Bồ-đề**: Là ba loại bồ-đề: 1. Thanh văn bồ-đề; 2. Độc giác bồ-đề; 3. Vô thượng chánh đẳng bồ-đề.

(45) **Thánh giáo**: Là tiếp nhận quy y, chế lập học xứ, xây dựng thánh giả, thiết lập tư liệu từ thầy, luận giải về bố thí, trì giới, sinh thiên, quả trách mùi vị dục ái, chỉ bày tội lỗi của dục, nói rõ pháp tạp nhiễm và pháp thanh tịnh, dạy dẫn sự xuất ly, xưng tán các công đức, nói rộng tất cả phân pháp về thanh tịnh.

Lại nữa, kệ tụng:

Nếu muốn chánh tu hành

Biến tri đẳng công đức

Cần mười thứ pháp hành

Và sáu thứ lý thú. (kệ 21)

[501c17] Luận giải: Các hành giả đối với chín sự đã nói, muốn tu hành chính xác, muốn biến tri, vĩnh đoạn, tác chứng, tu tập các công

phần hỷ lạc do viễn ly; từ hỷ lạc ấy mà đoạn được hôn trầm, thuy miên, trạo cử. Tác ý quán sát, là từ sự lạc do đoạn, sự lạc do tu, chánh tu gia hành thiện phẩm niệm trì, không cho các phiền não Dục giới hiện hành. Tác ý phương tiện cứu cánh, còn gọi là tác ý gia hành cứu cánh, là lúc nào cũng tu tập thêm lên, quán sát đối trị phiền não trói buộc của Dục giới, nên tâm được ly hệ; tuy nhiên chúng từ phiền não vẫn chưa đoạn trừ vĩnh viễn, cho nên phải tác ý đối trị tất cả phiền não ở tiền gia hành đạo của sơ tinh lự. Tác ý phương tiện cứu cánh quả, còn gọi là tác ý gia hành cứu cánh quả, là từ sự không cách hờ tác ý làm nhân tố chứng nhập căn bản sơ tinh lự định, nói cách khác là tác ý câu hành với căn bản sơ tinh lự định. (Du-già sư địa luận, quyển 33, tr. 465b29~466c23)

583 Giáo thọ là chỉ dạy trao truyền. Giáo, là giáo pháp. Chứng, là lý pháp. Tùy thứ, là pháp môn quán hành. Không điền đảo, là ba sự giáo thọ trên thích ứng căn cơ, tâm không tán động. Thần biến, là thần thông giáo hóa chúng sinh.



đức v.v... thì cần phải tu học mười thứ pháp hành và sáu thứ lý thú.

Mười thứ pháp hành đã nói ở trước.⁵⁸⁴

Sáu thứ lý thú: 1. Lý thú chân nghĩa; 2. Lý thú chứng đắc; 3. Lý thú giáo đạo; 4. Lý thú ly nhị biên; 5. Lý thú bất tư nghị; 6. Lý thú ý lạc.⁵⁸⁵

584 Xem Hiển dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 2, mục Các hành.

585 Xem Hiển dương, quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo Quyển Năm

Phẩm Hai

NHIẾP TỊNH NGHĨA (Phần 1)

[502a07] Như vậy đã nói về **chín sự**, nay nói về **tịnh nghĩa**.

Kệ tụng:

Thắng luận trong các luận

Cũng khéo nhập Du-già

Nên biết thanh tịnh nghĩa

Do đủ bốn tịnh đức. (kệ 1)

[502a10] Luận giải:

Thắng luận trong các luận: Luận Hiển dương Thánh giáo này rất là thù thắng hơn các luận khác. Các luận nào? Lược có bốn loại:

1. *Tượng chánh pháp luận:* Là dựa vào Thánh giáo để [giải thích] điền đảo pháp tướng.⁵⁸⁶

2. *Ngoại y trị luận:* Là y phương trị bệnh ở ngoài.

3. *Cật tránh luận:* Là những suy đặc hư vọng của ngoại đạo.

4. *Kiểu cưỡng luận:* Là các chú thuật tà ác của bà-la-môn.

586 Tượng chánh pháp hay tượng tự chánh pháp là không phải chánh pháp thật sự, có thể chướng ngại chánh pháp. Pháp tướng tức tướng trạng, nghĩa tướng và thể tướng của các pháp. Điền đảo là hiểu sai chánh pháp mà giải thích pháp tướng, là hiển phát khai thị phi pháp làm pháp, không thuận khế kinh.



Vì sao luận này hơn hẳn các luận khác? Vì luận này hiển thị các pháp tướng theo cách không điên đảo, hoàn toàn chữa bệnh nội tâm, đối trị các tranh luận cật vấn và các chú thuật tà ác.

Lại nữa, luận này có được bốn thứ luận mà các luận khác không có, vì vậy nó tối thắng. Bốn luận thuyết nào? 1. Phi nhị biên luận; 2. Phi nhất hướng luận; 3. Nhất thiết thủ đoạn biến tri luận; 4. Lập chánh tướng luận.

Phi nhị biên luận: Là phi hữu, phi vô, phi dị, phi bất dị, phi ngã, phi vô ngã, phi thường, phi đoạn. Như vậy các luận thuyết.

Phi nhất hướng luận: 1. Không phải tất cả lạc thọ đều nên tập quen, nghĩa là nó có thể dẫn đến việc không có nghĩa lợi; 2. Không phải tất cả lạc thọ đều không nên tập quen, nghĩa là nó có thể dẫn đến việc có nghĩa lợi. Khổ thọ cũng giống như lạc thọ. Như vậy các luận thuyết.

Nhất thiết thủ đoạn biến tri luận: Là luận thuyết biết thấu đáo⁵⁸⁷ về sự đoạn trừ dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ và ngã ngữ thủ⁵⁸⁸.

Lập chánh tướng luận: Là không điên đảo về tánh giả thi thiết của tất cả các pháp, bao gồm tự tướng, cộng tướng, nhân tướng và quả tướng. Như vậy các luận thuyết.

[502a26] **Cũng khéo nhập Du-già:** Có bốn thứ Du-già: 1. Tín; 2. Dục; 3. Chánh cần; 4. Phương tiện.⁵⁸⁹ Luận này khéo thuận bốn thứ Du-già nên gọi là khéo nhập Du-già.

587 Biến tri: Biết thấu đáo, biết toàn bộ.

588 Trung A-hàm, kinh Sư tử hồng, số 103, nói các sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ một, hoặc hai, hoặc ba thủ (dục, kiến, giới cấm) chứ không đề cập đến đoạn trừ ngã thủ (ngã ngữ thủ, ngã luận thủ). Phật giáo chủ trương đoạn trừ tất cả thủ. Thủ trong 12 duyên khởi bao gồm 4 thủ này: "Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủ? Đây các Tỷ-kheo, có bốn thủ này: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã luận thủ. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là thủ." (Tương ưng bộ kinh, Tương ưng nhân duyên)

589 Xem phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 3, tr. [513c25].



[502a28] **Nên biết thanh tịnh nghĩa:** Nên biết sự thiết lập [Du-già] có thể hiển thị *bất cộng đức*⁵⁹⁰, tên thứ hai [của thanh tịnh nghĩa].

[502b01] **Do đủ bốn tịnh đức:** Muốn hiển thị tên này thì phải kiến lập đúng theo nghĩa.

Vì sao luận này có đủ bốn tịnh đức? Kệ tụng:

Nhiếp tất cả các nghĩa

Ngoại đạo không hoại được

Vì dễ nhập; đã nhập

Tu hành không hoại mất. (kệ 2)

[502b05] **Vì nhiếp tất cả nghĩa:** Luận này nhiếp tất cả nghĩa, đó là chín thứ nghĩa, hoặc mười thứ nghĩa, hoặc năm thứ nghĩa, hoặc bốn thứ nghĩa.

Chín thứ nghĩa: Đã nói trong phẩm Nhiếp sự.

Mười thứ nghĩa: 1. Nghĩa tận sở tri; 2. Nghĩa như sở tri; 3. Nghĩa năng thủ; 4. Nghĩa sở thủ; 5. Nghĩa sở y trú; 6. Nghĩa sở thọ dụng; 7. Nghĩa điên đảo; 8. Nghĩa không điên đảo; 9. Nghĩa tạp nhiễm; 10. Nghĩa thanh tịnh.

Nghĩa tận sở tri: Là tận cùng biên cương tất cả chủng loại sai biệt trong các pháp tạp nhiễm và thanh tịnh, gọi là nghĩa tận sở tri, như năm số về uẩn, sáu số về nội xứ, ... những pháp số đại loại như vậy.

Nghĩa như sở tri: Là thật tánh chân như nơi các pháp tạp nhiễm và thanh tịnh, gọi là nghĩa như sở tri. Chân như ấy có bảy thứ: *chân như nơi sự lưu chuyển* cho đến *chân như nơi sự chánh hành*.⁵⁹¹

590 Bất cộng đức: Công đức của Phật, không phải hàng Nhị thừa có thể có được công đức ấy.

591 Xem lại mục Tướng tác ý chân như, phẩm Nhiếp sự, phần 3.



Nghĩa năng thủ: Là năm sắc xứ ở trong, là tâm ý thức⁵⁹² và các tâm pháp.

Nghĩa sở thủ: Là sáu xứ ở ngoài, và nghĩa năng thủ cũng là nghĩa sở thủ.

Nghĩa sở y trú: Là thế giới ở ngoài, dựa đây làm nơi cư trú cho giới hữu tình, tức ruộng đất một thôn, ruộng đất một trăm thôn, ruộng đất một ngàn thôn, ruộng đất một trăm ngàn thôn, cứ như thế nói rộng, cho đến ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến vô số trăm ngàn [đại thiên] thế giới [tại một phương] nhiều như số lượng vi trần; ở khắp mười phương có vô lượng vô số những thế giới như vậy.

Nghĩa sở thọ dụng: Là những hỗ trợ và đồ dùng của chúng sinh.⁵⁹³

Nghĩa diên đảo: Là đối với những sự từ nghĩa năng thủ sắp đi trên đây mà tưởng diên đảo, tâm diên đảo và thấy diên đảo cho vô thường là thường; tưởng diên đảo, tâm diên đảo và thấy diên đảo cho khổ là vui, cho bất tịnh là tịnh, cho vô ngã là ngã.

Nghĩa không diên đảo: Nên biết là trái ngược với những sự diên đảo ở trên, có sức đối trị những sự diên đảo ấy.

Nghĩa tạp nhiễm: Là ba sự tạp nhiễm khắp cả ba cõi: một là phiền não tạp nhiễm, hai là nghiệp tạp nhiễm, ba là sinh tạp nhiễm.

Nghĩa thanh tịnh: là tu tập những pháp bồ-đề phần có sức cởi mở sự thất buộc của ba sự tạp nhiễm nói trên.

Mười thứ nghĩa như trên, nên biết đã bao quát tất cả các nghĩa.

592 Tâm ý thức, gọi tắt là tâm thức, trong đó tâm là A-lại-da, ý là Mạt-na, thức là 6 thức, tổng cộng có 8 thức.

593 Có 7 sự hỗ trợ (nhiếp thọ): 1. Cha mẹ; 2. Vợ con; 3. Tôi tớ; 4. Anh em, bạn bè, cộng sự, bà con; 5. Ruộng vườn, nhà cửa, quán xá; 6. Sự nghiệp và phương tiện làm việc; 7. Kho tàng (ngân quỹ). Có 10 thứ đồ dùng: thức ăn, nước uống, y phục, xe thuyền, bông hoa, vật thơm, vật thoa, giường ghế, chỗ ở, đèn đuốc.



[502b29] **Năm thứ nghĩa**: 1. Sự sở biến tri; 2. Nghĩa sở biến tri; 3. Ứng tri biến tri; 4. Quả đắc biến tri; 5. Thọ dụng quả biến tri.

Sự sở biến tri: Là tất cả pháp sở tri, tức các uẩn sự, các nội xứ sự, các ngoại xứ sự, những sự như vậy.

Nghĩa sở biến tri: Là bao nhiêu phẩm loại khác nhau mà cần biết về sự ở trên, tức hoặc thế tục để với thắng nghĩa đế; hoặc công đức với tội lỗi; hoặc các duyên với ba đời⁵⁹⁴, hoặc tướng trạng khởi trú hoại⁵⁹⁵, hoặc như bệnh tật, [như ung thối, như trúng tên, như đau đốn]; hoặc khổ, tập, [diệt, đạo]; hoặc chân như, thật tế, pháp giới, [và những danh hiệu cùng loại]⁵⁹⁶; hoặc phong phú với khái quát; hoặc bốn loại vấn ký: quyết định, phân tách, hỏi lại và lặng bỏ⁵⁹⁷; hoặc những vấn ký ẩn mật và minh bạch; những pháp như vậy nên biết là nghĩa sở biến tri.

Ứng tri biến tri⁵⁹⁸: Là những pháp bồ-đề phần có sức thủ đắc hai loại biến tri ở trên, [tức bốn niệm trú, bốn chánh đạo, và những pháp số cùng loại.]

Quả đắc biến tri: Là bốn quả sa-môn đã vĩnh diệt tham dục, sân khuê, ngu si và sự đoạn trừ tham sân si không còn sót⁵⁹⁹, cùng với

594 Các duyên là 4 duyên: nhân duyên, đẳng vô gián duyên, sở duyên duyên và tăng thượng duyên; chỉ không gian tánh. Ba đời chỉ cho thời gian tánh.

595 Khởi là sinh. Trú là thành. Hoại là bại hay diệt. Chỉ cho tánh chất của pháp hữu vi.

596 Luận Biện trung biên nói có 6 tên: không, chân như, thật tế, vô tướng, thắng nghĩa tánh, pháp giới. A-tỳ-đạt-ma Tập luận nói 7 tên, thêm vô ngã tánh. Đại niết bàn nói 12 tên: chân như, pháp giới, pháp tánh, bất hư vọng tánh, bất biến dị tánh, bình đẳng tánh, ly sinh tánh, pháp định (pháp vị), pháp trú, thật tế, hư không giới, bất tự nghị giới. Đại bát nhã nói 11 tên, thiếu ly sinh tánh.

597 Bốn loại vấn ký hay bốn loại ký luận: Nhất hướng ký, phân biệt ký, phản vấn ký (cật vấn ký) và trí ký (chỉ ký).

598 Ứng tri biến tri = Nhân biến tri.

599 Chánh văn: Đắc biến tri quả giả vị vĩnh diệt tham dục sân khuê ngu si cập vô di dư tham sân si đoạn tứ sa môn quả, 得遍知果者謂永滅貪欲瞋恚愚癡及無遺餘貪瞋癡斷四沙門果. Kinh giải thâm mật và Du-già sư địa luận, quyển 717: Đắc biến tri quả giả: Vị tham khuê si đoạn tứ nại da cập tham khuê si nhất thiết vĩnh đoạn chư sa môn quả, 得遍知果者: 謂貪恚癡斷毗 奈耶及貪恚癡一切永 斷諸沙門果. HT. Thích Trí Quang dịch: “Quả biến tri là các sa môn quả đã tạm diệt tham sân si và vĩnh diệt tham sân



những công đức tác chứng bốn quả sa-môn mà Như lai đã nói, tức những công đức cộng hữu hay đặc hữu mà bao gồm cả thế gian và xuất thế của Thanh văn, Độc giác và Như lai.

Thọ dụng quả biến tri: Chính là những công đức chứng quả sa môn nói trên, tức các trí giải thoát dùng khai thị, diễn thuyết, phân biệt một cách phong phú cho người.

Năm thứ nghĩa như trên, nên biết cũng bao quát tất cả các nghĩa.

[502c15] **Bốn thứ nghĩa:** 1. Nghĩa tâm sở chấp; 2. Nghĩa lãnh nạp; 3. Nghĩa liễu biệt; 4. Nghĩa tạp nhiễm thanh tịnh.⁶⁰⁰

Bốn thứ nghĩa như trên, nên biết cũng bao quát tất cả các nghĩa.

Ba thứ nghĩa: 1. Nghĩa văn; 2. Nghĩa nghĩa; 3. Nghĩa giới.

Nghĩa văn: Là danh thân, cú thân và văn thân.

Nghĩa nghĩa: 1. Sự chân thật; 2. Sự biến tri; 3. Sự vĩnh đoạn; 4. Sự tác chứng; 5. Sự tu tập; 6. Sự sai biệt của các sự nói trên; 7. Sự tương thuộc của sở y và năng y; 8. Sự chương ngại của sự biến tri cho đến sự tu tập; 9. Sự tùy thuận của sự biến tri cho đến sự tu tập; 10. Tội lỗi với công đức của sự bất tri với sự biến tri, cho đến sự bất tu với sự tu tập.

Nghĩa giới: Là năm loại giới: 1. Khí thể giới; 2. Hữu tình thể giới; 3. Pháp giới; 4. Sở điều phục giới⁶⁰¹; 5. Sở điều phục phương tiện giới⁶⁰².

si.” và ghi chú: “Tạm diệt tham sân si: Tạm diệt, chính văn là đoạn tỉ nại da. Tỉ nại da là khuấy phục, đoạn tỉ nại da dịch đủ là sự diệt trừ (đoạn) chỉ mới làm cho khuấy phục (tỉ nại da).”

600 Có 2 giải thích: 1. Tâm chấp thọ, 3 thọ, các thức, nhiễm tịnh; 2. Bốn niệm trú: thân, thọ, tâm, pháp.

601 Giới người được điều phục.

602 Giới phương pháp điều phục.



Ba thứ nghĩa như trên, nên biết cũng bao quát tất cả các nghĩa.

[502c26] **Ngoại đạo không hoại được:** Tất cả ngoại đạo không thể hủy hoại các nghĩa ở trên, vì họ không thể chế phục lý luận của chánh đạo.

Tất cả ngoại đạo lược có năm loại: 1. Ngoại đạo thuyết ngã⁶⁰³; 2. Ngoại đạo thuyết thường⁶⁰⁴; 3. Ngoại đạo thuyết đoạn⁶⁰⁵; 4. Ngoại đạo

603 Các học phái ngoại đạo ở Ấn độ chia “ngã” thành 16 loại, thường gọi là 16 tri kiến 十六知見 hoặc 16 thần ngã 十六神我, chỉ cho 16 kiến chấp đối với pháp 5 âm. Tri kiến là biết và thấy, tức cho rằng ngã có năng lực biết và thấy. Mười sáu tri kiến: 1. Ngã: Trong 5 âm, vọng chấp có thực ngã, ngã sở; 2. Chúng sinh: Trong pháp 5 âm hòa hợp, vọng chấp có chúng sinh từ đó sinh ra; 3. Thọ giả: Trong 5 âm, vọng chấp có thọ mạng dài ngắn; 4. Mạng giả: Trong 5 âm, vọng chấp mạng căn của ta liên tục không đứt mất; 5. Sinh giả: Trong 5 âm, vọng chấp ta có khả năng sinh khởi các việc, trong vị lai ta sẽ sinh vào cõi người; 6. Dưỡng dục: Trong 5 âm, vọng chấp ta sinh ra được cha mẹ nuôi nấng và ta có thể nuôi dưỡng người khác; 7. Chúng số: Trong 5 âm, vọng chấp ta có con số các pháp như 5 âm, 12 nhập, 18 giới; 8. Nhân: Trong 5 âm, vọng chấp ta là người có khả năng tu hành, khác với người không có khả năng tu hành; 9. Tác giả: Trong 5 âm, vọng chấp ta có sức mạnh của thân thể, tay chân và có năng lực làm việc; 10. Sở tác giả: Trong 5 âm, vọng chấp ta có thể sai khiến người khác làm việc; 11. Khởi giả: Trong 5 âm, vọng chấp ta có năng lực khởi tạo các nghiệp tội phước ở đời sau; 12. Sở khởi giả: Trong 5 âm, vọng chấp ta có thể sai khiến người khác khởi tạo các nghiệp tội phước ở đời sau; 13. Thọ giả: Trong 5 âm, vọng chấp thân sau của ta sẽ nhận chịu quả báo tội phước; 14. Sở thọ giả: Trong 5 âm, vọng chấp ta có khả năng sai khiến người khác nhận chịu quả báo tội phước đời sau; 15. Tri giả: Trong 5 âm, vọng chấp ta có 5 căn và nhận biết được 5 trần; 16. Kiến giả: Trong 5 âm, vọng chấp ta có căn mắt, thấy được tất cả sắc tướng, lại vọng chấp ta có thể khởi lên các tà kiến, chính kiến cũng gọi là Kiến giả. Mười sáu tri kiến trên đây đều là tên khác của Ngã. (phẩm Tập ứng trong kinh Đại phẩm bát nhã, quyển 1; luận Đại trí độ, quyển 35; Đại thừa nghĩa chương, quyển 6)

604 Nhất phần thường luận 一分常論, cũng gọi Tứ chủng nhất phần thường luận, Tứ nhất phần thường luận. Ngoại đạo chấp thường kiến, 1 trong 62 kiến chấp của ngoại đạo ở Ấn Độ đời xưa. Ngoại đạo này chấp sắc pháp và tâm pháp thì 1 phần vô thường, 1 phần thường còn, vì thế gọi là Nhất phần thường luận, gồm có 4 loại: 1. Ngoại đạo được Túc trú thông có năng lực thấy được các việc đời trước, cho rằng các loài đều do ý muốn của Phạm thiên tạo ra, nhưng không thấy được sự bắt đầu và kết thúc của Phạm thiên, vì thế nên cho Phạm thiên là thường, còn tự thân mình và thế gian là vô thường; 2. Chấp sắc pháp diệt mất và tâm pháp thường còn, hoặc chấp tâm pháp diệt mất, sắc pháp thường còn, hoặc cho rằng sắc pháp là 1 phần của tâm pháp, nên là thường còn; 3. Chấp mình từ cõi trời Hí vong (戲忘天) sinh xuống nhân gian, nhờ Túc trú thông biết được quá khứ, cho rằng trú xứ của mình ở kiếp trước là thường còn. 4. Chấp mình từ cõi trời Ý ức khuyển (意憶忤天) sinh xuống nhân gian, nhờ Túc trú thông biết được quá khứ, nhận rằng chỗ mình ở trong đời trước là thường còn. Ngoại đạo chấp trước loại kiến giải trên, tương đương với tông Tự tại đẳng nhân trong 16 tông ngoại đạo. (kinh Phạm động trong Trường A-hàm, quyển 14; luận Đại tỷ bà sa, quyển 199; luận Du-già sư địa quyển 6; Đại thừa nghĩa chương quyển 6)

605 Thất đoạn diệt luận 七斷滅論, cũng gọi Thất đoạn kiến luận, Thất sự đoạn diệt tông. Chỉ cho 7 thứ luận thuyết đoạn diệt của ngoại đạo, 1 trong 16 tông ngoại đạo, là kiến chấp thứ 7 trong 62 kiến chấp. Cứ theo Thành duy thức luận thuật kí quyển 6, phần cuối thì Thất đoạn diệt là: 1. Ngã có sắc, cái do 4 đại kiếp thô tạo ra là tính, sau khi chết là đoạn diệt, rồi tái sinh có, thấy thân sau khi chết rõ có mà hóa ra không, cho nên cái ngã của ta hay của người đều do đại chủng thô tạo ra, sau



thuyết hiện pháp niết bàn⁶⁰⁶; 5. Ngoại đạo thuyết vô nhân⁶⁰⁷.

[503a01] **Vì dễ nhập:** Do lời văn trong luận này rõ ràng, trọn vẹn; nghĩa lý của nó cũng dễ đi vào, chẳng phải như những ác chú luận của bà-la-môn, trong đó văn thì lờ mờ, thiếu sót, và nghĩa thì khó đi vào.

Đã nhập tu hành không hoại mất: Do nghĩa lý trong luận này chính xác, trọn vẹn, cho nên người đi vào nghĩa lý ấy, tu hành đúng như lời dạy thì chính mình sẽ được nghĩa lợi không mất. Chẳng phải như tà luận của ngoại đạo, ai mà tự đi vào, tuy thực hành đúng như lời dạy cũng chỉ luống công, chính mình không có nghĩa lợi gì cả.

[503a06] Như vậy, luận này bao quát sự thanh tịnh về các nghĩa, sự thanh tịnh không thể hủy hoại, sự thanh tịnh dễ đi vào và sự thanh tịnh tu hành, gọi là **thanh tịnh nghĩa**.

Luận này trình bày những pháp gì mà đức Bạc-già-phạm đã tuyên thuyết?

Kệ tụng:

Chư Phật thuyết diệu pháp

Chính dựa vào hai đế

Khi chết là đoạn diệt; 2. Ngã ở các tầng trời cõi Dục sau khi chết là đoạn diệt; 3. Ngã ở các tầng trời cõi Sắc sau khi chết là đoạn diệt; 4. Ngã ở cõi Không vô biên sau khi chết là đoạn diệt; 5. Ngã ở cõi Thực vô biên sau khi chết là đoạn diệt; 6. Ngã ở cõi Vô sở hữu sau khi chết là đoạn diệt; 7. Ngã ở cõi Phi tưởng phi phi tưởng sau khi chết là đoạn diệt.

606 Hiện pháp niết bàn luận 現法涅槃論, cũng gọi Ngũ chủng hiện pháp niết bàn luận, Ngũ hiện pháp niết bàn luận. Năm kiến giải khác nhau về niết bàn, một trong 62 kiến chấp của ngoại đạo. Luận thuyết này chủ trương hưởng thụ khoái lạc ngũ dục ở hiện tại là niết bàn. Cho nên họ chia niết bàn làm 5 loại: Dục giới niết bàn, sơ thiên niết bàn, nhị thiên niết bàn, tam thiên niết bàn và tứ thiên niết bàn. Luận thuyết này tương đương với chủ trương của tông Vọng kế thanh tịnh trong 16 tông ngoại đạo. (Luận Đại tỷ bà sa, quyển 199; Đại thừa pháp uyển nghĩa lâm chương, quyển 4, phần cuối)

607 Ngoại đạo vô nhân hay chư pháp vô nhân tông 諸法無因宗, một trong 16 ngoại đạo tại Ấn độ đời xưa, còn gọi là Vô nhân kiến luận, Vô nhân sinh luận, chủ trương sự sinh tồn của con người và muôn vật trong thế gian chẳng có nguyên nhân gì cả. (Hiển dương, quyển 11; Đại thừa pháp uyển nghĩa lâm chương, quyển 1, phần đầu)



Một là thể tục đế

Hai là thắng nghĩa đế. (kệ 3)

[503a11] Luận giải: Sắc thái của thể tục đế và thắng nghĩa đế đã được nói ở trước.

Lại nữa, kệ tụng:

Trước nói ngã, pháp, dụng

Theo cái khác mà nói

Bảy thứ và bốn thứ

Chân như gọi thắng nghĩa. (kệ 4)

[503a15] Luận giải: Trước hết, thể tục đế là nói về ngã, pháp và tác dụng.

Ngã: Là nói hữu tình, mạng giả, sinh giả, bổ-đặc-già-la, nhân, thiên, nam, nữ, Phật-hữu, Pháp-hữu, ... những biệt danh đại loại như vậy.⁶⁰⁸

Pháp: Là nói sắc, thọ, ... những pháp đại loại như vậy.

Tác dụng: Là nói năng kiến, năng văn, năng sinh, năng diệt, ... những tác dụng đại loại như vậy.

Nên biết, ngã, pháp và tác dụng chính là thể tục đế, và chúng tuy chẳng thật có, nhưng y theo thể tục nên nói có.

Hỏi: Nếu thể tục đế chẳng phải thắng nghĩa nên có, là vì nghĩa gì mà nói?

Đáp: Theo cái khác mà nói: Là vì muốn tùy thuận thắng nghĩa đế nên nói thể tục đế.

608 Đại phẩm bát-nhã, quyển 2 (La-thập, T8n223, tr. 230c11), 16 biệt danh của ngã: chúng sinh, thọ giả, mạng giả, sinh giả, dưỡng dục giả, chúng số nhân, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả. Theo Đại bát-nhã, quyển 406 (Huyền Trang, T7n220, tr. 18a29) có 12 biệt danh của ngã: hữu tình, mạng giả, sinh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bổ-đặc-già-la, ý sinh, nho đồng, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả.



Hỏi: Những gì là thắng nghĩa đế?

Đáp: **Bảy thứ và bốn thứ, Chân như gọi thắng nghĩa**, như đã nói trong phẩm Nhiếp sự.⁶⁰⁹

[503a24] Như vậy là đã lược nói về **hai đế**. Phần này, Như lai lại có nói rộng:

Tự tánh, nghĩa, kiến lập

Số, thứ đệ, thiện xảo

Tướng sai biệt, nên biết

Hiển uẩn thể tục nghĩa. (kệ 5)

[503a27] Luận giải:

1. **Tự tánh:** Biến hoại, lãnh nạp, liễu trí, tạo tác và liễu biệt là tự tánh của các uẩn.⁶¹⁰

2. **Nghĩa:** Là nghĩa *tích tụ*, chính là nghĩa của *uẩn*. Nghĩa tích tụ này có bốn thứ, sẽ nói trong phẩm *Thành thiện xảo*.⁶¹¹

3. **Kiến lập:**⁶¹²

I. **Kiến lập sắc uẩn:** Có bốn thứ: 1. Kiến lập tướng; 2. Kiến lập sinh; 3. Kiến lập tổn giảm; 4. Kiến lập sai biệt.

609 Hiển dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, [493b10]. Trong 7 thứ chân như, 3 thứ chân như thuộc về 2 tánh biến kế và y tha: chân như nơi sự lưu chuyển, chân như nơi sự an lập và chân như nơi tà hành; 4 thứ chân như thuộc về tánh viên thành thật: chân như nơi thật tướng, chân như nơi duy thức, chân như nơi sự thanh tịnh và chân như nơi chánh hành.

610 Năm uẩn: sắc là thể xác, thọ là tình cảm, tưởng là lý trí, hành là ý chí, thức là nhận thức. Sắc lấy biến hoại hay biến ngại làm nghĩa, trong đó, biến là chuyển biến vô thường, ngại là ngăn ngại giữa căn và trần, giữa trần này với trần kia. Thọ là lãnh nạp, nghĩa là 5 căn lãnh nạp 5 trần bên ngoài vào trong tâm thức. Tưởng là liễu trí 了 (hay thủ tượng), là ảnh tượng được thu nhận, đặt để, nắm giữ trong tâm trí; ảnh tượng ấy hiện lên rõ ràng khi cần nhớ lại. Hành là sự tạo tác (từ tâm sở), phản ứng, tác động của tâm, biểu hiện qua thân, miệng và ý. Thức là liễu biệt, nghĩa là phân biệt, nhận biết đối tượng một cách rõ ràng.

611 Phần thiện xảo uẩn, tr. [545c21]: “Nghĩa tích tụ này lại có bốn thứ: 1. Nghĩa đa chủng; 2. Nghĩa tổng lược; 3. Nghĩa cộng hữu chuyển; 4. Nghĩa tăng ích tổn giảm.”

612 Trong phần giải thích kiến lập, sẽ nói đến sự kiến lập của 5 uẩn.

(1) **Kiến lập tướng:** Tướng của sắc uẩn, lược có năm loại: 1. Tự tướng; 2. Cộng tướng; 3. Sở y năng y tương thuộc tướng; 4. Thọ dụng tướng; 5. Nghiệp tướng.

Tự tướng: Đất có tánh cứng, nước có tánh ướt, lửa có tánh nóng, gió có tánh động, và mắt, tai, mũi ... đều lấy thanh tịnh sắc⁶¹³ sai biệt làm tướng.

Cộng tướng: Là tất cả sắc đều có tướng biến hoại.

Sở y năng y tương thuộc tướng: Đại chủng là sở y, sở tạo sắc là năng y.⁶¹⁴

Thọ dụng tướng: Là nội sắc xứ có sức thọ dụng tăng thượng nên ngoại sắc cảnh giới sai biệt hình thành: có sắc tụ, chỉ có tánh cứng, chỉ có tánh ướt, chỉ có tánh nóng, chỉ có tánh động, hoặc do xen tạp sinh ra, đó là do tùy thuận sự thọ dụng [sai biệt] của nội xứ.

Nghiệp tướng: Là đất, nước ... các đại chủng có tánh y trì, nhiếp thọ, thành thực và tăng trưởng, đại loại như vậy.

[503b14] (2) **Kiến lập sinh:** Có năm thứ sinh: 1. Y chỉ sinh; 2. Chủng tử sinh; 3. Thế dẫn sinh; 4. Thuận ích sinh; 5. Vi tổn sinh.

Y chỉ sinh: Là y chỉ đại chủng, tức đại chủng xứ sở sinh ra những sở tạo sắc khác. Vì bốn đại chủng làm nhân tố, nên nói bốn đại chủng tạo và sở tạo sắc cùng nhiếp một xứ, cùng có nghĩa *tạo tác*.

Chủng tử sinh: Là các sắc do chủng tử của chính nó sinh ra⁶¹⁵,

613 Đại thừa ngũ uẩn luận (No. 1642): “Thế nào là nhãn căn? Là sắc làm cảnh thanh tịnh sắc. Thế nào là nhĩ căn? Là thanh làm cảnh thanh tịnh sắc v.v...”

614 Bốn đại chủng là đất, nước, lửa, gió. Các luận sư của A-tỳ-đạt-ma chủ trương tánh chất cứng, ướt, nóng và động mới là bốn đại thật (vì không thể thấy), còn đất, nước, lửa, gió hiện thực là bốn đại giả (vì có thể thấy). Có 11 tứ đại sở tạo sắc gồm 5 tịnh sắc căn, 5 cảnh và vô biểu sắc.

615 Chỉ cho tánh năng biến dị. Như vàng có tánh năng biến dị để làm ra đồ trang sức từ thô sơ đến tinh xảo. Như nước gặp lạnh có thể đông đặc. Như khối sắt nung nóng thì nóng dần cho đến



như khối cứng chắc, khi gặp duyên nó biến sinh lỏng ướt; hoặc khối lỏng ướt biến sinh cứng chắc; hoặc khối không nóng biến sinh ấm nóng; hoặc khối nóng biến sinh mát lạnh, hoặc từ bất động biến sinh di động; hoặc từ di động biến sinh bất động. Như vậy, sắc tốt, sắc xấu, [sắc hơn, sắc kém]⁶¹⁶ triển chuyển tương sinh sai biệt, nên biết. Đứng về mặt tự tướng thì không có yếu tố tương quan, nhưng về mặt chủng tử thì có yếu tố tương quan. Từ yếu tố tương quan ấy mà các khối kia sinh ra các sắc pháp sai biệt thể này, thể khác. Nên biết, đại loại như vậy gọi là chủng tử sinh.

Thế dẫn sinh: Là nội sắc căn có sức tăng thượng⁶¹⁷ nên hiện tại ngoại vật luôn sinh thành liên tục, như khí thể gian. Lại nữa, do sức thế dẫn của nghiệp mà các nội xứ sinh khởi, như chư thiên có lạc dục hiện tiền, và người ở Bắc cầu lô châu sở hữu đồ ăn mặc nhiều tốt. Nên biết, do thế lực dẫn sinh mà có sự lưu chuyển, do vậy khí thể gian của cõi người luôn có tánh tương tục. Nên biết, đại loại như vậy gọi là thế dẫn sinh.⁶¹⁸

Thuận ích sinh: Là tự thể có được duyên thuận ích nên các sắc pháp sinh thành, triển chuyển sinh trưởng, triển chuyển tăng ích, cũng như nước thấm ướt mầm v.v... Đại loại như vậy gọi là thuận ích sinh.

Nên biết, trái ngược với thuận ích sinh là *vi tổn sinh*.

tan chảy, nhưng gỗ mà đốt thì cháy thành tro. Không có tánh năng biến dị thì dù có dụng công cũng không thành, như ép cát tìm dầu, khoan nước tìm lửa.

616 Sắc tốt và sắc xấu thuộc về hiển sắc; tốt là tịnh, xấu là bất tịnh. Sắc hơn, là không nhiễm ô. Sắc kém, là nhiễm ô.

617 Sức tăng thượng của nội sắc căn (5 căn) là dị thực sinh và sở trường dưỡng. Dị thực sinh (quả báo sinh) là được sinh ra như là sự chín muồi của nghiệp quá khứ. Sở trường dưỡng là cái được tích lũy (từ thức ăn, trang sức, ngủ nghỉ và định), được phát triển thêm lên. Nhờ có sở trường dưỡng mà bảo vệ được sự liên tục của dị thực sinh.

618 Thế dẫn sinh 勢引生, có 3: 1. Thế lực của 5 căn dẫn sinh 5 trần; 2. Sức nghiệp dẫn; 3. Người ở 6 tầng trời cõi Dục vui hưởng lạc thú và người ở Bắc cầu lô châu có sẵn đồ dùng tùy ý.



[503c04] (3) **Kiến lập tổn giảm:** Là kiến lập cực vi. Lại nữa, nên biết có năm thứ kiến lập cực vi: 1. Do phân tích; 2. Do sai biệt; 3. Do độc nhất; 4. Do trợ bạn; 5. Do không có phần tánh.

Kiến lập cực vi do phân tích: Dùng tuệ giác mà phân tích các sắc pháp thô, dần dần chuyển giảm, cho đến giới hạn rất nhỏ mới kiến lập cực vi⁶¹⁹, [thì biết] chẳng phải có thật thể. Vì lý do như vậy mà nói cực vi không khởi không diệt. Lại nữa, [thể của cực vi chẳng phải thật nên] chẳng phải tập hợp các cực vi để tạo thành thô sắc.

Kiến lập cực vi do sai biệt: Lược có mười lăm thứ cực vi: có năm căn cực vi: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; có năm cảnh cực vi: sắc, thanh, hương, vị, xúc; có bốn giới cực vi: đất, nước, lửa, gió; có một thật [vật] hữu sắc cực vi là *pháp xứ sở nhiếp sắc*⁶²⁰.

Kiến lập cực vi do độc nhất: Là kiến lập tự tướng của thật cực vi.⁶²¹

Kiến lập cực vi do trợ bạn: Là kiến lập tự cực vi, do các phần tử cực vi như đất, nước, ... tụ hội một chỗ. Vì có các sắc pháp khác nhau⁶²² cùng chung một chỗ, không rời xa nhau, nên kiến lập tự cực vi.

Kiến lập cực vi do không có phần tánh: Không phải cho rằng một cực vi còn có những phần nhỏ khác, bởi lẽ nó không phải là tự cực vi. Nếu là tự cực vi thì có nhiều phần. Nếu là một cực vi được trú một

619 Hết thầy vật chất, nếu cứ chia chẻ chúng mãi cho đến khi nào không còn chia chẻ được nữa thì cái phần còn lại đó là cực vi. Luận Câu xá, quyển 12: "Phân tích các sắc đến cực vi, thì một cực vi đó là phần cực nhỏ của sắc." (tr. 62a18)

620 Pháp xứ sở nhiếp sắc: Các sắc pháp bao gồm trong đối tượng của 6 giác quan mà không được bao hàm trong 5 căn và 5 cảnh.

621 Luận Chánh lý, quyển 32: "Cực vi có hai loại: một là thật, hai là giả. Thật nghĩa là do hòa hợp vi, hiện lượng mà cấu thành tự tướng của các sắc; giả là do phân tích, tỷ lượng mà biết, tức là trong tự sắc dùng trí tuệ mà phân tích dần dần cho đến đơn vị cực vi." (No. 1562, tr. 522a25) Độc nhất = độc lập.

622 Sắc pháp khác nhau = cực vi khác nhau.



chỗ, thì chỗ ấy không thể phân tích, cũng không thể kiến lập phần nào khác, cho nên nói cực vi không có phần nhỏ hơn.

[503c19] (4) **Kiến lập sai biệt:** Có hai mươi sáu loại sắc:

1. *Sắc của Dục giới hệ:* Đủ cả các sắc⁶²³.
2. *Sắc của Sắc giới hệ:* Trừ hương và vị.
3. *Sắc của Vô sắc giới hệ:* Là sắc tự tại của đẳng trì, không phải sắc của nghiệp dị thực.
4. *Sắc của thanh tịnh giới:* Là sắc được sinh ra từ pháp xuất thế tăng thượng, như sắc của [bốn] tịnh lự, sắc của [tám] giải thoát và sắc của chư Phật, Bồ-tát.
5. *Nội sắc:* Là sắc của căn và sắc của sở cư xứ của căn.
6. *Ngoại sắc:* Là trừ căn và sở cư xứ của căn, còn lại sắc, thanh, hương, vị, xúc.
7. *Sắc của sở y:* Là năm căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân.⁶²⁴
8. *Sắc của sở duyên:* Là năm cảnh giới và pháp xứ sở nhiếp sắc.
9. *Sắc của năng thủ:* Tức là sắc của sở y.
10. *Sắc của sở thủ:* Tức là sắc của sở duyên.
11. *Sắc có chấp thọ:* Là các sắc dựa vào sự chấp thọ mà sinh khởi, như sắc của căn và sắc của sở cư xứ của căn. Tâm và tâm pháp có chung chỗ cư xứ, đồng một lợi ích hay tổn hại, đó là nghĩa chấp thọ⁶²⁵.

623 Sắc pháp có 15 loại: đất, nước, lửa, gió, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, một phần của xúc và pháp xứ sở nhiếp sắc.

624 Các tịnh sắc căn, tức cơ sở nhận thức, hay năm giác quan.

625 Chấp thọ là tâm và tâm sở nắm giữ không buông xả các đối tượng nội giới. Có 4 nhân duyên đưa đến sự chấp thọ: 1. Bị bức xúc bởi ngoại cảnh; 2. Bị dẫn khởi bởi nội giới có chống trái hay bình đẳng; 3. Do các phiền não tham, sân, v.v... trôi buộc nên nhiều hiện hành; 4. Do thâm lự với những đối tượng sở duyên. (Du-già sư địa luận, quyển 66, tr. 666a17~a21) Đây là điều mà thế gian gọi là cảm giác, tức cảm giác vui buồn khi tiếp xúc với các duyên.



12. *Sắc không chấp thọ:* Là các sắc ở ngoài sắc của chấp thọ.
13. *Sắc đồng phần:* Là tự thức không đi chung với sắc của căn, vì cảnh cùng với thức đồng chuyển.
14. *Sắc bi đồng phần:* Là tự thức đi chung với sắc của căn, [vì nếu lìa nơi thức thì] chỉ có tự loại tương tục, tương tự mà chuyển.
15. *Sắc hữu kiến hữu đối:* Là sắc của sắc xứ⁶²⁶.
16. *Sắc vô kiến hữu đối:* Là sắc của chín xứ còn lại⁶²⁷.
17. *Sắc vô kiến vô đối:* Là pháp xứ sở nhiếp sắc.⁶²⁸
18. *Sắc thanh tịnh:* Là năm nội xứ.
19. *Sắc thanh tịnh sở thủ:* Là năm ngoại xứ.
20. *Sắc ý sở thủ:* Là pháp xứ sở nhiếp sắc.
21. *Sắc sở y trú:* Là phong luân cho đến đại địa.
22. *Sắc phủ hộ:* Là nhà cửa.
23. *Sắc tư cụ:* Là mười loại nhu yếu đời sống: 1. Âm thực; 2. Y phục và trang sức; 3. Đồ dùng; 4. Vui chơi; 5. Đánh trống nhảy múa; 6. Ca ngâm; 7. Âm nhạc; 8. Trang điểm vòng hoa, hương thơm; 9. Đèn sáng; 10. Trai gái phục dịch.

626 Tỷ bà sa, quyển 73: "Nếu xứ nào có đủ hình sắc và hiển sắc thì được lập làm sắc xứ." (tr. 379c27). Luận Câu-xá: "Lại nữa, trong các sắc, sắc xứ nổi trội hơn hết nên được lập thành tên chung; do vì nó có sự đối ngại, khi tay v.v... tiếp xúc liền sinh biến hoại; do vì hữu kiến nên có thể chỉ ở chỗ này, chỗ kia khác nhau. Và lại thế gian cũng chỉ gọi xứ này là sắc xứ, không gọi một xứ nào khác như nhãn v.v... là sắc xứ." (tr. 6a17~21)

627 Có 12 xứ là 6 căn và 6 cảnh. Trong 12 xứ này, trừ ý và pháp, còn lại 10 xứ đều là sắc pháp. Đối tượng của nhãn căn là sắc xứ, tức 9 xứ còn lại.

628 Tập dị môn túc luận: "Có 3 xứ nhiếp tất cả sắc: 1. Hữu sắc hữu kiến hữu đối; 2. Hữu sắc vô kiến hữu đối; 3. Hữu sắc vô kiến vô đối. Thế nào là sắc hữu kiến hữu đối? Đáp: Một xứ. Thế nào là sắc vô kiến hữu đối? Đáp: Chín xứ. Thế nào là sắc vô kiến vô đối? Đáp: Thiểu phần của một xứ." (No. 1536, tr. 379b03~07)



24. *Sắc của căn sở cư*: Là năm thứ sở cư xứ của sắc căn.

25. *Sắc của căn*: Là năm thứ sắc căn.

26. *Sắc của cảnh giới đẳng trì*: Đã nói trong phẩm Nhiếp sự.

II. **Kiến lập thọ uẩn**: Có sáu thứ: 1. Kiến lập sai biệt; 2. Kiến lập xuất ly; 3. Kiến lập quán sát; 4. Kiến lập sinh; 5. Kiến lập tướng; 6. Kiến lập sự cú.

[504a17] (1) **Kiến lập sai biệt**: Hoặc lập một thọ, như nói “*những gì thuộc về thọ thấy đều là khổ*.”⁶²⁹ Hoặc lập hai thọ, là thân thọ và tâm thọ.⁶³⁰ Hoặc lập ba thọ, là lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Hoặc lập bốn thọ, là thọ hệ thuộc Dục giới, thọ hệ thuộc Sắc giới, thọ hệ thuộc Vô sắc giới và thọ không hệ thuộc. Hoặc lập năm thọ, là lạc căn, khổ căn, hỷ căn, ưu căn và xả căn.⁶³¹ Hoặc lập sáu thọ, là thọ sinh từ nhãn xúc, cho đến thọ sinh từ ý xúc. Hoặc lập mười tám thọ, là mười tám ý cận hành, gồm sáu hỷ cận hành, sáu ưu cận hành và sáu xả

cận hành.⁶³² Hoặc lập ba mươi sáu thọ, là hỷ y sáu tham trước, hỷ y sáu xuất ly; ưu y sáu tham trước, ưu y sáu xuất ly; xả y sáu tham trước, xả y sáu xuất ly.⁶³³ Hoặc lập một trăm lẻ tám thọ, là ba mươi sáu thọ quá khứ, ba mươi sáu thọ vị lai và ba mươi sáu thọ hiện tại. Hoặc khai mở vô lượng thọ, như nói thọ này, thọ kia ... sinh khởi vô số cảm thọ.⁶³⁴

[504a27] (2) **Kiến lập xuất ly**: Là sơ tĩnh lự xuất ly ưu căn, đệ nhị tĩnh lự xuất ly khổ căn, đệ tam tĩnh lự xuất ly hỷ căn, đệ tứ tĩnh lự xuất ly lạc căn, vô tướng tâm pháp tam-ma-địa xuất ly xả căn.

(3) *Kiến lập quán sát*: Là tám thứ quán sát⁶³⁵ về thọ: Thế nào là thọ? Thế nào là sự tập khởi của thọ? Thế nào là sự đoạn diệt của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự tập khởi của thọ? Thế nào là con đường đưa đến sự đoạn diệt của thọ? Thế nào là vị ngọt của thọ? Thế nào là sự tai hại của thọ? Thế nào là sự xuất ly của thọ?⁶³⁶

[504b05] (4) **Kiến lập sinh**: Là các cảm thọ sinh từ mười sáu xúc. Những gì là mười sáu? 1. Nhãn xúc; 2. Nhĩ xúc; 3. Tỷ xúc; 4.

629 Tạng A-hàm, kinh số 473. Thiên: “Bạch Thế Tôn, con ở chỗ vắng, trong lúc thiền tịnh tư duy có nghĩ rằng: ‘Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?’ Phật bảo Tỷ-kheo: Ta, vì tất cả hành đều vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi nên nói những gì thuộc về thọ thấy đều là khổ.” (Thích Đức Thắng dịch). Tương ưng bộ kinh: S. 36. 11. Rahogataka (An đặt).

630 Những cảm thọ của 5 thức trước là thân thọ. Những cảm thọ của ý thức là tâm thọ. Luận Đại tỷ bà sa, quyển 115, có nêu ra sự giải thích của các nhà về tâm thọ và thân thọ như sau: 1. Không phân biệt là thân thọ, có phân biệt là tâm thọ. 2. Duyên theo cảnh của tự tướng là thân thọ, duyên theo cảnh của tự tướng và cộng tướng là tâm thọ. 3. Duyên theo cảnh hiện tại là thân thọ, duyên theo cảnh 3 đời, cảnh vô vi là tâm thọ. 4. Duyên theo cảnh có thật là thân thọ, duyên theo cảnh có thật và có giả là tâm thọ. 5. Đối với cảnh một lần chấp lấy là thân thọ, đối với cảnh luôn luôn chấp lấy là tâm thọ. 6. Đối với cảnh tạm duyên theo liền rõ biết là thân thọ, đối với cảnh suy tìm mới rõ biết là tâm thọ. 7. Nương vào sắc mà duyên theo sắc là thân thọ, nương vào phi sắc mà duyên theo sắc và phi sắc là tâm thọ. 8. Tôn giả Thế Hữu cho rằng tất cả thọ đều là tâm thọ chứ không có thân thọ. (No. 1545, tr. 599a15~b05)

631 Tương ưng bộ kinh, 39, Cây quay ra lửa (Arani): “Này các Tỷ-kheo, do duyên xúc được cảm thọ là lạc, khởi lên lạc căn. Khi cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết: ‘Tôi cảm giác lạc thọ’. Do đoạn diệt xúc được người ấy cảm thọ là lạc ấy, lạc căn được khởi lên do duyên với xúc thích ứng (tajjam) được cảm thọ là lạc, người ấy rõ biết lạc căn ấy diệt, được tịnh chỉ.” [tương tự với 4 căn còn lại] (HT. Thích Minh Châu dịch)

632 Ba thọ hỷ, ưu và xả lấy ý thức làm duyên gần, mỗi thứ đều hoạt động trong 6 cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cho nên có 18 thọ. Trung A-hàm, 162. Kinh phân biệt lục giới: “Này Tỷ-kheo, nói con người có mười tám ý hành, do nhân gì mà nói như thế? Đó là, này Tỷ-kheo, mắt thấy sắc, quán sát sắc rồi an trú nơi hỷ, quán sát sắc rồi an trú nơi ưu, quán sát sắc rồi an trú nơi xả. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Ý nhận thức pháp, quán sát pháp rồi an trú nơi hỷ, quán sát pháp rồi an trú nơi ưu, quán sát pháp rồi an trú nơi xả. Này Tỷ-kheo, như vậy sáu hỷ quán, sáu ưu quán, sáu xả quán, hợp lại là mười tám ý hành. Nói rằng con người có mười tám ý hành là do nhân đó mà nói.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

633 Ba mươi sáu thọ: Cũng gọi 36 sự cú. Nghĩa là 18 ý cận hành nói ở trên, mỗi ý cận hành đều có nhiệm phẩm và thiện phẩm khác nhau. Như trong 6 hỷ cận hành có tham trước thuộc thuận nhiệm thọ và xuất ly tham thuộc thuận thiện thọ, tổng cộng thành 36 thọ.

634 Xem Tạng A-hàm, kinh số 485, Ưu-đà-di.

635 Quán sát = như thật tri.

636 Tương ưng bộ kinh, Tương ưng thọ, phẩm Một trăm lẻ tám pháp môn: “Này Tỷ-kheo, có ba thọ này: lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này Tỷ-kheo, đây gọi là ba thọ. Do xúc tập khởi nên thọ tập khởi. Khát ái là con đường đưa đến thọ tập khởi. Do xúc đoạn diệt nên thọ đoạn diệt. Con đường Thánh đạo Tám ngành này là con đường đưa đến thọ đoạn diệt, tức là chánh tri kiến... chánh định. Do duyên thọ khởi lên lạc hỷ nào, đó là vị ngọt của thọ. Tánh vô thường, khổ, chịu sự biến hoại của thọ là sự nguy hiểm của thọ. Sự nhiếp phục dục và tham, sự đoạn tận dục và tham là sự xuất ly của thọ.” (HT. Thích Minh Châu dịch)



Thiệt xúc; 5. Thân xúc; 6. Ý xúc; 7. Hữu đối xúc; 8. Tăng ngữ xúc; 9. Thuận lạc thọ xúc; 10. Thuận khổ thọ xúc; 11. Thuận bất khổ bất lạc xúc; 12. Ái xúc; 13. Khuể xúc; 14. Minh xúc; 15. Vô minh xúc; 16. Phi minh phi vô minh xúc.⁶³⁷

(5) **Kiến lập tướng:** Là tám thứ tướng: 1. Tướng dị thực; 2. Tướng chẳng phải dị thực; 3. Tướng có ưa vị ngọt; 4. Tướng không ưa vị ngọt; 5. Tướng y tham trước; 6. Tướng y xuất ly; 7. Tướng động; 8. Tướng trú.

Tướng dị thực: Là thức a-lại-da tương ưng thọ.

Tướng chẳng phải dị thực: Là các chuyển thức tương ưng thọ.

Tướng có ưa vị ngọt: Là thọ hệ thuộc Dục giới.

Tướng không ưa vị ngọt: Là thọ hệ thuộc Sắc giới, thọ hệ thuộc Vô sắc giới và thọ không hệ thuộc.

Tướng y tham trước: Là dục tham tương ưng thọ.

Tướng y xuất ly: Là xuất gia dẫn ra thiện pháp [đối trị phiền não ở] bất định địa⁶³⁸, thiện pháp ấy tương ưng thọ.

Tướng động: Như trong kinh có thí dụ gió để hiển thị cảm thọ⁶³⁹,

637 Hữu đối xúc, là 5 thức thân tương ưng xúc. Tăng ngữ xúc 增語觸, là ý thức thân tương ưng xúc. Thuận lạc thọ xúc, là lạc thọ tương ưng xúc. Thuận khổ thọ xúc, là khổ thọ tương ưng xúc. Thuận bất khổ bất lạc thọ xúc, là bất khổ bất lạc thọ tương ưng xúc. Ái xúc, là tham tương ưng xúc. Khuể xúc, là sân tương ưng xúc. Minh xúc, là vô lậu xúc. Vô minh xúc, là nhiễm ô xúc. Phi minh phi vô minh xúc, là bất nhiễm hữu lậu xúc. Kiến lập nhân xúc cho đến hữu đối xúc, vì cảnh sở y và cảnh sở thủ. Kiến lập tăng ngữ xúc vì phân biệt cảnh. Kiến lập thuận lạc thọ xúc cho đến thuận bất khổ bất lạc thọ xúc, vì lãnh nạp cảnh. Kiến lập ái xúc cho đến phi minh phi vô minh xúc, vì cảnh nhiễm tịnh. (A-tỳ-đạt-ma Phát trí luận, No. 1544, tr. 996b15~b21; Du-già sư địa luận, quyển 53, tr. 594a26~a29)

638 Thiện pháp là 3 tuệ văn, tư, tu. Bất định địa, chỉ cho Dục giới.

639 Tạng A-hàm, kinh số 471, Hư không: "Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Như giữa hư không, gió lộng từ bốn phương thổi đến như gió có bụi bặm, gió không bụi bặm, gió tỷ-thấp-ba, gió tỷ-lam-bà, gió mỏng, gió dày, cho đến phong luân gió dầy. Gió cảm thọ trong thân cũng như vậy. Dù các thứ thọ khởi lên như lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ. Đó là những cảm thọ lạc của thân, cảm thọ khổ của thân, cảm thọ không khổ không lạc của thân; cảm thọ lạc của tâm, cảm thọ khổ của tâm, cảm thọ không khổ không lạc của tâm; cảm thọ thực vị lạc, cảm thọ thực vị khổ, cảm thọ thực vị không khổ không lạc; cảm lạc thọ phi thực vị, cảm thọ khổ phi thực vị, cảm thọ không khổ không lạc phi thực vị; cảm thọ lạc do tham, cảm thọ khổ do tham, cảm thọ không khổ không lạc do tham; cảm thọ lạc xuất ly, cảm thọ khổ xuất ly, cảm thọ không khổ không lạc xuất ly." (Thích Đức Thắng dịch)



với nghĩa trú ở liên tục mà không lâu.

Tướng trú: Như trong kinh có thí dụ nhà khách để hiển thị cảm thọ⁶⁴⁰, với nghĩa trú ở liên tục mà tạm thời.

[504b20] (6) **Kiến lập sư cú:** Là ba mươi sáu sư cú⁶⁴¹: là sáu hỷ y tham trước, sáu hỷ y xuất ly; sáu ưu y tham trước, sáu ưu y xuất ly; sáu xả y tham trước, sáu xả y xuất ly.

[504b23] Thế nào là *hỷ y tham trước*? Đối với các sắc được nhận thức bởi mắt là khả hỷ, khả lạc, khả ý, khả ái, có khả năng dẫn khởi các tham muốn, đắm trước sâu, hoặc hiện tại có được, hoặc có được những gì lúc trước ưa muốn nên sinh hoan hỷ; tướng hỷ như vậy gọi là hỷ y tham trước.

[504b27] Thế nào là *hỷ y xuất ly*? Đối với các sắc, liễu tri tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, đoạn tận. Các sắc như vậy, từ xưa tới nay, liễu tri tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nên sinh hoan hỷ⁶⁴²; tướng hỷ như vậy gọi là hỷ y xuất ly.

lạc của tâm; cảm thọ thực vị lạc, cảm thọ thực vị khổ, cảm thọ thực vị không khổ không lạc; cảm lạc thọ phi thực vị, cảm thọ khổ phi thực vị, cảm thọ không khổ không lạc phi thực vị; cảm thọ lạc do tham, cảm thọ khổ do tham, cảm thọ không khổ không lạc do tham; cảm thọ lạc xuất ly, cảm thọ khổ xuất ly, cảm thọ không khổ không lạc xuất ly." (Thích Đức Thắng dịch)

640 Tạng A-hàm, kinh số 472, Khách xá: "Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: Như nhà khách có đủ hạng người đến ở. Hoặc Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, gia chủ, cư sĩ, người nhà quê, thợ săn, người tri giới, người phạm giới, người tại gia, người xuất gia. Tất cả đều trọ ở trong đó. Thân này cũng lại như vậy. Dù các thứ thọ sanh khởi như khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ; thân thọ lạc, thân thọ khổ, thân thọ không khổ không lạc; tâm thọ lạc, tâm thọ khổ, tâm thọ không khổ không lạc; cảm thọ thực vị lạc, cảm thọ thực vị khổ, cảm thọ thực vị không khổ không lạc; cảm thọ phi thực vị lạc, cảm thọ phi thực vị khổ, cảm thọ phi thực vị không khổ không lạc; cảm thọ lạc do tham trước, cảm thọ khổ do tham trước, cảm thọ không khổ không lạc do tham trước; cảm thọ lạc xuất ly, cảm thọ khổ xuất ly, cảm thọ không khổ không lạc xuất ly." (Thích Đức Thắng dịch)

641 Ba mươi sáu sư cú 三十六師句: 36 cú nghĩa hay phạm trú được bậc đạo sư thuyết giảng.

642 Tạng A-hàm, kinh Tam chánh sĩ, số 35: "Tỳ-kheo, có sắc nào là thường còn, không biến dịch, tồn tại mãi không? Tỳ-kheo bạch Phật: Bạch không, Thế Tôn. Phật bảo Tỳ-kheo: Lành thay! Lành thay! Sắc là vô thường, là pháp biến dịch, yếm ly, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh. Sắc như vậy từ xưa tới nay, tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch. Khi đã biết như vậy rồi, thì tất cả các lậu, hại, xỉ nhiên, ưu não đã từng duyên vào sắc này mà sanh ra, thấy đều bị đoạn diệt. Khi đã đoạn diệt rồi, thì không



[504c02] Như vậy, đối với thanh được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, là khả hỷ, khả lạc, khả ý, khả ái, có khả năng dẫn khởi các tham muốn, đắm trước sâu, hoặc hiện tại có được, hoặc có được những gì lúc trước ưa muốn nên sinh hoan hỷ; tướng hỷ như vậy gọi là hỷ y tham trước.

Như vậy, đối với thanh được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, liễu tri tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, đoạn tận. Các pháp như vậy, từ xưa tới nay, liễu tri tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch, nên sinh hoan hỷ; tướng hỷ như vậy gọi là hỷ y xuất ly.

[504c10] Thế nào là *ưu y tham trước*? Đối với các sắc được nhận thức bởi mắt, là khả hỷ, khả lạc, khả ý, khả ái, có khả năng dẫn khởi các tham muốn, đắm trước sâu, hoặc hiện tại có được, hoặc có được những gì lúc trước ưa muốn, mà nay đã thành quá khứ, đã chấm hết, đã diệt mất, đã rời xa, đã biến đổi nên sinh ưu sầu; tướng ưu như vậy gọi là ưu y tham trước.

[504c14] Thế nào là *ưu y xuất ly*? Đối với các sắc, liễu tri tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, đoạn tận. Các sắc như vậy, từ xưa tới nay, liễu tri tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch, rồi khởi lên ý muốn chứng được thắng giải thoát, nguyện rằng: “*Tôi không biết lúc nào sẽ được an trú đầy đủ thắng giải thoát xư như các bậc Thánh đã an trú đầy đủ?*” Như vậy,

còn gì để chấp trước. Khi đã không còn gì để chấp trước rồi, thì sống an lạc. Khi đã sống an lạc rồi, thì đạt được Bát-niết-bàn. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.”



sự ưu tư, lo lắng, cầu nguyện, muốn chứng được thắng giải thoát, đó là ưu y xuất ly.

Như vậy, đối với thanh được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, là khả hỷ, khả lạc, khả ý, khả ái, có khả năng dẫn khởi các tham muốn, đắm trước sâu, hoặc hiện tại có được, hoặc có được những gì lúc trước ưa muốn, mà nay đã thành quá khứ, đã chấm hết, đã diệt mất, đã rời xa, đã biến đổi nên sinh ưu sầu; tướng ưu như vậy gọi là ưu y tham trước.

[504c23] Như vậy, đối với thanh được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, liễu tri tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, đoạn tận. Các pháp như vậy, từ xưa tới nay, liễu tri tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch, rồi khởi lên ý muốn chứng được thắng giải thoát, nguyện rằng: “*Tôi không biết lúc nào sẽ được an trú đầy đủ thắng giải thoát xư như các bậc Thánh đã an trú đầy đủ?*” Như vậy, sự ưu tư, lo lắng, cầu nguyện, muốn chứng được thắng giải thoát, đó là ưu y xuất ly.

Thế nào là *xả y tham trước*? Có kẻ vô văn phạm phu, kẻ ngu si vô trí, đối với sắc được nhận thức bởi mắt mà quyến luyến nơi xả, chấp trước các nghiệp, thú hưởng nơi sắc, y chỉ nơi sắc, không xả nơi sắc, không vượt qua sắc; sự xả ở đây gọi là xả y tham trước.

Thế nào là *xả y xuất ly*? Đối với các sắc, liễu tri tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, đoạn tận. Các sắc như vậy, từ xưa tới nay, liễu tri tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch, rồi giản trạch mà tu xả, đó là xả y xuất ly.



Như vậy, có kẻ vô văn phạm phu, kẻ ngu si vô trí, đối với thanh được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, mà quyến luyến nơi xả, chấp trước các nghiệp, thú hưởng nơi các pháp, y chỉ nơi các pháp, không xả nơi các pháp, không vượt qua các pháp; sự xả ở đây gọi là xả y tham trước.

Như vậy, đối với thanh được nhận thức bởi tai, hương được nhận thức bởi mũi, vị được nhận thức bởi lưỡi, xúc được nhận thức bởi thân, pháp được nhận thức bởi ý, liễu tri tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch, ly dục, diệt tận, tịch tĩnh, đoạn tận. Các pháp như vậy, từ xưa tới nay, liễu tri tất cả đều là pháp vô thường, khổ, biến dịch, rồi giản trách mà tu xả, đó là xả y xuất ly.

Ở đây, sáu hỷ y tham trước, sáu hỷ y xuất ly; sáu ưu y tham trước, sáu ưu y xuất ly; sáu xả y tham trước, sáu xả y xuất ly; gồm chung là ba mươi sáu sự cú.

[505a14] Ở đây, y chỉ và trú nơi sáu hỷ y xuất ly, thì đoạn trừ, xả bỏ được cái hại của sáu hỷ y tham trước. Cũng vậy, y chỉ và trú nơi sáu ưu y xuất ly, thì đoạn trừ, xả bỏ được cái hại của sáu ưu y tham trước. Cũng vậy, y chỉ và trú nơi sáu xả y xuất ly, thì đoạn trừ, xả bỏ được cái hại của sáu xả y tham trước.

Lại nữa, ở đây, y chỉ và trú nơi sáu hỷ y xuất ly, thì đoạn trừ, xả bỏ được cái hại của sáu ưu y xuất ly; y chỉ và trú nơi sáu xả y xuất ly, thì đoạn trừ, xả bỏ được cái hại của sáu hỷ y xuất ly.

Lại nữa, có hai thứ xả: 1. Xả y nhiều chủng tánh; 2. Xả y một chủng tánh.

Xả y nhiều chủng tánh: Là xả y nơi sắc cho đến y nơi pháp.



Xả y một chủng tánh: Là xả y Hư không vô biên xứ cho đến y Phi tướng phi phi tướng xứ.

Ở đây, y chỉ và trú nơi xả y một chủng tánh, thì đoạn trừ, xả bỏ được cái hại của xả y nhiều chủng tánh.

[505a25] III. **Kiến lập tướng uẩn:** Có ba thứ: 1. Y sai biệt; 2. Tác ý sai biệt; 3. Cảnh giới sai biệt.

(1) **Y sai biệt:** Là sáu tướng thân: tướng sinh từ nhân xúc, tướng sinh từ nhĩ xúc, tướng sinh từ tỷ xúc, tướng sinh từ thiệt xúc, tướng sinh từ thân xúc và tướng sinh từ ý xúc.⁶⁴³

(2) **Tác ý sai biệt:** Có hai thứ: 1. Tướng hữu tướng; 2. Tướng vô tướng.

Tướng hữu tướng, là tướng của những người chưa khéo ngôn thuyết mà muốn rời Dục giới, tướng của đệ nhất hữu⁶⁴⁴ và tướng của xuất thế gian. Ngoài ra còn có những sắc thái tác ý mà tương ưng với tướng.

Tướng vô tướng: Ngoài những tướng hữu tướng ở trên, là tác ý vô tướng mà tương ưng với tướng.

(3) **Cảnh giới sai biệt:** Có bốn thứ: 1. Tướng nhỏ; 2. Tướng lớn; 3. Tướng vô lượng; 4. Tướng vô sở hữu. Theo thứ tự như vậy, đó là tướng duyên Dục giới, tướng duyên Sắc giới, tướng duyên Vô sắc giới và tướng duyên Vô sở hữu xứ.

643 Tập dị môn luận, quyển 15: “Nhân và sắc làm duyên sinh ra nhân thức. Nhân, sắc và nhân thức, ba yếu tố hòa hợp tạo nên xúc. Tướng lấy xúc làm duyên. Ở đây, xúc là tăng thượng duyên, sắc là sở duyên duyên, nhân xúc là nhân duyên. Tác ý tương ưng với nhân xúc đẳng khởi, nhân xúc chủng loại, nhân xúc được sinh, nhân xúc được khởi. Đối với sắc được nhận thức bởi nhân, các tướng bao gồm tướng hiện tiền, tướng đã qua, tướng sẽ đến, đó là tướng thân sinh từ nhân xúc. Tướng thân sinh từ nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, theo đó mà nói rộng.” (No. 1536, tr. 429b09~b14)

644 Đệ nhất hữu: Hữu đệ nhất, hay hữu đẳng, chóp đỉnh của hữu, cao nhất trong các cõi Hữu, tức Hữu đánh thiên hay Sắc cứu cánh thiên. Chỉ cho Đại tự tại thiên vương, vị trời độc tôn, vị chúa thống lãnh các vị Đại Phạm thiên vương ở cõi Sắc.



[505b07] IV. **Kiến lập hành uẩn**: Có ba thứ: 1. Thắng sai biệt; 2. Y sai biệt; 3. Chư hành thi thiết sai biệt.

(1) **Thắng sai biệt**: Chỉ có tư [tâm sở] là tối thắng, nó được nhiếp trong hành uẩn. Do tâm tạo tác mà chuyển thành pháp tạp nhiễm hay pháp thanh tịnh.

(2) **Y sai biệt**: Là sáu loại tư thân: Tư sinh từ nhãn xúc, tư sinh từ nhĩ xúc, tư sinh từ tỷ xúc, tư sinh từ thiệt xúc, tư sinh từ thân xúc và tư sinh từ ý xúc.⁶⁴⁵

(3) **Chư hành thi thiết sai biệt**: Có ba thứ: 1. Tạp nhiễm thi thiết; 2. Thanh tịnh thi thiết; 3. Phần vị thi thiết.

Tạp nhiễm thi thiết: Là phiền não và tùy phiền não.

Thanh tịnh thi thiết: Là tín, tâm, quý, ... bất hại.⁶⁴⁶

Phần vị thi thiết: Là sinh, lão, trụ v.v... tâm bất tương ưng hành.⁶⁴⁷

Uẩn gọi là pháp giới, cũng gọi là pháp xứ, tức ba uẩn (thọ, tưởng, hành), pháp xứ sở nhiếp sắc⁶⁴⁸ và vô vi⁶⁴⁹.

[505b13] V. **Kiến lập thức uẩn**: Có ba thứ: 1. Chủng loại sai biệt; 2. Y sai biệt; 3. Tạp nhiễm thanh tịnh sai biệt.

645 Giải thích tương tự như 6 tưởng thân.

646 Mười một thiện tâm sở.

647 Xem phẩm Nhiếp sự, phần 1, mục Tâm bất tương ưng hành.

648 Pháp xứ sở nhiếp sắc: Có 5 loại: 1. Cực lược sắc; 2. Cực sắc; 3. Thọ sở dẫn sắc; 4. Định sở dẫn sắc; 5. Biến kế sở khởi sắc.

649 Các bộ phái tiểu thừa: Đại chúng bộ, Nhất thiết hữu bộ, Kế dẫn bộ lập 9 thứ vô vi. Hóa địa bộ cũng lập 9 thứ vô vi. Chánh lượng bộ, Kinh lượng bộ và Tát-bà-đa bộ lập 3 thứ vô vi. Nói về vô vi, các luận đại thừa cũng khai hợp bất đồng: Du-già sư địa luận nói 2 thứ vô vi; Du-già luận ký, Tập pháp luận, Hiền dương thánh giáo luận nói 8 thứ vô vi (hư không, phi trạch diệt, trạch diệt, bất động, tưởng thọ diệt, thiện pháp chân như, bất thiện pháp chân như, vô ký chân như); Ngũ uẩn luận nói 4 thứ vô vi; bách pháp minh môn luận, Thành duy thức luận nói 6 thứ vô vi.



(1) **Chủng loại sai biệt**: Có hai thứ: 1. A-lại-da thức; 2. Chuyển thức.

(2) **Y sai biệt**: Là sáu thức thân.

Hỏi: Thức nào trong sáu thức được thu giữ bởi thức a-lại-da?

Đáp: Cả sáu thức đều được thu giữ, vì thức a-lại-da thâm tàng chủng tử từ sáu thức. Do thức a-lại-da thu giữ và ghi nhớ một cách thâm lặng, nên đức Bạc-già-phạm đã không nói cho tất cả⁶⁵⁰. Người thiện xảo qua đây mà tùy giải.

(3) **Tạp nhiễm thanh tịnh sai biệt**: Trong kinh có nói: “*Nội tâm có tham, như thật tri nội tâm có tham; nội tâm ly tham, như thật tri nội tâm ly tham.*”⁶⁵¹ Cũng vậy, có sân, ly sân; có si, ly si, cho đến nói rộng.

[505b27] Ở đây có những phẩm tâm: 1. Tâm chưa phát thú tam-ma-địa; 2. Tâm đã phát thú nhưng chưa được tam-ma-địa; 3. Tâm đã được tam-ma-địa; đây lại có hai: một là, tâm không thanh tịnh; hai là, tâm cực thanh tịnh.

Phẩm tâm thứ nhất: Là hoặc có lúc khởi tâm nhiễm ô, vì bị phiền não tham, sân, si trói buộc; hoặc có lúc khởi tâm thiện hay vô ký, vì rời xa phiền não tham, sân, si.

Phẩm tâm thứ hai: Là hoặc có lúc buộc tâm nội tĩnh, hoặc có lúc mất niệm đuổi theo năm dục, hoặc có lúc nhiếp tâm cho tĩnh lặng. Lại bị hôn trầm, thụy miên trói buộc, che phủ, hoặc có lúc đoạn trừ được chúng. Lại thúc giục tâm, an trí tâm nơi cảnh giới thắng tịnh, hoặc có lúc nơi cảnh ấy không chánh an trú, nội tâm dao động, hoặc chánh an

650 Kinh Giải thâm mật nói: “A đà na thức cực kỳ vi tế, tất cả chủng tử tựa như dòng nước dốc, Như lai không nói cho phạm phu và tiểu thừa, vì sợ họ phân biệt chấp làm tự ngã.”

651 Tương ưng bộ kinh, Tương ưng sáu xứ, số 149: Có pháp môn nào?



trú, nội tâm không dao động. Hoặc có lúc chưa đoạn trừ triền cái hôn trầm và trạo cử.

Cả hai phẩm tâm trên là tâm chưa được tịch tĩnh. Do đoạn diệt [các triền cái] mà tâm được tịch tĩnh. Nếu do như lý tác ý, được [bốn] căn bản tịnh lự, gọi là *tâm định*. Chưa được những điều trên, gọi là *tâm không định*. Đạo cứu cánh, gọi là *tâm cực tu*⁶⁵². Đoạn cứu cánh, gọi là *tâm cực giải thoát*. Ngược với hai điều trên gọi là *tâm không tu* và *tâm không giải thoát*. Nên biết, bắt đầu từ *tâm định* cho đến *tâm không giải thoát*, chính là *phẩm tâm thứ ba*.

4. **Số**: Do năm sự nhiếp hết tất cả sự lưu chuyển.

Năm sự là gì? 1. Sự sở thọ dụng; 2. Sự năng thọ dụng; 3. Sự thọ dụng chấp thủ; 4. Sự thọ dụng tạp nhiễm; 5. Sự thọ dụng dựa vào pháp biến hành.

Sự sở thọ dụng: Là sắc uẩn. Cửa ngõ y chấp⁶⁵³ là năm thứ sắc căn làm sở thọ dụng, và cánh cửa sở duyên là các sắc cảnh giới làm sở thọ dụng.

Sự năng thọ dụng: Là thọ uẩn.

Sự thọ dụng chấp thủ: Là tướng uẩn.

Sự thọ dụng tạp nhiễm: Là hành uẩn.

Sự thọ dụng dựa vào pháp biến hành: Là thức uẩn.

Do kể thức uẩn này là thức thọ dụng, cho đến là thức bị tạp nhiễm⁶⁵⁴, từ đó nghĩa **thứ đệ** được thành lập.

652 Tâm cực tu = khéo tu tâm.

653 Y chấp: Y chỉ, chấp thọ. Năm sắc căn năng chấp thọ. Năm thức y chỉ mà chuyển.

654 Ngoài thức A-lại-da, các chuyển thức khác gọi là thức thọ dụng. Sáu thức trước thọ dụng quá báo khổ vui, diễn biến qua 3 tâm sở thọ, tướng và tư.



5. Lại do năm nhân duyên mà kiến lập **thứ đệ**: 1. Do sinh khởi; 2. Do đối trị; 3. Do lưu chuyển; 4. Do thức trú; 5. Do hiển liễu.

[505c23] (1) **Thứ đệ do sinh khởi**: Như kinh nói: “*Do duyên mắt và sắc nên thức của mắt sinh, cho đến do duyên ý và pháp nên thức của ý sinh.*”⁶⁵⁵ Ở đây, trước nói sắc uẩn, sau nói thức uẩn. Hai uẩn này là sở y chỉ của các tâm pháp, tức dựa vào hai uẩn mà khởi các tâm pháp: thọ, tưởng, tư v.v... Tiếp theo, kinh nói: “*Ba sự hòa hợp sinh xúc; xúc làm duyên sinh các pháp: thọ, ái v.v...*” Do nhân duyên sinh khởi này mà nói thứ đệ của các uẩn.

(2) **Thứ đệ do đối trị**: Là đối trị bốn điên đảo nên nói bốn niệm trú. *Bốn điên đảo*: 1. Đối với bất tịnh mà điên đảo cho là tịnh; 2. Đối với khổ mà điên đảo cho là lạc; 3. Đối với vô thường mà điên đảo cho là thường; 4. Đối với vô ngã mà điên đảo cho là ngã. Ở đây, trước nói sắc uẩn, sau là thọ uẩn, rồi thức uẩn, sau chót là hai uẩn tưởng và hành. Như vậy, do đối trị nên nói thứ đệ của các uẩn.

[506a04] (3) **Thứ đệ do lưu chuyển**: Các căn lấy cảnh giới làm sở y nên sinh khởi hai uẩn [thọ và tưởng], tức là cảnh giới lãnh nạp và cảnh giới khắc họa⁶⁵⁶. Do nhân duyên này mà khởi sự thọ dụng các pháp nào loạn nơi cảnh giới hiện pháp (: phiền não tạp nhiễm) và tạo tác các nghiệp thiện, bất thiện (: nghiệp tạp nhiễm). Do nhân tố này mà chiêu cảm khổ não sinh, già, bệnh, chết ở đời sau (: sinh tạp nhiễm).

Thức uẩn là một loại bị não loạn nên nói sau cùng.

655 Tạp A-hàm, kinh Lục nhập xứ, số 68: “Thế nào là sự tập khởi của sắc? sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức? Do duyên mắt và sắc nên thức của mắt sinh; ba sự hòa hợp sanh xúc; duyên xúc sanh thọ, duyên thọ sanh ái, cho đến thuần khối lớn đau khổ sanh. Đó gọi là sự tập khởi của sắc. Duyên tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng như vậy. Do duyên ý và pháp, thức của ý sanh; ba sự hòa hiệp sanh xúc, duyên xúc sanh thọ, duyên thọ sanh ái. Như vậy, cho đến thuần khối lớn đau khổ sanh. Đó gọi là sự tập khởi của sắc, là sự tập khởi của thọ, tưởng, hành, thức.”

656 Thái họa 彩畫: tô vẽ.



[506a09] (4) **Thứ đệ do thức trú:** Là bốn trú xứ của thức⁶⁵⁷. Thức theo thứ đệ khởi của sắc, thọ, tưởng và hành mà an trú.

(5) **Thứ đệ do hiển liễu:** Khi gặp một bồ-đặc-già-la, trước tiên ghi nhận hình sắc của người ấy, cho nên trước nói sắc uẩn. Tiếp theo, qua thọ uẩn hiển lộ người ấy sang hay hèn, vui hay khổ. Kế đó, qua tưởng uẩn hiển lộ người ấy có tên như vậy, họ như vậy, chủng tộc như vậy v.v... Tiếp nữa, qua hành uẩn hiển lộ người ấy ngu si như vậy hay thông tuệ như vậy. Sau cùng, qua thức uẩn hiển lộ người ấy có cái nội ngã sai biệt, nghĩa là đối với các uẩn ở trước, sự đã ghi nhận, sự có khổ vui, sự đã nói ra, sự ngu si hay thông tuệ, đó gọi là do hiển liễu mà nói thứ đệ của các uẩn.

[506a17] Lại nữa, do y chỉ hai sự mà kiến lập **thứ đệ**: 1. Sự tự trợ ngã; 2. Sự tự nội ngã.

(1) *Sự tự trợ ngã*: là ban đầu y chỉ cái thân sống trong các cảnh giới, sau đó thọ khổ vui, kế đó tùy trường hợp nói về mình, về người, như có tên như vậy, họ như vậy, chủng tộc như vậy v.v... Rồi y chỉ hai

657 Bốn thức trú: Tạp A-hàm, kinh số 64, Ưu-đà-na: "Do vin bám mà có bốn trú xứ của thức. Thức trụ nơi sắc, vin bám sắc, ham muốn sắc, để tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Thức trụ nơi thọ, tưởng, hành, vin bám hành, ham muốn hành, để tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Tỳ kheo, thức ở nơi này, hoặc đến, hoặc đi, hoặc ở, hoặc diệt, tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn. Nếu nói rằng lại có pháp khác, và ở đó thức hoặc đến, hoặc đi, hoặc ở, hoặc khởi, hoặc diệt, tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn; thì đây chỉ có trên ngôn thuyết, chứ nếu hỏi đến, thì sẽ không biết, chỉ tăng thêm ngu si, vì chúng chẳng phải là cảnh giới. Vì sao? Vì Tỳ kheo, xa lìa tham dục của sắc giới, thì triển phược của ý sanh đối với sắc cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi triển phược của ý sanh đối với sắc bị đoạn trừ rồi, thì sự vin bám của thức cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi ấy, thức không có chỗ trú, cũng không tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn trở lại. Khi triển phược của ý sanh đối với thọ, tưởng, hành giới, nếu đã lìa tham dục rồi, thì sự vin bám của thức cũng sẽ bị đoạn trừ. Khi ấy, thức không có chỗ trú, cũng không tăng tiến, sanh trưởng rộng lớn trở lại. Vì thức không chỗ trụ, nên không tăng trưởng nên không có gì để tác hành. Vì không có gì để tác hành cho nên được an trụ. Vì đã an trụ nên biết đủ. Vì đã biết đủ nên được giải thoát. Vì đã giải thoát nên đối với các thế gian đều không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên không có gì để đắm trước. Vì không có gì để đắm trước nên tự mình giác ngộ Niết-bàn: "Ta, sự sanh đã chấm dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa." (Thích Đức Thắng dịch)



tập hợp này⁶⁵⁸ để khởi tất cả hoạt động theo pháp, theo phi pháp.

(2) *Sự nội tự ngã*: Chính là thức uẩn⁶⁵⁹.

[506a22] 6. **Thiện xảo**: Sẽ nói rộng trong phẩm *Thành thiện xảo*.

7. **Tưởng sai biệt**: Là hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, hữu đối, vô đối, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, đại loại các pháp như vậy.

[Hiển uẩn thể tục nghĩa:]

Hỏi: [Trong các uẩn], nghĩa gì, uẩn nào là hữu sắc?

Đáp: Lấy nghĩa sắc tự thể làm nghĩa hữu sắc, và sắc uẩn là hữu sắc.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là hữu kiến?

Đáp: Nghĩa sở hành của mắt, và một phần của sắc uẩn là hữu kiến.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là hữu đối?

Đáp: Là nghĩa chiếm cứ xứ sở khi xúc đối lẫn nhau và nghĩa thô đại. Một phần của sắc uẩn là hữu đối. Nghĩa *thô đại*, là rời ba loại *vi tế*: 1. Tồn giảm vi tế; 2. Chủng loại vi tế; 3. Tâm tự tại chuyển vi tế.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là hữu lậu?

Đáp: Là nghĩa thô trọng theo sát, nên cùng các phiền não nương nhau mà sinh. Một phần của các uẩn là hữu lậu. Lại nữa, nghĩa của hữu lậu là xứ nào mà trong đó có phiền não có thể khởi bốn thứ lỗi, xứ ấy gọi là hữu lậu. Bốn lỗi là: 1. Lỗi không tịch tĩnh, là làm cho các triền hiện hành; 2. Lỗi nội ngoại biến dị, là làm cho phiền não [ở trong] dựa vào duyên sự rồi tùy thuận phiền não [ở ngoài]; 3. Lỗi phát khởi các ác hành, là làm cho khởi phiền não;

658 Chỉ cho thọ uẩn và tưởng uẩn.

659 Nói đến thức uẩn là nói đến tâm, ý, thức, cũng tức là nói đến ý thức tự ngã hay tự ngã hóa nhận thức để rồi tạo sự sai biệt và cách biệt giữa bản thân và tha nhân. Chính ý thức tự ngã làm cho tâm thức tạp nhiễm.



4. Lỗi nhân tố của nhiếp thọ, là làm cho dẫn phát hậu hữu.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là hữu vi?

Đáp: Là nghĩa từ nhân tố đã sinh, đang sinh và sẽ sinh. Tất cả uẩn đều là hữu vi.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là có tranh cãi⁶⁶⁰?

Đáp: Là nghĩa sân hận góp phần nhiều và nó chuyển động tự tại. Một phần của các uẩn là có tranh cãi.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là có ưa thích vị ngọt?

Đáp: Là nghĩa ái kiến góp phần nhiều và nó chuyển động tự tại. Một phần của các uẩn là có ưa thích vị ngọt.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là có tham trước?

Đáp: Là nghĩa dục tham góp phần nhiều và nó chuyển động tự tại. Một phần của các uẩn là có tham trước.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là thể gian?

Đáp: Là nghĩa sở y của ngôn luận. Một phần của các uẩn là thể gian.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là giới nhiếp?

Đáp: Là nghĩa thể gian được nhiếp trong ba giới (Dục, Sắc, Vô sắc). Một phần của các uẩn là giới nhiếp.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là quá khứ?

Đáp: Là nghĩa đã thọ dụng hết nhân quả. Một phần của các uẩn là quá khứ.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là vị lai?

660 Hữu tránh: Có sự tranh cãi của chúng sinh mà cội nguồn là phiền não, mê hoặc và nhiễm ô.



Đáp: Là nghĩa chưa thọ dụng hết nhân quả. Một phần của các uẩn là vị lai.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là hiện tại?

Đáp: Là nghĩa đã thọ dụng hết nhân, chưa thọ dụng hết quả. Một phần của các uẩn là hiện tại.⁶⁶¹

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là nội?

Đáp: Là nghĩa sáu nội xứ và những gì không rời sáu nội xứ. Một phần của sắc uẩn và bốn uẩn còn lại là nội.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là ngoại?

Đáp: Là nghĩa sáu ngoại xứ và những gì không rời sáu ngoại xứ. Một phần của sắc uẩn là ngoại.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là thô?

Đáp: Là nghĩa tướng trạng không tinh tế tụ tập tràn đầy. Một phần của các uẩn là thô.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là tế?

Đáp: Là nghĩa tướng trạng tinh tế tụ tập tràn đầy. Một phần của các uẩn là tế.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là liệt?

Đáp: Là nghĩa vô thường, khổ, bất tịnh, nhiễm ô. Một phần của các uẩn là liệt.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là thắng?

Đáp: Là nghĩa thường, lạc, tịnh, thanh tịnh. Một phần của các uẩn là thắng.

661 Du-già sư địa luận cho rằng tất cả các uẩn là quá khứ, là vị lai, là hiện tại.



Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là viễn?

Đáp: Là nghĩa xứ sở và thời gian quá khứ, vị lai ở xa. Một phần của các uẩn là viễn.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là cận?

Đáp: Là nghĩa xứ sở và thời gian quá khứ, vị lai ở gần. Một phần của các uẩn là cận.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là Dục giới hệ?

Đáp: Là nghĩa nếu sinh ở Dục giới mà chưa được tâm đối trị, hoặc đã được [thời thứ hai], đã xuất hiện hành thời thứ ba.⁶⁶² Một phần của các uẩn là Dục giới hệ.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là Sắc giới hệ?

Đáp: Là nghĩa đã được tâm đối trị thuộc Sắc giới, nếu an trú định ở Sắc giới, hoặc nếu sinh nơi Sắc giới, chưa được cái tâm đối trị ở thượng địa (: Vô sắc giới), hoặc đã được, đã xuất hiện hành thời thứ ba.⁶⁶³ Một phần của các uẩn là Sắc giới hệ.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là Vô sắc giới hệ?

Đáp: Là nghĩa đã được tâm đối trị thuộc Vô sắc giới, nếu an trú định ở Vô sắc giới, hoặc nếu sinh nơi Vô sắc giới, chưa được cái tâm đối trị ở thượng địa (: Cứu cánh), hoặc đã được, đã xuất hiện

662 Ở trong Dục giới hệ, chưa được vô lậu và chưa có cái tâm đối trị hệ thuộc Sắc giới, có đủ 5 uẩn thuộc Dục giới, gọi là thời thứ nhất. Đã được vô lậu và có cái tâm đối trị hệ thuộc Sắc giới; chỉ có sắc uẩn của Dục giới và tâm bất tương ưng hành, gọi là thời thứ hai. Đã xuất ly vô lậu và định tâm ở Sắc giới, có đủ 5 uẩn thuộc Dục giới, gọi là thời thứ ba. Hiện hành thời thứ ba bao gồm sắc của ngoại khí thể giới. (Du-già luận ký, No. 1828, tr. 653a18~a23)

663 Đã được tâm đối trị thuộc Sắc giới, nếu an trú định ở Sắc giới, nghĩa là thân tại Dục giới mà đã được định Sắc giới và nhập định ấy, gọi là thời thứ nhất, chỉ thành tựu chủng tử hữu lậu thuộc Sắc giới. Hoặc đã sinh nơi Sắc giới, chưa được cái tâm đối trị ở thượng địa, nghĩa là thân tại Sắc giới mà chưa được cái tâm hệ thuộc Vô sắc giới, gọi là thời thứ hai, có đủ sắc của 5 uẩn. Đã được, đã xuất, nghĩa là thân tại Sắc giới mà được cái tâm hệ thuộc Vô sắc giới; đã xuất hiện hành những pháp hệ thuộc Sắc giới, gọi là thời thứ ba. (Sđđ, tr. 653a23~a28)



hành thời thứ ba.⁶⁶⁴ Một phần của các uẩn là Vô sắc giới hệ. Lại có nghĩa khác, là nghĩa khinh an câu hữu với định bất tương ưng, bao gồm các pháp cộng hữu và các pháp là kết quả của định. Đó là nghĩa Dục giới hệ, dựa vào phiền não Sắc giới, và những gì trái ngược với Dục giới (tức Sắc giới hệ). Đó là nghĩa Sắc giới hệ, đã rời những phiền não còn lại ở Sắc giới, và những gì trái ngược với Sắc giới (tức Vô sắc giới hệ). Đó là Vô sắc giới hệ, nên biết.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là thiện?

Đáp: Là nghĩa cảm quả báo lạc đời sau, là nghĩa vĩnh đoạn phiền não khổ, là nghĩa đối trị phiền não khổ. Một phần của các uẩn là thiện.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là bất thiện?

Đáp: Là nghĩa cảm quả báo khổ đời sau, và nghĩa phát khởi các ác hành. Một phần của các uẩn là bất thiện.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là vô ký?

Đáp: Là nghĩa trái ngược với thiện và bất thiện. Một phần của các uẩn là vô ký. Lại có nghĩa khác, đó là nghĩa không làm lỗi, là nghĩa đối trị làm lỗi, là nghĩa tùy thuận công đức, nên gọi là thiện. Nghĩa trái ngược với thiện là bất thiện. Nghĩa trái ngược với thiện và bất thiện là vô ký.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là học?

664 Đã được tâm đối trị thuộc Vô sắc giới, nếu nhập định Vô sắc giới, nghĩa là thân tại hạ địa mà đã nhập cái tâm vô lậu, gọi là thời thứ nhất, chỉ thành tựu chủng tử vô lậu hệ thuộc Vô sắc giới. Hoặc đã sinh nơi Vô sắc giới, chưa được cái tâm đối trị ở thượng địa, nghĩa là thân tại Vô sắc giới mà chưa được cái tâm đối trị cứu cánh, gọi là thời thứ hai, khởi đủ 4 uẩn ở Vô sắc. Đã được, đã xuất, nghĩa là nơi Vô sắc giới, vị A-la-hán đã được cái tâm đối trị cứu cánh hệ thuộc Vô sắc giới; đã xuất hiện hành những pháp hệ thuộc Vô sắc giới, gọi là thời thứ ba. (Sđđ, tr. 653a28~b05)



Đáp: Là nghĩa tu học phương tiện thiện. Một phần của các uẩn là học.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là vô học?

Đáp: Là nghĩa tu học cứu cánh thiện. Một phần của các uẩn là vô học.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là phi học, phi vô học?

Đáp: Là nghĩa rời học và vô học ở trên, bao gồm thiện, nhiễm ô và vô ký. Một phần của các uẩn là phi học, phi vô học.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là kiến sở đoạn?

Đáp: Là nghĩa hiện quán trí, hiện quán đế sở đoạn. Một phần của các uẩn là kiến sở đoạn.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là tu sở đoạn?

Đáp: Là nghĩa tu đạo sở đoạn sau khi hiện quán trí, hiện quán đế. Một phần của các uẩn là tu sở đoạn.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là vô đoạn?

Đáp: Là nghĩa cứu cánh đối trị tất cả nhiễm ô và nghĩa tất cả nhiễm ô vĩnh đoạn. Một phần của các uẩn là vô đoạn.

Hỏi: Nghĩa gì, uẩn nào là vô sắc ... cho đến nói rộng⁶⁶⁵?

Đáp: Là nghĩa ngược lại với nghĩa sắc v.v...⁶⁶⁶ đã nói. Nên biết, đó là nghĩa vô sắc v.v...⁶⁶⁷

665 Vô sắc, vô kiến, vô đối, vô lậu, vô vi, vô tránh v.v...

666 Hữu sắc, hữu kiến, hữu đối, hữu lậu, hữu vi, hữu tránh v.v...

667 Toàn bộ phần hỏi đáp cũng nằm trong Du-già sư địa luận, quyển 56, tr. 608a07~c15.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Sáu

Phẩm Hai

NHIẾP TỊNH NGHĨA (Phần 2)

[507a13] Luận giải: Như vậy là đã nói rộng về *thế tục đế*. Thế nào là *thắng nghĩa đế*?

Kệ tụng:

Năm, ba pháp, chân thật

Kia có bốn nên biết

Và bốn thứ tâm tư

Bốn thứ như thật trí. (kệ 6)

[507a17] Luận giải: **Năm pháp**: 1. Tướng; 2. Danh; 3. Phân biệt; 4. Chân như; 5. Chánh trí.

Tướng: Là sở y xứ của tất cả ngôn thuyết.

Danh: Là nơi các tướng thì dựa vào tăng ngữ [xúc]⁶⁶⁸.

Phân biệt: Là các tâm và tâm pháp nhiếp thuộc ba cõi.

Chân như: Là pháp tánh vô ngã hiển lộ bằng Thánh trí sở hành, không phải chỗ y xứ của tất cả ngôn thuyết.

Chánh trí: Lược có hai thứ: 1. Chánh trí duy xuất thế gian; 2. Chánh trí thế gian và xuất thế gian.

668 Tăng ngữ xúc 增語觸 (s: Adhivacana-samphassa): Đối lại: hữu đối xúc 有對觸. Trong 6 xúc, tâm sở xúc tương ứng với 5 thức trước (nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc), gọi là hữu đối xúc; còn ý xúc tương ứng với thức thứ 6 thì gọi là tăng ngữ xúc. Vì 5 xúc nhãn, nhĩ, v.v... lấy 5 căn hữu đối làm chỗ nương tựa, cho nên gọi là hữu đối xúc; còn ý xúc thì duyên theo tên của sự vật (: danh từ mô tả sự vật) mà phân biệt nên gọi là tăng ngữ xúc.



Chánh trí duy xuất thế gian: Là chánh trí mà Thanh văn, Độc giác và các Bồ-tát thông đạt chân như. Lại nữa, các Bồ-tát dùng trí xuất thế gian, tinh tiến tu học đối với *năm minh xứ*. Do cái trí biến mãn chân như phần nhiều hiện hữu trước mắt nên mau chóng chứng đắc *sở tri chướng tịnh*.

Chánh trí thế gian và xuất thế gian: Là các Thanh văn và Độc giác vừa mới thông đạt chân như, do trước chỉ có cái lực của chánh trí xuất thế gian, sau có được chánh trí thế gian và xuất thế gian, nên ở trong *chư an lập đế*⁶⁶⁹ khởi tâm chán sợ [tội lỗi] nơi ba cõi và tâm ưa thích tịch tịnh xứ nơi ba cõi. Do chánh trí ấy phần nhiều hiện hữu trước mắt nên mau chóng chứng đắc *phiền não chướng tịnh*.

[507b02] **Ba pháp:** Là ba tự tánh: 1. Tự tánh biến kế sở chấp; 2. Tự tánh y tha khởi; 3. Tự tánh viên thành thật.

Tự tánh biến kế sở chấp: Là tự thể dựa vào danh ngôn giả lập, vì muốn tùy thuận ngôn thuyết thế gian.

Tự tánh y tha khởi: Là tự thể các pháp từ nhân duyên mà sinh.⁶⁷⁰

Tự tánh viên thành thật: Là chân như của các pháp, là sở hành của Thánh trí, cảnh giới của Thánh trí, sở duyên của Thánh trí, vì muốn chứng đắc *cực thanh tịnh*, vì muốn được giải thoát *hai sự trói buộc* là tất cả tướng và thô trọng⁶⁷¹, vì muốn dẫn phát các công đức.

669 Chư an lập đế: Tức Thánh đế về khổ mà Như lai nói.

670 Y tha là các pháp do nhân duyên (tức A-lại-da) mà có, dù là có một cách tương đối.

671 Hai sự trói buộc là tướng phược và thô trọng phược. Tất cả tướng = cảnh tướng. Tướng phược (sự trói buộc của cảnh tướng), là nói do ý nhiễm ô (thức mặt-na) mà 6 thức đối với cảnh tướng không thể nhận rõ nó như huyền ảo, chiêm bao, sóng nắng, ảnh tượng, bóng sáng, tiếng dội, bóng trắng trong nước, biến hóa, do đó mà kiến phần và tướng phần cứ buộc chặt với nhau không được tự tại. (Thành duy thức luận, tr. 25c14~16) Thô trọng phược, là các pháp hữu lậu, có hai: một là, lậu thô trọng; hai là, hữu lậu thô trọng. Lậu thô trọng: Là hàng A-la-hán khi tu đạo sở đoạn thì đều phải vĩnh ly phiền não căn đoạn trừ. Phiền não này gọi là hữu tùy miên, tức trong cái thân hữu thức mà chưa có tánh yên ổn, không có tánh kham năng. Hữu lậu thô trọng: Là khi đoạn trừ tùy miên, vẫn có lậu được sinh ra, lậu được huân phát, vốn là tánh sở đắc, tánh không yên ổn, tánh khổ dựa nương, không có tánh kham năng, bị trói buộc một cách vi tế. (Du-già sư địa luận, quyển 58, tr. 625b16~22)



[507b09] **Kia có bốn nên biết:** Chân thật kia lại có bốn thứ: 1. Chân thật thế gian; 2. Chân thật đạo lý; 3. Chân thật phiền não chướng tịnh trí sở hành; 4. Chân thật sở tri chướng tịnh trí sở hành.⁶⁷²

[507b12] (1) **Chân thật thế gian:** Là tất cả thế gian đối với các sự [tùy thuận giả lập], do tập quen mà được ngộ nhập trí kiến về tánh chất thế tục thi thiết chung có, như đất thì chỉ là đất, chẳng phải lửa v.v..., cũng vậy đối với nước, lửa, gió, sắc, thanh, hương, vị, xúc, ẩm thực, y phục, xe cộ, các thứ trang sức, đồ đạc, hương xoa, tràng hoa, ca múa, âm nhạc, các loại ánh sáng, trai gái [phục dịch], các hạnh uy nghi, ruộng vườn, nhà cửa, tài vật và khổ vui v.v... Khổ chính là khổ, chẳng phải vui. Vui chính là vui, chẳng phải khổ. Tóm yếu mà nói, cái này chính là cái này, chẳng phải cái kia; cái kia chính là cái kia, chẳng phải cái khác, điều đó quyết định cho sự thắng giải về vận hành của sự thế gian hữu tình, ngang qua danh ngôn mà tất cả thế gian từ xa xưa truyền lại⁶⁷³, nó cũng quyết định cho sự phân biệt về tự thân và tha thân, gom lại làm thành chân thật, chẳng phải tà tư duy, quán sát rồi mới chấp nhận. Đó là chân thật thế gian.

[507b22] (2) **Chân thật đạo lý:** Là các bậc chánh trí có đạo lý nghĩa. Những bậc thông tuệ, những vị hiệt tuệ, những người suy cầu,

672 1. Chân thật thế gian là sự thật được nhận thức theo tập quán và quy ước của thế gian; 2. Chân thật đạo lý là sự thật được nhận thức theo lý tính; 3. Chân thật phiền não chướng tịnh trí sở hành là sự thật được nhận thức bởi trí thanh tịnh của Thanh văn và Độc giác, đã diệt trừ phiền não chướng; 4. Chân thật sở tri chướng tịnh trí sở hành là sự thật được nhận thức bởi trí thanh tịnh không còn sở tri chướng. Theo luận Biện trung biên, phẩm Biện chân thật, thứ 3: “Chân thật cực thành lược có hai thứ: 1. Chân thật thế gian cực thành; 2. Chân thật đạo lý cực thành ... Trong ba chân thật căn bản (tự tánh biến kế sở chấp, tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật), chân thật thế gian cực thành chỉ dựa vào biến kế sở chấp mà thiết lập ... Chân thật đạo lý cực thành dựa vào ba chân thật căn bản mà thiết lập.” (tr. 469c13) “Chân thật tịnh sở hành lược có hai thứ: 1. Chân thật phiền não chướng tịnh trí sở hành; 2. Chân thật sở tri chướng tịnh trí sở hành. Chân thật phiền não chướng tịnh trí sở hành và chân thật sở tri chướng tịnh trí sở hành chỉ dựa vào viên thành thật trong ba chân thật căn bản mà thiết lập. Biến kế sở chấp và y tha chẳng phải cảnh giới của tịnh trí.” (tr. 469c23)

673 Ở đây lấy danh, cú, văn thân huân tập làm duyên, từ chủng tử A-lại-da thức sinh ra, từ vô thị đến nay do huân tập mà có.



những vị thẩm sát, những bậc trú tâm tư địa, những bậc tự đủ biện tài, những vị trú ở dị sinh vị, những vị tùy quán sát hành,⁶⁷⁴ y chỉ hiện lượng, tỷ lượng và chánh giáo lượng⁶⁷⁵, cực kỳ khéo léo vận dụng trí tuệ quyết trạch đối với sở hành sự và sở tri sự⁶⁷⁶ để đạo lý chứng thành⁶⁷⁷ được [thi thiết] kiến lập. Đó là chân thật đạo lý.

[507b27] (3) **Chân thật phiền não chướng tịnh trí sở hành:** Là cảnh giới sở hành của tất cả Thanh văn, Độc giác, [biểu hiện qua] trí vô lậu phương tiện, chánh trí vô lậu, trí vô lậu hậu sở đắc thế gian v.v... Đó là chân thật phiền não chướng tịnh trí sở hành. Do duyên đây làm cảnh, từ trí diệt phiền não chướng mà được thanh tịnh, ở đời vị lai chứng trú *tánh không chướng ngại*, cho nên gọi là chân thật phiền não chướng tịnh trí sở hành.

Hỏi: Ở đây, những gì là chân thật?

Đáp: Là khổ, tập, diệt, đạo, được hiển thị trong bốn Thánh đế. Do giản trạch bốn Thánh đế như vậy mà đi vào được địa vị hiện quán. Trí chân thật sinh ra từ địa vị hiện quán.

[507c06] (4) **Chân thật sở tri chướng tịnh trí sở hành:** Đối với sở tri mà có khả năng chướng ngại trí, gọi là sở tri chướng. Tánh

674 Thông duệ: câu sinh, dẫn phát 2 tuệ tương ưng. Hiệt tuệ: liễu tri phân biệt tự thể. Suy cầu: tánh khéo tâm tư. Thẩm sát: nơi ý ngôn cảnh, chưa nhanh chóng chăm chú, chỉ theo đối tượng mà suy xét. Trú tâm tư địa: do khả năng tâm tư phát khởi ngữ ngôn, ý muốn chưa lìa tâm tư. Tự đủ biện tài: tuy khởi ngữ ngôn, nhưng chính yếu do biện tài theo chỗ vấn nạn, đều khéo trả lời mới có thể hoàn thành lập luận của mình. Trú ở dị sinh vị: không phải bậc Thánh vô lậu, còn nương tựa Thánh giáo lượng. Tùy quán sát hành: lắng nghe pháp, thọ trì pháp, khả năng quán sát sâu sắc.

675 Hiện lượng, có 3: 1. Chẳng phải không hiện kiến; 2. Chẳng phải đã tư duy, nên tư duy; 3. Chẳng phải cảnh giới thác loạn. Tỷ lượng: Luôn có mặt tư trạch, là cảnh giới đã tư duy, nên tư duy. Chánh giáo lượng: Là ngôn giáo được thuyết từ bậc Nhất thiết trí, hoặc nghe từ bậc Nhất thiết trí, hoặc hành theo pháp của bậc Nhất thiết trí. (Du-già sư địa luận, quyển 15, tr. 357a15-358c05)

676 Sở hành sự = như sở hữu tánh: cái tánh đúng như cái thực của sự hiện hữu; tánh ấy là chân như nơi các pháp nhiệm tịnh. Sở tri sự = tận sở hữu tánh: cái tánh cùng tận cái lượng của sự hiện hữu.

677 Có 4 đạo lý: 1. Đạo lý quán đái; 2. Đạo lý tác dụng; 3. Đạo lý chứng thành; 4. Đạo lý pháp nhĩ. (Xem Hiển dương, quyển 8)



chân thật là cảnh giới sở hành của trí giải thoát sở tri chướng, gọi là chân thật sở tri chướng tịnh trí sở hành. Nghĩa là thế nào? Là các Bồ-tát, Phật bạc-già-phạm thể nhập pháp tánh vô ngã, tức đã thể nhập sự cực thanh tịnh đối với tất cả pháp mà tự tánh vốn ly ngôn thuyết và giả lập, là cảnh giới sở hành của trí vô phân biệt bình đẳng. Cảnh giới như vậy là chân như tối thắng, là tánh cứu cánh của [biên tế] sở tri, không có gì thêm nữa. Tánh ấy không ngoài sự giản trạch của toàn bộ chánh pháp, không thể hồi chuyển, không thể vượt qua. Đó là chân thật sở tri chướng tịnh trí sở hành.

[507c14] **Bốn thứ tâm tư:** 1. Tâm tư danh; 2. Tâm tư sự; 3. Tâm tư tự thể giả lập; 4. Tâm tư sai biệt giả lập.⁶⁷⁸

Tâm tư danh: Các Bồ-tát với danh chỉ thấy danh, [gọi là tâm tư danh].

Tâm tư sự: Các Bồ-tát với sự chỉ thấy sự, [gọi là tâm tư sự].

Tâm tư tự thể giả lập: Các Bồ-tát với tự thể giả lập chỉ thấy tự thể giả lập, [gọi là tâm tư tự thể giả lập].

Tâm tư sai biệt giả lập: Các Bồ-tát với sai biệt giả lập chỉ thấy sai biệt giả lập, gọi là tâm tư sai biệt giả lập.

Ở đây, các Bồ-tát đối với hai thứ danh và sự, hoặc ly tướng quán, hoặc hợp tướng quán.⁶⁷⁹ Dựa vào danh và sự để hợp quán nên thông đạt tự thể giả lập và sai biệt giả lập.

[507c23] **Bốn thứ như thật trí:** 1. Như thật trí do tâm tư danh dẫn ra; 2. Như thật trí do tâm tư sự dẫn ra; 3. Như thật trí do tâm tư tự

678 Danh và sự là danh và nghĩa của các pháp. Tự thể và sai biệt là đặc tánh và chi tiết của danh và của sự, nên gọi là tự thể của danh, tự thể của sự, sai biệt của danh, sai biệt của sự. Tâm tư về danh và nghĩa (cũng như tự thể và sai biệt của danh và nghĩa) thì thấy toàn là giả thiết, chỉ là ý thức.

679 Ly tướng quán là quán riêng về danh và về sự, vì danh và sự khác nhau nên tâm tư riêng. Hợp tướng quán là hợp quán tự thể và sai biệt của danh và của sự, vì tự thể và sai biệt đồng nhau nên hợp lại mà tâm tư.



thể giả lập dẫn ra; 4. Như thật trí do tầm tư sai biệt giả lập dẫn ra.⁶⁸⁰

[507c26] (1) **Như thật trí do tầm tư danh dẫn ra:** Các Bồ-tát suy tìm danh chỉ thấy có danh mà thôi, nên như thật liễu tri về danh: danh này có nghĩa này. Trong sự (: nghĩa) này, thiết lập danh là để người thế gian khởi ý tưởng, thấy biết và nói năng. Nếu sự là các sắc v.v... trong ấn tượng mà không thiết lập cái danh của sắc v.v... thì tất cả người thế gian không thể có ý tưởng rằng nghĩa này chính là sắc v.v...⁶⁸¹ Nếu không có tưởng thì không có khả năng khởi chấp trước thêm lên. Nếu không có chấp trước thì không có ngôn thuyết.⁶⁸² Như thật liễu tri như vậy thì gọi là như thật trí thứ nhất do tầm tư danh dẫn ra.

(2) **Như thật trí do tầm tư sự dẫn ra:** Các Bồ-tát suy tìm sự chỉ thấy có sự mà thôi, nên như thật liễu tri về sắc v.v... trong ấn tượng có tự tánh của sự. [Hiểu tự tánh của sắc v.v...] thì lia tất cả ngôn thuyết, không thể ngôn thuyết⁶⁸³, đó là như thật trí thứ hai do tầm tư sự dẫn ra.

[508a07] (3) **Như thật trí do tầm tư tự thể giả lập dẫn ra:** Các Bồ-tát đối với sự là sắc v.v... trong ấn tượng, suy tìm tự thể giả lập [của sự] chỉ thấy giả lập, nên như thật thông suốt tự thể giả lập. Tự thể của sự kia chẳng phải thật có, chỉ là tương tự tự thể của sự kia hiển

680 Như thật trí là cái biết đúng như sự thật về danh, sự, tự thể và sai biệt. Nhiếp luận: “Chư vị bỏ tất muốn ngộ nhập duy thức một cách đúng như sự thật, nên nỗ lực mà tu - tức là đem cái ý thức có cái ấn tượng tương tự về danh và nghĩa mà suy tìm danh chỉ là ý thức, suy tìm nghĩa dựa vào danh cũng chỉ là ý thức, suy tìm tự tánh và sai biệt của danh và nghĩa cũng chỉ là giả thiết. Bao giờ chứng được chỉ là ý thức, thì bấy giờ chứng biết danh, nghĩa, tự tánh, sai biệt, toàn là không thật, đồng là không thể thủ đắc.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

681 Theo ước lệ thế gian thì danh từ phải do một trong 3 yếu tố tạo thành: 1. Tường được; 2. Thấy được; 3. Nói được.

682 Theo xuất thế gian, qua như thật trí thì thấy danh là giả có không thật, không thể thủ đắc.

683 Lia tất cả ngôn thuyết, là quán về nghĩa qua tánh y tha, không thấy nó qua tánh biến kế, vì chỉ là ý thức thác loạn. Không thể ngôn thuyết, là suy tìm cái ý thức thác loạn là do phân biệt khởi; phân biệt không có thì cái ý thức thác loạn cũng diệt, tức là chân như siêu việt ngôn ngữ, tuyệt đường ngôn ngữ.



hiện. Lại nữa, có thể liễu tri tự thể của sự kia giống như biến hóa, ảnh tượng, tiếng dội, bóng sáng, bóng trăng trong nước, sóng nắng, chiêm bao, huyền ảo, tương tự như có thật tánh. Như thật liễu tri nghĩa của cảnh giới sở hành thậm thâm như vậy thì gọi là như thật trí thứ ba do tầm tư tự thể giả lập dẫn ra.

[508a14] (4) **Như thật trí do tầm tư sai biệt giả lập dẫn ra:** Các Bồ-tát suy tìm sự sai biệt giả lập chỉ thấy tánh giả lập, nên đối với sự là sắc v.v... trong ấn tượng và sự sai biệt giả lập, có thể khéo léo thông suốt nghĩa của bất nhị, nghĩa là các sự kia chẳng phải hữu tánh, chẳng phải vô tánh. Do *tự thể mà khả ngôn thuyết* không thành tựu nên chẳng phải hữu tánh; do *tự thể mà bất khả ngôn thuyết* thành tựu nên chẳng phải vô tánh. Như vậy, do thắng nghĩa để nên chẳng phải hữu sắc, [vì trong đó không có các sắc pháp]; do thế tục để nên chẳng phải vô sắc, vì trong đó có các sắc pháp giả lập. Như hữu tánh, vô tánh, hữu sắc, vô sắc, cũng vậy, hữu kiến, vô kiến v.v... các pháp sai biệt giả lập. Nên biết, tất cả các pháp ấy đều đi đến tận cùng đạo lý [bất nhị] như vậy. Nếu có thể như thật liễu tri sai biệt giả lập là nghĩa của bất nhị thì gọi là như thật trí thứ tư do tầm tư sai biệt giả lập dẫn ra.

Như vậy đã chỉ rõ *sở nhập sự, năng nhập nhân* và năng nhập⁶⁸⁴.

Lại nữa, kệ tụng:

Ba tự tánh: thành lập

Sai biệt, nghiệp, ấn mật

Phương tiện, nhiếp, biệt dị

Mỗi đều có nhiều thứ. (kệ 7)

684 Sở nhập sự 所入事, là 4 thứ tầm tư. Năng nhập nhân 能入因, là 4 như thật trí. Năng nhập, là ngộ nhập đạo lý duy thức hay đạo lý bất nhị.



[508a27] Luận giải: Ba thứ tự thể kia: thành lập, sai biệt, nghiệp dụng, ẩn mật, phương tiện, nhiếp, biệt dị, nên biết, mỗi sự có nhiều thứ.

1. **Thành lập** có nhiều thứ, sẽ nói rộng nơi phẩm Thành vô tánh.

[508b01] 2. **Sai biệt**:

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp có mấy thứ?

Đáp: Tự tánh y tha khởi là tự tánh giả lập sai biệt; cũng vậy đối với tự tánh biến kế sở chấp. [Tự tánh y tha khởi thì không hạn lượng]⁶⁸⁵, cho nên tự tánh biến kế sở chấp không có hạn lượng. Lại nữa, nơi tự tánh y tha khởi có hai thứ phân biệt của tự tánh biến kế sở chấp: 1. Phân biệt tùy thắng giác⁶⁸⁶; 2. Phân biệt sở tập tập khí tùy miên⁶⁸⁷.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi có mấy thứ?

Đáp: Chính là các tướng có nhiều thứ sai biệt, nghĩa là: sắc tướng, tâm tướng, tâm pháp tướng, tâm bất tương ưng tướng v.v... Lại nữa, nếu nói sơ lược thì tự tánh y tha khởi có hai thứ: 1. Phân biệt sở khởi của tự tánh biến kế sở chấp; 2. Chẳng phải phân biệt sở khởi [của tự tánh viên thành thật].⁶⁸⁸

Hỏi: Tự tánh viên thành thật có mấy thứ?

Đáp: Tự tánh viên thành thật nơi tất cả xứ chỉ có một vị [thanh tịnh]⁶⁸⁹, cho nên không thể thiết lập sai biệt.

685 Tánh y tha khởi là giả hữu (có một cách tương đối), vì có tánh tự tập, tương tục và phân vị, và do chúng tử a lại da phát sanh (bao gồm tâm và tâm sở), là biểu hiện của phân biệt hư vọng, là căn cứ của sự không thật.

686 Phân biệt tùy thắng giác (tùy giác), tức phân biệt hiện hành, như kinh nói “cái được thấy, cái được nghe, cái được cảm nhận, cái được nhận thức, cái sở đắc, cái sở cầu, cái được nhớ nghĩ.” (Kiến văn giác thức câu đắc tùy ức 見聞覺識求得隨憶 – Tập A-hàm, kinh Sinh tử lưu chuyển, số 133)

687 Phân biệt sở tập tập khí tùy miên, tức phân biệt chủng tử.

688 Y tha khởi lên 2 phần: phần tạp nhiễm là tánh biến kế, phần thanh tịnh là tánh viên thành (chân như).

689 Nhiếp luận: “Nên nhận thức viên thành như thế nào? Nên nhận thức là 4 pháp thanh tịnh. Bốn pháp thanh tịnh là gì? Một là tự tánh thanh tịnh, tức là chân như, không, thật tế, vô tướng, thắng nghĩa, pháp giới. Hai là ly cấu thanh tịnh, là chính tự tánh thanh tịnh đã thoát ly tất cả chướng ngại



[508b12] 3. **Nghiệp dụng**:

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp có mấy thứ nghiệp dụng?

Đáp: Có năm thứ: 1. Năng sinh tự tánh y tha khởi⁶⁹⁰; 2. Tức ở nơi y tha mà khởi các ngôn thuyết; 3. Năng sinh chúng sinh chấp (: bỏ-đặc-già-la chấp); 4. Năng sinh pháp chấp; 5. Năng nhiếp thọ hai chấp tập khí và thô trọng⁶⁹¹.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi có mấy thứ nghiệp dụng?

Đáp: Có năm thứ: 1. Năng sinh các pháp tánh tạp nhiễm⁶⁹²; 2. Làm sở y cho tự tánh biến kế sở chấp và tự tánh viên thành thật⁶⁹³; 3. Làm sở y cho chúng sinh chấp; 4. Làm sở y cho pháp chấp; 5. Làm sở y cho hai chấp tập khí và thô trọng.

Hỏi: Tự tánh viên thành thật có mấy thứ nghiệp dụng?

Đáp: Có năm thứ, nghĩa là tự tánh viên thành thật làm sở duyên cảnh giới tánh, đối trị sinh khởi năm thứ nghiệp dụng của hai tự tánh: biến kế sở chấp và y tha khởi.

[508b21] 4. **Ẩn mật**: Là nên theo nghĩa của ba thứ tự thể để giải thích tất cả *kinh bất liễu nghĩa*⁶⁹⁴. Trong vô lượng kinh có ngữ ngôn ẩn mật của tất cả Như lai và ngữ ngôn ẩn mật của tất cả Bồ-tát, chúng ta đều theo ba thứ tự thể mới có thể ngộ nhập nghĩa ý ẩn mật kia.

dơ bản. Ba là đặc thù thanh tịnh, là tất cả bỏ-đề phần pháp, ba là mật đa, v/v. Bốn là sinh tử thanh tịnh, là pháp giáo đại thừa, vi diệu, chân chánh - Pháp giáo này là cái mà tuệ giác thanh tịnh biết đến nên không phải là biến kế, là cái từ pháp giới tối thanh tịnh đăng lưu ra nên không phải y tha. Bốn pháp như vậy thống nhiếp hết tất cả các pháp thanh tịnh.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

690 Do kế đặc chấp ngã pháp làm cảnh nên tâm năng chấp huân tập thành chủng tử, để rồi hiện hành các tướng tương tự ngã pháp ngang qua kiến phần, tướng phần của ý thức phân biệt.

691 Do chấp 2 trần là tướng phần và kiến phần mà huân tập thành 2 chấp tập khí và thô trọng. Tập khí là tập khí các nghiệp và tập khí của hai thủ (năng thủ, sở thủ, hay ngã chấp thủ, danh ngôn thủ). Thô trọng là phiền não và sở tri.

692 Do chủng tử huân tập mà sinh ra. Chủng tử ấy là tánh y tha nơi A-lại-da thức.

693 Tánh y tha khởi không cố định là nhiễm hay tịnh.

694 Kinh bất liễu nghĩa là kinh nghĩa lý chưa cứu cánh, thuộc phương tiện thuyết.



Hỏi: Như trong kinh có nói về *ba giải thoát môn*, chúng được thiết lập như thế nào?

Đáp: Do ba tự tánh, nghĩa là: do tự tánh biến kế sở chấp nên thiết lập *không giải thoát môn*; do tự tánh y tha khởi nên thiết lập *vô nguyện giải thoát môn*; do tự tánh viên thành thật nên thiết lập *vô tướng giải thoát môn*.

Hỏi: Như trong kinh có nói về *vô sinh pháp nhẫn*, nó được thiết lập như thế nào?

Đáp: Do ba tự tánh, nghĩa là: do tự tánh biến kế sở chấp nên nói *bản lai vô sinh nhẫn*; do tự tánh y tha khởi nên nói *tự nhiên vô sinh nhẫn*; do tự tánh viên thành thật nên nói *phiền não khổ cấu vô sinh nhẫn*.⁶⁹⁵ Nên biết, ba thứ nhẫn này ở địa vị Bất thoái chuyển.

Qua những nghĩa sai biệt đại loại như vậy, tất cả ngữ ngôn ẩn mật khác đều nên theo ba tự thể mà giải thích.

[508c05] 5. **Phương tiện**: Là liễu tri ba thứ tự tánh như vậy. Ba thứ tự tánh là phương tiện có năng lực chế tác Thanh văn bồ-đề, Độc giác bồ-đề và Vô thượng bồ-đề.

[508c07] 6. **Nhiếp**: Là ba thứ tự tánh thì tương nhiếp với năm sự: tướng, danh, phân biệt, chánh trí và chân như.

Hỏi: Tự tánh biến kế sở chấp nhiếp mấy sự trong năm sự?

Đáp: Không nhiếp năm sự.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi nhiếp mấy sự trong năm sự?

Đáp: Nhiếp bốn sự (: tướng, danh, phân biệt, chánh trí).

695 Ba thứ Vô sinh nhẫn 三無生忍 dựa theo 3 tánh biến kế sở chấp, y tha khởi và viên thành thật mà thành lập, đó là: 1. Bản tánh vô sinh nhẫn (cũng gọi Bản lai vô sinh nhẫn): Bồ tát quán xét thể tánh của biến kế sở chấp đều là không; 2. Tự nhiên vô sinh nhẫn: Bồ tát quán xét các pháp của y tha đều do nhân duyên sinh; 3. Hoặc khổ vô sinh nhẫn (cũng gọi Phiền não khổ cấu vô sinh nhẫn): Bồ tát chứng biết thật tánh của các pháp là chân như pháp tánh, an trú trong vô vi, không tương ứng với tất cả tạp nhiễm mà vốn tự vắng lặng. Thứ lớp ba tánh này đối cảnh của ba nhãn kia. Ba vô sinh nhẫn này ở địa vị Bất thoái chuyển (tức Sơ địa trở lên).



Hỏi: Tự tánh viên thành thật nhiếp mấy sự trong năm sự?

Đáp: Nhiếp một sự (: chân như).⁶⁹⁶

7. **Biệt dị**: Tự tánh biến kế sở chấp chỉ là pháp nên biến tri. Tự tánh y tha khởi là pháp nên biến tri và vĩnh đoạn. Tự tánh viên thành thật là pháp nên biến tri và tác chứng.⁶⁹⁷

Như vậy đã nói về sự ngộ nhập *thể tục đế* và *thắng nghĩa đế*.

Lại nữa, kệ tụng:

Nghe mười hai phần giáo

Ba tối thắng quy y

Ba học, ba bồ-đề

Vì hữu tình tịnh thuyết. (kệ 8)

[508c15] **Nghe mười hai phần giáo**: Là nghe [mười hai phần] Thánh giáo: khế kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tự thuyết, duyên khởi, thí dụ, bản sự, bản sinh, phương quảng, vị tăng hữu pháp và luận nghị.

Khế kinh: Trong các kinh, Phật Bạc-già-phạm ở mọi thời,

696 Biện trung biên luận, No. 1600, quyển 6, tr. 469c29: “Năm sự: tướng, danh, phân biệt, chân như và chánh trí, tùy trường hợp mà thích ứng, nhiếp vào ba thứ chân thật căn bản (: ba tự tánh), nghĩa là danh nhiếp vào tánh biến kế sở chấp; tướng và phân biệt nhiếp vào tánh y tha; chân như và chánh trí nhiếp vào tánh viên thành thật.”

697 Đây là dựa vào 3 tánh để thiết lập Đạo đế. Biến tri là quán sát tánh biến kế sở chấp. Vĩnh đoạn là quán sát, trừ diệt tánh y tha khởi (phần tạp nhiễm). Chứng đắc là quán sát, chứng đắc tánh viên thành thật. Biến kế chẳng thật có nên chỉ có biến tri. Y tha phần tạp nhiễm cần phải tri đoạn. Viên thành là vô vi, cần phải tri chứng. Nhiếp đại thừa luận nói rõ về ba tánh như sau: “Trong đây, y tha khởi tướng là gì? Là các thức do a lại da làm chủng tử và thuộc về phân biệt hư vọng. Các thức ấy là gì? Là thức thân, thức chủ thể của thân, thức chủ thể của sự tiếp nhận, thức được tiếp nhận, thức tiếp nhận, thức thì gian, thức số mục, thức thể giới cư trú, thức nói năng, thức minh người, thức đường lành đường dữ. Tựu trung, thức thân cho đến thức nói năng là do chủng tử của danh ngôn huân tập, thức minh người là do chủng tử của ngã kiến huân tập, và thức đường lành đường dữ là do chủng tử của hữu chi huân tập. Các thức như vậy là cái y tha khởi tương thông thuộc 3 cõi 5 đường và 3 tạp nhiễm, là được biểu hiện bởi phân biệt hư vọng. Như vậy, các thức này thông thuộc phân biệt hư vọng, đặc tính là duy thức, làm căn cứ cho sự biểu hiện không có và không thực. Như thế đó gọi là y tha khởi tướng. Trong đây, biến kế chấp tướng là gì? Là nơi sự không thật, duy thức, mà biểu hiện như là thật có. Trong đây, viên thành thật tướng là gì? Là chính nơi y tha khởi mà cái ẩn tượng như là thật có vĩnh viễn không còn.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



mọi xứ, dựa vào mọi sự giáo hóa hữu tình, điều phục tâm hành sai biệt mà hoặc nói uẩn sở nhiếp pháp, giới sở nhiếp pháp, xứ sở nhiếp pháp, hoặc nói duyên khởi sở nhiếp pháp, hoặc nói thực sở nhiếp pháp, để sở nhiếp pháp, hoặc nói Thanh văn, Độc giác và Như lai sở nhiếp pháp, hoặc nói niệm trú, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi và đạo chi sở nhiếp pháp, hoặc nói bất tịnh, tức niệm, các học, chứng tịnh v.v... sở nhiếp pháp.⁶⁹⁸

[508c24] Như lai nói những lời dạy như vậy rồi, chư vị kết tập hoan hỷ kính thọ. Vì muốn Thánh giáo được tồn tại lâu dài nên chư vị dùng danh thân, cú thân và văn thân hay đẹp, theo tất cả sự tương ứng⁶⁹⁹, thứ tự kết tập, thứ tự an trí, để có thể biên tập, dẫn ra các nghĩa lợi, dẫn ra các phạm hạnh và mọi nghĩa của thiện pháp. Đó là khế kinh.

[508c28] *Ứng tụng*: Trong các kinh mà hoặc ở đoạn giữa, hoặc ở sau cùng, dùng kệ tụng lặp lại cho rõ [pháp nghĩa ở trước], và trong các kinh mà nói pháp nghĩa không rõ⁷⁰⁰. Đó là ứng tụng.

698 Đầu tiên là 5 uẩn, 18 giới, 12 xứ, 12 duyên khởi, 4 thực, 4 đế, 3 bồ-đề, sau đó là 37 giác phần: 4 niệm trú, 4 chánh đoạn, 4 thần túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi và 8 thánh đạo, cuối cùng là quán bất tịnh, tức niệm (sở tức), 3 học (giới, tâm, tuệ), 4 chứng tịnh (4 tầng thượng tâm, 4 bất hoại tín hay 4 Dự lưu chi: tin Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới). Uẩn sở nhiếp pháp, là các pháp được bao gồm trong 5 uẩn, tức là thân tâm (và vũ trụ của thân tâm). Mười hai xứ là 5 uẩn thu gọn sắc mà mở rộng tâm. Mười tám giới là quân bình giữa sắc và tâm. Phật nói 5 uẩn để phá ngã chấp. Như luận Đại thừa ngũ uẩn: "Hỏi: Vì gì Phật nói uẩn, xứ, giới? Đáp: Vì, theo thứ tự, đối trị 3 thứ ngã chấp: nhất tánh ngã chấp, thọ giả ngã chấp, tác giả ngã chấp." Duyên khởi sở nhiếp pháp, là nói các pháp qua 12 chi duyên khởi. Bằng các nghiệp phước, phi phước và bất động của hữu chi huân tập mà có ra tự thể và quả báo của tự thể là 3 cõi 6 đường đáng ưa và đáng ghét.

699 Tương ứng những lời dạy của Phật ở trên. Du-già sư địa luận, quyển 3: "Ngữ ngôn của chư Phật nhiếp trong 9 sự: 1. Sự hữu tình; 2. Sự thọ dụng; 3. Sự sinh khởi; 4. Sự an trú; 5. Sự nhiễm tịnh; 6. Sự sai biệt; 7. Sự thuyết giả; 8. Sự sở thuyết; 9. Sự chứng hội. Sự hữu tình, là năm thủ uẩn. Thọ dụng sự, là 12 xứ. Sự sinh khởi, là 12 phần sự duyên khởi và duyên sinh. Sự an trú, là 4 thức ăn. Sự nhiễm tịnh, là 4 Thánh đế. Sự sai biệt, là vô lượng giới. Sự thuyết giả, là Phật và đệ tử của Phật. Sự sở thuyết, là các bồ-đề phần pháp: 4 niệm xứ v.v... Sự chứng hội, là 8 chúng: chúng sát đế lợi, chúng bà la môn, chúng trưởng giả, chúng sa môn, chúng tứ đại thiên vương, chúng tam thập tam thiên, chúng dạ ma thiên, chúng phạm thiên." (tr. 294a21~b01)

700 Theo Thuyết nhất thiết hữu bộ, Kỳ-dạ (Geya = ứng tụng hay trùng tụng) là thuộc bất liễu nghĩa. Thuận chánh lý luận có ghi: "Ứng tụng là chấp nói những câu chữ hay đẹp để thuật lại hay khen ngợi khế kinh đã nói ở trước; có thuyết còn cho là kinh bất liễu nghĩa." (tr. 595a05)



[509a01] *Ký biệt*: Trong các kinh mà có sự thọ ký những sinh xứ sai biệt của các đệ tử sau khi mạng chung, và trong các kinh mà nói pháp nghĩa rõ ràng. Đó là ký biệt.

[509a03] *Phúng tụng*: Trong các kinh mà không nói thẳng bằng văn trường hàng, lại dùng các câu kết thành, hoặc hai câu, hoặc ba câu, hoặc bốn câu, hoặc năm câu, hoặc sáu câu. Đó là phúng tụng.

[509a06] *Tự thuyết*: Trong các kinh mà không nêu họ tên người hỏi, vì muốn chánh pháp tồn tại lâu dài, và vì Thánh giáo⁷⁰¹ tồn tại lâu dài nên tự nhiên tuyên thuyết. Đó là tự thuyết.

[509a09] *Duyên khởi*: Trong các kinh mà nêu họ tên người hỏi, rồi vì hỏi mà tuyên thuyết, và những gì được nhiếp trong tỳ-nại-da đều có duyên khởi mà giáo huấn như Biệt giải thoát giới kinh⁷⁰² v.v... Đó là duyên khởi.

[509a12] *Thí dụ*: Trong các kinh mà có nói thí dụ, nhờ thí dụ mà bản nghĩa được sáng tỏ. Đó là thí dụ.

[509a14] *Bản sự*: Trong các kinh mà tuyên thuyết về những sự tương ứng ở đời trước. Đó là bản sự.

Bản sinh: Trong các kinh mà tuyên thuyết về Như lai ở đời quá khứ, hành Bồ-tát hạnh trong dòng sinh tử. Đó là bản sinh.

[509a17] *Phương quảng*: Trong các kinh mà tuyên thuyết về con đường của các Bồ-tát dẫn đến sự chứng Vô thượng bồ-đề, tức chứng được mười lực, trí vô chướng v.v... Đó là phương quảng.

Vị tăng hữu pháp: Trong các kinh mà tuyên thuyết về những

701 Du-già sư địa luận nói, có 4 chánh pháp nhiếp giữ Thánh giáo: 1. Viễn ly, là ở một mình chỗ thanh vắng, dưới cội cây, tịnh thất; 2. Tu tập, là tu tập chỉ và quán; 3. Tu quả, là được tâm giải thoát, tuệ giải thoát và các quả chứng; 4. Ở trong Thánh giáo không có tranh cãi, chống trái, nghĩa là bậc đại sư và các đệ tử đối với văn cú nghĩa nào xen tạp, trái ngược thì cùng nhau tùy thuận sửa đổi. (tr. 344a25~b18)

702 Ba-la-đề-mộc-xoa (pāṭimokkha), Cấm giới kinh, Giải thoát *giới kinh*.



công đức đặc hữu và bất cộng của chư Phật và các đệ tử: tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni, ô-ba-sách-ca, ô-ba-tur-ca v.v... và những pháp thâm thâm, kinh dị, thù đặc, tối thắng⁷⁰³. Đó là vị tăng hữu pháp.

[509a23] *Luận nghị*: Là tất cả ma-đát-lý-ca⁷⁰⁴, a-tỳ-đạt-ma⁷⁰⁵ nghiên cứu, giải thích nghĩa trong các kinh. Đó là luận nghị.

[509a25] Như vậy, trong mười hai phần giáo có đủ kinh tạng, luật tạng và a-tỳ-đạt-ma tạng. Những phần giáo đã nói ở đây: khế kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tụng thuyết, thí dụ, bản sự, bản sinh, phương quảng, vị tăng hữu pháp là kinh tạng; duyên khởi là luật tạng, và luận nghị là a-tỳ-đạt-ma tạng.

[509b01] **Ba tối thắng quy y**: Là ba sự quy hướng: Phật, Pháp, Tăng.

Ba học: Là tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học.

Ba bồ-đề: Là Thanh văn bồ-đề, Độc giác bồ-đề và Vô thượng chánh đẳng bồ-đề.

[509b04] **Vì hữu tình tịnh thuyết**: Vì muốn hữu tình được thanh tịnh nên thứ tự tuyên thuyết ba pháp sau đây: năng trì, phương tiện và

703 Kinh Đại bát niết bàn, phẩm Phạm hạnh, thứ 20: “Những gì là vị tăng hữu? Lệ như lúc đức Bồ tát mới sanh không ai đỡ dắt mà tự đi bảy bước, phóng quang minh lớn ngó khắp mười phương. Lệ như con vượn tay bưng bát mật dâng cúng đức Như Lai. Lệ như chó cỏ trắng đến bên Phật nghe pháp. Lệ như ma vương Ba Tuần biến làm trâu xanh đi trong bát sành, làm cho các bát sành đụng chạm lẫn nhau mà không nứt bể. Lệ như Phật lúc mới sanh, lúc vào thiên miếu làm cho thiên tượng đứng dậy bước xuống đánh lễ. Những đoạn kinh như trên đây gọi là Vị tăng hữu kinh.” (HT. Thích Trí Tịnh dịch)

704 Ma-đát-lý-ca 摩怛履迦, Hán dịch là Bản mẫu, tức là tập hợp ý nghĩa các kinh để bàn giải rõ ràng, làm phát sinh nghĩa đặc biệt trong các kinh, vì thế gọi là Bản mẫu. Ngoài ra, trong các luận thư của Phật giáo Nam Truyền, phần đặt ở đầu bộ luận, hoặc ở đầu chương để nêu rõ cương yếu, cũng gọi là Ma-đát-lý-ca.

705 A-tỳ-đạt-ma 阿毘達磨 (Abhidharma), dịch nghĩa là Vô tỷ pháp, Thắng pháp, Đối pháp, thường để chỉ các luận thư của các bộ phái, chứ không dùng cho các luận thư Đại thừa.



quả. *Năng trì*, là sự lắng nghe và quy y. *Phương tiện*, là ba học. *Quả*, là ba bồ-đề. Lại nữa, như vậy sự lắng nghe, quy y v.v... phân biệt thế nào?

Kệ tụng:

Văn, quy, học, bồ-đề

*Sáu, ba, mười hai, năm*⁷⁰⁶

Lần lượt theo danh số

Cần phải rộng phân biệt. (kệ 9)

[509b10] 1. **Sự lắng nghe**: Phân biệt có sáu thứ: 1. Y xứ; 2. Y nhiếp; 3. Y thanh tịnh; 4. Y hành; 5. Y lý thú; 6. Y nghĩa.

Y xứ: Là y năm minh xứ: 1. Nội minh xứ; 2. Nhân minh xứ; 3. Thanh minh xứ; 4. Y phương minh xứ; 5. Công nghiệp minh xứ.

Y nhiếp: Có hai thứ là Thanh văn tạng nhiếp và Bồ-tát tạng nhiếp.

Y thanh tịnh: Có mười thứ thanh tịnh [nên cụ túc đa văn]: (1) Thuyết pháp thanh tịnh, có năm: 1. Bậc thiện thuyết⁷⁰⁷ nên thuyết pháp; 2. Hiểu rõ văn cú nên thuyết pháp; 3. Biết nghĩa tận sở tri và nghĩa như sở tri⁷⁰⁸ nên thuyết pháp; 4. Tu hành phương tiện an lạc⁷⁰⁹ nên thuyết pháp; 5. Xuất ly tất cả khổ nên thuyết pháp. (2) Nghe pháp thanh tịnh, có năm: 1. Ý không cầu tội lỗi nên nghe pháp; 2. Ý cầu Niết bàn nên nghe pháp; 3. Rất khéo lắng nghe nên nghe pháp; 4. Dựa vào nghĩa của danh, cú, văn thân, rất khéo phân biệt nên nghe pháp.

706 Sự lắng nghe, phân biệt có 6 thứ. Quy y, phân biệt có 3 thứ. (Được nói trong quyển 6 này) Ba học, phân biệt có 12 thứ. Bồ-đề, phân biệt có 5 thứ. (Được nói ở quyển 7)

707 Thiện thuyết: “Thành tựu năm chi phần, này các Tỷ kheo, các lời là thiện thuyết, không phải ác thuyết, không có phạm tội và không bị những người có trí chỉ trích. Thế nào là năm? Nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói lời nhu hòa, nói lời liên hệ đến lợi ích, nói với lời từ tâm.” (Tăng Chi Bộ II, chương 5, phẩm Bà la môn, phần Lời nói – HT. Thích Minh Châu dịch)

708 Tận sở tri = tánh tận sở hữu (cái tánh cùng tận cái lượng của sự hiện hữu.) Như sở tri = tánh như sở hữu (cái tánh cùng tận cái lượng của sự hiện hữu.)

709 Dị phương tiện = an lạc phương tiện.



Y hành: Là mười thứ pháp hành.⁷¹⁰

Y lý thú: Có sáu thứ lý thú: 1. Lý thú chân nghĩa; 2. Lý thú chứng đắc; 3. Lý thú giáo đạo; 4. Lý thú ly nhị biên; 5. Lý thú bất khả tư nghị; 6. Lý thú ý lạc.

Ở đây, ba lý thú trước do ba lý thú sau theo giải thích, nghĩa là: lý thú viễn ly nhị biên theo giải thích lý thú chân nghĩa; lý thú bất khả tư nghị theo giải thích lý thú chứng đắc; lý thú ý lạc theo giải thích lý thú giáo đạo. Ở đây, chân nghĩa tức là lý thú, nên gọi là lý thú chân nghĩa, cho đến ý lạc tức là lý thú, nên gọi là lý thú ý lạc. Nghĩa của lý thú là ở mọi xứ mà không có tánh điên đảo.

[0509c01] (1) **Lý thú chân nghĩa:** Lược có sáu thứ: 1. Chân thật thế gian; 2. Chân thật đạo lý; 3. Chân thật phiền não chướng tịnh trí sở hành; 4. Chân thật sở tri chướng tịnh trí sở hành; 5. Chân thật an lập; 6. Chân thật phi an lập. Ở đây, bốn chân thật trước đã phân biệt ở trên.

Chân thật an lập: Là bốn Thánh đế. Khổ thật là khổ, nên an lập là khổ; cho đến đạo thật là đạo, nên an lập là đạo.

Hỏi: Vì nhân duyên gì gọi là an lập?

Đáp: An lập bởi ba thứ thế tục đế: 1. Thế gian thế tục đế; 2. Đạo lý thế tục đế; 3. Chứng đắc thế tục đế.

Thế gian thế tục đế: Là an lập ruộng vườn, nhà cửa, binh chậu, quân đội, rừng, số đếm v.v... và an lập ngã, hữu tình v.v...

Đạo lý thế tục đế: Là an lập uẩn, giới, xứ v.v...

Chứng đắc thế tục đế: Là an lập quả Dự lưu v.v... và an lập pháp sở y trú⁷¹¹ của các quả.

710 Mười thứ pháp hành: 1. Sao chép; 2. Hiến cúng; 3. Chuyển cho người; 4. Nếu ai đọc tụng, chuyên tâm lắng nghe; 5. Tự mình dờ đọc; 6. Thọ trì; 7. Vì người khai diễn văn nghĩa; 8. Phúng tụng; 9. Suy nghĩ; 10. Tu tập

711 Sở y trú = sở y xứ.

Lại có bốn thứ an lập, là ba thứ an lập vừa kể và an lập bởi *thắng nghĩa thế tục đế*. Tánh của thắng nghĩa đế không thể an lập⁷¹², vì là tự chứng ngộ từ bên trong. Vì muốn tùy thuận, dẫn sinh cái trí về thắng nghĩa đế, nên dựa vào thế tục đế mà an lập.

Chân thật phi an lập: Là chân như, thật tánh của tất cả pháp.

[509c14] (2) **Lý thú chứng đắc:** Lược có bốn thứ: 1. Chứng đắc của tất cả hữu tình nghiệp báo; 2. Chứng đắc của Thanh văn thừa; 3. Chứng đắc của Độc giác thừa; 4. Chứng đắc của Đại thừa.

[0509c17] **Chứng đắc của tất cả hữu tình nghiệp báo:** Tất cả hữu tình tạo tác các nghiệp tịnh và bất tịnh, y theo nghiệp của mình mà lưu chuyển ở trong ngũ thú⁷¹³, cảm các nhân dị thực, thọ các quả dị thực.

[509c20] **Chứng đắc của Thanh văn thừa:** Ban đầu thọ ba quy y, cho đến dựa vào sự trang nghiêm hạnh Thanh văn⁷¹⁴ mà được năm sự chứng đắc: 1. Chứng đắc địa; 2. Chứng đắc trí; 3. Chứng đắc tịnh; 4. Chứng đắc quả; 5. Chứng đắc công đức.

Chứng đắc địa: Là được ba địa: 1. Kiến địa; 2. Tu địa; 3. Cứu cánh địa.

Chứng đắc trí: Là được chín trí: 1. Pháp trí; 2. Chủng loại trí; 3. Khổ trí; 4. Tập trí; 5. Diệt trí; 6. Đạo trí; 7. Từ đây trở đi được thế tục trí; 8. Tận trí; 9. Vô sinh trí.

Chứng đắc tịnh: Là bốn chứng tịnh⁷¹⁵.

712 Thắng nghĩa thì không thể nói phô, siêu việt lĩnh vực tầm tư.

713 Ngũ thú: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời.

714 Trang nghiêm hạnh Thanh văn = trang nghiêm hạnh sa-môn. Thanh văn là vị nghe âm thanh thuyết pháp của Phật mà chứng ngộ. Sa-môn (Sramana) là danh xưng không riêng cho Tăng sĩ Phật giáo. Phật giáo cũng như ngoại đạo, ai xuất gia thì gọi là sa-môn. Sa-môn là cần tức, ý nghĩa là quyết chí đoạn trừ ác tập.

715 Bốn chứng tịnh: Phật chứng tịnh, Pháp chứng tịnh, Tăng chứng tịnh và Thánh sở ái giới chứng tịnh.



Chứng đắc quả: Là bốn quả sa-môn.

Chứng đắc công đức: Là các công đức như bốn vô lượng, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ, vô tránh, nguyện trí, bốn vô ngại giải, sáu thần thông v.v...

Lại nữa, trong sự chứng đắc của Thanh văn thừa có những nhân tố làm chỗ dựa cho sự chứng đắc, đó là: trước tu *ly dục của thế gian đạo*⁷¹⁶, tiếp tu *thiện căn của thuận giải thoát phần*, sau tu *thiện căn của thuận quyết trạch phần*.

[0510a02] *Chứng đắc của Độc giác thừa*: Lược có ba thứ: 1. Do đời trước đã được *thiện căn của thuận giải thoát phần*, [đời nay tự nhiên giác ngộ Thánh đạo]; 2. Do đời trước đã được *chứng đắc chân vô lậu*⁷¹⁷; 3. Do thứ đệ trên mà được. Ở đây, hai chứng đắc ở trước được gọi là *phi độc thắng giác*⁷¹⁸; chứng đắc sau cùng được gọi là *Tê giác dụ [độc] giác*⁷¹⁹.

[510a06] *Chứng đắc của Đại thừa*: Là chứng đắc đại bi, chứng đắc phát tâm, chứng đắc ba-la-mật-đa, chứng đắc nhiếp sự, chứng đắc

716 Ở đây, do thế gian đạo mà thú hưởng sự ly dục, quán sát các dục ở Dục giới là thô tướng, nên hưởng đến sơ tinh lự ly sinh hỷ lạc.

717 Chứng đắc chân vô lậu: Còn gọi là chứng đắc chứng đắc, tức đã được kiến đạo.

718 Độc giác = Độc thắng giác: còn gọi là Vô sư độc giác. Không thầy mà độc ngộ nên gọi là thắng giác hay độc thắng giác. Phi độc thắng giác = không phải độc thắng giác, chỉ cho Thanh văn.

719 Câu xá luận, quyển 12: “Độc giác có hai loại sai khác: Các vị Độc giác sống thành đoàn (bộ hành); các vị Phật Độc giác “tương tự như loài tê ngưu” (lân giác dụ 麟角喻 hay tê giác dụ 犀角喻). Bộ hành: thuộc hàng Thanh văn. Có luận sư cho rằng các vị này vốn thuộc dị sinh nhưng đã từng tu tập thuận quyết trạch phần của Thanh văn thừa; đến đời này thì tự mình chứng đắc được thánh đạo. Bản sự nói rằng: “Có 500 vị tiên cùng tu khổ hạnh trên một ngọn núi. Lúc đó có một con khi đã từng sống gần một vị Phật Độc giác đi đến chỗ của họ và làm các điều bộ đã bắt chước được của vị Phật Độc giác trước mặt họ. 500 tiên nhân thấy vậy cũng bắt chước theo các cử chỉ này và người ta nói rằng nhờ vậy mà họ chứng đắc Bồ-đề của Phật Độc giác. Theo các luận sư trên thì rõ ràng 500 vị tiên nhân này không phải là Thánh giả, tức không phải là Thanh văn, bởi vì nếu trước đây đã đắc quả Thanh văn tức phải xả ly giới cấm thủ thì về sau không thể nào lại xả bỏ để tu tập khổ hạnh trở lại.” (tr. 64a28-b11) Lân giác dụ là các vị Phật Độc giác sinh sống một mình. Các vị này phải trải qua một trăm đại kiếp để tu tập các pháp cần thiết cho sự chứng đắc Bồ-đề (Bồ-đề tư lương, tức giới, định, tuệ). Họ tự mình chứng đắc Bồ-đề mà không nhờ vào Thánh giáo và vì chỉ có thể điều phục được mình mà không thể chuyển hóa chúng sinh cho nên gọi là Độc giác.



các địa, năm vô lượng [tướng]⁷²⁰ tùy đưa đến chứng đắc chân như, chứng đắc bất tư nghị uy đức, chứng đắc pháp bất cộng của Phật. Tất cả chứng đắc đã được phân biệt ở trước⁷²¹.

[510a10] (3) **Lý thú giáo đạo**: Lược có ba xứ được nhiếp: 1. Tạng được nhiếp; 2. Ma-đát-ly-ca được nhiếp; 3. Cả hai xứ trên được nhiếp.

Tạng được nhiếp: Là Thanh văn thừa tạng và Đại thừa tạng.

Ma-đát-ly-ca được nhiếp: Là mười bảy bản địa⁷²² và bốn thứ nhiếp⁷²³.

Cả hai xứ trên được nhiếp: Là lược có mười thứ, như mười thứ nghĩa trong mục **nhiếp tất cả nghĩa** đã phân biệt ở trước⁷²⁴. Đây là tất cả, bao gồm Tạng được nhiếp và Ma-đát-ly-ca được nhiếp, gọi là tổng và lược Ma-đát-ly-ca.

[510a17] Lại có mười hai thứ giáo:

720 Năm vô lượng tướng: 1. Hữu tình giới vô lượng tướng; 2. Thế giới vô lượng tướng; 3. Pháp giới vô lượng tướng; 4. Sở điều phục giới vô lượng tướng; 5. Sở điều phục phương tiện giới vô lượng tướng.

721 Xem phẩm Nhiếp sự, phần 4.

722 Mười bảy bản địa 十七本地: Chỉ cho 17 cảnh giới sở quán của hành giả Du-già, ghi trong Bản địa phần, Du-già sư địa luận, đó là: 1. Ngũ thức thân tương ứng địa; 2. Ý địa; 3. Hữu tâm hữu tứ địa; 4. Vô tâm duy tứ địa; 5. Vô tâm vô tứ địa; 6. Tam-ma-hi-đa địa; 7. Phi tam-ma-hi-đa địa; 8. Hữu tâm địa; 9. Vô tâm địa; 10. Văn sở thành địa; 11. Tư sở thành địa; 12. Tu sở thành địa; 13. Thanh văn địa; 14. Độc giác địa; 15. Bồ tát địa; 16. Hữu dư y địa; 17. Vô dư y địa. Trong 17 cảnh địa trên, 9 địa đầu thuộc về cảnh giới của Tam thừa, quán xét các cảnh này sẽ sinh khởi hạnh của 6 địa sau, lại nương vào hạnh này mà chứng được quả của 2 địa cuối. Đây là biểu thị thứ tự của cảnh, hành, quả.

723 Du-già sư địa luận, 100 quyển, Huyền trang dịch, toàn bộ chia làm 5 phần: 1. Bản địa phần: Phần chủ thể của luận này gồm 50 quyển đầu nói rộng về ý nghĩa 17 địa trong cảnh giới thiên quán của Du-già; 2. Nhiếp quyết trạch phần: Gồm 30 quyển kế tiếp nêu rõ ý nghĩa sâu xa của 17 địa; 3. Nhiếp thích phần: Gồm 2 quyển 81, 82 giải thích nghi tắc của các kinh; 4. Nhiếp dị môn phần: Gồm 2 quyển 83, 84 giải thích rõ sự sai biệt về danh nghĩa của các pháp được nói trong các kinh; 5. Nhiếp sự phần: Gồm 16 quyển cuối cùng giải thích rõ về các nghĩa trọng yếu của ba tạng. Bốn thứ nhiếp chỉ cho 4 nhiếp ở sau Bản địa phần.

724 Phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 1: “Nghĩa nghĩa: 1. Sự chân thật; 2. Sự biến tri; 3. Sự vĩnh đoạn; 4. Sự tác chứng; 5. Sự tu tập; 6. Sự sai biệt của các sự nói trên; 7. Sự tương thuộc của sở y và năng y; 8. Sự chường ngại của sự biến tri cho đến sự tu tập; 9. Sự tùy thuận của sự biến tri cho đến sự tu tập; 10. Lầm lẫn với công đức của sự bất tri với sự biến tri, cho đến sự bất tu với sự tu tập.”



1. *Sự giáo*: Là tuyên thuyết riêng biệt tất cả pháp giáo, như sắc, thanh v.v..., nhãn, nhĩ v.v...

2. *Tưởng sai biệt giáo*: Là tuyên thuyết uẩn, giới, xứ, duyên khởi, thị xứ phi xứ, các căn, các đế, niệms trụ, hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, hữu đối, vô đối v.v... như vậy nói rộng vô lượng tưởng sai biệt giáo của đức Phật Bạc-già-phạm.

3. *Tự tông quán sát giáo*: Là khế kinh, ứng tụng, ký biệt v.v... các giáo, dựa vào những gì được trình bày trong Nhiếp thích phần⁷²⁵.

4. *Tha tông quán sát giáo*: Là dựa bảy nhân minh xứ để chiết phục tha luận, thành lập giáo nghĩa của tự luận. Bảy nhân minh xứ là: luận thể tánh, luận xứ sở, luận sở y, luận trang nghiêm, luận đọa phụ, luận xuất ly và luận đa sở tác pháp; sẽ được phân biệt ở sau⁷²⁶.

5. *Bất liễu nghĩa giáo*: Là trong khế kinh, ứng tụng, ký biệt v.v... Phật Bạc-già-phạm lược nêu nghĩa lý, chưa phân biệt rộng, cần phải khai thị giáo nghĩa.

6. *Liễu nghĩa giáo*: Ngược lại với bất liễu nghĩa giáo.

7. *Tục đế giáo*: Là những con đường ngôn ngữ được hiển thị. Tất cả điều đó gọi là tục đế. Lại dựa vào danh từ, tưởng tượng, ngôn thuyết mà sinh khởi thêm lên *tướng, danh, phân biệt*, đó cũng là tục đế.

8. *Thắng nghĩa đế giáo*: Là giáo nghĩa về bốn Thánh đế và giáo nghĩa về chân như, thật tế, pháp tánh.

9. *Ấn mật giáo*: Phần nhiều là giáo nghĩa của Thanh văn thừa tạng.

10. *Hiển liễu giáo*: Phần nhiều là giáo nghĩa của Đại thừa tạng.

11. *Khả ký sự giáo*: Là giáo nghĩa của bốn pháp ôn-đà-nam:

725 Nhiếp thích phần của Du-già sư địa luận.

726 Hiển dương, quyển 11, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 7.



tất cả hành vô thường, hữu lậu đều khổ, các pháp vô ngã, niết bàn tịch tĩnh.⁷²⁷

12. *Bất khả ký sự giáo*: Như có người hỏi, “*Thế gian là thường còn hay vô thường?*”. Bấy giờ, Như lai im lặng không xác nhận, rồi dạy người kia rằng, “*Ta nói, điều này không thể xác định*”⁷²⁸. Cho đến hỏi rằng, “*Như lai có tồn tại hay không tồn tại sau khi chết?*” Bấy giờ, Như lai im lặng không xác nhận, rồi dạy người kia rằng, “*Ta nói, điều này không thể xác định.*”⁷²⁹

Ở đây có bốn lý do để nói “*không thể xác định*”, nên biết:

1. *Không có thể tánh nên không thể xác định*: Như có người hỏi, “*Tôi cùng với các uẩn là khác hay chẳng khác, là thường còn hay vô thường?*” Những câu hỏi đại loại như vậy.

2. *Vì đưa đến sự không nghĩa lợi nên không thể xác định*: Như kinh *Thăng nhiếp ba diệp*⁷³⁰ nói: “*Có vô lượng pháp Ta đã chứng tri thành Đẳng chánh giác mà không được Ta tuyên thuyết. Vì sao? Vì những pháp ấy đưa đến sự không nghĩa lợi.*”

3. *Vì sâu xa nên không thể xác định*: Như có người hỏi, “*Ngã là có hay là không có?*” Điều này không thể xác định. Vì sao? Nếu Như

727 Bốn pháp ôn-đà-nam là lược tập của giáo pháp, theo đó chúng sinh tu tập thì giải thoát sinh tử.

728 Ký biệt 記別: cái được xác định. Trường hợp khác, ký biệt là thọ ký.

729 Trung bộ kinh, Tiểu kinh Mālunkya-putta: “Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Tôn giả Mālunkya-putta, trong khi độc trú tịnh cư, khởi lên sự suy tư như sau: Có một số vấn đề này, Thế Tôn không trả lời, bỏ một bên, loại bỏ ra: ‘Thế giới là thường còn, thế giới là vô thường, thế giới là hữu biên, thế giới là vô biên; sinh mạng này và thân này là một, sinh mạng này và thân này là khác; Như Lai có tồn tại sau khi chết, Như Lai không có tồn tại sau khi chết, Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết. Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.’” (HT. Thích Minh Châu dịch)

730 Thăng nhiếp ba diệp kinh 升攝波葉經 hay Thăng nhiếp ba kinh 升攝波經: Có một loại cây rừng được gọi là thăng-nhiếp-ba (Simsapā); cây ấy được xác định là loại cây Dalbergia sissoo, được xem như Indian Rosewood. Ở đây chỉ cho kinh Thân thứ 申怒, số 404, Tập A-hàm; hay phẩm Rừng Simsapā, Tương ưng bộ, 56.31. Không nghĩa lợi là không ích lợi cho mục đích, không liên hệ đến mục đích.



lai xác định ‘ngã là có’, thì người kia sẽ chấp trong uẩn có ngã, hoặc chấp ly uẩn có ngã. Nếu Như lai xác định ‘ngã là không có’, thì người kia sẽ chê bai ngôn thuyết thế tục rằng, ‘ngã cũng là không có’⁷³¹. Cho đến có người hỏi, “*Như Lai có tồn tại sau khi chết? Như Lai không có tồn tại sau khi chết? Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết? Như Lai chẳng có tồn tại và chẳng không tồn tại sau khi chết?*” Do những vấn đề sâu xa nên đều không xác định.

4. *Pháp tướng kia là pháp nhĩ*⁷³² nên không xác định: Là chân như của các pháp và các pháp tướng ấy là đồng nhất hay dị biệt, nên không thể xác định, do vì pháp tướng và chân như là pháp nhĩ nên không thể thiết lập là dị tánh hay là bất dị tánh.

Lại có bốn lý do Như lai tuyên thuyết sự không thể xác định: 1. Do sự này ngoại đạo đã nói; 2. Không đúng lý; 3. Không đưa đến nghĩa lợi; 4. Chỉ có thể phát khởi tranh luận bao vây.

Nên biết, có hai lý do không đưa đến nghĩa lợi: 1. Rời xa tư duy về nhân quả; 2. Rời xa tư duy về tạp nhiễm và thanh tịnh.

[510b27] (4) **Lý thú ly nhị biên**: Lược có sáu thứ: 1. Rời xa bên tăng ích không thật có; 2. Rời xa bên tổn giảm chân thật có; 3. Rời xa bên chấp thường; 4. Rời xa bên chấp đoạn; 5. Rời xa bên thọ dụng dục lạc; 6. Rời xa bên thọ dụng tự khổ.

[510c02] (5) **Lý thú bất khả tư nghị**: Lược có sáu sự bất khả tư nghị: 1. Ngã thì bất khả tư nghị; 2. Hữu tình thì bất khả tư nghị; 3. Thế gian thì bất khả tư nghị; 4. Tất cả nghiệp báo của hữu tình thì bất khả

731 Chấp tồn giảm, chỉ cho vô nhân luận hay ngẫu nhiên luận. Ngoại đạo cho rằng do nguyên nhân tự nhiên, chứ không do hội đủ các điều kiện, quả thường xuyên được sản sinh một cách đột nhiên; rằng thế giới này do ngẫu nhiên, không bởi nguyên nhân nào cả, xuất hiện từ hư vô.

732 Pháp nhĩ: Các pháp là thế đó, tức nói các pháp thường đồng thường biệt (thường duy nhất mà thường sai biệt). Như nói, tâm thể thì duy nhất nhưng tâm dụng có sai biệt.



tư nghị; 5. Bậc chứng tịnh lự và cảnh giới tịnh lự thì bất khả tư nghị; 6. Chư Phật và cảnh giới của chư Phật thì bất khả tư nghị.

[510c07] (6) **Lý thú ý lạc**: Lược có mười sáu thứ ý lạc: 1. Ý lạc khai thị; 2. Ý lạc ly dục; 3. Ý lạc khuyến dẫn; 4. Ý lạc khích lệ; 5. Ý lạc mừng khen; 6. Ý lạc làm cho thể nhập; 7. Ý lạc trừ nghi ngờ; 8. Ý lạc thành thực; 9. Ý lạc an định; 10. Ý lạc giải thoát; 11. Ý lạc y biệt nghĩa; 12. Ý lạc không tội lỗi và hoan hỷ của vị tu chứng; 13. Ý lạc tôn trọng đối với pháp sư của vị lắng nghe; 14. Ý lạc pháp nhãn lưu bố; 16. Ý lạc phá vỡ tất cả tướng.

[510c15] **Y nghĩa**: Là bất liễu nghĩa và liễu nghĩa.

2. **Quy y**: Phân biệt có ba thứ: 1. Thành thực quy y; 2. Kiến lập quy y; 3. Sai biệt quy y.

(1) **Thành thực quy y**: Chỉ có Phật, Pháp, Tăng là chân thật quy y, chẳng phải thiên thần v.v... Vì sao? Có hai lý do: 1. Không làm gì được; 2. Không hiện thấy.

[510c19] *Không làm gì được*: Là các thiên thần không thể vì chúng sinh làm các sự lợi ích. Các thiên thần này hoặc vì không có năng lực, hoặc đơi cung kính phụng sự, hoặc không chịu được khổ nhọc, hoặc không có tâm từ bi, hoặc có chướng ngại. Như vậy, tất cả chẳng phải chỗ chân thật quy y, nghĩa là vì không có năng lực, vì rơi vào thiên lệch, vì tránh né khổ nhọc cho mình nên không tự tại, vì không có lòng thương xót, vì công đức nhỏ kém.

[510c24] *Không hiện thấy*: Là các thiên thần chẳng hiển hiện để con người chứng kiến. Người thế gian chưa thấy, không hiện thấy chúa trời có khả năng làm chỗ nương tựa, mà chỉ có thể dựa vào đức tin rằng có chúa trời hiện hữu nhiếp thọ con người, để rồi có đức tin không hiện thấy thay vì dựa vào đức tin hiện thấy.



Hỏi: Có phải vì thấy [thiên thần] trong chiêm bao nên có sự quy y?

Đáp: Dục tưởng mà thấy thì như là thật mà chẳng thật. Lại nữa, [nếu là thật thì] khi tỉnh dậy sao không hiện thấy? Tuy trong chiêm bao có tạm thấy tướng thật, nhưng tướng ấy chỉ do dục và tưởng tạo ra. Lại nữa, chính các duyên hiện tiền làm cho người nằm mộng tạm có sự thấy mà phần nhiều là hư dối.

Lại nữa, các thiên thần v.v... chẳng phải là đối tượng để quy y do có năm nhân tố: 1. Do hình tướng; 2. Do thể tánh; 3. Do tác nghiệp; 4. Do pháp nhĩ; 5. Do nhân quả.

[511a04] *Do hình tướng*: Người thế gian không hiện thấy các thiên thần, cũng không đàm luận được. Các thiên thần có tướng mạo mạnh dữ, vì có sợ hãi; nhiễm tập phóng dật, vì có tham ái; bỏ việc lợi người, vì không có tâm bi mẫn; không hiểu rõ việc nào cần làm và việc nào không cần làm, vì không thông suốt nghĩa chân thật, do đó không thể quy y thiên thần.

Tướng của Phật như thế nào để có thể quy y? Người thế gian hiện thấy Phật và có đàm luận với Phật. Đức Phật có vẻ đẹp hòa tĩnh, vì không có sợ hãi; rời xa phóng dật, vì không có tham ái; không bỏ việc lợi người, vì có tâm đại bi; khéo hiểu rõ việc nào cần làm và việc nào không cần làm, vì thông suốt nghĩa chân thật, [do đó nên quy y Phật]. Lại nữa, đức Phật có năm sắc thái để quy y. Những gì là năm? Một là, làm lợi hữu tình vì chứng đại bồ-đề; hai là, hiện diện trong đại chúng vì khai chánh pháp nhân; ba là, bình đẳng với kẻ oán người thân vì lợi ích hữu tình; bốn là, rời bỏ tham trước khi đến mọi nhà để nhiếp thọ vì các căn tịch tĩnh; năm là, khéo trừ lưới nghi của tất cả chúng sinh.



[511a15] *Do thể tánh*: Như lai vĩnh đoạn các lậu, đã điều ngự mình và điều ngự được người, nên là bậc đáng quy y. Các thiên thần v.v... có đủ các lậu, không điều ngự được chính mình, huống là điều ngự được người, vì vậy không phải chỗ quy y.

[511a18] *Do tác nghiệp*: Như lai an trú tinh lự, vô cầu, quảng đại v.v... làm nghiệp, và còn tác nghiệp vì lợi ích chúng sinh, nên là bậc đáng quy y. Các thiên thần v.v... an trú thọ dụng các dục dơ xấu làm nghiệp, và còn tác nghiệp sát hại chúng sinh, vì vậy không phải chỗ quy y.

[511a22] *Do pháp nhĩ*: Công đức thắng lợi của tất cả thế gian và xuất thế gian⁷³³ đều dựa vào công lực của mình mà có được. Nếu rời công lực của mình, tuy đối với thiên thần khởi tâm kính tin sâu xa cũng không thể chứng được. Giả như đối với thiên thần không sinh tâm kính tin, chỉ dựa vào công lực của mình thì vẫn có thể chứng được, vì vậy thiên thần không phải chỗ quy y.

Do nhân quả: Nay hỏi về việc thờ cúng thiên thần: Thể tánh của thiên thần là do thiên nghiệp cảm được? Là do cúng dường thiên mà được? Là do vô nhân mà được? Nếu do thiên nghiệp mà được thì nên quy y nghiệp [mình đã tạo], chẳng phải thiên nghiệp. Nếu do vô nhân mà được thì nên quy y vô nhân, không cần quy y thiên. Nếu cúng dường thiên thần mà cảm báo cái thân thiên thần thì là do nhân tố cúng dường, hay là do nhân tố thiên thần, hay là do có cả hai nhân tố? Nếu chỉ do nhân tố cúng dường, thì sự thờ cúng thiên thần vô ích, vì sự cúng dường tùy chỗ nào đó cũng nên cảm báo cái thân thiên thần. Nếu chỉ do nhân tố thiên thần, tức nói sự cúng dường vô ích, vì [một người] tuy không cúng dường, thiên thần nên cho [người ấy] cảm báo cái thân

733 Công đức đối với thế gian là những sự cát tường và thịnh vượng.



thiên thần. Nếu do cả hai nhân tố, thì sắp bày cúng dường, thiên thần nhiếp thọ, và mọi nguyện cầu đều được kết quả.

Lại nữa, có bảy sự nguyện cầu không chắc có kết quả, cố nhiên là không đúng: 1. Cúng dường làm duyên, không chắc vị trời đã nhiếp thọ; 2. Tin hiểu làm duyên, không chắc vị trời đã nhiếp thọ; 3. Tin hiểu vị trời kia, không chắc cảm được tự thể tối thắng của vị trời; 4. Tin hiểu vị trời kia, không chắc cảm được sự giàu có, hạnh phúc tối thắng; 5. Tin hiểu vị trời kia, không chắc hủy hoại được sự thù địch của A-tổ-lạc, v.v...; 6. Tin hiểu vị trời kia, không chắc xuất sinh cõi trời; 7. Sinh cõi trời rồi, không chắc thường trú không mất.

(2) Kiến lập quy y:

Hỏi: Có mấy sự quy thú?

Đáp: Ba sự quy thú, là Phật, Pháp và Tăng.

Hỏi: Nguyên do gì chỉ có ba sự quy thú?

Đáp: Có bốn nguyên do: Chỉ có Phật là bậc đáng quy thú, vì: một là, Phật là bậc khéo tự điều ngự; hai là, Phật khéo hiểu tất cả chủng loại phương tiện điều phục; ba là, đem tài vật cúng dường thì Phật chưa vừa ý; bốn là, lấy sự tu hành cúng dường thì Phật sinh hoan hỷ. Do có đủ bốn đức này mà Phật đã thuyết pháp, và chúng đệ tử mới quy y.

Hỏi: Ngang đâu thì gọi là chủ thể quy thú?

Đáp: Có đủ bốn nhân tố gọi là chủ thể quy thú: 1. Khéo biết công đức; 2. Khéo biết sai biệt; 3. Tự thệ nguyện tiếp nhận; 4. Không nói có chỗ quy thú khác.

Hỏi: Thế nào là chánh hành của quy thú?

Đáp: Nên biết, có bốn thứ chánh hành của quy thú: 1. Thân cận



bậc thiện nhân; 2. Lắng nghe chánh pháp; 3. Như lý tác ý; 4. Thực hành pháp và tùy pháp.⁷³⁴

Lại có bốn thứ chánh hành, nên biết: 1. Khéo nhiếp các căn khiến không trạo động; 2. Thọ chánh học xứ; 3. Bi miễn chúng sinh; 4. Thời gian thích ứng như pháp cúng dường Tam bảo.

Hỏi: Quy thú Tam bảo có lợi ích gì?

Đáp: Có bốn lợi ích: 1. Được công đức rộng lớn; 2. Được hoan hỷ rộng lớn; 3. Được đấng tri thù thắng; 4. Được cực thiện thanh tịnh.

Lại có bốn lợi ích: 1. Đại thủ hộ đầy đủ; 2. Tất cả chương của tà tín giải dần nhỏ ít rồi tiêu diệt; 3. Được nhập vào chúng thiện nhân, toàn là những bậc thông tuệ⁷³⁵, [chánh hành], chánh chí⁷³⁶, còn gọi là

734 Trung A-hàm, phẩm Bảy pháp, kinh Thiện pháp: “Thế nào là Tỳ-kheo biết sự hơn kém của người? Đó là Tỳ-kheo biết có hai hạng người: có tín và có bất tín, người có tín là hơn, người bất tín là kém. Người có tín lại có hai hạng: Thường đến gặp Tỳ-kheo và không thường đến gặp Tỳ-kheo. Người đến gặp thấy Tỳ-kheo là hơn, người không thường đến gặp Tỳ-kheo là kém. Người thường đến gặp Tỳ-kheo lại có hai hạng: có lễ kính và không lễ kính. Người có lễ kính là hơn; người không lễ kính là kém. Người có lễ kính lại có hai hạng: có hồi kính và không hồi kính. Người có hồi kính là hơn, người không hồi kính là kém. Người có hồi kính lại có hai hạng: nhất tâm nghe kinh và không nhất tâm nghe kinh. Người nhất tâm nghe kinh là hơn, người không nhất tâm nghe kinh là kém. Người nhất tâm nghe kinh có hai hạng: nghe rồi thọ trì pháp và nghe rồi không thọ trì pháp. Người nghe rồi thọ trì pháp là hơn, người nghe rồi không thọ trì pháp là kém. Người nghe rồi thọ trì pháp lại có hai hạng: nghe pháp có quán sát nghĩa và nghe pháp không quán sát nghĩa. Người nghe pháp có quán sát nghĩa là hơn, người nghe pháp không quán sát nghĩa là kém. Hạng nghe pháp quán sát nghĩa lại có hai: biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp; và hạng không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp và thực hành đúng như pháp. Người biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành đúng như pháp là hơn; người không biết pháp, không biết nghĩa, không hướng về pháp và thứ pháp, không tùy thuận pháp, không thực hành đúng như pháp là thấp kém. Hạng biết pháp, biết nghĩa, hướng về pháp và thứ pháp, tùy thuận pháp, thực hành như pháp lại có hai hạng: Tự làm ích lợi cho mình và cũng làm ích lợi cho người khác, làm ích lợi cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người; và hạng không tự làm lợi ích cho mình và cũng không làm lợi ích cho người, không xót thương thế gian không cầu nghĩa và lợi, an ổn khoái lạc cho trời và người. Nếu người nào tự làm lợi ích, cũng làm lợi ích cho người, làm lợi ích cho mọi người, xót thương thế gian, cầu nghĩa và lợi, an ổn và khoái lạc cho trời người. Người ấy là bậc nhất là lớn, là trên, là tối cao, là hơn hết, là tôn quý, là tuyệt diệu giữa mọi người khác.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

735 Trung A-hàm, kinh Phân biệt Thánh đế, số 31: “Tỳ-kheo Xá-lê Tử là bậc thông tuệ, tốc tuệ, tiếp tuệ, lợi tuệ, quảng tuệ, thâm tuệ, xuất yếu tuệ, minh đạt tuệ, biện tài tuệ.” Có 10 loại trí tuệ như vậy.

736 Trung A-hàm, kinh Thánh đạo, số 189: “Thế nào gọi là chánh chí? Đó là niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại, được gọi là chánh chí.” Chỉ cho phiền não vắng lặng. Chánh chí còn được hiểu là chánh tư duy.



chúng đại sư đồng phạm hạnh; 4. Vì tin tưởng Thánh giáo nên được chư thiên yêu thích. Chư thiên kia nếu thấy có người thọ ba quy thú thì sinh hoan hỷ lớn, triển chuyển bảo nhau: “*Chúng ta ngày xưa đều do thành tựu ba quy thú, nên từ chỗ kia mạng chung sinh lên chốn này. Thiên nam tử ấy nay cũng thành tựu ba quy thú này, trú giữ không bỏ, tương lai không lâu sẽ là bạn của chúng ta.*”

[511c03] (3) **Sai biệt quy y:** Nên biết, có sáu nhân tố tạo ra sự sai biệt của Tam bảo: 1. Do tướng; 2. Do nghiệp; 3. Do tín giải; 4. Do tu hành; 5. Do tùy niệm; 6. Do sinh phước.

Do tướng nên Tam bảo sai biệt: Sắc thái tự chứng giác là Phật bảo; sắc thái chứng giác quả là Pháp bảo; sắc thái chánh tu hành theo sự dạy bảo của thầy là Tăng bảo.

Do nghiệp nên Tam bảo sai biệt: Nghiệp chuyển chánh giáo là Phật bảo; nghiệp đoạn đối tượng sở duyên là phiền não khổ là Pháp bảo; nghiệp tăng thêm sự tinh cần dũng mãnh là Tăng bảo.

Do tín giải nên Tam bảo sai biệt: Là đối với Phật bảo nên thân cận phụng sự cung kính; đối với Chánh pháp bảo nên tin kính tác chứng; đối với chư Tăng bảo nên đồng pháp⁷³⁷, cộng trú⁷³⁸, kính tin, thân cận.

Do tu hành nên Tam bảo sai biệt: Là đối với Phật bảo nên khởi hạnh mời thỉnh, nghênh tiếp, thừa sự, cung kính; đối với Chánh pháp bảo nên khởi hạnh tu tập phương tiện đúng như giáo lý; đối với chư

737 Đồng pháp tu Phạm hạnh.

738 Cộng trú trong lục hòa.



Tăng bảo nên khởi hạnh chia sẻ sự thọ dụng tài vật và giáo pháp.

Do tùy niệm nên Tam bảo sai biệt: Đối với Tam bảo nên khởi tùy niệm riêng biệt, như trong kinh thường nói, “Đức Bạc-già-phạm Như lai, Ứng chánh đẳng giác ...”, cho đến nói rộng.⁷³⁹

Do sinh phước nên Tam bảo sai biệt: Đối với Phật bảo, là nương tựa một hữu tình để sinh phước tối thắng; đối với Pháp bảo, là nương tựa pháp tăng thượng để sinh phước tối thắng; đối với Tăng bảo, là nương tựa nhiều hữu tình để sinh phước tối thắng.

739 Tùy niệm là tùy theo đối tượng mà có sự nhớ nghĩ chính xác, thường gọi là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Phật có 3 đức: đoạn đức (đoạn trừ ái dục), trí đức (thành tựu toàn giác) và ân đức (giúp đỡ chúng sinh). Pháp là tư tưởng tứ đế, 12 chi duyên khởi, 5 uẩn, cho đến Như lai tạng, chân như vô ngã, tánh tịnh niết bàn. Tăng là vị vận dụng bản thân hóa giải những gì thác loạn từ 3 nghiệp thân, miệng, ý của bản thân, trong đó đứng đầu là ý thức, ngang qua sự khát thực để thực hiện mục đích ấy: xin Pháp nơi Phật, xin thực phẩm nơi chúng sinh.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Bảy

Phẩm Hai

NHIẾP TỊNH NGHĨA (Phần 3)

[5011c27] Luận giải: 3. **Ba học**: Phân biệt có mười hai thứ: 1. Phân biệt sai biệt; 2. Phân biệt sinh khởi; 3. Phân biệt chuyển dị; 4. Phân biệt năng trị sở trị; 5. Phân biệt năng dẫn thắng sinh định thắng; 6. Phân biệt thuận pháp; 7. Phân biệt bồ-đặc-già-la; 8. Phân biệt hạ trung thượng phẩm; 9. Phân biệt Du-già; 10. Phân biệt tác ý; 11. Phân biệt dẫn phát; 12. Phân biệt vấn đáp.

[511c27] (1) **Phân biệt sai biệt**:

Phân biệt sự sai biệt của tăng thượng giới học trong ba học. *Sai biệt*, là như trong kinh nói, “*Nếu các tỳ-kheo thành tựu an trú thi-la, gìn giữ biệt giải thoát luật nghi, đầy đủ phép tắc, đầy đủ sở hành, đối với tội vi tế thấy rất lo sợ, thọ học các học xứ, thì gọi là giới đầy đủ.*”⁷⁴⁰ Ở đây:

[512a07] *Thành tựu an trú thi-la*: Là đối với các học xứ đã tiếp nhận, thân nghiệp không phạm, ngữ nghiệp không phạm, [ý nghiệp không phạm], không nứt, không lủng, như vậy là thành tựu an trú thi-la.⁷⁴¹

740 Tạng A-hàm, kinh Bà-đầu, số 565: “Thế nào là Giới thanh tịnh? Thánh đệ tử trụ nơi Ba-la-đề-mộc-xoa, giới tăng trưởng, oai nghi đầy đủ, đối với tội vi tế cũng sanh sợ hãi, gìn giữ các học giới, giới thân chưa trọn vẹn có thể làm cho đầy đủ hoàn toàn, đã đầy đủ rồi tùy thuận giữ gìn. Dục, tinh tấn phương tiện siêu xuất, siêng năng dững mãnh, thân, tâm pháp luôn luôn nhiếp thọ; đó gọi là Giới tịnh đoạn.”

741 Căn bản Thuyết nhất thuyết hữu bộ Tỳ nại da tạp sự, quyển 35: “Đối với giới đã thọ, không nứt, không lủng, không vỡ, không cấu, không uế, ta giữ gìn thanh tịnh từ đầu đến cuối, được bậc trí khen ngợi, không bị các vị đồng phạm hạnh khinh bỉ, cùng giữ tịnh giới, đồng hưởng pháp thực. Khi ta



[512a09] *Gìn giữ biệt giải thoát luật nghi*: Là thi-la của bảy chúng⁷⁴² [thọ trì], gọi là biệt giải thoát luật nghi. Vì có sai biệt thi-la của các chúng cho nên thiết lập nhiều thứ luật nghi. Nghĩa ở đây chỉ dựa vào luật nghi của tỳ-kheo mà nói, đó gọi là gìn giữ biệt giải thoát luật nghi⁷⁴³.

[512a13] *Đầy đủ phép tắc*: Là đầy đủ phép tắc trong các uy nghi, hoặc trong sự làm việc, hoặc trong những phương tiện tu tập thiện phẩm, tùy thuận thế gian, không trái thế gian, tùy thuận tỳ-nại-da, không trái tỳ-nại-da.

[512a16] Thế nào là đầy đủ phép tắc trong các uy nghi, tùy thuận, không trái thế gian và tỳ-nại-da? Là đúng thời, đúng chỗ nên làm thì nên làm như vậy. Chánh hành như vậy đúng thời, đúng chỗ thì không bị thế gian chỉ trích, chê cười, và không bị bậc thiện nhân thông tuệ, chánh chí, vị đồng pháp, vị trì luật, vị học luật quở trách. Nên biết như vậy trong các uy nghi đi, đứng, ngồi, nằm.

[512a21] Thế nào là đầy đủ phép tắc trong những sự làm việc, tùy thuận, không trái thế gian và tỳ-nại-da? Là mặc y áo, đại tiểu tiện, dùng nước⁷⁴⁴, xia răng, vào làng khát thực, trở về thọ trai, rửa bát, rửa chân, xếp đặt phu cụ⁷⁴⁵. Lại nữa, đã tỉnh lược những tác nghiệp về

thực hành như vậy, làm cho vị khác hoan hỷ, yêu mến kính trọng cùng nhau thân cận, hòa hợp giúp đỡ nhau không có tranh cãi, một lòng làm việc như nước hòa với sữa.” (No. 1451, tr. 384a16~21. Đây là pháp thứ 5 trong ‘Sáu pháp làm cho người khác hoan hỷ’)

742 Bảy chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Học giới ni, Sa-di, Sa-di-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

743 Tức gìn giữ *Giới bốn Ba-la-đề-mộc-xoa*.

744 Dùng nước: bao gồm rửa sạch sau khi đại tiểu tiện, rửa mặt, súc miệng, rửa tay.

745 Phu cụ 敷具: đồ trải ra khi ngồi, khi nằm; trải ra mặt đất để giữ y, giữ thân, lại trải ra trên đồ nằm để giữ đồ ấy.



bát⁷⁴⁶ và y⁷⁴⁷, cũng như bao nhiêu tác nghiệp đúng pháp khác⁷⁴⁸, gọi là sự làm việc. Nếu đúng thời, đúng chỗ nên tác nghiệp thì nên tác nghiệp như vậy. Chánh tác nghiệp như vậy đúng thời, đúng chỗ thì không bị thế gian chỉ trích, chê cười, và không bị bậc thiện nhân thông tuệ, chánh chí, vị đồng pháp, vị trì luật, vị học luật quở trách. Đó là đầy đủ phép tắc trong sự làm việc, tùy thuận, không trái thế gian và tỳ-nại-da.

[512b01] Thế nào là đầy đủ phép tắc trong những phương tiện tu tập thiện phẩm, tùy thuận, không trái thế gian và tỳ-nại-da? Là đọc tụng kinh điển, hòa kính sư trưởng, tu tập kế thừa đạo nghiệp [của người xuất gia], chiếu cố chăm sóc người bệnh hoạn, tâm từ cùng khởi, tuyên thuyết dữ dục⁷⁴⁹, tu tập phương tiện, xin hỏi nghe pháp, siêng năng không nhác; đối với các vị thông tuệ, đồng tu phạm hạnh thì đích thân cúng hầu; khích lệ người khác tu tập thiện phẩm và vì họ

746 Bình bát: Phạn ngữ là pātra, âm là bát-đa-la, dịch là ừng lượng khí, nghĩa là vật dụng thích ứng với chánh pháp, tức thể chất, màu sắc và dung lượng của bát đều tương ứng với chánh pháp. Bình bát là một trong sáu vật dụng tùy thân cần thiết của một tỳ kheo, là phương tiện cho tánh mạng tuệ giác, là tín hiệu truyền thừa của Thánh chủng. Đời sống của người xuất gia phải dựa trên sự khát thực, do đó, bình bát trở thành vật dụng cũng quan trọng như ba y. Ba y và bình bát đối với tỳ kheo được ví như hai cái cánh của con chim. Vị tỳ kheo có bát dư, cất giữ bát dư quá 10 ngày phạm tội ung xả đối trị; bình bát ấy phải xả bỏ bằng cách đến Tăng hoặc 1 vị tỳ kheo mà tác lễ xả bát.

747 Phạt chế một tỳ-kheo chỉ có ba y, không được nhiều hơn, gồm có: 1. An-đà-hội (antarvāsa), là y trong hay trung trước y, còn gọi là tác vụ y; 2. Uất-đa-la-tăng (uttarasāṅgha), là y khoác vai hay thượng y, còn gọi là nhập chúng y; 3. Tăng-già-lê (saṅghātī), là y có hai lớp, loại y trùm kín thân thể, còn gọi là tạp toái y hay chúng tụ thời y. Theo quý tắc, nếu y đã cũ không muốn dùng nữa thì phải làm phép xả, và y mới phải làm phép thọ trước khi dùng. Thọ là xác nhận nó thuộc sở hữu riêng của mình, và xả là tuyên bố nó không còn thuộc sở hữu của mình nữa. Trong luật Tứ phần, Phật dạy các tỳ kheo, ở đâu cũng luôn ở cùng với 3 y, như 2 cánh con chim thường cùng mình nó.

748 Theo luật Tứ phần nói có 100 việc, gọi là 100 chủng học pháp, có thể tóm lược thành 9 điều: Một là mặc y; hai là vào thôn xóm; ba là ngồi đứng; bốn là ăn uống; năm là giữ gìn bát; sáu là thuyết pháp; bảy là tháp tượng; tám là thiện lợi; chín là nhìn xem.

749 Dữ dục 與欲: Muốn đừng mắc tội biệt chúng thì trong một đại giới, chúng Tăng có bao nhiêu Tăng số, khi thuyết giới phải có mặt đầy đủ con số ấy. Người nào có duyên sự phải vắng mặt, như vì Tam Bảo sự duyên, phụ mẫu sự duyên hay lý do chính đáng thì phải dữ dục. Dữ dục là mình gợi ý muốn của mình đến với buổi thuyết giới đó. Khi dữ dục thì nói, "Ngày nay chúng Tăng thuyết giới, tôi xin dữ dục như pháp Tăng hay như pháp Tăng sự kiết-ma." Nếu dữ dục, khi thuyết giới, Tự tử thì phải nói đủ là "tôi xin dữ dục thanh tịnh", hoặc "dữ dục Tự tử". Ý nghĩa của việc dữ dục là: Tôi tuy vắng mặt, nhưng Tăng làm gì, tôi xin đồng tình hết. Tất cả mọi kiết-ma đều được phép dữ dục, chỉ trừ kiết-ma kiết giới là không được phép dữ dục.



tuyên thuyết diệu pháp sâu xa; vào nơi vắng vẻ kín đáo để kiết già phụ tọa. Các việc như vậy và các pháp thiện khác, gọi là những phương tiện tu tập thiện phẩm. Như vậy, những phương tiện tu tập thiện phẩm vừa nói đến, nếu đúng thời, đúng chỗ nên tu tập thì nên tu tập như vậy. Chánh tu tập như vậy đúng thời, đúng chỗ thì không bị thế gian chỉ trích, chê cười, và không bị bậc thiện nhân thông tuệ, chánh chí, vị đồng pháp, vị trì luật, vị học luật quở trách. Đó là đầy đủ phép tắc trong những phương tiện tu tập thiện phẩm, tùy thuận, không trái thế gian và tỳ-nại-da.

Đầy đủ phép tắc trong những hành tướng như vậy gọi là đầy đủ phép tắc.

[512b14] Đầy đủ sở hành: Là năm xứ không phải sở hành của vị tỳ kheo. Năm xứ [không nên đi đến] là gì? 1. Nhà hát xướng; 2. Nhà dâm nữ; 3. Nhà bán rượu; 4. Cung điện vua chúa; 5. Nhà chiêm-đồ-la⁷⁵⁰, yết-chỉ-na⁷⁵¹. Cùng những nơi khác không nên đi đến do Như lai răn dạy⁷⁵². Ngoài những nơi kể trên thì có thể đi đến. Như vậy, kịp thời đi đến chỗ không tội lỗi, gọi là đầy đủ sở hành.

[512b19] Đối với tội vi tế thấy rất lo sợ: Là phạm tiểu học xứ và tùy tiểu học xứ⁷⁵³, phạm rồi có thể thoát ra, đều gọi là *tội vi tế*. Lại nữa,

750 Chiêm-đồ-la 旃荼羅: Phạn ngữ là cāṅḍalā, còn gọi là Chiêm-đà-la 旃陀羅. Dịch ý là lửa hừng, dữ tợn, người hiểm độc, người bạo ác, người chủ việc giết chóc, người trị chó. Trong chế độ giai cấp của xã hội Ấn độ, chiêm-đồ-la là giai cấp thấp nhất, dưới giai cấp thủ-đà-la. Giai cấp này chuyên làm các nghề coi nhà tù, buôn bán, đồ tể, lưới cá v.v... Cứ theo pháp điển Ma nô chép, thì chiêm-đồ-la là chỉ giống người lai, cha là thủ-đà-la, mẹ là bà-la-môn. Kinh Tăng nhất A-hàm, quyển 18, tr. 636a14: "Hoặc có người sinh vào nhà ti tiện hoặc giống chiêm-đà-la, hoặc giống ăn thịt người, hoặc giống làm thợ thuyền."

751 Yết-chỉ-na 羯耻那: Còn gọi là yết-si-la 羯訖羅, già-hi-la 伽絺那, là người nướng thịt chó, người cai ngục.

752 Như nhà đàn bà goá, nhà gái đồng trinh, nhà người bị thiên, tịnh xá nữ tu sĩ, thân cận với quốc vương, đại thần, sa-môn ngoại đạo, bạn bè phi pháp, bạn hàng thịt và kẻ nuôi heo, dê, gà, chó, săn bắn chài lưới, hạng người sống với nghề ác v.v...

753 Tức tiểu tội, tùy tiểu tội. Trong tội tự được chế lập có 3 phẩm hạ, trung, thượng sai biệt. Nếu



phạm rồi dùng ít công lực để thoát ra, gọi là *tội vi tế*. Thế nào là ở trong đó thấy rất lo sợ? Là tác quán thế này: “*Chớ để tôi vì sự hủy phạm này nên không có khả năng được những gì chưa được, ngộ những gì chưa ngộ, chứng những gì chưa chứng. Lại chớ để tôi rơi vào ác thú⁷⁵⁴, khởi các hành nghiệp của ác thú. Lại chớ để tôi về sau phải tự hồi trách. Chớ để đại sư, chư thiên, bậc thông tuệ đồng tu phạm hạnh dùng pháp quả trách. Lại chớ để danh tiếng xấu của tôi lan truyền mười phương.*” Nhân thấy hiện pháp như vậy, hậu pháp là sự bất khả lạc, nên sinh rất lo sợ. Do nhân duyên như vậy nên đối với tiểu học xứ và tùy tiểu học xứ, [từ nay] cho đến thân mạng khó bảo tồn, trọn không dám phạm. Giả sử có lúc do mất chánh niệm nên đã hủy phạm, thì mau mau hồi lỗi như pháp để mà thoát ra. Như vậy gọi là đối với tội vi tế thấy rất lo sợ.

[512c01] Thọ học các học xứ: Đầu tiên là thọ Biệt giải thoát luật nghi, do bạch tứ yết-ma⁷⁵⁵ mà thọ Cụ túc giới⁷⁵⁶. Sau đó, [từ vị giới sư] được nghe sơ lược về thể tánh của học xứ⁷⁵⁷. Và còn từ vị ỏ-ba-đà-

phạm hạ phẩm tội, dùng ít công sức thì được hoàn tịnh, bằng cách đối trước một vị tỷ kheo cầu xin sám hối lỗi lầm đã phạm, gọi là vi tế tội. Vì muốn hoàn toàn không phạm vi tế tội nên chế lập tùy hộ học xứ, gọi là tiểu và tùy tiểu học xứ. (giống như phiền não và tùy phiền não)

754 Trường A-hàm, Kinh Tam tụ, số 12: “Thế nào là hai pháp dẫn đến ác thú? Hủy giới và phá kiến.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

755 Bạch tứ yết-ma: Trước tiên tuyên cáo một lần, ba lần trung cầu đồng ý. Nếu như 1 lần bạch, 3 lần yết-ma xong, trong đại chúng im lặng là biểu thị không có dị nghị mà tuyên bố yết-ma đúng như pháp, nghị án thành lập, nhất trí thông qua. Như qui định khi thọ giới Cụ túc, trước tiên, vị Sư yết-ma trong Tam sư hướng về chư tăng trình thưa (bạch) như sau: “Nay có người tên họ này, xin được thọ giới.” Kế đó, 3 lần hỏi tăng chúng có tán thành hay không, gọi là *tam yết-ma*. Nếu chúng tăng không có ý gì khác thì giới tử được chấp nhận cho thọ giới làm tăng. Ngoài ra, các việc như: sám hối trọng tội, trị phạt, quả trách can gián, diệt tránh, v.v... cũng đều dùng pháp này để trưng cầu ý kiến của chúng tăng.

756 Giới Tỷ kheo được gọi là Cụ túc vì thể hiện trọn vẹn mẫu mực đời sống của một vị A-la-hán, tức đời sống thanh tịnh được thể hiện trọn vẹn bằng 4 pháp, nên gọi là Cụ túc. Đó là: 1. Biệt biệt giải thoát luật nghi; 2. Phòng hộ căn môn luật nghi; 3. Phương tiện sinh sống luật nghi; 4. Chánh niệm tỉnh giác thọ dụng luật nghi.

757 Học xứ = giới, gồm từng điều khoản một, tập hợp lại thành Ba-la-đề-mộc-xoa, là những điều mà người xuất gia phải giữ gìn không được vi phạm.



đà⁷⁵⁸, a-già-lợi-da⁷⁵⁹ được nghe về Biệt giải thoát kinh, trong đó có nói hơn một trăm năm mươi học xứ, để rồi tự thọ tiếp nhận: “*Tôi sẽ học hết tất cả học xứ.*”⁷⁶⁰ Và thường xuyên được nghe các học xứ từ chư vị cùng nhau đàm luận, chư vị cùng nhau hỏi đáp, chư vị thường thân quen gần gũi, chư vị khéo léo đồng ý. Lại mỗi nửa tháng nghe thuyết Biệt giải thoát kinh⁷⁶¹. Do như vậy mà tiếp nhận tất cả học xứ, gọi là có được Biệt giải thoát luật nghi. Từ đó về sau, đối với các học xứ, khéo léo không có hủy phạm. Dẫu có hủy phạm liền như pháp mà thoát ra. Nếu trước đã phát nguyện tiếp nhận các học xứ mà không được khéo léo, chưa thể thấu suốt, thì nên như ban đầu mới thọ giới. Lại ở nơi vị ỏ-ba-đà-da, a-già-lợi-da v.v... được thường xuyên thỉnh hỏi, lắng nghe, tiếp nhận để khéo thông suốt hiểu rõ. Tôn trọng không thêm không bớt các học xứ do Phật thuyết; dù văn hay nghĩa cũng khéo léo tu học, thọ trì không có đảo ngược. Như vậy gọi là thọ học các học xứ.

[512c14] Như vậy đã nói rộng về sự sai biệt của thi-la luật nghi. Nếu nói sơ lược về nghĩa của nó thì đức Bạc-già-phạm đã dùng ba sắc thái để làm rõ nghĩa của giới uân: 1. Sắc thái không mất, không hoại; 2. Sắc thái tự thể; 3. Sắc thái công đức của tự thể.

Ở đây, như trên đã nói, “*thành tựu an trú thi-la*”, để hiển thị *sắc thái không mất, không hoại* của thi-la luật nghi.

758 ỏ-ba-đà-da 鄢波陀耶 (S. upādhya): Là thân giáo sư, cận tụng, y học, đồng nghĩa với hòa thượng. Cận tụng, là đệ tử còn nhỏ tuổi, không rời thầy, thường theo, thường gần, thọ kinh mà tụng. Y học, là đệ tử xuất gia y theo nơi thầy mà tu tập đạo nghiệp.

759 A-già-lợi-da 阿遮利耶 (S. acarya): Là vị a-xà-lê 阿闍梨, ý dịch là quỹ phạm sư, chánh hành, duyệt chúng, ứng khả hành, ứng cúng dường, giáo thọ, trí hiền, truyền thọ.

760 Du-già sư địa luận, quyển 22, đoạn tương đương, tr. 403a09 nói có 250 học xứ. Cụ túc giới có 8 loại: 1. Ba-la-di (khí), có 4; 2. Tăng-già bà-thi-sa (tăng tàn), có 13; 3. Bất định, có 2; 4. Ni-tát-kỳ ba-dật-đề (xả đọa), có 30; 5. Ba-dật-đề (đọa), có 90; 6. Ba-la-đề-xà-ni (hối quá), có 4; 7. Thức-xoa-ca-la (học pháp), có 100; 8. Diệt tránh, có 7. (Tổng cộng 250 giới)

761 Bồ-tát và thuyết giới trở thành phạm sự thường xuyên và định kỳ mà một tỷ kheo không thể thiếu sót. Nếu thiếu sót, tỷ kheo ấy phạm đột-kiết-la (viết tỷ-ni/ đầu-lan-giá).



Tiếp theo nói, “gìn giữ biệt giải thoát luật nghi”, để hiển thị *sắc thái tự thể* của thi-la luật nghi.

Tiếp theo nói, “đầy đủ phép tắc, đầy đủ sở hành”, để hiển thị rằng, biệt giải thoát luật nghi, một khi đã tiếp nhận, phải quán người để tăng thượng, đó là *sắc thái công đức và danh xưng của tự thể*. Vì sao? Do người ta thấy được sắc thái “đầy đủ phép tắc, đầy đủ sở hành”, thì người chưa tin tưởng sẽ tin tưởng, người đã tin tưởng sẽ tăng trưởng [niềm tin]. Người chưa tin tưởng sẽ dựa vào đây để có niềm tin, tâm không khinh chê, không rêu rao danh tiếng xấu. Nếu không được như vậy, dù đầy đủ thi-la, nhưng do vượt khỏi phép tắc, sở hành, nên không có sự quán người để tăng thượng công đức và danh xưng. Nếu ngược lại thì không có tội lỗi. Lại nói, “đối với tội vi tế thấy rất lo sợ, *thọ học các học xứ*”, để hiển thị [biệt giải thoát luật nghi, một khi đã tiếp nhận,] phải quán mình để tăng thượng, đó là *sắc thái công đức và danh xưng của tự thể*. Vì sao? Tuy có “đầy đủ phép tắc, đầy đủ sở hành” nên có được sự quán người để tăng thượng công đức và danh xưng, nhưng đã hủy phạm thi-la, do nhân duyên này hoặc sinh ác thú, hoặc “*không có khả năng được những gì chưa được, ngộ những gì chưa ngộ, chứng những gì chưa chứng*.” Nếu có thể đối với tội vi tế còn thấy rất lo sợ, huống chi tội thượng phạm, lại còn *thọ học các học xứ*, do nhân duyên này, thân hoại mạng chung sinh về thiện thú, lại còn *có khả năng được những gì chưa được, ngộ những gì chưa ngộ, chứng những gì chưa chứng*. Do các duyên ấy nên gọi là sắc thái của thi-la luật nghi về sự quán mình để tăng thượng công đức và danh xưng.

[513a05] Lại nữa, ở đây đức Bạc-già-phạm hiển thị ba thứ thi-la tánh: 1. Thọ trì thi-la tánh; 2. Xuất ly thi-la tánh; 3. Tu tập thi-la tánh.

Đầu tiên nói, “*thành tựu an trú thi-la*”, để hiển thị *thọ trì thi-la tánh*.



Tiếp theo nói, “gìn giữ biệt giải thoát luật nghi”, để hiển thị *xuất ly thi-la tánh*. Vì sao? Do biệt giải thoát luật nghi được nhiếp trong thi-la, gọi là tăng thượng giới học. Dựa vào tăng thượng giới học để có thể tu tập tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học. Dựa vào ba học mới có thể làm cho tất cả khổ vĩnh tận, cứu cánh xuất ly. Sự xuất ly như vậy, trước dựa vào thi-la làm sở hành, [làm nơi y chỉ], sau đó mới được [xuất ly], cho nên biệt giải thoát luật nghi gọi là xuất ly thi-la tánh.

Sau cùng nói, “đầy đủ phép tắc, đầy đủ sở hành, đối với tội vi tế thấy rất lo sợ, *thọ học các học xứ*”, để hiển thị *tu tập thi-la tánh*. Nếu y theo các sắc thái như vậy mà tu tập biệt giải thoát luật nghi, tu tập thi-la, gọi là tu tập, khéo tu tập, [nhiều tu tập].

Như vậy gọi là phân biệt sự sai biệt của tăng thượng giới học.

[513a17] Phân biệt sự sai biệt của tăng thượng tâm học: “*Nếu vị tỳ kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm có tứ, có hỷ và lạc phát sinh do viễn ly, an trú đầy đủ sơ tĩnh lự.*” Lại nữa, “*Vắng lặng tâm tứ, nội tâm an tịnh, tâm định một cảnh, một trạng thái hỷ lạc do tam-ma-địa sinh, không tâm không tứ, an trú đầy đủ đệ nhị tĩnh lự.*” Lại nữa, “*Do ly hỷ nên trú xả, niệm chánh tri, và thân cảm lạc của chánh thọ mà bậc Thánh tuyên thuyết là thành tựu xả niệm lạc trú, an trú đầy đủ đệ tam tĩnh lự.*” Lại nữa, “*Do đoạn lạc, cùng với từ trước đã đoạn khổ, hỷ và ưu, an trú đầy đủ đệ tứ tĩnh lự, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.*” Nghĩa sai biệt ở đây như trước đã nói⁷⁶². Đó gọi là phân biệt sự sai biệt của tăng thượng tâm học.

Phân biệt sự sai biệt của tăng thượng tuệ học: “*Nếu vị tỳ kheo đối với khổ Thánh đế, biết như thật về khổ; đối với tập Thánh đế, biết như*

762 Xem phẩm Nhiếp sự, phần 2, mục Kiến lập định.



thật về tập; đối với khổ diệt Thánh đế, biết như thật về diệt; đối với khổ diệt thú hành Thánh đế⁷⁶³, biết như thật về thú hành.” Đó gọi là phân biệt sự sai biệt của tầng thượng tuệ học.

[513a29] (2) **Phân biệt sinh khởi**: Do thành tựu thi-la nên không hối hận⁷⁶⁴; do không hối hận nên sinh hân hoan; sinh hân hoan nên tâm hỷ; tâm hỷ nên thân an; thân an nên thọ lạc; thọ lạc nên tâm định; tâm định nên quán như thật; quán như thật nên khởi nhàm chán; khởi nhàm chán nên ly dục; ly dục nên giải thoát; giải thoát nên tự nói: “Tôi đã chứng giải thoát.” Lại khởi tri kiến như vậy: “Tôi sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau.”

[513b06] (3) **Phân biệt chuyển dị**: Hoặc có tầng thượng giới học, nhưng không có tầng thượng tâm học và không có tầng thượng tuệ học; hoặc có tầng thượng giới học và tầng thượng tâm học, nhưng không có tầng thượng tuệ học. Nếu có tầng thượng tuệ học thì tất có tầng thượng giới học và tầng thượng tâm học.

[513b09] (4) **Phân biệt năng trị sở trị**: Tầng thượng giới học là sự đối trị dừng nghỉ phiền não, triền phược; tầng thượng tâm học là sự đối trị chế phục phiền não, triền phược, và tầng thượng tuệ học là sự đối trị vĩnh đoạn phiền não, triền phược.

(5) **Phân biệt năng dẫn thắng sinh, định thắng**: Tầng thượng

763 Khổ diệt thú hành Thánh đế 苦滅趣行聖諦 = Khổ diệt đạo tích Thánh đế 苦滅道跡聖諦 (Con đường đưa đến sự diệt tận khổ Thánh đế.)

764 Trung A-hàm, kinh Hà Nghĩa, số 42: “Cho nên, này A-nan, nhân trì giới mà được không hối hận, nhân không hối hận mà được hân hoan, nhân hân hoan mà được hỷ, nhân hỷ mà được chí, nhân chí mà được lạc, nhân lạc mà được định. Này A-nan, Đa văn Thánh đệ tử nhân định mà có tri kiến như thật, nhân có tri kiến như thật mà có yếm ly, nhân có yếm ly mà được vô dục, nhân vô dục mà được giải thoát, nhân giải thoát mà có giải thoát tri kiến, biết đúng như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa’. Này A-nan, đó chính là các pháp hỗ trợ lẫn nhau, làm nhân cho nhau. Như vậy, giới này đưa đến chỗ cao tột, tức là đưa từ bờ này đến tận bờ kia.” (Thích Tuệ Sỹ dịch). Luận đại thừa trang nghiêm kinh, quyển 4, phẩm Thuật Cầu: “Thiết lập tỷ-ni là để thành tựu giới học và tâm học, nghĩa là do trì giới mà được tâm không hối hận, do được tâm không hối hận mà theo thứ lớp có được định.”



giới học và tầng thượng tâm học có năng lực dẫn đến thanh tịnh địa⁷⁶⁵ và thanh tịnh thắng sinh⁷⁶⁶. Tầng thượng tuệ học có năng lực dẫn ra xuất thế quyết định thắng đức⁷⁶⁷.

[513b14] (6) **Phân biệt thuận pháp**: Là mười thứ tùy thuận học pháp: 1. Nhân đời trước; 2. Tùy thuận giáo; 3. Như lý phương tiện; 4. Tu tập chí thành không ngưng nghỉ; 5. Ý muốn mãnh liệt chứng lạc; 6. Lực tu trì; 7. Yên ổn thân tâm nặng nề; 8. Thường xuyên quán sát; 9. Không có lo sợ; 10. Không có tầng thượng mạn.

Nhân đời trước: Là ở đời trước, thiện căn đang thành thực và thiện căn thành mãn.

Tùy thuận giáo: Là không đảo ngược thứ đệ của giáo pháp.

Như lý phương tiện: Là theo đúng giáo pháp mà tu hành; tu hành như vậy thì sinh chánh kiến.⁷⁶⁸

Tu tập chí thành không ngưng nghỉ: Là theo đúng phương tiện như vậy thì tu tập [dồn chứa] các thiện phẩm⁷⁶⁹, không để đời mình trôi

765 Theo luận Đại thừa trang nghiêm kinh, thanh tịnh địa là 3 địa sau cùng của 10 địa, 7 địa trước gọi là bất tịnh địa.

766 Thanh tịnh thắng sinh (thanh tịnh tầng thượng sinh): Thọ sinh chỗ thù thắng thanh tịnh hay thiện thú. Chư Thánh giả Thanh văn tạp huân tu đệ tử tinh lực nhuộm phẩm, trung phẩm, thượng phẩm, thượng thắng phẩm, thượng cực phẩm thì sinh về ngũ tịnh cung địa: Vô phiền, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến và Sắc cứu cánh. Vượt qua tịnh cung địa, Bồ tát thập địa do cực huân tu địa thứ mười mà được sinh trú xứ Đại tự tại thiên.

767 Xuất thế quyết định thắng đức: Là ái tận, ly dục, tịch tĩnh, Niết-bàn.

768 Như lý phương tiện = như lý gia hành. Gia hành là tinh tiến dũng mãnh, nỗ lực gia công dụng hành, dứt ác làm lành.

769 Trung bộ kinh, Đại kinh bốn mươi, số 117, có nói đến 20 thiện phần và 20 bất thiện phần (nên gọi là đại pháp môn 40): “Ở đây, này các Tỷ-kheo chánh kiến đi hàng đầu. Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là chánh kiến đi hàng đầu? Chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, do chánh kiến, được khởi lên. Chánh ngữ do chánh tư duy được khởi lên. Chánh nghiệp do chánh ngữ được khởi lên. Chánh mạng do chánh nghiệp được khởi lên. Chánh tinh tấn do chánh mạng được khởi lên. Chánh niệm do chánh tinh tấn được khởi lên. Chánh định do chánh niệm được khởi lên. Chánh trí do chánh định được khởi lên. Chánh giải thoát do chánh trí được khởi lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đạo lộ của vị hữu học gồm có tám chi phần, và đạo lộ của vị A-la-hán gồm có mười chi phần.” (HT. Thích Minh Châu dịch) Hai mươi thiện là 10 chánh và các thiện pháp phát xuất từ mỗi chánh; còn 20 bất thiện là 10 tà và các bất thiện pháp phát xuất từ mỗi tà. Do đây có tên Đại tứ thập. Trung A-hàm, kinh Thánh đạo, số 189, cũng nói: “Đó là hai mươi phẩm thiện và hai mươi phẩm bất thiện. Tức là tuyên thuyết



đi một cách vô ích, và dùng tâm chí thành để mau chóng dẫn ra các thiện phẩm.

Ý muốn mãnh liệt chứng lạc: Là đối với tầng thượng giải thoát, khởi ý muốn chứng lạc, nghĩ rằng: “*Khi nào thì tôi chứng được đầy đủ trú xứ của các bậc Thánh?*”⁷⁷⁰

Lực tu trì: Là hai nhân duyên có được lực tu trì: 1. Bản tánh là lợi căn; 2. Tu tập thuận thực trong thời gian lâu.

Yên ổn thân tâm nặng nề: Nếu thân mệt mỏi sinh ra thân tâm nặng nề, thì chuyển đổi uy nghi để được yên ổn. Nếu tầm tư quá mức sinh ra thân tâm nặng nề, thì nội tu tịch tĩnh để được yên ổn. Nếu do gắng ý kiềm chế tâm quá mức, tâm chùng xuống, hôn trầm thụy miên trói buộc sinh ra thân tâm nặng nề, thì tu tuệ quán và tác ý tịnh thẳng để được yên ổn.⁷⁷¹ Nếu tự tánh phiền não chưa đoạn, thuận phiền não phẩm, theo đuổi không rời nó, sinh ra thân tâm nặng nề, thì chánh tu Thánh đạo để được yên ổn.

Thường xuyên quán sát: Nương tựa thi-la thì phải thường xuyên quán sát, như thật biết rõ ác tác, thiện tác. Đối với ác tác mà không

bốn mươi đại pháp phẩm được chuyển vận nơi Phạm luân mà không một ai có thể chế ngự mà bài xích, dù là Sa-môn, Phạm chí, chư Thiên, Ma, Phạm, và các loại thế gian khác.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

770 Cụ túc trú xứ của A-la-hán, như kinh Giải thâm mật nói đến: “Cùng ở với đức Thế tôn có chúng đại thanh văn thuần hóa tất cả; toàn là con Phật; tâm khéo giải thoát; trí khéo giải thoát; giới khéo thanh tịnh; hưởng cầu cái vui của chánh pháp; nghe chánh pháp rất nhiều, nghe thì nắm giữ trong trí, và cái nghe như vậy được đồn chứa mãi; khéo nghĩ cái được nghĩ, khéo nói cái được nói, khéo làm cái được làm; tuệ giác nhanh, tuệ giác chóng, tuệ giác sắc, tuệ giác thoát ra, tuệ giác quyết trạch siêu việt, tuệ giác lớn, tuệ giác rộng, tuệ giác không ai đồng đẳng, thành tựu những phẩm chất quý báu như vậy của tuệ giác; hoàn hảo ba thứ minh trí; đạt được cái vui của chánh pháp ngay trong hiện tại và rất là bậc nhất; là ruộng phước vừa sạch vừa lớn; hoàn thiện không thiếu sự yên tĩnh của cử động; hoàn mãn không vơi sự ôn hòa của đức nhân; khéo léo phụng hành giáo huấn của đức Thế tôn.” (HT. Thích Trí Quang dịch) Tổng cộng có 15 đức tính: 14 đức tính đầu là chi tiết, là quả, 1 đức tính chót là tổng quát, là nhân.

771 Chỉ thuộc tĩnh, quán thuộc động. Khi tâm lý thụ động, hôn trầm thì hành giả cần vận dụng tâm và tứ tâm sở, tức quán để đối trị. Khi tâm lý quá năng động hay trạo cử, thì hành giả vận dụng chỉ để đối trị. Nếu quán quá mức thì ngay sau khi dẹp hôn trầm xong, hành giả sẽ rơi vào trạo cử; nếu chỉ quá mức thì ngay sau khi đối trị trạo cử xong, hành giả sẽ rơi vào hôn trầm. Biết tỉnh giác, cân bằng tu tập chỉ và quán, đúng thời và đúng độ là thiện xảo.



làm, không nên rời bỏ điều ấy; đối với thiện tác mà không làm, thì phải rời bỏ điều ấy. Đối với ác tác mà làm, thì phải rời bỏ điều ấy; đối với thiện tác mà làm, không nên rời bỏ điều ấy.⁷⁷² Quán sát như vậy thì lực tác ý được tăng lên, cho nên thường xuyên quán sát đối với tất cả phiền não đã đoạn và chưa đoạn. Nếu biết đã đoạn được phiền não thì sinh hoan hỷ. Nếu biết chưa đoạn được phiền não thì phải siêng tu chánh đạo để đối trị phiền não.

*Không có lo sợ*⁷⁷³: Trong mọi thời gian nên biết, nên quán các pháp. Đối với các pháp do không biết, không quán, không chứng nhập nên sinh tâm lo sợ, tâm có ủ rũ, tâm có nghèo nàn. Mỗi khi sinh tâm như vậy thì không nên chấp trước, nên mau đoạn trừ, xả bỏ.

Không có tăng thượng mạn: Đối với sở đắc, sở ngộ, sở chứng, lia ý tưởng tăng thượng mạn, không có cái chấp đảo ngược. [Tăng thượng mạn là] với đã đắc khởi ý tưởng đã đắc, với đã ngộ khởi ý tưởng đã ngộ, với đã chứng khởi ý tưởng đã chứng.⁷⁷⁴

Như vậy, đó là mười pháp mà hành giả ưa thích tu học các học xứ. Do khoảng đầu, khoảng giữa và khoảng cuối thường tùy thuận các học xứ, [không có trái nghịch], cho nên gọi là *tùy thuận học pháp*. Trong mười pháp này, pháp đầu tiên là tối thắng cho sự tùy thuận tăng

772 Đình chỉ là giữ, hành động là phạm (chỉ trì tác phạm) là nguyên tắc đối với điều ác, như giới sát, đạo, dâm, vọng, v.v...; ngược lại, đối với điều thiện thì hành động là giữ, đình chỉ là phạm (tác trì chi phạm), như bỏ sát, tụng giới, yết ma, tự tứ, phóng sanh, bố thí, v.v...

773 Chánh văn là khiếp bố. Đối chiếu Du-già sư địa, quyển 28, tr. 437b15, là khiếp nhục (yếu đuối, trầm cảm). Người trầm cảm thường hay âu lo, lo sợ, sợ một cái gì đó thành ra ám ảnh, thường có cảm giác do dự, không chắc chắn, dễ bị tổn thương, luôn ở trong tình trạng mệt mỏi, ủ rũ và căng thẳng, rất dễ tức giận, thường có ý nghĩ tiêu cực, cảm giác tuyệt vọng, không lối thoát.

774 Ý tưởng tăng thượng mạn là chưa làm mà cho đã làm, chưa có được mà cho đã có được, chưa chạm biết mà cho đã chạm biết, chưa chứng ngộ mà cho đã chứng ngộ. Du-già sư địa luận nói: “Với chân sở đắc khởi ý tưởng về đắc, với chân sở xúc khởi ý tưởng về xúc, với chân sở chứng khởi ý tưởng về chứng.”



thượng giới học⁷⁷⁵, chín pháp còn lại là tối thắng cho sự tùy thuận tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học.

[513c18] (7) **Phân biệt bồ-đặc-già-la**: Là ba học này thông với các dị sinh và bậc kiến đế.⁷⁷⁶

(8) **Phân biệt hạ trung thượng phẩm**: Là do [bốn thứ] hành và do phương tiện. *Do [bốn thứ] hành*: Khổ trì thông hành gọi là hạ phẩm học; khổ tức thông hành và lạc trì thông hành gọi là trung phẩm học; lạc tức thông hành gọi là thượng phẩm học. *Do phương tiện*: Tu phương tiện không chí thành và tu phương tiện có ngưng nghỉ, gọi là hạ phẩm học; tu phương tiện theo một trong hai điều trên, gọi là trung phẩm học; tu phương tiện đủ cả hai điều trên, gọi là thượng phẩm học.

[513c25] (9) **Phân biệt Du-già**: Là dựa vào bốn thứ Du-già⁷⁷⁷ để chánh học các học xứ: 1. Tín; 2. Dục; 3. Chánh cần; 4. Phương tiện.

[513c27] *Tín*: Là hai hành tướng và hai y xứ.

Hai hành tướng: 1. Hành tướng nhẫn khả⁷⁷⁸; 2. Hành tướng thanh tịnh.

Hai y xứ: 1. Y xứ quán sát đạo lý của các pháp; 2. Y xứ tín giải uy đức của các hạng bồ-đặc-già-la⁷⁷⁹.

Dục: Có bốn thứ dục: 1. Muốn chứng đắc; 2. Muốn vấn luận; 3. Muốn chứng tư lương; 4. Muốn tu phương tiện.

775 Cho thấy thiện căn đời trước rất quan trọng cho sự thành tựu thi-la.

776 Ba học thông với phạm phu và Thánh giả.

777 Du-già 瑜伽 (yoga): dịch nghĩa là tương ứng (thích ứng với nhau), chính yếu là chỉ và quán. Thành duy thức luận thuật ký, quyển 2, giải thích 5 nghĩa tương ứng sau đây: 1. Tương ứng với cảnh, vì tự tính của tất cả các pháp không trái nghịch nhau; 2. Tương ứng với hành, vì các hành tướng cùng tương ứng với định, tuệ v.v...; 3. Tương ứng với lý, vì lý của nhị đế, gồm an lập và phi an lập; 4. Tương ứng với quả, vì có khả năng đạt được quả vị Vô thượng bồ-đề; 5. Tương ứng với cơ, vì khi đã chứng đắc quả viên mãn rồi thì phải thực hiện lý tưởng lợi sinh, cứu người cứu vật tùy theo căn cơ, tùy bệnh cho thuốc. (No. 1830, tr. 272c6~12)

778 Hành tướng nhẫn khả = hành tướng tín thuận.

779 Xem quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, mục nói về bồ-đặc-già-la, tức 7 hạng hiền Thánh, 8 bậc Thánh giả, 6 hạng A-la-hán.



Muốn chứng đắc: Như một hành giả đối với thượng giải thoát khởi ý muốn chứng lạc. Đã nói rộng ở trên⁷⁸⁰.

Muốn vấn luận: Như một hành giả khởi ý muốn chứng lạc rồi, vào tăng-già-lam⁷⁸¹, đến chỗ của vị hữu thức, vị đồng phạm hạnh, bậc trí chánh hành để lắng nghe những gì chưa nghe, và những gì đã nghe thì trong sạch sáng tỏ.

Muốn chứng tư lương: Như có hành giả sống trong thi-la luật nghi thanh tịnh, ăn uống biết đủ, [ngủ nghỉ giảm bớt], giác ngộ phương tiện, chánh tri an trú, dần dà tăng tiến, khởi ý muốn chứng lạc.

Muốn tu phương tiện: Là sống trong phương tiện không ngưng nghỉ, phương tiện chí thành và sự tu Thánh đạo⁷⁸², sinh ý muốn ưa thích tác chứng lạc.

[514a11] *Chánh cần*: Là bốn thứ chánh cần: 1. Chánh cần vì nghe pháp; 2. Chánh cần vì tư duy; 3. Chánh cần vì tu tập; 4. Chánh cần vì chứng tịnh.

Chánh cần vì nghe pháp: Là lắng nghe những gì chưa nghe, và những gì đã nghe thì trong sạch sáng tỏ; thúc giục tâm [mạnh mẽ], gia hành tu tập những chỗ chưa hiểu rõ⁷⁸³.

Chánh cần vì tư duy: Theo pháp được nghe, một mình ở nơi vắng lặng, tư duy kỹ lưỡng⁷⁸⁴, quán sát nghĩa lý của chúng.

Chánh cần vì tu tập: Là ở nơi tĩnh thất, thường tu tập chỉ quán.

Chánh cần vì chứng tịnh: Là sạch các triền cái, ngày đêm tinh

780 Xem Phân biệt thuận pháp, phần Ý muốn mãnh liệt chứng lạc.

781 Tăng-già-lam 僧伽藍: Tăng viên, chúng viên, tăng viện, tự viện, chùa.

782 Xem Phân biệt thuận pháp, phần Tu tập chí thành không ngưng nghỉ.

783 Chánh văn là vị ủy xứ 未委處, chỗ chưa biết rõ, chỗ chưa thuần thực, chỗ chưa quen.

784 Chánh văn là tư duy xứng lượng 思惟稱量, như xứng lượng phân biệt, quán sát xứng lượng. Xứng lượng là suy xét tới lui cho kỹ sự lý.



cần kinh hành, ngồi yên tĩnh, thúc giục tâm [mạnh mẽ], gia hành tu tập những chỗ chưa hiểu rõ.

[514a19] *Phương tiện*: Có bốn thứ: (1) Do cái lực tăng thượng của sự thù hộ thi-la và sự thù hộ các căn làm cho luật nghi các căn được thanh tịnh⁷⁸⁵, khéo trú nơi niệm. (2) Do khéo trú nơi niệm nên có được sự không phóng dật, thù hộ nơi tâm, tu tập các thiện pháp. (3) Do không phóng dật làm cho nội tâm tương ưng với sự tu chỉ, và (4) có được tăng thượng tuệ để quán sát các pháp.

Bốn thứ Du-già như vậy được phân thành mười sáu hành. Trong đó, (1) do tín nên tin hiểu [sâu xa] các nghĩa nên biết; (2) do tin hiểu các nghĩa cần biết mà sinh khởi ý muốn tu tác các thiện pháp; (3) do ý muốn tu tác nên ngày đêm tinh cần, trú nơi sự thúc giục dũng mãnh, kiên cố; (4) do chánh cần nên nhiếp tu phương tiện làm cho đắc những nghĩa chưa đắc, ngộ những nghĩa chưa ngộ, chứng những nghĩa chưa chứng. Vì vậy bốn thứ pháp này gọi là Du-già⁷⁸⁶.

[514a29] (10) **Phân biệt tác ý**: Là bảy thứ tác ý: tác ý liễu tướng, tác ý thắng giải, tác ý viễn ly, tác ý nhiếp lạc, tác ý quán sát, tác ý gia hành cứu cánh và tác ý gia hành cứu cánh quả.

1. *Tác ý liễu tướng*: Do tác ý nên biết rõ thô tướng của Dục giới và tinh tướng của sơ tinh lự.

Thế nào là *sự biết rõ thô tướng của Dục giới*? Là sáu thứ tầm tư về tội lỗi của các dục: 1. Tầm tư nghĩa; 2. Tầm tư sự; 3. Tầm

785 Tạp A-hàm, kinh Tân-đầu-lô, số 1165: “Như Thế Tôn Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, là bậc Trí giả, Kiến giả, đã dạy các Tỷ-kheo: ‘Các ông nên giữ gìn các căn môn, khéo thu nhiếp tâm mình. Nếu mắt thấy sắc, chớ nắm bắt sắc tướng, chớ nắm bắt hình tướng tốt đẹp, mà tăng thêm sự chấp giữ. Nếu đối với mắt mà không an trụ với sự thúc liễm, những pháp ác bất thiện tham ưu thế gian sẽ lọt vào tâm mình. Cho nên các ông phải giữ gìn luật nghi của mắt. Đối tai và âm thanh, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp cũng lại như vậy... cho đến giữ gìn luật nghi của ý.’”

786 Bốn pháp này tương ưng (: du-già) với nhau, 4 trong 1, 1 trong 4, thành 16 hành.



tư tướng; 4. Tầm tư phẩm loại; 5. Tầm tư thời; 6. Tầm tư đạo lý.

[514b04] *Tầm tư thô nghĩa của các dục*: Là suy tìm các dục nhiều các tội lỗi, nhiều các lụy phiền, nhiều bệnh truyền nhiễm, nhiều thứ tai hại. Như vậy, các dục nhiều các tội lỗi, cho đến nhiều thứ tai hại, chính là thô nghĩa.

Tầm tư thô sự của các dục: Là hoặc ở nội tâm khởi lên tham muốn các dục, hoặc ở ngoại cảnh khởi lên tham muốn các dục.

[514b08] *Tầm tư tướng của các dục*: Là suy tìm tự tướng và cộng tướng của các dục.

(1) *Tầm tư tự tướng của các dục*: Đây là phiền não dục⁷⁸⁷, đây là sự dục⁷⁸⁸. Các dục như vậy hoặc tùy thuận lạc thọ, hoặc tùy thuận khổ thọ, hoặc lại tùy thuận bất khổ bất lạc thọ. *Tùy thuận lạc thọ*: là chỗ dựa của tham dục và chỗ dựa của tưởng điên đảo và tâm điên đảo⁷⁸⁹. *Tùy thuận khổ thọ*: là chỗ dựa của sân khuê và chỗ dựa của phẫn và hận. *Tùy thuận bất khổ bất lạc thọ*: là chỗ dựa của phú, não, cuồng, siểm, vô tâm, vô quý, và chỗ dựa của kiến điên đảo. Các dục như vậy hoặc có các thọ bạo ác đi theo với nó, hoặc có các thọ không bạo ác⁷⁹⁰ đi theo với nó. Như vậy gọi là tầm tư tự tướng của các dục.

(2) *Tầm tư cộng tướng của các dục*: Là suy tìm các dục là sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tắng

787 Phiền não dục: Loại phiền não này là sự thỏa thích về ái dục, trong đó có sự mắc dính, mài miệt trong những cái ưa thích. Sự ganh ghét, sự không vừa lòng và sự không tri túc làm động lực cho phiền não dục này.

788 Sự dục = vật dục: tức là sự ưa thích trong sắc, thanh, hương, vị, xúc, hay tài, sắc, danh, thực, thụ.

789 Có 3 thứ điên đảo: tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo. Tưởng điên đảo là nắm giữ các tướng của ngã pháp. Tâm điên đảo là ái lạc đối với tướng. Kiến điên đảo là kẻ đạc, chấp trước, kiến lập đối với tướng, còn gọi là phân biệt, nhận thức. Năm thức trước có tướng điên đảo; thức thứ 7 có tướng và tâm điên đảo; thức thứ 6 có đủ 3 điên đảo.

790 Du-già sự địa luận, quyển 33, tr. 465c18: cực ác phiền não = bạo ác thọ.



hội khổ, ngũ âm xí thanh khổ, bình đẳng theo đuổi, bình đẳng trói buộc [không chừa một ai]. Người thọ dụng các dục dù có đầy đủ các dục cũng nên hiểu rõ các dục là sinh khổ, lão khổ v.v... , các dục đầy đủ ấy cũng gây lạt biến hoại. Như vậy gọi là tầm tư cộng tướng của các dục.

[514b20] *Tầm tư phẩm loại của các dục*: Suy tìm các dục đều là phẩm loại “*roi xuống đen tối*”, ví như khúc xương khô cong vồng, như miếng thịt dơ, như bó đuốc cỏ khô, như hổ than hừng, như con trăn dữ, như cảnh trong mộng, như đồ dùng mượn xài, như cây nhiều trái⁷⁹¹. Lại nữa, suy tìm tất cả hữu tình, [đối với các dục,] chấp thọ truy cầu gây ra khổ, chấp thọ thân ái rời ly hoại gây ra khổ, chấp thọ không chán đủ gây ra khổ, chấp thọ không tự tại gây ra khổ, chấp thọ ác hành gây ra khổ. Lại đức Bạc-già-phạm nói: “*Ta nói tập cận các dục có năm tội lỗi: 1. Các dục có ít vị ngọt*⁷⁹²; 2. *Người tập cận các dục có nhiều khổ não, có nhiều tội lỗi; 3. Người tập cận các dục không biết chán đủ, không biết dừng nghỉ; 4. Người tập cận các dục thì các kết tăng trưởng; 5. Người tập cận các dục thì không việc ác [bất thiện nghiệp] nào không làm.*” Lại nữa, bậc thiện nhân thông tuệ chánh chí dùng vô lượng môn quở trách các dục, rằng các dục làm tăng thêm nhiễm ô, không biết chán đủ, chúng có đặc tánh chung là điên đảo, chẳng phải

791 Trung bộ kinh, kinh Ví dụ con rắn, số 22: “Ta đã thuyết các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn. Ta đã thuyết các dục được ví như khúc xương... Ta đã thuyết các dục được ví như miếng thịt... được ví như bó đuốc cỏ khô... được ví như hổ than hừng... được ví như con mộng... được ví như vật dụng cho mượn... được ví như trái cây... được ví như lò thịt... được ví như gậy nhọn... Ta đã thuyết các dục được ví như đầu rắn, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, và do vậy nguy hiểm càng nhiều hơn.” Xem giải thích các ví dụ ở Trung bộ kinh, kinh Potaliya, số 54.

792 Vị ngọt: Cảm giác thích thú hân hoan hay tâm lý hạnh phúc khi các giác quan của con người (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với các đối tượng cảm quan (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) tạo hân hoan, thích thú. Trung bộ kinh, Đại kinh khổ uẩn: “Này các Tỷ-kheo, thế nào là vị ngọt các dục? Này các Tỷ-kheo, có năm pháp tăng trưởng dục này: Các sắc pháp do nhãn căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả thức... các hương do tỷ căn nhận thức... các vị do thiệt căn nhận thức... các xúc do thân căn nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, tương ứng với dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, y cứ vào năm pháp tăng trưởng dục như vậy. Này các Tỷ-kheo, y cứ vào năm pháp tăng trưởng dục này, có lạc hỷ khởi lên, như vậy là vị ngọt các dục.” (HT. Thích Minh Châu dịch)



pháp hành, là nhân của các ác hành, làm tăng trưởng dục ái. Người trí xả ly các dục, mau chóng hủy diệt các duyên nương gá. Các dục chính là mảnh đất của sự phóng dật, có tánh vô thường, không thật, giả dối; là pháp đối trá, như huyễn ảo, như biến hóa, cảm dỗ, lừa gạt người ngu. Cái dục của hiện pháp⁷⁹³, cái dục của hậu pháp⁷⁹⁴, cái dục của cõi trời, cái dục của loài người, tất cả đều là việc làm của ma, trứ xứ của ma. Lại nữa, dựa vào các dục kia có thể làm cho tâm sinh vô lượng chủng loại ác bất thiện pháp, như tham lam, sân hận v.v... các pháp chướng ngại, tức các pháp mà chư Thánh đệ tử khi học các học xứ có thể bị chướng ngại. Như vậy là những tội lỗi sai biệt của các dục mà phần nhiều là do suy tìm các dục đều là phẩm loại “*roi xuống đen tối*”. Như vậy gọi là tầm tư phẩm loại của các dục.

[514c11] *Tầm tư thời của các dục*: Là suy tìm các dục ở đời quá khứ, hiện tại và vị lai thì thường hằng tiếp nối, nhiều các lụy phiền, nhiều thứ tai hại, nhiều các tội lỗi. Như vậy gọi là tầm tư thời của các dục.

[514c14] *Tầm tư đạo lý của các dục*: Các dục này có được là do đồ dùng thừa thải, nhu cầu lớn lao và công lao nhọc nhằn; lại do nhiều loại công xảo nghiệp xứ mới được thành lập hoàn bị, sinh khởi tăng trưởng. Tuy các dục này tăng trưởng thành mãn nhưng đều là đồ dùng sinh hoạt thuộc bên ngoài, nên theo quy luật cũng sẽ nhanh chóng tan rã, hoại diệt. Lại nữa, cha mẹ, vợ con, nô tỳ, người làm công, bạn bè, quan chức, anh em, thân tộc v.v... tuy tạm thời tập hội nhưng không bao lâu cũng tan rã, hoại diệt. Lại nữa, nội thân có sắc thô trọng, do

793 Ngoại đạo có thuyết chủ trương hưởng thụ khoái lạc ngũ dục ở hiện tại là Niết bàn.

794 Ngoại đạo có thuyết chủ trương khổ hạnh, giữ giới cấm để mong đời sau hưởng được dục lạc giải thoát.



bổn đại tạo thành, nhờ cơm cháo mà lớn, thường bài tiết dơ bẩn, phải tắm rửa, xoa bóp v.v... tuy tạm thời xoa dịu khổ não sinh ra nhưng thân ấy rốt cuộc cũng là pháp tan rã, hoại diệt. Vì đối trị khổ não đói khát nên thọ dụng các thứ ẩm thực; vì đối trị cái khổ lạnh nóng và che đậy những chỗ đáng xấu hổ nên thọ dụng y phục từ cảm thú; vì đối trị khổ bức buồn ngủ và cái khổ đi đứng mệt mỏi nên thọ dụng các đồ nằm; vì đối trị các khổ bệnh tật thọ dụng các thuốc men. Tóm lại, các dục đều là đối trị cái khổ, không nên tham trước mà thọ dụng chúng, [chỉ nên chánh niệm]. Ví như người bị bệnh ngặt nghèo, khổ sở, vì muốn chữa trị nên uống đủ loại thuốc: hoặc dựa vào Thánh giáo để suy tìm thô tướng của các dục là như vậy, như vậy, hoặc bên trong phát khởi tự trí kiến, hoặc suy tìm đạo lý tùy thuận, hoặc suy tìm tự tánh của các dục. Lại nữa, các dục từ vô thủy đến nay bản tánh thô uế⁷⁹⁵ thành tựu, là pháp tánh bất tư nghị, là pháp tánh không nên tư nghị, không nên phân biệt. Như vậy gọi là tâm tư đạo lý của các dục.

Như vậy là sự biết rõ sáu thứ thô tướng của các dục ở Dục giới.

Lại nữa, *sự biết rõ tinh tướng của sơ tinh lự*: Là ở trong sơ tinh lự không có những tướng cực thô trọng của Dục giới. Do lìa thô tướng của các dục ở trên, gọi là tinh tướng của sơ tinh lự. Như vậy gọi là sự biết rõ tinh tướng của sơ tinh lự.

Do tác ý định địa nên biết rõ thô tướng của Dục giới và tinh tướng của sơ tinh lự, gọi là tác ý liễu tướng. Trong sự tác ý này có văn tuệ và tư tuệ xen lẫn, nên biết.

[0515a07] 2. *Tác ý thắng giải*: Như sự suy tìm ở trên, biết rõ thô tướng của Dục giới và tinh tướng của sơ tinh lự, nhưng không bị văn tuệ và tư tuệ xen lẫn, thuận khởi tu hành, thắng giải duyên với các

795 Pháp nhĩ = bản tánh thô uế.



tướng thô và tĩnh, tu tập chỉ và quán. Khi tu tập, theo sự suy tìm các tướng thô và tĩnh mà khởi lên các thắng giải, đó gọi là tác ý thắng giải.

[515a12] 3. *Tác ý viễn ly*: Là từ tác ý thắng giải nên [khéo tu, khéo tập,] khéo nhiều tu tập, vì muốn đoạn trừ sơ phần phiền não mà khởi đạo năng đối trị. Đoạn phiền não và đạo năng đối trị cùng sinh khởi gọi là tác ý viễn ly.

4. *Tác ý nhiếp lạc*: Đã đoạn được sơ phần phiền não ở Dục giới và đã viễn ly tánh thô trọng của phiền não phẩm, từ đó về sau khởi hỷ lạc đối với sự đoạn và sự viễn ly để được thắng phẩm. Lại ở trong chỗ đoạn thấy công đức thù thắng, chứng ít phần hỷ lạc của sự viễn ly. Ở trong mọi thời gian dùng tác ý tịnh thắng mà tự vui mừng, vì muốn đoạn trừ sự trói buộc của hôn trầm, thụy miên, trạo cử, đó gọi là tác ý nhiếp lạc.

5. *Tác ý quán sát*: Do vui với sự đoạn, vui với sự tu như vậy rồi, tiếp theo chánh tu phương tiện để gìn giữ thiện phẩm, làm cho các phiền não trói buộc ở Dục giới hệ, khi đi, khi đứng, không còn hiện hành nữa. Hành giả tư duy rằng: “*Trong cái thân này, tôi có tham dục hay không có tham dục, làm sao không có chấp thọ khi đối diện với các cảnh dục?*” Quán sát về mình rồi, tùy theo một cảnh [khả ái] nào đó, tác ý tư duy về sắc thái thanh tịnh thắng diệu, đó là do vị hành giả ấy chưa đoạn tận các tùy miên. Khi tác ý tư duy về sắc thái thanh tịnh thắng diệu, tùy thuận tâm nhiễm tập, tâm hướng đến nhiễm tập, tâm đi đến nhiễm tập, không trú nơi xả, cũng không chán bỏ, chế phục trái nghịch. Bấy giờ hành giả tự tri như vậy: “*Tôi đối với các dục chưa chánh viễn ly, tâm chưa giải thoát. Hoạt động của các dục trói giữ tâm tôi. Chế phục các pháp như thế đó, giống như nắm bắt nước. Nay tôi nhất định phải tu đạo năng trị nhiều hơn nữa, để các tùy miên còn lại*



được đoạn trừ không sót.” Vui mừng hơn nữa trong sự thắng đoạn và sự thắng tu, đó gọi là tác ý quán sát.

[515b02] 6. *Tác ý phương tiện cứu cánh*: Tu nhiều hơn nữa thì càng vui với sự đoạn, vui với sự tu để tu tập chỉ và quán. Song tu chỉ quán thì thường xuyên quán sát, như vậy là hành giả tu tập đối trị: thường xuyên quán sát tùy miên đã đoạn và chưa đoạn, làm cho tâm viễn ly sự trói buộc của phiền não ở Dục giới. Tùy miên tạm thời được chế phục, viễn ly nhưng chưa phải là hoàn toàn nhỏ sạch chủng tử [của phiền não]. Bấy giờ, trước sơ tĩnh lự địa, hành giả đã được đạo phương tiện một cách rõ ràng, sinh khởi tác ý đối trị tất cả phiền não, gọi là tác ý phương tiện cứu cánh.

[515b08] 7. *Tác ý phương tiện cứu cánh quả*: Do nhân duyên ở trên mà từ đây trở về sau tác ý không có gián đoạn, chứng nhập căn bản định sơ tĩnh lự, tức tác ý câu sinh với căn bản định sơ tĩnh lự, gọi là tác ý phương tiện cứu cánh quả.

Giống như sơ tĩnh lự có bảy thứ tác ý, như vậy đệ nhị tĩnh lự, đệ tam tĩnh lự, đệ tứ tĩnh lự, Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi tưởng phi phi tưởng xứ định, theo chỗ thích ứng của mỗi định, phải nên biết hết.

[515b13] Lại nữa, thô tướng: Là ở tất cả hạ địa, từ Dục giới cho đến Vô sở hữu xứ, có các pháp hạ địa mà đáng yếm ly, lược có ba thứ: 1. Cực khổ trú tánh; 2. Cực bất tịch tĩnh trú tánh⁷⁹⁶; 3. Cực đoan mạng trú tánh.

[515b17] (11) **Phân biệt dẫn phát**: Là bốn thứ dẫn phát: 1.

796 Bất tịch tĩnh tánh: Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp tập luận, quyển 6: “Bất tịch tĩnh tánh là cộng tướng của các phiền não, có 6: 1. Tán loạn bất tịch tĩnh tánh; 2. Diên đảo bất tịch tĩnh tánh; 3. Trạo cử bất tịch tĩnh tánh; 4. Hôn trầm bất tịch tĩnh tánh; 5. Phóng dật bất tịch tĩnh tánh; 6. Vô sĩ bất tịch tĩnh tánh.” (tr. 722c20~23)



Dẫn phát đắc quả; 2. Dẫn phát ly dục; 3. Dẫn phát chuyển căn; 4. Dẫn phát thắng đức.⁷⁹⁷

[515b19] (12) **Phân biệt vấn đáp**: Là phân biệt vô lượng môn vấn đáp, nay xin hiển thị một chút.

Hỏi: Về tăng thượng giới học, thế nào là không thanh tịnh, thế nào là thanh tịnh?

Đáp: Có mười nguyên nhân làm cho giới không thanh tịnh: 1. Ban đầu thọ thi-la luật nghi không đúng pháp⁷⁹⁸; 2. Tâm rất chùng xuống⁷⁹⁹; 3. Tâm rất hời hợt⁸⁰⁰; 4. Phóng dật, giải đãi; 5. Phát khởi tà nguyện; 6. Vi phạm phép tắc; 7. Vi phạm tà mạng; 8. Rơi vào hai bên; 9. Không thể xuất ly; 10. Trái vượt những gì đã thọ.

[515b25] *Ban đầu thọ thi-la luật nghi không đúng pháp*: Như có một người hoặc trốn tránh sự bức nã của vua, hoặc trốn tránh sự bức nã của giặc cướp, hoặc trốn tránh sự bức nã của chủ nợ, hoặc chịu sự bức nã của sợ hãi, hoặc sợ không nuôi nổi bản thân v.v... nên xuất gia thọ giới. Người ấy xuất gia thọ giới mà không vì mong cầu tu tập Thánh đạo, không vì thanh tịnh phạm hạnh, không vì tự điều phục, không vì tự tịch tĩnh, không vì tự niết

797 Du-già sư địa luận, quyển 100: “Du-già sư có 5 gia hành: 1. Vì muốn chứng nhập chánh tánh ly sinh; 2. Vì đắc thượng quả; 3. Vì tiến tới ly dục; 4. Vì muốn chuyển căn; 5. Vì dẫn ra công đức.” (tr. 881a14~16)

798 Luật Tứ phần quy định, trước khi bạch Yết-ma cho thọ Cụ túc giới, Tăng phải khảo hạch 13 Giới nạn. Một giới tử nếu có một trong 13 giới nạn này thì không thể thành tựu mục tiêu phạm hạnh nên không được phép thọ cụ túc giới. Ngoài ra, giới tử còn bị thẩm tra 10 khinh nạn, vì do 10 điều này không phải là pháp chướng ngại pháp, nhưng đó là những mối ràng buộc bản thân với gia đình và xã hội mà giới tử cần phải giải quyết xong trước khi xuất gia tu tập. Việc nghiệm xét tư cách của giới tử như thế sẽ có tác động mạnh mẽ cho sự phát sinh giới thể vô biểu. Sự thành tựu của pháp Yết-ma (Yết-ma như pháp) cũng có vai trò quan trọng trong sự phát sinh giới thể vô biểu này. Trước khi tiến hành bạch Tứ Yết-ma thọ cụ túc giới, có một số thủ tục cần phải tiến hành đúng pháp thì Yết-ma mới thành tựu. Có 4 điều kiện để Yết-ma thành tựu, đó là: 1. Giới trường thành tựu; 2. Sự thành tựu; 3. Tăng thành tựu; 4. Yết-ma thành tựu.

799 Trầm hạ 沈下.

800 Phù tán 浮散.



bàn. Những trường hợp như vậy gọi là thọ thi-la luật nghi không đúng pháp.

[515c02] *Tâm rất chùng xuống*: Như có một người không biết hổ thẹn, kém ít tâm hối hận, có tánh ngã mạn đối với các học xứ, ngã mạn trong tu tập, gọi là tâm rất lún xuống.

Tâm rất hời hợt: Như có một người không hợp đạo lý chấp giữ những gì đã thọ, không phải chỗ sinh hối hận, đối với chỗ không nên hối hận lại sinh hối hận, cho nên đối với người khác, sinh tâm khinh miệt và tâm gây tổn thương, không đúng chỗ tự cho mình hiểu biết, quen tánh không bỏ, gọi là tâm rất hời hợt.

Phóng dật, giải đãi: Như có một người ở đời quá khứ đã có hủy phạm [thi-la], do không chánh niệm nên khởi sự đối trị không đúng pháp. Cũng vậy, đời hiện tại, đời vị lai mà có hủy phạm [thi-la], do không chánh niệm nên khởi sự đối trị không đúng pháp. Trước khi hủy phạm cũng không khởi ý muốn mãnh liệt là sẽ không hủy phạm những cấm giới đã thọ: “*Tôi nguyện sẽ như vậy, như vậy hành trì, như vậy, như vậy an trú. Những gì nên hành trì, những gì nên an trú, tôi nguyện không hủy phạm.*” Lại nữa, trong sự hành trì như vậy, sự an trú như vậy, những gì có thể bị hủy phạm mà đã hủy phạm, người ấy ở đời trước, đời này và đời sau, ở thời gian trước khi làm, và ở thời gian cùng tùy hành, [tất cả thời điểm] đều hiện hành, thành tựu nơi phóng dật. Lại chấp thụy miên và nghỉ ngơi, lấy đó làm niềm vui; xao lãng, biếng nhác, không ưa muốn tu tập, bản thân không hiến cúng và phụng hầu bậc trí phạm hạnh, như vậy gọi là tâm phóng dật, giải đãi.

[515c18] *Phát khởi tà nguyện*: Như có một người tu hành phạm hạnh nhưng phát khởi tà nguyện: “*Tôi nay tu phạm hạnh, giữ cấm giới, sẽ làm thiên chủ, hoặc làm vị trời khác.*” Hoặc lại ưa muốn



lợi dưỡng, tôn kính, nghĩa là cầu các lợi dưỡng và sự tôn kính từ người khác, hay chỉ nguyện chứng lợi dưỡng, tôn kính. Như vậy gọi là phát khởi tà nguyện.

Vi phạm phép tắc: Như có một người đối với các uy nghi, hoặc đối với sự làm việc, hoặc đối với những phương tiện tu tập thiện phẩm, đã giải thích ở trên⁸⁰¹, hề có những chánh hành nào mà trái với thế gian và tỳ-nại-da, như vậy gọi là vi phạm phép tắc.

[515c25] *Vi phạm tà mạng*: Như có một người mà bản tánh rất ham muốn và không biết đủ, khó cung dưỡng, khó thỏa mãn, đem sự phi pháp chứ không lấy chánh pháp để tìm cầu y phục, ẩm thực, đồ nằm, đồ ngồi, thuốc men chữa bệnh và các đồ dùng khác. Người này đem nhân duyên, phương tiện bày tỏ công đức của mình để tìm cầu y phục, ẩm thực v.v..., cho nên ở trước người khác đối hiện uy nghi chứ không phải bản tánh và thói quen thường ngày. Lại thể hiện các căn tịch tĩnh, không có xao động, với ý làm cho người khác nghĩ mình có đức độ, sẽ làm sự bố thí, thừa sự, cung cấp y phục, ẩm thực, đồ nằm, đồ ngồi, thuốc men chữa bệnh và các đồ dùng khác. Lại nữa, người này hình mạo xảo trá, hung dữ; phát ngôn lỗ mãng, không biết kiêng dè; trang sức thân thể, xưng dương tên mình và chũng tánh. Hoặc có người cầu đa văn, nắm vững giáo pháp chỉ để được lợi dưỡng và cung kính, thay vì giảng giải cho người giáo pháp mà Phật và các Thánh đệ tử của Phật tuyên thuyết. Hoặc có người tự nói mình thật có công đức, hoặc làm được chút lợi ích, hoặc bày dị tướng để người xưng tụng, tất cả chỉ vì cầu nhiều và tốt cho những y phục, ẩm thực và các loại đồ dùng của

801 Xem Phân biệt sự sai biệt của tăng thượng giới học, mục Đầy đủ phép tắc.



sa-môn. Lại có người dù không thiếu thốn y phục nhưng cố tình ăn mặc rách rưới để cho các vị trưởng giả, cư sĩ tin rằng mình thiếu thốn, bèn hiến cúng y phục nhiều và tốt. Cũng như y phục, người này cũng cố tình bày vẻ đối với ẩm thực và các loại đồ dùng nuôi mạng của sa-môn. Lại ở chỗ của các vị trưởng giả, bà-la-môn có tâm tín kính, hoặc có được tài vật nhưng không vừa ý, hoặc không được gì cả, vì là tài vật đang dùng không thể cho, người này liền bức xúc trách móc hay đòi hỏi; hoặc được tài vật xấu kém thì khinh chê trả lại, đối trước thí chủ nói lời thế này: “Ô kìa, thiện nam tử! Có thiện nam tử, thiện nữ nhân khác, so với ông thì tộc tánh thấp kém, tài vật túng thiếu, vậy mà họ có thể thí xả tài vật tốt đẹp, vừa ý như vậy. Còn ông, so với họ, tộc tánh cao thẳng, giàu có tài sản, lại bố thí cho tôi tài vật thô xấu thế này mà coi được sao?” Đại loại những lời như vậy. Hoặc dựa vào sự đối hiện uy nghi, hoặc dựa vào sự bức xúc trách móc, hoặc dựa vào lời nói phi pháp, hoặc dựa vào sự so sánh lợi ích, dẫn đến cái lợi phi pháp trong sự tìm kiếm y phục, ẩm thực, đồ nằm, đồ ngồi, thuốc men chữa bệnh và các đồ dùng khác, chứ không lấy sự tìm cầu chánh pháp, đó là tà mạng. Như vậy gọi là vi phạm tà mạng.

[516a24] *Rơi vào hai bên*: Như có một người đắm ưa thọ dụng các dục diệu lạc, từ người mà có được y phục, ẩm thực, đồ nằm, đồ ngồi, thuốc men chữa bệnh và các đồ dùng khác, hoặc đúng như pháp, hoặc không đúng như pháp, không thấy tội lỗi, không biết xuất ly, mà thọ dụng chúng, đó là một bên. Lại như có một người tự tu khổ hạnh, vô lượng các sự khổ bức bách thân thể, tiếp nhận và thực hành các giới cấm cực khổ, hoặc nằm trên công



gai, hoặc nướng thân bên lửa nóng, hoặc nằm trên chiếc chày, hoặc nằm nơi tám ván, hoặc xâu các đầu lâu người chết lại thành vòng, hoặc đứng co một chân, hoặc ngồi xồm cả ngày đêm, hoặc cúng thờ thần lửa một ngày ba lần, hoặc trầm mình trong nước một ngày ba lần, hoặc co một chân nhìn sững mặt trời chuyển động. Những lối tu khổ hạnh đại loại như vậy là một bên thứ hai. Như vậy gọi là rơi vào một bên.

[516b04] *Không thể xuất ly*: Như có một người chấp kiến về thi-la và những giới cấm khác, nghĩa là chỉ tu tập thi-la, giới cấm thì sẽ được thanh tịnh giải thoát xuất ly. Lại nữa, có người chấp kiến về giới cấm của các ngoại đạo nếu khéo gìn giữ, khéo làm sạch thì sẽ được thanh tịnh giải thoát xuất ly. Hai kiến chấp như vậy không phải là sự thanh tịnh cứu cánh nên không thể xuất ly. Đó gọi là không thể xuất ly.

Trái vượt những gì đã thọ: Như có một người không biết xấu hổ, không hề quan tâm, quý mến những luật nghi phép tắc của sa-môn, hủy phạm giới cấm, làm các pháp ác, nội tâm hư mục, theo thói hạ lưu, như loài ốc sên hôi dơ, như tiếng thổi tù và, sống theo hạnh con chó, thật chẳng phải sa-môn mà tự xưng là sa-môn, thật chẳng phải là phạm hạnh mà tự xưng là phạm hạnh.⁸⁰² Như vậy gọi là trái vượt những gì đã thọ.

802 Tạp A-hàm, kinh Khúc gỗ trôi, số 1174: “Phật bảo Tỳ-kheo: Bờ bên này là sáu nhập xứ. Bờ bên kia là sáu ngoại nhập xứ. Bị người vớt lấy là như người nào gắn gũi với người thế tục, hay với người xuất gia; nếu gặp chuyện sướng, khổ, buồn, vui và những việc làm của họ, tất cùng cùng họ cộng đồng. Đó gọi là bị người vớt lấy. Bị phi nhân giữ lại là như có người nào nguyện tu phạm hạnh, rằng: ‘Nay ta trì giới, khổ hạnh, tu các phạm hạnh để được sanh lên các cõi trời.’ Đó gọi là bị phi nhân giữ lại. Bị dòng nước xoáy là như có người nào hoàn giới thoái chuyển. Hư mục là phạm giới, hành các pháp bất thiện, hủ bại, ít học, giống như cỏ dại, như tiếng thổi tù và. Họ không phải là Sa-môn mà giống Sa-môn, không phải là Phạm hạnh mà giống Phạm hạnh. Như vậy, Tỳ-kheo, đó gọi là không vướng bờ bên này, không vướng bờ bên kia, không bị chìm, không mắc bãi cù lao, không vào dòng nước xoáy, cũng không bị người vớt lấy, phi nhân không giữ lại, cũng không bị mục, vì ấy sẽ theo dòng nước mà xuôi về, rút về, đổ về Niết-bàn.” (Thích Tuệ Sỹ dịch) Về hạnh con chó thì xem Trung bộ kinh, kinh Hạnh con chó, số 57.



Đây là mười nguyên nhân làm cho tăng thượng giới học không thanh tịnh. Ngược lại với đây là tăng thượng giới học thanh tịnh.

[516b14] Hỏi: Tăng thượng tâm học là nghĩa thanh tịnh hay là nghĩa không thanh tịnh?

Đáp: Như trong phẩm Nhiếp sự nói đến sự thanh tịnh của tính lý⁸⁰³.

Lại do sự thanh tịnh của tăng thượng tâm học mà nói tăng thượng tuệ học là thanh tịnh, nên biết.

Đại loại như vậy những sự vấn đáp, trong đó phân biệt có vô lượng vô biên nghĩa lý chuẩn mực, nên biết.

[516b17] 4. **Bồ-đề**.⁸⁰⁴ Phân biệt có năm thứ: 1. Chủng tánh bồ-đề; 2. Phương tiện bồ-đề; 3. Thời gian bồ-đề; 4. Chứng giác bồ-đề; 5. Giải thoát bồ-đề.

[516b19] *Chủng tánh bồ-đề*: Thanh văn bồ-đề dựa vào chủng tánh độn căn; Độc giác bồ-đề dựa vào chủng tánh trung căn; Vô thượng chánh đẳng bồ-đề dựa vào chủng tánh lợi căn.

[0516b21] *Phương tiện bồ-đề*: Thanh văn bồ-đề do phương tiện thiện xảo tu hành sáu xứ⁸⁰⁵; Độc giác bồ-đề do phương tiện thiện

803 Phần Kiến lập định.

804 Kệ tụng: Văn, quy, học, bồ-đề / Sáu, ba, mười hai, năm. (Quyển 6)

805 Chư vị Thanh văn quán sát 6 nhập xứ (gồm có nội lục nhập là 6 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, và ngoại lục nhập là 6 cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) là vô thường, khổ, không, phi ngã, là pháp nghiệp hư dối, pháp tàn hoại, pháp sinh, già, bệnh, chết, sầu lo, phiền não, là pháp tập khởi, pháp diệt tận, là pháp biết, pháp phân biệt, pháp dứt trừ, pháp giác, pháp chứng, là ma, thể lực của ma, tất cả đang bùng cháy, từ đó phát sinh chánh kiến, chánh tư duy, khiến tâm yếm ly, do yếm ly mà ly hỷ tham, dứt sạch kết sử, đoạn trừ tất cả những hệ phược, phiền não, cấu uế, dứt sạch tà kiến, đoạn trừ vô minh, làm cho minh sinh, kiến tâm giải thoát, thắng đến Niết bàn. Du-già sư địa luận, quyển 21: "Tự thể của chủng tánh Thanh văn y trên sáu xứ." (tr.395c24) Du-già luận ký, quyển 6: "Chúng tử của Thanh văn không có hình thái nào khác ngoài sáu xứ. Tức chính phần vị thù thắng của sáu xứ nơi chủng loại của thân mà có chúng tử." (No. 1828, tr.431a12) Sáu xứ là sự triển khai chi tiết từ 5 uẩn. Dòng luận hồi chỉ là sự diễn tiến không gián đoạn của danh sắc, tức 5 uẩn, 12 xứ hay 18 giới. Trong Tập A-hàm, lục nhập xứ nằm rải rác trong các quyển 8 (kinh số 188-229), quyển



xảo phần nhiều tu hành duyên khởi sâu xa; Vô thượng chánh đẳng bồ-đề do phương tiện thiện xảo tu hành năm minh xứ⁸⁰⁶.

[516b24] *Thời gian bồ-đề*: Thanh văn bồ-đề thì tối thiểu ba đời⁸⁰⁷ tu hành mà được; Độc giác bồ-đề do một trăm đại kiếp⁸⁰⁸ tu hành mà được; Vô thượng chánh đẳng bồ-đề do ba đại kiếp a-tăng-xí-da⁸⁰⁹ tu hành mà được.

[516b27] *Chứng giác bồ-đề*: Thanh văn bồ-đề thì chứng giác do thầy chỉ dẫn; Độc giác bồ-đề thì thế nguyện lợi mình nên chứng giác không nhờ thầy; Vô thượng chánh đẳng bồ-đề thì lợi mình và lợi người nên chứng giác bằng vô sư trí.

9 (kinh số 230-255), quyển 11 (kinh số 273-282), quyển 13 (kinh số 304-342) và quyển 43 (kinh số 1164-1177). Trong Trung bộ kinh thì xem kinh Chánh tri kiến (số 9), kinh Niệm xứ (số 10), kinh Phân biệt sáu xứ (số 137), Đại kinh sáu xứ (số 149).

806 Năm minh xứ: 1. Nội minh: Phật học, triết học; 2. Nhân minh: Luận lý học; 3. Thanh minh: Ngôn ngữ học; 4. Y minh: Y học; 5. Xảo minh: Khoa học kỹ thuật, nghệ thuật. Biết năm minh luận này gọi là biết các pháp đề lợi mình và lợi người. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, quyển 10: "Biết nội minh luận là bản thân tu tập Phật pháp và vì người giảng nói Phật pháp. Biết nhân minh luận là trình bày nghĩa lý của mình và chiết phục nghĩa lý của người. Biết thanh minh luận là bản thân thông thạo về ngôn ngữ, âm thanh để người tin tưởng, tiếp nhận. Biết y minh luận là (có kiến thức về y lý, thuốc men) để chữa bệnh cho người. Biết xảo minh luận là (biết biểu hiện, sáng tạo cái tốt và cái đẹp) để cho người hiểu." (tr. 641c10~12)

807 Thường gọi là tam sinh đắc giải thoát, tức 3 lần tái sinh thì được giải thoát. Luận Câu-xá, quyển 23, phẩm Phân biệt hiện thánh: "Thuận quyết trạch phần ở đời này sanh khởi thì ắt đời trước đã sanh khởi thuận giải thoát phần. Ở trong các hữu gieo trồng thuận giải thoát phần, (tu tập) cực kỳ mau chóng thì ba đời được giải thoát, nghĩa là: đời đầu tiên khởi thuận giải thoát phần, đời thứ hai khởi thuận quyết trạch phần và đời thứ ba nhập thánh đạo, cho đến được giải thoát. Giống như sự gieo hạt, tăng trưởng và cho quả là ba giai đoạn khác nhau, cũng vậy, bản thân nhập vào pháp tánh, thành thực và giải thoát là ba giai đoạn khác nhau."

808 Luận Câu-xá phân ra hai loại Độc giác: 1. Hành giả từng tu theo Thanh văn thừa, đã chứng ba quả vị Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn, rồi tạm rời xa Phật, một mình tự tu tự ngộ để đạt quả vị A-la-hán, gọi là Bộ hành Độc giác; 2. Hành giả chỉ ở một mình, tự tu tập, trải qua một trăm đại kiếp, tích tụ công đức, cuối cùng được giác ngộ, gọi là Lân giác Độc giác. Xem ở trên, phần Lý thú chứng đắc, mục Chứng đắc của Độc giác thừa.

809 Tức 3 a tăng kỳ đại kiếp = 3 vô số kiếp: Vô số kiếp thứ nhất là giai đoạn giải hành (gồm 10 trú, 10 hạnh, 10 hướng, 4 da hành). Vô số kiếp thứ hai có 2 giai đoạn: giai đoạn hữu tướng hành (địa thứ 1 đến địa thứ 6) và giai đoạn vô tướng hành (địa thứ 7). Vô số kiếp thứ ba là giai đoạn vô công dụng hành (địa thứ 8 đến địa thứ 10).



[516c01] *Giải thoát bồ-đề*: Thanh văn bồ-đề và Độc giác bồ-đề sở chứng chuyển y thì giải thoát phiền não chướng, thuộc về giải thoát thân⁸¹⁰. Vô thượng chánh đẳng bồ-đề sở chứng chuyển y thì giải thoát tất cả phiền não chướng và sở tri chướng, gồm đủ giải thoát thân và pháp thân⁸¹¹.

810 Một trong 3 thân theo kinh Giải thâm mật. Bản thân mà Thanh văn và Độc giác thành tựu do chuyển y, gọi là giải thoát thân. Kinh Giải thâm mật, quyển 5, phẩm Phật sự: “Bạch đức Thế tôn, chuyển y của Thanh văn và Độc giác được gọi là pháp thân không? Thiên nam tử, không. Bạch đức Thế tôn, vậy nên gọi là gì? Thiên nam tử, nên gọi là giải thoát thân. Do giải thoát thân nên nói Thanh văn, Độc giác cùng với Như lai rất bình đẳng, nhưng do pháp thân nên có khác biệt. Pháp thân Như lai khác biệt là vì có vô lượng công đức vừa tối thắng vừa khác biệt, toán số ví dụ không thể diễn tả.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

811 Tiểu thừa chỉ cần tịnh trừ phiền não mà chứng giải thoát thân, nhưng đại thừa thì ngoài giải thoát thân, mục đích chính là pháp thân (trí thân). Đại thừa nếu không vì mục đích lợi ích chúng sinh thì chỉ cần nói giải thoát, gần như không có nhu cầu gì để nói đến giác ngộ. Thế nên các vị Bồ tát mà thỏa mãn với giải thoát thì đó chính là chướng ngại. Tuệ giác mà Bồ tát cần thành thực là tuệ giác Vô thượng. Niếp luận ghi: “Chúng tử chánh văn huân tập bậc thấp, bậc vừa và bậc cao này, nên biết nó cũng là chúng tử của pháp thân, trái ngược với a lại da, không phải thân tạng nơi a lại da, bởi vì nó là sự đặng lưu của pháp giới xuất thế tối thanh tịnh, tuy đang còn là thế gian mà đã là chúng tử của tâm xuất thế. Cái tâm xuất thế này lúc chưa phát sinh mà đã có khả năng đối trị mọi phiền não, đã có khả năng đối trị mọi nẻo đường ác, đã có khả năng đối trị những ác nghiệp xấp mực, đã có khả năng tùy thuận, gặp gỡ và phụng sự đối với chư vị Phật đà, chư vị Bồ tát. Tuy còn là thế gian, mà phần bồ tát sơ nghiệp có được thuộc về giải thoát thân và pháp thân, còn phần thanh văn duyên giác có được chỉ thuộc về giải thoát thân.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Tám

Phẩm Hai

NHIẾP TỊNH NGHĨA (Phần 4)

[516c13] Như vậy là đã phân biệt về sự lắng nghe, quy y, ba học và bồ-đề.

Lại nữa, kệ tụng:

Thánh hành, vô thượng thừa

Đại bồ-đề, công đức

Di luận, luận pháp, thích

Mỗi danh có nhiều thứ. (kệ 10)

[516c16] Luận giải: **Thánh hành có nhiều thứ**: Là bốn thứ Thánh hành: 1. Hành đến-bờ-bên-kia; 2. Hành bồ-đề phân; 3. Hành thân thông; 4. Hành thành thực hữu tình.

Hành đến-bờ-bên-kia: Như trước đã nói, là mười ba-la-mật-đa gọi là hành đến-bờ-bên-kia.

Hành bồ-đề phân: Như trước đã nói, là ba mươi bảy pháp giác phân: bốn niệm trú, bốn chánh đoạn v.v..., bốn thứ tâm tư và bốn thứ như thật biên trí gọi là hành bồ-đề phân.

Hành thân thông: Như trước đã nói, là sáu thứ thân thông gọi là hành thân thông.

Hành thành thực hữu tình: Như trước đã nói, là hai thứ vô lượng: 1. Vô lượng đối tượng điều phục; 2. Vô lượng phương tiện điều



phục. Lại có sáu thứ thành thực: 1. Tự thể thành thực; 2. Bồ-đặc-già-la sở thành thực; 3. Sai biệt thành thực; 4. Phương tiện thành thực; 5. Bồ-đặc-già-la năng thành thực; 6. Sắc thái của bồ-đặc-già-la đã thành thực.⁸¹² Như vậy gọi là hành thành thực hữu tình.

[516c29] **Vô thượng thừa có nhiều thứ:** Là năm thứ đại thừa: 1. Chúng tử đại thừa; 2. Thú nhập đại thừa; 3. Thứ đệ đại thừa; 4. Chánh hành đại thừa; 5. Chánh hành quả đại thừa. Theo thứ tự như trên, trong Bồ-tát địa là: phẩm Chúng tánh, phẩm Sơ phát tâm, phẩm Thiền trú⁸¹³, các phẩm khác, và hai phẩm: phẩm Đại bồ-đề và phẩm Kiến lập.⁸¹⁴

Đại bồ-đề có nhiều thứ: Là năm thứ đại bồ-đề: 1. Tự tánh của bồ-đề; 2. Công dụng của bồ-đề; 3. Phương tiện của bồ-đề; 4. Chuyển của bồ-đề; 5. Diệt của bồ-đề.

812 Xem Du-già sư địa luận, quyển 37, Bản địa phần, Bồ tát địa (địa 15), phẩm Thành thực thứ 6, tr. 496b24-498c11.

813 Du-già sư địa luận, Bồ tát địa, phẩm thiền trú, quyển 47 – 48, bàn về 12 loại thiền trú (cộng thêm 1 thiền trú của riêng chư Phật): (1) Chúng tánh trú (gotra-stha-avasthāna); (2) Thắng giải hành trú (adhimokṣa); (3) Cực hoan hỷ trú; (4) Tăng thượng giới trú (adhi-sīla); (5) Tăng thượng tâm trú (adhi-citta); [6- 8 thuộc về Tăng thượng tuệ] (6) Giác phân tương ưng tăng thượng tuệ trú; (7) Chư đế tương ưng tăng thượng tuệ trú; (8) Duyên khởi luân chuyển chỉ tức tương ưng tăng thượng tuệ trú; (9) Hữu gia hành hữu công dụng vô gián khuyết đạo vận chuyển vô tướng trú; (10) Vô gia hành vô công dụng vô gián khuyết đạo vận chuyển vô tướng trú – Được gọi là tuệ vô phân biệt đối với chân như của các pháp. Sau khi đạt được các thiền trú trước, Bồ tát từ đây tu tiến không gián đoạn. (11) Vô ngại giải trú – Bồ tát chứng quả Bồ-đề bằng trí tuệ thanh tịnh bất động; (12) Tối thượng thành mãn Bồ tát trú – Với trí tuệ Chánh đẳng giác, Bồ tát có thể làm những việc chư Phật có thể làm. (13) Các đức Phật có một thiền trú riêng: Sau khi vượt qua các thiền trú của hàng Bồ tát, các ngài đắc trí Bồ-đề, thành tựu tối hậu Như lai trí giả, ở Cứu cánh Du-già xứ sau cùng. Đây cũng là xứ cuối cùng để làm nội dung cho phẩm Kiến Lập. Ngài Vô Trước bảo rằng ai đã đạt được 12 thiền trú trước sẽ thành tựu thiên trú cuối cùng này.

814 Du-già sư địa luận, Bồ tát địa từ quyển 35 đến quyển 50. Bồ tát địa do 4 tri Du-già xứ cấu thành: (1) Tri Du-già xứ, từ quyển 35 – 46, có 18 phẩm: phẩm Chúng tánh, phẩm Sơ phát tâm, phẩm Tự tha lợi, phẩm Chân thật nghĩa, phẩm Uy lực, phẩm Thành thực, phẩm Bồ-đề, phẩm Lực chúng tánh, phẩm Thí, phẩm Giới, phẩm Nhân, phẩm Tinh tiến, phẩm Tinh lự, phẩm Tuệ, phẩm Nhiếp sự, phẩm Cúng dường thân cận vô lượng, phẩm Bồ-đề phần, phẩm Bồ tát công đức; (2) Tri tùy pháp Du-già xứ, từ quyển 47 – 48, có 4 phẩm: phẩm Bồ tát tướng, phẩm Phần, phẩm Tăng thượng ý lạc, phẩm Thiền trú; (3) Tri cứu cánh Du-già xứ, từ quyển 48 – 49, có 5 phẩm: phẩm Sinh, phẩm Nhiếp thọ, phẩm Địa, phẩm Hành, phẩm Kiến lập; (4) Tri thứ đệ Du-già xứ, quyển 50, phẩm Chánh đẳng Bồ-đề tâm (tức phẩm Đại bồ-đề). Phẩm Kiến lập, quyển 49, bàn về 140 biệt pháp của Như lai: 32 tướng đại nhân, 80 tướng phụ, 4 tịnh hạnh, 10 lực, 4 vô sở úy, 3 niệm trú, 3 bất hộ, đại bi, không quên mất pháp, vịnh đoạn tập khí, nhất thiết chủng diệu trí.



[517a05] (1) **Tự tánh của bồ-đề:** Là vượt qua chuyển y của tất cả Thanh văn, Độc giác. Ở đây có bốn sắc thái nên biết: 1. Sinh khởi y chỉ; 2. [Vĩnh viễn] không sinh khởi y chỉ; 3. Khéo quán sát quả của sở tri; 4. Tịnh tướng của pháp giới.

[517a08] *Sinh khởi y chỉ:* Là xuất thế gian đạo⁸¹⁵ tương tục đưa đến quả vị Phật; dựa vào chuyển y⁸¹⁶ này mới được sinh khởi, chẳng phải không sinh khởi. Nếu tách rời chuyển y này mà cũng sinh khởi thì đã phải sinh khởi trước khi chưa chuyển y.

[*Vĩnh viễn*] *không sinh khởi y chỉ:* Là dựa vào chuyển y này thì tất cả phiền não và tập khí [vĩnh viễn] không sinh khởi trở lại. Nếu không phải vậy, thì trước khi chưa chuyển y, có sự hòa hợp của các duyên⁸¹⁷, lẽ ra tất cả phiền não và tập khí phải vĩnh viễn không sinh khởi trở lại.

[517a14] *Khéo quán sát quả của sở tri:* Có được chuyển y này là do khéo thông suốt cái quả là thật tế⁸¹⁸ của sở tri⁸¹⁹, chân như⁸²⁰ của sở tri. Nếu không phải vậy thì tự thể của chư Phật còn phải liễu tri, còn phải đoạn diệt.

815 Xuất thế gian đạo bao gồm kiến đạo, tu đạo và cứu cánh đạo.

816 Chuyển y là chuyển bỏ 2 trọng chướng (phiền não chướng, sở tri chướng) mà chuyển được 2 đại quả (đại niết bàn, đại bồ-đề). Chuyển y thì hoạch đắc nhất thiết chủng trí, tức tuệ hiểu biết tất cả: biết bản thể, hiện tượng, đạo pháp.

817 Các pháp do nhân duyên hòa hợp mà thành nên gọi là pháp hữu vi. Đã là hữu vi thì có phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sinh tạp nhiễm.

818 Thật tế là nghĩa không có hư vọng, nghĩa là trên bình diện đế lý chân thật thì không thủ chấp một mảy bụi trần, tất cả các pháp đều là cứu cánh không tịch, chân thật không có hư dối.

819 Sở tri là các pháp, đối với các pháp ấy mà không biết hay biết sai là vì ngu si, nên sự ngu si được gọi là sở tri chướng. Ngoài ra, sự biết chưa hoàn toàn nhưng lại tự mãn cho là đủ, thì chính sự tự mãn ấy cũng chướng ngại cho sự toàn giác, nên cũng gọi là sở tri chướng, và vì vậy sở tri chướng cũng gọi là trí chướng (trí ở đây là trí biết chưa hoàn toàn).

820 Chân như là nghĩa vô sai biệt, nghĩa là các pháp do tất cả nhân duyên tạo thành nên có các sắc thái khác nhau, nhưng chỉ có tự tánh không của các pháp không có sai biệt, nên gọi là như. Chân như nơi các pháp nhiễm tịnh còn gọi là tánh như hữu.



[517a17] *Tịnh tướng của pháp giới*: Là chuyển y này không có các tướng nên hiển lộ pháp giới cực thiện thanh tịnh. Nếu không phải vậy thì phải là pháp vô thường, có thể nghĩ bàn. Nhưng chuyển y này là tánh thường trú, tánh *bất khả tư nghị*, hiển lộ sự không hai⁸²¹.

[517a20] *Tánh bất khả tư nghị* lại có năm sắc thái nên biết: 1. Tự tánh; 2. Xứ sở; 3. Trú; 4. Nhất tánh dị tánh; 5. Thành lập sở tác.

[517a22] (1) *Tự tánh*: Tánh chuyển y này tức là sắc, rời xa sắc, không thể nghĩ bàn; cũng vậy, tánh chuyển y này tức là thọ, tưởng, hành, thức; rời xa thọ, tưởng, hành, thức, không thể nghĩ bàn. Tánh chuyển y này tức là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới; rời xa địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không thể nghĩ bàn. Tánh chuyển y này tức là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ v.v...; rời xa nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ v.v..., không thể nghĩ bàn. Tánh chuyển y này hoặc có, hoặc không v.v..., không thể nghĩ bàn.

[517a27] (2) *Xứ sở*: Tánh chuyển y này hoặc ở nơi Dục giới, hoặc rời xa Dục giới, không thể nghĩ bàn; hoặc ở nơi Sắc giới, Vô sắc giới, hoặc rời xa Sắc giới, Vô sắc giới, không thể nghĩ bàn; hoặc ở nơi loài người, cõi trời, hoặc rời xa loài người, cõi trời, không thể nghĩ bàn; hoặc ở nơi các thế giới trong mười phương, hoặc rời xa các thế giới trong mười phương, không thể nghĩ bàn.

[517b02] (3) *Trú*: Tánh chuyển y này trú tướng trạng như vậy, như vậy, là an lạc trú⁸²², là bất khả tư nghị trú; trú tướng trạng như vậy,

821 Vô nhị = bất nhị; Nghĩa đen là không hai. Hai là chỉ cho khái niệm đối diện và đối lập lẫn nhau. Khái niệm như vậy là hiện thân của sự thác loạn. Vô nhị là tự siêu việt lấy nó, là pháp tánh phi hữu vi, phi vô vi.

822 An lạc trú: Hiện pháp lạc trú, hiện pháp an lạc trú, hiện pháp hỷ lạc trú, là một trong 4 loại thiền định cõi Sắc, một trong 7 tên gọi chỉ cho thiền định; có nghĩa là an trú trong niềm vui hiện tại của pháp.



như vậy, là xa-ma-tha trú⁸²³, là bất khả tư nghị trú; là hữu tâm trú, là bất khả tư nghị trú; là vô tâm trú⁸²⁴, là bất khả tư nghị trú; trú tướng trạng như vậy, như vậy, là Thánh trú, là bất khả tư nghị trú; trú tướng trạng như vậy, như vậy, là Thiên trú, là Phạm trú⁸²⁵, là bất khả tư nghị trú.

[517b07] (4) *Nhất tánh dị tánh*: Tất cả chư Phật đồng y cứ trong một thế giới vô lậu mà nhất tánh, dị tánh⁸²⁶ thì bất khả tư nghị.

[517b09] (5) *Thành lập sở tác*: Là phẩm tánh của chư Phật Như lai thì bình đẳng; trí tuệ, thế lực và uy đức thì bình đẳng; trú cảnh giới vô lậu làm chỗ dựa cho chuyển y, vì lợi ích tất cả hữu tình mà thành lập như vậy, như vậy các việc lợi ích hữu tình, bất khả tư nghị. Ở đây lại có hai nhân duyên nên nói là bất khả tư nghị: 1. Nghĩa ly ngôn thuyết: bỏ qua con đường ngôn ngữ nên là bất tư nghị; 2. Nghĩa xuất thế gian: thế gian không thể so sánh nên là bất tư nghị.

[517b15] 2. **Công dụng của bồ-đề**: Lược nói về công dụng là

823 Xa-ma-tha trú: Chỉ trú, chỉ cho các định Vô sắc.

824 Tám giải thoát 1. Tự mình có sắc, thấy các sắc; 2. Quán tưởng nội sắc là vô sắc, thấy các ngoại sắc; 3. Quán tưởng sắc là tịnh, chú tâm trên suy tưởng ấy; 4. Không vô biên xứ giải thoát; 5. Thức vô biên xứ giải thoát; 6. Vô sở hữu xứ giải thoát; 7. Phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát; 8. Diệt thọ tưởng định giải thoát. Bảy giải thoát đầu là hữu tâm trú, giải thoát thứ 8 là vô tâm trú.

825 Luận Đại trí độ, quyển 3, Giải thích - Trú Vương-xá thành: "Có ba thứ trú là: Thiên trú, Phạm trú và Thánh trú. Trú pháp của trời Lục dục gọi là Thiên trú. Trú pháp của Phạm thiên cho đến Phi phi tướng thiên, ấy gọi là Phạm trú. Trú pháp của chư Phật, Bích chi Phật, A-la-hán gọi là Thánh trú. Trong ba trú pháp ấy, đức Phật trú nơi trú pháp của bậc Thánh; vì thương xót chúng sanh nên trú ở thành Vương-xá. Lại nữa, làm ba việc bố thí, trì giới, thiện tâm gọi là Thiên trú. Tu bốn tâm vô lượng là từ, bi, hỷ, xả gọi là Phạm trú. Tu ba tam muội là: Không, Vô tướng, Vô tác, gọi là Thánh trú. Phật ở trong trú pháp của bậc Thánh." (HT. Thích Thiện Siêu dịch)

826 Nhất tánh = đồng nhất tánh. Dị tánh = dị biệt tánh. Đây là sắc thái vô nhị của pháp thân. Nhiếp luận: "Thứ ba là sắc thái vô nhị, là có không không hai, vì các pháp không thật có mà chân không hiển lộ thì thật có; là hữu vi vô vi không hai, vì không làm nghiệp và phiền não, nhưng tự tại thị hiện là vẫn có làm; là mâu thuẫn đồng nhất không hai, vì chỗ y cứ của chư Phật thì không dị biệt, nhưng vô lượng chúng sinh hiện thành đẳng giác. Ở đây có 2 bài chính cú: 1. Vì ngã chấp không còn, nên trong pháp tánh không còn thấy có những cái thân riêng biệt. Nhưng tùy theo cái thân chứng đắc riêng biệt ngày trước, nên thiết lập ra khác nhau. 2. Khác nhau vì chủng tánh, vì không rỗng, vì viên mãn, vì không đầu, chỗ y cứ là pháp tánh thanh tịnh thì không riêng biệt, nên chư Phật không phải nhiều mà cũng không phải một." (Chủng tánh là đa văn huân tập, không rỗng là tu hành thì thành Phật chứ không phải rỗng không, viên mãn là giáo pháp hóa độ cho người thì đức Phật nào cũng nói đầy đủ, không thể có đức Phật đầu tiên mà sự thành Phật là vô thủ vô chung – HT. Thích Trí Quang dịch giải)



mười thứ tự tại: 1. Sống lâu tự tại; 2. Tâm thức tự tại; 3. Đồ dùng tự tại; 4. Nghiệp tự tại; 5. Sinh tự tại; 6. Thắng giải tự tại; 7. Nguyện tự tại; 8. Thần biến tự tại; 9. Trí tự tại; 10. Pháp tự tại.⁸²⁷

3. **Phương tiện của bồ-đề:** Lược nói về phương tiện là bốn thứ biến hóa: 1. Người chưa thành thực làm cho thành thực nên chư Bồ-tát hiện hành các biến hóa qua thân ngữ; 2. Người đã thành thực làm cho giải thoát nên ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, ở trong trăm câu-chi Thiệm bộ châu, chư Bồ-tát đồng thời hiển hiện Như lai biến hóa⁸²⁸; 3. Phương tiện nhiếp thọ Thanh văn biến hóa; 4. Vì điều phục các hữu tình mà chư Bồ-tát hiển hiện tất cả Độc giác biến hóa.

Nên biết, đức Phật Bạc-già-phạm nơi bốn pháp biến hóa này khởi tác dụng vô ngại ở trong mười phương thế giới.

[517b26] 4. **Chuyển của bồ-đề:** Có hai thứ chuyển nên biết: 1. Tạm thời chuyển; 2. Cứu cánh chuyển.

Tạm thời chuyển: Cho đến các hữu tình chưa thành thực, chưa giải thoát, chư Phật Như lai hóa chuyển không ngưng nghỉ.

Cứu cánh chuyển: Như vô tận [Niết bàn] bất khả tư nghị, chư Phật uy đức minh chuyển; vì các hữu tình làm những sự lợi ích, lưu chuyển [sinh tử] không ngưng nghỉ.

5. **Diệt của bồ-đề:** Có hai thứ diệt nên biết: 1. Tạm thời diệt; 2. Cứu cánh diệt.

Tạm thời diệt: Các hữu tình đã thành thực, đã giải thoát, chư Phật Như lai tạm thời thị hiện nhập bát niết bàn, nhưng [niết bàn ấy] không phải là cứu cánh.

⁸²⁷ Sống lâu tự tại, tâm thức tự tại và đồ dùng tự tại, là do viên mãn thí ba-la-mật; nghiệp tự tại và sinh tự tại là do viên mãn giới ba-la-mật; thắng giải tự tại là do viên mãn nhân ba-la-mật; nguyện tự tại là do viên mãn tiến ba-la-mật; thần biến tự tại, thống nhiếp tất cả ngũ thông, là do viên mãn định ba-la-mật; trí tự tại và pháp tự tại là do viên mãn tuệ ba-la-mật.

⁸²⁸ Như lai biến hóa: Hóa thân của Như lai.



Cứu cánh diệt: Rốt ráo vĩnh tận tất cả phiền não, tập khí của phiền não và chỗ dựa của khổ.

Công đức có nhiều thứ: Có bài chĩnh cú ôn-đà-nam:

Thù đặc, không thù đặc

Tâm bình đẳng, lợi ích

Báo ân và hân tán

Không đối phương tiện hành. (tụng 1)

[517c08] Luận giải: **Thù đặc:** Khi các Bồ-tát tu học Vô thượng chánh đẳng giác thừa, có năm pháp thù đặc nên biết. Những gì là năm? 1. Đối với tất cả hữu tình, không cần có nhân duyên các Bồ-tát vẫn khởi lòng thân ái; 2. Chỉ vì lợi ích các hữu tình nên các Bồ-tát thường sống trong sự lưu chuyển để nhẫn chịu cái khổ lớn [sinh tử]; 3. Đối với hữu tình có nhiều phiền não, khó điều phục, các Bồ-tát khéo hiểu rõ phương tiện điều phục; 4. Đối với nghĩa lý chân thật rất khó hiểu, các Bồ-tát có thể tùy thuận ngộ nhập; 5. Các Bồ-tát có đầy đủ uy đức bất tư nghị. Năm pháp như vậy, không phải các hữu tình khác có thể chung có, nên gọi là thù đặc.

[0517c15] **Không thù đặc:** Khi các Bồ-tát tu học Vô thượng chánh đẳng giác thừa, có năm pháp không thù đặc. Bồ-tát ma-ha-tát thành tựu năm pháp này thì năm pháp thù đặc thành tựu và hiển hiện. Những gì là năm?

1. Các Bồ-tát lấy cái khổ của sự lợi người làm niềm vui cho mình, cho nên Bồ-tát thường nhận chịu hết thảy khốn khổ khi thực hành lợi người. Đó là pháp không thù đặc thứ nhất.

2. Các Bồ-tát dù khéo biết rõ sinh tử là tội lỗi, niết bàn là công đức, vẫn vui vẻ làm cho các hữu tình được rốt ráo thanh tịnh, lấy đó làm niềm vui cho mình, cho nên Bồ-tát lấy việc thanh tịnh hữu tình



làm tăng thượng lực để thường thệ nguyện tiếp nhận pháp sinh tử⁸²⁹ làm hành xử. Đó là pháp không thù đặc thứ hai.

3. Các Bồ-tát dù khéo biết rõ *lặng yên lạc vị*⁸³⁰ nhưng vẫn ưa thích làm cho các hữu tình được rốt ráo thanh tịnh, lấy đó làm niềm vui cho mình, cho nên Bồ-tát lấy việc thanh tịnh hữu tình làm tăng thượng lực để thường tinh cần phương tiện mà thuyết chánh pháp cho họ. Đó là pháp không thù đặc thứ ba.

4. Các Bồ-tát dù đã tích tập thiện căn là sáu ba-la-mật-đa nhưng vẫn ưa thích làm cho các hữu tình được rốt ráo thanh tịnh, lấy đó làm niềm vui cho mình, cho nên Bồ-tát lấy việc thanh tịnh hữu tình làm tăng thượng lực để thí cho họ ý thanh tịnh⁸³¹, chứ không hứa thí cho họ quả dị thực [khả ái]. Đó là pháp không thù đặc thứ tư.

5. Các Bồ-tát lấy sự lợi người làm sự lợi mình, cho nên Bồ-tát thường hiện thọ hành các việc lợi ích hữu tình. Đó là pháp không thù đặc thứ năm.

Bồ-tát ma-ha-tát thành tựu được năm pháp không thù đặc này thì năm pháp thù đặc thành tựu và hiển hiện, nên biết.

Tâm bình đẳng: Các Bồ-tát có năm tâm bình đẳng đối với tất cả hữu tình:

829 Pháp sinh tử là pháp thế gian. Tập khí tự tánh của 8 thức đều là pháp sinh tử. Vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh là pháp sinh tử. Mười hai duyên khởi theo cách lưu chuyển, tức là khổ và tập, là pháp sinh tử.

830 Mặc nhiên lạc vị 默然樂味: Du-già luận ký, quyển 11: (Khuy Cơ nói:) “Lặng yên mà không vị, nghĩa là lặng yên mà không ngôn thuyết. Sự lặng yên thật sự thì có lạc vị, chỉ vì hữu tình mà nói chánh pháp. Lại nữa, bản thân nhập niết bàn, sự lặng yên này thật sự có lạc vị, vì hữu tình nên nói chánh pháp.” (Viên Trắc nói:) “Lấy các tâm tư mà khởi các ngôn thuyết; đệ nhị tĩnh lực trở lên rời xa những tâm tư này, nếu khởi ngôn thuyết thì gọi là mặc nhiên lạc vị. Vì hóa độ hữu tình nên xa các tĩnh lực, tiếp nhận đời sống ở Dục giới để lợi ích cho hữu tình vậy.” (No. 1828, tr. 560a23~28) Du-già sư địa luận khoa cú phi tâm ký 瑜伽師地論科句披尋記, cư sĩ Hàn Thanh Tịnh 韓清淨 (1873-?): “Dù khéo biết rõ lặng yên lạc vị: Câu này nói Bồ-tát trú ở địa vị Vô ngại giải, nghĩa là ở nơi sự tịch tĩnh giải thoát sâu xa vẫn không sinh hỷ túc để đi vào thắng tiến, cho nên ở trong các pháp khởi trí gia hành mà tuyên thuyết chánh pháp, như phẩm Trú có nói đến.” (tr. 1529)

831 Pháp cú 2: “Nếu với ý thanh tịnh (thiện)/ Nói năng hay hành động/ An lạc bước theo sau/ Như bóng không rời hình.”



1. Bồ-tát ma-ha-tát lúc ban đầu phát tâm, vì muốn được đại bồ-đề nên khởi đại thệ nguyện; thệ nguyện như vậy đã là lợi ích các hữu tình bằng sự khởi tâm bình đẳng.

2. Bồ-tát ma-ha-tát đối với các hữu tình khởi tâm bi mẫn cùng với tâm bình đẳng.

3. Bồ-tát ma-ha-tát đối với các hữu tình khởi lòng yêu thương như đứa con một cùng với tâm bình đẳng.

4. Bồ-tát ma-ha-tát biết chư hành từ các duyên mà sinh khởi, cũng biết các sự hữu tình từ vọng tưởng sinh khởi, thông đạt pháp tánh của một hữu tình tức là pháp tánh của tất cả hữu tình, đối với tất cả hữu tình khởi cái trí pháp tánh bình đẳng⁸³² cùng với tâm bình đẳng.

5. Bồ-tát ma-ha-tát với một hữu tình làm hạnh lợi ích thì với tất cả hữu tình cũng làm hạnh lợi ích như thế, cho nên đối với tất cả hữu tình khởi ý muốn làm việc lợi ích cùng với tâm bình đẳng.

Như vậy gọi là Bồ-tát ma-ha-tát đối với hữu tình khởi năm tâm bình đẳng.

[518a18] **Lợi ích:** Bồ-tát ma-ha-tát đối với hữu tình làm tất cả việc lợi ích, có năm sự tướng, nên biết. Những gì là năm?

1. Đối với sự tổn hại thì Bồ-tát nói pháp chánh mạng để dẫn nhiếp hữu tình.

2. Đối với sự không tùy thuận việc làm lợi ích [của người khác], Bồ-tát nói pháp tùy thuận để dẫn nhiếp hữu tình.

3. Đối với hữu tình không nơi nương tựa, nghèo thiếu, khổ não, Bồ-tát làm chỗ dựa nương để dẫn nhiếp hữu tình.

4. Bồ-tát tuyên thuyết con đường đi tới thiện thú để dẫn nhiếp hữu tình.

832 Bình đẳng pháp tánh trí = Bình đẳng tánh trí: Cái trí quan sát bình đẳng các pháp không bị ràng buộc bởi ngã và pháp.



5. Bồ-tát tuyên thuyết con đường của ba thừa đi tới niết bàn để dẫn nhiếp hữu tình.

[518a25] **Báo ân:** Bồ-tát ma-ha-tát đối với hữu tình có ân, khởi năm thứ lợi ích báo đáp. Những gì là năm?

1. Hữu tình an cư học được cái đức của mình.
2. Hữu tình an cư mà có phương tiện học được cái đức của người.
3. Hữu tình không nơi nương tựa, nghèo thiếu, khổ não, Bồ-tát [tùy lực, tùy khả năng] làm chỗ dựa nương.
4. Khuyến khích hữu tình cúng dường chư Phật Như lai.
5. Khuyến khích hữu tình biên chép lời dạy của Phật rồi thọ trì, [đọc tụng], cúng dường [chánh pháp].

[518b01] **Hân tán:** Có năm xứ mà Bồ-tát ma-ha-tát thường phải hân hoan và tán dương. Những gì là năm?

1. Gặp [thời kỳ] đức Phật xuất thế và được phụng thờ.
2. Ở chỗ đức Như lai thường nghe sáu ba-la-mật-đa tương ứng pháp của Bồ-tát tạng.
3. Đối với hạnh thành thực tất cả hữu tình có khả năng tu tập.
4. Mau chóng Vô thượng chánh đẳng bồ-đề.
5. Chúng bồ-đề rồi, đại chúng Bồ-tát và Thanh văn cùng hòa hợp.

[518b06] **Không đối phương tiện hành:** Bồ-tát ma-ha-tát đối với các hữu tình có năm thứ thắng hành phương tiện lợi ích không hư dối. Những gì là năm?

1. Bồ-tát ma-ha-tát đối với các hữu tình lấy ý niệm lợi ích an lạc làm đầu.
2. Bồ-tát ma-ha-tát thành tựu tuệ giác không điên đảo, như thật liễu tri sự lợi ích an lạc.
3. Phương tiện tùy nghi thuyết giảng nhiều pháp môn để các hữu



tình tùy theo khả năng đều được điều phục. Điều này chỉ có đức Như lai là làm được rốt ráo.

4. Bồ-tát ma-ha-tát đại bi bình đẳng đối với các hữu tình bậc thấp, vừa và cao bằng cái tâm không thiên lệch.

Lại nữa, có bài chính cú ôn-đà-nam:

Phương tiện không điên đảo

Thoái đạo và thắng tiến

Công đức tương tự, thật

Khéo điều phục hữu tình. (tụng 2)

[518b17] Luận giải: **Phương tiện không điên đảo:** Bồ-tát ma-ha-tát có năm thứ phương tiện⁸³³ mà thu nhiếp tất cả chánh phương tiện, nên biết. Những gì là năm? 1. Phương tiện tùy hộ; 2. Phương tiện không tội lỗi; 3. Phương tiện lực tư trách; 4. Phương tiện tịnh thắng ý lạc; 5. Phương tiện nhập quyết định.

Phương tiện tùy hộ: Bồ-tát ma-ha-tát (1) *khéo tùy hộ thông duệ*, lấy trí câu sinh để mau nhiếp thọ chánh pháp; (2) *khéo tùy hộ chánh niệm*, vì có chánh niệm thì nắm giữ không quên mất chánh pháp đã nhiếp thọ; (3) *khéo tùy hộ trí tuệ*, vì có trí tuệ thì khéo quán sát nghĩa lý của chánh pháp đã nhiếp thọ, và vì có chánh tuệ thông đạt thì rời xa các nhân tố thoái phần của sự tùy thuận thông duệ, chánh niệm và trí tuệ; vì có chánh tuệ thông đạt thì thân cận các nhân tố thắng phần của sự tu tập, tùy thuận trú phần; (4) *khéo tùy hộ tâm mình*, vì khéo phòng hộ các căn môn; (5) *khéo tùy hộ tâm người*, vì có chánh phương tiện thì gìn giữ được tâm người.

Phương tiện không tội lỗi: Bồ-tát ma-ha-tát đối với các thiện

⁸³³ Phương tiện = gia hành. Gia hành là tinh tiến dũng mãnh, nỗ lực gia công dụng hành.



pháp thì mạnh mẽ không lùi, lúc nào cũng không gián đoạn sự hồi hướng bồ-đề.

Phương tiện lực tư trạch: Bồ-tát có lực tư trạch này thì trú thắng giải hành địa⁸³⁴.

Phương tiện tịnh thắng ý lạc: Bồ-tát trú tịnh thắng ý lạc địa⁸³⁵ và hành chánh hành địa⁸³⁶.

Phương tiện nhập quyết định: Bồ-tát trú quyết định địa, quyết định hành địa, cho đến cứu cánh địa.⁸³⁷

Như vậy là năm thứ phương tiện mà tổng nhiếp tất cả chánh phương tiện của Bồ-tát, nên biết.

Thoái đọa: Các Bồ-tát có năm pháp thoái phần, nên biết: 1. Không cung kính chánh pháp và người thuyết pháp; 2. Phóng dật, giải đãi [nên không thể tu thiện]; 3. Tập cận phiền não [nên không thể ly ác]; 4. Tập cận ác hành [nên không thể ly ác]; 5. Khởi tăng thượng mạn khi so sánh hơn kém với các Bồ-tát khác và khởi tăng thượng mạn đối với pháp [mà nhận thức] điên đảo⁸³⁸.

[518c08] **Thắng tiến:** Các Bồ-tát có năm pháp thắng phần, tức theo thứ tự và nội dung trái ngược với năm thứ hắc phẩm ở trên.

[518c10] **Công đức tương tự:** Các Bồ-tát có năm thứ công đức tương tự, thật ra là tội lỗi, nên biết: 1. Đối với các hữu tình hung ác và

834 Thắng giải hành địa: Tu theo đức tin đối với pháp đã được nghe.

835 Tịnh thắng ý lạc địa: Còn gọi là tịnh tâm địa, chỉ cho địa vị đã xác lập ý hướng, chứng được tâm thanh tịnh vô lậu, là giai vị thứ nhất trong các giai vị tu hành của Phật giáo Đại thừa, 1 trong 7 địa, địa thứ 1 trong 10 địa, 1 trong 12 trú, đồng với Hoan hỷ địa. Đối lại với Giải hành trú thuộc địa tiền (các địa dưới Thập địa) chưa chứng tịnh tâm, hàng Sơ địa đã đoạn trừ các phiền não trói buộc, chứng được sự giải thoát thanh tịnh, gọi là Tịnh tâm địa.

836 Hành chánh hành địa: Tu tập tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ.

837 Quyết định địa: Tu tập tự nhiên không cần phải nỗ lực, vô công dụng, vô tướng trú. Quyết định hành địa: Do thành tựu vô ngại giải, Bồ tát thuyết pháp tự tại. Cứu cánh địa: Tức Như Lai địa.

838 Tăng thượng mạn vì ngã chấp và pháp chấp.



phạm giới, vì nhân duyên đó mà Bồ-tát không làm việc lợi ích; 2. Trá hiện uy nghi đầy đủ; 3. Tùy thuận văn từ trau chuốt của thế gian và tùy thuận luận thư tương ưng các pháp của ngoại đạo để được dự vào hàng trí giả, bậc thông duệ; 4. Tu hành các thiện hành như thí, giới v.v... mà mắc lầm lỗi; 5. Tuyên thuyết và thiết lập chánh pháp tương tự⁸³⁹ để lưu bố rộng rãi.

[518c16] **Công đức chân thật:** Các Bồ-tát có năm thứ công đức chân thật, nên biết: 1. Đối với các hữu tình hung ác và phạm giới, vì nhân duyên đó mà Bồ-tát khởi bi tâm tăng thượng; 2. Tự tánh uy nghi đầy đủ; 3. Bồ-tát giảng dạy hoặc chứng đắc pháp thanh tịnh chân thật mà Như lai tuyên thuyết, để được dự vào hàng trí giả, bậc thông duệ; 4. Tu hành các thiện hành như thí, giới v.v... mà không có lầm lỗi; 5. Khai thị chánh pháp để ngăn chặn chánh pháp tương tự.

[518c21] **Khéo điều phục hữu tình:** Bồ-tát lược có mười [hành]

839 Tương tự chánh pháp = tương pháp: Chỉ cho giáo lý của ngoại đạo và giáo lý của tiểu thừa. Du-già sư địa luận, quyển 96, tr. 872c10~17: “Tương tự chánh pháp: lược có 2 thứ tương tự chánh pháp: a. Giáo tương tự chánh pháp; b. Hành tương tự chánh pháp. Nếu ở nơi phi pháp sinh tưởng cho là pháp, hiển thị phi pháp tương tự cho là pháp, khiến người sinh tưởng là chánh pháp. Như vậy cho đến giáo pháp chân thật, sâu xa mà cho là chẳng phải chánh pháp, lại chỉ bày tương tự chánh pháp. Vậy nên gọi là giáo tương tự chánh pháp. Nếu lại rộng vì người tuyên thuyết khiến thọ học như thế, cũng tự mình hư vọng khởi tưởng cho là pháp, rồi theo đó tu hành, tập quen các tà hạnh, tự kiêu mạn xưng rằng: “Ta năng tu là chánh hạnh”. Nên biết đây gọi là hành tương tự chánh pháp.” Tương ưng bộ, S16.13, Tương pháp (Saddhammapaṭirūpakam) và Tạp A-hàm, kinh số 906, Pháp tướng hoại (Pháp giảm diệt): “Này Ca-diếp, thí như lúc kiếp sắp muốn hoại, tuy vật báu thật chưa diệt mất, nhưng vật báu nguy tạo tương tự lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu nguy tạo đã xuất hiện, vật báu thật sẽ mất. Cũng vậy Ca-diếp, Chánh pháp Như Lai lúc sắp muốn diệt, lại có tượng pháp tương tự sanh ra; khi tượng pháp tương tự đã xuất hiện ở thế gian rồi, thì Chánh pháp sẽ bị diệt. “Thí như trong biển cả, nếu thuyền chở nhiều tràn bão, chắc sẽ nhanh chóng bị đắm chìm. Chánh pháp Như Lai không như vậy, mà sẽ bị tiêu diệt từ từ. Chánh pháp của Như Lai không bị đất làm hoại, không bị nước, lửa, gió làm hoại đi. Cho đến lúc chúng sanh ác xuất hiện ở thế gian, thích làm các điều ác, muốn làm các điều ác, thành tựu các điều ác; phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật; bằng pháp tương tự mà củ vị thịnh hành. Bấy giờ Chánh pháp Như Lai mới chìm mất. “Này Ca-diếp, có năm nhân duyên có khả năng làm cho Chánh pháp Như Lai chìm mất. Những gì là năm? Đó là nếu Tỳ-kheo đối với Đại Sư mà không kính, không trọng, không thành ý cúng dường; khi đối với Đại Sư đã không kính, không trọng, không thành ý cúng dường, sau đó vẫn nương tựa để sống. Đối với pháp, hoặc học giới, hoặc giáo giới tùy thuận, hay các phạm hạnh được Đại Sư khen ngợi cũng không kính, không trọng, không thành ý cúng dường mà vẫn sống y cứ. Này Ca-diếp, đó gọi là năm nhân duyên làm cho Chánh pháp Như Lai nhân đây chìm mất.” (Thích Đức Thắng dịch)



xứ không đảo ngược sự điều phục giáo hóa hữu tình: 1. Xứ rời xa ác hành⁸⁴⁰; 2. Xứ rời xa ái dục; 3. Xứ không vi phạm, nếu phạm thì thoát ra; 4. Xứ thủ hộ tất cả căn môn⁸⁴¹; 5. Xứ an trú nơi chánh tri⁸⁴²; 6. Xứ rời xa náo động⁸⁴³; 7. Xứ rời xa tất cả ác tầm tư⁸⁴⁴; 8. Xứ rời xa các chướng⁸⁴⁵; 9. Xứ rời xa phiền não triền cái; 10. Xứ rời xa phiền não phẩm thô trọng.

Lại nữa, có bài chĩnh cú ôn-đà-nam:

Các Bồ-tát thọ ký

Rơi vào số quyết định

Định tác, thường phải tác

Pháp tối thắng nên biết. (tụng 3)

840 Ác hành là 10 ác nghiệp: sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, nói thêu dệt, nói lời ác, nói hai lưỡi đâm thọc gây rối đời bên, tật đố, sân hận, tà kiến.

841 Trung A-hàm, kinh Mã áp, số 182: "Tỳ-kheo phải học thủ hộ các căn, thường niệm sự khép kín, niệm tưởng muốn mình đạt, thủ hộ niệm tâm mà được thành tựu, hằng muốn khởi ý. Khi mắt thấy sắc, không chấp thủ sắc tướng, không đắm sắc vị; vì sự phần nộ và tranh cãi mà thủ hộ căn con mắt, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia (: các pháp bất thiện), nên thủ hộ căn con mắt. Cũng vậy, tai, mũi, lưỡi, thân, khi ý biết pháp không chấp thủ pháp tướng, không đắm pháp vị; vì sự phần tránh mà thủ hộ ý căn, trong tâm không sanh tham lam, ưu não, ác bất thiện pháp, vì thú hướng đến kia, nên thủ hộ ý căn." (Thích Tuệ Sỹ dịch)

842 "Tỳ-kheo phải học chánh tri khi ra, khi vào, khéo quán sát phân biệt; co duỗi, cúi ngược, nghi dung chững chạc; khéo mang Tăng-già-lê và các y bát; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng hay im lặng... đều có chánh tri." (sđd)

843 "Tỳ-kheo nên học sống cô độc tại nơi xa vắng, ở trong rừng vắng, dưới gốc cây, những nơi không nhân yên tĩnh, sườn non, động đá, đất trống, lùm cây, hoặc vào trong rừng, hoặc giữa bãi tha ma. Vị ấy sau khi ở trong rừng vắng, hoặc dưới gốc cây, những nơi không nhân yên tĩnh, trải ni-sư-đàn, ngồi kiết già, chánh thân chánh nguyện, hướng niệm nội tâm, đoạn trừ tâm tham lam, tâm không tranh cãi, thấy tài vật và các nhu dụng sinh sống của người khác mà không khởi lòng tham muốn, muốn khiến về mình. Vị ấy đối với sự tham lam, tâm đã tịnh trừ. Cũng vậy, sân nhuế, thuy miên, trạo hối, đoạn nghi trừ hoặc, đối với các thiện pháp không có do dự. Vị ấy đối với sự nghi hoặc, tâm đã tịnh trừ. Vị ấy đã đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm ô uế, tuệ yếu kém, rời ly dục, ly pháp ác bất thiện, cho đến chứng đắc đệ Tứ thiền, thành tựu an trú." (sđd)

844 Ác tầm tư: Dục tầm tư, sân tầm tư và hại tầm tư.

845 Các chướng là nội chướng và ngoại chướng, lý chướng và sự chướng, sở tri chướng và phiền não chướng, các chướng đối với 10 tịnh pháp: thiện, bồ-đề, nhiếp thọ, hữu tuệ, không tán loạn, không chướng, hồi hướng, không sợ hãi, không keo lẩn và tự tại (xem luận Biện trung biên), các chướng ở các địa.



[519a01] Luận giải: **Các Bồ-tát thọ ký:** Các Bồ-tát ở sáu giai vị được Như lai thọ ký Vô thượng chánh đẳng bồ-đề: 1. Bồ-tát trú chung tánh vị, chưa phát tâm bồ-đề⁸⁴⁶; 2. Bồ-tát đã phát tâm bồ-đề⁸⁴⁷; 3. Bồ-tát trú hiện tiền⁸⁴⁸; 4. Bồ-tát không trú hiện tiền⁸⁴⁹; 5. Có định thời hạn: Là vào thời gian thế đó Bồ-tát sẽ chứng Vô thượng chánh đẳng bồ-đề; 6. Không định thời hạn: Là không nói thời hạn quyết định nào⁸⁵⁰.

[519a06] **Rơi vào số quyết định:** Các Bồ-tát có ba thứ rơi vào quyết định vị: 1. Bồ-tát chung tánh rơi vào quyết định vị; 2. Bồ-tát phát tâm rơi vào quyết định vị; 3. Bồ-tát tu hành không hư dối rơi vào quyết định vị.⁸⁵¹

[519a09] **Bồ-tát chung tánh rơi vào quyết định vị:** Các Bồ-tát trú chung tánh vị thì gọi là Bồ-tát rơi vào quyết định vị. Vì sao? Vì các

846 Bồ-tát Thập tín trở về trước, có chung tánh Đại thừa, được Phật trao thọ ký.

847 Bồ-tát từ Thập tín trở về sau cho đến Pháp vân địa đều gọi là Phát tâm vị, được Phật trao thọ ký.

848 Hiện tiền có 2 ý: Một là, Bồ-tát ở trước Phật, được Phật trao thọ ký; Hai là, Bồ-tát đã nhập địa, được đức Phật báo thân trao thọ ký.

849 Không hiện tiền có 2 ý: Một là, Bồ-tát không ở trước Phật, được Phật trao thọ ký; Hai là, Bồ-tát chưa nhập địa, được đức Phật hóa thân trao thọ ký.

850 Không nói thời hạn nào, chỉ nói Bồ-tát hành hạnh này sẽ được làm Phật.

851 Theo Du-già sư địa luận, phẩm Bồ-tát tướng, có 13 trú: 1. Bồ-tát chung tánh trú; 2. Thắng giải hành trú; 3. Cực hoan hỷ trú (Hoan hỷ địa); 4. Tăng thượng giới trú (Ly cầu địa); 5. Tăng thượng tâm trú (Phát quang địa); (6-8) Tăng thượng tuệ trú có 3: một là, giác phần tương ưng tăng thượng tuệ trú (Diệt tuệ địa); hai là, chư đế tương ưng tăng thượng tuệ trú (Nan thắng địa); ba là, duyên khởi chỉ tức tương ưng tăng thượng tuệ trú (Hiện tiền địa); 9. Hữu gia hành, hữu công dụng, vô gián khuyết đạo chuyển vận vô tướng trú (Viễn hành địa); 10. Vô gia hành, vô công dụng, vô gián khuyết đạo chuyển vận vô tướng trú (Bất động địa); 11. Vô ngại giải trú (Thiện tuệ địa); 12. Tối thượng thành mãn bồ-tát trú (Pháp vân địa); 13. Như lai trú. Cũng luận này nói đến 7 địa: 1. Chung tánh địa; 2. Thắng giải hành địa; 3. Tịnh thắng ý lạc địa; 4. Hành chánh hành địa; 5. Quyết định địa; 6. Quyết định hành địa; 7. Đáo cứu cánh địa. Trong 13 trú, trú (1) thuộc Chung tánh địa, trú (2) thuộc Thắng giải hành địa, trú (3) thuộc Tịnh thắng ý lạc địa, trú (4), (5), (6), (7), (8) và (9) thuộc Hành chánh hành địa, trú (10) thuộc Quyết định địa, trú (11) thuộc Quyết định hành địa, trú (12) và (13) thuộc Đáo cứu cánh địa. Kinh Nhân vương hộ quốc bát nhã ba la mật đa (ĐTK 246), phẩm Bồ-đề hành, thứ 3: "Nhập lý bát nhã gọi là trú; trú sinh đức hạnh gọi là địa" Nhập là chứng ngộ. Lý là lý thật tướng. Bát nhã là trí vô phân biệt. Trú là bất động. Đức hạnh là công đức hữu vi và công đức vô vi. Địa thì gồm đủ 2 công đức ấy.



Bồ-tát thành tựu chủng tánh, nếu gặp thắng duyên thì nhất định có khả năng chứng được A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

Bồ-tát phát tâm rơi vào quyết định vị: Các Bồ-tát khởi tâm quyết định đối với A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề, từ đó không còn thoái chuyển cho đến chứng Vô thượng chánh đẳng giác.

[519a15] *Bồ-tát tu hành không hư dối rơi vào quyết định vị:* Các Bồ-tát đã được tự tại, [khấp vì các hữu tình hành tất cả lợi ích]. Những mong muốn tùy thuận những tu tạo, các Bồ-tát tu hành không có trôi qua trống rỗng. Dựa vào quyết định vị sau cùng này mà chư Như lai trao thọ ký cho các Bồ-tát rơi vào quyết định vị.

Định tác: Các Bồ-tát có năm xứ quyết định phải làm; nếu không làm thì không có khả năng chứng được Vô thượng chánh đẳng bồ-đề. Những gì là năm? 1. Phát tâm bồ-đề; 2. Khởi tâm bi mẫn đối với các hữu tình; 3. Dũng mãnh tinh cần; 4. Tu tập phương tiện là năm minh xứ; 5. Tâm không chán ngán và mệt mỏi.

Thường phải tác: Các Bồ-tát có năm xứ thường phải tu tác: 1. Thường phải tu tác hạnh không phóng dật; 2. Thường làm chỗ dựa nương cho các hữu tình không nơi nương tựa, nghèo thiếu, khổ não; 3. Thường phải tu tác hạnh cúng dường Phật; 4. Thường phải biến tri sự sai lầm và sự không sai lầm; 5. Trong mọi tác ý khi làm việc, khi đi, khi đứng, thường phải tu tác bằng cái tâm đại bồ-đề, dẫn đầu bằng tâm ấy.

[519a27] **Pháp tối thắng:** Các Bồ-tát có mười pháp tối thắng phải đồng ý, phải thọ trì, phải thiết lập, lấy làm trên hết. Những gì là mười? 1. Trong các chủng tánh, Bồ-tát chủng tánh là thù thắng hơn cả; 2. Trong các chánh nguyện, sơ phát tâm bồ-đề là thù thắng hơn cả; 3. Trong tất cả các độ, chánh cần bát-nhã là thù thắng hơn cả; 4. Trong



các pháp nhiếp, ái ngữ là thù thắng hơn cả; 5. Trong các hữu tình, Như lai là thù thắng hơn cả; 6. Trong các tâm vô lượng, tâm bi là thù thắng hơn cả; 7. Trong các tinh lự, đệ tứ tinh lự là thù thắng hơn cả; 8. Trong ba tam-ma-địa⁸⁵², không tam-ma-địa là thù thắng hơn cả; 9. Trong chín thứ đệ định⁸⁵³, diệt tận định là thù thắng hơn cả; 10. Trong các phương tiện thiện xảo⁸⁵⁴, [cứu cánh] thanh tịnh phương tiện thiện xảo là thù thắng hơn cả.

Lại nữa, có bài chĩnh cú ôn-đà-nam:

Các thi thiết kiến lập

Tâm tư tất cả pháp

Và như thật biến tri

Cùng với các vô lượng. (tụng 4)

Quả lợi ích tuyên thuyết

Đại thừa tánh và nhiếp

Bồ-tát có mười bậc

Thiết lập các danh hiệu. (tụng 5)

852 Ba tam-ma-địa: Không tam-ma-địa, vô tướng tam-ma-địa và vô nguyện tam-ma-địa.

853 Chín định thứ đệ: Cửu thứ đệ định九次第定, chỉ cho 9 loại thiền định gồm: 4 tinh lự Sắc giới, 4 tinh lự Vô sắc giới và Diệt thọ tưởng định (Diệt tận định). Vì tâm không xen lẫn, cứ y theo thứ lớp từ định này vào định khác, cho nên gọi là thứ đệ định. Phân biệt như sau: 1. Sơ tinh lự; 2. Đệ nhị tinh lự; 3. Đệ tam tinh lự; 4. Đệ tứ tinh lự; 5. Không vô biên xứ; 6. Thức vô biên xứ; 7. Vô sở hữu xứ; 8. Phi tưởng phi phi tưởng xứ; 9. Diệt thọ tưởng định.

854 Sáu phương tiện thiện xảo: 1. Tùy thuận hội thông phương tiện thiện xảo: là thuận theo thứ bậc mà răn dạy khiến chúng sinh tin tưởng ưa thích, thuyết pháp rất sâu khiến họ dễ hiểu; 2. Cộng lập yếu kế phương tiện thiện xảo: là cho chúng sinh ruộng nương, nhà cửa, tiền bạc, của cải mà họ ưa thích, dần dần khiến họ thực hành thiện pháp; 3. Dị phần ý lạc phương tiện thiện xảo: là dạy chúng sinh phụng dưỡng cha mẹ, lúc họ chẳng thuận thì nên thay đổi thái độ, làm ra vẻ giận dữ quở trách khiến họ phải sợ; 4. Bức bách sở sinh phương tiện thiện xảo: là đối với những kẻ vốn có những sự phạm giới v.v... thì cắt đứt mọi sự cung cấp, hoặc thêm các hình thức trừng phạt khiến họ lia bỏ ác pháp; 5. Thi ân báo ân phương tiện thiện xảo: là sự bố thí tiền bạc, của cải cho chúng sinh, khiến họ sinh tâm báo ân, dùng loại tài vật xuất thế gian mà cúng dường họ, khiến họ tu hành, thọ trì cấm giới; 6. Cứu cánh thanh tịnh phương tiện thiện xảo: là từ cung Đâu Suất thác sinh, nhập thai, trụ thai, sơ sinh, xuất gia, thành đạo, thuyết pháp, thị hiện niết bàn khiến chúng sinh đều tin lạc, mọi hoặc nhiễm đều thanh tịnh.



[519b12] Luận giải: **Các thi thiết kiến lập**: Các Bồ-tát có bốn thứ thi thiết kiến lập. Chỉ có Như lai và các Bồ-tát có thể chánh thi thiết kiến lập, chẳng phải tất cả trời, người, sa-môn, bà-la-môn có thể thi thiết kiến lập, ngoại trừ người trộm lấy pháp của Phật để làm luận điểm của mình. Những gì là bốn? 1. Thi thiết kiến lập pháp; 2. Thi thiết kiến lập đế; 3. Thi thiết kiến lập đạo lý; 4. Thi thiết kiến lập thừa.

[519b18] (1) *Thi thiết kiến lập pháp*: Là mười hai phần giáo: tô-đát-lãm v.v...⁸⁵⁵, theo thứ tự soạn tập, thứ tự an trí, thứ tự chế tác, đó gọi là thi thiết kiến lập pháp.

(2) *Thi thiết kiến lập đế*: Hoặc lập một đế với nghĩa không hư vọng, chỉ có đệ nhất nên không có đệ nhị⁸⁵⁶.

Hoặc lập hai đế: 1. Thế tục đế; 2. Thắng nghĩa đế.⁸⁵⁷

Hoặc lập ba đế: 1. Tướng đế; 2. Ngữ đế; 3. Dụng đế.⁸⁵⁸

Hoặc lập bốn đế: 1. Khổ đế; 2. Tập đế; 3. Diệt đế; 4. Đạo đế.

Hoặc lập năm đế: 1. Nhân đế; 2. Quả đế; 3. Năng tri đế; 4. Sở tri đế; 5. Bất nhị đế.⁸⁵⁹

Hoặc lập sáu đế: 1. Chân đế; 2. Vọng đế; 3. Ứng [biến] tri đế; 4.

855 Mười hai phần giáo: khế kinh (tô-đát-lãm), ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tự thuyết, duyên khởi, thí dụ, bản sự, bản sinh, phương quảng, vị tăng hữu pháp và luận nghị.

856 Đệ nhất nghĩa đế: Cũng gọi thắng nghĩa đế, chân đế, Thánh đế, niết bàn, chân như, thật tướng, trung đạo, pháp giới.

857 Hai đế: 1. Thế tục đế: chân lý theo quy ước hay tập quán: chân lý tương đối; 2. Thắng nghĩa đế: cũng gọi là đệ nhất nghĩa đế hay chân đế, chân lý thuộc phạm trù siêu nghiệm, tuyệt đối: chân lý tuyệt đối.

858 Thế dụng ly hợp của năng thuyết và sở thuyết có sai biệt nên tướng đế thông cả chân đế và tục đế, còn ngữ đế và dụng đế chỉ là tục đế. Hiền dương, quyển 6: "An lập bởi ba thứ thế tục đế: 1. Thế gian thế tục đế (còn gọi hữu danh vô thật đế); 2. Đạo lý thế tục đế (còn gọi là tùy sự sai biệt đế); 3. Chứng đắc thế tục đế (còn gọi là phương tiện an lập đế) ... Lại có bốn thứ an lập, là ba thứ an lập vừa kể và an lập bởi thắng nghĩa thế tục đế (còn gọi là giả danh phi an lập đế)."

859 Năng tri đế = trí đế. Sở tri đế = cảnh đế. Bất nhị đế = thắng đế. Bốn đế trước là an lập. Đế sau cùng là phi an lập.



Ứng [vĩnh] đoạn đế; 5. Ứng [tác] chứng đế; 6. Ứng tu [tập] đế.⁸⁶⁰

Hoặc lập bảy đế: 1. Ái vị đế; 2. Quá hoạn đế; 3. Xuất ly đế; 4. Pháp tánh đế; 5. Thắng giải đế; 6. Thánh đế; 7. Phi Thánh đế.⁸⁶¹

Hoặc lập tám đế: 1. Hành khổ đế; 2. Hoại khổ đế; 3. Khổ khổ đế; 4. Lưu chuyển đế; 5. Lưu tức đế; 6. Tập nhiễm đế; 7. Thanh tịnh đế; 8. Chánh phương tiện đế.⁸⁶²

Hoặc lập chín đế: 1. Vô thường đế; 2. Khổ đế; 3. Không đế; 4. Vô ngã đế; 5. Hữu ái đế; 6. Vô hữu ái đế; 7. Bị đoạn phương tiện đế; 8. Hữu dư y niết bàn đế; 9. Vô dư y niết bàn đế.⁸⁶³

Hoặc lập mười đế: 1. Bức thiết khổ đế; 2. Sở thọ dụng bất cụ túc khổ đế; 3. Giới tánh bất bình hòa khổ đế; 4. Sở ái hoại khổ đế; 5. Thọ trọng khổ đế; 6. Nghiệp đế; 7. Phiền não đế; 8. Thính văn chánh pháp như lý tác ý đế; 9. Chánh kiến đế; 10. Chánh kiến quả đế.⁸⁶⁴

Như vậy gọi là thi thiết kiến lập đế của Bồ-tát. Nếu phân biệt rộng ra thì vô lượng, nên biết.

[519c10] (3) *Thi thiết kiến lập đạo lý*: Có bốn thứ đạo lý: 1. Đạo

860 Bốn đế sau là tứ đế: khổ, tập, diệt, đạo.

861 Ái vị đế (vị đế, ái thật) là lý của tập đế, chỉ tâm ái đối với các pháp hữu lậu. Quá hoạn đế (hoạn đế, khổ thật) là lý của khổ đế, chỉ các quả hữu lậu. Xuất ly đế (ly đế, giải thoát thật) là lý của đạo đế, chỉ cho 37 phần pháp. Pháp tánh đế (pháp đế, pháp thật) là lý của diệt đế, chỉ chân như pháp tánh hiển lộ khi ngã không và pháp không. Thắng giải đế (giải đế, giải thật) là lý của đạo đế, chỉ sự ý giải tư duy về hai không; 6. Thánh đế (Thánh thật) là lý của diệt đế, chỉ tất cả cảnh giới tịch tịnh của Thánh trí; 7. Phi Thánh đế (phi Thánh thật) là lý của khổ đế và tập đế, chỉ cảnh giới trôi buộc của phàm phu.

862 Hành khổ đế, là khổ sở vì sự biến động của pháp hữu vi, trong đó có 5 uẩn, bao gồm thân tâm và thế giới của thân tâm ấy. Hoại khổ đế, là khổ sở vì cái vui mất đi. Khổ khổ đế, là khổ sở vì nóng lạnh, đói khát, bệnh tật. Lưu chuyển đế, là phần đoạn sinh tử. Lưu tức đế, là niết bàn. Tập nhiễm đế, là phiền não, nghiệp và sinh tập nhiễm. Thanh tịnh đế, là chân thật thanh tịnh hiển lộ khi tập nhiễm không còn. Chánh phương tiện đế, là tất cả vô lậu đạo đưa tới thanh tịnh, niết bàn. Bốn đế đầu là khổ đế; đế thứ 5 là diệt đế; đế thứ 6 gồm hai đế khổ tập; đế thứ 7 là diệt đế; đế thứ 8 là đạo đế.

863 Vô thường, khổ, không và vô ngã là 4 tướng của quả báo hữu lậu, tức 4 hành tướng của quán khổ đế trong 16 hành tướng của bốn đế. Hữu ái (thường kiến) và vô hữu ái (đoạn kiến) là tập đế. Bị đoạn phương tiện, tức phương tiện đoạn hữu ái và vô hữu ái (và dục ái) là đạo đế. Hữu dư y niết bàn và vô dư y niết bàn là diệt đế.

864 Từ 1 đến 5 là khổ đế; 6 và 7 là tập đế; 8 và 9 là đạo đế; 10 là diệt đế.



lý quán đãi; 2. Đạo lý tác dụng; 3. Đạo lý chứng thành; 4. Đạo lý pháp nhĩ.⁸⁶⁵ Đó gọi là thi thiết kiến lập đạo lý, nên biết.

(4) *Thi thiết kiến lập thừa*: Là Thanh văn thừa, Độc giác thừa và Vô thượng đại thừa; mỗi thừa có bảy hành tướng thi thiết kiến lập, nên biết.

865 Kinh Giải thâm mật, phẩm Như lai thành sở tác sự, giải thích: “Đạo lý là 4 đạo lý: thứ 1 là đạo lý quán đãi, thứ 2 là đạo lý tác dụng, thứ 3 là đạo lý chứng thành, thứ 4 là đạo lý pháp nhĩ. Thứ 1, đạo lý quán đãi là do nhân tố và duyên tố mà phát sinh các hành và phát sinh ngôn từ liên quan các hành. Thứ 2, đạo lý tác dụng là do nhân tố và duyên tố mà các pháp sinh, các pháp thành, các pháp sinh thành rồi tác dụng. Thứ 3, đạo lý chứng thành là do nhân tố và duyên tố mà làm cho ý nghĩa nói ra được xác lập và làm cho người nghe hiểu biết chính xác. Thứ 4, đạo lý pháp nhĩ là Như lai xuất thế hay không xuất thế, pháp tánh các pháp vẫn an lập, pháp giới các pháp vẫn an trú. Thêm nữa, đạo lý chứng thành có 2 loại, là loại trong sáng và loại vẫn đục. Do 5 sắc thái mà trong sáng và do 7 sắc thái mà vẫn đục. (Thứ nhất), do 5 sắc thái mà trong sáng là hiện thấy, suy luận, luận cứ, toàn hảo và chánh giáo. Hiện thấy là các hành vô thường, các hành khổ não, các pháp vô ngã, đại loại như vậy, đó là những điều mà hiện lượng thấy được. Suy luận là dựa vào sự hiện thấy, tức xét thấy các hành là tính sát na, là tính có đời sau, là tính nghiệp lành nghiệp dữ không mất; tính sát na là do sự vô thường thô thiển mà biết, tính có đời sau là do chúng sinh có nhiều loại vì có nhiều loại nghiệp mà biết, tính nghiệp lành nghiệp dữ không mất là do chúng sinh có vui có khổ mà biết, đại loại như vậy, đó là những điều không hiện thấy mà có thể suy luận. Luận cứ là dẫn chứng từ những thí dụ cùng tánh chất, tức đối với các hành nơi bản thân hay nơi ngoại giới đều có thể dẫn sự sống chết mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn mọi sự khổ não của sự sống chết mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn sự bất tự do mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn sự thịnh suy mà ai cũng biết để ví dụ, đại loại như vậy. Toàn hảo là do hiện thấy, do suy luận và do luận cứ mà làm cho chủ thuyết lập ra được quyết định. Chánh giáo là những giáo huấn tốt đẹp trong sáng, tức những tuyên thuyết của bậc toàn giác, như tuyên thuyết niết bàn là vắng lặng trọn vẹn, đại loại như vậy. Do 5 sắc thái như vậy mà gọi là khéo quan sát về đạo lý trong sáng, và do sự trong sáng ấy mà đạo lý như vậy đáng được học tập. Bạch đức Thế tôn, bậc toàn giác thì có mấy sắc thái? Thiện nam tử, đại khái có 5 sắc thái: một là xuất hiện thế giới thì cái tiếng toàn giác ai cũng nghe cả; hai là toàn hảo 32 tướng quý của bậc đại tượng phư; ba là đầy đủ 10 trí lực loại được mọi nghi hoặc cho chúng sinh; bốn là đầy đủ 4 vô úy tuyên thuyết chánh pháp, không bị sự biện luận của ai khuất phục mà lại khuất phục được những sự tà luận; năm là trong chánh pháp được tuyên thuyết thì 8 thánh đạo và 4 thánh quả toàn là những cái có thể thực hiện ngay trong hiện tại. Sự xuất hiện thế giới (với cái tiếng toàn giác và đủ các tướng quý), sự giải quyết nghi hoặc, sự không bị khuất phục mà khuất phục được người khác, sự hiện tại có thể thực hiện thánh đạo và thánh quả, 5 sự như vậy là sắc thái của bậc toàn giác mà ông nên biết. Và, như thế, đạo lý chứng thành do hiện lượng, do tỷ lượng (cùng những luận cứ và sự toàn hảo của tỷ lượng ấy), và do chánh giáo lượng, do 5 sắc thái như vậy mà gọi là trong sáng. (Thứ hai), do 7 sắc thái mà vẫn đục là 1, một phần cùng tánh chất, 2, một phần khác tánh chất, 3, toàn phần cùng tánh chất, 4, toàn phần khác tánh chất, 5, ví dụ khác tánh chất, 6, không phải toàn hảo, 7, không phải chánh giáo. Nếu đưa ra lý do vì ý thức nhận biết thì đó là toàn phần cùng tánh chất. Nếu đưa ra lý do vì sắc thái, vì đặc tính, vì tác dụng, vì nhân quả, mỗi lý do riêng biệt của mỗi pháp, quyết định khác nhau, thì đó là toàn phần khác tánh chất. Nếu đưa ra lý do mà một phần cùng tánh chất và ví dụ lại toàn phần cùng tánh chất thì vì vậy mà chủ thuyết lập ra không được quyết định, nên đó là không phải toàn hảo. Nếu đưa ra lý do mà một phần khác tánh chất và ví dụ lại toàn phần cùng tánh chất thì vì vậy mà chủ thuyết lập ra không được quyết định, nên đó là không phải là toàn hảo. Không phải toàn hảo, không phải khéo quan sát đạo lý trong sáng, thì do sự vẫn đục ấy mà không đáng học tập. Ví dụ khác tánh chất, và không phải chánh giáo, thì ông nên biết bản chất toàn là vẫn đục.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



[519c14] *Thanh văn thừa có bảy hành tướng thi thiết kiến lập*:

1. Cái tuệ không đảo ngược đối với bốn Thánh đế; 2. Sở y của tuệ này;
3. Sở duyên của tuệ này; 4. Trợ bạn của tuệ này; 5. Tác nghiệp của tuệ này;
6. Tư lương của tuệ này; 7. Chứng quả của tuệ này.⁸⁶⁶

Độc giác thừa cũng có bảy hành tướng thi thiết kiến lập như Thanh văn thừa.

[519c18] Vô thượng đại thừa có bảy hành tướng thi thiết kiến lập: 1. Cái tuệ xuất ly⁸⁶⁷ vin theo sự ly ngôn thuyết của tất cả pháp, chính là chân như bình đẳng, vô phân biệt; 2. Sở y của tuệ này; 3. Sở duyên của tuệ này; 4. Trợ bạn của tuệ này; 5. Tác nghiệp của tuệ này; 6. Tư lương của tuệ này; 7. Chứng quả của tuệ này.⁸⁶⁸

Đó gọi là mỗi thừa trong ba thừa có bảy hành tướng thi thiết kiến lập.

Như vậy, ba đời chư Phật, Bồ-tát đều do bốn chánh thi thiết kiến lập, không tăng không giảm.

[0519c24] **Tâm tư tất cả pháp**: Các Bồ-tát đối với tất cả pháp vì muốn chứng đắc như thật biến trí mà khởi bốn thứ tâm tư, như trước đã nói.⁸⁶⁹

[519c26] **Và như thật biến trí**: Các Bồ-tát đối với tất cả pháp khởi bốn thứ như thật biến trí, như trước đã nói.

866 Sở y của tuệ vô đảo là bốn Thánh đế. Sở duyên của tuệ vô đảo là quán chiếu các hành là vô thường, khổ, vô ngã. Trợ bạn của tuệ vô đảo là 37 bồ-đề phần pháp. Tác nghiệp của tuệ vô đảo là 8 chi Thánh đạo. Tư lương tuệ vô đảo là những bồ-đề phần còn lại. Chứng quả của tuệ vô đảo là 8 bậc Thánh quả.

867 Tuệ xuất ly các địa và chướng ngại của các địa, chỉ cho trí vô phân biệt.

868 Sở y của trí vô phân biệt không phải tâm mà là tâm, bởi vì nó không thuộc chủng loại tư lượng. Sở duyên của trí vô phân biệt là pháp tánh ly ngôn, tức chân như vô ngã. Trợ bạn của trí vô phân biệt là 5 ba-la-mật. Tác nghiệp của trí vô phân biệt là định ba-la-mật. Tư lương trí vô phân biệt là 4 ba-la-mật trước. Chứng quả của trí vô phân biệt chứng được 3 thân thể thanh tịnh (pháp thân, báo thân và hóa thân) và thành được 10 tự tại tối thượng.

869 Xem phẩm Nhiếp sự, phần 4.



[519c28] **Cùng với các vô lượng:** Các Bồ-tát y theo năm vô lượng có thể khởi tất cả tác dụng thiện xảo. Những gì là năm? 1. Hữu tình giới vô lượng; 2. Thế giới vô lượng; 3. Pháp giới vô lượng; 4. Sở điều phục giới vô lượng; 5. Điều phục phương tiện giới vô lượng.

[520a03] *Hữu tình giới vô lượng:* Sáu mươi bốn chúng hữu tình: 1. Na-lạc-ca⁸⁷⁰; 2. Bành sinh; 3. Quỷ thú; 4. Trời; 5. Người; 6. Sát-đế-lị; 7. Bà-la-môn; 8. Phệ-xá; 9. Thú-đạt-la; 10. Nữ; 11. Nam; 12. Phi nam phi nữ; 13. Hạ phẩm; 14. Trung phẩm; 15. Thượng phẩm; 16. Tại gia; 17. Xuất gia; 18. Khổ hạnh; 19. Luật nghi; 20. Bất luật nghi; 21. Phi luật nghi phi bất luật nghi⁸⁷¹; 22. Đã ly dục; 23. Chưa ly dục; 24. Tà định tụ; 25. Chánh định tụ; 26. Bất định tụ⁸⁷²; 27. Bí-sô; 28. Bí-sô-ni; 29. Thức-xoa-ma-na; 30. Cần sách nam; 31. Cần sách nữ; 32. Ô-ba-sách-ca; 33. Ô-ba-tur-ca; 34. Người tu tập tam-ma-địa; 35. Người ôn tụng kinh điển; 36. Người chăm sóc bệnh nhân; 37. Trưởng lão; 38.

870 Na-lạc-ca 那洛迦: Địa ngục.

871 Phi luật nghi phi bất luật nghi 非律儀非不律儀: Cũng gọi xứ trung. Một trong 3 loại Vô biểu sắc. Luật nghi, cũng gọi đấng hộ, phòng hộ, cấm giới, là giới điều ngăn dứt lỗi lầm, có tác dụng ngăn ngừa 3 lỗi thân, khẩu, ý, giữ gìn 6 căn. Trái lại với luật nghi là Bất luật nghi. Phi luật nghi phi bất luật nghi không phải là cực thiện của luật nghi, cũng không phải là cực ác của bất luật nghi, mà là thiện ác tùy duyên và ứng thời mà sinh khởi; tức là thiện của xứ trung và ác của xứ trung, lực dụng của thiện ác này rất yếu ớt, cho nên được gọi là thiện, ác của xứ trung, cũng tức là thiện và ác của Phi giới luật, thể của chúng không sinh ra thiện hoặc bất thiện. Luận Câu xá quyển 14: Trong đây, tóm lại. Vô biểu sắc có 3 loại: Luật nghi, Bất luật nghi và Phi nhị (Phi luật nghi phi bất luật nghi). Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp tập luận, quyển 8: Các nghiệp thiện như bố thí, ái ngữ ... và các nghiệp bất thiện như đánh nhau ... không nhiếp vào luật nghi và bất luật nghi, vì thế nên gọi là Phi luật nghi phi bất luật nghi.

872 Tà định tụ: Chỉ cho loại chúng sinh nhất định sẽ rơi vào đường tà, là 1 trong 3 định tụ. Loại chúng sinh này tạo tác 5 nghiệp vô gián (giết cha, giết mẹ, giết A la hán, làm cho thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng), nhất định phải đọa địa ngục, chắc chắn rơi vào đường tà, vì thế gọi là Tà định tụ. Theo luận Thành thực quyển 2 thì chúng sinh thuộc loại tà định tụ nhất định không vào niết bàn vì không có cơ duyên chứng ngộ thành Phật. Chánh định tụ: Thánh giả từ địa vị kiến đạo trở về sau, đã đoạn trừ kiến hoặc, nhất định vào trạch diệt (niết bàn), gọi là chánh tánh hay chánh tánh định tụ. Nói gián dị, chánh định tụ là nhóm người bước tới địa vị Thánh giả, khác với tà định tụ là nhóm phàm phu, và nhóm chưa theo bên nào gọi là bất định tụ.



Trung niên; 39. Thiếu niên; 40. A-già-lợi-da⁸⁷³; 41. Ô-ba-đà-da⁸⁷⁴; 42. Cộng trụ⁸⁷⁵; 43. Cận trụ⁸⁷⁶; 44. Khách khứa; 45. Vị giám tăng sự; 46. Người thích lợi dưỡng; 47. Người ưa cung kính; 48. Vị ưa viễn ly; 49. Bạc đa văn; 50. Bạc hữu trí; 51. Người đại phước; 52. Bạc pháp tùy pháp hành; 53. Người trì tố-đất-lâm; 54. Người trì tỳ-nại-da; 55. Người trì Ma-đát-lý-ca⁸⁷⁷; 56. Dị sinh; 57. Bạc kiến đế; 58. Bạc hữu học; 59. Bạc vô học; 60. Thanh văn; 61. Độc giác; 62. Bồ-đề-tát-đỏa; 63. Chuyển luân thánh vương; 64. Như lai. Nếu y theo cái thân tương tục sai biệt thì vô lượng vô biên.

[520a25] *Thế giới vô lượng:* Là mười phương vô lượng thế giới, có vô lượng tên khác nhau. Như thế giới này tên là Sách ha⁸⁷⁸; phạm vương của thế giới này gọi là Sách ha chủ. Đại loại như vậy có vô lượng thế giới sai biệt, nên biết.

Pháp giới vô lượng: Là thiện pháp, bất thiện pháp, vô ký pháp. Đại loại như vậy có vô lượng môn sai biệt, nên biết.

[520b01] *Sở điều phục giới vô lượng:*

Hoặc lập một loại sở điều phục, là tất cả hữu tình có thể được điều phục, vì đồng một loại.

873 A-già-lợi-da阿遮利耶 (S: Ācārya, P: Ācariya): Quý phạm sự, A-xà-lê, là bậc thầy có hạnh thanh tịnh, uy nghi mẫu mực, đúng phép tắc, là bậc thầy mô phạm để chúng đệ tử học hỏi.

874 Ô-ba-đà-da 邬波陀耶 (S: Upadhāya, P: Upajjhāya): Thân giáo sư, Cận tụng, Y học (y chỉ để học), đồng nghĩa với Hòa thượng. Vì đệ tử trẻ tuổi không được xa thầy, thường ở gần thầy nhận kinh để tụng, nên gọi là Cận tụng. Lại vì đệ tử nương tựa nơi thầy để học đạo, tu tập, nên cũng gọi là Y học.

875 Chỉ năm chúng xuất gia.

876 Cận trụ 近住 (P: Upavāsa), dịch âm: Ô-ba-bà-sa, Ưu-ba-bà-sa, còn gọi là Thiện túc. Chỉ những người nam nữ tại gia thọ trì 8 giới trong một ngày một đêm (1. Không giết hại; 2. Không trộm cắp; 3. Không dâm dục; 4. Không nói dối; 5. Không uống rượu; 6. Không bôi nước hoa, xem nghe múa hát; 7. Không ngủ trên giường cao rộng sang trọng; 8. Không ăn phi thời.) Vì trong một ngày một đêm ở gần gũi với Tam bảo, cho nên gọi là Cận trụ, Thiện túc. Người nam nhận giữ 8 giới, gọi là Cận trụ nam; người nữ nhận giữ 8 giới, gọi là Cận trụ nữ.

877 Tố-đất-lâm 素怛纒 = kinh. Tỳ-nại-da 毘奈耶 = luật. Ma-đát-lý-ca 摩怛履迦 = luận.

878 Sách Ha 索訶 = Ta bà 娑婆.



Hoặc lập hai loại: 1. Cụ phược⁸⁷⁹; 2. Bất cụ phược.

Hoặc lập ba loại: 1. Độn căn, 2. Trung căn; 3. Lợi căn.

Hoặc lập bốn loại: 1. Sát-đế-lợi; 2. Bà-la-môn; 3. Phệ-xá; 4. Thú-đạt-la.

Hoặc lập năm loại: 1. Tham hành; 2. Sân hành; 3. Si hành; 4. Mạn hành; 5. Giác hành.

Hoặc lập sáu loại: 1. Tại gia; 2. Xuất gia; 3. Thành thực; 4. Chưa thành thực; 5. Giải thoát; 6. Chưa giải thoát.

Hoặc lập bảy loại: 1. Tín kính; 2. Khinh hủy; 3. Trung dung; 4. Quảng thuyết trí; 5. Lược khai trí; 6. Thường được điều phục; 7. Tùy duyên được dẫn dắt: nghĩa là gặp duyên như vậy, như vậy, thì chuyển biến như vậy, như vậy.

Hoặc lập tám loại, là tám hội chúng: 1. Sát-đế-ly; 2. Bà-la-môn; 3. Gia chủ; 4. Sa-môn; 5. Bốn Thiên vương; 6. Cõi trời Ba mươi ba; 7. Ma vương; 8. Phạm thiên.

Hoặc lập chín loại: 1. Hóa thân bởi Phật; 2. Hóa thân bởi Thanh văn; 3. Hóa thân bởi Độc giác; 4. Hóa thân bởi Bồ-tát; 5. Người khó điều phục; 6. Người dễ điều phục; 7. Người được điều phục bằng lời nhẹ nhàng; 8. Người được điều phục bằng lời quở trách; 9. Người ở xa được điều phục hoặc người ở gần được điều phục.

Hoặc lập mười loại: 1. Na-lạc-ca; 2. Bành sinh; 3. Quỷ thú; 4.

879 Cụ phược具縛 (S: Sakala-bandhana): Nghĩa là còn đủ kiến hoặc và tu hoặc. Phược, tên gọi khác của phiền não, có thể trói buộc loài hữu tình, khiến phải rơi vào cảnh khổ sống chết xoay vần, cho nên gọi là phược (trói buộc). Bất luận là hữu lậu, vô lậu, nếu chưa dứt được một phần kiến hoặc hay tu hoặc thì đều gọi chung là cụ phược. Nói về thứ bậc tu hành thì cụ phược là chỉ cho tam hiền, tứ thiện căn từ kiến đạo trở về trước, cho đến hết thấy phạm phu chưa đoạn hoặc. Thông thường cho cụ phược là tên gọi khác của phạm phu, cho nên phạm phu cũng gọi là cụ phược phạm phu, cụ phược phạm chúng. Trong phạm phu cũng có người chẳng là cụ phược (bất cụ phược), mà trong các bậc Thánh lại có cụ phược, tức là nếu người dùng đạo hữu lậu mà đoạn diệt tu hoặc, thì tuy là phạm phu mà thực thì không có cụ phược; trái lại, bậc Thánh ở sát na kiến đạo ban đầu, nếu trước hết chưa thể đoạn được tu hoặc, thì tuy là bậc Thánh mà cũng còn gọi là cụ phược. (Tự điển Phật Quang)

Chư thiên Dạ giới; 5. Người; 6. Trung hữu⁸⁸⁰; 7. Sắc hữu; 8. Vô sắc hữu; 9. Hữu tướng, vô tướng; 10. Phi hữu tướng phi vô tướng⁸⁸¹.

Như vậy là nói sơ lược năm mươi lăm loại. Nếu y theo [đạo lý] tương tục sai biệt thì có vô lượng, nên biết.

Hỏi: Hữu tình giới vô lượng và sở điều phục giới vô lượng có gì khác nhau?

Đáp: Tất cả hữu tình không có sai biệt dù có trú chung tánh hay không có trú chung tánh đều thuộc hữu tình giới vô lượng. Chỉ những hữu tình có trú chung tánh với các địa vị sai biệt mới gọi là sở điều phục giới vô lượng.⁸⁸²

Điều phục phương tiện giới vô lượng: Như trên đã nói. Nên biết trong đây cũng phân biệt có vô lượng phẩm loại sai biệt.

880 Trung hữu: Trạng thái tồn tại ở khoảng giữa của sự chết và sự tái sinh, còn gọi là thân trung ấm. Hữu, chỉ cho quả dị thực của chúng sinh có tinh thức và các nghiệp có khả năng chiêu cảm quả dị thực này, cũng tức là do nghiệp nhân thiện ác mà mang lại quả báo khổ vui. Vì loại nhân quả báo ứng này nối tiếp nhau không mất, nên gọi là Hữu.

881 Tùy theo loài chúng sinh có tướng hay không có tướng mà chia nơi hữu tình chúng sinh ở làm 3 loại là Hữu tướng, Vô tướng và Phi hữu tướng phi vô tướng. Cứ theo luận Kim cương Bát nhã ba la mật phá thủ trước bất hoại giả danh金剛般若波羅蜜經破取著不壞假名論, No. 1515, quyển thượng: "Hữu tướng, nghĩa là đối với Không vô biên xứ khởi không tướng; đối với Thức vô biên xứ khởi thức tướng. Vô tướng, nghĩa là đối với Vô sở hữu xứ khởi thiếu tướng. Phi hữu tướng phi vô tướng thì thuộc về Hữu danh." Đây là phối hợp hữu tình chúng sinh với 4 cõi trời Vô sắc. Ngoài ra, theo sự giải thích của Đại thừa và Hữu bộ tông, trong 9 nơi ở của hữu tình (cửu hữu tình cư) thì Thất thức trụ được phối với Hữu tướng, trời Vô tướng là Vô tướng, Phi tướng phi phi tướng xứ là Phi hữu tướng phi vô tướng. Còn cách giải thích của Đại thừa thì trong 4 nơi thuộc cõi Vô sắc, Thức vô biên xứ được phối với Hữu tướng, Vô sở hữu xứ phối với Vô tướng, Phi tướng phi phi tướng xứ phối với Phi hữu tướng phi vô tướng. (Cửu hữu tình cư: người và trời của cõi Dạ, trời Phạm chúng, trời Cực quang tịnh, trời Biến tịnh, trời Vô tướng, trời Không vô biên, trời Thức vô biên, trời Vô sở hữu, trời Phi phi tướng. Trong đó, ngoại trừ trời Vô tướng và trời Phi phi tướng, bảy nơi còn lại đặc biệt được gọi là Thất thức trụ.) – Tự điển Phật Quang

882 Du-già sự địa luận cho rằng hữu tình tu học thánh đạo, có khả năng chứng đắc niết bàn, được y cứ trên chủng tử hay chủng tánh, vì vậy mà có 2 hạng người: 1. Trú chung tánh bồ-đặc-già-la; 2. Trú vô chủng tánh bồ-đặc-già-la. Bồ-đặc-già-la (pudgala) được dịch là người, chúng sanh, hay sắc thủ thú, tức chỉ cho cái chủ thể chuyển sanh trong luân hồi. Hạng trú vô chủng tánh bồ-đặc-già-la do có chủng tánh quyết định, nên không luận người ấy nỗ lực thế nào, vĩnh viễn không thể chứng đắc niết bàn. Hạng trú vô chủng tánh này, trong kinh điển gọi là nhất xiển đề, là hạng không có chủng tánh niết bàn. Hạng nhất xiển đề này không có tín tâm để tin rằng có sự giải thoát nên không hề có ý hướng về sự nhập niết bàn. Nhóm chủng tánh này cũng được chia thành hai loại: 1. Người đoạn thiện căn do không có một chút gốc rễ thiện gì để có thể tin tưởng có giải thoát và niết bàn; 2. Bồ tát do đại bi nên vĩnh viễn không hề có ý hướng niết bàn.



Hỏi: Vì sao chỉ lược nói năm vô lượng này?

Đáp: Các Bồ-tát ma-ha-tát vì chuyên tu tập hạnh lợi ích chúng sinh nên đầu tiên lập *hữu tình giới vô lượng*. Các hữu tình dựa vào xứ sở để được thọ sinh cho nên thứ hai là lập *thế giới vô lượng*. Các hữu tình ở trong nhiều thế giới, do nhiều thứ pháp mà có được sự nhiễm tịnh sai biệt, cho nên thứ ba là lập *pháp giới vô lượng*. Quán sát trong các hữu tình, có người có khả năng cứu cánh giải thoát khổ, cho nên thứ tư là lập *sở điều phục giới vô lượng*. Các phương tiện thiện xảo có thể làm cho hữu tình chứng được giải thoát, cho nên thứ năm là lập điều phục phương tiện giới vô lượng. Như vậy, các Bồ-tát ma-ha-tát dựa vào năm vô lượng này thì có thể khởi tất cả tác dụng thiện xảo.

Quả lợi ích tuyên thuyết: Các Bồ-tát ma-ha-tát vì các hữu tình mà tuyên thuyết chánh pháp. Có năm thứ quả lợi ích rộng lớn của sự tuyên thuyết. Những gì là năm? 1. Có hữu tình khi nghe thuyết chánh pháp thì lìa xa trần cấu, được pháp nhãn tịnh đối với các pháp⁸⁸³; 2. Có hữu tình ngay khi thuyết chánh pháp này thì được hết các lậu⁸⁸⁴; 3. Có hữu tình nghe Phật, Bồ-tát thuyết pháp này mà phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác⁸⁸⁵; 4. Có hữu tình nghe Phật, Bồ-tát thuyết pháp này liền được pháp nhãn tối thắng của Bồ-tát; 5. Có hữu

883 Trường A-hàm, kinh A-ma-trú, số 20: “Rồi thì, Bà-la-môn lấy một cái giường nhỏ để trước Thế Tôn. Thế Tôn bèn nói pháp cho Bà-la-môn, chỉ bày, khuyên dạy, khiến cho được ích lợi, hoan hỷ. Ngài giảng về thí, giới, sanh thiên, dục là ô uế, phiền não là tai họa, xuất yếu là trên hết, diễn bày thanh tịnh. Khi Thế Tôn biết tâm người Bà-la-môn đã nhu nhuyễn, thanh tịnh, không cấu bẩn, có thể nhận lãnh đạo giáo; như thường pháp của chư Phật, Ngài nói Khổ thánh đế, Khổ tập thánh đế, Khổ diệt thánh đế, Khổ xuất yếu thánh đế. Bà-la-môn lúc ấy ngay trên chỗ ngồi mà xa lìa trần cấu được pháp nhãn tịnh, cũng như tấm lụa trắng tinh để nhuộm màu, Bà-la-môn Phát-già-la-sa-la cũng vậy, thấy pháp, đắc pháp, quyết định đạo quả, không còn tin ở đạo khác, được vô sở úy.”

884 Kinh Phật thuyết bách Phật danh, No. 444: “Đại Thánh Thích Ca Văn, Khi diễn thuyết pháp này, Ba trăm vị tỷ kheo, Đều được hết các lậu.”

885 Kinh Pháp Hoa: “Lúc Phật nói phẩm Phổ Môn này, trong chúng có tám muôn bốn nghìn chúng sinh đều phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.”



tình nghe Phật, Bồ-tát thuyết chánh pháp xong, nguyện thọ trì, tu hành, triển chuyển tuyên thuyết để cho chánh pháp nhân được tồn tại dài lâu, không diệt mất. Đó gọi là năm thứ quả lợi ích rộng lớn của sự tuyên thuyết.

[520c12] Đại thừa tánh: Bồ-tát thừa tương ưng với bảy đại tánh, nên gọi là đại thừa. Thế nào là bảy?

1. *Pháp đại tánh*: Trong mười hai phần giáo thì giáo pháp Phương quảng thuộc về Bồ-tát tạng.

2. *Phát tâm đại tánh*: Là vị đã phát tâm Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

3. *Thắng giải đại tánh*: Đối với pháp đại tánh nói ở trên mà khởi sự tín giải thù thắng.

4. *Thắng ý lạc đại tánh*: Là vị đã vượt qua thắng giải hành địa, đi vào tịnh thắng ý lạc địa.

5. *Tư lương đại tánh*: Là vị đã thành tựu đại tư lương là hai thứ phước đức và trí tuệ nên có thể chứng Vô thượng chánh đẳng bồ-đề.

6. *Thời đại tánh*: Là trải qua thời gian ba A-tăng-xi-da đại kiếp mới chứng Vô thượng chánh đẳng bồ-đề.

7. *Thành mãn đại tánh*: Là quả vị Vô thượng chánh đẳng bồ-đề. Sự thành mãn tự thể của bồ-đề so với sự thành mãn tự thể [công đức] khác thì không thể ngang bằng, đừng nói là vượt hơn.

Pháp đại tánh, phát tâm đại tánh, thắng giải đại tánh, thắng ý lạc đại tánh, tư lương đại tánh và thời đại tánh, sáu đại tánh này là nhân của thành mãn đại tánh, và thành mãn đại tánh là quả của sáu đại tánh ở trước.

[520c25] **Nhiếp tánh**: Có tám pháp có thể nhiếp hết đại thừa một cách đầy đủ:



1. Giáo pháp của Bồ-tát tạng.
2. Trong Bồ-tát tạng, giáo pháp hiển thị chân thật nghĩa của các pháp.
3. Trong Bồ-tát tạng, giáo pháp hiển thị uy đức thậm thâm, quảng đại, tối thắng, bất khả tư nghị của chư Phật và Bồ-tát.
4. Như lý lắng nghe giáo pháp vừa kể ở trên.
5. Như lý tư duy làm trước, thú hưởng tịnh thắng ý lạc.
6. Được tịnh thắng ý lạc, nhập sơ địa tu hành.
7. Do nhập sơ địa tu hành làm trước nên tu quả thành tựu.
8. Do tu hành quả thành tựu nên cứu cánh xuất ly.

Bồ-tát ma-ha-tát do tu học như vậy thì chứng đắc Vô thượng chánh đẳng bồ-đề.

[521a04] **Bồ-tát có mười bậc:** Thế nào là Bồ-tát ma-ha-tát do tu học như vậy thì chứng đắc Vô thượng chánh đẳng bồ-đề? Bồ-tát ma-ha-tát lược có mười bậc: 1. An trú chủng tánh; 2. Thú nhập; 3. Chưa tịnh thắng ý lạc; 4. Tịnh thắng ý lạc; 5. Chưa thành thực; 6. Đã thành thực; 7. Chưa quyết định; 8. Đã quyết định; 9. Nhất sinh sở hệ; 10. Trú tối hậu hữu.⁸⁸⁶

Ở đây, Bồ-tát *an trú chủng tánh* nếu tu học phương tiện, phát tâm bồ-đề, gọi là *thú nhập*; đã được *thú nhập* cho đến chưa nhập *tịnh thắng ý lạc địa*, gọi là *chưa tịnh thắng ý lạc*; nếu đã được nhập thì gọi là *tịnh thắng ý lạc*; từ Bồ-tát *tịnh thắng ý lạc* cho đến chưa nhập *đáo cứu cánh địa*, gọi là *chưa thành thực*; nếu đã được nhập thì gọi là *đã thành thực*; từ *chưa thành thực* cho đến chưa nhập *quyết định hành*

886 Bồ tát từ sơ phát tâm cho đến thành Phật, trải qua 7 địa vị khác nhau: 1. Chủng tánh địa; 2. Thắng giải hành địa; 3. Tịnh thắng ý lạc địa; 4. Hành chánh hành địa; 5. Quyết định địa; 6. Quyết định hành địa; 7. Đáo cứu cánh địa (còn gọi là tạp địa). Tăng thượng ý lạc, hay thắng ý lạc thường xuyên gặp trong các luận của Đại thừa, chỉ tâm nguyện và ý chí của Bồ tát. Có nơi dịch là thâm tâm, chánh trực tâm, hay cao chí.



địa, gọi là *chưa quyết định*; nếu được nhập thì gọi là được quyết định. Trong đã thành thực lại có hai bậc: 1. Nhất sinh sở hệ: là đời này về sau, không cách hờ, chứng được A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề; 2. Trú tối hậu hữu: là ngay tại đời này chứng đắc Vô thượng chánh đẳng bồ-đề.

Như vậy là từ trú chủng tánh cho đến Vô thượng chánh đẳng bồ-đề. Như trên đã nói, mười bậc Bồ-tát nhiếp hết tất cả Bồ-tát. Như trên đã nói, [mười] học xứ của Bồ-tát nhiếp hết tất cả học xứ của Bồ-tát.

[521a21] **Thiết lập các danh hiệu:** Các Bồ-tát không có sai biệt, nhưng các tên gọi theo công đức mà thiết lập, như là: bồ-đề-tát-đỏa, ma-ha-tát-đỏa, thành tựu giác tuệ, chiếu sáng tối thượng, con của bậc tối thắng, chỗ dựa tối thắng, sử dụng tối thắng, mầm chồi tối thắng, cũng gọi là mãnh kiện, cũng gọi là thượng quý phạm sư, cũng gọi là thượng chủ, cũng gọi là cụ đại danh xưng, cũng gọi là thành tựu từ bi, cũng gọi là đại phước, cũng gọi là giàu có tự tại, cũng gọi là đại pháp sư. Đại loại như vậy, trong mười phương vô biên thế giới, dựa vào vô lượng công đức tự nội sai biệt mà thi thiết vô số danh hiệu, nên biết. Nếu các Bồ-tát tự xưng, “*Tôi là Bồ-tát*”, mà không chánh cần tu tất cả học xứ của Bồ-tát, nên biết, đó là Bồ-tát tương tự, chẳng phải Bồ-tát chân thật. Nếu các Bồ-tát tự xưng là Bồ-tát, và còn siêng tu các học xứ của Bồ-tát, nên biết, đây chính là Bồ-tát chân thật.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Chín

Phẩm Hai

NHIẾP TỊNH NGHĨA (Phần 5)

[521b11] **Dị luận có nhiều thứ:** Là mười sáu thứ dị luận. Những gì là mười sáu? Có bài chính cú ôn-đà-nam.⁸⁸⁷

Chấp trong nhân có quả

Hiển liễu, khứ lai hữu

Ngã, thường, túc tác nhân

Tự tại đẳng, hại pháp, (tụng 6)

Biên, vô biên, kiểu loạn

Kiến: vô nhân, đoạn, không

Chấp thắng, tịnh, cát tường

Là mười sáu dị luận. (tụng 7)

[521b17] **Mười sáu dị luận:** 1. Nhân trung hữu quả luận; 2. Tùng duyên hiển liễu luận; 3. Khứ lai thật hữu luận; 4. Kế ngã [thật hữu] luận; 5. Kế thường luận; 6. Túc tác nhân luận; 7. Tự tại đẳng tác giả luận; 8. Hại vi chánh pháp luận; 9. Hữu biên vô biên luận; 10.

887 Toàn bộ phần 5 của Nhiếp tịnh nghĩa thì tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 6, tr. 303b~313a.



Bất tử kiểu loạn luận; 11. Vô nhân kiến luận; 12. Đoạn kiến luận; 13. Không kiến luận; 14. Vọng kế tối thắng; 15. Vọng kế thanh tịnh; 16. Vọng kế cát tường.⁸⁸⁸

888 Thập lục dị luận 十六異論: Cũng gọi Thập lục ngoại luận, Thập lục ngoại đạo, Thập lục kế, ngoại đạo thập lục tông. Chỉ cho 16 tông phái của ngoại đạo Ấn Độ thời xưa. Là một trong những cách phân loại ngoại đạo Ấn Độ, do ngài Khuy Cơ thuộc tông Pháp tướng căn cứ vào Thập lục dị luận được nêu trong luận Du-già sư địa, quyển 6 & 7, và luận Hiển dương thánh giáo, quyển 9 & 10, có sửa đổi chút ít về tên gọi mà lập thành. Theo Đại thừa pháp uyển nghĩa lâm chương, quyển 1, phần đầu, 16 tông ấy là: 1. Nhân trung hữu quả tông, cũng gọi Nhân trung hữu quả luận 因中有果論: Tông này vọng chấp nhân của các pháp là thường hằng và đã có tánh chất của quả. Cứ theo Pháp hoa văn cú, quyển 9, và Chỉ quán phụ hành truyền hoằng quyết, quyển 10, phần 1, thì đây là vọng chấp của ngoại đạo Số luận. Nhưng theo thành Duy thức luận thuật ký, quyển 1, phần cuối, thì vọng chấp này là của ngoại đạo Vũ chúng. Có thuyết cho rằng ngoại đạo Số luận tức là ngoại đạo Vũ chúng. Như lúa nếp hương lấy hạt thóc nếp hương làm nhân, muốn có lúa nếp hương thì phải gieo hạt thóc nếp hương mới có, chứ không thể gieo hạt lúa mì mà mong có được lúa nếp hương, cho nên trong nhân lúa nếp hương đã có tính nếp hương; 2. Tùng duyên hiển liễu tông, cũng gọi Tùng duyên hiển liễu luận 從緣顯了論: Tông này vọng chấp thể của âm thanh hoặc pháp là thường hằng, nhưng phải nhờ các duyên mới lộ rõ được. Đây là thuyết của ngoại đạo Thanh luận và ngoại đạo Số luận; 3. Khứ lai thực hữu tông, cũng gọi Khứ lai thực hữu luận 去來實有論: Tông này vọng chấp quá khứ và vị lai đều có thật chứ chẳng phải có giả, chính là Biến thường luận nói trong Phạm võng lục thập nhị kiến. Đây là thuyết do ngoại đạo Thắng luận và ngoại đạo Thời luận chủ trương; 4. Kế ngã thực hữu tông, cũng gọi Kế ngã thực hữu luận 計我實有論. Tông này vọng chấp ngã tức uẩn, ly uẩn và ngã phi tức uẩn, phi ly uẩn, chấp trước ngã là có thật, là thường nhất. Cũng tức là chấp có ngã, có Tát đỏa (chúng sinh), có mệnh giả (mệnh sống), có sinh giả (người), đây là do sinh khởi Ngũ giác mà biết có ngã, là Biến thường luận trong Phạm võng lục thập nhị kiến. Tất cả ngoại đạo như Số luận, Thắng luận, Ly hệ, Thủ chủ, Xích y, Biến xuất và Độc tử bộ của Tiểu thừa đều chủ trương thuyết này; 5. Chư pháp giai thường tông, cũng gọi Kế thường luận 計常論: Tông này vọng chấp toàn bộ hoặc một phần các pháp là thường trụ. Cũng tức là chấp trước ngã và thể gian đều là thường trụ. Đây là Biến thường luận và Nhất phần thường luận trong Phạm võng lục thập nhị kiến. Ngoại đạo Số luận chủ trương thuyết này; 6. Chư nhân túc tác tông, cũng gọi Túc tác nhân luận 宿作因論: Tông này vọng chấp cái khổ mà con người phải chịu ở hiện tại, đều là do nhân xấu ác đã tạo ở quá khứ. Nếu ở đời hiện tại tinh tiến tu hành, các nghiệp cũ dần dần tiêu trừ, đồng thời không tạo nghiệp mới, thì cuối cùng sẽ được giải thoát. Đây là thuyết do ngoại đạo Ly hệ (Ni kiền tử) chủ trương; 7. Tự tại đẳng nhân tông, cũng gọi Tự tại đẳng tác giả luận 自在等作者論: Tông này vọng chấp các pháp đều do trời Tự tại biến hiện ra. Tức chấp trước các pháp do trời Đại tự tại, Trượng phu, Đại phạm, hoặc do các nguyên nhân như thời, phương, không, ngã... biến hóa ra. Đây là Nhất phần thường luận trong Phạm võng lục thập nhị kiến. Các Luận sư Ma hệ thủ la chủ trương thuyết này; 8. Hại vi chánh pháp tông, cũng gọi là Hại vi chánh pháp luận 害為正法論: Tông này lấy việc ăn thịt và giết hại sinh vật làm chánh tông. Tức các người Bà la môn vì muốn ăn thịt mà bịa ra rằng nhờ các nghi thức cúng tế, chú thuật và giết các sinh vật để cúng tế... mà người tế cũng như vật tế đều được sinh lên cõi trời. Đây là chủ trương của Bản kiếp luận giả; 9. Biên vô biên đẳng tông, cũng gọi là Hữu biên vô biên luận 有邊無邊論: Tông này vọng chấp thể gian là có biên hoặc không có biên. Đây là Hữu biên đẳng luận trong Phạm võng lục thập nhị kiến; 10. Bất tử kiểu loạn tông, cũng gọi Bất tử kiểu loạn luận 不死矯亂論: Tông này vọng chấp Phạm thiên không chết. Nếu có người hỏi đạo thì đáp bằng những lời giả dối, lấy sự hiểu biết của người khác để đặt thành vấn đề mà giải đáp. (Ví dụ: Về nghiệp báo thiện ác, cứ theo sự hiểu biết của riêng mình mà giải đáp cho người khác. Về đời khác có hay không, cứ theo ý kiến của người hỏi mà đáp đúng thể đúng thể. Về thiện, bất thiện, lại đáp chẳng phải thiên chẳng phải ác.) Đây là Bất tử kiểu loạn luận nói trong Phạm võng lục thập nhị kiến; 11. Chư pháp vô nhân tông, cũng gọi Vô nhân kiến luận 無因見論: Tông này vọng chấp các pháp đều tự nhiên sinh khởi chứ chẳng do nguyên nhân nào cả. Đây là Vô nhân luận nói trong Phạm võng lục thập nhị kiến.



[521b23] 1. **Nhân trung hữu quả luận:** Như có vị sa-môn hay bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Nhân của các pháp thì thường hằng, có đủ tánh của quả*”, chính là kiến chấp của ngoại đạo Vũ chúng⁸⁸⁹.

Hỏi: Vì lý do gì chư vị ngoại đạo khởi kiến như vậy, lập luận như vậy, cho rằng trong nhân của các pháp đã có tánh của quả?

Đáp: Do giáo và lý.

(1) Do giáo, là bậc thầy của họ đã lập ra giáo tạng, họ nghe theo, rồi truyền trao triển chuyển đến nay, tuyên thuyết rằng: “*Trong nhân trước đã có quả.*”

(2) Do lý, là các sa-môn hay bà-la-môn kia có tánh tầm tư, có tánh quán sát, trú tâm tư địa, trú tự biện địa, trú dị sinh địa, trú tùy tư duy quán sát hành địa.⁸⁹⁰ Họ tư duy như vậy: Nếu thể này từ thể kia

Ngoại đạo Vô nhân chủ trương thuyết này; 12. Thất sự đoạn diệt tông, cũng gọi Đoạn kiến luận 斷見論: Tông này vọng chấp rằng quả báo ở 7 nơi như: Thân chúng sinh ở cõi Dục và những người trời cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, sau khi chết đều đoạn diệt. Đây là đoạn diệt luận được nói trong Phạm võng lục thập nhị kiến do ngoại đạo Đoạn kiến chủ trương; 13. Nhân quả giai không tông, cũng gọi Không kiến luận 空見論: Tông này phủ nhận thuyết Nhân quả, vọng chấp tất cả đều là không; 14. Vọng kế tối thắng tông, cũng gọi Vọng kế tối thắng luận 妄計最勝論: Tông này vọng chấp rằng Bà la môn là chủng tộc tối thắng trong 4 chủng tộc, là con dân của Phạm vương, được sinh ra từ miệng của Phạm vương, 3 chủng tộc còn lại đều hèn kém, chẳng phải con dân của Phạm vương; 15. Vọng kế thanh tịnh tông, cũng gọi Vọng kế thanh tịnh luận 妄計清淨論: Tông này vọng chấp 5 món dục lạc mà các người trời đang thụ hưởng là hiện pháp Niết bàn, hoặc giữ gìn các giới như giới bò, giới chó, lấy việc ăn cỏ, ăn phân dê cầu được giải thoát. Các ngoại đạo Hiện pháp Niết bàn và ngoại đạo Thủy đẳng thanh tịnh chủ trương thuyết này; 16. Vọng kế cát tường tông, cũng gọi Vọng kế cát tường luận 妄計吉祥論: Tông này cho rằng cúng tế mặt trời, mặt trăng và các vì tinh tú là việc làm sẽ mang lại sự tốt lành, nhiều phúc báo... Đây là vọng kiến của ngoại đạo Lịch toán. Mười sáu tông trên đây có lẽ đã được căn cứ vào thuyết 62 kiến chấp nói trong kinh Phạm động, Trường A-hàm quyển 14 mà lập ra và ngoại trừ 7 tông là: Nhân trung hữu quả, Tùng duyên hiển liễu, Chư nhân túc tác, Hại vi chánh pháp, Nhân quả giai không, Vọng kế tối thắng, Vọng kế cát tường là không thấy có tông nào tương đương, còn các tông khác thì đều còn ý chỉ để lại. [X. kinh Phạm võng lục thập nhị kiến; kinh Đại Phật định thủ lảng nghiêm Q.10; luận Đại tỷ bà sa Q.199, 200; luận Du-già sư địa Q.87; Đại thừa pháp uyển nghĩa lâm chương Q.4, phần cuối; Tuệ lâm âm nghĩa Q.25; luận Thập trụ tâm Q.3]. (Tự điển Phật Quang)

889 Vũ chúng ngoại đạo 雨眾外道 (Vārsaganya): Các đệ tử của phái Số luận, bộ chủ của 18 bộ phái được phân ra từ Số luận. Thành duy thức luận thuật ký: “Vị bộ chủ của 18 bộ phái tên là Phạ-ly-sa (伐里沙, Vārsya) được dịch là Vũ. Vị ấy sinh ra lúc trời đang mưa nên đặt tên Vũ. Đồ đệ của Vũ gọi là ngoại đạo Vũ chúng.” (tr. 252b01-03)

890 Tầm tư: phát động tìm cầu nơi ý ngôn cảnh. Quán sát: quan sát triệt để nơi ý ngôn cảnh. Tầm



sinh, vậy thì tất cả người thế gian cùng hiểu biết, cùng xác lập rằng, cái kia là nhân của cái này, chẳng phải cái khác. Lại nữa, người trên thế gian muốn tìm quả này thì chỉ cần chọn lấy nhân này, không chọn lấy nhân khác. Lại nữa, ngay trong các sự kia, gia công kiến tạo như vậy như vậy, không phải [gia công kiến tạo] ở sự khác. Lại nữa, nếu quả kia chính là từ cái kia sinh, không từ cái khác sinh, cho nên trong nhân nhất định đã có quả. Nếu điều đó không đúng thì nên lập “*Tất cả pháp đều là nhân sinh tất cả pháp.*”⁸⁹¹ Lại nữa, tìm một quả bằng cách chọn lấy tất cả pháp làm nhân.⁸⁹² Lại nữa, nơi tất cả sự, gia công kiến tạo để tìm một quả.⁸⁹³ Lại nữa, từ tất cả pháp sinh ra tất cả quả.⁸⁹⁴ Tóm lại, do sự kiến tạo, do chọn lấy, do tác sự, do sinh ra, chư vị ngoại đạo thấy “*trong nhân thường có tánh của quả.*”

[521c11] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Tướng nhân và tướng quả là khác nhau hay không khác nhau? (1) Nếu tướng nhân và tướng quả không khác nhau thì không xác định được thể nào là nhân, thể nào là quả. Do đó, tướng nhân và tướng quả không có sai biệt, thể mà nói trong nhân có quả, điều đó không đúng đạo lý.⁸⁹⁵ (2) Ông nghĩ thể

tư địa: chưa lìa ý muốn tầm tư. Tự biện địa: đầy đủ biện tài, hình thành lập luận. Dị sinh địa: chưa đoạn kiến sở đoạn pháp chủng tử nơi 3 cõi. Tùy tư duy quán sát hành địa: chưa được tuệ xuất thế gian của chư Thánh giả.

891 Trong sữa vốn không có tánh của bơ (chesse) mà bơ vẫn sinh ra. Như vậy nước v.v... trong các pháp mà không có tánh của bơ thì lẽ ra chúng phải sinh ra bơ. Nếu nói nước v.v... các pháp vốn không có tánh của bơ mà tạo ra được bơ, thì nên nói là “tất cả pháp đều là nhân sinh tất cả pháp.”

892 Như cầu một quả là bơ thì nên chọn lấy tất cả pháp (không phải bơ) làm nhân. Nhưng trong các nhân ấy lại không có tánh của quả, như ủ nước thì vĩnh viễn không sinh ra bơ.

893 Nếu trong sữa không có tánh của bơ, thì người cầu bơ phải nên gia công chế tạo từ các pháp (không phải sữa) cũng được vậy.

894 Nếu trong sữa vốn không có tánh của bơ, mà bơ vẫn sinh ra, như vậy trong sữa không có tánh của pháp khác (không phải bơ) lẽ ra cũng nên sinh ra pháp khác (không phải bơ). Nói cách khác, các pháp khác vốn không có tánh của bơ cũng nên sinh ra bơ.

895 Nói nhân sữa có nơi quả bơ, thể mà nói nhân và quả không khác nhau; vì không khác nhau thì phải nói là không có nhân quả. Chấp trong nhân có quả là không đúng.



nào, nếu nhân quả khác nhau⁸⁹⁶, thể thì ở trong nhân, thể của quả là chưa sinh tướng, hay là đã sinh tướng? (a) Nếu nói chưa sinh tướng thì ở trong nhân kia, quả còn chưa sinh mà nói là đã có quả, điều này không đúng đạo lý. [Nên kết luận rằng, trong nhân không có quả.] (b) Nếu nói đã sinh tướng, tức là thể của quả đã sinh, vì sao lại nói quả từ nhân sinh, điều này không đúng đạo lý. [Nên kết luận rằng, quả của tất cả pháp không từ nhân sinh.] Tóm lại, trong nhân trước chẳng có quả, hẳn nhiên là có nhân cần phải đợi duyên thì mới sinh.

[521c19] Về pháp hữu tướng kia, ở trong pháp hữu tướng, do liễu tri năm tướng khả đắc: 1. Liễu tri xứ sở khả đắc: như nước trong cái vại; 2. Liễu tri sở y chi khả đắc: như nhãn thức trong mắt; 3. Liễu tri nơi tự tướng khả đắc: như tự thể của nhân, không do so sánh; 4. Liễu tri nơi nghiệp tự tác khả đắc; 5. Do nhân biến dị nên quả biến dị khả đắc, hoặc do duyên biến dị nên quả biến dị khả đắc. Qua năm tướng này mà chư vị ngoại đạo thường xuyên và vĩnh viễn nói rằng “*trong nhân có quả*.” Do những nghĩa này, chư vị ngoại đạo đã lập luận, nói năng không đúng đạo lý.

Như vậy, tướng nhân và tướng quả không khác nhau, tướng nhân và tướng quả khác nhau, chưa sinh tướng quả, đã sinh tướng quả đều không đúng đạo lý.

[521c27] 2. **Tùng duyên hiển liễu luận:** Như có vị sa-môn hay bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Thể của tất cả các pháp thì tự nó vốn có, từ các duyên mới hiển lộ rõ ràng, không phải do duyên sinh ra nó.*” Luận sư *Nhân trung hữu quả* và luận sư *Thanh tướng*⁸⁹⁷ khởi chấp như vậy.

896 Tức chấp thể là một, tướng thì khác nhau: tướng quả tức là nhân, tướng nhân tức là quả.

897 Thanh tướng tông 聲相宗: Tông phái ngoại đạo chấp nhận âm thanh là bản hữu, thường hằng, không sinh không diệt.



[522a02] Hỏi: Vì lý do gì luận sư *nhân trung hữu quả* chủ trương trong nhân của các pháp trước có tánh của quả, từ duyên mới hiển lộ nhận biết?

Đáp: Do giáo và lý.

(1) Do giáo, là bậc thầy của họ đã lập ra giáo tạng, họ nghe theo, rồi truyền trao triển chuyển đến nay, tuyên thuyết rằng: “*Trong nhân của các pháp trước có tánh của quả, từ duyên mới hiển lộ nhận biết.*”

(2) Do lý, là các sa-môn hay bà-la-môn kia có tánh tầm tư, có tánh quán sát, trú tầm tư địa, trú tự biện địa, trú dị sinh địa, trú tùy tư duy quán sát hành địa. Họ tư duy như vậy: Quả vốn có từ trước và từ nhân sinh ra. Điều này không đúng đạo lý. Chẳng lẽ không dụng công mà thành tựu quả? Lại lấy duyên gì để làm công dụng? Chẳng lẽ chỉ vì sự hiển lộ nhận biết quả mà chư vị ngoại đạo khởi tư duy tùy tiện như vậy, rồi nói ra *tùng duyên hiển liễu luận*?

[522a09] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Không có chướng duyên vẫn có chướng ngại, hay có chướng duyên mới có chướng ngại?

(1) Nếu nói không có chướng duyên, tức là nói không có chướng duyên vẫn có chướng ngại. Điều này không đúng đạo lý [vì tự mâu thuẫn].

(2) Nếu nói có chướng duyên, thì cái nhân thuộc quả, tại sao nó không có chướng ngại khi cùng hiện hữu với quả? Thí dụ, bóng tối chướng ngại nước trong cái vại, thì cũng có thể chướng ngại cái vại.⁸⁹⁸ (3) Nếu nói chướng duyên cũng là chướng nhân thì nên nói đến cái nhân hiển lộ cũng bị chướng ngại, thế mà ông chỉ nói trong cái nhân hiển lộ trước đã có tánh của quả, mà không đề cập gì đến cái nhân hiển lộ. Điều này không đúng đạo lý.

898 Chướng duyên là bóng tối. Nhân là cái vại. Quả là nước trong cái vại. Bóng tối không chướng ngại được cái vại, nên không thể nói chướng duyên cũng chướng ngại nhân.



[522a15] Tôi lại hỏi ông, vì tánh hữu là chướng duyên, hay vì tánh quả là chướng duyên? (1) Nếu nói tánh hữu là chướng duyên, thế mà tánh hữu ấy thường không hiển lộ nhận biết [nó là chướng duyên]. Điều này không đúng đạo lý. Lại nữa, nhân cũng là tánh hữu, tại sao nó không là chướng duyên. (2) Nếu nói tánh quả là chướng duyên, thì như vậy một pháp vừa là nhân, vừa là quả. Như mầm (: nhân) là chủng tử, quả là thân, cành, lá v.v... Nhân và quả là một pháp mà vừa hiển lộ, vừa không hiển lộ, điều này không đúng đạo lý.

[522a20] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Sự hiển lộ và pháp bản hữu là một, hay là khác? (1) Nếu nói là một thì pháp bản hữu kia thường hiển lộ, hiển lộ rồi, hiển lộ lần nữa. Điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu nói là khác thì sự hiển lộ này là không có nhân, hay là có nhân? (a) Nếu không có nhân, thì làm sao không có nhân mà hiển lộ. Điều này không đúng đạo lý. (b) Nếu có nhân, thì tánh của quả có thể hiển lộ, không phải là tánh của nhân [có thể hiển lộ]. Cái nhân không hiển lộ mà có khả năng hiển lộ ra quả, điều này không đúng đạo lý.

Như vậy, không có chướng duyên, có chướng duyên, tướng hữu, tướng quả, hiển lộ là một, hiển lộ là khác, đều không đúng đạo lý. Vì vậy ông nói, nếu pháp tánh mà không thì không có tướng; nếu pháp tánh mà có thì có tướng; nếu pháp tánh là không, thì không thể hiển lộ nhận biết; nếu pháp tánh là có, thì có thể hiển lộ nhận biết. Tất cả đều không đúng đạo lý.

[522b01] Tôi nay nói sơ lược: Các pháp tuy thật là có mà không thể thủ đắc, hoặc có ở xa nên không thể thủ đắc, hoặc do bị chướng ngại bởi bốn thứ chướng nhân nên không thể thủ đắc, hoặc cực vi tế nên không thể thủ đắc, hoặc tâm tán loạn nên không thể thủ đắc, hoặc các căn bị tổn hoại nên không thể thủ đắc, hoặc chưa được trí tương



ung với đối tượng nên không thể thủ đắc. Như lập luận “*trong nhân có quả, từ duyên hiển lộ*” là không đúng đạo lý. Nên biết lập luận của Thanh tướng cũng không đúng đạo lý. Chỗ sai biệt ở đây là các luận sư Ngoại thanh khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Thanh tướng là bản hữu, không sinh không diệt, do nói ra mới hiển lộ nhận biết được, nhưng thể của âm thanh là thường hằng.*” Luận thuyết này không đúng, nó giống luận thuyết “*tùng duyên hiển liễu.*”

[522b10] 3. **Khứ lai thật hữu luận:** Như có vị sa-môn hay bà-la-môn ở trong pháp này, do không chánh tư duy mà khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Có quá khứ, có vị lai; tự tướng [của quá khứ và vị lai] thành tựu cũng như hiện tại thật có, chẳng phải giả.*”

Hỏi: Vì lý do gì chư vị ấy khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và do lý. (1) Do giáo thì như trước đã nói.

[522b16] Lại nữa, đối với pháp này chư vị ấy đã không có sự tư duy đúng đắn về *nhất thiết hữu* được dẫn trong kinh giáo. Như trong kinh có nói: “*Nhất thiết hữu tức là mười hai xứ.*” Tự tướng của mười hai xứ này là hữu. Lại như đức Bạc-già-phạm nói: “*Có nghiệp quá khứ.*”⁸⁹⁹ Lại trong kinh có nói: “*Có sắc quá khứ, có sắc vị lai, [có sắc hiện tại,] cho đến thức cũng như vậy.*”⁹⁰⁰

[522b20] (2) Do lý, là các sa-môn hay bà-la-môn kia có tánh tầm tư, có tánh quán sát, trú tâm tư địa, trú tự biện địa, trú dị sinh địa, trú

899 Kinh Đại bát niết bàn, phẩm Bồ tát Ca Diếp: “Phật dạy: Thiện nam tử! Như các chúng sinh đều có nghiệp quá khứ. Do nghiệp ấy mà chúng sinh hiện tại nhận chịu quả báo. Có nghiệp vị lai, nhưng vì chưa thọ sinh nên chưa sinh quả báo.” (No. 374, tr. 571c15)

900 Tạp A-hàm, kinh Sanh, số 79: “Một thời, Phật ở tại vườn Cấp-cô-độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỷ kheo: ‘Sắc quá khứ, vị lai còn là vô thường, hưởng nữa là sắc hiện tại. Đa văn Thánh đệ tử quán sát như vậy rồi, không nuôi tiếc sắc quá khứ, không cầu mong sắc vị lai, và đối với sắc hiện tại nhàm chán, ly dục, diệt tận. Đối với thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.’” (Thích Tuệ Sỹ dịch)



tùy tư duy quán sát hành địa. Họ tư duy như vậy: “*Nếu một pháp an trú tự tướng thì pháp ấy là chân thật có. Nếu một pháp là không có ở vị lai, là do chưa thọ nhận tự tướng vào thời gian đó. Nếu một pháp là không có ở quá khứ, là do thoái mất tự tướng vào thời gian đó.*” Nếu lập luận như vậy thì tự tướng của các pháp ắt phải không thành tự, bởi tánh của các pháp là không chân thật. Luận điểm này không đúng đạo lý là do chur vị ngoại đạo tư duy như vậy, khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Tánh tướng của quá khứ và vị lai là thật có.*”

[522b27] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Hai tướng quá khứ và vị lai cùng với tướng hiện tại là không khác tướng, hay là khác tướng? (1) Nếu không khác tướng thì lập ra tướng ba đời là không đúng đạo lý. (2) Nếu khác tướng thì nói tánh tướng thật có là không đúng đạo lý.

[522c01] Tôi xin hỏi ông, ông đáp tùy ý. [Luận điểm] rơi vào pháp ba đời là tướng thường, hay là tướng vô thường? (1) Nếu là tướng thường thì rơi vào ba đời, điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu là tướng vô thường thì ở trong ba đời hằng luôn thật có, điều này không đúng đạo lý.

[522c04] Tôi xin hỏi ông, ông đáp tùy ý. Có phải ông chấp pháp vị lai đi đến đời hiện tại? Chấp vị lai diệt mất rồi sinh đời hiện tại? Chấp pháp trú ở vị lai, pháp ấy làm duyên sinh đời hiện tại? Chấp vốn không có nghiệp dụng, nay có nghiệp dụng? Chấp tướng vốn không viên mãn, nay tướng viên mãn? Chấp tướng vốn khác, nay tướng khác? Chấp vị lai có phần tướng của hiện tại?

[522c09] (1) Nếu nói *pháp vị lai đi đến đời hiện tại*, thì phải có phương sở; vị lai và hiện tại phải không sai biệt, và phải là thường. Điều này không đúng đạo lý.

(2) Nếu nói *vị lai diệt mất rồi sinh đời hiện tại*, nghĩa là nói pháp



vị lai không sinh bây giờ, pháp hiện tại vốn không sinh bây giờ. Lại nữa, pháp vị lai chưa sinh mà nói diệt mất, là không đúng đạo lý.

(3) Nếu nói *pháp trú ở vị lai, pháp ấy làm duyên sinh đời hiện tại*, thì pháp ấy phải là thường. Lại nữa, vốn là không có mà nay sinh, chẳng phải pháp vị lai sinh, là không đúng đạo lý.

(4) Nếu nói *vốn không có nghiệp dụng, nay có nghiệp dụng*, nghĩa là nói vốn có, nay có, rồi lại có. Lỗi ở đây như trên có nói, nó không đúng đạo lý. Lại nữa, ông nghĩ thế nào về nghiệp dụng? Nghiệp dụng này cùng với bản pháp kia là có khác tướng, hay là không khác tướng? (a) Nếu khác tướng thì tướng của nghiệp dụng này không có ở vị lai. Điều này không đúng đạo lý. (b) Nếu không khác tướng thì vốn không có nghiệp dụng mà nay có nghiệp dụng. Điều này không đúng đạo lý.

[522c21] Nếu như chấp *không có nghiệp dụng* là có lỗi lầm, thì những sự chấp *tướng vốn không viên mãn, nay tướng viên mãn; tướng vốn khác, nay tướng khác; vị lai có phần tướng của hiện tại* cũng có lỗi lầm. Chỗ khác biệt ở đây là cái lỗi về tự thể tạp loạn, cho nên không đúng đạo lý: như vị lai hướng tới hiện tại, như hiện tại hướng tới quá khứ. Tùy theo trường hợp mà có những lỗi lầm, nên biết.

Trên đây là các lý do của sự chấp, và đã nói đạo lý phá các chấp ấy. Như vậy, *quá khứ vị lai thật hữu luận* đề cập đến tự tướng, cộng tướng; pháp vị lai đi đến đời hiện tại; vị lai diệt mất rồi sinh đời hiện tại; pháp trú ở vị lai làm duyên sinh đời hiện tại; vốn không có nghiệp dụng, nay có nghiệp dụng; tướng vốn không viên mãn, nay tướng viên mãn; tướng vốn khác, nay tướng khác; vị lai có phần tướng của hiện tại. Tất cả đều không đúng đạo lý.

[522c29] Như vậy là đã phá các chấp rồi, lại có nạn vấn: Nếu



quá khứ, vị lai là không có, vì sao duyên vào cái không có mà có sự hiểu biết chuyển? Nếu nói duyên vào cái không có mà có sự hiểu biết chuyển, vì sao không có lỗi đi ngược với giáo pháp, như nói “*Nhất thiết hữu tức là mười hai xứ*” ?

[523a03] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Thế gian thủ đắc hiểu biết cái không có, là khởi hiểu biết hay là không khởi hiểu biết?

(1) Nếu nói *không khởi hiểu biết* thì sự hiểu biết của [trí] *năng thủ vô ngã*, về sừng thỏ, đứa con của người đàn bà vô sinh v.v... phải không có. Điều này không đúng đạo lý. Lại nữa, đức Bạc-già-phạm có nói: “*Chư vị Thanh văn vô siểm khi chánh tu hành theo lời Ta dạy, nếu có biết là có, nếu không có biết là không có.*” Như vậy [không khởi hiểu biết là] không đúng đạo lý.

(2) Nếu nói *khởi hiểu biết*, theo ý của ông, sự thủ đắc không có hiểu biết là tác hữu hành, hay là tác vô hành?

(a) Nếu là *tác hữu hành*, thì sự thủ đắc không có hiểu biết mà tác hữu hành là không đúng đạo lý.

(b) Nếu là *tác vô hành*, theo ý của ông, sự hiểu biết mà vô hành là duyên với hữu sự mà chuyển, hay là duyên với vô sự mà chuyển?

(b1) Nếu là *duyên với hữu sự mà chuyển*, thì sự hiểu biết mà vô hành duyên với hữu sự mà chuyển là không đúng đạo lý. (b2) Nếu là *duyên với vô sự mà chuyển*, thì không có duyên với [đối tượng nào cả], không có sự hiểu biết, điều này không đúng đạo lý.

[523a13] Tuy nói “*Nhất thiết hữu tức là mười hai xứ*”, nhưng đối với hữu pháp, mật ý nói có hữu tướng; đối với vô pháp, mật ý nói có vô tướng. Vì sao? Là pháp hữu tướng, có thể nắm giữ hữu tướng; là pháp vô tướng, có thể nắm giữ vô tướng, cho nên đều gọi là pháp, đều gọi là hữu. Nếu có điều gì khác, thì đó là các vị tu hành chỉ biết nơi hữu,



không biết nơi vô, nên không quán sát một cách liên tục các pháp sở tri, đây là [sự thực hành] không đúng đạo lý.

Lại nữa, nói rằng “*Có nghiệp quá khứ*”, là do nghiệp này mà chúng sinh nhận chịu cảm thọ có tổn hại, cũng như cảm thọ không tổn hại.⁹⁰¹ Những cảm thọ ấy cũng dựa vào tập khí kia⁹⁰², mật ý giả nói các pháp là có. Ở trong các hành từng có nghiệp tịnh hay bất tịnh sinh diệt; do nhân duyên này, các hành kia vượt trội, biến khác, tương tục mà chuyển, gọi là *tập khí*. Do sự tương tục nhiếp giữ tập khí mà sinh ra quả [dị thực] khả ái hay không khả ái. Qua đây, tôi không có lỗi, còn ông không có đạo lý.

[523a24] Lại nữa, tuy nói rằng “*Có sắc quá khứ, có sắc vị lai, có sắc hiện tại, cho đến thức cũng như vậy.*” Đây cũng dựa vào ba thứ hành tướng, mật ý mà nói, đó là nhân tướng, tự tướng và quả tướng⁹⁰³. Dựa vào nhân tướng, mật ý nói có vị lai. Dựa vào tự tướng, mật ý nói có hiện tại. Dựa vào quả tướng, mật ý nói có quá khứ. Vì vậy tôi không có lỗi.

[523a29] Lại nữa, không nên nói quá khứ và vị lai là hữu tướng thật. Vì sao? Nên biết vị lai có mười hai thứ tướng: 1. Tướng nhân đã hiển lộ; 2. Tướng thể chưa sinh; 3. Tướng đợi duyên; 4. Tướng chủng loại đã sinh; 5. Tướng pháp phải sinh⁹⁰⁴; 6. Tướng pháp không thể sinh⁹⁰⁵; 7. Tướng tạp nhiễm chưa sinh; 8. Tướng thanh tịnh chưa sinh;

901 Cảm thọ có tổn hại là khổ thọ. Cảm thọ không tổn hại là lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ.

902 Tập khí chỉ cho nghiệp quá khứ (tịnh hay bất tịnh) dẫn dắt, chiêu cảm quả dị thực.

903 Nhân tướng: Pháp chưa thọ, đợi duyên sẽ sinh. Tự tướng: Pháp chánh thọ, thể chưa hoại diệt. Quả tướng: Pháp đã thọ, thể đã hoại diệt.

904 Tướng pháp phải sinh: Chỉ cho các pháp hệ thuộc 3 cõi, chưa đoạn, chưa diệt.

905 Tướng pháp không thể sinh: Chỉ cho pháp niết bàn.



9. Tướng nên mong cầu⁹⁰⁶; 10. Tướng không nên mong cầu⁹⁰⁷; 11. Tướng nên quán sát; 12. Tướng không nên quán sát.

Nên biết hiện tại cũng có mười hai thứ tướng: 1. Tướng quả đã hiển lộ; 2. Tướng thể đã sinh; 3. Tướng các duyên tụ hội; 4. Tướng chủng loại đã sinh; 5. Tướng sát na; 6. Tướng không sinh pháp lần nữa; 7. Tướng tạp nhiễm hiện; 8. Tướng thanh tịnh hiện; 9. Tướng khả hỷ lạc; 10. Tướng bất khả hỷ lạc; 11. Tướng nên quán sát; 12. Tướng không nên quán sát.

Nên biết quá khứ cũng có mười hai thứ tướng: 1. Tướng nhân đã qua; 2. Tướng duyên đã qua; 3. Tướng quả đã qua; 4. Tướng thể đã hoại; 5. Tướng chủng loại đã diệt; 6. Tướng không sinh pháp lần nữa; 7. Tướng tạp nhiễm lặng yên; 8. Tướng thanh tịnh lặng yên; 9. Tướng nên lưu luyến xứ⁹⁰⁸; 10. Tướng không nên lưu luyến xứ⁹⁰⁹; 11. Tướng nên quán sát; 12. Tướng không nên quán sát.

[523b15] 4. **Kế ngã [thật hữu] luận**: Như có vị sa-môn hay bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Có ngã, có tát-đỏa*⁹¹⁰, *có mạng giả, có sinh giả, có dưỡng giả, có số thủ thú giả, đại loại như vậy*⁹¹¹ là chắc thật, là thường còn.” Chư vị ngoại đạo khởi kiến chấp như vậy.

906 Tướng nên mong cầu: Là mong cầu phạm hạnh.

907 Tướng không nên mong cầu: Là mong cầu các dục, mong cầu hiện hữu, mong cầu tà phạm hạnh.

908 Tướng nên lưu luyến xứ: Là sự tịnh tu phạm hạnh.

909 Tướng không nên lưu luyến xứ: Là sự thọ dụng các dục.

910 Tát-đỏa = hữu tình.

911 Đại phẩm bát nhã, quyển 2 (La thập, T8n223, tr.230c11), có 16 biệt danh của ngã: chúng sinh, thọ giả, mạng giả, sinh giả, dưỡng dục giả, chúng số nhân, tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả. Danh sách theo Huyền Trang, Đại bát nhã, quyển 406 (T7n220, tr.29a29): hữu tình, mạng giả, sinh giả, dưỡng giả, sĩ phu, bồ-đặc-già-la, ý sinh, nho đồng, tác giả, thọ giả, tri giả, kiến giả. Số thủ thú 數取趣: Tức là bồ-đặc-già-la (s. pudgala). Bồ, có nghĩa là số. Đặc-già, có nghĩa là thủ, tức là chấp thủ. La, có nghĩa là thú, tức là cõi sống. Bồ đặc già là có nghĩa là cá nhân làm chủ các hoạt động tâm lý cũng như thân thể, mà nhiều lần chấp thủ cái thân năm uẩn, do đó phải luân hồi mãi trong các cõi sống.



Hỏi: Vì sao chư vị ngoại đạo khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và do lý. Do giáo thì như trước đã nói.

Do lý, là các sa-môn hay bà-la-môn kia có tánh tầm tư, có tánh quán sát, trú tâm tư địa, trú tự biện địa, trú dị sinh địa, trú tùy tư duy quán sát hành địa. Có hai nguyên do: 1. Trước không tư duy để hiểu biết, thiếu cân nhắc mà có hiểu biết về tát-đỏa; 2. Trước có tư duy để hiểu biết, sau mới có sự tạo tác.

Họ tư duy như vậy: Nếu không có ngã thì đối với năm sự⁹¹², không nên khởi năm hiểu biết về hữu ngã: 1. Thấy sắc hình, chỉ nên khởi hiểu biết về *sắc*, không nên khởi hiểu biết về tát-đỏa; 2. Thấy các hành thuận khổ và lạc, chỉ nên khởi hiểu biết về *thọ*, không nên khởi hiểu biết về tát-đỏa có hơn, có kém; 3. Thấy cái tên được lập ra, và tên ấy tương ưng *hành*, chỉ nên khởi hiểu biết về *tướng*, không nên khởi hiểu biết về tát-đỏa gồm có sát-đế-lợi, bà-la-môn, phệ-xá, thú-đạt-la, Phật-thọ, Đức-hữu⁹¹³ v.v...; 4. Thấy việc làm tịnh, bất tịnh tương ưng *hành*, chỉ nên khởi hiểu biết về *hành*, không nên khởi hiểu biết về tát-đỏa rằng có người trí, người ngu; 5. Thấy nơi cảnh giới có *thức* tùy chuyển, chỉ nên khởi hiểu biết về *tâm*, không nên khởi hiểu biết về tát-đỏa rằng “*tôi thấy, [nghe, hay, biết] v.v...*” Do trước không tư duy để hiểu biết, đối với năm sự này, chỉ khởi năm hiểu biết về tát-đỏa, không phải hiểu biết của các hành. Như vậy, trước không tư duy để hiểu biết, thấy mà thiếu cân nhắc nên khởi hiểu biết rằng “*có tát-đỏa.*”, để rồi xác quyết cho rằng có thật ngã.

[523c06] Lại nữa, họ tư duy như vậy: Nếu không có ngã, thì không nên ở nơi các hành, trước khởi tư duy để hiểu biết, sau mới có

912 Năm sự: Là 5 uẩn.

913 Tên người: Phật-thọ 佛授 (Buddhadatta), Đức-hữu 德友 (kalyāṇa-mitta).



sự tạo tác: Tôi dùng con mắt sẽ thấy các sắc, đang thấy các sắc, đã thấy các sắc. Hoặc là khởi tâm: Tôi không nên thấy. Những tác dụng đại loại như vậy đều do hiểu biết về ngã, mà hành đi trước dẫn dắt. Giống như con mắt và sự thấy, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, tạo tác thiện nghiệp, đình chỉ thiện nghiệp, tạo tác bất thiện nghiệp, đình chỉ bất thiện nghiệp, đại loại những sự như vậy đều do trước hết tư duy để hiểu biết, sau mới có được tác dụng. Những tác dụng như vậy chỉ ở nơi các hành là không đúng đạo lý. Do tư duy như vậy nên nói là có ngã.

[523c14] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Ông ngay nơi sự được thấy mà khởi hiểu biết về tát-đòa, hay là khác biệt với sự được thấy mà khởi hiểu biết về tát-đòa? (1) Nếu ngay nơi sự được thấy mà khởi hiểu biết về tát-đòa, thì ông không nên nói ngay nơi sắc, thọ, tưởng v.v... chấp có ngã, vì đó là sự hiểu biết điên đảo. (2) Nếu khác biệt với sự được thấy mà khởi hiểu biết về tát-đòa, thì ngã có hình lượng là không đúng đạo lý; ngã có hơn có kém, hoặc ngã là sát-đế-lợi, bà-la-môn v.v..., hoặc ngã là người trí, người ngu; hoặc ngã là thủ chấp cảnh giới của các sắc, thọ, v.v... thảy đều không đúng đạo lý.

[523c21] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Là chỉ nơi tự thể của pháp này mà khởi sự hiểu biết về pháp này, hay là nơi thể của pháp khác mà khởi sự hiểu biết về pháp này? (1) Nếu chỉ nơi tự thể của pháp này mà khởi sự hiểu biết về pháp này, tức ngay nơi sự được thấy, khởi hiểu biết về ngã của pháp này mà không cần gọi tên, là sự hiểu biết điên đảo. (2) Nếu nơi thể của pháp khác mà khởi sự hiểu biết về pháp này, tức tên gọi của tất cả cảnh giới là cái nhân của sự hiểu biết tất cả cảnh giới, điều này không đúng đạo lý.

[523c26] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Là khởi hay không khởi sự



hiểu biết về hữu tình nơi một số vô tình? Là khởi hay không khởi sự hiểu biết về vô tình nơi một số hữu tình? Là khởi hay không khởi sự hiểu biết về hữu tình nơi một số hữu tình khác? (1) Nếu là khởi sự hiểu biết, thì vô tình phải là hữu tình, hữu tình phải là vô tình, hữu tình khác phải là hữu tình khác nữa. Điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu không khởi sự hiểu biết, thì bác bỏ mọi hiện lượng, cũng không đúng đạo lý.

[524a02] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Sự hiểu biết chấp ngã là lấy nghĩa hiện lượng, hay là lấy nghĩa tỷ lượng? (1) Nếu sự hiểu biết chấp ngã là lấy nghĩa hiện lượng, thì chỉ có sắc uẩn, thọ uẩn, v.v... là nghĩa hiện lượng, còn ngã không phải nghĩa hiện lượng. Điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu sự hiểu biết chấp ngã là lấy nghĩa tỷ lượng, thì những người ngu si ấu trĩ chưa thể suy lường, họ sẽ thiếu cân nhắc mà khởi sự hiểu biết về ngã.

[524a06] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Sự tạo tác của thể gian là lấy sự hiểu biết làm nhân, hay là lấy ngã làm nhân? (1) Nếu lấy sự hiểu biết làm nhân, thì sự chấp rằng ngã có tạo tác là không đúng đạo lý. (2) Nếu lấy ngã làm nhân, thì trước đã tư duy để hiểu biết rồi có được sự tạo tác, điều này cũng không đúng đạo lý.

[524a10] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Nhân tạo tác mọi sự là vô thường, hay là thường? (1) Nếu nhân là vô thường, thì thể của nhân tạo tác là biến khác mà chấp ngã có tạo tác. Điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu nhân là thường, thì không có biến khác, không có pháp biến khác mà chấp có tạo tác. Điều này không đúng đạo lý.

[524a14] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Ngã là có động tác mà có năng lực tạo tác, hay ngã là không có động tác mà có năng lực tạo tác? (1) Ngã là có động tác mà có năng lực tạo tác, tức là thường tác, không phải tác lần nữa. (2) Ngã là không có động tác mà có năng lực



tạo tác, thì tánh không động tác mà có tạo tác, là không đúng đạo lý.

[524a19] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Là có nhân nên ngã có tạo tác, hay là không nhân nên ngã có tạo tác? (1) Nếu có nhân nên ngã có tạo tác, thì ngã ấy cũng nên do những nhân tố khác thúc đẩy phát khởi mới có tạo tác. Điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu không có nhân nên ngã có tạo tác, thì phải ở mọi thời gian tạo tác tất cả sự. Điều này không đúng đạo lý.

[524a23] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Ngã ấy dựa vào tự thân nên có năng lực tạo tác, hay ngã ấy dựa vào người khác nên có năng lực tạo tác? (1) Nếu ngã dựa vào tự thân, thì ngã ấy chính nó tạo ra các khổ già, bệnh, chết, các sự tạp nhiễm, thanh tịnh v.v... Điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu ngã dựa vào người khác, thì sự chấp rằng *ngã có tạo tác* là không đúng đạo lý.

[524a27] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Sự thi thiết hữu ngã là ngay nơi uẩn? Là ở trong các uẩn? Là chỗ khác ở ngoài uẩn? Là không phải uẩn tánh?

(1) Nếu sự thi thiết hữu ngã là ngay nơi uẩn, thì ngã và uẩn không có sai biệt, nhưng lại chấp có cái ngã là chắc thật, là thường còn. Điều này không đúng đạo lý.

(2) Nếu sự thi thiết hữu ngã là ở trong các uẩn, thì ngã ấy là thường, hay là vô thường? Nếu ngã ấy là thường, thì cái ngã thường trú phải không bị tổn ích bởi các khổ lạc. Điều này không đúng đạo lý. Nếu không có tổn ích mà lại sinh khởi pháp và phi pháp⁹¹⁴, là không đúng đạo lý. Nếu không có sinh khởi pháp và phi pháp thì các uẩn thân phải hoàn toàn không sinh khởi. Lại nữa, nếu không do dụng công, ngã ấy phải thường giải thoát. Nếu ngã ấy là vô thường, thì tách rời uẩn thể

914 Chánh hành là pháp. Tà hành là phi pháp.



mà các pháp ở ngoài có sinh, có diệt, lưu chuyển liên tục là không thể có được. Điều này không đúng đạo lý. Lại nữa, ở nơi này hoại diệt, sau đó ở nơi khác không tạo tác mà có được. Vì có lỗi lầm lớn nên không đúng đạo lý.

(3) Nếu sự thi thiết hữu ngã là chỗ khác ở ngoài uẩn, thì cái ngã mà ông chấp vào phải là vô vi.⁹¹⁵

(4) Nếu sự thi thiết hữu ngã là không phải uẩn tánh, thì ở trong mọi thời gian, ngã phải không có nhiễm ô. Lại nữa, ngã ấy và thân thể không nên phụ thuộc lẫn nhau. Điều này không đúng đạo lý.

[524b11] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Cái ngã ông chấp vào chính là sự thấy, nghe, hay, biết⁹¹⁶, hay là tách rời sự thấy, nghe, hay, biết?

(1) Nếu cái ngã ông chấp vào chính là sự thấy, nghe, hay, biết, thì ngay trên sự thấy, nghe, hay, biết, giả lập có chủ thể thấy, nghe, hay, biết⁹¹⁷? Hay là tách rời sự thấy, nghe, hay, biết, biệt lập có chủ thể thấy, nghe, hay, biết?

Nếu ngay trên sự thấy, nghe, hay, biết, giả lập có chủ thể thấy, nghe, hay, biết, tức là sự thấy, nghe, hay, biết là chủ thể thấy, nghe, hay, biết. Qua đó ông thiết lập ngã là chủ thể thấy, nghe, hay, biết. Điều này không đúng đạo lý, bởi vì không có sai biệt giữa chủ thể thấy, nghe, hay, biết và sự thấy, nghe, hay, biết.

(2) Nếu tách rời sự thấy, nghe, hay, biết, biệt lập có chủ thể thấy, nghe, hay, biết, thì các pháp được thấy, nghe, hay, biết là *nghiệp dụng được hoàn thành bởi ngã*, hay là *công cụ được chấp trì bởi ngã*?

915 Uẩn là vô thường, nên là hữu vi. Nếu ngã ở một chỗ khác nằm ngoài uẩn thì ngã ấy phải là vô vi, vì chỗ khác đó khác biệt với uẩn.

916 Kiến, văn, giác, tri: Thấy, nghe, hay, biết: 4 chữ bao gồm 6 thức: thấy là nhãn thức, nghe là nhĩ thức, hay là tỷ thức, thiết thức và thân thức, biết là ý thức.

917 Chánh văn là năng kiến giả đẳng tướng 能見者等相, chỉ người thấy, người nghe, người hay, người biết.



(a) Nếu các pháp là *nghiệp dụng được hoàn thành bởi ngã*, thì cái ngã ấy (a1) ví như là chủng tử, nó phải vô thường. (a2) Nếu giả lập sĩ phu⁹¹⁸, ví như người thợ gốm, [tạo tác mọi thứ đồ dùng]⁹¹⁹, thì ngã ấy phải là vô thường, phải là giả lập, mà ông cho là thường còn, là chắc thật. Điều này không đúng đạo lý. (a3) Nếu giả lập sĩ phu, ví như người đầy đủ thần thông, tùy ý tự tại tạo tác mọi thứ⁹²⁰, thì ngã ấy phải là vô thường, phải là giả lập. Điều này cũng như ví dụ trên, không đúng đạo lý. (a4) Nếu ví như địa đại, ngã ấy phải là vô thường. Lại nữa, cái ngã mà ông chấp vào, nó không như địa đại, vì rõ ràng địa đại có tác nghiệp. Điều này không đúng đạo lý. Vì sao? Địa đại ở thế gian tạo tác nghiệp dụng, rõ ràng có thể biết được, nghĩa là nó duy trì vạn vật khiến không ngã đổ. Ngã không có nghiệp dụng rõ ràng có thể biết được như địa đại. (a5) Nếu ví như hư không, ngã ấy phải là không có các pháp. Điều này không đúng đạo lý. Vì sao? Chỉ vì các sắc không có nên giả lập hư không. Hư không tuy là giả có, vẫn có nghiệp dụng rõ ràng có thể biết được, không phải như cái ngã được chấp. Điều này không đúng đạo lý. Hư không nơi thế gian, tạo tác nghiệp dụng, rõ ràng có thể biết được, nghĩa là do có hư không mới có được các nghiệp dụng đứng lên, đi lại, co duỗi v.v... Cho nên sự thấy, nghe, hay, biết là *nghiệp dụng được hoàn thành bởi ngã*. Điều này không đúng đạo lý.

(b) Nếu các pháp là *công cụ được chấp trì bởi ngã*, (b1) thì ví như cái liềm, như tách rời cái liềm mà có vật khác cũng có tác dụng cắt đứt; như vậy, tách rời sự thấy, nghe, hay, biết, ở trên vật khác không thể có được nghiệp dụng thấy, nghe, hay, biết. Điều này không đúng

918 Sĩ phu là biệt danh của ngã.

919 *Người thợ gốm* làm ra đủ thứ đồ dùng: chum, vại, bình hoa, ấm trà v.v... các đồ dùng ấy được làm ra, là pháp hữu vi, hữu hình tất hữu hoại, vô thường.

920 Mọi thứ từ thần thông biến hóa vẫn là pháp hữu vi, vô thường, giả lập.



đạo lý. (b2) Nếu ngã ví như lửa, thì là uổng công chấp trước nơi ngã. Điều này không đúng đạo lý. Vì sao? Lửa ở thế gian, lia người thiêu đốt, nó cũng có tánh tự thiêu đốt. Nếu nói tách rời chủ thể thấy, nghe, hay, biết, riêng có cái ngã, tức là nói các sắc thái của ngã được chấp thì trái ngược với tất cả lượng⁹²¹. Điều này không đúng đạo lý.

Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Cái ngã ông chấp vào là tương ung với sắc thái nhiễm tịnh mà có nhiễm tịnh, hay là không tương ung với sắc thái nhiễm tịnh mà có nhiễm tịnh? (1) Nếu cái ngã ông chấp vào là tương ung với sắc thái nhiễm tịnh mà có nhiễm tịnh, tức là ở trong các hành có bệnh dịch, tai họa đột ngột, và chúng ngưng dứt những thuận ích có được: tức là các hành kia tuy không có ngã mà nói chúng tương ung với sắc thái nhiễm tịnh. Đối với ngoại vật, nội thân cũng vậy, tuy không có ngã cũng có nghĩa nhiễm tịnh thành lập. Vì lẽ đó ông chấp ngã, điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu cái ngã ông chấp vào là không tương ung với sắc thái nhiễm tịnh mà có nhiễm tịnh, thì lia sắc thái nhiễm tịnh mà nói ngã có nhiễm tịnh, là không đúng đạo lý.

[524c17] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Cái ngã ông chấp vào là tương ung với sắc thái lưu chuyển mà có sự lưu chuyển và ngưng dứt, hay là không tương ung với sắc thái lưu chuyển mà có sự lưu chuyển và ngưng dứt? (1) Cái ngã ông chấp vào là tương ung với sắc thái lưu chuyển mà có sự lưu chuyển và ngưng dứt, thì đối với các hành, có năm sắc thái lưu chuyển: 1. Có nhân; 2. Có thể sinh; 3. Có thể diệt; 4. Triển chuyển liên tục sinh khởi; 5. Có biến dị. Trong các hành có những sắc thái lưu chuyển này, tức là có tác dụng lưu chuyển, như ở thân thể, cái mầm, dòng sông, đèn cây, cỗ xe v.v..., tuy

921 Tất cả lượng: Hiện lượng, tỷ lượng và Thánh giáo lượng.



không có ngã nhưng các hành ấy vẫn có sự lưu chuyển và ngưng dứt. Vì sao phải chấp ngã? (2) Cái ngã ông chấp vào là không tương ưng với sắc thái lưu chuyển mà có sự lưu chuyển và ngưng dứt, tức là ngã ấy không có sắc thái lưu chuyển mà có sự lưu chuyển và ngưng dứt, là không đúng đạo lý.

[524c27] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Có phải cái ngã ông chấp vào là biến khác do cảnh giới sinh ra, như khổ, vui, gọi là thọ giả; biến khác do tư duy và tác nghiệp, gọi là tác giả, và biến khác do phiền não, tùy phiền não v.v... [không còn], gọi là giải thoát giả? Có phải cái ngã ông chấp vào là không có biến khác của những điều trên mà gọi là thọ giả, tác giả và giải thoát giả? (1) Nếu ngã là sự biến khác của những điều trên, tức là nói các hành chính là thọ giả, tác giả và giải thoát giả. Vì sao ông phải chấp ngã? Giả thử cho đó là cái ngã, thì ngã ấy phải vô thường. Điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu ngã không có sự biến khác của những điều trên, tức là ngã ấy không biến khác, mà nói ngã chính là thọ giả, tác giả và giải thoát giả, là không đúng đạo lý.

[525a06] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Có phải ông chỉ vin vào ngã mà nói là tác giả, hay là vin vào pháp nào khác mà nói là tác giả? (1) Nếu chỉ vin vào ngã, thì người thế gian không nên nói lửa là người thiêu đốt, ánh sáng là nguồn soi chiếu. (2) Nếu vin vào pháp nào khác, thì ngay nơi các căn của sự thấy, nghe, hay, biết đều gọi là tác giả. Vô ích để phân biệt ngã, vì điều này không đúng đạo lý.

Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Có phải ông chỉ vin vào ngã mà kiến lập làm ngã, hay là vin vào pháp nào khác mà kiến lập làm ngã? (1) Nếu vin vào ngã mà kiến lập làm ngã, thì người thế gian không nên giả thuyết cái thân sĩ phu kêu là Đức-hữu, Phật-thọ, v.v... (2) Nếu vin vào pháp nào khác mà kiến lập làm ngã, thì chỉ ở nơi các hành



giả thuyết gọi là ngã, cần gì chấp có cái ngã riêng biệt ư? Vì sao? Các người thế gian chỉ nơi cái thân sĩ phu giả thuyết, khởi ý tưởng về hữu tình, lập cái tên của hữu tình, nói mình và người có sai biệt.

Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Cái thấy chấp ngã là thiện, hay là bất thiện? (1) Nếu cái thấy chấp ngã là thiện, thì tại sao người cực ngu si khởi ngã kiến một cách thâm sâu? Lại nữa, cái thấy ấy không do phương tiện, thiếu cân nhắc vẫn khởi được. Lại nữa, cái thấy ấy có thể làm cho chúng sinh sợ hãi đối với sự giải thoát. Lại nữa, cái thấy ấy có năng lực tăng thêm các điều ác, tội lỗi. Những điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu cái thấy chấp ngã là bất thiện, thì không nên nói [hữu ngã] là đúng và [hữu ngã] là không phải điên đảo. Thế của cái ngã được chấp là thật có, đó là ý tưởng điên đảo, không đúng đạo lý.

[525a22] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Cái thấy không có ngã là thiện, hay là bất thiện? (1) Nếu cái thấy không có ngã là thiện, thì ở trên cái ngã thường trú, thật có kia, thấy không có cái ngã, mà thấy đó là tánh thiện, không phải cái thấy điên đảo. Điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu cái thấy không có ngã là bất thiện, thì những gì mà tất cả người trí tuyên thuyết, như sự tinh cần, phương tiện được sinh khởi khiến cho chúng sinh không sợ hãi đối với sự giải thoát, có thể mau chứng quả bạch tịnh, như thật đối trị các điều ác, tội lỗi, đều là không đúng đạo lý.

[525a28] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Ngay nơi ngã tánh, tự chấp có ngã? Là do ngã kiến? (1) Ngay nơi ngã tánh, tự chấp có ngã, thì ở trong mọi thời gian không nên có cái nhận biết không có ngã. (2) Nếu do ngã kiến, thì tuy không có thật ngã, nhưng do cái lực của ngã kiến mà ở trong các hành, vọng gọi là có ngã. Cho nên ông chấp có cái ngã chắc thật cố định, là không đúng đạo lý.



[525b04] Như vậy, (1) trước không hiểu biết, [thiếu cân nhắc] mà khởi hiểu biết về tát-đỏa; (2) trước có tư duy để hiểu biết, thấy có sự tạo tác; (3) ở trong các uẩn kiến lập là có; (4) do nơi các tướng ở trên kiến lập làm có; (5) kiến lập tạp nhiễm và thanh tịnh; (6) kiến lập lưu chuyển và ngưng dứt; (7) kiến lập thọ giả, tác giả và giải thoát giả; (8) thi thiết có tác giả; (9) thi thiết ngôn thuyết; (10) thi thiết cái thấy; [tất cả đều là] chấp trước cái ngã thật có, đều không đúng đạo lý.

[525b10] Lại nữa, tôi nay sẽ nói sắc thái của cái ngã đệ nhất nghĩa⁹²². Cái gọi là ngã chỉ là nơi các pháp giả lập là có, không phải thật có ngã. Tuy nhiên, cái ngã giả lập này không thể nói ra rằng tánh của nó cùng với các pháp kia⁹²³ là khác, hay là không khác⁹²⁴. Chớ bảo rằng cái ngã này là thật có thể tánh, hoặc các pháp kia tức là tánh tướng của ngã.

Lại nữa, cái ngã giả lập này mang tánh chất vô thường, không phải tánh thường hằng, không phải tánh an ổn⁹²⁵, là tánh biến động tan rã, là pháp tướng sinh khởi, pháp tướng già bệnh chết, chỉ là tướng của các pháp, chỉ là tướng khổ não, vì thế đức Bạc-già-phạm có dạy: “*Chư vị bí-sô nên biết, ở trong các pháp giả thi thiết có ngã. Ngã này là vô thường, không thường hằng, không thể an ổn, là pháp biến động tan rã, ...*” Như vậy nói rộng. Nên biết có bốn lý do mà trong các hành giả lập có ngã: Một là, người thế gian giao tiếp nói năng dễ dàng; hai là, muốn tùy thuận người thế gian; ba là, muốn đoạn trừ nỗi sợ hãi về sự

922 Đệ nhất nghĩa ngã = Chân thật nghĩa ngã.

923 Các pháp = năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

924 Nói là khác, tức tự nhận ngã có thật thể. Nói là không khác, thì phủ nhận tánh vô thường của các pháp, tánh y tha của các pháp: các pháp biểu hiện thật không có, nhưng y tha không phải toàn không.

925 Không phải tánh an ổn: không an trú lâu, không trú vững chắc, không trú cố định.



xác quyết không có ngã; bốn là, tuyên thuyết rằng mình và người có thể thành tựu công đức, thành tựu tội lỗi, khiến khởi tâm tin hiểu chắc chắn. Như vậy, *chấp hữu ngã luận* không phải là luận thuyết đúng đắn.

[525b23] 5. **Kế thường luận:** Như có vị sa-môn hay bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Ngã và thế gian đều là thường trú, chẳng phải tạo tác, chẳng phải là được tạo tác; chẳng phải biến hóa, chẳng phải là được biến hóa, không thể tổn hại, tích tụ mà an trú, như cỏ y-sur-ca* ⁹²⁶.”⁹²⁷ Kế thường luận là chấp biên tế quá khứ⁹²⁸: nói tất cả là thường, nói một phần là thường⁹²⁹, và chấp biên tế vị lai: nói hữu tướng, nói vô tướng, nói phi tướng phi phi tướng⁹³⁰. Lại kiến chấp rằng các cực vi là thường trú. Chư vị ngoại đạo khởi chấp như vậy.

Hỏi: Vì sao chư vị ngoại đạo khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Ngã và thế gian đều là thường trú.*”?

926 Y-sur-ca 伊師迦 (isyk): Còn được dịch là đấng tâm thảo 燈心草. Một loài cỏ có tính bền bỉ, chắc chắn, dùng để ví với những gì chắc chắn, không thể phá hoại. Sách Du-già sư địa luận lược toàn 瑜伽師地論略纂, quyển 3, có viết: “Có loài cỏ tên y-sur-ca, bản tính bền chắc.” (No. 1829, tr. 38b12)

927 Tạp A-hàm, kinh Thất thân, số 161: “Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: ‘Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vậy, nói như vậy: ‘Có bảy thân, chẳng phải tạo tác, chẳng phải là được tạo tác; chẳng phải biến hóa, chẳng phải là được biến hóa, là chắc thật, không dao động, không giết. Những gì là bảy? Đó là: thân đất, thân nước, thân lửa, thân gió, khổ, lạc, mạng. Bảy loại thân này chẳng phải tạo tác, chẳng phải là được tạo tác; chẳng phải biến hóa, chẳng phải là được biến hóa, là chắc thật, không dao động, không giết, không chuyển, không biến, không bức bách nhau; hoặc phước, hoặc ác, hoặc phước ác; hoặc khổ, hoặc vui, hoặc khổ vui; hoặc người bị bêu đầu, hoặc người chém đầu, cũng không bức bách thế gian; hoặc mạng, hoặc thân, trong khoảng bảy thân, chịu đựng đao đâm qua lại cũng không hại mạng; ở đây không giết, không người giết; không trói buộc, không người trói buộc; không nhớ nghĩ, không người nhớ nghĩ; không dạy dỗ, không người dạy dỗ?’” (Thích Đức Thắng dịch)

928 Tiền tế: biên tế phía trước, chỉ quá khứ tối sơ. Trường A-hàm, kinh Phạm động: “‘‘Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn, bằng vô số phương tiện, nhập định ý tam-muội, rồi bằng tam-muội tâm, nhớ lại hai mươi thành kiếp và hoại kiếp (bốn mươi thành kiếp và hoại kiếp/ tám mươi thành kiếp và hoại kiếp). Vị ấy bèn nói như vậy: Bản ngã và thế gian thường tồn.’” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

929 Một phần là thường thì phần còn lại là vô thường. Nói cách khác là ‘một nửa thường, một nửa vô thường.’

930 Phi tướng phi phi tướng = phi hữu tướng phi vô tướng. Thức vô biên xứ là Hữu tướng, Vô sở hữu xứ là Vô tướng, Phi tướng phi phi tướng xứ là Phi hữu tướng phi vô tướng. Chư vị ngoại đạo chấp ‘Ngã và thế gian là hữu tướng/ vô tướng/ phi tướng phi phi tướng.’



Đáp: Lý do của họ chấp có nói rộng ở trong kinh⁹³¹, tùy trường hợp mà nhận biết cạn kẽ. Ở đây, chấp biên tế quá khứ: (1) là hoặc dựa vào tịnh lự bậc thấp, bậc vừa hay bậc cao⁹³², khởi túc trú tùy niệm⁹³³ nhưng không khéo duyên khởi nên đối với các hành quá khứ chỉ có ức niệm, không như thật tri, chấp đời quá khứ cho là biên tế phía trước, phát khởi *thường kiến*; (2) hoặc dựa vào thiên nhãn, chấp đời hiện tại cho là biên tế quá khứ [của vị lai], không như thật tri đối với sát-na sinh diệt lưu chuyển của các hành. Lại thấy các thức lưu chuyển tương tục, từ thế giới này đến thế giới kia, không có chấm dứt, cho nên phát khởi *thường kiến*. Hoặc thấy Phạm vương tùy ý thành lập; hoặc thấy bốn đại chủng biến đổi; hoặc thấy các thức biến đổi.

Chấp biên tế vị lai: là đối với tướng và thọ, tuy thấy sai biệt nhưng không thấy tự tướng của ngã có sai biệt, cho nên phát khởi *thường kiến*, nói: “*Ngã và thế gian thấy đều thường trú.*”

Lại nữa, kiến chấp rằng các cực vi là thường trú: là dựa vào tịnh lự thế gian mà khởi kiến như vậy; do không như thật tri về duyên khởi [của sắc tụ] nên chấp hiện hữu [cực vi] xảy ra trước, rồi mới có quả tập khởi; chấp ly tán [cực vi] xảy ra trước, rồi mới có quả hoại diệt. Do nhân duyên này, họ cho rằng cần phải có tập hợp tánh của các cực vi mới có quả tướng của thô vật sinh khởi; thô vật dần dần ly tán cho đến cực vi thì trú, cho nên thô vật thì vô thường, cực vi thì thường trú.

[525c16] Ở đây, *chấp tiền tế, hậu tế thường trú luận* được nhiếp vào phần sai biệt tướng của *chấp ngã luận*. Ngã luận đã phá vỡ, nên biết, sai biệt tướng của ngã luận cũng phá vỡ xong.

931 Có 62 kiến chấp. Xem Trường A-hàm, kinh Phạm động; Trường bộ kinh, kinh Phạm võng.

932 Bậc thấp biết 20 thành kiếp và hoại kiếp quá khứ. Bậc vừa biết 40 thành kiếp và hoại kiếp quá khứ. Bậc cao biết 80 thành kiếp và hoại kiếp quá khứ.

933 *Túc trú tùy niệm*: Trí biết rõ những đời quá khứ của mình.



[525c19] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Ưc niệm về đời quá khứ là thủ các uẩn, hay là thủ ngã? (1) Nếu thủ các uẩn, thì kiến chấp “*ngã và thế gian là thường trú*” là không đúng đạo lý. (2) Nếu thủ ngã, thì ức niệm đời quá khứ, các loài hữu tình có tên như vậy, họ như vậy v.v...; tôi từng sống ở đó, có tên như vậy, họ như vậy, cho đến nói rộng. Điều này không đúng đạo lý.

[525c24] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Khi duyên với hiện tại, hòa hợp với sắc cảnh thì nhãn thức khởi. Đối với các cảnh khác mà không hiện tiền, không hòa hợp thì các thức khác diệt, hay là chuyển? (1) Nếu nói là các thức khác diệt, thì thức của diệt hoại mà chấp là thường, điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu nói là các thức khác chuyển, thì do một cảnh giới, trong mọi thời gian, tất cả thức khởi, là không đúng đạo lý.

[525c29] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Cái ngã ông chấp, do tướng tạo tác và thọ tạo tác, là có biến khác, hay là không có biến khác? (1) Nếu nói ngã là có biến khác, thì ông chấp “*ngã và thế gian là thường trú*” là không đúng đạo lý. (2) Nếu nói ngã là không có biến khác, thì đã có một tướng lại có đủ thứ tướng sinh khởi: có ít tướng và có vô lượng tướng. Điều này không đúng đạo lý.

[526a04] Lại nữa, [ngã mà] trước thuần có lạc, rồi sau thuần có khổ. Lại có khổ thọ, có lạc thọ, có bất khổ bất lạc thọ. Điều này không đúng đạo lý.⁹³⁴

934 Trường A-hàm, kinh Thanh tịnh, số 17: “Gọi là: Mạt kiếp mạt sanh. Ta cũng ghi nhận. Những gì là mạt kiếp mạt sanh được ta ghi nhận? Sắc là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng; đây là thật còn ngoài ra là đối. Vô sắc là ta, tùy theo tướng có cuối cùng. Vừa có sắc vừa vô sắc là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Không phải có sắc không phải không sắc là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Ta là hữu biên, ta là vô biên, ta vừa hữu biên vừa vô biên, ta không phải hữu biên cũng không phải vô biên, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Ta có lạc, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Ta không có lạc, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Ta vừa có khổ vừa có lạc, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Ta không khổ cũng không lạc, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Một tướng là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Nhiều tướng là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Ít tướng là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng.”



[526a06] Lại nữa, nếu chấp sinh mạng tức là thân, thì họ thấy ngã là sắc. Nếu chấp sinh mạng khác với thân, thì họ thấy ngã là phi sắc. Nếu chấp ngã câu biến, không hai, không thiếu⁹³⁵, thì họ thấy ngã vừa là sắc, vừa là phi sắc. Nếu là đối trị những điều trên, tức ở trong nghĩa của chúng, do khác câu, khác văn mà khởi chấp, thì họ thấy ngã là phi sắc, là phi phi sắc.

Lại nữa, nếu thấy ít sắc, ít phi sắc, thì họ thấy ngã là hữu biên. Nếu thấy vô lượng sắc và vô lượng phi sắc, họ thấy ngã là vô biên. Nếu lại thấy khắp cả mà ít phần sắc, vô lượng phi sắc, hoặc vô lượng sắc, ít phần phi sắc, họ thấy ngã là vừa hữu biên vừa vô biên. Nếu là đối trị những điều trên, chỉ do khác văn, không do khác nghĩa mà khởi chấp, thì họ thấy ngã là phi hữu biên, phi vô biên.

Hoặc chấp cái ngã của giải thoát, ngã ấy thì rời xa hai thứ [là sắc, phi sắc và hữu biên, vô biên.]⁹³⁶

có cuối cùng. Vô lượng tướng là ta, tùy theo tướng mà có cuối cùng. Đây là thật, ngoài ra là dối. Đó là tà kiến bốn kiến bốn sanh, được Ta ghi nhận." (Thích Tuệ Sỹ dịch)

935 Câu biến là biến nơi sắc và biến nơi phi sắc. Không hai, tức chỉ có một, hoặc là sắc, hoặc là phi sắc. Không thiếu là gồm đủ sắc và phi sắc.

936 Cái ngã của giải thoát là của đoạn diệt luận hay Thất chủng đoạn diệt luận, chủ trương rằng chúng sinh sau khi chết hoàn toàn đoạn diệt. Là một trong số 6 kiến chấp của ngoại đạo Ấn độ. Luận thuyết này dựa vào vị lai mà sinh khởi 7 thứ kiến chấp, cho rằng thân có 4 đại (đất, nước, lửa, gió), 6 nhập (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) do cha mẹ sinh ra là vô thường, sau khi chết trở về với đoạn diệt, hoặc sinh vào 6 nơi là: trời cõi Dục, trời cõi Sắc và 4 cõi Vô sắc (Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ) nhưng sau khi hết báo cũng đều đoạn diệt. Thuyết này tương đương với chủ trương của tông Thất sự đoạn diệt trong 16 tông ngoại đạo Ấn độ [X. Kinh Phạm Động trong Trường A-hàm, quyển 14; luận Đại Tỳ bà sa, quyển 199] (tự điển Phật Quang)



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười

Phẩm Hai

NHIẾP TỊNH NGHĨA (Phần 6)

[526a24] Lại nữa, **Kế chư cực vi thường trú luận**:

Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Ông quán sát rồi mới chấp cực vi là thường trú, hay là không quán sát mới chấp cực vi là thường trú? (1) Nếu không quán sát, thì lia cái tuệ quán sát mà định chấp là thường trú; điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu nói đã quán sát, thì trái ngược với các lượng⁹³⁷; điều này không đúng đạo lý.

[526a28] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Tánh của các cực vi là quá nhỏ nên ông chấp cực vi là thường trú, hay là do cực vi có tướng khác so với thô vật nên chấp cực vi là thường trú? (1) Nếu do cực vi là quá nhỏ, thì [quá trình] ly tán tổn giảm [của một thô vật] chuyển thành yếu kém mà nói là thường trú; điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu do cực vi có tướng khác so với thô vật, tức là nói cực vi vượt qua tướng trạng của đất, nước, lửa, gió; nó không đồng chủng loại tướng trạng mà nói nó sinh ra quả kia là không đúng đạo lý.

Lại nữa, cực vi kia cũng không có tướng trạng riêng khác để nhận biết, cho nên không hợp lý.

[526b05] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Từ các cực vi sinh khởi thô

937 Quán sát là hiện lượng, tỷ lượng. Mắt thường không thể thấy được cực vi mà nói do quán sát mà biết cực vi là thường trú là không hợp lý.



vật, chúng không khác tướng, hay là khác tướng? (1) Nếu nói không khác tướng, tức cực vi không có sai khác với cái nhân của thô vật, nhân ấy phải nên là thường trú, và như vậy phải không có nhân quả quyết định. (2) Nếu là khác tướng, ông nghĩ thế nào, từ cực vi ly tán mà thô vật được sinh, hay là từ cực vi tụ tập mà thô vật được sinh? (a) Nếu từ cực vi ly tán mà thô vật được sinh, thì tất cả quả phải sinh trong mọi thời gian, và như vậy phải không có nhân quả quyết định. (b) Nếu từ cực vi tụ tập mà thô vật được sinh, ông nghĩ thế nào, khi thô quả vật kia từ cực vi sinh ra, thì nó không vượt qua cái lượng hình chất của cực vi, hay là vượt qua cái lượng hình chất của cực vi? (b1) Nếu nói thô vật không vượt qua cái lượng hình chất của cực vi, thì từ *hình chất phân vật* sinh *hình chất có phân vật*⁹³⁸ là không đúng đạo lý. (b2) Nếu nói thô vật vượt qua cái lượng hình chất của cực vi, là nói thể của các cực vi không có phần nhỏ hơn nữa, nên không thể phân tích; thô vật được sinh ra từ cực vi phải là thường trú⁹³⁹. Điều này không hợp lý.

Nếu nói trở lại, rằng các cực vi vốn không có, hiện tại hiện khởi,⁹⁴⁰ rồi chấp cực vi là thường trú; điều này không đúng đạo lý.

[526b17] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Các cực vi tạo tác thô vật như là hạt giống [nảy mầm], v.v... , hay như là người thợ gốm, v.v...? (1) Nếu nói các cực vi tạo tác thô vật như là hạt giống, v.v..., thì như thể của hạt giống, chúng phải là vô thường. (2) Nếu nói các cực vi tạo tác thô vật như là người thợ gốm, v.v..., thì các cực vi ấy phải có suy nghĩ

938 Hình chất phân vật 形質分物, có thể dịch là hình thái vật chất phân tử, chỉ cho cực vi. Hình chất có phân vật 形質有分物, có thể dịch là hình thái vật chất có các phân tử, chỉ cho thô vật. Lượng của quả (thô vật) được sinh không vượt quá lượng của nhân (cực vi), vậy nó phải bằng như cực vi, không thể gọi là thô sắc. Và như vậy, sắc của quả ấy tất không thể được nhận thức bởi nhãn căn.

939 Cực vi là thường trú. Cực vi tụ tập sinh ra thô vật, thô vật ấy phải mang tánh chất của cực vi, tức cũng nên thường trú.

940 Vốn không có, hiện tại mới có, như vậy cực vi không thường trú.



như người thợ gốm, v.v... (3) Nếu nói các cực vi tạo tác thô vật không như hạt giống, v.v... và không như người thợ gốm, v.v..., thì không thể có những ví dụ tương tự như vậy. Điều này không đúng đạo lý.

[526b22] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Các ngoại vật sinh khởi là do hữu tình hay không do hữu tình? (1) Nếu nói ngoại vật sinh khởi là do hữu tình, là nói ngoại thô vật kia do hữu tình sinh khởi, sở y của nó là vi tế vật không do hữu tình sinh khởi, điều này không đúng đạo lý, bởi lẽ đối với cực vi, cái gì có thể chế tạo công năng của chúng⁹⁴¹. (2) Nếu nói ngoại vật sinh khởi là không do hữu tình, tức là nói không có tác dụng mà ngoại vật vẫn sinh khởi, điều này không đúng đạo lý.

Như vậy, do tùy niệm về các uẩn và chúng sinh, do trong một cảnh giới thấy tất cả thức lưu chuyển không có chấm dứt, do tướng và thọ biến đổi và không biến đổi, mà chư vị ngoại đạo chấp trước *tiền tế thường trú luận* và *hậu tế thường trú luận*, toàn là không đúng đạo lý.

[526b29] Lại nữa, do quán sát và không quán sát, do cộng tướng, do tự tướng, do tạo tác, căn bản tác dụng, mà chư vị ngoại đạo chấp trước *cực vi thường luận*, toàn là không đúng đạo lý.

Tóm lại, *kế thường luận* là luận thuyết không hợp lý.

[526c03] Lại nữa, tôi nay nói về tướng thường trú. Nếu trong tất cả thời gian mà không có tướng biến dị, nếu trong tất cả chủng mà không có tướng biến dị, nếu tự nhiên mà không có tướng biến dị, nếu do cái khác cũng không có tướng biến dị, thì đó là tướng thường trú. Lại nữa, tướng vô sinh, nên biết, là tướng thường trú.

6. Túc tác nhân luận:⁹⁴² Như có vị sa-môn hay bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy, trong kinh có nói rộng: “*Trên thế gian,*

941 Tách rời nghiệp lực của hữu tình thì các cực vi không có tác dụng.

942 Từ đây cho đến hết quyển 10 của luận này thì tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 7.



hễ là con người thì phải nhận chịu: (1) hiện tại nhận chịu khổ đều do cái nhân tạo tác ở đời trước, tức cái nhân làm điều ác ở đời trước; (2) do siêng năng tinh tiến vứt bỏ nghiệp cũ, nghĩa là ngay nơi hiện pháp tự mình siêng tu khổ hạnh khốc liệt; (3) nghiệp mới ở hiện tại là không tạo tác cái nhân tổn hại, tức không tạo tác nghiệp bất thiện, thì như vậy về sau không còn hữu lậu, nghĩa là một chiều là tánh thiện, nên nói về sau được vô lậu; (4) do được vô lậu nên các nghiệp đoạn tận, tức các nghiệp ác đoạn tận; (5) do nghiệp tận nên khổ tận, tức khổ nào chiêu cảm bởi túc nhân và phương tiện nơi hiện pháp [được đoạn tận]; (6) do khổ tận nên chứng được biên tế khổ, nghĩa là chứng được đời sống khác tương tục nhưng không có khổ đau.”⁹⁴³ Đó là những gì ngoại đạo Vô hệ⁹⁴⁴ chấp trước.

943 Xem Tập A-hàm, kinh Thi-bà, số 977; Tương ưng bộ kinh, 36. Tương ưng thọ, 21. **Sivaka; Trung A-hàm, kinh Đệ, số 13.**

944 Ngoại đạo Vô hệ 無繫外道: còn gọi là ngoại đạo Ni kiền tử (Nigantha-nata-putta), về sau phát triển thành Kỳ na giáo, là một tôn giáo rất thịnh hành trong thời đức Phật còn tại thế, là một trong sáu phái triết học Ấn độ (Lục phái ngoại đạo). Kỳ na giáo cho rằng, lý do con người không được giải thoát vì sự trói buộc của nghiệp, con người muốn được giải thoát giác ngộ, cần phải diệt trừ nghiệp, bằng cách tu tập khổ hạnh. Trên thật tế, tư tưởng này vốn là sự kế thừa tư tưởng về nghiệp của Bà-la-môn. Cứ theo Huyền ứng âm nghĩa, quyển 10, thì ngoại đạo này cạo tóc, lỏa thể, không cất chứa vật gì, dùng tay khất thực chứ không có bát, hễ được vật gì thì bỏ vào bát tay và ăn liền. Vì có rất nhiều điểm giống với Phật giáo, cho nên đã có thời các học giả Âu tây cận đại cho rằng Kỳ na giáo đã thoát thai từ Phật giáo mà ra, nhưng sau khi nghiên cứu hai tôn giáo này một cách sâu sát mới biết giữa hai tôn giáo có những điểm khác xa nhau, như Kỳ na giáo phủ nhận giáo quyền Phệ đà, cấm chỉ cúng tế, không cho giết hại..., những điểm này giống với Phật giáo; còn như khuyến khích khổ hạnh, phân biệt 4 chủng tánh, thì giống với Bà-la-môn mà khác xa với Phật giáo. Trung Bộ kinh, Tiểu kinh khổ uẩn, phái Ni kiền tử đã trình bày quan điểm của mình như sau: “Này Mahànàma, một thời Ta ở tại Rajagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakuta (Linh Thứu). Lúc bấy giờ, rất nhiều Nigantha (Ni-kiền Tử) tại sườn núi Isigili, trên Kalasila (Hắc Nham), đứng thẳng người, không chịu ngồi và cảm giác những cảm thọ thống thiết, khổ đau, khốc liệt, bèn nhảy. Này Mahànàma, rồi Ta vào buổi chiều, từ Thiên tịnh độc cư đứng dậy, đi đến sườn núi Isigili, tại Kalasila chỗ các Nigantha ấy ở, khi đến nơi Ta nói với các Nigantha ấy: “Chư Hiền, tại sao các Người lại đứng thẳng người, không chịu ngồi xuống và cảm giác những cảm thọ thống thiết, khổ đau, khốc liệt, bèn nhảy như vậy”? Này Mahànàma, được nói vậy các Nigantha ấy trả lời Ta như sau: “Này Hiền giả, Nigantha Nataputta - là bậc toàn tri, toàn kiến, tự xưng là có tri kiến toàn diện như sau: ‘Đâu ta có đi, có đứng, có ngủ và có thức, tri kiến luôn luôn được tồn tại liên tục ở nơi ta’. Vì ấy nói như sau: ‘Này các Nigantha, nếu xưa kia Người có làm ác nghiệp, hãy làm cho nghiệp ấy tiêu mòn bằng khổ hạnh khốc liệt này. Sự không làm ác nghiệp trong tương lai chính do sự hộ trì về thân, sự hộ trì về lời nói, sự hộ trì về ý ngay trong hiện tại, ở tại nơi đây. Như vậy chính nhờ sự thiếu đốt, sự chấm dứt các nghiệp quá khứ, sự không làm các nghiệp mới, mà không có sự tiếp tục trong tương lai. Do sự không tiếp tục trong tương lai,



Hỏi: Lý do gì chư vị ngoại đạo ấy khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

[526c17] Đáp: Do giáo và do lý. (1) Do giáo thì như trước đã nói.

(2) Do lý, là các sa-môn hay bà-la-môn kia có tánh tầm tư, có tánh quán sát, trú tầm tư địa, trú tự biện địa, trú dị sinh địa, trú tùy tư duy quán sát hành địa. Do họ thấy nơi hiện pháp mà con người tạo tác và dụng công nhưng không quyết định kết quả. Vì sao? Họ thấy thế gian tuy có đủ chánh phương tiện vẫn rước lấy khổ, tuy có đủ tà phương tiện vẫn có được lạc. Họ suy nghĩ như vậy: “*Nếu do hiện pháp mà con người tạo tác và dụng công, lấy đó làm nhân, thì nhân ấy phải lấy tác nghiệp đời trước* (túc tác) làm nhân. Do lý lẽ này, chư vị ngoại đạo ấy khởi kiến như vậy, lập luận như vậy.

[526c24] Tôi nay hỏi ông, ông đáp tùy ý. Phương tiện nơi hiện pháp chiêu lấy cái khổ là dùng túc tác làm nhân, hay là dùng phương tiện nơi hiện pháp làm nhân? (1) Nếu nói phương tiện nơi hiện pháp chiêu lấy cái khổ là dùng túc tác làm nhân, thì như ở trước ông nói “*do siêng năng tinh tiến vứt bỏ nghiệp cũ, nghiệp mới ở hiện tại là không tạo tác cái nhân tổn hại, thì như vậy về sau không còn hữu lậu ...*”, cho đến nói rộng. Tất cả đều không đúng đạo lý. (2) Nếu nói phương tiện nơi hiện pháp chiêu lấy cái khổ rồi dùng phương tiện nơi hiện pháp làm nhân, thì như ở trước ông nói “*trên thế gian, hễ là con người thì phải nhận chịu khổ đều do cái nhân tạo tác ở đời trước*”, điều này không đúng đạo lý.

các nghiệp được diệt trừ; do nghiệp được diệt trừ, khổ được diệt trừ; do khổ được diệt trừ, cảm thọ được diệt trừ; do cảm thọ được diệt trừ, tất cả khổ đau sẽ được tiêu mòn’. Và vì chúng tôi chấp nhận điều ấy, và chúng tôi kham nhẫn điều ấy, nên chúng tôi được hoan hỷ”. (HT. Thích Minh Châu dịch)



[527a02] Như vậy, phương tiện nơi hiện pháp nhận chịu khổ lấy tác nghiệp đời trước làm nhân, hay dụng công nơi hiện pháp làm nhân đều là không đúng đạo lý. Cho nên *tác tác nhân luận* là luận thuyết không hợp lý.

[527a04] Lại nữa, tôi nay nói về sắc thái của cái nhân như thật: (1) Có các khổ chỉ dùng tác nghiệp đời trước làm nhân, giống như một người có sức tự nghiệp tăng thượng nên sinh về các nẻo ác, hay sinh vào nhà nghèo hèn. (2) Hoặc có các khổ do tạp nhân sinh ra, như một người tôn thờ vị vua theo cách tà vạy, không được quả vui, trái lại chuốc khổ⁹⁴⁵; cũng như việc thờ vua, có người làm các nghiệp ngôn thuyết, buôn bán, nghiệp làm ruộng, nghiệp trộm cướp, hoặc làm việc tổn hại người khác, nếu là người có phước thì được giàu có sung sướng, nếu là người vô phước thì dầu có dụng công cũng không có kết quả vừa lòng. (3) Hoặc lại có pháp hoàn toàn do cái nhân dụng công hiện tại mà được, như là nghiệp mới được tạo tác, dẫn ra thân hậu hữu khác. (4) Hoặc có người lắng nghe chánh pháp, nơi pháp được giác ngộ. (5) Hoặc lại có người phát khởi uy nghi đạo nghiệp. (6) Hoặc lại có người tu học công xảo nghiệp xứ. Các loại nghiệp như vậy chỉ do cái nhân dụng công phương tiện ở hiện tại.

[527a15] 7. **Tự tại đẳng tác giả luận:** Như có vị sa-môn hay bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Trên thế gian, hễ là con người thì phải nhận chịu. Tất cả những gì con người nhận chịu đều có nguyên nhân: do đáng Tự tại biến hóa, hoặc do bậc trượng phu khác*

945 Do nghiệp thiện nên được phụng sự quân vương, và do tà sự nên chuốc lấy khổ. Có hai nghiệp dị thực nên gọi là tạp nhân.



biến hóa.” Các thuyết như vậy gọi là Tự tại đẳng⁹⁴⁶. Bất bình đẳng nhân luận⁹⁴⁷ cũng có kiến chấp như vậy.

[527a20] Hỏi: Lý do gì chư vị ngoại đạo ấy khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và do lý. (1) Do giáo thì như trước đã nói.

(2) Do lý, là các sa-môn hay bà-la-môn kia có tánh tầm tư, có tánh quán sát, trú tâm tư địa, trú tự biện địa, trú dị sinh địa, trú tùy tư duy quán sát hành địa. Do họ thấy ở trong nhân quả hiện tại, hữu tình trên thế gian không có chuyển vận theo ý muốn, nên chấp trước như vậy. Vì sao? Hiện tại họ thấy hữu tình trên thế gian, căn cứ trên nhân, người muốn tu tịnh nghiệp mà không toại bản tâm, trở lại làm ác; căn cứ trên quả, người nguyện sinh nẻo lành mà không toại bản tâm, ngược lại đọa nẻo ác; tâm ý là muốn được sung sướng nhưng không gì vừa ý, trái lại chịu khổ sở. Do thấy như vậy, nên họ khởi suy nghĩ rằng, muôn vật trên thế gian ắt phải riêng có một tác giả, bậc sinh khởi, đáng biến hóa làm cha của muôn vật, nghĩa là đáng Tự tại thiên, hoặc một đáng thiêng liêng nào khác.

[527b01] Tôi nay hỏi ông. Có bài chỉnh cú ôn-đà-nam:

Công năng không thể tánh

Nhiếp, không nhiếp: tương vi

946 Thành duy thức luận, quyển 1: “Các thuyết khác chấp có một Đại phạm, thời, phương, bản tế, tự nhiên, hư không, ngã. Những cái này thường trú, thật hữu, đủ các phẩm tánh, sinh sản tất cả các pháp.” (tr. 3b12~14)

947 Bất bình đẳng nhân luận: Là luận thuyết cho rằng một nhân có thể sanh ra vạn vật, và nhân ấy thì thường hằng, còn quả thì vô thường; nhân ấy không do một nhân khác sanh ra, mà chỉ có năng sanh quả; nhân và quả không tương tự cho nên gọi là bất bình đẳng. Ngoại đạo cho rằng có một vị Tự tại thiên (hay Thượng đế) mà tự thể là thật, phổ biến, thường hằng, sanh ra các pháp (từ hành cho đến lão tử).



Có dụng và không dụng

Làm nhân, thành làm lỗi.⁹⁴⁸ (tụng 8)

[527b04] Luận giải: Ông nghĩ thế nào? Công năng biến hóa của Đại Tự tại thiên là dụng nghiệp phương tiện làm nhân, hay là vô nhân? (1) Nếu là dụng nghiệp phương tiện làm nhân, tức nói chỉ có công năng của Đại Tự tại thiên có dụng nghiệp phương tiện làm nhân, còn con người thế gian không có. Điều này không đúng đạo lý. Nếu nói vô nhân, thì chỉ có công năng của Đại Tự tại thiên là vô nhân⁹⁴⁹, chẳng phải muôn vật thế gian. Điều này không đúng đạo lý.

[527b09] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Vị Đại tự tại thiên mà rớt xuống thế gian, thì vị ấy nhiếp thuộc thế gian, hay là không nhiếp thuộc thế gian? (1) Nếu nói nhiếp thuộc thế gian, thì vị Đại Tự tại thiên ấy đồng với pháp thế gian, mà có khả năng biến sinh thế gian. Điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu nói không nhiếp thuộc thế gian, thì tức là giải thoát, mà nói [pháp giải thoát] năng sinh thế gian. Điều này không đúng đạo lý.

[527b13] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Là có dụng nên biến sinh thế gian, hay là không có dụng vẫn biến sinh thế gian? (1) Nếu nói có dụng nên biến sinh thế gian, tức là nói vị Đại Tự tại thiên ấy có dụng nhưng không tự tại, mà thế gian cho là có tự tại⁹⁵⁰. Điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu nói không có dụng vẫn biến sinh thế gian, tức là nói vị ấy không có nhu cầu gì mà biến sinh thế gian. Điều này không đúng đạo lý.

[527b17] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Thế gian được sinh ra là chỉ

948 Bài kệ tụng này được lập lại trong luận này, quyển 14, phẩm Thành vô thường.

949 Vô nhân: Không cần nhân duyên, tự nhiên có.

950 Nếu vị Đại Tự tại thiên có dụng biến sinh thì tại sao không biến sinh thế gian toàn vui, thực tế thế gian có khổ, có vui sai biệt, bất bình đẳng. Như vậy dụng ấy là không tự tại, là không hợp lý.



có vị Đại tự tại thiên làm nhân, hay cũng lấy cái khác làm nhân? (1) Nếu nói chỉ có vị Đại tự tại thiên làm nhân, tức là nói khi có vị Đại tự tại thì khi ấy có sinh ra; khi có sự sinh ra tức là có vị Đại tự tại; cho nên dùng vị Đại tự tại làm nhân để nói sự sinh ra là không đúng đạo lý; (2) Nếu nói cũng lấy cái khác làm nhân, thì ở đây chỉ lấy dục lạc làm nhân, hay là ngoài dục lạc còn có cái khác làm nhân? Nếu chỉ lấy dục lạc làm nhân, thì dục lạc ấy là chỉ lấy vị Đại tự tại thiên làm nhân, hay cũng lấy cái khác làm nhân? (a) Nếu chỉ có vị Đại tự tại thiên làm nhân, thì khi có vị Đại tự tại, tức là có dục lạc; khi có dục lạc, tức là có vị Đại tự tại, như vậy vô thì thường có sinh ra; điều này không đúng đạo lý. (b) Nếu cũng lấy cái khác làm nhân, thì nhân ấy không thể thủ đắc; điều này không đúng đạo lý. Lại nữa, dục lạc ấy không có tự tại mà nói ở thế gian, sinh vật [sống trong dục lạc] có tự tại là không đúng đạo lý.

[527b29] Như vậy nói do công năng, nhiếp hay không nhiếp, có dụng hay không có dụng, làm nhân tánh, đều không đúng đạo lý. Cho nên luận chấp này không phải luận thuyết đúng lý.

[527c02] 8. **Hại vi chánh pháp luận:** Như có vị sa-môn hay bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: Trong việc cúng tế, trước họ dùng chú thuật, sau giết hại các sinh mạng, nhờ đó người cúng tế, sinh vật bị giết hại, những người phụ giúp, tất cả đều được sinh lên cõi trời.

[527c06] Hỏi: Lý do gì chư vị ngoại đạo ấy khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

Đáp: Đây là lý luận sai trái, do siểm và cưỡng⁹⁵¹ mà sinh khởi,

951 Những ai có đồ chúng, đối với những người ấy, vì mục đích duy trì đồ chúng mà khởi lên siểm và cưỡng. Tâm không chánh trực, không minh bạch, lòng muốn một đường, miệng dối một nẻo, bằng sự quanh co này mà thủ lợi, gọi là siểm (dua nịnh quanh co). Vì muốn lừa dối người, trong lòng mưu toan khác, ngoài mặt hiện tướng khác (thân khúm núm, miệng chuốt lời, giả dạng đạo đức), gọi là cưỡng.



chứ không do quán sát đạo lý mà kiến lập. Nhưng khi giai đoạn xấu ác sinh khởi, ở trong sự cạnh tranh, các bà-la-môn đã trái vượt phép tắc của bà-la-môn xưa kia⁹⁵², vì muốn ăn thịt mà vọng khởi chấp này.

[527c10] Lại phải hỏi họ: Ông nghĩ thế nào? Phương pháp chú thuật ấy là tự thể của pháp, hay là tự thể của phi pháp? (1) Nếu là tự thể của pháp, thì lìa sự giết hại sinh mạng không thể cảm được cái quả mình ưa thích; họ chuyển sự phi pháp kia để làm chánh pháp; điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu là tự thể của phi pháp, thì chính mình là pháp của cái quả không đáng ưa mà có thể chuyển bỏ pháp của cái quả không đáng ưa của người khác; điều này không đúng đạo lý.

[527c15] Như vậy phá xong, lại có lời bào chữa: “*Như chất độc ở thế gian, bao gồm chú thuật, không thể bị hại. Nên biết, phương pháp chú thuật ấy cũng lại như vậy.*”

[527c17] Nay nên hỏi họ: Ông nghĩ thế nào? Phương pháp chú thuật có thể ngưng dứt chất độc bên ngoài, cũng có thể ngưng dứt chất độc bên trong là tham, sân, si v.v..., hay không thể ngưng dứt gì cả? (1) Nếu nói chú thuật có thể ngưng dứt, thì không đâu, không lúc nào, không có ai có thể ngưng dứt được tham, sân, si v.v...⁹⁵³, cho nên không hợp lý. (2) Nếu chú thuật không thể ngưng dứt gì cả, thì lập luận của ông ở trên rằng chú thuật có thể ngưng dứt chất độc bên ngoài, có thể ngưng dứt những nghiệp phi pháp khác, hoàn toàn không đúng đạo lý.

[527c22] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Phương pháp chú thuật là biến hành, hay là không biến hành? (1) Nếu nói là biến hành, thì người

952 Tập A-hàm, kinh Lỗ-hê-già, số 255: “Bấy giờ, Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên liền nói bài kệ: Bà-la-môn xưa kia, Tu tập giới thắng diệu, Được sanh trí tức mạng, An vui thiên chân thật, Thường ở trong từ bi, Đóng hết cửa các căn, Điều phục lỗi về miệng, Xưa kia hành như vậy.”

953 Không hợp lý vì không có chú thuật, người ta vẫn dứt được tham, sân, si v.v... bằng thực hành chánh pháp của Phật.



thân thương của mình sao không dùng cúng tế trước; điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu nói là không biến hành, thì công năng của chú thuật không thể quyết định [được sinh lên cõi trời]⁹⁵⁴; điều này không đúng đạo lý.

[527c25] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Công năng của chú thuật là chỉ chuyển nhân, hay cũng chuyển quả? (1) Nếu chú thuật chỉ chuyển nhân, thì đối với quả nó không có khả năng chuyển đổi; điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu chú thuật cũng chuyển quả, thì phải chuyển biến đúng, lập tức biến con dê v.v... thành sắc đẹp khả ái. Nhưng phải bỏ thân dê v.v... rồi mới được thân trời, là không đúng đạo lý.

[527c29] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Người tạo chú thuật là có năng lực và bi mẫn chăng? (1) Nếu nói có năng lực và bi mẫn, thì tách rời sự giết hại sinh mạng không thể đưa những sinh vật cúng tế sinh lên cõi trời, là không đúng đạo lý. (2) Nếu nói không có năng lực và bi mẫn, thì chú thuật được tạo ra có chỗ sử dụng, là không đúng đạo lý.

[528a04] Tóm lại, do nhân, do ví dụ, do không quyết định, do đối với quả không có năng lực, do người tạo chú thuật, tất cả lý do là không đúng đạo lý. Vì vậy, *hại vi chánh pháp luận* là luận thuyết không hợp lý.

[528a06] Lại nữa, tôi nay nói về sắc thái của phi pháp. Nếu nghiệp tổn hại người mà không sửa đổi tội lỗi hiện tại thì đó là phi pháp. Lại nếu nghiệp của những người tu đạo, cùng biết nghiệp ấy cảm quả không khả ái⁹⁵⁵; lại nếu nghiệp của tất cả người trí mà nói xác quyết là bất thiện; lại nếu nghiệp mà chính mình không muốn [mà

954 Không biến hành vì trong nghi thức tế tự chỉ dùng những sinh vật và những người không phải bà con thân thuộc của người tế tự.

955 Nghiệp của người tu theo tà đạo.



vẫn làm]⁹⁵⁶; lại nếu nghiệp của nhiễm tâm đã khởi⁹⁵⁷; lại nếu nghiệp mà phải đợi tà chú thuật mới hoàn toàn công nghiệp; lại nếu nghiệp của tự tánh vô ký⁹⁵⁸; những nghiệp đại loại như vậy đều là sắc thái của phi pháp.

[528a12] 9. **Hữu biên vô biên luận:** Như có vị sa-môn hay bà-la-môn y chỉ các tịnh lự ở thế gian, đối với thế gian đó, an trú tướng hữu biên, tướng vô biên, tướng hữu biên vô biên, tướng phi hữu biên phi vô biên, như trong kinh có nói rộng⁹⁵⁹; cho nên họ khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Thế gian là hữu biên, thế gian là vô biên, thế gian là vừa hữu biên vừa vô biên, thế gian là phi hữu biên phi vô biên.*” Nên biết ở đây đã nói về nhân duyên và người năng chấp⁹⁶⁰.

[528a18] Trong đây, (1) nếu dựa vào sự đoạn biên tế⁹⁶¹ để cầu *thế biên thời*⁹⁶²: (a) Nếu nhớ lại hoại kiếp liền khởi tướng hữu biên về thế gian; (b) Nếu nhớ lại thành kiếp liền khởi tướng vô biên về thế gian. (2) Nếu dựa vào phương vực rộng khắp để cầu thế biên thời: Nếu phương dưới vượt qua [địa ngục] Vô gián mà không có gì, phương trên vượt qua đệ tứ tinh lự⁹⁶³ mà không có gì, tám hướng⁹⁶⁴ tất cả xứ không thấy có biên tế, bấy giờ, đối với phương trên và phương dưới

956 Nghiệp đưa đến ưu khổ.

957 Nghiệp do phiền não hướng dẫn.

958 Nghiệp trung tánh: không thiện, không ác. Nếu thân ngữ ý nghiệp mà vô ký thì khi tư duy bất thiện khởi lên thì gọi là phi pháp.

959 Trường A-hàm, quyển 14, kinh Phạm động, số 21.

960 Nhân duyên là y chỉ tịnh lự. Người năng chấp là an trú tướng hữu biên, vô biên v.v...

961 Ưc niệm thế gian hoặc thành, hoặc hoại, chẳng phải thường trú, gọi là đoạn biên tế.

962 Thế biên thời 世邊時: Không gian và thời gian ở thế gian.

963 Chỉ cho cõi trời Sắc cứu cánh. Có 8 tầng trời ở trong đệ tứ tinh lự thuộc Sắc giới: Vô vân, Phước sinh, Quảng quả, Vô phiến, Vô nhiệt, Thiện hiện, Thiện kiến và Sắc cứu cánh.

964 Chánh văn là bàng 傍: rộng khắp, phương bên, chỉ bốn phương hướng.



khởi tướng hữu biên, đối với xứ sở ở bốn phương hướng khởi tướng vô biên.

Nếu vì đối trị chấp trước này thì dựa vào câu văn khác nhưng nghĩa lý không sai biệt, tức đối với thế gian khởi tướng phi hữu biên, tướng phi vô biên.

Nay nên hỏi họ: Ông nghĩ thế nào? Từ thời điểm trước hoại kiếp cho đến nay có thêm thế gian sinh khởi, hay là không có thêm thế gian sinh khởi? (1) Nếu nói có thêm thế gian sinh khởi, mà ông chấp thế gian hữu biên, là không đúng đạo lý. (2) Nếu nói không có thêm thế gian sinh khởi, mà nay ông dựa vào thế gian ấy để trú niệm về biên tế của thế gian, là không đúng đạo lý.

[528a29] Tóm lại, do thế gian nên hữu biên, do thế gian nên vô biên, tất cả lý do là không đúng đạo lý. Vì vậy, *hữu biên vô biên luận* là luận thuyết không hợp lý.

[528b02] 10. **Bất tử kiêu loạn luận:** Là bốn loại ngoại đạo *bất tử kiêu loạn*⁹⁶⁵, như trong kinh có nói rộng, nên biết. Chư vị ngoại đạo ấy, nếu có người đến gặp, dựa vào thế gian đạo⁹⁶⁶ mà hỏi về thiện và bất thiện, dựa vào xuất thế gian đạo⁹⁶⁷ mà hỏi về khổ tập diệt đạo. Bấy giờ họ liền tự xưng: “*Tôi là người bất tử loạn.*” Bất cứ trường hợp nào

965 Kiêu loạn luận = Ngụy biện luận. Bốn loại ngoại đạo bất tử kiêu loạn: Đó là: 1. Về vấn đề nghiệp báo thiện ác, cứ theo sự hiểu biết của riêng mình mà giải đáp cho người khác; 2. Về vấn đề đời khác có hay không, cứ theo ý kiến của người hỏi mà đáp đúng thế đúng thế; 3. Về vấn đề thiện, bất thiện, lại đáp chẳng phải thiện chẳng phải ác; 4. Lấy sự hiểu biết của người khác để đặt thành vấn đề mà giải đáp.

966 Du-già sư địa luận dùng tối thắng sinh đạo 最勝生道, thay vì thế gian đạo. Du-già luận ký, quyển 2, giải thích: “Tối thắng sinh đạo là thắng nhân của người và trời.” (tr. 351a12~14)

967 Du-già sư địa luận dùng quyết định thắng đạo 決定勝道, thay vì xuất thế gian đạo. Du-già luận ký, quyển 2, giải thích: “Quyết định thắng đạo là thắng nhân của niết bàn.” (tr. 351a14)



họ cũng dựa vào *bất tử tịnh thiên*⁹⁶⁸, không có tạp loạn mà vận hồi⁹⁶⁹, tức là khi bị hỏi họ dùng lời bừa bãi loạn xạ, hoặc mượn sự khác làm phương tiện tránh né câu hỏi, hoặc căn cứ theo ngôn từ của người hỏi mà xoay chuyển [trả lời].

[528b08] Ở đây, thứ nhất, *người bất tử loạn* là giác nhưng chưa khai ngộ; thứ hai, họ đối với pháp sở chứng, khởi tăng thượng mạn; thứ ba, [nếu] họ giác và đã khai ngộ, nhưng chưa quyết định; thứ tư, họ yếu kém ngu độn.

Lại nữa, thứ nhất, họ lo sợ vọng ngữ và lo sợ người khác biết sự vô trí của họ, nên trả lời không rõ ràng rằng, “*Tôi không được biết.*”; thứ hai, đối với sở chứng của mình, chưa được vô úy, họ sợ người khác vận hỏi, lo sợ vọng ngữ, lo sợ tà kiến, nên nói không rõ ràng rằng, “*Tôi có sở chứng.*”; thứ ba, họ lo sợ tà kiến, lo sợ vọng ngữ, sợ người khác vận hỏi, nên nói không rõ ràng rằng, “*Tôi không quyết định.*” Ba trường hợp như vậy là mượn sự khác để nói bừa bãi lộn xộn. Thứ tư, chỉ sợ người khác vận hỏi, đối với thế gian đạo và xuất thế gian đạo đều không thấu hiểu, đối với văn tự thế gian cũng không khéo biết, nên họ nói không rõ ràng rằng, “*Tôi ngu độn, không biết gì cả.*”, rồi hỏi ngược người kia, theo ngôn từ của người kia mà xoay chuyển để nhiều loạn người kia.

Bốn luận điểm trên nói về nhân duyên phát khởi và người năng chấp, đều để phá cái chấp của họ, trong kinh có nói đến⁹⁷⁰.

968 Tịnh thiên tức Phạm thiên. Ngoại đạo chấp Phạm thiên là bất tử, nên gọi là bất tử tịnh thiên. Du-già luận ký, quyển 2: “Có hai loại tịnh thiên: 1. Chỉ năng nhập thế gian tĩnh lực, chưa thấu rõ để lý, tâm chưa giải thoát, gọi là bất thiện thanh tịnh; 2. Năng chứng nhập các thắng định bên trong, đã kiến đế lý, tâm khéo giải thoát, gọi là thiện thanh tịnh. Lại nữa, đắc vô tướng, vô phân biệt định gọi là vô loạn, tức thiện thanh tịnh thiên; hữu tướng, hữu phân biệt vô loạn, tức bất thiện thanh tịnh thiên.” (tr. 351a9~13)

969 Phạm thiên thường cư tĩnh định, nên không tạp loạn mà vận hồi.

970 Trường A-hàm, quyển 14, kinh Phạm động, số 21.



Do chư vị ngoại đạo ấy có nhiều lo sợ nên y theo sự thấy này mà trú. Nếu có người đến gặp, có lời vận hỏi, liền đối trá quanh co làm cho lộn xộn. Nên biết kiến chấp này thuộc về tà kiến, vì vậy, *bất tử kiểu loạn luận* là luận thuyết không hợp lý.

[528b23] 11. **Vô nhân kiến luận**: Là y chỉ tĩnh lực và tư duy không chính xác mà kiến lập hai thứ, như trong kinh có nói rộng⁹⁷¹, nên biết.

[528b25] Hỏi: Lý do gì chư vị ngoại đạo ấy y chỉ tư duy không chính xác để khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Ngã và thế gian hiện khởi không có nguyên nhân.*”?

Đáp: Nói sơ lược, đầu tiên là do cái thấy không liên tục, trong khi các sự ở trong ngoài thì vô lượng sai biệt, nhiều thứ sinh khởi: Hoặc lại có lúc thấy các nhân duyên trống rỗng, không có quả báo, nghĩa là thấy thế gian không có nhân duyên; hoặc có khi gió lớn đột nhiên khởi lên trong một thời gian rồi lặng lẽ chấm dứt; hoặc có lúc thác nước đột nhiên tràn đầy trong một thời gian rồi thành linh khô cạn; hoặc có khi cây trái sum suê tốt tươi trong một thời gian rồi bỗng nhiên lụi tàn. Do sự thấy như vậy, họ khởi vô nhân kiến, lập vô nhân luận.

[528c04] Nay nên hỏi họ: Túc trú niệm⁹⁷² của ông là niệm tự

971 Vô nhân luận chủ trương bản ngã và thế gian xuất hiện không do nguyên nhân nào. Trường A-hàm, quyển 11, kinh A-nậu-di, số 15: “Phật nói với Phạm-chí: ‘Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói: ‘Ta xuất hiện từ vô nhân.’ Ta đến nói với họ rằng: ‘Có thật các ông nói: Bản lai do vô nhân mà xuất hiện chăng?’ Họ không thể trả lời Ta được, mà lại hỏi ngược lại Ta. Khi ấy Ta trả lời họ rằng: ‘Hoặc có chúng sinh vô tướng vô trí. Khi chúng sinh ấy khởi tướng thì mạng chung mà tái sinh vào thế gian này. Rồi người ấy trưởng thành dần dần, sau đó cạo bỏ râu tóc, bện ba pháp y, xuất gia tu đạo, bèn nhập tam-muội tâm định. Do lực của tam-muội mà biết được đời sống trước kia, vị ấy bèn nói như vậy: ‘Ta trước kia không, nay hốt nhiên có. Thế gian này trước kia không, nay có. Đây là sự thật.’ ‘Này Phạm-chí, Sa-môn, Bà-la-môn do bởi duyên này mà nói sự xuất hiện là vô nhân.’ Duy Phật biết rõ điều đó; lại còn biết hơn thế nữa. Biết vậy rồi nhưng không nhiếp trước. Sau khi như thật biết khổ, sự tập khởi, sự diệt tận, sự xuất yếu, bằng chính quán bình đẳng mà giải thoát vô dư. Do đó hiệu là Như Lai.’” (tr. 69c21~70a2, Thích Tuệ Sỹ dịch)

972 Túc trú niệm: Dựa vào định mà nhớ rõ cuộc sống xa xưa trong kiếp quá khứ.



ngã, hay là niệm vô thể? (1) Nếu là niệm vô thể, thì pháp vô thể mà chưa từng tập quen, chưa từng trải qua nhận thức, thể mà có thể tùy niệm, là không đúng đạo lý. (2) Nếu là niệm tự ngã, mà chấp cái ngã trước không có, sau đột nhiên sinh, là không đúng đạo lý.

[528c08] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Tất cả thể gian, các vật trong ngoài, mọi thứ sinh khởi, hoặc đột nhiên mà khởi, là không có nguyên nhân, hay là có nguyên nhân? (1) Nếu nói không có nguyên nhân, thì mọi thứ sinh khởi, hay đột nhiên sinh khởi, rồi bỗng nhiên không sinh, là không đúng đạo lý. (2) Nếu nói có nguyên nhân, mà ông chấp “Ngã và thể gian hiện khởi không có nguyên nhân.”, là không đúng đạo lý.

Tóm lại, do niệm vô thể, do niệm tự ngã, do các vật trong ngoài không do nhân duyên mà mọi thứ khác nhau, do nhân duyên kia mà mọi thứ khác nhau, là không đúng đạo lý. Vì vậy, *vô nhân kiến luận* là luận thuyết không hợp lý.

[528c15] 12. Đoạn kiến luận: Như có vị sa-môn hay bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Ta có thân thô sắc, do bốn đại tạo thành, duy trì chưa hoại. Bây giờ, thân có bệnh, có ung nhọt, có gai nhọn. Sau khi chết, ta bị đoạn hoại không còn gì nữa. Bây giờ, ta khéo đoạn diệt.*” Như vậy, chư thiên ở Dục giới, chư thiên ở Sắc giới, [chư thiên ở] Vô sắc giới bao gồm Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ, nói rộng trong kinh⁹⁷³. Đó là bảy trường hợp đoạn kiến mà các luận giả khởi chấp.

973 Trường A-hàm, quyển 11, kinh A-nậu-di, số 15: “Lại có pháp khác, là ánh sáng của pháp vi diệu, sâu xa. Pháp đó là gì? Có các Sa-môn, Bà-la-môn, y mặt kiếp mặt kiến, khởi lên đoạn diệt luận, nói rằng chúng sinh hoàn toàn đoạn diệt; tất cả thuộc trong bảy trường hợp. Y mặt kiếp mặt kiến, khởi đoạn diệt luận, nói rằng chúng sinh hoàn toàn đoạn diệt, thuộc trong bảy trường hợp, chừng ấy không hơn. Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mặt kiếp mặt kiến, khởi đoạn diệt luận, nói chúng sinh hoàn toàn đoạn diệt, thuộc trong bảy trường hợp, chừng ấy không hơn?”

1. “Có Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như vậy, quan điểm như vậy: ‘Ta, với thân bốn đại, sáu xứ,



Hỏi: Lý do gì chư vị ngoại đạo ấy khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

[528c23] Đáp: Do giáo và do lý. (1) Do giáo thì như trước đã nói.

(2) Do lý, là các sa-môn hay bà-la-môn kia có tánh tâm tư, có tánh quán sát, trú tâm tư địa, trú tự biện địa, trú dị sinh địa, trú tùy tư duy quán sát hành địa. Họ tư duy như vậy: “*Sau khi chết, ta lại có thân, phải không tác nghiệp mà được quả dị thực.*”⁹⁷⁴ *Thế tánh của ta vĩnh viễn không còn gì nữa, cho nên sự thọ nghiệp quả [dị thực] cũng không có.*”⁹⁷⁵ Xem xét hai lý lẽ này đều bất khả, cho nên họ khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Thân ta chết rồi, đoạn diệt không còn gì nữa, cũng như gạch đá một khi vỡ nát thì không thể kết hợp trở lại, thân ta cũng vậy.*”

[529a01] Nay nên hỏi họ: Ông nghĩ thế nào? Là uẩn đoạn diệt,

do cha mẹ sinh, được nuôi nấng bằng sữa; trưởng thành nhờ áo cơm, nhờ vuốt ve, bông ẩm; nhưng là vô thường, chắc chắn đi đến chỗ hủy diệt.’ Cho đến mức ấy, được gọi là đoạn diệt. Đó là trường hợp thứ nhất.

2. “Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: ‘Cái ta đây không thể gọi là đoạn diệt. Cái ta dục giới thiên mới đoạn diệt hoàn toàn; cho đến mức ấy mới là đoạn diệt.’ Đó là trường hợp thứ hai.

3. “Hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: ‘Đấy không phải là đoạn diệt. Ta sắc giới, có thân hóa sinh, các căn đầy đủ, đoạn diệt hoàn toàn không còn gì; chừng mức ấy mới gọi là đoạn diệt.’

4. “Hoặc có người nói: ‘Đấy không phải là đoạn diệt. Ta vô sắc giới, ở không vô biên xứ mới đoạn diệt.’

5. “Hoặc có người nói: ‘Đấy không phải là đoạn diệt. Ta vô sắc, thuộc thức vô biên xứ mới đoạn diệt.’

6. “Hoặc có người nói: ‘Đấy không phải đoạn diệt. Ta vô sắc, thuộc vô sở hữu xứ mới đoạn diệt.’

7. “Hoặc có người nói: ‘Đấy không phải là đoạn diệt. Ta vô sắc, ở phi tưởng phi tưởng xứ mới đoạn diệt.’ Đó là đoạn diệt thứ bảy.

“Đó là bảy trường hợp, các Sa-môn, Bà-la-môn nhân đó, y mặt kiếp mặt kiến, nói các loại chúng sinh đoạn diệt hoàn toàn, thuộc trong bảy trường hợp, chừng ấy không hơn. Duy Phật biết rõ điều đó; lại còn biết hơn thế nữa. Biết vậy rồi nhưng không nhiễm trước. Sau khi như thật biết khổ, sự tập khởi, sự diệt tận, sự xuất yếu, bằng chính quán bình đẳng mà giải thoát vô dư. Do đó hiệu là Như Lai.” (Thích Tuệ Sỹ dịch) Bảy trường hợp là: Người trời ở Dục giới là 2, chư thiên ở Sắc giới là 1, tứ không của Vô sắc giới là 4.

974 Họ chấp cái thân đời này sau khi diệt mất, nghiệp theo thân diệt; về sau nếu có thân thì không cần tạo tác nhân vẫn có quả sinh khởi. Quả ấy nếu sinh khởi thì có sự không tạo tác nên quả cũng diệt mất.

975 Không thể lấy vị lai không có rồi cho hiện tại cũng không có. Hiện tại đang có thì không thể cho rằng ngã tất cả vĩnh viễn không có, cho nên thể tánh của ngã ở hiện tại là có, thể tánh của ngã ở đời vị lai vĩnh viễn không còn gì nữa, tức là phải không thọ nghiệp dị thực, nên thành đoạn diệt.



hay là ngã đoạn diệt? Nếu nói là uẩn đoạn diệt, thể của uẩn thì vô thường, nhân quả triển chuyển, sinh khởi không dứt mà nói đoạn diệt là không đúng đạo lý. Nếu nói ngã đoạn diệt, ông trước có nói: “*Cái thân thô sắc, do bốn đại tạo thành, có bệnh, có ung nhọt, có gai nhọn. Chư thiên ở Dục giới, chư thiên ở Sắc giới, [chư thiên ở] Vô sắc giới bao gồm Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ,*” là không đúng đạo lý.

[529a07] Như vậy, hoặc uẩn đoạn diệt, hoặc ngã đoạn diệt đều không đúng đạo lý. Vì vậy, đoạn kiến luận là luận thuyết không hợp lý.

[529a09] 13. **Không kiến luận:** Như có vị sa-môn hay bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Không có sự bố thí hiển sinh, không có sự thương yêu nuôi nấng, không có pháp tế tự, nói rộng cho đến thế gian không có bậc chân A-la-hán.*”⁹⁷⁶ Lại khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Không có thể tướng của tất cả các pháp.*”⁹⁷⁷

[529a13] Hỏi: Lý do gì chư vị ngoại đạo ấy khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

976 Loại ngoại đạo này thấy người thực hành hạnh lành bố thí, thương xót, thì chướng lấy quả ác, còn kẻ làm điều ác thì lại được quả thiện ... bèn khởi vọng chấp rằng tất cả các pháp đều không, chẳng có nhân quả thiện ác. Tạp A-hàm, quyển 7, kinh Vô quả, số 154: “Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo: ‘Do có cái gì, do khởi cái gì, do hệ lụy cái gì, do đắm đuối cái gì, do thấy ngã nơi cái gì, khiến cho chúng sanh thấy như vậy, nói như vậy: ‘Không có bố thí, không hồi tế, không có chú thuyết (: hiển tế hy sinh), không có nghiệp báo đường lành, đường ác, không có đời này, không có đời khác, không có cha mẹ, không có chúng sanh, không có thế gian, trong thế gian không có A-la-hán, không có bậc chánh hạnh, chánh hướng để đời này hay đời sau, thấy pháp an trụ đầy đủ với tự tri, tự tác chứng rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa?’ Các Tỷ-kheo bạch Phật: ‘Thế Tôn là gốc pháp, là con mắt pháp, là sở y của pháp. Cúi xin Thế Tôn nói rộng ra; các Tỷ-kheo sau khi nghe xong sẽ hoan hỷ vâng lời thực hành.’” (Thích Đức Thắng dịch) Trường A-hàm, kinh Sa-môn quả: “Nhớ lại, một thời tôi (vua A-xà-thế) đến Mạt-già-lê Câu-xá-lê, hỏi rằng: ‘Như người cỡi voi, xe ngựa, tập luyện binh pháp, v.v... (cho đến), bằng các sự mưu sinh khác nhau, đều có quả báo trong hiện tại. Nay chúng đây hiện tại tu đạo, có được quả báo trong hiện tại không? Kia trả lời tôi rằng: ‘Đại vương, không có bố thí, không có sự cho, không có pháp tế tự. Cũng không có thiện ác; không có quả báo của thiện ác. Không có đời này, không có đời sau. Không có cha, không có mẹ, không có chư Thiên, không có chúng sinh hóa sinh. Ở đời không có Sa-môn, Bà-la-môn, không có bậc chính hạnh, và họ cũng không tự mình chứng ngộ đời này hay đời sau, rồi phổ diễn cho người hay. Những ai nói có, thấy đều hư dối.’” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

977 Nghĩa là tất cả pháp không có gì cả, như hư không không có sinh diệt.



Đáp: Do giáo và do lý. (1) Do giáo thì như trước đã nói.

(2) Do lý, là các sa-môn hay bà-la-môn kia có tánh tầm tư, có tánh quán sát, trú tầm tư địa, trú tự biện địa, trú dị sinh địa, trú tùy tư duy quán sát hành địa. Họ dựa vào các tĩnh lự, nhìn thấy ở thế gian có vị thí chủ thọ mạng một đời, thường thực hành bố thí không có ngưng nghỉ. Vị thí chủ ấy đời này mạng chung, rồi thọ sinh vào nhà hạ tiện nghèo khó túng thiếu. Họ khởi suy nghĩ như vậy: “*Chắc chắn không có bố thí hiển cho, thương yêu nuôi nấng và tế tự.*”

Lại thấy có người thọ mạng một đời, luôn làm điều hành, hoặc làm ác hành; thấy người ấy mạng chung, rồi đọa nơi nẻo ác, sinh vào các na-lạc-ca, hoặc trú nẻo lành, sinh về thế giới an lạc của chư thiên. Họ khởi suy nghĩ như vậy: “*Chắc chắn không có điều hành và ác hành, cũng không có hai nghiệp dị thực⁹⁷⁸ của điều hành và ác hành.*”

Lại thấy có người giòng sát-đế-lị sau khi mạng chung sinh trong các chủng tánh bà-la-môn, phệ-xá, thú-đạt-la; hoặc có người giòng bà-la-môn sau khi mạng chung sinh trong các chủng tánh sát-đế-lị, phệ-xá, thú-đạt-la; hoặc có người giòng phệ-xá sau khi mạng chung sinh trong các chủng tánh sát-đế-lị, bà-la-môn, thú-đạt-la; hoặc có người giòng thú-đạt-la sau khi mạng chung sinh trong các chủng tánh sát-đế-lị, bà-la-môn, phệ-xá. Họ khởi suy nghĩ như vậy: “*Chắc chắn không có sát-đế-lị, v.v... ở thế gian này đến từ chủng tánh sát-đế-lị, v.v... ở thế gian kia; cũng không có sát-đế-lị, v.v... ở thế gian kia đến từ chủng tánh sát-đế-lị, v.v... ở thế gian này.*”

Lại nữa, họ quán thấy những vị ly dục sinh vào hạ địa. Lại thấy

978 Hai nghiệp dị thực: Hai nghiệp đưa tới quả dị thực là dẫn nghiệp và mãn nghiệp. Hai nghiệp này có năng lực chiêu cảm 2 quả là tổng quả và biệt quả (tổng báo và biệt báo), và đó là sức mạnh thù thắng của nghiệp. Dẫn nghiệp, là nghiệp có công năng dẫn kéo. Mãn nghiệp, là nghiệp làm tròn đầy tổng quả.



người mẹ mạng chung rồi, thọ sinh làm con gái; con gái mạng chung trở lại làm mẹ. Cha chết làm con trai, con trai trở lại làm cha. Họ thấy cha mẹ không có quyết định, nên khởi suy nghĩ như vậy: “*Thế gian chắc chắn không có cha, không có mẹ.*”

Hoặc lại thấy thân một người sau khi mạng chung tan rã, do người ấy hoặc sinh Vô tướng, hoặc sinh Vô sắc, hoặc nhập Niết bàn, muốn thấy sinh xứ của người ấy mà không thể thấy được, nên họ khởi suy nghĩ như vậy: “*Chắc chắn không có chúng sinh hóa sinh, vì không thể biết nơi chốn của chúng sinh kia.*”

Hoặc tự thân khởi tâm tăng thượng mạn đối với bậc A-la-hán, ngay khi mạng chung, tự thấy sinh tướng⁹⁷⁹, họ nghĩ như vậy: “*Thế gian ắt không có bậc chân A-la-hán.*” Như vậy nói rộng⁹⁸⁰.

[529b08] Hỏi: Lý do gì họ khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Không có thể tướng của tất cả các pháp.*”?

Đáp: Đối với những pháp lìa ngôn thuyết, tương tự sâu xa nằm trong các kinh nghĩa lý sâu xa được đức Như lai tuyên thuyết, họ không thể nào thấu suốt, tỏ ngộ như thật và chính xác. Lại nữa, đối với sự an lập pháp tướng⁹⁸¹ [của đại thừa], họ tư duy không đúng đạo

979 Sinh tướng: tướng trạng dễ thác sinh, đầu thai, như thấy nhà cửa, cung điện nguy nga, voi, ngựa, rừng cây, ao hồ, v.v..., rồi khởi tâm yêu thích. Kinh Phật thuyết thí naga quý cam lộ vị đại đà la ni: “Khi sinh mạng sắp chấm dứt, lại khởi nghĩ như sau: Phải chi ta được một viên sắt nóng chảy trong cổ họng, được một khối lửa lớn vào nằm trong thân, lại được một chỗ tối tăm để tránh ánh lửa và trừ bệnh lạnh thì khoái biết mấy. Bấy giờ ngục tốt hóa làm vị lương y, đưa viên sắt mà biến thành viên thuốc lớn, đặt vào trong miệng, bảo ngậm miệng nhanh. Lại hóa xe lớn kết bởi hoa sen bằng vàng, trên xe có đồng tử cầm phát cổ vũ, bệnh nhân thấy vậy tâm sanh yêu thích, nghĩ viên thuốc nóng ấm này chắc trừ được bệnh lạnh, liền muốn đi về phía trước xe, hơi đứt chết liền, sinh vào ngục thất Viên sắt của địa ngục Vô gián.” (No. 1321)

980 “Trong thế gian không có A-la-hán, không có bậc chánh hành, chánh hướng để đời này hay đời sau, thấy pháp an trụ đầy đủ với tự tri, tự tác chứng rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa?’”

981 An lập pháp tướng: Đức Phật nói các pháp tướng qua 3 tự tánh: biến kế chấp tánh, y tha khởi tánh và viên thành thật tánh. (Tướng là sắc thái. Tánh là tánh cách. Tướng có khi cũng được gọi là tánh.) Nhiếp luận ghi: “Các pháp sở tri đại khái có 3 thứ: một là y tha khởi tướng, hai là biến kế chấp



lý, khởi lên không kiến⁹⁸², họ nghĩ như vậy: “*Chắc chắn không có thể tướng của các pháp.*”

[529b13] Nay nên hỏi họ: Ông nghĩ thế nào? Là có *sinh sở thọ nghiệp*⁹⁸³ và có *hậu sở thọ nghiệp*⁹⁸⁴, hay là tất cả đều là *sinh sở thọ nghiệp*? (1) Nếu có cả hai nghiệp, nhưng ở trước ông có nói, “*không có sự bố thí hiển sinh, không có sự thương yêu nuôi nấng, không có pháp tế tự; không có diệu hành và ác hành, cũng không có hai nghiệp dị thực của ác hành và ác hành; không có đời này, không có đời sau.*”, điều này không đúng đạo lý. Nếu nói không có *hậu sở thọ nghiệp* (tức chỉ có sinh sở thọ nghiệp), tức một người tạo tác các thứ hành nghiệp tịnh và bất tịnh [ở đời này], sau khi mạng chung, người ấy phải thọ nhận tất cả quả dị

tướng, ba là viên thành thật tướng.” (HT. Thích Trí Quang dịch) Và rồi đức Phật lại nói: “Các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lại vắng bật, tự tánh niết bàn.” Nhiếp luận giải thích: “Ở đây có 5 bài chính cú: 1. Như các pháp thì thật không có, nhưng như các pháp biểu hiện thì không phải một thứ: không phải pháp và không phải phi pháp như vậy, nên nói đến cái nghĩa không hai. 2. Căn cứ một mặt nhiễm hay một mặt tịnh mà nói thì hoặc có hoặc không phải có, nhưng căn cứ cả 2 mặt mà nói thì không phải có không phải không có. 3. Như sự biểu hiện (của biến kế thì) không phải có, nên nói là không; nhưng cũng do sự biểu hiện như vậy nên nói là có. 4. (Vị lai thì sinh ra) không phải tự nhiên, (quá khứ qua rồi thì) tự thể đã không, (còn hiện tại tuy có mà) tự tánh không cố định, như sự chấp thủ (của biến kế) thì không có, (do 4 sự như vậy) nên chủ trương rằng (các pháp) không có tự tánh. 5. Do sự không có tự tánh mà làm căn cứ cho những kết luận sau đây: bất sinh bất diệt, bản lai tịch tịnh, tự tánh niết bàn.”

982 Không kiến = ác thủ không (惡取空, Phạm: dur-grhīṭā sūnyatā): Còn gọi là Tịch thủ không 僻取空 (chấp chặt cái không một cách hẹp hòi). Có nghĩa là giữ chặt cái ác không (cái không sai lầm, không thông suốt). Đối lại với Thiên thủ không 善取空, tức là phủ nhận đạo lý nhân quả, chẳng biết lý duyên sinh vô tánh mà hiểu lầm nghĩa không, cố chấp cái ý kiến đoạn không. Cứ theo luận Thành Duy Thức, quyển 7 chép, thì phủ định hai đề chân và tục là ác thủ không, chứ Phật bảo là những kẻ ấy không thể chịu được. Lại cứ theo luận Đại Trí Độ, quyển 1 chép, thì trong Phật pháp có Phương Quảng đạo nhân, chủ trương hết thấy pháp chẳng sinh chẳng diệt, không có một pháp nào; chủ trương ấy không phù hợp thực nghĩa, chẳng biết cái lý vô tánh tức không, đó là ác thủ không. [X. kinh Bồ Tát Địa Trì Q.2; luận Du-già Sư Địa Q.36; Du-già Luận Kỳ Q.9; Hoa Nghiêm Kinh Thám Huyền Kỳ Q.10; Hoa Nghiêm Ngũ Giáo Chương Q.4]. (Tự điển Phật Quang)

983 Sinh sở thọ nghiệp 生所受業: Còn gọi là thuận sinh thọ nghiệp 順生受業, thuận sinh sở thọ nghiệp 順生所受業, thuận sinh nghiệp 順生業, thuận thứ nghiệp 順次第業, thuận thứ sinh thọ nghiệp 順次生受業, là các nghiệp thiện, ác tạo tác trong đời hiện tại sẽ chịu quả báo ở đời sau.

984 Hậu sở thọ nghiệp 後所受業: Còn gọi thuận hậu thọ nghiệp 順後受業, Thuận hậu thứ thọ nghiệp 順後次第受業, Thuận hậu nghiệp 順後業, tức nghiệp thiện ác đã tạo ra ở đời hiện tại, đến đời thứ 3 trở đi mới chịu quả báo.



thục của các nghiệp tịnh và bất tịnh ngay đời sau; điều này không đúng đạo lý.

[529b21] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Con người từ bào thai và chủng tử⁹⁸⁵ mà sinh ra, thì những đứa con gọi người sinh ra chúng là cha mẹ hay không phải cha mẹ? (1) Nếu nói họ là cha mẹ, thì ông nói “*không có cha, không có mẹ*” là không đúng đạo lý. (2) Nếu nói họ không phải là cha mẹ, thì con người từ bào thai và chủng tử [của cha mẹ] mà sinh ra, mà nói không phải cha, không phải mẹ, là không đúng đạo lý.

Nếu khi làm cha mẹ, khi ấy chẳng phải là con trai, con gái; nếu khi là con trai, con gái, khi ấy chẳng phải làm cha mẹ. Điều này không có lỗi bất định.

[529b27] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Có chỗ nào chúng sinh thọ sinh mà thiên nhãn không nhìn thấy, hay là không có chỗ nào chúng sinh thọ sinh mà thiên nhãn không nhìn thấy? (1) Nếu nói có, mà ông nói “*không có chúng sinh hóa sinh*” là không đúng đạo lý. (2) Nếu nói không có, mà bài bác không có người ly tưởng dục, người ly sắc dục, người ly tam giới, là không đúng đạo lý.

[529c02] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Là có đặc tánh A-la-hán để ông khởi tâm tăng thượng mạn, hay là không có đặc tánh A-la-hán? (1) Nếu nói có, mà ông nói “*thế gian ắt không có bậc chân A-la-hán*” là không đúng đạo lý. (2) Nếu nói không có, thì khi ông phát khởi tư duy không chính xác, điên đảo tự nhận là A-la-hán: “*Đây mới chính là A-la-hán.*” Điều này không đúng đạo lý.

[529c07] Lại phải hỏi họ: Ông nghĩ thế nào? Các pháp qua tướng viên thành thật, tướng y tha khởi và tướng biến kế sở chấp là có, hay

985 Sự kết thai có 3 điều kiện hòa hợp: tinh cha, huyết mẹ và nghiệp thức.



là không có? (1) Nếu nói có, mà ông nói “*không có thể tướng của các pháp*” là không đúng đạo lý. (2) Nếu nói không có, thì ông phải không có cái chấp điên đảo, cũng không có tạp nhiễm và cũng không có thanh tịnh; điều này không đúng đạo lý.⁹⁸⁶

Như vậy, hoặc sinh sở thọ nghiệp và hậu sở thọ nghiệp, hoặc chẳng phải không quyết định, hoặc có sinh xứ, hoặc có tâm tăng thượng mạn, hoặc có ba loại tướng, thấy đều không đúng đạo lý. Vì vậy, *không kiến luận* là luận thuyết không hợp lý.

[529c14] 14. **Vọng kế tối thắng luận:** Như có vị sa-môn hay bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Bà-la-môn là chủng loại tối thắng; sát-đế-ly, phệ-xá, thú-đạt-la là chủng loại thấp kém. Bà-la-môn là chủng loại da trắng; chủng loại khác là chủng loại da đen. Chủng loại bà-la-môn có thể được thanh tịnh, chẳng phải chủng loại khác có được. Các bà-la-môn là con của Phạm vương, sinh ra từ bụng miệng của Phạm vương, được biến hóa bởi Phạm vương, thuộc dòng dõi Phạm vương.*”⁹⁸⁷ Các bà-la-môn ở kiếp Đâu tranh⁹⁸⁸ khởi chấp như vậy.

986 Ba loại tự tánh: là nói nhất thiết pháp tướng (sắc thái của các pháp), tức nói 3 tự tánh: biến kế chấp tánh, y tha khởi tánh và viên thành thật tánh. Tánh có nghĩa là có, nhưng mỗi tánh có mỗi cách: biến kế là vọng hữu (có một cách sai lầm), y tha là giả hữu (có một cách tương đối) và viên thành là thật hữu (có một cách đích thật). Nhiếp luận phủ nhận y tha toàn không: “*Vì sao sự biểu hiện thật không có, mà y tha không phải ở đâu và lúc nào cũng không có? Vì nếu y tha không có thì viên thành cũng không có; y tha mà không có thì không có gì nữa. Y tha với viên thành không có thì thành ra cái lỗi không có nhiễm với tịnh. Nhưng nhiễm với tịnh là hiện có, thế nên không nên nói tất cả toàn không. Ở đây có 1 bài chính cú: Y tha mà không thì không viên thành; tất cả toàn không thì luôn luôn không có nhiễm tịnh.*”

987 Trung A-hàm, phẩm Phạm chí, kinh Phạm chí A-nhiếp-hòa, số 151: “*Một thời Đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng, vườn Cấp cô độc. Bấy giờ có một số đông Phạm chí ở Câu-tát-la nhóm họp tại học đường, cùng nhau bàn luận như thế này: ‘Dòng Phạm chí là hơn hết, ngoài ra không ai bằng. Dòng Phạm chí da trắng, ngoài ra đều là da đen. Phạm chí được thanh tịnh, không phải Phạm chí thì không được thanh tịnh. Phạm chí con Phạm thiên, sinh từ miệng Phạm thiên, được hóa sanh bởi Phạm thiên. Nhưng Sa-môn Cù-đàm nói, bốn chủng tánh thấy đều thanh tịnh, với sự giảng giải, hiển thị.’”*

988 Có thuyết nói 1 kiếp tương đương với 1 ngày ở cõi trời Đại phạm, hoặc 1.000 thời (Yuga), tức là bốn mươi ba ức hai nghìn vạn năm (243.000.000 năm) ở nhân gian, cuối kiếp có nạn lửa xảy ra, đốt cháy hết tất cả, sau đó thế giới được thành lập lại. Thuyết khác thì cho rằng 1 kiếp có 4 thời:



[529c21] Hỏi: Lý do gì chư vị ngoại đạo ấy khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và do lý. (1) Do giáo thì như trước đã nói.

(2) Do lý, là các sa-môn hay bà-la-môn kia có tánh tâm tư, có tánh quán sát, trú tâm tư địa, trú tự biện địa, trú dị sinh địa, trú tùy tư duy quán sát hành địa. Họ thấy trên thế gian chủng loại bà-la-môn chân chánh có đầy đủ giới hạnh, [còn những chủng loại khác] có tham danh lợi và cung kính, cho nên họ khởi chấp như vậy.

[529c26] Nay nên hỏi họ: Ông nghĩ thế nào? Có phải chỉ có chủng loại khác từ người mẹ sinh đẻ, hay là các bà-la-môn cũng vậy?

(1) Nếu chỉ có chủng loại khác từ người mẹ sinh đẻ, thế mà ở thế gian hiện thấy các bà-la-môn từ người mẹ sinh đẻ, như vậy là ông đã bài bác sự kiện hiện tại; điều này không đúng đạo lý. (2) Nếu các bà-la-môn cũng từ người mẹ sinh đẻ, mà ông trước có nói “*bà-la-môn là chủng loại tối thắng; sát-đế-lị, phê-xá, thú-đạt-la là chủng loại thấp kém*”⁹⁸⁹ là không đúng đạo lý.

Nếu từ người mẹ sinh đẻ, như vậy: (1) Tạo nghiệp bất thiện, tạo nghiệp thiện, tạo ác hành qua thân miệng ý, tạo diệu hành qua thân miệng ý, ở đời hiện tại thọ quả không ưa thích hoặc thọ quả ưa thích,

1. Viên mãn thời (Kftayuga), tương đương với 1.728000 năm.
 2. Tam phần thời (Tretayuga), tương đương với 1.296.000 năm.
 3. Nhị phần thời (Dvayuga), tương với 864.000 năm.
 4. Tranh đầu thời (Kaliyuga), tương đương với 432.000 năm. Tất cả 4 thời gồm có 4.320.000 năm. Theo thuyết này thì thời gian chúng ta đang sống đây thuộc về thời Tranh đầu. Ngoài ra, căn cứ vào thuyết 1 kiếp có 4 thời nói trên, Bà-la-môn giáo cho rằng so sánh 4 thời với nhau, thì về mặt thời gian càng ngày càng ngắn đi, thân hình con người thấp bé dần và đạo đức mỗi ngày mỗi sa sút, nếu thời Tranh đầu kết thúc thì là mạt kiếp, thế giới sắp bị hủy diệt.

989 Các bà-la-môn là chủng loại tối thắng, vì “các bà-la-môn là con của Phạm vương, sinh ra từ bụng miệng của Phạm vương, được biến hóa bởi Phạm vương, thuộc dòng dõi Phạm vương.” Nếu từ người mẹ sinh đẻ thì sao gọi là tối thắng.



ở đời sau sinh vào các nẻo lành hoặc sinh vào các nẻo dữ.⁹⁹⁰ (2) Hoặc ba điều kiện hiện tiền, là kia là đây, do kia do đây, vào trong thai mẹ, từ đó sinh ra.⁹⁹¹ (3) Hoặc ở thế gian [muru sinh bằng] công xảo xứ⁹⁹² hay tác nghiệp xứ⁹⁹³, là thiện hay bất thiện.⁹⁹⁴ (4) Hoặc làm vua, hoặc làm quan, hoặc lanh lợi khôn ngoan, hoặc tăng tiến đầy đủ.⁹⁹⁵ (5) Nếu làm vua thì quan tâm chọn người để phục dịch, hầu cận, hoặc không quan tâm chọn người.⁹⁹⁶ (6) Hoặc là pháp già, bệnh, chết, hoặc chẳng phải pháp già, bệnh, chết.⁹⁹⁷ (7) Hoặc tu Phạm trú, đã sinh về thế giới

990 Đoạn này ý nói các bà-la-môn cũng tạo nghiệp và thọ quả báo như các chủng loại khác.

991 Phải hội đủ 3 điều kiện mới được vào thai mẹ: 1. Người mẹ tâm ý điều hòa thuận thích, lại đúng thời kỳ rụng trứng; 2. Cha mẹ quan hệ và cùng khởi ý niệm ái nhiễm; 3. Thân trung âm đang có mặt. Lại không có một số chướng duyên như sau: 1. Khi hòa hợp tinh cha ra nhưng tinh mẹ không ra, hay ngược lại. Người mẹ có một số bệnh như tử cung lạnh, khí huyết thành cục, vàng võ nhiều đàm ... hoặc một số bệnh của người cha, hoặc uống thuốc tránh thai. Cha mẹ tôn quý có phước đức, nhưng trung âm ti tiện kém phước, hay ngược lại cha mẹ ti tiện kém phước, mà trung âm tôn quý có phước đức thì cũng không thành thai. Nghiệp báo giữa cha mẹ và con cái phải có nhân duyên với nhau mới thành thai. Hoặc có khi cha mẹ cùng con đều tôn quý hoặc ti tiện, nhưng nghiệp duyên giữa cha mẹ và con cái không hợp cũng không thể thành thai. Khi cha mẹ quan hệ ở giai đoạn tham ái cùng cực, mỗi người xuất ra một giọt tinh huyết và hòa hợp lẫn nhau, ngay lúc đó trung âm liền sanh ý niệm chấp thủ, muốn gá hợp vào giọt tinh huyết, mà nhập vào thai bào. Trung âm nếu là con gái, liền đối với người cha khởi tâm tham muốn, sanh lòng ghét bỏ người mẹ. Nếu là con trai, liền đối với người mẹ khởi tâm tham muốn và sanh lòng ghét bỏ người cha. Ngay lúc trung âm sanh ái tâm lẫn sân tâm cũng chính là lúc trung âm chuẩn bị nhập thai. Mỗi quan hệ nghiệp báo giữa cha mẹ và con cái, không ra ngoài một trong bốn trường hợp sau: 1. Vì trả ân sinh làm con; 2. Vì trả oán sinh làm con; 3. Vì đòi nợ sinh làm con; 4. Vì trả nợ sinh làm con. (Xem Du-già sư địa luận, quyển 1, tr. 282b25~283a20) Đoạn này ý nói các bà-la-môn đều là con người do cha mẹ sinh ra (thai sinh) chứ không phải con của Phạm vương, được biến hóa bởi Phạm vương (hóa sinh). Cùng là thai sinh thì không thể nói các bà-la-môn tối thắng hơn các chủng loại khác.

992 Công xảo xứ = kỹ thuật. Trung A-hàm, kinh Khổ ấm, số 99: “Một thiện gia nam tử, tùy kỹ thuật riêng mà tự mưu sinh; hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc học sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

993 Tác nghiệp xứ: Là những việc làm khác qua thân và ngữ, ngoài công xảo xứ.

994 Các bà-la-môn và chủng loại khác đều cùng tác nghiệp mưu sinh, dù thiện hay bất thiện, không ai tối thắng hơn ai, vì không có nghề nghiệp quý tiện.

995 Làm vua, làm quan là địa vị tăng thượng. Lanh lợi khôn ngoan là biện tài tăng thượng. Tăng tiến đầy đủ là của cải tăng thượng.

996 Sát-đế-lị là hàng vua chúa quý phái, tự cho mình sinh từ cánh tay Phạm thiên, thay mặt cho Phạm thiên nắm giữ quyền hành thống trị dân chúng. Các bà-la-môn dù được tôn kính, vẫn chịu sự thống trị của nhà vua.

997 Tạng A-hàm, Tam pháp, số 346: “Vi thế gian có ba pháp già, bệnh, chết, không đáng yêu thích,



Phạm thiên⁹⁹⁸, hoặc không tu Phạm trú. (8) Hoặc tu tập [ba mươi bảy] pháp bò-đề phần, hoặc không tu tập [ba mươi bảy] pháp bò-đề phần. (9) Hoặc ngộ nhập Thanh văn bò-đề, Độc giác bò-đề, Vô thượng bò-đề, hoặc không ngộ nhập bò-đề nào cả.

[530a12] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Là từ chủng loại tối thắng sinh ra nên gọi là tối thắng, hay là do trì giới, đa văn v.v... [nên gọi là tối thắng]? (1) Nếu từ chủng loại tối thắng sinh ra nên gọi là tối thắng, mà trong luận thuyết của ông có việc thực hiện pháp tế tự, nếu lấy trì giới là tối thắng, hoặc đa văn là tối thắng, lấy đó để xác định, thì lời nói này phải không hợp lý.⁹⁹⁹ (2) Nếu do trì giới, đa văn v.v... [nên gọi là tối thắng], mà ông ở trước có nói “*bà-la-môn là chủng loại tối thắng; sát-đế-li, phê-xá, thú-đạt-la là chủng loại thấp kém*”, điều này không đúng đạo lý.¹⁰⁰⁰

[530a17] Như vậy, do sinh đẻ, do tác nghiệp, do thọ sinh, do công xảo nghiệp xứ, do tăng thượng, do những gì được quan tâm, do Phạm trú, do tu giác phần, do chúng bò-đề, do trì giới, đa văn là tối thắng, tất cả đều không đúng đạo lý. Vì vậy, *vọng kế tối thắng luận* là luận thuyết không hợp lý.

không đáng nhớ nghĩ, và không vừa ý này, cho nên Như Lai, Ứng cúng, Đẳng Chánh giác mới xuất hiện ở thế gian; thế gian biết có chánh pháp luật được tri kiến và được tuyên thuyết bởi Như Lai, Ứng cúng, Đẳng Chánh giác. Vì ba pháp chưa đoạn nên không thể thoát khỏi già, bệnh, chết. Ba pháp đó là tham, nhuế, si.” Các bà-la-môn không thoát khỏi 3 pháp già, bệnh, chết. Các chủng loại khác, khi tu tập giải thoát, lìa được tham, nhuế, si nên có thể dứt già, bệnh, chết, gọi là chẳng phải già, bệnh, chết.

998 Phạm trú 梵住 (S: Brāhmavihāra): đời sống có phẩm tính như Phạm thiên, hay sống chung với Phạm thiên. Phạm trú là an trú 4 tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả, mà chính yếu là đại bi. Tăng nhất A-hàm, phẩm Tựa: “Khéo tu phạm hạnh trong tám vạn bốn nghìn năm, thực hành bốn đẳng tâm là từ, bi, hỷ, xả; thân hoại mạng chung sinh lên Phạm thiên.”

999 “Từ chủng loại tối thắng sinh ra nên gọi là tối thắng” là không hợp lý, vì việc thực hiện pháp tế tự (phúng tụng, trì chú) cần phải là người trì giới hay đa văn.

1000 Bà-la-môn nào được tôn sùng, chiêm ngưỡng, kính lễ, trọng vọng thì phải trì giới, đa văn (thông hiểu 3 tập Vệ đà).



15. **Vọng kế thanh tịnh luận:** Như có vị sa-môn hay bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Nếu tôi giải thoát thì tâm được tự tại, Du-già được tự tại*¹⁰⁰¹, gọi là thanh tịnh”, nghĩa là đối với năm dục vi diệu mà chư thiên nhiếp thọ dính chắc, vui đùa thỏa thích, tùy ý thọ dụng, gọi đó là được hiện pháp niết bàn, đệ nhất thanh tịnh.¹⁰⁰²

[530a25] Lại nữa, nếu có ai ly dục và pháp ác bất thiện, an trú đầy đủ sơ tĩnh lự, cho đến an trú đầy đủ đệ nhị tĩnh lự, đệ tam tĩnh lự và đệ tứ tĩnh lự¹⁰⁰³, cũng gọi đó là được hiện pháp niết bàn, đệ nhất thanh tịnh.

1001 Du-già được tự tại = quán được tự tại.

1002 Trường A-hàm, kinh Phạm động: “Lại có pháp, là ánh sáng của đại pháp vi diệu, sâu xa. Đó là pháp gì? Có Sa-môn, Bà-la-môn, y mặt kiếp mặt kiến, đề xuất hiện tại Niết-bàn luận, nói rằng chúng sanh trong hiện tại có Niết-bàn; thầy đều thuộc trong năm trường hợp. Y mặt kiếp mặt kiến, chủ trương hiện tại Niết-bàn luận, thuộc trong năm kiến, chừng ấy không hơn.

“Sa-môn, Bà-la-môn kia, nhân sự kiện gì, y mặt kiếp mặt kiến, nói rằng chúng sanh trong hiện tại có Niết-bàn, thuộc trong năm trường hợp, chừng ấy không hơn?

“Có Sa-môn, Bà-la-môn, quan điểm như vậy, luận thuyết như vậy: Ta trong hiện tại phóng túng theo năm dục, ấy là ta đạt Niết-bàn trong hiện tại. Đó là trường hợp thứ nhất.

“Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: Đó là hiện tại Niết-bàn, chớ không phải là không đúng. Nhưng còn có Niết-bàn vi diệu bậc nhất mà người không biết; chỉ ta biết mà thôi. Như ta ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, hỷ lạc do định sanh, nhập Sơ thiên. Đây mới là hiện tại Niết-bàn. Đó là trường hợp thứ hai.

“Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: Đó là hiện tại Niết-bàn, chớ không phải là không đúng. Nhưng có Niết-bàn hiện tại vi diệu bậc nhất mà người không biết; chỉ mình ta biết mà thôi. Như ta diệt giác quán, nội tâm tịch tĩnh, nhất tâm, không giác quán, hỷ lạc do định sanh, nhập Đệ Nhị thiên. Chừng ấy mới gọi là hiện tại Niết-bàn. Đó là trường hợp thứ ba.

“Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: Đó là hiện tại Niết-bàn, chớ không phải là không đúng. Nhưng có Niết-bàn hiện tại vi diệu bậc nhất mà người không biết; chỉ mình ta biết mà thôi. Như ta lìa hỷ, an trú xả và niệm, nhất tâm, thân cảm thọ lạc, điều mà Thánh nói, an trú lạc và xả, nhập Đệ Tam thiên. Chừng ấy mới là hiện tại Niết-bàn. Đó là trường hợp thứ tư.

“Lại có Sa-môn, Bà-la-môn nói như vậy: Đó là hiện tại Niết-bàn, không phải là không đúng. Nhưng còn hiện tại Niết-bàn vi diệu bậc nhất mà người không biết. Chỉ mình ta biết thôi. Như ta lạc diệt, khổ diệt, ưu hỷ đã trừ trước, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, nhập Đệ Tứ thiên. Ấy mới gọi là hiện tại Niết-bàn. Đó là trường hợp thứ năm. Nếu Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương hiện tại Niết-bàn luận, thuộc trong năm trường hợp, chừng ấy không hơn.

“Duy Phật mới có thể biết, cũng vậy. (như trên).” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

1003 “Nếu vi tỷ kheo ly dục, ly pháp ác bất thiện, có tâm có tứ, có hỷ và lạc phát sinh do viễn ly, an trú đầy đủ sơ tĩnh lự.” Lại nữa, “Vắng lặng tâm tứ, nội tâm an tịnh, tâm định một cảnh, một trạng thái hỷ lạc do tam-ma-địa sinh, không tâm không tứ, an trú đầy đủ đệ nhị tĩnh lự.” Lại nữa, “Do ly hỷ nên trú xả, niệm chánh tri, và thân cảm lạc của chánh thọ mà bậc Thánh tuyên thuyết là thành tựu xả niệm lạc trú, an trú đầy đủ đệ tam tĩnh lự.” Lại nữa, “Do đoạn lạc, cùng với từ trước đã đoạn khổ, hỷ và ưu, an trú đầy đủ đệ tứ tĩnh lự, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.”



[530a28] Lại nữa, có ngoại đạo khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: Nếu có chúng sinh tắm rửa thân thể trong sông Tôn-đà-lợi-già¹⁰⁰⁴ thì bao nhiêu tội chướng thầy đều trừ diệt. Giống như sông Tôn-đà-lợi-già, chúng sinh tắm rửa thân thể trong các sông Bà-hồ-đà¹⁰⁰⁵, sông Già-da¹⁰⁰⁶, sông Tát-la-tát-phạt-đề¹⁰⁰⁷, sông Căng-già¹⁰⁰⁸ v.v... thì bao nhiêu tội chướng thầy đều trừ diệt. Đó là đệ nhất thanh tịnh.¹⁰⁰⁹

[530b04] Lại nữa, có ngoại đạo chấp trì giới chó¹⁰¹⁰ để được thanh tịnh, hoặc trì giới trâu¹⁰¹¹, hoặc trì giới dầu mực¹⁰¹², hoặc trì giới lông thê, hoặc trì giới tro¹⁰¹³, hoặc trì giới tự hành xác¹⁰¹⁴, hoặc trì giới phân dơ¹⁰¹⁵ v.v..., chấp đó làm thanh tịnh.

Đó là luận thuyết của ngoại đạo hiện pháp niết bàn và luận thuyết của ngoại đạo trầm mình trong dòng sông v.v... Họ khởi chấp như vậy.

[530b08] Hỏi: Lý do gì chư vị ngoại đạo ấy khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

1004 Tôn-đà-lợi-già hà 孫陀利迦河 (p: Sundarikā-nadī).

1005 Bà-hồ-đà hà 婆胡陀河.

1006 Già-da hà 伽耶河.

1007 Tát-la-tát-phạt-đề hà 薩羅薩伐底河: sông Saraswati (S: sárasvatī-nadī).

1008 Căng-già hà 殃伽河 = hằng-già hà 恆伽河: sông Hằng.

1009 Trung A-hàm, kinh Thủy Tịnh Phạm chí, số 93: “Bấy giờ, Phạm chí nói với Thế Tôn: ‘Này Cù-đàm, hãy đến sông Đa thủy tắm rửa.’ Đức Thế Tôn hỏi: ‘Này Phạm chí, nếu đến tắm nơi sông Đa thủy thì sẽ được những gì?’ Phạm chí trả lời: ‘Này Cù-đàm, sông Đa thủy ấy là dấu hiệu trai khiết của thế gian, là dấu hiệu độ thoát, là dấu hiệu phước đức. Cù-đàm, nếu đến tắm nơi sông Đa thủy thì được trừ sạch tất cả ác.’” Sau đó đức Phật nói bài tụng cho Phạm chí Thủy Tịnh, dạy rằng, lấy thiện pháp tẩy sạch nghiệp bất thiện, chứ nước sông dơ bẩn kia không thể nào làm sạch nghiệp dữ.

1010 Cẩu giới 狗戒: đi bằng bốn chân, ngủ ngoài hiên, ăn những vật người ta quăng bỏ, tập tru như chó, đại tiện tiểu tiện theo kiểu chó.

1011 Ngưu giới 牛戒: không ăn cơm mà chỉ ăn cỏ, bắt chước hành vi của trâu.

1012 Du mặc giới 油墨戒: dầu hòa với mực, xoa lên thân làm giới.

1013 Hôi giới 灰戒: lấy tro xoa lên thân ngủ trong đồng tro làm giới.

1014 Tự khổ giới 自苦戒: đứng nguyên một chỗ rất lâu, nhìn chăm chăm vào mặt trời gay gắt, co một chân đứng yên bất động, hay nuốt khói và lửa v.v...

1015 Phân uế giới 糞穢戒: lấy phân bò, phân nai làm thức ăn, hay lấy phân xoa lên thân, hay khỏa thân nằm trên phân bò.



Đáp: Do giáo và do lý. (1) Do giáo thì như trước đã nói.

(2) Do lý, là các sa-môn hay bà-la-môn kia có tánh tầm tư, có tánh quán sát, trú tầm tư địa, trú tự biện địa, trú dị sinh địa, trú tùy tư duy quán sát hành địa. Họ cho rằng được sự buông thả tự tại¹⁰¹⁶, dục tự tại¹⁰¹⁷, quán hành¹⁰¹⁸ tự tại, gọi là sự thanh tịnh tối thắng, nhưng họ không biết đúng như thật về hành tướng của sự buông thả tự tại, dục tự tại, quán hành tự tại.

[530b13] Lại nữa, như có ngoại đạo chấp việc tự hành xác đưa tới sự giải thoát điều ác của mình, hoặc gây tạo tội ác thì giải thoát tội ác.

[530b15] Nay nên hỏi họ: Ông nghĩ thế nào? Những người thọ hưởng vui thích trong năm dục vi diệu, họ đã ly dục tham, hay là chưa ly dục tham? (1) Nếu họ đã ly dục tham thì có sự thọ hưởng vui thích trong năm dục là không đúng đạo lý. (2) Nếu họ chưa ly dục tham, thì kiến chấp của họ vào sự giải thoát thanh tịnh là không đúng đạo lý.

[530b19] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Những vị được sơ tĩnh lự cho đến an trú đầy đủ đệ tứ tĩnh lự, họ đã viễn ly tất cả tham dục, hay là chưa viễn ly tất cả tham dục? (1) Nếu nói đã viễn ly tất cả tham dục, mà còn có sơ tĩnh lự cho đến an trú đầy đủ đệ tứ tĩnh lự là không đúng đạo lý. (2) Nếu nói chưa viễn ly tất cả tham dục, mà chấp là được rốt ráo giải thoát thanh tịnh, là không đúng đạo lý.

[530b24] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Là do nội tâm thanh tịnh nên được rốt ráo thanh tịnh, hay là do ngoại cảnh thanh tịnh nên được rốt ráo thanh tịnh? (1) Nếu do nội tâm thanh tịnh, mà chấp sự tắm rửa trong các sông để được thanh tịnh là không đúng đạo lý. (2) Nếu do

1016 Túng nhậm tự tại 縱任自在: buông thả tự tại như ngoại đạo lỏa thê, trì giới chó, giới trâu, giới tro v.v...

1017 Dục tự tại là diệu dục ở cõi trời Dục giới, tùy ý muốn hưởng thọ.

1018 Chánh văn là du-già, chỉ 4 tĩnh lự của Sắc giới.



ngoại cảnh thanh tịnh, nhưng nội tâm có đủ các cấu uế như tham, sân, si v.v..., họ chỉ đoạn trừ cấu uế bên ngoài mà chấp rằng rốt ráo thanh tịnh là không đúng đạo lý.

[530b29] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Nhận giữ vật sạch nên được thanh tịnh, hay là nhận giữ vật không sạch nên được thanh tịnh? (1) Nếu do nhận giữ vật sạch nên được thanh tịnh, mà người thế gian đều nhìn nhận con chó v.v... là không sạch, nhưng ông chấp rằng nhận giữ giới chó v.v... thì được thanh tịnh, là không đúng đạo lý. (2) Nếu do nhận giữ vật không sạch nên được thanh tịnh, tự thể này không sạch mà có thể làm cho tự thể khác trong sạch là không đúng đạo lý.

[530c05] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Những vị thọ trì giới chó v.v... là thực hành hạnh tà ác qua thân miệng ý nên được thanh tịnh, hay là thực hành hạnh chánh diệu qua thân miệng ý nên được thanh tịnh? (1) Nếu do thực hành hạnh tà ác nên được thanh tịnh, thì thực hành hạnh tà ác mà cho rằng thanh tịnh, là không đúng đạo lý. (2) Nếu do thực hành hạnh chánh diệu nên được thanh tịnh, thì sự trì giới chó v.v... là không hiệu quả, mà ông chấp rằng những giới ấy có thể đưa tới thanh tịnh, là không đúng đạo lý.

[530c10] Như vậy, do ly dục, không ly dục, do nội tâm, ngoại cảnh, do nhận giữ tịnh và bất tịnh, do tà hành và chánh hành, đều là không đúng đạo lý. Vì vậy, *vọng kế thanh tịnh luận* là luận thuyết không hợp lý.

[530c12] 16. **Vọng kế cát tường luận:** Như có vị sa-môn hay bà-la-môn khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: “*Trên thế gian, khi mặt trời, mặt trăng che khuất nhau, các tinh tú vận hành sai lệch, thì*



*những gì mình mong muốn và thực hiện đều không thành tựu. Nếu các hiện tượng kia xuôi thuận thì những mong cầu mới thành tựu. Vì ý nghĩa đó, con người phải biết siêng năng cúng dường [các vị thần] mặt trời, mặt trăng và các tinh tú, cúng tế [thần] lửa¹⁰¹⁹, tụng chú đặt để vào bó cỏ tranh¹⁰²⁰, những quả tỳ-la-bà xếp đầy cả vại¹⁰²¹ và những phẩm vật v.v...”¹⁰²² Ngoại đạo *Lịch toán* khởi chấp như vậy.*

[530c18] Hỏi: Lý do gì chư vị ngoại đạo ấy khởi kiến như vậy, lập luận như vậy?

Đáp: Do giáo và do lý. (1) Do giáo thì như trước đã nói.

(2) Do lý, là các sa-môn hay bà-la-môn kia có tánh tầm tư, có tánh quán sát, trú tâm tư địa, trú tự biện địa, trú dị sinh địa, trú tùy tư duy quán sát hành địa. Do họ hoạch đắc tịnh lự thế gian nên thế gian đều gọi họ là A-la-hán. Nếu có ai muốn cầu cho mình được giàu có sung sướng, cầu gì được nấy, bèn đi đến thỉnh vấn họ. Nhưng họ không

1019 Từ hỏa 祠火: Pháp cúng dường thần lửa A-kỳ-ni (S: Agni) để trừ ma cầu phước ở Ấn độ đời xưa. Trong các vị thần của thời đại Phệ đà, thần A-kỳ-ni là quan trọng nhất. Nghi thức cúng tế vị thần này của những người Bà-la-môn thờ lửa rất thịnh hành, họ bỏ vật cúng vào trong lò lửa của đàn tế, chờ lửa bốc lên thì cho rằng các vật cúng đã đến được miệng của các thần, các thần nhờ đó mà được sức mạnh để hàng phục các ma và ban cho loài người phước lành. Họ cho rằng lửa là miệng của các thần, cũng là miệng của trời.

1020 Tụng chú vào trong bó cỏ tranh rồi dùng nó đập phải lên người bệnh thì lành bệnh.

1021 Tỳ-la-bà quả 毘羅婆果: quả màu vàng, các vị bà-la-môn khi cúng tế trời thường dùng cây có quả này làm tràng phan để trang nghiêm cúng dường.

1022 Trường A-hàm, kinh A-ma-trú, số 20: “Ma-nạp, như các Sa-môn, Bà-la-môn khác, tuy ăn của người tín thí, mà hành pháp chướng ngại đạo, sinh sống bằng tà mạng: xem tướng thiên thời, đoán mưa hay không mưa, thóc cao hay thóc kém, bệnh nhiều hay bệnh ít, kinh sợ hay an ổn, hoặc nói động đất, sao chổi, nhật thực, nguyệt thực, tinh thực, hoặc nói không thực, điềm lành như vậy, điềm xấu như vậy. Ai vào pháp Ta, không có việc ấy.”



như thật biết về nghiệp quả tương ứng¹⁰²³ và đạo lý duyên sinh¹⁰²⁴, họ chỉ biết về thế gian khi nào mặt trời, mặt trăng che khuất nhau, khi nào các tinh tú vận hành sai lệch. Vào thời điểm ấy, nghiệp dị thực tịnh và bất tịnh của chúng sinh [đến lúc] thành thực, họ bèn chấp rằng do mặt trời, mặt trăng v.v... tạo tác. Họ vì tin tưởng và ưa thích những việc ấy nên kiến lập lý thuyết như vậy.

[530c26] Lại nữa, ông nghĩ thế nào? Những việc hưng thịnh, suy tàn trên thế gian là do mặt trời, mặt trăng che khuất nhau, các tinh tú vận hành sai lệch gây ra, hay là do nghiệp tịnh, nghiệp bất tịnh gây

1023 Nghiệp quả tương ứng: Quả báo thiện ác tương ứng với từng nghiệp là chắc chắn, nhưng thời điểm nhận quả báo thì có thể gần hoặc xa, **ngay hiện tại** hay **trong một đời khác**, hay **trong nhiều đời khác**. Nghiệp thiện là nghiệp được chỉ đạo bởi tâm không tham, không sân, không si. Nghiệp ác là nghiệp được chỉ đạo bởi tâm tham, sân, si. Ngoài ra, nghiệp riêng của một người (biệt nghiệp) lại luôn nằm trong mối liên hệ với những người cùng thời (cộng nghiệp), lại có thể được chuyển hóa bởi những nghiệp thiện lành hoặc hồi hướng công đức, thậm chí còn có thể “ghi nợ” cho đến khi đủ cơ duyên và đủ mạnh để trả quả. Trung bộ kinh, Đại kinh nghiệp phân biệt, số 136: „Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, có khả năng đưa đến lạc thọ, người ấy sẽ cảm giác lạc thọ. Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến khổ thọ, người ấy sẽ cảm giác khổ thọ. Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến bất khổ bất lạc thọ, người ấy sẽ cảm giác bất khổ bất lạc thọ“

“Này Ananda, có bốn loại người này có mặt ở đời. Thế nào là bốn? Ở đây, này Ananda, có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nhưng ở đây, này Ananda, có người sát sanh, ... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Ở đây, này Ananda, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Nhưng ở đây, này Ananda, có người từ bỏ sát sanh, ... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.”

„Chắc chắn có ác nghiệp, có quả báo ác nghiệp.“

„Chắc chắn có thiện nghiệp, có quả báo thiện hạnh.“

1024 Đạo lý duyên sinh: Các hiện tượng vũ trụ và nhân sinh đều do nhiều mối quan hệ phức tạp kết hợp với nhau (nhân tố và duyên tố) mà sinh ra. Quan hệ này liên quan đến quan hệ khác, tức là nhân duyên. Một sự việc xuất hiện là do nhân duyên hội tụ. Sự vật tiêu vong là do nhân duyên ly tán. Như vậy gọi là duyên sinh, duyên diệt. Tất cả mọi hiện tượng là duyên sinh, duyên diệt nên biến đổi vô thường, đều là hư huyền, tạm bợ, không có thật thể, gọi là duyên sinh tánh không. Tất cả mọi hiện tượng hư huyền ấy đều do nghiệp lực mà hình thành, do vậy, nếu thấu rõ được đạo lý duyên sinh tánh không, thì sẽ không còn bị huyền cảnh mê hoặc, lôi kéo, chi phối, sẽ được tự do, tự tại. Đó tức là giải thoát khỏi sinh tử.



ra? (1) Nếu nói do mặt trời, mặt trăng che khuất nhau, các tinh tú vận hành sai lệch gây ra, thì hiện tại thấy một đời người tùy theo sự tạo tác nghiệp phước hay phi phước¹⁰²⁵ mà chiêu cảm kết quả hưng thịnh, suy tàn, khổ, vui, v.v..., là không đúng đạo lý. (2) Nếu nói do nghiệp tịnh, nghiệp bất tịnh gây ra, mà ông nói do “*mặt trăng che khuất nhau, các tinh tú vận hành sai lệch*”, là không đúng đạo lý.

[531a02] Như vậy, do mặt trời, mặt trăng che khuất nhau, các tinh tú vận hành sai lệch gây ra, do nghiệp tịnh, nghiệp bất tịnh gây ra, đều là không đúng đạo lý. Vì vậy, *vọng kể cát tường luận* là luận thuyết không hợp lý.

[531a04] Như vậy, mười sáu thứ dị luận là do quán sát, phát khởi bằng hai loại cánh cửa [là giáo và lý]. Và do quán sát, suy nghiệm chánh đạo lý mà tất cả những dị luận trên đều không đúng đạo lý.

1025 Trong Phật học tinh yếu, HT. Thích Thiện Tâm giải thích: “Về phương diện nghiệp nhân, trong kiếp sống, loài hữu tình khi gây nhân có ba điều khái yếu: phước nghiệp, phi phước nghiệp và bất động nghiệp. Phước nghiệp là những nhân lành như kính thờ Tam bảo, bố thí, phóng sanh ... Phi phước nghiệp là những nhân ác, như khinh báng Tam bảo, bất hiếu với song thân, cùng những điều giết, trộm, dâm, vọng ... Bất động nghiệp là những nhân thiên định, như thế gian thiên, ngoại đạo thiên, xuất thế gian thiên. Ba nghiệp nhân trên phát sanh từ thân, ngữ, ý. Nhân lành của thân là giữ những giới không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, đoan chính trong các oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi; mắt không đắm sắc, tai không nhiễm thanh ... Nhân lành của ngữ là không nói dối, không nói thêu dệt, không nói dối chiều, không nói thô ác, không nói vô ích, không nói lời hí hước, không khen mình chê người, thường dẫn chuyện nhân quả với tánh cách nêu gương để khuyên nhắc kẻ khác. Nhân lành của ý là không tham lam, bòn sẻn, tật đố, không giận dữ, hờn oán sâu độc, không si mê tà kiến. Nếu thân, ngữ, ý không làm những việc như trên, lại tạo thêm các điều thiện, gọi là ba nghiệp lành. Trái lại, là ba nghiệp ác. Tóm tắt, về phần “nhân”, nơi phát sanh không ngoài thân, ngữ, ý, và chỗ tạo tác không ngoài phước, phi phước cùng bất động nghiệp.”

Đại sĩ **VÔ TRƯỚC** tạo luận

Hán dịch từ Phạn bản
Pháp sư HUYỀN TRANG

Việt dịch và chú giải
QUẢNG MINH

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024) 37822845

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

顯揚聖教論

Prakaraṇāryavācā-sāstra

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc

ThS. NGUYỄN HỮU CỐ

Chịu trách nhiệm nội dung:

Q. Tổng Biên Tập

LÊ HỒNG SƠN

Biên tập: **VŨ VĂN HIẾU**

Trình bày & Sửa bản in: **LÂM ĐẶNG**

Bìa: **QUẢNG MINH**

Liên kết xuất bản:

CÔNG TY TNHH TM HÙNG KHANG

Địa chỉ: 339/81 Nguyễn Thái Bình, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

In số lượng 500 cuốn. Khổ 15 x 21 cm

Tại: Công ty Cổ phần In Thương mại Đông Dương

Địa chỉ: 161/1 Lũy Bán Bích, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP.HCM

Số_ĐKXB: 1795-2022/CXBIPH/02-62/TG

Mã ISBN: 978-604-61-8542-0

QĐXB: 307/QĐ-NXBTG ngày 01 tháng 06 năm 2022

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2022

Luận
HIỂN DƯỠNG THÁNH GIÁO

(Trọn bộ gồm 2 tập)

TẬP 2



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Đại sĩ VÔ TRƯỚC tạo luận

LUẬN
HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

顯揚聖教論

Prakaraṇāryavācā-śāstra



Pháp sư Huyền Trang

Hán dịch từ Phạn bản

QUẢNG MINH

Viết dịch và chú giải



Dịch phẩm Luận Hiển Dương Thánh Giáo này,

Con xin thành tâm đánh lễ:

Hiển cúng Bồ-tát Di Lặc, Đại sĩ Vô Trước,
Pháp sư Huyền Trang.

Hiển cúng Thượng nhân Thích Trí Quang,
Bổn sư Thích Minh Hạnh,

Đại sư Thích Minh Phát, Ân sư Thích Lệ Trang.

Hiển cúng chư Đại đức Tăng - già, các bậc Sư
trưởng, Giáo thọ sư, Du-già sư.

Kính dâng lên Phụ mẫu hiện tiền.

Xin nguyện hồi hướng công đức cho pháp giới
chúng sinh và cha mẹ.



Con thành kính tri ân

Thầy Thích Pháp Chơn

Trụ trì chùa Liễu Quán và chùa Tâm Từ

*Đã hỗ trợ duyên lành để quyển Luận
Hiển Dương Thánh Giáo có nghĩa
văn cụ túc thanh tịnh này được ấn
tống và hiến cúng đến chư thiện tri
thức mười phương.*



Lời Giới Thiệu

Sau khi đức Phật nhập diệt khoảng 500 năm, Phật giáo Đại thừa hưng khởi. Khi Phật giáo Đại thừa phát triển thì các Tông phái như Hoa Nghiêm, Tịnh Độ, Pháp Tướng (Duy Thức), v.v... được hình thành. Khi các Tông phái được hình thành thì chư vị Tổ sư biên soạn các bộ luận giải, chú sớ,... để xiển dương giáo nghĩa của Tông phái mình.

Hiển Dương Thánh Giáo luận là một trong những bộ luận quan trọng của Phật giáo Đại thừa, được ngài Vô Trước biên soạn (nhưng ngày nay, đa số các nhà nghiên cứu nhận định rằng ngài Thế Thân mới là người biên soạn bộ Luận thư này) để xiển dương giáo nghĩa của Duy Thức. Luận thư đề cập đến tất cả các vấn đề như Uẩn, Xứ, Giới, Duyên khởi, Vô thường, Khô, Không, Vô tánh, Nhất thiết pháp (tâm, tâm sở, sắc pháp,...), Tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới), Tam thiên thế giới, Tứ đế, Thế gian, Xuất thế gian, Bốn niệm trú, Bốn chánh đoạn, Bốn thần túc, Năm căn, Năm lực, Bảy biến giác chi, Tám thánh đạo chi, Bảy loại Hiền Thánh, Tám bậc Thánh quả, Ba thừa, Bốn Sa-môn quả, Sáu thần thông, Mười tám loại bất cộng pháp, Ba mươi hai tướng đại trượng phu, Tám mươi vẻ đẹp, Nhất thiết chủng diệu



trí, v.v... Có thể được xem là bộ Đại từ điển Phật học, là kim chỉ nam để đi vào giác lộ của tông Pháp tướng nói riêng, để hiểu rõ Phật giáo mà đặc biệt là Phật giáo Đại thừa nói chung.

Cư sĩ Quảng Minh¹ đã dịch bộ Luận này với văn phong đơn giản, dễ hiểu. Không chỉ cẩn thận trong việc phiên dịch mà Cư sĩ còn chịu khó chú thích rất chi tiết, kỹ lưỡng. Nhờ việc chú thích này mà Luận thư vốn đã được trân trọng lại càng được trân trọng hơn. Thật đáng tán dương công đức. Mong rằng nhờ chỉ dẫn của Luận thư này mà độc giả đạt được Nhất thiết chủng diệu trí.

Phương Ngoại am, thứ Năm, ngày 5 tháng 5 năm 2022

Tu viện trưởng Tu viện Vĩnh Nghiêm

Thích Giác Dũng

¹ Cư sĩ Quảng Minh ngày xưa cùng ngồi trên chiếc ghế Trường Cao cấp Phật học Việt Nam Cơ sở 2 (nay là Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. Hồ Chí Minh) với chúng tôi, niên khóa 1988-1992. Sau khi tốt nghiệp một thời gian, do duyên nghiệp, Cư sĩ đã đi theo con đường khác nhưng vẫn còn chí nguyện ban đầu. Tuy thân tại trần nhưng tâm thoát tục, Cư sĩ miệt mài phiên dịch, chú thích khoảng 50 bộ kinh, luận như Ba Kinh Nhật Tụng, Kinh Phạm Võng-quyển thượng, Biện Trung Biên Luận, Luận Đại Thừa Chương Trân, Luận Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh, Luận Hiển Dương Thánh Giáo,... Xin xem tất cả dịch phẩm của Cư sĩ Quảng Minh tại đây : <https://sites.google.com/site/cusiquangminh/home> . Thật đáng trân trọng.



MỤC LỤC

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO - TẬP 1

Lời Giới Thiệu	6
Dẫn Nhập	42

(Một)

Phẩm 1:

Nhiếp Sự (Phần 1) - Quyển 1	65
Nhiếp Sự (Phần 2) - Quyển 2	105
Nhiếp Sự (Phần 3) - Quyển 3	145
Nhiếp Sự (Phần 4) - Quyển 4	187

Phẩm 2:

Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 1) - Quyển 5	228
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 2) - Quyển 6	262
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 3) - Quyển 7	291
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 4) - Quyển 8	320
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 5) - Quyển 9	349
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 6) - Quyển 10	376

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO - TẬP 2

Lời Giới Thiệu	6
Dẫn Nhập	42

Phẩm 2 (tiếp theo Tập 1):

Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 7) - Quyển 11.....	64
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 8) - Quyển 12	94
Nhiếp Tịnh Nghĩa (Phần 9) - Quyển 13	125



Phẩm 3:

Thành Thiện Xảo - Quyển 14.....	158
---------------------------------	-----

Phẩm 4:

Thành Vô Thường - Quyển 14	180
----------------------------------	-----

Phẩm 5:

Thành Khô - Quyển 15	204
----------------------------	-----

Phẩm 6:

Thành Không - Quyển 15	223
Thành Không (tiếp theo) - Quyển 16	243

Phẩm 7:

Thành Vô Tánh - Quyển 16.....	249
-------------------------------	-----

Phẩm 8:

Thành Hiện Quán (Phần 1) - Quyển 16.....	272
Thành Hiện Quán (Phần 2) - Quyển 17.....	286

Phẩm 9:

Thành Du Già - Quyển 17	296
-------------------------------	-----

Phẩm 10:

Thành Bất Tư Nghị - Quyển 17.....	299
-----------------------------------	-----

Phẩm 11:

Nhiếp Thắng Quyết Trạch (Phần 1) - Quyển 17.....	307
Nhiếp Thắng Quyết Trạch (Phần 2) - Quyển 18.....	329
Nhiếp Thắng Quyết Trạch (Phần 3) - Quyển 19.....	360
Nhiếp Thắng Quyết Trạch (Phần 4) - Quyển 20.....	402

Phụ Lục:

Hiển Dương Thánh Giáo Luận Tụng	439
---------------------------------------	-----



(Hai)

A. Duyên khởi

B. Chánh minh Du-già

B1. Văn trì

B1.1. Biết pháp là biết về 9 sự (phẩm Nhiếp sự)

B1.2. Biết nghĩa là biết 4 tướng (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa)

B2. Tu hành

B2.1. Thành tựu sở duyên (phẩm Thành thiện xảo)

B2.2. Thành tựu gia hành

a. Biến tri vô thường (phẩm Thành vô thường)

b. Biến tri khổ (phẩm Thành khổ)

c. Biến tri không (phẩm Thành không)

d. Biến tri vô tánh (phẩm Thành vô tánh)

B2.3. Thành tựu thú nhập

a. Quả hiện quán (phẩm Thành hiện quán)

b. Nhân Du-già (phẩm Thành Du-già)

B3. Tư trạch

B3.1. Giải trạch về bất khả tư nghị (phẩm Thành bất tư nghị)

B3.2. Quyết trạch về tối thắng (phẩm Nhiếp thắng quyết trạch)

C. Quy kết năm địa Du-già (trì, trú, minh, kính, chuyển y)



(Ba)

I. Phẩm Nhiếp sự: có 9 sự nhiếp hết giáo pháp của Phật.

1. Sự Nhất thiết, có 5 (kệ 2ab)

2. Sự Giới, có 2 (kệ 2cd)

3. Sự Tập nhiễm, có 3 (kệ 3ab)

4. Sự Đế, có 6 (kệ 3c)

5. Sự Y chỉ, có 2 (kệ 3d)

6. Sự Giác phân, có 28 (kệ 4 – 7)

7. Sự Bồ-đặc-già-la, có 11 (kệ 8 – 10)

8. Sự Quả, có 8 (kệ 11 – 13)

9. Sự Công đức, có 20 (kệ 14 – 16)

10. Tổng liệu giản:

a. Quyết định về số, thứ tự (kệ 17 – 19)

b. Tư lượng pháp môn (kệ 20): qua 4 ôn-đà-nam già-tha, tư lượng 45 pháp môn.

c. Tu hành pháp môn (kệ 21)

II. Phẩm Nhiếp tịnh nghĩa: Biết nghĩa qua 4 sắc thái.

1. Sắc thái tối thắng (kệ 1, 2)

2. Sắc thái tự thể (kệ 3 – 7)

3. Sắc thái thanh tịnh (kệ 8, 9)

4. Sắc thái biện giáo (kệ 10)

4.1. Nêu chung bảy loại

4.2. Tùy loại riêng giải:

a. Thánh hành có 4 thứ



- b. Vô thượng thừa có 5 thứ (vô thượng thừa đa chủng)
- c. Đại bồ-đề có 5 thứ (đại bồ-đề đa chủng)
- d. Công đức có 27 thứ (công đức đa chủng), qua 5 ôn-đà-nam (tụng 1 - 5), cf. Luận Du-già, Bồ-tát địa, quyển 46, tr. 545b-549b.
- e. Di luận có 16 thứ, qua 3 ôn-đà-nam (tụng 6 - 8), cf. Luận Du-già, Hữu tâm hữu tứ đẳng tam địa, quyển 6 và 7, tr. 303b-313a.
- f. Luận pháp có 7 thứ nhân minh, qua 1 ôn-đà-nam (tụng 9), cf. Luận Du-già, Văn sở thành địa, quyển 15, tr. 355a-360c.
- g. Thích phần có 7 thứ, qua 2 ôn-đà-nam (tụng 10, 11), cf. Luận Du-già, Nhiếp thích phần, quyển 80 và 81, tr. 749c-754c.

III. Phẩm Thành thiện xảo:

- 1. Nêu 7 thiện xảo (kệ 1)
- 2. Kiến lập trừ khử ngu si (kệ 2 – 10)
- 3. Phân biệt thích nghĩa
 - 3.1. Uẩn (kệ 11, 12)
 - 3.2. Giới (kệ 13, 14)
 - 3.3. Xứ (kệ 15, 16)
 - 3.4. Duyên khởi (kệ 17, 18)
 - 3.5. Xứ phi xứ (kệ 19, 20)
 - 3.6. Căn (kệ 21, 22)
 - 3.7. Đế (kệ 23, 24)
- 4. Tổng kết 23 thứ sai biệt (kệ 25)

IV. Phẩm Thành vô thường:

- 1. Kiến lập sắc thái vô thường (thể tánh và sai biệt)



- 1.1 Thể tánh của vô thường (kệ 1)
- 1.2 Sai biệt của vô thường (kệ 2)
 - 1.2.1 Sáu thứ vô thường
 - 1.2.2 Tám thứ vô thường
 - 1.2.3 Vô tánh vô thường
 - 1.2.4 Biến dị vô thường: 15 loại và 8 duyên (kệ 3, 4)
 - 1.2.5 Nghĩa của vô thường: 8 thứ vô thường và 3 cõi
- 1.3 Ba tướng sở nhiếp: 6 thứ vô thường và ba tánh (kệ 5)
- 2. Quyết trạch nghĩa khác:
 - 2.1. Nghĩa vô thường đều khổ (kệ 6)
 - 2.2. Nghĩa sát-na vô thường: 3 nhân thành lập (kệ 7 – 12) (sát-na diệt luận)
- 3. Đối trị chướng ngại chấp thường (phê phán thuyết thường hằng)
 - 3.1. Ngã là thường, bất thành (kệ 13)
 - 3.2. Tự tại là thường, bất thành (kệ 14)
 - 3.3. Tự tánh là thường, bất thành (kệ 15, 16)
 - 3.4. Cực vi thường trú, bất thành (kệ 17)
 - 3.5. Hiểu biết (: giác) là thường, bất thành (kệ 18)
- 4. Thuyết thành biến tri (tu tập pháp vô thường)
 - 4.1. Xem xét ngu si (kệ 19 – 21)
 - 4.2. Nói rõ trí tuệ (kệ 22 - 23)

V. Phẩm Thành khổ:

- 1. Kiến lập sắc thái khổ
 - 1.1. Sắc thái phổ quát các khổ (kệ 1)
 - 1.2. Phân biệt ba khổ (kệ 2 – 6)



1.3. Sai biệt 55 khổ (kệ 7, 8)

1.4. Sai biệt 2 đế (kệ 9, 10)

1.5. Sai biệt 8 khổ (kệ 11, 12)

1.6. Sai biệt 3 đời (kệ 13)

2. Thích thành biến tri

2.1. Xem xét ngu si (kệ 14 – 18)

2.2 Nói rõ trí tuệ (kệ 19, 20)

VI. Phẩm Thành không:

1. Kiên lập sắc thái không

1.1. Tự tướng (kệ 1)

1.2. Thâm tướng (kệ 2ab)

1.3. Biệt tướng (kệ 2cd)

2. Đối trị chướng ngại chấp ngã

2.1. Dựa vào uẩn chấp ngã, bất thành (kệ 3, 4)

2.2. Thấy, nghe, hay, biết chấp ngã, bất thành (kệ 5 – 9)

2.3. Những vấn nạn chấp ngã, bất thành (kệ 10 – 17)

3. Thích thành biến tri

3.1. Sở trị là ngã kiến (kệ 18)

3.2. Năng trị là 16 không (kệ 19)

3.3. Sở đoạn là 6 ngu si (kệ 20)

3.4. Năng chứng là trí tu (kệ 21 – 23)

VII. Phẩm Thành vô tánh:

1. Kiên lập sắc thái vô tánh

1.1. Tổng thuyết tánh và vô tánh (kệ 1, 2)

1.2. Biệt thành tánh biến kế:



a. Danh và nghĩa cùng làm khách vô thể (kệ 3 – 6)

b. Biến kế bất đồng nên tánh sai biệt (kệ 7)

c. Tám phân biệt làm nhân sinh 3 sự (kệ 8, 9)

1.3. Biệt thành tánh y tha:

a. Nhân vì nhiễm có thể thủ đắc nên có (kệ 10)

b. Tướng và thô trọng duyên sinh nhau là thể (kệ 11)

c. Không xác định là có không nên nói thể tục có (kệ 12, 13)

1.4. Biệt thành tánh viên thành thật

a. Thắng nghĩa đế là tự tánh (kệ 14, 15)

b. Do thắng nghĩa mà vô tánh (kệ 16, 17)

2. Thích thành biến tri

2.1. Ngăn chặn pháp chấp làm nhân sinh chấp (kệ 18)

2.2. Lìa chấp, huân tịnh tức là chuyển y (kệ 19, 20ab)

2.3. Do 4 đạo lý nên chuyển y là bất khả tư nghị (kệ 20cd, 21)

2.4. Chuyển y sai biệt, trí Phật thì tối thắng (kệ 22 – 24)

VIII. Phẩm Thành hiện quán:

1. Bảy môn quyết trạch

1.1. Tam giới sự làm sở quán (kệ 1) – cảnh giới hiện quán

1.2. Xuất thế trí làm năng quán (kệ 2) – trí hiện quán

1.3. Dục giới nhân thiên khởi quán (kệ 3) – xứ hiện quán

1.4. Tam thừa năng nhập mà duy tâm vô ngã (kệ 4 – 6) – 5 bậc hiện quán

1.5. Bồ-đề phân để vào thứ đệ (kệ 7, 8) – thứ đệ hiện quán

1.6. Kiến đạo đoạn hoặc làm chánh nhập vị (kệ 9, 10) – vĩnh



đoạn 3 kết

1.7. Giản trách cứu cánh quyết định để nhập tướng (kệ 11 – 13) – tướng trạng hiện quán

2. Thành tu tập thứ đệ

2.1. Ba loại thứ đệ quay về ba tịnh (kệ 14 – 16) – tu tập thứ đệ hiện quán

2.2. Niệm trú gia hành tiệm thứ nhập quán (kệ 17 – 19) – nhập thứ đệ hiện quán: gia hành đạo

2.3. Chánh nhập đoạn hoặc, ý lạc bình đẳng (kệ 20 – 23): kiến đạo (6 thứ thanh tịnh trí, 5 thứ tâm bình đẳng)

2.4. Tu đạo hậu đắc tịnh trí cứu cánh (kệ 24): tu đạo

2.5. Nhân tu thắng lợi hiện quán sai biệt (kệ 25) – hiện quán sai biệt

IX. Phẩm Thành Du-già:

1. Tổng nêu bát-nhã làm thể (kệ 1)
2. Biệt thích các nghĩa Nhất thiết chủng (kệ 2)
3. Biệt thích nghĩa vô phân biệt (kệ 3, 4)

X. Phẩm Thành bất tư nghị:

1. Chung nói 9 bất tư nghị, nhân duyên được mất (kệ 1, 2)
2. Riêng làm rõ những sự bất tư:
 - 2.1. Ngã (kệ 3)
 - 2.2. Hữu tình và khí thể giới (kệ 4)
 - 2.3. Nghiệp báo (kệ 5)
 - 2.4. Cảnh giới bậc tính lự và cảnh giới chư Phật (kệ 6)
 - 2.5. Bất tư vô ký sự (kệ 7) – (7) 14 bất khả ký sự



2.6. Tư bất tư công đức, tội lỗi (kệ 8, 9) – (8) Phi chánh pháp, (9) Sự được dẫn nhiếp bởi tất cả phiền não.

2.7. Trùng thuyết nhân thành (kệ 10)

XI. Phẩm Nhiếp thắng quyết Trạch:

I. Tổng minh 10 tướng: 1. Số; 2. Tướng; 3. Sai biệt; 4. Hữu tánh; 5. Xứ sở; 6. Biên tế; 7. Sinh khởi; 8. Tướng; 9. Thiện xảo; 10. Nhiếp. (kệ 1)

II. Quyết Trạch 9 sự:

1. Sự nhất thiết (kệ 2, tụng 1 và 2, kệ 3 - 12)
2. Sự giới (kệ 13)
3. Sự tạp nhiễm (kệ 15 - 21)
4. Sự đế (kệ 22 - 25)
5. Sự y chỉ (kệ 26 - 31)
6. Sự giác phần (kệ 32 - 36)
7. Sự bổ-đặc-già-la (kệ 37)
8. Sự quả (kệ 38)
9. Sự công đức (kệ 39 - 45)

III. Kết quy 5 địa (kệ 46)



(Bốn)

Hiển dương Thánh giáo luậnDu-già luận (quyển)

A. Tựa duyên khởi

B. Chánh minh Du-già:

1. Văn trì – Biết pháp qua 9 sự:

Phẩm Một – Nhiếp sựQuyển 1

I. Biết pháp qua 9 sự: (kệ 1)

1. **Sự Nhất thiết**, có 5: (kệ 2ab)..... 1~3

1.1.1 Tâm pháp (8) 1, 51

1.1.2 Tâm sở pháp (51)..... 3, 55, 58

1.1.3 Sắc pháp (15)..... 27, 53, 54

1.1.4 Bất tương ưng hành pháp (24)..... 52

1.1.5 Vô vi pháp (8)..... 53, 77

1.2 Biệt thích nghĩa pháp tướng

2. Sự Giới, có 2: (kệ 2cd)

2.1 Tam giới: Dục, Sắc, Vô sắc 43

2.2 Tam thiên thế giới..... 2

3. Sự Nhiễm tịnh, có 3: (kệ 1-3ab)..... 8

3.1 Phiền não tạp nhiễm

3.2 Nghiệp tạp nhiễm

3.3 Sinh tạp nhiễm

4. Sự Đế, có 4: (kệ 3c).....Quyển 2



4.1.1 Thế tục đế

4.1.2 Thắng nghĩa đế

4.1.3 Khổ đế

4.1.4 Tập đế

4.1.5 Diệt đế

4.1.6 Đạo đế

4.2 Biệt thích nghĩa Thánh đế

5. Sự Y chỉ, có 2 thứ 8: (kệ 3d)..... 11, 12, 43

5.1.1 Thế gian: sơ tĩnh lự ... phi tướng phi phi tướng xứ

5.1.2 Xuất thế gian: sơ tĩnh lự ... phi tướng phi phi tướng xứ

5.2 Biệt thích định tướng 4 môn

6. Sự Giác phần, có 28:..... 28, 29

6.1 Bốn niệm trú (kệ 4ab)

6.2 Bốn chánh đoạn

6.3 Bốn thần túc

6.4 Năm căn

6.5 Năm lực

6.6 Bảy biến giác chi

6.7 Tám Thánh đạo chi

6.8 Mười chủng trí (kệ 4cd)..... 34

6.9 Ba giải thoát môn..... 28, 74

6.10 Bốn chủng hành..... 26

6.11 Bốn pháp tích

6.12 Chỉ quán..... 45

6.13 Bốn cư xứ (kệ 5)



6.14	Bốn chủng y.....	45
6.15	Phát tâm.....	35, 40
6.16	Bi mẫn.....	44
6.17	Mười thứ pháp hành.....	74
6.18	Bảy thứ thông đạt.....	Quyển 3 64
6.19	Mười địa.....	78
6.20	Mười ba-la-mật-đa.....	78
6.21	Bốn thứ Bồ-tát hành (kệ 6).....	49
6.22	Bốn nhiếp sự.....	43
6.23	Đà-la-ni.....	45
6.24	Tam-ma-địa.....	12, 45
6.25	Năm vô lượng tác ý.....	46
6.26	Bảy thứ tác ý biến mãn chân như (kệ 7).....	77
6.27	Tín giải bất tư nghị.....	77
6.28	A-thê-da rộng lớn.....	77
6.29	Kết số	
7.	Sự Bồ-đặc-già-la , có 11:.....	21, 26, 64
7.1	Bảy loại Hiền Thánh: Tùy tín hành, v.v... (kệ 8)	
7.2	Tám bậc Thánh quả: Dự lưu hướng, v.v...	
7.3	Tám bậc theo sự sinh: Cực thất phản, v.v...	
7.4	Sáu quả Vô học: Thối pháp, v.v...	
7.5	Bảy hạng dựa theo căn: nhuyển căn, v.v... (kệ 9)	
7.6	Tại tục	
7.7	Ba thừa: Thanh văn thừa, v.v...	



7.8	Khả cứu – bất khả cứu (kệ 10)	
7.9	Nhập phương tiện, v.v... có 9	
7.10	Sinh sai biệt có 2	
7.11	Các giới sai biệt nên biết 13 bậc	
8.	Sự Quả , có 8:	
8.1.1	Năm thứ quả đoạn (kệ 11).....	59
8.1.2	Chín biến tri.....	57
8.1.3	Chín thứ thanh tịnh.....	94
8.1.4	Bốn chứng tịnh.....	64
8.1.5	Bốn sa-môn quả.....	29
8.1.6	Ba thứ quả.....	27
8.1.7	Ba thứ Bồ-đề.....	13
8.1.8	Mười pháp Vô học.....	34
8.1.9	Kết số	
8.2	Biệt thích 5 môn của nghĩa đoạn (kệ 12, 13).....	59
9.	Sự Công đức , có 20:.....	Quyển 4
9.1	Tám loại cộng pháp:	
9.1.1	Bốn vô lượng (kệ 14).....	11, 12
9.1.2	Tám giải thoát.....	11, 12
9.1.3	Tám thắng xứ.....	11, 12
9.1.4	Mười biến xứ.....	11, 12
9.1.5	Vô tránh 69	
9.1.6	Diệu nguyện trí.....	69
9.1.7	Bốn vô ngại giải.....	45
9.1.8	Sáu thần thông.....	37



9.2	Mười hai loại bất cộng pháp:.....	49, 50
9.2.1	Ba mươi hai tướng đại trượng phu (kệ 15)	
9.2.2	Tám mươi vẻ đẹp	
9.2.3	Bốn Nhất thiết tướng thanh tịnh	
9.2.4	Như lai mười lực	50
9.2.5	Bốn vô úy	5, 50
9.2.6	Ba bất hộ	
9.2.7	Ba niệm trú	
9.2.8	Vĩnh đoạn các tập khí	
9.2.9	Không quên mất diệu pháp (kệ 16)	
9.2.10	Như lai đại bi	
9.2.11	Mười tám pháp bất cộng của Phật	
9.2.12	Nhất thiết chủng diệu trí	
9.3	Trình bày rộng	
10. Tổng phân biệt		
10.1	Xác định về số và thứ tự (kệ 17-19)	
10.2	Vô lượng pháp môn (kệ 1-20)	13
Pháp môn có 45 (tụng 1-4)		
Tụng 1: 12 pháp môn		
10.2.1	(1) Cú	
10.2.2	(2) Mê hoặc	
10.2.3	(3) Hý luận	
10.2.4	(4) Trú	
10.2.5	(5) Chân thật	
10.2.6	(6) Tịnh	



10.2.7	(7) Diệu	
10.2.8	(8) Tịch tĩnh	
10.2.9	(9) Tánh	
10.2.10	(10) Đạo lý	
10.2.11	(11) Giả thi thiết	
10.2.12	(12) Hiện quán	
Tụng 2: 14 pháp môn		
10.2.13	(13) Phương sở	
10.2.14	(14) Vị	
10.2.15	(15) Phân biệt	
10.2.16	(16) Tác	
10.2.17	(17) Chấp trì	
10.2.18	(18) Tăng	
10.2.19	(19) Giảm	
10.2.20	(20) Âm	
10.2.21	(21) Ngữ	
10.2.22	(22) Sở giác	
10.2.23	(23) Thượng	
10.2.24	(24) Viễn ly	
10.2.25	(25) Chuyển	
10.2.26	(26) Tăng hộ	
Tụng 3: 9 pháp môn		
10.2.27	(27) Giảm trạch	
10.2.28	(28) Hiện hành	
10.2.29	(29) Tùy miên	



10.2.30	(30) Trương thuộc	
10.2.31	(31) Chư tướng nhiếp	
10.2.32	(32) Trương ung	
10.2.33	(33) Thuyết	
10.2.34	(34) Nhiệm trì	
10.2.35	(35) Thứ đệ	
Tụng 4: 10 pháp môn		
10.2.36	(36) Sở tác	
10.2.37	(37) Cảnh	
10.2.38	(38) Du-già	
10.2.39	(39) Xa-ma-tha	
10.2.40	(40) Quán	
10.2.41	(41) Chư tác ý	
10.2.42	(42) Giáo thọ	
10.2.43	(43) Đức	
10.2.44	(44) Bò-đề	
10.2.45	(45) Thánh giáo	
10.3	Tu hành pháp môn (kệ 21)	64

B. Chánh minh Du-già: 1. Văn trì

Biết nghĩa qua 4 tướng:

Phẩm Hai – Nhiếp tịnh nghĩa..... Quyển 5

1.	Sắc thái tối thắng (kệ 1, 2)	
1.1	Thù thắng bất cộng	28
1.2	Thanh tịnh bất cộng	64, 77
2.	Sắc thái tự thể	



2.1	Tổng nêu hai đế (kệ 3)	
2.2	Lược thích (kệ 4)	92
2.3	Quảng thành:	
2.3.1	Bảy môn thiện xảo để thành tục (kệ 5)	53~56
2.3.2	Năm thứ sai biệt để thuyết chân (kệ 6)	Quyển 6 36, 72, 73
2.3.3	Biệt thành ba tánh (kệ 7)	74
3.	Sắc thái thanh tịnh	
3.1	Tổng minh bốn pháp: (kệ 8)	78
3.1.1	Nghe 12 phần giáo	25
3.1.2	Ba tối thắng quy y	
3.1.3	Ba học	28
3.1.4	Ba Bò-đề	
3.2	Phân biệt quảng thành: (kệ 9)	
3.2.1	Phân biệt 6 môn của sự nghe	13, 45
3.2.2	Phân biệt 3 môn của sự quy y:	
3.2.2.1	Thành tựu	74
3.2.2.2	Kiến lập	64
3.2.2.3	Sai biệt	64
3.2.3	Phân biệt 12 môn của sự học:	Quyển 7 22, 28, 33
3.2.3.1	Phân biệt sai biệt	27, 28
3.2.3.2	Phân biệt sinh khởi	28
3.2.3.3	Phân biệt chuyên dị	28
3.2.3.4	Phân biệt năng trị, sở trị	



3.2.3.5	Phân biệt năng dẫn tăng thượng sinh quyết định thắng	28
3.2.3.6	Pháp thuận pháp phần.....	28
3.2.3.7	Phân biệt bồ-đặc-già-la	
3.2.3.8	Phân biệt hạ, trung, thượng	
3.2.3.9	Phân biệt Du-già	28
3.2.3.10	Phân biệt tác ý	33
3.2.3.11	Phân biệt dẫn phát	
3.2.3.12	Phân biệt hỏi đáp	22
3.2.4	Phân biệt 5 môn của Bồ-đề:	
3.2.4.1	Chủng tánh	
3.2.4.2	Phương tiện.....	42
3.2.4.3	Thời	
3.2.4.4	Chứng giác	
3.2.4.5	Giải thoát	
4.	Sắc thái biện giáo.....	Quyển 8
4.1	Tổng nêu 7 loại (kệ 10)	
4.2	Tùy loại biệt thích:	
4.2.1	Thánh hành có 4	49
4.2.2	Vô thượng thừa có 5	13
4.2.3	Đại Bồ-đề có 5.....	74
4.2.4	Công đức có 27:.....	46
(a)	Tụng 1: 7 công đức	
4.2.4.1	(1) Đặc thù	
4.2.4.2	(2) Phi đặc thù	
4.2.4.3	(3) Bình đẳng tâm	



4.2.4.4	(4) Lợi ích	
4.2.4.5	(5) Báo ân	
4.2.4.6	(6) Hân tán	
4.2.4.7	(7) Phương tiện hành	
(b)	Tụng 2: 7 công đức	
4.2.4.8	(8) Phương tiện không điên đảo	
4.2.4.9	(9) Thối đọa	
4.2.4.10	(10) Thắng tiến	
4.2.4.11	(11) Công đức tương tự	
4.2.4.12	(12) Công đức chân thật	
4.2.4.13	(13) Khéo điều phục hữu tình	
(c)	Tụng 3: 5 công đức	
4.2.4.14	(14) Các Bồ-tát thọ ký	
4.2.4.15	(15) Rơi vào số quyết định	
4.2.4.16	(16) Định tác	
4.2.4.17	(17) Thường phải tác	
4.2.4.18	(18) Pháp tối thắng	
(d)	Tụng 4 và 5: 9 công đức	
4.2.4.19	(19) Các thi thiết kiến lập	
4.2.4.20	(20) Tầm tư tất cả pháp	
4.2.4.21	(21) Như thật biến tri	
4.2.4.22	(22) Các vô lượng	
4.2.4.23	(23) Tuyên thuyết quả lợi ích	
4.2.4.24	(24) Tánh Đại thừa	
4.2.4.25	(25) Nhiếp tánh	



4.2.4.26	(26) Bồ-tát có 10 bậc	40
4.2.4.27	(27) Thiết lập các danh hiệu	
4.2.5	(e) Tụng 6~8: 16 thứ dị luận	Quyển 9 6, 7
4.2.5.1	Nhân trung hữu quả luận	
4.2.5.2	Tùng duyên hiển liễu luận	
4.2.5.3	Khứ lai thật hữu luận	
4.2.5.4	Kế ngã luận	
4.2.5.5	Kế thường luận*	54
4.2.5.6	Túc tác nhân luận	Quyển 10
4.2.5.7	Tự tại đẳng tác giả luận	
4.2.5.8	Hại vi chánh pháp luận	
4.2.5.9	Biên vô biên luận	
4.2.5.10	Bất tử kiêu loạn luận	
4.2.5.11	Vô nhân kiến luận	
4.2.5.12	Đoạn kiến luận	
4.2.5.13	Không kiến luận	
4.2.5.14	Vọng kế tối thắng luận	
4.2.5.15	Vọng kế thanh tịnh luận	
4.2.5.16	Vọng kế cát tường luận	
4.2.5.17	Tổng kết	
4.2.6	(f) Tụng 9: 7 thứ luận pháp	Quyển 11 15
4.2.6.1	Luận thể tánh	
4.2.6.2	Luận xứ sở	



4.2.6.3	Luận sở y	
4.2.6.4	Luận trang nghiêm	
4.2.6.5	Luận đọa phụ	
4.2.6.6	Luận xuất ly	
4.2.6.7	Luận đa sở tác pháp	
4.2.7	(g) Tụng 10 và 11: 7 thứ luận pháp	Quyển 12 81, 82
4.2.7.1	Thê	
4.2.7.2	Thích	
4.2.7.3	Sư	
4.2.7.4	Thuyết chúng	
4.2.7.5	Thính.....	Quyển 13
4.2.7.6	Tán Phật quảng lược	
4.2.7.7	Học thắng lợi	86
4.2.7.8	Biệt minh 6 tướng	
5.	Năm tổng kết	
B. Chánh minh Du-già: 2. Tu hành		
Thành sở duyên:		
Phẩm Ba – Thành thiện xảo		Quyển 14
1.	Nêu 7 thiện xảo (kệ 1).....	57
2.	Kiến lập trừ khử ngu si (kệ 2-10)	
3.	Phân biệt thích nghĩa	27, 53
3.1	Uẩn (kệ 11, 12)	
3.2	Giới (kệ 13, 14)	
3.3	Xứ (kệ 15, 16)	



- 3.4 Duyên khởi (kệ 17, 18)
- 3.5 Xứ phi xứ (kệ 19, 20)
- 3.6 Căn (kệ 21, 22)
- 3.7 Đế (kệ 23, 24) 55
- 4. Tổng 23 thứ sai biệt (kệ 25)

B. Chánh minh Du-già: 2. Tu hành

Thành gia hành:

Tổng nêu 4 biến trí về khổ đế:

(Một) Vô thường 34, 46, 52, 67, 81, 86

Phẩm Bốn – Thành vô thường Quyển 14

- 1. Kiến lập vô thường (kệ 1)
 - 1.1 Thê tánh sai biệt (kệ 2 – 4)
 - 1.2 Ba tướng được nhiếp (kệ 5)
- 2. Quyết trạch nghĩa khác
 - 2.1 Nghĩa vô thường đều là khổ (kệ 6)
 - 2.2 Nghĩa sát-na vô thường, 3 nhân thành lập (kệ 7)
 - 2.2.1 Hành tùy tâm khởi (kệ 8)
 - 2.2.2 Diệt không đọi nhân (kệ 9 – 11)
 - 2.2.3 Trước sau biến đổi (kệ 12)
- 3. Đối trị chướng chấp thường
 - 3.1 Ngã thường trú bất thành (kệ 13) *6
 - 3.2 Đại Tự tại thường trú bất thành (kệ 14) *7
 - 3.3 Tự tánh thường trú bất thành (kệ 15, 16)
 - 3.4 Cực vi thường trú bất thành (kệ 17) *6
 - 3.5 Hiểu biết là thường bất thành (kệ 18)



4. Giải thích thành biến tri

- 4.1 Ngu si
 - 4.1.1 Thường không có mà dị chấp (kệ 19)
 - 4.1.2 Vô thường mà không biết (kệ 20)
 - 4.1.3 Vô thường kể đạt là thường (kệ 21)
 - 4.1.4 Hữu vi tướng không phải sát-na (kệ 22ab)
- 4.2 Trí tuệ
 - 4.2.1 Thú nhập 2 nhân (kệ 22cd)
 - 4.2.2 Trí thể có 6 thứ (kệ 22 ef)
 - 4.2.3 Duyên khởi 4 đạo lý (kệ 23)

(Hai) **Khổ**

Phẩm Năm – Thành khổ Quyển 15

- 1. Kiến lập khổ
 - 1.1 Các khổ thông tướng (kệ 1)
 - 1.2 Ba khổ sai biệt (kệ 2~6) 15, 27, 66, 70
 - 1.3 55 khổ sai biệt (kệ 8, 7) 44
 - 1.4 Hai đế sai biệt (kệ 9, 10)
 - 1.5 Tám khổ sai biệt (kệ 11, 12) 61
 - 1.6 Ba đời sai biệt (kệ 13)
- 2. Giải thích thành biến tri
 - 2.1 Ngu si
 - 2.1.1 Nơi khổ cảnh thật có, các ngu si chuyển (kệ 14)
 - 2.1.2 Do 4 thứ nhân, khởi niệm quên mất (kệ 15)
 - 2.1.3 Do 4 thứ nhân, vô công dụng chuyển (kệ 16)
 - 2.1.4 Do 4 thứ nhân, khởi 4 điên đảo (kệ 17)



2.1.5	Do không hiểu rõ 5 thứ nguyên nhân (kệ 18)	
2.2	Trí tuệ (kệ 19, 20)	
(Ba)	Không	90
	Phẩm Sáu – Thành không	Quyển 15
1.	Kiến lập không	
1.1	Tự tướng (kệ 1)	
1.2	Thâm tướng (kệ 2ab)	
1.3	Biệt tướng (kệ 2cd).....	77
2.	<i>Đối trị chướng chấp ngã</i>	
2.1	Y triền chấp ngã, bất thành	
2.1.1	Tức ly và phi (kệ 3)	65
2.1.2	Trú ở giữa (kệ 4)	
2.2	Thấy, nghe, hay, biết chấp ngã, bất thành	
2.2.1	Làm thể (kệ 5, 6)	
2.2.2	Làm nghiệp dụng (kệ 7)	
2.2.3	Làm công cụ (kệ 8, 9)	
2.3	Những vấn nạn chấp ngã, bất thành	
2.3.1	Vô ngã có nhiễm tịnh (kệ 10)	
2.3.2	Vô ngã có thọ tác thoát (kệ 11)	
2.3.3	Vô ngã có chuyển hoàn (kệ 12, 13)	
2.3.4	Vô ngã có danh tướng (kệ 14, 15).....	6
2.3.5	Vô ngã khởi hữu tình giác (kệ 16, 17)	
3	Giải thích thành biến tri	
3.1	Sở trị ngã kiến (kệ 18)	
3.2	Năng trị 16 không (kệ 19)	75



3.3	Sở đoạn 6 ngu (kệ 20)	
3.4	Năng chứng trí tu:	
3.4.1	Trí có 8 loại (kệ 21)	
3.4.2	Tu có 16 sự (kệ 22).....	Quyển 16 67
(Bốn)	Vô tánh	
	Phẩm Bảy – Thành vô tánh	Quyển 16
1.	Kiến lập vô tánh	73, 74
1.1	Tổng thuyết tánh và vô tánh	*64
1.2	Biệt thành tánh biến kế sở chấp	
1.2.1	Danh và nghĩa hỗ tương làm khách vô thể (kệ 3~6)	
1.2.2	Biến kế không đồng nên tánh sai biệt (kệ 7)	
1.2.3	Tám phân biệt làm nhân sinh 3 sự (kệ 8, 9)	36
1.3	Biệt thành tánh y tha khởi	
1.3.1	Do nhiễm khả đắc nên có (kệ 10)	
1.3.2	Tướng và thô trọng duyên nhau làm tướng (kệ 11)	
1.3.3	Có và không bất định nên nói tục hữu (kệ 12, 13)	
1.4	Biệt thành tánh viên thành thật	
1.4.1	Thắng nghĩa để làm tự tánh (kệ 14, 15)	
1.4.2	Do thắng nghĩa mà vô tánh (kệ 21)	
2.	Giải thích thành biến tri	
2.1	Vì pháp chấp mà khởi chúng sinh chấp (kệ 18)	
2.2	Ly chấp, huân tịnh tức là chuyển y (kệ 19, 20)	
2.3	Do 4 đạo lý nên chuyển y bất khả tư nghị (kệ 21)	27
2.4	Chuyển y sai biệt, trí Phật tối thắng (kệ 22, 23, 24)	



B. Chánh minh Du-già: 2. Tu hành

Thành thú nhập:

(Một) Quả hiện quán

Phẩm Tám – Thành hiện quánQuyển 16
34, 55, 71, 95

1. Bảy môn quyết trạch

- 1.1 Sự tam giới làm sở quán (kệ 1)
- 1.2 Trí xuất thế làm năng quán (kệ 2)
- 1.3 Dục giới nhân thiên khởi quán (kệ 3)
- 1.4 Ba thừa năng nhập nên duy tâm vô ngã (kệ 4~6)
- 1.5 Bồ-đề phạm làm thứ đệ nhập (kệ 7~8)
- 1.6 Kiến đạo đoạn hoặc làm chánh nhập vị (kệ 9, 10)
- 1.7 Giải trạch cứu cánh quyết định làm nhập tướng(kệ 11~13)

2. Quảng thành tu thứ

- 2.1 Ba loại thứ đệ nhiếp quy 3 tịnh (14~16)
- 2.2 Niệm trú gia hành tiệm thứ nhập quán (kệ 17~19)
- 2.3 Chánh nhập đoạn hoặc, ý lạc bình đẳng (kệ 20~23) **Quyển 17**
- 2.4 Tu đạo hậu đắc tịnh trí cứu cánh (kệ 24)
- 2.5 Nhân tu thắng lợi hiện quán sai biệt (kệ 25)

(Hai) Quả Du-già 28

Phẩm Chín – Thành Du-giàQuyển 17

- 1. Học bát-nhã làm thể (kệ 1)
- 2. Thích nghĩa Nhất thiết chủng (kệ 2)
- 3. Thích nghĩa vô phân biệt (kệ 3, 4)



B. Chánh minh Du-già: 3. Tư trạch

Bất tư nghị:

Phẩm Mười – Thành Bất tư nghị Quyển 17
25, 64

- 1. Tổng thuyết 9 bất tư nghị, lý do được mất (kệ 1, 2)
- 2. Biệt thích:
 - 2.1 Không tư duy ngã (kệ 3)
 - 2.2 Không tư duy 2 giới tình khí (kệ 4)
 - 2.3 Không tư duy nghiệp báo (kệ 5)
 - 2.4 Không tư duy định cảnh, Phật cảnh (kệ 6)
 - 2.5 Không tư duy vô ký sự (kệ 7)
 - 2.6 Tư duy, không tư duy công đức và tội lỗi (kệ 8, 9)
 - 2.7 Trùng thuyết nhân thành (kệ 10)

B. Chánh minh Du-già: 3. Tư trạch

Tối thắng quyết trạch:

Phẩm Mười Một – Nhiếp thắng quyết trạchQuyển 17

I. Tổng minh 10 tướng (kệ 1)

II. Biệt tường 9 sự:

1. Quyết trạch sự nhất thiết:

- 1.1 Tâm, có 10 nghĩa:
 - 1.1.1 Tâm tánh 2 loại (kệ 2)..... 63
 - 1.1.2 8 tướng chứng có a-lại-da (tụng 1)..... 51
 - 1.1.3 5 tướng kiến lập a-lại-da (tụng 2)
 - 1.1.4 Y duyên kiến lập sai biệt (kệ 3).....**Quyển 18**



1.1.5	7 tướng khó hiểu	
1.1.6	3 nhân làm tâm trời buộc (kệ 4)	
1.1.7	6 thứ tán loạn (kệ 5)	
1.1.8	15 thứ an trú	
1.1.9	6 thứ duyên cảnh	69
1.1.10	Nhiều thứ sở trị	
1.2	Tâm sở, có 2 nghĩa:	
1.2.1	Duyên đồng, nghiệp biệt (kệ 6)	
1.2.2	5 biến hành thắng nghiệp (kệ 7)	55
1.3	Sắc pháp, có 8 nghĩa:.....	3, 54
1.3.1	Hương, vị bất biến (kệ 8)	
1.3.2	4 đại sở tạo biến khắp	
1.3.3	Thể giả của cực vi.....	3
1.3.4	7 sự không phải thật	
1.3.5	Vi tế tùy hòa hợp (kệ 9)	
1.3.6	Thiện ác theo tâm	
1.3.7	Nhiếp quy 3 tướng tương	
1.3.8	12 pháp xứ sắc	
1.4	Bất tương ưng hành, có 2 nghĩa: (kệ 10)	
1.4.1	6 thứ giả có	16
1.4.2	2 lỗi thành giả	
1.5	Tâm, tâm sở, v.v... do tánh nhân, có 6 nghĩa: (kệ 11)	
1.5.1	5 thứ: đồng loại, v.v... không phải nhân	5, 38
1.5.2	2 thứ nhân như lý	
1.5.3	5 thứ nhân tướng: sinh, v.v...	



1.5.4	15 thứ y xứ	
1.5.5	Nhân duyên quả sai biệt	
1.5.6	Kiến lập nhân, v.v...	
1.6	Vô vi một khi thành lập (kệ 12)	
2.	Quyết trạch sự giới: có 6 nghĩa	
2.1	12 tướng sai biệt (kệ 13)	
2.2	Năng sở trị sai biệt	
2.3	Chủ làm pháp vương (kệ 14)	
2.4	Nước biển đều mặn	
2.5	Ác thú trường thọ	
2.6	Đa dạng giới đồng nói là một	
3.	Quyết trạch sự tạp nhiễm:.....	Quyển 19
3.1	Phiền não , có 6 nghĩa:	
3.1.1	Ý hoặc chư môn phân biệt (kệ 15)	63
3.1.2	Đồng địa tục sinh (kệ 16)	
3.1.3	5 thứ: hiện hành, v.v..., mỗi có 20:	59
3.1.3.1	Hiện hành	
3.1.3.2	Duyên	
3.1.3.3	Tùy miên	
3.1.3.4	Cảnh	
3.1.3.5	Thô trọng	
3.1.4	5 sắc thái liễu tri	
3.1.5	4 nhân duyên nói tùy miên (kệ 17).....	8
3.1.6	3 nhân nói bất thiện	
3.2	Nghiệp , có 6 nghĩa:	8, 9



- 3.2.1 2 nghiệp, 13 thứ sai biệt (kệ 18)
- 3.2.2 6 quả 3 vị
- 3.2.3 5 thứ quyết định
- 3.2.4 Tự nghiệp, v.v... y 4 thứ (kệ 19)
- 3.2.5 Báo thực trước sau
- 3.2.6 Nghiệp thiện ác sai biệt
- 3.3 **Sinh**, có 6 nghĩa:..... 1, 9, 52
 - 3.3.1 Mạng chung định, bất định (kệ 20)
 - 3.3.2 6 nhân chết yếu
 - 3.3.3 Hiểu rõ 3 tâm khi mạng chung
 - 3.3.4 Trung hữu khi có, khi không có (kệ 21)
 - 3.3.5 Nhiễm tâm liên tục sinh khởi
 - 3.3.6 Xứ sở thọ sinh
- 4. **Quyết trạch sự đê**: có 6 nghĩa
 - 4.1 2 đế xuất thế (kệ 22)
 - 4.2 4 đế sai biệt (kệ 23) 27
 - 4.3 16 hành tướng (kệ 24)
 - 4.4 Nhân quả: biên tri, v.v...
 - 4.5 Huân thích 2 đế (kệ 25) 27
 - 4.6 4 đế, 3 tánh
- 5. **Quyết trạch sự y chỉ**:
 - 5.1 Kiến lập do 3 sở y (kệ 26)
 - 5.2 Tứ cú của 2 thứ thiện xảo 13
 - 5.3 Tĩnh lực chỉ có 4 (kệ 27) 62, 63
 - 5.4 Trị chướng của tĩnh lực



- 5.5 Chi phần của tĩnh lực
- 5.6 Nỗ lực viễn ly khổ
- 5.7 Về sau phân thắng dị
- 5.8 3 môn sơ cận phần (kệ 28)
- 5.9 Duyên âm thanh trong định
- 5.10 Xả 8 đẳng chí
- 5.11 4 thứ y nhân (kệ 29)
- 5.12 Nhiễm tịnh 3 định sai biệt (kệ 30)
- 5.13 Thoái lui liên tục
- 5.14 2 căn bất thoái (kệ 31)
- 5.15 Phát khởi dựa vào hạ địa
- 6. **Quyết trạch sự giác phần**: có 11 nghĩa
 - 6.1 Kiến lập phương tiện của 3 thừa (kệ 32) 45
 - 6.2 Niệm trú mỗi có 3 sai biệt (kệ 33) 28, 70
 - 6.3 Pháp quán niệm theo ảnh tượng
 - 6.4 9 chướng được đối trị (kệ 34)
 - 6.5 2 thứ tác ý
 - 6.6 3 thứ tu biệt
 - 6.7 2 thứ bất hoại
 - 6.8 *Đoạn trăm trạo ở tu đạo (kệ 35)*
 - 6.9 Quán sát xả hoặc, tận ái
 - 6.10 3 loại đối trị (kệ 36)
 - 6.11 3 tâm thú hướng tu tập
- 7. **Quyết trạch sự bổ-đặc-già-la**: có 3 nghĩa **Quyển 20**
 - 7.1 Căn sai biệt, kiến lập 5 duy 2 (kệ 37)



7.2	Giả thiết 5 nhân	
7.3	Thành mãn 3 sự	
8.	Quyết trạch sự quả: có 4 nghĩa	
8.1	<i>Đoạn hoặc, chuyển y (kệ 38)</i>	
8.2	2 nhân bất thoái	
8.3	3 nhân đoạn thành	
8.4	3 nhân ký quả	
9.	Quyết trạch sự công đức:	
9.1	Ba nghĩa chung thông:	
9.1.1	Kiến lập 17 tầng thượng (kệ 39)	
9.1.2	Vô biên đối trị sai biệt	
9.1.3	Tư duy 9 môn (kệ 40)	
9.1.3.1	Nghĩa	
9.1.3.2	Lạc	
9.1.3.3	Khổ	
9.1.3.4	Tác ý	
9.1.3.5	Trú	
9.1.3.6	Gian nan.....	48
9.1.3.7	Tướng	47
9.1.3.8	<i>Đặc thù</i>	
9.1.3.9	Phi đặc thù	
9.2	Tám nghĩa không chung thông:	
9.2.1	5 nhân chủng tánh sai biệt (kệ 41).....	67
9.2.2	10 nhân Đại thừa là Phật thuyết	
9.2.3	6 nhân nhiều Phật cùng xuất hiện.....	38



9.2.4	6 nhân Phật thuyết nhất thừa	
9.2.5	Chư Phật bình đẳng (kệ 42)	
9.2.6	Phật sự nhậm vận (kệ 43)	
9.2.7	3 tạng được thuyết (kệ 44).....	78
9.2.7.1	Kinh.....	85
9.2.7.2	Luật	
9.2.7.3	Bản mẫu.....	81, 100
9.2.8	Lược thuyết kinh nghĩa (kệ 45)	
C. Kết quy 5 địa (kệ 46)		





DẪN NHẬP

Luận Hiển dương Thánh giáo 顯揚聖教論, tiếng Phạn là Ārya-sāsana-prakarāṇa-śāstra hay *Prakaranaryavaca-sastra* (Acclamation of the Scriptural Teaching/ Treatise of Acclamation of the Sagely Teaching), là một bộ luận trọng yếu của Phật giáo Đại thừa Duy thức tông, do đại sĩ Vô Trước (無著, 310-390) trước tác. Về hệ thống truyền thừa của Duy thức tông, nó bắt nguồn từ sau khi đức Phật nhập diệt 900 năm, ở Ấn độ có Bồ-tát Di Lặc ra đời nói luận Du-già sư địa; ngài Vô Trước vâng theo ý chỉ của luận này mà soạn ra các bộ: luận Đại thừa trang nghiêm kinh, luận Nhiếp đại thừa và luận Hiển dương Thánh giáo. Vào đời Đường, ngài Huyền Trang (玄奘, 602-664) phiên dịch luận này ra chữ Hán.¹

Luận này còn được gọi là Tổng bao chúng nghĩa luận 總苞眾義論, Quảng bao chúng nghĩa luận 廣苞眾義論 (vì bao quát các nghĩa của 10 chi luận), và gọi tắt là Hiển dương luận. Luận này có 20 quyển, nằm trong Đại chánh tân tu đại tạng kinh, tập 31, No. 1602. Luận này làm cho yếu nghĩa của bộ luận Du-già sư địa được sáng tỏ rạch ròi nhất, nên gọi là Hiển dương Thánh giáo, hoặc Tiểu Du-già luận. Luận này là

¹Đại Đường Tây Vực Ký, No. 2087, quyển 5, A-du-đà quốc, có ghi: “Phía Tây Nam kinh thành, khoảng 5 đến 6 dặm, có một già-lam cổ kính, nằm giữa khu rừng cây am-một-la, là trú xứ Bồ-tát A-tăng-già (Vô Trước, Asaṅga) vừa thỉnh cầu thọ giáo vừa dẫn dắt phàm phu. Bồ-tát Vô Trước mỗi đêm lên thiên cung thọ học với Bồ-tát Từ Thị các bộ luận như Du-già sư địa luận, Trang nghiêm Đại thừa kinh luận, Trung biên phân biệt luận, v.v..., rồi ban ngày vì đại chúng mà tuyên giảng những diệu lý.” (tr. 896b20)



một trong 10 chi luận Du-già²; là một trong 11 bộ luận của tông Duy thức³ và là chỗ y cứ của luận Thành duy thức⁴. Thánh giáo là giáo pháp của Phật. Trong nghĩa hẹp, Thánh giáo là “sáu kinh, mười một luận”⁵, là “một kinh, một luận.”⁶

Tìm trong Hiển dương luận có thể thấy một số định nghĩa về Thánh giáo, như sau: (1) Mười hai phần Thánh giáo: khế kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tự thuyết, duyên khởi, thí dụ, bản sự, bản sinh, phương quảng, vị tăng hữu pháp và luận nghị. (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, 508c15); (2) “*Các việc ác chớ làm, Các việc lành vâng làm, Khéo điều phục tâm mình, Đó lời chư Phật dạy.*” (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, 536a05); (3) Đức Bạc-già-phạm dựa vào ba xứ: sự, thời và bổ-đặc-già-la để lưu bố Thánh giáo, cho nên gọi là y xứ. (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, 538a25); (4) Thứ đệ, lược có ba thứ: 1. Thứ đệ viên mãn;

2Mười chi luận Du-già: 1. Luận Đại thừa bách pháp minh môn; 2. Luận Đại thừa ngũ uẩn; 3. Luận Hiển dương Thánh giáo; 4. Luận Nhiếp Đại thừa; 5. Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập tập; 6. Luận Biên trung biên; 7. Luận Duy thức nhị thập; 8. Luận Duy thức tam thập; 9. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh; 10. Luận Phân biệt Du-già.

3Mười một luận của tông Duy thức: 1. Luận Du-già sư địa; 2. Luận Hiển dương Thánh giáo; 3. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh; 4. Luận Tập lượng; 5. Luận Nhiếp Đại thừa; 6. Luận Thập địa kinh; 7. Luận Quán sở duyên duyên; 8. Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập; 9. Luận Duy thức nhị thập; 10. Luận Biên trung biên; 11. Luận Phân biệt Du-già.

4Luận Thành duy thức 成唯識論 là bộ luận căn bản quan trọng của Pháp tướng tông của Trung Hoa, là để giới thiệu một vài lý thuyết đặc biệt của Thế Thân (世親, Vasubandhu, 320-400 CN) và Hộ Pháp (護法, Dharmapaala, 530-561 CN) cho những học giả Phật giáo là tông phái Duy thức mới hình thành vào triều đại nhà Đường.

5Sáu kinh là:

1. Kinh Hoa nghiêm (có 2 bản dịch, 1 của ngài Phật-đà Bạt-đà-la và 1 của ngài Thực-xoa Nan-đà).
2. Kinh Giải thâm mật (có 2 bản dịch, 1 của ngài Bồ-đề Lưu-chi và 1 của ngài Huyền trang).
3. Kinh Như lai xuất hiện công đức trang nghiêm (không có bản Hán văn).
4. Kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma (được nhắc đến trong Nhiếp đại thừa luận, Du-già sư địa luận nhưng không có bản Hán văn, có lẽ đã thất truyền).
5. Kinh Lăng già (có 3 bản dịch, 1 của ngài Cầu-na Bạt-đà-la, 1 của ngài Bồ-đề Lưu-chi và 1 của ngài Thực-xoa Nan-đà).
6. Kinh Hậu nghiêm (chưa truyền dịch, có thuyết cho rằng đây là kinh Đại thừa mật nghiêm do ngài Nhật Chiêu dịch).

6Một kinh là kinh Giải thâm mật. Một luận là luận Du-già sư địa.



2. Thứ đệ giải thích; 3. Thứ đệ năng thành. Vì muốn hiển thị ba thứ đệ này, lược dẫn Thánh giáo. (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, 539b19) ; (5) Đạo lý và Thánh giáo: Thánh giáo là ba thứ Thánh ngôn, như trong kinh có nói: “*Tâm dẫn thế gian đi, tâm lực để phòng hộ, tùy tâm sinh khởi rồi, tự tại đều tùy chuyển.*” Lại nói: “*Cho nên bí-sô! Hãy khéo chuyên tinh, như chánh đạo lý, quán sát nơi tâm.*” Lại nói: “*Bí-sô nên biết! Nói thành chủ tức là tất cả hữu thủ thức uẩn.*” (phẩm Thành vô thường, 548c27-549a03)

Tất cả có hơn 252 bài tụng, cuối quyển có phụ thêm Hiển dương Thánh giáo luận tụng 顯揚聖教論頌, 1 quyển, No. 1603, cũng gọi là Hiển dương luận tụng.

Những sách chú thích của luận này gồm có: *Nhập Du-già luận* (sa. yogāvātāra), một luận giải về phẩm Thành Du-già của ngài Trần Na 陳那, hiện còn bản Tạng ngữ. *Hiển dương sơ* 顯揚疏, 1 quyển, của ngài Khuy Cơ 窺基 đời Đường; *Hiển dương luận sơ* 顯揚論疏, 8 quyển, của ngài Cảnh Hưng 璟興 người Tân la 新羅, v.v... nhưng đều đã thất truyền. Phật giáo thời hiện đại thì có: Âu Dương Cảnh Vô 歐陽竟無 (1871 – 1943), *Hiển dương luận*, Nội học viện China, 1936; Lữ Trung 呂澂 (1896 – 1989), *Hiển dương Thánh giáo luận đại ý* 顯揚聖教論大意, Nội học viện China, 1924; Đàm Huyền 談玄, *Hiển dương Thánh giáo luận dữ Du-già sư địa luận tỷ giáo* 顯揚聖教論與瑜伽師地論比較; Hayashima Osamu (Tảo Đảo Lý 早島理), đại học Ryukoku, Kyoto, *Hiển dương Thánh giáo luận nghiên cứu tự* 顯揚聖教論研究序, cùng những biên khảo xuất sắc khác về luận này bằng Nhật ngữ của ông.

Ngày nay, tại Bảo tàng lịch sử Seoul (the Seoul Museum of History) ở Nam Hàn, có trưng bày một bản in Hiển dương Thánh



giáo luận được cho là bản kinh xưa nhất của Sơ điều bản⁷ Cao ly tạng (Tripitaka Koreana). Có khoảng 300 bản in của Sơ điều bản vẫn tồn tại ở Hàn quốc, nhưng số lượng Sơ điều bản ở Nhật bản là 2.400 bản in, trong đó phần lớn được lưu trữ tại chùa Nam Thiên (Nanzen), Kyoto, còn lại khoảng 600 bản in được lưu trữ ở Bảo tàng lịch sử dân gian Tsushima (the Tsushima Folk History Museum) cùng những nơi khác.⁸

Hiển dương luận và Hiển dương Thánh giáo luận tụng do ngài Huyền Trang dịch thành 2 bản riêng biệt, cho nên giới học giả thắc mắc không biết 2 tác phẩm này có cùng một tác giả hay là khác. Về vấn đề này, học giả Nhật bản là ông Vũ tinh Bá thọ 宇井伯壽 (Uihakujū, 1882-1963) cho rằng Hiển dương luận là tác phẩm của ngài Thế Thân 世親, còn Hiển dương Thánh giáo luận tụng mới là tác phẩm của ngài Vô Trước. Quan điểm của ông là: Luận Tam vô tánh 三無性論 (No. 1617, 2 quyển, do ngài Chân Đế 真諦 dịch) tương đương với phần văn luận giải của phẩm Thành vô tánh trong luận Hiển dương, còn luận Tam vô tánh và luận Chuyển thức 轉識論 (cũng do ngài Chân đế dịch) đều là một phần của luận Vô tướng 無相論. Và lại, luận Chuyển thức và Tam thập duy thức tụng 三十唯識頌 của ngài Thế Thân là cùng một bản mà dịch khác, cho nên biết luận Vô tướng là tác phẩm của ngài Thế Thân. Cũng cứ theo đó mà suy thì biết luận Hiển dương hẳn là văn chú thích của ngài Thế Thân.

Luận Hiển dương không tìm thấy trong Đại tạng kinh Tây tạng

⁷ Sơ điều bản của Cao ly tạng (First edition of Tripitaka Koreana) được khắc in vào năm 1011, dùng Thục Bản (còn gọi là Bắc Tống tạng bản hay Khai bảo tạng, 971~983) làm gốc, thêm vào các soạn thuật ghi trong Trình Nguyên Mục lục, hoàn thành năm 1082. Tái điều bản (Second edition) được khắc in từ năm 1236 đến năm 1251 để cầu nguyện đẩy lùi quân Nguyên, và hiện được cất giữ tại Tàng kinh các của chùa Hải Ấn (Haein), ở Hapcheon, tỉnh South Gyeongsang.

⁸ Số lượng Sơ điều bản lưu trữ ở Nhật bản gấp 8 lần số lượng ở Hàn quốc, và chất lượng của nó cũng tốt hơn.



(Tibetan Tripitaka; Kagyur & Tangyur); dù vậy Du-già sư địa luận (No. 4035~4042) là bộ luận căn bản và quan trọng của Phật giáo Tây tạng. Các học giả phương Tây dường như không chú ý đến luận Hiển dương, vì lẽ không có Phạn bản và Tây tạng bản của luận này.

Về thời gian phiên dịch, Hiển dương Thánh giáo luận được ngài Huyền Trang dịch từ ngày 1 tháng 10 năm Trinh Quán thứ 19 (645) nhà Đường, ở Phiên kinh viện, chùa Hoằng Phúc, đến ngày 15 tháng Giêng năm Trinh Quán thứ 20 (646) thì xong, sa-môn Trí Chứng, v.v... ghi lại. Hiển dương Thánh giáo luận tụng được Huyền Trang dịch vào ngày 10 tháng 6 năm Trinh Quán thứ 19, sa-môn Biện Cơ ghi lại.⁹

Nội dung luận Hiển dương gồm có 11 phẩm, không ngoài 4 pháp là Giáo, Lý, Hành, Quả:

1. Phẩm Nhiếp sự (quyển 1 – 4)
2. Phẩm Nhiếp tịnh nghĩa (quyển 5 – 13)
3. Phẩm Thành thiện xảo (quyển 14)
4. Phẩm Thành vô thường (quyển 14)
5. Phẩm Thành khổ (quyển 15)
6. Phẩm Thành không (quyển 15 và 16)
7. Phẩm Thành vô tánh (quyển 16)
8. Phẩm Thành hiện quán (quyển 16 và 17)
9. Phẩm Thành Du-già (quyển 17)
10. Phẩm Thành bất tư nghị (quyển 17)

⁹Ngày 25 tháng Giêng năm Trinh Quán thứ 19, ngài Huyền Trang về đến Trường An. Tháng 5 năm đó, ngài Huyền Trang và các cao tăng từ khắp nơi trong cả nước bắt đầu dịch bộ "Đại bộ tát tạng kinh" gồm 20 cuốn; 9 tháng sau đó thì hoàn thành. Du-già sư địa luận được dịch từ ngày 15 tháng 5 năm Trinh Quán thứ 20 (646) đến ngày 15 tháng 5 năm Trinh Quán thứ 22 (648).



11. Phẩm Nhiếp thắng quyết trạch (quyển 17 và 18 – 20)

1. **Giáo pháp** (hình thức giáo lý) gồm trong phẩm Nhiếp sự. Phẩm Nhiếp sự nói đến 9 sự mà làm bản thể của giáo pháp. Những gì đức Phật Thích Ca giảng dạy không ngoài 9 sự này, đó là:

(1) Nhất thiết pháp: Nói về ngũ vị 106 pháp, đó là: 8 thức, 51 tâm sở, 15 loại sắc pháp (11 sắc pháp và 4 đại), 24 bất tương ưng hành pháp và 8 loại vô vi pháp (hư không, trạch diệt, phi trạch diệt, bất động, tướng thọ diệt, thiện pháp chân như, bất thiện pháp chân như và vô ký chân như).

(2) Giới: Nói về tam giới sai biệt, tam thiên đại thiên thế giới v.v...

(3) Tạp nhiễm: Tức phiền não tạp nhiễm (có 128 thứ), nghiệp tạp nhiễm (tư tâm sở [ý chí, ý muốn, ý nghiệp] và tư sở khởi [cái do tư tác động: thân nghiệp và ngữ nghiệp]) và sinh tạp nhiễm (tức sự lưu chuyển sinh tử).

(4) Đế: Có 2: 1. Nhị đế (thế tục đế và thắng nghĩa đế), cuối phẩm Nhiếp tịnh nghĩa nói rõ; 2. Tứ đế (khổ, tập, diệt và đạo).

(5) Y chỉ: tứ thiên và tứ vô sắc định.

(6) Giác phần: Có 16: [1] 37 đạo phẩm; [2] Mười trí (thế tục trí, pháp trí, loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, tha tâm trí, tận trí và vô sanh trí); [3] Ba giải thoát môn; [4] Bốn loại hành tích; [5] Chỉ quán; [6] Bốn cư xứ: tuệ cư xứ, đế cư xứ, xả cư xứ và tịch tĩnh cư xứ; [7] Bốn sở y (y pháp bất y nhân, v.v...); [8] Phát tâm bồ-đề; [9] Đại bi; [10] Mười thứ pháp hành; [11] Bảy thứ thông đạt; [12] Mười địa; [13] Mười độ; [14] Các Bồ tát hành; [15] Tác ý chân như; [16] Ý lạc rộng lớn.

(7) Hữu tình (Bồ-đặc-già-la): Có 7 loại hay 8 loại Hiền Thánh.

(8) Quả: Nói về chư đoạn, biến tri, thanh tịnh, v.v...

(9) Công đức: Là 4 vô lượng, 8 giải thoát, 8 thắng xứ, 10 biến



xứ, vô tránh, nguyện trí, 4 vô ngại giải, 6 thần thông, tướng hảo của Phật, 10 lực, 4 vô úy, 3 bất hộ, 3 niệm trú, đại bi, 18 pháp bất cộng.

Chín sự này có thể khái quát cảnh, hành và quả. Năm sự đầu thuộc về Du-già cảnh. Sự giác phần và sự Hữu tình thuộc về Du-già hành. Hai sự sau cùng thuộc về Du-già quả. Lại nữa, sự Nhất thiết pháp là chỗ dựa chung của thanh tịnh và tạp nhiễm; sự Giới và sự Tạp nhiễm thuộc về tạp nhiễm, trong đó, sự Giới là sở y của tạp nhiễm; còn phiền não, nghiệp và sinh là sai biệt của tạp nhiễm; sáu sự còn lại thuộc về thanh tịnh. Phương tiện để tư lượng 9 sự này là sự nhiếp tất cả ngữ ngôn của Phật và tương nhiếp tất cả ngữ ngôn của Phật. Sở y để tu hành 9 sự này là 10 thứ pháp hành và 6 thứ thú nhập.

Luận Du-già sư địa: “*Sự khế kinh gồm có 4 A-cấp-ma (A-hàm, Agama): 1. Tạp A-cấp-ma; 2. Trung A-cấp-ma; 3. Trường A-cấp-ma; 4. Tăng nhất A-cấp-ma. Về Tạp A-cấp-ma, trong đây đức Thế Tôn quán sát căn cơ của người được giáo hóa, rồi tuyên thuyết giáo pháp tương ứng được trình bày bởi Như Lai và các đệ tử, đó là giáo pháp tương ứng uẩn, xứ, giới; tương ứng duyên khởi, thực, đế; tương ứng niệm trú, chánh đoạn, thân tức, căn, lực, giác chi, đạo chi, nhập xuất tức niệm, học, chứng tịnh, v.v... Lại y theo tám chúng, nói các giáo pháp tương ứng với các chúng. Về sau người kết tập vì muốn Thánh giáo tồn tại lâu dài, nên một phần kết tập thành các bài kệ tụng, rồi tùy chỗ thích ứng mà thứ lớp an bố.*”¹⁰

Nhiếp sự phần của luận Du-già sư địa, quyển 58, gồm 9 sự này quy vào 3 loại lớn: 1. Năng thuyết: chỉ Phật và đệ tử Phật; 2. Sở thuyết: chỉ uẩn, giới, xứ, duyên khởi, thực, đế, niệm trú, chứng tịnh, v.v...; 3.

¹⁰ Du-già sư địa luận, quyển 85, tr. 772c09.



Sở vị thuyết: chỉ tám chúng đệ tử Phật. Chín sự hay ba loại lớn, đó là nội dung của kinh Tạp A-hàm, và cũng có thể gọi đó là “Tu-đa-la” – “Sự khế kinh”.

Đối chiếu với luận Du-già sư địa, ngài Ân Thuận phân loại nội dung Tạp A-hàm thành 7 phần: 1. Ngũ uẩn; 2. Lục nhập xứ; 3. Tạp nhân: Nhân duyên, Đế, Giới, Thọ; 4. Đạo phẩm: Niệm xứ, Chánh đoạn, Như ý tục, Căn, Lực, Giác chi, Thánh đạo, An-na-ban-na niệm, Học, Bất hoại tịnh; 5. Bát chúng; 6. Đệ tử sở thuyết; 7. Như Lai sở thuyết.

Tư tưởng của Tạp A-hàm có thể nói là căn bản của giáo pháp Phật thuyết, trong đó học thuyết Duyên khởi làm chủ đạo, gồm có 4 phần: (1) Ba pháp ấn (hoặc 4 pháp ấn); (2) Mười hai nhân duyên; (3) Bốn đế; (4) Tám Thánh đạo. Tư tưởng ấy thể hiện rõ nét trong luận Hiển dương. Bằng biện tài vô ngại, đại sĩ Vô Trước đã vận dụng kinh A-hàm để hiển dương Thánh giáo của Phật một cách sâu xa và trọn vẹn. Bằng bạc trong luận Hiển dương là những câu kinh được trích dẫn trong kinh A-hàm, đặc biệt là sự giải thích kinh Trú học thắng lợi của Tạp A-hàm ở quyển 12 và 13. Qua những trích dẫn kinh văn, cho thấy vào thời đại Vô Trước hẳn phải có một Phạn bản Tạp A-hàm rất giống với truyền bản Tạp A-hàm mà ngài Cầu-na Bạt-đa-la¹¹ đã phiên dịch ra chữ Hán.

2. **Lý pháp** (ý nghĩa, nội dung, bản thể của hình thức giáo lý) gồm 3 phẩm: Nhiếp tịnh nghĩa, Thành bất tư nghị và Nhiếp thắng quyết trạch.

¹¹ Cầu-na Bạt-đa-la 求那跋陀羅 (Guṇabhadra, 394–468) Hán dịch là Công Đức Hiền 功德賢. Là tăng sĩ dịch kinh vào thời Lưu Tống 劉宋. Sư sinh ở vùng Trung Ấn, sau đó qua Tích Lan, rồi qua Quảng Châu bằng đường biển. Sư tiến hành dịch nhiều kinh luận Đại thừa, Tiểu thừa, nhất khi sư ở chùa Kỳ Hoàn tại Kiến Khang và Tân tự ở Hình Châu. Trong số hơn 30 bản dịch Hán ngữ của Sư, tác phẩm quan trọng nhất là kinh Tạp A-hàm, kinh Thắng Man, và kinh Nhập Lăng-già – bản dịch thứ hai sau bản của Đàm-vô-sám. Các trước tác của Sư gây ảnh hưởng nhiều đến tư tưởng Phật giáo Đông Á. Sư được vương triều ở Hồ Nam kính trọng. Nhiều nhà nghiên cứu Phật giáo cho rằng, Sư chính là người đề xướng phương pháp tu theo thuyết “trực chỉ chân tâm, kiến tính thành Phật” – và nếu như vậy, Sư cũng là người sáng lập Thiên tông. Sư mất tại Trung Quốc năm 468, thọ 75 tuổi.



Cuối phẩm Nhiếp tịnh nghĩa có đoạn văn tóm tắt sự biết nghĩa qua bốn sắc thái: “*Nay ở phẩm đây hiển thị luận này có bốn sắc thái: 1. Sắc thái tối thắng; 2. Sắc thái tự thể; 3. Sắc thái thanh tịnh; 4. Sắc thái biện giáo. Ở đây, sắc thái tối thắng có hai kệ tụng (1, 2); sắc thái tự thể có năm kệ tụng (3~7); sắc thái thanh tịnh có hai kệ tụng (8, 9) và sắc thái biện giáo có một kệ tụng (10).*”

Sắc thái tối thắng, được phân làm hai: 1. Hiển thị luận này là tối thắng trong các luận; 2. Luận này có đủ bốn tịnh đức: nhiếp tất cả nghĩa, các luận thuyết ngoại đạo, tà giáo không thể phá hoại, dễ ngộ nhập và ngộ nhập rồi thì bất hoại. Do đề cập đến bốn tịnh đức mà phẩm này có tên là “Tịnh nghĩa”.

Sắc thái tự thể, là diệu lý của hai đế: 1. Thế tục đế: nói rộng về năm uẩn, giải thích đạo lý thế tục đế; 2. Chân đế: năm pháp (tướng, danh, phân biệt, chân như, chánh trí), ba tự tánh (biên kế sở chấp, y tha khởi, viên thành thật), bốn chân thật (thế gian, đạo lý, phiền não chướng tịnh trí sở hành, sở tri chướng tịnh trí sở hành), bốn tầm tư (danh, tự tánh, giả lập, sai biệt giả lập), bốn như thật trí (do bốn thứ tầm tư dẫn ra).

Sắc thái thanh tịnh, là dựa vào hai đế để khởi ba phương pháp tu tập theo thứ lớp: 1. Lắng nghe giáo pháp, quy y Tam bảo; 2. Tu hành tam học; 3. Do tu hành mà thành được đại bồ-đề và các quả công đức.

Sắc thái biện giáo, được phân làm ba: 1. Biện phá 16 thứ dị luận, và tùy thời hiển thị chánh lý của Phật pháp; 2. Bảy thứ luận pháp, và giới thiệu kết cấu của nhân minh – phương pháp luận lý của Phật giáo; 3. Bàn luận nội dung khế kinh qua hai phương diện văn và nghĩa, giải



thích yếu nghĩa của kinh, thiện xảo của sự thuyết pháp, và nói rõ công đức thắng lợi của sự tu học.

Phẩm Thành bất tư nghị nói về chín sự bất tư nghị: ngã, hữu tình, thế giới, nghiệp báo, cảnh giới bậc tỉnh lự, cảnh giới chư Phật, 14 sự không xác định, phi chánh pháp, tất cả phiền não được dẫn nhiếp. Trong 9 sự này, trừ 3 sự sau cùng, 6 sự còn lại, theo phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, là những “*pháp được lắng nghe*”, cho nên không cần tư nghị. Người tư nghị về các sự ở đây, nếu trú ngã kiến mà tư nghị về ngã, hữu tình và thế giới; nếu tìm cầu các sự không thể xác định, nghiệp báo, cảnh giới bậc tỉnh lự và cảnh giới chư Phật; nếu tâm xao động lợi dưỡng đối với sự phi chánh pháp; nếu tâm tán loạn bởi tất cả phiền não dẫn nhiếp, thì không nên tư nghị, vì các sự ấy đưa đến sự không lợi ích và nó chướng ngại sự tu chỉ quán. Bất tư nghị là vì không cần tư nghị (như tư nghị về vũ trụ thế giới), hoặc khó thể tư nghị (như tư nghị về nghiệp báo), hoặc tư nghị không được (như tư nghị về cảnh giới của thiên định, cảnh giới của Phật). Đối với các sự ấy, nếu miễn cưỡng suy nghĩ tức là điên đảo chấp chặt, mệt nhọc vô ích. Thế thì hành giả tư nghị điều gì? Nên tư nghị nhân quả và nhiệm tịnh, tức là thế tục và thắng nghĩa của Tứ đế.

Phẩm Nhiếp thắng quyết trạch, trước hết đối chiếu 9 sự trong phẩm Nhiếp sự để kiến lập luận lý cho sự quyết trạch, nói rõ những nghĩa chưa nói, xiển dương thắng nghĩa của sự kiến lập giáo pháp Đại thừa và công đức của Phật quả, sau cùng nói rõ đại ý của ba tạng: kinh, luật và luận. Thắng quyết trạch là vì nhân quả và nhiệm tịnh là đối tượng tư nghị tối thắng, vì thức A-lại-da là pháp bất cộng với Tiểu thừa, vì sự kiến lập đạo lý thắng nghĩa là tối thắng của Đại thừa.

Khát quát, thắng quyết trạch gồm có:



Quyết trạch về sự Nhất thiết pháp:

1. Quyết trạch về tâm, có 3 sự: a. Xác lập a-lại-da là tâm; b. Sai biệt của tâm; c. Nghiệp dụng của tâm.

2. Quyết trạch về tâm sở, có 2 sự: a. Sở duyên của tâm sở; b. Nghiệp dụng của tâm sở.

3. Quyết trạch về sắc, có 6 sự: a. Biên tế của sắc; b. Xứ sở của sắc; c. Hai môn giả sắc; d. Cực vi hòa hợp; e. Tánh thiện ác của sắc; f. Hai môn sai biệt của sắc.

4. Quyết trạch về tâm bất tương ưng hành: Sự thành lập giả hữu.

Quyết trạch về bốn pháp trên để nói tánh chất của nhân, có 2 sự: a. Pháp bất như lý nhân; b. Kiến lập như lý nhân quả, có 5 môn.

5. Quyết trạch về vô vi: Ba nhân kiến lập.

Quyết trạch về sự Giới: 1. Tướng sai biệt; 2. Năng sở trị sai biệt; 3. Giải thích tứ cú trong Kinh.

Quyết trạch về sự Tập nhiễm:

1. Quyết trạch về phiền não tập nhiễm, có 3 sự: a. Mạt-na tương ưng hoặc; b. Phiền não giới hệ; c. Phiền não sai biệt, có 7 môn.

2. Quyết trạch về nghiệp tập nhiễm, có 5 sự: a. Nghiệp sai biệt, có 2 môn; b. Nghiệp quả; c. Nghiệp vị; d. Nghiệp quyết định; e. Nghiệp báo sai biệt, có 4 môn.

3. Quyết trạch về sinh tập nhiễm, có 3 sự: a. Mạng chung, có 4 môn; b. Sinh hữu tương tục; c. Sinh xứ, có 2 môn.

Quyết trạch về sự Đế: 1. Nhị đế; 2. Tứ đế nhiễm tịnh nhiếp; 3. Mười sáu tướng; 4. Mười sáu hành; 5. Nhân quả của biến tri Tứ đế; 6. Nhị đế được danh; 7. Nhị đế và tam tánh.



Quyết trạch về sự Y chỉ: 1. Ba thứ sở y; 2. Hai thứ thiện xảo; 3. Giảng giải các câu trong Kinh; 4. Nói rộng về tinh lự, có 10 môn; 5. Quyết trạch về 8 đẳng chí, có 6 môn; 6. Tinh lự sai biệt, có 3 môn; 7. Tinh lự tiến thối, có 3 môn.

Quyết trạch về sự Giác phân: 1. Tổng kiến lập; 2. Giải thích niệm trú trong Kinh, có 9 môn.

Quyết trạch về sự Bồ-đặc-già-la: Ba môn kiến lập

Quyết trạch về sự Quả: 1. Chư đoạn, có 2 môn; 2. Quả, có 2 môn.

Quyết trạch về sự Công đức: 1. Kiến lập; 2. Sai biệt; 3. Đối tượng nên tư duy, có 9 môn; 4. Bốn nghĩa Đại thừa; 5. Sự công năng của Phật; 6. Tam tạng; 7. Lược nghĩa các Kinh; 8. Lược thuyết Du-già đạo.

3. **Hành pháp** (phương thức thực hành giáo lý) gồm 6 phẩm: Thành thiện xảo, Thành vô thường, Thành khổ, Thành không, Thành vô tánh và Thành Du-già.

Phẩm Thành thiện xảo đề cập 7 thứ thiện xảo đối với 5 uẩn, 18 giới, 12 xứ, 12 duyên khởi, xứ phi xứ, 22 căn và 4 đế. Dùng cái tuệ vô ngã để quán sát các đối tượng nói trên. Bảy thứ thiện xảo này là phương tiện của sự thực hành Du-già, bởi lẽ chúng khái quát được những đối cảnh sở duyên của hành giả Du-già, và do đây phá hết các tà chấp (7 thứ ngu si), đó là: 1. Biến mãn sở duyên; 2. Tịnh hành sở duyên; 3. Thiện xảo sở duyên; 4. Tịnh phiền não sở duyên. Biến mãn sở duyên, có 4: (1) đối cảnh có phân biệt ảnh tượng là đối cảnh do tác ý thắng giải; (2) đối cảnh không phân biệt ảnh tượng là đối cảnh do tác ý chân thật; (3) đối cảnh biên tế các pháp là tánh tận sở hữu và tánh như sở hữu; (4) đối cảnh sở tác thành tựu là sở duyên của chuyển y. [Số



(1) là sở duyên của chỉ, số (2) là sở duyên của quán, số (3) và (4) là sở duyên của cả chỉ quán.] Tịnh hành sở duyên, có 5: nhiều tham, nhiều sân, nhiều si, kiêu mạn và tầm tư. Thiện xảo sở duyên, có 5: uẩn, giới, xứ, duyên khởi, xứ phi xứ. Tịnh phiền não sở duyên, có 3: các tướng thô, tinh v.v..., chân như và bốn Thánh đế.

Phẩm Thành vô thường, Thành khổ, Thành không và Thành vô tánh đề cập đến đối tượng của sự thực hành Du-già, cũng là phương tiện gia hành của đạo xuất thế. Đối tượng ấy là 4 hành tướng của khổ đế: vô thường, khổ, không, phi ngã. Đối tượng ấy là *nhân không*, vì con người là vô thường, khổ, không, và *pháp không*, vì các pháp là phi ngã hay vô tánh. Tọa A-hàm, kinh Vô gián đẳng, số 259: “*Tôn giả Xá-lợi-phất nói: Ma-ha Câu-hi-la, A-la-hán lại cũng tư duy năm thọ ấm này là bệnh, là ung nhọt, là gai nhọn, là sát hại, là vô thường, khổ, không, phi ngã. Vì sao? Vì để được điều chưa được, để chứng pháp chưa chứng, để có hiện pháp lạc trú.*” Vô thường, khổ, không và ba vô tánh (: tướng, sinh và thắng nghĩa), được thiết lập trên ba tự tánh là biến kế sở chấp, y tha khởi và viên thành thật. Ba vô tánh là mật ý, ba tự tánh mới là cứu cánh. Nói ba vô tánh tức nói ba tự tánh, bởi vì thể và tướng vốn không thật có nên vô tánh, tức là tánh biến kế của các pháp giả thi thiết; vì các pháp chẳng tự sinh khởi nên vô tánh, tức là tánh y tha của các pháp duyên sinh huyền ảo; và vì thắng nghĩa vô ngã là có nên vô tánh, tức là tánh viên thành thật của các pháp hiển lộ bởi hai không. Sự thực hành Du-già là biến tri tánh biến kế sở chấp, là biến tri và vĩnh đoạn tánh y tha khởi, là biến tri và chứng đắc tánh viên thành thật.

Tư tưởng ba tánh của luận Hiển dương xoay quanh 7 chủ đề: 1. Định nghĩa (507b, 557b); 2. Sự thành lập ba tánh (557b, c; 558a, c;



559b); 3. Sai biệt, nghiệp dụng, ẩn mật, phương tiện, nhiếp và biệt dị của ba tánh (508a, b); 4. Quan hệ giữa ba tánh với vô thường và khổ; 5. Ba tánh với Không; 6. Vấn đề hữu vô của tánh biến kế (563b); 7. Tất cả pháp có đủ nghĩa ba tánh.

Phẩm Thành Du-già nói rõ dựa vào thiên định thì phát khởi được thắng hạnh Du-già. Chính cái tuệ đáo bỉ ngạn là phương tiện tối thắng của đại bồ-đề, vì vậy gọi là Du-già. Sự thực hành Du-già chính là thành tựu tuệ giác bát-nhã, là chỉ quán song vận. Do vô phân biệt chỉ (kệ 1 và 2) và vô phân biệt quán (kệ 3 và 4) mà thành tựu trí vô phân biệt xuất thế. Vô phân biệt là không phân biệt hữu và phi hữu, tức rời xa hai hý luận: pháp và pháp không. Đó là pháp tánh ly ngôn, vô ngã.

4. **Quả pháp** (thành quả của sự tu tập giáo pháp) là 1 phẩm Thành hiện quán. Phẩm này được phân làm hai: (1) Mười ba kệ tụng đầu là thành năng sở nhập, tức phương tiện của hiện quán; (2) Mười hai kệ tụng sau là thành sự tu tập, tức thành tựu 6 hiện quán.

Hiện quán là trí, là kiến, là minh, là tuệ. Đối với sự chứng vô phân biệt, Thanh văn thừa có những nghĩa không chung: Hiện quán của Thanh văn là tư duy thắng nghĩa về chân như ly tướng mà thành vô phân biệt. Hiện quán của Bồ-tát là đối với pháp và pháp không thì không có phân biệt có, không mà thành vô phân biệt. Pháp và pháp không vô phân biệt nên tánh biến kế vốn không thật có, thể của nó không thể thủ đắc. Tánh biến kế không thể thủ đắc nên Bồ-tát đối với sự triển chuyển sai khác của các hữu tình cũng không thủ đắc, cho đến sinh tử và niết bàn sai khác, hữu lậu – vô lậu sai khác, tội lỗi – công đức sai khác cũng không thủ đắc. Do đó, Bồ-tát phát khởi a-thế-da đại ngã và a-thế-da quang đại: “*A-thế-da đại ngã: Các Bồ-tát hiểu được mình người bình đẳng, nên đem tín dục thanh tịnh mà làm cho các hữu tình đều được giải*



thoát. A-thế-da quảng đại: Các Bồ-tát đối với lưu chuyển và tịch diệt, hiểu được cả hai bình đẳng, không có phân biệt, nên đem tín dục thanh tịnh mà làm lợi ích hữu tình, không trú cả hai.” Vì vậy, chư Bồ-tát, từ sơ phát tâm Bồ đề, phương tiện đến cứu cánh, nhân tu đến thành quả đều rộng lớn, hàng Thanh văn không thể sánh kịp.

Nói đến phương tiện của hiện quán là nói đến 10 yếu tố quyết định cho sự tu hiện quán, đó là:

1. Với chúng sinh, quyết định là không có ngã.
2. Với tự tánh biến kế sở chấp, quyết định là không thật có.
3. Với vô ngã, quyết định là có.
4. Với các tướng, quyết định là có.
5. Với thô trọng, quyết định là có.
6. Với bất diệt, quyết định là: (1) Vì không có chúng sinh ngã và pháp ngã nên bất diệt; (2) Vì có hai vô ngã [là chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã] nên bất diệt.
7. Với sắc thái không hai, quyết định pháp và pháp không thì không có sai biệt.
8. Với cái không, quyết định là vô phân biệt.
9. Với pháp tánh, quyết định không sợ: kẻ phàm ngu sống trong pháp tánh mà sinh các sợ hãi, còn người trí sống trong pháp tánh không có sợ hãi.
10. Với sự tự tại, quyết định có khả năng đoạn dứt: “Tôi không còn phụ thuộc vào người khác để cầu phương tiện đoạn dứt [phiền não].”

Căn cứ thứ lớp tu tập mà phân chia hiện quán làm bốn giai đoạn:
(1) Phát khởi: chỉ giai đoạn thực hành trước khi được hiện quán, là từ



văn sở sinh trí cho đến thế đệ nhất pháp trí; (2) Chứng đắc: chỉ địa vị chánh hiện quán, tức kiến đạo; (3) Đăng lưu: chỉ sự tu tập sau chánh hiện quán, tức tu đạo; (4) Thành mãn: chỉ hiện quán cứu cánh viên mãn, tức chứng đắc cực quả của ba thừa.

Luận về thể tánh của hiện quán thì lấy 6 thứ hiện quán sai biệt để hiển thị: (1) Tư hiện quán: Đó là tuệ được tác thành bởi tư, tối thượng phẩm tương ưng hỷ thọ. Nó quán sát cộng tướng của các pháp, dẫn sinh noãn v.v... Trong gia hành đạo, tác dụng quán sát các pháp của nó mãnh liệt nhất, nên đặc biệt lập thành hiện quán. Các pháp như noãn v.v... không phân biệt pháp một cách chi tiết, lại cũng chưa chứng nghiệm thật lý, do đó không phải là hiện quán. (2) Tín hiện quán: Đó là tịnh tín quyết định thuộc thế gian và xuất thế gian, duyên đến đối tượng là Tam bảo. Nó hỗ trợ hiện quán để không thối chuyển, do đó được lập làm hiện quán. (3) Giới hiện quán: Đó là vô lậu giới. Nó trừ diệt cấu bẩn của sự phá giới, khiến quán được thêm sáng, do đó cũng được gọi là hiện quán. (4) Hiện quán trí để hiện quán: Đó là trí vô phân biệt căn bản và hậu đắc, một cách triệt để, duyên phi an lập làm đối tượng. (5) Hiện quán biên trí để hiện quán: Đó là trí thế xuất thế gian, duyên các an lập làm đối tượng, sau hiện quán trí để hiện quán. (6) Cứu cánh hiện quán: Trí thuộc giai đoạn cứu cánh, tức tận trí, vô sinh trí.

Sáu thứ hiện quán lấy đều lấy Bồ-đề làm thể. Hành giả Du-già dựa đẳng chí mà phát khởi thắng hạnh Du-già, chỉ quán song vận, thành trí vô phân biệt xuất thế, được gọi là Bát-nhã ba-la-mật-đa, chính là phương tiện tối thắng của Đại Bồ-đề.

Sự phân chia giáo, lý, hành, quả như vậy chỉ là tương đối, vì



trong mỗi phần pháp, mỗi phẩm đã bao hàm cả 4 pháp: giáo, lý, hành, quả.

Sau đây là sự phân khoa theo ba tuệ văn, tư và tu:

(1) Văn tuệ là biết giáo pháp của Phật qua 9 sự (phẩm Nhiếp sự) và biết nghĩa của giáo pháp qua 4 sắc thái: tối thắng, tự thể, thanh tịnh và biện giáo (phẩm Nhiếp tịnh nghĩa).

(2) Tư tuệ là tư duy chính xác và sâu xa về 9 sự, tức toàn bộ giáo pháp của Phật, để thấy Đại thừa là Phật thuyết, Đại thừa thù đặc như thế nào, và chỉ quán của Đại thừa thì đặc hữu như thế nào (phẩm Nhiếp thắng quyết trạch). Tư tuệ còn là biết những gì không nên tư duy, vì vượt ngoài sự lý luận của con người. Như trong Tăng chi bộ kinh, IV. 77, có ghi bốn điều Phật cho rằng bất khả tư nghị: „*Có bốn điều này không thể nghĩ đến được, này các Tỷ-kheo, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thế nào là bốn? Phật giới của các đức Phật, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến, thời người suy nghĩ có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ. Thiên giới của người ngời Thiên, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ được, nếu nghĩ... thống khổ. Quả dị thực của nghiệp, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến... thống khổ. Tâm tư thế giới, này các Tỷ-kheo, không thể nghĩ đến được, nếu nghĩ đến thời có thể đi đến cuồng loạn và thống khổ.*” (HT. Thích Minh Châu dịch)

(3) Tu tuệ bao gồm: a. Sở duyên của tuệ (phẩm Thành thiện xảo); b. Gia hành của tuệ: biến tri vô thường (phẩm Thành vô thường), biến tri khổ (phẩm Thành khổ), biến tri không (phẩm Thành không), biến tri vô tánh (phẩm Thành vô tánh); c. Thú nhập tuệ giác: quả hiện quán (phẩm Thành hiện quán) và nhân Du-già (phẩm Thành Du-già).



Trong khảo luận *Hiển dương Thánh giáo luận đại ý*, học giả Lữ Trùng (呂澂, 1896-1989) phân chia 11 phẩm theo thứ tự như sau:

(1) Thể tánh của luận là giản trạch về pháp tướng, gồm 2 phẩm: (a) về sự pháp có phẩm Nhiếp sự; (b) về nghĩa tướng có phẩm Nhiếp tịnh nghĩa.

(2) Sở y của luận là giản trạch về Du-già, gồm 9 phẩm: (a) về sở duyên có phẩm Thành thiện xảo; (b) về phương tiện có 4 phẩm: Thành vô thường, Thành khổ, Thành không và Thành vô tánh; (c) về Du-già có phẩm Thành Du-già; (d) về đối tượng viễn ly có phẩm Thành bất tư nghị; (e) về thắng nghĩa có phẩm Nhiếp thắng quyết trạch.

Phân tích văn bản thì thấy luận Du-già sư địa và luận Hiển dương có bố cục tương đồng, cùng lấy Bồ-tát đạo làm chủ yếu. Luận Hiển dương (và Đại thừa A tỳ đạt ma tập luận 大乘阿毘達磨集論) là luận cương yếu, là bản tiết lược của luận Du-già sư địa.

Luận Du-già sư địa có 100 quyển, gồm 5 phần chính:

1. Bản địa phần: phân biệt bao quát và phong phú về 17 địa: (1) Ngũ thức thân tương ưng địa, (2) Ý địa, (3) Hữu tầm hữu tứ địa, (4) Vô tầm duy tứ địa, (5) Vô tầm vô tứ địa, (6) Tam ma tư đa địa, (7) Phi tam ma tư đa địa, (8) Tâm địa, (9) Vô tâm địa, (10) Văn sở thành địa, (11) Tư sở thành địa, (12) Tu sở thành địa, (13) Thanh văn địa, (14) Độc giác địa, (15) Bồ-tát địa, (16) Hữu dư y địa, (17) Vô dư y địa. (Quyển 1~50)

2. Nhiếp quyết trạch phần: bàn sâu các nghĩa còn nghi ngờ của 17 địa vừa kể trên. Trong Ngũ thức thân tương ưng địa và Ý địa, đặc biệt luận chứng sự tồn tại của thức a-lại-da. Khi quyết trạch về Bồ-tát địa, quảng dẫn nguyên văn Kinh Giải thâm mật, bàn về thắng nghĩa



đế, Du-già địa, các ba-la-mật, Như Lai thành sở tác sự. (Quyển 51~80)

3. Nhiếp thích phần: bàn về vị trí và nghi tắc của các kinh được trích dẫn trong bộ luận. Các kinh xuất hiện thường nhất là các kinh A-hàm. (Quyển 81~82)

4. Nhiếp dị môn phần: trực tiếp giải thích tên gọi và ý nghĩa của các câu văn được nhắc tới trong kinh A-hàm. (Quyển 83~84)

5. Nhiếp sự phần: nêu rõ những điểm chính yếu trong giáo pháp của Phật như về uân, xứ, duyên khởi, thực, đế, giới, thọ, các bồ đề phần, nhập xuất tức niệm, tam học, chứng tịnh. (Quyển 85~100)

Từ Bản địa phần của luận Du-già sư địa, ngài Vô Trước rút ra những yếu nghĩa để tập thành phẩm Nhiếp sự (quyển 1~4) và phẩm Nhiếp tịnh nghĩa (quyển 5~8), cụ thể là: lấy phần Giới luật nghi của sơ Du-già xứ thuộc Thanh văn địa, đưa vào phần Phân biệt Tăng thượng giới học sai biệt ở quyển 7; lấy phần Thế gian đạo của đệ tứ Du-già xứ thuộc Thanh văn địa, đưa vào quyển 7; lấy phẩm Bồ-tát công đức thuộc Bồ-tát địa, đưa vào quyển 8. Ngài Vô Trước cũng lấy 16 thứ dị luận trong Bản địa phần, đưa vào phẩm Nhiếp tịnh nghĩa (quyển 9 và 10); lấy mục Nhân minh luận ở Bản địa phần, đưa vào phẩm Nhiếp tịnh nghĩa (quyển 12 và 13). Xem mục lục và chú thích có thể thấy ngài Vô Trước đã trích lại những đoạn văn của luận Du-già sư địa để đưa vào các phẩm: Thành thiện xảo, Thành vô thường, Thành khổ, Thành không, Thành vô tánh, Thành hiện quán, Thành du-già, Thành bất tư nghị (từ quyển 14 đến phần đầu quyển 17). Sau cùng, phẩm Nhiếp thắng quyết trạch (phần sau quyển 17 đến quyển 20) có những yếu nghĩa lấy từ Nhiếp quyết trạch phần của luận Du-già sư địa.

Trong sách *Ấn Độ Phật giáo tư tưởng sử*, pháp sư Ấn Thuận



cho rằng: “*Ba phẩm đầu của luận Hiển dương nhiếp lấy văn nghĩa của luận Du-già, tám phẩm sau: Thành vô thường, Thành khổ, Thành không, Thành vô tánh, Thành hiện quán, Thành du-già, Thành bất tư nghị, Nhiếp thắng quyết trạch, thì chú trọng vào sự quán hạnh, minh định nghĩa lý sâu xa của Đại thừa thì hơn hẳn Thanh văn.*” Có thể nói luận Hiển dương là bản tóm tắt của luận Du-già sư địa, nhưng vẫn hiển thị được cấu trúc và giáo lý đặc thù của riêng nó. Và đó là lý do mà ngài Vô Trước trước tác luận này.

Kinh Giải thâm mật ghi: “*Thắng Nghĩa Sinh, trong chánh pháp mà Như lai khéo tuyên thuyết, khéo qui định, và được nói ra bởi ý muốn cực kỳ trong sạch, vẫn có những nhận thức khác nhau của nhiều hạng người. Như lai vốn căn cứ ba vô tánh như trên, nhưng do mật ý sâu xa, nên trong những kinh nghĩa lý chưa hoàn hảo mà Như lai đã nói, Như lai nói pháp yếu theo cách nói kín đáo, rằng các pháp toàn không, không sinh không diệt, bản lai vắng bật, tự tánh niết bàn. ... Người chưa gieo trồng thiện căn, chưa làm sạch nghiệp chướng, chưa thành thực liên tục, không tu nhiều thắng giải, chưa dồn chứa hai thứ tư lương phước đức trí tuệ, tính không chất trực, không phải loại chất trực, dẫu có sức lực trong việc suy nghĩ chọn lựa những sự phé bỏ và thiết lập, nhưng thường đứng yên trong sự cố thủ kiến thức của mình, thì nghe kinh pháp như vậy họ không thể thấu hiểu đúng như sự thật về lời nói mật ý sâu xa của Như lai, cũng không tin hiểu kinh pháp như vậy, nên kinh pháp cho là phi kinh pháp, nghĩa lý cho là phi nghĩa lý; kinh pháp cho là phi kinh pháp và nghĩa lý cho là phi nghĩa lý, nên nói rằng kinh pháp như vậy không phải Phật nói mà là ma nói, và nhận định này làm cho họ phỉ báng thóa mạ kinh pháp như vậy là hư ngụy, bằng lắm cách, họ hủy diệt xô đổ kinh pháp như vậy, những ai tin*



hiểu kinh pháp như vậy thì bị họ coi là kẻ thù; họ, trước kia bị nghiệp chướng làm cho chướng ngại, nay do lý do trên mà bị nghiệp chướng tiếp tục chướng ngại, và nghiệp chướng này mở đầu (có vẻ) giản dị, nhưng rồi (chịu khổ) trong thời kỳ bằng trăm ngàn câu chi na dữu đa, khó có lúc thoát khỏi.”¹²

Luận Hiển dương Thánh giáo căn cứ mật ý của đức Phật mà xiển dương con đường nhất Phật thừa ngang qua sự ngộ nhập Duy thức tánh và sự thực hành Du-già đạo: “Nếu lược nói Du-già đạo, nên biết đa văn được nhiếp, chánh pháp làm cảnh giới, xa-ma-tha và tỳ-bát-xá-na làm tự thể, y chỉ ảnh tượng và y chỉ sự thành tựu. Như đức Bạc già phạm nói: ‘Có năm thứ pháp có thể nhiếp lấy tất cả hành giả Du-già, các Du-già địa, đó là trì, trú, minh, kính và chuyển y’. Nên biết, nghe chánh pháp là trì, sở duyên là trú, chỉ quán là minh, ảnh tượng là kính, sự thành tựu là chuyển y.”

Nghĩa lý luận Hiển dương
 Bao quát tất cả nghĩa
 Khiến Phật pháp trường tồn
 Tứ chúng được lợi lạc.
 Nay con được dịch chú
 Mong đáp đền bốn ơn
 Xin nguyện cho những ai
 Có duyên đọc luận này
 Thì biết đạo chân thật
 Của Bồ-tát Du-già

12HT. Thích Trí Quang dịch.



Có được những thắng giải
 Sinh đức tin trong sáng
 Vững bước trên hành trình
 Tuệ giác của Phật-đà.
 Nguyện đem công đức này
 Hướng về khắp tất cả
 Đệ tử và chúng sinh
 Đều trọn thành Phật đạo.

Mùa Vu Lan, 15.7.2560 (17.8.2016)

Phật tử **Quảng Minh** kính ghi





Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Một

Phẩm Hai

NHIẾP TỊNH NGHĨA (Phần 7)

[531a14] Có nhiều thứ luận pháp, như bài chính cú ôn-đà-nam:¹³

Luận thể, luận xứ sở

Luận cứ, luận trang nghiêm

Luận phụ, luận xuất ly

Luận đa sở tác pháp. (tụng 9)

[531a17] Luận pháp có bảy thứ: 1. Luận thể tánh; 2. Luận xứ sở; 3. Luận sở y; 4. Luận trang nghiêm; 5. Luận đọa phụ; 6. Luận xuất ly; 7. Luận đa sở tác pháp.¹⁴

13 Phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 7 này tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 15, tr. 356a12~360c20, trả lời cho câu hỏi: Thế nào là nhân minh xứ?

14 Các nhà Nhân minh học đề ra 7 khuôn phép, quy định, thể lệ, yêu cầu, điều kiện cho sự biện luận, gọi là thất nhân minh 七因明 hay thất nhân minh xứ 七因明處, đó là: (1) Luận thể tánh là tánh chất, đề mục nghị luận, có 6 sự: 1. Ngôn luận, 2. Thượng luận, 3. Tránh luận, 4. Hủy báng luận, 5. Thuận chánh lý luận, 6. Giáo đạo luận. (2) Luận xứ sở là nghị trường, nơi chỗ đề nghị luận, có 6 nơi: 1. Trước mặt vua, 2. Trước người chấp lý, 3. Giữa đám đông, 4. Trước bậc hiền triết, 5. Trước các vị sa-môn, bà-la-môn thông hiểu pháp nghĩa, 6. Trước người ưa thích pháp nghĩa. (3) Luận sở y là y cứ của lập luận, tức lập luận y cứ vào thể tánh và nghĩa lý sai biệt của chân năng lập, chân hiện lượng và chân tỷ lượng, chia làm 2 loại: năng lập và sở lập. Sở lập có 2: tự tính và sai biệt. Năng lập có 8: lập tông (mệnh đề), biện nhân (lý do), dẫn dụ (thí dụ), đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng và chánh giáo lượng. (4) Luận trang nghiêm là những trang bị cho một nghị luận, bao gồm kiến thức, ngôn ngữ, tâm thái, cung cách, có 5 sự: 1. Thông thạo cách lập tông của mình và của người, 2. Ngôn từ phong phú, 3. Không khiếp sợ, 4. Nghiêm túc, 5. Xứng đáng. (5) Luận đọa phụ là nguyên nhân thất bại của một luận nghị, có 3 sự: 1. Xả ngôn: bỏ lập luận của mình; 2. Khuất ngôn: khuất phục trước lập luận của đối phương; 3. Ngôn quá: ngôn luận sai lầm hoặc nghĩa lý quanh co. (6) Luận xuất ly là xem xét sự được mất trước khi tranh luận, xem xét lập luận có thành lập được hay



[531a20] 1. **Luận thể tánh:** Lại có sáu thứ: 1. Ngôn luận, 2. Thượng luận; 3. Tranh luận; 4. Hủy báng luận; 5. Thuận chánh luận; 6. Giáo đạo luận.

Ngôn luận: Là tất cả ngôn thuyết, ngôn âm, ngôn từ.¹⁵

Thượng luận: Là những ngôn luận mà người thế gian ưa thích nghe.¹⁶

[531a24] **Tranh luận:**¹⁷ (1) Y theo các dục sinh khởi: các dục thuộc về mình bị người cưỡng đoạt, hoặc các dục thuộc về người bị mình cưỡng đoạt, hoặc các dục thuộc về hữu tình, mình và người yêu thích cùng nhau chiếm đoạt, hay muốn chiếm đoạt.

(2) Các dục không nhiếp thọ¹⁸: bao gồm ca múa, chơi đùa, v.v... để xem nghe, hoặc thuộc về kỹ nữ, người hầu v.v... để thọ dụng.

Đối với các dục sai biệt như vậy, người chưa ly dục là người đang bị nhiễm ô bởi tâm tham của Dục giới, nguyên do vì sự chấp chặc, trói buộc, đắm mê, tham ái. Người ưa nổi giận thường ra oai, đấu

không, nếu thấy không thành lập được thì rút ra trước để tránh chuốc lấy thất bại, có 3 sự: 1. Xem xét được, thua; 2. Xem xét thời gian và đại chúng; 3. Xem xét mình có khéo léo hay không. (7) Luận đa sở tác pháp là những cách thức để lập luận, có 3 sự: 1. Thông thạo cách lập tông của mình và của đối phương thì đối với tất cả các đề tài đều có khả năng nghị luận; 2. Mạnh mẽ dày dạn, không nhút nhát khiếp sợ thì nghị luận trước đám đông một cách dễ dàng; 3. Biện tài thao thao thì sẽ giải đáp được tất cả các vấn nạn. Như vậy, tổng cộng có 36 sự. Ba mươi sáu sự này mà cộng thêm 7 sự tổng quát (luận thể tánh v.v... luận đa sở tác pháp) thành ra 43 sự. Những lập luận chánh tà đều không ngoài 7 khuôn phép này.

15 Du-già luận ký 瑜伽論記, quyển 5: “Ngôn luận lấy âm thanh làm tánh. Ngôn thuyết là thể, ngôn âm là tướng và ngôn từ là dụng; làm ba sai biệt. Lại do âm thanh mà khởi danh thân, cú thân và văn thân, thứ tự riêng biệt mà lập ba sai biệt.” (tr. 411b18~20)

16 Du-già luận ký, quyển 5: “Những ngôn luận có lý lẽ tương ưng với thế gian; những ngôn luận mà người thế gian nghe ưa thích, coi trọng, đều gọi là thượng luận 尚論.” (tr. 411b21~23)

17 Du-già luận ký, quyển 5: “Tranh luận có bốn trường hợp: 1. Khởi ý muốn xâm đoạt các dục; 2. Các dục không nhiếp thọ; 3. Ác hành sinh khởi; 4. Chư kiến sinh khởi.” (tr. 411b23~25)

18 Chánh văn thiếu mấy chữ này: nhược vô nhiếp thọ chư dục. Xem Du-già sư địa luận, quyển 15, tr. 356a25. Không nhiếp thọ là không thuộc 3 trường hợp ở trên: các dục thuộc về của mình, của người và của hữu tình.



đá, tranh chấp, vì những khác biệt, bất hòa, lầm lỗi, ganh ghét. Như vậy gọi là tranh luận.

(3) Y theo ác hành sinh khởi: mình làm những ác hành qua thân ngữ, bị người chỉ trích, chê bai; hoặc người làm những ác hành qua thân, ngữ, mình đi chỉ trích, chê bai; hoặc hữu tình làm những ác hành qua thân ngữ, thì mình và người cùng thỏa thích chỉ trích, chê bai.

Đối với những ác hành như vậy, người muốn làm hoặc chưa làm ác hành là người cố chấp tham, sân, si quá nặng, nguyên do vì sự chấp chặc, trói buộc, giữ lấy, tham ái. Người ưa nổi giận, với tâm nhiễm ô nên thường ra oai, đầu đá, tranh chấp, vì những khác biệt, bất hòa, lầm lỗi, ganh ghét. Như vậy gọi là tranh luận.

(4) Y theo chư kiến sinh khởi: là thân kiến, đoạn kiến, thường kiến, vô nhân kiến, ác nhân kiến, tà kiến sinh khởi bởi các ngoại đạo Vũ chúng v.v..., và những loại ác kiến khác.

Đối với chư kiến như vậy, những gì mình chấp bị người ngăn trở, chặt đứt; những gì người chấp, mình đi ngăn trở, chặt đứt; [hoặc những gì hữu tình chấp, mình và người cùng đi ngăn trở, chặt đứt]; hoặc làm sao cho người từ bỏ những kiến chấp đó; hoặc làm sao giữ gìn những gì chưa phải kiến chấp.

Đối với chư kiến sai biệt như vậy, người chưa ly dục là người đang bị nhiễm ô bởi tâm tham của Dục giới, nguyên do vì sự chấp chặc, trói buộc, đắm mê, tham ái. Người ưa nổi giận thường ra oai, đầu đá, tranh chấp, vì những khác biệt, bất hòa, lầm lỗi, ganh ghét. Như vậy gọi là tranh luận.

[531b14] **Hủy báng luận:** Những người ôm lòng giận dữ, với tâm nhiễm ô, phát khởi uy thế, chê bai lẫn nhau bằng lời nói thô tục,



lời nói dối, lời nói thù dật, cho đến pháp luật được thuyết một cách tệ hại¹⁹: hoặc tuyên thuyết pháp ấy cho hữu tình, hoặc nghiên cứu quyết trách, hoặc giáo thọ, giáo giới v.v... đều gọi là hủy báng luận. Vì sao gọi như vậy? Vì bài bác thật tướng, vì đưa tới đường dữ, vì uổng phí công lao, không có lợi ích, cho nên luận này gọi là hủy báng luận.

[531b20] **Thuận chánh luận:** Là đối với pháp luật được thuyết một cách khéo léo: hoặc tuyên thuyết chánh pháp cho hữu tình, hoặc nghiên cứu quyết trách, hoặc giáo thọ²⁰, giáo giới²¹ v.v... vì đoạn trừ

19 Ác thuyết pháp luật 惡說法律: Luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập tập, quyển 14, chia hư vọng phân biệt làm 10 loại là: căn bản phân biệt, tướng phân biệt, tướng hiển hiện phân biệt, tướng biến dị phân biệt, tướng hiển hiện biến dị phân biệt, tha dẫn phân biệt, bất như lý phân biệt, như lý phân biệt, chấp trước phân biệt và tán loạn phân biệt. Trong đó, tha dẫn phân biệt là giáo pháp được thuyết bằng danh thân, cú thân và văn thân, chia thành 2 loại là: ác thuyết pháp luật và thiện thuyết pháp luật. Tập A-hàm, kinh Bồ-lũ-đê-ca, số 974: "Xá-lợi-phất nói: 'Lại nữa, vị Thầy kia không phải là bậc Đẳng chánh giác, cho nên ông nhanh chóng dứt bỏ sửa, lia bỏ giáo pháp của Thầy. Ví như con bò sữa, cộc cần hung dữ, dịch sữa lại ít. Nghe con bú sữa xong vội vã bỏ đi. Cũng vậy, pháp luật như vậy được diễn thuyết một cách tệ hại, được giác ngộ một cách tệ hại; chẳng phải là pháp xuất ly, chẳng phải là đạo Chánh giác, là pháp hư hoại, chẳng phải pháp đáng đề khen ngợi, chẳng phải pháp đáng đề y chỉ. Lại nữa, vị Thầy ấy không phải là bậc Đẳng chánh giác, cho nên ông nhanh chóng lia bỏ giáo pháp mà Thầy ông đã dạy. Pháp mà tôi có là Chánh pháp luật, là thiện giác, là xuất ly, là đạo chánh giác, chẳng hoại, đáng đề khen ngợi, đáng đề y chỉ.'" (Thích Đức Thắng dịch)

20 Bát chủng giáo thọ: Tầm tư về tâm, tầm tư về căn, tầm tư về ý lạc, tầm tư về tùy miên, tầm tư về ngũ đình tâm quán, đoạn thường kiến, trừ đoạn kiến, đoạn trừ tăng thượng mạn. Luận Du-già sư địa, quyển 38: "Thế nào là giáo thọ (dạy truyền)? Nên biết giáo thọ, lược có 8 thứ: Các Bồ tát lấy chánh định làm y chỉ, trải qua trường thời cùng chung sống với chúng sanh, khởi tâm từ bi muốn giáo thọ cho họ. Vì Bồ tát ấy thay mặt cho chúng Bồ tát, được đức Như lai bảo làm sự giáo thọ. Khi giáo thọ, (1) vị Bồ tát trước phải quán sát chắc thật, tầm tư tâm chúng sanh, như thật liễu tri; (2) Tầm tư và như thật liễu tri rồi, tầm tư căn của chúng sanh, như thật liễu tri; (3) Tầm tư và như thật liễu tri căn rồi, tầm tư ý lạc, như thật liễu tri; (4) Tầm tư và như thật liễu tri ý lạc rồi, tầm tư tùy miên, như thật liễu tri; (5) Tầm tư và như thật liễu tri tùy miên rồi, thích ứng, tùy nghi theo chỗ liễu tri, thị hiện các pháp môn thú nhập, để cho chúng sanh đi nhanh vào: chúng sanh hoặc tu bất tịnh, hoặc còn tu tâm tử, hoặc tu các thứ duyên tánh duyên khởi, hoặc tu giới sai biệt, hoặc tu a na ba na niệm (nhập xuất tức niệm); (6) Thích ứng, tùy nghi theo chỗ liễu tri, thị hiện các pháp môn thú nhập, và chúng sanh đã vào trong rồi, vì họ mà nói cách đối trị tà chấp thường biên, thực hành ngay đó; (7) vì họ nói cách đối trị tà chấp đoạn biên, thực hành ngay đó; (8) Làm cho họ buông bỏ ý tưởng tăng thượng mạn rằng, chưa làm mà cho đã làm, chưa có được mà cho đã có được, chưa chạm biết mà cho đã chạm biết, chưa chứng ngộ mà cho đã chứng ngộ."

21 Ngũ chủng giáo giới: già chỉ, khai hứa, gián hối, ha tấn, khánh uy. Luận Du-già sư địa, quyển 38: "Thế nào là giáo giới (dạy răn)? Nên biết giáo giới lược có 5 thứ: 1. Già chỉ (ngăn cấm) có tội hiện hành; 2. Khai hứa (mở cho) không tội hiện hành; 3. Nếu ở trong pháp già chỉ, khai hứa mà có người phạm vì tạm hành (làm/dùng tạm thời), thì đúng như pháp can ngăn, dạy bảo (gián hối); 4. Nếu có người ở vào trường hợp tạm hành mà cố ý hủy phạm, cứ mãi coi thường, phóng túng, thì đem ý lạc không đục bản, không có biến đổi và thân thiện mà ha trách, tấn xuất đúng phép, trao cho những ý



những hoài nghi mà hữu tình khởi lên, vì khéo thấu rõ nghĩa lý sâu xa, vì làm cho trí kiến rốt ráo thanh tịnh, đều gọi là thuận chánh luận. Vì sao gọi như vậy? Vì tùy thuận chánh hành, vì tùy thuận chánh nghĩa²², cho nên luận này gọi là thuận chánh luận.

[531b25] **Giáo đạo luận:** Là trên nền tảng thuận chánh luận, giáo huấn sự tu tập tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học, để người tâm chưa định thì làm cho tâm được định, người tâm đã định thì làm cho tâm giải thoát, người chưa được trí chân thật²³ thì khai ngộ khiến được, người đã được trí chân thật thì khiến tu tập viên mãn, gọi là giáo đạo luận. Vì sao gọi như vậy? Vì chỉ dạy khai mở rõ ràng tường tận cho hữu tình, cho nên luận này gọi là giáo đạo luận.

[531c02] **Hỏi:** Quán sát như thật sáu loại luận này, luận nào là chân thật, có thể dẫn đến sự nghĩa lợi, phải nên tu tập, và luận nào là không chân thật, có thể dẫn đến sự không nghĩa lợi, phải nên tránh xa?

Đáp: Hai luận sau cùng là chân thật, có thể dẫn đến sự nghĩa lợi, phải nên tu tập. Hai luận ở giữa là không chân thật, có thể dẫn đến sự không nghĩa lợi, phải nên tránh xa. Hai luận đầu tiên phải nên phân biệt²⁴.

niệm cần làm; 5. Nếu ở trong pháp già chỉ, khai hứa mà có người siêng năng chánh hành, thì từ ái xưng tán công đức một cách chân thật, làm cho người ấy hoan hỷ. Nên biết, đây là năm loại giáo giới của Bồ tát, gọi là: già chỉ, khai hứa, gián hối, ha tấn, khánh uy.” (tr. 504c08~17)

23 Trí chân thật = trí xuất thế: Trí tuệ chế phục sự trói buộc của tham, sân, si và các tạp nhiễm, cũng có khả năng đối trị tùy miên vi tế. Ở hàng Thanh văn, đó là vô học chánh trí của bậc A-la-hán. Hàng hữu học ở địa vị kiến đạo, tu tập và thành tựu 8 chi Thánh đạo để thấy lý tứ đế. Bậc A-la-hán lậu tận thành tựu 10 vô học chi (: 8 vô học chi của Thánh đạo, thứ 9 là vô học chánh giải thoát và thứ 10 là vô học chánh trí.) Tạp A-hàm, kinh Yểm ly, số 9: “Thánh đệ tử quán sát như vậy thì sẽ nhàm tởm sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Do nhàm tởm nên không ham muốn, vì không ham muốn nên được giải thoát. Đối với giải thoát, trí chân thật phát sanh, biết rằng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết sẽ không tái sanh đời sau nữa.” (Thích Đức Thắng dịch)

24 Hai luận đầu tiên là ngôn luận và thượng luận, là trung tánh: hoặc là chân thật, hoặc là không chân thật, hoặc là đưa đến sự nghĩa lợi, hoặc là đưa đến sự không nghĩa lợi, hoặc là nên tu tập, hoặc là nên tránh xa.



[531c06] 2. **Luận xứ sở:** Nên biết cũng có sáu chỗ [để bàn luận nghĩa lý]: 1. Ở trước quốc vương; 2. Ở trước người chấp lý; 3. Ở trong đại chúng; 4. Ở trước người khéo hiểu pháp nghĩa; 5. Ở trước sa-môn, bà-la-môn; 6. Ở trước người ưa nghe pháp nghĩa.

[531c09] 3. **Luận sở y:** Có mười thứ, nên biết: 1. Sở thành lập, có hai nghĩa; 2. Năng thành lập, có tám pháp.

[531c11] **Sở thành lập**²⁵, có hai nghĩa: 1. Tự tánh của sở thành lập; 2. Sai biệt của sở thành lập.

(1) *Tự tánh của sở thành lập:* Có thành lập là có, không thành lập là không có.

(2) *Sai biệt của sở thành lập:* Hữu thượng thành lập hữu thượng, vô thượng thành lập vô thượng, thường thành lập thường, vô thường thành lập vô thường. Cũng vậy, hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, đại loại như vậy có vô lượng sai biệt nghĩa môn, gọi đó là sai biệt của sở thành lập, nên biết.

[531c17] **Năng thành lập**, có tám pháp: 1. Lập tông; 2. Biện nhân; 3. Dẫn dụ; 4. Đồng loại; 5. Dị loại; 6. Hiện lượng; 7. Tỷ lượng; 8. Chí giáo lượng.²⁶

25 Sở thành = sở lập = sở thành lập là mệnh đề chủ trương mà người lập luận đưa ra và chờ chứng minh, tức là chi Tông trong 3 chi của luận thức Nhân minh. Đối lại, chi Nhân (lý do) và chi Dụ (thí dụ) được dùng để chứng thành chi Tông có được xác lập hay không, thì gọi là Năng lập.

26 Thuật ngữ của Nhân minh là bát năng lập (tám năng lập), cũng gọi là bát thành lập nhân, là 8 yếu tố lập luận: Lập tông (mệnh đề) là trọng điểm của một cuộc tranh luận giữa 2 bên, bên lập luận và bên vấn nạn. Bên lập luận đưa ra mệnh đề để tranh luận như ‘âm thanh là vô thường’ và đó là lập tông. Biện nhân (lý do) là vì thành tựu tông chỉ đã lập thì phải biện lập nguyên nhân của nó, như âm thanh được tạo ra (nhân). Dẫn dụ (thí dụ) là đưa ra những thí dụ mà thể gian công nhận và tập quen để hỗ trợ cho nghĩa lý của tông, để chứng minh cái nhân lập ra không sai, như cái lọ có tính tạo tác. Khi dẫn dụ thì có thể đưa ra những thí dụ đồng loại hay dị loại. Đồng loại là những pháp tương tự. Dị loại là những pháp không tương tự. Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp tập luận thì dùng hợp và kết thay cho đồng loại và dị loại. Hiện lượng là khả năng tri giác trực tiếp, là hiện kiến không trải qua suy tư nên không có sai lầm. Tỷ lượng là so sánh suy lý, dùng kiến thức đã biết để suy luận những sự kiện chưa biết. Chánh giáo lượng (: chí giáo) là dùng những lời dạy của bậc Nhất thiết trí để chứng minh lập



[531c19] (1) *Lập tông*: Dựa vào hai nghĩa của *sở thành lập*, riêng biệt nắm bắt tự tông được [mọi người] công nhận: hoặc nắm bắt luận giáo²⁷ [của thầy mình], hoặc bằng biện tài của mình, [hoặc do coi thường người khác,] hoặc qua những gì nghe được từ người khác mà thành lập tự tông, với mục đích chỉ rõ sai lầm của tha tông, đề bẹp sự kiêu mạn, bẻ gãy sự lẳng nhục, hay là vì thương xót hữu tình.

[531c23] (2) *Biện nhân*: Vì thành tựu sự kiến lập tông, dựa vào *dẫn dụ*, đồng loại, *dị loại*, *hiện lượng*, *tỷ lượng* và *chỉ giáo lượng* để biện giải nguyên nhân của đạo lý.

[531c25] (3) *Dẫn dụ*: Vì thành tựu sự kiến lập nghĩa, trước dẫn dụ một nhân tố để dựa vào, sau nói các pháp khác để hiểu mà người thể gian đã tập quen, chấp nhận, để làm sự so sánh.²⁸

[531c27] (4) *Đồng loại*: Những tướng mạo tương tự ở hiện tại hay đã thấy qua trước đây, mà có liên quan, có thể hoán đổi. Tương tự có bốn thứ: 1. Tự thể tương tự; 2. Nghiệp tương tự; 3. Pháp tương tự; 4. Nhân quả tương tự.

Tự thể tương tự: Tướng mạo tương tự so với tự thể kia.²⁹

Nghiệp tương tự: Tác dụng tương tự so với tự thể kia.

Pháp tương tự: Trên tự thể có các pháp môn sai biệt triển chuyển tương tự, như pháp vô thường với pháp khổ, pháp khổ với pháp vô

luận của mình. Ba lượng này là nền tảng để lập luận về mặt tri thức. Hợp, là chỗ Tông – Nhân - Du hợp thành, như cái lọ có tính được tạo tác, lọ là vô thường, tiếng có tính được tạo tác, tiếng cũng vô thường. Đây gọi là phương pháp năm chi (phần): Tông, Nhân, Du, Hợp, Kết.

27 Luận giáo = luận tông: giáo nghĩa, tông chỉ của luận thuyết.

28 Chẳng hạn như lập luận thức: Tông: Âm thanh là vô thường. Nhân: Vì do sự nỗ lực không ngừng phát ra. Đồng dụ: Phàm những cái do sự nỗ lực không ngừng phát ra đều vô thường, ví như cái lọ.

29 Như lá cây có màu xanh lục, màu xanh lục là tự thể. Có người mặc áo màu xanh lục, so sánh thấy tương tự như màu xanh lục của lá cây. Đó là tương tự màu sắc.



ngã³⁰, pháp vô ngã với pháp sinh, pháp sinh với pháp lão, pháp lão với pháp tử. Cũng vậy, hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi, đại loại như vậy có vô lượng pháp môn sai biệt tương tự lẫn nhau.

Nhân quả tương tự: Tự thể có nhân, có quả, có năng thành, có sở thành, triển chuyển tương tự.

Tất cả gọi là đồng loại.

[532a08] (5) *Dị loại*: Các pháp tùy nghĩa khác nhau nên không tương tự với nhau. Dị loại cũng có bốn thứ, trái ngược với đồng loại.

[532a10] (6) *Hiện lượng*: Có ba điều kiện: 1. Chẳng phải không hiện thấy; 2. Chẳng phải tư duy thành ấn tượng; 3. Chẳng phải ấn tượng thác loạn được thấy.³¹

[532a12] 1. *Chẳng phải không hiện thấy*: Các căn không hư hoại khi tác ý hiện tiền, có bốn yếu tố: đồng loại sinh, dị loại sinh³², không chướng ngại và không quá xa.

(a) *Đồng loại sinh*: Các căn ở Dục giới³³ đối với các cảnh ở Dục giới, các căn ở thượng địa đối với các cảnh ở thượng địa mà đã sinh, đã đồng thời sinh, hoặc sinh, hoặc khởi³⁴, gọi là đồng loại sinh.

30 Trung bộ kinh, Tiểu kinh giáo giới La-hầu-la, số 147: “Rồi Thế Tôn đi sâu vào rừng Andhavana và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn dưới một gốc cây. Tôn giả Rahula đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rahula đang ngồi một bên: - Này Rahula, Ông nghĩ thế nào? Con mắt là thường hay vô thường? - Bạch Thế Tôn, là vô thường. - Cái gì vô thường là khổ hay lạc? - Bạch Thế Tôn, là khổ. - Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chẳng khi quán cái ấy: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi?’ Thưa không vậy, bạch Thế Tôn. (vô ngã)” (HT. Thích Minh Châu dịch)

31 Ví như con mắt thấy cảnh vật, mắt thấy là thấy hình sắc, là hiện lượng, còn sau đó có cái thấy theo ấn tượng ghét ưa của ý thức, là tỷ lượng.

32 Du-già sư địa luận dùng chữ tương tự sinh và siêu việt sinh thay vì đồng loại sinh và dị loại sinh.

33 Chánh văn là dục triển 欲纏, sự trói buộc của tham dục, chỉ cho Dục giới.

34 Dĩ sinh dĩ đẳng sinh, nhược sinh nhược khởi 已生已等生, 若生若起: Có 2 cách giải thích: 1. Quá khứ là dĩ sinh (đã sinh), cũng gọi là nhược sinh (hoặc sinh); hiện tại là dĩ đẳng sinh (đã đồng thời



(b) *Dị loại sinh*: Các căn ở thượng địa đối với các cảnh ở hạ địa mà đã sinh, đã đồng thời sinh, hoặc sinh, hoặc khởi, gọi là dị loại sinh.

(c) *Không chướng ngại*: Có bốn thứ: i. Chẳng phải che lấp làm chướng ngại; ii. Chẳng phải ẩn giấu làm chướng ngại; iii. Chẳng phải ánh sáng làm chướng ngại; iv. Chẳng phải mê hoặc làm chướng ngại.

Chẳng phải che lấp làm chướng ngại: Bị ngăn che bởi sự tối tăm, không có ánh sáng hay màu sắc không trong sạch.

Chẳng phải ẩn giấu làm chướng ngại: Bị ngăn che bởi sức cở thuốc³⁵, sức chú thuật, sức thần thông.

Chẳng phải ánh đoạt làm chướng ngại: (i) Vật nhỏ ít bị vật lớn nhiều che khuất không thể thấy được; tác dụng của thuốc độc trong đồ ăn uống [khiến không thể thấy được]; lỗ chân lông tóc bị vật thô khác che lấp; đại loại như vậy, vô lượng vô biên. (ii) Ánh sáng yếu bị ánh sáng mạnh phủ lấp nên không thể thấy được, như ánh sáng mặt trời hắt chiếu tinh tú, mặt trăng v.v... (iii) Năng trị ánh đoạt³⁶ sở trị làm cho không thể thủ đắc, như quán bất tịnh lần đoạt tướng tịnh; quán vô thường, khổ, vô ngã lần đoạt tướng thường, lạc, ngã; quán vô tướng có sức mạnh lần đoạt các [hữu] tướng.

Chẳng phải mê hoặc làm chướng ngại: Huyền hóa được tạo³⁷,

sinh), cũng gọi là nhược khởi (hoặc khởi); 2. Quá khứ là dĩ sinh, hiện tại là dĩ đẳng sinh, tương lai là nhược sinh nhược khởi.

35 Như cây anh túc (thuốc phiện), xương rồng, lá trầu, nấm ma thuật, bồ đề (marijuana), v.v... là những loại cây cỏ được chiết xuất hay sử dụng mà gây ra ảo giác, hưng phấn.

36 Ánh đoạt 映奪: rực rỡ làm hoa mắt, chao đảo, khuynh động, chiếm lĩnh, lấn át.

37 Huyền hóa là như không gian nổi lên hoa đóm, do con mắt bị bệnh màng mắt mà thấy có hoa đóm, như sóng năng là những đợt sóng do hơi nóng bốc lên, làm cho con nai phát sanh ảo tưởng là nước, như nhà ảo thuật làm ra trò ảo thuật mà người thích.



tướng mạo sai biệt³⁸, tướng mạo tương tự³⁹, hoặc trong thân tác động làm cho hoa mắt, ảo giác⁴⁰, buồn phiền, say rượu, phóng dật, điên cuồng. Đại loại như vậy gọi là mê hoặc làm chướng ngại.

Nếu không có bốn chướng ngại kể trên gọi là không chướng ngại.

(d) *Không quá xa*: Không phải ba trường hợp quá xa: 1. Xứ sở quá xa; 2. Thời gian quá xa; 3. Suy đoán quá xa.

Như vậy, trên đây gọi chung là không hiện thấy. Do *chẳng phải không hiện thấy* nên gọi là hiện lượng.

[532b06] 2. *Chẳng phải tư duy⁴¹ thành ấn tượng*: Có hai trường hợp: 1. Vừa có thủ liền thành cảnh sở y của thủ; 2. Kiến lập cảnh giới làm cảnh sở y của thủ.

(1) *Vừa có thủ liền thành cảnh sở y của thủ*: Năng tác cảnh [sở duyên] mới có thủ, liền thành sở y của thủ.⁴² Giống như vị lương y cho thuốc người bệnh, [thuốc ấy] sắc hương vị xúc thấy đều đầy đủ, có thể lực lớn, thành thực uy đức. Nên biết thuốc ấy với sắc hương vị xúc, mới thủ [thuốc ấy] liền thành cảnh sở y của thủ: thuốc ấy có thể lực lớn, thành thực uy đức. Nếu chưa lành bệnh thì suy nghĩ cấu thành. Nếu khi lành bệnh thì chẳng cần suy nghĩ [về thuốc]. Đại loại như vậy gọi là vừa có thủ liền thành cảnh sở y của thủ.

(2) *Kiến lập cảnh giới làm cảnh sở y của thủ*: Cảnh có thể là kiến

38 Du-già sư địa luận dùng “sắc tướng thù thắng”. Tướng mạo sai biệt là do ánh sáng mặt trời chói chang nên không nhìn rõ.

39 Tướng mạo tương tự như hai người sinh đôi, người giống người (twin stranger).

40 Hôn mộng 惛夢: lo lắng, mơ màng. Du-già sư địa luận, quyển 1: “Do minh chú, hoặc do cỏ thuốc, hoặc do uy thần mà phát hôn mộng.” (tr. 281a07)

41 Tư cấu 思構 = tư duy, suy nghĩ. Du-già sư địa luận dùng chữ dĩ tư uring tư 已思應思. Dĩ tư (đã nghĩ) là nghĩ về quá khứ, uring tư (phải nghĩ) là nghĩ về tương lai. Cả hai đều không phải hiện lượng.

42 Thủ có 2: 1. Pháp sở thủ; 2. Pháp năng thủ. Pháp sở thủ, như nói: đối cảnh, năng tác cảnh [sở duyên] mới có thủ. Pháp năng thủ, như nói: liền thành sở y của thủ.



lập cảnh giới làm sở y của thủ.⁴³ Như các hành giả Du-già nương tựa tướng, tư duy về địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới. Nếu ở nơi địa giới, nương tựa nó làm cái biết về nước, tức dựa vào địa tướng để kiến lập thủy tướng. Nếu ở nơi địa giới, nương tựa làm cái biết về lửa, cái biết về gió, tức dựa vào địa tướng để kiến lập hỏa tướng, kiến lập phong tướng. Ở đây, địa tướng chính là kiến lập cảnh giới; thủ địa giới chính là kiến lập cảnh giới làm sở y của thủ. Giống như địa tướng, đối với thủy tướng, hỏa tướng, phong tướng, theo chỗ tương ứng nên hiểu như vậy. Đây là kiến lập cảnh giới làm sở y của thủ.

Ở đây, *kiến lập cảnh giới làm sở y của thủ* chẳng phải là tư duy đã thành hay nương tựa tướng để biết.⁴⁴ Các giới địa, thủy, hỏa, phong v.v... nếu cái biết chưa thành thì gọi là tư duy được lập⁴⁵; cái biết nếu thành tựu tức là chẳng phải tư duy, như vậy gọi là *chẳng phải thành lập tư duy*. Do chẳng phải là sự thành lập tư duy, nên gọi là hiện lượng.

[532b25] 3. *Chẳng phải ấn tượng thác loạn được thấy*: Nên biết có năm thứ hay bảy thứ. Năm thứ là chẳng phải năm thứ [ấn tượng] thác loạn được thấy. Năm thứ [ấn tượng] thác loạn: 1. Tướng thác loạn; 2. Số thác loạn; 3. Hình thác loạn; 4. Hiện thác loạn; 5. Nghiệp thác loạn. Bảy thứ là chẳng phải bảy thứ [ấn tượng] thác loạn được thấy. Bảy thứ [ấn tượng] thác loạn tức là năm thứ [ấn tượng] thác loạn ở trên, và với hai thứ [ấn tượng] thác loạn biến hành, hợp

43 Sở thủ tướng của tướng gọi là cảnh. Năng thủ cảnh của tướng gọi là thủ. Các hành giả Du-già, ở trong cảnh giới sở hành tam-ma-địa, do các thứ tướng an lập các tướng (ấn tượng) để làm sở duyên, cho nên các tướng ấy gọi là kiến lập cảnh giới. Cảnh giới ấy làm sở y cho thủ. Nói cách khác, sở thủ ấy là duy thức.

44 Đây chỉ cho sự kiến lập định tâm, cảnh giới của ảnh tượng. Thể của hiện cảnh này là cái tâm năng thủ, được gọi là hiện lượng.

45 Đây chỉ cho tiền phương tiện của tu quán.



lại thành bảy. Hai thứ [ấn tượng] thác loạn là: 1. Tâm thác loạn; 2. Kiến thác loạn.

(1) *Tướng thác loạn*: Chẳng phải tướng kia mà khởi tướng về tướng kia; như con nai khát nước, đối với sóng nắng phát sinh ảo tưởng là nước.

(2) *Số thác loạn*: Đối với số ít sinh khởi tăng thượng mạn số nhiều; như người bị bệnh màng mắt thấy một mặt trăng thành nhiều mặt trăng.

(3) *Hình thác loạn*: Đối với hình sắc khác sinh khởi tăng thượng mạn hình sắc khác; như một đốm lửa được quay quanh, ta sẽ thấy một vòng tròn lửa [liên tục không gián đoạn].⁴⁶

(4) *Hiện thác loạn*: Đối với hiện sắc khác sinh khởi tăng thượng mạn hiện sắc khác; như bệnh ca-mạt-la⁴⁷, nhãn căn bị tổn hoại, đối với vật không phải vàng đều thấy là màu vàng.

(5) *Nghiệp thác loạn*: Đối với vô nghiệp sinh khởi tăng thượng mạn hữu nghiệp; như một người, nắm chặt bàn tay, chạy nhanh tới trước, thấy cây cối chạy lui vùn vụt.

(6) *Tâm thác loạn*: Tâm sinh ưa thích đối với năm nghĩa thác loạn ở trên.

(7) *Kiến thác loạn*: Chấp nhận lãnh thọ, tuyên thuyết rõ ràng,

46 Đại nhật kinh số, quyển 3: "Người cầm đóm lửa quay trong hư không, tạo ra các thứ hình tướng, hoặc vuông hoặc tròn, tam giác, bán nguyệt, lớn nhỏ dài ngắn, tùy ý mình muốn." Một đốm lửa xoay thành vòng lửa, biểu trưng cho giả tướng của các pháp, bởi vì trên thực tế không có vòng lửa, mà chỉ là những đốm lửa nối tiếp nhau làm cho ta có cảm tưởng đó là vòng lửa tròn mà thôi. Áo tưởng này cũng giống như ảo tưởng về một bản chất cố định, thường hằng. Kinh Lăng nghiêm, quyển 3: "Sinh tử, tử sinh, sinh sinh tử tử như vòng lửa quay, không có ngưng nghỉ." (No. 945, tr. 117b28) Ma ha chỉ quán, quyển 6: "Vì những kiếp chấp ấy, tạo các kết nghiệp, đọa lạc ba đường, chìm đắm không dứt, như vòng lửa quay, nếu muốn chặn lại, phải nên dừng tay." (No. 1911, tr. 76a25)

47 Ca-mạt-la 迦末羅: (S: Kāmalā): Hay ca-ma-la 迦摩羅, là bệnh vàng mắt. Người mắc bệnh này, bị hư con mắt, thấy tất cả màu sắc đều là màu vàng, bệnh này rất khó chữa.



an lập quý trọng, vọng tưởng chấp chặc đối với năm nghĩa thác loạn ở trên.

Nếu chẳng phải những [ấn tượng] thác loạn được thấy như vậy, gọi là hiện lượng.

[532c13] Hỏi: Hiện lượng như vậy gồm có những gì?

Đáp: Lược nói có bốn thứ: 1. Sắc căn hiện lượng; 2. Ý thọ hiện lượng; 3. Thế gian hiện lượng; 4. Thanh tịnh hiện lượng.

Sắc căn hiện lượng: Là sắc tướng và cảnh giới sở hành của năm căn, như trước đã nói về thể tướng của hiện lượng⁴⁸.

Ý thọ hiện lượng: Là các cảnh giới sở hành của ý căn⁴⁹, như trước đã nói về thể tướng của hiện lượng⁵⁰.

Thế giới hiện lượng: Hai hiện lượng ở trên gọi chung là thế giới hiện lượng⁵¹.

Thanh tịnh hiện lượng: (1) Thế gian hiện lượng cũng được gọi là thanh tịnh hiện lượng. (2) Một khi có thanh tịnh hiện lượng thì chẳng có thế gian hiện lượng, nghĩa là trí xuất thế đối với cảnh sở hành⁵²: có biết là có, không có biết là không có, hữu thượng biết hữu thượng, vô thượng biết vô thượng; trí ấy không chung với [trí thức] thế tục nên gọi là thanh tịnh hiện lượng.

48 Tướng là hiện tượng, là sắc. Thể là bản thể, là thức. Sắc và thức này là khách thể và chủ thể mà từ đó có ra mọi thác loạn. Như trước đã nói là "Các căn không hư hoại khi tác ý hiện tiền, có bốn yếu tố: đồng loại sinh, dị loại sinh, không chướng ngại và không quá xa."

49 Ý căn: Trong 18 giới, tức 6 căn, 6 cảnh và 6 thức, thì ý là ý căn trong 6 căn. Năm thức có 5 căn làm câu hữu y, ý thức cũng có ý căn (ý ô nhiễm, chỉ cho thức mặt-na) làm câu hữu y.

50 Tác ý hiện tiền, kiến lập cảnh giới làm cảnh sở y của thủ, và không có 2 thứ thác loạn là tâm và kiến.

51 Thế giới là thế giới chúng sinh cư trú. Thế giới hiện lượng là thế giới được nhìn thấy bằng sắc căn hiện lượng và ý thọ hiện lượng.

52 Trí xuất thế lấy an lập để làm cảnh sở hành, tức lấy Thánh để về khổ mà Như lai nói để kiến lập trí ấy.



[532c23] (7) *Tỷ lượng*: Là cảnh giới của suy đặc câu hữu với tư trạch⁵³. Tỷ lượng có năm thứ: 1. Tướng; 2. Thể; 3. Nghiệp; 4. Pháp; 5. Nhân quả.

[532c25] 1. *Tướng tỷ lượng*: Tùy theo tướng trạng có sự liên tục, hoặc cảnh giới kể đặc ở hiện tại và trước đó nhìn thấy, như là: (1) Thấy màn che đoán biết có xe; (2) thấy khói đoán biết có lửa; cũng vậy, (3) lấy nhà vua suy ra đất nước; (4) lấy chồng suy ra vợ; (5) lấy bò rừng suy ra con bò; (6) lấy thân hình mềm mại, tóc đen, nhanh nhẹn, sắc đẹp, suy biết là trẻ trung; (7) lấy da nhăn, tóc bạc v.v..., suy biết là già nua; (8) lấy sự nắm giữ tự tướng [của một người] mà biết người đạo, biết kẻ tục; (9) lấy sự vui thích gặp Thánh giả, vui thích nghe chánh pháp, viễn ly kiêu mạn, biết là người chánh tín; (10) lấy sự khéo nghĩ cái được nghĩ, khéo nói cái được nói, khéo làm cái được làm⁵⁴ thì biết là bậc thông tuệ; (11) lấy sự từ bi, ái ngữ, dũng mãnh, vui thí, khéo léo giải thích nghĩa lý mật ý sâu xa thì biết là Bồ-tát⁵⁵; (12) lấy sự dao động, nông nổi, vui chơi, ca hát, cười giỡn v.v... thì biết là người chưa ly dục; (13) lấy các uy nghi, thường trú tịch tĩnh thì biết là vị ly dục; (14) lấy sự đầy đủ tướng hảo Như lai, trí tuệ, tịch tĩnh, thắng hạnh, biện tài, [thần thông], thì biết là đức Như lai Ứng chánh đẳng giác, đầy đủ Nhất thiết trí; (15) thấy cậu thiếu niên kia tướng mạo như vậy thì đoán biết khi tuổi già chuyện gì xảy ra. Đại loại như vậy gọi là tướng tỷ lượng.

53 Suy đặc là khảo sát, xem xét. Tư trạch là suy nghĩ lựa chọn, quyết định.

54 Khéo nghĩ... được làm: là cả 3 nghiệp đều tùy thuận tuệ giác.

55 Theo Du-già sư địa luận, quyển 47, một vị Bồ-tát phải có 5 sắc thái: 1. Ai mẫn; 2. Ái ngữ; 3. Dũng mãnh; 4. Duối tay huệ thí; 5. Khả năng hiểu biết nghĩa lý mật ý sâu xa. Hiểu biết nghĩa lý mật ý sâu xa là biết về (1) tánh không tương ứng tánh duyên khởi, (2) thiện xảo hủy phạm và thiện xảo hoàn tịnh của giới luật, (3) nơi luận tạng, thi thiết kiến lập pháp tướng không đảo ngược, (4) khả năng hiển bày và phá bỏ một cách chính xác những tướng nghĩa khó hiểu về các pháp, (5) giải thích pháp nghĩa của tất cả các pháp qua danh từ và phẩm loại sai biệt. (tr. 549b20~550a18)



2. *Thể tỷ lượng*: Do hiện thấy đặc tánh của tự thể này rồi so sánh với vật thể khác mà không thấy nơi hiện tại, hoặc hiện thấy một phần tự thể rồi so sánh với những phần khác. Như lấy sự hiện tại so sánh với sự quá khứ, hoặc lấy sự quá khứ so sánh với sự vị lai, hoặc lấy sự gần ở hiện tại so sánh với sự xa ở hiện tại. Lại nữa, như các sự ăn mặc, trang sức, đồ dùng, xe cộ v.v... xem thấy một phần sự được mắt của chúng mà so sánh biết tất cả sự. Lại nữa, lấy một phần thành thực này để so sánh những phần thành thực khác. Những sự đại loại như vậy gọi là thể tỷ lượng.

[533a15] 3. *Nghiệp tỷ lượng*: Là lấy tác dụng để đoán biết sở y của nghiệp.⁵⁶ (1) Như thấy một vật ở xa không có lay động, chim chóc đậu trên đó, những sự như vậy, đoán biết là có cái cây trụ lá; nếu có những sự lay động đoán biết là người. (2) Nếu thấy dấu chân to rộng đoán biết là con voi; thân trườn đi trên đất đoán biết là con rắn; nghe tiếng hí đoán biết là con ngựa; nghe tiếng gào rống đoán biết là sư tử; nghe tiếng gầm thét đoán biết là trâu chúa. (3) Thấy so với mắt, nghe so với tai, ngửi so với mũi, nếm so với lưỡi, xúc chạm so với thân, nhận biết so với ý. (4) Dùng gậy tìm nước, gậy bị ngăn ngại đoán biết là đất. Nếu thấy chỗ này cây cỏ tốt tươi, cành lá xanh biếc, đoán biết có nước. Nếu thấy tro nóng, đoán biết có lửa. Nếu thấy cây cối lay động, đoán biết có gió. (5) Nếu thấy người mắt nhắm, cầm gậy, té ngã, lạc đường v.v... đoán biết là người mù; thấy người nói lớn tiếng, nghiêng tai, đoán biết là người điếc. (6) Lấy nghiệp đã tạo tác để đoán biết về vị chánh tín, bậc thông tuệ, Bồ-tát, người chưa ly dục, vị ly dục, đức Như lai, đã biết ở trên.

56 Nghiệp là sở y. Tác dụng là năng y. Năng y và sở y hệ thuộc lẫn nhau. Nghiệp là tác dụng, nên thường dùng chữ nghiệp dụng chỉ cho chức năng, hoạt dụng, hoạt động của nghiệp.



[533a27] 4. *Pháp tỷ lượng*: Đối với tất cả pháp tương liên, tương thuộc, lấy một pháp để so sánh với những pháp khác. (1) Những gì thuộc vô thường thì biết có khổ; những gì thuộc khổ thì biết là không, vô ngã. (2) Những gì thuộc sinh thì biết có già; những gì thuộc già thì biết có chết. (3) Những gì thuộc hữu sắc, hữu kiến, hữu ngại thì biết có xứ sở và có hình chất. (4) Những gì thuộc hữu lậu thì biết có khổ; những gì thuộc vô lậu thì biết không khổ. (5) Những gì thuộc hữu vi thì biết là pháp sinh, trụ, dị, diệt; những gì thuộc vô vi thì biết là pháp vô sinh, vô trụ, vô dị, vô diệt.

Đại loại như vậy gọi là pháp tỷ lượng.

[533b05] 5. *Nhân quả tỷ lượng*: Là lấy nhân và quả [triển chuyển] so sánh với nhau. (1) Như thấy một vật di chuyển thì biết có chỗ đến; thấy có chỗ đến thì biết trước có di chuyển. (2) Nếu thấy một người thờ vua như pháp thì biết người ấy sẽ được tài lộc, địa vị rộng lớn; thấy tài lộc, địa vị rộng lớn thì biết người ấy trước đó thờ vua như pháp. (3) Nếu thấy có người đầy đủ tâm lành mà tác nghiệp thì biết người ấy chắc chắn sẽ được giàu có lớn; thấy giàu có lớn thì biết người ấy trước đó đã đầy đủ tâm lành mà tác nghiệp. (4) Thấy người tu tập thiện hạnh hay ác hạnh thì biết sẽ hưng hay suy; thấy có sự hưng suy thì biết trước có tu tập thiện hạnh, ác hạnh. (5) Nếu thấy đồ ăn, thức uống dồi dào thì biết no đủ; thấy có no đủ thì biết đồ ăn, thức uống dồi dào. (6) Nếu thấy có người ăn uống không ngon miệng thì biết có bệnh; nếu thấy có bệnh thì biết ăn uống không ngon miệng. (7) Thấy có tĩnh lự thì biết có sự ly dục; thấy vị ly dục thì biết có tĩnh lự. (8) Nếu thấy tu tập đạo để⁵⁷ thì biết sẽ được bốn quả sa-môn⁵⁸; nếu thấy có người được

57 Tu đạo = tu tập 37 bồ-đề phần pháp.

58 Bốn quả sa-môn: *Tu-đà-hoàn*, *Tu-đà-hàm*, *A-na-hàm* và *A-la-hán*. *Kinh Trường bộ*, *kinh Sa-*



bốn quả sa-môn thì biết có tu tập đạo để. Nên biết, đại loại như vậy gọi là nhân quả tỷ lệ.

Như vậy gọi chung là tỷ lệ.

[533b17] (8) *Chí giáo lượng*:⁵⁹ Là tất cả ngôn giáo được thiết lập bởi bậc Nhất thiết trí, nghe pháp từ bậc ấy, tùy thuận pháp mà thực hành. Chí giáo lượng có ba: 1. Nhiếp vào Thánh ngôn; 2. Đối trị tạp nhiễm; 3. Không trái pháp tướng.

[533b20] 1. *Nhiếp vào Thánh ngôn*: Là những kinh giáo được thuyết bởi đức Như lai và các Thánh đệ tử, được triển chuyển lưu bố từ xưa đến nay, không đi ngược chánh pháp, không đi ngược chánh nghĩa.

[533b22] 2. *Đối trị tạp nhiễm*: Là khi y theo pháp ấy mà khéo tu tập thì có thể vĩnh viễn điều phục được hết thủy phiền não và tùy phiền não, như tham, sân, si v.v...

[533b24] 3. *Không trái pháp tướng*: Là không trái ngược với tướng của các pháp, nên gọi là không trái pháp tướng. Thế nào là trái pháp tướng? (1) Nếu đối với pháp vô tướng⁶⁰ mà thêm lên thành pháp hữu tướng, như chấp trước có ngã, hữu tình, mạng giả, sinh giả v.v...⁶¹, hoặc có thường, hoặc có đoạn, hữu sắc vô sắc, ... đại loại các pháp như vậy. (2) Hoặc đối với pháp hữu tướng mà giảm đi thành pháp vô

môn quả, số 2, nói về hạnh sa-môn gồm có: gìn giữ giới đức, uy nghi đầy đủ, luôn luôn chánh niệm tỉnh giác, chế ngự các căn, sống tri túc, xả ly 5 triền cái (tham dục, sân hận, thùy miên, trạo cử, nghi ngờ) bằng cách tu tập 4 tĩnh lự, hướng tâm đến chánh trí, chứng các thân thông và đạt giải thoát.

59 Chánh văn là chí giáo 至教. Du-già sư địa luận dùng chánh giáo lượng, cũng gọi là Thánh giáo lượng.

60 Pháp vô tướng: vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sinh tướng, vô thọ giả tướng v.v...

61 Xem chú thích về 16 tri kiến十六知見, hoặc 16 thần ngã十六神我, chỉ cho 16 kiến chấp đối với pháp 5 ấm. (Hiển dương, quyển 5, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 1)



tướng.⁶² (3) Hoặc đối với pháp quyết định mà lập làm pháp bất định, như (a) “*tất cả hành đều là vô thường, tất cả pháp hữu lậu đều là khổ, tất cả các pháp đều là vô ngã*” mà kiến lập một cách sai lầm: một phần là thường, một phần là vô thường⁶³, một phần là khổ, một phần là phi khổ⁶⁴, một phần là hữu ngã, một phần là vô ngã⁶⁵. (b) Cũng vậy, đức Phật không trả lời những pháp không thể xác định⁶⁶, đối với những pháp ấy mà vẫn một mực xác định, hay tìm câu [câu trả lời] cho là an lập sự xác định. (4) Hoặc đối với pháp bất định mà lập làm pháp cố định, như chấp “*tất cả lạc thọ đều có tham tùy miên; tất cả khổ thọ đều có sân tùy miên; tất cả bất khổ bất lạc thọ đều có si tùy miên,*”⁶⁷

62 Hữu tướng chỉ cho tánh y tha của các pháp (= các pháp hữu vi, do chúng tử nơi a lại da nhờ các trợ duyên mà hiện hành) ở đâu và lúc nào cũng có (dù là giả có), bởi lẽ y tha mà không có thì không có gì nữa: tánh y tha mà không có thì tánh chân thật cũng không có; tánh y tha mà không có thì không có duyên khởi, không có thiện ác nhân quả, không có tu tập Thánh đạo và bốn quả sa-môn. Đây là quan điểm của những vị ác thủ không, chấp tất cả pháp đều vô tự tánh, phủ định hai đế chân tục, đối với tướng tạp nhiễm và tướng thanh tịnh có cái lỗi tổn giảm.

63 Một phần Thường trú luận, một phần Vô thường luận, chấp bản ngã và thế giới là thường còn với một hạng hữu tình, và vô thường đối với một hạng hữu tình khác. Xem kinh Phạm võng, kinh Trường bộ, hoặc Phạm động, Trường A-hàm.

64 Tất cả pháp hữu lậu đều là khổ, cho nên khổ thọ, lạc thọ hay bất khổ bất lạc thọ cũng đều là khổ. Kể cả khi tu tập chỉ quán, hiện pháp lạc trú vẫn còn khổ, chỉ khi nào vĩnh đoạn phiền não mới hết khổ. Khổ bao gồm khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.

65 Tất cả các pháp đều là vô ngã, nhưng lại chấp ngã là hữu sắc, ngã là vô sắc, ngã là thân, vô ngã là ngoại cảnh v.v...

66 Những pháp không thể xác định, thuật ngữ Phật giáo gọi là thập tứ vô ký 十四無記, cũng gọi là thập tứ bất khả ký 十四不可記, thập tứ nạn 十四難, chỉ cho 14 ý kiến điên đảo mà ngoại đạo gạn hỏi nhưng không được đức Phật giải đáp, đây là Xả trí ký vấn 捨置記問 (gác lại không trả lời) trong bốn ký vấn của Phật [Bốn trường hợp trả lời câu hỏi: nhất hướng 一向 (đáp thẳng), phân biệt 分別 (đáp rành rẽ), cật vấn 詰問 (đáp bằng cách vấn nạn lại), xả trí 捨置 (đáp bằng cách gác lại)]. Mười bốn ý kiến ấy là: 1. Thế gian là thường? 2. Thế gian là vô thường? 3. Thế gian cũng thường cũng vô thường? 4. Thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường? 5. Thế gian có biên giới? 6. Thế gian không có biên giới? 7. Thế gian cũng có biên giới cũng không có biên giới? 8. Thế gian chẳng phải có biên giới chẳng phải không có biên giới? 9. Sau khi chết, Như lai tồn tại? 10. Sau khi chết, Như lai không tồn tại? 11. Sau khi chết, Như lai cũng tồn tại cũng chẳng phải tồn tại? 12. Sau khi chết, Như lai chẳng phải tồn tại chẳng phải chẳng tồn tại? 13. Mạng (tinh thần) và thân (vật chất) là một? 14. Mạng và thân là khác?

67 Kinh Trung bộ, số 148, kinh Sáu sáu, đức Phật lấy ví dụ con mắt (nội xứ) duyên với các sắc (ngoại xứ), khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba pháp này là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Vì ấy do cảm giác lạc thọ, khởi lên hoan hỷ tán thân, lạc ấy xâm nhập tâm và an trú. Do vậy tham tùy miên của vị ấy tăng. Vì ấy cảm giác khổ thọ, sầu muộn, than van, than khóc,



tất cả khổ lạc đều là hữu lậu”, suy nghĩ xong rồi, tạo tác các nghiệp, [một mực xác quyết] chỉ có nhận chịu quả báo khổ đau. Đại loại [các chấp] như vậy. (5) Đối với pháp hữu tướng: tướng không sai biệt kiến lập sai biệt, tướng có sai biệt kiến lập không sai biệt, như (a) dựa vào tướng sai biệt của pháp hữu vi, nơi pháp vô vi cũng kiến lập sai biệt; (b) dựa vào tướng vô sai biệt của pháp vô vi, nơi pháp hữu vi cũng kiến lập không có sai biệt. Giống như hữu vi vô vi, đối với hữu sắc vô sắc, hữu kiến vô kiến, hữu đối vô đối, hữu lậu vô lậu v.v... theo chỗ tương ứng đều nên biết rõ. (6) Lại đối với hữu tướng thiết lập hành tướng của nhân quả mà không đúng chánh lý, như lập các diệu hành cảm quả không khả ái, lập các ác hành cảm quả khả ái. (7) Chấp trước pháp luật được thuyết một cách tệ hại, tu tập các ác hành thì được thanh tịnh, và chấp trước pháp luật được Phật thuyết một cách khéo léo, tu hành các chánh hành thì không được thanh tịnh. Lại nữa, đối với pháp tạp nhiễm lập làm thanh tịnh, đối với pháp thanh tịnh lập làm tạp nhiễm. (8) Đối với tướng bất chân thật, mượn ngôn thuyết để lập làm chân thật; đối với tướng chân thật, mượn ngôn thuyết để lập làm bất chân thật; như

đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Sân tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không như thật tuệ tri sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm, và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy. Do vậy vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Chính vì do không đoạn tận tham tùy miên, đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ. Không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chầm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra. Tiến trình tương tự như vậy sẽ xảy ra đối với năm căn và năm trần còn lại, tức là tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và các pháp. Trong Tiểu kinh Phương quảng, số 44, Tỷ-kheo-ni Dhammadinna trả lời cho cư sĩ Visakha: “– Thưa Ni sư, trong lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong khổ thọ, có tùy miên gì tồn tại; trong bất khổ bất lạc thọ, có tùy miên gì tồn tại?
– Hiền giả Visakha, trong lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; trong khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại?
– Thưa Ni sư, có phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại?
– Hiền giả Visakha, không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả khổ thọ, sân tùy miên tồn tại; không phải trong tất cả bất khổ bất lạc thọ, vô minh tùy miên tồn tại.” Nói theo sự tăng trưởng thì “trong lạc thọ, tham tùy miên tồn tại”, nhưng nói theo sự chung thông thì trong lạc thọ có cả tham tùy miên, sân tùy miên và si tùy miên, cho nên kinh nói “không phải trong tất cả lạc thọ, tham tùy miên tồn tại.”



đối với pháp vĩnh ly ngôn thuyết⁶⁸, dùng ngôn từ hý luận để kiến lập thắng nghĩa.

Các trường hợp như vậy gọi là trái pháp tướng. Ngược với sự trái pháp tướng này gọi là không trái pháp tướng, tức là chí giáo lượng.

[533c21] Hỏi: Nếu tự tướng của tất cả pháp thành tựu tự nghĩa sai biệt, tức pháp tánh⁶⁹ kiến lập, vì lý do gì còn lập hai nghĩa của sở thành lập⁷⁰?

Đáp: Vì muốn cho người sinh tín giải, chẳng phải vì sinh thành tánh tướng của các pháp.

Hỏi: Vì muốn thành tựu nghĩa của sở thành lập, vì sao trước nhất nói lập tông?

Đáp: Vì trước nhất hiển thị tông nghĩa mà tự mình ưa thích.

Hỏi: Vì sao tiếp theo là biện nhân?

Đáp: Vì muốn mở bày đạo lý quyết định dựa vào pháp hiện thấy, tức là không từ bỏ tông nghĩa được lập ra.

Hỏi: Vì sao tiếp theo là dẫn dụ?

Đáp: Vì muốn hiển hiện đạo lý năng thành làm sở y chỉ cho pháp hiện thấy.

68 Chỉ chân như vô ngã, bình đẳng, vô phân biệt.

69 Chánh văn là pháp nhĩ, chỉ cho pháp tánh. Pháp nhĩ: các pháp là thế đó, tức nói các pháp thường đồng thường biệt (thường duy nhất mà thường sai biệt). Như nói, tâm thể thì duy nhất nhưng tâm dụng có sai biệt. Tạp A-hàm, kinh Na-lê-ca, số 822: “Phật bảo các Tỷ-kheo: ‘Các ông theo người này qua đời, người kia qua đời mà hỏi, thì thật là phiền nhọc. Chẳng phải là điều Như Lai muốn đáp. Phạm có sanh thì có tử, có gì là lạ! Dù Như Lai có ra đời hay chẳng ra đời, thì pháp tánh vẫn thường trụ, điều đó Như Lai tự chứng tri, thành Đẳng Chánh Giác, hiển bày, diễn nói, phân biệt, chỉ dạy, rằng: Cái này có nên cái kia có; cái này khởi nên cái kia khởi; vì duyên vô minh nên có hành,... cho đến vì duyên sanh nên có già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não và khổ ảm tích tập như vậy. Vô minh diệt thì hành diệt,... cho đến sanh diệt thì già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não diệt và khổ ảm bị diệt như vậy.’” (Thích Đức Thắng dịch)

70 Hai nghĩa: Tự tánh của sở thành lập và sai biệt của sở thành lập.



Hỏi: Vì sao nói đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng, chí giáo lượng ở sau cùng?

Đáp: Vì muốn khai thị nhân và dụ qua hai thứ trí: tương vi và bất tương vi⁷¹. Tương vi có hai lý do: 1. Do không quyết định⁷²; 2. Do sở thành lập giống nhau⁷³. Bất tương vi cũng có hai lý do: 1. Do quyết định⁷⁴; 2. Do sở thành lập khác nhau⁷⁵. Ở đây, tương vi làm cho nghĩa của tông được thành lập, nó không thể làm lượng⁷⁶, cho nên không gọi là lượng; bất tương vi làm cho nghĩa của tông được thành lập, nó có thể làm chánh lượng, cho nên gọi là lượng.

71 Tương vi và bất tương vi: trái nghịch và không trái nghịch. Tương vi nhân (nghịch duyên) có thể làm trái nghịch các sự sinh, trụ, thành, đắc. Bất tương vi nhân (thuận duyên) không làm trái nghịch các sự sinh, trụ, thành, đắc. Tương vi là dị loại, bất tương vi là đồng loại. Nhân, dụ đều có hiện lượng, tỷ lượng v.v... tương vi và bất tương vi, theo đó mà có chân thật và tương tự.

72 Theo Nhân minh nhập chánh lý luận sơ 因明入正理論疏, No. 1840, tr. 97c26, không quyết định là căn cứ nhân đối với đồng dụ hay dị dụ, ngang qua lục bất định quá 六不定過, sáu lỗi của người lập luận làm cho nghĩa của tông không được xác định: 1. Cộng bất định: Nhân (lý do) có quan hệ toàn phần với tông đồng phẩm và tông dị phẩm; lẽ ra nhân phải không có dị phẩm mới đúng, vì thế là lỗi; 2. Bất cộng bất định: Nhân không có quan hệ toàn phần với tông đồng phẩm và tông dị phẩm; lẽ ra nhân phải có quan hệ với tông đồng phẩm mới đúng, vì thế là lỗi; 3. Đồng phẩm nhất phần chuyển, dị phẩm biến chuyển bất định: Nhân có quan hệ một phần với tông đồng phẩm và quan hệ toàn phần với tông dị phẩm; lỗi này cũng như lỗi thứ nhất; 4. Dị phẩm nhất phần chuyển, đồng phẩm biến chuyển bất định: Nhân có quan hệ một phần với dị phẩm và quan hệ toàn phần với đồng phẩm; lẽ ra phải tuyệt đối không có quan hệ với dị phẩm mới đúng, nên là lỗi; 5. Câu phẩm nhất phần chuyển bất định: Nhân có một phần quan hệ với tông đồng phẩm và tông dị phẩm; cũng giống như lỗi trên; 6. Tương vi pháp định bất định: Lỗi này do tông (mệnh đề) của người lập luận và người vấn nạn tuy trái ngược nhau, nhưng nhân của mỗi bên đều có đủ 3 tướng (3 điều kiện) nên hai bên không thể quyết định được đúng hay sai.

73 Nhân minh nhập chánh lý luận sơ, No. 1840: "Sở thành lập giống nhau, là do 4 lỗi bất thành và 4 lỗi tương vi. Lỗi của nhân đối với tông gọi là bất thành. Đối với đồng dụ và dị dụ, chỉ một mặt tương phần gọi là tương vi. Vốn lập ra cộng nhân, mục đích là thành lập quả của tông. Nhân đã mang tánh chất tương tự, lý càng phải thành. Nếu thành lập được lý thì so với tông không có gì khác biệt, gọi là sở thành giống nhau." (tr. 97c28~98a02) Bốn lỗi bất thành là: 1. Sở y bất thành; 2. Do dự bất thành; 3. Tùy nhất bất thành; 4. Lưỡng câu bất thành. Bốn lỗi tương vi là: 1. Pháp tự tướng tương vi; 2. Pháp sai biệt tương vi; 3. Hữu pháp tự tướng tương vi; 4. Hữu pháp sai biệt tương vi.

74 Quyết định thành lập tông vì có nhân chân thật, dụ chân thật.

75 Vì có nhân chân thật, dụ chân thật, không có lỗi nào, thể năng thành lập, cho nên có sở thành lập khác nhau.

76 Vì là tương tự nhân, tương tự dụ, tương tự hiện lượng, tương tự tỷ lượng v.v... nên không thể làm lượng (: tìm hiểu, tìm biết).



Trên đây là luận sở y.

[534a07] 4. **Luận trang nghiêm**: Có năm thứ, nên biết: 1. Khéo biết tông mình và người; 2. Ngôn ngữ tròn đầy; 3. Không sợ; 4. Nghiêm túc; 5. Ứng cúng.

(1) *Khéo biết tông mình và người*: Như có một người có tâm ưa thích sâu xa đối với chánh pháp và tỳ-nại-da, tức là đối với *luận tông bản*⁷⁷ của mình, đọc tụng, thọ trì, lắng nghe chính xác, tư duy thuần thực, tu hành, [nghĩa là] đã tốt, đã nói, đã sáng⁷⁸. Lại nữa, đối với pháp và tỳ-nại-da của người, không ưa, không thích; đối với luận tông bản của họ chỉ đọc tụng, thọ trì, lắng nghe chính xác, tư duy thuần thực mà không tu hành, tuy nhiên đã tốt, đã nói, đã sáng. Đó gọi là khéo biết tông mình và người.

[534a14] (2) *Ngôn ngữ tròn đầy*: Như có một người mà âm thanh tròn đầy, không phạm âm thanh. Âm thanh phải có đủ năm đức: 1. Không dung tục; 2. Dễ hiểu; 3. Hùng hồn; 4. Tương ứng; 5. Nghĩa thiện.

Thế nào là *không dung tục*? Là rời xa ngôn từ quê mùa cục mịch của vùng biên địa.

Thế nào là *dễ hiểu*? Là ngôn từ thế gian cùng sử dụng, không phải nói khác đi.

Thế nào là *hùng hồn*? Là dựa vào nghĩa để kiến lập ngôn từ; ngôn từ xảo diệu, hùng tráng làm rõ nghĩa ấy.

Thế nào là *tương ứng*? Là công đức pháp nghĩa ở trước và sau đều thuận hợp với nhau.

77 Luận tông bản = luận tông chỉ.

78 Dĩ thiện dĩ thuyết dĩ minh 已善已說已明: Đã tốt là đọc tụng, thọ trì. Đã nói là lắng nghe, tư duy, vì có lắng nghe và tư duy mới thuyết trình được cho người. Đã sáng là tu hành.



Thế nào là *nghĩa thiện*? Là khả năng dẫn phát lợi ích thế gian và xuất thế gian⁷⁹, không gì đảo ngược.

Lại nữa, âm thanh tương ứng với *luận giả* còn do chín thứ sắc thái sai biệt để ngôn ngữ tròn đầy: 1. Không tạp loạn; 2. Không thô lỗ; 3. Giải rõ; 4. Hạn lượng; 5. Tương ứng với nghĩa; 6. Đúng thời; 7. Quyết định; 8. Hiểu rõ; 9. Liên tục. Những sắc thái này bỏ tức ở trước, gọi là ngôn ngữ tròn đầy.

(3) *Không sợ*: Như có một người đi vào chỗ có đa chúng, dị chúng, đại chúng, thắng chúng, đế chúng, thiện chúng, v.v...⁸⁰ mà tâm không có tự ti, khiếp sợ; thân không run rẩy, toát mồ hôi; mặt không biến sắc, giọng không lắp bắp, lời không yếu đuối. Đại loại như vậy gọi là không sợ.

[534a28] (4) *Nghiêm túc*: Như có một người, tánh không tức giận, mặt không biến đổi, thân không lay động. Đại loại như vậy gọi là nghiêm túc.

[534b01] (5) *Ứng cúng*: Như có một người, tánh thiện dễ mến, tánh không nã người, bình thường luôn sống tốt đẹp, vui vẻ, tùy thuận tâm người mỗi khi nói năng, biết thời điểm, chân thật làm lợi mình người, dẫn ra nghĩa lợi, ngôn từ mềm mỏng như đối người thân, bạn bè. Đó gọi là ứng cúng.

[534b05] Nếu dựa vào năm sắc thái của *luận trang nghiêm* thì

79 Thế gian thiện năng dẫn tăng thượng sinh đạo (sinh thiên). Xuất thế gian thiện năng dẫn quyết định thắng đạo (giải thoát).

80 Đa chúng là chúng đại thí hội (Đại hội cúng dường, bố thí cho tất cả mọi người, từ các vị Sa-môn, Bà-la-môn, hàng ngoại đạo, cho đến kẻ nghèo khó, hèn hạ, cô độc và kẻ ăn xin; thường tổ chức 5 năm một lần và mỗi lần 7 ngày). Dị chúng (tạp chúng) là chúng bát bộ (Trời, Rồng, Dạ-xoa, Cà-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già). Đại chúng là chúng quốc vương, vương tử. Thắng chúng (chấp chúng) là chúng chấp lý (quản lý, chấp sự). Đế chúng là chúng Thánh giả, hiền triết. Thiện chúng là chúng sa-môn, bà-la-môn.



có thể gọi là *luận giả*. Nên biết, lại có hai mươi bảy thứ xưng tán công đức. Những gì là hai mươi bảy? 1. Được mọi người kính trọng; 2. Lời nói được tin nhận; 3. Trong đại chúng truyền thêm sự vô úy; 4. Với tông chỉ của người, biết rõ chỗ lỗi; 5. Với tông chỉ của mình, biết cái đức quyết định; 6. Không có tà chấp, với luận tiếp nhận không nghiêng về tình; 7. Với chánh pháp và tỳ-nại-da của mình, không ai có thể dẫn dắt, lấy mắt; 8. Những gì người nói, mau chóng tỏ ngộ; 9. Những gì người nói, mau chóng lãnh thọ; 10. Những gì người nói, mau chóng giải đáp lý thú; 11. Dùng cái đức trong lời nói để thắng phục đại chúng; 12. Nhân minh luận giả ưa thích tin hiểu; 13. Khéo nói, giải thích ý nghĩa câu chữ; 14. Thân không mệt mỏi; 15. Tâm không mệt mỏi; 16. Nói không ngưng nghỉ, khó khăn; 17. Biện tài không dứt; 18. Thân không khốn khổ; 19. Niệm không quên mất; 20. Tâm không tổn hại; 21. Cổ họng không hư tổn; 22. Những gì nói ra thì rõ ràng dễ hiểu; 23. Khéo giữ tâm mình không cho nổi giận; 24. Khéo thuận tâm người khiến không giận dữ; 25. Đối đãi luận giả, tâm sinh tịnh tín; 26. Hễ làm việc gì không rước oán đối; 27. Danh xưng rộng lớn, tiếng đồn mười phương, người đời đều truyền xưng: “Đại pháp sư này là một trong số các đại sư.”

Như người thọ dục, dùng ngọc báu mặt-ni⁸¹, chân châu, lưu ly v.v..., xen lẫn với những đồ trang sức quý báu như vòng xuyên v.v... để tự trang nghiêm, uy đức rực rỡ, ánh sáng chiếu khắp. Cũng vậy, vị luận giả lấy hai mươi bảy thứ xưng tán công đức, xen lẫn với năm thứ đồ dùng của luận trang nghiêm để tự trang nghiêm, uy đức tràn đầy, ánh sáng chiếu khắp. Cho nên gọi đây là luận trang nghiêm.

81 Mặt-ni 末尼 = ma-ni 摩尼.



[534b26] 5. **Luận đọa phục:** Nên biết có ba thứ: 1. Từ bỏ ngôn luận; 2. Ngôn luận bị khuất phục; 3. Ngôn luận có lầm lỗi.

[534b28] (1) *Từ bỏ ngôn luận:* Người lập luận dùng mười ba câu nói để thừa nhận từ bỏ ngôn luận với người đối luận. Những gì gọi là mười ba câu nói? Người lập luận thừa nhận với người đối luận rằng: (1) “*Luận của tôi không tốt.*” (2) “*Luận của ông thì tốt.*” (3) “*Tôi không khéo quan sát.*” (4) “*Ông thì khéo quan sát.*” (5) “*Luận của tôi vô lý.*” (6) “*Luận của ông hữu lý.*” (7) “*Luận của tôi vô năng.*” (8) “*Luận của ông hữu năng.*” (9) “*Luận của tôi khuất phục.*” (10) “*Luận của ông thành lập.*” (11) “*Biện tài của tôi chỉ có thể đến đây.*” (12) “*Quá đây trở lên, phải khéo tư duy rồi tôi sẽ nói với ông.*” (13) “*Hãy gác việc này lại, tôi không nói nữa.*” Như vậy thầy, mười ba câu nói để thừa nhận từ bỏ ngôn luận với người đối luận. Từ bỏ ngôn luận vì lập luận bị phá vỡ, đối phương đã thắng, chịu khuất phục trước đối phương, rơi vào vị trí phía sau. Cho nên từ bỏ ngôn luận gọi là rơi vào chỗ thất bại⁸².

[534c08] (2) *Ngôn luận bị khuất phục:* Người lập luận bị người đối luận khuất phục. Hoặc mượn việc khác làm phương tiện để thoái lui, hoặc dẫn việc ngoài đề nói, hoặc hiện tức tối, hoặc hiện giận dữ, hoặc hiện cao ngạo, hoặc lộ chỗ che đậy, hoặc hiện não hại, hoặc hiện bất nhẫn, hoặc hiện bất tín, hoặc im lặng, hoặc buồn rầu, hoặc nhún vai cúi mặt, hoặc trầm tư hết lời.

1. Mượn việc khác làm phương tiện để thoái lui: Là từ bỏ những lập luận trước đó để mượn tông chỉ khác, tức từ bỏ nhân, dụ, đồng loại, dị loại, hiện lượng, tỷ lượng và chí giáo lượng ở trước, để mượn nhân khác, dụ khác, cho đến chí giáo lượng khác.

82 Đọa phục xứ 墮負處.



2. Dẫn việc ngoài đề nói: Từ bỏ những việc đang nghị luận để luận về ẩm thực, hoặc luận về vua quan, giặc cướp, đường lớn, những việc càn rỡ, dơ bẩn v.v... tức vay mượn duyên ngoài đề từ bỏ lập luận của mình.

3. Hiện tức tối: Dùng lời thô tục để đuổi người đối luận.

4. Hiện giận dữ: Dùng lời oán giận để trách người đối luận.

5. Hiện cao ngạo: Dùng chũng tộc thấp hèn v.v... để chế giễu người đối luận.

6. Lộ chỗ che đậy: Để lộ ác hành mà người ta muốn che đậy để kích bác người đối luận.

7. Hiện não hại: Dùng lời oán giận tàn nhẫn để mắng người đối luận.

8. Hiện bất nhẫn: Phát ra lời oán giận để dọa nạt người đối luận.

9. Hiện bất tín: Dùng lời hủy hoại giới hạnh để chê bai người đối luận.

10. Im lặng: Ngữ nghiệp ngưng hẳn.

11. Buồn rầu: Ý nghiệp khổ não.

12. Nhún vai cúi mặt: Thân nghiệp uy dũng đột nhiên suy sụp.

13. Trầm tư hết lời: Trí tuệ và biện tài đều bại hoại.

Nên biết, mười ba sự như vậy gọi là nói khuất phục. Hai sự đầu là vọng hành kiêu loạn; bảy sự ở giữa là phát khởi tà hành; bốn sự sau cùng là hoạt động chấp trước chấm dứt. Đó gọi là nói khuất phục rơi vào chỗ thất bại.

[534c28] (3) *Ngôn luận có lầm lỗi:* Người lập luận có chín lỗi, gọi là nói có lầm lỗi. Những gì là chín? 1. Tạp loạn; 2. Thô lỗ; 3.



Không giải rõ; 4. Không hạn lượng; 5. Không tương ứng với nghĩa; 6. Không đúng thời; 7. Không quyết định; 8. Không hiểu rõ; 9. Không liên tục.

Tap loạn: Bỏ việc lập luận, nói xen tạp chuyện khác.

Thô lỗ: Bực tức nông nổi, ngôn từ thô tháo, hấp tấp.

Không giải rõ: Thính chúng và người đối luận không lãnh ngộ được pháp hoặc nghĩa.

Không hạn lượng: Nghĩa được trình bày bằng ngôn từ trùng lập, hoặc bị giảm thiểu.

Không tương ứng với nghĩa: Nên biết có mười thứ: 1. Vô nghĩa; 2. Trái nghĩa; 3. Tồn lý; 4. Cùng với sở thành; 5. Chiêu tập lỗi nạn; 6. Không được nghĩa lợi; 7. Nghĩa không thứ lớp; 8. Nghĩa không quyết định; 9. Năng thành lập đã thành; 10. Thuận các tà ác luận không xứng lý.⁸³

Không đúng thời: Những gì cần nói, trước sau không thứ tự.

Không quyết định: Lập rồi lại hủy, hủy rồi lại lập, mau chóng hoán chuyển khó mà biết được.

Không hiểu rõ: Phạm vào những quy tắc của thanh minh⁸⁴, không

83 Vô nghĩa là không có nghĩa lý. Trái nghĩa là trái chánh đạo lý. Tồn lý là tồn hai đế lý (chân và tục). Cùng với sở thành là nhân và dụ trái nhau, chẳng phải sở thành. Chiêu tập lỗi nạn là tạo điều kiện cho đối phương vận hỏi. Không được nghĩa lợi là trống rỗng, không có tự nghĩa. Nghĩa không thứ lớp là lộn xộn làm cho không rõ ràng. Nghĩa không quyết định là chưa quyết định là đạo lý. Thành lập đã thành là nhân, dục đã thành. Thuận các tà ác luận không xứng lý là chẳng phải nghĩa lý.

84 Thanh Minh 聲明 (S: Zabda-vidyā, âm Hán: Nhiếp-đà-bi-đà) Chỉ cho môn học về văn tự, âm vận và ngữ pháp, 1 trong 5 minh của Ấn độ. Luận Du-già sư địa, quyển 15, chia thanh minh làm 6 hạng mục chủ yếu như sau: 1. Pháp thi thiết kiến lập tướng: Thanh minh là danh, cú, văn thân và lấy những âm thanh tương ứng với 5 đức: Bất bì lậu (không thô bị), khinh dị (hờ hững xem là dễ dàng), hùng lãng (mạnh mẽ, sáng sủa), tương ứng (ứng hợp với nhau) và nghĩa thiện làm thể; 2. Nghĩa thi thiết kiến lập tướng: Tức nghĩa được bao hàm phải rõ ràng. Có 10 nghĩa: Sáu căn, 4 đại chủng, nghiệp, sự tìm cầu, trái pháp, pháp, hưng thịnh, suy tổn, thụ dụng và thủ hộ; cùng 6 nghĩa: Tự tính, nhân, quả, tác dụng, sai biệt tương ứng và chuyển. 3. Bô-đặc-già-la thi thiết kiến lập tướng: Tánh khác nhau của ngôn ngữ, tức giống đực, giống cái, trung tính và sự biến hóa của chuyển thanh; 4.



lãnh hội mà trả lời, hoặc trước là kinh điển ngữ, sau làm thành thể tục ngữ, hay ngược lại đây.

Không liên tục: Vào khoảng giữa, ngôn từ đứt đoạn.

Hễ ngôn luận mà phạm vào chín lỗi này thì gọi là nói có làm lỗi.

[535a14] 6. **Luận xuất ly**: Người lập luận có ba thứ quan sát mà hưng khởi hay phế bỏ ngôn luận. Thế nào là ba thứ xem xét: 1. Quan sát công đức và tội lỗi; 2. Quan sát chúng hội; 3. Quan sát khéo léo và không khéo léo.

[535a17] (1) *Thế nào là quan sát công đức và tội lỗi?* Người lập luận khi muốn lập luận phải quan sát như vậy: “*Tôi lập luận ấy sẽ không hại mình, hại người và hại cả hai chăng? Không sinh tội ở hiện pháp, tội ở hậu pháp và tội ở cả hai chăng? Chớ khởi thân tâm có những ưu khổ chăng? Chớ do đây mà phát sinh sự cầm nắm dao gậy, đấu đá, chửi mắng, tranh tụng, dèm pha, vọng ngữ chăng? Sẽ không sinh trưởng các pháp ác bất thiện chăng? Chẳng phải không lợi ích an lạc cho mình và người chăng? Chẳng phải không lợi ích an lạc cho nhiều chúng sinh chăng? Chẳng phải không thương xót đối với thế gian chăng? Chẳng phải do đây mà chur thiên, loài người không có nghĩa lợi, không có an lạc chăng?*” Người lập luận kia khi quan sát như thế, nếu tự biết rõ rằng, “*Tôi lập luận ấy sẽ làm hại mình,...* cho đến *chur thiên, loài người không có nghĩa lợi, không có an lạc,*” liền tự suy xét, chọn lựa rằng không nên lập luận ấy. Nếu như thật biết rằng, “*Tôi lập luận ấy sẽ không hại mình,...* cho đến *chur thiên, loài người có được nghĩa lợi, có được an lạc,*” liền tự suy xét, chọn lựa rằng nên lập luận ấy. Đó là sắc thái thứ nhất của luận xuất ly.

Thời thi thiết kiến lập tướng: Sự sai khác về thời gian, tức sự biến hóa về quá khứ xa, quá khứ gần, cho đến vị lai xa, vị lai gần; 5. Số thi thiết kiến lập tướng: Sự sai khác về số lượng, tức số đơn, số 2, số nhiều; 6. Xứ sở căn tài thi thiết kiến lập tướng: Pháp nói về cách soạn lời, soạn tụng.



[535b01] (2) *Thế nào là quan sát chúng hội?* Người lập luận cần phải quán sát chúng hội hiện tiền, là có người chấp trước hay không có người chấp trước? Là có bậc hiền chánh hay không có bậc hiền chánh? Là có người khéo hiểu hay không có người khéo hiểu? Khi quán sát như vậy, nếu biết chúng hội chỉ có người chấp trước, không có người không chấp trước; chỉ có người không phải hiền chánh, không có bậc hiền chánh; chỉ có người không khéo hiểu, không có người khéo hiểu; liền tự suy xét, chọn lựa rằng không nên lập luận ấy. Nếu biết chúng hội chỉ có người không chấp trước, không có người chấp trước; chỉ có bậc hiền chánh, không có người không phải hiền chánh; chỉ có người khéo hiểu, không có người không khéo hiểu; liền tự suy xét, chọn lựa rằng nên lập luận ấy. Đó là sắc thái thứ hai của luận xuất ly.

[535b09] (3) *Thế nào là quan sát khéo léo và không khéo léo?* Người lập luận phải tự quan sát khéo léo và không khéo léo: “*Tôi đối với luận thể tánh, luận xứ sở, luận sở y, luận trang nghiêm, luận đọa phụ, luận xuất ly v.v... là khéo léo hay không khéo léo? Tôi có năng lực kiến lập tự luận bẻ gãy được tha luận, khi đối đầu sẽ thất bại hay giải thoát?*” Khi quan sát như vậy, nếu tự biết rõ “*Tôi không khéo léo, chứ chẳng phải khéo léo*”, hiểu rõ “*Tôi không có năng lực, chứ chẳng phải có năng lực*”, liền tự suy xét, chọn lựa rằng không nên lập luận với người đối luận. Nếu tự biết rõ “*Tôi khéo léo, chứ chẳng phải không khéo léo*”, hiểu rõ “*Tôi có năng lực, chứ chẳng phải không có năng lực*”, liền tự suy xét, chọn lựa rằng nên cùng lập luận với người đối luận. Đó là sắc thái thứ ba của luận xuất ly.

[535b17] 7. **Luận đả sở tác pháp:** Đối với chỗ lập luận có nhiều phương pháp để thực hiện, có ba thứ: 1. Khéo biết tông của mình và tông của người; 2. Không sợ hãi; 3. Có biện tài.



Hỏi: Ba phương pháp như vậy, lý do gì nói đối với chỗ lập luận có nhiều phương pháp để thực hiện?

Đáp: Do khéo biết tông của mình và tông của người, nên đối với mọi đề tài đều có khả năng đàm luận. Do không sợ hãi, nên đối với mọi hội chúng đều có khả năng đàm luận. Do có biện tài, nên đối với mọi vấn nạn đều có thể khéo đối đáp. Vì vậy ba phương pháp này gọi là đối với chỗ lập luận có nhiều phương pháp để thực hiện.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Hai

Phẩm Hai

NHIẾP TỊNH NGHĨA (Phần 8)

[535c07] Có nhiều thứ nhiếp thích⁸⁵, như bài chính cú ôn-đà-nam:

Thể: văn, nghĩa; thích: pháp

Khởi, nghĩa, nạn, thứ; sự,

Thuyết chúng, thính, tán Phật:

Lược, quảng; học thắng lợi.⁸⁶ (tụng 10)

[535c10] Luận giải: **Thể:** Là thể tánh của các kinh, lược có hai thứ: 1. Văn; 2. Nghĩa. Nên biết, *văn* là sở y, *nghĩa* là năng y. Hai thứ như vậy gọi chung là *cảnh giới sở tri*.

85 Nhiếp thích là thu nhiếp giải thích những nghi tắc của các kinh, như những gì là 2 thứ thể của các kinh, những gì là 6 thứ văn, những gì là 10 thứ nghĩa. Hiển dương, quyển 12, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8, tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 81; và quyển 13, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 9, tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 82. Quyển 81 và 82 của Du-già sư địa luận thuộc Nhiếp thích phần, giải thích nghi tắc của các kinh.

86 Câu đầu là Thể thích văn nghĩa pháp. Thể là thể tánh của các kinh, có 2: văn và nghĩa. Thích là giải thích, có 5: pháp yếu, đẳng khởi, nghĩa, thích nạn và thứ đệ. Sự là thuyết pháp sự, có 10 pháp phải thành tựu, còn gọi là pháp sự thập đức: 1. Thiện tri pháp nghĩa; 2. Năng quảng tuyên thuyết; 3. Cụ túc vô úy; 4. Ngôn từ thiện xảo; 5. Thiện phương tiện thuyết; 6. Cụ túc thành tựu pháp tùy pháp hành; 7. Uy nghi cụ túc; 8. Dũng mãnh tinh cần; 9. Vô hữu bi quyện; 10. Cụ túc nhãn lục. Thuyết chúng là nơi 5 chúng (tại gia, xuất gia, tịnh tín, tà oán, trung bình) tuyên thuyết bằng 8 loại lời nói. Bắt đầu quyển 13: Thính là an ổn lắng nghe chánh pháp, có 1 nhân (lý do) cho đến 10 nhân. Tán Phật có lược và quảng; lược thì có 5 thứ: 1. Diệu sắc; 2. Tịch tĩnh; 3. Thắng trí; 4. Chánh hành; 5. Uy đức; quảng thì rất nhiều, xem trong luận này. Học thắng lợi là an trú tăng thượng giới học, thấy công đức thù thắng; là trú tỷ-kheo giới vì là giới tối thắng.



[535c13] **Thích:** Nên biết, lược có năm thứ: 1. Pháp; 2. Đẳng khởi; 3. Nghĩa; 4. Thích nạn; 5. Thứ đệ.

[Thể:]

[535c15] 1. **Văn:** Lược có sáu thứ: 1. Danh thân; 2. Cú thân; 3. Tự thân; 4. Ngữ; 5. Hành tướng; 6. Cơ thỉnh⁸⁷.

[535c17] (1) **Danh thân:** Là cùng biết tăng ngữ⁸⁸. Danh thân lược nói có mười hai thứ: 1. Giả danh; 2. Thật danh; 3. Tổng danh; 4. Biệt danh; 5. Tùy nghĩa danh; 6. Hý luận danh; 7. Dị danh; 8. Nan danh; 9. Hiện danh; 10. Ẩn danh; 11. Lược danh; 12. Quảng danh.⁸⁹

Giả danh: Đối với các uẩn ở trong, giả lập các danh như ngã, hữu tình, mạng giả v.v...; đối với các sắc ở ngoài, giả lập các danh như cái lọ, chiếc áo, xe cộ v.v...

Thật danh: Đối với nhãn, nhĩ v.v... sắc, thanh v.v... lập các danh theo nghĩa của các căn như nhãn, nhĩ v.v...

Tổng danh: Các danh từ như hữu tình, sắc, thọ, đại chủng v.v...

Biệt danh: Các danh từ như Phật-thọ, Đức-hữu⁹⁰, xanh, vàng v.v...

Tùy nghĩa danh: Có tánh chất ngại⁹¹ nên gọi là sắc, lãnh nạp⁹²

87 Cơ thỉnh 機請: động cơ thưa hỏi.

88 Tăng ngữ 增語: nghĩa là ngữ tăng thượng. Ngữ là âm thanh không thể biểu đạt rõ ràng, âm thanh thù thắng ấy là tên (danh thân), vì thế gọi tên ấy là tăng ngữ. Vì duyên theo tăng ngữ ấy nên y cứ vào sở duyên mà gọi là tăng ngữ xúc 增語觸. Ý xúc tương ứng với ý thức thứ 6; vì ý xúc duyên theo tên của vật mà phân biệt nên gọi là tăng ngữ xúc. Nói ngắn gọn, tăng ngữ xúc là tác động của ngôn từ trên nhận thức.

89 Du-già sư địa luận, quyển 81: 1. Giả lập danh; 2. Thật sự danh; 3. Đồng loại tương ứng danh; 4. Dị loại tương ứng danh; 5. Tùy đức danh; 6. Giả thuyết danh; 7. Đồng sở liễu danh; 8. Phi đồng sở liễu danh; 9. Hiện danh; 10. Bất hiện danh; 11. Lược danh; 12. Quảng danh.

90 Tên người: Phật-thọ 佛授 (Buddhadatta), Đức-hữu 德友 (kalyāṇa-mitta).

91 Chất ngại: tánh chất cố kết, hữu hình.

92 Lãnh nạp (cảm nghiệm) là tự tánh của thọ, tức lãnh nạp các hình thái đối tượng thuận, nghịch hay phi cả hai.



nên gọi là thọ; khả năng chiếu sáng, thiêu đốt gọi là mặt trời; các danh từ đại loại như vậy.

Hý luận danh: Như người nghèo mà kêu là người giàu; các danh từ đại loại như vậy, lập ra mà không xem xét nơi nghĩa.

Dị danh: Cùng chung hiểu biết và ý tưởng.⁹³

Nan danh: Ngược lại với dị danh.

Hiển danh: Là danh từ mà dễ hiểu ý nghĩa của nó.

Ẩn danh: Là danh từ mà khó hiểu ý nghĩa của nó, như minh chú của [tiên nhân] Đạt-la-nhĩ-trà⁹⁴.

Lược danh: Là danh từ có một âm.

Quảng danh: Là danh từ có nhiều âm.⁹⁵

[536a02] (2) **Cú thân:** Là y theo danh từ để thích nghĩa đầy đủ. Cú thân có sáu thứ: 1. Câu không đầy đủ; 2. Câu đầy đủ; 3. Câu được tạo thành; 4. Câu năng thành; 5. Câu đầu đề; 6. Câu giải thích.⁹⁶

93 Dị danh 易名: danh từ hiểu được. Tương cũng là danh, vì danh từ được ghi lại trong tâm tưởng. Thí dụ, một danh từ Việt thì chỉ có người Việt mới hiểu và liên tưởng được khi nghe; người nước ngoài không thể hiểu được. Ngược lại là nan danh, danh từ khó hiểu được, như một người Việt không hiểu được những gì người ngoại quốc nói. Những danh từ ít sử dụng trong đời sống hằng ngày, có tánh chất học thuật, chuyên biệt cũng gọi là nan danh 難名, như những danh từ, thuật ngữ Phật học, triết học, tâm lý học, khoa học v.v...

94 Đạt-la-nhĩ-trà 達羅唎茶: Còn gọi là Đạt-la-tỳ-trà 達羅毗茶, tên nước cổ xưa, nằm ở miền Nam Ấn Độ. Theo sách Đại Đường Tây vực ký, quyển 10 có ghi: "Nước Đạt-la-tỳ-trà có chu vi hơn 6000 dặm, kinh thành tên là Kiến-chí-bồ-la 建志補羅 có chu vi hơn 30 dặm, đất đai màu mỡ, lúa thóc tràn đầy, có nhiều hoa quả và sản vật quý hiếm. Khí hậu ôn hòa, phong tục gay gắt. Con người tin sâu nghĩa lý, học rộng biết nhiều. Ngôn ngữ văn tự thì sai khác một chút so với miền Trung Ấn Độ. Có 100 ngôi Già-lam, tăng chúng hơn vạn người, học theo Thượng tọa bộ. Có 80 ngôi đền, đa phần theo đạo lửa thể. Đức Như lai khi còn tại thế, có lần du hóa nước này, thuyết pháp độ người." Ngày xưa có một vị tiên nhân tên là Đạt-la-nhĩ-trà, sinh trưởng ở nước Đạt-la-nhĩ-trà, có nói ra minh chú mà mọi người ở nước đó không ai hiểu được ý nghĩa.

95 Danh từ có 1 âm (nhất tự 一字) gọi là danh. Danh từ có 2 âm gọi là danh thân. Danh từ có 3 âm hoặc 4 âm gọi là đa danh thân. Danh từ có 2 âm gọi là danh, có 4 âm gọi là danh thân, có 6 âm hoặc 8 âm gọi là đa danh thân. Danh từ có 3 âm gọi là danh, có 6 âm gọi là danh thân, có 9 âm hoặc 12 âm gọi là danh thân. Danh từ có 4 âm gọi là danh, có 8 âm gọi là danh thân, có 12 âm hoặc 16 âm gọi là đa danh thân.

96 Cú chính là câu. Câu đơn giản nhất phải có chủ từ và vị ngữ, như ngựa chạy, "chư hành vô



Câu không đầy đủ: Văn không trọn vẹn, nghĩa không trọn vẹn, phải thêm câu khác mới được đầy đủ, như nói: "*Các việc ác chớ làm, Các việc lành vâng làm, Khéo điều phục tâm mình, Đó lời chư Phật dạy.*"⁹⁷ Nếu chỉ nói "*các ác*" thì văn chưa đủ; nếu lại nói "*các việc ác*" thì nghĩa chưa đủ. Nếu nói "*các việc ác chớ làm*", thì đầy đủ cả văn và nghĩa. Đó chính là *câu đủ*.

Câu được tạo thành: Là câu trước phải dựa vào câu sau mới thành lập được, như nói: "*Chư hành vô thường, Pháp có khởi tận, Vi sinh ắt diệt, Tịch diệt là vui.*"⁹⁸ Ở đây, "*chư hành vô thường*" là câu được tạo thành, vì nó được thành lập bởi câu "*pháp có khởi tận*".

Câu thành lập: Là câu thứ hai vì nó thành lập được câu thứ nhất.

Câu đầu đề: Như nói "*thiện nhân*".

Câu giải thích: Như nói "*bậc trượng phu thủ hướng chính xác*".

[536a15] (3) **Tự thân:** Hoặc trọn vẹn, hoặc không trọn vẹn, hai thứ danh và cú có chỗ dựa là bốn mươi chín chữ⁹⁹.

thường". Thân là tập hợp. Cú thân là tập hợp của 2 câu trở lên, như "Chư hành vô thường, chư pháp vô ngã, niết bàn tịch tịnh".

97 Chư ác giả mạc tác, Chư thiện giả phụng hành, Thiện điều phục tự tâm, Thị chư Phật Thánh giáo. 諸惡者莫作, 諸善者奉行, 善調伏自心, 是諸佛聖教. Pháp cú 183 này nói lên mọi sự, bao gồm luân hồi và giải thoát, toàn do nghiệp, còn gọi là nghiệp cảm duyên khởi. Nghiệp có 3: ác nghiệp, thiện nghiệp (cả hai thuộc hữu lậu) và vô lậu nghiệp. Làm ác thì đọa ác đạo, làm lành thì sinh thiện đạo, cả hai được gọi là luân hồi. Làm sạch tâm thì chứng đạo quả, được gọi là giải thoát. Làm ác như 10 ác nghiệp, làm lành như 10 thiện nghiệp và làm sạch tâm là 37 bồ-đề phần pháp. Huân thị của chư Phật là bố ác, làm lành và trừ phiền não.

98 Chư hành vô thường, Hữu khởi tận pháp, Sinh ắt diệt cố, Bĩ tịch vi lạc. 諸行無常, 有起盡法, 生必滅故, 彼寂為樂. Luận Đại tỷ bà sa: Chư hành vô thường, Hữu sinh diệt pháp, Dĩ khởi tận cố, Bĩ tịch vi lạc. 諸行無常, 有生滅法, 以起盡故, 彼寂為樂. Tạp A-hàm, kinh 956, Tỳ-phú-la: Nhất thiết hành vô thường, Tất giai sinh diệt pháp, Hữu sinh vô bất tận, Duy tịch diệt vi lạc. 一切行無常, 悉皆生滅法, 有生無不盡, 唯寂滅為樂 (Tất cả hành vô thường, Chúng là pháp sinh diệt, Có sinh thì có diệt, Chỉ tịch diệt là vui.) Biệt dịch Tạp A-hàm, kinh số 350: Chư hành vô thường, Thị sinh diệt pháp, Sinh diệt diệt dĩ, Tịch diệt vi lạc. 諸行無常, 是生滅法, 生滅滅已, 寂滅為樂. (Các hành vô thường, Là pháp sinh diệt, Sinh diệt hết rồi, Tịch diệt là vui.) Chú ý chữ bĩ tịch 彼寂 (chữ không phải tịch diệt); chữ bĩ chỉ cho sự sinh và sự diệt; bĩ tịch là sự sinh và sự diệt (hay tâm sinh diệt) mà dứt bật, yên lặng; bấy giờ sự yên lặng, sự tịch diệt đó chính là cái vui tịch diệt, là cảnh giới thích ứng của tuệ giác tinh tế, là niết bàn.

99 Đó là 49 chữ cái, trừ ra 2 chữ cuối cùng (llam, ksa) trong 51 chữ của Tất đàm tự ký 悉曇字記 [gồm 16 mẫu âm, 34 từ âm và 1 chữ lam 濫(llam)].



[536a17] Ở đây, chữ *dục*, đứng đầu làm danh; danh đứng đầu làm câu, và câu phải có danh. Nếu chỉ có một chữ thì không thành câu. Lại nữa, nếu có chữ mà không nhiếp vào danh, thì chỉ là chữ, không có danh.

Hỏi: Lý do gì kiến lập ba thứ thân: danh thân, cú thân và tự thân¹⁰⁰?

Đáp: Vì nhận lấy *tăng ngữ xúc* mà sinh ra *thọ*.

Hỏi: Danh là nghĩa gì?

Đáp: Danh liệt kê mọi sự mà mọi người cùng hiểu biết, tạo điều kiện cho ý khởi tác mọi tướng trạng và là thành tố của ngôn ngữ truyền đạt. Đó gọi là danh.

Hỏi: Cú là nghĩa gì?

Đáp: Nhiếp thọ các danh thành cú, nhờ đó con người hiểu rõ hoàn toàn những nghĩa không hiện thấy. Đó gọi là cú.

Hỏi: Văn là nghĩa gì?

Đáp: Tùy hiển phát danh và cú, gọi đó là văn.

[536a25] Như đức Bạc-già-phạm nói “*tăng ngữ, tăng ngữ lộ*”, cho đến nói rộng.

Tăng ngữ: Tất cả chúng đồng loại có chung sở lập [là danh xưng], gọi là tăng ngữ¹⁰¹.

100 Tự thân = văn thân. Văn có khả năng làm cho nghĩa rõ ràng, hoặc làm rõ nghĩa của danh, cú, hoặc làm cho nghĩa lý hiển lộ.

101 Tăng ngữ 增語 (s: adhvacaṇa): Là đồng nghĩa ngữ 同義語, danh từ mô tả, phác họa, là thuật ngữ, là thuộc tánh, là tỷ dụ (thuyết từ). Tăng là tăng thượng (thêm lên), ngữ là âm thanh. Từ tương mà ngôn ngữ có thêm thắt (tăng ngữ). Tự thể của các pháp vốn không có tên gọi, nhưng vì ý thức tương ứng với tâm sở tưởng, giữ lấy hình tượng khi đối cảnh, sau đó bày vẽ ra vô số tên gọi. Vì vậy, danh xưng (tên gọi) là khách thể, không phải bản thể của các pháp, cho nên gọi là tăng ngữ. Giống như các uân hòa hợp mà giả lập có tên chúng sinh; mượn cột, kèo, tường vách, cửa sổ v.v... mà có tên cái nhà; gọi là lớn vì có cái nhỏ; gọi là dài vì có cái ngắn.



Tăng ngữ lộ:¹⁰² Ý muốn của chúng đồng loại có khả năng phát sinh tăng ngữ.

Từ:¹⁰³ Nó tương ứng với ngôn ngữ, và chỗ này chỗ kia có ngôn ngữ khác biệt. Từ làm sở y cho ngôn ngữ, cho nên gọi là ngôn ngữ lộ.

Thi thiết: Là phân tích một pháp, kiến lập nhiều thứ. Thi thiết làm sở y cho chư pháp, cho nên gọi là chư pháp lộ.

Dục là một *từ*, không có từ *dục* nào khác [thay thế]. Từ *dục* chính là con đường của tăng ngữ được thi thiết.

Danh thân, cú thân và văn thân lược có sáu thứ y xứ: 1. Pháp; 2. Nghĩa; 3. Bồ-đặc-già-la; 4. Thời; 5. Số; 6. Xứ sở. Chúng được phân biệt rộng ở Văn sở thành địa¹⁰⁴.

[536b05] (4) **Ngữ**: Nên biết lược có tám phân: *thượng thủ ngữ, mỹ diệu ngữ, hiển liễu ngữ, dị giải ngữ, nhạo văn ngữ, vô y ngữ, bất nghịch ngữ* và *vô biên ngữ*. Do những ngữ này mà nói [danh thân, cú thân, văn thân] đầy đủ các tánh chất, từ tương ứng cho đến *thường ủy phần tư lương*, để có khả năng tuyên thuyết chánh pháp.

Thượng thủ ngữ: Thú hướng cung điện Niết bàn là [mục đích] đầu tiên.

102 Tăng ngữ lộ 增語路: Con đường của tăng ngữ.

103 Từ 詞: Đơn vị ngôn ngữ có khái niệm hoàn chỉnh, có thể sử dụng độc lập trong câu nói hay viết.

104 Du-già sư địa luận, quyển 15, Văn sở thành địa, mục Thanh minh xứ: “Thế nào là thanh minh xứ? Nên biết xứ này lược có sáu tướng: 1. Pháp thi thiết kiến lập tướng; 2. Nghĩa thi thiết kiến lập tướng; 3. Bồ-đặc-già-la thi thiết kiến lập tướng; 4. Thời thi thiết kiến lập tướng; 5. Số thi thiết kiến lập tướng; 6. Xứ sở căn tài thi thiết kiến lập tướng.” (tr. 360c21~361b04) Văn sở thành địa là 1 trong 17 địa thuộc phân Bản địa: 1. Ngũ thức thân tương ứng địa; 2. Y địa; 3. Hữu tâm hữu tứ địa; 4. Vô tâm duy tứ địa; 5. Vô tâm vô tứ địa; 6. Tam-ma-hi-địa; 7. Phi tam-ma-hi-địa; 8. Hữu tâm địa; 9. Vô tâm địa; 10. Văn sở thành địa; 11. Tư sở thành địa; 12. Tu sở thành địa; 13. Thanh văn địa; 14. Độc giác địa; 15. Bồ tát địa; 16. Hữu dư y địa; 17. Vô dư y địa. Văn sở thành địa bàn về Ngũ minh xứ: 1. Nội minh xứ: triết học; 2. Y phương minh xứ: y dược học; 3. Nhân minh xứ: luận lý học; 4. Thanh minh xứ: ngôn ngữ học; 5. Công nghiệp minh xứ: nghệ thuật và công nghệ. Ngũ minh xứ được trình bày qua vô lượng danh thân, cú thân và văn thân, và tiếp nhận bằng giác tuệ, lắng nghe, lãnh thọ, đọc tụng, ghi nhớ.



Mỹ diệu ngữ: Âm thanh trong trẻo, đẹp đẽ.

Hiển liễu ngữ: Văn từ hay ho.

Dị giải ngữ: Biện thuyết khéo léo.

Nhạo văn ngữ: Dẫn ra pháp nghĩa.

Vô y ngữ: Không đặt nặng hy vọng người ta tin mình.

Bất nghịch ngữ: Biết hạn lượng mà nói.

Vô biên ngữ: Rất nhiều thiện xảo.

Tám thứ ngữ trên, nên biết, sơ lược có đủ ba đức: 1. Đức thú xứ, là ngữ thứ nhất; 2. Đức tự thể, là hai ngữ tiếp theo; 3. Đức gia hành, là năm ngữ còn lại.

Tương ưng: Là danh, cú, văn thân được khéo an lập theo thứ tự, và tương ưng bằng sự y theo bốn thứ đạo lý¹⁰⁵.

Trợ bạn: Là khả năng làm thành thứ tự.

Tùy thuận: Là giải thích thứ tự.

Thanh lượng: Là câu văn hiển thị rõ ràng trong sáng.

Hữu dụng: Là khéo đi vào tâm của mọi người.

Tương xứng: Là như chúng hội.

Ứng thuận: Là xứng pháp, dẫn nghĩa và thuận thời.

Thường ủy phần tư lương: Hằng thường mà tu, thâm xét mà tu, gọi là thường ủy. Phần, là chánh kiến, chánh tư duy v.v... Tư lương, là lấy thường ủy và phân làm tư lương.

[536b20] (5) **Hành tướng**: Là tương ưng các uẩn, tương ưng các giới, tương ưng các xứ, tương ưng duyên khởi, tương ưng thị xứ phi

105 Bốn thứ đạo lý: 1. Đạo lý quán đái; 2. Đạo lý tác dụng; 3. Đạo lý chứng thành; 4. Đạo lý pháp nhĩ. Danh, cú, văn thân tương ưng với 4 thứ đạo lý ấy.

xứ, tương ưng niệm trú, v.v... như vậy thấy ngôn thuyết tương ưng¹⁰⁶, hoặc thuyết bởi hàng Thanh văn, hoặc thuyết bởi hàng Bồ-tát, hoặc thuyết bởi đức Như lai. Đó gọi là hành tướng.

(6) **Cơ thỉnh**: Có nguyên nhân thúc đẩy thưa hỏi mà sinh khởi ngôn thuyết. Ở đây, các căn có sai biệt, là hai mươi bảy bồ-đặc-già-la¹⁰⁷, nên biết.

Do căn sai biệt nên chia thành hai thứ: 1. Độn căn; 2. Lợi căn.

Do hành sai biệt nên có bảy thứ: 1. Tham hành giả; 2. Sân hành giả; 3. Si hành giả; 4. Mạn hành giả; 5. Tầm tư hành giả; 6. Đẳng phân hành giả; 7. Bạc trần hành giả. Như trong Thanh văn địa có nói¹⁰⁸.

Do phẩm loại sai biệt nên có hai thứ: 1. Tại gia; 2. Xuất gia.

Do nguyện sai biệt nên có ba thứ: 1. Thanh văn; 2. Độc giác; 3. Bồ-tát.

Do khả cứu, bất khả cứu sai biệt nên có hai thứ: 1. Pháp đưa đến niết bàn; 2. Pháp không đưa đến niết bàn.¹⁰⁹

106 Vô lượng hành tướng sai biệt giáo mà đức Phật Bạc-già-phạm tuyên thuyết là: uẩn, giới, xứ, duyên khởi, thị xứ phi xứ, các căn, các đế, niệm trú, hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, hữu đối, vô đối v.v...

107 Hai mươi bảy bồ-đặc-già-la: Bảy hạng hiền Thánh: 1. Tùy tín hành; 2. Tùy pháp hành; 3. Tín giải; 4. Kiến chí; 5. Thân chứng; 6. Tuệ giải thoát; 7. Câu giải thoát. Tám bậc Thánh quả: 1. Dự lưu hướng; 2. Dự lưu quả; 3. Nhất lai hướng; 4. Nhất lai quả; 5. Bất hoàn hướng; 6. Bất hoàn quả; 7. A-la-hán hướng; 8. A-la-hán quả. Tám bậc dựa vào sự sinh mà thiết lập: 1. Cực thất phần; 2. Gia gia; 3. Nhất gián; 4. Trung gian chứng tịch diệt; 5. Sinh chứng tịch diệt; 6. Vô hành chứng tịch diệt; 7. Hữu hành chứng tịch diệt; 8. Thượng lưu. Sáu quả Vô học: 1. Thối pháp; 2. Tự pháp; 3. Hộ pháp; 4. Trú bất động; 5. Kham năng thông đạt; 6. Bất động pháp. Tổng cộng có 29; trừ 2 hạng tùy tín hành và tùy pháp hành thì có 27 bồ-đặc-già-la. Xin xem giải thích ở *Hiển dương*, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, [493c15] – [494b09]. Xem thêm *Du-già sư địa luận*, quyển 26, tr. 424a19~425b19.

108 *Du-già sư địa luận*, quyển 26, Thanh văn địa, tr. 425c02~c08.

109 *Luận Đại thừa trang nghiêm kinh*, phẩm Chủng tánh, tr. 595a24: “Vô chủng tánh vị là hạng người không có pháp đưa đến niết bàn, lược có hai loại: 1. Pháp đưa đến niết bàn có giới hạn thời gian; 2. Hoàn toàn không có pháp đưa đến niết bàn. Pháp đạt đến niết bàn có giới hạn thời gian có bốn hạng người: 1. Người chỉ một chiều hướng thực hành ác hạnh; 2. Người đoạn trừ khắp cả các thiện pháp; 3. Người không có thiện căn giải thoát phần; 4. Người thiện căn không đầy đủ. Hoàn toàn không có pháp đạt đến niết bàn thì không có nhân tố, vì hạng người này không có chủng tánh niết bàn, nghĩa



Do *phương tiện sai biệt*¹¹⁰ nên có chín thứ: 1. Đã nhập chánh pháp; 2. Chưa nhập chánh pháp; 3. Có chướng ngại; 4. Không chướng ngại; 5. Đã thành thực; 6. Chưa thành thực; 7. Cụ phược; 8. Không cụ phược; 9. Vô phược.¹¹¹

Do *chủng loại sai biệt* nên có hai thứ: 1. Nhân; 2. Phi nhân.

[536c03] Như vậy sáu thứ văn¹¹² nhiếp chung thành bốn: 1. Sở thuyết: Danh thân, v.v., hành tướng là cái được nói; 2. Sở vi: Là cơ thể gồm có hai mươi bảy bồ-đặc-già-la; 3. Năng thuyết: Là ngữ ngôn; 4. Thuyết giả: Là đức Phật, chư Bồ-tát, cùng với hàng Thanh văn. Như vậy, sáu hình thái này đều hiển thị nơi văn; nếu bỏ bớt một thứ thì nghĩa không còn rõ ràng. Do khả năng làm rõ nghĩa nên gọi là văn.

[536c08] 2. **Nghĩa**: Sơ lược có mười thứ: 1. Nghĩa của các địa; 2. Nghĩa của tướng; 3. Nghĩa của tác ý; 4. Nghĩa của xứ sở; 5. Nghĩa của tội lỗi; 6. Nghĩa của thắng lợi; 7. Nghĩa của sở trị; 8. Nghĩa của năng trị; 9. Nghĩa của sơ lược; 10. Nghĩa của quảng đại.

[536c11] (1) **Nghĩa về các địa**: Sơ lược có năm địa: 1. Tư lương địa; 2. Phương tiện địa; 3. Kiến địa; 4. Tu địa; 5. Cứu cánh địa.

Phân biệt rộng ra thì có mười bảy địa: 1. Ngũ thức thân tương

là người này chỉ cầu sanh tử, không ưa niết bàn.” Do vì phải trải qua khoảng thời gian lâu xa tính bằng số kiếp mới đạt đến niết bàn, nên gọi là vô chủng tánh vị, chứ không nói là hoàn toàn không có đạt đến niết bàn. Du-già sư địa luận cho rằng hữu tình tu học thánh đạo, có khả năng chứng đắc niết bàn, được y cứ trên chủng tử hay chủng tánh, vì vậy mà có 2 hạng người: 1. Trú chủng tánh bồ-đặc-già-la; 2. Trú vô chủng tánh bồ-đặc-già-la. Hạng trú vô chủng tánh bồ-đặc-già-la do có chủng tánh quyết định, nên không luận người ấy nỗ lực thế nào, vĩnh viễn không thể chứng đắc niết bàn. Hạng nhất xiển đề này không có tín tâm để tin rằng có sự giải thoát nên không hề có ý hướng về sự nhập niết bàn. Nhóm chủng tánh này cũng được chia thành hai loại: 1. Người đoạn thiện căn do không có một chút gốc rễ thiện gì để có thể tin tưởng có giải thoát và niết bàn; 2. Bồ-tát do đại bi nên vĩnh viễn không hề có ý hướng niết bàn.

110 Phương tiện = gia hành.

111 Xem *Hiển dương*, quyển 3, phẩm *Nhiếp sự*, phần 3, [495a03].

112 Sáu thứ văn: 1. Danh thân; 2. Cú thân; 3. Tự thân; 4. Ngữ; 5. Hành tướng; 6. Cơ thể.



ung **địa**; 2. **Ý địa**; 3. Hữu tầm hữu tứ địa; 4. Vô tầm duy tứ **địa**; 5. Vô tầm vô tứ **địa**; 6. Tam-ma-hi-đa địa; 7. Phi tam-ma-hi-đa địa; 8. Hữu tâm **địa**; 9. **Vô tâm địa**; 10. Văn sở thành **địa**; 11. Tư sở thành **địa**; 12. Tu sở thành **địa**; 13. Thanh văn địa; 14. **Độc giác địa**; 15. Bồ-tát **địa**; 16. Hữu dư y địa; 17. Vô dư y địa.

[536c17] (2) **Nghĩa của tướng**: Nên biết có năm thứ: 1. Tự tướng; 2. Cộng tướng; 3. Giả lập tướng; 4. Nhân tướng; 5. Quả tướng. Năm tướng như vậy, nếu phân biệt rộng ra thì xem trong *Tư sở thành địa*¹¹³.

Lại có năm tướng: 1. Tướng sai biệt; 2. Tướng Du-già; 3. Tướng chuyển dị; 4. Tướng tạp nhiễm; 5. Tướng thanh tịnh.¹¹⁴ Nên biết, ở trước nhiều chỗ có phân biệt năm tướng như vậy.

Lại có năm tướng: 1. Tướng sở thuyết; 2. Tướng năng thuyết; 3. Tướng tương thuộc của hai tướng trên; 4. Tướng chấp trước; 5. Tướng không chấp trước.

Tướng sở thuyết: Là năm pháp: tướng, danh, phân biệt, chân như và chánh trí; như có nói trong năm pháp tạng¹¹⁵.

113 *Du-già sư địa luận*, quyển 16, tr. 361c04~362c13.

114 Tướng sai biệt = tướng dị môn, là tất cả pháp sai biệt an lập. Tướng Du-già, là các Du-già sư tu tập theo thứ lớp, bằng 4 thứ Du-già: 1. Tín; 2. Dục; 3. Tinh tiến; 4. Phương tiện; hoặc bằng 9 thứ Du-già: 1. Thể gian đạo; 2. Xuất thế đạo; 3. Phương tiện đạo; 4. Vô gián đạo; 5. Giải thoát đạo; 6. Thắng tiến đạo; 7. Nhuyên phẩm đạo; 8. Trung phẩm đạo; 9. Thượng phẩm đạo. Tướng chuyển dị, là tam giới, ngũ thú lưu chuyển biến dị. Tướng nhiễm tịnh: *Luận Biện trung biên*, phẩm *Biện tướng*: “Chỉ có mười hai hữu chi đây bức não thể gian khiến không yên ổn. Ba tạp nhiễm: 1. Phiền não tạp nhiễm, là vô minh, ái và thủ; 2. Nghiệp tạp nhiễm, là hành và hữu; 3. Sanh tạp nhiễm, là các chi phần còn lại. Hai tạp nhiễm: 1. Nhân tạp nhiễm, là (các chi phần trong) phiền não (tạp nhiễm) và nghiệp (tạp nhiễm); 2. Quả tạp nhiễm, là các chi phần còn lại. Bảy tạp nhiễm, là bảy thứ nhân: 1. Nhân điên đảo, là vô minh; 2. Nhân khiên dẫn, là hành; 3. Nhân tương đạo, là thức; 4. Nhân nhiếp thọ, là danh sắc và sáu xứ; 5. Nhân thọ dụng, là xúc và thọ; 6. Nhân dẫn khởi, là ái, thủ và hữu; 7. Nhân yếm bố, là sanh và lão tử. Các tạp nhiễm này, không một thứ nào không do sự phân biệt hư vọng mà được sinh trưởng.” *Tướng thanh tịnh*: Tạp nhiễm được trừ diệt nên nói là thanh tịnh.

115 Năm pháp này nhiếp tất cả pháp, nên gọi là năm pháp tạng (Du-già gọi là 5 sự). Tiểu thừa, *Độc tử bộ* lập ra 5 pháp tạng là: quá khứ, vị lai, hiện tại, vô vi và bất khả thuyết.



Tướng năng thuyên: Là các pháp ở trên y chỉ danh, nghĩa, tự tánh và sai biệt (của danh và nghĩa), vì muốn giải rõ tự thể và sai biệt của các pháp mà có ngôn thuyết. Tướng năng thuyên này cũng có khả năng hiển thị tự tánh biến kế sở chấp. Nên biết, tự tánh biến kế sở chấp có nhiều tên gọi: có chỗ gọi là *biến phân biệt sở kế*, cũng gọi là *hòa hợp sở thành*, cũng gọi là *sở tăng ích tướng*, cũng gọi là *hư vọng sở chấp*, cũng gọi là *ngôn thuyết sở hiển*, cũng gọi là *văn tự phương tiện*, cũng gọi là *duy hữu âm thanh*, cũng gọi là *vô hữu thể tướng*. Đại loại như vậy có các tên gọi sai biệt.

Tướng tương thuộc của hai tướng trên: Là năng thuyên và sở thuyên hỗ tương liên hệ với nhau, chính là chỗ dựa được chấp trước bởi tự tánh biến kế sở chấp.

Tướng chấp trước: Là sự chấp trước bởi tự tánh biến kế sở chấp và tùy miên của sự chấp trước ấy trong dòng lưu chuyển tương tục từ vô thủy của phàm ngu.

Tướng không chấp trước: Là do đã thấy Thánh đế mà như thật thấu rõ về tướng biến kế sở chấp và giải thoát khỏi tập khí của nó. Nếu muốn hiểu biết chính xác theo những gì cần phải phân biệt, thì xem *Tư sở thành địa*¹¹⁶.

[537a07] (3) ***Nghĩa của tác ý***: Có bảy thứ tác ý: tác ý liễu tướng, v.v..., ở trước có nói¹¹⁷. Nếu phân biệt rộng ra thì xem *Thanh văn địa*¹¹⁸.

116 Du-già sư địa luận, quyển 16 – 19, *Tư sở thành địa*.

117 Đã nói ở *Hiển dương*, quyển 4, phẩm *Nhiếp sự* (phần 4). Bảy thứ tác ý: 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác ý thắng giải; 3. Tác ý viên ly; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý phương tiện cứu cánh; 7. Tác ý phương tiện cứu cánh quả. Xem *Du-già sư địa luận*, quyển 33, tr. 465b29~466c23.

118 *Du-già sư địa luận*, quyển 33, *Thanh văn địa*, *Đệ tứ Du-già xứ*, tr. 465b29~466c23; và quyển 34, tr. 470c13~477b27.



Lại có *muội trí*: 1. Khổ trí; 2. Tập trí; 3. Diệt trí; 4. Đạo trí; 5. Pháp trí; 6. Chủng loại trí; 7. Tha tâm trí; 8. Thế tục trí; 9. Tận trí; 10. Vô sinh trí.¹¹⁹ Nếu phân biệt rộng ra thì xem *Thanh văn địa*¹²⁰.

Lại có *sáu thức thân*: Là nhãn thức, cho đến ý thức, như trước có giải thích sơ lược. Nếu phân biệt rộng ra thì xem *Ngũ thức thân tương ưng địa* và *Ý địa*.¹²¹

Lại có *chín thứ biến tri*: 1. Dục giới hệ, đoạn trừ *kiến khổ tập sở đoạn*, là biến tri thứ nhất; 2. Sắc và Vô sắc giới hệ, đoạn trừ *kiến khổ tập sở đoạn*, là biến tri thứ hai; 3. Dục giới hệ, đoạn trừ *kiến diệt sở đoạn*, là biến tri thứ ba; 4. Sắc và Vô sắc giới hệ, đoạn trừ *kiến diệt sở đoạn*, là biến tri thứ tư; 5. Dục giới hệ, đoạn trừ *kiến đạo sở đoạn*, là biến tri thứ năm; 6. Sắc và Vô sắc giới hệ, đoạn trừ *kiến đạo sở đoạn*, là biến tri thứ sáu; 7. Đoạn trừ *Ngũ thuận hạ phần kết*, là biến tri thứ bảy; 8. *Sự dứt hết kết sử Sắc ái*, là biến tri thứ tám; 9. *Sự dứt hết kết sử Vô sắc ái*, là biến tri thứ chín. Nếu phân biệt rộng ra thì xem *Tam-ma-hi-đa địa*.¹²²

Lại có ba giải thoát môn: không, vô nguyện và vô tướng. Đây cũng được nói rộng ở *Tam-ma-hi-đa địa*.¹²³

Ở đây, phải nên quán sát các pháp: những tác ý nào được tư duy; trí nào được biết; thức nào được nhận biết; những biến tri nào được

119 *Hiển dương*, quyển 2, phẩm *Nhiếp sự* (phần 2), [489c22].

120 *Du-già sư địa luận*, quyển 69, *Thanh văn địa*, tr. 680c24~681a14.

121 *Du-già sư địa luận*, quyển 1, *Ngũ thức thân tương ưng địa*, tr. 279a22~280a18, và quyển 1, *Ý địa*, tr. 280b06~08.

122 *Chín thứ biến tri* trong *Du-già sư địa luận* xuất hiện tại: quyển 57, *Nhiếp quyết trạch phần – Ngũ thức thân tương ưng địa*, *Ý địa*, tr. 619b02~08; và quyển 71, *Nhiếp quyết trạch phần – Thanh văn địa*, tr. 691c03~11. Không thấy 9 thứ biến tri ở *Tam-ma-hi-đa địa*.

123 *Du-già sư địa luận*, quyển 12, *Tam-ma-hi-đa địa*, tr. 337a27~c16, về 3 tam-ma-địa; quyển 28, *Thanh văn địa*, tr. 436b25~c10, về 3 giải thoát môn.



biển tri; giải thoát môn nào được giải thoát; dùng vô lượng quán môn đại loại như vậy để quán các pháp.

(4) **Nghĩa của xứ xứ:** Sơ lược có ba thứ: 1. Sự y xứ; 2. Thời y xứ; 3. Bồ-đặc-già-la y xứ.

[537a25] **Sự y xứ:** Lại có ba thứ: 1. Căn bản sự y xứ; 2. Đắc phương tiện sự y xứ; 3. Bi mãn tha sự y xứ.¹²⁴

Căn bản sự y xứ: Có sáu thứ: 1. Thiện thú; 2. Ác thú; 3. Thoái đọa; 4. Thăng tiến; 5. Lưu chuyển; 6. Tịch diệt.

Đắc phương tiện sự y xứ: Có mười hai thứ, gọi là *mười hai chủng hành*: 1. Dục hành; 2. Ly hành; 3. Thiện hành; 4. Bất thiện hành; 5. Khổ hành; 6. Phi khổ hành; 7. Thuận thoái phần hành; 8. Thuận tiến phần hành; 9. Tạp nhiễm hành; 10. Thanh tịnh hành; 11. Tự nghĩa hành; 12. Tha nghĩa hành.

Bi mãn tha sự y xứ: Có năm thứ: 1. Khiến ly dục; 2. Chỉ bày; 3. Dạy bảo; 4. Khen ngợi; 5. Vui mừng.¹²⁵

[537b05] Ở đây, **thiện thú:** Cõi người, cõi trời.

Ác thú: Na-lạc-ca v.v...

Thoái đọa: Có hai thứ: 1. Không liên quan người khác; 2. Liên quan người khác. Không liên quan người khác, nghĩa là tự nhiên thọ mạng lui giảm; giống như thọ mạng, sắc tướng, sức khỏe, an lạc, biện tài, của cải, danh tiếng v.v... cũng lui giảm. Liên quan người khác,

124 Y cứ 3 sự này đức Phật mới khởi sự giáo hóa, nên gọi là sự y xứ. Căn bản là sinh tử và niết bàn. Phương tiện là nhưng nhân tố đưa đến sinh tử và niết bàn. Hai sự này thuộc lợi mình. Bi mãn tha là lợi người, là động lực để giáo hóa.

125 Trong kinh điển có dùng cụm từ: thị, giáo, lợi, hỷ 示教利喜 (chỉ bày, giáo huấn, lợi ích, hoan hỷ). Đây là lối thuyết pháp của Phật và bồ tát, theo đó thị là trình bày cho người nghe rõ thiện ác, tốt xấu; giáo là thuyết phục người nghe bỏ ác làm lành, rời xấu theo tốt; lợi là chỉ ra sự lợi ích của việc thực hành ấy; hỷ là tán thưởng sự thực hành ấy cho người nghe vui mừng.



nghĩa là bà con thân thuộc lui giảm. Tự nhiên có sự lui giảm càng thêm, dòng họ mỏng ít, lời nói không nghiêm túc, trí tuệ xấu ác, không thể có được sắc, hương, vị xúc vi diệu, rộng lớn; tâm không vui thích đối với những gì thọ dụng thắng diệu; đại loại như vậy gọi là thoái đọa.

Trái ngược với những gì là thoái đọa, thì đó là *thăng tiến*.

Lưu chuyển: Chính là thiện thú, ác thú, thoái đọa và thăng tiến.

Tịch tĩnh: Là hai cảnh giới tịch tĩnh (: niết bàn) hữu dư y và vô dư y.

[537b15] (1) **Dục hành:** Là mười hạng người hành dục được dẫn nói trong kinh Trung A-hàm.¹²⁶

(2) **Ly hành:** Đối với những sự thọ dụng ở trên, biết vô thường, chán các dục, rời xuất gia, thọ trì cấm giới, thủ hộ căn môn¹²⁷ v.v...

(3) **Thiện hành:** Là thí, giới, tu tập thiện hành hữu lậu.

(4) **Bất thiện hành:** Là ba thứ ác hành¹²⁸.

(5) **Khổ hành:** Là lỏa thể không mặc áo quần, như vậy thấy, cho đến nói rộng.

126 Trung A-hàm, phẩm Đại, kinh số 126, kinh Hành dục. Mười hạng người hành dục dựa trên 4 yếu tố: "tìm tài sản hợp pháp và không thủ đoạn"; "tự làm cho mình an vui no đủ"; "biết chia sẻ và tạo phước"; "thọ dụng không tham đắm, không đam mê, không nhiễm trước, thấy được nguy hiểm, có trí tuệ xuất ly"; và được chia ra có 4 bậc: (1) Bậc thấp, gồm 3 hạng người tìm tài sản phi pháp và thủ đoạn. Trong 3 hạng này, có điểm đáng khen, có điểm đáng chê. Người biết làm cho mình an vui no đủ, là điểm đáng khen; không tự làm cho mình an vui no đủ, là điểm đáng chê. Người biết chia sẻ, biết tạo phước, là điểm đáng khen, không biết chia sẻ, không biết tạo phước, là điểm đáng chê. (2) Bậc trung, gồm 3 hạng người tìm tài sản vừa hợp pháp và phi pháp, vừa thủ đoạn và không thủ đoạn. Trong ba hạng này, có điểm đáng khen, có điểm đáng chê. (3) Bậc cao, gồm 3 hạng người tìm tài sản hợp pháp và không thủ đoạn. Trong 3 hạng này, có điểm đáng khen, có điểm đáng chê. (4) Bậc tối thắng, là hạng người có đủ các ưu điểm đáng khen, tức là «tìm tài sản hợp pháp và không thủ đoạn», «tự làm cho mình an vui no đủ», «biết chia sẻ và tạo phước», «thọ dụng không tham đắm, không đam mê, không nhiễm trước, thấy được nguy hiểm, có trí tuệ xuất ly». Đây là hạng người ưu thắng trong 10 hạng người hành dục.

127 Thọ trì cấm giới, như kinh thường nói: "Vị ấy như vậy xuất gia, thành sa-môn, an trú được phòng hộ bởi sự phòng hộ của biệt giải thoát." Thủ hộ căn môn, là canh chừng kiểm soát các căn khi thấy, nghe, không cho những ấn tượng xấu từ đó mà khuấy động làm ô nhiễm tâm ý. Sự canh chừng này là do chánh niệm và chánh tri, hoạt động của ý.

128 Ba thứ ác hành: thân ác hành, khẩu ác hành và ý ác hành.



(6) *Phi khổ hành*: Là thọ dụng đúng pháp những đồ dùng có được, từ bỏ *lạc hành*, rời xa hai bên: bên thọ dụng dục lạc hành và bên thọ dụng tự khổ hành; siêng hành *trung đạo*, y chỉ vào pháp, cầu y bát v.v... và chánh thọ dụng [pháp lạc].

(7) *Thuận thoái phân hành*: Là những hành nào mà có khả năng chướng ngại những phân thắng tiến như thọ mạng v.v...

(8) *Thuận tiến phân hành*: Là ngược lại với thuận thoái phân hành. Như *kinh Anh vũ*¹²⁹ có nói đến.

(9) *Tạp nhiễm hành*: Lược có ba thứ: 1. Nghiệp tạp nhiễm; 2. Phiền não tạp nhiễm; 3. Lưu chuyển tạp nhiễm¹³⁰. Nên biết, ba tạp nhiễm này có chín câu căn bản: Nghiệp tạp nhiễm có ba câu: 1. Tham; 2. Sân; 3. Si. Phiền não tạp nhiễm có bốn câu, là *bốn điên đảo*¹³¹. Lưu chuyển tạp nhiễm có hai câu, là vô minh và hữu ái¹³². Tại sao? Do *ba bất thiện căn*¹³³ sinh khởi các thứ nghiệp tạp nhiễm; do *bốn điên đảo* phát sinh các thứ phiền não tạp nhiễm; đối với người xuất gia, do cánh cửa *vô minh* dẫn sinh các thứ lưu chuyển tạp nhiễm, và đối với người tại gia, do cánh cửa *hữu ái* dẫn sinh các thứ lưu chuyển tạp nhiễm.

129 Trung A-hàm, kinh Anh vũ, số 170. Tương đương: Kinh Trung bộ, Tiểu kinh nghiệp phân biệt (Cūlakammavibhanga sutta), số 135. Anh Vũ Ma-nạp Đố-đề Tử hỏi Phật do nguyên nhân gì, cùng sinh làm người mà không ai giống ai về thọ mạng (người sống lâu, kẻ chết yểu); về sức khỏe (người ít bệnh, kẻ nhiều bệnh); về dung sắc (người xấu, kẻ đẹp); về uy quyền (người nhiều quyền, kẻ ít quyền); về tài sản (người giàu, kẻ nghèo); về dòng dõi (người cao, kẻ thấp); về trí tuệ (người thông minh, kẻ ngu đần)... Phật dạy 'Chúng sanh do hành nghiệp của chính mình, do nghiệp mà thọ báo, duyên nơi nghiệp, tùy theo nghiệp xử cao thấp mà chúng sanh có tốt đẹp hay không tốt đẹp', rồi Phật phân biệt chi tiết những hành nghiệp ấy.

130 Lưu chuyển tạp nhiễm = sinh tạp nhiễm.

131 Bốn điên đảo: Là 4 cái thấy thác loạn: vô thường tưởng là thường, khổ tưởng là lạc, vô ngã tưởng là ngã, bất tịnh tưởng là tịnh (không tưởng là thật hữu).

132 Hữu ái: khao khát hiện hữu hay khát vọng sinh tồn; lưu luyến luân hồi. Nhân của hữu ái là vô minh.

133 Ba bất thiện căn: tham, sân và si.



(10) *Thanh tịnh hành*: Lược có ba học¹³⁴ và năm địa. Ba học và năm địa này cũng có chín câu căn bản: *tăng thượng giới học* và *tăng thượng tâm học* nhiếp lấy vô tham, vô sân và vô si, ở *tư lương địa* và *phương tiện địa*¹³⁵; *tăng thượng tuệ học* nhiếp lấy bốn vô điên đảo, minh và giải thoát, ở *kiến địa*, *tu địa* và *cứu cánh địa*.¹³⁶

(11) *Tự nghĩa hành*: Là hành lợi mình, như Thanh văn, Độc giác. Chư vị ấy có khi phát khởi hành lợi người, nhưng bản nguyện của họ vẫn là lợi mình, cho nên gọi là tự nghĩa.

(12) *Tha nghĩa hành*: Là hành lợi người, như Phật, Bồ-tát, làm lợi ích rất ráo cho vô lượng chúng sinh; cho đến nói rộng

[537c11] (1) *Khiến ly dục*: Là chê trách sáu thứ hành thuộc phẩm loại nhiễm ô¹³⁷, chỉ bày tội lỗi khiến lìa ái dục.

(2) *Chỉ bày*: Vì khiến thọ học các hành thuộc phẩm loại thanh tịnh, nên chỉ bày bốn thứ đạo lý chân thật.

(3) *Dạy bảo*: Đã được chỉ bày, những người tín giải chánh thức tiếp nhận, thực hành các học xứ. Do nhận thấy những người ấy đã được tự tại, liền bảo rằng: "*Các ông nay đối với những việc như vậy, như vậy, nên làm đúng, nên học theo.*"

134 Về ba học: tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tâm thượng tuệ học, xem Du-già sư địa luận, quyển 28, tr. 435c26~436b14.

135 Phương tiện địa = Gia hành địa.

136 Theo Du-già sư địa luận, quyển 100, tr. 880c28~881a10: "Có 9 địa: 1. Tư lương địa, là tích tập tư lương xuất thế; 2. Phương tiện địa, là cần tu phương tiện để dứt hết các lậu hoặc; 3. Quán hành địa, là chánh quán các đế khi tùy thuận quyết trạch phân; 4. Kiến địa, là chứng nhập chánh tánh ly sinh; 5. Tu địa, là chứng bốn quả sa-môn, vì sau khi chứng nhập chánh tánh ly sinh thì lấy tất cả thể gian để dần dần thăng tiến đạo, tức nhiếp hết kiến địa; 6. Hữu học địa, là địa thứ hai, ba và tư; 7. Vô học địa, là địa thứ năm; 8. Thánh giả địa, là học địa và vô học địa; 9. Dị sinh địa, là ngoài những địa ở trên; trong đó, hoặc chưa tu gia hành, hoặc đã tu gia hành, hoặc đã ly dục, tất cả dị sinh còn phải có chín chỗ y chỉ để đoạn tận các lậu: vị chí định, sơ tĩnh lực, tĩnh lực trung gian, 3 tĩnh lực còn lại và 3 Vô sắc định (trừ Phi tưởng phi phi tưởng xứ định)." Ngoài ra, có 3 địa: kiến địa, tu địa và cứu cánh địa, chỉ cho kiến đạo, tu đạo và chứng đắc A-la-hán.

137 Sáu thứ hành: 1. Tham dục; 2. Pháp có tranh cãi; 3. Pháp có khổ; 4. Pháp có hại; 5. Pháp có tại hoạn; 6. Pháp có phiền não khắp cả. Trong đây, tham dục là nói tổng quát.



(4) *Khen ngợi*: Nếu thấy những người ấy đối với những gì hiểu biết, thực hành và đạt được mà trong tâm sinh thoái lui, khuất phục. Bấy giờ, xưng tán, khuyến khích họ, để họ nỗ lực hơn nữa trong những gì hiểu biết, thực hành và đạt được.

(5) *Vui mừng*: Những người ấy dừng mãi thực hành theo pháp và tùy pháp¹³⁸, thì nên như thật nói lời khen ngợi khiến họ vui mừng, hoan hỷ.

[537c20] Lại nữa, *khiến ly dục và chỉ bày*: (1) Hoặc có sự khiến ly dục mà không có sự chỉ bày, như dạy bảo người khiến họ ly dục, mà bảo rằng: “*Như tôi đã nói, không nên làm điều đó, ông nay nhất định không nên làm nữa,*” hoặc dọa nạt rằng: “*Nếu ông làm điều đó thì tôi sẽ đành chịu,*” hoặc yêu cầu họ: “*Nếu ông là người bạn thân ái của tôi, thì xin ông đừng làm.*” (2) Hoặc có sự chỉ bày mà không khiến ly dục, như *người trung gian* chỉ bày công đức và tội lỗi của một người mà không ngăn cản người ấy khiến không tạo tội. (3) Hoặc vừa chỉ bày, vừa khiến ly dục, như chỉ ra lỗi của người ấy khiến họ ly dục.

Dạy bảo: Ban đầu chưa thọ học, làm cho người ấy thọ học.

Khen ngợi: Học rồi mà chưa tiến bộ, thì khiến cho thăng tiến.

Vui mừng: (1) Có năm thứ thắng lợi: 1. Làm cho người tâm được quyết định đối với những gì đã chứng nghiệm; 2. Làm cho người khởi tâm thú hưởng, mong cầu đối với những thắng đức của sở chứng; 3. Khiến người phi báng, tâm trú khoảng giữa; 4. Khiến người không tin, tâm sinh đức tin trong sáng; 5. Khiến người đã tin càng thêm tăng

138 Pháp là pháp môn hành giả đang tu tập. Tùy pháp là pháp hỗ trợ cho pháp môn mà hành giả đang tu tập. Ngài Xá-lợi-phất đã quảng diễn thành pháp tùy pháp hành thành 10, như trong kinh: 1. Tín, 2. Giới, 3. Đa văn, 4. Huệ thí, 5. Thiện tuệ, 6. Chánh kiến, 7. Chánh trí, 8. Chánh giải, 9. Chánh thoát, 10. Chánh trí.



trưởng đức tin. (2) Nếu có vui mừng cho việc lành của người khác, nên biết, người ấy đang tạo tác sự tăng trưởng, có thể cảm nghiệp sinh lên các cõi trời vừa ý; nếu mạng chung rồi, theo chỗ sinh về, thường nghe âm thanh tuyệt diệu vừa ý, tất cả cảnh giới không gì không vừa ý.

[538a06] Lại nữa, (1) *Dục hành*: Hoặc có khả năng chiêu cảm thiện thú, như vì có dục nên tạo nghiệp thiện cho đời sau; hoặc có khả năng chiêu cảm ác thú, như lấy phi pháp¹³⁹ nhiếp thọ các dục. (2) *Ly hành*: Nếu hành mà hủy phạm thì chiêu cảm ác thú, không hủy phạm thì chiêu cảm thiện thú và có khả năng tạo tác tư lương tịch tĩnh. (3) *Thiện hành*: Khả năng chiêu cảm thiện thú và làm tư lương tịch tĩnh. (4) *Bất thiện hành*: Khả năng chiêu cảm ác thú. (5) *Khổ hành*: Do tà kiến mà người ấy tự làm khổ bản thân, nên có khả năng chiêu cảm ác thú. (6) *Phi khổ hành*: Có khả năng làm tư lương tịch tĩnh và chiêu cảm thiện thú. (7) *Thuận thoái phần hành*: Có khả năng chiêu cảm sự thoái đọa. (8) *Thuận tiến phần hành*: Có khả năng chiêu cảm sự thăng tiến. (9) *Tạp nhiễm hành*: Có khả năng chiêu cảm sự lưu chuyển. (10) *Thanh tịnh hành*: Có khả năng chứng nhập sự tịch tĩnh. (11) *Tự nghĩa hành*: Chỉ làm cho mình sinh về thiện thú, dẫn đến thăng tiến và chứng nhập tịch tĩnh. (12) *Tha nghĩa hành*: Làm cho mình và chúng sinh sinh về thiện thú, dẫn đến thăng tiến và chứng nhập tịch tĩnh.

[538a16] Trong ba sự như vậy¹⁴⁰, *căn bản sự* có sáu thứ: thiện thú, ác thú, thoái đọa, thăng tiến, lưu chuyển và tịch diệt; *đặc phương tiện sự* có mười hai thứ, gọi là mười hai hành; *bi mãn tha sự* có năm thứ, gọi là năm thứ bi mãn chúng sinh. Ở đây, do sức tăng thượng của

139 Phi pháp: Là 10 ác nghiệp: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói lời chia rẽ, nói lời thô tục, nói lời vô ích, tham lam, sân hận, tà kiến.

140 Ba sự y xứ: 1. Căn bản sự y xứ; 2. Đặc phương tiện sự y xứ; 3. Bi mãn tha sự y xứ.



căn bản sự, và dựa vào mười hai hành theo sự thích ứng mà khiến chúng sinh *ly dục*, cho đến khi *vui mừng*.

[538a21] *Thời y xứ*: Lược có ba thứ: 1. Quá khứ ngôn y; 2. Vị lai ngôn y; 3. Hiện tại ngôn y; như trong kinh có nói rộng.¹⁴¹

[538a23] *Bổ-đặc-già-la y xứ*: Là hai mươi bảy số thủ thú¹⁴²: độn căn, lợi căn v.v...

[538a25] Như trên đã nói ba xứ: sự, thời và bổ-đặc-già-la. Đức Bạc-già-phạm dựa vào ba xứ này để lưu bố Thánh giáo, cho nên gọi là y xứ.

[538a27] (5) *Nghĩa của tội lỗi*: Là khởi chán chê đối với nghĩa đáng chán chê về các pháp hay chúng sinh.

[538a29] (6) *Nghĩa của thắng lợi*: Nói sơ lược là khởi xung tán đối với nghĩa đáng xung tán về các pháp hay chúng sinh.

[538b02] (7) *Nghĩa của sở trị*: Nói sơ lược là tất cả *tạp nhiễm hành*.

[538b03] (8) *Nghĩa của năng trị*: Là tất cả *thanh tịnh hành*; như tham là sở trị, bất tịnh là năng trị; sân là sở trị, từ bi là năng trị; tham là sở trị, bất tịnh là năng trị; đại loại như vậy, nên biết.

(9) *Nghĩa của sơ lược*: Là nói các pháp có chung chủng loại và nghĩa.

141 Ngôn y: Ngôn ngữ y cứ. Ngôn, là ngôn ngữ. Y, chỉ cho danh và nghĩa. Thể của ngôn ngữ là âm thanh, chỗ dựa của nó là danh và nghĩa. Theo đó, danh là khả năng diễn tả, nghĩa là cái được diễn tả. Cả hai đều là cứ điểm cho âm thanh và ngôn ngữ dựa vào. Bởi vì các pháp hữu vi cùng với danh và nghĩa trên đây cũng hiện hành trong ba thời gian, nên được gọi là ngôn y. Như nói: từng, trúc, thì danh với khả năng diễn tả và thể nghĩa được diễn tả của chúng đều có sanh diệt, biến hoại và cũng hiện hành trong ba thời gian, nên gọi là hữu vi. Như vậy, ngôn y thu nhiếp đầy đủ tất cả pháp hữu vi.

142 Số thủ thú 數取趣: Tức là bổ-đặc-già-la (s. pudgala). Bồ, có nghĩa là số. Đặc-già, có nghĩa là thủ, tức là chấp thủ. La, có nghĩa là thú, tức là cõi sống. Bổ-đặc-già-la có nghĩa là cá nhân làm chủ các hoạt động tâm lý cũng như thân thể, mà nhiều lần chấp thủ cái thân năm uẩn, do đó phải luân hồi mãi trong các cõi sống.



[538b06] (10) *Nghĩa của quảng đại*: Là nói các pháp có chung loại và nghĩa khác nhau.

[538b07] Lại nữa, [nghĩa của quảng đại] là nói kinh bất liễu nghĩa, và nói kinh liễu nghĩa.

[538b08] Lại nữa, nghĩa của sơ lược có hai thứ: 1. Sơ lược về danh; 2. Sơ lược về nghĩa. Nghĩa của quảng đại cũng có hai thứ: 1. Quảng đại về danh; 2. Quảng đại về nghĩa. Như đức Bạc-già-phạm nói: “*Xá-lợi tử, Ta có thể quảng lược tuyên thuyết chánh pháp, nhưng rất khó có người ngộ giải.*”¹⁴³ Ở trong kinh, thể văn trường hàng thì văn quảng đại, nghĩa sơ lược; thể văn già-tha¹⁴⁴ thì nghĩa quảng đại, văn sơ lược.

[538b12] Vì nhiếp lấy mười nghĩa¹⁴⁵, cho nên nói ở khoảng giữa có chỉnh cú ôn-đà-nam:

Chư địa, tướng, tác ý

Y xứ, đức, phi đức

Sở đối trị, năng trị

Lược, quảng nghĩa, nên biết. (tụng 11)

[538b15] Lại nữa, như vậy đã nói mười thứ nghĩa làm thể tánh cho giáo pháp của Phật. Chư vị thuyết pháp phải dựa vào Thánh giáo

143 Tạp A-hàm, kinh A-nan Xá-lợi-phất, số 982: “Một thời Đức Phật ở trong rừng An-xà-na tại nước Sa-chỉ. Bấy giờ Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất: ‘Đối với pháp, Ta có thể lược nói và rộng nói, nhưng người hiểu thì khó.’ Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật: ‘Xin Thế Tôn nói pháp, hoặc lược nói, hoặc rộng nói. Thật sự có người hiểu pháp.’” (Thích Đức Thắng dịch)

144 Già-tha (Gatha = phúng tụng hay cô khởi) là thể văn chỉnh cú không theo trường hàng mà tự nói pháp nghĩa.

145 Mười nghĩa: 1. Nghĩa của các địa; 2. Nghĩa của tướng; 3. Nghĩa của tác ý; 4. Nghĩa của xứ sở; 5. Nghĩa của tội lỗi (: phi đức); 6. Nghĩa của thắng lợi (: đức); 7. Nghĩa của sở trị; 8. Nghĩa của năng trị; 9. Nghĩa của sơ lược; 10. Nghĩa của quảng đại.



mà tìm cầu mười thứ nghĩa, đầy đủ hay không đầy đủ; tự mình tìm cầu rồi mới vì người mà thuyết pháp.

[538b18] Như vậy đã kiến lập thể tánh của văn và nghĩa rồi, chư vị thuyết pháp phải lấy năm tướng tùy thuận giải thích tất cả kệ kinh của Phật: đầu tiên lược thuyết *pháp yếu*, tiếp theo nói đấng khởi, tiếp theo là *thích nghĩa*, rồi đến *thích nạn*, sau cùng biện minh *thứ đệ*.

[Thích:]¹⁴⁶

1. **Pháp:** Lược có mười hai thứ, gọi là *mười hai phần giáo*: kệ kinh, v.v...

[538b22] **Khế kinh:** Là nghĩa *liên kết*, là thể văn trường hàng, phần nhiều nói thẳng, nhiếp thọ ý thú của các pháp.

Ứng tụng: Là thể văn kệ tụng nằm ở sau trường hàng, lược nói những gì ở trước, thường có trong kinh bất liễu nghĩa.

[538b25] **Ký biệt:** Là rộng phân biệt những nghĩa đã sơ lược nói ra, và ghi nhận sinh xứ của đệ tử sau khi mạng chung.

[538b27] **Phúng tụng:** Là lấy một câu để nói, hoặc hai câu để nói, hoặc ba, bốn, năm, sáu câu v.v... để nói.¹⁴⁷

[538b29] **Tự thuyết:** Là không ai hỏi mà nói. Vì muốn các đệ tử có được thắng giải, vì muốn chúng sinh được sự hóa độ thượng phẩm, an trú thắng lý, nên Phật tự nhiên thuyết pháp, gọi là tự thuyết; như kinh nói: “*Thế tôn, bấy giờ, tự nhiên tuyên thuyết.*”¹⁴⁸

146 Thích: có năm thứ: 1. Pháp; 2. Đấng khởi; 3. Nghĩa; 4. Thích nạn; 5. Thứ đệ.

147 Một câu (nhất cú), được hiểu là một câu đủ nghĩa, như nói các pháp vô thường, chúng sinh có giác tánh, v.v... Còn một kệ hay 1 bài chính cú, có 2 loại chung và riêng. Loại riêng là thể văn chính cú, 4 câu làm 1 kệ, mỗi câu có 3 đến 8 chữ. Loại chung là lối tính tổng số chữ: bất cứ thể văn chính cú hay thể văn trường hàng, cứ đếm 8 chữ làm 1 câu, 4 câu làm 1 kệ, và mấy kệ là tổng số chữ của mỗi kinh luận. Một bài chính cú (nhất kệ) là chỉ cho cả 2 loại kệ ấy: chỉ cho bất cứ 4 câu liên tiếp nào thuộc thể văn chính cú, hay chỉ cho bất cứ 32 chữ liên tiếp nào trong tổng số chữ.

148 Tiểu bộ kinh, kinh Phật tự thuyết (Udāna), chương 3, phẩm Nanda, Ud 21: “Như vậy tôi nghe:



[538c03] **Nhân duyên:** Là nhân có người thưa hỏi mà nói. Như kinh nói: “*Thế tôn vào một thời, nhân do Một-lực-già-la-tử¹⁴⁹, vì các bí-sô mà tuyên thuyết pháp yếu.*” Lại nữa, y cứ biệt giải thoát, tăng thượng đạo, tỳ-nại-da mà có những ngôn thuyết, nghĩa là “*Y cứ nhân duyên như vậy, như vậy; y cứ sự việc như vậy, như vậy; Thế tôn thuyết những lời như vậy, như vậy.*” Đó là nhân duyên.

[538c08] **Thí dụ:** Là trong kinh có những thí dụ; do thí dụ mà ẩn nghĩa được sáng tỏ.

Bản sự: Là ngoài *bản sinh*, tuyên thuyết những việc xảy ra ở đời quá khứ.

[538c10] **Bản sinh:** Là tuyên thuyết các sự việc bản sinh¹⁵⁰ của mình khi thực hành Bồ-tát hạnh ở trong các đời quá khứ.

[538c12] **Phương quảng:** Là nói về Bồ-tát đạo, như nói mười địa¹⁵¹, bốn Bồ-tát hành¹⁵², v.v... và nói về Như lai, như nói một trăm bốn mươi pháp bất cộng của Phật¹⁵³, đó là bốn nhất thiết chủng thanh

Một thời Thế Tôn trú ở Sāvatti, tại Jetavana trong khu vườn ông Anāthapindika. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo ngồi không xa Thế Tôn, ngồi kiệt già, lưng thẳng, chịu đựng sự đau đớn, kết quả của nghiệp về trước, nhói đau, cực khổ, thống khổ, chánh niệm, tỉnh giác, không có sầu não. Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này: “*Tỷ-kheo bỏ mọi nghiệp, Tẩy sạch bụi làm trước, An trú, không ngã số, Không cần nói với người.*”

149 Một-lực-già-la-tử 沒力伽羅子 (S: *Maudgalyāyana*). *Du-già sư địa luận ghi là:* [Trường giả] Hắc Lộc Tử 黑鹿子.

150 Bản sinh là phần lớn nhất của Tiểu bộ kinh, gồm 547 bài. Phần này tường thuật sự tích của đức Thích-ca đã mang những thân hình quốc vương, thầy Bà-la-môn, lái buôn, đàn bà, và các loại động vật như voi, vượn, hươu, gấu, v.v..., hoặc cứu chúng sinh qua khỏi tai nạn hiểm nguy, hoặc vì cầu pháp mà tinh tiến tu hành các thiện nghiệp công đức.

151 Mười địa: 1. Cực hỷ địa; 2. Ly cấu địa; 3. Phát quang địa; 4. Diệm tuệ địa; 5. Nan thắng địa; 6. Hiện tiền địa; 7. Viễn hành địa; 8. Bất động địa; 9. Thiện tuệ địa; 10. Pháp vân địa. Xem *Hiển dương*, quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 3. *Du-già sư địa ghi là 7 địa:* 1. Chủng tánh địa; 2. Thắng giải hành địa; 3. Tịnh thắng ý lạc địa; 4. Hành chánh hành địa; 5. Quyết định địa; 6. Quyết định hành địa; 7. Chí cứu cánh địa.

152 Bốn Bồ tát hành: 1. Ba-la-mật-đa hành; 2. Bồ-đề phần pháp hành; 3. Thần thông hành; 4. Thành tựu hữu tình hành.

153 Một trăm bốn mươi pháp bất cộng của Phật: 32 tướng đại tướng phu, 80 vẻ đẹp, 4 nhất thiết



tịnh, cho đến nhất thiết chủng diệu trí; như Bồ-tát địa có nói rộng. Lại nữa, vì pháp có vô lượng, nghĩa sâu rộng, thời gian lâu xa, nghĩa là cực kỳ dũng mãnh trải qua ba đại kiếp a-tăng-xí-da mới được thành mãn, nên gọi là phương quảng.

[538c17] *Hy pháp*: Là Phật và các đệ tử nói pháp kỳ diệu hy hữu; như trong các kinh, do có sự hy hữu mà khởi lên ngôn thuyết¹⁵⁴.

[538c19] *Luận nghị*: Là các kinh được nhiếp bởi ma-đát-lý-ca, nói cách khác, các kinh liễu nghĩa đều gọi là ma-đát-lý-ca, nghĩa là Như lai tự phân biệt rộng về thể tướng các pháp. Lại nữa, các Thánh đệ tử đã thấy Thánh tích, dựa vào sự tự sở chứng không gì đảo ngược mà hiển thị thể tướng các pháp, cũng gọi là ma-đát-lý-ca. Ma-đát-lý-ca cũng gọi là a-tỳ-đạt-ma. Giống như thể gian, tất cả sách toán, thi luận đều có bản mẫu; nên biết, trong kinh nghiên cứu thể tướng các pháp qua những ngôn thuyết, cũng lại như vậy. Lại như thể gian, nếu không có các văn tự, bản mẫu tự thì không hiểu được. Như vậy, trong mười hai phần giáo, nếu không kiến lập thể tướng các pháp thì pháp không sáng rõ; nếu kiến lập rồi, tự tướng và cộng tướng của các pháp đều được hiển hiện. Lại nữa, khả năng hiển bày pháp tướng không lẫn lộn, tức ma-đát-lý-ca đây gọi là a-tỳ-đạt-ma. Dựa vào ma-đát-lý-ca, những gì giải thích pháp nghĩa của các kinh cũng gọi là ô-ba-đê-thước¹⁵⁵.

chủng thanh tịnh, 10 lực, 4 vô sở úy, 3 niệm trú, 3 bất hộ, đại bi, không quên mất diệu pháp, vịnh đoạn tập khí, nhất thiết chủng diệu trí. Xem *Hiển dương*, quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4.

154 Tập A-hàm, kinh Tập sanh, số 345: “Bạch Thế Tôn, Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói những điều kỳ đặc chưa từng có. Ở trong đại chúng đã nói lên tiếng rống con sư tử.” (Thích Đức Thắng dịch) Trung A-hàm, kinh Địa Động, số 36: “Ta thuyết pháp cho họ, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi dùng vô lượng phương tiện, khuyến phát, khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ cho họ rồi, Ta biến mất khỏi nơi ấy. Khi Ta biến mất rồi, họ không biết Ta là ai, là người hay phi nhân. Nay A-nan, như vậy thật là kỳ diệu, thật là hy hữu, Như Lai, Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thành tựu công đức, có được pháp vị tăng hữu.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

155 Ô-ba-đê-thước 陂波第躑 = Ưu-ba-đề-xá 優波提舍 (S: *upadesah*): *luận nghị, chú giải, luận nghĩa*.



[539a02] 2. Đẳng khởi:¹⁵⁶ Lược có ba thứ: sự y xứ, thời y xứ và bồ-đặc-già-la y xứ; như trong kinh có nói: vào thời gian như vậy, có bồ-đặc-già-la như vậy, dựa vào hành như vậy, *khiến ly dục, chỉ bày, dạy bảo, khen ngợi, vui mừng*.

[539a05] 3. *Nghĩa*: Lược có hai thứ: 1. Nghĩa chung; 2. Nghĩa riêng.

Nghĩa chung lại có bốn thứ: 1. Dẫn kinh liễu nghĩa; 2. Phân biệt sự cứu cánh; 3. Hành; 4. Quả.

Hành lại có hai thứ: 1. Tà hành; 2. Chánh hành.

Quả cũng có hai thứ: 1. Quả của tà hành; 2. Quả của chánh hành.

Nghĩa riêng cũng có bốn thứ: 1. Phân biệt sai biệt danh; 2. Phân biệt tự thể tướng; 3. Huân thích danh ngôn; 4. Nghĩa môn sai biệt.

Huân thích danh ngôn lại do năm thứ phương tiện: 1. Do tướng; 2. Do tự thể; 3. Do nghiệp; 4. Do pháp; 5. Do nhân quả.

Nghĩa môn sai biệt cũng có năm thứ: 1. Tự thể sai biệt; 2. Giới sai biệt; 3. Thời sai biệt; 4. Vị sai biệt; 5. Bồ-đặc-già-la sai biệt.

Tự thể sai biệt: Tự thể của sắc có mười sắc xứ¹⁵⁷ sai biệt; tự thể của thọ có ba thọ¹⁵⁸ sai biệt; tự thể của tưởng có sáu tưởng¹⁵⁹ sai biệt; tự thể của hành có ba hành¹⁶⁰ sai biệt; tự thể của thức có sáu thức¹⁶¹ sai biệt. Đại loại như vậy các tự thể sai biệt, nên biết.

Giới sai biệt: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

156 Đẳng khởi 等起 (P: samuttāhāna): sự xuất hiện, nguyên khởi, nguyên động lực làm phát khởi.

157 Mười sắc xứ: Nhân, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc.

158 Ba thọ: Khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ.

159 Sáu tưởng: Nhân tưởng, nhĩ tưởng, tỷ tưởng, thiệt tưởng, thân tưởng, ý tưởng.

160 Ba hành: 1. Thân hành, khẩu hành và ý hành; 2. Phước hành, phi phước hành và bất động hành.

161 Sáu thức: Nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức.



Thời sai biệt: Quá khứ, vị lai và hiện tại.

Vị sai biệt: Có hai mươi lăm thứ phần vị sai biệt: ba vị là bậc thấp, bậc vừa, bậc cao; ba vị là khổ, lạc và bất khổ bất lạc; ba vị là thiện, bất thiện và vô ký; ba vị là văn, tu và tu; ba vị là tăng thượng giới, tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ; hai vị là nội và ngoại; hai vị là sở thủ và năng thủ; hai vị là sở trị và năng trị; hai vị là hiện tiền và bất hiện tiền; hai vị là nhân và quả.

Bổ-đặc-già-la sai biệt: Như trước đã nói về hai mươi bảy hạng bổ-đặc-già-la, nên biết.

[0539a24] 4. **Thích nạn:** Hoặc mình thiết lập vấn nạn, hoặc người thiết lập vấn nạn, cả hai đều nên giải thích. Nên biết, thiết lập vấn nạn, sơ lược có năm lý do: 1. Làm cho hiểu rõ những nghĩa mà chưa hiểu được, như nói: “*Văn đây có nghĩa là gì?*”; 2. Lời nói trái ngược nhau, như nói: “*Vì sao đức Bạc-già-phạm trước sau nói khác?*”¹⁶²; 3. Đạo lý trái ngược nhau, như có hiển thị nghĩa nhưng trái ngược với bốn đạo lý; 4. Hiển thị không nhất định, như nói: “*Vì sao đức Bạc-già-phạm đối với một thứ nghĩa mà hiển thị các thứ dị môn sai biệt?*”; 5. Cứu cánh không thể thấy, như nói: “*Thê của nội ngữ có*

162 Kim Cương kinh sớ, 金剛經疏, No. 2738: “Lập ý thú bình đẳng để phá chương khinh Phật: có người nói sanh diệt là pháp nhị, hề có sanh thì có diệt, Phật với mình cũng giống nhau (có sinh có diệt) bên sanh tâm khinh mạn; vì phá chương này mà Phật nói ý thú bình đẳng, rằng xưa kia Phật Tỷ bà thì chính là thân Ta, đầu có giống sự sanh diệt của ông. Lập ý thú khác nghĩa để phá chương khinh pháp: có người nói cho đến trẻ con cũng có thể thấy sắc nghe thanh, thì việc hiểu ý người, biết pháp nghĩa có gì là khó; vì phá chương này mà nói pháp ba vô tánh mà khi nhập địa mới giác ngộ. Lập ý thú khác thời để phá chương biếng nhác: có người nghe tu tập dài lâu mới có thể diệt sanh tịnh độ, nghe rồi sanh tâm biếng nhác; vì phá chương này nói người được vắng sanh sẽ được bất thoái. Lập ý thú khác muốn để phá 5 chương còn lại: 1. Phá chương ít muốn: người ưa bố thí mà không giữ giới, Phật chê thí, khen giới; 2. Phá chương tham hạnh: người tham muốn cảnh vui, Phật ca ngợi tịnh độ; 3. Phá chương mạn hạnh: người chấp cõi này là vui, Phật khen tịnh độ diệu lạc; 4. Phá chương hối hạnh: (Đề bà đạt đa) xô đá đè Phật vẫn không thấy xấu ác mà còn bức tức, Phật nói làm việc không lợi ích đối với Phật vẫn được sanh đường lành (Đề bạt đạt đa được thọ ký thành Phật); 5. Phá chương bất định: có người chấp nhị thừa không nhất định làm Phật; vì phá chương này Phật nói việc thọ ký (cho thanh văn) và thuyết nhất thừa. Năm cách phá chương toàn là trước khen sau chê, nhưng nói lên được cái ý ưa muốn.”



tương mạo gì mà thường hằng không đổi, tự tánh chánh trí?”, đại loại như vậy.

[539b03] Đối với năm vấn nạn này, theo thứ đệ của chúng, nên có sự giải thích: Đối với vấn nạn *không hiểu nghĩa*, thì dùng phương tiện để hiểu rõ; đối với vấn nạn *lời nói trái ngược nhau*, thì tùy thuận linh hội, thông suốt. Như vấn nạn *lời nói trái ngược nhau*, cũng vậy đối với vấn nạn *hiển thị không nhất định*, vấn nạn *cứu cánh không thể thấy* thì đều tùy thuận linh hội, thông suốt. Đối với vấn nạn đạo lý trái ngược nhau, thì lấy hắc giáo¹⁶³ để phán quyết đó, hoặc lại hiển thị bốn thứ đạo lý, hoặc hiển thị nhân quả tương ứng với các đạo lý; chính là nói hiển thị quả, và cũng là hiển thị nhân.

Lại nữa, đối với vấn nạn nên lập ra *bốn vấn ký*¹⁶⁴:

1. **Quyết định ký:** Những gì như lý hỏi, thì thiết lập không đảo ngược về thể tánh các pháp.
2. **Phân biệt ký:** Những gì như lý và không như lý hỏi, thì khai thị các tướng sai biệt.
3. **Phản cật ký:** Những gì là hý luận, thì chấm dứt tranh cãi.

163 Du-già sư địa luận dùng dị giáo 異教 (giáo lý khác) thay cho hắc giáo 黑教 (: bà-la-môn giáo).

164 Bốn vấn ký 四問記: Chỉ cho bốn loại vấn ký hay bốn loại ký luận. Đức Phật dùng 4 loại ký luận vì chúng sanh thuyết pháp: 1. Nhất hướng (quyết định), là đáp thẳng; 2. Phân biệt, là đáp rành rẽ; 3. Cật vấn (phản vấn, phản cật), là đáp bằng cách vấn nạn lại; 4. Chỉ luận (xả trí 捨置, mặc trí 默置), là đáp bằng cách gác lại. Tập A tỳ đàm tâm luận, quyển 1: “1. Nhất hướng ký luận: Có người hỏi, có phải tất cả chúng sanh, ai rồi cũng phải chết? Nên trả lời một hướng, tất cả chúng sanh, ai rồi cũng phải chết; 2. Phân biệt ký luận: có người hỏi, tất cả đều sẽ chết, chết rồi sanh lại không? Nên trả lời bằng sự phân biệt, nếu người có phiền não thì chết rồi lại sanh, người không còn phiền não thì chết rồi không sanh nữa; 3. Cật vấn ký luận: có người hỏi, con người là thù thắng chăng? Trả lời bằng cách hỏi lại, ông từ cõi nào đến đây, nếu người ấy nói, từ cõi trời đến, thì trả lời con người là xấu kém, nếu người ấy nói, từ nẻo ác đến đây, thì trả lời con người là thù thắng; 4. Chỉ ký luận: có người hỏi, âm và chúng sanh là dị hay đồng, nên gác lại câu trả lời, vì câu hỏi không thích ứng; giống như câu hỏi, đưa con của ta thạch nữ có khéo cung kính chăng? Thạch nữ không có con nên không thể trả lời là khéo cung kính hay không khéo cung kính được. Như vậy, có âm thì có chúng sinh sinh, làm sao có đồng hay dị, vì không thích ứng nên không trả lời.”



4. *Mặc trí ký*: Có bốn lý do: *không có thể tánh*, đưa đến sự không nghĩa lợi, *sâu xa* và *pháp tướng kia là pháp nhĩ*, như trước đã nói¹⁶⁵. Nếu muốn phân biệt rộng thì xem Tư sở thành địa¹⁶⁶.

Như có câu hỏi: “*Như Lai có tồn tại sau khi chết? Như Lai không có tồn tại sau khi chết? Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết? Như Lai chẳng có tồn tại và chẳng không tồn tại sau khi chết?*” Câu hỏi này, lý thú thế tục đế và lý thú thắng nghĩa đế đều không thể ghi nhận, cho nên im lặng, gác lại. Đứng về mặt thắng nghĩa, Như lai thì vô tánh nên không thể ghi nhận. Đứng về mặt thế tục, đạo lý năng y và sở y trái ngược nhau, và như vậy quả ấy vĩnh viễn đoạn diệt, chẳng phải chân thật, cho nên không ghi nhận: “*Như Lai có tồn tại sau khi chết?...*”

[539b19] 5. **Thứ đệ**: Lược có ba thứ: 1. Thứ đệ viên mãn; 2. Thứ đệ giải thích; 3. Thứ đệ năng thành.

Vì muốn hiển thị ba thứ đệ này, lược dẫn Thánh giáo: Như Thế tôn nói: “*Thuở Ta xuất gia là lúc tươi đẹp, tươi đẹp bậc nhất, tươi đẹp tốt cùng.*” Câu này hiển thị sự tươi đẹp theo thứ đệ viên mãn. Lại nữa, nói rằng: “*Ta từng sống ở cung điện của phụ vương Tịnh Phạn, Ta có dung mạo đoan chánh,*” cho đến nói rộng. Câu này hiển thị sự tươi đẹp theo thứ đệ giải thích. Lại nói rằng: “*Vì lý do gì đang lúc tươi đẹp lại xuất gia? Do thấy pháp già, bệnh, chết, v.v...*” Câu này hiển thị sự tươi đẹp theo thứ đệ năng thành.

Lại nữa, trong kinh lược nói về các pháp, như nói: “*Ba cảm thọ: khổ, lạc và bất khổ bất lạc*”, đại loại như vậy. Ở đây chỉ hiển thị *thứ đệ*

165 Xem *Hiển dương*, quyển 6, phẩm *Nhiếp tịnh nghĩa*, phần 2, mục *Mười hai thứ giáo*.

166 *Du-già sư địa luận*, quyển 16, *Tư sở thành địa*, tr. 362c28~363a08.



viên mãn. Do những câu khác làm tròn đầy nghĩa của cảm thọ, nên gọi là viên mãn. Giống như cảm thọ, nên biết trong bốn Thánh đế, trước hết nói câu đầu, sau đó lần lượt tùy thuận phân tích.¹⁶⁷

Thứ đệ năng thành có hai thứ: Hoặc lấy câu trước để thành lập câu sau, hoặc dùng câu sau thành lập câu trước. Nên biết, *thứ đệ giải thích* cũng như vậy.

[539c03] 6. **Sư**:¹⁶⁸ Người thành tựu mười pháp gọi là *thuyết pháp sư*; vị ấy tròn đầy các sắc thái sau đây:

1. Khéo biết pháp nghĩa: Khéo biết rõ sáu thứ pháp và mười thứ nghĩa¹⁶⁹.

2. Khả năng tuyên thuyết rộng khắp: Đa văn, nghe rồi thọ trì pháp, dồn chứa sự lắng nghe.

3. Đầy đủ sự vô úy: Đứng trước đại chúng ưu thắng như sát-đế-lợi v.v... tuyên thuyết chánh pháp mà không hề khiếp sợ; do không khiếp sợ nên giọng không khàn đục, nách không đỏ mồ hôi, niệm không quên mất.

4. Ngôn từ khéo léo: Ngữ công viên mãn, tám phần thành tựu, ngôn từ đầy đủ mà ở trong đại chúng thuyết pháp. *Ngữ công viên mãn*: là câu cú tương ưng, trợ bạn, v.v... cho đến nói rộng.¹⁷⁰ *Tám phần*

167 Tương ưng bộ, phẩm *Chuyển pháp luân*: “*Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo. Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, oán gặp nhau là khổ, ái biệt ly là khổ, cầu không được là khổ. Tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.*” (HT. Thích Minh Châu dịch)

168 Thích: sư, thuyết chúng, thỉnh, tán Phật (lược, quảng), học thắng lợi.

169 Sáu thứ pháp: 1. Danh thân; 2. Cú thân; 3. Tụ thân; 4. Ngữ; 5. Hành tướng; 6. Cơ thỉnh. Mười thứ nghĩa: 1. Nghĩa của các địa; 2. Nghĩa của tướng; 3. Nghĩa của tác ý; 4. Nghĩa của xứ sở; 5. Nghĩa của tội lỗi; 6. Nghĩa của thắng lợi; 7. Nghĩa của số trị; 8. Nghĩa của năng trị; 9. Nghĩa của sơ lược; 10. Nghĩa của quảng đại.

170 Tương ưng, trợ bạn, tùy thuận, thanh lượng, hữu dụng, tương xứng, ứng thuận, thường ủng phần tư lương. Xem ở trên [536b05].



thành tựu: là thượng thủ ngữ, mỹ diệu ngữ, v.v... cho đến nói rộng.¹⁷¹

5. Thiện xảo phương tiện thuyết: Là hai mươi thứ thiện xảo phương tiện thuyết, như các sắc thái: thời, ân trọng v.v...¹⁷²

6. Thành tựu đầy đủ pháp tùy pháp hành: Không chỉ lắng nghe ngữ ngôn, mà thiết yếu là thực hành đúng như ngôn thuyết.

7. Uy nghi đầy đủ: Khi thuyết chánh pháp, không hoa tay múa chân, không lắc đầu chớp mắt, mặt không có biến sắc, đi đứng đoan nghiêm nề nếp.

8. Dũng mãnh tinh cần: Thường ưa lắng nghe những pháp chưa được nghe, chuyển vận sao cho sáng tỏ những pháp đã nghe, không xả Du-già, không xả tác ý, tâm không xả ly nội xa-ma-tha.

9. Không có mỗi một: Vì bốn chúng nói rộng diệu pháp mà thân tâm không biết mệt.

10. Đầy đủ nhẫn lực: Dù bị chửi mắng, trêu tức, quở trách, trợn không đáp lại; nếu bị khinh miệt, không sinh buồn giận, cho đến nói rộng.

[539c21] 7. **Thuyết chúng**: Là nơi mà năm chúng nói tám loại lời nói. Những gì là tám? 1. Lời nói đáng vui mừng; 2. Lời nói khéo khai phát; 3. Lời nói khéo thích nạn; 4. Lời nói khéo phân tích; 5. Lời nói khéo thuận nhập; 6. Lời nói dẫn chứng khác; 7. Lời nói thắng biện tài; 8. Lời nói tùy tông thú.

171 Thượng thủ ngữ, mỹ diệu ngữ, hiển liễu ngữ, dị giải ngữ, nhạo văn ngữ, vô y ngữ, bất nghịch ngữ và vô biên ngữ. Xem ở trên [536b05].

172 Du-già sư địa luận, quyển 38, Bồ tát địa, tr. 503b23~c01: "Sắc thái Bồ tát thuyết chánh pháp, lược có 20: 1. Thời gian; 2. Trọng pháp; 3. Thứ đệ; 4. Tương tục; 5. Tùy thuận; 6. Hoan hỷ; 7. Ái lạc; 8. Duyệt dư; 9. Hân dững; 10. Không gạt bỏ; 11. Ứng lý; 12. Xứng thuận; 13. Vô loạn; 14. Như pháp; 15. Thuận chúng; 16. Tâm từ; 17. Tâm lợi ích; 18. Tâm ai mẫn; 19. Không khen mình chê người; 20. Không dựa lợi dưỡng, cung kính, xưng tụng."



[539c25] *Năm chúng*: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia; 3. Chúng thanh tịnh tín; 3. Chúng tà oán; 5. Chúng trung bình.

[539c27] *Lời nói đáng vui mừng*: Có năm sắc thái: 1. Có chứng biết nhân quả; 2. Có thí dụ; 3. Ngữ nghiệp đầy đủ; 4. Văn tự cú đẹp đẽ; 5. Ngôn từ rõ ràng.

Lời nói khéo khai phát: Là khai mở để hiển lộ những nghĩa sâu kín, lý luận để sâu sắc những nghĩa thô cạn.

Lời nói khéo thích nạn: Khả năng khéo léo giải thích năm thứ vấn nạn, như trước có nói¹⁷³.

Lời nói khéo phân tích: Phân tích mỗi một pháp, dựa vào đạo lý tăng nhất, cho đến phân tích mười pháp¹⁷⁴; hoặc qua sự phân tích khéo léo ấy, như dựa vào một pháp để kiến lập, dựa vào hai pháp, ba pháp để kiến lập, dựa vào bốn niệm trú v.v... để kiến lập, cho đến nói rộng.

Lời nói khéo thuận nhập: Chỉ khéo giải thích rõ mười hai phần giáo: khế kinh, ứng tụng v.v..., hoàn toàn không dẫn chứng tà đạo, dị luận.

Lời nói dẫn chứng khác: Dẫn những kinh sách khác để xây dựng lập luận.

Lời nói thắng biện tài: Theo những gì mình chấp nhận, khéo phân biệt nghĩa.

173 Năm vấn nạn: Không hiểu nghĩa, lời nói trái ngược nhau, đạo lý trái ngược nhau, hiển thị không nhất định và cứu cánh không thể thấy.

174 Chỉ cho thập thượng pháp, tức pháp thập tiến. Kinh Phúng tụng và kinh Thập thượng là 2 bài kinh rất quan trọng trong việc tìm hiểu chánh pháp do Đức Phật thuyết giảng. Nội dung chứa đựng các phương pháp tu tập được Ngài Xá-lợi-phất và 500 vị tỷ kheo tổng kết, tụng đọc, và được Đức Phật chấp thuận. Có thể xem sự kiện này như là lần kết tập Chánh pháp đầu tiên diễn ra ngay thời đức Phật tại thế. Hai kinh này cùng tóm lược pháp được Đức Phật giảng dạy, có tất cả 329 pháp, gồm: 229 pháp căn bản, từ một pháp đến mười pháp, và 100 pháp được sắp xếp theo 10 đối tượng tu tập (tùy pháp), căn cứ theo tánh chất, mục tiêu của 229 pháp cơ bản trên. Mười đối tượng tu tập gồm: 8 đối tượng thiện, đưa đến an lạc, giải thoát và 2 đối tượng bất thiện, đưa đến đau khổ, sinh tử luân hồi. Mỗi đối tượng có 10 pháp như vậy có tổng cộng 100 pháp.



Lời nói tùy tông thú: Dựa vào ma-đát-lý-ca để phân biệt, chỉ bày; hoặc dựa vào những ngôn giáo của những học thuyết không điên đảo khác mà giải thích hợp lý.

[540a12] Lại nữa, ở trong chúng tại gia, thì nên chê trách các ác hành, khen ngợi các thiện hành, hiện tiền thuyết pháp làm cho họ ngưng dứt [điều ác], tiến tu [điều thiện]. Ở trong chúng xuất gia, thì nên dựa vào tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học, hiện tiền thuyết pháp làm cho chư vị xuất gia mau chóng tu tập viên mãn [ba học ấy]. Ở trong chúng thanh tịnh tín, chúng tà oán và chúng trung bình, thì nên dựa vào Thánh giáo quảng đại uy đức¹⁷⁵, hiện tiền thuyết pháp, theo thứ đệ của các chúng, khiến tăng trưởng hơn nữa, khiến sống trong đức tin¹⁷⁶, khiến phát sinh đức tin thanh tịnh.

175 Chỉ cho giáo lý Đại thừa hay Bồ tát tạng.

176 Xứ trung trú 處中住. Du-già sư địa luận dùng 'xứ trung tín' 處中信.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Ba

Phẩm Hai

NHIẾP TỊNH NGHĨA (Phần 9)

[540a26] 8. **Thính:** Khi thuyết chánh pháp, vị thầy thuyết pháp cần *an xứ* người nghe để trú trong sự cung kính, để lắng nghe không có đảo ngược.

Hỏi: Vì sao an xứ?

Đáp: Hoặc do một nhân, hoặc cho đến mười nhân.

[540a29] *Một nhân:* Là cung kính lắng nghe chánh pháp, hiện chứng lợi ích và an lạc. Ở đây, có lợi ích, chẳng có an lạc; có an lạc, chẳng có lợi ích; cho đến bốn câu; như trong Bồ-tát địa nói đến *pháp thọ*.¹⁷⁷

[0540b03] *Hai nhân:* Là khéo kiến lập tất cả pháp. *Khéo kiến lập*, là lia tội lỗi và đủ đại nghĩa. Lại nữa, vì người thuyết và người nghe mau chóng chứng đắc quả sa-môn. Nếu không được như vậy, thì người thuyết pháp vất bỏ sự nghiệp của mình, thiết lập ngôn luận một cách trống rỗng; người nghe pháp thì uống công mệt mỏi, không thu hoạch được gì cả.

177 Du-già sư địa luận, quyển 35, Bồ tát địa, tr. 483b11~16: "Đối với 4 pháp thọ, theo thứ đệ tương ứng, nên biết. Thế nào là 4 thứ pháp thọ? (1) Hoặc có pháp thọ hiện tại thọ lạc, đời vị lai thọ quả dị thực khổ; (2) Hoặc có pháp thọ hiện tại thọ khổ, đời vị lai thọ quả dị thực lạc; (3) Hoặc có pháp thọ hiện tại thọ lạc, đời vị lai thọ quả dị thực lạc; (4) Hoặc có pháp thọ hiện tại thọ khổ, đời vị lai thọ quả dị thực khổ. Bốn pháp này có nói rộng trong các kinh." Xem Trung bộ kinh, Tiểu kinh Pháp hành, số 45: "Này các Tỷ-kheo, có bốn loại pháp hành này. Thế nào là bốn? Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại lạc, tương lai quả báo khổ. Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại khổ và tương lai quả báo cũng khổ. Này các Tỷ-kheo, có loại pháp hành hiện tại lạc, và tương lai quả báo cũng lạc." (HT. Thích Minh Châu dịch)



[540b07] *Ba nhân*: Chánh pháp có khả năng khiến chúng sinh từ bỏ ác thú, có được thiện thú và là nhân tố mau chóng dẫn đến niết bàn. Ba sự như vậy toàn do cung kính lắng nghe mới có được.

[540b10] *Bốn nhân*: 1. Khi cung kính lắng nghe thì có thể khéo thấu đạt mười hai phần pháp như khế kinh, ứng tụng, v.v...; 2. Chánh pháp như vậy có năng lực khiến hữu tình từ bỏ các pháp bất thiện, nhiếp thọ các pháp thiện. Người khéo nghe pháp chính là người có khả năng tinh cần từ bỏ các pháp bất thiện, nhiếp thọ các pháp thiện; 3. Do từ bỏ các pháp bất thiện, nhiếp thọ các pháp thiện, mà xả ly nhân ác chiêu cảm quả khổ đời sau; 4. Do nhiếp thọ nhân thiện, từ bỏ nhân ác, mà mau chứng tịch diệt.

Năm nhân: Chánh pháp được thuyết bởi đức Bạc-già-phạm có nhân duyên, có xuất ly, có y thú, có dũng mãnh và có thần biến. Năm câu như vậy được phân biệt rộng trong Nhiếp dị môn phần.¹⁷⁸

[540b17] Lại có năm nhân lắng nghe chánh pháp: (1) Tôi sẽ nghe những gì chưa nghe; (2) Tôi nghe xong, sẽ nghiên cứu; (3) Tôi sẽ đoạn trừ tâm hoại nghi; (4) Tôi sẽ điều phục các kiến chấp; (5) Đối với cú nghĩa sâu kín, tôi sẽ dùng trí tuệ để thấu suốt. Đức Bạc-già-phạm thuyết năm nhân này là để hiển thị phương tiện và cứu cánh của ba thứ diệu tuệ văn, tư, tu: hai nhân đầu hiển thị văn tuệ; hai nhân ở giữa hiển thị tư tuệ; nhân sau cùng hiển thị tu tuệ.

[540b22] *Sáu nhân*: 1. Vì muốn kính báo ân đức đại sư: Đức Phật Thế tôn vì chúng ta mà thực hành vô lượng khổ hạnh khó làm để

178 Du-già sư địa luận, quyển 83, Nhiếp dị môn phần, tr. 761c24~762a01: “Có nhân duyên, là do có duyên khởi mà tất cả các học xứ được chế lập. Có xuất ly, là có vi phạm thì lấy pháp chế lập đúng cách mà xuất ly hoàn tịnh. Có y thú, là do bốn y chế lập (y phần tảo, khát thực, nương dưới gốc cây và nương nơi thuốc hủ lạn) mà siêu việt tất cả giới ác, các sự hủy phạm. Có siêu việt, là chế lập viên ly hai bên: sự thọ dụng dục lạc và tự khổ hạnh; tùy thuận sử dụng (: tác dụng của các pháp) khiến thành tựu. Có thần biến, là do ba thứ thần biến mà được hiển hiện, làm cho mau chóng có được thần thông, chế lập không cách hờ chánh giáo truyền trao.”



cầu được pháp này, vì sao ngày nay chúng ta không biết lắng nghe; 2. Quán tự nghĩa lợi: Chánh pháp của Phật có nghĩa lợi hiện tại¹⁷⁹; 3. Rốt ráo rời xa tất cả nhiệt não; 4. Khéo thuận chánh lý; 5. Dễ dàng thấy rõ; 6. Các bậc thông tuệ nội chứng sở tri.

[540b27] *Bảy nhân*: Là bảy thứ chánh pháp, như kinh có ghi: “Tôi sẽ tu tập bảy thứ chánh pháp”, nghĩa là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết chúng hội và biết sự hơn kém của bồ-đặc-già-la.¹⁸⁰

[540b29] *Tám nhân*: 1. Phật pháp dễ được, thậm chí vì chiêm-đồ-la¹⁸¹ v.v... mà khai thị; 2. Dễ dàng tu học, đi đứng ngồi nằm đều có thể tu được; 3. Dẫn phát nghĩa lợi: có thể dẫn đến quả thế gian và quả xuất thế gian; 4. Sơ thiện; 5. Trung thiện; 6. Hậu thiện;¹⁸² 7. Cảm quả vui hiện tại; 8. Dẫn quả vui đời sau.

179 Nghĩa lợi hiện tại: Tánh chất thực tiễn, thực tế, rất thiết thực hiện tại của những lời giảng dạy của Thế Tôn: “Pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự mình giác hiểu.” (Tăng chi bộ kinh, VI.47) “Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thật là quá nhiều, những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra! Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại không nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy. Và này các Tỷ-kheo, điều gì mà Ta nói? „Đây là Khổ“, này các Tỷ-kheo, là điều Ta nói. „Đây là Khổ tập“, là điều Ta nói. „Đây là Khổ diệt“, là điều Ta nói. „Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt“, là điều Ta nói. Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.” (Tương ưng bộ, 56.31, Simsapà)

180 Xem Trung A-hàm, phẩm Bảy pháp, kinh Thiện pháp: “Nếu có Tỷ-kheo thành tựu bảy pháp tất được hoan hỷ an lạc trong pháp Hiền thánh, thắng tiến đến lậu tận. Bảy pháp đó là gì? Đó là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết chúng hội và biết sự hơn kém của người.” (Thích Tuệ Sỹ dịch) Phật thuyết Thất tri kinh 佛說七知經, No. 27, tr. 810a06~b28. Tăng nhất A-hàm, phẩm Đăng pháp. Tập dị môn túc luận 集異門足論, No. 1536, quyển 17, tr. 437b18~c10. Đại Tỳ bà sa luận, No. 1545, quyển 31, tr. 160c06~11.

181 Chiêm-đồ-la 旃荼羅 (s: *Candāla*): chỉ tầng lớp cùng đinh trong xã hội Ấn Độ ngày xưa, chuyên làm nghề đồ tể, săn bắt, bán hàng rong. Theo Ma-nô pháp điển, dòng họ chiêm-đồ-la là do pha trộn hai huyết thống, cha là Thủ-đà-la, mẹ là Bà-la-môn.

182 Trung bộ kinh, kinh Canki, số 95: “Đây là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn. Với thắng trí, Ngài tự thân chứng ngộ thế giới này cùng với Thiên giới, Phạm thiên giới, cùng với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, các loài Trời và loài Người. Khi đã chứng ngộ, Ngài còn tuyên thuyết điều Ngài đã chứng ngộ. Ngài thuyết pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, văn nghĩa đầy đủ, Ngài tuyên dạy Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, trong sạch. Tốt đẹp thay sự chiêm ngưỡng một vị A-la-hán như vậy!”. (HT. Thích Minh Châu dịch)



[540c04] *Chín nhân*: Có khả năng thoát chín sự bức bách: 1. Ra khỏi lao ngục lớn là sinh tử; 2. Vĩnh đoạn những trói buộc vững chắc là tham, sân, si, v.v...; 3. Phá nát bảy thứ nghèo khó lớn và xây dựng bảy thứ giàu có lớn¹⁸³; 4. Thiện hành lắng nghe chánh pháp bằng cách vượt qua sự nghèo thiếu và xây dựng sự giàu đủ; 5. Diệt bóng tối vô minh, khởi ánh sáng trí tuệ; 6. Vượt bốn bậc lưu¹⁸⁴, lên bờ niết bàn; 7. Đối trị phiền não là các bệnh trong tâm; 8. Giải thoát tất cả lưới tham ái; 9. Khả năng vượt qua các hành tạp nhiễm rừng rậm, đồng rộng của sự sinh tử từ vô thủy.¹⁸⁵ Trong các lao ngục thì lao ngục sinh tử là quan trọng nhất, cho nên nói đầu tiên.

[540c13] *Mười nhân*:

1. Cung kính nghe pháp của Như lai, rồi được cái lực tư trạch, nhờ đó tiếp nhận những nghĩa lợi của pháp đã nghe; như pháp cầu tài sản, không lấy phi pháp; thấy sâu tội lỗi khi thọ dụng tài sản.
2. Khéo biết xuất ly: thoát mất tài bảo mà không lo, không rầu, cũng không than oán; cho đến nói rộng quyền thuộc chia lia, mất

183 Bảy thứ giàu có lớn, chỉ cho bảy Thánh tài: 1. Tín; 2. Tiến; 3. Tàm; 4. Quý; 5. Văn; 6. Xả; Tuệ. Ngược lại đây là 7 thứ nghèo khó lớn.

184 Bốn bậc lưu: Dục bậc lưu, hữu bậc lưu, kiến bậc lưu và vô minh bậc lưu. “Này các Tỷ-kheo, có bốn bậc lưu này. Thế nào là bốn? Dục bậc lưu, hữu bậc lưu, kiến bậc lưu, vô minh bậc lưu. Này các Tỷ-kheo, đó là bốn bậc lưu này. Chính vì mục đích muốn thắng trí, muốn liễu trí, muốn đoạn diệt, muốn đoạn tận bốn bậc lưu này, này các Tỷ-kheo, Thánh đạo Tám ngành này cần phải tu tập.” (Tương ưng, 171.I. Bậc lưu)

185 Kinh Đại Báo tích, quyển 115, Pháp hội Vô Tận Huệ Bồ tát: “Này Vô Tận Huệ! Chư Bồ Tát hành Lục Ba la mật dùng mười pháp làm đầu là: Biết rừng rậm tâm hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm phiền não hiện hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm ý lạc thắng giải hiện hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm các thứ giới hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm tùy phiền não hành của tất cả chúng sanh, biết rừng rậm tập khí phiền não hành của tất cả chúng sanh và dùng tâm không môi nhọc thành thực rừng rậm các căn hành của tất cả chúng sanh.” (HT. Thích Trí Tịnh dịch) Kinh Hoa nghiêm, quyển 68, phẩm Nhập pháp giới: “Bồ tát muốn thường nhiếp ngự tất cả chúng sanh, muốn vượt khỏi rừng rậm, đồng rộng sanh tử ... Vì người bị nạn nơi rừng rậm, đồng rộng mà hiện ra chỉ đường cho họ. Nguyện tất cả chúng sanh đón rừng rậm kiến chấp, chặt tấm lưới tham ái, thoát đồng rộng sanh tử, diệt bóng tối phiền não, vào đường bằng thẳng Như thiết trí, đến chỗ vô úy rất rạo an lạc.”



mất, không quá đau buồn; nếu mắc bệnh nặng cũng không sầu não.

3. Thấy sâu các dục có nhiều tội lỗi, và thấy xuất ly công đức tối thắng; từ bỏ gia đình, đi vào đạo pháp, lia những tham trước đối với đồ nằm, v.v... tốt đẹp, cho đến chứng đắc các tính lự vi diệu.

4. Cung kính lắng nghe chánh pháp không có đảo ngược, có thể tùy thuận chứng giải các pháp duyên khởi quảng đại sâu xa, tương tự sâu xa. Lại có thể dẫn phát thiện căn quảng đại, xuất ly, hoan hỷ; như đức Bạc-già-phạm nói: “*Các Thánh đệ tử của Ta chuyên nhất tâm ý, lắng nghe chánh pháp, có thể đoạn năm pháp, có thể tu bảy pháp, mau chóng viên mãn.*”¹⁸⁶

5. Các Thánh đệ tử cung kính nghe pháp, bao nhiêu pháp tập khởi đều chuyển thành pháp đoạn diệt.¹⁸⁷

6. Sau khi hiểu được chánh pháp thì viễn ly trần cấu, ở trong các pháp sinh *chánh pháp nhãn*.¹⁸⁸

186 Tạp A-hàm, kinh Thất giác chi, số 709: “Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. “Nếu Tỷ-kheo chuyên nhất tâm mình, lắng nghe Chánh pháp, có thể đoạn năm pháp; tu tập bảy pháp khiến cho càng lúc càng thăng tiến mãi túc. Đoạn Năm pháp gì? Là tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, trạo hối cái và nghi cái, đó gọi là đoạn Năm pháp. Tu tập bảy pháp gì? Là Niệm giác chi, Trạch pháp giác chi, Tinh tấn giác chi, Khinh an giác chi, Hỷ giác chi, Định giác chi và Xả giác chi. Nếu tu bảy pháp này thì càng lúc càng thăng tiến mãi túc.” Sau khi Phật nói kinh này xong, các Tỷ-kheo nghe những gì Phật đã dạy, đều hoan hỷ phụng hành.” (Thích Đức Thắng dịch)

187 Khi mười hai nhân *duyên sinh* tập khởi thì đồng nghĩa với toàn bộ khổ uẩn khởi. Khi mười hai nhân duyên đoạn diệt thì đồng nghĩa với toàn bộ khổ uẩn đoạn diệt.

188 Tạp A-hàm, kinh 379, Chuyển pháp luân: “Đây là Khổ Thánh đế, là pháp vốn chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, phát sanh nhãn, trí, minh, giác. Đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ diệt đạo tích Thánh đế, là vốn pháp chưa từng nghe, khi được tư duy chân chánh, thì phát sanh nhãn, trí, minh, giác.” Đại tỷ bà sa luận 大毘婆沙論, quyển 182: “Như khế kinh nói: ‘Khi đức Phật nói pháp môn này, cụ thọ Kiều-trần-na và tám ngàn chư thiên viễn ly trần cấu, ở trong các pháp sinh tịnh pháp nhãn.’ Ở đây, viễn trần, là viễn tùy nhãn; ly cấu, là ly trần cấu; ở trong các pháp, là ở trong bốn Thánh đế; sinh tịnh pháp nhãn, là thấy bốn Thánh đế thì tịnh pháp nhãn phát sinh.” (tr. 913b05-09) Tịnh pháp nhãn phát sinh sau khi chư vị thể nhập chánh tánh ly sinh, tức kiến đạo. Chánh tánh là vô lậu tuệ, ly sanh là lia phiền não (loại phân biệt). Phiền não này gọi là sinh vì như đồ ăn sống, ăn vào sinh bịnh, phiền não này sinh ra chúng sinh nên gọi là sinh. Vô lậu tuệ đoạn trừ cái sinh ấy nên gọi là chánh tánh ly sinh.



7. Có thể khéo dẫn nhiếp tư lương tối thắng để chứng quả Dự lưu; cho đến chứng được quả A-la-hán và có thể dẫn nhiếp tư lương tối thắng để chứng quả A-la-hán.¹⁸⁹

8. Có thể khéo dẫn nhiếp tư lương Độc giác.

9. Có thể khéo dẫn nhiếp tư lương Vô thượng chánh đẳng bồ-đề.

10. Dẫn phát tất cả tinh lự, đẳng trì, đẳng chí, đẳng định của thế gian và xuất thế gian.

[541a01] 9. **Tán Phật lược quang:** Khi thuyết chánh pháp, vị thầy thuyết pháp trước phải ca ngợi đức Phật. Ca ngợi có hai thứ: lược và quang.

[541a03] **Lược ca ngợi:** Có năm thứ: 1. Diệu sắc; 2. Tịch tĩnh; 3. Thắng trí; 4. Chánh hành; 5. Uy đức.

Diệu sắc: Ba mươi hai tướng đại trượng phu và tám mươi vẻ đẹp tùy hình.

Tịch tĩnh: Khéo thủ hộ các căn môn v.v... và vĩnh viễn nhỏ bặt phiền não tập khí.

Thắng trí: Ở trong thời gian quá khứ, vị lai, hiện tại, đối với pháp thế gian và pháp phi thế gian thì không có gì chướng ngại.

Chánh hành: Lợi lạc mình người, chánh hành viên mãn.

Uy đức: Thần thông du hí của Như lai.

Lược ca ngợi Như lai lại có sáu thứ: (1) Công đức viên mãn; (2) Rời cầu nhiếp; (3) Không có trước ược; (4) Không ai sánh bằng; (5) Lấy việc lợi sinh làm sự nghiệp; (6) Nghiệp dụng lợi sinh được

189 Tư lương tối thắng chỉ cho Dự lưu hướng, Nhất lai hướng, Bất hoàn hướng, A-la-hán hướng. Tư lương cho quả Dự lưu là thân cận bậc chân nhân, biết nghe diệu pháp, như lý tác ý và thực hành pháp.



tự tại. Muốn phân biệt rộng thì xem Nhiếp quyết trạch phần.¹⁹⁰

Quảng ca ngợi: Là rộng rãi ca ngợi Như lai có vô biên công đức, như nói đức Bạc-già-phạm có vô biên danh xưng, có đức vô lượng; có thể chiếu ánh sáng, phát ra ánh sáng trí tuệ; có thể trừ bóng tối, vĩnh viễn diệt tất cả vô trí ám¹⁹¹; thành tựu minh nhãn¹⁹², có đủ ba nhãn¹⁹³; thấy thắng nghĩa đế, thấu suốt các Thánh đế không gì sánh; thành tựu giới cấm, đầy đủ tăng thượng tịnh giới.

[541a17] Lại nói, đức Bạc-già-phạm là bậc tôn cao trong các loài hai chân¹⁹⁴, là bậc hơn cả trong các bậc điều ngự, là bậc tốt đẹp đặc biệt trong chúng sa-môn, là trân bảo khó được trong thế gian.

[541a19] Lại nói, đức Bạc-già-phạm là người thương mọi vật, người yêu hữu tình, người ưa làm nghĩa, người cầu lợi vật, người thương xót hiện tiền.

[541a21] Lại nói, đức Bạc-già-phạm là mắt, là trí, [là nghĩa, là pháp,] thông suốt chân lý, với nghĩa sâu kín quyết định hiểu rõ; ¹⁹⁵ hễ làm việc gì đều y theo nghĩa mà chuyển.

190 Du-già sư địa luận, quyển 74, Nhiếp quyết trạch phần, tr. 707c15~708b13.

191 Vô trí ám = sự mờ tối của vô minh.

192 Minh nhãn: Mắt sáng, chỉ cho tuệ giác của bậc Thánh. Đức Phật cũng tự cho mình là một A-la-hán, cách mà Phật đi đến giác ngộ cũng giống hết những vị A-la-hán khác, nhưng vì trong vô số kiếp trước Phật đã xả thân làm lợi ích cho chúng sinh, thực hành Bồ tát hạnh nên khi đắc đạo ngài có thần thông, trí tuệ, dung mạo, công đức... cực kỳ cao quý, phi phàm, vượt xa những A-la-hán đệ tử sau này.

193 Ba nhãn: 1. Nhục nhãn; 2. Thiên nhãn; 3. Tuệ nhãn. Theo Du-già sư địa luận, quyển 14: Nhục nhãn có thể thấy sắc chất có hình tướng và không bị chướng ngại. Thiên nhãn có khả năng thấy được sắc chất hiển lộ hay không hiển lộ, có chướng ngại hay không chướng ngại. Tuệ nhãn, cũng gọi Thánh tuệ nhãn, có năng lực nhìn thấu tất cả các pháp có sắc chất hay không có sắc chất (vật chất và tinh thần). (tr. 349c08-13)

194 Lương túc trung tôn: Lương túc là 2 chân, hay đủ cả hai. Có 2 nghĩa: 1. Ở giữa chư thiên và nhân loại, là những loài sanh ra có 2 chân thì Phật là bậc đáng tôn quý nhất; 2. Lương túc tôn là bậc tôn cao vì phước tuệ toàn hảo.

195 Du-già sư địa luận, quyển 84: "Đức Phật Thế tôn là mắt, nghĩa là có thể dẫn phát tuệ câu sinh; là trí, nghĩa là có thể dẫn phát tuệ gia hành; là nghĩa, nghĩa là có thể dẫn phát tuệ do tư làm thành; là



[541a23] Lại nói, đức Bạc-già-phạm có thể chứng tất cả nghĩa chưa được chứng: trước là chứng tám chi Thánh đạo, là tự nhiên chứng, là lập Thánh phạm hạnh chưa từng lập¹⁹⁶.

Lại nói, đức Bạc-già-phạm biết Thánh đạo, chi Thánh đạo, nói Thánh đạo, dẫn Thánh đạo.

Lại nói, đức Bạc-già-phạm là sư tử trong loài người, vì là sợ hãi; là ngư vương trong loài người, vì chế ngự đại chúng; là bậc điều ngự trong loài người, vì làm thượng thủ của đại chúng; là long vương trong loài người, vì không sai lầm; là ngựa hay trong loài người, vì tâm điều thuận; là bậc tối thắng trong loài người, vì gia tộc, sắc tướng v.v... vượt hơn các chúng; là bậc tối thượng trong loài người, vì giới hạnh, trí tuệ, uy đức tối thắng vượt hơn mọi người; là hoa sen trong loài người, vì không bị nhiễm ô bởi tám pháp thế gian¹⁹⁷; là bậc vô đẳng, vì không ai sánh bằng; là bậc vô đẳng đẳng¹⁹⁸, vì quá khứ, vị lai, hiện tại không có ai đồng đẳng với chư thiện thế¹⁹⁹; là bậc đệ nhất, vì tối thượng trong các hữu tình; là bậc đại tiên, vì gìn giữ thượng thi-la²⁰⁰, trường thời tích tập các phạm hạnh, chứng pháp sở chứng của bậc đại tiên xưa kia; là

pháp, nghĩa là có thể dẫn phát tuệ do văn làm thành. Với nghĩa không hiểu rõ thì quyết định hiểu rõ, nghĩa là tất cả nghi hoặc đều có thể đoạn trừ. Có thể làm chỗ nương tựa cho tất cả nghĩa, nghĩa là có thể dẫn phát tất cả sự hưng thịnh của thế gian và xuất thế gian.” (tr. 767c25~768a01) Kinh Thắng man, Nhiếp thọ: “Bạch Thế Tôn, con thấy sự nhiếp thọ Chánh pháp có sức mạnh lớn như vậy. *Phật là con mắt chân thật*, là trí chân thật, là gốc rễ của pháp, là bậc thấu suốt pháp, là nơi nương tựa của chánh pháp, tất nhiên cũng biết và thấy như vậy.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

196 Thánh phạm hạnh: là 4 Thánh phạm hạnh hay 4 tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả.

197 Chỉ cho đức tánh bất phong bất động của ứng thân Phật. Tám thứ gió không làm lay động: lợi và suy, là được hay mất sự vừa ý; hỷ và dự, là khen hay chê sau lưng; xung và cơ, là khen hay chê trước mặt; khổ và lạc, là khổ hay vui tâm ý.

198 Vô đẳng đẳng 無等等: Bậc đủ phẩm chất không có gì có thể đồng đẳng.

199 Thiện Thế 善逝: là như thật đi qua bờ bên kia, không còn trở lại biển sinh tử chìm đắm nữa.

200 Thượng thi la 上尸羅: Thập trụ đại tỷ bà sa 十住毘婆沙論, No. 1521: “Nếu vô ngã, ngã sở, viễn ly các hý luận, tất cả không sở đắc, gọi là thượng thi-la.” (tr. 110c17)



bậc tối thắng, vì điều phục tất cả thiên ma, ngoại đạo, phiền não v.v...; là đại mâu-ni, vì không có tất cả trạo cử, kiêu mạn v.v..., và ba tịch tĩnh²⁰¹ tương ưng đầy đủ; là bậc không thể dẫn đoạt, vì tất cả sinh loại và các dị luận không thể đoạt lấy; là bậc mộc dục²⁰², vì là các điều ác, đến bờ bên kia, vượt qua tất cả tát-ca-da kiến.

[541b10] Lại nói, Như lai, Ứng, Chánh đẳng giác, Minh hạnh viên mãn, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng trọng phu, Thiện điều ngự sĩ, Thiên nhân sư, Phật, Bạc-già-phạm.²⁰³

[541b12] Lại nói, bạch pháp viên mãn²⁰⁴, là bậc Nhất thiết trí, là vua của chánh pháp, không quên mất pháp, là tối thắng của các hữu tình kiên cố, tất cả khổ vui không quấy rối tâm.

[541b14] Lại nói, là bậc thiện điều, vì khéo đầy đủ sự mật hộ căn môn; là bậc tịch tĩnh, vì khéo đầy đủ sự thọ trì tịnh thi-la; là bậc an ổn, vì đã đi vào quyết định địa; là bậc bát niết bàn, vì đã chứng bồ-đề; là bậc nhỏ mũi tên độc, vì vĩnh viễn nhỏ bỏ tất cả mũi tên hữu ái.

[541b18] Lại nói, là bậc điều phục những gì chưa điều phục; là bậc tịch tĩnh những gì chưa tịch tĩnh, như trước đã nói; là bậc an ổn những gì chưa an ổn, vì khéo kiến lập các phàm phu, v.v... khiến chứng quả Dự lưu, Nhất lai.

[541b21] Lại nói, là bậc không gông cùm, là bậc thoát khỏi hầm

201 Ba tịch tĩnh: Là ba nghiệp vắng lặng: thân mâu-ni, ngữ mâu-ni và ý mâu-ni.

202 Mộc dục 沐浴: tắm gội.

203 Ứng = Ứng cúng; Chánh đẳng giác (chánh đẳng chánh giác) = Chánh biến tri; Minh hạnh viên mãn = Minh hạnh túc; Vô thượng trọng phu = Vô thượng sĩ; Thiện điều ngự sĩ (Điều ngự sĩ) = Điều ngự trọng phu. Bạc-già-phạm (Bhagavan) = Thế tôn: đáng có 10 đức hiệu nên tôn xưng là Thế tôn.

204 Nhiếp luận: “Sắc thái bạch pháp thành tựu [của Pháp thân], là do 6 ba la mật viên mãn mà được 10 tự tại. Tự trung, sống lâu tự tại, tâm thức tự tại và đồ dùng tự tại, là do viên mãn thí ba la mật; nghiệp tự tại và sinh tự tại là do viên mãn giới ba la mật; thắng giải tự tại là do viên mãn nhẫn ba la mật; nguyện tự tại là do viên mãn tiến ba la mật; thần lực tự tại, thông nhiếp tất cả ngũ thông, là do viên mãn định ba la mật; trí tự tại và pháp tự tại là do viên mãn tuệ ba la mật.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



lửa; là bậc vượt qua hào sâu [vô minh]; là bậc chế ngự tìm cầu các dục; là bậc không lay động; là bậc bẻ gãy cờ kiêu mạn; là bậc đại thường trú.

[541b23] Lại nói, là bậc đại A-la-hán, các lậu vĩnh viễn đoạn tận, như trước đã nói²⁰⁵; cho đến hết các hữu kết.

[541b25] Lại nói, vĩnh đoạn năm chi phần²⁰⁶, thành tựu sáu chi phần²⁰⁷; như vậy nói rộng cho đến thuần thiện đôn chứa Vô thượng trọng phu.

[541b27] Lại nói, là bậc khéo biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết chúng hội và biết sự hơn kém của bồ-đặc-già-la.

Lại nói, là vị đại sa-môn, vị đại bà-la-môn, bậc ly cấu, bậc vô cấu, vị lương y²⁰⁸, vị thương chủ²⁰⁹, bậc thắng quán sát, đáng thế gian y, bậc chúng sinh tôn.

Ở đây, *ly cấu* là phiền não chướng đã đoạn; *vô cấu* là sở tri chướng đã đoạn. Lại nữa, vĩnh viễn nhổ bỏ tập khí, gọi là *vô cấu*. Ngày đêm sáu lần quán sát thế gian, gọi là *thắng quán sát*.

205 Du-già sư địa luận, quyển 34: "Bấy giờ thành A-la-hán, các lậu đã hết, việc cần làm đã làm xong, đã lìa các gánh nặng, đã được lợi mình, hết các hữu kết." (tr. 477a13~15)

206 Vĩnh đoạn năm chi phần: Diệt 5 triền cái. Tăng chi bộ kinh, phẩm Hộ trì, Thánh cư: "Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo đã đoạn tận năm chi phần? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận dục tham, đoạn tận sân, đoạn tận hôn trầm thụy miên, đoạn tận trạo hối, đoạn tận nghi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đoạn tận năm chi phần." (HT. Thích Minh Châu dịch)

207 Thành tựu sáu chi phần: Thành tựu sự chế ngự 6 căn môn đối với 6 trần, còn gọi là 6 hằng trú hay 6 đẳng pháp. Tăng chi bộ kinh, phẩm Hộ trì, Thánh cư: "Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo thành tựu sáu chi phần? Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả chánh niệm tinh giác; khi tai nghe tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc, khi ý biết pháp, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả, chánh niệm tinh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thành tựu sáu chi phần."

208 Tập A-hàm, kinh Lương y, số 389.

209 Thương chủ dẫn dắt đàn thương nhân.



Lại nói, là bậc nhất thiết chủng thiện thanh tịnh²¹⁰; là bậc trang nghiêm thân bằng tướng tốt đại trọng phu và vẻ đẹp tùy hình; là bậc đại lực với đầy đủ mười lực; là bậc vô sở úy với đầy đủ bốn vô úy; là bậc thành tựu đại bi; là bậc an trú niệm với ba niệm trú; là bậc thành tựu ba thứ bất hộ; là bậc không quên mất pháp; là bậc vĩnh hại tất cả phiền não tập khí; là bậc đầy đủ tất cả thứ diệu trí.²¹¹

Ở đây, đại bi là vì đôn chứa trong thời gian lâu xa, nghĩa là trải qua ba đại kiếp a-tăng-xí-da mới được thành mãn. Lại nữa, đại bi thì duyên theo tất cả chúng sinh, duyên tất cả thứ khổ làm cảnh giới;²¹² đại bi thì không thể thoái chuyển đối với tất cả tổn não, biến dị, lợi dưỡng, v.v... của chúng sinh; đại bi thì khởi bình đẳng hạnh đối với tất cả hữu tình.

[541c12] 10. **Học thắng lợi:** (1) Vị thầy thuyết pháp nên dựa vào sự kiến lập giải thích kinh pháp tướng như vậy, trước phải tìm cầu văn hay nghĩa, sau đó hiểu rõ năm thứ thích²¹³ đã nói ở trước, rồi vì người giải thích đạo lý khi thuyết chánh pháp.

(2) Tiếp theo nên an lập tự thân, như trước đã nói về sắc thái của vị thầy thuyết pháp, nghĩa là tròn đầy mười thứ: khéo biết pháp nghĩa v.v...²¹⁴

210 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, quyển 13, phẩm Kính Phật: "Công đức thù thắng của bốn tướng thanh tịnh, đó là: 1. Thân thanh tịnh; 2. Duyên thanh tịnh; 3. Tâm thanh tịnh; 4. Trí thanh tịnh. Giữ bồ trí, hiển thị thân thanh tịnh, là năng lực giữ, bỏ hay trú ở sự sống lâu của thân mạng một cách tự tại. Biến hóa, hiển thị duyên thanh tịnh, là năng lực chuyển đổi và biến hóa các cảnh giới một cách tự tại. Định, hiển thị tâm thanh tịnh, là năng lực xuất nhập các định một cách tự tại. Trí, hiển thị trí thanh tịnh, là năng lực biết các cảnh giới vô ngại một cách tự tại."

211 Xem Hiển dương, quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4.

212 Du-già sư địa luận, quyển 44: "Bồ tát đối với hữu tình giới quán thấy 110 thứ khổ; đối với các hữu tình tu tâm bi vô lượng." (tr. 536a02)

213 Năm thứ thích: 1. Pháp; 2. Đẳng khởi; 3. Nghĩa; 4. Thích nạn; 5. Thứ đệ.

214 Mười thứ: 1. Khéo biết pháp nghĩa; 2. Khả năng tuyên thuyết rộng khắp; 3. Đầy đủ sự vô úy; 4.



(3) Như vậy tự an lập rồi, sau dựa vào đạo lý sai biệt đã nói ở trước²¹⁵ mà khởi ngôn thuyết, nghĩa là ở trong năm chúng²¹⁶, dùng tám loại ngôn từ: lời nói đáng vui mừng, v.v..., như trước đã nói²¹⁷, vì chúng thuyết pháp.

(4) Lại phải an xứ thính chúng khiến họ cung kính lắng nghe không có đảo ngược.

(5) Lại phải ca ngợi công đức của đức Phật²¹⁸ trước khi thuyết pháp.

Có đầy đủ năm phần thuyết chánh pháp như vậy, thì cũng như năm phần âm nhạc²¹⁹, có thể làm cho mình người sinh hoan hỷ lớn, có thể dẫn phát lợi ích mình người.

Lại nữa, nếu có thể khéo tu học như vậy, thì đầy đủ năm thứ thắng lợi: 1. Không khó hiểu rõ nghĩa lý của lời Phật dạy; 2. Có thể khéo tròn đầy sắc thái của sự thuyết pháp; 3. Có thể khéo khởi phát sự hoan hỷ lớn lao, liên tục cho mình và người; 4. Có thể dẫn ra sự khéo xuất ly, cho đến danh tiếng rộng khắp trong loài người và cõi trời; 5. Sinh khởi vô lượng công đức tối thắng.

Ngôn từ khéo léo; 5. Thiện xảo phương tiện thuyết; 6. Thành tựu đầy đủ pháp tùy pháp hành; 7. Uy nghi đầy đủ; 8. Dũng mãnh tinh cần; 9. Không có mỗi một; 10. Đầy đủ nhẫn lực.

215 Chỉ cho đạo lý tăng nhất trong kinh Thập thượng.

216 Năm chúng: 1. Chúng tại gia; 2. Chúng xuất gia; 3. Chúng thanh tịnh tín; 3. Chúng tà oán; 5. Chúng trung bình.

217 Tám loại ngôn từ: 1. Lời nói đáng vui mừng; 2. Lời nói khéo khai phát; 3. Lời nói khéo thích nạn; 4. Lời nói khéo phân tích; 5. Lời nói khéo thuận nhập; 6. Lời nói dẫn chứng khác; 7. Lời nói thắng biện tài; 8. Lời nói tùy tông thú.

218 Chánh văn là Đại sư, cũng chỉ cho đức Phật. Ca ngợi đức Phật có lược, có quảng.

219 Năm phần âm nhạc: Là ngũ cung: cung, thương, giác, trung, vũ 宮,商,角,徵,羽; ngũ âm này biểu tượng cho quân, thần, dân, sự và vật.



[541c26] Lại nữa, như đức Phật đã thuyết kinh *Trú học thắng lợi*.²²⁰ Thể tánh của kinh này gồm văn và nghĩa.

Về **văn**, kinh này nói: “*Bí-sô các ông cần phải an trú tu học thắng lợi.*” Ở đây có mười hai tự, bốn danh, một cú.²²¹ Như vậy là nhiếp lấy danh thân, cú thân và tự thân.

Ở đây, ngôn thuyết là sắc thái các học xứ, nên nhiếp vào *hành tướng*. Ngôn thuyết của Như lai vốn là do chư vị bí-sô thưa hỏi, nên nhiếp vào *cơ thỉnh*. Ngôn âm được thuyết bởi Như lai thì nhiếp vào *ngữ*. Tóm lại, một câu của kinh này nhiếp đủ sáu thứ của văn²²².

Như vậy, những câu “*trí tuệ là hơn hết v.v...*”²²³ tương ứng theo trên mà biết.

[542a04] Lại nữa, về **nghĩa**²²⁴: (1) Trong *nghĩa của các địa*, chỉ nói về nghĩa của Thanh văn địa, hoặc nói đủ năm địa. Kinh nói “*học thắng lợi*” là tư lương địa; “*trí tuệ là hơn hết*” là phương tiện địa; “*giải*

220 Tạp A-hàm, kinh Học, số 826: “Này các Tỳ kheo, thế nào là học giới theo phước lợi? Là Đại sư vì các Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng, tích cực nhiếp thủ Tăng, khiến người không tin, được tin; người đã tin, tăng trưởng lòng tin; điều phục người ác; người tâm quý được sống an vui; phòng hộ hữu lậu hiện tại; chính thức đối trị được đời vị lai; khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Như Đại sư đã vì Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng... cho đến khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Học giới như vậy như vậy, hành trì giới kiên cố, giới hằng tại, giới thường hành, giữ gìn học giới. Đó gọi là Tỳ kheo nhờ giới mà được phước lợi.” (Thích Đức Thắng dịch) Giới luật đức Phật đã chế định đều có cái công năng đoạn trừ phiền não, thanh tịnh thân tâm, trang nghiêm Tăng già, giải thoát sinh tử, chứng Niết-bàn. Đó gọi là thắng lợi hay phước lợi, cụ thể là 10 công đức, mục đích, lợi ích nêu trong đoạn kinh văn, mà luật Tứ phần gọi là Thập cú nghĩa, luật tạng Páli gọi là Thập lợi.

221 “Bí-sô các ông cần phải an trú tu học thắng lợi” là 12 tự. “Bí sô các ông” là danh thứ nhất; “cần phải an trú” là danh thứ hai; “tu học” là danh thứ ba; “thắng lợi” là danh thứ tư. Mười hai tự và 4 danh thành 1 cú.

222 Văn có sáu thứ: 1. Danh thân; 2. Cú thân; 3. Tự thân; 4. Ngữ; 5. Hành tướng; 6. Cơ thỉnh.

223 Tạp A-hàm, kinh Học, 826: “Thế nào trí tuệ là hơn hết? Đại Sư vì Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, hoặc vì an ủi, hoặc vì an lạc, hoặc vì an ủi, an lạc. Như vậy, Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, đối với pháp nào, chỗ nào cũng dùng trí tuệ quán sát. Đó gọi là Tỳ-kheo trí tuệ là hơn hết.”

224 Nghĩa có 10 thứ: 1. Nghĩa của các địa; 2. Nghĩa của tướng; 3. Nghĩa của tác ý; 4. Nghĩa của xứ sở; 5. Nghĩa của tội lỗi; 6. Nghĩa của thắng lợi; 7. Nghĩa của sở trí; 8. Nghĩa của năng trí; 9. Nghĩa của sơ lược; 10. Nghĩa của quảng đại.



thoát kiên cố” và “niệm là tăng thượng”²²⁵ là kiến địa, tu địa và cứu cánh địa. Đó gọi là nghĩa của các địa.

[542a08] (2) Trong nghĩa của tướng, “học thắng lợi” là tự tướng của giới; “trí tuệ là hơn hết” có đủ hai thứ tướng: trong sở y của tuệ, trợ bạn của tuệ v.v..., chỉ có tự thể của tuệ là tự tướng; quyền thuộc và sở duyên của tuệ v.v... gọi là cộng tướng²²⁶; “giải thoát kiên cố”, nghĩa là vĩnh ly tất cả phiền não thô trọng, là tự tướng của giải thoát; “niệm là tăng thượng” là tự tướng của niệm. Đại loại như vậy gọi là nghĩa của tướng.

[542a13] (3) Trong nghĩa của tác ý²²⁷, “học thắng lợi” không phải là thể của tác ý, chỉ hiển thị xứ sở mà tác ý kiến lập; “trí tuệ là hơn hết” hiển thị hai thứ tác ý là liễu tướng và thắng giải; “giải thoát kiên cố” hiển thị bốn thứ tác ý là viễn ly, nhiếp lạc, phương tiện cứu cánh và phương tiện cứu cánh quả; “niệm là tăng thượng” hiển thị tác ý quán sát. Đại loại như vậy gọi là nghĩa của tác ý. Do đạo lý này, đối với trí v.v...²²⁸ cũng nên tùy trường hợp mà phân biệt.

[542a19] (4) Trong nghĩa của xứ sở²²⁹, y nơi niết bàn mà nhiếp

225 “Thế nào là giải thoát kiên cố? Đại Sư vì các Thanh văn nói pháp với lòng đại bi thương cảm, vì nghĩa lợi, an ủi, an lạc. Như vậy, thuyết giảng pháp nào, chỗ nào, nơi nào cũng đem lại được an vui giải thoát. Đó gọi là Tỳ-kheo giải thoát kiên cố.”

“Thế nào là Tỳ-kheo niệm là tăng thượng? Người chưa đầy đủ giới thân, chuyên tâm cột niệm an trụ; điều chưa được quán sát, thì ở chỗ này chỗ kia bằng trí tuệ cột niệm an trụ. Điều đã được quán sát, thì ở chỗ này chỗ kia trùng khởi khởi niệm an trụ. Pháp chưa được xúc, thì ở chỗ này chỗ kia giải thoát niệm an trụ. Pháp đã được xúc, thì ở chỗ này chỗ kia giải thoát niệm an trụ. Đó gọi là Tỳ-kheo chánh niệm tăng lên.”

226 Hiển dương, quyển 8, [519c14]: “Thanh văn thừa có bảy hành tướng thì thiết kiến lập: 1. Cái tuệ không đảo ngược đối với bốn Thánh đế; 2. Sở y của tuệ này; 3. Sở duyên của tuệ này; 4. Trợ bạn của tuệ này; 5. Tác nghiệp của tuệ này; 6. Tư lương của tuệ này; 7. Chứng quả của tuệ này.”

227 Bảy thứ tác ý: 1. Tác ý liễu tướng; 2. Tác ý thắng giải; 3. Tác ý viễn ly; 4. Tác ý nhiếp lạc; 5. Tác ý quán sát; 6. Tác ý phương tiện cứu cánh; 7. Tác ý phương tiện cứu cánh quả.

228 Chỉ 10 trí, 6 thức thân, 9 thứ biến trí, 3 giải thoát môn.

229 Nghĩa của xứ sở có ba thứ: 1. Sự y xứ; 2. Thời y xứ; 3. Bồ-đặc-già-la y xứ. Sự y xứ có 3 thứ: 1. Căn bản sự y xứ; 2. Đắc phương tiện sự y xứ; 3. Bi mãn tha sự y xứ. Căn bản sự y xứ có 6 thứ: 1.



thọ học giới là dựa vào *thanh tịnh hành*; theo chỗ thích ứng khởi *dạy bảo*, v.v... gọi là chỉ bày, dạy bảo, khen ngợi, vui mừng. Nên biết, ở đây cũng bao gồm thiện hành, phi khổ hành, thuận tiến phần hành, tự nghĩa hành, tha nghĩa hành; nhưng theo sự tối thắng nên chỉ nói thanh tịnh hành và chỉ y cứ xuất gia bồ-đặc-già-la. Lại nữa, đối với tất cả chúng sinh: độn căn, lợi căn v.v...²³⁰ cần phải phát khởi các sự: vui mừng v.v..., nghĩa là dựa vào thời quá khứ, hiện tại khởi sự *vui mừng*, vì đã chứng đắc, vì chánh chứng đắc; dựa vào thời hiện tại, khởi sự *chỉ bày*; dựa vào thời vị lai, khởi sự *dạy bảo* và *khen ngợi*. Đó gọi là nghĩa của xứ sở.

[542a27] (5) Trong nghĩa của tội lỗi, người xuất gia thì không nên hành những hành động dị biệt, không nên tích trữ tài vật khác²³¹.

[542a29] (6) Trong nghĩa của thắng lợi, tu ba học đầy đủ thì đáng để xưng tán.

(7) Trong nghĩa của sở trị, là phạm thi-la, vô trí, phiền não và quên mất niệm.

(8) Nên biết, phòng hộ thi-la v.v... tức là nghĩa của năng trị.

Lại nữa, tất cả *tạp nhiễm hành* đều là nghĩa của sở trị; *các hành ba học v.v...*²³² là nghĩa của năng trị.

[542b04] (9) Trong nghĩa của sơ lược, là “trí học thắng lợi”

Thiện thú; 2. Ác thú; 3. Thoái đọa; 4. Thăng tiến; 5. Lưu chuyển (sinh tử); 6. Tịch diệt (niết bàn). Đắc phương tiện sự y xứ có 12 thứ: 1. Dục hành; 2. Ly hành; 3. Thiện hành; 4. Bất thiện hành; 5. Khổ hành; 6. Phi khổ hành; 7. Thuận thoái phần hành; 8. Thuận tiến phần hành; 9. Tạp nhiễm hành; 10. Thanh tịnh hành; 11. Tự nghĩa hành; 12. Tha nghĩa hành. Bi mãn tha sự y xứ có 5 thứ: 1. Khiến ly dục; 2. Chỉ bày; 3. Dạy bảo; 4. Khen ngợi; 5. Vui mừng.

230 Hai mươi bảy bồ-đặc-già-la.

231 Tài vật khác là ngoài 6 vật của tỳ kheo, còn gọi là “3 y 6 vật”: 3 y, bát, tọa cụ và dây lọc nước.

232 Là thanh tịnh hành, gồm 3 học và 5 địa.



cho đến “*niệm là tăng thượng*”. Phần sơ lược trình bày tông chỉ, gọi là nghĩa của sơ lược.

(10) Trong *nghĩa của quảng đại*, là phân biệt rộng ra phần sơ lược. Nên biết, đó là nghĩa của quảng đại. Ngoài ra không gì thêm nữa.

[542b07] Lại nữa, ở trong *giải thích*:²³³

(1) **Pháp**: Mười hai phần giáo được nhiếp trong *khế kinh*, cũng được nhiếp trong *ký biệt*, vì hiểu pháp nghĩa.

[542b09] (2) **Đẳng khởi**: Vì hiển thị tự thể của *biến hành hành trí lực*²³⁴ mà phát khởi kinh này; lại vì hiển thị sự tinh cần tu tập *thanh tịnh hành* và hiển thị sự yêu quý tài vật thế gian, khiến chúng sinh được hóa độ tin hiểu mà dựa vào “*trú học thắng lợi*” v.v..., tinh cần tu tập để mau được viên mãn ba học thắng lợi.

Lại vì hiển thị thể của bí-sô qua bốn thứ: Kinh nói, (i) “*học thắng lợi*” là vì thể của bí-sô nên phải rời xa chùng tánh, hình tướng [thế tục], và vì thể của bí-sô nên phải rời xa sự giả dối hiện tướng gìn giữ quý tác, uy nghi.

(ii) Lại nói, “*trí tuệ là hơn hết*” là vì thể của bí-sô nên phải rời xa chấp trước danh xưng hư vọng.

(iii) “*Giải thoát kiên cố*” và (iv) “*niệm là tăng thượng*” là vì thể của bí-sô nên phải khuyên họ tu tập chánh hành chân thật. Vì sao? Hoặc có người ưa thích danh xưng v.v..., chỉ vì danh xưng v.v... của mình mà cố gắng nghe nhận chánh pháp chứ không vì tăng trưởng trí tuệ; hoặc có người rời xa những lầm lỗi nói trên, đó gọi là chánh

233 Thích có năm thứ: 1. Pháp; 2. Đẳng khởi; 3. Nghĩa; 4. Thích nạn; 5. Thứ đệ.

234 Biến hành hành trí lực 行行智力: Lấy vô sở đắc làm phương tiện, biết rõ như thật tướng hoạt động cùng khắp của các loại hữu tình, thì đó là biến hành hành trí lực.



hành chân thật, nhiếp thọ trong chánh giải thoát, ưa muốn chứng đắc.

Lại vì những người đối với pháp thấp kém mà biết đủ, thì khuyến khích họ tu học pháp tăng thượng: (i) Với người thích tìm cầu, tùy thuận văn chương thế gian, chú thuật, đối với giới luật thì biếng nhác, trì hoãn, thì vì họ nói “*học thắng lợi*”. (ii) Với người chỉ biết gìn giữ thi-la, chối bỏ đa văn, thì vì họ nói “*trí tuệ là hơn hết*”. (iii) Với người chỉ biết văn, tư, cho là đủ, thì vì họ nói “*giải thoát kiên cố*”. (iv) Với người có giới, tuệ và giải thoát mà sinh tăng thượng mạn, thì vì họ nói “*niệm là tăng thượng*”. Đại loại như vậy gọi là đẳng khởi.

[542b27] (3) **Nghĩa**: Trong nghĩa chung, kinh này tuyên thuyết chánh hành và quả của chánh hành. Như vậy ba học: tăng thượng giới, tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ; được gọi là *phần lượng của sự học*²³⁵.

Kinh nói: “*như thị trú*”, là hiển thị chánh phương tiện hành được nhiếp trong bốn thứ Du-già²³⁶.

Lại nói: “*như thị trú ba học*”, là hiển thị quả của chánh hành. Ở đây, *tín* và *dục* làm đầu để nhiếp thọ thi-la. Khi lắng nghe, tiếp nhận chánh pháp, nhờ sức *chánh cần* để tu tập tuệ v.v... cần mượn *phương tiện*²³⁷.

Trong nghĩa riêng, gọi là *học*, (i) tức là “*tinh tiến*”, “*như Thánh giáo hành*”, “*hoặc tập*”, “*hoặc tu*”, gọi là *phân biệt sai biệt danh*. (ii)

235 Phần lượng của sự học: Ranh giới của sự học.

236 Hiển dương, quyển 7, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 3, [513c25]: “Bốn thứ Du-già để chánh học các học xứ: 1. Tín; 2. Dục; 3. Chánh cần; 4. Phương tiện.”

237 Hiển dương, quyển 7, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 3, [514a19]: “Phương tiện: Có bốn thứ: (1) Do cái lực tăng thượng của sự thủ hộ thi-la và sự thủ hộ các căn làm cho luật nghi các căn được thanh tịnh, khéo trú nơi niệm. (2) Do khéo trú nơi niệm nên có được sự không phóng dật, thủ hộ nơi tâm, tu tập các thiện pháp. (3) Do không phóng dật làm cho nội tâm tương ưng với sự tu chí, và (4) có được tăng thượng tuệ để quán sát các pháp.”



Thanh tịnh thân ngữ và chánh mạng hiện hành là *tự tướng* của học, [gọi là *phân biệt tự thể tướng*]. (iii) Do giới, nhẫn, v.v... hiển phát chánh hành, nên gọi là học. Lại vì cầu quả tịch tĩnh thanh lương, tinh tiến tu tập trừ diệt, nên gọi là học. Đại loại như vậy là *huấn thích danh ngôn*, như trước đã nói: do tướng, do tự thể, do nghiệp, do pháp và do nhân quả.²³⁸

Trong *ngĩa môn sai biệt*²³⁹:

(a) Trước bàn về *tự thể sai biệt*: Học, hiển thị bảy phẩm thi-la²⁴⁰, hoặc hơn một trăm năm mươi học xứ²⁴¹.

(b) *Giới sai biệt*, là trong Dục giới thiên chỉ có biệt giải thoát luật

238 Hiển dương, quyển 12, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8: “Nghĩa riêng cũng có bốn thứ: 1. Phân biệt sai biệt danh; 2. Phân biệt tự thể tướng; 3. Huấn thích danh ngôn; 4. Nghĩa môn sai biệt. Huấn thích danh ngôn lại do năm thứ phương tiện: 1. Do tướng; 2. Do tự thể; 3. Do nghiệp; 4. Do pháp; 5. Do nhân quả.”

239 “Nghĩa môn sai biệt cũng có năm thứ: 1. Tự thể sai biệt; 2. Giới sai biệt; 3. Thời sai biệt; 4. Vị sai biệt; 5. Bồ-đặc-già-la sai biệt.”

240 Bảy phẩm thi-la: (1) 4 ba-la-di; (2) 13 Tăng-già bà-thi-sa; (3) 2 pháp bất định; (4) 30 ni-tát-kỳ ba-dật-đề; (5) 90 ba-dật-đề; (6) 4 ba-la-đề-đề-xá-ni; (7) 7 pháp diệt tránh. Tổng cộng 150 học xứ.

241 Tạp A-hàm, kinh Học, số 819: “Một thời, Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bảy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: ‘Hơn hai trăm năm mươi giới, cứ mỗi nửa tháng, lại thuyết Ba-la-đề-mộc-xoa. Để cho kia tự mình cầu học mà học, nói ba học có thể tổng nhiếp các giới. Những gì là ba? Đó là tăng thượng Giới học, tăng thượng Ý học và tăng thượng Tuệ học.’” (Bản Pāli: diyaddha-sikkhāpadasatam, một trăm năm mươi điều học giới. Thích Đức Thắng dịch; Thích Tuệ Sỹ chú thích) Xem thêm Tạp A-hàm, kinh 821 và 829. Hiển dương, quyển 7, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 3, [512c01]: “Và còn từ vị ô-ba-đà-da, a-già-lợi-da được nghe về Biệt giải thoát kinh, trong đó có nói hơn một trăm năm mươi học xứ, để rồi tự thể tiếp nhận: Tôi sẽ học hết tất cả học xứ.” A-tỳ-đạt-ma Đại tỷ bà sa luận, quyển 46 nói: “Có bí-số con của dòng họ Phật-lật-thị đã xuất gia trong Phật Pháp vào lúc đức Như lai còn tại thế, lúc ấy Phật đã chế hơn 150 học xứ. Vào mỗi nửa tháng thuyết Biệt giải thoát giới kinh, nghe thuyết tự ưa các điều thiện.” (tr. 238a23-26) Du-già sư địa cũng nói: “Cần cứ 5 phạm tự và xuất 5 phạm tự để thuyết hơn 150 học xứ.” (tr. 772c06) Hơn 150 học xứ là căn cứ vào mức nhẹ hay nặng của điều bị phạm mà theo thứ tự để chia thành 5 bộ: ba-la-di, Tăng-già bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni, chúng học. Trong ba-dật-đề đã bao hàm ni-tát-kỳ ba-dật-đề và ba-dật-đề. Đây là cách tổ chức nguyên thủy của Giới kinh. Khi ngài Ưu-ba-ly kết tập, hẳn phải có điều được bổ sung, khảo đính, có thể là 191 giới, tức 4 ba-la-di, 13 Tăng-già bà-thi-sa, 30 ni-tát-kỳ ba-dật-đề, 92 ba-dật-đề, 4 ba-la-đề-đề-xá-ni, 50 pháp chúng học. Đến khi Phật nhập diệt được 100 năm, vào lúc cử hành cuộc kết tập lần thứ 2 tại thành Tỳ-xá-ly, thì 2 pháp bất định – điều khoản bổ sung cho 3 bộ trước, và 7 pháp diệt tránh – biện pháp để Tăng-già xử lý các việc tranh chấp, hẳn đã được phụ thêm vào Giới kinh, nên trở thành 252 giới (hoặc tổng hợp rồi giảm bớt 2 giới thành 250 giới).



nghi; tại Sắc giới thiên và Vô sắc giới thiên chỉ có tinh lự luật nghi; còn vô lậu luật nghi thì không có cõi giới nào trôi buộc.

(c) *Thời sai biệt*, là đòi quá khứ đã học, đòi vị lai sẽ học, đòi hiện tại chánh học.

(d) *Vị sai biệt*: Đã đi vào chánh pháp, bồ-đặc-già-la chưa thành thực *học* là bậc thấp, chánh thành thực *học* là bậc vừa, đã thành thực *học* là bậc cao. Bồ-đặc-già-la tâm không có hỷ lạc, gắng sức tu hành các phạm hạnh là khổ vị; tâm có hỷ lạc nhưng không gắng sức tu hành các phạm hạnh là lạc vị; nhiệm vận²⁴² tu hành các phạm hạnh là bất khổ bất lạc vị. Lại nữa, *học* đều là thiện vị, chẳng phải bất thiện vị, [chẳng phải vô ký vị]. Bồ-đặc-già-la lắng nghe, tiếp nhận là văn vị; thẩm sát là tư vị; quyết định tu tập là tu vị. Bồ-đặc-già-la chưa chứng đắc tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ là tăng thượng giới vị; đã chứng đắc tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ là tăng thượng tâm vị và tăng thượng tuệ vị. Đại loại như vậy là vị sai biệt.

(e) *Bồ-đặc-già-la sai biệt*: Ở đây, ý nói về bồ-đặc-già-la xuất gia: hoặc độn căn, hoặc lợi căn, hoặc tham đẳng hành, hoặc đẳng phần hành, hoặc bạc trần hành. Chỉ nói về Thanh văn, chẳng phải Độc giác, chẳng phải Bồ-tát. Do Độc giác thì giác ngộ riêng biệt, chư Bồ-tát thì giải thoát vững chắc, nên Như lai không vì họ nói cộng trú²⁴³, tu học [thắng lợi]. Lại nữa, ở đây chỉ nói người lấy bát niết bàn làm pháp, người đã đi vào chánh pháp, người không có chương ngại, người cụ phược, người không có cụ phược, người chẳng phải

242 Nhiệm vận: Vận chuyển, vận dụng một cách tự nhiên, không cần tác ý, gắng sức.

243 Cộng trú 共住: Nghĩa là có chung hành sự, có chung việc đọc tụng giới, có sự học tập giống nhau, điều ấy gọi là cộng trú. Vị nào không có được điều ấy, gọi là “không được sống chung” (bát cộng trú).



cụ phược; chỉ là loài người, không phải chư thiên. Đại loại như vậy là bổ-đặc-già-la sai biệt.

“*Học thắng lợi*” có những sai biệt như vậy. Giống như tánh “*học thắng lợi*”; tánh “*trí tuệ là hơn hết*”, tánh “*giải thoát kiên cố*” và tánh “*niệm là tăng thượng*” theo chỗ thích ứng cũng có năm thứ sai biệt ở trên.

Nên phân biệt rộng ở đây: (1) *Thắng lợi* là công đức, tăng tiến, viên mãn; đó là những sai biệt về danh. (2) Như kinh nói, “[*Như lai*] *quán thấy mười thứ thắng lợi*”²⁴⁴, là thể tánh của *học*. (3) Huân thích danh từ: Pháp ấy đối với thân tùy nhiếp lợi ích và nên xưng tán, nên gọi là thắng lợi. Lại nữa, pháp như vậy tùy sinh, đi theo hữu tình, nên gọi là thắng lợi. Lại nữa, pháp như vậy luôn có sự xưng tán đi theo, nên gọi là thắng lợi. (4) Nghĩa môn sai biệt: Nên biết mười thứ sai biệt, nghĩa là *nhiếp thủ đối với Tăng-già, khiến cho Tăng hoan hỷ* v.v... cho đến nói rộng.

[543a08] Kinh nói: (1) “*Bí-sô là sa-môn*”, “*từ bỏ nhà, đi đến chỗ chẳng phải nhà*”, v.v... gọi là sai biệt về danh. (2) “*Đầy đủ biệt giải thoát luận nghị*”, “*chúng đồng phận*”²⁴⁵ là thể của bí-sô. (3) Huân thích danh từ: Tinh tiến đối với sắc đẹp, tiếng tà v.v..., thủ hộ sự tiếp cận ác thú, và nhiếp dẫn, không tổn hoại công đức, gọi là bí-sô. (4) Nghĩa môn sai biệt: Sát-đế-lợi, v.v... sai biệt; dòng dõi cao quý, dòng dõi hạ

244 Chỉ cho thập cú nghĩa 十句義 hay thập sự lợi ích 十事利益. Luật tứ phần, quyển 1: “Đức Thế tôn dùng vô số phương tiện quở trách, rồi bảo các tỳ-kheo: ‘Tu-đề-na là người ngu si, là nơi trồng nhiều giống hữu lậu, là kẻ phạm giới đầu tiên. Từ nay về sau, Ta vì các tỳ-kheo kiết giới, nhắm đến mười cú nghĩa: 1. Nhiếp thủ đối với Tăng. 2. Khiến cho Tăng hoan hỷ. 3. Khiến cho Tăng an lạc. 4. Khiến cho người chưa tin thì có tin. 5. Người đã có tin khiến tăng trưởng. 6. Đề điều phục người chưa được điều phục. 7. Người có tâm quý được an lạc. 8. Đoạn hữu lậu hiện tại. 9. Đoạn hữu lậu đời vị lai. 10. Chánh pháp được tồn tại lâu dài.’” (tr. 570b29~c07, Thích Đồng Minh và Thích Đức Thắng dịch)

245 Chúng đồng phận: là cùng chung phẩm tánh, có chung phận sự.



tiện sai biệt; bé thơ, người lớn, người già sai biệt.

Kinh nói: (1) *Trú*, là “*đi đến đúng lúc*”, “*trì tâm tu tập*”, là sai biệt về danh. (2) Tự thể của *trú* này là rời bỏ *học* đã nói thì không có pháp nào khác. (3) Huân thích danh từ: Trong mọi thời gian nhiếp thọ các thứ uy nghi, nên gọi là trú. (4) Nghĩa môn sai biệt: Là uy nghi sai biệt, là sáng trưa chiều sai biệt, ngày đêm sai biệt.

Kinh nói: (1) *Tuệ*, là “*trí*”, “*kiến*”, “*minh*”, “*hiện quán*”, v.v... là sai biệt về danh. (2) Giản trạch pháp tướng, tâm sở hữu pháp là tự thể của tuệ. (3) Huân thích danh từ: Giản trạch làm thể, đối trị sự vô trí, gọi là tuệ; có thể hiểu biết mỗi một sai biệt, gọi là tuệ; khả năng hiểu rõ, nhận thức liễu biệt, gọi là tuệ. (4) Nghĩa môn sai biệt: Theo chỗ thích ứng, phân biệt như trên.

[543a22] (1) *Giải thoát*, là “*vĩnh đoạn*”, “*ly hệ*”, “*thanh tịnh*”, “*tận diệt*”, “*ly dục*”, như vậy thấy các danh sai biệt. (2) Tho trọng vĩnh trừ, phiền não đoạn diệt là tự thể của giải thoát. (3) Huân thích danh từ: Khả năng thoát các thứ trói buộc như tham, sân, v.v..., gọi là giải thoát; lại nữa, đức Thế tôn làm các thứ mâu-ni thuyết²⁴⁶, lấy đây làm thể tánh của mâu-ni, gọi là giải thoát. (4) Nghĩa môn sai biệt: Đợi thời giải thoát, bất động giải thoát, kiến sở đoạn phiền não giải thoát, tu sở đoạn phiền não giải thoát, Dục triền giải thoát, Sắc triền giải thoát, Vô sắc triền giải thoát, đại loại như vậy, phân biệt như trên.

[543b01] (1) *Niệm*, là “*không quên mất*”, “*tâm ghi nhớ rõ ràng*”, v.v... là sai biệt về danh. (2) Tâm sở hữu pháp làm tự thể của niệm. (3) Huân thích danh từ: Nhớ lại các pháp, gọi là niệm; lại như tác ý theo những sự việc trải qua, khiến tâm ghi nhớ rõ ràng, gọi là

246 Chỉ cho 3 nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, vắng lặng của Phật.



niệm. (4) Nghĩa môn sai biệt: Niệm Phật, niệm Pháp, cho đến nói rộng là sáu niệm²⁴⁷; lại niệm trú sai biệt²⁴⁸ v.v..., theo chỗ thích ứng sẽ nói rộng.

[543b06] (4) Lại nữa về **Thích nạn**:

Hỏi: “*Học thắng lợi*” là nghĩa thế nào?

Đáp: Nghĩa là muốn hiển thị sự tăng thượng giới học, thấy được sự thắng công đức, khuyến khích sự tu tập an trú.

Hỏi: “*Trí tuệ là hơn hết*” là nghĩa thế nào?

Đáp: Nghĩa là muốn hiển thị tuệ căn là bậc nhất trong các căn.

Hỏi: “*Giải thoát kiên cố*” là nghĩa thế nào?

Đáp: Nghĩa là muốn hiển thị kiến sở đoạn phiền não và tu sở đoạn phiền não vĩnh viễn đoạn trừ.

Hỏi: “*Niệm là tăng thượng*” là nghĩa thế nào?

Đáp: Nghĩa là muốn hiển thị công đức có được dù ít hay thấp kém cũng không sinh tâm biết đủ.

[543b13] Hỏi: Ở trong kinh khác, đức Thế tôn nói khác thứ tự của ba học. Vì sao trong kinh này, sau tăng thượng giới liền nói tăng thượng tuệ? Và vì sao không nói đến tăng thượng tâm học?

Đáp: Kinh này nói văn, tu, tu v.v... nhiếp chung để tạo thành các tuệ, muốn hiển thị rằng, do sự không hồi hận v.v... theo thứ lớp mà phát sinh tam-ma-địa²⁴⁹, tức là đã hiển thị tăng thượng tâm học, như đức

247 Sáu niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

248 Bốn niệm trú: Thân, thọ, tâm, pháp.

249 Trung A-hàm, Tương ưng tập, kinh Hà Nghĩa nói tiến trình từ giữ giới đưa đến định như sau: “Một thời Đức Phật trú tại nước Xá vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ vào lúc xế chiều, tôn giả A nan rời chỗ độc cư tĩnh tọa đứng dậy, đến trước đức Phật, đánh lễ dưới chân rồi ngồi sang một bên, thưa rằng: Bạch Thế Tôn, giữ giới có mục đích gì?. Đức Thế Tôn đáp: Nay



Bạc-già-phạm nói: “Đối với năm căn, căn trên hết có khả năng nhiếp thọ những căn bị nhiếp thọ, chính là tuệ căn. Do các bí-sô thành tựu thắng tuệ căn như vậy, có thể tu tín căn, cho đến tu định căn²⁵⁰. *Như vậy, thành tựu tín căn, cho đến thành tựu định căn đều là nhờ sức của tuệ căn.*”²⁵¹ Nay trong kinh này, đức Bạc-già-phạm hiển thị trí tuệ là cái nhân dẫn ra tam-ma-địa và có khả năng dẫn đến sự đoạn phiền não. Do đó nói tăng thượng tuệ học là gồm nói cả tăng thượng tâm học và tăng thượng tâm học.

[543b23] Hỏi: Trong kinh khác có nói ba học tu tập tiến đến viên mãn. Vì sao không nói tăng thượng tâm học tu học [tiến đến] viên mãn?

Đáp: Như trên đã nói đạo lý, nên biết [áp dụng] ở đây.

[543b26] Hỏi: Vì sao ở đây chỉ nói trú “*học thắng lợi*”, mà không nói trú “*tuệ thắng lợi*”, trú “*giải thoát thắng lợi*”?

Đáp: Chỉ khuyến bậc yếu kém nhiếp thọ thắng lợi, cũng là khiến hữu tình được hóa độ nhiếp thọ tất cả thắng lợi tăng thượng. Lại nữa, mười thứ thắng lợi: nhiếp thủ đối với Tăng v.v... thì rõ ràng, dễ đi vào, cho nên chỉ nói trú “*học thắng lợi*”.

A Nan, giữ giới có mục đích khiến cho không hồi hận. Nay A Nan, nếu ai giữ giới, người ấy được sự không hồi hận. Bạch Thế Tôn, không hồi hận thì có mục đích gì? Nay A Nan, không hồi hận thì có mục đích khiến cho được hân hoan. A Nan, nếu ai không hồi hận, người ấy được sự hân hoan. Bạch Thế Tôn, hân hoan có mục đích gì? Nay A Nan, hân hoan có mục đích khiến cho có hỷ. Nay A Nan, nếu ai hân hoan, người ấy có hỷ. Bạch Thế Tôn, hỷ có mục đích gì? Nay A Nan, hỷ có mục đích khiến cho an chỉ. Nay A Nan, nếu ai có hỷ, người ấy có an chỉ của thân. Bạch Thế Tôn, an chỉ có mục đích gì? Nay A Nan, an chỉ có mục đích khiến cho lạc. A Nan, nếu ai có an chỉ người ấy có cảm thọ lạc. Bạch Thế Tôn, lạc có mục đích gì? Nay A Nan, lạc có mục đích khiến cho có định. A Nan, nếu ai có lạc người ấy có định.” (tr. 485a13-b17, Thích Tuệ Sỹ dịch)

250 Tín căn, tiến căn, niệm căn và định căn.

251 Xem Tạp A-hàm, kinh Tuệ căn (1), số 654, tr. 183b18~24; kinh Tuệ căn (2), số 655, tr. 183b25~c03; kinh Tuệ căn (3), số 656, tr. 183c04~14; kinh Tuệ căn (4), số 657, tr. 183c15~26; kinh Tuệ căn (5), số 658, tr. 183c27~184a07. Du-già sư địa luận, quyển 98, Nhiếp sự phần, tr. 863b25~c03.



Hỏi: “Giải thoát” phải là pháp tốt bậc trong tất cả pháp, vì sao chỉ nói trú “*trí tuệ là hơn hết*” mà không nói “*giải thoát là hơn hết*”?

Đáp: Đối với pháp thấp kém, còn khiến hữu tình được hóa độ nắm lấy tánh “*hơn hết*” huống là đối với pháp tăng thượng lại không khiến họ nắm lấy để làm tăng thượng hay sao. Lại nữa, đối với giải thoát, hiển thị công đức sai biệt bất cộng? Thế nào là công đức sai biệt bất cộng? Trí tuệ thì không thường luôn “*hơn hết*”, còn giải thoát thì thường trú chắc thật.²⁵²

Hỏi: Những gì gọi là trú học thắng lợi?

Đáp: Theo sự kiến lập nhiều loại học xứ, quán thấy mười thắng lợi, vì vậy *thường giữ thi-la, giữ chắc thi-la, hằng tác, hằng chuyển*; như vậy gọi là trú học thắng lợi.²⁵³

Hỏi: Nhiếp thọ đối với Tăng v.v... các câu có nghĩa gì?

Đáp: (1) *Nhiếp thọ đối với Tăng-già*, là câu tổng quát. Những câu khác là câu riêng biệt: (2) *Khiến Tăng thuần tịnh, chân thành*: là lia bên thọ dụng dục lạc; (3) *Khiến Tăng an lạc*: là lia bên thọ dụng tự khổ; (4) *Người chưa tin khiến tin*: là chưa nhập chánh pháp khiến thú nhập; (5) *Người đã tin khiến tăng trưởng*: là đã nhập chánh pháp khiến thành thực; (6) *Người khó điều phục khiến điều phục*: là người vi phạm thi-la thì khéo gạt bỏ; (7) *Khiến người biết hổ thẹn trú an lạc*: là người tịnh trì giới khiến không có hối hận, không có lo buồn; (8) *Phòng hộ*

252 Nói về tam giới, tuệ có sai biệt: bậc thấp, bậc vừa, bậc cao, nhưng giải thoát chỉ có một là phiền não đoạn diệt, thô trọng vĩnh trừ. Nếu nói “giải thoát là hơn hết” thì dưới giải thoát gọi là gì?

253 Tạp A-hàm, kinh Học (8), số 826: “Này các Tỳ-kheo, thế nào là học giới theo phước lợi? Là Đại Sư vì các Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng; tích cực nhiếp thủ Tăng; khiến người không tin, được tin; người đã tin, tăng trưởng lòng tin; điều phục người ác; người tâm quý được sống an vui; phòng hộ hữu lậu hiện tại; chính thức đối trị được đời vị lai; khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Như Đại Sư đã vì Thanh văn chế giới để nhiếp thủ Tăng... cho đến khiến cho phạm hạnh tồn tại lâu dài. Học giới như vậy như vậy, hành trì giới kiên cố, giới hằng tại, giới thường hành, giữ gìn học giới. Đó gọi là Tỳ-kheo nhờ giới mà được phước lợi.”



hữu lậu ở hiện pháp: là thuận chế phục phiền não trói buộc; (9) *Tổn hại hữu lậu ở hậu pháp*: là ngưng dứt tà nguyện, trú phạm hạnh; tùy thuận vĩnh đoạn lậu hoặc, tùy miên; (10) *Vì khiến nhiều người giữ phạm hạnh tồn tại dài lâu và thêm rộng, cho đến vì chư thiên, loài người mà khéo khai thị chính xác*: là khiến Thánh giáo tiếp nối, không có đứt mắt.

[543c19] Mười thứ thắng lợi như vậy, nói sơ lược là ba thứ thắng lợi; mở rộng ba thứ thành mười thứ.

Ba thứ thắng lợi: 1. Khiến Tăng trú bất nhiễm ô; 2. Khiến Tăng được trú an lạc; 3. Khiến Thánh giáo tùy chuyển dài lâu.

Ở đây, do bảy thứ tùy hộ²⁵⁴ mà hiển thị *trú bất nhiễm ô* và *trú an lạc*. *Bảy thứ tùy hộ*: 1. Tùy hộ kính dưỡng; 2. Tùy hộ tự khổ hạnh; 3. Tùy hộ của cải thiếu thốn; 4. Tùy hộ triển chuyển tương thuộc; 5. Tùy hộ tâm truy hối²⁵⁵; 6. Tùy hộ phiền não trói buộc; 7. Tùy hộ tà nguyện. Một câu cuối cùng (: thắng lợi thứ 10) hiển thị Thánh giáo tùy chuyển dài lâu.²⁵⁶

[543c27] Thế nào là *thường giữ thi-la*? Là không xả bỏ học xứ.

Thế nào là *giữ chắc thi-la*? Là không vi phạm học xứ.

Thế nào là *hằng tác*? Là học xứ không bị đục thủng.

Thế nào là *hằng chuyển*? Là đục thủng thi-la thì chuyển đổi trở lại [thanh tịnh].

Thế nào là *thọ học học xứ*? Là tùy học đầy đủ các học xứ.

254 Tùy hộ 隨護: Là tinh cần thủ hộ, 1 trong 4 chánh đoạn. Tạp A-hàm, kinh Tứ chánh đoạn (4), số 878: “Thế nào là tùy hộ đoạn? Pháp thiện chưa sanh thì khiến cho sanh khởi, khởi dục, phương tiện, tinh cần, nhiếp tâm gìn giữ. Đó gọi là tùy hộ đoạn.” (Thích Đức Thắng dịch)

255 Truy biến 追變 = truy hối 追悔: *hối hận*.

256 Tùy hộ kính dưỡng là thắng lợi 1 và 2. Tùy hộ tự khổ hạnh là thắng lợi 3. Tùy hộ của cải thiếu thốn là thắng lợi 4 và 5. Tùy hộ triển chuyển tương thuộc là thắng lợi 6. Tùy hộ tâm truy hối là thắng lợi 7. Tùy hộ phiền não trói buộc là thắng lợi 8. Tùy hộ tà nguyện là thắng lợi 9.



Hành giả như vậy thường giữ thi-la, giữ chắc thi-la, nghe chánh pháp rồi, một mình ở nơi yên tĩnh, buộc niệm, tư duy, trù lượng, quán sát; vì muốn phát khởi tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học.

Lại nữa, hành giả này nương theo trí tuệ phát sinh bởi văn, tư, tu mà có thể chứng được giải thoát. Tánh chất của sự giải thoát ấy là pháp không thoái lui, nên nói là “*kiên cố*”; là quả của trí xuất thế nên không thể thoái chuyển.

Lại nữa, hành giả này do niệm lực nên tự quán sát kỹ: “*Thi-la uẩn của tôi có thật viên mãn? Tôi đối với các pháp có thật thấu suốt? Tôi đối với giải thoát có khéo chứng được?*” Y chỉ sức nhớ nghĩ như vậy mà có đủ “*học thắng lợi*”, phát sinh “*trí tuệ là hơn hết*”, chứng được “*giải thoát kiên cố*”.

Lại nữa, niệm ấy lược có ba thứ: 1. Nguyên nhân để thuyết pháp; 2. Dựa vào sự dạy bảo; 3. Xem xét việc nên làm và việc không nên làm.

[544a12] Đức Bạc-già-phạm tuyên thuyết thi-la có vô lượng thứ: ô-ba-sách-ca thi-la²⁵⁷, bí-sô thi-la, ô-ba-bà-sa thi-la²⁵⁸, tinh lự thi-la²⁵⁹,

257 Ô-ba-sách-ca thi-la 邬波索迦尸羅 = cận sự luật nghi (S: *Upāsaka saṃvara*). Cũng gọi là Cận sự ủng hộ hay sự thiện giới, chỉ 5 giới mà người Cận sự thọ trì. Gần gũi các pháp lành, người lành, gần gũi Phật pháp mà làm theo, có thể ngăn ngừa tội lỗi của thân, miệng cho nên gọi là Cận sự.

258 Ô-ba-bà-sa thi-la 邬波婆娑尸羅 = cận trú luật nghi (S: *Upavāsatha saṃvara*). Ô-ba-bà-sa, Hán dịch là cận trú, chỉ cho Bát quan trai giới. A-tỳ-đạt-ma Câu-xá: “Loại luật nghi này có tên là Cận trú bởi vì, nhờ biểu hiện được lối sống phù hợp với lối sống của các A-la-hán, cho nên luật nghi này được đặt gần với A-la-hán. Có ý kiến khác cho rằng sở dĩ có tên Cận trú là vì nằm gần với loại luật nghi thọ trì suốt đời ... Mục đích của luật nghi này là cung cấp sự tăng trưởng cho các thiện căn của những người chỉ có thiện căn mỏng manh. Và vì nó giúp tăng trưởng thiện căn cho nên Thế Tôn đã nói: ‘Luật nghi này được gọi là trường dưỡng.’”

259 Tinh lự thi-la: Chỉ cho thiền Chỉ (S: *samatha*). Chính yếu của xa-ma-tha là lắng xuống vọng niệm, là tĩnh lặng, được ví như đài gương hiện hình ảnh.



tam-ma-bát-đề thi-la²⁶⁰, Thánh ái thi-la²⁶¹, v.v... Nay ở đây dựa vào thi-la nào mà nói trú “*học thắng lợi*”?

Đáp: Bí-sô thi-la, vì nó tối thắng.

[544a17] Đức Bạc-già-phạm tuyên thuyết tuệ cũng có nhiều thứ: tuệ do văn phát sinh, tuệ do tư phát sinh, tuệ do tu phát sinh. Nay ở đây dựa vào tuệ nào mà nói trú “*trí tuệ là hơn hết*”?

Đáp: Đủ cả ba tuệ.

Hỏi: Đức Phật nói giải thoát cũng có nhiều thứ: Thế gian giải thoát, xuất thế gian giải thoát, hữu học giải thoát, vô học giải thoát, khả động giải thoát, bất động giải thoát²⁶², v.v... Nay ở đây dựa vào giải thoát nào mà nói trú “*giải thoát kiên cố*”?

Đáp: Dựa vào xuất thế gian giải thoát và bất động giải thoát.

[544a24] Hỏi: Như lai nói niệm cũng có nhiều thứ: trú niệm nơi cảnh giới của thân thọ tâm pháp, tùy niệm những việc làm đã lâu, những lời nói đã lâu, v.v..., tùy niệm sự đọc tụng, v.v..., tùy niệm sự dạy bảo, v.v..., tùy niệm [quán sát] việc nên làm và việc không nên làm, tùy niệm nghĩ nhớ đến Phật, Pháp, Tăng, v.v... Nay ở đây dựa vào niệm nào mà nói trú “*niệm là tăng thượng*”?

260 Tam-ma-bát-đề thi-la = đẳng trì giới: Tam-ma-bát-đề 三摩鉢底 (S: *Samāpatti*), là thiền Quán. Hán dịch là đẳng chí, chánh thọ, chánh định hiện tiền. Chính yếu của tam-ma-bát-đề là hoạt dụng huyền ảo, vì quán các pháp như huyền ảo, như kinh Viên giác nói: “Các vị bồ tát tỏ ngộ viên giác trong sáng, đem cái tuệ giác tỏ ngộ ấy biết tâm thức và căn cảnh toàn là huyền ảo, nên nổi lên huyền ảo để diệt trừ huyền ảo, biểu hiện mọi phương tiện huyền ảo mà hóa độ cho chúng sinh huyền ảo. Vì nổi lên huyền ảo như vậy nên bên trong phát ra sự thư thái đại bi.”

261 Thánh ái thi-la = Thánh ái giới hay Thánh sở ái giới: Giới được các Thánh hiền hâm mộ. Trung A-hàm, kinh A-na-luật-đà, số 219: “Nếu Tỷ-kheo có trí kiến chất trực và đạt đến Thánh ái giới, đó là Tỷ-kheo chết không bức rức, mạng chung không bức rức.” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

262 Bất động giải thoát: Vị hữu học trú tăng thượng giới học, “chuyên xét, siêng phương tiện, khéo tự giữ thân mình”, rồi được trí vô lậu thứ nhất khởi lên, kể đó, không gián đoạn, chánh trí khởi lên, rồi được chánh trí giải thoát, kế tiếp vượt qua trí kiến thành bất động giải thoát, tức chứng quả A-la-hán, đặc niết bàn hữu dư.



Đáp: Theo cái thù thắng mà luận nói thì đó là tùy niệm quán sát việc nên làm và việc không nên làm.

[544a29] (5) Lại nữa về **Thứ đệ**: Trước hết dựa vào sự trú bí-sô thi-la; kế đó lắng nghe và tiếp nhận chánh pháp; sau cùng là như lý tác ý. Hành giả như vậy, do trì giới thanh tịnh nên không có lo buồn, hối hận. Do không có hối hận, v.v... theo thứ đệ có thể chứng được *chánh tam-ma-địa*.²⁶³ Do cái tuệ được nhiếp giữ bởi phương tiện là như lý tư duy nên tăng thượng tâm học thành tựu. Đó gọi là *thứ đệ viên mãn*.²⁶⁴ cái trước làm nhân tố cho cái sau được viên mãn.

Lại nữa, trú “*học thắng lợi*” là vì có được “*trí tuệ là hơn hết*”. Trú “*trí tuệ là hơn hết*” là vì chứng “*giải thoát kiên cố*”. Làm thế nào có thể có được sự trú “*học thắng lợi*”, cho đến “*giải thoát kiên cố*”? Là do cái lực của “*niệm là tăng thượng*”. Đó gọi là *thứ đệ năng thành*. Lại nữa, kinh nói: “*Ai an trú, tu tập ba học như vậy thì mau được viên mãn.*” Đó cũng gọi là thứ đệ năng thành.

[544b10] *Thứ đệ giải thích*: Như kinh nói:

Đại sư: Vị khéo giáo huấn hàng Thanh văn đệ tử biết việc nên làm và việc không nên làm, gọi là đại sư. Vị hóa đạo vô lượng chúng sinh chứng *khổ tịch diệt*²⁶⁵, gọi là đại sư. Vị xuất hiện ở thế gian để phá vỡ những tà vạy, trừ diệt những đơ bản của ngoại đạo, gọi là đại sư.

Thanh văn: Vị lắng nghe âm thanh chánh pháp từ người khác,

263 Trì giới, không hối hận, hân hoan, hỷ, chí, lạc, do lạc mà được định.

264 Thứ đệ: Lược có ba thứ: 1. Thứ đệ viên mãn; 2. Thứ đệ giải thích; 3. Thứ đệ năng thành.

265 Khổ tịch diệt = khổ diệt = diệt đế: chân đế của sự diệt tận khổ và tập. Tương ưng bộ kinh, Tương ưng uẩn, phẩm Biên, Khổ: “Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Khổ đoạn diệt? Chính là sự ly tham, đoạn diệt không dư tàn khát ái ấy, sự xả ly, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự thoát ly chấp trước. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là Khổ đoạn diệt.”



gọi là Thanh văn. Vị có khả năng làm cho người khác biết nghe âm thanh chánh pháp, gọi là Thanh văn.

[544b16] Hỏi: Lý do gì chỉ vì Thanh văn nói “*trú học thắng lợi*”, v.v...?

Đáp: Do Thanh văn là chúng tùy thuận tu học, đệ tử chân thật của đức Bạc-già-phạm.

Pháp: Những gì được tuyên thuyết qua danh thân, cú thân, văn thân.

Học xứ: Những sự được tuyên thuyết là năm phạm tự²⁶⁶.

Thành tựu lân mãn: Đối với chúng sinh sống trong đêm dài [sinh tử], hằng an trú bốn thứ vô lượng: từ, bi, hỷ, xả.

Thành tựu bi: Giúp chúng sinh dứt trừ nhiều pháp khổ.

Lạc thắng lợi: Đem tới vô lượng pháp vui cho chúng sinh.

Cầu lợi ích: Muốn cho chúng sinh nhiếp thọ các thứ diệu thiện pháp.

Hằng bi mãn: Giúp chúng sinh dứt trừ các thứ ác bất thiện pháp.

Lại nói:²⁶⁷

Vì khiến nhiều người giữ phạm hạnh tồn tại dài lâu: Là dựa vào sát-đế-lợi v.v... các đại chủng tánh mà nói.

Thêm rộng: Các chúng sinh loại như trên, về sau chúng hội dần dần rộng lớn.

266 Ngũ phạm tự 五犯聚: Là 5 thiên giới luật; còn gọi là ngũ phạm, ngũ chúng tội, ngũ chủng chế, tức ba-la-di, tăng-già bà-thi-sa, ba-dật-đề, ba-la-đề-đề-xá-ni và đột-cát-la (bao gồm bất định, chúng học và diệt tránh). Du-già sư địa luận, quyển 99: “Có năm thứ tội tự nhiếp tất cả tội: 1. Tha thắng tội tự (đoạn đầu); 2. Chúng dư tội tự (tăng tàn); 3. Vấn trụ tội tự (xả đạo); 4. Biệt hồi tội tự (đọa); 5. Ác tác tội tự (uy nghi).” (tr. 869a09-11) Ngũ phạm tự này cộng thêm tội đầu lan giá (s: sthūlātyaya, 偷蘭遮), gọi là Lục tự.

267 “Vì khiến nhiều người giữ phạm hạnh tồn tại dài lâu và thêm rộng, cho đến vì chư thiên, loài người mà khéo khai thị chính xác: là khiến Thánh giáo tiếp nối, không có đứt mắt.”



Cho đến vì chư thiên, loài người: Chư vị có thể lực trong các chủng loại thêm rộng như vậy. Điều này hiển thị tâm đại bi của đức Thế tôn che khắp chẳng phải chỉ một phần.

Khéo khai thị chính xác: Là [khai thị] về tánh như sở hữu và tánh tận sở hữu²⁶⁸ của tất cả các pháp.

Thuyết chánh pháp: Là mười hai phần giáo được lắng nghe, tiếp nhận, tìm hiểu, trú giữ, đọc tụng, nơi yên vắng tư duy; cảnh giới như vậy gọi là pháp.

Vì lợi ích: Y cứ tăng thượng giới mà nói.

Vì an lạc: Là không y chỉ khốn khổ, gian nan, hoạt động không tự tại.

Vì lợi ích an lạc: chư vị ly dục thì thực hành tăng thượng tâm, thực hành tăng thượng tuệ. Những thực hành này là thiện nên gọi là lợi ích; là thuận ích nên gọi là an lạc.

Lại nữa, hoặc chỗ nọ, đức Thế tôn ca ngợi công đức đố-đa²⁶⁹, gọi

268 Tánh như sở hữu: cái tánh đúng như cái thực của sự hiện hữu hay chân như tánh của các pháp. Tánh tận sở hữu: cái tánh cùng tận cái lượng của sự hiện hữu hay nhất thiết tánh của các pháp. Đẳng chánh giác hay chánh biến tri, là tuệ giác của Phật chứng ngộ một cách như sở hữu tánh về bản thể và tận sở hữu tánh về hiện tượng. Tuệ giác ấy là trí căn bản và trí sự dụng. Trí căn bản là trí hội nhập chân như: như lý trí biết như sở hữu tánh, nói cách khác là đại niết bàn. Trí sự dụng là trí toàn giác vạn hữu: như lượng trí biết tận sở hữu tánh, nói cách khác là đại bồ-đề.

269 Đố-đa 杜多 (s: dhūta) = Đâu-đa 瞿陀: Còn được dịch là đố-đồ 杜荼, đầu-đa 投多, đầu-đa 偷多, trần-hống-đa 塵吼多, với ý sửa trị, trừ khử, rũ bỏ, đãi lọc, rửa tẩy; là hạnh tu khắc khổ để dứt bỏ phiền não cấu uế, trừ diệt tham sân si. Cũng gọi hạnh đầu-đa, sự đầu-đa, công đức đầu-đa (s: dhūta-guja). Người tu hạnh đầu-đa phải tuân thủ 12 hạnh sau đây: 1. Ở nơi a-lan-nhã, tức tránh xa chỗ đông người nơi náo nhiệt, chọn nơi yên tĩnh, vắng vẻ; 2. Thường hành khát thực; 3. Thứ đệ khát thực, không phân biệt nghèo giàu; 4. Ngày ăn một bữa; 5. Không ăn quá nhiều, chỉ ăn một nắm cơm trong bát; 6. Sau bữa ăn chánh ngộ, không được uống nước trái cây; 7. Mặc ca sa chấp vá bằng những mụn giẻ bỏ đi; 8. Chỉ giữ 3 y, không được có thừa; 9. Ở nơi nghĩa địa; 10. Ngủ nghỉ dưới gốc cây; 11. Ngồi chỗ đất trống; 12. Thường ngồi không nằm. Hạnh đầu-đa là phương tiện quý báu trợ duyên cho sự thoát ly khỏi tham dục, cho sự thành tựu ba học. Đức Thế tôn đã xác quyết: “Hạnh đầu-đa này được ở đời thì pháp của Ta cũng sẽ được lâu dài ở đời, thiên đạo tăng thêm, ba đường ác liền giảm. Cũng vậy Thánh Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm, đạo tam thừa đều còn ở đời”. (Tăng nhất A-hàm, phẩm Nhập đạo, HT. Thích Thanh Từ dịch)



là lợi ích; hoặc xứ kia, đức Thế tôn nghe nhận các thức ăn trăm vị²⁷⁰, trăm ngàn y phục²⁷¹, gọi là an lạc; hoặc nơi này, đức Thế tôn thiết lập ba học, gọi là lợi ích an lạc.

Như lai đối với các pháp dùng các thứ tuệ mà khéo quán sát: Là hoặc vì lợi ích, hoặc vì an lạc, hoặc vì lợi ích an lạc, tức y cứ tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học mà nói. Ở đây có hai lý do để gọi là khéo quán sát: 1. Biết rõ khắp cả thói quen [của chúng sinh] trong đêm dài [sinh tử]; 2. Giác ngộ, không có điên đảo.

Đối với giải thoát khéo chứng đắc: Là y cứ tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học mà nói. Ở đây có hai lý do để gọi là khéo chứng đắc: 1. Hành đến cứu cánh; 2. Pháp không thoái chuyển²⁷².

270 Kinh Đại thừa Vô lượng nghĩa, phẩm Thuyết pháp: “Đức Phật nói như thế rồi, ba ngàn đại thiên thế giới rung động sáu cách, bỗng nhiên từ không trung mưa xuống rất nhiều thứ hoa trời như ưu-bát-la, bát-đam-ma, câu-vật-đầu, phân-đà-li; lại rải xuống vô số các thứ hương trời, áo trời, chuỗi anh lạc và các thứ châu báu vô giá khác của cõi trời; tất cả các thứ ấy từ trên không trung xoay vòng rơi xuống, cúng dường Phật, chư vị Bồ-tát và đại chúng Thanh-văn; các thức ăn cõi trời trăm vị trên qui đặng trong bát trời, tràn đầy sung mãn; cờ trời, phướn trời, lọng trời, nhạc khí vi diệu cõi trời đặt khắp các nơi, cùng hòa tấu để dâng cúng và khen ngợi Phật.” (Cư sĩ Hạnh Cơ dịch)

271 Kinh Đại thừa Trang nghiêm bảo vương, quyển 4: “Trong lỗ chân lông kia còn có đủ mọi ao hồ cõi trời. Lại có vô số trăm ngàn vạn lâu các được trang nghiêm bằng vàng báu. Treo trên đó có trăm ngàn y phục và trần châu anh lạc. Trong những lâu các kia có như ý bảo châu vi diệu. Bảo châu này cung cấp cho chư đại Bồ Tát kia tất cả những vật dụng theo ý muốn.”

272 Tăng nhất A-hàm, phẩm Bảy ngày: “Thế Tôn bảo: Sao gọi là bảy pháp không thối chuyển? Tỷ-kheo, nên biết, nếu Tỷ-kheo cùng tập hợp lại một chỗ, đều cùng hoà thuận, trên dưới chăm sóc nhau, tiến dần lên trên, tu các pháp lành không thối chuyển, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ nhất.

Lại nữa, chúng Tăng hoà hợp, thuận theo giáo pháp, tiến dần lên trên không thối chuyển, không để Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ hai.

Lại nữa, Tỷ-kheo không bận rộn công việc, không huân tập nghiệp đời, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ ba.

Lại nữa, Tỷ-kheo không tụng đọc sách tạp, trọn ngày sách tấn tinh ý tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ tư.

Lại nữa, Tỷ-kheo siêng tu pháp, trừ khử ngũ nghĩ, thường tự cảnh tỉnh, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ năm.

Lại nữa, Tỷ-kheo không học toán thuật, cũng không khuyến khích người khác học, thích chỗ yên tĩnh, tu tập pháp, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối



Thi-la uẩn của tôi không viên mãn: Là hoặc đối với thi-la tu tập một phần, hoặc không y chỉ thi-la. Như vậy, thi-la viên mãn là tu tập các giới *đăng trì*²⁷³.

Tôi đối với các pháp không khéo quán sát: Do hai thứ quán sát như trên đã nói.

Tôi đối với giải thoát không khéo chứng đắc: Do hai thứ chứng đắc như trên đã nói.

Những gì Ta nên nói, như vậy đã nói xong: Là tổng kết phần lược nói và phần rộng phân biệt ở trên.

[544c19] Lại nữa, do sáu tướng cần biết để giải thích tất cả kinh điển của Phật: 1. Do biến tri các pháp; 2. Do xả ly ác hành và các hoặc lớn nhỏ²⁷⁴; 3. Do thọ học thiện hành; 4. Do trí biến tri thấu suốt các hành là bệnh v.v...²⁷⁵; 5. Do quả kia; 6. Do mình người lãnh thọ quả kia. Do sáu tướng như vậy và do sự kiến lập các tướng đã nói ở trước mà khéo giải thích tất cả kinh điển của Phật.

chuyển thứ sáu.

Lại nữa, Tỳ-kheo khởi tưởng tất cả thế gian không đáng ưa thích, tập hạnh thiên, kham nhẫn pháp giáo, tiến dần lên trên, không để cho Ma được tùy tiện. Đó gọi là pháp không thối chuyển thứ bảy.

Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này, hoà thuận với nhau, Ma không thể tùy tiện." (Thích Đức Thắng dịch)

273 Đăng trì giới 等持戒 = định địa giới 定地戒: Định có hai loại: 1. Sinh đắc định: nếu ai sinh ở Sắc giới, Vô sắc giới (2 cõi này còn gọi là định địa), nhờ vào nghiệp lực đời trước tự nhiên có được định địa này; 2. Tu đắc định: Chúng sinh sinh vào cõi Dục giới (còn gọi là tán địa), hành giả phải tu tập, định mới phát sinh. Hai định này hành giả ở trong định Sắc giới thì gọi là sinh tịnh lự, hay định tịnh lự; còn ở trong định Vô sắc thì gọi là sinh Vô sắc hay định Vô sắc.

274 Các hoặc lớn nhỏ: Là phiền não và tùy phiền não.

275 Du-già sư địa luận, quyển 68, tr. 674c03: "Chánh kiến có mười một: là quán sát bệnh, ung nhọt, gai nhọn, chướng ngại [khổ đế]; quán sát vô thường, khổ, không, phi ngã; quán sát kết kiến [tập đế], ly hệ kiến [diệt đế], năng ly kết kiến [đạo đế]."



Ở đây, *các pháp:* Là uẩn, giới, xứ, duyên khởi, niệm trú và chánh đoạn, v.v... *Quả kia:* Là chán khổ, ly dục, giải thoát, bát niết bàn. *Mình người lãnh thọ quả kia:* Là "Tôi sinh đã tận, phạm hạnh đã thành, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau." Như vậy gọi chung là *thích nhiếp phần*.

Nay ở phẩm đây²⁷⁶ hiển thị luận này có bốn sắc thái: 1. Sắc thái tối thắng; 2. Sắc thái tự thể; 3. Sắc thái thanh tịnh; 4. Sắc thái biện giáo. Ở đây, sắc thái tối thắng có hai kệ tụng (1, 2); sắc thái tự thể có năm kệ tụng (3~7); sắc thái thanh tịnh có hai kệ tụng (8, 9) và sắc thái biện giáo có một kệ tụng (10).

276 Phẩm Hai, Nhiếp tịnh nghĩa.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Bốn

Phẩm Ba

THÀNH THIỆN XẢO

[545a09] Lại nữa, trong luận này, nơi chín sự²⁷⁷ làm thể của giáo pháp, nên khéo liễu tri bảy thứ thiện xảo²⁷⁸. Những gì là bảy?

Kệ tụng:

Nơi các uẩn, giới, xứ,

Và các pháp duyên khởi,

Xứ phi xứ, căn, đế,

Nên biết thiện xảo sự. (kệ 1)

[545a13] Luận giải: *Trú chánh pháp*: Là khéo thấu suốt bảy thứ sự thiện xảo như vậy.

Hỏi: Vì sao chỉ lập bảy thứ thiện xảo?

Đáp: Ở thế gian, người ngu đa phần chấp như vậy.

Kệ tụng:

Thân giả, tự tại đẳng

Vô nhân, thân giả trú

277 Chín sự: 1. Nhất thiết pháp; 2. Giới; 3. Tập nhiễm; 4. Đế; 5. Y chỉ; 6. Giác phần; 7. Bồ-đặc-già-la; 8. Quả; 9. Công đức.

278 Tham khảo thêm luận Biện trung biên, phẩm Biện chân thật, phần 10 thiện xảo chân thật đối trị ngã kiến. Mười thiện xảo là 7 thiện xảo của luận này, thêm 4 thiện xảo về thế (3 đời), thừa (3 thừa), hữu vi và vô vi.



Lưu chuyển, tác các nghiệp

Và tăng thượng hai thứ. (kệ 2)

[545a18] Luận giải: (1) Không thiện xảo đối với các uẩn, cho nên chấp thể của các uẩn là thân của ta. (2) Không thiện xảo đối với các giới, cho nên chấp *Tự tại đẳng* là cái nhân sinh ra thân²⁷⁹, hoặc chấp *vô nhân* mà thân tự nhiên sinh khởi²⁸⁰, vì không thấu hiểu rằng từ tự chủng nhân mà thân được sinh khởi. Vì sao? *Giới* là công năng, chủng tử, tộc tánh, nhân, v.v... các danh sai biệt. (3) Không thiện xảo đối với các xứ, cho nên chấp có thân, dựa vào thân mà trú, nắm giữ cảnh giới ở ngoài. (4) Không thiện xảo đối với duyên khởi, cho nên chấp có cái thân lưu chuyển sinh tử. (5) Do không khéo biết xứ phi xứ, cho nên chấp có cái thân thường tạo tác các nghiệp. (6 & 7) Do không khéo biết các căn và các đế, cho nên chấp có hai thứ thân tăng thượng: (a) Cái thân do nghiệp quả ái phi ái tăng thượng và (b) Cái thân do nhiễm ô và thanh tịnh tăng thượng: do không biết hai đế khổ tập nên chấp có nhiễm ô tăng thượng, và do không biết hai đế diệt đạo nên chấp có thanh tịnh tăng thượng.

Kệ tụng:

Với thân giả, đẳng khởi,

Thật ngã được trú giữ,

Lưu chuyển giả, tác giả,

Và các tăng thượng nghĩa (kệ 3)

279 Tự tại đẳng nhân tông, cũng gọi Tự tại đẳng tác giả luận 自在等作者論: Tông này vọng chấp các pháp đều do trời Tự tại biến hiện ra. Tức chấp trước các pháp do trời Đại tự tại, Trượng phu, Đại phạm, hoặc do các nguyên nhân như thời, phương, không, ngã... biến hóa ra.

280 Chư pháp vô nhân tông, cũng gọi Vô nhân kiến luận 無因見論: Tông này vọng chấp các pháp đều tự nhiên sinh khởi chứ chẳng do nguyên nhân nào cả.



Nhiễm ô hoặc thanh tịnh,

Khởi bầy thứ ngu si.

Đôi trĩ đây nên biết

Nhiếp bầy thứ thiện xảo. (kệ 4)

[545b05] Luận giải: Như trên mà nói tổng quát thì có hai thứ tăng thượng để phân biệt, hiển thị hai thứ ngu si: 1. Ngu si về tăng thượng nghĩa²⁸¹; 2. Ngu si về nhiễm ô, thanh tịnh.²⁸²

Bầy thứ ngu si về thân giá, đẳng khởi, v.v... dựa vào những gì mà chuyên?

Kệ tụng:

Vọng kế ngã thân giá

Y chỉ các căn trú

Với cảnh giới hồi chuyên;

Thọ dụng ái phi ái; (kệ 5)

Ngôn thuyết sở y trú;

Tác giả, có giác giả.

Do nơi uẩn sai biệt

Chung thấy một cái thân. (kệ 6)

[545b12] Luận giải: ***Ngụ si về thân giá***: Do không biết rõ *thể của sắc uẩn* nên chấp có một cái ngã y chỉ vào năm căn đối với cảnh giới chuyên. Do không biết rõ *thể của thọ uẩn* nên chấp có thọ giả thọ dụng tất cả sự ái và phi ái. Do không biết rõ *thể của tưởng uẩn* nên riêng chấp có cái ngã mà ngôn thuyết y trú, bởi vì không biết tưởng

281 Tức ngu si về uẩn, giới, xứ, duyên khởi và xứ phi xứ.

282 Tức ngu si về căn và đế.



mới chỗ dựa của ngôn thuyết, như đức Bạc-già-phạm nói: “*Sự nghĩ tưởng của người kia khởi ra ngôn thuyết.*”²⁸³ Do không biết rõ *thể của hành uẩn* nên chấp có tác giả²⁸⁴. Do không biết rõ *thể của thức uẩn* nên chấp có người nhận thức²⁸⁵; chẳng phải chỉ có thức, bởi vì các thể gian đối với thể của thức uẩn sinh khởi giác tưởng. Như vậy, người ngu đối với tự tướng của các uẩn sai biệt, chung khởi một thứ thân, ngu si liền chấp thân ấy, lấy đó làm ngã.

Lại nữa, ***ngụ si về đẳng khởi***:

Kệ tụng:

Vì mê hoặc sơ nhân

Chấp thường nhân, vô nhân. (kệ 7ab)

[545b23] Luận giải: Người ngu thể gian, (1) hoặc với thân cho rằng có cái nhân đầu tiên mà sinh mê hoặc, nên chấp *bất bình đẳng nhân*²⁸⁶, nghĩa là có cái nhân là vị trời Tự tại thiên thường trú, vị trời Tỳ-sát-nỗ²⁸⁷, tự tánh, v.v... ; (2) hoặc nói *vô nhân*, nghĩa là bài bác không có cái nhân sinh ra tất cả mọi vật.

Lại nữa, ***ngụ si về thật ngã được trú giữ***:

283 Tạp A-hàm, kinh 306, Nhân: “Lại nói như vậy: ‘Mắt tôi thấy sắc, tai tôi nghe tiếng, mũi tôi ngửi mùi, lưỡi tôi nếm vị, thân tôi chạm biết, ý tôi phân biệt pháp.’ Kia giả lập rồi nói như vậy: ‘Vị Tôn giả này tên như vậy, sanh như vậy, họ như vậy, ăn uống như vậy, cảm khổ vui như vậy, sống lâu như vậy, trụ lâu như vậy, thọ mạng như vậy.’ Nay Tỳ-kheo, đó là tưởng, là ghi nhớ, là ngôn thuyết.” (Thích Đức Thắng dịch)

284 Tác giả 作者: Người tạo tác.

285 Giác giả 覺者: Người hiểu biết, nhận thức.

286 Bất bình đẳng nhân luận là cái thuyết cho rằng một nhân có thể sinh ra vạn vật, và cái nhân đó không do một nhân khác sinh ra, mà cũng không giống với vạn vật, cho nên gọi là bất bình đẳng.

287 Tỳ-sát-nỗ thiên 毘瑟弩天 = Tỳ-sưu-nữu thiên 毘搜紐天 (s: *Viṣṇu*): *vị thân bảo hộ trong Ấn độ giáo và Bà-la-môn giáo*. là một trong ba vị thần tối cao trong Ấn Độ giáo bao gồm Brahma là đấng tạo hóa, Vishnu là đấng bảo hộ, còn Shiva là đấng hủy diệt. Cả ba tạo thành bộ tam thần Trimurti, thường được gọi là „Brahma-Vishnu-Maheshwara.“ Họ là những dạng khác nhau của một người được gọi là Đấng Tối cao hay Svayam Thế Tôn / Thần Krishna / Parabrahman.



Kệ tụng:

Ngã trú giữ các căn

Năn xúc và năng thọ. (kệ 7cd)

[545b28] Luận giải: Chấp có cái ngã trú giữ các căn, có khả năng xúc đối với *thuận khổ thọ xúc, thuận lạc thọ xúc*, và có khả năng lãnh thọ lạc hay lãnh thọ khổ.

[545c01] Lại nữa, ***ngu si về lưu chuyển, tác giả, tăng thượng nghĩa và nhiễm ô thanh tịnh***: Là chấp có sự riêng biệt trú giữ cái thân làm ngã.

Kệ tụng:

Từ đây sinh tử xứ

Chấp có người lưu chuyển

Tác giả: pháp, phi pháp

Và quả ấy tăng thượng. (kệ 8)

Với tu tập tà hành

Chấp là người nhiễm ô

Với tu tập chánh hành

Vọng chấp người giải thoát. (kệ 9)

[545c07] Luận giải: Người ngu si kia đối với sinh tử xứ này, xứ kia, chấp có thật ngã sinh tử lưu chuyển, chính là thật ngã này. Tạo tác nhân của pháp và phi pháp cho đời sau, chính là thật ngã này. Đối với quả kia tự tại thọ dụng, nên quả pháp kia sinh, chính là thật ngã này. Dựa vào quả pháp tập làm tà hành, chấp là người nhiễm ô; tu hành chánh hành, chấp là người giải thoát.



Kệ tụng:

Khi Phật chưa ra đời

Ngu si chuyển như vậy

Do Phật hiện thế gian

Nói bảy thứ thiện xảo. (kệ 10)

[545c14] Luận giải: Sự hiển thị ở đây dựa vào thời gian như vậy, theo sự thích ứng, ngoại đạo ngu si, chúng sinh hoàn diệt. Do bảy thứ thiện xảo ngôn thuyết này là pháp không chung với tất cả ngoại đạo:

Ở đây, ***thiện xảo uẩn*** là:

Kệ tụng:

Biết ba đời sai biệt

Năng trừ nhất hợp tướng

Tức ly và giải thoát

Chúng sinh bất khả đắc (kệ 11)

Đa chủng và tổng lược

Cùng có sai biệt chuyển

Trí tăng ích tổn giảm

Thiện xảo uẩn nên biết. (kệ 12)

[545c21] Luận giải: ***Ba đời sai biệt***: Các uẩn ở quá khứ, vị lai, hiện tại có thể tách sai biệt, như đức Bạc-già-phạm nói: “*Phàm có sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, đối với tất cả sắc, thấy được như thật với trí tuệ là: ‘Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không*



phải tự ngã của tôi.”²⁸⁸ Do thắng trí tuệ như thật liễu tri, nên đối với các uẩn xả ly *nhất hợp tướng*²⁸⁹, tức là hoàn diệt.

Lại nữa, tánh *bồ-đặc-già-la* trong các uẩn thì không thể thủ đắc. Vì sao? Ngay trong các uẩn, không thể thủ đắc chúng sinh; lia các uẩn cũng không thể thủ đắc chúng sinh; giải thoát các uẩn cũng không thể thủ đắc chúng sinh; như đức *Bạc-già-phạm bảo Tây-nhĩ-ca*²⁹⁰: “*Nơi sắc uẩn ông thấy Như lai chăng?*”, cho đến “*Nơi thức uẩn ông thấy Như lai chăng?*” Tây-nhĩ-ca đáp: “*Bạch đức Kiều-đáp-ma, không.*” Như vậy cho đến nói rộng.²⁹¹ Trong kinh này, nói sắc uẩn, thọ uẩn v.v..., dù nói chung hay nói riêng, *bồ-đặc-già-la* đều không thể thủ đắc. Nay ở đây chỉ nói lược, nếu nói chung thì năm uẩn không thể thủ đắc.

Như vậy đã nói về sự biết rõ sắc v.v.. các tướng sai biệt, và khả năng viễn ly chúng, tức đối trị được cái chấp tăng ích. Đối với tự tướng và cộng tướng của các uẩn đều được *thiện xảo*.

Lại nữa, uẩn có nghĩa là tích tụ. Khả năng hiểu rõ nghĩa tích tụ ấy, gọi là *thiện xảo*. Nghĩa tích tụ này lại có bốn thứ: 1. Nghĩa đa chủng; 2. Nghĩa tổng lược; 3. Nghĩa cộng hữu chuyển; 4. Nghĩa tăng ích tổn giảm.²⁹²

288 Trung bộ kinh, Đại kinh mãn nguyệt, số 109.

289 Nhất hợp tướng 一合想: Ý tưởng về nhất thể của các uẩn. Các uẩn không có tánh thường tồn, cũng không có nhất thể, mà do các duyên hợp thành.

290 Tây-nhĩ-ca 西爾迦 (s: Senika) = Tiên-ni 仙尼/先尼: Tên một phái ngoại đạo xuất gia. Ngoại đạo ấy tin vào thần ngã và chủ trương tâm thường tướng diệt.

291 Tập A-hàm, kinh Tiên-ni, số 105: “Thế nào, sắc có phải là Như Lai không? Đáp: Bạch Thế Tôn, không. Thọ, tưởng, hành, thức có phải là Như Lai không? Bạch Thế Tôn, không. Lại hỏi Tiên-ni: Ngoài sắc có Như Lai không? Ngoài thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không? Đáp: Bạch Thế Tôn, không. Lại hỏi Tiên-ni: Trong sắc có Như Lai không? Trong thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không? Đáp: Bạch Thế Tôn, không. Lại hỏi Tiên-ni: Trong Như Lai có sắc không? Và trong Như Lai có thọ, tưởng, hành, thức không? Đáp: Bạch Thế Tôn, không. Lại hỏi Tiên-ni: Phi sắc, phi thọ, tưởng, hành, thức có Như Lai không? Đáp: Bạch Thế Tôn, không.” (Thích Đức Thắng dịch) Kiều-đáp-ma 喬答摩 (s: Gautama) = Cù Đàm 瞿曇.

292 Uẩn: 1. Tích tụ nhiều phẩm loại khác nhau; 2. Phẩm loại tuy sai biệt nhưng có thể tóm lược



Ở đây hiển thị tự thể của các uẩn, và thắng lợi chướng đoạn của chúng, gọi là *thiện xảo uẩn*.

Thế nào là *thiện xảo giới*?

Kệ tụng:

Vì thấy ba nhân sinh

Gọi là thiện xảo giới

Từ vô thủy tự chủng

Nhiều chủng loại sinh khởi (kệ 13)

Do đây và ở đây

Nắm giữ không thể được

Vì y tự trí thành

Trừ được tánh thấp kém. (kệ 14)

[546a14] Luận giải: Do quán ba pháp: căn, cảnh và thức²⁹³; chúng từ tự nhân mà sinh, gọi là *thiện xảo giới*. Vì sao? Do các pháp kia lưu chuyển vô thủy, từ tự chủng tử²⁹⁴ sinh ra, nhiều sinh khởi và nhiều loại sinh khởi.

Nhiều sinh khởi: Như kinh nói: “*Chẳng phải một giới.*”

Nhiều loại sinh khởi: Như kinh nói: “*Đa dạng giới.*”²⁹⁵

thành một nhóm; 3. Chuyển động, vận hành hỗ tương và xen tạp; 4. Tích tụ tăng thêm hay giảm đi.

293 Căn, cảnh và thức là nói gọn 18 giới: 6 căn, 6 trần và 6 thức, tức 18 lãnh vực của hiện hữu, là thân tâm và thế giới của thân tâm ấy.

294 Tự chủng tử: Chủng tử của A-lại-da thức.

295 Đa dạng giới: Chánh văn là chủng chủng giới. Giới (界) là tên gọi khác của chủng tử, tức chủng tử của thức a lại da. Kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma (chưa có Hán dịch) có bài chính cú, dẫn bởi Nhiếp luận thích: “Giới, từ vô thủy đến nay, là sở y của hết thảy pháp. Do đó mà có sự luân hồi trong mọi đường lành đường dữ và có sự chứng đắc quả niết bàn.” (Vô thủy thời lai giới, Nhất thiết pháp đẳng y, Do thử hữu chư thú, Cập niết bàn chứng đắc. 無始時來界, 一切法等依, 由此有諸趣, 及涅槃證得) Giới còn có nghĩa là nhân, bản tánh, chủng tánh, vi tế, nhiệm tri. Kinh Đa giới (Bahudhātuka-sūtra) là kinh số 115 của Trung bộ kinh hay kinh số 181 của Trung A-hàm. Về giới, kinh Đa giới nói đến: 18 giới:



Lại nữa, do dựa vào các căn, không thể có được cái ngã nào năng thủ các cảnh giới. Có thể biết những gì được tạo tác là dựa vào sự tự thành lập, không do Đại tự tại thiên v.v... Vì vậy, phàm muốn không sinh làm người thấp kém thì phải tu tập cho được tự tại.

Ở đây hiển thị tự thể của các giới và thắng lợi chướng đoạn của chúng, gọi là *thiện xảo giới*.

Thế nào là *thiện xảo xứ*?

Kệ tụng:

Biết các xúc, các thọ

Do hai thứ sinh môn

Y chỉ vào các xúc

Nên biết thiện xảo xứ. (kệ 15)

Như pháp xứ, thiên xứ

Về sau được y chỉ

Do vì thế tục đế

Biết rõ hai thứ tánh. (kệ 16)

[546a27] Luận giải: Do khéo biết rõ xúc là bản thể của *cánh cửa sự sống*²⁹⁶ mà kiến lập hai xứ: căn và cảnh.²⁹⁷ Như vậy, do nghĩa

nhân, sắc, nhãn thức, nhĩ, thanh, nhĩ thức, tỷ, hương, tỷ thức, thiệt, vị, thiệt thức, thân, xúc, thân thức, ý, pháp và ý thức; 6 giới: địa, thủy, phong, hỏa, không và thức; 6 giới: lạc, khổ, hỷ, ưu, xả và vô minh; 6 giới: dục, ly dục, sân, vô sân, hại và bất hại; 3 giới: dục giới, sắc giới và vô sắc giới; 2 giới: hữu vi giới và vô vi giới.

296 Sinh môn 生門: cửa sinh, cửa thọ sinh hay sinh loài.

297 Tất cả pháp bao gồm 12 xứ (6 căn và 6 cảnh), thu gọn là 2 xứ: căn và cảnh. Xứ mang ý nghĩa dưỡng dục, sinh trưởng, sở cư trú. Tạng A-hàm, kinh số 319, Nhất thiết: "Bấy giờ, có Bà-la-môn Sanh Văn đi đến chỗ Phật, sau khi chào đón hỏi thăm nhau, ngồi một bên bạch Phật: "Bạch Cù-đàm, nói rằng 'tất cả', vậy thế nào là tất cả?" Phật bảo Bà-la-môn: "Tất cả, nghĩa là chỉ cho mười hai nhập xứ, mắt đối với sắc, tai đối với âm thanh, mũi đối với mùi, lưỡi đối với vị, thân đối với xúc chạm, ý đối với pháp, đó gọi là tất cả. Nếu có người lại nói rằng: 'Đó không phải là tất cả, mà Sa-môn Cù-đàm nói là tất cả. Nay ta bỏ tất cả này mà lập riêng tất cả khác,' thì người này chỉ nói trên ngôn thuyết.



năng sinh nên gọi là xứ. Giống như thế gian tu thiện pháp được gọi là *pháp xứ*.

Lại nữa, khéo biết rõ các thọ dựa vào xúc mà kiến lập xúc làm xứ của thọ. Như vậy, theo nghĩa chỗ cư trú mà gọi là xứ. Giống như thiên tượng²⁹⁸ trú ở thế gian được gọi là *thiên xứ*.

Lại nữa, khi hai pháp xúc thọ sinh khởi, dựa vào thế tục đế để hiểu rõ hai tánh: sự xúc đối và sự cảm thọ. Xúc là khả năng xúc đối. Thọ là khả năng lãnh nạp.

Ở đây, hiển thị theo thắng nghĩa đế thì sự xúc đối và sự cảm thọ là không thể thủ đắc; theo thế tục đế thì cả hai đều có thể thủ đắc. Đó gọi là *thiện xảo xứ*.

Thế nào là *thiện xảo duyên khởi*?

Kệ tụng:

Biết chưa đoạn vô thường

Nhân sinh ra các quả

Tự tương tục, tương tự

Gọi thiện xảo duyên khởi. (kệ 17)

Chúng sinh bất khả đắc

Mà có xả, tục giả

Do thấu suốt sâu xa

Bốn thứ duyên khởi vậy. (kệ 18)

Nếu hỏi đến thì họ lại không biết và chỉ tăng thêm nghi hoặc. Vì sao? Vì chẳng phải là cảnh giới ấy."

298 Thiên tượng 天像: hiện tượng trên bầu trời, hiện tượng thiên nhiên (bầu trời đỏ kỳ lạ v.v...), như trong kinh nói "ánh sáng lạ hiện tới". Chu Văn Vương (1090 – 1050 TCN) đã quan sát thiên tượng để tạo ra hậu thiên bát quái.



[546b11] Luận giải: Khéo hiểu rõ sự chưa vĩnh đoạn vô thường và nhân tố sinh ra các quả, gọi là thiện xảo duyên khởi. Nghĩa là như kinh nói: “*Cái này có nên cái kia có, cái này sinh nên cái kia sinh; nghĩa là duyên vô minh nên có hành và, cho đến sự tập khởi của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não. Và rằng, cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt; có nghĩa là vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sự diệt tận của sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ, não.*”²⁹⁹

Lại nữa, khéo hiểu rõ do từ nhân này bằng sự *tự tương tục* sinh ra các quả pháp, nghĩa là như kinh nói: “*Chẳng phải ngoài sự sinh làm duyên mà có già, chết, v.v...*”³⁰⁰

Lại nữa, khéo hiểu rõ do từ *tương tự nhân* sinh ra các quả pháp, nghĩa là như kinh nói: “*Ác hành của thân có khả năng cảm quả dị thực không hỷ, không lạc, không đáng yêu, không vừa ý. Diệt hành của thân có khả năng cảm quả dị thực hỷ, lạc, đáng yêu, vừa ý.*”³⁰¹ Đại loại như vậy.

Lại nữa, ngay nơi các *uẩn tương tục* mà gọi là có người xả mạng và người tục sinh, nhưng tánh *bồ-đặc-già-la* không thể thủ đắc. Do khéo hiểu rõ bốn thứ duyên khởi sâu xa, đó là: không từ tự sinh,

299 Chánh văn là như kỳ thứ đệ (tóm tắt không kể ra), chỉ cho đoạn “nghĩa là duyên vô minh khổ, não.” Xem Tập A-hàm, kinh Xiển-đà, số 262; Trung bộ kinh, kinh Đa giới.

300 Tập A-hàm, kinh Vô minh tạng, số 357: “*Có bảy mươi bảy thứ trí, hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các ông mà nói. Thế nào là bảy mươi bảy thứ trí? Đó là trí về sanh duyên nên có già chết; trí về sự không phải ngoài sanh làm duyên mà có già chết; trí về sanh quá khứ làm duyên nên có già chết; trí về sự không phải ngoài sanh quá khứ làm duyên mà có già chết; trí về sanh vị lai làm duyên nên có già chết; cùng với trí về pháp trụ, là trí về vô thường, hữu vi, tâm duyên mà sanh, là pháp đoạn tận, là pháp biến dịch, pháp ly dục, pháp diệt, đoạn biến tri. Cũng vậy, trí về sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, sáu nhập xứ, danh sắc, thức, hành; trí về vô minh duyên nên có hành, trí về sự không phải ngoài vô minh làm duyên mà có hành; trí về vô minh quá khứ làm duyên nên có hành, trí về sự không phải ngoài vô minh quá khứ làm duyên mà có hành; trí về vô minh vị lai làm duyên nên có hành, trí về sự chẳng phải ngoài vô minh vị lai làm duyên mà có hành; cùng với trí pháp trụ là trí về vô thường, hữu vi, tâm duyên mà sanh, là pháp đoạn tận, là pháp biến dịch, pháp ly dục, pháp diệt, đoạn biến tri. Đó gọi là bảy mươi bảy thứ trí.*”

301 Tập A-hàm, kinh Oanh phát Mục-kiền-liên, số 281.



không từ tha sinh, không phải tự tha sinh, không phải vô nhân sinh.³⁰²

Ở đây hiển thị tự thể của duyên khởi, và thắng lợi chướng đoạn của chúng, gọi là *thiện xảo duyên khởi*.

Thế nào là *thiện xảo xứ phi xứ*?

Kệ tụng:

Không làm, không đến, được

Hai, thể khác không chuyển

Tịnh kiến không còn nghiệp

Phi ngã tự tại hai. (kệ 19)

Như vậy trí năng tri

Thiện xảo xứ phi xứ

Nơi tự quả định xứ

Khác đây nói phi xứ. (kệ 20)

[546b27] Luận giải: Nếu không thấy ngã thì đối với hai xứ nhân và quả có được sự tự tại, gọi là thiện xảo xứ phi xứ. Nghĩa là không làm, không đến chỗ, không có được, hai thể không chuyển, thể khác không chuyển, tịnh kiến không còn nghiệp.

Thế nào là *không làm*? Là không chuyên nhất làm các diệu thiện hành, cho nên không có cái ngã tự tại.

Thế nào là *không đến chỗ*? Là lìa diệu thiện hành thì không đi đến được thiện thú, như kinh nói: “*Không có trường hợp nào, không*

302 Tứ bất sinh 四不生: Chư pháp bất tự sinh, Diệc bất tùng tha sinh, Bất cộng bất vô nhân, Thị cố tri vô sinh. Bốn câu bất sinh trong luận Trung quán, do ngài Long Thọ lập ra để nói rõ về nghĩa “các pháp vô sinh”, gồm: 1. Bất tự sinh: tất cả vạn pháp không thể lấy chính nó làm nhân để sinh; 2. Bất tha sinh: tất cả vạn pháp không thể do nhân khác mà sinh; 3. Bất cộng sinh: tất cả vạn pháp không thể lấy chính nó và nhân khác làm cộng nhân để sinh; 4. Bất vô nhân sinh: tất cả vạn pháp không thể do vô nhân mà sinh.



có hợp lý nào, rằng ác hành của thân ...” cho đến “được sinh lên cõi trời, điều đó không thể xảy ra.”³⁰³

Thế nào là không có được? Là lia thiện phương tiện của Thánh đạo vô lậu thì nhất định không thể có được đạo quả thuộc về cứu cánh thanh tịnh, như kinh nói: “Không có trường hợp nào, không có hợp lý nào, rằng không vĩnh đoạn năm triền cái ...” cho đến “không tu bảy biến giác chi mà có năng lực chánh chứng đắc tận biên tế của khổ, điều đó không thể xảy ra.”³⁰⁴

Thế nào là hai thể không chuyển? Không có trường hợp nào, không có hợp lý nào, không trước không sau có hai đức Như lai cùng xuất hiện (trong một thế giới), cho đến nói rộng.³⁰⁵

Thế nào là thể khác không chuyển? Là lia ngoài cái thân trọng

303 Tạng A-hàm, kinh A-nan sở vấn, số 539: “Như vậy, Tôn giả A-nan, đối với bốn Niệm xứ này tôi tu tập, tu tập nhiều, nên chỉ cần chút phương tiện, bằng thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn mắt người, xem thấy các chúng sanh lúc sanh, lúc chết, tướng mạo hoặc đẹp hoặc xấu, sắc cao quý, sắc hạ tiện, cõi lành, cõi ác, tùy theo nghiệp mà thọ sanh, tất cả đều thấy như thật. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý đều tạo việc ác, phỉ báng Hiền thánh; do nhân duyên tà kiến hủy báng Hiền thánh, nên khi thân hoại mạng chung, sanh vào trong địa ngục. Chúng sanh như vậy do thân, miệng, ý làm việc lành, không phỉ báng Hiền thánh, thành tựu chánh kiến, do nhân duyên này nên khi chết được sanh lên cõi trời.” (Thích Đức Thắng dịch) Xem Trung bộ kinh, kinh Đa giới.

304 Tạng A-hàm, kinh Tinh Pháp, số 710: “Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: ‘Thánh đệ tử có tín tâm thanh tịnh, chuyên tinh nghe pháp, có thể đoạn được năm pháp, tu tập bảy pháp, khiến cho được đầy đủ. Những gì là năm? Là tham dục cái, sân nhuế, thùy miên, trạo hối và nghi cái. Đây là những cái cần đoạn. Những gì là bảy pháp? Là Niệm giác chi, Trạch pháp, Tinh tấn, Khinh an, Hỷ, Định, Xả giác chi. Bảy pháp này được tu tập đầy đủ, với người có tịnh tín; đó gọi là tâm giải thoát; người có trí gọi là tuệ giải thoát. Nếu người nào bị tham dục nhiễm tâm thì sẽ không có đắc, sẽ không có lạc; người nào bị vô minh nhiễm tâm, thì trí tuệ không trong sạch. Cho nên, Tỷ-kheo lia tham dục, thì tâm giải thoát; lia vô minh, thì tuệ giải thoát. Nếu Tỷ-kheo đó đã lia tham dục, thì tự thân tác chứng tâm giải thoát; lia vô minh, tuệ giải thoát, đó gọi là Tỷ-kheo đoạn ái phược, kết, mạn, chứng đắc hiện quán, cứu cánh biên tế khổ.’” (Thích Đức Thắng dịch)

305 Trung bộ kinh, kinh Đa giới: “Vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi cùng trong một thế giới (lokadhatu), hai A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có thể xuất hiện (một lần) không trước không sau. Sự kiện như vậy không có xảy ra.’ Và vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới, một A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra.’ Vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này không có xảy ra: Khi cùng trong một thế giới, hai vua Chuyển Luân có thể xuất hiện (một lần), không trước không sau. Sự kiện như vậy không có xảy ra.’ Và vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này có xảy ra: Khi trong một thế giới, một vị vua Chuyển Luân có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra.’” (HT. Thích Minh Châu dịch)



phụ thì những thân khác ắt không thể làm chuyển luân vương v.v..., như kinh nói: “Không có trường hợp nào, không có hợp lý nào, nữ nhân được làm chuyển luân thánh vương”, cho đến nói rộng.³⁰⁶

Thế nào là tịnh kiến không còn nghiệp? Như kinh nói: “Không có trường hợp nào, không có hợp lý nào, bỏ-đặc-già-la đầy đủ Thánh kiến mà giết hại mạng sống v.v...” cho đến “thọ thân sinh tử thứ tám³⁰⁷, điều đó không thể xảy ra. Nếu có xảy ra điều đó thì chính là dị sinh.”

[546c15] Nay ở đây, nói không làm, là cái ngã được chấp, nơi nhân không có được sự tự tại; không có được, là gồm cả nhân và quả; tịnh kiến không còn nghiệp, là chỉ còn có quả.

Lại nữa, xứ phi xứ: Quyết định nơi tự quả, gọi là xứ. Nên biết, nơi quả khác, gọi là phi xứ. Do nơi thiện xảo này có cái tuệ không điên đảo, nên gọi là thiện xảo xứ phi xứ.

Ở đây hiển thị tự thể của xứ phi xứ, và thắng lợi chương đoạn của chúng, gọi là thiện xảo xứ phi xứ.

Thế nào là thiện xảo căn?

306 Trung bộ kinh, kinh Đa giới: “Vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể thành A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự kiện như vậy không có xảy ra.’ Và vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này có xảy ra: Khi một nam nhân có thể thành một A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự kiện như vậy có xảy ra.’ Vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể thành Sakka (Đế -thích). Sự kiện như vậy không có xảy ra.’ Và vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một nam nhân có thể trở thành Sakka. Sự kiện như vậy có xảy ra.’ Vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Ma vương. Sự kiện như vậy không có xảy ra.’ Và vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này có xảy ra khi một nam nhân trở thành một Ma vương. Sự kiện như vậy có xảy ra.’ Vị ấy biết rõ rằng: ‘Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện này như vậy có xảy ra.’”

307 Đệ bát hữu 第八有: Thánh giả Tu-đà-hoàn tái sinh kể cả thiên thượng, nhân gian, cộng lại không quá 7 lần; lần thứ 7, nhập niết bàn, không có tái sinh lần thứ 8. Trong kinh thường thí dụ “Tu-đà-hoàn tái sinh lần thứ tám” (đệ bát hữu) để chỉ cho sự việc không bao giờ xảy ra. Trường A-hàm, kinh Điền Tôn: “Đoạn được ba kiết sử, chứng quả Tu-đà-hoàn, không còn bị đọa vào ác đạo, nhiều lắm là bảy lần sanh đến cõi này nữa là chắc chắn được niết bàn.”



Kệ tụng:

Nơi năng thủ, sinh, trú

Và nhiễm ô, thanh tịnh

Vô lý ngã quán thêm

Ở quả kia tăng thượng. (kệ 21)

Nơi phương tiện như vậy

Gọi là thiện xảo căn

Là với thủ, sinh, trú

Nhiễm, tịnh, tăng thượng vậy. (kệ 22)

[546c25] Luận giải: Nếu không thấy cái ngã nơi sự năng thủ, sinh, v.v... là tăng thượng, nên gọi là thiện xảo các căn. Vì sao? Không phải vì chấp cái ngã mà quán xét lý do khác nơi sự năng thủ, sinh, v.v... tăng thượng tự tại, tức là lý do khác³⁰⁸ nơi sự năng thủ, sinh, v.v... là tăng thượng, cho nên chấp ngã. Điều này không đúng đạo lý.

Nói đến các căn³⁰⁹ nơi sự năng thủ, sinh, v.v... là tăng thượng,

308 Ý nói không có lý do nào khác ngoài các căn mà có nghĩa tăng thượng.

309 Chỉ cho 22 căn. Cái tác dụng mạnh mẽ, rõ rệt nhất của các pháp nhiễm tịnh là 22 căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân (cơ năng phát thức), nam căn, nữ căn (sự sai biệt hữu tình, tướng mạo), mạng căn (khả năng tồn tục của một chúng sanh), ưu, hỷ, khổ, lạc, xả (5 thọ căn thuộc pháp ô nhiễm), ý căn (khả năng tiếp nối sanh tử tự tại tùy hành), tín, tấn, niệm, định, huệ (5 căn thanh tịnh), vị tri đương tri, dĩ tri, cụ tri (3 căn vô lậu), 8 căn sau thuộc pháp thanh tịnh. Con số 22 căn chính do Phật nói rải rác trong các kinh A-hàm và các đệ tử gom chung lại. Toàn bộ Phật pháp chỉ thuyết giảng hai mặt mê và ngộ. Mê là sanh tử lưu chuyển. Ngộ là hoàn diệt niết bàn. Luận Chánh Lý nói: "Sanh tử tiếp nối là nghĩa lưu chuyển, sanh tử chấm dứt là nghĩa hoàn diệt". Về mặt hiện thực lưu chuyển phải có 14 căn đầu trong 22 căn đó. Về mặt hiện thực hoàn diệt căn có 8 căn sau trong 22 căn căn đó. Căn mang ý nghĩa: tối thắng, tự tại và quang hiển. Thể của căn vượt trội nên gọi là tối thắng; dụng vượt trội gọi là tự tại; thể dụng vượt trội gọi là quang hiển. Do căn có nghĩa tăng thượng nên gọi là căn. Mọi sự việc đều nhờ chúng mà tăng thượng, và nhờ sự tăng thượng này mà các pháp đều hiện hữu. Luận Biện trung biên, phẩm 3, Biện Chân thật: "Hai mươi hai căn dựa vào nghĩa của sáu sự tăng thượng mà thiết lập. (1) Thường nhiếp thủ sáu trần cảnh nên sáu căn: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, có nghĩa tăng thượng; (2) Tương tục trú ở trong một giai đoạn nên mạng căn có nghĩa tăng thượng; (3)

nghĩa là: (1) Sáu căn: mắt, tai, v.v... nơi sự nhiếp thủ sáu cảnh là tăng thượng. (2) Hai căn nam nữ nơi sự năng sinh tương tục là tăng thượng. (3) Một loại mạng căn nơi sự tương tục trú là tăng thượng. (4) Năm thọ căn thuộc nhiễm ô là tăng thượng. (5) Tám căn: tín, tấn, v.v... thuộc thanh tịnh là tăng thượng.

Ở đây hiển thị tự thể của thiện xảo các căn, và thắng lợi chương đoạn của chúng, gọi là *thiện xảo các căn*.

Thế nào là *thiện xảo đế*?

Kệ tụng:

Hai thứ: tự tánh khổ

Khổ hợp, không đúng lý

Do không nhân, có nhân

Và năm thứ thí dụ. (kệ 23)

Như vậy do tùy giác

Nên biết thiện xảo đế

Tùy giác chưa từng thấy

Chưa thọ nghĩa, nhân duyên. (kệ 24)

[547a09] Luận giải: Do khéo quán sát cái ngã nơi hai pháp nhiễm tịnh, thấy chẳng thuận đạo lý, gọi là thiện xảo đế. Những gì là hai? Là tự tánh khổ và cùng khổ hợp.

Thế nào là *tự tánh khổ*? Tự tánh của ngã là khổ. Tự tánh khổ là không có nguyên nhân hay là có nguyên nhân? Nếu không có nguyên

Tương tục [an lập] gia tộc nên nam nữ hai căn có nghĩa tăng thượng; (4) Thường thọ dụng nghiệp quả thiện ác nên năm căn: ưu, hỷ, khổ, lạc, xả, có nghĩa tăng thượng; (5) Sự thanh tịnh của thế gian nên năm căn: tín, tấn, niệm, định, tuệ, có nghĩa tăng thượng; (7) Sự thanh tịnh của xuất thế gian nên các căn: vị tri đương tri, dĩ tri, cụ tri, có nghĩa tăng thượng." (tr. 470c17)



nhân thì phải thường nhiễm ô. Nếu có nguyên nhân thì trước phải thanh tịnh, sau mới nhiễm ô. Điều này không thuận lý.

Thế nào là *cùng khổ hợp*? Dẫn ra năm thí dụ đều không thuận lý. Nếu nói khổ cùng ngã hợp, thì (1) không nên như hai cái cây cùng hợp [thành một], vì mắc lỗi không nhiếp tánh xuất ly; (2) cũng không phải như người ta với cái cây cùng hợp, vì mắc lỗi có tánh xuất ly; (3) cũng không phải như lửa với củi cùng hợp, vì mắc lỗi có tánh hủy hoại; (4) cũng không phải như chiếc áo với màu nhuộm cùng hợp, vì trên thể của ngã, một chút phần của màu trắng sạch cũng không thể thủ đắc; (5) cũng chẳng phải như tâm và tâm pháp hòa hợp, bởi vì tâm là năng thủ, nó cùng với tâm pháp đồng duyên một cảnh, v.v... gọi là tương ưng với nhau. Ngã không có những nghĩa này nên không thuận đạo lý.

Lại nữa, quán thấy [trong bốn đế] những nghĩa chưa từng thấy và nhân duyên của chúng; cũng như quán thấy [trong bốn đế] những nghĩa chưa từng tiếp nhận và nhân duyên của chúng, gọi là thiện xảo đế. Nghĩa là từ xưa tới nay chưa từng thấy rõ hai đế khổ tập và nhân duyên của chúng; từ xưa tới nay chưa từng thấy rõ, chưa từng trải nghiệm, tiếp nhận hai đế diệt đạo và nhân duyên của chúng.

Ở đây hiển thị tự thể của thiện xảo đế, và thắng lợi chướng đoạn của chúng, gọi là *thiện xảo đế*.

Kệ tụng:

Nên biết các thiện xảo

Sai biệt hai mươi ba

Di nhiếp luận làm đầu

Sau tối cực thanh tịnh. (kệ 25)



[547a28] Luận giải: Nên biết, những thiện xảo uẩn, giới, xứ v.v... sai biệt lại có hai mươi ba thứ: (1) Thiện xảo dị nhiếp luận; (2) Thiện xảo văn sở sinh trí; (3) Thiện xảo tư sở sinh trí; (4) Thiện xảo tu sở sinh trí; (5) Thiện xảo thuận quyết trạch phần trí; (6) Thiện xảo kiến đạo trí; (7) Thiện xảo tu đạo trí; (8) Thiện xảo cứu cánh đạo trí; (9) Thiện xảo luyện căn trí; (10) Thiện xảo phát thần thông trí; (11) Thiện xảo bất thiện thanh tịnh thể tục trí; (12) Thiện xảo thiện thanh tịnh thể tục trí; (13) Thiện xảo thắng nghĩa trí; (14) Thiện xảo bất thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí; (15) Thiện xảo thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí; (16) Thiện xảo thiện thanh tịnh tướng vô phân biệt trí; (17) Thiện xảo thành sở tác tiền hành trí; (18) Thiện xảo thành sở tác trí; (19) Thiện xảo thành sở tác hậu trí; (20) Thiện xảo Thanh văn trí; (21) Thiện xảo Độc giác trí; (22) Thiện xảo Bồ-tát trí; (23) Thiện xảo tối cực thanh tịnh trí.

Ở đây, *thiện xảo dị nhiếp luận* có hai thứ: 1. Thiện xảo chủng chủng nhiếp; 2. Thiện xảo chủng chủng luận.

[547b11] *Thiện xảo chủng chủng nhiếp* có mười một thứ: 1. Giới nhiếp; 2. Tướng nhiếp; 3. Chủng loại nhiếp; 4. Phần vị nhiếp; 5. Bất tương ly nhiếp; 6. Thời nhiếp; 7. Phương nhiếp; 8. Toàn phần nhiếp; 9. Nhất phần nhiếp; 10. Thắng nghĩa nhiếp; 11. Hỗ tương nhiếp.

Giới nhiếp: Là uẩn, giới, xứ được nhiếp vào tự chủng tử [của thức a-lại-da].

Tướng nhiếp: Là trong uẩn, giới, xứ, mỗi tự tướng được nhiếp vào cộng tướng.³¹⁰

310 Tạp tập luận: "Như sắc uẩn nhiếp vào sắc uẩn, ..., pháp xứ nhiếp vào pháp xứ." (No. 1606, tr. 717b12)



Chung loại nhiếp: Là trong uẩn, giới, xứ, mỗi tự chủng loại được nhiếp khắp cả.³¹¹

Phần vị nhiếp: Là trong uẩn, giới, xứ, thuận lạc thọ, thuận khổ thọ và thuận bất khổ bất lạc thọ được nhiếp vào phần vị.³¹²

Bất tương ly nhiếp: Là trong uẩn, giới, xứ, do một pháp nhiếp tất cả pháp, vì những pháp quyền thuộc của nó không tách rời nhau.³¹³

Thời nhiếp: Là trong uẩn, giới, xứ, các pháp nơi quá khứ, vị lai, hiện tại, riêng biệt nhiếp nhau.³¹⁴

Phương nhiếp: Là các uẩn, giới, xứ y theo phương hướng mà chuyển. Dựa vào phương này sinh ra, tức là nhiếp vào phương này.

Toàn phần nhiếp: Là các uẩn, giới, xứ được nhiếp đầy đủ trong năm thủ uẩn, mười tám giới, mười hai xứ.³¹⁵

311 Tạng tập luận: “Chung loại nhiếp, là uẩn, giới, xứ, mỗi tướng tuy khác, nhưng nghĩa của uẩn, nghĩa của giới, nghĩa của xứ v.v... triển chuyển nhiếp nhau. Nghĩa của uẩn, là sắc, thọ, v.v... đều có nghĩa của tích tụ, tuy tướng trạng mỗi khác nhưng tất cả nhiếp nhau, cùng nhau tiếp cận vì có chung một chủng loại. Nghĩa của giới, là nhân, nhĩ, v.v... đều có nghĩa năng tri, thọ dụng, tất cả nhiếp nhau. Nghĩa của xứ, là nhân, nhĩ, v.v... đều có nghĩa cửa ngõ sinh trưởng, tất cả nhiếp nhau.” (tr. 717b14~19)

312 Tạng tập luận: “Phần vị nhiếp, là lạc vị nơi uẩn, giới, xứ, tức nhiếp chính nó. Khổ vị, bất khổ bất lạc vị cũng vậy, là những phần vị. Như sắc, thọ, v.v... tuy có chung uẩn loại, nhưng khổ, lạc, v.v... có phần vị sai biệt. Lạc vị trở lại nhiếp lạc vị, không phải là khổ vị hay bất khổ bất lạc vị. Cũng vậy, khổ vị, bất khổ bất lạc vị trở lại nhiếp chính nó. Giống như uẩn, giới và xứ cũng như vậy.”

313 Tạng tập luận: “Bạn nhiếp, là sắc uẩn cùng với các uẩn khác làm trợ bạn cho nhau, tức nhiếp trợ bạn cho uẩn khác. Giới và xứ cũng như vậy. Như sắc uẩn cùng với thọ, tưởng, v.v... làm trợ bạn cho nhau, có khả năng nhiếp năm uẩn. Như vậy, mỗi một trợ bạn của thọ, tưởng v.v... đều nhiếp năm uẩn. Giống như uẩn, giới và xứ cũng như vậy, hỗ tương làm trợ bạn; mỗi một giới hay xứ đều nhiếp tất cả giới hay xứ.” (tr. 717b25~28)

314 Tạng tập luận: “Thời nhiếp, là các uẩn, giới, xứ ở đời quá khứ trở lại nhiếp chính nó. Các uẩn, giới, xứ ở đời vị lai, hiện tại cũng như vậy.” (tr. 717c01)

315 Tạng tập luận: “Cụ phần nhiếp, là có bao nhiêu pháp được nhiếp trong uẩn, giới, xứ thì có khả năng nhiếp toàn phần, như khổ uẩn nhiếp 5 thủ uẩn, Dục giới nhiếp 18 giới, Vô tưởng hữu tình xứ nhiếp 10 xứ, trừ hương và vị. Do đạo lý này, ở trong các kinh điển nói uẩn, giới, xứ nhiếp hết tất cả pháp có khả năng nhiếp toàn phần.” (tr. 717c07~10)



Nhất phần nhiếp: Là các uẩn, giới, xứ được nhiếp ít phần riêng biệt.³¹⁶

Thắng nghĩa nhiếp: Là các uẩn, giới, xứ được nhiếp bởi sắc thái chân như.

Hỗ tương nhiếp: Là các uẩn, giới, xứ lần lượt nhiếp nhau.³¹⁷

[547b23] *Thiện xảo chủng chủng luận*: Đối với uẩn, giới, xứ, có phương tiện thiện xảo là nhiều thứ hỏi đáp, như lấy *nhất hành*³¹⁸ làm câu hỏi, và nên lấy thuận tiền cú, thuận hậu cú, tứ cú, vô lượng cú làm câu trả lời³¹⁹.

316 Tạng tập luận: “Nhất phần nhiếp, là có bao nhiêu pháp được nhiếp trong uẩn, giới, xứ thì chỉ nhiếp một phần, không phải tất cả, như giới uẩn chỉ nhiếp một phần của sắc uẩn, thọ uẩn, v.v...; định uẩn, tuệ uẩn, v.v... chỉ nhiếp một phần hành uẩn; dục, sân, hại giới chỉ nhiếp một phần pháp giới; Không vô biên xứ, v.v... chỉ nhiếp một phần ý pháp xứ; như vậy thấy.” (tr. 717c03~06)

317 Canh hỗ nhiếp: (1) Sắc uẩn nhiếp giới nào? Xứ nào? Mười giới, toàn phần; một xứ, ít phần. Thọ uẩn nhiếp giới nào? Xứ nào? Một giới, một xứ, ít phần. Như thọ uẩn, tưởng uẩn và hành uẩn cũng như vậy. Thức uẩn nhiếp giới nào? Xứ nào? Bảy giới, một xứ. (2) Nhân giới nhiếp uẩn nào? Xứ nào? Sắc uẩn, ít phần; một xứ, toàn phần. Như nhân giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc giới cũng như vậy. Ý giới nhiếp uẩn nào? Xứ nào? Một uẩn, một xứ. Pháp giới nhiếp uẩn nào? Xứ nào? Ba uẩn, toàn phần; sắc uẩn, ít phần; một xứ, toàn phần. Nhân thức giới nhiếp uẩn nào? Xứ nào? Thức uẩn và ý xứ, đều ít phần. Như nhân thức, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức giới cũng như vậy. (3) Nhân xứ nhiếp uẩn nào? Giới nào? Sắc uẩn, ít phần; một giới, toàn phần. Như nhân xứ, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, xúc xứ cũng như vậy. Ý xứ nhiếp uẩn nào? Giới nào? Một uẩn, bảy giới. Pháp xứ nhiếp uẩn nào? Giới nào? Ba uẩn, toàn phần; một uẩn, ít phần; một giới, toàn phần. Như vậy, các pháp khác lấy uẩn, giới, xứ làm danh thuyết, và các pháp khác không lấy uẩn, giới, xứ làm danh thuyết: như thật hữu, giả hữu, thể tục hữu, thắng nghĩa hữu, sở tri, sở thức, sở đạt, hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, như vậy thấy. Như trên đã hiển thị, theo chỗ thích ứng, cùng với uẩn, giới, xứ lần lượt nhiếp nhau. Theo chỗ thích ứng: là mỗi một uẩn nhiếp các giới, xứ; mỗi một giới nhiếp các uẩn, xứ; mỗi một xứ nhiếp các uẩn, giới.” (tr. 717c11~27)

318 A tỷ đàm Tỷ bà sa luận, quyển 31: “Hỏi: Nhất hành, lịch lục, tiểu thất, đại thất, có sai biệt thế nào? Đáp: Tên gọi chính là sai biệt. Lại nữa, lấy một hành pháp đề tác vấn, gọi là nhất hành; lấy sáu câu đề tác vấn, gọi là lịch lục; lấy bảy câu đề tác vấn, gọi là tiểu thất; lấy hai kết, vấn một kết, cho đến lấy tám kết, vấn một kết, gọi là đại thất. Lại nữa, vấn bất tương tự pháp, không lấy thể định, gọi là nhất hành; vấn tương tự pháp, lấy thể định, gọi là lịch lục; vấn bất tương tự pháp, lấy thể định, gọi là tiểu thất; lấy hai pháp, vấn một pháp, cho đến lấy tám pháp, vấn một pháp, lấy thể định, gọi là đại thất. Nhất hành, lịch lục, tiểu thất, đại thất, gọi là sai biệt.” (No. 1546, tr. 231b27~c05)

319 Theo luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạng, quyển 7 thì trong pháp đối luận Nhân minh có 7 cách hỏi đáp (thất cú đáp, 七句答), tức như đối với câu hỏi A là B, hoặc B có phải là A không, thì có 7 cách đáp như sau: 1. Thuận tiền cú đáp (S: Pūrvadāka): Cách đáp thuận theo câu trước và chỉ khẳng định câu trước; chẳng hạn như: A là B, nhưng B chưa hẳn là A; 2. Thuận hậu cú đáp (S: Pascāpadāka): Trái với cách đáp 1 ‘thuận theo câu trước’, cách đáp 2 này ‘thuận theo câu sau’ và chỉ khẳng định câu sau. Thí dụ như B là A, nhưng A chưa hẳn là B; 3. Nhị cú đáp: Tức đáp bằng 2 câu: hoặc A chẳng



Như có câu hỏi: Nếu có *giới nhiếp* tức là có *tướng nhiếp* chăng? Giả thử có tướng nhiếp thì lại có giới nhiếp chăng? Hãy nên dựa vào nhân, dùng tứ cú để đáp: (1) Có giới nhiếp, không tướng nhiếp: Nếu sinh *Hữu sắc giới*, hoặc nhân chưa sinh, hoặc nhân sinh rồi mất. Nếu các dị sinh sinh *Vô sắc giới*, hoặc không có được nhân, hoặc nhân vô gián diệt.³²⁰ (2) Có tướng nhiếp, không có giới nhiếp: Là nhân của A-la-hán tối hậu. (3) Có giới nhiếp cũng có tướng nhiếp: Là trừ những trường hợp nói trên, ngoài ra đều có nhân vị. (4) Có không giới nhiếp, cũng không tướng nhiếp: Là A-la-hán nhân đã mất hoại, [hoặc không sinh nhân nếu] sinh *Vô sắc giới*, hoặc bậc đã kiến đế, hoặc đã nhập vô dư y bát niết bàn giới.³²¹ Đối với nhân, phân biệt như vậy.

Đối với tất cả pháp khác, theo chỗ thích ứng nên phân biệt rộng: Như lấy giới nhiếp đối tướng nhiếp, như vậy lấy giới nhiếp đối các nhiếp khác, triển chuyển nhất hành, nên phân biệt rộng. Như vậy lấy các nhiếp khác đối các nhiếp khác, trừ cái trước nữa đối cái sau nữa, đều nên lấy đạo lý nhất hành, theo chỗ thích ứng, nên phân biệt rộng.

Lại nữa, nếu pháp được nhiếp bởi uẩn, thì pháp ấy có được nhiếp bởi giới chăng? Giả sử pháp được nhiếp bởi giới thì pháp ấy được nhiếp bởi uẩn chăng? Ở đây nên đáp bằng *thuận tiền cú*: Nếu pháp được nhiếp bởi uẩn, thì pháp ấy cũng được nhiếp bởi giới, hoặc pháp được nhiếp bởi giới, không phải được nhiếp bởi uẩn, thì gọi là pháp vô vi.

phải B, hoặc B chẳng phải A; 4. Tam cú đáp: Tức đáp bằng 3 câu: hoặc A chẳng phải B, hoặc B chẳng phải A, hoặc A cũng là B; 5. Tứ cú đáp: Gọi Tứ cú phân biệt, tức dùng: hoặc A mà chẳng phải B, hoặc B mà chẳng phải A, hoặc A mà cũng là B, hoặc chẳng phải A chẳng phải B; 6. Thuật khả cú đáp: Hoàn toàn đáp bằng chữ Đúng; 7. Giả chỉ cú đáp: Cách đáp bằng cách ngăn chặn lời hỏi của đối phương, làm cho họ không thành lập được câu hỏi. (tr. 768a11~b11)

320 Đoạn này tham khảo thêm Du-già sư địa luận, quyển 56, tr. 609b19~23, cho rõ nghĩa.

321 Bốn trường hợp: (1) Có nhân giới, không có nhân; (2) Có nhân, không có nhân giới; (3) Có nhân cũng có nhân giới; (4) Có không nhân cũng không nhân giới.



Như lấy uẩn đối giới, như vậy lấy uẩn cho đến đối đế³²², nên dựa vào đạo lý nhất hành rộng biện *tướng nhiếp*. Như uẩn đối cái khác, như vậy lấy giới đối xứ, v.v... cho đến lấy căn đối đế, nên phân biệt rộng.

[547c14] Ở đây, (1) *Thiện xảo bất thiện thanh tịnh thể tục trí*: Tức là *thiện xảo thuận quyết trạch phân trí*. (2) *Thiện xảo thiện thanh tịnh thể tục trí*: Tức là *thiện xảo xuất thể hậu đắc thể gian trí*. (3) *Thiện xảo thắng nghĩa trí*: Tức là *thiện xảo kiến đạo trí*.

Như vậy, có ba thứ thiện xảo, đó là (1) *thiện xảo bất thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí*, (2) *thiện xảo thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí* và (3) *thiện xảo thiện thanh tịnh tướng vô phân biệt trí*.

Như vậy, có ba thứ thiện xảo, đó là (1) *thiện xảo thành sở tác tiền hành trí*, (2) *thiện xảo thành sở tác trí* và (3) *thiện xảo thành sở tác hậu trí*.

Lại nữa, ba thứ thiện xảo sai biệt ở đầu là: (1) chưa đoạn phiền não sinh, không phải phiền não đối trị; (2) đã đoạn phiền não sinh, không phải phiền não đối trị; (3) đã đoạn phiền não sinh, chính là phiền não đối trị.

Ba thứ thiện xảo sai biệt ở giữa, tức là ba thứ này do hữu phân biệt trí, vô phân biệt trí, thể tục trí, thắng nghĩa trí mà có sai biệt.

Ba thứ thiện xảo sai biệt ở sau, tức là ba thứ này hiển thị đoạn tiền hành trí tánh, chánh đoạn đạo trí tánh và hậu thời trí tánh của hai trí kia mà có sai biệt.

Như vậy, chín trí dựa vào sự tương tục. Vì bổ-đặc-già-la sai biệt lại thiết lập bốn thứ [thiện xảo]³²³.

322 Uẩn, giới, xứ, căn, đế.

323 Bốn thứ thiện xảo: Thiện xảo Thanh văn trí, thiện xảo Độc giác trí, thiện xảo Bồ tát trí, thiện xảo tối cực thanh tịnh trí.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Bốn

Phẩm Bốn

THÀNH VÔ THƯỜNG

[547c29] Lại nữa, như trước đã nói: “*Nếu muốn chánh tu hành, Biến tri đấng công đức*”³²⁴: nghĩa là biến tri khổ, v.v...³²⁵ Thế nào là khổ biến tri? Là đối với khổ đế, biến tri vô thường, khổ, không, vô ngã. Nay theo thứ tự mà thành lập rộng.

Ở đây, *thành vô thường*: Là nên hiển thị thể tánh vô thường và sai biệt vô thường.³²⁶ Thế nào là vô thường? Những gì là sai biệt?

Kệ tụng:

Vô thường gọi hữu vi

Tương ưng với ba tướng

Vô thường nghĩa như ứng

Sáu, tám thứ nên biết. (kệ 1)

324 Hai câu kệ tụng của Hiển dương, nằm trong quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4. Phân biệt rộng thì xem lại phẩm Nhiếp sự, kệ 21ab, 501c.

325 Là đối với khổ đế, tập đế và diệt đế thuộc về thế tục đế hay thuộc về thắng nghĩa đế mà có thể biến tri, vịnh đoạn và tác chứng.

326 Phân khoa phẩm Thành vô thường: 1. Kiến lập sắc thái vô thường (định nghĩa vô thường): kệ 1 – 5 (547c-548c). 2. Quyết trạch những nghĩa khác: a. Vô thường đều là nghĩa của khổ, kệ 6 (548c); b. Nghĩa của sát-na vô thường và ba nhân thành lập (sát-na diệt luận): kệ 7-12 (548c-549b). 3. Đối phá thường chấp thường (phủ định ngã, Tự tại, tự tánh, cực vi, hiểu biết là tánh thường trú): kệ 13-18 (549b-550b). 4. Thích thành biến tri (tu tập vô thường): kệ 19-23 (550b-551a).



[548a07] Luận giải: *Tánh vô thường*: Là pháp hữu vi, và cùng tương ưng với ba tướng hữu vi: 1. Sinh tướng; 2. Diệt tướng; 3. Trú dị tướng.³²⁷

Lại nữa, nghĩa vô thường sai biệt: Theo sự thích ứng hoặc có sáu thứ, hoặc có tám thứ, nên biết. Những gì là sáu, là tám?

Kệ tụng:

Vô tánh, hoại, chuyển dị

Biệt ly, đắc, đương hữu

Sát na, tục, bệnh đấng

Là tâm, khí, thọ dụng. (kệ 2)

[548a13] Luận giải: Sáu thứ vô thường: 1. Vô tánh vô thường; 2. Thất hoại vô thường; 3. Chuyển dị vô thường; 4. Biệt ly vô thường; 5. Đắc vô thường; 6. Đương hữu vô thường.³²⁸

327 Du-già sư địa luận, quyển 88, Nhiếp sự phần: “Như vậy ba sắc thái hữu vi này dựa vào hai thứ hành lưu chuyển mà an lập: 1. Dựa vào sinh thân triển chuyển lưu chuyển; 2. Dựa vào sát-na triển chuyển lưu chuyển. Sinh thân triển chuyển lưu chuyển: Ở trong chúng đồng phần của mọi loài hữu tình, sơ sinh, gọi là sinh; mạng chung, gọi là diệt; khoảng giữa sinh diệt: từ trẻ thơ v.v... vị lập trú dị tánh, cho đến thọ mạng trú, gọi là trú; các vị lập lần lượt triển chuyển sai biệt, gọi là trú dị tánh. Sát-na triển chuyển lưu chuyển: Các hành trong từng sát-na thay đổi mà sinh, gọi là sinh; sau sinh sát-na không có trú, gọi là diệt; chỉ có sinh sát-na trú, gọi là trú; dị tánh có hai: 1. Dị tánh dị tánh; 2. Chuyển biến dị tánh. Dị tánh dị tánh: Các hành tương tự tương tục mà chuyển. Chuyển biến dị tánh: Các hành không tương tự tương tục mà chuyển. Không phải dị tánh này rời ngoài trú tướng có thể riêng biệt có thể có được, cho nên hai thứ dị tánh gồm chung làm một, thiết lập một tướng. Trái ngược với những tướng trên, nên biết, là ba tướng vô vi thường trú.” (tr. 795c20~796a05)

328 Theo Tạng tập luận, quyển 6: Vô tánh vô thường (phi hữu vô thường): là uẩn, giới, xứ nơi tất cả thời, tự tánh của ngã và ngã sở đều chẳng thật có. Thất hoại vô thường (hoại diệt vô thường): là các hành sinh rồi liền diệt. Chuyển dị vô thường (biến dị vô thường), là các hành sinh khởi khác nhau, vì không tương tự và liên tục chuyển động. Biệt ly vô thường: là mất đi cái lực tăng thượng nơi các hành, hoặc những gì thuộc của người mà chấp là mình có, như đồ dùng, tài sản v.v..., hoặc theo thời gian tự nhiên mất hoại, hoặc người khác chiếm đoạt những gì của mình có. Đắc vô thường (hiện tiền vô thường): là sống với sự vô thường, do cái nhân (quá khứ) theo đuổi đến ngày nay mà thọ lãnh sự vô thường. Đương hữu vô thường (pháp tánh/ pháp nhĩ vô thường): là đương lai vô thường, do cái nhân (hiện tại) theo đuổi nên chắc chắn lãnh thọ sự vô thường, như chết là tánh vô thường chắc chắn phải lãnh thọ. (tr. 720a05~a18) Luận Biện trung biên, phẩm Biện chân thật, tr. 469a20: “Vô thường có ba thứ: 1. Vô tánh vô thường, là biến kế sở chấp vĩnh viễn không thật có; 2. Sinh diệt vô thường, là y tha khởi có sinh khởi, có diệt mất; 3. Cấu tịnh vô thường, là viên thành thật [hiển lộ] do địa vị chuyển biến.” Luận Trung biên phân biệt, No. 1599, phẩm Chân thật, tr. 455c22: “Như vậy trong ba thứ chân thật căn bản, nói rõ có ba thứ vô thường: 1. Vô vật vô thường; 2. Sinh diệt vô thường; 3. Hữu cấu vô cấu vô thường.” Vô vật vô thường là vô tánh vô thường.



Tám thứ vô thường: 1. Sát-na môn³²⁹; 2. Tương tục môn³³⁰; 3. Bệnh môn; 4. Lão môn; 5. Tử môn³³¹; 6. Tâm môn³³²; 7. Khí [thể giới] môn³³³; 8. Thọ dụng môn³³⁴. Ở đây, hai thứ sát-na và tương tục là vô thường mà biến hành trong tất cả; ba thứ bệnh, lão, tử là vô thường ở nội sắc; tâm là vô thường chỉ có nơi danh; hai thứ khí [thể giới] và thọ dụng là vô thường ở ngoại sắc.

Ở đây, *vô tánh vô thường*: Là tánh thường không có, gọi là vô thường. Ngoài ra, biến dị vô thường có mười lăm thứ.

Kệ tụng:

Biến dị cần phải biết

Mười lăm thứ sai biệt

Gọi là phần vị đẳng

Bị tám duyên bức bách. (kệ 3)

Hạ giới đủ tất cả

Trung giới là ba môn

Đủ ba thứ biến dị

Thượng giới lại trừ khí. (kệ 4)

329 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Giác phần, tr. 646b, đề cập 15 nghĩa để thành lập nghĩa sát-na hoại diệt: 1. Do khởi; 2. Nhân duyên; 3. Trái ngược; 4. Không trụ; 5. Vô thể; 6. Tương định; 7. Tùy chuyển; 8. Diệt tận; 9. Biến dị; 10. Nhân; 11. Quá; 12. Nắm giữ; 13. Tăng thượng; 14. Tùy tịnh; 15. Tùy sanh. Hiểu rộng thì xem giải thích ở luận này.

330 Tương tục: sự liên tục trước sau không có gián đoạn của thân tâm. Ngài Huyền Trang dịch là đa phiền não thân, cái thân nhiều phiền não. Ngài An Huệ nói là cái thân 5 thủ uẩn. Sự tương tục ấy thì vô ngã.

331 Bệnh, lão, tử môn: Là bốn đại biến dị vô thường.

332 Tâm môn: là các thứ tâm hành (tham, sân, si v.v...) khởi diệt, chuyển biến vô thường.

333 Khí [thể giới] môn: Là thể giới vật chất thành hoại vô thường.

334 Thọ dụng môn: Là các sự thọ dụng (tài sản, sắc đẹp, quyền lực v.v...) hưng thịnh và suy biến vô thường.



[548a25] Luận giải: Mười lăm thứ biến dị: 1. Phần vị biến dị; 2. Hiển biến dị; 3. Hình biến dị; 4. Hưng thịnh biến dị; 5. Chi tiết biến dị; 6. Lạnh nóng biến dị; 7. Cái khác làm tổn hại biến dị; 8. Mệt mỏi biến dị; 9. Uy nghi biến dị; 10. Xúc đối biến dị; 11. Nhiễm ô biến dị; 12. Bệnh v.v... biến dị; 13. Chết biến dị; 14. Bầm xanh, v.v... biến dị; 15. Mọi thứ không hiện hết biến dị.

Phần vị biến dị: Là từ bé thơ cho đến tuổi già, trước sau biến khác riêng biệt, không giống nhau.

Hiển biến dị: Là từ vẻ đẹp, da căng, thân thể tươi tắn, cho đến biến đổi xấu xí, da nhăn, thân thể gầy gò.

Hình biến dị: Là sự biến đổi béo, gầy, v.v....

Hưng thịnh biến dị: Là sự hưng thịnh của quyền thuộc, của cải, đạo đức, kiến thức v.v..., và tương phản với hưng thịnh là suy thoái biến khác.

Chi tiết biến dị: Là trước có đủ chân tay, bộ phận, sau biến mất không đủ.

Lạnh nóng biến dị: Là khi trời lạnh thì cơ ro, run rẩy; khi trời nóng thì thoải mái, đổ mồ hôi; mong cầu lạnh, ấm, v.v... biến đổi.

Cái khác làm tổn hại biến dị: Là chân đạp, tay đá, muỗi mòng châm chích, v.v... làm thân thể biến đổi.

Mệt mỏi biến dị: Là do chạy nhảy, cưỡi, ném, v.v... làm thân thể mệt mỏi biến đổi.

Uy nghi biến dị: Là bốn uy nghi, trước sau dễ thiếu sót, tổn ích biến đổi.

Xúc đối biến dị: Là do thuận khổ lạc, v.v... các xúc biến đổi, cho nên các cảm thọ khổ, vui, v.v... biến đổi.



Nhiễm ô biến dị: Là tâm có tham, sân, v.v... hai phiền não đại tùy làm tâm nhiễu loạn biến đổi.

Bệnh v.v... biến dị: Là trước không có bệnh khổ, sau bị bệnh nặng làm thân thể khổ sở, biến đổi.

Chết biến dị: Là trước có thọ mạng, sau trống rỗng, vô thức, trước sau biến đổi.

Bầm xanh v.v... biến dị: Là sau khi mạng chung, thân thể bầm xanh, sinh trương, cho đến xương trắng dính nhau, v.v...³³⁵ biến đổi.

Mọi thứ không hiện hết biến dị: Là sự biến đổi của bộ xương trắng dính nhau, thiêu hoại, tách rời, tan rã; tất cả quá trình ấy đều không thấy được.

[548b16] Lại nữa, mười lăm thứ biến dị này do tám duyên tương ưng với chúng. Tám duyên: 1. Chờ đợi thời gian; 2. Người bị tổn hại; 3. Thọ dụng thiếu hụt; 4. Thời tiết thay đổi; 5. Lửa thiêu hủy; 6. Nước phá hoại; 7. Gió khô ráo; 8. Dị duyên hợp.

Chờ đợi thời gian: Trải qua thời gian lâu xa, các pháp hữu sắc không lìa bỏ xứ, tự nhiên mục nát.

Cái khác làm tổn hại: Do cái khác làm nhân duyên cho các thứ bức nã, trước sau biến đổi.

Thọ dụng thiếu hụt: Đối với mọi sự thọ dụng bị các chủ thể khác biệt sử dụng làm tổn giảm biến đổi.

Thời tiết thay đổi: Mùa Đông lạnh giá, băng tuyết; ngày Hè nóng bức, nhiều mưa; cây rừng, cỏ thuốc khi sum suê, khi tàn tạ.

335 Cửu tướng quán (cốt tòa quán, cốt tường quán): 1. Quán thân mới chết bầm xanh; 2. Lần lần sinh trương; 3. Kế đến nứt nẻ; 4. Máu chảy ra; 5. Rục rã; 6. Lầy thúi; 7. Giòi, thú đực, ăn; 8. Xương mục; 9. Tiêu rụi.



Lửa thiêu hủy: Lửa dữ thiêu cháy thành phố, xóm làng thành đồng tro tàn.

Nước phá hoại: Nước xiết nhấn chìm, cuốn trôi nhà cửa, làng mạc.

Gió khô ráo: Gió mạnh thổi quạt áo ướt, đất ẩm làm mau khô ráo.

Dị duyên hợp: Người nhiều tham khi duyên hợp với sân, thì tham triền ngưng dứt, phát khởi sân triền. Như vậy, người nhiều sân, người nhiều si cùng phiền não khác duyên hợp nên biết cũng vậy. Như vậy, các thức và dị cảnh hiện tiền cũng vậy.

Lại nữa, nghĩa vô thường trên, ở Dục giới có đủ tất cả môn vô thường và biến dị; ở Sắc giới, trừ ba môn vô thường: bệnh, lão và thọ dụng, và có ba thứ biến dị: xúc đối, nhiễm ô và chết. Như các nghĩa vô thường ở Sắc giới, nên biết Vô sắc giới cũng vậy, chỉ trừ khí môn.

Kệ tụng:

Nghĩa vô tánh vô thường

Là biến kế sở chấp

Những nghĩa vô thường khác

Y tha khởi nên biết. (kệ 5)

[548c07] Luận giải: Nghĩa vô tánh được nhiếp trong nghĩa vô thường, nên biết, nó tương nhiếp với tánh biến kế sở chấp. Những nghĩa vô thường khác thì tương nhiếp với tánh y tha khởi. Trong tánh viên thành thật không có nghĩa vô thường. Như vậy đã hiển thị nghĩa vô thường, sai biệt, và ba tánh được nhiếp.

Lại nữa, đức Thế tôn nói: “*Cái gì vô thường đều là khổ.*”³³⁶ Có ý gì chăng?

336 Trong Tương ưng bộ kinh, có lần đức Phật hỏi các thầy Tỳ kheo: “Này các thầy, cái gì được thấy, được nghe, được nghĩ đến, được biết, được tìm cầu, được ý tư duy, cái ấy là thường hay vô thường? - Là vô thường, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường là khổ hay vui? - Là khổ, bạch Thế Tôn. - Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, nếu không chấp thủ cái ấy, thì có thể khởi lên suy nghĩ: “Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi”? - Thưa không, bạch Thế Tôn”



Kệ tụng:

Chư vô thường đều khổ

Các khổ bị xen tạp

Người ngu mê pháp tánh

Bị hại mà không biết. (kệ 6)

[548c14] Luận giải: Do *thô trọng khổ*³³⁷ xen tạp bởi vô thường; tánh vô thường này là *hành khổ*³³⁸ nên là khổ. Do *biến hoại khổ*³³⁹ làm chỗ y chỉ nên là khổ; vì vậy đạo đế là phi khổ, nó lấy sắc thái phi khổ xen tạp bởi nghĩa vô thường. Người ngu mê hoặc nơi pháp tánh [phi khổ] ấy, không thể thấu hiểu nghĩa thường và vô thường, vì đã bị não hại bởi *hiện tiền vô thường*³⁴⁰.

Ở trên đã nói sát-na vô thường biến hành tất cả. Nghĩa vô thường này không phải thế gian hiện chứng cho nên thành lập.

Kệ tụng:

Chư hành là tâm quả

Sinh rồi tự nhiên diệt

Sau có được biến dị

Niệm niệm diệt, nên biết. (kệ 7)

337 Thô trọng khổ = ngũ thủ uẩn khổ.

338 Hành khổ: khổ sở vì sự biến động của pháp hữu vi, trong đó có 5 uẩn gồm thân tâm và thế giới của thân tâm.

339 Biến hoại khổ (biến dịch khổ, hoại khổ): khổ sở vì cái vui mất đi. Luận Thanh tịnh đạo nói: “Cảm thọ khổ về thân và tâm gọi là khổ khổ, vì tự tính nó là khổ, tên nó là khổ, và vì nó đau đớn thực sự. Cảm thọ lạc về thân và tâm gọi là hoại khổ vì đó là nhân sanh ra khổ khi cảm thọ ấy biến hoại. Xả thọ và các hành khác trong ba cõi là hành khổ, vì chúng bị bức bách trong sanh diệt.” (Thích Nữ Trí Hải dịch)

340 Hiện tiền vô thường: Chư hành hiện tiền ở ngay nơi biến dị vô thường, hoại diệt vô thường, biệt ly vô thường, hợp với cảm thọ vô thường, gọi là hiện tiền vô thường.

[548c22] Luận giải: Tất cả hành kia là quả của tâm³⁴¹, tâm tánh vừa sinh, rồi nhân duyên diệt, tự nhiên diệt hoại. Lại nữa, thời gian sau có được sự biến dị, nên biết, các hành đều là sát-na diệt.

Làm sao biết các hành là quả của tâm?

Kệ tụng:

Tâm huân tập tăng thượng

Định chuyển biến tự tại

Ảnh tượng sinh đạo lý

Và ba thứ Thánh giáo. (kệ 8)

[548c27] Luận giải: Do đạo lý và Thánh giáo mà chứng biết rằng các hành là tánh quả của tâm.

Đạo lý: Pháp thiện và pháp bất thiện huân tập nơi tâm. Do sức tăng thượng của tập khí nơi tâm mà các hành được sinh. Lại nữa, người đã vượt thoát những chướng ngại của định, tâm thanh tịnh, thì tất cả các hành tùy tâm chuyển biến. Do sức tự tại của ý giải ấy mà mọi thứ

341 Tâm đều là sát-na diệt, và chư hành cũng là sát-na diệt. Sát na diệt có nghĩa là hết thảy hiện tượng, bất luận là tâm hay vật, đều sinh diệt biến chuyển trong từng sát na, chúng không bao giờ đứng yên ở cùng một trạng thái. Tạp A-hàm, kinh 273, Thủ thanh dụ: “Này Tỳ-kheo, thí như hai tay chập lại tạo thành âm thanh, cũng vậy duyên mắt và sắc sanh ra nhãn thức. Ba sự này hòa hợp sanh ra xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này chẳng phải ngã, chẳng phải thường, mà đó là cái ngã vô thường; chẳng phải lâu bền, chẳng phải an ổn, đó là cái ngã biến dịch. Vì sao? Này Tỳ-kheo, vì nó là pháp thọ sanh có sanh, già, chết, tiêu mất. Này Tỳ-kheo, các hành như huyễn, như sóng năng, trong khoảnh sát na, tàn lụi, không thật đến không thật đi. Cho nên Tỳ-kheo, đối với các hành vốn không, nên biết, nên hoan hỷ, nên suy niệm rằng, trống không là các hành thường tồn, vĩnh hằng, ổn trụ, pháp không biến dịch; trống không không có ngã, không có ngã sở. Ví như người mắt sáng tay cầm đèn sáng vào trong nhà trống, xem xét cái nhà trống ấy. Cũng vậy, Tỳ-kheo, đối với tất cả hành trống không, tâm quán sát, hoan hỷ, rằng trống không là các hành. Trống không, không ngã và ngã sở, là các pháp (được coi là) thường tồn, vĩnh hằng, ổn trụ, pháp không biến dịch. Cũng vậy, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và pháp làm nhân duyên sanh ra ý thức, ba sự hòa hợp thành xúc, xúc sanh ra thọ, tưởng, tư. Các pháp này vô ngã, vô thường, chi tiết cho đến không, vô ngã và ngã sở.” (Thích Đức Thắng dịch)



chuyển biến. Lại do sức tự tại của định tâm mà theo sự mong muốn, sinh ra những ảnh tượng nơi cảnh giới định tâm. Đó gọi là đạo lý³⁴².

Thánh giáo: Là ba thứ Thánh ngôn. Như trong kinh có nói: “*Tâm dẫn thể gian đi, tâm lực để phòng hộ, tùy tâm sinh khởi rồi, tự tại đều tùy chuyển.*”³⁴³

Lại nói: “*Cho nên bí-sô! Hãy khéo chuyên tinh, như chánh đạo lý, quán sát nơi tâm,*” cho đến nói rộng.³⁴⁴

Lại nói: “*Bí-sô nên biết! Nói thành chủ tức là tất cả hữu thủ thức uẩn.*”³⁴⁵ Đó gọi là Thánh giáo.

342 Đạo lý là đạo lý duy tâm. Các hành là duy tâm; nói cách khác, cái tánh duy tâm của các hành. Thông đạt đạo lý duy tâm là hoàn toàn rời xa sự hiển hiện của đối cảnh, là “bỏ tất quán xét ẩn tượng chỉ là tâm, đối cảnh đã không còn thì quán xét chỉ có tâm mình” (Niếp luận).

343 Trung A-hàm, Phẩm Tâm, Kinh Tâm, số 172: “Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình ở một nơi yên tĩnh, thiên tọa tư duy, tâm khởi ý niệm ‘Cái gì dẫn thể gian đi? Cái gì làm nhiệm trước? Cái gì khởi tự tại?’ Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: ‘Lành thay, lành thay, Tỳ-kheo, là con đường hiển thiện lại được quán sát hiển thiện, là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng ‘Cái gì dẫn thể gian đi? Cái gì làm nhiệm trước? Cái gì khởi tự tại?’ Nay Tỳ-kheo, câu hỏi của người là như vậy chăng?’ Thầy Tỳ-kheo ấy đáp: ‘Bạch Thế Tôn, đúng vậy’. Đức Thế Tôn nói: ‘Này Tỳ-kheo, tâm dẫn thể gian đi, tâm làm nhiệm trước, tâm khởi tự tại. Nay Tỳ-kheo, chính nó dẫn thể gian đi, chính nó làm nhiệm trước và cũng chính nó khởi tự tại. Nay Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử không để tâm dẫn đi, không để tâm nhiệm trước, không để tâm tự tại. Nay Tỳ-kheo, Đa văn Thánh đệ tử không vâng theo sự tự tại của tâm, mà tâm tùy theo tự tại của Đa văn Thánh đệ tử’. Tỳ-kheo bạch rằng: ‘Lành thay! Lành thay! Kính vâng, Bạch Thế Tôn!’” (Thích Tuệ Sỹ dịch)

344 Tạp A-hàm, kinh 267, Vô tri: “Này các Tỳ-kheo, giống như con chó bị dây cột vào trụ. Dây trời không đứt, nó xoay chuyển quanh cây trụ, khi đứng, khi nằm, không rời khỏi trụ. Cũng vậy, chúng sanh phạm phu ngu muội, đối với sắc không lìa tham dục, không xa lìa ái, không lìa niệm, không xa lìa khát, luân hồi theo sắc, chuyển xoay theo sắc, khi đứng, khi ngồi, không rời khỏi sắc. Đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy, theo thọ, tưởng, hành, thức chuyển xoay, khi đứng, khi nằm không rời khỏi thức. Này các Tỳ-kheo, hãy khéo quán sát tư duy tâm. Vì sao? Vì trong lâu đời tâm bị tham dục làm nhiễm ô, bị sân nhuê, ngu si làm nhiễm uế. Này các Tỳ-kheo, vì tâm nào nên chúng sanh nảo; vì tâm thanh tịnh nên chúng sanh thanh tịnh.” (Thích Đức Thắng dịch)

345 Tạp A-hàm, kinh Khẩn-thứ dụ, số 1175: “Cũng vậy, các Tỳ-kheo, nếu ở nơi thanh vắng, chuyên tinh tư duy, sống không buông lung, nhân theo pháp tư duy mà không khởi lên các lậu, tâm được giải thoát và tùy theo sở kiến của họ mà ký thuyết. Nay ông nghe Ta nói thí dụ, người trí nhờ thí dụ sẽ hiểu được. Thí như có một quốc vương biên địa, khéo chinh trị thành quách, dưới cửa kiên cố, đường sá bằng phẳng. Bốn cửa thành đặt bốn người canh gác. Tất cả đều thông minh trí tuệ, biết người đi người đến. Trong thành này, tại một con đường ngã tư, an trí giường chõng. Thành chủ ngồi trên đó. Nếu có sứ giả từ phương Đông đến hỏi người giữ cửa: ‘Thành chủ ở đâu?’ Liền được trả lời: ‘Đang ngồi trên tòa, ở ngã tư đường, trong thành.’ Vị sứ giả kia nghe rồi, đến chỗ thành chủ nhận chỉ thị rồi trở về đường cũ. Những sứ giả từ Nam, Tây, Bắc, đến cũng hỏi người giữ cửa: ‘Thành chủ ở đâu?’ Họ cũng đáp: ‘Ở giữa ngã tư đường, trong thành.’ Các sứ giả kia nghe rồi đều đến chỗ thành



Hỏi: Làm sao biết được đạo lý tự nhiên diệt hoại của các hành?

Đáp: Do bốn thứ nhân duyên.

Kệ tụng:

Vì sinh nhân tương vi

Không hai nhân trú diệt

Tự nhiên trú thường – lỗi

Nên biết nhiệm vận diệt. (kệ 9)

[549a12] Luận giải: Không phải *nhân sinh khởi* có thể hoại diệt các hành, vì hai thứ sinh diệt trái ngược với nhau. Lại nữa, không có *nhân dừng trú* làm cho các hành dừng trú. Nếu phải có *nhân dừng trú* thì các hành thành ra thường trú. Các hành đã không dừng trú thì cần gì dụng *nhân hoại diệt*; hơn nữa, không thể có được cái tánh của nhân hoại diệt. Các hành sinh khởi rồi, *tự nhiên dừng trú*, thì các hành ấy phải *thường*, thì *dừng trú* thành lỗi lớn. Như vậy, có nhân dừng trú, có nhân hoại diệt và có tự nhiên dừng trú; tất cả đều là lỗi. Nên biết tất cả các hành đều nhiệm vận hoại diệt³⁴⁶.

Kệ tụng:

Không nước, lửa, gió diệt

Do vì cùng khởi diệt

Tương kia phải diệt rồi

Còn sinh nhân biến dị. (kệ 10)

chủ, nhận chỉ thị của ông, rồi mỗi người trở về chỗ cũ của mình.” Phật bảo Tỳ-kheo: ‘Ta đã nói thí dụ. Nay sẽ nói ý nghĩa. Thành là dụ cho sắc thọ của thân người. Giống như kinh nói thí dụ cái tráp rần độc. Khéo sửa sang tường thành là chỉ cho chánh kiến. Đường sá bằng phẳng là nội sáu nhập xứ. Bốn cửa chỉ cho bốn trú xứ của thức. Bốn người giữ cửa chỉ cho tứ niệm xứ. Thành chủ chỉ cho thức thủ uẩn. Sứ giả là Chánh quán. Nói lời như thật là Bốn chân đế. Trở về đường cũ là tám Thánh đạo.’” (Thích Đức Thắng dịch)

346 Tất cả các hành đều nhiệm vận hoại diệt, qua đó nghĩa của đạo lý sát-na diệt thành tựu.



[549a20] Luận giải: Nếu nước, lửa, gió là những *nhân hoại diệt*; sự thể này không đúng đạo lý, bởi vì nó cùng sinh, cùng diệt. Nếu nước, lửa, gió là những *nhân hoại diệt*, thì vật hư mục, vật thiêu đốt, vật khô ráo không nên trước tương tục hoại diệt rồi, lại biến dị tương tục sinh khởi. Vì sao? Tức cái nhân vô thể làm cái nhân hữu thể, không đúng đạo lý. Tuy nhiên, nước, lửa, gió cùng các vật hư mục, vật thiêu đốt, vật khô ráo thì tương ưng với thời gian diệt, có thể làm *nhân sinh khởi* cho các vật ấy biến đổi sau đó. Ngoài những công năng này, nước, lửa, gió đối với các vật ấy không còn công lực nào khác.

Lại nữa, nếu chấp *tướng hoại diệt* là *nhân hoại diệt*, thì tướng năng diệt và pháp sở diệt là đồng thời có, hay là không đồng thời có? Như vậy sẽ có lỗi gì?

Kệ tụng:

Tương vi, tương tục đoạn

Hai tướng thành không tướng

Ngược thể gian hiện thấy

Không pháp và nhân khác. (kệ 11)

[549b01] Luận giải: Tướng năng diệt và pháp sở diệt ấy, nếu nói đồng thời có thì không đúng đạo lý, vì có lầm lỗi *tương vi*; nếu nói không đồng thời có cũng không đúng đạo lý, vì có lầm lỗi *tương tục đoạn hoại*.

Lại nữa, nhân hoại diệt là *pháp năng diệt* mà thể là sự hoại diệt, hay thể không là sự hoại diệt? (1) Nếu thể là sự hoại diệt, tức một pháp phải có hai tướng hoại diệt. (2) Nếu thể không là sự hoại diệt, thì phải không có tướng hoại diệt. Có những lỗi như vậy nên không đúng đạo lý.



Lại nữa, trái ngược với tướng trạng mà thể gian hiện thấy, thì không nên chấp *diệt là nhân hoại diệt*. Vì sao? Thể gian cùng thấy các pháp hữu thể là nhân hoại diệt, nhưng không thấy *pháp hoại diệt là nhân hoại diệt*. Lại nữa, nếu pháp hoại diệt là nhân hoại diệt, thì chỉ có sự hoại diệt, tức pháp năng diệt còn phải đợi sự thể nào khác chăng? Nếu phải đợi sự thể nào khác, thì chính sự thể ấy là nhân hoại diệt, không nên chấp *sự hoại diệt là nhân hoại diệt*.

Lại nữa, nên hiểu như thế nào về sự biến dị có được ở thời gian sau, do đó các pháp là sát-na diệt?

Kệ tụng:

Chẳng phải thân, sữa, rùng

Trước không có biến dị

Cũng chẳng trước không hoại

Lúc sau cùng mới diệt. (kệ 12)

[549b16] Luận giải: Trong tất cả thể gian, các pháp nội ngoại như thân thể, sữa³⁴⁷, rùng v.v..., ở thời gian sau cùng có được sự biến dị, cho nên ở thời gian trước, thể không có biến dị, là không đúng đạo lý.

Lại nữa, chẳng phải lúc trước không có sự hoại diệt, sau cùng mới có sự hoại diệt, vì không có cái nhân nào khác. Như vậy, trước không biến dị, cho nên sau không biến dị; trước không hoại diệt, cho nên sau không hoại diệt. Nên biết, các hành trong từng ý niệm đều có

347 Lấy sữa bò, sữa dê chế làm đồ ăn gọi là „lạc“ 酪, trên món lạc có một tầng sữa đông lại gọi là «tô» 酥. Trên phần tô có chất như dầu gọi là „đề hồ“ 醍醐. Tương ưng bộ, Tương ưng thiên: “Ví như, này các Tỷ-kheo, từ bò cái, được sữa; từ sữa được lạc; từ lạc được sanh tô; từ sanh tô được thực tô; từ thực tô được đề hồ. Đề hồ này được gọi là tối tôn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị tu Thiên thiện xảo về Thiên định trong Thiên định và cũng thiện xảo về Thiên chứng trong Thiên định. Trong bốn vị tu Thiên ấy, vị này là vị tối tôn, tối thắng, là vị thượng thủ, tối thượng, tối diệu.”



sự biến dị, hoại diệt. Cho nên nghĩa sát-na diệt của các pháp nội ngoại được thành lập.

Như vậy là đã thành lập tánh vô thường. Tất cả tà phân biệt, chấp trước của ngoại đạo, cho rằng ngã, vị Đại Tự tại, tự tánh, cực vi, cái biết v.v... là pháp thường trú, đều không thành lập.

Vì sao *ngã là thường* không được thành lập?

Kệ tụng:

Vị, tự, phiền não, phần

Chẳng phải thường biến dị

Đây nếu không biến dị

Thọ, tác, thoát: phi lý. (kệ 13)

[549b26] Do cái ngã được chấp có các vị sai biệt: khổ, vui, v.v..., có những tư duy sai biệt: thiện, ác, v.v..., có các phiền não sai biệt: tham, sân, v.v..., có thời phần sai biệt, nên nói ngã ấy là vô thường. Vì sao? Do vì có khổ, vui, v.v... nên cái ngã được chấp có ít biến đổi, không phải là thường. Nếu hoàn toàn không biến đổi thì không nên chấp có người cảm thọ, có người tạo tác và có người giải thoát, vì các pháp không có cái ngã biệt lập. Lại nữa, cũng không có *thể tánh tự tại thường trú* có công năng sinh ra thế gian. Vì sao?

Kệ tụng:

Vì công năng không có

Nhiếp, không nhiếp: tương vi

Có dụng và không dụng

Làm nhân, thành làm lỗi.³⁴⁸ (kệ 14)

348 Bài chính cú này được dẫn trong quyển 10, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 6. Du-già sư địa luận, quyển



[549c05] Luận giải: Vị Đại Tự tại được chấp thì không có công năng sinh ra thế gian. Vì sao? Nếu vị Đại Tự tại ấy với công năng sinh ra thế gian, không có nhân duyên mà tự nhiên hiện hữu, thì sao ông không chấp nhận *tất cả thế gian không nhân tự có*. Nếu công năng của vị ấy lấy nghiệp làm nhân, thì sao ông không tin nhận *tất cả thế gian lấy nghiệp làm nhân*. Nếu công năng của vị ấy lấy mong cầu phương tiện làm nhân sinh ra, thì sao ông không tin nhận *tất cả thế gian lấy tự công lực làm nhân mà được sinh*.

[549c11] Lại nữa, nếu vị Đại Tự tại nhiếp thuộc thế gian mà rơi xuống thế gian, lại nói có công năng sinh ra tất cả thế gian, thế là trái ngược với đạo lý. Nếu vị Đại Tự tại ấy không nhiếp thuộc thế gian, tức là giải thoát; thì pháp giải thoát có công năng sinh ra thế gian, là không đúng đạo lý.

Lại nữa, vị Đại Tự tại cần phải có dụng để biến sinh thế gian. Là sự biến sinh thế gian, dụng ấy bất thành, thế là vị Đại Tự tại, đối với việc phải có dụng, thành ra không có tự tại, tự có làm lỗi. Nếu vị Đại Tự tại ấy, tuy biến sinh thế gian mà không cần phải có dụng, thì không nên biến sinh tất cả thế gian³⁴⁹. Hay là vị Đại Tự tại ấy có làm lỗi của người ngu, kẻ điên cuồng!

Lại nữa, vị Đại Tự tại sinh ra thế gian là chỉ lấy thể của vị Đại Tự tại làm nhân sinh ra các thế gian, hay là còn phải đợi một nhân nào khác? (1) Nếu chỉ là thể của vị Đại Tự tại làm nhân, thì như thể của vị Đại Tự tại bản lai thường có, thế gian cũng nên như vậy, không cần

7, tr. 309b12: "Công năng vô thể tánh, Nhiếp, bất nhiếp tương vi, Hữu dụng cập vô dụng, Vi nhân thành quá thất." (功能無體性, 攝不攝相違, 有用及無用, 爲因成過失.) Xem thêm Trung A-hàm, phẩm Nghiệp tương ưng, Kinh Độ, số 13.

349 Biến sinh tất cả thế gian làm chi mà có quá nhiều bất công, bất bình đẳng, đau khổ.



sinh nữa. (2) Nếu còn chờ đợi một nhân nào khác, thì cái nhân được chờ đợi này: (a) hoặc là không có nhân, tất cả thế gian cũng nên như vậy; (b) hoặc là có nhân nào khác, thế gian cũng phải như vậy. Từ một nhân nào khác sinh ra, thì cần gì vị Đại Tự tại, cho nên việc lập vị Đại Tự tại là có nhiều lầm lỗi.

Lại nữa, chấp có vị Đại Tự tại thường trú làm nhân là không đúng đạo lý. Vì sao?

Kệ tụng:

Tự tánh, biến dị tướng

Có, không: chẳng hợp lý

Không sai biệt, vô thường

Có sai biệt, năm lỗi: (kệ 15)

Không tướng và không nhân

Chẳng tự tánh hằng biến

Trước không có biến dị

Ngã nên thường giải thoát. (kệ 16)

[549c29] Nếu chấp tự tánh là thường, thì không nên có *nhân biến dị*. Vì sao? Tự tánh được chấp chẳng có tướng biến dị, cũng chẳng có tướng không biến dị, đều không đúng đạo lý. Nếu tự tánh ấy và tướng biến dị, (1) nếu không có sai biệt, thì cả hai phải là vô thường; (2) nếu có sai biệt thì có năm thứ lỗi: 1. Lỗi không có tướng: Là tướng biến dị, thì chút phần cũng không thể có được tướng của tự tánh; 2. Lỗi không có nhân: Thế gian không thấy pháp thường trú nào là tự thể của nhân sinh khởi; 3. Lỗi không có tự tánh: Thế gian không thấy cái gì không phải chủng loại của nó mà làm tự tánh của nó; 4. Lỗi tự tánh



thường trú ở trong tất cả thời gian khởi biến dị: Vì không phải đợi nhân nào khác; 5. Lỗi tự tánh ấy trước khi chưa sinh khởi biến dị mà ngã giải thoát: Nếu như vậy thì thời gian sau không nên khởi các biến dị.

Lại nữa, chấp các cực vi là thường trú, là không đúng đạo lý. Vì sao?

Kệ tụng:

Thường tạo không đúng lý

Là do hai, ba nhân

Tài có tình tăng thượng

Cực vi chẳng thường trú. (kệ 17)

[550a13] Luận giải: Chấp rằng các cực vi là thường trú hay tạo tác đều không hợp lý.

Vì sao các cực vi thường trú là không hợp lý? Do hai nhân: Tánh của cực vi là do vi tế nên tánh là thường trú, hay là (2) do dị loại nên tánh là thường trú? (1) Nếu do vi tế, thì nhỏ, mỏng và yếu không nên thường trú. (2) Nếu do dị loại, thì không thể có được tướng cực vi; không phải từ đất, v.v...³⁵⁰ tạo ra những vật chất bằng đất, v.v..., là không đúng đạo lý.

Vì sao các cực vi tạo tác là không hợp lý? Do ba nhân: 1. Do phương sở; 2. Do nhân duyên; 3. Do tự thể.

Vì sao do phương sở mà sự tạo tác là không hợp lý? Các cực vi tạo tác thô vật là vượt qua cái lượng của cực vi, hay là không vượt qua cái lượng của cực vi? (1) Nếu không vượt qua cái lượng của cực vi, thì thô vật có tánh chất ngại phải giống như cực vi, không thể cầm nắm.

350 Chỉ cho 15 sắc chất: đất, nước, lửa, gió, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, một phần của xúc và pháp xứ sở nhiếp sắc.



Lại nữa, thế gian không thấy vật có tánh chất ngại và vật không sáng tỏ đồng ở một chỗ, nên không hợp lý. (2) Nếu vượt qua cái lượng của cực vi, thì chỗ cái lượng vượt qua của thô vật có tánh chất ngại không phải cực vi làm thành, chỗ ấy phải là thường trú. Nếu lại chấp có các cực vi khác sinh ra, thì các cực vi ấy phải là không thường trú.

Vì sao do nhân duyên [mà sự tạo tác là không hợp lý]? Nếu ông chấp do tánh hòa hợp làm nhân duyên nên kiến lập vật khác để hòa hợp. Tánh hòa hợp đó là đã sinh nên có thể làm nhân duyên, hay là chưa sinh nên có thể làm nhân duyên? (1) Nếu tánh hòa hợp đã sinh làm nhân duyên, thì vật được hòa hợp, sau khi hòa hợp, nó không khác dù là một chút với tánh hòa hợp có được, là không hợp lý. (2) Nếu tánh hòa hợp chưa sinh làm nhân duyên, thì không có thể tánh; vô thể mà làm nhân là không đúng đạo lý.

Vì sao do tự thể [mà sự tạo tác là không hợp lý]? Tánh của các cực vi khi tạo thô vật không phải như tánh hạt giống là nảy mầm. Cực vi mà như hạt giống thì phải hoại diệt. Không phải như sữa, cực vi mà giống như sữa thì phải biến dị. Không phải như người thợ gốm, cực vi mà như người thợ gốm thì không thể có được sự cần cù.

Do ba nhân ở trên mà nói các cực vi tạo tác là không hợp lý.

Các cực vi tuy không có thường trú mà có kiếp so³⁵¹, khi thế gian, v.v..., có sự thọ dụng vật chất và đời sống; đó là do sức mạnh của nghiệp tăng thượng của các hữu tình, chứ không phải do cực vi. Vì vậy, cực vi thường trú là không đúng đạo lý.

Lại nữa, chấp có cái biết thường trú là không đúng đạo lý. Vì sao?

351 Xem Trường A-hàm, Phẩm 12: Thế Bốn Duyên, kinh Thế Kỳ, số 30.



Kệ tụng:

Kia y chỉ vô thường

Thứ đệ, sai biệt chuyển

Các thọ đẳng khác nhau

Cái biết là vô thường. (kệ 18)

[550b10] Luận giải: Cái biết của nhãn thức, nhĩ thức, v.v... là do y chỉ vô thường mà nhãn thức, nhĩ thức, v.v... sinh khởi; là đối với nghĩa của sắc, thanh, v.v... [các thức] thứ đệ chuyển động; là [các thức] sai biệt chuyển động qua nhiều hình thái như: các cảm thọ: lạc, khổ, v.v...; các lậu hoặc: tham, sân, v.v...; các thiện tư duy: thí, giới, v.v... mà [các thức] có vai trò khác nhau. Cái biết cho là thường trú mà có thể chuyển động khác nhau như trên, là không đúng đạo lý.

Nhân duyên gì mà hữu tình thế gian đối với sự có mặt tánh vô thường mà không thủ chấp, nhưng đối với sự không có mặt tánh thường trú lại chấp chặc nhiều thứ?

Kệ tụng:

Với vô thường vô trí

Căn bản bốn điên đảo

Thế gian đạo tiến lên

Sức ngu si thêm chuyển. (kệ 19)

[550b17] Luận giải: Đối với [các hành] vô thường, vô trí³⁵²

352 Vô trí: là không biết rõ pháp tánh vô thường của các hành ở 3 thời gian: quá khứ, hiện tại, vị lai.



sinh khởi: thật có tánh vô thường mà không thủ chấp, thật không có tánh thường hằng mà sinh khởi đủ thứ chấp trước. Không phải điên đảo về thường làm nhân cho vô trí, mà bốn thứ điên đảo đều lấy vô trí làm căn bản cho chúng. Vì sao? Vì không biết như thật về vô thường [, khổ, bất tịnh, vô ngã], nên đối với pháp tánh vô thường khởi điên đảo về thường, đối với pháp tánh khổ khởi điên đảo về lạc, đối với pháp tánh bất tịnh khởi điên đảo về tịnh, đối với pháp tánh vô ngã khởi điên đảo về ngã.

Do có nghĩa thứ đệ như vậy, đức Bạc-già-phạm nói: “*Nếu pháp là vô thường, pháp ấy ắt là khổ. Nếu pháp là khổ, pháp ấy ắt là vô ngã.*”³⁵³

Nên biết, do khi được tiến lên từ thế gian đạo³⁵⁴, dù chưa đoạn vô trí mà vẫn tiệm tiến thượng địa; đối với tánh vô thường, lực chuyên của ngu si càng thêm lên. Vì sao? Ở trong Dục giới, các sắc thái vô thường như phá hoại, biến dị và biệt ly, v.v... thì có thể biết rõ ngay hiện tiền; ở thượng địa³⁵⁵ thì không có [những sắc thái vô thường ấy].

Lại nữa, do nhân duyên gì nơi tánh vô thường, vô trí sinh khởi?

353 Tương ưng bộ, Tương ưng uẩn, phẩm Vô thường: “Sắc [thọ, tưởng, hành, thức], này các Tỷ-kheo, là vô thường; cái gì vô thường là khổ; cái gì khổ là vô ngã; cái gì vô ngã, cần phải như thật quán với chánh trí tuệ: ‘Cái này không phải của tôi; cái này không phải là tôi; cái này không phải tự ngã của tôi.’” (HT. Thích Minh Châu dịch)

354 Thế gian đạo: còn gọi là hữu lậu đạo. Chín địa trong tam giới, thì ngoại trừ Hữu danh địa, còn tất cả là dứt trừ Tu hoặc của tám địa dưới, còn giai vị Gia hành (cũng gọi Gia hành đạo), ở trước giai vị Kiến đạo, dùng trí hữu lậu tu sáu hành quán, thì thuộc Hữu lậu đạo. Cứ theo tông Câu xá, nương theo trí hữu lậu để đoạn trừ phiền não thì gọi là Hữu lậu đạo, cho nên chủ trương Hữu lậu đạo là một trong các Đạo đạo. Nhưng tông Duy thức cho rằng Hữu lậu đạo chỉ có thể chế phục phiền não hiện hành (Hiện thế vị: ở vị thế rõ ràng), chứ không thể đoạn trừ phiền não chủng tử (Tiềm thế vị: ở vị thế ẩn kín), vì thế gọi Hữu lậu đạo là Phục đạo (năng phục đạo). Ở đây, do thế gian đạo mà thú hưởng sự ly dục, quán sát các dục ở Dục giới là thô tướng, nên hưởng đến sơ tinh lự ly sinh hỷ lạc.

355 Thượng địa chỉ cho Vô sắc giới.



Kệ tụng:

Do phóng dật, giải đãi

Kiến, ngu, thiếu tư lương

Bạn ác, phi chánh pháp

Nên biết nhân vô trí. (kệ 20)

[550c02] Vô trí đối với vô thường có bảy thứ nguyên nhân: 1. Phóng dật; 2. Giải đãi; 3. Thấy biết điên đảo; 4. Ngu muội; 5. Chưa tích tập nhiều tư lương bồ-đề; 6. Do bạn ác; 7. Nghe phi chánh pháp.

Đối với cái vui của cảnh giới và cái vui của tinh lự mà khởi phóng dật cho nên không biết như thật về tánh vô thường. Giả sử không phóng dật mà lại giải đãi; giả sử không giải đãi mà lại thấy biết điên đảo³⁵⁶; giả sử không thấy biết điên đảo mà lại ngu muội; giả sử không ngu muội mà chưa tích tập nhiều tư lương bồ-đề³⁵⁷; giả sử đã tu tập tư lương bồ-đề mà theo bạn ác, lại còn từ họ nghe những gì là phi chánh pháp, cho nên không biết như thật về tánh vô thường.

Lại nữa, do nhân gì không hiểu vô thường, vọng chấp thường chuyển?

356 Thấy biết điên đảo là tà kiến. Tạp A-hàm, kinh 1039, Thuần-đà: “Không có bố thí, không có quả báo, không có phước, không có điều thiện điều ác, không có nghiệp thiện ác và quả báo, không có đời này, đời khác, không có cha mẹ, không có chúng sanh hóa sanh; thế gian không có A-la-hán, không có các vị chánh hành, chánh hướng mà trong đời này hay đời khác tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

357 Tư lương bồ-đề: Sơ lược có 2 thứ là tư lương phước đức và tư lương trí tuệ.



Kệ tụng:

Tác ý không như lý

Nghĩ nhớ tiền tế đấng

Tương tự, tương tục chuyển

Nơi vô thường chấp thường. (kệ 21)

[550c13] Luận giải: Do hai thứ nhân mà sinh khởi chấp thường:

1. Do tác ý không như lý³⁵⁸; 2. Do nghĩ nhớ những việc ở tiền tế, hậu tế, trung tế³⁵⁹; những việc ở tiền tế, hậu tế, trung tế thì tương tự, tương tục chuyển động. Đối với những pháp thể gian khác cũng có sự chấp thường trú.

Lại nữa, như trước đã nói về ba tướng hữu vi không phải chỉ là sát-na, vì sao?

Kệ tụng:

Sinh: sơ, hậu, trung gian

Thủ ba tướng hữu vi. (kệ 22ab)

[550c18] Luận giải: Ba tướng hữu vi do các chúng đồng phần³⁶⁰ được nhiếp trong một đời sống. Nghĩa là khi mới sinh ra, lấy đó làm *tướng sinh*; cuối cùng khi chết, lấy đó làm *tướng diệt*; khoảng giữa hai

358 Tác ý không như lý là nhận thức trái ngược lại với chân lý hay nguyên lý vận hành của mọi sự vật hiện tượng. Chẳng hạn, nhận thức thường trú trong vô thường, nhận thức có một bản ngã bất biến trong các sự vật không thực thể, nhận thức hạnh phúc trong khi sự kiện diễn ra là khổ đau.

359 Chánh văn là tiền tế đấng, chỉ cho tiền tế, hậu tế, trung tế (前際, 後際, 中際), tức 3 giai đoạn của đời sống: quá khứ, vị lai, hiện tại.

360 Chúng đồng phần 眾同分 (s: nikāyasabhāga) là các uẩn tương tục trong một đời sống. Tập tập luận, quyển 2: “Chúng đồng phần là như vậy, như vậy hữu tình có các chúng loại, tự thể tương tự, tạm gọi là chúng đồng phần. Các chúng loại là như loài người, chư thiên, v.v... các chúng loại. Tự thể tương tự là có chung tánh chất của một chúng loại.” (tr. 700b18~20)

tướng, thời gian trú ở tương tục, lấy đó làm *tướng trú dị*. Như vậy là sự kiến lập ba tướng hữu vi.

Kệ tụng:

Vô thường, trí điều phục

Nên biết do hai nhân. (kệ 22cd)

[550c23] Luận giải: Do hai thứ nhân mà *trí như thật*³⁶¹ ngộ nhập tánh vô thường: 1. Do niệm trú; 2. Do duyên khởi. Do niệm trú³⁶² nên đối với các cảnh giới, buộc tâm an trú. Do duyên khởi nên thấu đạt pháp tánh của đối tượng niệm trú. Như trong kinh có nói: “*Thấy pháp tập khởi thì niệm trú nơi thân*,” cho đến nói rộng.³⁶³

Kệ tụng:

Thấy kia có sáu thứ

Duyên khởi có bốn thứ. (kệ 22 ef)

[550c28] Luận giải: Trí kiến về tánh vô thường, nên biết có sáu thứ:³⁶⁴ 1. Trí thế tục: [Từ sơ phát tâm] cho đến địa vị *thuận quyết*

361 Trí như thật: Cái biết đúng như sự thật về danh, nghĩa, tự tánh và sai biệt của các pháp.

362 Niệm trú là tu tập 4 niệm trú: thân, thọ, tâm, pháp.

363 Tập A-hàm, kinh Tập, số 609: “Thế nào là tập khởi của bốn Niệm xứ? Tiêu thất của bốn Niệm xứ? Thức ăn tập khởi thì thân tập khởi. Thức ăn diệt thì thân tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán theo tập khởi của thân, sống tùy quán theo sự diệt tận thân. Sống tùy quán theo tập-diệt của thân là sống với sự không sở y, đối với các thể gian vĩnh viễn không chấp thủ. Cũng vậy, xúc tập khởi thì thọ tập khởi. Xúc diệt thì thọ tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán thọ theo tập pháp; sống tùy quán thọ theo diệt pháp. Sống tùy quán thọ theo tập-diệt pháp là sống với sự không sở y, đối với tất cả pháp thể gian đều không chấp thủ. Danh sắc tập khởi thì tâm tập khởi. Danh sắc diệt thì tâm tiêu thất. Hãy sống tùy quán tâm tùy theo tập pháp; sống tùy quán tâm tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán tâm tùy theo pháp tập-diệt là sống với sự không sở y, đối với các pháp thể gian thì không còn chấp thủ. Ưc niệm tập thì pháp tập, ức niệm diệt thì pháp tiêu thất. Hãy sống tùy quán pháp tùy theo tập pháp; sống tùy quán pháp tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán pháp tùy theo pháp tập-diệt là sống với sự không sở y, đối với các pháp thể gian thì không còn chấp thủ. Đó gọi là sự tập khởi bốn Niệm xứ và sự tiêu thất của bốn Niệm xứ.” (Thích Đức Thắng dịch)

364 So sánh 6 trí này với 18 trí nói ở phẩm Thành khổ, 553a: 1. Tín giải biến trí; 2. Tư trạch biến trí;



trạch phần³⁶⁵; 2. Trí thắng nghĩa: [Từ thuận quyết trạch phần] cho đến địa vị *xuất thế đạo*³⁶⁶; 3. Trí Thanh văn: Trừ nghĩa của vô tánh vô thường³⁶⁷; 4. Trí Bồ-tát: Gồm tất cả nghĩa của vô thường; 5. Bất thiện thanh tịnh: Là hai trí hữu học ở trên³⁶⁸; 6. Thiện thanh tịnh: Là hai trí vô học ở trên³⁶⁹.

Lại nữa, pháp duyên khởi, nên biết có bốn thứ đạo lý. Những gì là bốn?

3. Bất tán loạn biến trí; 4. Yếm ly nhiếp biến trí; 5. Kiến đạo biến trí; 6. Tu đạo biến trí; 7. Cứu cánh đạo biến trí; 8. Bất thiện thanh tịnh thế tục trí; 9. Thiện thanh tịnh thế tục trí; 10. Thắng nghĩa trí; 11. Bất thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí; 12. Thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí; 13. Thiện thanh tịnh tướng vô phân biệt trí; 14. Thành sở tác tiền hành trí; 15. Thành sở tác trí; 16. Thành sở tác hậu trí; 17. Thanh văn trí; 18. Bồ-tát trí. Trí thế tục là trí (1) đến (4); trí thắng nghĩa là trí (5); trí Thanh văn là trí (17); trí Bồ-tát là trí (18).

365 Theo luận Đại Tỳ bà sa, quyển 7, có ba loại thiện căn: 1. Thuận phước phần (punyabhāgīya), các loại thiện dẫn tái sinh chư thiên và loài người; 2. Thuận giải thoát phần (mokṣabhāgīya, cũng gọi là tư lương vị), thiện căn quyết định dẫn đến giải thoát, chứng niết bàn; 3. Thuận quyết trạch phần (nirvedhabhāgīya, cũng gọi là gia hành vị), bốn thiện căn dẫn đến hiện quán Thánh đế là noãn, đảnh, nhãn và thế đệ nhất. (tr. 34c27~35a07) Gia đoạn tu tập bốn thiện căn (noãn, đảnh, nhãn, thế đệ nhất), quán sát 16 hành tướng của Thánh đế, gọi chung là thuận quyết trạch phần, là vì thuận dẫn hướng đến sự quyết trạch Thánh đế, trước khi vào địa vị kiến đạo.

366 Du-già sư địa luận, quyển 100: “Lại có 9 đạo: 1. Thế gian đạo; 2. Xuất thế đạo; 3. Gia hành đạo; 4. Vô gián đạo; 5. Giải thoát đạo; 6. Thắng tiến đạo; 7. Hạ phẩm đạo; 8. Trung phẩm đạo; 9. Thượng phẩm đạo. Thế gian đạo, là năng chứng thế gian, đoạn các phiền não, hoặc không chứng đoạn. Xuất thế đạo, là năng chứng cứu cánh, đoạn các phiền não. Gia hành đạo, là đoạn hoặc, cần tu gia hành. Vô gián đạo, là chánh thức đoạn hoặc. Giải thoát đạo, là đoạn vô gián tâm, được giải thoát. Thắng tiến đạo, là từ đây về sau phát khởi gia hành thù thắng. Hạ phẩm đạo, là năng đối trị phiền não thượng phẩm. Trung phẩm đạo, là năng đối trị phiền não trung phẩm. Thượng phẩm đạo, là năng đối trị phiền não hạ phẩm.” (tr. 881a21~b02) Duy thức tam thập tụng, bài tụng số 7: “Tánh hữu phú vô ký/ Sinh theo A-lại-da/ Chứng La-hán, Diệt định/ Xuất thế đạo, không còn [thức Mạt-na].” A-la-hán vị: Nhị thừa là A-la-hán vị, Đại thừa là Bồ-tát ở địa thứ 8; thức thứ 8 bỏ cái tên A-lại-da, bấy giờ gọi là thức dị thức, nên thức Mạt-na cũng không thành chấp. Diệt tận định vị: Tu Diệt tận định, 6 thức trước, tâm và tâm sở đều diệt, thức Mạt-na phân nhiễm ô và các tâm sở cũng diệt. Xuất thế đạo vị: Được chân vô ngã giải thoát và được hậu đắc vô lậu trí, thức Mạt-na đã chuyển thức thành trí.

367 Sáu thứ vô thường: 1. Vô tánh vô thường; 2. Thất hoại vô thường; 3. Chuyển dị vô thường; 4. Biệt ly vô thường; 5. Đắc vô thường; 6. Đương hữu vô thường. Trí Thanh văn đối trị 5 thứ vô thường, trừ vô tánh vô thường. Do tánh chất của các pháp vốn là không thật có, nên lập vô tánh vô thường, đó là tánh biến kế.

368 Chỉ cho trí thế tục và trí thắng nghĩa.

369 Chỉ cho trí Thanh văn và trí Bồ-tát.



Kệ tụng:

Tự chủng: chẳng phải tha

Đội duyên: chẳng phải tự

Vô tác: chẳng phải cộng

Dụng: chẳng phải vô nhân. (kệ 23)

[551a07] Luận giải: Có bốn đạo lý để đi vào tánh vô thường:

(1) Các hành pháp không từ *tha sinh*, vì tự chủng sinh khởi; (2) Cũng chẳng phải *tự sinh*, vì phải đội ngoại duyên; (3) Cũng chẳng phải *cộng sinh*, vì tự tha cùng vô tác; (4) Cũng chẳng phải *vô nhân sinh*, vì cả hai, tự và tha, có công dụng đối với sự sinh.³⁷⁰

370 Trung luận: “Chư pháp bất tự sinh, diệt bất tùng tha sinh, bất cộng, bất vô nhân, thị cố tri vô sinh.” 諸法不自生，亦不從他生，不共不無因，是故知無生。 Các pháp không tự mình nó mà sinh ra được; các pháp cũng không thể từ cái khác nó mà sinh ra; các pháp không thể vừa tự nó sinh ra vừa do cái khác nó sinh ra (cộng sinh); các pháp là không thể sinh ra mà không có nhân duyên; vì vậy mà biết tự tánh của các pháp là vô sinh.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Lăm

Phẩm Năm THÀNH KHỔ

[551a17] Như vậy là đã thành lập sắc thái vô thường. Thế nào là thành lập sắc thái khổ?

Kệ tụng:

Sinh làm nhân muốn rời

Diệt sinh muốn hòa hợp

Đảo, vô đảo, yếm ly

Nhân kia là tướng khổ. (kệ 1)

[551a20] Luận giải: Pháp [khổ] sinh khởi làm nhân tố cho ý muốn viễn ly. Pháp [lạc] tiêu diệt làm nhân tố cho ý muốn hòa hợp. Nếu không hiểu rõ [vô thường tức là khổ] thì là nhân tố của điên đảo. Nếu khéo thông suốt [vô thường tức là khổ] thì là nhân tố của không điên đảo. Ở trong mọi thời gian, sinh khởi tâm yếm ly tham dục.³⁷¹ Nên biết, như vậy là sắc thái thường có³⁷² của khổ.

371 Nếu không có tâm yếm ly thì sẽ không có cách nào lắng dịu lòng tham dục, hướng đến an lạc và giải thoát. Yếm ly những gì? Yếm ly 5 uẩn: "Vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly con mắt, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức, yếm ly nhãn xúc, do duyên nhãn xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yếm ly pháp được khởi lên ấy. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng... yếm ly mũi, yếm ly các hương... yếm ly các hương... yếm ly lưỡi, yếm ly các vị... yếm ly thân, yếm ly các xúc,... yếm ly ý, yếm ly các pháp, yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc. Do duyên ý xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yếm ly các pháp được khởi lên ấy. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: 'Ta đã được giải thoát'. Và vị ấy biết: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa.'" (Trung bộ kinh, Tiểu kinh Giáo giới La-hầu-la)

372 Thông tướng 通相 (samanyalaksapa) = cộng tướng 共相.



Lại nữa, kệ tụng:

Y ba thọ sai biệt

Kiến lập ba tướng khổ

Nên nói tất cả thọ

Thể tánh đều là khổ. (kệ 2)

[551a26] Luận giải: Y cứ ba trạng thái cảm thọ mà kiến lập ba hình thái khổ đau, đó là: khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.³⁷³ Do những trạng thái này mà đức Phật nói "*những gì thuộc về thọ đều là khổ*"³⁷⁴. Nghĩa là đối với khổ thọ và pháp *thuận khổ thọ xứ*, nên biết, kiến lập hình thái khổ thứ nhất; đối với lạc thọ và pháp *thuận lạc thọ xứ*, nên biết, kiến lập hình thái khổ thứ hai; đối với bất khổ bất lạc thọ và pháp *thuận bất khổ bất lạc thọ xứ*³⁷⁵, nên biết, kiến lập hình thái khổ thứ ba.

373 Khổ có 3 loại: 1. Khổ khổ (dục khổ): khổ sở vì nóng lạnh, đói khát, bệnh tật v.v...; 2. Hành khổ: khổ sở vì sự biến động của pháp hữu vi, trong đó, 5 uẩn bao gồm thân tâm và thế giới của thân tâm; 3. Hoại khổ (biến dịch khổ): khổ sở vì cái vui mất đi. Luận Thanh tịnh đạo nói: "Cảm thọ khổ về thân và tâm gọi là khổ khổ, vì tự tính nó là khổ, tên nó là khổ, và vì nó đau đớn thực sự. Cảm thọ lạc về thân và tâm gọi là hoại khổ vì đó là nhân sanh ra khổ khi cảm thọ ấy biến hoại. Xả thọ và các hành khác trong ba cõi là hành khổ, vì chúng bị bức bách trong sanh diệt." (Thích Nữ Trí Hải dịch)

374 Tạng A-hàm, kinh 473. Thiên: "Một thời, Phật trú trong vườn Trúc, khu Ca-lan-đà, thành Vương xá. Bấy giờ, có Tỷ-kheo một mình ở chỗ vắng, thiên tịnh, tư duy: 'Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ thấy đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?' Tỷ-kheo này suy nghĩ như vậy rồi, sau khi từ thiên tịnh tỉnh giấc, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ dưới chân Phật, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật: 'Bạch Thế Tôn, con ở chỗ vắng, trong lúc thiên tịnh tư duy có nghĩ rằng: Thế Tôn nói ba thọ: lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ; lại nói những gì thuộc về thọ đều là khổ. Vậy, điều này có nghĩa gì?' Phật bảo Tỷ-kheo: 'Vị tất cả hành đều vô thường, tất cả hành là pháp biến đổi nên Ta nói những gì thuộc về thọ thấy đều là khổ.'" (Thích Đức Thắng dịch)

375 Du-già sư địa luận, quyển 33: "Thuận lạc thọ xứ là y xứ của tham dục, là y xứ của tướng điên đảo và tâm điên đảo. Thuận khổ thọ xứ là y xứ của sân khuê, là y xứ của phẫn, hận. Thuận bất khổ bất lạc thọ xứ là y xứ của ngu si, là y xứ của phú, nã, cuồng, xiêm, vô tâm, vô quý, là y xứ của kiến điên đảo." (tr. 465c14~17) Chữ "pháp" đứng trước thuận khổ thọ xứ, v.v... chỉ cho các tâm sở. Tăng chi bộ kinh, IV. 49: "Này các Tỷ-kheo, có bốn tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo này. Thế nào là bốn? Trong vô thường, nghĩ là thường, này các Tỷ-kheo, đó là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Trong khổ nghĩ là không khổ, này các Tỷ-kheo, đó là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Trong vô ngã, nghĩ là ngã, này các Tỷ-kheo, đó là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Trong không thanh tịnh, nghĩ là thanh tịnh, này các Tỷ-kheo, đó là tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Này các Tỷ-kheo có bốn tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo này."



Nguyên nhân sinh khởi các điên đảo: “*thường, lạc, ngã, tịnh*”, là do không biết rõ hình thái khổ thứ ba. Biết rõ hình thái khổ thứ ba thì không sinh khởi các điên đảo: thường, lạc, ngã, tịnh, và từ đó khởi tâm ưa thích niết bàn.

Lại nữa, nên biết, do *biết rõ* hay *không biết rõ* hình thái khổ thứ ba thì cũng biết rõ hay không biết rõ hai hình thái khổ trước.

[551b06] Lại nữa, thế gian cùng thành lập hai hình thái khổ trước, còn hình thái khổ thứ ba thì không cùng thành lập. Nay sẽ thành lập tánh của các hành là hành khổ.

Kệ tụng:

Tánh các hành là khổ

Thô trọng đều đi theo

Lạc, xả, không hợp lý

Đồng lỗi không giải thoát.³⁷⁶ (kệ 3)

[551b10] Luận giải: Tánh của các hành là *lạc* hay là *xả*, đều không đúng đạo lý. Vì sao? Vì nơi tất cả vị [trưng tục vận hành]³⁷⁷, luôn có [phiền não] thô trọng³⁷⁸ đi theo, cho nên thể tánh của các hành

376 Kệ tụng này là “tông”: Tất cả các hành đều là khổ.

377 Hành khổ thì biến hành nhất thiết, nghĩa là vận hành cùng khắp và liên tục. Du-già sư địa luận, quyển 66: “Thể nào là tánh của hành khổ? Thân hậu hữu có các nghiệp, phiền não sinh ra các hành có trong mọi tự thể, có thể tùy thuận sinh tất cả phiền não và cùng với các khổ có sự an lập. Tất cả biến hành được nhiếp trong thô trọng; cũng gọi thô trọng là tánh của hành khổ. Dựa vào hành khổ này, đức Phật nói: “Tóm lại, năm thủ uẩn đều là khổ.” (tr. 663b12~16) Tập luận, quyển 5: “Thể nào là tánh của hành khổ? Bao nhiêu là tánh của hành khổ? Lấy nghĩa gì để quán tánh của hành khổ? Là tự tánh của bất khổ bất lạc thọ, là tùy thuận pháp tự tướng của bất khổ bất lạc thọ, là hai thô trọng kia được nhiếp thọ, là không rời hai vô thường (sát-na và trưng tục) mà có sự không yên ổn luôn đi theo, đó là nghĩa của tánh hành khổ. Bất khổ bất lạc thọ: là thức A-lại-da tương ưng với thọ. Tùy thuận pháp tự tướng của bất khổ bất lạc thọ: là các hành thuận theo cảm thọ bất khổ bất lạc. Hai thô trọng kia được nhiếp thọ: là hai khổ thọ trọng, khổ khổ và hoại khổ, luôn đi theo.” (tr. 716b11~17)

378 Thô trọng chỉ cho các chủng tử phiền não bao gồm hết bảy pháp nhiễm ô, cũng gọi là tùy miên. Như vậy, hành khổ = thô trọng khổ = không yên ổn (biến động).



là *khổ*. Nếu không đúng như vậy, theo thứ tự, có tánh lạc và bất khổ bất lạc nơi các hành, thì không nên có sự ưa thích [lạc và bất khổ bất lạc], không nên có sự hiểu biết giữa khổ và bất khổ bất lạc, không nên có sự hiểu biết giữa khổ và lạc.

Hỏi: Ông có đồng ý rằng, chỉ có tánh chất của hành khổ, nên không cần có sự hiểu biết về lạc và bất khổ bất lạc?

Đáp: Do không biết rõ [hành khổ] mà cho là có.

Hỏi: Tôi cũng đồng ý, nhưng có phải do không biết rõ [hành khổ] mà cho là có?

Đáp: Không đúng, vì có cái lỗi không có giải thoát. Nếu ở nơi các hành biết rõ tánh lạc và bất khổ bất lạc đều là khổ, gọi là *hiện quán khổ đế*³⁷⁹. Do có hiện quán này, thứ tự cho đến chứng được cứu cánh giải thoát. Nếu không biết rõ [hành khổ] mà cho là khổ, đó là điên đảo, nên không thể chứng được cứu cánh tịch diệt.

Lại nữa, kệ tụng:

Lợi, thâm, đẳng, chương ngại

Y, tiến, trú, thừa (chấp) không

Chấp trước, tánh thấp kém

Điên đảo và nhiễm ô.³⁸⁰ (kệ 4)

[551b22] Luận giải: (1) Lại nữa, khổ ít mà được thêm lên qua tánh chất của hành khổ, trạng thái khổ càng mãnh lợi; tánh lạc và bất khổ bất lạc không như vậy.

379 Nếu chưa hiện quán khổ đế, thì không thể hiện quán tập đế, diệt đế, đạo đế.

380 Kệ tụng này nói về “Nhân”: 11 nguyên do đưa đến khổ đau.



(2) Lại nữa, trạng thái khổ thì sâu nặng, rất khó đối trị; tánh lạc và bất khổ bất lạc không như vậy.

(3) Lại nữa, trạng thái khổ thì bình đẳng, cùng khắp tất cả xứ, cho đến người chứng được pháp quảng đại cũng bị tổn não.

(4) Lại nữa, chấp “*thường, lạc, ngã, tịnh*”, gọi là điên đảo, có khả năng chướng ngại Thánh pháp.

(5) Lại nữa, chấp các lạc cảnh, có thể làm chỗ y chỉ cho các hoặc lớn nhỏ: tham, sân, v.v...

(6) Lại nữa, các hành tướng của khổ³⁸¹ có khả năng dẫn ra công đức thắng tiến thượng địa.

(7) Lại nữa, các uy nghi như đứng yên lâu, v.v...³⁸² liền sinh khổ lớn, không thể kham nhẫn.

(8) Lại nữa, người chấp không³⁸³ cũng bị khổ lớn [sinh tử] theo đuổi.

(9) Lại nữa, người chấp trước dục lạc là người có tánh thấp kém.

(10) Lại nữa, đối với các hành mà chấp trước cho là lạc, thì nhiếp vào sự điên đảo.

(11) Lại nữa, duyên theo dục lạc ở đời, khởi lên nhiều sự ham muốn, là bị nhiễm ô.

Tóm lại, tánh chất của các hành toàn là khổ đau.

381 Hành tướng của khổ đế: vô thường, khổ, không, vô ngã.

382 Chỉ các khổ hạnh của ngoại đạo.

383 Kiến chấp sai lầm của ngoại đạo đoạn kiến, ngoại đạo không kiến.



Lại nữa, kê tụng:

Như nhọt, lác, hủi, v.v...

Chỗ dựa của ba thọ

Thọ năng phát ba xúc

*Thủ lạc đẳng tùy chuyển.*³⁸⁴ (kệ 5)

[551c05] Luận giải: Tánh khổ của các hành, nên biết, giống như ung nhọt, lác, hủi v.v..., là chỗ dựa của ba thọ. Vì sao? Thế gian ung nhọt, lác, hủi v.v..., có thể phát khởi ba thứ xúc tùy thuận khổ, lạc và xả. Do dựa vào ba xúc này mà hữu tình thế gian chấp thủ là khổ, lạc, bất khổ bất lạc. Như vậy, đối với tánh khổ của các hành, phát khởi ba xúc. Do ba xúc này mà khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ chuyển biến. Nếu không có các xúc thì các thọ không chuyển biến.

Như vậy là đã lập tông, nhân và dụ để hiển thị hình thái khổ.

Lại nữa, lý do gì kiến lập các hành chỉ có ba khổ, không nhiều không ít?

Kê tụng:

Tự tướng, tự phân biệt

Không yên ổn - tánh khổ

Nên biết năm mươi lăm

Được nhiếp trong ba khổ. (kệ 6)

[551c14] Tự tánh của khổ chỉ có ba thứ: 1. Do tự tướng nên gọi là tánh khổ khổ; 2. Do tự phân biệt nên gọi là tánh hoại khổ; nếu không có sự phân biệt, tuy có biến hoại nhưng đối với người đã giải thoát

384 Kê tụng này là “Dụ”: các hành là vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn, lác, hủi ...



không thấy có khổ; 3. Do không yên ổn nên gọi là tánh hành khổ, các phiền não thô trọng luôn đi theo. Như vậy là ba khổ sai biệt.³⁸⁵

Lại có năm mươi lăm thứ khổ cần biết. Thế nào là năm mươi lăm thứ?³⁸⁶

Kệ tụng:

Giới, duyên, thân đẳng, thú

Chủng loại, để, tam thế

Thời, mạng, phẩm dị biệt

Dẫn các khổ sai biệt. (kệ 7)

[551c22] Luận giải: (1) *Giới sai biệt* là Dục giới hệ, Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ nên có ba khổ: khổ khổ, hoại khổ và hành khổ.

(2) *Duyên sai biệt* nên có sáu thứ khổ: khổ vì dục là gốc rễ, khổ vì quả báo của ngu si, khổ vì duyên nghiệp đời trước, khổ vì nhân duyên hiện tại, khổ vì nghiệp duyên tịnh và khổ vì nghiệp duyên bất tịnh.

(3) *Thân sai biệt* nên có bốn thứ khổ: khổ nhận chịu gánh nặng³⁸⁷, khổ vì địa vị biến hoại, khổ [phiền não] thô trọng và khổ sinh tử.

(4) *Thú sai biệt* nên có năm thứ khổ: khổ na-lạc-ca thú, khổ bàng sinh thú, khổ quỷ thú, khổ nhân thú và khổ thiên thú.

385 Du-già sư địa luận, quyển 34: “Lại dùng bốn hành để hiểu rõ tướng Khổ đế. Đó là hành vô thường, gồm có 5 hành: 1. Hành biến đổi; 2. Hành hoại diệt; 3. Hành biệt ly; 4. Hành pháp tánh; 5. Hành hội hợp. Hành khổ, gồm có 3 hành: 1. Hành kết phược; 2. Hành không khả ái; 3. Hành không yên ổn. Hành không, có 1 hành là hành vô sở đắc. Hành vô ngã, có 1 hành là hành không tự tại.” (tr. 474b20~24) Hành kết phược là hoại khổ. Hành không khả ái là khổ khổ. Hành không yên ổn là hành khổ. Hành khổ = thô trọng = không yên ổn.

386 Du-già sư địa luận, quyển 44, tr. 536a02~536c23, nói đến 110 thứ khổ. Trong đó, 55 thứ khổ đầu là tầng nhất, từ 1 khổ đến 10 thứ khổ, và 55 thứ khổ sau là nhân rộng từ 9 thứ khổ.

387 Thân đẳng = thân, thọ, tâm, pháp. Tạp A-hàm, kinh 73, Trọng đàm: “Thế nào là người đang gánh nặng? Chính là con người. Con người này có tên như vậy, thọ sanh như vậy, dòng họ như vậy, ăn uống như vậy, cảm thọ khổ lạc như vậy, tồn tại như vậy, thọ mạng như vậy, giới hạn thọ mạng sống như vậy. Đó gọi là gánh nặng, thủ gánh nặng, xả gánh nặng, và người đang gánh nặng.”



(5) *Chủng loại sai biệt* nên có năm thứ khổ: khổ vì bức nã, khổ vì nghèo thiếu, khổ vì bốn đại trái nghịch, khổ vì ái biến hoại và khổ vì thô trọng.

(6) *Để sai biệt* nên có tám thứ khổ: sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, khổ vì oán ghét mà phải gặp nhau, khổ vì yêu thương mà bị xa lìa, khổ vì mong muốn mà không được, khổ vì nắm giữ uẩn³⁸⁸.

(7) *Thế duyên sai biệt* nên có chín thứ khổ: quá khứ khổ là do cái nhân quá khứ, cái nhân vị lai và cái nhân hiện tại sinh ra; cũng vậy, vị lai khổ và hiện tại khổ cũng có những cái nhân như vậy.

(8) *Thời sai biệt* nên có bốn thứ khổ: khổ vì thời tiết biến đổi, khổ vì đói, khổ vì khát, khổ vì được dẫn bởi uy nghi co duỗi, thở vào thở ra, nhắm mắt mở mắt, v.v...

(9) *Dưỡng mạng sai biệt* nên có bốn thứ khổ: khổ vì sự mong cầu không biết chán đủ, khổ vì truy cầu, khổ vì thủ hộ, khổ vì không tự tại.

(10) *Phẩm sai biệt* nên có bảy thứ khổ: 1. Khổ tổn giảm, là phẩm tại gia; 2. Khổ tăng ích, là phẩm xuất gia; 3. Khổ ưu não; 4. Khổ ly hữu³⁸⁹.

Lại y theo pháp luật được thuyết một cách khéo léo³⁹⁰, phẩm

388 Ngũ thủ uẩn khổ, có chỗ gọi là ngũ thanh ám khổ hay ngũ ám xí thanh khổ.

389 Tăng chi bộ kinh, phẩm Bhandagana, (10) Các ách: “Và thế nào là hữu ách? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không như thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly các hữu. Do như không thật quán tri sự tập khởi, sự chấm dứt, vị ngọt, sự nguy hại, sự xuất ly các hữu, nên hữu tham, hữu hỷ, hữu luyến, hữu đam mê, hữu khát, hữu nã, hữu chấp thủ, hữu ái trong các hữu xâm chiếm và tồn tại. Này các Tỷ-kheo, đây gọi là hữu ách.” (HT. Thích Minh Châu dịch)

390 Thiên thuyết pháp luận. Tạp A-hàm, kinh Thiên thuyết pháp, số 26: “Phật bảo Tỷ-kheo: Nếu người nào đối với sắc mà nói pháp khiến sanh ra yếm ly, ly dục, diệt tận, tịch tịnh, thì đó gọi là Pháp sư. Nếu người nào đối với thọ, tưởng, hành, thức mà nói pháp khiến sanh yếm ly, ly dục, diệt tận, tịch tịnh, thì gọi đó là Pháp sư. Đó cũng gọi là những gì mà Như Lai đã nói về Pháp sư.”



xuất gia có ba thứ khổ: 1. Khổ vì ngu si: là ước vọng vị lai, truy đuổi mùi vị quá khứ; 2. Khổ vì ganh ghét; 3. Khổ vì mình không hơn người.

Lại y theo pháp luật được thuyết một cách tẻ nhạt³⁹¹, phẩm xuất gia cũng có ba thứ khổ: 1. Khổ vì ngu si: điên đảo chấp trước các pháp sở tri³⁹²; 2. Khổ vì ganh ghét: là tâm không chấp nhận khi đức Phật và các đệ tử của Phật có được danh lợi; 3. Khổ vì người hơn mình: là vì danh lợi nên khởi tranh luận rồi rơi vào chỗ thất bại.

Luận giải:

Chưa ly Dục, Sắc, v.v...

Ba thứ địa nên biết

Dục giới tất cả chúng

Sắc, Vô sắc trừ hai. (kệ 8)

[552a18] Luận giải: Như vậy, năm mươi lăm thứ khổ nhiếp thuộc ba địa: 1. Địa chưa ly dục, là hệ thuộc Dục giới; 2. Địa đã ly dục, là hệ thuộc Sắc giới; 3. Địa đã ly dục và sắc, là hệ thuộc Vô sắc giới. Ba địa như vậy, theo thứ tự, kiến lập ba thứ khổ, gọi là khổ bậc cao, khổ bậc vừa và khổ bậc thấp.

Lại nữa, trong Dục giới có đủ tất cả thứ khổ; trong Sắc giới và Vô sắc giới không có hai thứ khổ: (1) *khổ khổ* và *hoại khổ* [trong giới

391 Ác thuyết pháp luật.

392 Các pháp sở tri: Sở tri, là được biết đến. Pháp, là khái niệm; một pháp là một khái niệm. Cây bút là một pháp, mà cây bút dài hay ngắn, trắng hay đen, cũ hay mới, tốt hay xấu, cũng toàn là một pháp. Một ý tưởng là một pháp, mà ý tưởng ấy thiện hay ác, đúng hay sai, lợi hay hại, mê hay ngộ, cũng toàn là một pháp. Thế nên pháp bao gồm tất cả có không, tâm vật, nhiễm tịnh, thiện ác, mê ngộ, thánh phàm. Các pháp ấy là những đối tượng được biết, và đối tượng ấy chính là 3 tánh: tánh biến kế sở chấp, tánh y tha khởi và tánh viên thành thật, đó gọi là các pháp sở tri. Mỗi pháp đều cùng lúc có 3 tánh, và được ví dụ như sau. Như sợi giây gai phải do chỉ gai mới có, đó là y tha (do yếu tố mới có); sợi giây gai ấy, trong đêm tối hay từ đằng xa, mắt nhìn không rõ thì thấy là con rắn, đó là biến kế (đối tượng chỉ tưởng tượng); sợi giây gai ấy nếu ban ngày và mắt nhìn rõ thì thấy là chỉ gai, đó là viên thành (đối cảnh rất chính xác).



sai biệt]; (2) *khổ vì dục là gốc rễ* và *khổ vì quả báo của ngu si* [trong duyên sai biệt]; nhưng vẫn có các khổ khác.

Kệ tụng:

Thế tục có hai thứ

Thắng nghĩa gọi biến hành

Hai duyên thông thượng địa

Nên biết không hiện, nhiễm. (kệ 9)

[552a27] Luận giải: Như vậy, các khổ lược có hai thứ: thế tục đế và thắng nghĩa đế.

Khổ được nhiếp trong thế tục đế có hai thứ: khổ khổ và hoại khổ.

Khổ được nhiếp trong thắng nghĩa đế có một thứ: hành khổ. Hành khổ cũng được gọi là *biến hành khổ*, vì biếp khắp ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

Thượng địa của Dục giới³⁹³ có hai duyên sinh ra khổ: (1) có *khổ vì duyên nghiệp đời trước*, không có *khổ vì nhân duyên hiện tại*; (2) có *khổ vì nghiệp duyên tịnh*, không có *khổ vì nghiệp duyên bất tịnh*.

Kệ tụng:

Vô sắc chẳng gánh nặng

Biến hành, thiên, thô trọng

Tối hậu biên của đế

Còn bảy, thượng tùy phược. (kệ 10)

[552b06] Luận giải: Trong Vô sắc giới không có *khổ thân nhận chịu gánh nặng*, có *khổ thiên thú*, có *khổ thô trọng* và có *khổ vì chấp*

393 Chỉ Sắc giới và Vô sắc giới.



thủ các uẩn - cái khổ tối hậu biên tế của [khổ] đế. Các khổ này³⁹⁴ thông cả ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, cho nên gọi là *biến hành khổ*. Dục giới nhiếp bảy khổ còn lại: *sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, khổ vì oán ghét mà phải gặp nhau, khổ vì yêu thương mà bị xa lìa, và khổ vì mong muốn mà không được*. Ở thượng địa tuy có tùy thuộc vào sự trói buộc nên có thể thoái lui, trở lại, nhưng không có tự thể của khổ³⁹⁵.

Kệ tụng:

Nên biết sinh, v.v... khổ

Mỗi có năm sai biệt

Khổ thô trọng tương ưng

Chỉ y chỉ ba khổ. (kệ 11)

[552b12] Nên biết, bảy khổ: *sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, khổ vì oán ghét mà phải gặp nhau, khổ vì yêu thương mà bị xa lìa, và khổ vì mong muốn mà không được*, mỗi một khổ có năm thứ: khổ tương ưng, thô trọng tương ưng và ba chỗ y chỉ của khổ.

Sinh: Là sở y của già khổ, bệnh khổ, v.v..., là sở y của phiền não, là sở y của *hành hoại* mà không thể ưa thích.

Già: Là sở y của sắc suy thoái, v.v...

Bệnh: Là sở y của sự tập quen những gì mình không muốn³⁹⁶,

394 Khổ thiên thú, khổ thô trọng, khổ ngũ thủ uẩn.

395 Hiển dương, quyển 1, phẩm Nhiếp sự, phần 1: "Tướng sai biệt, là trong cõi Dục có nhiều sắc tướng, những tướng không trong sạch và các thứ tạp tướng; trong cõi Sắc có ít sắc tướng, những tướng trong sạch và không có tạp tướng; còn cõi Vô sắc tuy thuộc về không nghiệp nhưng cũng có sắc, mà sắc thuộc về định, về vô kiến, vô đối. Lại nữa, trong cõi Dục có tướng khổ thọ tương ưng, tướng sân khuê tương ưng và tướng nhiều tùy phiền não tương ưng. Trong cõi Sắc và Vô sắc có tướng khổ thọ bất tương ưng, tướng sân khuê bất tương ưng và tướng ít tùy phiền não tương ưng."

396 Người bị bệnh tiểu đường dù không muốn vẫn phải tập quen chế độ ăn kiêng phải chuẩn về chất lượng (hạn chế glucit và lipit) và cố định về số lượng.



là sở y của sự không tập quen những gì mình muốn³⁹⁷, là sở y của sự thuận theo sự chết và bốn đại chủng trái nghịch.

Chết: Là sở y của sự tách rời tự thể, là sở y của sự tách rời tài sản, là sở y của sự xa lìa những gì mình yêu thương và những gì mình oán ghét.

Ba khổ: oán ghét mà phải gặp nhau, yêu thương mà bị xa lìa và mong muốn mà không có được, là sở y của cái thân bị bức bách, là sở y của cái tâm bị bức bách, và là sở y của những gì làm cho thân tâm suy tổn.

Kệ tụng:

Sau cùng và sau cùng

Mỗi sở y bốn khổ

Gọi sinh, sinh căn bản

Và khổ tánh, biến hoại. (kệ 12)

[552b22] Luận giải: Trong tám khổ, năm thủ uẩn khổ được xếp sau cùng; trong ba khổ, hành khổ được xếp sau cùng. Mỗi khổ là sở y cho bốn khổ nên là khổ: 1. Sở y của *sinh khổ*; 2. Sở y của *sinh căn bản khổ*; 3. Sở y của *khổ tự tánh khổ*; 4. Sở y của *biến hoại khổ*.³⁹⁸

Kệ tụng:

Ba đời khổ được nhiếp

Thượng chẳng hai duyên khổ

397 Người bị tai biến mạch máu não rất muốn cơ thể hồi phục như trước, nhưng không dễ tập quen khi không điều khiển được các giác quan, không cử động được tay chân, không nói được hay nói ngọng, nghe nhưng không hiểu, nghe hiểu nhưng không nói được, tiểu tiện không tự chủ do rối loạn cơ tròn v.v...

398 Khổ của sự sinh (tức tám khổ), khổ vì là cội gốc của sự sinh (tức vô minh), khổ vì là tự tánh của khổ (tức ngã chấp) và khổ vì biến hoại (tức vô thường).



Đã nói, các khổ khác

Điều chỉ ở Dục giới. (kệ 13)

[552b28] Luận giải: Về ba đời khổ, thượng địa của Dục giới không có khổ vì duyên với quá khứ và khổ vì duyên với vị lai. Vì sao? Ở thượng địa, không có sự phân biệt hư vọng duyên với quá khứ và duyên với vị lai sinh ra các khổ; chỉ có thô trọng đi theo, vì duyên với hiện tại.

Trừ các khổ [ở thượng địa] đã nói, các khổ còn lại chỉ có ở Dục giới hệ.

[552c03] Lại nữa, vì nguyên nhân gì các ngu si chuyển đổi với khổ cảnh thật có.

Kệ tụng:

Mất niệm, không công dụng

Loạn, không chánh tư duy

Không hiểu đúng: ngu si

Và do phóng dật v.v. (kệ 14)

[552c06] Với sự khổ, ngu si do năm thứ nguyên nhân và do những pháp đã nói ở trước: phóng dật, v.v...³⁹⁹ Năm thứ nguyên nhân: 1. Quên mất nghĩ nhớ khổ quá khứ; 2. Không dụng công suy tìm khổ vị lai; 3. Khởi bốn điên đảo với khổ hiện tại; 4. Đối với khổ [phiền não]

399 Hiền dương, phẩm Thành vô thường: “Vô trí đối với vô thường có bảy thứ nguyên nhân: 1. Phóng dật; 2. Giải đãi; 3. Thấy biết điên đảo (đảo kiến); 4. Ngu muội; 5. Chưa tích tập nhiều tư lương bồ-đề; 6. Do bạn ác; 7. Nghe phi chánh pháp. Đối với cái vui của cảnh giới và cái vui của tình lự mà khởi phóng dật cho nên không biết như thật về tánh vô thường. Giả sử không phóng dật mà lại giải đãi; giả sử không giải đãi mà lại thấy biết điên đảo; giả sử không thấy biết điên đảo mà lại ngu muội; giả sử không ngu muội mà chưa tích tập nhiều tư lương bồ-đề; giả sử đã tu tập tư lương bồ-đề mà theo bạn ác, lại còn từ họ nghe những gì là phi chánh pháp, cho nên không biết như thật về tánh vô thường.”



thô trọng, do không chánh tư duy nên chấp nó làm ngã⁴⁰⁰; 5. Đối với các tánh khổ⁴⁰¹, do không hiểu đúng chúng nên không biết rõ chúng.

Lại nữa, do bốn thứ nguyên nhân mà khởi sự quên mất nghĩ nhớ.

Kệ tụng:

Do ngu muội, yếu đuối

Và sinh khởi phóng dật

Cùng tương tục đoạn tuyệt

Chuyển thành quên mất niệm. (kệ 15)

[552c14] *Ngu muội*: Là chủng loại ngu muội⁴⁰². *Yếu đuối*: Là giai đoạn của sự chết, v.v... *Phóng dật*: Là tham đắm nơi cảnh. *Tương tục đoạn tuyệt*: Là trước khi có một đời sống khác, các chúng đồng phân tương tục đoạn hoại.

Lại nữa, do bốn thứ nguyên nhân mà có ra sự không dụng công.

Kệ tụng:

Do ngu muội, phóng dật

Gìn giữ pháp hiện tại

Không tin sẽ có khổ

Không công dụng phát khởi. (kệ 16)

[552c20] *Ngu muội* và *phóng dật* đã nói ở trên.

Gìn giữ pháp hiện tại: Do gìn giữ pháp hiện tại nên đối với khổ vị lai không tạo tác công dụng.

400 Phiền não vừa là khổ, vừa là nguyên nhân của khổ. Phiền não mà chấp làm ngã thì càng khổ hơn.

401 Xem luận giải ở trên: “Tánh khổ của các hành, nên biết, giống như ung nhọt, lác, hủi v.v..., là chỗ dựa của ba thọ....”

402 Ngu muội bao gồm các căn ám độn (*dhandha-indriya*), các căn ngu muội (*jada-indriya*) và các căn luy liệt (*manda-indriya*).



Không tin sẽ có khổ: Do không tin có khổ vị lai nên không tạo tác công dụng.

Lại nữa, do bốn thứ nguyên nhân mà khởi bốn điên đảo.

Kệ tụng:

Tương tự tương tục chuyển

Vọng phân biệt đối trị

Quán tập, tổng chấp thủ

Khởi bốn thứ điên đảo. (kệ 17)

[552c26] Vì thấy sự tương tự, tương tục chuyển động nên khởi điên đảo về thường. Vì sự phân biệt đối trị nên khởi điên đảo về lạc, tức phân biệt sai lầm về lạc để làm sự đối trị khổ. Do tập quen nên khởi điên đảo về tịnh. Do chấp thủ toàn bộ nên khởi điên đảo về ngã.

Lại nữa, với sự khổ, ngu si sinh khởi là do không hiểu rõ năm thứ nguyên nhân. Những gì là năm?

Kệ tụng:

Giới biệt, duyên khởi biệt

Vị biệt, thứ đệ biệt

Và tương tục sai biệt

Nên biết mỗi nhiều loại. (kệ 18)

[553a03] Luận giải: (1) *Giới sai biệt* nên có ba thứ khổ: khổ ở Dục giới, khổ ở Sắc giới và khổ ở Vô sắc giới.

(2) *Duyên khởi sai biệt* nên có bảy thứ khổ: 1. Phước duyên; 2. Phi phước duyên; hai duyên này có ở Dục giới; 3. Bất động duyên, có ở Sắc giới và Vô sắc giới; 4. Triền tùy miên duyên, có ở hàng dị sinh; 5. Tùy miên duyên, có ở bậc kiến đế; 6. Hữu hành duyên, không



phải hàng Bồ-tát có duyên này; 7. Trí hành duyên, hàng Bồ-tát có duyên này.

(3) *Vị sai biệt* nên có mười hai thứ khổ:

1. Thuần lạc cụ: là chư thiên.

2. Thuần khổ cụ: là na-lạc-ca, quỷ và một phần bàng sinh.

3. Tạp khổ lạc cụ: là loài người, quỷ và một phần bàng sinh.

4. Bất khổ bất lạc cụ: là từ đệ tứ tinh lự cho đến trời Hữu đảnh.

5. Bất tịnh tịnh xứ: là những sinh xứ không nạn⁴⁰³ trong Dục giới.

6. Tịnh bất tịnh xứ: là các hàng dị sinh ở Sắc giới và Vô sắc giới.

7. Tịnh tịnh xứ: là các bậc kiến đế ở Sắc giới và Vô sắc giới.

8. Bất tịnh bất tịnh xứ: là trong Dục giới, những sinh xứ có nạn

Và bốn loại nhập thai khổ: 9. Không biết mình nhập bụng người mẹ, không biết mình trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. 10. Biết mình nhập bụng người mẹ, nhưng không biết mình an trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. 11. Biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ, và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. 12. Biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ và biết mình ra khỏi bụng người mẹ.⁴⁰⁴

403 Tám nạn xứ: tám trường hợp không may mắn, chướng nạn cho sự thấy Phật nghe pháp: 1. Địa ngục; 2. Nga quý; 3. Súc sinh (1,2,3 là ba đường dữ); 4. Bắc cầu lô châu (sống quá sướng); 5. Trời Trường thọ (sống quá lâu); 6. Làm người mà đui, điếc, câm, ngọng; 7. Làm người mà thể trí biện thông; 8. Làm người mà sinh trước hay sau Phật xuất thế và nhằm chỗ hay lúc không có Phật pháp. Trường A-hàm, kinh Thập thượng: “Thế nào là bốn thành pháp? Đó là luân pháp: 1. Sống ở giữa nước; 2. Gần thiện hữu; 3. Tự cần thận; 4. Có gốc rễ thiện đã được trồng từ đời trước.” Chư thiên và nhân loại mà có đủ bốn luân pháp thì có thể phá nát được tám nạn.

404 Trường bộ kinh, kinh Tự hoan hỷ: “Bạch Thế Tôn, lại nữa, điểm này thật là vô thượng: Thế Tôn thuyết pháp về vấn đề nhập thai. Bạch Thế Tôn, có bốn loại nhập thai. Bạch Thế Tôn, ở đây, có loại không biết mình nhập bụng người mẹ, không biết mình trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ nhất. Lại nữa bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập



(4) *Thứ đệ sai biệt* nên có mười hai thứ khổ: đó là y theo mười hai chi duyên khởi.

(5) *Thứ đệ tương tục sai biệt* nên có vô lượng chủng loại hữu tình tương tục, vô biên sai biệt.

Lại nữa, đối với tất cả khổ có thể liễu tri khắp cả, nên biết có mười tám thứ. Đó là những gì?

Kệ tụng:

Tín giải và tư trạch

Bất loạn, tâm yếm ly

Kiến, tu và cứu cánh

Như trước nói mười một. (kệ 19)

[553a24] Luận giải:

1. Tín giải biến trí⁴⁰⁵: Là văn sở sinh trí.

2. Tư trạch biến trí: Là tư sở sinh trí.

3. Bất tán loạn biến trí: Là thế gian tu sở sinh trí.

4. Yếm ly nhiếp biến trí: Là thuận quyết trạch phần trí của noãn, đảnh, nhãn, thế đệ nhất.⁴⁰⁶ Do trí này quán sát tướng tự tâm nên toàn bộ sự yếm ly chuyển.

bụng người mẹ, nhưng không biết mình an trú trong bụng người mẹ và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai như hai. Lại nữa Bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ, và không biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ ba. Lại nữa Bạch Thế Tôn, có loại biết mình nhập bụng người mẹ, biết mình an trú trong bụng người mẹ và biết mình ra khỏi bụng người mẹ. Đó là loại nhập thai thứ tư. Đây là bốn loại nhập thai. Bạch Thế Tôn, thật là vô thượng về vấn đề nhập thai." (HT. Thích Minh Châu dịch)

405 Biến trí = trí biến tri: là trí đoạn trừ phiền não (thô trọng khổ) do nhận thức toàn diện về bốn Thánh đế.

406 Thuận quyết trạch phần là thiện căn được tu tập bởi bốn gia hành: noãn, đảnh, nhãn, thế đệ nhất; y chỉ trên bốn tính lự để tu tập.



5. Kiến đạo biến trí: Là y chỉ kiến đạo trí.

6. Tu đạo biến trí: Là y chỉ tu đạo trí.

7. Cứu cánh đạo biến trí: Là trí nhiếp vào vô học đạo.⁴⁰⁷

Và mười một thứ trí đã nói ở trước⁴⁰⁸: 8. Bất thiện thanh tịnh thể tục trí; 9. Thiện thanh tịnh thể tục trí; 10. Thắng nghĩa trí; 11. Bất thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí; 12. Thiện thanh tịnh tướng hữu phân biệt trí; 13. Thiện thanh tịnh tướng vô phân biệt trí; 14. Thành sở tác tiền hành trí; 15. Thành sở tác trí; 16. Thành sở tác hậu trí; 17. Thanh văn trí; 18. Bồ-tát trí.

Như vậy gồm thành mười tám trí để như thật liễu tri *khổ biến trí*.

Lại nữa, biến trí như vậy là dứt hết các khổ. Do biến trí nào dứt hết khổ nào?

Kệ tụng:

Triền, nghi, không ưa rời

Trầm, ác thú, các thú

Hành thấp kém sinh khởi

Khấp, riêng các khổ hết. (kệ 20)

[553b10] Luận giải:

Tín giải biến trí diệt được *cái khổ của các triền*⁴⁰⁹.

Tư trạch biến trí diệt được *cái khổ của nghi ngờ*.

407 Trí thế gian: tín giải biến trí, tư trạch biến trí, bất tán loạn biến trí và yếm ly nhiếp biến trí. Trí xuất thế gian: kiến đạo biến trí, tu đạo biến trí và cứu cánh đạo biến trí.

408 Xem phẩm Thành thiện xảo, phần Thiện xảo đế, kệ 25.

409 Năm triền cái: tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử (tán loạn), nghi ngờ. Ở đây chỉ cho tham dục và sân hận. Các triền cái khác do các biến trí khác hủy diệt.



Bất tán loạn biến trí diệt được cái khổ của sự không ưa rời xa [tán loạn].

Yếm ly nhiếp biến trí diệt được cái khổ của hôn trầm.

Kiến đạo biến trí diệt được cái khổ của ác thú⁴¹⁰.

Tu đạo biến trí diệt được cái khổ của các thú khác⁴¹¹.

Cứu cánh đạo biến trí diệt được cái khổ của các hành thấp kém sinh khởi, nghĩa là ngoài lạc tốc thông hành, các hành còn lại⁴¹² đều gọi là thấp kém.

Bồ-tát biến trí diệt khắp hết tất cả khổ của mình và người.

Thanh văn biến trí diệt riêng biệt cái khổ của chính mình.

410 Ác thú: địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh.

411 Các thú khác: nhân loại, trời, rồng, được xoa, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già.

412 Bốn thông hành: Khổ tri thông hành, khổ tốc thông hành, lạc tri thông hành và lạc tốc thông hành. Bốn sự hành trì: (1) Hành trì khổ, chứng trí chậm; (2) Hành trì khổ, chứng trí nhanh; (3) Hành trì lạc, chứng trí chậm; (4) Hành trì lạc, chứng trí nhanh. Hiển dương, quyển 7, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 3: “Khổ tri thông hành gọi là hạ phẩm học; khổ tốc thông hành và lạc tri thông hành gọi là trung phẩm học; lạc tốc thông hành gọi là thượng phẩm học.”



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Lăm

Phẩm Sáu

THÀNH KHÔNG

[553b18] Như vậy là đã thành lập sắc thái khổ. Thế nào là thành lập sắc thái không? Nên biết sắc thái không có ba thứ: 1. Sắc thái tự tướng; 2. Sắc thái rất sâu xa; 3. Sắc thái sai biệt.

[553b20] Thế nào là sắc thái tự tướng?

Kệ tụng:

Nếu ở đây không có

Cái còn lại ở đây

Theo hai thứ đạo lý

Nói tướng không: không hai. (kệ 1)

[553b23] Luận giải: *Tự tướng của không* thì không nhất định có hay không nhất định không có.

Không nhất định có: Ở trong các hành, tự tánh của chúng sinh và tự tánh của pháp hoàn toàn không có gì [là thật cả].

Không nhất định không có: Ở trong các hành, chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã là tánh có thật.

Theo hai thứ đạo lý: Ở trong các hành, không có đạo lý hai thứ ngã và có đạo lý hai thứ vô ngã. Theo hai đạo lý này mà nói *tánh không*



không có hai sắc thái: 1. Sắc thái chẳng có, vì không có *hai ngã*; 2. Sắc thái chẳng không, vì có *hai vô ngã*. Vì sao? Không có hai ngã ấy, tức là có hai vô ngã; có hai vô ngã ấy, tức là không có hai ngã; cho nên *tánh không* không nhất định là sắc thái có, không nhất định là sắc thái không có.⁴¹³

Thế nào là *sắc thái rất sâu xa*?

Kệ tụng:

Tướng thậm thâm nên biết

Thủ xả không thêm bớt. (kệ 2ab)

413 Hai thứ đạo lý: (1) hai loại ngã: nhân và pháp đều không có, nhưng (2) hai loại vô ngã: nhân và pháp đều có. Như vậy, tánh không được giải thích, là không thường có (hữu) và cũng chẳng thường không (vô). Đây là sắc thái vô nhị: có và không không hai, vì chúng sinh và pháp không thật có mà pháp tánh vô ngã hiển lộ thì thật có. Cách diễn đạt trong lập luận này rất gần với cách diễn đạt trong A-tỳ-đạt-ma tập tập luận, và cách thức ấy lại rất gần với ý niệm “vô và hữu của vô” (nonexistence and existence of nonexistence) trong Luận Biện trung biên: “Phân biệt có (hữu) và phân biệt chẳng có (vô), mỗi phân biệt là một bên. Phân biệt có là chấp thật có bỏ đặc giả la; vì hủy diệt chấp này mà lập không tánh. Phân biệt chẳng có là đối với vô ngã mà phân biệt là chẳng có. Vì rời phân biệt hai bên như vậy mà nói hành nơi trung đạo, nghĩa là không vì diệt bỏ đặc giả la (ngã) mới lập không tánh, mà không tánh kia bản tánh tự không, tiền tế cũng không, hậu tế cũng không, trung tế cũng không, cho đến nói rộng [trong kinh Đại Bảo Tích]” (tr. 476b27) Xem thêm kinh Tiểu Không, số 121, của Trung bộ để thấy thuyết tánh Không không phải độc quyền của Đại thừa, mà nó đã xuất hiện rất sớm vào thời Phật. Trong kinh này, Đức Thế tôn giảng giải cho tôn giả A-nan phương pháp thiền quán về Không, ngài dạy rằng: “Cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có. Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết: ‘Cái kia có, cái này có’. Nay Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.” Liên quan đến kinh Tiểu Không, trong kinh Lăng-già A-bạt-đa-la (No. 670, Cầu-na-bạt-đa-la dịch), tr. 488c06~26, có ghi: “Đại Huệ! Kia lược nói bảy thứ không, nghĩa là: tướng không, tánh tự tánh không, hành không, vô hành không, nhất thiết pháp ly ngôn thuyết không, đệ nhất nghĩa thánh trí đại không, bỉ bỉ không. Thế nào là bỉ bỉ không? Nghĩa là đối với kia không có cái không kia, ấy gọi là bỉ bỉ không. Đại Huệ! Thí như nhà của Lộc tử mẫu không có voi, ngựa, trâu, dê v.v..., chẳng phải không chúng Tỳ-kheo, mà nói kia không. Chẳng có nhà mà tánh nhà không; cũng chẳng có Tỳ-kheo mà tánh Tỳ-kheo không, chẳng phải chỗ khác không có voi ngựa. Ấy gọi là tất cả pháp tự tướng. Kia (các pháp) nơi kia (tinh xá) không kia (voi, ngựa, trâu, dê), ấy gọi là bỉ bỉ không. Đây gọi là bảy thứ không. Cái bỉ bỉ không là cái không rất thô, ông phải xa lìa.” Bỉ bỉ không chính là tánh Không đề cập trong kinh Tiểu Không. Điều này cũng cho thấy kinh Tiểu Không rất gần gũi với tư tưởng Kiến lập tánh Không của Du-già hành tông.



[553c04] Luận giải: Theo như trên đã nói, không có hai đạo lý, tuy xả các pháp mà không có gì giảm, tuy thủ các pháp mà không có gì tăng.⁴¹⁴ Không thủ, không xả, không tăng, không giảm, là tướng không rất sâu xa.

Thế nào là sắc thái sai biệt?

Kệ tụng:

Sai biệt có nhiều thứ

Như đây kia tuyên thuyết. (kệ 2cd)

[553c08] Luận giải: Nhiều chỗ trong các kinh, tánh không này được đức Bạc-già-phạm hiển thị qua nhiều thứ sai biệt, như thắng nghĩa không, nội không, ngoại không, như vậy thầy⁴¹⁵. Nay hãy phân biệt:

Thắng nghĩa không lấy thắng nghĩa⁴¹⁶ nên trống rỗng, không có gì, nên gọi là thắng nghĩa không. Ở đây hiển thị bốn thứ nghĩa. Những gì là bốn? 1. Nghĩa rời sự lấy ngã làm nhân; 2. Nghĩa rời sự lấy ngã làm tướng; 3. Nghĩa rời sự không có nhân; 4. Nghĩa rời sự không có tự nghiệp mà được.

414 Thủ xả 捨捨: Thủ, tức nhiếp thủ 攝取, là chấp nhận. Xả, tức khí xả 棄捨, là loại bỏ.

415 Luận Biện trung biên, phẩm Biện tướng: “Sự sai biệt của tánh không ấy còn có mười sáu loại, đó là: nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, không không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô tế không, vô tán không, bản tánh không, tướng không, nhất thiết pháp không, vô tánh không và vô tánh tự tánh không.” (tr. 466a03~06)

416 Thắng nghĩa không còn gọi là đệ nhất nghĩa không. Thắng nghĩa: thật tướng của các pháp, là Tâm siêu việt, là chân như, là pháp tánh tách rời ngôn ngữ, siêu việt lĩnh vực tâm tư. Sự xuất thế của Phật là để nói thắng nghĩa ấy, làm cho có người cũng chứng ngộ thắng nghĩa ấy. Hiển dương: “Chân như gọi là thắng nghĩa” (xem phẩm Nhiếp sự). Luận Biện trung biên, phẩm Biện tướng: “Thắng nghĩa, là tu quán đúng với thật tướng, và cảnh sở quán chân thật đây tức là không, nên gọi là thắng nghĩa không.” (466a18)



Do khi sáu xứ⁴¹⁷ sinh khởi, chúng không từ cái ngã mà có, cũng không tụ tập, y chỉ nơi ngã, như vậy gọi là *ngã tách rời ngã làm nhân*. Nếu chấp sáu xứ, lấy ngã làm nhân, thì phải không có phân biệt năm thú riêng khác.

Lại nữa, do sáu xứ trước không có, nay có; có rồi tán diệt, cho nên [sáu xứ] *rời sự lấy ngã làm tướng*; bởi vì tướng như vậy chẳng phải sở hữu của ngã.

Lại nữa, do có nghiệp làm nhân sinh khởi [quả] dị thực mà đều không có tác giả, không có hữu tình buông bỏ hay kế thừa các uẩn [làm ngã], như vậy gọi là *ngã rời sự không có nhân*.

Lại do nơi *pháp hữu phần*⁴¹⁸ giả lập có một loại hữu tình tương tục, lưu chuyển đến pháp dị thực ở hiện tại, chẳng phải một loại nào khác tương tục, cho nên gọi là *ngã rời sự không có tự nghiệp mà được*.

Lại nữa, làm sao biết bổ-đặc-già-la – ngã không hiện hữu? Nếu có cái ngã chính là uẩn tướng, là trú trong các uẩn, là trú nơi xứ khác, là chẳng phải uẩn tướng.

417 Sáu xứ gồm sáu nội xứ (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý căn) và sáu ngoại xứ (sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp).

418 Đại trí độ luận, quyển 20: “Lại nữa, bốn đại và bốn đại sở tạo sắc (là sắc, hương, vị, xúc) bao bọc chỗ trống không nên gọi là thân. Trong ấy do nhân duyên của nội nhập và ngoại nhập hòa hiệp sanh thức chúng, thân được hòa hiệp với thức chúng ấy mà làm mọi công việc, nói năng, ngồi đứng, đi lại. Nói trong chỗ hư không có sáu đại chúng (đất, nước, gió, lửa, không, thức) hòa hiệp, miễn cưỡng gọi là nam, miễn cưỡng gọi là nữ. Nếu sáu đại chúng là nam, thời phải có sáu nam chứ không thể lấy một làm sáu, sáu làm một; trong địa chúng cũng không có tướng nam nữ, cho đến trong thức chúng cũng không có tướng nam nữ. Nếu trong mỗi địa chúng không có tướng nam nữ, thời trong khi hòa hiệp cũng không thể có. Ví như sáu con chó, mỗi con không thể sanh ra sự tử; sáu con hợp lại cũng không thể sanh, vì vô tự tánh. Hỏi: Vì sao không có nam nữ? Tuy thân ngã không có phân biệt, nhưng chính thân thì có phân biệt nam nữ khác nhau. Thân ấy không thể lia thân phần, thân phần cũng không thể lia được thân; như thấy phần chân của thân, là biết có pháp để có phần ấy (hữu phần pháp); pháp ấy gọi là thân. Phần chân v.v... của thân khác với thân; thân tức là tướng nam nữ? Đáp: Thân ngã đã bị phá trước kia, thì thân tướng cũng bị hoại, nay sẽ nói lại: Nếu có pháp hữu phần ấy gọi là thân, thân ấy có đủ ở trong các phần (của nó) hay là thân phần chia ở khắp các phần? Nếu trong các phần đầy đủ các thân, thời trong phần đầu phải có phần chân, vì có sao? Vì trong phần đầu đầy đủ có thân vậy. Nếu thân phần chia ở khắp trong các phần, thời thân và từng phần không có khác nhau. Thân hữu phần tùy thuộc theo các phần vậy.” (tr. 206b10-26, HT. Thích Thiện Siêu dịch)



Kệ tụng:

Chỉ là giả thành lỗi

Uẩn không ngã thành lỗi

Ngã không thân thành lỗi

Ba ngã không đúng lý. (kệ 3)

[553c25] Luận giải: (1) Nếu ngã được chấp là uẩn tướng, thì nó phải chỉ là giả, trái ngược với tự tông của ông, nên thành lỗi, vì ngay nơi các uẩn giả lập làm ngã.

(2) Nếu [ngã] rời các uẩn, trú chỗ khác, thì ngã phải không có uẩn, do đó cũng thành lỗi, vì không có ngã trú trong các uẩn.

(3) Nếu [ngã] chẳng phải uẩn tướng, thì cái ngã được chấp có lỗi không có thân, vì ngã mà không thân là không đúng đạo lý.

Tóm lại, ba thứ [ngã chấp] đều không hợp lý.

Lại nữa, nếu chấp có thật ngã trú trong các uẩn, điều đó cũng không đúng. Vì sao?

Kệ tụng:

Như chủ, lửa, sáng, không

Hình khác, lỗi y tha

Vô thường, không nghiệp dụng

Chẳng nhân, chẳng có ngã. (kệ 4)

[554a05] Luận giải: Chấp có thật ngã trú trong các uẩn là như người chủ trú trong nhà, như lửa ở nơi củi, như ánh sáng dựa vào đèn, như hư không ở nơi mọi vật. Như vậy tất cả đều không đúng đạo lý. Vì sao? Có năm thứ lầm lỗi. Những gì là năm?



(1) Nếu như người chủ trú trong nhà, thì hình thể phải khác nhau, vì người chủ nhà và căn nhà có hình dáng khác nhau.

(2) Nếu như lửa ở nơi củi, thì có lỗi dựa vào cái khác, vì lửa dựa vào cái lực của củi thì lửa không có tự tại.

(3) Nếu như ánh sáng dựa vào đèn, thì có lỗi vô thường, vì tùy thuộc có đèn hay không đèn mà ánh sáng khởi lên hay diệt mất.

Lại nữa, hai thí dụ trước cũng có lỗi vô thường: (1) Không thấy người chủ nhà có thường trú: Căn nhà tuy có đã lâu mà người chủ căn nhà ấy hoặc đã đi nơi khác, hoặc đã chết mất. (2) Lửa tùy thuộc cái lực của củi: Củi thì bất định khi có, khi không, là tánh vô thường.

(4) Nếu như hư không ở nơi mọi vật, thì phải có nghiệp dụng, có cái lỗi hiển nhiên, vì nghiệp dụng của hư không thì hiển nhiên có được⁴¹⁹, nghĩa là các nghiệp quá khứ, vị lai không bị chướng ngại; ngã thì không phải như vậy, nên thành lỗi.

(5) Lại nữa, chấp ngã mà cho rằng *quả làm nhân* cũng không thể được. Vì sao? Không có cái ngã ở ngoài các chủng tử, v.v... của sự vật, vì quả làm nhân là không thể được. Cho nên chấp ngã trú trong các uẩn, cho rằng quả làm nhân là không đúng đạo lý, cũng không có thể tánh thật ngã để mà chấp.

Hỏi: Nếu chỉ có uẩn, không có cái ngã riêng biệt thì ai thấy, ai nghe, ai nhận biết?

Đáp: Nếu sự thấy, nghe và nhận biết chính là thể của ngã, thì chúng hoặc là nghiệp của ngã, hoặc là đồ dùng của ngã. Chấp ngã bằng cách lấy sự thấy, nghe và nhận biết đều không hợp lý. Vì sao?

419 Hư không hay hư không vô vi là cái không bị chướng ngại và mọi sắc pháp đều vận hành trong đó.



Kệ tụng:

Ngã chỉ là giả lập

Thí dụ không thể được

Bảy dụ vọng phân biệt

Không ba chấp: thấy, v.v... (kệ 4)

[554a25] Luận giải: Nếu ông chấp sự thấy, nghe, hay, biết chính là ngã, lại gọi là người thấy, người nghe, người hay, người biết, thì cái ngã được chấp chỉ nên là giả, tức là ở trên các pháp thấy, nghe, hay, biết, giả lập có ngã. Nếu chấp sự thấy, nghe, hay, biết là nghiệp, là đồ dùng, trường hợp này cũng không đúng, vì không có thí dụ [để so sánh].

Tuy vọng phân biệt qua bảy thứ thí dụ⁴²⁰, nhưng có nhiều lỗi, cho nên ba thứ [ngã chấp]⁴²¹ đều không hợp lý.

Thế nào là có nhiều lỗi?

Kệ tụng:

Như hạt giống vô thường

Người chế tác thành giả

Người thành thực thân thông

Tự tại ở thế tục. (kệ 5)

[554b03] Luận giải: (1) Nếu ông chấp rằng, ngã đối với sự thấy, nghe, hay, biết, làm nghiệp dụng [của ngã], thì như hạt giống đối mầm, ngã phải là vô thường, vì hạt giống không thường còn.

420 Bốn thí dụ: người chủ nhà, lửa, ánh sáng, hư không. Và thêm 3 thí dụ ở dưới: hạt giống, người thợ gốm, người có thân thông ở thế gian.

421 Ba thứ ngã chấp: 1. Ngã là uẩn tướng; 2. Ngã rời các uẩn, trú chỗ khác; 3. Ngã không phải uẩn tướng.



(2) Nếu ông chấp rằng, ngã đối với sự thấy, nghe, hay, biết, làm nghiệp dụng [của ngã], thì như người thợ gốm đối với đồ gốm, ngã phải là giả. Vì sao? Thế gian hiện thấy *giả danh sĩ phu* có chế tác những đồ dùng, không thấy gì khác.

(3) Nếu ông chấp rằng, ngã đối với sự thấy, nghe, hay, biết, làm nghiệp dụng [của ngã], thì như người có thần thông ở thế gian có năng lực làm ra sự biến hóa, tức là ngã phải tương đồng với cái giả lập thế tục kia và nó có lỗi tự tại. Vì sao? Vì lia cái giả ra, người có thần thông đã không thấy cái khác. Lại hiện thấy người có thần thông đối với sự biến hóa tùy ý tự tại; ngã đối với sự thấy, nghe, hay, biết, không mượn duyên khác, phải được tự tại⁴²².

Lại nữa, kệ tụng:

Ngã như địa, như không

Phải vô thường, vô tánh

Phải như hai: vô tác

Phân minh nghiệp có được. (kệ 6)

[554b14] Luận giải: Nếu ông chấp rằng, ngã đối với sự thấy, nghe, hay, biết, làm nghiệp dụng [của ngã], thì giống như đại địa có khả năng nắm giữ muôn vật, ngã phải là vô thường, vì đất đai không thường còn.

Hoặc như hư không không có chướng ngại nên có sự tác nghiệp là dung chứa; ngã cũng như vậy, dung chứa sự thấy, nghe, hay, biết, làm nghiệp dụng [của ngã], nên ngã phải vô thể, giống như hư không. Chỉ có sắc [được dung chứa], vô thể, đó là hư không.

⁴²² Nhưng trên thực tế lại không tự tại, cần mượn duyên khác.



Lại như đại địa và hư không với khả năng duy trì, v.v... mà không có *tác dụng động*; ngã cũng như vậy, phải không có tác dụng đối với sự thấy, nghe, hay, biết. Đã không có tác dụng mà chấp sự thấy, nghe, hay, biết làm ngã là không đúng đạo lý.

Lại nữa, đại địa và hư không có hai công năng rõ ràng là duy trì và không chướng ngại; ngã đối với các nghiệp tạo tác của sự thấy, nghe, hay, biết, thì không có công năng nào khác; cho nên không đúng đạo lý.

Lại nữa, nếu chấp sự thấy, nghe, hay, biết là đồ dùng của ngã, điều này cũng không đúng. Vì sao?

Kệ tụng:

Đốt cháy và cắt đứt

Chỉ lửa, dao làm ra

Ngã với đồ thấy, nghe

Không phải như lửa, dao. (kệ 7)

[554b26] Luận giải: Nếu ông chấp rằng, ngã chấp vào đồ dùng thấy để có thể thấy, đồ dùng nghe để có thể nghe, đồ dùng hay để có thể hay, đồ dùng biết để có thể biết⁴²³; giống như người ta chấp lửa có thể đốt cháy, chấp dao có thể cắt đứt; điều đó không đúng đạo lý. Vì sao? Thế gian hiện thấy tách rời người năng chấp, thì lửa tự có năng tánh đốt cháy, dao tự có năng tánh cắt đứt; sự thấy, nghe, hay, biết cũng vậy, tuy không có ngã cũng tự có tác dụng thấy, nghe, hay, biết. Nhưng ông không chấp nhận nên đây không phải thí dụ.

⁴²³ Kiến, văn, giác, tri: thấy, nghe, hay, biết; cái biết của 6 thức: kiến là nhãn, văn là nhĩ, giác là 3 thứ tỷ, thiệt và thân, tri là ý. Ba thức nhãn, nhĩ và ý được khai ra 3 là vì giúp rất nhiều cho bồ đề phần, lại biết cả thể và xuất thể. Ba thức còn lại, tỷ, thiệt và thân không bằng 3 thức trên nên hợp làm một.



Lại nữa, thế gian hợp chung các uẩn, giả tướng mà lập làm ngã, nhân, chúng sinh, đang cầm cái liềm v.v... có thể cắt, có thể chặt, chứ không có thật ngã riêng biệt, cho nên đây không phải thí dụ.

Lại nữa, kệ tụng:

Như ánh sáng soi chiếu

Lìa sáng không dị thể

Cho nên ở trong ngoài

Nghĩa không, vô ngã thành. (kệ 8)

[554c06] Luận giải: Hiện thấy ở thế gian, ngay nơi thể ánh sáng có cái dụng chiếu sáng, nên nói là vật chiếu sáng. Lìa ngoài thể ánh sáng không có cái thể nào khác. Như vậy, mắt, tai, v.v... có cái dụng thấy, nghe, v.v..., nên nói là người thấy, người nghe, người hay, người biết. Vì vậy, các pháp ở trong, ở ngoài đều không phải hữu ngã.

Hỏi: Nếu thật sự vô ngã thì tại sao thế gian có nhiễm, có tịnh?

Đáp: Các pháp nhiễm tịnh đều từ nhân duyên sinh, chẳng phải do thật ngã. Vì sao?

Kệ tụng:

Như ngoại vật thế gian

Lìa ngã có tồn ích

Nội tuy không thật ngã

Nghĩa nhiễm tịnh nên thành. (kệ 9)

[554c14] Luận giải: Như ngoại vật ở thế gian tuy không có ngã nhưng có các thứ sự nghiệp tai họa, thuận ích thành tựu. Như vậy nội pháp tuy không có ngã nhưng có các thứ nghĩa nhiễm tịnh thành tựu; cho nên không có lỗi.



Lại nữa, nếu là vô ngã thì ai thọ quả báo, ai có thể tác nghiệp, ai thoát các khổ.

Kệ tụng:

Vì, tư, phiền não, phần

Là vô thường biến dị

Ngã thường không chuyển đổi

Thọ, tác, thoát nên không. (kệ 10)

[554c20] Luận giải: Cái ngã ông chấp, nơi mùi vị khổ, lạc, v.v..., nơi tư duy thiện, ác, v.v..., nơi phiền não tham, sân, v.v..., trong tất cả thời phần thường không biến đổi. Vì không biến đổi, nên người cảm thọ, người tạo tác, người giải thoát đều không hợp lý. Như trước đã nói, tuy không có thật ngã mà có cái giả thể tục biến đổi trong ba thời gian, cho nên người cảm thọ, người tạo tác, người giải thoát đều thành tựu trong thời phần sai biệt.

Lại nữa, nếu vô ngã thì ai lưu chuyển, ai hoàn diệt?

Kệ tụng:

Pháp tánh từ duyên sinh

Triển chuyển hiện tương tục

Có nhân mà không trú

Biến đổi nên gọi chuyển. (kệ 11)

Như thân, răng, sông, đèn

Có các thứ tác dụng

Ngã thường không biến đổi

Chuyển, hoàn không hợp lý. (kệ 12)



[555a01] Luận giải: Không do hữu ngã mà có lưu chuyển hay hoàn diệt. Vì sao? Hiện thấy người lưu chuyển ắt có tướng sinh, trước sau tương tục triển chuyển không dứt, hằng hiện mắt, nhìn thấy rõ ràng. Có nhân không dừng trú mà lại biến đổi, gọi là *lưu chuyển*. Cắt dứt sự tương tục, gọi là *hoàn diệt*. Giống như thân thể, chiếc răng, con sông, ngọn đèn⁴²⁴ có các thứ tác dụng chuyển khởi và có hoàn diệt. Chẳng phải như cái ngã ông chấp thường hằng không biến đổi mà lại có cái dụng lưu chuyển. Ngã ấy lưu chuyển còn không có, huống chi có hoàn diệt sao?

Lại nữa, nếu chỉ các hành không phải hữu ngã, thế gian hiện thấy những loài hữu tình, thì ý tưởng sai biệt về danh phải không có.

Kệ tụng:

Y ngã khởi danh tướng

Thấy hai thứ làm lỗi

Cho nên biến khắp cả

Tánh thật ngã đều không. (kệ 13)

[555a11] Luận giải: Không do ý tưởng về danh mà thật ngã được thành. Vì sao? *Thấy hai thứ làm lỗi*: (1) Nếu người thế gian đối với thật ngã, trước hết khởi các thứ ý tưởng về danh như Phật-cứu, [Đức hữu], v.v...⁴²⁵, thì đối với thân, v.v... các pháp phải không có sự hiểu biết về chúng. (2) Đối với thân, v.v... khởi ý tưởng về danh, thì không nên nói “*ngã có các tác dụng*”. Vì sao? Thế gian hiện thấy khởi các ngôn thuyết, như là *Phật-hữu nhìn thấy*, *Đức-hữu lắng nghe*, v.v...

Lại nữa, *thấy hai thứ làm lỗi*: (1) Nếu chấp ngã mà thấy thể tánh

424 Nội pháp là thân thể. Ngoại pháp là chiếc răng, con sông, ngọn đèn, cỗ xe, v.v...

425 Phật-cứu 佛救: Có lẽ là Phật-thọ 佛授 (Buddhadatta).



là thiện, hiện tiền chuyển vận một cách tự nhiên, mà sinh khởi nhiễm pháp, là không đúng đạo lý. (2) Nếu [thể tánh] là nhiễm ô, thì sự năng chứng thật ngã, là không đúng đạo lý.

Lại nữa, chấp ngã là khi chấp thủ ngã thì là cái ngã năng chấp, hay là cái thấy năng chấp? (1) Nếu nói cái ngã chấp ngã, thì người chấp ngã ở thế gian không nên có khởi nghi hoặc về những gì là hữu vi, những gì là vô vi. Vì sao? Vì hiện thấy cái ngã. (2) Nếu nói cái thấy chấp ngã, thì ông nay không nên nói “*cái ngã năng thủ*”.

Do có các thứ làm lỗi như vậy, cho nên thế gian không có *chân thật ngã*.

Lại nữa, nếu như vậy thì tại sao ở trong chánh pháp kiến lập ý tưởng về danh có các thứ sai biệt?

Kệ tụng:

Vì ngôn thuyết dễ hiểu

Vì tùy thuận thế gian

Vì đoạn trừ sợ hãi

Hiện hai thứ: đức, lỗi. (kệ 14)

[555a27] Luận giải: Tuy không có thật ngã mà kiến lập ý tưởng về danh, về hữu tình sai biệt, có bốn nguyên nhân: 1. Vì làm cho ngôn thuyết được dễ hiểu; 2. Vì tùy thuận thế gian; 3. Vì để người sơ học rời xa sự sợ hãi; 4. Vì hiển thị công đức và tội lỗi của mình người có sai biệt.

Lại nữa, nếu không có ngã thì thế gian không nên vừa mới thấy hình tướng liền đột nhiên khởi lên tri giác về hữu tình, lại cũng không nên lấy suy nghĩ, tri giác làm đầu để khởi các tác nghiệp.



Kệ tụng:

Đột nhiên **giác loạn khởi**

Thế gian hiện có được

Giác làm đầu tác nghiệp

Có mười thứ làm lỗi. (kệ 15)

[555b06] Luận tụng: Đột nhiên khởi lên tri giác⁴²⁶ thì chẳng chứng minh nguyên nhân của ngã. Vì sao? Vì tâm tri giác thác loạn mà đột nhiên khởi lên thì hiện tại có thể có được, như đối với thân nữ mà khởi tri giác về người nam, đối với thân nam mà khởi tri giác về người nữ; là khúc cây mà khởi tri giác là người, là người mà khởi tri giác là khúc cây.⁴²⁷

Lại nữa, cái ngã ông chấp lấy suy nghĩ, tri giác làm đầu để khởi các tác nghiệp, có mười thứ làm lỗi. Những gì là mười?

Kệ tụng:

Giác, ngã nhân, công dụng

Tự tại đẳng mỗi hai

Có nhân và không nhân

Phải biết mười thứ lỗi. (kệ 16)

[555b13] (1) Nếu ông chấp tri giác làm nhân khởi các tác nghiệp, tức là chẳng phải ngã có công dụng khởi các nghiệp.

(2) Nếu lấy ngã làm nhân, thì suy nghĩ, tri giác không phải là nhân, thế thì không nên lấy suy nghĩ, tri giác làm đầu để khởi các tác nghiệp.

426 Đây nói về suất nhĩ tâm hay suất nhĩ đọa tâm 率爾墮心, một trong ngũ tâm, tức là tâm bỗng nhiên khởi lên trong một sát-na đầu tiên khi nhãn thức vừa tiếp xúc ngoại cảnh, chưa có phân biệt thiện ác.

427 Đây gọi là ngã tướng của biến kế sở chấp. Vô số cái biết của ý thức biến kế toàn là cái biết thác loạn (như trong bóng tối thấy làm sợi dây là con rắn) nên nhìn đâu cũng thấy ngã pháp.



Lại nữa, (3) nếu ông chấp lấy ngã làm nhân có công dụng khởi tác nghiệp, thì phải thường xuyên khởi tất cả tác nghiệp. (4) Nếu ngã không phải nhân, tức là ngã không có tạo tác gì cả.

Lại nữa, (5) nếu ông chấp có cái nhân khác, tức có pháp khác làm nhân khởi các tác nghiệp, thì cái ngã được chấp không có tạo tác gì cả. (6) Còn nếu không có nguyên nhân thì cũng phải thường xuyên khởi tất cả tác nghiệp.

Lại nữa, (7 & 8) nếu ông chấp do công dụng bên trong có năng lực tạo tác; đây cũng như trên, có hai thứ làm lỗi⁴²⁸.

Lại nữa, (9) nếu ông chấp rằng, cái ngã có được sự tự tại đối với sự tác nghiệp, tức phải thường tạo tác những gì mình ưa thích và không tạo tác những gì mình không ưa thích. (10) Nếu không có sự tự tại tức là không có ngã tướng.

Như vậy là đã nói sắc thái của không và sự thành lập. Nay sẽ hiển thị *chân trí quán không*, sở tri sai biệt của tát-ca-da kiến⁴²⁹.

Kệ tụng:

Không thăm quyết, biến hành

Tăng ích và vô sự

Với sự sợ vọng kiến

Thí dụ có năm thứ. (kệ 17)

[555b26] Luận giải: Tát-ca-da kiến có năm thứ:

1. *Thấy biết không suy xét sự:* Như thấy làm sợi dây là con rắn.

428 Như hai làm lỗi (4) và (5).

429 Hiển dương, quyển 1, phẩm Nhiếp sự, phần 1: "Tát-ca-da kiến (: thân kiến), tự thể của nó là tuệ nhiễm ô, là đối với năm thủ uẩn mà kế đạt chấp có ngã, ngã sở. Tát-ca-da kiến sinh khởi do câu sinh hoặc, do phân biệt. Nghiệp dụng là chướng ngại kiến giải không điên đảo về vô ngã."



2. *Thấy biết biến hành*: Tương ứng với ý nhiễm ô mà vọng có thân kiến, ở trong tất cả thời thường đi theo⁴³⁰, như trong chiêm bao thấy sự thọ dụng. Vì sao? Giống như người nghèo, trong chiêm bao thấy mình thọ dụng cảnh giới khả ái, cũng vậy người ngu trước khi chưa khởi chánh trí về chân như, thường khởi vọng chấp, ngã kiến theo đuổi.

3. *Thấy biết sự tăng ích*: Giống như mong ước mình thuận theo, thuộc về người con gái.

4. *Thấy biết sự không thật*: Giống như trẻ thơ thấy sự huyền hóa.

5. *Thấy biết sự sinh sợ hãi*: Như người vẽ thân dục xoa rồi tự sợ hãi.

Như vậy là đã nói *sở trị sai biệt*, nay sẽ hiển thị *năng trị sai biệt*.

Kệ tụng:

Vô thể và viễn ly

Trừ khử, dựa ba thứ

Đối trị các phược tướng

Mười sáu thứ sai biệt. (kệ 18)

[555c08] Luận giải: Y chỉ ba thứ tự thể: biến kế sở chấp, y tha khởi và viên thành thật, theo thứ tự thiết lập ba thứ không: 1. Vô thể không; 2. Viễn ly không; 3. Trừ khử không⁴³¹.

430 Ý nhiễm ô là thức thứ bảy Mạt-na. Ngã kiến hay thân kiến huân tập là Mạt-na ý thức A-lại-da lấy làm tự ngã. Ý thức tự ngã này huân tập thành ra chúng tử thấy có mình, có người là những tự thể (sinh mạng) khác nhau, rồi kế đạt chấp có thật ngã. Thuật ngữ gọi là phân biệt ngã kiến.

431 Trừ khiển không 除遣空: Trừ khiển dịch là trừ khử. Kinh Giải thâm mật, quyển 3, phẩm Phân biệt Du-già, thứ 6, nói đến 17 cái Không có thể trừ khử 10 tướng: “Bạch đức Thế tôn, để trừ khử các tướng nên các vị Bồ tát biết pháp tướng nghĩa tướng phải nỗ lực tu tập phương cách trừ khử, vậy có bao nhiêu cái tướng khó trừ khử? Và cái gì trừ khử được? Thiện nam tử, các tướng có mười thứ, và cái Không có thể trừ khử. Mười thứ ấy là những gì? Một là biết pháp biết nghĩa thì có cái tướng văn từ, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi các pháp không [nhất thiết pháp không]. Hai là biết



Lại nữa, ba thứ không này, sai biệt có mười sáu thứ không để đối trị các phược và các tướng.

Các phược có mười bốn thứ tướng phược và thô trọng phược:⁴³²

1. Phược do các căn; 2. Phược do hữu tình bị nhiễm ô; 3. Phược do sở y: dựa vào khí thể gian mà các căn lưu chuyển; 4. Phược do vô trí đối với trí; 5. Phược do vọng cảnh đối với cảnh; 6. Phược do khát ái hậu hữu; 7. Phược do khát ái vô hữu; 8. Phược do chấp vô nhân, bất bình đẳng nhân; 9. Phược do có được thượng mạn; 10. Phược do chấp tự tánh biến kế sở chấp; 11. Phược do chấp tự tánh các pháp; 12. Phược do chấp tự tánh các pháp được biến trí; 13. Phược do chấp tự tánh bổ-đặc-già-la; 14. Phược do chấp bổ-đặc-già-la được biến trí.

Các tướng là sáu thứ tướng phược. Chán các tướng này nên Bồ-tát y theo cái không mà siêng tu niệm trú khiến tâm giải thoát. Thế nào là sáu thứ tướng phược? (1) Dựa vào thân, thọ, tâm, pháp mà phát khởi *nội tướng*, gọi là tướng phược thứ nhất; (2) dựa vào thân, thọ, tâm,

chân như nơi sự an lập thì có cái tướng sinh trụ diệt và cái tướng liên tục chuyển biến, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi tướng không và vô tiền hậu không [= vô tế không]. Ba là biết nghĩa năng thủ thì có cái tướng luyến tiếc thân thể và cái tướng ngã mạn, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi nội không và vô sở đắc không. Bốn là biết nghĩa sở thủ thì có cái tướng luyến tiếc tài sản, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi ngoại không. Năm là biết nghĩa hường dụng, trong đó có trai gái phục dịch và đồ dùng thích hợp, thì có cái tướng trong thấy thích thú và cái tướng ngoài thấy tốt đẹp, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi nội ngoại không và bản tánh không. Sáu là biết nghĩa dụng nên thì có cái tướng thế giới bao la, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi đại không. Bảy là biết không hình sắc thì có cái tướng bên trong vắng lặng giải thoát, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi hữu vi không. Tám là biết chân như nơi các tướng thì có các tướng nhân vô ngã, tướng pháp vô ngã, tướng duy thức và tướng thắng nghĩa, bốn cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi cứu cánh không [tất cánh không], vô tánh không, vô tánh tự tánh không và thắng nghĩa không. Chín là biết chân như nơi sự thanh tịnh thì có cái tướng vô vi và cái tướng không biến dịch, hai cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi vô vi không và vô biến dị không. Mười là chính sự tác ý tự duy về cái không để đối trị các cái tướng nói trên thì có cái tướng không, cái tướng ấy được chính yếu trừ khử bởi không không.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

432 Kinh Giải thâm mật, phẩm Thắng nghĩa: “Thiện thanh tịnh tuệ, nếu thắng nghĩa với các hành là một thì đáng lẽ hiện nay tất cả dị sinh đã thấy đế lý, đã được niết bàn yên ổn, đã chứng bồ đề tối thượng; nếu thắng nghĩa với các hành khác nhau thì đáng lẽ người đã thấy đế lý không thể trừ khử các hành, không trừ khử các hành thì không thể giải thoát tướng phược, không giải thoát tướng phược thì không thể giải thoát trọng phược, không giải thoát hai phược ấy thì không thể được niết bàn yên ổn, cũng không thể chứng bồ đề tối thượng.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



pháp mà phát khởi *ngoại tướng*, gọi là tướng phược thứ hai; (3) dựa vào thân, thọ, tâm, pháp mà phát khởi *nội ngoại tướng*, gọi là tướng phược thứ ba; (4) vì muốn độ thoát mười phương vô lượng vô số hữu tình giới mà phát khởi đại nguyện, tu các niệm trú; *phân biệt tướng* này là tướng phược thứ tư; (5) chánh quán sát và an trú nơi cảnh giới của thân, thọ, tâm, pháp mà có trí tuệ; *phân biệt tướng* này là tướng phược thứ năm; (6) chánh quán sát và an trú nơi cảnh giới của thân, thọ, tâm, pháp mà có ngã nhân; *phân biệt tướng* này là tướng phược thứ sáu.

Lại nữa, sự quán sát thân, thọ, tâm, pháp, nên biết có mười một thứ tướng phược sai biệt, mà nối tiếp làm thành cho nhau. Những gì là mười một? (1) Nơi thân, thọ, tâm, pháp khởi chánh quán và an trú theo thân, thọ, tâm, pháp; và trong đệ nhất nghĩa, nơi hai đế nhiệm tịnh mà khởi cái *tướng phân biệt*, gọi là tướng phược thứ nhất; (2) trong đệ nhất nghĩa, nơi nhiệm tịnh mà khởi cái *tướng hữu tác*, gọi là tướng phược thứ hai; (3) trong đệ nhất nghĩa, nơi nhiệm tịnh mà khởi cái *tướng vô tác*, gọi là tướng phược thứ ba; (4) trong đệ nhất nghĩa, nơi hữu tác mà khởi cái *tướng lưu chuyển*, gọi là tướng phược thứ tư; (5) trong đệ nhất nghĩa, nơi vô tác mà khởi cái *tướng thường*, gọi là tướng phược thứ năm; (6) nơi lưu chuyển, do khổ biến đổi mà khởi cái *tướng khổ*, gọi là tướng phược thứ sáu; (7) nơi thường pháp mà khởi cái *tướng không biến đổi*, gọi là tướng phược thứ bảy; (8) nơi lưu chuyển, do tự tướng của sinh, trú, dị, diệt, và do những tự tướng ấy có biến đổi, nên khởi cái *tướng tự tướng*, gọi là tướng phược thứ tám; (9) trong đệ nhất nghĩa, nơi hữu biến dị, vô biến dị, nhiệm ô, thanh tịnh mà khởi cái *tướng năng nhiếp thọ tất cả pháp*, gọi là tướng phược thứ chín; (10) nơi tất cả pháp nhiệm tịnh mà khởi cái *tướng tự ngã sở hữu*



nhiễm ô thanh tịnh; gọi là tướng phược thứ mười; (11) nơi các pháp nhiễm ô, thanh tịnh mà khởi cái *tướng về tự thể, tự tướng*, gọi là tướng phược thứ mười một.

Bồ-tát ma-ha-tát đối với các tướng phược sai biệt, nối tiếp làm thành cho nhau, và cảnh giới của chúng, chánh quán sát rồi, y chỉ nơi cái không, tu các niệm trú khiến tâm giải thoát. Đối với các vọng tướng phược như vậy, khi giải thoát được chúng, nên biết là giải thoát tất cả tướng phược.

[556a15] Mười sáu cái không: nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, không không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô sơ hậu không, vô tổn tận không, tánh không, tướng không, nhất thiết pháp không, vô tánh không, vô tánh tự tánh không.

Lại nữa, nơi cảnh giới của những cái không này, có sáu thứ ngu mà lưu chuyển từ vô thủy. Những gì là sáu?

Kệ tụng:

Tự tánh và chấp trước

Không hiểu rõ, thất niệm

Khấp tất cả, một phần

Ngu sai biệt lưu chuyển. (kệ 19)

[556a22] Luận giải: (1) *Ngu tự tánh*: Tất cả hữu tình lưu chuyển từ vô thủy có sự vô trí. (2) *Ngu chấp trước tự thể*: Sự vô trí được khởi từ các ngoại đạo mà thích ứng với những điên đảo kiến. (3) *Ngu không hiểu ngộ*: Sự vô trí được khởi từ hàng *vô văn dị sinh*⁴³³. (4) *Ngu thất*

433 Vô văn dị sinh = vô văn phàm phu: "Là kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc



niệm: Sự vô trí được khởi từ hàng *hữu văn dị sinh* và các Thánh giả⁴³⁴.
 (5) Ngu khắp tất cả: Sự vô trí được khởi từ hàng *dị sinh* đối với *chúng sinh không* và *pháp không*⁴³⁵. (6) Ngu một phần: Sự vô trí được khởi từ hàng Thanh văn, v.v... nhưng chỉ là vô trí đối với pháp không.

Làm thế nào chúng được cái *lý không* như vậy? Do tám loại trí. Những gì là tám?

Kệ tụng:

Pháp trú, câu tỳ tâm

Trú tỳ tâm, trừ phược

Sợ, không hai, nhiễm, tịnh

Chứng được lý chân không. (kệ 20)

[556b03] Luận giải: 1. *Trí pháp trú*: Trí dựa vào tô-đát-lãm, v.v...⁴³⁶ để an lập pháp môn; 2. *Trí câu tỳ tâm*: Trí suy tìm tỳ tâm, ở địa vị thuận quyết trạch phân; 3. *Trí trú tỳ tâm*: Trí chứng chân như, ở địa vị kiến đạo; 4. *Trí trừ tâm phược*: Trí đối trị các chướng, ở địa vị tu đạo; 5. *Trí sợ các hành tương ưng*: Trí của hàng Thánh đệ tử [aryaśrāvaka], vì sợ hãi đại khổ não trong sự lưu chuyển; 6. *Trí phân biệt không hai*: Trí của hàng Bồ-tát, vì không phân biệt lưu chuyển và tịch diệt, tội lỗi và công đức⁴³⁷; 7. *Trí bất thiện thanh tịnh*: Trí của hàng Hữu học; 8. *Trí thiện thanh tịnh*: Trí của hàng Vô học.

Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân." (Trung bộ kinh, Kinh Pháp môn căn bản) Nhận thức của họ thường bị chi phối nặng nề bởi phiền não tạp nhiễm, chủ yếu là tham ái, mạn và tà kiến.

434 Chỉ cho bậc hữu học và bậc A-la-hán.

435 Chúng sinh không = ngã không: ngã vô ngã. Pháp không: pháp vô ngã.

436 Tô-đát-lãm 素怛纒. Kinh. Tỳ-nại-da 毘奈耶. Luật. Ma-đát-lý-ca 摩怛履迦. Luận.

437 Không và có, là hai. Chẳng không và chẳng có, là không hai (vô nhị). Phân biệt hai và không hai đều là tục đế. Chẳng hai và chẳng không hai là chân đế.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Sáu

Phẩm Sáu

THÀNH KHÔNG (tiếp theo)

[556b19] Luận giải: Để chứng cái lý không như vậy phải dựa vào sự tu. Tu tập như thế nào?

Kệ tụng:

Tu sai biệt mười tám

Hoặc có độc, không độc

Đối trị năm thứ chấp

Lược hai thứ nên biết. (kệ 21)

[556b22] Luận giải: Sắc thái tu tập có mười tám thứ sai biệt:

1. *Tu tác ý tương ưng Thanh văn [thừa]*: Như có một vị Thanh văn, trú pháp tánh Thanh văn, hoặc chưa nhập *chánh tánh vô sinh*⁴³⁸, hoặc đã nhập chánh tánh vô sinh, chỉ quán sự lợi mình, không quán sự lợi người, dựa vào sự an lập để⁴³⁹ mà tác ý để thể nhập lý chân

438 Chánh tánh vô sinh = chánh tánh lý sinh.

439 An lập 安立, tức là bày đặt các nghĩa sai biệt, cũng tức là dùng lời nói, danh tướng để phân biệt các sự vật khác nhau. Trái lại thì là phi an lập 非安立. Phi an lập là vượt lên trên sự sai biệt tương đối, không dùng lời nói và danh tướng để bày tỏ. Duy thức nhị thập luận thuật ký 唯識二十論述記, quyển thượng, có nêu lên 4 nghĩa an lập, tức là: (1) An trí, là đối với sự lý đã tồn tại, thành lập cái căn cứ tồn tại của sự lý ấy, cũng gọi là kiến lập, thành lập. (2) Thi thiết, là dùng đạo lý rộng rãi đặt bày cái lý thú của giáo pháp. (3) Khai diễn, đối với thuyết cũ đã nói rồi, thì nói thêm cho rộng ra. (4) Khả kiến, là đối với cảnh giới thuộc pháp tánh đã dứt mọi đường nói năng tư lự, thì đem giáo lý tương xứng và dùng lời nói có thể thông suốt cảnh giới ấy để miêu tả. (No. 1834, tr. 980a24~28) Thập địa kinh, quyển 4, [Bồ tát địa thứ năm] thiện xảo thế tục đế, thiện xảo thắng nghĩa đế, thiện xảo tướng đế, thiện xảo sai biệt đế, thiện xảo an lập đế ... Do hiểu rõ sự an lập của uẩn, giới, xứ nên biết an lập



như⁴⁴⁰, nội tâm duyên với pháp hữu lượng hữu phân biệt⁴⁴¹ [làm đối cảnh], khởi tâm yếm ly, vô dục, [ura thích] giải thoát hành, tu tập tác ý vì chấm dứt sự tham ái của mình. Đó gọi là sự tu tác ý tương ưng Thanh văn [thừa].

[556b29] 2. *Tu tác ý [tương ưng] Bồ-tát*: Như có một vị Bồ-tát, trú pháp tánh Bồ-tát, hoặc chưa nhập chánh tánh vô sinh, hoặc đã nhập chánh tánh vô sinh, quán sự lợi ích mình người, dựa vào sự an lập để và phi an lập để mà tác ý để thể nhập lý chân như, nội tâm duyên với pháp vô lượng vô phân biệt [làm đối cảnh], vì lực đại bi tăng thượng mà khởi các việc lợi người, nhiếp thọ phương tiện hành, đi trên đạo lộ vô thượng⁴⁴², tu tập tác ý vì chấm dứt sự tham ái của mình và người. Đó gọi là sự tu tác ý [tương ưng] Bồ-tát [thừa].

[556c06] 3. *Tu tác ý ảnh tượng*: Là ảnh tượng của tư duy hữu phân biệt mà đồng phần với bản chất cảnh giới pháp trong tỳ-bát-

đế. (tr. 550b01~09) Du-già sư địa luận, quyển 72: “Để có hai, an lập để chỉ bốn Thánh đế; phi an lập để tức chân như.” Ngoài ra, đối với bản chất của lý chân như (chân đế), đặt bày những lời nói danh tướng khác nhau để giải thích, gọi là an lập để; còn lia tất cả lời nói, danh tướng, do lập trường siêu việt tuyệt đối mà thể ngộ lý chân như, thì gọi là phi an lập để. Luận Thành duy thức, quyển 9: “Trong giai vị gia hành này sự hệ phục hồi tưởng chưa bị loại bỏ, hệ phục hồi tưởng cũng chưa bị cắt đứt. Duy chỉ có thể trấn áp trừ diệt hai thủ, vì chúng trái nghịch với kiến đạo. Nhưng hai thủ thuộc loại câu sinh và tùy miện của chúng tâm tâm quán sát thuộc hữu lậu, vì còn có cái để bắt nắm, và vì có phân biệt, do đó, chưa hoàn toàn bị trấn áp và trừ diệt. Trong giai vị này, Bồ tát học quán sát cả nơi an lập để (: bốn đế) và phi an lập để (: nhị không chân như), vì để dẫn phát hai loại kiến đạo trong tương lai, vì trấn áp hai loại chướng thuộc phân biệt, do đó phi an lập để là đối tượng quán sát chính thức, không phải như Nhị thừa chỉ quán sát an lập để.” (tr. 49c04~10) Cũng luận này nói, trong Tướng Kiến đạo, nếu quán phi an lập để, thì có ba phẩm tâm: (1) Bằng duyên trí nội tại loại trừ hữu tình giả mà đoạn trừ các tùy miện phân biệt thuộc tâm yếu. (2) Bằng duyên trí nội tại loại trừ pháp giả mà đoạn trừ tùy phiền não phân biệt thuộc tâm trung. (3) Phổ biến bằng duyên trí loại trừ cả hữu tình và pháp giả mà đoạn trừ tất cả tùy miện thuộc loại phân biệt; còn nếu duyên theo an lập để, thì có 16 tâm: (1) Khổ đế có 4 tâm: Khổ pháp trí nhãn, khổ pháp trí, khổ loại trí nhãn, khổ loại trí. (2) Tập đế có 4 tâm: Tập pháp trí nhãn, tập pháp trí, tập loại trí nhãn, tập loại trí. (3) Diệt đế có 4 tâm: Diệt pháp trí nhãn, diệt pháp trí, diệt loại trí nhãn, diệt loại trí. (4) Đạo đế có 4 tâm: Đạo pháp trí nhãn, đạo pháp trí, đạo loại trí nhãn, đạo loại trí. (tr. 50a11~b06)

440 Là tổng quán bốn đế, tác ý nhân vô ngã, lấy đó làm cánh cửa phương tiện để nhập chứng chân như.

441 Chánh văn là hữu phân lượng pháp 有分量法 = hữu lượng hữu phân biệt pháp 有量有分別法 (đối chiếu Du-già sư địa luận, quyển 67, tr. 668c07). Đối cảnh được tác ý có giới hạn nên gọi là hữu lượng. Chưa lia được pháp chấp nên gọi là hữu phân biệt.

442 Vô thượng tịch = vô thượng tức tịch 無上息跡: con đường tịch tĩnh dẫn đến mục đích tối thượng.



xá-na phẩm và sở hành của tam-ma-địa⁴⁴³; hoặc là ảnh tượng của tư duy vô phân biệt mà đồng phần với bản chất cảnh giới pháp trong xa-ma-tha phẩm và sở hành của tam-ma-địa. Tu tập như vậy gọi là sự tu tác ý ảnh tượng.

[556c10] 4. *Tu tác ý sự cứu cánh*: Là tư duy các pháp quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, [liệt hay thắng,] xa hay gần, [đối với các pháp, thấy được như thật với trí tuệ là: ‘Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.’]; hoặc là tư duy về tánh sở hữu và tánh tận sở hữu của [thể tánh] chân như của các pháp. Tu tập như vậy gọi là sự tu tác ý sự cứu cánh⁴⁴⁴.

[556c14] 5. *Tu sự thành tựu*: Đã chứng đắc căn bản tĩnh lực⁴⁴⁵ và tam-ma-bát-đề thế gian và xuất thế gian. Tu tập như vậy gọi là sự tu sự thành tựu⁴⁴⁶.

[556c16] 6. *Tu đắc*: Như có một vị dựa vào sơ tĩnh lực, hoặc tu tập tướng về vô thường⁴⁴⁷, hoặc cho đến tu tập tướng về cái chết⁴⁴⁸, thì người ấy không có những tướng thiện khác hiện tiền, hoặc nhiếp vào tự địa, hoặc nhiếp vào hạ địa, và sự tu tập ấy dẫn ra công đức thế gian

443 Tam-ma-địa có năng lực làm cho tâm trú nhất cảnh tánh, lấy tâm pháp làm thể. Sở hành là cảnh sở duyên của định.

444 Sự cứu cánh = sự biên tế 事邊際.

445 Căn bản tĩnh lực bao gồm 4 tĩnh lực, 4 vô lượng tâm và 4 vô sắc định.

446 Sự thành tựu = sở tác thành biện 所作成辦.

447 Tạp A-hàm, kinh Thọ, số 270: “Tu tập tướng vô thường, tu tập nhiều, có thể dứt trừ tất cả dục ái, sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, điều mạn, vô minh.” Tạp A-hàm, kinh Vô thường, số 747: “Nếu Tỳ-kheo tu Vô thường tướng, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn. Thế nào là Tỳ-kheo tu Vô thường tướng, tu tập nhiều, sẽ được quả lớn, phước lợi lớn? Tỳ-kheo tâm câu hữu với Vô thường tướng, tu Niệm giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xá,... cho đến tu Xả giác phần, y viễn ly, y vô dục, y diệt hướng đến xá.” (Thích Đức Thắng dịch)

448 Như vô thường tướng ở trên, cũng vậy có 20 kinh: Vô thường khổ tướng, Khổ vô ngã tướng, Quán thực tướng, Tất cả thế gian không khả lạc tướng, Tận tướng, Đoạn tướng, Vô dục tướng, Diệt tướng, Hoạn tướng, Tử tướng, Bất tịnh tướng, Thanh ử tướng, Nùng nội tướng, Phùng trưởng tướng, Hoại tướng, Thực bất tận tướng, Huyết tướng, Phân ly tướng, Cốt tướng, Không tướng.



hay xuất thế gian, đều làm cho người ấy chuyển tăng, sự thanh tịnh sẽ được sinh khởi mạnh mẽ, chứng được pháp kia, tự tại thành tựu, gọi là sự tu đắc.

[556c22] 7. *Tu tập*: Như có một vị hiện tiền tác ý tư duy về các pháp, khởi tướng thiện về sự vô thường, khổ, không, vô ngã, và hiện tu tập các thiện pháp khác. Tu tập như vậy gọi là sự tu tập.

[556c25] 8. *Tu trừ khử*: Như có một vị tác ý tư duy các tướng là ảnh tượng [được thấy] trong cảnh sở duyên của tam-ma-địa, để trừ khử cái căn bản của các pháp là tự tánh các tướng, làm cho chúng không biểu hiện trở lại, vận dụng đạo lý lấy chốt tháo chốt, giống như có kẻ dùng cái chốt nhỏ đẩy cái chốt to ra, hoặc giống như dùng thân yên ổn trừ khử thân nặng nề, như trên đã nói⁴⁴⁹, gọi là sự tu trừ khử.

[556c29] 9. *Tu đối trị*: Tư duy về những sự tu tập: yếm hoại đối trị, đoạn đối trị, trì đối trị, viễn phần đối trị, gọi là sự tu đối trị. Ở đây, *văn tư sở sinh đạo* là yếm hoại đối trị; *xuất thế gian đạo* là đoạn đối trị; chuyển y của quả kia là trì đối trị; *thế gian tu tuệ đạo* là viễn phần đối trị.⁴⁵⁰

[557a04] 10. *Tu thân*; 11. *Tu giới*; 12. *Tu tâm*; 13. *Tu tuệ*. Thứ tự như vậy là dựa vào sự phòng hộ các căn và tu tập ba học. Nên biết, đó là sự tu tập tự tánh của thân, thọ, tâm, pháp.

[557a07] 14. *Tu thiếu phần*: Đối với các pháp, khởi tướng vô thường v.v..., tác ý tư duy theo mỗi tướng thiện và chút phần thiện pháp mà mình tu, gọi là sự tu thiếu phần.

[557a09] 15. *Tu biến hành*: Tư duy tất cả pháp là *nhất vị chân*

449 Xem Trừ khử không, ở phẩm trước.

450 Du-già sư địa, quyển 67: “Ở đây, yếm hoại đối trị là tất cả thế gian thiện đạo, trừ tác ý được dẫn bởi các vô lượng [tâm] và hành giả có du hí thần thông; đoạn đối trị là tác ý duyên đối cảnh là chân như; trì đối trị là từ đây về sau có được thế gian và xuất thế gian đạo, hoặc giải thoát đạo; viễn phần đối trị là phiền não đã đoạn nơi đối trị đạo, càng phải nhiều tu tập, hoặc nhiều tu tập ở thượng địa đạo.” (tr. 669a14~19)



*như*⁴⁵¹. Tu tập như vậy gọi là sự tu biến hành.

[557a11] 16. *Tu hữu động*: Tinh cần phương tiện tu vô tướng mà có sự cách hờ trong khi tu tập hữu tướng⁴⁵², gọi là sự tu hữu động.

[557a13] 17. *Tu công hành*: Tinh cần phương tiện tu vô tướng mà do [hữu] công dụng hành không có cách hờ, thiếu sót, khởi tu vô tướng, gọi là sự tu công hành.⁴⁵³

[557a15] 18. *Tu thành mãn*: Hoặc Thanh văn thừa, hoặc Độc giác thừa, hoặc Đại thừa mà đã được tất cả chuyển y và chuyển đắc tất cả pháp tự tại. Tu tập như vậy gọi là sự tu thành mãn.⁴⁵⁴

[557a18] Như vậy, các sự tu [ở trên] lược có hai thứ: tu có độc và tu không có độc, vì có xen tạp hay không xen tạp chấp trước ngã, ngã sở.

[557a20] Lại nữa, các sự tu này đối trị năm thứ tà chấp: 1. Tà chấp chúng sinh; 2. Tà chấp pháp; 3. Tà chấp tổn giảm; 4. Tà chấp sai biệt; 5. Tà chấp biến dị.

Tà chấp chúng sinh: Đối với các uẩn, chấp có hữu tình, tác giả, thọ giả.

Tà chấp pháp: Như trước có nói, chấp có sắc, v.v... tự thể sai

451 Nhất vị chân như: chỉ cho bản thể các pháp, còn gọi là tánh như sở hữu, tức cái tánh đúng như cái thực của sự hiện hữu hay chân như tánh của các pháp. Chân như tánh thì bình đẳng trong tất cả pháp, không có sai biệt.

452 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Giác phần, thứ 21: “Tu tập hữu tướng, là hợp tu ba tướng: tịnh chỉ, sách cử và xả.” Tịnh chỉ là nếu tâm trạo cử hay sợ trạo cử nổi lên thì nên tu tập tịnh chỉ, đối với cảnh sở duyên cực sanh chán ghét. Sách cử là nổi lên sự cảnh giác khi tâm bị hôn trầm, làm cho tâm phần chấn lên. Xả là rời xa hôn trầm, trạo cử, tâm trú nơi xả.

453 Bồ tát khi bước vào các địa là đã được kiến đạo vị. Bồ tát ở mỗi địa có pháp được kiến lập khác nhau, đó là giáo pháp 10 địa, được chia làm 5 giai đoạn là: giải hành, thanh tịnh ý lạc, hữu tướng hành, vô tướng hành và vô công dụng hành. Tùy theo sự phân biệt trí ở từng địa, chư vị bồ tát có sự tu tập thích ứng khác nhau, nhưng đích đến vẫn là hiện hành cái vô tướng thuận với phần thanh tịnh, không còn sự phân biệt.

454 Mười tám sự tu này tương ứng với 16 sự tu trong Du-già sư địa luận, quyển 67, Tu sở thành tuệ địa, Nhiếp quyết trạch phần, tr. 668b27~669b06.



biệt⁴⁵⁵.

Tà chấp tổn giảm: Chấp tất cả tướng của các pháp.

Tà chấp sai biệt: Chấp các pháp, ngã, vô ngã, v.v... có thể tánh biệt lập.

Tà chấp biến dị: Chấp các pháp trước thật có cái ngã, sau thành vô ngã.⁴⁵⁶

Lại nữa, các sự tu này lược có hai thứ: tu thể gian và tu xuất thể gian.

Lại nữa, kệ tụng:

Tu quả phải nên biết

Ba bờ-đề, công đức

Y chỉ tánh chuyển y

Các việc làm thành tựu. (kệ 22)

[557b01] Do tu cái không nên chứng đắc diệu quả, nghĩa là y chỉ chuyển y mà chứng được ba bờ-đề⁴⁵⁷, được vô lượng công đức [tối thắng]: [Bốn vô lượng, tám giải thoát, tám thắng xứ, mười biến xứ,] vô tránh, nguyện trí, bốn vô ngại giải, sáu thần thông v.v..., và các việc làm thành tựu viên mãn, tức thành tựu viên mãn sự chuyển y cứu cánh⁴⁵⁸.

455 Hiển dương, quyển 12, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa: "Tự thể sai biệt: Tự thể của sắc có mười sắc xứ sai biệt; tự thể của thọ có ba thọ sai biệt; tự thể của tưởng có sáu tướng sai biệt; tự thể của hành có ba hành sai biệt; tự thể của thức có sáu thức sai biệt. Đại loại như vậy các tự thể sai biệt."

456 Thật tướng của các pháp thì không có ngã tánh, cũng không có vô ngã tánh.

457 Ba bờ-đề: Thanh văn bờ-đề, Độc giác bờ-đề và Phật bờ-đề.

458 Chuyển y cứu cánh là đại bờ-đề và đại niết-bàn. Chuyển y là chuyển bỏ 2 trọng chướng (phiền não chướng, sở tri chướng) mà chuyển được 2 đại quả (đại niết-bàn, đại bờ-đề). Chuyển y thì hoạch đắc nhất thiết chủng trí, tức tuệ giác biết tất cả: biết bản thể, hiện tượng, đạo pháp.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Sáu

Phẩm Bảy THÀNH VÔ TÁNH

[557b05] Trong phẩm Thành không, đã thành lập chúng sinh vô ngã, chẳng phải pháp vô ngã. Nay vì thành lập pháp vô ngã nên nói phẩm Thành vô tánh.

Kệ tụng:

Ba tự tánh nên biết

Đầu biến kế sở chấp

Tiếp y tha khởi tánh

Sau cùng viên thành thật. (kệ 1)

[557b09] Luận giải: Nên biết vô tánh không là tự tánh, cho nên trước nói nghĩa của ba tự tánh. Như vậy, vì hiển thị mật ý của ba thứ vô tánh mà nói ba tự tánh: tự tánh biến kế sở chấp, tự tánh y tha khởi và tự tánh viên thành thật.

Biến kế sở chấp là các pháp dựa vào ngôn thuyết⁴⁵⁹ làm nhân tố để rồi tự thể được chấp trước. Y tha khởi là các pháp dựa vào các nhân duyên mà sinh ra tự thể. Viên thành thật là các pháp chính là tự thể của chân như.

459 Trong luận Tam vô tánh, No.1617, ngài Chân Đế dịch là danh ngôn. (tr. 867b) Các pháp mà gọi là danh ngôn, là vì các pháp là những khái niệm. Khái niệm là danh ngôn. Danh ngôn có 2 loại: (1) chính khái niệm là biểu thị các pháp, nên gọi nó là danh ngôn hiển cảnh; (2) rồi ngôn ngữ văn tự truyền đạt danh ngôn hiển cảnh thì gọi là danh ngôn biểu nghĩa.



Kệ tụng:

Ba vô tánh nên biết

Không lia ba tự tánh

Do tướng vô, sinh vô

Và thắng nghĩa vô tánh. (kệ 2)

[557b17] Luận giải: Như vậy, nói ba thứ tự tánh chính là cho thấy ba vô tánh.

Ba vô tánh: 1. *Tướng vô tánh*: Chính là tự tánh biến kế sở chấp, vì sắc thái tự thể của tự tánh ấy thì không có; 2. *Sinh vô tánh*: Chính là tự tánh y tha khởi, vì tự tánh ấy được sinh bởi cái lực của duyên tổ, chứ không phải tự nhiên sinh; 3. *Thắng nghĩa vô tánh*: Chính là tự tánh viên thành thật, vì thể của tự tánh ấy là thắng nghĩa.⁴⁶⁰

Lại nữa, vì muốn nói đến vô tánh của các pháp mà [đức Phật mật ý] nói ba thứ tự tánh và ba sắc thái vô tự tánh.⁴⁶¹

Nay sẽ hiển thị sự thành lập đạo lý. Vì sao sắc thái tự thể của biến kế sở chấp hoàn toàn không có?

460 Kinh Giải thâm mật, phẩm Vô tự tánh tướng: “Thắng nghĩa sinh, hãy nhận thức rằng Như lai căn cứ ba vô tánh sau đây mà mật ý nói các pháp toàn không, ấy là tướng vô tánh, sinh vô tánh, thắng nghĩa vô tánh. Tướng vô tánh là thể nào, là chính biến kế chấp tánh của các pháp, tại sao, vì tánh ấy do giả danh thiết lập chứ không phải do tự tướng thiết lập, nên gọi là tướng vô tánh. Sinh vô tánh là thể nào, là chính y tha khởi tánh của các pháp, tại sao, vì do cái khác là duyên tổ mà có chứ không phải tự nhiên mà có, nên gọi là sinh vô tánh. Thắng nghĩa vô tánh là thể nào, là (một mặt), các pháp do sinh vô tánh mà nói là vô tánh, có nghĩa chính các pháp duyên sinh cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh, tại sao, vì nơi các pháp, nếu là thanh tịnh sở duyên thì Như lai nói là thắng nghĩa vô tánh, mà y tha khởi tánh không phải thanh tịnh sở duyên nên cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh. Thêm nữa, (một khác), viên thành thật tánh của các pháp cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh, tại sao, tại pháp vô ngã của tất cả các pháp thì gọi là thắng nghĩa, thắng nghĩa này cũng gọi là vô tánh, vì nó mới là thắng nghĩa của các pháp và do vô tánh hiển lộ, nên (viên thành thật tánh) gọi là thắng nghĩa vô tánh.” (tr. 694a13~b02, HT. Thích Trí Quang dịch)

461 Duy thức tam thập tụng, tụng thứ 23: Tức y thừ tam tánh, lập bỉ tam vô tánh, cố Phật mật ý thuyết, nhất thiết pháp vô tánh. (即依此三性, 立彼三無性, 故佛密意說, 一切法無性. Nương nơi ba tánh kia, lập ba vô tánh này, nên Phật mật ý nói, tất cả pháp vô tánh.)

Kệ tụng:

Năm sự không được nhiếp

Ngoài đây càng không có

Do danh với nghĩa chuyển

Hai luân phiên làm khách. (kệ 3)

[557b27] Luận giải: Tự tánh biến kế sở chấp luôn không có. Vì sao? Vì không được nhiếp trong năm sự; ngoài năm sự ấy càng không có gì. Những gì là năm? 1. Tướng; 2. Danh; 3. Phân biệt; 4. Chân như; 5. Chánh trí.⁴⁶²

Hỏi: Nếu biến kế chấp tướng⁴⁶³ không có tự thể, làm sao có thể khởi biến kế chấp?

Đáp: **Do danh với nghĩa chuyển**: theo giả danh với nghĩa mà các pháp lưu chuyển; người ngu thể gian chấp có sắc thái quyết định về danh và nghĩa, gọi là tự tánh chân thật.

Hỏi: Làm sao biết biến kế chấp là tà chấp?

Đáp: Vì **hai luân phiên làm khách**. Vì sao? Vì danh đối với nghĩa không có cái thể tương xứng, nên gọi danh là khách thể. Nghĩa cũng như danh, không có gì cả, nên nói nghĩa là khách thể. Làm sao biết?

Kệ tụng:

Trước có danh, không biết

Nhiều danh và bất định

Nơi hữu nghĩa, vô nghĩa

Chuyển, phi lý, nghĩa thành. (kệ 4)

462 Năm sự này nhiếp tất cả pháp. Xem Hiển dương, quyển 6, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, mục Năm pháp.

463 Tướng (sắc thái) cũng gọi là tánh (tánh cách).



[557c09] Luận giải: (1) Nếu tự thể của nghĩa mà có trước như danh, thì trước khi chưa có danh, sự hiểu biết về nghĩa đã phải có trước. (2) Lại nữa, vì danh có nhiều, một nghĩa phải có nhiều thứ tự thể. (3) Lại nữa, vì danh bất định, tự thể của nghĩa cũng phải bất định. Vì sao? Một danh này cũng có thể thiết lập thêm nghĩa nào khác nữa.

Lại nữa, danh này là do hữu nghĩa chuyển, hay là do vô nghĩa chuyển? (1) Nếu do hữu nghĩa chuyển, thì không đúng đạo lý, vì ở trên có nói ba nhân duyên. (2) Nếu do vô nghĩa chuyển, thì vì ở trên có nói danh và nghĩa làm khách thể của nhau mà đạo lý thành tự.

Lại nữa, nếu chấp nghĩa là thật có, nhờ danh mà hiểu rõ, như đèn soi chiếu sắc, là không đúng đạo lý. Vì sao?

Kệ tụng:

Vì thủ rồi lập danh

Chưa hiểu không thủ đắc

Như chúng sinh tà chấp

Tăng ích làm điên đảo. (kệ 5)

[557c20] Luận giải: Trước nắm bắt được nghĩa, sau mới lập danh; không phải chưa nắm bắt được nghĩa mà có thể lập danh tự. Đã thủ đắc nghĩa, còn phải hiểu rõ, là không đúng đạo lý.

Lại nữa, ngay nơi danh từ này, chưa hiểu danh từ khác thì không thể thủ đắc nghĩa. Ngọn đèn soi sáng sự vật thì không phải như vậy: không phải ngọn đèn này không thể soi sáng sự vật khi chưa có ngọn đèn khác.

Lại nữa, không nên chấp nghĩa khác, danh khác, vì chỉ dựa vào danh mà khởi chấp nghĩa. Thí như chỉ có tự tánh của các hành lưu



chuyển từ vô thủy, vì sức tập quen mà dị sinh đối với mình người tương tục nên khởi tà chấp chúng sinh⁴⁶⁴, như vậy ở trong đêm dài [sinh tử] tập quen ngôn ngữ diễn tả, huân tập nơi tâm. Do phương tiện ấy khởi vọng biến kế, chấp có các pháp. Tà chấp pháp này giống như tà chấp chúng sinh, vì tăng thêm vọng [biến kế] chấp mà biết là điên đảo.

Sự điên đảo như vậy, làm sao cùng với pháp tạp nhiễm triển chuyển sinh khởi?

Kệ tụng:

Do huân khởi y tha

Y tha sinh điên đảo

Như vậy duyên lẫn nhau

Triển chuyển sinh tương tục. (kệ 6)

[558a03] Luận giải: Do cái lực huân tập của điên đảo này⁴⁶⁵ mà về sau, nơi y tha quả⁴⁶⁶, tự tánh [các pháp] được sinh. Lại nữa, dựa vào quả ấy, thời gian sau lại sinh pháp chấp điên đảo. Như vậy hai pháp⁴⁶⁷ làm duyên cho nhau, vì vậy sinh tử triển chuyển tương tục không gián đoạn.

Đã nói sự thành lập đạo lý, nay sẽ hiển thị sự sai biệt của tự tánh biến kế sở chấp.

464 Hiền dương, quyển 16, phẩm Thành không: “Tà chấp chúng sinh: Đối với các uẩn, chấp có hữu tình, tác giả, thọ giả.”

465 Điên đảo của tà chấp chúng sinh và tà chấp pháp.

466 Y tha quả: quả do yếu tố, duyên tố mà có, nó từ chúng tử huân tập mà phát sinh, không cố định là nhiễm hay tịnh.

467 Hai pháp: (1) Chúng tử ngã kiến huân tập sinh y tha; (2) y tha sinh pháp chấp điên đảo.



Kệ tụng:

Tự tánh và sai biệt

Có giác ngộ, tùy miên

Gia hành, gọi biến kế

Lại nên biết năm thứ. (kệ 7)

[558a09] Luận giải: Do có sáu thứ biến kế sai biệt nên tự tánh biến kế sở chấp cũng có sáu thứ. Những gì gọi là sáu thứ biến kế:

1. *Biến kế tự tánh*: Biến kế sắc, v.v... thật có tự tướng.
 2. *Biến kế sai biệt*: Biến kế sắc, v.v... quyết định thật có hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, v.v... các tướng sai biệt.
 3. *Biến kế giác ngộ*: Thông thạo về danh từ, ngôn ngữ mà có biến kế.
 4. *Biến kế tùy miên*: Không thông thạo về danh từ, ngôn ngữ mà có biến kế.⁴⁶⁸
 5. *Biến kế gia hành*: Ở đây lại có năm thứ: (1) Gia hành tham ái; (2) Gia hành sân khuê; (3) Gia hành hợp hội; (4) Gia hành biệt ly; (5) Gia hành tùy xả.
 6. *Biến kế danh*: Ở đây lại có hai thứ: (1) Văn tự được khởi; (2) Phi văn tự được khởi.
- Phi văn tự được khởi*: Như có kế chấp: Đây là vật gì? Vì sao có vật này? Vật này là gì? Vật này làm sao?

468 Nhiếp đại thừa luận bản: "Biến kế lại có 4 thứ: một là biến kế về tự tánh, hai là biến kế về sai biệt, ba là biến kế rất rành (: hữu giác), bốn là biến kế không rành (: vô giác). Rất rành là biết rành danh từ, không rành là không rành danh từ. Do vậy mà biến kế còn có 5 thứ nữa: một là theo tên biến kế nghĩa, rằng cái tên như vậy thì có cái nghĩa như vậy; hai là theo nghĩa biến kế tên, rằng cái nghĩa như vậy thì có cái tên như vậy; ba là theo tên biến kế tên, tức biến kế những cái tên khác của cái tên mà mình chưa biết nghĩa; bốn là theo nghĩa biến kế nghĩa, tức biến kế những cái nghĩa khác của cái nghĩa mà mình chưa biết tên; năm là theo tên và nghĩa mà biến kế tên và nghĩa, tức biến kế danh như vậy và nghĩa như vậy thì thể tánh là như vậy." (No. 1594, tr. 139c11~c18, HT. Thích Trí Quang dịch)

Văn tự được khởi: Như có kế chấp: Đây là vật này? Vật này như vậy: hoặc sắc, cho đến thức, hoặc hữu vi, vô vi, hoặc thường, vô thường, hoặc thiện, bất thiện, vô ký, đại loại như vậy.

[558a23] Lại nữa, tự tánh biến kế sở chấp còn có năm thứ biến kế. Những gì là năm? 1. Theo danh biến kế tự tánh của nghĩa; 2. Theo nghĩa biến kế tự tánh của danh; 3. Theo danh biến kế tự tánh của danh; 4. Theo nghĩa biến kế tự tánh của nghĩa; 5. Theo danh và nghĩa biến kế tự tánh của danh và nghĩa.

Theo danh biến kế tự tánh của nghĩa: Như có biến kế: Vật này gọi là sắc, ắt phải có thể tánh chân thật của sắc. Vật này gọi là thọ, tưởng, hành, thức, ắt phải có thể tánh chân thật của thọ, tưởng, hành, thức.

Theo nghĩa biến kế tự tánh của danh: Như có biến kế: Vật này gọi là sắc, hay không gọi là sắc; vật này gọi là thọ, tưởng, hành, thức, hay không gọi là thọ, tưởng, hành, thức.

Theo danh biến kế tự tánh của danh: Như có biến kế: Không hiểu thể tánh của vật, chỉ biết các danh từ để phân biệt sắc; không hiểu thể tánh của vật, chỉ biết các danh từ để phân biệt thọ, tưởng, hành, thức.

Theo nghĩa biến kế tự tánh của nghĩa: Như có biến kế: Không biết tên gọi của sắc, chỉ biết căn cứ nơi thể tánh của sắc mà phân biệt các thứ; không biết tên gọi của thọ, tưởng, hành, thức, chỉ biết căn cứ nơi thể tánh của thọ, tưởng, hành, thức mà phân biệt các thứ.

Theo danh và nghĩa biến kế tự tánh của danh và nghĩa: Như có biến kế: Vật này là thể tánh của sắc, gọi đó là sắc; vật này là thể tánh của thọ, tưởng, hành, thức, gọi đó là thọ, tưởng, hành, thức.



Đã nói sự sai biệt của tự tánh biến kế sở chấp. Tự tánh biến kế chấp này do vọng phân biệt sinh ra. Sự phân biệt ấy có sai biệt, nay sẽ nói.

Kệ tụng:

Phân biệt có tám thứ

Năng sinh nơi ba sự

Thể phân biệt nên biết

Hai giới: tâm, tâm pháp. (kệ 8)

[558b14] Luận giải: Tám thứ phân biệt sinh khởi ba sự. Những gì là ba? 1. Sự phân biệt hý luận sở y và sở duyên; 2. Sự [tát-ca-da] kiến và ngã mạn; 3. Sự tham dục, sân khuê, ngu si, v.v...

[558b16] Tám thứ phân biệt:⁴⁶⁹

1. *Phân biệt tự tánh*: Nơi sự tưởng về sắc, thọ, v.v..., phân biệt sắc, thọ, v.v... có tự tánh.

2. *Phân biệt sai biệt*: Ngay nơi sự tưởng về sắc, thọ, v.v..., khởi các phân biệt: đây hữu sắc, đây vô sắc, đây hữu kiến, đây vô kiến, đây hữu đối, đây vô đối, [đây hữu lậu, đây vô lậu, đây hữu vi, đây vô vi,

469 Đây là 8 loại biến kế (phân biệt). Nhiếp đại thừa luận bản: “Thống nhiếp tất cả phân biệt thì đại lược có 10 thứ. Một là phân biệt căn bản, là a lại da. Hai là phân biệt đối cảnh, là sắc thức v/v. Ba là phân biệt biểu hiện, là nhân thức và thức của nhân thức v/v. Bốn là phân biệt đối cảnh biến đổi, là biến đổi vì giả v/v, vì cảm giác vui v/v, vì tham v/v, vì thời tiết làm cho tàn tạ v/v, vì những nẻo đường dữ như nại la ca v/v, vì những cõi như cõi Dục v/v. Năm là phân biệt biểu hiện biến đổi, tức những sự biến đổi của những sự biến đổi kể trên. Sáu là phân biệt người khác dẫn ra, tức nghe tà pháp với nghe chánh pháp khác nhau. Bảy là phân biệt không đúng lý, là sự phân biệt của ngoại đạo nghe tà pháp. Tám là phân biệt đúng lý, là sự phân biệt của những người ở trong chánh pháp nghe chánh pháp. Chín là phân biệt chấp trước, là những sự phân biệt thuộc loại tác ý không đúng lý, thích ứng với 62 tà kiến lấy ngã kiến làm gốc. Mười là phân biệt tán động, là 10 thứ phân biệt của bỏ tất: thứ 1 là tán động không tưởng, thứ 2 là tán động có tưởng, thứ 3 là tán động thêm lên, thứ 4 là tán động bớt đi, thứ 5 là tán động đồng nhất, thứ 6 là tán động biệt lập, thứ 7 là tán động tự tánh, thứ 8 là tán động sai biệt, thứ 9 là tán động lấy nghĩa theo tên, thứ 10 là tán động lấy tên theo nghĩa. Để đối trị 10 thứ tán động như vậy, các kinh của Bát nhã ba la mật đa đều nói đến trí vô phân biệt. Như vậy, cả 2 phần sở trị và năng trị đều thấu nhiếp đủ cả các nghĩa của Bát nhã ba la mật đa.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



đây thiện, đây bất thiện, đây vô ký, đây quá khứ, đây vị lai, đây hiện tại]; đại loại như vậy có vô lượng sai biệt, lấy sự phân biệt tự tánh làm chỗ dựa, phân biệt các thứ sai biệt của nghĩa.

3. *Phân biệt tổng chấp*: Ngay nơi sự tưởng về sắc, thọ, v.v..., lập ra ngã và hữu tình, mạng giả, sinh giả, v.v..., giả tưởng thiết lập, dẫn ra sự phân biệt. Do tích tụ nhiều pháp, tổng chấp chúng làm nhân tố để sự phân biệt chuyên động. Lại nữa, nơi sự tưởng về nhà cửa, quân lính, cây rừng, v.v... và nơi sự tưởng về sự ăn uống, áo quần, xe cộ, v.v..., giả tưởng thiết lập có nhà cửa, quân lính, v.v..., rồi dẫn đến sự tìm cầu, suy tư.

4. *Phân biệt ngã*: Nếu các sự [kiến xứ] là hữu lậu, hữu thủ⁴⁷⁰, trong thời gian dài lâu tập quen, dồn chứa ngã chấp; do tập quen tà chấp, lấy các sự kiến xứ⁴⁷¹ của mình làm duyên tố để khởi phân biệt hư vọng⁴⁷².

5. *Phân biệt ngã sở*: Nếu các sự kiến xứ là hữu lậu, hữu thủ, trong thời gian dài lâu tập quen, dồn chứa ngã sở chấp; do tập quen tà chấp, lấy các sự kiến xứ của mình làm duyên tố để khởi phân biệt hư vọng.

470 Hữu thủ 有取 (P: upadhi): sanh y, hay hữu y, tức sở y của tái sanh.

471 Trung bộ kinh, Kinh Ví dụ con rắn, số 22: “Này các Tỷ-kheo, có sáu kiến xứ. Thế nào là sáu? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu, không đi đến yết kiến các bậc Thánh, không thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, xem sắc pháp, xem cảm thọ, xem tưởng, xem các hành: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi’, xem cái gì được thấy, được nghe, được cảm xúc, được ý thức, được đạt tới, được tìm cầu, được ý suy tư: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi’, và bất cứ kiến xứ nào đều nói rằng: ‘Đây là thể giới, đây là tự ngã, sau khi chết, tôi sẽ thường còn, thường hằng, thường trú, không biến chuyển, tôi sẽ trú như thế này cho đến mãi mãi’, xem như vậy là: ‘Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi.’”

472 Luận Biện trung biên: “Sự phân biệt hư vọng chính là tâm và tâm sở hệ thuộc tam giới.” (tr. 465a17) Hư vọng chỉ cho cảnh tưởng mà ý thức phân biệt, biến kế ngã pháp, cảnh tưởng có mà có với sự thấy lầm.



6. *Phân biệt ái*: Phân biệt đối cảnh mà duyên với sự tịnh diệu và vừa ý.

7. *Phân biệt bất ái*: Phân biệt đối cảnh mà duyên với sự không tịnh diệu và không vừa ý.

8. *Phân biệt ái bất ái câu tương vi*: Phân biệt đối cảnh mà rời xa các sự duyên với tịnh và không tịnh diệu, vừa ý và không vừa ý.

[558c04] Như vậy lược nói có hai thứ: (1) Phân biệt tự thể; (2) Phân biệt sự sở y và sở duyên.

Ở đây, phân biệt tự tánh, phân biệt sai biệt và phân biệt tổng chấp, ba phân biệt này sinh ra *sự phân biệt hý luận sở y và sự phân biệt hý luận sở duyên*, nghĩa là sự tưởng về sắc, thọ, v.v... làm sở y và sở duyên, được nhiếp trong *danh, tướng, ngôn thuyết*⁴⁷³. Sự danh, tướng, ngôn thuyết được hiển lộ bởi sự phân biệt hý luận, tức nơi sự tưởng ấy phân biệt kể đạt vô lượng chủng loại, đa dạng sai biệt.

Ở đây, phân biệt ngã và phân biệt ngã sở, hai phân biệt này sinh ra *thân kiến*, bao gồm các kiến căn bản⁴⁷⁴ và các mạn căn bản⁴⁷⁵, và sinh ra *ngã mạn*, bao gồm các mạn căn bản.

473 Danh, tướng, ngôn thuyết 名想言說: Hiền dương, quyển 18, phẩm Nhiếp thắng quyết trạch: Nhân sai biệt, đó là 10 nhân, 4 duyên và 5 quả. Mười nhân: 1. Tùy thuyết nhân; 2. Quán đái nhân; 3. Khiên dẫn nhân; 4. Sinh khởi nhân; 5. Nhiếp thọ nhân; 6. Dẫn phát nhân; 7. Định biệt nhân; 8. Đồng sự nhân; 9. Tương vi nhân; 10. Bất tương vi nhân. Tùy thuyết, là ngôn ngữ quy ước được hình thành bởi sinh hoạt tập quán xã hội. Bồ tát địa tri kinh, quyển 3: "Danh của tất cả các pháp, tướng dẫn đầu bởi danh, và ngôn thuyết được dẫn đầu bởi tướng, đây là tùy thuyết nhân của các pháp ấy." (tr. 903a19) Du-già sư địa luận, quyển 38: "Pháp trong các giới hệ: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, được khái niệm đến, trước hết do danh dẫn khởi tướng; do tướng dẫn khởi ngữ, do ngữ mà tùy theo cái được thấy, được nghe, được cảm, được biết, mà ngôn thuyết được dẫn khởi. Do đó, y trên ngữ y xứ mà lập tùy thuyết nhân." (tr. 301b17~20)

474 Kiến căn bản: là 62 kiến chấp, như tât-ca-da kiến, đoạn kiến, vô nhân kiến, bất bình đẳng nhân kiến, thường kiến, ngã kiến, tà kiến, ác kiến.

475 Mạn căn bản: là 7 loại mạn: 1. Mạn; 2. Quá mạn; 3. Mạn quá mạn; 4. Ngã mạn; 5. Tăng thượng mạn; 6. Ty mạn; 7. Tà mạn.



Ở đây, phân biệt ái, phân biệt bất ái và phân biệt ái bất ái câu tương vi, theo chỗ tương ứng, sinh ra tham dục, sân khuể và ngu si.

Tóm lại, tám thứ phân biệt như vậy làm sinh khởi ba thứ sự này.

Nếu muốn nói sơ lược về thể tánh của sự phân biệt, đó là các tâm, tâm pháp ở ba cõi.

Lại nữa, kệ tụng:

Do hai phược trói buộc

Chấp chấp hai thứ tánh

Khi hai phược giải thoát

Chính vô đắc, vô kiến. (kệ 9)

[558c17] Luận giải: Như trước đã nói, khi khởi các phân biệt thì bị hai phược trói buộc, đó là tướng phược và thô trọng phược.⁴⁷⁶ Do hai phược này mà chấp hai tự tánh: tự tánh y tha khởi và tự tánh biến kể sở chấp. Cho nên khi giải thoát hai phược này rồi, thì đối với hai tự tánh không có thủ đắc gì cả và không có thấy gì cả. Vì sao? Do tự tánh biến kể sở chấp hoàn toàn không có, nên không thể thủ đắc; tự tánh y tha khởi dù là có nhưng không nắm giữ tướng, nên không có thấy gì cả.⁴⁷⁷

Như vậy là đã thành lập tự tánh biến kể sở chấp, vì muốn thành lập tự tánh y tha khởi nên sẽ nói sự thành lập đạo lý.

476 Xem Hiền dương, quyển 15, phẩm Thành không, nói 16 thứ không để đối trị các phược và các tướng. Các phược có 14 thứ tướng phược và thô trọng phược.

477 Tánh y tha của các pháp, chỉ cho các pháp hữu vi, do chủng tử nơi A-lại-da nhờ các trợ duyên mà hiện hành. Tánh biến kể chấp của các pháp thì vô thể, vì phân biệt hư vọng mà sự biểu hiện của các pháp thật không có. Tánh y tha của các pháp thì hữu thể, vì ở đâu và lúc nào cũng có (dù là giả có), bởi lẽ y tha mà không có thì không có gì nữa: tánh y tha mà không có thì tánh chân thật cũng không có.



Kệ tụng:

Giả có, nhân sở y

Nếu khác, hoại hai thứ

Tạp nhiễm mà có được

Nên biết y tha có. (kệ 10)

[558c27] Luận giải: Không nên tuyên bố: “*Các pháp chỉ là giả có.*” Vì sao? Pháp giả tất phải có nhân làm sở y, nên không thể không có vật thật để có thể quan niệm pháp giả. Nếu khác với nhận định trên, thì không có vật thật, cho nên pháp giả cũng không có, tức là hủy hoại cả hai pháp (: pháp giả và vật thật). Hai pháp mà hủy hoại, thì pháp tạp nhiễm phải không có. Do vì hiện tại có pháp tạp nhiễm, nên biết ắt có tự tánh y tha khởi.⁴⁷⁸

Lại nữa, tự tánh y tha khởi này có những sắc thái gì?

Kệ tụng:

Tướng, thô trọng làm thể

Chúng duyên sinh cho nhau

Chẳng phải tự nhiên có

Nên nói sinh vô tánh. (kệ 11)

478 Luận Thành duy thức: “Trong ba tính này, bao nhiêu giả? bao nhiêu thật? Biện kế sở chấp, do quy định lệch lạc nên có thể nói là giả. Nhưng vì nó không có thể tướng nên không phải giả cũng không phải thật. Y tha khởi tính có giả mà cũng có thật. Do tụ tập, do tiếp nối liên tục, và do tính phần vị, nên nói là giả hữu. Tâm, tâm sở, sắc, được sản sinh từ các duyên, nên nói là thật hữu. Nếu pháp thật không tồn tại, thì pháp giả cũng không, vì giả y trên thật mà thi thiết. Viên thành thật tính duy chỉ là thật hữu, vì được thi thiết mà không y nơi các duyên khác.” (Tuệ Sỹ dịch) A-lại-da là tự tánh y tha khởi. Tự tánh y tha khởi là tổng thể của tự tánh biến kế sở chấp và tự tánh viên thành thật của nhiễm pháp và tịnh pháp. Niếp đại thừa luận bản: “Sanh tử là phần tạp nhiễm nơi y tha, niết bàn là phần thanh tịnh nơi y tha, chỗ dựa của hai phần là y tha. Chuyển y là chính y tha khi nổi lên sự đối trị thì chuyển bỏ phần tạp nhiễm mà chuyển được phần thanh tịnh.” (HT. Thích Trí Quang dịch) Các nhân của phần tạp nhiễm là tự tánh biến kế sở chấp, phiền não và ác hạnh. Phần thanh tịnh là tự tánh viên thành thật, tức bản thể vốn thanh tịnh. Chỗ dựa của phần thanh tịnh là y tha nơi viên thành. Phần thanh tịnh hiển lộ gọi là thanh tịnh viên thành.

[559a06] Luận giải: Tự tánh y tha khởi này lấy tướng phược và thô trọng phược làm thể. Vì sao gọi là y tha khởi? Vì hai thứ phược này làm duyên cho nhau mà được sinh, nghĩa là tướng phược làm duyên sinh khởi thô trọng phược, thô trọng phược làm duyên sinh khởi tướng phược. Nếu nói vậy thì sao được gọi là sinh vô tánh? Vì [tự tánh y tha khởi] được sinh bởi cái lực của duyên tổ, chứ không phải tự nhiên mà có.

Lại nữa, tự tánh y tha khởi này xác định là có, hay xác định là không có?

Kệ tụng:

Không xác định có, không

Tất cả chúng đều nhận

Thông hai tánh: giả, thật

Thế tục nói là có. (kệ 12)

[559a14] Luận giải: Tự tánh y tha khởi không phải như sự thiết lập nên xác định là có, cũng không phải tất cả nên xác định là không có, vì vậy *tất cả chúng* chẳng phải có, chẳng phải không có. Tuy nhiên, phải đồng ý rằng tất cả chúng đều có thể ngôn thuyết, nghĩa là có, không có, cũng có, cũng không có; chẳng phải có, chẳng phải không có.

Hỏi: Tự tánh y tha khởi này là thật có, hay là giả có?

Đáp: Nên biết, tánh ấy thông cả giả có và thật có.⁴⁷⁹

479 Luận Thành duy thức: “Y tha khởi tính có giả mà cũng có thật. Do tụ tập, do tiếp nối liên tục, và do tính phần vị, nên nói là giả hữu. Tâm, tâm sở, sắc, được sản sinh từ các duyên, nên nói là thật hữu. Nếu pháp thật không tồn tại, thì pháp giả cũng không, vì giả y trên thật mà thi thiết.” Thuật ký: ba phạm trừ giả. 1. Tụ tập giả, như lu hũ các thứ, nhiều pháp tụ tập mà thành. 2. Tương tục giả, do nhân quả tiếp nối liên tục trong nhiều giai đoạn thời gian, tức như năm uẩn sinh diệt liên tục từng thành thật, tức bản thể vốn thanh tịnh. 3. Phần vị giả, như các bất tương ưng hành, một pháp được nhận thức tồn tại trong một thời điểm nhất định. (Tuệ Sỹ dịch giải)



Hỏi: Là do thể tục mà có, hay là do thắng nghĩa mà có?

Đáp: Nên biết, do thể tục nên nói tánh ấy là có.

Lại nữa, kệ tụng:

Nói ngã, pháp, tác dụng

Đều gọi là thể tục

Nên biết thắng nghĩa để

Gọi bảy thứ chân như. (kệ 13)

[559a23] Luận giải: *Thể tục để*: Là ngã, pháp và tác dụng, đã nói trong phẩm Nhiếp tịnh nghĩa.⁴⁸⁰

Thắng nghĩa để: Là bảy thứ chân như, đã nói trong phẩm Nhiếp sự.⁴⁸¹

Lại nữa, kệ tụng:

Tự tánh viên thành thật

Hai tối thắng trí nghĩa

Không có các hý luận

Rời xa tánh: nhất, dị. (kệ 14)

[559a28] Luận giải: Thắng nghĩa để ấy chính là tự tánh viên thành thật.⁴⁸²

Hỏi: Vì lý do gì bảy thứ chân như được gọi là thắng nghĩa để?

480 Hiền dương, quyển 5, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 1, [503a15]: “Ngã, pháp và tác dụng chính là thể tục để, và chúng tuy chẳng thật có, nhưng y theo thể tục nên nói có.”

481 Hiền dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, [493b10].

482 Luận Biện trung biên, phẩm Biện chân thật: “Thắng nghĩa để cũng có ba thứ: 1. Thắng nghĩa nghĩa, là chân như, tức cảnh giới của thắng trí, gọi là thắng nghĩa; 2. Thắng nghĩa chứng đắc, là niết bàn; niết bàn là thắng quả và nghĩa lợi; 3. Thắng nghĩa chánh hành, là Thánh đạo, vì lấy thắng pháp làm nghĩa. Nên biết, ba thắng nghĩa này được thiết lập dựa vào tánh viên thành thật trong ba chân thật căn bản.” (tr. 469b29)

Đáp: Vì là đối tượng của hai trí tối thắng, đó là trí xuất thế gian và trí hậu đắc thế gian⁴⁸³. Do thắng nghĩa để ấy không có hý luận nên không phải là đối cảnh của trí khác. Lại nữa, thắng nghĩa để ấy không có hý luận nên đối với pháp hữu tướng, rời tánh đồng nhất và tánh dị biệt. Vì sao? Vì chân như ấy đối với pháp hữu tướng thì không thể nói là dị biệt, cũng không phải không dị biệt.

Lại nữa, kệ tụng:

Sở duyên của thanh tịnh

Thường không có biến đổi

Tánh thiện và tánh lạc

Tất cả đều thành tựu. (kệ 15)

[559b07] Luận giải: Do thắng nghĩa để là tánh đồng nhất và tánh dị biệt, nên nó chính là tánh thanh tịnh sở duyên.⁴⁸⁴ Vì sao? Vì duyên với cảnh thanh tịnh mà có được tâm thanh tịnh. Nên biết thắng nghĩa để cũng là thường, vì ở trong tất cả thời gian không có biến đổi. Lại do là thanh tịnh sở duyên mà biết thắng nghĩa để là thiện.⁴⁸⁵ Vì là thường nên biết thắng nghĩa để là lạc.

483 Trí xuất thế gian là trí duyên chân như, thông đạt chân như, nên vô phân biệt (tức phần căn bản của trí vô phân biệt). Trí hậu đắc thế gian là trí duyên các đối tượng khác, tức duyên sự làm đối tượng (còn gọi là duyên sự trí), nên có phân biệt (tức phần hậu đắc của trí vô phân biệt). Luận Thành duy thức: “Bảy thật tính này được bao hàm trong viên thành thật, vì là đối tượng của hai trí căn bản và hậu đắc.” (Tuệ Sỹ dịch).

484 Luận Đại thừa Trang nghiêm Kinh, phẩm Tùy tu, tr. 623a03: “Kệ tụng: ‘Đã nói tâm tánh tịnh, Bị khách trần nhiễm ô, Không lìa tâm chân như, Riêng có tâm tánh tịnh.’ Giải thích: Thí như tánh chất của nước vốn là trong nhưng bị cấu bẩn bên ngoài làm cho nước đục. Cũng vậy, tâm tánh bản tịnh, khách trần làm tâm tánh nhiễm ô. Nghĩa này thành lập. Do nghĩa này mà nói, chẳng lìa tâm là chân như mà riêng có cái tâm nào khác, nghĩa là qua sắc thái y tha mà nói tự tánh thanh tịnh. Nơi đây nên biết, nói về tâm hay chân như thì đều gọi là Tâm. Nói cách khác, Tâm ấy là tự tánh thanh tịnh, Tâm ấy tức là a ma la thức.”

485 Nhiếp đại thừa luận bản: “Tại sao gọi là viên thành? Viên thành nghĩa là tánh không biến đổi, lại là đối tượng của tuệ giác thanh tịnh (: thanh tịnh sở duyên), là tối thắng của tất cả thiện pháp: vì cái nghĩa tối thắng này mà gọi là viên thành.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



Lại nữa, kệ tụng:

Thật thắng nghĩa vô tánh

Hý luận, ngã không có

Y tha không tướng ấy

Đó thắng nghĩa vô tánh. (kệ 16)

[559b14] Luận giải: Do *thắng nghĩa vô tánh* mà nói tự tánh viên thành thật là vô tánh. Vì sao? Vì không có tánh háy luận về ngã và pháp, nên tự tánh ấy chính là thắng nghĩa, cũng là vô tánh. Nói cách khác, tự tánh viên thành thật là thắng nghĩa, là tánh không có háy luận, nên nói là thắng nghĩa vô tánh.

Nên biết, tự tánh y tha khởi có tướng dị biệt nhưng cũng được thiết lập làm thắng nghĩa vô tánh. Vì sao? Vì không có *tánh thể tự hữu như là thắng nghĩa*.⁴⁸⁶

Lại nữa, như trước có nói năm thứ tướng: 1. Tướng sở thuyên; 2. Tướng năng thuyên; 3. Tướng tương thuộc của hai tướng trên; 4. Tướng chấp trước; 5. Tướng không chấp trước.⁴⁸⁷ Lại có ba tướng: 1. Tướng biến kế sở chấp; 2. Tướng y tha khởi; 3. Tướng viên thành thật.

Là năm tướng nhiếp ba tướng, hay là ba tướng nhiếp năm tướng?

486 Thắng nghĩa tánh là tánh thể vô tự tánh. Tự tánh y tha khởi được gọi là thắng nghĩa vô tánh, vì có 2 nghĩa: một là, tự thể của y tha không có tánh thắng nghĩa; hai là, y tha không có tánh tự nhiên sinh. Kinh Giải thâm mật, phẩm Vô tự tánh tướng: “Sinh vô tánh là thể nào, là chính y tha khởi tánh của các pháp, tại sao, vì do cái khác là duyên tổ mà có chứ không phải tự nhiên mà có, nên gọi là sinh vô tánh. Thắng nghĩa vô tánh là thể nào, là (một mặt), các pháp do sinh vô tánh mà nói là vô tánh, có nghĩa chính các pháp duyên sinh cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh, tại sao, vì nơi các pháp, nếu là thanh tịnh sở duyên thì Như lai nói là thắng nghĩa vô tánh, mà y tha khởi tánh không phải thanh tịnh sở duyên nên cũng gọi là thắng nghĩa vô tánh.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

487 Hiền dương, quyển 12, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8, [536c17].

Kệ tụng:

Nên biết dựa ba tướng

Kiến lập năm thứ tướng

Ba tướng theo thích ứng

Mỗi tướng có năm nghiệp. (kệ 17)

[559b25] Luận giải: Nên biết, dựa vào ba tự tướng mà kiến lập năm tướng. Vì sao? *Tướng sở thuyên* và *tướng năng thuyên* dựa vào ba tự tướng. *Tướng tương thuộc của hai tướng trên* dựa vào tướng biến kế sở chấp. *Tướng chấp trước* dựa vào tướng y tha khởi. *Tướng không chấp trước* dựa vào tướng viên thành thật.

Lại nữa, trong ba tự tướng, mỗi một tướng có năm nghiệp dụng, đã nói trong phẩm Nhiếp tịnh nghĩa.⁴⁸⁸

Lại nữa, ở phẩm Thành không nói đến sự ngăn chặn chúng sinh chấp. Nay ở phẩm Thành vô tánh này đề cập sự ngăn chặn pháp chấp. Hai thứ chấp này, cái nào đi theo? cái nào sinh khởi?

Kệ tụng:

Vì pháp chấp, người ngu

Khởi chúng sinh chấp kia

Kia trừ, ngộ pháp tánh

Ngộ pháp, ngã chấp đoạn. (kệ 18)

[559c04] Luận giải: Do pháp chấp mà người ngu thể gian khởi chúng sinh chấp. Trừ bỏ sự hiện khởi trói buộc của chúng sinh chấp thì giác ngộ thật tánh của các pháp. Giác ngộ pháp tánh thì pháp chấp

488 Hiền dương, quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, [508b12].



vĩnh đoạn. Khi pháp chấp đoạn thì cũng đoạn được tùy miên của chúng sinh chấp.⁴⁸⁹

Lại nữa, tánh nào chưa đoạn mà thành tạp nhiễm? Tánh nào đoạn diệt được thành thanh tịnh?

Kệ tụng:

Y tha chấp biến kế

Huân tập thành tạp nhiễm

Không chấp: viên thành thật

Huân tập thành thanh tịnh. (kệ 19)

Tạp nhiễm: tánh hữu lậu

Thanh tịnh: tánh vô lậu

Đây nên biết chuyển y

Bất tư nghị hai thứ. (kệ 20)

[559c12] Luận giải: Nơi tự tánh y tha khởi chấp trước tự tánh biến kế sở chấp, khởi sự huân tập thì thành tạp nhiễm. Nên biết, với tự

489 Bản thể của các pháp là giả hữu; mê nơi giả hữu nên sinh pháp chấp. Pháp chấp là bản thể căn bản, lại ở trên pháp chấp sinh khởi ngã chấp (nhân chấp, chúng sinh chấp). Có trường hợp chỉ còn pháp chấp mà không có ngã chấp, nhưng nếu còn ngã chấp thì ắt có pháp chấp. Khởi pháp chấp thì sinh sở tri chướng. Khởi ngã chấp thì sinh phiền não chướng.

Thành duy thức luận, quyển 2: "Các pháp chấp, tổng quát, có hai: câu sinh và phân biệt. 1. Pháp chấp câu sinh, kể từ vô thủy đến nay, do ảnh hưởng bởi nhân nội tại được huân tập một cách hư dối, luôn luôn cùng tồn tại với thân; không đợi tà giáo và tà phân biệt, vận chuyển một cách tự nhiên; vì vậy, nó được gọi là câu sinh. Câu sinh này lại có hai: (a) Thường tương tục, tại thức thứ bảy. Thức này duyên vào thức thứ tám mà khởi tướng của tự tâm rồi chấp là thực pháp. (b) Có gián đoạn, tại thức thứ sáu. Thức này duyên vào tướng của uẩn, xứ, giới, vốn là những biến thái của thức; hoặc đặc biệt khởi tướng của tự tâm, rồi chấp là thực pháp. Hai loại pháp chấp này, vì tế nên khó đoạn trừ. Về sau, trong Mười địa, trải nhiều lần tu tập quán pháp không đặc biệt mới có thể trừ diệt. 2. Pháp chấp phân biệt cũng do ảnh hưởng của duyên ngoại tại trong hiện tại, không cùng tồn tại với thân, cần chịu ảnh hưởng của tà giáo và tà phân biệt sau đó mới khởi; vì vậy nói là phân biệt. Nó chỉ tồn tại trong ý thức thứ sáu. Loại pháp chấp này cũng có hai: (a) Duyên và uẩn, xứ, giới được thuyết bởi tà giáo rồi khởi tướng của tự tâm, phân biệt suy diễn, chấp đó là thực pháp. (b) Duyên vào đặc tính của tự tánh v.v. được thuyết bởi tà giáo rồi khởi tướng của tự tâm, phân biệt suy diễn, chấp đó là thực pháp. Hai loại pháp chấp này vì thô nên dễ bị đoạn trừ. Khi nhập sơ địa, quán chân như của pháp không của hết thấy pháp tức thì có thể trừ diệt nó." (Tuệ Sỹ dịch)



tánh viên thành thật, vì không có chấp trước [tự tánh biến kế sở chấp], khởi sự huân tập thì thành thanh tịnh.⁴⁹⁰ Tạp nhiễm chính là tánh hữu lậu. Thanh tịnh chính là tánh vô lậu. Tánh vô lậu ấy chính là sắc thái chuyển y.

Lại nữa, sắc thái chuyển y ấy thì bất khả tư nghị, và có hai thứ chuyển y.

Thế nào là bất khả tư nghị?

Kệ tụng:

Chân thật và tự thể

Tịch tĩnh và công đức

Tất cả bất tư nghị

Là do bốn đạo lý. (kệ 21)

[559c19] Luận giải: Sắc thái bất khả tư nghị của chuyển y là do bốn đạo lý: 1. Do chân thật, là vì thường trú; 2. Do tự thể, là chẳng phải hữu sắc, chẳng phải vô sắc, v.v...; 3. Do tịch tĩnh, là an trú tịch tĩnh; 4. Do công đức, là chuyển y ấy có uy đức.

Lại nữa, sắc thái bất khả tư nghị của chuyển y ấy là do bốn thứ đạo lý mới chứng được, đó là bốn thứ chánh hành⁴⁹¹, bốn thứ tầm tư⁴⁹², bốn như thật trí⁴⁹³, bốn thứ cảnh sự.

490 Y tha là các pháp do nhân duyên mà có, dù là có một cách tương đối, nên có sinh có diệt. Nơi y tha mà thấy ngã, thấy pháp thì đó là biến kế, có mà chỉ có với vọng chấp. Nơi y tha mà ngã pháp biến kế không còn là viên thành, có mà là có với tuệ giác.

491 Bốn thứ chánh hành của quy thú: 1. Thân cận bậc thiện nhân; 2. Lắng nghe chánh pháp; 3. Như lý tác ý; 4. Thực hành pháp và tùy pháp. Lại có bốn thứ chánh hành: 1. Khéo nhiếp các căn khiến không trạo động; 2. Thọ chánh học xứ; 3. Bị mẫn chúng sinh; 4. Thời gian thích ứng như pháp cúng dường Tam bảo. Xem quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, mục Kiến lập quy y.

492 Bốn thứ tầm tư: 1. Tầm tư danh; 2. Tầm tư sự; 3. Tầm tư tự thể giả lập; 4. Tầm tư sai biệt giả lập. Xem quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, [507c14].

493 Bốn như thật trí: 1. Như thật trí do tầm tư danh dẫn ra; 2. Như thật trí do tầm tư sự dẫn ra; 3. Như



Bốn thứ cảnh sự là: 1. Cảnh biến mãn; 2. Cảnh tịnh hành; 3. Cảnh thiện xảo; 4. Cảnh tịnh hoặc.

(1) *Cảnh biến mãn* lại có bốn thứ: 1. Ảnh tượng có phân biệt; 2. Ảnh tượng không phân biệt; 3. Sự cứu cánh; 4. Sở tác thành tựu.⁴⁹⁴

Ảnh tượng có phân biệt: Đồng phân với cái nghĩa (: sự) đã biết là ẩn tượng của tỳ-bát-xá-na, cảnh giới của tam-ma-địa, [do tác ý thắng giải].

Ảnh tượng không phân biệt: Đồng phân với cái nghĩa đã biết là ẩn tượng của xa-ma-tha, cảnh giới của tam-ma-địa, [do tác ý chân thật].

thật trí do tầm tư tự thể giả lập dẫn ra; 4. Như thật trí do tầm tư sai biệt giả lập dẫn ra. Xem quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, [507c23].

494 Kinh Giải thâm mật, phẩm Phân biệt Du-già: “Đại bồ tát Từ thị thừa Phật: bạch đức Thế Tôn, Bồ tát do nỗ lực tu hành chỉ quán mà chứng đắc vô thượng bồ-đề là thế nào? Đức Thế Tôn dạy đại bồ tát Từ thị: hiện nam tử, nếu Bồ tát đã được chỉ quán bằng cách căn cứ bảy chân như, đứng như cái pháp đã nghe và đã nghĩ, do tâm trí của chánh định siêu việt mà bên trong tự chánh tư duy về tánh chân như đã khéo thâm định khéo tư lượng và khéo thiết lập, thì vì chánh tư duy chân như nên đối với sự hiện hành của tế tướng tâm trí còn bỏ được, hướng chi đối với sự hiện hành của thô tướng. Tế tướng là ẩn tượng chấp thọ, lãnh nạp, liễu biệt và nhiếp tịnh, là ẩn tượng pháp trong, pháp ngoài và trong ngoài, là ẩn tượng cho rằng mình làm mọi sự lợi ích chúng sinh, là ẩn tượng chánh trí, chân như, là ẩn tượng khổ tập diệt đạo, là ẩn tượng hữu vi, vô vi, là ẩn tượng hữu vi thường, vô thường, là ẩn tượng khổ có biến dị, khổ không biến dị, là ẩn tượng hữu vi đa dạng, hữu vi đồng nhất, là ẩn tượng tất cả được có bờ biết tất cả là tất cả, là ẩn tượng nhân vô ngã, pháp vô ngã, mọi ẩn tượng như vậy tâm trí Bồ tát loại bỏ được cả. Bồ tát ở nhiều trong sự tu hành như thế này nên lúc cũng khéo sửa trị tâm trí của mình trong mọi sự ràng buộc, ngăn che và xao động. Từ đó về sau, đối với bảy chân như có bảy cái trí thông suốt, tự chứng bên trong, được riêng biệt sinh ra, và gọi là Kiến đạo vị. Do được như vậy nên gọi là vị nhập vào chánh tánh ly sanh của Bồ tát, vị sinh vào nhà Như lai, vị chứng đắc Bồ tát địa đầu tiên, vị hưởng dụng mọi thành quả siêu việt của Bồ tát địa này. Bồ tát như vậy, trước đây được chỉ quán bằng cách được đối tượng có phân biệt và đối tượng không phân biệt, nay được Kiến đạo vị là được thêm đối tượng biên tế các pháp (= sự cứu cánh). Rồi các giai đoạn liên tiếp về sau, trong tất cả Bồ tát địa còn lại, thì tiến tu Tu đạo vị, bằng cách tác ý tư duy cả ba đối tượng nói trên. Tựa như có kẻ lấy chốt nhỏ đẩy chốt to ra, vị Bồ tát này, với cách lấy chốt tháo chốt mà trừ khử mọi ẩn tượng có từ bên trong, nên bao nhiêu cái tướng thuộc loại tạp nhiễm đều trừ khử cả, và tướng phược được trừ khử nên trọng phược cũng trừ khử. Vì vấp vểnh hại được tướng phược và trọng phược nên tuần tự trong các Bồ tát địa về sau, vị Bồ tát này y như cách luyện vàng mà luyện tâm mình, cho đến chứng được vô thượng bồ-đề, nghĩa là chứng được đối tượng sở tác thành tựu. Thiện nam tử, như thế đó gọi là Bồ tát từ bên trong tu hành chính xác về chỉ quán nên chứng được vô thượng bồ-đề.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



Sự cứu cánh: Là tánh tận sở hữu và tánh như sở hữu.

Sở tác thành tựu: Là chuyển y, và đi theo đây là trí vô phân biệt.⁴⁹⁵

(2) *Cảnh tịnh hành* có năm thứ: 1. Bất tịnh; 2. Từ bi; 3. Duyên khởi; 4. Giới sai biệt; 5. Nhập xuất tức niệm⁴⁹⁶.

(3) *Cảnh thiện xảo* có năm thứ: 1. Thiện xảo uẩn; 2. Thiện xảo giới; 3. Thiện xảo xứ; 4. Thiện xảo duyên khởi; 5. Thiện xảo xứ phi xứ.

(4) *Cảnh tịnh hoặc*: 1. Thế gian đạo: (a) Thô tánh ở hạ địa; (b) Tịnh tánh ở thượng địa; 2. Xuất thế gian đạo: Có bốn Thánh đế: khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế.

Lại nữa, trước có nói hai thứ chuyển y. Những gì là hai? Sai biệt có Thanh văn chuyển y và Bồ-tát chuyển y.

Kệ tụng:

Thanh văn có hai thứ

Tịch tĩnh, hướng bồ-đề

Y chỉ thân biến hóa

***Đến Vô thượng chánh giác.* (kệ 22)**

Các Thanh văn chuyển y

Được nhờ tu yếm ly

Bồ-tát tu phương tiện

***Y chỉ trí không hai.* (kệ 23)**

495 Sở tác thành tựu: đối tượng mà việc làm đã hoàn thành. Chuyển y là chuyển căn bản y (do đệ bát thức): chuyển bỏ phiền não chướng và sở tri chướng mà chuyển được đại bồ-đề và đại niết bàn, nên chuyển y gọi là sở tác thành tựu. Được chuyển y rồi thì đối tượng không còn điên đảo. Đối tượng ấy chính là đệ bát thức đã vô lậu (chân như xuất triển).

496 Nhập xuất tức niệm là niệm thờ ra thờ vào, hay quán niệm hơi thở. Trung bộ kinh, kinh Nhập tức xuất tức niệm, số 118, đức Phật dạy quán niệm hơi thở được tu tập sung mãn khiến bốn niệm xứ được viên mãn; bốn niệm xứ được tu tập sung mãn khiến bảy giác chi được viên mãn; bảy giác chi được tu tập sung mãn khiến minh giải thoát được viên mãn.



Vì không trú sinh diệt

Chư Phật trí vô thượng

Lợi lạc các hữu tình

Bất tự nghị, không hai. (kệ 24)

[560a15] Luận giải: Chuyển y của Thanh văn có hai thứ: 1. Đi đến tịch diệt; 2. Đi đến bồ-đề.⁴⁹⁷

Hỏi: Hàng vô học Thanh văn vĩnh đoạn thân hậu hữu, làm thế nào chứng được A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề?

Đáp: Dựa vào cái thân biến hóa mà an trú thì chứng được bồ-đề, không phải cái thân nghiệp báo.

Lại nữa, chuyển y của Thanh văn có được là do lấy sự tu ngược dòng lưu chuyển. Chuyển y của Bồ-tát có được là do lấy sự tu phương tiện và lấy *trí không hai*⁴⁹⁸ làm y chỉ.

Thế nào là sự tu phương tiện? Là thông suốt pháp tánh bằng sự không gián cách⁴⁹⁹, vì các pháp là cảnh sở duyên lớn lao; là phát khởi

497 Đi đến tịch diệt là vĩnh đoạn thân hậu hữu. Đi đến [Thanh văn] bồ-đề là an trú nơi cái thân biến hóa thì chứng được bồ-đề.

498 Vô nhị = bất nhị; Nghĩa đen là không hai. Hai là chỉ cho khái niệm đối diện và đối lập lẫn nhau. Khái niệm như vậy là hiện thân của sự thác loạn. Vô nhị là tự siêu việt lấy nó, là pháp tánh phi hữu vi, phi vô vi. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Chân thật: “Vô nhị nghĩa là đệ nhất nghĩa. Năm sắc thái vô nhị được trình bày như sau: (1) Chẳng có, là sự biểu hiện của hai tánh phân biệt và y tha thì không phải thật có, nên nói là không. Chẳng không, là tánh chân thật biểu hiện thì thật có, nên nói là có. (2) Chẳng một, là hai tánh phân biệt và y tha không cùng một thật thể (với tánh chân thật). Chẳng khác, là hai tánh ấy cũng không phải khác thể (với tánh chân thật). (3) Chẳng sanh, chẳng diệt, là vì (chân như thì) vô vi. (4) Chẳng thêm, chẳng bớt, là hai phần tạp nhiễm và thanh tịnh khi sanh khởi hay khi đoạn diệt thì pháp giới các pháp vẫn an trú đúng như vậy. (5) Chẳng sạch, là tự tánh (chân như) vốn vô nhiễm nên chẳng cần tu tập cho thanh tịnh. Chẳng không sạch, là khách trần (phiền não) đã bỏ đi. Đây là năm sắc thái vô nhị, chính là sắc thái đệ nhất nghĩa, cần phải biết.” (tr. 598b24) Tánh phân biệt là tánh biến kể sở chấp. Tánh chân thật là tánh viên thành thật.

499 Câu xá luận: “Từ thế đệ nhất, trực tiếp không gián cách, duyên đến đối tượng là khổ Thánh đế thuộc Dục giới, pháp trí nhân vô lậu phát sinh. Nhân này được gọi là khổ pháp trí nhân (sự nhân khả của trí hiện thực trong sự khổ). Tiếp theo ngay sau nhân, không gián cách, nhận thức hiện thực về khổ Dục giới phát sinh, gọi là khổ pháp trí. Trong đó, nhân được gọi là vô gián đạo, không có gì cản trở để loại trừ phiền não liên hệ. Trí được nói là giải thoát đạo, đã thoát ly hệ phược sau khi đoạn trừ



cần tinh tiến tối thắng, vì đoái thương các hữu tình, vì thấu rõ các hành [vô thường, khổ, không, vô ngã].

Thế nào là trí không hai làm y chỉ? Là không trú lưu chuyển và không trú tịch diệt⁵⁰⁰, vì không quan tâm lưu chuyển, chỉ đoái hoài các hữu tình. Do nhân duyên này, nên biết, trí của Phật là tối thắng, vô thượng. Vì sao? Vì trí khác của hữu tình, hoặc trú lưu chuyển, hoặc trú tịch diệt, cho nên không phải vô thượng.

Lại nữa, trí của chư Phật làm lợi ích an lạc cho tất cả hữu tình, vì khéo thành mãn sự lợi ích mình người, nên là tối thắng, vô thượng. Trí khác của hữu tình, hoặc chỉ lợi mình, hoặc không lợi ích mình người, nên không phải vô thượng. Vì lý do đó, trí tuệ của chư Phật là bất khả tự nghị, vì không trú hai bên [lưu chuyển và tịch diệt] mà làm được tất cả việc lợi ích cho chúng sinh; lại vì không có hai: niết bàn và không niết bàn, v.v..., toàn do đặc tánh không hai [của trí ấy].

phiền não liên hệ. Bốn Thánh đế Dục giới với 1 nhãn, 1 trí. Sau đó duyên lên thượng giới, loại suy khổ Thánh đế trên đó, phát sinh loại trí và nhân về khổ. Liên tiếp như vậy 16 sát-na, gọi là 16 sát-na hiện quán Thánh đế, tức thể nghiệm và chứng nghiệm Thánh đế.” (Thích Tuệ Sỹ dịch, tr. 121a29)

500 Niết bàn vô trú là chuyển y của bồ tát. Niết bàn vô trú xử là bồ tạp nhiễm mà không bỏ sinh tử, nên không trú nơi sinh tử mà cũng không trú nơi niết bàn. Bồ tát chứng đắc cái trí bình đẳng nên chứng được sinh tử tức niết bàn. “Do vậy, đối với sinh tử không phải xả bỏ không phải không xả bỏ, cũng tức là đối với niết bàn không phải chứng đắc không phải không chứng đắc.” Bồ tát chuyển y bằng 6 trạng thái: “Một là chuyển bằng sự bớt sức mạnh thêm khả năng, là do thắng giải lực sống trong đa văn huân tập, lại do có sự hỗ trợ, nên làm cho phiền não chỉ hiện hành một phần ít, còn một phần không hiện hành. Hai là chuyển bằng sự thông đạt, là các vị bồ tát đã nhập đại địa, (từ địa đầu tiên) đến địa thứ sáu, trước mắt chân thật thì hiển hiện, phi chân thật thì không hiển hiện. Ba là chuyển bằng sự tu tập, là (từ địa thứ bảy) đến địa thứ mười, còn có chướng ngại, hữu tướng không hiển hiện mà chân thật thì hiển hiện. Bốn là chuyển bằng sự viên mãn, là vĩnh viễn không còn chướng ngại, hữu tướng không hiển hiện, chân thật tối thanh tịnh thì hiển hiện, đã được tự tại đối với hữu tướng. Năm là chuyển một cách thấp kém, là các vị thanh văn chỉ thông đạt được nhân không vô ngã, một bề chống sinh tử, một bề bỏ sinh tử. Sáu là chuyển một cách rộng lớn, là các vị bồ tát thông đạt cả pháp không vô ngã, chính nơi sinh tử mà thấy là thanh tịnh, đầu đoạn tạp nhiễm mà không bỏ sinh tử.” (Niếp đại thừa luận bản, HT. Thích Trí Quang dịch)



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Sáu

Phẩm Tám

THÀNH HIỆN QUÁN (Phần 1)

[560b03] Luận giải: Như vậy đã chánh cần thấu rõ vô thường, khổ, không, vô ngã. Muốn quán sát gì?

Kệ tụng:

Nên biết hiện sở quán

Hạ, trung, thượng phẩm sự

Hữu lậu và vô lậu

Chưa thấy, chưa thọ, biến. (kệ 1)

[560b07] Luận giải: Đối tượng hiện quán sát là những *sự sở tri* của hạ, trung, thượng phẩm hệ thuộc ba cõi: Dục, Sắc và Vô sắc.⁵⁰¹

Hữu lậu: Là những nghĩa thuộc khổ đế và tập đế.

Vô lậu: Là những nghĩa tăng thượng thuộc diệt đế và đạo đế.

Chưa thấy: Là nhiếp trong bốn đế.

501 Sở quán là sự tam giới. Năng quán là trí xuất thế. Kinh Giải thâm mật dạy sự tu tập chỉ quán dựa vào pháp, trong đó có pháp riêng biệt (tự tướng), pháp tổng quát (tổng tướng); trong pháp tổng quát còn có nhỏ, có lớn và có vô lượng. Ngoài ra, sự biết về nghĩa của các pháp được trình bày qua 10 sự, 5 sự, 4 sự, 3 sự. Mười sự là: biết tánh tận sở hữu, biết tánh như sở hữu, biết nghĩa năng thủ, biết nghĩa sở thủ, biết nghĩa dụng nên, biết nghĩa hưởng dụng, biết nghĩa đảo ngược, biết nghĩa không ngược, biết nghĩa tạp nhiễm và biết nghĩa thanh tịnh. Năm sự là: sự biến tri, nghĩa biến tri, nhân biến tri, quả biến tri và biết sự ấy. Bốn sự là: chấp thọ, lãnh nạp, liễu biệt và nhiếp tịnh. Ba sự là: văn, nghĩa và giới. Hiểu rộng thì xin xem kinh Giải thâm mật, phẩm Phân biệt Du-già.



Chưa thọ: Là nhiếp trong diệt đế và đạo đế.

Biến khắp: Là cảnh giới của *pháp trí* và *chủng loại trí*⁵⁰² hoạt động dù là hiện thấy hay không hiện thấy [Thánh đế].

Lại nữa, vì sao hiện quán?

Kệ tụng:

Xuất thế gian thắng trí

Năng trừ kiến sở đoạn

Chứng đắc vô phân biệt

Duy y chỉ tĩnh lực. (kệ 2)

[560b14] Luận giải: Trí xuất thế gian có khả năng tu hiện quán, không phải trí thế gian, bởi vì đoạn trừ *kiến sở đoạn hoặc*⁵⁰³ chỉ ở kiến đạo, không phải ở tu đạo.

Hỏi: Hiện quán có hành nào?

Đáp: *Chứng được vô phân biệt*, nghĩa là hiện tiền chứng được *hành vô phân biệt*, không phải chưa hiện chứng.

502 Pháp trí là trí biết rõ trực tiếp chân lý của các pháp Tứ đế và có khả năng dứt sạch mọi phiền não do mê lý Tứ đế ngay ở cõi Dục khởi lên. Loại trí hay chủng loại trí là trí cùng loại tương tự với Pháp trí, có khả năng biết lý Tứ đế của hai cõi trên ngang qua lý Tứ đế của cõi Dục, hoặc nói cách khác là biết lý Tứ đế của hai cõi trên theo cách loại suy với trí biết lý Tứ đế của cõi Dục, do đó có khả năng dứt mọi phiền não do mê lý Tứ đế của hai cõi trên khởi lên.

503 Kiến sở đoạn hoặc 見所斷惑: Cũng gọi là kiến đạo sở đoạn, kiến sở đoạn, kiến đạo. Những phiền não phải đoạn ở giai vị Kiến đạo. Một trong tam đoạn: kiến sở đoạn, tu sở đoạn và phi sở đoạn. Cứ theo luận Câu xá, quyển 2, quyển 19 và Câu xá luận quang ký, quyển 2, thì 88 tùy miên và pháp tương ứng của chúng, cùng với 4 tướng, v.v... đều là Kiến sở đoạn. Nhưng trong 15 tâm Kiến đạo, tùy theo thứ tự thấy lý Tứ đế khác nhau mà chỗ đoạn trừ có bất đồng, tức thấy lý Khổ đế mà đoạn, gọi là Kiến khổ sở đoạn; thấy lý Tập đế mà đoạn, gọi là Kiến tập sở đoạn; thấy lý Diệt đế mà đoạn, gọi là Kiến diệt sở đoạn; thấy lý Đạo đế mà đoạn, gọi là Kiến đạo sở đoạn. Tông Duy thức chia Tùy miên làm 2 loại là: Phân biệt khởi và Câu sinh khởi; Kiến đạo sở đoạn thuộc về Phân biệt khởi. Cứ theo luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp tập, quyển 4, thì Kiến, Nghi, Kiến xứ, Nghi xứ nhiếp ô do chỗ phân biệt mà khởi, cho đến thân, ngữ, ý nghiệp do các Kiến phát sinh, cùng với Uẩn, Giới, Xứ của tất cả đường ác đều thuộc về Kiến sở đoạn. Nghĩa này hơi khác với nghĩa được nói trong luận Câu xá. Ngoài ra, tông Câu xá cho các hoặc (phiền não) Kiến sở đoạn là 88 sự (tùy miên), còn tông Duy thức thì nói Kiến hoặc có 112 loại. [Tự điển Phật Quang]



Hỏi: Hiện quán y chỉ gì?

Đáp: *Duy y chỉ tĩnh lự ở Sắc giới*, không y chỉ bốn Vô sắc định.⁵⁰⁴

Lại nữa, hiện quán ở chỗ nào?

Kệ tụng:

Rất buồn, chẳng ác thú

Rất vui, chẳng hai trên

Người trời sống cõi Dục

Phật xuất thế hiện quán. (kệ 3)

[560b21] Luận giải: Ở trong ác thú không khởi được hiện quán, vì khổ thọ luôn có mặt, rất đau buồn, không thể chứng được tam-ma-địa. Ở Sắc giới và Vô sắc giới cũng không có hiện quán, vì sự ham thích giảm sút, sự nhàm chán ít ỏi. Tóm lại, [chúng sinh ở] hai giới và ba thú (địa ngục, quỷ thú, bàng sinh) không khởi được hiện quán. Chỉ có [chúng sinh ở] hai thú trời và người ở Dục giới, nơi có đức Phật xuất thế, mới khởi được hiện quán.

Lại nữa, ai có thể hiện quán?

Kệ tụng:

Chưa ly dục, bội ly

Và người đã ly dục

Độc nhất, chứng chánh giác

Tối thắng ngã được sinh. (kệ 4)

504 Du-già sự địa luận, quyển 69: “Duy chỉ vào các tĩnh lự và cận phần vị chí định của sơ tĩnh lự mà vào Thánh để hiện quán, chứ không y trên các Vô sắc định. Vì trong Vô sắc định xa-ma-tha mạnh nhưng tỷ-bát-xá-na yếu. Tỷ-bát-xá-na yếu thì không thể vào Thánh để hiện quán.” (tr. 682b27)



[560b28] Luận giải: Có năm loại bồ-đặc-già-la có thể nhập hiện quán, hay không nhập hiện quán vì [đã thấu rõ thắng nghĩa] vô ngã. Những gì là năm? 1. Người chưa ly dục; 2. Người bội ly dục; 3. Người đã ly dục; 4. Độc giác; 5. Bồ-tát.

Vì sao chỉ có tâm có thể nhập hiện quán, chứ không phải ngã có thể nhập hiện quán?

Kệ tụng:

Phi ngã làm trí nhân

Cũng không tự thủ cảnh

Ngã không tự hiện quán

Vì chấp ái tự ngã. (kệ 5)

Vô thường có cảnh giới

Đội duyên, trí sinh khởi

Đoạn ba: thô trọng, v.v...

Nên y tâm hiện quán. (kệ 6)

[560c07] Luận giải: Nếu chấp có cái ngã đi vào hiện quán, là không đúng đạo lý. Vì sao? Vì ngã làm nhân của trí là không hợp lý. Nếu rời trí thì tự nhiên không thể thủ cảnh giới. Vì sao? Nếu ngã có thể làm nhân của trí, tức ngã là vô thường, hoặc trí phải là thường hiện hữu. Nếu ngã tự nó có thể thủ cảnh giới thì trước khi trí chưa sinh cũng phải thủ cảnh giới.

Lại nữa, chấp có cái ngã đi vào hiện quán, ngã ấy cũng phải tự quán ngã tánh. Nếu như vậy thì phải không có giải thoát, vì [hiện quán mà] duyên với chấp ngã và khởi ái. Vì sao? Không có cái ngã để vin bám và tồn tại thì không sinh khởi ngã chấp và ngã ái.



Nếu nói dựa vào tâm để đi vào hiện quán, là có đạo lý. Vì sao? Tâm là vô thường, có đối cảnh và đợi duyên tố thì có thể sinh trí. Lại nữa, dựa vào tâm, hoặc thô trọng, hoặc ngã chấp, và cùng ngã ái đều có thể đoạn diệt. Vì sao? Vì tâm vô thường, làm nhân sinh trí; vì có đối cảnh, tâm cùng trí đồng thời thủ cảnh giới; vì đợi các duyên nên trí không thường hiện hữu.

Lại nữa, tâm là chỗ dựa của thô trọng. Vì tánh chất ly ngã [của tâm], nếu chứng *biến trí* liền có thể rời xa thô trọng mà sinh [hiện quán], vĩnh viễn trừ diệt ngã chấp và ngã ái.

Đi vào hiện quán, thứ đệ thế nào?

Kệ tụng:

Đã thành thực tương tục

Hoặc lắng nghe chánh pháp

Tự nhiên, cực như lý

Tác ý mà hiện quán. (kệ 7)

Buộc niệm nơi sở duyên

Tinh cần, tu tĩnh định

Tăng thượng, thiện căn lực

Chứng Thánh giác đạo phần. (kệ 8)

[560c26] Luận giải: Người tu hiện quán trước phải tự thành thực sự tương tục, sau đó, hoặc lại lắng nghe chánh pháp, gọi là Thanh văn thừa; hoặc lại tự nhiên, gọi là Bồ-tát và Độc giác; [tất cả] nơi tự nội tâm tác ý cực thiện mà có thể đi vào hiện quán.

Tiếp theo, *buộc niệm nơi sở duyên* bằng bốn niệm trú; *tinh cần* bằng bốn chánh đoạn; *tu tĩnh định* bằng bốn thần túc; *thiện căn tăng*



thượng, là trước chứng được tư lương tăng thượng: tín, tiến, niệm, v.v...; *sức thiện căn ấy* đối trị được các chướng: bất tín, giải đãi, phóng dật, v.v..., không cho xen tạp [nơi nội tâm]; *chứng Thánh giác phần*, là dựa vào sức thiện căn ấy mà chứng biến giác chi; và *chứng Thánh đạo phần*, là chứng tám Thánh đạo chi. Như vậy là thứ đệ vào được hiện quán.

Lại nữa, ngang đâu nên nói là chánh nhập hiện quán?

Kệ tụng:

Từ đó nhập kiến đạo

Vô lậu chánh kiến khởi

Vĩnh đoạn nơi ba kết

Chứng hiện quán, nên biết. (kệ 9)

[561a08] Luận giải: Từ trước đã tu *như lý tác ý*⁵⁰⁵, nên ở kiến đạo vị, chánh kiến xuất thế gian được sinh. Do chánh kiến nên ba kết vĩnh đoạn, đó là: tât-ca-da kiến, giới cầm thủ và nghi. Ngang giai vị như vậy nên nói là đã nhập hiện quán. Ở giai vị này, tất cả pháp tạp nhiễm của nẻo ác đều được trừ khử.

Vi sao chỉ nói “vĩnh đoạn ba kết”?

Kệ tụng:

Dù ác thú tạp nhiễm

Chấp đã khởi, hoặc đoạn

Cảnh, kiến, đạo sư v.v...

Tùy sinh ba được nhiếp. (kệ 10)

505 Như lý tác ý: là sự tác ý của những người ở trong chánh pháp nghe chánh pháp. Trung bộ kinh, kinh Nhất thiết lậu hoặc: “Này các tỷ kheo, do phi như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Này các tỷ kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt.”



[561a15] Luận giải: Do tát-ca-da kiến mà mê lầm nơi cảnh giới. Do giới cấm thủ mà mê lầm nơi nhận thức. Do hoài nghi mà sinh mê lầm đối với Phật, đối với chánh pháp được tuyên thuyết bởi bậc đạo sư, đối với chúng Tăng thực hành chánh pháp. Cho nên theo cấp độ mà nói vĩnh đoạn ba kết.

Lại nữa, hiện quán có những sắc thái gì?

Kệ tụng:

Trước có thể gian trí

Giản trạch để rốt ráo

Nơi để không gia hành

Quyết định sinh khởi tướng. (kệ 11)

Trí cảnh hòa hợp tướng

Nơi sở tri cứu cánh

Nên biết để hiện quán

Nơi mùi thứ quyết định. (kệ 12)

[561a23] Luận giải: *Trước có thể gian trí*: Từ văn sở sinh trí, cho đến thế gian đệ nhất pháp trí.

Giản trạch để rốt ráo: Đã giản trạch rốt ráo về các đế thì không có gia hành nơi các đế.

Quyết định sinh khởi tướng: Trong đối cảnh của các đế được quán sát, không do công dụng của gia hành, [trí] quyết định sinh khởi ẩn tượng, đó là ẩn tượng của hiện quán.

Lại nữa, trí quyết định này và đối cảnh hòa hợp hoàn toàn với ẩn tượng được thấy [trong định]. Vì sao? Trừ ẩn tượng này, ngoài ra không có cảnh nào khác cần phải tìm cầu, cho nên sự quán này gọi là *hiện quán*.



Nên biết, sắc thái quyết định này lại có mùi thứ. Những gì là mùi?

Kệ tụng:

Ngã, tánh không, ba có

Bất diệt, không có hai

Vô phân biệt, không sợ

Tự tại: quyết định đoạn. (kệ 13)

[561b04] Luận giải: Mùi thứ quyết định là:

1. Với chúng sinh, quyết định là không có ngã.
2. Với tự tánh biến kế sở chấp, quyết định là không thật có.
3. Với vô ngã, quyết định là có.
4. Với các tướng, quyết định là có.
5. Với thô trọng, quyết định là có.
6. Với bất diệt, quyết định là: (1) Vì không có chúng sinh ngã và pháp ngã nên bất diệt; (2) Vì có hai vô ngã [là chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã] nên bất diệt.
7. Với sắc thái không hai, quyết định pháp và pháp không thì không có sai biệt.
8. Với cái không, quyết định là vô phân biệt.
9. Với pháp tánh, quyết định không sợ: kẻ phàm ngu sống trong pháp tánh mà sinh các sợ hãi, còn người trí sống trong pháp tánh không có sợ hãi.
10. Với sự tự tại, quyết định có khả năng đoạn dứt: “*Tôi không còn phụ thuộc vào người khác để cầu phương tiện đoạn dứt [phiền não].*”

Lại nữa, hiện quán như vậy, thứ đệ tu tập thế nào?



Kệ tụng:

Phát khởi, chứng, đấng lưu

Thành mãn: bốn thứ đệ

Lại trí pháp trú, v.v...

Tám thứ đệ, nên biết. (kệ 14)

[561b17] Luận giải: Thứ đệ của hiện quán có bốn, có tám hay có bảy thứ.

Những gì là bốn: 1. Phát khởi: là từ *văn sở sinh trí* cho đến *thế đệ nhất pháp*; 2. Chứng đắc: là kiến đạo; 3. Đấng lưu: là tu đạo; 4. Thành mãn: là cứu cánh đạo.

Thế nào là tám? Là *trí pháp trú* cho đến *trí thiện thanh tịnh*, như trước đã nói.⁵⁰⁶

Thế nào là bảy thứ?

Kệ tụng:

Vô hồi, trú sở duyên

Như thật thấy cảnh giới

Đạo sở y vô hoặc

Thuần, sai biệt, hành đoạn. (kệ 15)

[561b24] Luận giải: Thứ đệ có bảy thứ, từ *thi-la thanh tịnh* cho đến *hành đoạn trí kiến thanh tịnh*⁵⁰⁷: (1) Do thi-la thanh tịnh nên không

506 Hiền dương, quyển 15, phẩm Thành không, [556b03]: 1. Trí pháp trú; 2. Trí cầu tự tâm; 3. Trí trú tự tâm; 4. Trí trừ tâm phược; 5. Trí sợ các hành tương ưng; 6. Trí phân biệt không hai; 7. Trí bất thiện thanh tịnh; 8. Trí thiện thanh tịnh.

507 Hiền dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, mục Chín thứ thanh tịnh, [495c09]: 1. Thi-la thanh tịnh; 2. Tâm thanh tịnh; 3. Kiến thanh tịnh; 4. Độ nghi thanh tịnh; 5. Đạo phi đạo trí kiến thanh tịnh; 6. Hành trí kiến thanh tịnh; 7. Hành đoạn trí kiến thanh tịnh; 8. Vô duyên tịch diệt thanh tịnh; 9. Quốc độ thanh tịnh.

có hồi hận⁵⁰⁸; (2) Do không hồi hận nên tâm định, trú cảnh; (3) Do tâm định nên nơi cảnh sở tri có được *như thật kiến*; (4) Kế đó, lấy Phật, Pháp, Tăng bảo làm chỗ y chỉ, có được *trí kiến như thật về đạo*, nên rời xa nghi hoặc, được cái *trí câu sinh với bốn chứng tịnh*⁵⁰⁹. (5) Tiếp theo, đối với sở chứng và sở thuyết của đức Thiện thế có được cái *trí quyết định*, nghĩa là chỉ trong chánh pháp của Phật mới có đạo thuần tịnh, xuất ly khổ, chứ không có ở pháp khác. (6) Kế đến, nơi đạo ấy có được cái *trí của các hành sai biệt*, nghĩa là *khổ tri thông hành* là hạ phẩm, *lạc tốc thông hành* là thượng phẩm, hai hành còn lại là trung phẩm.⁵¹⁰ (7) Kế nữa, dựa vào chánh hành thượng phẩm, nơi những sự đoạn diệt khác, phát sinh *trí kiến thù thắng*.

Lại nữa, bảy thanh tịnh này: thi-la thanh tịnh, v.v..., nếu lược nói thì nhiếp trong ba học, cũng nhiếp trong ba tịnh.

Kệ tụng:

Ba tịnh nhiếp bảy thứ

Giới tịnh và tâm tịnh

Cảnh giới, y chỉ, đạo

Nói là tuệ thanh tịnh. (kệ 16)

[561c08] Luận giải: Ba thứ tịnh là: giới tịnh, tâm tịnh và tuệ tịnh.

Trong tuệ thanh tịnh lại có ba thứ: 1. Tuệ đối với cảnh giới; 2. Tuệ làm y chỉ cho đạo; 3. Tuệ là tự thể của đạo.

508 Biến hồi 變悔 (P: avippaṭisāro).

509 Hiền dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, mục Bốn chứng tịnh, [496a04]: 1. Phật chứng tịnh; 2. Pháp chứng tịnh; 3. Tăng chứng tịnh; 4. Thánh sở ái giới chứng tịnh.

510 Hiền dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, mục Bốn thứ hành, [490b07]: 1. Khổ tri thông hành; 2. Khổ tốc thông hành; 3. Lạc tri thông hành; 4. Lạc tốc thông hành. Hiền dương, quyển 7, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 3: "Khổ tri thông hành gọi là hạ phẩm học; khổ tốc thông hành và lạc tri thông hành gọi là trung phẩm học; lạc tốc thông hành gọi là thượng phẩm học."



Trong tự thể của đạo, nên biết, lại có ba thứ: thuần, sai biệt và hành đoạn.

Lại nữa, trong các thứ đệ như vậy, thứ đệ đi vào hiện quán như thế nào?

Kệ tụng:

Biết thân, thọ, ... nhân duyên

Khéo thấu nơi ba đời

Kể hiểu rõ bốn khổ

Còn tám khổ nên biết. (kệ 17)⁵¹¹

[561c15] Luận giải: (1) Trước hết, ở giai vị bốn niệm trú phải khéo liễu tri bốn thứ nhân duyên: thân, thọ, tâm, pháp; nghĩa là do thức ăn tập khởi⁵¹² nên thân tập khởi, xúc tập khởi nên thọ tập khởi, danh

511 Kệ tụng 17 đây nói về trí pháp trú, tức là trí y theo tu-đa-la, v.v. để an lập pháp môn. Câu-xá luận, phẩm Phân biệt hiện thánh, kệ tụng: “Y dĩ tu thành chỉ, Vi quán tu niệm trú, Dĩ tự tướng cộng tướng, Quán thân thọ tâm pháp. Tự tánh văn đẳng tuệ, Dư tương tạp sở duyên, Thuyết thứ đệ tùy sinh, Trì đạo cố duy tử. Bỉ cư pháp niệm trú, Tổng quán tử sở duyên, Tu phi thường cập khổ, Không phi ngã hành tướng.” (依已修成止, 為觀修念住, 以自相共相, 觀身受心法, 自性聞等慧, 餘相雜所緣, 說次第隨生, 治倒故唯四. Nương vào chỉ đã được tu thành để tu quán bằng các niệm trú. Dùng tự tướng và cộng tướng quán thân, thọ, tâm, pháp. Niệm trú tự tánh là văn tuệ, v.v... Còn lại niệm trú tương tạp và niệm trụ đối tượng duyên. Thứ tự của chúng là thứ tự chúng sinh khởi để đối trị điên đảo nên chỉ có bốn loại. Hành giả trụ ở pháp niệm trụ quán chung bốn đối tượng duyên, tu các hành tướng vô thường, khổ, không, vô ngã. Hành giả trụ ở pháp niệm trụ quán chung bốn đối tượng duyên, tu các hành tướng vô thường, khổ, không, vô ngã. – Đạo Sinh dịch)

512 Tạp A-hàm, kinh Câu-hi-la, số 344: “Đa văn Thánh đệ tử biết như thật về thức ăn, biết như thật về sự tập khởi của thức ăn, về sự diệt tận của thức ăn, về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn. Thế nào là biết như thật về thức ăn? Có bốn loại thức ăn, đó là: Một là thức ăn nắm thô, hai là thức ăn tế xúc, ba là thức ăn bởi ý tư và bốn là thức ăn của thức; đó gọi là thức ăn. Biết như thật về thức ăn là như vậy. Thế nào là biết như thật về sự tập khởi của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia; đó gọi là sự tập khởi của thức ăn. Biết như thật về sự tập khởi của thức ăn là như vậy. Thế nào là biết như thật về sự diệt tận của thức ăn? Khát ái đối với hữu tương lai, đi đôi với hỷ tham, tham đắm hệ lụy nơi này nơi kia, thầy đều dứt bỏ không còn sót, xả bỏ, nhả ra, đoạn tận, ly dục, diệt, tịch tĩnh; đó gọi là sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về sự diệt tận của thức ăn là như vậy. Thế nào là biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn? Tám Thánh đạo: Chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mệnh, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định; đó gọi là con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn. Biết như thật về con đường đưa đến sự diệt tận của thức ăn là như vậy.” (Thích Đức Thắng dịch)



sắc tập khởi nên thức tập khởi, tác ý tập khởi nên pháp tập khởi.⁵¹³

(2) Kế đó, nơi thân, thọ, tâm, pháp, ở trong ba đời phải khéo liễu tri; nghĩa là ở đời vị lai, [an trú] tùy quán sự tập khởi của pháp; ở đời quá khứ, tùy quán sự diệt tận của pháp; ở đời hiện tại, tùy quán sự tập khởi và diệt tận của pháp.

(3) Kế nữa, phải liễu tri rằng chính thân, thọ, tâm, pháp ấy là cái khổ của bốn thứ khổ, đó là: khổ nhận chịu gánh nặng, khổ vì địa vị biến hoại, khổ [phiền não] thô trọng và khổ sinh tử.⁵¹⁴ Lấy thiện pháp và bất thiện pháp làm nhân tố chiêu cảm *tử khổ* và *sinh khổ* trong dòng lưu chuyển, cho nên hiểu rõ hai khổ tử sinh chính là hiểu rõ *cái khổ của pháp*⁵¹⁵.

(4) Từ đây quán bốn để không cách hờ, mà trước hết là quán tám thứ khổ pháp của khổ đế, đó là: sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ,

513 Tạp A-hàm, kinh Tập, số 609: “Tôi nghe như vậy: Một thời, Phật ở tại vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Nay Ta sẽ nói về sự tập khởi bốn Niệm xứ và sự tiêu thất của bốn Niệm xứ. Hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ. Thế nào là tập khởi của bốn Niệm xứ? Tiêu thất của bốn Niệm xứ? Thức ăn tập khởi thì thân tập khởi. Thức ăn diệt thì thân tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán theo tập khởi của thân, sống tùy quán theo sự diệt tận thân. Sống tùy quán theo tập-diệt của thân là sống với sự không sợ y, đối với các thế gian vĩnh viễn không chấp thủ. Cũng vậy, xúc tập khởi thì thọ tập khởi. Xúc diệt thì thọ tiêu thất. Như vậy, hãy sống tùy quán thọ theo tập pháp; sống tùy quán thọ theo diệt pháp. Sống tùy quán thọ theo tập diệt pháp là sống với sự không sợ y, đối với tất cả pháp thế gian đều không chấp thủ. Danh sắc tập khởi thì tâm tập khởi. Danh sắc diệt thì tâm tiêu thất. Hãy sống tùy quán tâm tùy theo tập pháp; sống tùy quán tâm tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán tâm tùy theo tập pháp; sống tùy quán tâm tùy theo diệt pháp là sống với sự không sợ y, đối với các pháp thế gian thì không còn chấp thủ. Ưc niệm tập thì pháp tập, ực niệm diệt thì pháp tiêu thất. Hãy sống tùy quán pháp tùy theo tập pháp; sống tùy quán pháp tùy theo diệt pháp. Sống tùy quán pháp tùy theo pháp tập-diệt là sống với sự không sợ y, đối với các pháp thế gian thì không còn chấp thủ. Đó gọi là sự tập khởi bốn Niệm xứ và sự tiêu thất của bốn Niệm xứ. Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.” (Thích Đức Thắng dịch)

514 Hiền dương, quyển 15, phẩm Thành khổ. Thân, thọ, tâm, pháp sai biệt nên có 4 thứ khổ.

515 Tạp A-hàm, kinh Sa-môn Bà-la-môn, số 352: “Nếu các Sa-môn, Bà-la-môn nào, ở nơi pháp mà không biết như thật về pháp; không biết như thật về sự tập khởi của pháp, về sự diệt tận của pháp, về con đường đưa đến sự diệt tận của pháp, thì người này chẳng phải là Sa-môn, chẳng được kể vào hàng Sa-môn, chẳng phải là Bà-la-môn, chẳng được kể vào hàng Bà-la-môn. Người này chẳng đứng với ý nghĩa Sa-môn hay Bà-la-môn, ngay trong đời này không tự tri tự tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’” (Thích Đức Thắng dịch)



khổ vì oán ghét mà phải gặp nhau, khổ vì yêu thương mà bị xa lìa, khổ vì mong muốn mà không được, khổ vì nắm thủ uẩn.⁵¹⁶

Lại nữa, kệ tụng:

Từ đây chánh quán để

Khởi mười sáu hành trí

Vì trị bốn diên đảo

Chỗ dựa cho cái sau. (kệ 18)

[561c28] Luận giải: (5) Sau khi biết tám thứ khổ, kế đó chánh quán sát bốn thứ đế lý, khởi quán trí qua mười sáu hành, mà hành ở trước làm chỗ y chỉ cho các hành ở sau: (a) Vì đối trị bốn diên đảo nên khởi bốn hành của khổ đế: 1. Vì đối trị diên đảo về *thường* mà khởi *vô thường hành*; 2. Vì đối trị diên đảo về *lạc* và *tịnh* mà khởi *khổ hành*; 3. Vì đối trị diên đảo về *ngã* mà khởi *không hành*; 4. Vì đối trị không hành mà khởi *vô ngã hành*.⁵¹⁷ Vì sao? Vì tách rời các hành còn có cái không của ngã, tức là thể của các hành không phải ngã tánh. (b) Lại đối với bốn ái của tập đế: thường, lạc, ngã, tịnh, khởi bốn hành: *nhân, tập, sinh, duyên*.⁵¹⁸ (c) Lại đối với bốn ái đoạn của diệt đế, khởi bốn hành: *diệt, tĩnh, diệu, ly*.⁵¹⁹ (d) Lại đối với [quán trí]

516 Hiển dương, quyển 15, phẩm Thành khổ, mục Đế sai biệt có 8 thứ khổ.

517 Thành thật luận, phẩm Thánh hành: “Có hai hành: không hành và vô ngã hành. Đối với ngũ ấm không thấy chúng sinh, gọi là không hành; thấy ngũ ấm cũng không có, là vô ngã hành. Vì sao biết? Trong kinh nói: “Thấy sắc không có thể tánh, thấy thọ, tưởng, hành, thức đều không có thể tánh”. (No. 1646, tr. 365b18-21)

518 Nhân, tập, sinh, duyên 因集生緣: Bốn hành tướng của tập đế trong 16 hành tướng của tứ đế; tức khi quán xét về tập đế thì trước hết quán tất cả hoặc nghiệp đều là nhân sinh ra quả khổ, gọi là nhân; thu tập các quả khổ và làm cho chúng hiện khởi, gọi là tập; khiến cho quả khổ nổi nhau không dứt, gọi là sinh; tập thành quả khổ và làm cho quả khổ thành tựu, gọi là duyên.

519 Diệt, tĩnh, diệu, ly 滅靜妙離: Diệt là các khổ đã chấm dứt. Tĩnh là ba thứ lừa tham, sân, si đều tắt. Diệu là hoạn nạn không còn. Ly là thoát khỏi các tai ương. Có chỗ giải thích: Không còn sự tương tục là diệt. Rời ba hữu làm tướng là tĩnh. Thắng nghĩa thiện là diệu. Cực an ổn là ly. Hoặc là: Lưu chuyển đoạn là diệt. Các khổ dứt là tĩnh. Niết bàn tịch tĩnh là diệu. Không còn thoái chuyển là ly.



năng chứng diệt của đạo đế, khởi bốn hành: đạo, *như*, hành, *xuất*.⁵²⁰

Lại nữa, kệ tụng:

Từ đây chuyển tu tập

Nơi tâm tổng yếm ly

Để giản trạch, quyết định

Cứu cánh giác sinh khởi. (kệ 19)⁵²¹

[562a10] Luận giải: (6) Sau mười sáu hành trí còn có sự chuyển tu tập [bốn thiện căn]: (a) Trước hết, duyên tự tâm, *trí tổng yếm tâm* sinh khởi, đây gọi là *noãn*; (b) Từ đây trở lên, *trí để giản trạch* sinh khởi, đây gọi là *đánh*; (c) Từ đây trở lên, *trí quyết định* giác sinh khởi, đây gọi là *nhẫn*; (d) Từ đây trở lên, *trí cứu cánh giác* sinh khởi, đây gọi là *thế đệ nhất pháp*.⁵²²

520 Đạo, như, hành, xuất 道如行出: Thấy rõ nghĩa của các hành là đạo. Khế hợp với chánh lý là như. Thủ hướng chính xác là hành. Khả năng vượt qua vĩnh viễn là xuất. Hoặc là: Đối trị tà đạo là đạo. Đối trị bất như là như. Thủ nhập cung điện niết bàn là hành. Trừ bỏ tất cả hữu là xuất.

521 Kệ tụng 18 và 19 nói về trí cầu tự tâm, tức là trí tâm tự tâm ở giai đoạn Thuận quyết trạch phần. Câu-xá luận, phẩm Phân biệt hiền thánh, kệ tụng: “Tông thủ sinh Noãn pháp Cụ quán tứ Thánh đế Tu thập lục hành tướng Thứ sinh Đảnh diệt nhiên Như thị nhị thiện căn Giai sơ pháp hậu tứ Thứ Nhẫn duy pháp niệm Hạ trung phẩm đồng Đảnh Thượng duy quán dục khổ Nhất hành nhất sát na Thế đệ nhất diệt nhiên Giai tuệ ngũ trừ đắc.” (從此生煖法, 具觀四聖諦, 修十六行相, 次生頂亦然。如是二善根, 皆初法後四, 次忍唯法念, 下中品同頂。上唯觀欲苦, 一行一剎那, 世第一亦然, 皆慧五除得。Tu pháp quán này sẽ sinh khởi Noãn pháp. Quán đủ bốn Thánh đế. Tu mười sáu hành tướng. Kế đó sẽ sinh khởi Đảnh cũng như vậy. Hai thiện căn trên đây, lúc đầu đều nương pháp niệm trú, về sau nương cả bốn loại. Kế đến là Nhẫn, chỉ nương pháp niệm trú. Hạ và trung phẩm giống như Đảnh. Thượng phẩm chỉ quán dục khổ, một hành tướng một sát-na. Thế đệ nhất pháp cũng vậy, đều là tuệ, nắm uẩn, loại trừ đắc. – Đạo Sinh dịch)

522 Noãn 煖 nghĩa là ấm, là giai đoạn báo trước, báo hiệu sắp có lửa hay ánh sáng của thánh đạo. Ở noãn vị, hành giả quán pháp tự tướng và cộng tướng chỉ là ý ngôn, hoạch đắc trí pháp minh, quán sát chân xác cảnh sở duyên của các pháp.

Đảnh 頂 là đánh đầu hay đánh núi. Luận Câu xá, quyển 23 tr. 119c15: “Noãn thiện căn đây, hạ trung thượng phẩm, lần lượt tăng trưởng cho đến khi thành mãn, có thiện căn sanh tên là đánh pháp. Do sự chuyển thắng này nên lập tên khác; trong thiện căn động, pháp đây tối thắng, như là đánh đầu nên gọi đánh pháp; hoặc do từ đây có sự tiến thoái hai bên, như đang ở đánh núi, gọi tên là đánh.” Thiện căn động (có thể thoái động) là nói thuận quyết trạch phần có 2 loại: 1. Có thể thoái; 2. không thể thoái. Có thể thoái thì hạ phẩm là noãn vị, thượng phẩm là đánh vị. Không thể thoái thì hạ phẩm là nhẫn vị, thượng phẩm là thế đệ nhất pháp vị.

Nhẫn 忍 là xác nhận (nhẫn khả) các pháp toàn là duy tâm, và trong sự xác nhận này không còn có sự thoái đọa nữa.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Bảy

Phẩm Tám

THÀNH HIỆN QUÁN (Phần 2)

[562a23] Luận giải: Như vậy đã có được các thiện căn: noãn, đảnh, nhãn, thể đệ nhất pháp. Nên biết từ đây đi vào hiện quán.

Kệ tụng:

Từ đây không gia hành

Giải thoát trí ba tâm

Có một trăm mười hai

Phiền não đoạn, mười nhiếp. (kệ 20)

[562a27] Luận giải: (7) Từ đây không gián cách, không có gia hành, giải thoát kiến đạo, đã đoạn các tùy miên, *trí của ba tâm* sinh khởi: 1. Trí nội tại loại trừ hữu tình giả duyên;⁵²³ 2. Trí nội tại loại trừ

Thể đệ nhất pháp 世第一法: Thể gian là pháp hữu lậu; trong pháp hữu lậu, hiện quán của hành giả này hơn cả nên gọi là thể đệ nhất pháp. Ở đây, ví ấy ngộ nhập cảnh không nên thức không phát sanh, tức thức y tha cũng diệt. Thể đệ nhất pháp là hậu niệm của thượng phẩm nhãn pháp, và là điều kiện đưa đến cái định vô gián để phát sanh trí vô lậu (tức nhập kiến đạo). Sự thù thắng của thể đệ nhất pháp là đưa hành giả thú nhập chánh tánh ly sanh. Chánh tánh ly sanh thuộc kiến đạo vị; chánh tánh là vô lậu tuệ, ly sanh là lìa phiền não (loại phân biệt). Phiền não này gọi là sanh vì như đồ ăn sống, ăn vào sanh bệnh, phiền não này sanh ra chúng sanh nên gọi là sanh. Vô lậu tuệ đoạn trừ cái sanh ấy nên gọi là chánh tánh ly sanh.

523 Nội kiến hữu tình giả duyên trí 內遣有情假緣智: Nội kiến: là duyên nội thân mà loại trừ. Hữu tình giả: nhận thức hữu tình chỉ là khái niệm sai lầm. Duyên trí: chỉ cho sở duyên pháp trí, tức nhận thức hiện thực mà đối tượng là khái niệm giả danh về chúng sanh và pháp.



các pháp giả duyên; 3. Trí phổ biến loại trừ cả hữu tình và các pháp giả duyên. Ở đây, hai trí trước là pháp trí, trí thứ ba là chủng loại trí.⁵²⁴

Ba trí như vậy có năng lực đoạn trừ một trăm mười hai phiền não [thuộc kiến sở đoạn]. Phiền não như vậy được nhiếp trong mười thứ⁵²⁵.

Một trăm mười hai phiền não: Dục giới, kiến sở đoạn phiền não của khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế, mỗi đế đều có mười thứ; Sắc giới và Vô sắc giới, kiến sở đoạn phiền não của khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế, mỗi đế đều có chín thứ, trừ sân; tổng cộng là một trăm mười hai phiền não.

Những gì được nhiếp trong mười thứ phiền não? Đó là *năm kiến tự tánh* và *năm phi kiến tự tánh*, như trước đã nói.⁵²⁶

524 Thành duy thức luận: “Quán chân đế phi an lập có ba phẩm tâm: (1) Bằng duyên trí nội tại loại trừ hữu tình giả mà đoạn trừ các tùy miên phân biệt thuộc tầm yếu. (2) Bằng duyên trí nội tại loại trừ pháp giả mà đoạn trừ tùy phiền não phân biệt thuộc tầm trung. (3) Phổ biến bằng duyên trí loại trừ cả hữu tình và pháp giả mà đoạn trừ tất cả tùy miên thuộc loại phân biệt. Hai trí đầu gọi là pháp trí, vì duyên đến đối tượng riêng rẽ. Trí thứ ba được gọi là loại trí, vì duyên tổng hợp.” (Thích Tuệ Sỹ dịch giải) Và được chú thích: “Pháp trí và loại trí: Câu-xá 23, tr. 121a29: Từ thể đệ nhất, trực tiếp không gián cách, duyên đến đối tượng là khổ Thánh đế thuộc Dục giới, pháp trí nhãn vô lậu phát sinh. Nhãn này được gọi là khổ pháp trí nhãn: sự nhãn khả của trí hiện thực trong sự khổ). Tiếp theo ngay sau nhãn, không gián cách, nhận thức hiện thực về khổ Dục giới phát sinh, gọi là khổ pháp trí. Trong đó, nhãn được gọi là vô gián đạo, không có gì cản trở để loại trừ phiền não liên hệ. Trí được nói là giải thoát đạo, đã thoát ly hệ phược sau khi đoạn trừ phiền não liên hệ. Bốn Thánh đế Dục giới với 1 nhãn, 1 trí. Sau đó duyên lên thượng giới, loại suy khổ Thánh đế trên đó, phát sinh loại trí và nhãn về khổ. Liên tiếp như vậy 16 sát-na, gọi là 16 sát-na hiện quán Thánh đế, tức thể nghiệm và chứng nghiệm Thánh đế. Cf. Tạp tập 9, tr. 735b17: Các nhà Duy thức cho rằng khổ pháp trí nhãn là nhận thức sự khổ y theo giáo pháp mà Phật mô tả, tức chân lý về khổ theo nhận thức cá biệt. Tiếp theo đó, tuệ vô lậu vô giá phát sinh đối với khổ pháp trí, đó là loại trí, nhận thức sự khổ là chân lý trong tất cả Thánh pháp, tức chân lý phổ quát. Du-già luận ký, quyển 9, tr. 501c20: Tiểu thừa, kiến đạo chỉ có 2 tâm. Đại thừa Bồ tát, trong kiến đạo có 3 tâm: thứ nhất vô ngại (= vô gián) đạo với sinh không trí, thứ hai vô ngại đạo với pháp không trí, thứ ba giải thoát đạo với cả hai. Do đó, kiến đạo của Tiểu thừa có 16 tâm, của Bồ tát có 3 tâm.”

525 Mười thứ phiền não: 1. Tát-ca-da kiến; 2. Biên chấp kiến; 3. Tà kiến; 4. Kiến thủ; 5. Giới cấm thủ; 6. Tham; 7. Khúe; 8. Mạn; 9. Vô minh; 10. Nghi. Năm phiền não đầu là 5 kiến tự tánh phiền não (: ngũ lợi sử phiền não); 5 phiền não sau là 5 phi kiến tự tánh phiền não (: ngũ độn sử phiền não). (Xem Du-già sư địa, quyển 58, tr. 621b02-622a19.)

526 Mười phiền não này được giải thích ở quyển 1, phẩm Nhiếp sự.



Lại nữa, kệ tụng:

Đây chứng bồ-đề phân

Sáu thứ tịnh trí tương

Vì hành vô phân biệt

Theo sở tác kiến lập. (kệ 21)

[562b10] Luận tụng: Nên biết trí ấy⁵²⁷ là chân chứng giác phần, không phải phương tiện vị, cũng là sáu thứ sắc thái của thanh tịnh trí, đó là: pháp trí, chủng loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí.⁵²⁸ Sáu trí này thuộc vô phân biệt [trí], chỉ theo sở tác mà kiến lập sáu sắc thái của trí, chứ không do hành sai biệt mà kiến lập sáu thứ trí.

Lại nữa, kệ tụng:

Bồ-tát tại vị này

Trước tu sức thắng nhân

Khổ nơi thân mình người

Khởi bình đẳng tâm tánh. (kệ 22)

527 Trí để hiện quán ở Kiến đạo.

528 Du-già sư địa luận, quyển 55: “Trong gia hành đạo, trước tiên do sự tích tập tư lương đã được cực kỳ hoàn hảo, lại bằng thiện phương tiện mài luyện tâm, từ thiện căn biên tế thuộc thế gian thuận quyết trạch phần, một cách trực tiếp vô gián, phát sinh tâm thứ nhất có đối tượng sở duyên là pháp giả danh về hữu tình vốn tự nội thân đã bị loại trừ; đoạn trừ các phiền não thô trọng bậc thấp thuộc loại kiến sở đoạn. Từ đó vô gián phát sinh tâm thứ hai có đối tượng sở duyên là pháp giả danh về các pháp vốn tự nội thân đã bị loại trừ; đoạn trừ phiền não thô trọng bậc trung thuộc loại kiến sở đoạn. Từ đó vô gián phát sinh tâm thứ ba có đối tượng sở duyên là pháp giả danh về hữu tình và các pháp vốn tự nội thân đã bị loại trừ; đoạn trừ tất cả phiền não thô trọng thuộc loại kiến sở đoạn. Hiện quán này chính là kiến đạo, cũng được gọi là song vận đạo (vận hành song song chỉ và quán). Trong đó tuy có ba phẩm tâm của tỷ-bát-xá-na (quán) và ba phẩm tâm của xa-ma-tha (chỉ), nhưng do song vận mà lập chỉ ba tâm, vì trong một tâm có thể vừa chỉ vừa quán. Nên biết, các tâm này chỉ duyên đến cảnh đối tượng là phi an lập đế. Lại nữa, hai tâm đầu tương ưng với pháp trí; tâm thứ ba tương ưng với loại trí. Lại nữa, chính do thể lực của tâm này, trong các an lập để kể từ khổ phát sinh khổ trí v.v. thuộc giai đoạn hiện quán thứ hai, thanh tịnh vô ngại. Nên biết, y chỉ trí này mà thành lập bốn trí khổ, tập, diệt, đạo. Tức ba tâm trước cùng với chỉ quán phẩm chứng đắc sự tịch diệt do diệt trừ phiền não thuộc kiến đoạn, đạt đến xuất thế gian đạo, vĩnh viễn diệt trừ hết thảy phiền não và sở y sự. Đó là hiện quán trí để hiện quán.” (tr. 605c17~606a05)

[562b17] Luận giải: Các Bồ-tát ở địa vị hiện quán, do trước tu tập sức thắng tư lương, ở trong sự tương tục khổ của mình người, khởi năm thứ tâm bình đẳng: tâm bình đẳng vô ngã, tâm bình đẳng thô trọng, tâm bình đẳng tinh tiến đoạn, tâm bình đẳng tinh tiến không ái vị và tâm bình đẳng tất cả Bồ-tát hiện quán.⁵²⁹

Lại nữa, kệ tụng:

Là ý lạc đại ngã

Nơi tự tánh vô đắc

Và ý lạc quảng đại

Hai tánh vô phân biệt. (kệ 23)⁵³⁰

[562b24] Luận giải: Nên biết, các tâm tánh bình đẳng này chính là a-thế-da đại ngã và a-thế-da quảng đại.⁵³¹ Do a-thế-da đại ngã mà đối với tự tánh biến kế sở chấp không có gì thủ đắc. Do a-thế-da quảng

529 Tương đương 5 tâm bình đẳng: vô ngã, hữu khổ, sở tác, bất cầu và đồng đắc. Đại thừa Trang nghiêm Kinh Luận, phẩm Giáo thọ, tr. 625b24: “Bồ-tát ở địa đầu tiên có được sự thông đạt về pháp giới bình đẳng. Do sự thông đạt này, bồ-tát có thể quán thân người tức là thân mình, cũng được tâm bình đẳng. Hỏi: Bấy giờ bồ-tát có được mấy thứ tâm bình đẳng? Đáp: Bình đẳng có năm thứ, Năm không có sai biệt: Những gì là năm? 1. Bình đẳng vô ngã: nơi sự tương tục của mình và người, không thấy có ngã, không có sai biệt; 2. Bình đẳng có khổ: nơi sự tương tục của mình và người đều có tự tánh khổ, không có sai biệt; 3. Bình đẳng việc làm: nơi sự tương tục của mình và người, muốn làm việc đoạn khổ, không có sai biệt; 4. Bình đẳng không cầu: nơi việc làm của mình và người, không cầu báo đáp, không có sai biệt; 5. Bình đẳng cùng được: như bồ-tát khác đã được như thế, tôi cũng sẽ được như thế, không có sai biệt.” Bình đẳng vô ngã và bình đẳng có khổ là cùng thông hiểu khổ đế. Bình đẳng việc làm là cùng đoạn trừ tập đế. Bình đẳng không cầu là cùng tu tập đạo đế và hiện chứng diệt đế. Bình đẳng cùng được là cùng ngộ nhập sơ địa. Kim cương Bát-nhã luận, No. 1510, tr. 764a20-28: “Khi nhập chứng đạo, đắc trí tuệ nên ly mạn. Thế nào là đắc trí? Vì có hai thứ trí: 1. Trí nhiếp chủng tánh; 2. Trí bình đẳng. ..., Trí bình đẳng lại có 5 thứ nhân duyên bình đẳng: 1. Bình đẳng thô ác; 2. Bình đẳng pháp vô ngã; 3. Bình đẳng đoạn tương ưng; 4. Bình đẳng vô hy vọng tâm tương ưng; 5. Bình đẳng nhất thiết bồ-tát chứng đạo.”

530 Kệ tụng 20, 21, 22 và 23 nói về trí tự tâm, tức là trí chứng chân như ở giai đoạn Kiến đạo. Câu-xá luận, phẩm Phân biệt hiền thánh, kệ tụng: “Tiền thập ngũ kiến đạo, Kiến vị tăng kiến cổ.” (前十五見道, 見未曾見故。Mười lăm tâm trước là kiến đạo vì thấy được điều chưa từng thấy. – Đạo Sinh dịch).

531 A-thế-da đại ngã = ý lạc đại ngã: Đại ngã là sắc thái của pháp giới, là tự tánh của vô lậu giới. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Bồ-đề: “Chư Phật thì ngã tịnh, nên Phật danh đại ngã: Ngã ấy của Phật thì cực kỳ thanh tịnh cho nên mệnh danh Phật là bậc đại ngã. Từ ý nghĩa này, chư Phật nơi vô lậu giới mà kiến lập đệ nhất ngã, đó là sắc thái đại ngã của pháp giới.”



đại mà đối với hai tánh hữu lậu và vô lậu, tội lỗi và công đức không có gì thù đắc, vì không có phân biệt.

Lại nữa, kệ tụng:

Trở lên mười sáu hành

Thanh tịnh thể gian trí

Vì đối trị giới địa

Cứu cánh sự thành tựu. (kệ 24)⁵³²

[562c01] Luận giải: (8) Từ để hiện quán này trở lên, trong tu đạo có trí thể xuất thể thanh tịnh sinh khởi ngang qua mười sáu hành: Nơi khổ để thuộc Dục giới, sinh hai trí: 1. *Trí hiện quán thâm sát*; 2. *Trí hiện quán quyết định*. Nơi khổ để thuộc Sắc giới và Vô sắc giới cũng có hai trí như vậy. Khổ để [của cả ba giới] có bốn trí; nơi tập để, diệt để và đạo để, mỗi để có bốn trí; như vậy gồm có mười sáu thứ trí.⁵³³

(9) Lại nữa, trí hiện quán như vậy, nếu hàng Thanh văn, Độc giác có được trí ấy là để đối trị tạp nhiễm nơi ba giới: Dục, Sắc và Vô sắc; nếu hàng Bồ-tát có được trí ấy là để đối trị *mười thứ địa chướng*⁵³⁴.

532 Kệ tụng 24 nói về trí trừ tâm phược, tức là trí đối trị chướng ở giai đoạn Tu đạo. Câu-xá luận, phẩm Phân biệt hiền thánh, kệ tụng: “Chí đệ thập lục tâm, Tùy tam hướng trụ quả, Danh tín giải kiến chí, Diệc do độn lợi biệt. ... Địa địa thất đức cứu, Hạ trung thượng các tam.” (至第十六心, 隨三向往果, 名信解見至, 亦由鈍利別. ... 地地失德九, 下中上各三. Đến tâm thứ mười sáu trong ba quả, hướng đến quả nào thì trụ ở quả đó được gọi là Tín giải, Kiến chí cũng do căn độn, lợi khác nhau. ... Mỗi địa đều có chín lỗi và chín công đức. Ba nhóm hạ, trung, thượng đều có ba loại. – Đạo Sinh dịch)

533 Du-già sư địa luận, quyển 55: “Trí đạt được sau hiện quán, gọi là hiện quán biên trí. Chỉ sau khi từ tâm thứ ba vô gián ra khỏi kiến đạo, trí này mới hiện tiền. Nó duyên đến đối tượng là trí mà đời trước đã từng quán sát hai giới địa hạ (Dục giới) và thượng (hai giới trên) và hai tầng thượng an lập để. Nó là trí tương tự pháp và loại trí, thuộc thể tục, thông với cả xuất thế, tức là thể gian hậu đắc trí. Theo thứ tự, mỗi một để phát sinh hai thứ trí, đó là trí nhân khả dục lạc (= trí hiện quán thâm sát) và trí hiện quán quyết định. Như vậy, y hiện quán nói trước đó, sau khi nó sinh khởi, trong các để thuộc hạ và thượng địa, cặp hai trí phát sinh. Đây gọi là hiện quán biên trí hiện quán.” (tr. 606a06~a13) Hiện quán là sự chứng nghiệm bằng bản thân; sự lý giải thông suốt; cũng dịch là hiện chứng, thông đạt.

534 Theo Duy thức luận, các Bồ tát phải trải qua 4 địa vị: 1. Tư lương vị (10 tín, 10 hành, 10 hướng) và Gia hành vị (4 gia hành); 2. Thông đạt vị (tức Kiến đạo vị), chỉ cho nhập tâm của sơ địa; 3. Tu tập vị (tức Tu đạo vị), gồm có trú tâm của sơ địa cho đến xuất tâm của thập địa; 4. Cứu cánh vị, chỉ cho Phật địa. Thành duy thức luận nói đến 10 trọng chướng: 1. Chướng bởi dị sinh tánh; 2. Chướng



Như vậy, các sự đã làm được thành tựu rất ráo, nên gọi là *chuyển y cứu cánh*, còn gọi là *hiện quán trí cứu cánh*, cũng gọi là *cứu cánh hiện quán*.

Lại nữa, kệ tụng:

Hiện quán ấy sai biệt

Có sáu hoặc mười tám

Tướng thắng lợi có nhiều

Theo kinh luận đã nói. (kệ 25)

[562c13] Luận giải: Hiện quán lại có sáu thứ sai biệt: 1. Tư hiện quán; 2. Tín hiện quán; 3. Giới hiện quán; 4. Hiện quán trí để hiện quán; 5. Hiện quán biên trí để hiện quán; 6. Cứu cánh hiện quán.⁵³⁵

bởi tà hành; 3. Chướng bởi ám độn; 4. Chướng bởi hiện hành phiền não vi tế; 5. Chướng bởi niết bàn hạ thừa; 6. Chướng bởi thô tướng hiện hành; 7. Chướng bởi tế tướng hiện hành; 8. Chướng bởi tác gia hành trong vô tướng; 9. Chướng bởi không muốn hành lợi tha; 10. Chướng bởi chưa tự tại với các pháp. Vì văn rất dài, muốn hiểu rõ, xin xem Thành duy thức luận, chương VIII, phần Tu tập vị, mục Mười trọng chướng, Tuệ Sỹ dịch và chú. Kinh Giải thâm mật, phẩm Phân biệt Du-già, tr. 701c28~702a13: “Bạch đức Thế tôn, từ Bồ tát địa đầu tiên cho đến Như lai địa, chỉ quán như thế này đối trị được những sự chướng ngại nào? Thiện nam tử, chỉ quán như thế này trong Bồ tát địa đầu tiên thì đối trị được sự chướng ngại vì hoặc nghiệp sinh tạp nhiễm của ác đạo, trong Bồ tát địa thứ hai thì đối trị được sự chướng ngại vì hiện hành của sự làm lỡ vị phạm rất nhỏ, trong Bồ tát địa thứ ba thì đối trị được sự chướng ngại vì tham lam của dục, trong Bồ tát địa thứ tư thì đối trị được sự chướng ngại vì định ái và pháp ái, trong Bồ tát địa thứ năm thì đối trị được sự chướng ngại vì một chiều chống sinh từ hướng niết bàn, trong Bồ tát địa thứ sáu thì đối trị được sự chướng ngại vì hiện hành nhiều của thô tướng, trong Bồ tát địa thứ bảy thì đối trị được sự chướng ngại vì hiện hành của tế tướng, trong Bồ tát địa thứ tám thì đối trị được sự chướng ngại vì phải đa công dụng đối với vô tướng và không tự tại đối với hữu tướng, trong Bồ tát địa thứ chín thì đối trị được sự chướng ngại vì không tự tại đối với ngôn từ khéo léo về mọi chủng loại, trong Bồ tát địa thứ mười thì đối trị được sự chướng ngại vì không chứng đắc pháp thân viên mãn. Và chỉ quán như thế này, trong Như lai địa thì đối trị được phiền não chướng và sở tri chướng cực vi tế; và tối cực vi tế, vì vịnh viễn hại được hai chướng như vậy nên chứng được một cách cứu cánh cái trí thấy biết hoàn toàn, không còn vướng mắc không còn chướng ngại, lại do đối tượng sở tác thành tựu (của cái trí nói trên) nên lập ra pháp thân tối cực thanh tịnh.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

535 Thành duy thức luận, tr. 50c01~c11: Sáu hiện quán:

1. Tư hiện quán: Đó là tuệ được tác thành bởi tư, tối thượng phẩm tương ưng hỷ thọ. Nó quán sát cộng tướng của các pháp, dẫn sinh noãn v.v... Trong gia hành đạo, tác dụng quán sát các pháp của nó mãnh liệt nhất, nên đặc biệt lập thành hiện quán. Các pháp như noãn v.v... không phân biệt pháp một cách chi tiết, lại cũng chưa chứng nghiệm thật lý, do đó không phải là hiện quán.
2. Tín hiện quán: Đó là tịnh tín quyết định thuộc thể gian và xuất thể gian, duyên đến đối tượng là Tam bảo. Nó hỗ trợ hiện quán để không thối chuyển, do đó được lập làm hiện quán.



Hỏi: Tư hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy tuệ thượng phẩm được tác thành bởi tư làm thể, hoặc nó đồng hành với các pháp bờ-đề phân làm thể.

Hỏi: Tín hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy tịnh tín thượng phẩm thuộc thế gian và xuất thế gian, duyên đến đối tượng là Tam bảo làm thể, hoặc nó đồng hành với các pháp bờ-đề phân làm thể.

Hỏi: Giới hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy nghiệp thân, ngữ, ý được các bậc Thánh ưa thích làm thể, hoặc nó đồng hành với các pháp bờ-đề phân làm thể.

Hỏi: Hiện quán trí để hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy Thánh tuệ duyên đối tượng là phi an lập để làm thể, hoặc nó đồng hành với các pháp bờ-đề phân làm thể.

Hỏi: Hiện quán biên trí để hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy Thánh tuệ duyên đối tượng là an lập để làm thể, hoặc nó đồng hành với các pháp bờ-đề phân làm thể.

Hỏi: Cứu cánh hiện quán lấy gì làm thể?

Đáp: Lấy tận trí, vô sinh trí v.v... làm thể, hoặc nó đồng hành với các pháp bờ-đề phân làm thể.⁵³⁶

[562c27] Lại nữa, hiện quán ấy còn có mười tám thứ sai biệt: (1)

3. Giới hiện quán: Đó là vô lậu giới. Nó trừ diệt cấu bẩn của sự phá giới, khiến quán được thêm sáng, do đó cũng được gọi là hiện quán.

4. Hiện quán trí để hiện quán: Đó là trí vô phân biệt căn bản và hậu đắc, một cách triệt để, duyên phi an lập làm đối tượng.

5. Hiện quán biên trí để hiện quán: Đó là trí thế xuất thế gian, duyên các an lập làm đối tượng, sau hiện quán trí để hiện quán.

6. Cứu cánh hiện quán: Trí thuộc giai đoạn cứu cánh, tức tận trí v.v...

536 Du-già sư địa luận, quyển 71, Thanh văn địa, Nhiếp quyết trạch phần, tr. 691a19~b01.

Hiện quán văn sở sinh trí; (2) Hiện quán tư sở sinh trí; (3) Hiện quán tu sở sinh trí; (4) Hiện quán thuận quyết trạch phần trí; (5) Hiện quán kiến đạo; (6) Hiện quán tu đạo; (7) Hiện quán cứu cánh đạo; (8) Hiện quán bất thiện thanh tịnh thế tục trí; (9) Hiện quán thiện thanh tịnh thế tục trí; (10) Hiện quán thắng nghĩa trí; (11) Hiện quán bất thiện thanh tịnh hành hữu phân biệt trí; (12) Hiện quán thiện thanh tịnh hành hữu phân biệt trí; (13) Hiện quán thiện thanh tịnh hành vô phân biệt trí; (14) Hiện quán thành sở tác tiền hành trí; (15) Hiện quán thành sở tác trí; (16) Hiện quán thành sở tác hậu trí; (17) Hiện quán Thanh văn trí [và Độc giác trí]; (18) Hiện quán Bờ-tát trí [và tối cực thanh tịnh trí].

Lại nữa, sắc thái hiện quán như vậy, theo các kinh luận, có nhiều thứ lợi ích thù thắng.

Hỏi: Tư hiện quán có sắc thái gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu tư hiện quán thì người ấy thấu suốt chính xác rằng các hành là vô thường, các hành đều là khổ, các pháp là vô ngã, niết bàn là tịch tĩnh. Tuy người ấy trú trong địa vị dị sinh mà vẫn có thể hiểu rõ tất cả, quyết định như vậy. Các sa-môn, bà-la-môn, chư thiên, ma vương, Phạm vương cùng với loài người không thể dẫn dắt, chiếm đoạt đúng pháp.

Hỏi: Tín hiện quán có sắc thái gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu tín hiện quán, hoặc trú địa vị dị sinh, hoặc trú địa vị phi dị sinh, mà trong đời này hay đời sau, trọn không tuyên xưng vị thầy nào khác ngoài bậc Đại sư, không pháp nào khác ngoài pháp được thiện thuyết, không người tu nào khác ngoài Tăng chánh hành.

Hỏi: Giới hiện quán có sắc thái gì?



Đáp: Nếu có người thành tựu giới hiện quán, thì trọn không cố ý giết hại mạng người, cho đến súc sinh; không lấy của không cho; không làm việc tà hạnh vì phóng túng; biết mà vọng ngữ; không uống những loại rượu mạnh⁵³⁷ như: rượu tốt-la⁵³⁸, rượu mê-lê-da⁵³⁹, không buông thả rượu chè.

Hỏi: Hiện quán trí để hiện quán có sắc thái gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu hiện quán trí để hiện quán, thì trọn không nương tựa dị kiến mà khởi nghiệp tạo tác; không khởi nghi hoặc với pháp tự sở chứng; không đắm nhiễm trong các nẻo đường sinh tử; không chấp những ảnh tượng tốt lành hiện hành [trong định] cho là thanh tịnh; không phỉ báng ba thừa là nhân tạo nghiệp đường ác; không tạo các nghiệp vô gián như giết cha, giết mẹ, phá hòa hợp Tăng, gây thương tích nơi Phật; trọn không tái sinh lần thứ tám⁵⁴⁰.

Hỏi: Hiện quán biên⁵⁴¹ trí để hiện quán có sắc thái gì?

537 Mạt-đà 末陀 (S. Madhya): Còn gọi là mạt-đồ 末途, ma-thâu 摩偷. Hán dịch là tửu, chỉ cho những loại rượu có nồng độ cồn rất mạnh như: rượu tốt-la, mê-lê-da ... tương đương với rượu Bồ đào của Trung quốc.

538 Tốt-la 率羅 (S. Surā): Cũng gọi là tô-la 蘇羅, tốt-lợi 率利. Hán dịch là tửu, mễ tửu, cốc tửu, chỉ cho rượu nấu bằng ngũ cốc. Theo Pháp uẩn túc luận, quyển 1, nếu dùng các vật liệu như gạo, lúa mì ... chưng nấu đúng phương pháp, khuấy chung với men rượu và các vị thuốc, ủ lâu ngày thì thành loại rượu có màu sắc đẹp, hương vị thơm ngon vào bậc thượng hạng, gọi là rượu tốt-la.

539 Mê-lê-da 迷隸耶 (S. Maireya): Cũng gọi là mê-lê-da 迷麗耶, muội-na-dã 昧娜也. Hán dịch là một tửu, chỉ loại rượu được chưng cất từ rễ, thân và hoa quả của các loại thực vật. Rượu mê-lê-da đầy đủ hương thơm, mùi vị, uống vào làm người say khướt. Theo Luật Tứ phần, quyển 16, rượu mê-lê-da gồm các loại như: rượu nước trái lê, rượu quả Diêm-phù 閻浮, rượu mía, rượu quả Xá-lâu-già 舍樓伽, rượu nước hoa cỏ, rượu nho.

540 Trung A-hàm, kinh Đa giới nói bậc Thánh kiến đạo viên mãn không tái sinh lần thứ 8 (đệ bát hữu): “A-nan, nếu người thấy để lý mà tái sinh lần thứ tám, trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phạm phụ tái sinh lần thứ tám, trường hợp này tất có.” Trong kinh thường thí dụ “Tu-đà hoàn tái sinh lần thứ tám” để chỉ cho sự việc không bao giờ xảy ra.

541 Hiện quán biên: Hiện quán là tuệ giác vô lậu chứng được chân thật; đang là phương tiện của tuệ giác, gần được tuệ giác ấy, thì gọi là bên cạnh hiện quán.



Đáp: Nếu có người thành tựu hiện quán biên trí để hiện quán, thì đối với pháp tự sở chứng, nếu ai vẫn nạn trọn không khiếp sợ.

Hỏi: Cứu cánh hiện quán có sắc thái gì?

Đáp: Nếu có người thành tựu cứu cánh hiện quán, thì trọn không rơi vào năm xứ phạm⁵⁴²; trọn không cố giết sinh mạng chúng sinh; không lấy của không cho; không tập gần sự dâm dật, là pháp phi phạm hạnh; không cố ý nói dối; không chứa cất của cải, tiền bạc, thọ dụng các dục; lại trọn không khiếp sợ đối với những sự không thể ký luận; trọn không chấp trước: khổ lạc do tự tác, khổ lạc do tha nhân tác, khổ lạc do vừa tự vừa tha nhân tác, khổ lạc chẳng phải vừa tự vừa tha nhân tác mà vô nhân sinh.⁵⁴³

Những loại như vậy gọi là sắc thái của hiện quán. Nên biết, đây chính là lợi ích thù thắng của hiện quán, mà theo kinh, theo luận, như trên đã nói rộng.

542 Năm xứ mà một tỳ-kheo phải xa lìa: nhà giặc cướp, nhà chiêm-đà-la (thịt chó), nhà đồ tể, nhà dâm nữ, nhà bán rượu (: nhà quan, nhà đồ tể, nhà bán rượu, nhà ca kỹ, nhà chiêm-đà-la). Thập tụng luật 49 (tr.359b17), “Phật nói, tỳ-kheo có năm chỗ không nên lai vãng: phụ nữ chưa chồng, đàn bà goá, phụ nữ có chồng, dâm nữ, tỳ-kheo-ni.”

543 Tập A-hàm, kinh Phù-di, số 343: “Chúng xuất gia ngoại đạo lại hỏi: ‘Thế nào, Tôn giả Phù-di, khi chúng tôi hỏi có phải khổ lạc là do tự tác; thì bảo là không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải do tha nhân tác, thì bảo rằng không khẳng định. Khi hỏi khổ lạc có phải là chẳng vừa tự vừa tha nhân tác, mà vô nhân tạo, thì bảo rằng không khẳng định. Vậy hiện tại Sa-môn Cù-đàm nói khổ lạc được sanh ra như thế nào?’ Tôn giả Phù-di đáp: ‘Ngày chúng xuất gia ngoại đạo, Đức Thế Tôn bảo khổ lạc được sanh ra từ duyên khởi.’”



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Bảy

Phẩm Chín

THÀNH DU GIÀ

[563b05] Luận giải: Đã nói “*Bồ-tát tại vị này, trước tu sức thắng nhân, v.v...*”, như thế nào là trước tu sức thắng nhân?

Kệ tụng:

Bát-nhã độ du-già

Đẳng chí, vô phân biệt

Tất cả, tất cả chúng

Vì không có phân biệt. (kệ 1)

[563b09] Luận giải: Y chỉ tam-ma-bát-đề (: đẳng chí) khởi tu Du-già thắng hạnh⁵⁴⁴ để phát sinh bát-nhã ba-la-mật-đa, tức chánh tuệ này có năng lực đến-bờ-bến-kia. Thắng hạnh ấy là phương tiện tối thắng của đại bồ-đề, nên gọi là du-già. Chỗ y chỉ của trí ấy là đẳng chí (: định) mà không có phân biệt, cho nên đối với tất cả pháp và tất cả chúng [hành tướng] là vô phân biệt.

Thế nào là tất cả pháp và tất cả chúng [hành tướng]?

544 Du-già (yoga) dịch nghĩa là tương ưng (thích ứng với nhau), chính yếu là chỉ (xa-ma-tha) và quán (tý-bát-xá-na). Chỉ quán song hành thì đưa đến trí xuất thế vô phân biệt, tức bát-nhã ba-la-mật-đa. Muốn hiểu rõ thì xin xem phẩm Phân biệt Du-già, kinh Giải thâm mật.



Kệ tụng:

Tất cả, tất cả chúng:

Ba tướng và ba luân

Gọi danh tướng, nhiễm tịnh

Và không cả hai thứ. (kệ 2)

[563b16] Luận giải: *Tất cả pháp*: Là ba luân: 1. Cảnh sở tri; 2. Trí năng tri; 3. Người năng tri.

Tất cả chúng [hành tướng]: Là ba tướng: 1. Tướng của danh; 2. Nhiễm tịnh; 3. Không phải cả hai (nhiễm tịnh).

Danh: Là mười hai thứ danh: giả lập danh, v.v...⁵⁴⁵

Tướng của danh: Là tự tướng và cộng tướng.

Nhiễm: Là pháp nhiễm ô.

Tịnh: Là các pháp thiện.

Không phải cả hai: Là pháp vô phú vô ký.

Lại nữa, như vậy là đã nói về vô phân biệt. Nơi những pháp nào mà nói là vô phân biệt?

Kệ tụng:

Nơi pháp và pháp không

Không hai thứ hý luận

Vô phân biệt, vô cùng

Trên đây không đúng lý. (kệ 3)

545 Hiển dương, quyển 12, phẩm Nhiễm tịnh nghĩa, phần 8, mục Danh thân: “Danh thân lược nói có mười hai thứ: 1. Giả lập danh; 2. Thật danh; 3. Tổng danh; 4. Biệt danh; 5. Tùy nghĩa danh; 6. Hý luận danh; 7. Dị danh; 8. Nan danh; 9. Hiển danh; 10. Ẩn danh; 11. Lược danh; 12. Quảng danh.”



[563b24] Luận giải: Pháp và *pháp không*, cả hai không có hai thứ hý luận. Thế nào là hai? Là có và không có.⁵⁴⁶ Vì sao? Sắc chẳng phải có, vì tướng biến sở chấp không có; cũng chẳng phải không có, vì các pháp vô ngã có sự hiển lộ. Giống với sắc, *sắc không* cũng như vậy; đối với tất cả pháp và pháp không cũng nên biết như vậy.

Không phải tách rời các pháp và pháp không mà có cảnh nào khác có thể thủ đắc, cho nên chỉ nói hai vô phân biệt, chứ không phải vô phân biệt rồi lại vô phân biệt, là có cái lỗi vô cùng, vì trên cái vô phân biệt đây thì không có cảnh sở tri.

Lại nữa, kệ tụng:

Nếu toàn không gì thủ

Không tuệ cũng không độ

Cùng thành, thủ ly ngôn

Là thuận, chẳng không dụng. (kệ 4)

[563c06] Luận giải: Đây nếu không có hai thứ phân biệt, thì tức không có thủ. Hoàn toàn không có thủ thì thể của tuệ còn không có, huống là đến-bờ-bến-kia, cho nên có cái thủ ly ngôn tướng. Do có thủ ấy nên tuệ và đến-bờ-bến-kia, cả hai cùng thành tựu. Vì sao? Vì Thánh tuệ này không thủ đặc tánh như được ngôn thuyết mà thủ đặc tánh ly ngôn thuyết.

Hỏi: Nếu Thánh tuệ ấy không thủ đặc tánh như được ngôn thuyết, thì sự tuyên thuyết chánh pháp phải không có chỗ dùng?

Đáp: Không đúng. Vì tùy thuận vậy. Vì sao? Vì muốn tùy thuận cái tánh ly ngôn [của các pháp] mà có thủ, vì vậy mà đức Như lai tuyên thuyết chánh pháp.

⁵⁴⁶ Pháp và pháp không không có hai thứ hý luận: có và không có, cho nên gọi là vô phân biệt.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Bảy

Phẩm Mười

THÀNH BÁT TƯ NGHỊ

[563c14] Luận giải: Chính yếu là phải tư duy mới đi vào được hiện quán, cho nên phải lia phương tiện là sự tư duy về những bất khả tư nghị xứ.

Kệ tụng:

Chín sự bất tư nghị

Do y chỉ năm sự

Vì có năm lý do

Được, mắt đều ba thứ. (kệ 1)

[563c19] Luận giải: Có chín sự bất khả tư nghị: 1. Ngã; 2. Hữu tình; 3. Thế giới; 4. Nghiệp báo; 5. Cảnh giới của bậc tịnh lự; 6. Cảnh giới của chư Phật;⁵⁴⁷ 7. Mười bốn sự không thể xác định⁵⁴⁸;

⁵⁴⁷ Hiển dương, quyển 6, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, mục Lý thú bất khả tư nghị: "Lược có sáu sự bất khả tư nghị: 1. Ngã thì bất khả tư nghị; 2. Hữu tình thì bất khả tư nghị; 3. Thế gian thì bất khả tư nghị; 4. Tất cả nghiệp báo của hữu tình thì bất khả tư nghị; 5. Bậc chứng tịnh lự và cảnh giới tịnh lự thì bất khả tư nghị; 6. Chư Phật và cảnh giới của chư Phật thì bất khả tư nghị." Giải rộng thì xem Du-già sư địa luận, quyển 64, Nhiếp quyết trạch phần, Tư sở thành tuệ địa, tr. 655a07~b04.

⁵⁴⁸ Luận Đại trí độ, quyển 2: "Hỏi: Có mười bốn nạn vấn mà Phật không đáp, nên biết không phải là bậc Nhất thiết trí. Mười bốn nạn vấn là những gì? Là: (1-4) Thế giới và ngã là thường, hay vô thường? hay cũng thường cũng vô thường? hay chẳng phải thường chẳng phải vô thường? (5-8) Thế giới và ngã có biên, hay không biên? vừa cũng có biên cũng không biên? vừa chẳng phải có biên chẳng phải không biên? (9-12) Sau khi chết có linh hồn đi đến đời sau hay không có linh hồn đi đến đời sau? hay cũng có linh hồn cũng không linh hồn đi đến đời sau? hay cũng chẳng phải có linh



8. Phi chánh pháp; 9. Sự được dẫn nhiếp bởi tất cả phiền não.

Nếu có tư duy chín sự như vậy thì ắt phải y chỉ năm xứ mới khởi tư duy: 1. Kiến⁵⁴⁹; 2. Nhãn khả; 3. Suy tìm; 4. Lợi dưỡng; 5. Tán loạn. Y chỉ các kiến, tư duy về ngã và hữu tình. Y chỉ sự nhãn khả, tư duy về thế giới. Y chỉ sự suy tìm, tư duy về nghiệp báo, cảnh giới của bậc tỉnh lự, cảnh giới của chư Phật và mười bốn sự không thể xác định. Y chỉ sự lợi dưỡng, tư duy về phi chánh pháp. Y chỉ sự tán loạn, tư duy về sự được dẫn nhiếp bởi tất cả phiền não.

Hỏi: Lý do gì chín sự như vậy không nên tư nghị?

Đáp: Có năm lý do: 1. Ngã và hữu tình không có tự tướng, không nên tư nghị; 2. Thế giới là tướng hiện thành, không nên tư nghị;

hồn chẳng phải không linh hồn đi đến đời sau? (13-14) Thân là linh hồn? hay thân khác linh hồn? Nếu Phật là bậc Nhất thiết trí, vì sao không đáp mười bốn nạn vấn này?

Đáp: Việc ấy không thật nên không đáp. Các pháp là thường, không có lẽ đó. Các pháp là đoạn diệt, cũng không có lẽ đó; vì vậy nên Phật không đáp. Ví như có người hỏi vắt sừng trâu được mấy đầu sữa. Đó không phải câu hỏi không cần đáp.

Lại nữa, thế giới vô cùng như bánh xe, không đầu, không cuối.

Lại nữa, đáp vấn nạn ấy, không có lợi mà có hại, là rơi vào tà ác. Phật biết mười bốn nạn vấn ấy che lấp Tứ đế, che lấp Thật tướng các pháp. Như chỗ đi qua có ác thú, không nên dẫn người đi qua, chỗ an ổn không hoạn nạn, có thể chỉ cho người đi qua.

Lại nữa, có người nói việc ấy không phải là bậc Nhất thiết trí thời không thể hiểu. Vì người không thể hiểu nên Phật không đáp.

Lại nữa, nếu người, việc không nói có, việc có nói không, ấy gọi không phải là bậc Nhất thiết trí. Bậc Nhất thiết trí thì việc có nói có, việc không nói không. Đức Phật, việc có chẳng nói không, việc không chẳng nói có, chỉ nói: „Thật tướng các pháp, sao lại không gọi là bậc Nhất thiết trí? Ví như mặt trời, bình đẳng chiếu khắp, không tạo nên chỗ cao thấp, cũng không tạo nên bình địa. Phật cũng như thế, không khiến cho có làm thành không, không làm thành có, mà thường nói về trí tuệ chọn thật chiếu soi các pháp. Như có một đạo nhân hỏi Phật: „Mười hai nhân duyên do Phật làm hay do người khác làm.” Phật nói: „Ta không làm Mười hai nhân duyên, người khác cũng không làm.” Dù có Phật hay không có Phật, thì sanh vẫn làm nhân duyên cho già chết, pháp ấy quyết định thường trú. Phật thường nói sanh làm nhân duyên cho già chết, cho đến Vô minh làm nhân duyên cho các Hành.

Lại nữa, trong mười bốn nạn vấn, nếu trả lời thì sai lầm. Như có người hỏi đứa con hay do người lại cái, của con gái đá là cao hay thấp, đẹp hay xấu? Điều ấy không nên trả lời vì không có đứa con ấy. Lại nữa, mười bốn nạn vấn ấy là tà kiến không chân thật. Phật chỉ nói những gì chân thật, nên bỏ qua không đáp.

Lại nữa, bỏ qua không đáp tức là đáp. Có bốn cách đáp: Một là quyết định đáp, như nói Phật là an ổn nhất trong Niết-bàn. Hai là giải nghĩa đáp. Ba là đáp bằng cách hỏi trở lại. Bốn là bỏ qua không đáp.” (HT. Thích Thiện Siêu dịch)

549 Kiến: Chủ yếu là thân kiến, nói rộng là 62 kiến, như trong kinh Phạm võng đề cập.



3. Nghiệp báo và hai cảnh giới [của bậc tỉnh lự và chư Phật] là những sắc thái sâu xa, không nên tư nghị; 4. Mười bốn sự không thể xác định không phải là tướng trạng nhất định, không nên tư nghị; 5. Phi chánh pháp và sự được dẫn nhiếp bởi các phiền não thì đưa đến trạng huống vô nghĩa lợi, không nên tư nghị.

Nếu có tư nghị những sự như vậy thì có thể dẫn đến ba thứ tội lỗi và công đức: 1. Tội lỗi khởi tâm loạn; 2. Tội lỗi sinh phi phước đức; 3. Tội lỗi không được điều thiện. Nếu không tư nghị những sự như vậy thì có thể dẫn đến ba thứ công đức, trái ngược với ba thứ tội lỗi ở trên.

Lại nữa, kệ tụng:

Không nghĩ, không xác định

Nên biết do bốn nhân

Chẳng nhất định, sâu xa

Dẫn vô nghĩa, tướng trú. (kệ 2)

[564a10] Luận giải: Nói sơ lược thì có bốn lý do mà tự mình không nên tư duy về sự không thể tư nghị, cũng không nên xác định sự ấy với người khác: 1. Ngã và hữu tình là có hoặc không có, không gì nhất định, nên không thể tư duy, không thể xác định; 2. Nghiệp báo và hai cảnh giới [của bậc tỉnh lự và chư Phật] đều sâu xa, nên không thể tư duy, không thể xác định; 3. Thế giới, [mười bốn] sự không thể xác định, phi chánh pháp và sự được dẫn nhiếp bởi các phiền não, tất cả đều dẫn đến vô nghĩa lợi, nên không thể tư duy, không thể xác định; 4. Chân như nơi các pháp: hành, v.v... không dính líu không tách rời⁵⁵⁰,

550 Bất tức bất ly 不即不離: không dính líu không tách rời; không tương tức không tương ly. Cũng gọi Bất nhất bất dị (chẳng phải một, chẳng phải khác). Như nước với sóng, hai thứ có khác nhau, nên nói bất tức; tánh chất của nước và sóng không khác (cùng một tính ướt) nên nói bất ly. Kinh Viên giác: “Các vị bồ tát, và người sau này, tu tập mà thành đạt viên giác như vậy, thì đối với chính viên giác ấy đã không tu tập và không thành đạt, chiếu sáng một cách tròn đầy mà trong lặng, không



tướng của chúng là *pháp nhĩ an trú*⁵⁵¹, nên không thể tư duy, không thể xác định.

Lại nữa, kệ tụng:

Không nghĩ ngã có – không

Vì thành hai làm lỗi

Với người cũng hai lỗi

Không nên nghĩ: một – khác. (kệ 3)

[564a20] Luận giải: Không nên tư duy rằng ngã là có hay không có. Vì sao? Vì thành hai làm lỗi. (1) Nếu nghĩ ngã là có, tức nơi cái nghĩa chẳng thật có, khởi chấp tăng ích⁵⁵², thành lỗi. (2) Nếu nghĩ ngã là không có, tức nơi cái nghĩa giả có, khởi chấp tổn giảm⁵⁵³, thành lỗi.

Đối với hữu tình khác [so với mình], nếu chấp là đồng nhất hay dị biệt, thì cũng thành hai lỗi. (1) Nếu chấp là đồng nhất, mà hữu tình

có những khái niệm đối lập lẫn nhau. Chính trong cái trạng thái chiếu sáng này mà thấy hằng sa thể giới y như hoa đóm nổi lên hay mất đi với bao nhiêu là hình thái, thấy các pháp không dính líu không tách rời (bất tức bất ly), không trôi buộc không cời mờ, thấy chúng sinh vốn là Phật đà, sinh tử với niết bàn đều như giấc mộng. Vì đều như giấc mộng nên đối với sinh tử và niết bàn thì thấy không nổi không tan, không đến không đi; đối với chân lý sở chứng thì thấy không được không mất, không lấy không bỏ; đối với tuệ giác năng chứng thì thấy không làm không ngưng, không buông không dứt; đối với sự chứng ngộ thì thấy không năng chứng không sở chứng, cứu cánh không có sự chứng ngộ và người chứng ngộ. Thấy như vậy là vì toàn bộ các pháp đều bình đẳng và không phá hoại nhau." (HT. Thích Trí Quang dịch)

551 Pháp nhĩ 法爾: Các pháp là thế đó, tức nói các pháp thường đồng thường biệt (thường duy nhất mà thường sai biệt), là "Như lai xuất thế hay không xuất thế, pháp tánh các pháp vẫn an lập, pháp giới các pháp vẫn an trú." Như nói, tâm thể thì duy nhất nhưng tâm dụng có sai biệt.

552 Tăng ích: thêm vào, thêm thắt. Chấp tăng ích là vọng chấp các pháp là thật có, tức thêm cái giá trị có vào các pháp vốn hư giả; là nơi tánh y tha của các pháp mà thấy ngã pháp, tức có mà chỉ có với biến kế sở chấp.

553 Chấp tổn giảm là vọng chấp các pháp toàn không, tức nơi tánh y tha của các pháp mà cho là không có, và y tha mà không có thì không có gì nữa, tức thành cái lỗi không có nhiệm và tịnh, tức không có tánh viên thành thật.



thì đa dạng, thành lỗi. (2) Nếu chấp là dị biệt, mà chẳng có sáu xứ [khác nhau]⁵⁵⁴, thành lỗi.

Lại nữa, kệ tụng:

Hai tuy không y kiến

Thành nên không phải nghĩ

Không nghĩ sinh như vậy

Vì ba lỗi đi theo. (kệ 4)

[564a27] Luận giải: Hữu tình thế giới và khí thế giới, cả hai thế giới này mặc dù không y theo kiến nhưng cũng không nên nghĩ. Vì sao? Người thế gian đều hiểu biết *tướng hiện thành* của chúng.

Hỏi: Vì sao không nghĩ sự thể ấy sinh ra như vậy, hay không đúng như vậy?

Đáp: Nếu người suy nghĩ như vậy, thì sẽ nhận định: đúng là như vậy, hoặc khác biệt như vậy, hoặc không có như vậy. Ba lỗi này luôn đi theo.

Lại nữa, kệ tụng:

Thiện thú và ác thú

Hai tác giả chẳng định

Quá khứ nghiệp thiện ác

Xứ, sự v.v... khó nghĩ. (kệ 5)

[564b05] Luận giải: Đối với nghiệp báo, không nên nghĩ bàn rằng người tu phước hành thì nhất định sinh thiện thú, người làm ác hành thì nhất định sinh ác thú, vì không quyết định.

554 Sáu xứ: nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ và ý xứ. Cùng là thấy nhưng mỗi sinh loài có cái thấy khác nhau, như nước mà người thấy nước, quỷ thấy máu, trời thấy cung điện.



Lại nữa, đối với nghiệp tịnh và bất tịnh ở đời quá khứ, hoặc xử sở [sai biệt], hoặc sự [sai biệt], hoặc nhân [sai biệt], hoặc quả báo [sai biệt], đều không thể tư nghị.

Lại nữa, kệ tụng:

Chân như, tánh vô lậu

Thành sở tác nghĩa lợi

Bậc tĩnh lự, Như lai

Vì không dụ, tự tại. (kệ 6)

[564b11] Luận giải: Trong hai cảnh giới của bậc tĩnh lự và chư Phật, chân như và tánh vô lậu đều không thể tư nghị.

Lại nữa, cái nghĩa *thành sở tác* của chư Phật, v.v... là sự làm lợi ích cho chúng sinh cũng không thể tư nghị. Vì sao? Vì không có thí dụ: tất cả thế gian không có việc nhỏ nào có thể thí dụ cho hai cảnh giới sâu xa. Lại vì tự tại: chư Như lai, v.v... do nội chứng đắc tâm tự tại, nên khởi làm bất cứ điều gì ở thế gian đều có tác dụng. Nếu tách rời nhân và duyên hòa hợp thì không được thấy [tác dụng].

Lại nữa, kệ tụng:

Tuyên thuyết của ngoại đạo

Dẫn đến không nghĩa lợi

Phi lý, rời bốn xứ

Vô ký không nên nghĩ. (kệ 7)

[564b20] Luận giải: Không nên tư nghị về tất cả *sự không thể xác định*, vì là những tà thuyết của các ngoại đạo, vì có thể dẫn đến các sự không nghĩa lợi, vì không đúng chánh lý, và vì rời xa bốn chánh tư duy xứ: nhân tư duy xứ, quả tư duy xứ, tạp nhiễm tư duy xứ và thanh tịnh tư duy xứ.



Lại nữa, như trên đã nói, nếu tư duy về những điều ấy thì có ba thứ tội lỗi. Làm sao mà có?

Kệ tụng:

Phi xứ siêng dụng công

Hủy báng nghĩa đại ngã

Không tu thanh tịnh thiện

Nên thành ba làm lỗi. (kệ 8)

[564b27] Luận giải: Tội lỗi thứ nhất là do nơi *phi xứ*⁵⁵⁵ mà siêng năng dụng công thì khởi tâm loạn. Tội lỗi thứ hai là do nơi bậc có được tĩnh lự và chư Phật Thế tôn mà hủy báng công đức tối thắng thì phát sinh *phi phước*. Tội lỗi thứ ba là do không phát khởi *pháp thiện thanh tịnh* thì không có được điều thiện.

Lại nữa, kệ tụng:

Rời xa không tư nghị

Nghĩ khả tư nghị xứ

Đủ tám thứ công đức

Nên như lý tư duy. (kệ 9)

[564c04] Luận giải: Đối với *bất tư nghị xứ* mà gắng gượng tư nghị thì có tội lỗi như vậy, cần phải rời xa. Đối với *khả tư nghị xứ* thì cần tư duy đúng lý. Tư duy như vậy thì có đủ tám công đức: 1. Có thể khéo hiểu rõ ám thuyết và đại thuyết⁵⁵⁶; 2. Y theo nghĩa mà tư duy, chứ không y theo văn tự; 3. Tịnh tín dù ít cũng tín giải được; 4. Tuệ quán

555 Phi xứ: nhân quả ác.

556 Ám thuyết 闇說 là những luận thuyết của ngoại đạo như phái Số luận, v.v... Đại thuyết 大說 là những lời đức Phật dạy. Du-già sư địa luận dùng hắc thuyết đại thuyết 黑說大說. Hắc thuyết, có chỗ hiểu là mặc thuyết 默說, như đức Phật thuyết 1 bài pháp ngắn, gọi là mặc thuyết, chứ tỳ kheo nghị luận rộng ra, gọi là đại thuyết. Ở đây ám thuyết nên hiểu là mặc thuyết.



dù ít cũng quán sát được; 5. Tư duy kiên cố; 6. Tư duy thẩm sát để lý; 7. Thường chuyên cần tư duy; 8. Những gì được tư duy phải khéo tư duy rất ráo, không có biếng nhác, thoái lui.⁵⁵⁷

Lại nữa, kệ tụng:

Giáo pháp chư Phật thuyết

Biển tri, đoạn ... không trái

Vì năm nhân, hai nhân

Ở đây không nên nghi. (kệ 10)

[564c13] Luận giải: Không nên ưa thích tư nghị về bất tư nghị xứ, vì có năm nguyên do: những lời chư Phật dạy và bốn đế: biển tri khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, không có chống trái nhau. Lại nữa, lược có hai nguyên do là *giáo* và *chứng*, nghĩa là (1) những lời chư Phật dạy [gọi là giáo], và (2) biển tri khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo [gọi là chứng].⁵⁵⁸

557 Du-già sư địa luận, quyển 16, Bản địa phần, Tư sở thành địa: “Thế nào là tự tánh thanh tịnh? Do 9 sắc thái: 1. Như có người một mình nơi chỗ vắng, tư duy thật sâu những điều đã được nghe, những điều đã nghiên ngẫm, thấu suốt đạo lý các pháp; 2. Xa lìa tất cả bất tư nghị xứ và tư duy thật sâu những gì nên tư duy; 3. Năng khéo rõ biết về mặc thuyết và đại thuyết; 4. Phạm điều tư duy chỉ nương nơi nghĩa, không nương nơi văn; 5. Đối với pháp chỉ sanh tín giải ít phần, thì ở nơi ít phần pháp ấy hãy dùng tuệ quán sát; 6. Bền bỉ tư duy; 7. An trú tư duy; 8. Tương tục tư duy; 9. Đối với điều đã tư duy năng khéo rất ráo, trọn không giữa đường nhàm chán, sợ hãi, thối chí, khuất phục. Do 9 sắc thái đây gọi là thanh tịnh thiện tịnh tư duy.” (tr. 361b21~29)

558 A-tỳ-đạt-ma Thuận chánh lý luận: “Thế chánh pháp của Thế tôn có hai: giáo và chứng. Giáo là khế kinh, điều phục và đối pháp (kinh, luật và luận). Chứng là các vô lậu đạo của ba thừa.” (tr. 775b01)



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Bảy

Phẩm Mười Một

NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH (phần 1)

[564c18] Luận giải: Như vậy là đã rời xa bất tư nghị xứ, có được phương tiện tư duy, đối với *chín sự*⁵⁵⁹ nên lấy mười tướng để phát khởi các thứ quyết trạch tối thắng. Những gì là mười?

Kệ tụng:

Số, tướng, biệt, hữu, xứ

Biên tế và sinh khởi

Tướng, thiện xảo, nhiếp v.v...

Các sự thắng quyết trạch. (kệ 1)

[564c23] Luận giải: Mười tướng là: 1. Số; 2. Tướng; 3. Sai biệt; 4. Hữu tánh; 5. Xứ sở; 6. Biên tế; 7. Sinh khởi; 8. Tướng; 9. Thiện xảo; 10. Nhiếp v.v....

Số: Là sắc số, có mười lăm loại, như vậy thấy.⁵⁶⁰

Tướng: Là giả lập tướng, tự tướng và cộng tướng. Ở đây, *sự* cũng gọi là tướng, vì là sở tướng⁵⁶¹. *Danh* cũng gọi là tướng; *tương*

559 Chín sự: 1. Nhất thiết pháp; 2. Giới; 3. Tạp nhiễm; 4. Đế; 5. Y chỉ; 6. Giác phần; 7. Bồ-đặc-già-la; 8. Quả; 9. Công đức.

560 Sắc pháp có 15 loại: đất, nước, lửa, gió, nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, sắc, thanh, hương, vị, một phần của xúc và pháp xứ sở nhiếp sắc.

561 Sở tướng: Cái được đặc trưng.



ung cũng gọi là tướng, chúng đều là công cụ của năng tướng⁵⁶². Như lửa và sắc tương *ung*⁵⁶³ biểu lộ, biết có hơi ấm. Đại loại như vậy, chúng sinh cũng gọi là tướng, vì là đối tượng; thủ⁵⁶⁴ cũng gọi là tướng, vì là thể của năng tướng.

Sai biệt: Là hữu sắc, vô sắc, hữu kiến, vô kiến, v.v... sai biệt.

Hữu tánh: Là giả hữu tánh, thật hữu tánh và thắng nghĩa hữu tánh.⁵⁶⁵

Xứ sở: Là bốn đại triển chuyển, cùng với tạo sắc đồng trú một xứ; lại nữa, sắc và tâm, v.v... đồng một xứ sở; lại nữa, dựa vào cái thân ở Dục giới, triển chuyển an trú tâm ở Sắc giới, Vô sắc giới.

Biên tế: Là biên tế của sắc, cho đến biên tế của Sắc giới, và cực vi⁵⁶⁶; là biên tế của lạc thọ, cho đến biên tế của đệ tam tĩnh lự⁵⁶⁷; đại loại như vậy.

Sinh khởi: Là do nhân duyên như vậy, pháp như vậy sinh khởi, như [các động từ:] dẫn đến, thể lực, phát sinh, v.v...

Tướng: Là cú, mê hoặc, v.v...⁵⁶⁸

562 Năng tướng: tánh chất của hữu vi.

563 Như hòn sắt nung đỏ.

564 Thủ: Năng thủ và sở thủ.

565 Hữu tánh: Lý tánh của pháp hiện hữu. Còn gọi là giả tự tánh, thật tự tánh và thắng nghĩa tự tánh.

566 Cực vi được quan niệm như là biên tế của sắc.

567 Lạc chỉ có mặt từ đệ tam tĩnh lự trở xuống Dục giới. Hiển dương, quyển 2: "Như trong kinh nói, 'Ngay trong thân này có lạc do ly hỷ, thấm nhuần khắp cả, thấm nhuần một cách phổ biến, ưa thích khắp cả, sung mãn khắp cả,' đó là cận phần của đệ tam tĩnh lự. Kinh lại nói, 'Ngay trong thân này, mọi chỗ, không có thiếu phần, lạc do ly hỷ không chỗ nào không biến mãn,' đó là căn bản của đệ tam tĩnh lự."

568 Kệ tụng trong phẩm Nhiếp sự, phần 4: "Cú, mê hoặc, hỷ luận/ Trú, chân thật, tịnh, diêu/ Tịch tĩnh, tánh, đạo lý/ Giả thi thiết, hiện quán/ Phương sở, vị, phân biệt/ Tác, chấp trì, tăng giám/ Âm, ngữ, sở giác, thượng/ Viễn ly, chuyển, tàng hộ/ Giản trạch và hiện hành/ Thụy miên và tương thọ/ Các tương nhiếp, tương ứng/ Thuyết, nhiệm tri, thứ đệ/ Sở tác, cảnh, Du-già/ Xa-ma-tha và quán/ Chư tác ý, giáo thọ/ Đức, bồ-đề, thánh giáo."



Thiện xảo: Là thiện xảo uẩn, v.v...⁵⁶⁹

Nhiếp v.v...: Là nhiếp⁵⁷⁰, tương *ung*⁵⁷¹, y⁵⁷², duyên⁵⁷³ và vấn luận.

Vấn luận lại có nhiều thứ: nhất hành, thuận tiền cú, thuận hậu cú, tứ câu, vô sự cú.⁵⁷⁴ Nếu có thể khéo hiểu biết như vậy gọi là khéo vấn ký⁵⁷⁵.

Lại nữa, nơi *sự nhất thiết pháp* nên khởi các thứ quyết trạch tối thắng. Nay sẽ nói trước quyết trạch về *sự tâm*⁵⁷⁶.

Kệ tụng:

Tâm tánh có hai thứ

Di thực tâm, chuyển tâm

569 Bảy thứ thiện xảo: 1. Thiện xảo uẩn; 2. Thiện xảo giới; 3. Thiện xảo xứ; 4. Thiện xảo duyên khởi; 5. Thiện xảo xứ phi xứ; 6. Thiện xảo căn; 7. Thiện xảo đế.

570 Hiển dương, quyển 14, phẩm Thành thiện xảo, tr. [547b11]: "Thiện xảo chủng chủng nhiếp có mười một thứ: 1. Nhiếp giới; 2. Nhiếp tướng; 3. Nhiếp chủng loại; 4. Nhiếp phần vị; 5. Nhiếp bất tương ly; 6. Nhiếp thời; 7. Nhiếp phương; 8. Nhiếp toàn phần; 9. Nhiếp nhất phần; 10. Nhiếp thắng nghĩa; 11. Nhiếp hổ tương."

571 Hiển dương, quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4: "Tương *ung*: Có năm thứ [đồng hành tương *ung*]: 1. Cùng tha tánh tương *ung*, chẳng phải tự tánh; 2. Trong tha tánh tương *ung*, cùng pháp bất tương vi tương *ung*, chẳng phải pháp tương vi; 3. Trong pháp bất tương vi tương *ung*, cùng hạ, trung, thượng phẩm tương tự tương *ung*, chẳng phải không tương tự; 4. Trong hạ, trung, thượng phẩm tương tự tương *ung*, cùng đồng thời tương *ung*, chẳng phải dị thời; 5. Trong đồng thời tương *ung*, cùng đồng [phần giới] địa tương *ung*, chẳng phải dị [phần giới] địa."

572 Hiển dương, quyển 6, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, tr. [509b10]: "Sự nghe: Phân biệt có sáu thứ: 1. Y xứ; 2. Y nhiếp; 3. Y thanh tịnh; 4. Y hành; 5. Y lý thú; 6. Y nghĩa." Quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4: "Lại có bốn ý: 1. Y theo pháp, không y theo chúng sinh; 2. Y theo nghĩa, không y theo văn; 3. Y theo kinh liễu nghĩa, không y theo kinh bất liễu nghĩa; 4. Y theo trí, không y theo thức."

573 Hiển dương, quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4: "Lại có bốn duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên."

574 Hiển dương, quyển 14, phẩm Thành thiện xảo, tr. [547b23]: "Thiện xảo chủng chủng luận: Đối với uẩn, giới, xứ, có phương tiện thiện xảo là nhiều thứ hỏi đáp, như lấy nhất hành làm câu hỏi, và nên lấy thuận tiền cú, thuận hậu cú, tứ cú, vô lượng cú làm câu trả lời."

575 Bốn vấn ký (ký luận): 1. Quyết định ký; 2. Phân biệt ký; 3. Phân cật ký; 4. Mặc trí ký. Xem quyển 12, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8.

576 Sự thứ nhất trong 9 sự là sự nhất thiết pháp. Nhất thiết pháp gồm có: sự tâm, sự tâm sở hữu và sự sắc.



Đầu a-lại-da thức

Chứng tử, hai nên biết. (kệ 2)

[565a15] Luận giải: Lược nói tâm tánh có hai thứ: 1. Tâm dị thực; 2. Tâm chuyển.

1. **Tâm dị thực:** chính là thức a-lại-da, cũng gọi là thức nhất thiết chủng tử. Ở đây lại có hai thứ nên biết: 1. Chứng thành; 2. Kiến lập.

(1) Thế nào là **chứng thành**?

Kệ tụng:⁵⁷⁷

Chấp thọ, sơ, minh liễu

Chứng tử, nghiệp, thân thọ

Vô tâm định, mạng chung

Vô đều không đúng lý. (tụng 1)

[565a21] Luận giải: Do tám sắc thái chứng minh thức a-lại-da chắc chắn là có. Nếu không có thức a-lại-da, thì (1) *sự y chỉ chấp thọ* phải không có được; (2) *thức đầu tiên sinh khởi* chắc chắn không có được; (3) *tánh chất minh liễu sinh khởi* phải không có được; (4) *chứng tử các pháp* phải không có được; (5) *bốn thứ nghiệp dụng* phải không có được; (6) *các thứ thân thọ* phải không có được; (7) *hai vô tâm định* phải không có được; (8) *cái thức khi mạng chung* phải không có được.

Hỏi: Vì sao không có thức a-lại-da thì sự y chỉ⁵⁷⁸ [cho các chuyển thức] chấp thọ⁵⁷⁹ không thể có được?

577 Từ kệ tụng này trở xuống đến hết quyển 17 thì tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 51, Nhiếp quyết trích phần, Năm thức thân tương ưng địa, Ý địa (phần 1), tr. 579a18~582a12.

578 Y chỉ: Sáu chuyển thức đầu đều lấy thức a-lại-da làm sở y trực tiếp chung.

579 Chấp thọ tức thủ (chấp thủ, trong thủ uẩn). Nó là tập khí của phân biệt ngã chấp và phân biệt của pháp chấp.

Đáp: Do năm lý do. Những gì là năm? (1) Thức a-lại-da làm nhân cho những hành nghiệp tạo tác ở đời trước sinh khởi; các chuyển thức ở đời nay sinh khởi [tùy thuộc] các duyên làm nhân tố. Như kinh nói: “*Căn, cảnh và lực tác ý [hòa hợp] nên các chuyển thức phát sinh,*” cho đến nói rộng. Đó là lý do thứ nhất. (2) Sáu thức thân có thể có tánh thiện và bất thiện, đó là lý do thứ hai. (3) Sáu thức thân mà được nhiếp vào một loại dị thực, vô ký, ắt không thể được, đó là lý do thứ ba. (4) Sáu thức thân, mỗi thức có sở y riêng biệt mà chuyển. Nếu dựa vào chỗ này, chỗ kia mà thức này, thức kia chuyển, thì các chỗ dựa ấy phải có sự chấp thọ. Không có sự chấp thọ là không đúng đạo lý. Dẫu chấp nhận [chỗ dựa] có tánh năng chấp cũng không đúng đạo lý, vì các thức tách rời [chỗ dựa ấy]. Đó là lý do thứ tư. (5) Chỗ y chỉ mà thành nhiều lần chấp thọ, thì có cái lỗi. Vì sao? Nhãn thức có lúc chuyển, có lúc không chuyển; các thức khác cũng như vậy. Đó là lý do thứ năm.

Như vậy, [các chuyển thức do] nhân tố của hành nghiệp đời trước sinh ra và nhân tố của các duyên hiện tại sinh ra; có tánh thiện và bất thiện; là một loại không thể có được; có sở y riêng biệt; mắc cái lỗi nhiều lần chấp thọ; tất cả đều không đúng đạo lý.

Hỏi: Vì sao không có thức a-lại-da thì thức đầu tiên sinh khởi không có được?

Đáp: Giả sử có người chất vấn rằng: “*Nếu có thức a-lại-da thì phải có hai thức đồng thời sinh khởi?*” Nên bảo người kia rằng: “Ông từ chỗ không lỗi mà sinh ý tưởng hư vọng thành lỗi, vì chấp nhận có hai thức đồng thời chuyển. Vì sao? Vì như có một người đồng thời muốn thấy, muốn nghe, muốn hay, muốn biết, mà theo riêng một thức đầu tiên sinh khởi, là không đúng đạo lý. Vì sao? Vì vào lúc đó, người



kia có sự tác ý không có sai biệt, [hơn nữa] căn và cảnh không có biến mất ở hiện tiền, thì lý do gì các thức không đồng thời chuyển?”

Hỏi: Vì sao không có các thức cùng chuyển, tức năm thức đồng hành với ý thức, thì tánh chất minh liễu⁵⁸⁰ sinh khởi không có được?

Đáp: Nếu có định chấp rằng ý thức không cùng sinh khởi với năm thức nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, khi chúng đồng hành một cảnh với ý thức, thì tánh chất minh liễu (phân biệt rõ ràng) phải không có. Vì sao? Nếu khi duyên với cảnh quá khứ, sinh khởi sự nhớ nghĩ, bấy giờ ý thức bất minh liễu hiện hành ở trước, chứ không phải cái ý thức hiện cảnh hiện hành, nên mới có cái ẩn tượng không rõ ràng như vậy. Vì vậy phải chấp nhận có các thức cùng chuyển, hoặc phải chấp nhận ý thức thứ sáu kia có tánh không rõ ràng. [Không chấp nhận] tức là có lỗi.

Hỏi: Vì sao không có thức a-lại-da thì chủng tử các pháp không có được?

Đáp: Sáu chuyển thức thân đều khác biệt nhau. Vì sao? Sáu chuyển thức ấy từ thiện không gián đoạn, tánh bất thiện sinh; từ bất thiện không gián đoạn, tánh thiện lại sinh; từ hai tánh không gián đoạn, tánh vô ký sinh. Liệt giới không gián đoạn, trung giới sinh; trung giới không gián đoạn, diệu giới sinh. Cứ như vậy, diệu giới không gián đoạn, liệt giới sinh, v.v... Hữu lậu không gián đoạn, vô lậu sinh; vô lậu không gián đoạn, hữu lậu sinh. Thế gian không gián đoạn, xuất thế sinh; xuất thế không gián đoạn, thế gian sinh. Các

580 Ý thức có hai loại: 1. Ý thức độc đầu: chỉ một mình ý thức khởi lên, không có chung cùng với năm thức trước. Như khi mắt không thấy cảnh, tai chẳng nghe tiếng v.v... mà vẫn khởi vọng tưởng phân biệt các cảnh vật. 2. Ý thức ngũ câu: ý thức chung cùng với năm thức trước khởi, cũng gọi là ý thức minh liễu (ý thức phân biệt rõ ràng).



trạng thái như vậy không phải là thể của chủng tử⁵⁸¹, không đúng đạo lý.

Lại nữa, các chuyển thức ấy có thể bị gián đoạn trong thời gian dài⁵⁸², [trong khi chủng tử] liên tục trải qua một thời gian dài, lưu chuyển không ngưng nghỉ, mà nói các chuyển thức có khả năng duy trì chủng tử là không đúng đạo lý.

[565c02] Hỏi: Vì sao không các thức cùng chuyển thì các nghiệp không có được?

Đáp: Không có các thức đồng thời sinh khởi mà các nghiệp dụng cùng chuyển, là không đúng đạo lý. Vì sao? Lược nói, nghiệp dụng có bốn thứ: 1. Nghiệp dụng liễu biệt khí; 2. Nghiệp dụng liễu biệt y; 3. Nghiệp dụng liễu biệt ngã; 4. Nghiệp dụng liễu biệt cảnh. Bốn thứ nghiệp dụng liễu biệt như vậy, chúng chung cùng hoạt động trong từng sát-na, chứ không phải một thức trong một sát-na có những nghiệp dụng khác nhau như vậy. Vì vậy ắt có các thức cùng khởi.

[565c08] Hỏi: Vì sao không có thức a-lại-da thì thân thọ⁵⁸³ không có được?

Đáp: Như có người tư duy đúng lý, hoặc tư duy không đúng lý, hoặc có suy tìm, [hoặc không có suy tìm], hoặc tâm ở trong định, hoặc tâm không ở trong định, luôn có nhiều thứ thân thọ sinh khởi, chứ

581 Các chuyển thức dễ biến mất, dễ xuất hiện vì tùy thuộc căn, cảnh, tác ý; và các trạng thái như trong 3 tánh: thiện, bất thiện, vô ký; trong 3 giới: hạ, trung, thượng; trong hữu lậu và vô lậu; trong thế gian và xuất thế gian. Chúng không thể bị huân tập, không thể duy trì chủng tử, không phải là tâm tập khởi của chủng tử nhiễm và tịnh, như thức a-lại-da.

582 Các chuyển thức đều bị gián đoạn trong trạng thái vô tâm như ngủ say, bất tỉnh, vô tướng định, diệt tận định, vô tướng dị thực.

583 Ba thọ (khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ) được chia làm hai: 1. Tương ưng với thân gọi là thân thọ (cảm thọ của thân), vì cá biệt y trên thân, đó là cảm thọ tương ưng với 5 thức; 2. Tương ưng với ý thức gọi là tâm thọ, vì duy chỉ y trên tâm.



không phải một thứ. Nếu không có thức này thì phải không có được những thân thọ như vậy; nhưng hiện tại có thân thọ, cho nên quyết chắc có thức a-lại-da.

[565c13] Vì sao không có thức a-lại-da thì các vô tâm định không có được?

Đáp: Như đức Bạc-già-phạm dạy: “*Nhập vô tướng định*⁵⁸⁴ và diệt tận định⁵⁸⁵, *bấy giờ thức không rời thân.*” Nếu không có thức này thì bấy giờ [ở trong định] thức phải rời thân. Thức nếu rời thân thì phải như xả mạng⁵⁸⁶, chẳng gọi là ở trong định.⁵⁸⁷

584 Vô tướng định = Vô tướng tâm định (animitta-cetosamādhī). Du-già sư địa luận, quyển 12, giải thích: “Sao gọi là vô tướng tâm tam-ma-địa? Tức là đối với sự diệt của các thủ uẩn kia, tư duy tĩnh lặng, tâm trụ vào một duyên. Như kinh nói: Vô tướng tâm tam-ma-địa không xuống thấp không lên cao ... Lại do hai nhân duyên mà nhập vô tướng định: 1. Vì không tư duy về tất cả tướng; 2. Vì chánh tư duy về vô tướng giới. Do không tư duy về tất cả tướng nên đối với các tướng kia không có sự chán bỏ, không phá hủy, chỉ không tác ý tư duy thêm, nên gọi là không xuống thấp. Do chánh tư duy về vô tướng giới, đối với vô tướng kia không cố chấp, nên gọi là không lên cao.” (tr. 337b16~23) Xem Tập A-hàm, Vô tướng tâm tam muội là trí quả và trí công đức, qua các kinh số 556-559.

585 Diệt tận định = Diệt thọ tướng định: Nhập định này thì cảm giác (thọ) và tư tưởng (tướng) đều không còn hiện hành. Tiểu thừa thì bậc hữu học A-na-hàm sắp lên, đại thừa thì bồ-tát bất thoái sắp lên, mới nhập được định này.

586 Tập A-hàm, kinh Già-ma, số 568: “Trường giả Chất-đa-la lại hỏi Tôn giả Già-ma: - Người chết và người nhập chánh thọ Diệt tận có khác nhau không? - Xả thọ và hơi ấm, các căn hư hoại, thân mạng phân ly, đó gọi là chết. Người Diệt tận định, thân, khẩu, ý hành diệt, nhưng không xả thọ mạng, chẳng lìa hơi ấm, các căn không hoại, thân mạng thuộc nhau. Đó là tướng sai khác giữa người chết và người nhập Diệt tận định.”

587 Nhiếp đại thừa luận bản, tr. 137a02~14: “Nhập diệt định thì thức vẫn không rời thân, Phật đã dạy như vậy. Ở đây thức dị thực mới thích đáng không rời thân, vì không do đối trị thức ấy mà có diệt định. Cũng không phải xuất diệt định thì ý thức sinh lại, bởi vì ngay như thức dị thực mà gián đoạn rồi, có nghĩa tách rời kiết sinh liên tục rồi, thì cũng không có sự sinh lại. Nếu ai chấp rằng ý có ý thức nên nói diệt định có tâm, thì cái tâm ấy bất thành, vì (có ý thức thì) diệt định đáng lẽ không thành; vì đối cảnh và cái biết đối cảnh thì diệt định không có, (mà ý thức thì có rất rõ); vì (nếu có ý thức thì) đáng lẽ phải có cái lỗi thích ứng với tâm sở thiện, còn ác với vô ký thì không hợp lý rồi; vì (nếu có ý thức thì) đáng lẽ có cái lỗi là 2 tâm sở thọ và tướng đều hiện hành, (không thể gọi là diệt thọ tướng định); vì (nếu có ý thức thì) đáng lẽ có cả tâm sở xúc, trong định đáng lẽ có cái khả năng ấy; vì (nếu có ý thức thì) đáng lẽ có cái lỗi chỉ diệt tâm sở tưởng mà thôi, (không được gọi là diệt thọ tướng định); lại đáng lẽ có cả cái lỗi tư tâm sở, tín tâm sở, v/v, hiện hành; nếu nói bạt nhỏ cái năng y (là tâm sở) tách rời cái sở y (là ý thức, và cái sở y vẫn còn) thì không hợp lý; vì có sự ví dụ (ví như vô tướng định, cái tướng năng y bị diệt thì cái ý thức sở y cũng không còn); vì, (nếu nói ví như ở tứ thiền, hơi thở năng y không còn mà cái thân sở y vẫn còn, thì không đúng, bởi hơi thở) không biến hành, còn thọ và tướng (là biến hành), không có sự không biến hành. Lại nữa, nói trong diệt định do có ý thức nên nói có tâm, thì tâm ấy đầu thiện, đầu ác, đầu vô ký, đều bất thành cả, nên không hợp lý.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



[565c17] Hỏi: Vì sao không có thức a-lại-da thì cái thức khi mạng chung không có được?

Đáp: Như có người đến lúc mạng chung, từ thân phần trên [đi xuống] hay từ thân phần dưới [đi lên], thức dần dần rời bỏ, cảm xúc lạnh dần dần khởi lên, ý thức của người ấy phải có lúc không chuyển, cho nên biết chỉ có thức a-lại-da mới có khả năng chấp trì thân. Thức này nếu rời bỏ thì chỉ còn cảm xúc lạnh nơi thân phần của người ấy, thân không còn cảm thọ nhận biết, ý thức cũng vậy. Cho nên nói không có thức này là không đúng đạo lý.⁵⁸⁸

Như vậy đã nói đạo lý chứng thành về thức a-lại-da.

(2) Thế nào là *kiến lập*?

Kệ tụng:

Sở duyên cảnh, tương ưng

Hỗ tương hai nhân tánh

Các thức cùng lưu chuyển

Tạp nhiễm ô hoàn diệt. (tụng 2)

588 Du già sư địa luận, quyển 1, tr. 282a08~12: “Lại lúc sắp mạng chung, kể tạo nghiệp ác thì nơi cái thân sở y, thức xả bỏ từ phần trên, tức từ phần trên cảm giác lạnh lẽo theo thức dấy khởi. Như thế dần dần xả bỏ cho đến trái tim. Người tạo nghiệp thiện, thì nơi cái thân sở y, thức xả bỏ từ phần dưới, tức từ phần dưới cảm giác lạnh lẽo theo thức dấy khởi. Như vậy dần dần xả bỏ cho tới trái tim. Nên biết, nơi thức xả bỏ sau cùng chính là trái tim. Từ nơi đó cảm giác lạnh lẽo lan khắp toàn thân.” Nhiếp Đại thừa luận bản, tr. 136b03~05: “Lại nữa, khi chết thì tùy điều thiện hay điều ác đã làm mà cái thân sở y, hoặc bắt đầu từ dưới trở lên, hoặc bắt đầu từ trên sắp xuống, dần dần phát lạnh. Nếu không tin có a lại da thì sự thể như vậy không thể có được. Do vậy, nếu tách rời thức chủng tử dị thực thì sinh tạp nhiễm cũng bất thành.” (HT. Thích Trí Quang dịch) Câu xá luận, quyển 10, tr. 56b12~18: “Ở giai đoạn mạng chung, nơi phần nào của thân có cái thức diệt sau cùng? Khi mạng chung đột ngột, thì ý thức và thân căn cùng lúc diệt tức thì. Nếu như cái chết diễn ra từ từ, thì thức sẽ diệt ở chân, ở rốn, ở tim, tùy theo đó mà chúng sinh ‘đi xuống’ (vãng hạ), sinh làm người, sinh làm trời hay không tái sinh (bất sinh). Bị đọa ác thú, nên gọi là ‘đi xuống’, cái thức diệt sau cùng ở nơi chân. Nếu sinh làm người, thì thức diệt ở rốn. Nếu sinh làm trời thì thức diệt ở tim. Các vị A-la-hán, cũng gọi là bậc Bất sinh, cái tâm sau cùng của chư vị ấy cũng diệt ở tim. Nhưng một số luận sư cho rằng thức diệt ở đầu.”



[565c26] Luận giải: Nếu lược nói thì thức này được kiến lập bởi năm sắc thái: 1. Sắc thái cảnh sở duyên; 2. Sắc thái tương ưng chuyển; 3. Sắc thái làm nhân duyên cho nhau; 4. Sắc thái cùng chuyển; 5. Sắc thái nhiễm ô hoàn diệt. Nên biết, bốn sắc thái trước là sự kiến lập lưu chuyển, sắc thái nhiễm ô hoàn diệt là sự kiến lập hoàn diệt.

[566a01] Hỏi: (1) **Thế nào là kiến lập sắc thái cảnh sở duyên?**

Đáp: Nếu lược nói thì thức này do liễu biệt (: nhận thức) hai thứ cảnh sở duyên nên chuyển vận: 1. Do liễu biệt đối tượng nội giới là chấp thọ; 2. Do liễu biệt đối tượng ngoại giới là vô phân biệt tướng của khí thể gian.

Liễu biệt đối tượng nội giới là chấp thọ: Là liễu biệt tập khí vọng chấp của tự tánh biến kế sở chấp, liễu biệt các sắc căn và sở y xứ của căn.⁵⁸⁹ Đây là ở hữu sắc giới. Ở vô sắc giới chỉ có liễu biệt tập khí chấp thọ.

Liễu biệt đối tượng ngoại giới là vô phân biệt tướng của khí thể gian: Là liễu biệt y chỉ⁵⁹⁰, tức là thức a-lại-da duyên chấp thọ nội tại, nên ở tất cả thời gian không có gián đoạn các tướng của khí thể giới. Ví như cây đèn đang cháy, trong giữ chặt tim đèn, ngoài phát ra ánh sáng; thức a-lại-da cũng vậy, bên trong duyên cảnh chấp thọ, bên ngoài duyên cảnh khí thể giới. Đạo lý sinh khởi nên biết cũng như vậy.

589 Hiền dương, quyển 1, phẩm Nhiếp sự, phần 1: "Thức này có năng lực chấp thọ sắc căn, liễu biệt căn sở y xứ và huân tập các thứ hý luận." (480c03)

590 Thành duy thức luận: "Y, có nghĩa là duyên. Kể từ vô thủy, thức chấp trì là y chỉ của hết thảy các pháp, nên nó được nói là duyên. Vì nó nắm giữ, duy trì các chủng tử; vì nó là sở y cho cho hết thảy pháp hiện hành; nó biến thái thành chúng và làm sở y cho chúng. Biến thái thành chúng, tức biến thành thể giới khí cụ và thân hữu căn. Làm sở y cho chúng, là làm sở y cho các chuyển thức. Vì nó chấp thọ năm sắc căn; thức con mắt v.v... y trên đó mà hoạt động. Và lại nó cũng là chỗ y chỉ cho mặt-na; thức thứ sáu y trên đó mà hoạt động. Vì mặt-na và ý thức đều là các chuyển thức nên đều y chỉ trên căn cấu hữu, như thức con mắt các thứ. Thức thứ tám, về lý tính, mà tự tính là thức, cũng phải lấy thức thứ bảy làm sở y cấu hữu." (tr. 14a18~27, Thích Tuệ Sỹ dịch)



Lại nữa, thức này duyên cảnh một cách vi tế, người thông tuệ thế gian rất khó để nhận biết.

Lại nữa, thức này duyên cảnh không lúc nào ngưng, không thay đổi từ sát-na chấp thọ đầu tiên cho đến khi mạng chung, chỉ có một hành tướng là liễu biệt trong dòng lưu chuyển.

Lại nữa, thức này sinh diệt trong từng ý niệm đối với cảnh sở duyên, lưu chuyển trong từng sát-na liên tục, chẳng phải thường, chẳng phải một.

Lại nữa, thức này ở trong Dục giới thì duyên cảnh chấp thọ nhỏ hẹp, ở trong Sắc giới thì duyên cảnh chấp thọ rộng lớn; ở trong Vô sắc giới, thuộc Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ thì duyên cảnh chấp thọ vô lượng, thuộc Vô sở hữu xứ thì duyên cảnh chấp thọ vi tế, thuộc Phi tướng phi phi tướng xứ thì duyên cảnh chấp thọ cực vi tế.

Như vậy, liễu biệt hai thứ cảnh sở duyên, liễu biệt cảnh sở duyên một cách vi tế, liễu biệt tương tự, liễu biệt sát-na, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thọ nhỏ hẹp, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thọ rộng lớn, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thọ vô lượng, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thọ vi tế, liễu biệt cảnh sở duyên chấp thọ cực vi tế, tất cả kiến lập *sắc thái cảnh sở duyên* của thức a-lại-da.

[566a24] Hỏi: (2) **Thế nào là kiến lập sắc thái tương ưng chuyển?**

Đáp: Thức a-lại-da này thường xuyên tương ưng với năm tâm pháp biến hành, đó là: tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư.⁵⁹¹ Năm pháp như vậy

591 Thành duy thức luận, quyển 3, tr. 11c28: "Xúc v.v... năm tâm sở này tuy có hành tướng khác nhau với thức dị thực, nhưng thời và y tương đồng, sở duyên và sự tương tự, do đó nói là tương ưng." Sở là ảnh tượng tương phản. Sự là thể của thọ. Thời là sát-na. Y là y căn. Du-già sư địa luận, quyển 55, tr. 602a24: "Do tương tự về sự, về xứ, về thời và sở tác nên nói là tương ưng."



niếp thuộc thức dị thực, tối cực vi tế, người thông tuệ thế gian rất khó để nhận biết. Những tâm pháp như vậy cũng thường chuyển dịch theo đối tượng đồng nhất loại.

Lại nữa, thức này tương ứng với một chiều bất khổ bất lạc thọ, mà nhiếp vào tánh vô ký⁵⁹². Nên biết, đặc tánh của những tâm sở pháp [biến hành] còn lại cũng như vậy.

Như vậy thức này tương ứng với tâm pháp biến hành, bao gồm: tương ứng với nhất loại dị thực, tương ứng với tối cực vi tế, tương ứng với sự thường sinh khởi theo đối tượng đồng nhất loại, tương ứng với bất khổ bất lạc, tương ứng một chiều vô ký, đó gọi là kiến lập *sắc thái tương ứng chuyển* của thức a-lại-da.

[566b05] Hỏi: (3) ***Thế nào là kiến lập sắc thái làm nhân duyên cho nhau?***

Đáp: Thức a-lại-da làm hai duyên tánh cho các chuyển thức: 1. Duyên tánh làm chủng tử; 2. Duyên tánh làm sở y chỉ.⁵⁹³

Duyên tánh làm chủng tử: Các chuyển thức khi sinh khởi, dù có tánh thiện, bất thiện hay vô ký⁵⁹⁴, tất cả đều nhờ chủng tử của thức a-lại-da mà sinh khởi.

Duyên tánh làm sở y chỉ: Là do thức a-lại-da chấp thọ [năm] sắc căn, và năm thức thân y chỉ sự chấp thọ đó mà chuyển vận, chẳng phải không có chấp thọ. Lại nữa, do có thức này nên có được ý căn. Do ý căn này làm y chỉ nên ý thức được sinh. Ví như y chỉ năm sắc căn: nhãn căn, v.v... mà năm thức thân chuyển vận,

592 Thức a-lại-da không mang tánh chất thiện hay ác nên nó là vô ký.

593 Thức a-lại-da làm chủng tử cho các chuyển thức sinh khởi, gọi là nhân duyên tánh. Thức a-lại-da làm sở y cho các chuyển thức, gọi là tăng thượng duyên tánh.

594 Vì chủng tử của các chuyển thức thông cả 3 tánh: thiện, ác, vô ký.



chẳng phải không có năm căn. Ý thức cũng vậy, chẳng phải không có ý căn.

Lại nữa, các chuyển thức cũng làm hai duyên tánh cho thức a-lại-da: 1. Trong đời hiện tại, các chuyển thức nuôi lớn chủng tử cho thức a-lại-da; 2. Trong đời sau, các chuyển thức làm sinh sôi chủng tử của thức a-lại-da dẫn đến tái sinh.⁵⁹⁵

Trong đời hiện tại, các chuyển thức nuôi lớn chủng tử cho thức a-lại-da: Y chỉ theo thức a-lại-da, các chuyển thức với tánh thiện, bất thiện, vô ký sinh khởi như vậy, như vậy. Nơi một y chỉ đồng sinh đồng diệt, các chuyển thức huân tập thức này như vậy, như vậy. Do nhân duyên tánh ấy, các chuyển thức với tánh thiện, bất thiện, vô ký lần lượt chuyển, rồi chuyển thêm lên, rồi chuyển mạnh mẽ, rồi tánh chất minh liễu (phân biệt rõ ràng) của chúng được sinh khởi.

Trong đời sau, chúng làm sinh sôi chủng tử của thức a-lại-da dẫn đến tái sinh: Các chuyển thức huân tập chủng loại (thiện, bất thiện, vô ký) nơi thức a-lại-da để dẫn nhiếp quả dị thực vô ký ở đời vị lai.

Như vậy, duyên tánh làm chủng tử, duyên tánh làm y chỉ, nuôi lớn chủng tử, sinh sôi chủng tử, đó gọi là kiến lập *sắc thái làm nhân duyên cho nhau* của thức a-lại-da và các chuyển thức.

[566b24] Hỏi: (4) ***Thế nào là kiến lập sắc thái cùng chuyển của thức a-lại-da?***

Đáp: Thức a-lại-da có lúc chỉ cùng khởi với một chuyển thức đó là ý căn⁵⁹⁶. Vì sao? Vì ý căn này luôn tương ứng với ngã kiến, ngã mạn, ngã ái và ngã si, hoạt động với tánh tự thị cao cử.

595 Duyên tánh thứ nhất là nhân duyên. Duyên tánh thứ hai là tăng thượng duyên.

596 Ý căn = thức mạn-na.



Hữu tâm vị và vô tâm vị thường cùng thức này đồng thời sinh khởi.⁵⁹⁷

Lại nữa, ý căn luôn duyên với thức a-lại-da làm cảnh giới của nó, rồi chấp ngã, khởi mạn, hoạt động với tánh tự thị cao cử.

Lại nữa, thức này có lúc cùng hai chuyển thức đồng thời sinh khởi: là ý căn và ý thức; hoặc có lúc cùng ba chuyển thức đồng thời sinh khởi: là ý căn và ý thức, tùy theo một thức nào trong năm thức thân khởi; hoặc có lúc cùng bốn chuyển thức đồng thời sinh khởi: là ý căn và ý thức, tùy theo hai thức nào trong năm thức thân khởi. Như vậy, hoặc có lúc thức này cùng bảy chuyển thức đồng thời sinh khởi: là ý căn, ý thức và cả năm thức thân cùng hòa hợp khởi.⁵⁹⁸

Lại nữa, trước có nói ý thức dựa vào ý nhiễm ô mà sinh khởi. Khi ý nhiễm ô (mạt-na) chưa diệt thì triền phược đối với sự liễu biệt [của ý thức] về các tướng chưa thể được giải thoát. Sau khi ý nhiễm ô diệt, sự triền phược bởi tướng⁵⁹⁹ mới được giải thoát.⁶⁰⁰

Lại nữa, ý thức này có thể duyên với tha cảnh và duyên với tự

597 Hữu tâm vị: chỉ cho lúc tâm thức khởi tác dụng. Đối lại là vô tâm vị. Cứ theo Du-già sư địa luận, quyển 13, thì trừ 6 vị là vô tâm thụ miên vị, vô tâm muộn tuyệt vị, vô tưởng định vị, vô tưởng sinh vị, diệt tận định vị và vô dư niết bàn giới vị ra, còn tất cả các vị khác đều là hữu tâm vị. Ngoài ra, tông Duy thức cho rằng 8 thức cùng khởi, nhưng thức thứ 7, thức 8 thường nối nhau không gián đoạn, còn lại 5 thức trước, lúc khởi tác dụng thì tất nhiên cùng khởi với thức thứ 6, vì thế tông Duy thức chỉ căn cứ vào thức thứ 6 có khởi hay không mà nhận định hữu tâm hay vô tâm. Nhưng tông Câu xá không thừa nhận 2 tâm cùng khởi một lúc, nên cho rằng bất cứ một thức nào trong 6 thức khởi tác dụng thì đều gọi là Hữu tâm vị. Du-già sư địa luận quyển 51, Nhiếp quyết trích phần, tr. 582a8-12, nêu bốn trường hợp: 1. Thành tựu a-lại-da chứ không chuyển thức: các trường hợp của trạng thái vô tâm vị; 2. Thành tựu chuyển thức, không a-lại-da: A-la-hán, Độc giác, Bồ tát hàng bất thối, và các Như lai trụ hữu tâm vị; 3. Thành tựu cả hai: các hạng hữu tình còn lại trụ hữu tâm vị; 4. Không cả hai: A-la-hán, Độc giác, Bồ tát bất thối và các Như lai nhập diệt tận định, trụ vô dư y niết bàn giới.

598 Du-già sư địa luận, quyển 63: Thức có 2 loại: A-lại-da và chuyển thức. Chuyển thức có 7. (tr. 651b15)

599 Triền phược bởi tướng = tướng phược: đối với tướng của cảnh mà không thể thông hiểu sự như huyễn.

600 Đoạn này dẫn từ Du-già sư địa luận, quyển 51, tr. 580c10.



cảnh. *Duyên với tha cảnh*: là duyên với đối tượng của năm thức thân, hoặc duyên chung, hoặc duyên riêng, [hoặc tức khắc, hoặc thông thả]. *Duyên với tự cảnh*: là duyên pháp cảnh⁶⁰¹.

Lại nữa, thức a-lại-da hoặc có lúc cùng chuyển với khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Các cảm thọ này cùng các chuyển thức tương ứng, dựa vào các chuyển thức mà sinh khởi, từ chủng tử của thức này phát sinh. Ở trong loài người, hoặc chư thiên Dục giới, hoặc ở một phần quỷ thú, bàng sinh, đều phát sinh bất khổ bất lạc thọ. Các chuyển thức thân tương ứng với khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Các cảm thọ ấy liên tục đan xen nhau nhất thời cùng chuyển. Ở trong địa ngục thú vì bị cảm thọ khác lần áp bất khổ bất lạc thọ, nên các chuyển thức thân chỉ tương ứng và cùng chuyển với cảm thọ thuần khổ, không có cảm thọ khác liên tục đan xen. Nên biết, những cảm thọ nào bị lần áp thì khó có thể nhận biết chúng. Như trong địa ngục thú thì một chiều khổ thọ cùng chuyển. Như vậy, từ đệ tam tinh lự địa trở xuống thì một chiều lạc thọ cùng chuyển; ở đệ tứ tinh lự địa cho đến hữu đảnh địa thì một chiều bất khổ bất lạc thọ cùng chuyển.

[566c21] Lại nữa, thức a-lại-da hoặc có lúc cùng các chuyển thức tương ứng với các tâm pháp: thiện, bất thiện, vô ký, đồng thời chuyển vận.

Như vậy, thức a-lại-da cùng các chuyển thức nhất thời cùng chuyển, cũng cùng các khách thọ và các tâm pháp làm khách: thiện, bất thiện, vô ký cùng chuyển, nhưng không nên nói thức a-lại-da tương ứng với các chuyển thức. Vì sao? Vì thức a-lại-da và các chuyển thức không có chung một duyên để chuyển vận. Giống như nhãn thức và

601 Pháp cảnh không qua năm thức thân mà do ý thức trực tiếp cảm nhận, tức do tác dụng suy lý phán đoán rồi lấy hình thái tạm khái niệm được làm đối tượng.



nhân căn tuy cùng chuyển, nhưng không tương ưng. Ở đây cũng như vậy, vì có chút phần tương tự pháp kia nên lấy làm thí dụ. Đạo lý của thí dụ nên biết như vậy.

Lại nữa, về các tâm pháp, tuy thể của các tâm pháp không có sai biệt, nhưng tướng trạng có khác nhau, nên ở trong một thân thể, chúng cùng chuyển, không chống trái nhau. Như vậy, thức này và các chuyển thức cùng chuyển, cũng không chống trái nhau.

Lại nữa, như dòng thác lũ có nhiều ngọn sóng lớp lớp cùng khởi, không chống trái nhau. Lại như y chỉ mặt gương trong sáng, nhiều loại hình ảnh đồng thời cùng khởi, không chống trái nhau. Cũng vậy, y chỉ thức a-lại-da có nhiều chuyển thức cùng khởi, cũng không chống trái nhau.

Lại nữa, như một nhãn thức có lúc đối với một sự cảnh, chỉ nắm giữ một loại sắc tướng, không có sắc tướng khác; hoặc có lúc nắm giữ ngay lập tức nhiều loại sắc tướng, chẳng phải một loại. Như nhãn thức đối với sắc, cũng vậy nhĩ thức đối với thanh, cho đến thân thức đối với xúc, ở một thời gian, đối với một sự cảnh, hoặc nắm giữ một cảnh tướng, hoặc nắm giữ ngay lập tức nhiều loại cảnh tướng. Như vậy, ý thức phân biệt, ở một thời gian, hoặc nắm giữ một cảnh, hoặc nắm giữ ngay lập tức nhiều loại cảnh giới, nên biết, cũng không chống trái nhau.

[567a10] Lại nữa, như trước đã nói, ý căn thường cùng chuyển với thức này, ở trong tất cả thời, cho đến khi chưa đoạn. Ý căn luôn chuyển vận một cách tự nhiên, cùng sinh khởi, tương ưng với bốn thứ phiền não: tát-ca-da kiến, ngã mạn, ngã ái và vô minh. Bốn phiền não này, hoặc ở định địa, hoặc ở bất định địa, thường xuyên hoạt động



không chống trái với pháp thiện, v.v..., vì thuộc tánh *hữu phú vô kỳ*⁶⁰².

Như vậy, thức này cùng chuyển với các chuyển thức, cùng chuyển với các thọ, cùng chuyển với thiện, v.v..., đó gọi là kiến lập *sắc thái cùng chuyển* của thức a-lại-da.

[567a17] Hỏi: (5) ***Thế nào là kiến lập sắc thái nhiễm ô hoàn diệt của thức a-lại-da?***

Đáp: Lược nói thì thức a-lại-da là căn bản của tất cả pháp tạp nhiễm. Vì sao? Thức a-lại-da này cũng là căn bản cho hữu tình thế gian sinh khởi, vì năng sinh các căn, sở y xứ của căn và các chuyển thức; cũng là căn bản của khí thế gian, vì năng sinh khí thế gian.⁶⁰³

Lại nữa, thức này cũng là căn bản cho tất cả hữu tình hỗ tương sinh khởi, vì tất cả hữu tình làm tăng thượng duyên cho nhau. Vì sao? Không có chúng sinh nào khi thấy, nghe, hay, biết, mà không thọ dụng nơi chúng sinh khác, để sinh khởi mọi cảm thọ khổ, vui, v.v... Do nghĩa này, nên biết, chúng sinh giới làm tăng thượng duyên cho nhau.⁶⁰⁴

[567a26] Lại nữa, thức a-lại-da có đủ tất cả chủng tử [các pháp], nên ở đời hiện tại nó là thể của khổ đế; ở đời vị lai nó là nhân phát sinh khổ đế. Nó cũng là nhân sinh tập đế ở đời hiện tại.

602 Vì bốn phiền não này là các pháp nhiễm ô, chương ngại Thánh đạo, che khuất tự tâm; cho nên nói là hữu phú. Vì chúng không phải thiện hay bất thiện, nên nói là vô kỳ.

603 Thức a-lại-da, do ảnh hưởng của nhân duyên, khi tự thể sinh, bên trong biến thái (năng biến) thành chủng tử và thân có căn; bên ngoài biến thái thành khí thế gian (tự nhiên giới). Rồi nó lấy ngay những gì được biến thái đó làm sở duyên và hành tướng, dựa vào đó mà sinh khởi. A-tỳ-đạt-ma tập luận (No. 1606), quyển 7, tr. 729a6: "Công nghiệp là gì? Nghiệp dẫn đến sự sai biệt đa dạng của thế giới tự nhiên (khí thế gian). Bất cộng nghiệp là gì? Nghiệp dẫn đến sự sai biệt đa dạng của thế giới sinh vật (hữu tình thế gian)."

604 Cần phải xác nhận có sự tồn tại của bản thân và thế giới của các hữu tình khác mà các thức thứ tám, của hữu tình và các hữu tình khác, có thể hỗ tương thọ dụng. Không có hữu tình nào tồn tại đơn độc, do đó có sự thọ dụng hỗ tương bởi thức của hữu tình này và của nhiều hữu tình khác. Tức có sự hỗ tương cộng đồng biến thái, tương tác biến thái. Do tương tác biến thái, thức thứ tám cũng cần có điều kiện ngoại tại để sinh khởi và hoạt động, tức có sở duyên duyên. Cộng nghiệp, hay nghiệp do tạo tác cộng đồng, dẫn đến cộng đồng biến thái.



Như vậy, căn bản phát sinh hữu tình thể gian, căn bản phát sinh khí thể gian, là thể khổ để ở đời hiện tại, năng sinh khổ để ở vị lai, năng sinh tập để ở hiện tại, qua đó mà biết, thức a-lại-da là căn bản của tất cả tạp nhiễm.

[567b03] Lại nữa, thức a-lại-da duy trì chủng tử các thiện pháp của thuận giải thoát phần và thuận nhiếp trạch phần. Đây không phải là nhân của tập để, vì các thiện pháp của thuận giải thoát phần, v.v... đi ngược sự lưu chuyển. Bao nhiêu thiện pháp thuộc thể gian nhân thức này mà sinh ra, rồi chuyển động trở nên trong sáng. Vì sao? Do nhân duyên đây, thức a-lại-da duy trì chủng tử tự loại⁶⁰⁵, chuyển sinh tác dụng, chuyển sinh thể lực, tăng trưởng mà được thành lập chủng tử. Do những chủng tử này mà các thiện pháp kia chuyển sinh trong sáng. Lại nữa, thức a-lại-da có khả năng chiêu cảm quả dị thực khả ái tăng thượng ở đời sau.

Lại nữa, dựa vào thức nhất thiết chủng tử a-lại-da này, đức Bạc-già-phạm nói: “*Nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới,*” cho đến “*ý giới, pháp giới, ý thức giới*”, vì ở trong thức a-lại-da có đa dạng giới⁶⁰⁶. Lại

605 Chủng tử tự loại (cùng loại) nối tiếp nhau, nhân của niệm trước sinh ra quả của niệm sau, vì thời gian có khác nhau nên gọi là nhân quả dị thời. Tức sự quan hệ giữa chủng tử sinh chủng tử là nhân quả khác thời. Còn chủng tử sinh hiện hành, hiện hành huân chủng tử, thì chủng tử và hiện hành có quan hệ nhân quả lẫn nhau là nhân quả đồng thời. Tức nhân trước quả sau của 1 pháp là nhân quả khác thời, còn 2 pháp và 3 pháp làm nhân quả lẫn cho nhau, như bắc đèn và ngọn lửa... là nhân quả cùng thời. Luận Thành duy thức, quyển 2, tr. 9b12: “Hiện hành và chủng tử tuy khác loại nhưng không trái ngược nhau, trong một thân cùng lúc có tác dụng năng sinh; chứ không giống như chủng tử tự loại tuy tương sinh nhưng có trước sau khác nhau, ắt không cùng có một lúc.”

606 Chủng tử chủng giới: Đại thừa trang nghiêm kinh luận, phẩm Chủng tánh, tr. 594b09: “Giới sai biệt, là chủng sanh có đa dạng giới vô lượng sai biệt, như kinh Đa giới đề cập. Do giới sai biệt mà biết chủng tánh của ba thừa có sai biệt.” Kinh Đa giới (Bahudhātuka-sūtra) là kinh số 115 của Trung bộ kinh hay kinh số 181 của Trung A-hàm. Về giới, kinh Đa giới nói đến: 18 giới: nhãn, sắc, nhãn thức, nhĩ, thanh, nhĩ thức, tỷ, hương, tỷ thức, thiệt, vị, thiệt thức, thân, xúc, thân thức, ý, pháp và ý thức; 6 giới: địa, thủy, phong, hỏa, không và thức; 6 giới: lạc, khổ, hỷ, ưu, xả và vô minh; 6 giới: dục, ly dục, sân, vô sân, hại và bất hại; 3 giới: dục giới, sắc giới và vô sắc giới; 2 giới: hữu vi giới và vô vi giới. Giới (界) là tên gọi khác của chủng tử, tức chủng tử của thức a-lại-da. Kinh Đại thừa A-tỳ-đạt-ma (chưa có Hán dịch) có bài chính cú, dẫn bởi Nhiếp luận thích: “Giới, từ vô thí đến nay, là sở y của hết thảy pháp. Do đó mà có sự luân hồi trong mọi đường lành đường dữ và có sự chứng đắc quả niết



như trong khế kinh có nói cái thí dụ “đồng ác-xoa”⁶⁰⁷, vì ở trong thức a-lại-da không chỉ có một giới. Cho nên biết rằng, căn bản của tạp nhiễm chính là thức a-lại-da qua sự tu tập thiện pháp mà liền được chuyển diệt.

Lại nữa, sự tu tập thiện pháp này, nếu hàng dị sinh lấy sự tác ý duyên đối cảnh là các chuyển thức, [đặc biệt là ý thức], làm phương tiện trú tâm, thì có khả năng đi vào Thánh để hiện quán đầu tiên. Người chưa kiến đế, ở trong các đế chưa được pháp nhãn, thì không thể thông đạt thức nhất thiết chủng tử a-lại-da. Người chưa kiến đế này tu quán như vậy rồi, hoặc nhập chánh tánh ly sinh của Thanh văn, hoặc nhập chánh tánh ly sinh của Bồ-tát; thông đạt tất cả pháp giới rồi, cũng có khả năng thông đạt thức a-lại-da. Ngay lúc bấy giờ, tổng quán sát riêng biệt tất cả tạp nhiễm nơi tự nội, và còn hiểu rõ tự thân: bên ngoài bị *tướng phược* trôi buộc, bên trong bị *thô trọng phược* trôi buộc.⁶⁰⁸

[567b23] Lại nữa, hành giả tu quán này nhận biết thức a-lại-da chính là tất cả hý luận⁶⁰⁹ nhiếp hết chư hành giới (chủng tử của các hành). Thu tóm [chủng tử] các hành ấy nơi thức a-lại-da làm thành một

bàn.” (Vô thủy thời lai giới/ Nhất thiết pháp đẳng y/ Do thử hữu chư thú/ Cập niết bàn chứng đắc, 無始時來界, 一切法等依, 由此有諸趣, 及涅槃證得)

607 Kinh Đại tập, phẩm 12, Vô Tận Ý bồ tát, có ghi: “Hết thảy hữu tình, từ vô thí đến nay, có đa dạng giới, như đồng ác xoa, tồn tại một cách tự nhiên như vậy.” Ác-xoa tự 惡叉聚 (S. Awka), dịch ý là diện quán châu, kim cương tử. Tên cây, cũng là tên quả cây. Tên khoa học: Eleocarpus Ganitrus. Quả ác xoa màu đỏ tươi, người Ấn Độ phần nhiều lấy làm thuốc nhuộm hoặc để ép dầu, hạt của nó có thể dùng làm trắng hạt. Ác-xoa có hình dạng như hạt vô thực tử 無食子, khi rụng, chúng tự nhóm lại thành đồng, cho nên gọi là ác-xoa tụ, dùng để thí dụ cho hoặc, nghiệp, khổ liên quan chặt chẽ với nhau. Ngoài ra, trong các kinh luận thường dẫn ra để thí dụ số nhiều. Du-già sư địa luận, quyển 96, tr. 846c26: “Ví như đồng ác-xoa ở thế gian, trong đồng này có nhiều phẩm loại.”

608 Xem chú thích về tướng phược và thô trọng phược, quyển 6, Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2, mục Ba pháp, tr. [507b02].

609 Hý luận chính là khái niệm nhị biên được huân tập nơi thức a-lại-da, được gọi là chủng tử của danh ngôn huân tập. Chủng tử ấy là chất liệu tạo thành các pháp có biệt thể khác nhau. Từ vô thí chủng tử ấy lưu chuyển các thứ hý luận. Trong đối tượng của nhận thức gồm có đối tượng (tướng) và sự biểu thị của nó (danh), cùng với nhận thức của đối tượng (phân biệt), như vậy, toàn là sự biểu hiện đồng nghĩa với sự hý luận, nên gọi là danh ngôn hý luận.



cục, một đồng, một khối. Làm thành một khối rồi, dùng trí duyên với đối tượng là chân như, khéo tu tập, nhiều tu tập, nên có được chuyển y chỗ y chỉ⁶¹⁰. Chuyển y không gián đoạn, nên biết là đã đoạn thức a-lại-da. Do đoạn thức a-lại-da mà biết là đã đoạn tất cả tạp nhiễm.

[567b28] Lại nữa, sự chuyển y này trái ngược với thức a-lại-da, nên năng trị thức a-lại-da.⁶¹¹

Lại nữa, thể của thức a-lại-da là vô thường, có tánh *thủ thọ*⁶¹²; sự chuyển y là thường, không có tánh thủ thọ, nên khi nó duyên với đối tượng là chân như thì Thánh đạo mới có được sự chuyển y.

Lại nữa, thức a-lại-da luôn có thô trọng đi theo, còn sự chuyển y thì hoàn toàn rời xa tất cả thô trọng.

Lại nữa, thức a-lại-da là nhân phiền não sinh, là nhân Thánh đạo không sinh. Sự chuyển y là nhân phiền não không sinh, là nhân Thánh đạo sinh. Đây là tánh chất của *kiến lập nhân*⁶¹³, không phải là tánh chất của *sinh nhân*⁶¹⁴.

Lại nữa, thức a-lại-da làm cho không được tự tại nơi pháp thiện

610 Du-già luận ký, tr. 604b19: “Chuyển y có ba thứ: 1. Tâm chuyển y: chân như chuyển làm sở y; 2. Đạo chuyển: Là trí vô phân biệt, đây là năng chuyển; 3. Diệt tánh: Là trạch diệt vô vi, sở duyên của thức a-lại-da chính là trạch diệt.”

611 Có được chuyển y thì không có thức a-lại-da (danh từ a-lại-da). Thức thứ tám vì trải qua 3 giai đoạn, nên có 3 tên khác nhau: 1. Từ phạm phu cho đến mãn địa thứ bảy, thì gọi thức này là tầng thức, a-lại-da thức hay dị thực thức; 2. Từ địa thứ tám đến Đăng giác, thì không còn gọi là tầng thức hay a-lại-da thức nữa mà chỉ gọi là dị thực thức; 3. Đến quả vị Phật, thì tên dị thực cũng không còn, mà chỉ gọi là vô cấu thức hay bạch tịnh thức.

612 Du-già luận ký, tr. 604b26: “Huệ Cảnh nói: Thức a-lại-da từ thủ được sinh, lại sinh ra nơi thủ. Khuy Cơ nói: Có tánh thủ thọ, tức là thủ cộng với quả (của nó).”

613 Kiến lập nhân: Như nhân với nhân thức là kiến lập nhân, không phải là sinh nhân. Chuyển y và Thánh đạo chỉ là tăng thượng duyên và sở duyên duyên, chứ không phải là nhân duyên.

614 Sinh nhân: Sắc tâm liên tục không gián đoạn, cái trước tiếp nối cái sau sinh khởi, đó là chủng tử của các pháp, và đó cũng là nguyên nhân sản sinh (sinh nhân) của các pháp hữu vi. Chuyển y để tiếp cận Thánh đạo chỉ là tăng thượng duyên và sở duyên duyên, chứ không phải là nhân duyên.



tịnh và vô ký. Sự chuyển y làm cho được sự tự tại lớn lao nơi tất cả pháp thiện tịnh và vô ký.⁶¹⁵

Lại nữa, sắc thái đoạn diệt của thức a-lại-da: Thức a-lại-da này chánh thức đoạn diệt thì liền xả hai thứ chấp thủ, tuy chúng trú nơi thân mà giống như biến hóa. Vì sao? Vì đoạn cái khổ hậu hữu ở vị lai, nên xả chấp thủ hậu hữu ở vị lai. Vì đoạn tất cả phiền não ở hiện pháp, nên xả chấp thủ sở y của tất cả tạp nhiễm⁶¹⁶ ở hiện tại. Tất cả thô trọng vĩnh viễn rời xa⁶¹⁷, chỉ có *mạng duyên*⁶¹⁸ tạm trú. Do có sự thể này, nên trong kinh Phật dạy: “*Bấy giờ chỉ lãnh thọ giới hạn thọ dụng của sắc thân, giới hạn thọ dụng của mạng căn*”, nói rộng là ngay nơi hiện pháp tất cả sự thọ dụng hoàn toàn diệt tận.

Như vậy, kiến lập căn bản của tạp nhiễm, tu tập tác ý để thú nhập và thông đạt, kiến lập chuyển y, đó gọi là kiến lập *sắc thái nhiễm ô hoàn diệt* của thức a-lại-da.

Như vậy, theo đạo lý thắng nghĩa, đã kiến lập [danh, nghĩa và sai biệt của] tâm ý thức⁶¹⁹. Từ đạo lý đã nói, theo đó hiểu rõ đạo lý tạp nhiễm và đạo lý thanh tịnh của tâm ý thức ở trong ba cõi. Ở chỗ khác, đạo lý tâm ý thức nếu được trình bày thì chỉ vì sự giáo hóa hữu tình mà

615 Du-già luận ký, tr. 604b26: “Huệ Cảnh nói: Vì còn có tạp nhiễm chướng nên ở trong định, nơi các thiện pháp và nơi quả của thiên định là sự biến hóa vô ký đều không được tự tại. Khuy Cơ nói: được chuyển y rồi, thủ xả ba tánh (biến kế, y tha và viên thành) nên pháp được tự tại; nếu không thể thủ xả thì không được tự tại.”

616 Sở y là thân thể, cùng với y xứ của nó là danh và sắc (gồm các căn). Nói rộng thì sự giới (trong 9 sự) là sở y của tạp nhiễm, tức là 3 giới: Dục, Sắc và Vô sắc – thể giới của chúng sinh cư trú.

617 Thức a-lại-da từ vô thủy, hằng chuyển như dòng thác, cho đến địa vị A-la-hán nó mới hoàn toàn bị xả. A-la-hán là các Thánh giả khi đã đoạn tận một cách rất ráo các phiền não chướng. Lúc bấy giờ các phiền não thô trọng của thức này vĩnh viễn bị diệt trừ, đó gọi là xả.

618 Mạng duyên 命緣 (S. jīvita-pariṣkāra): Những nhu cầu, điều kiện cần thiết để duy trì mạng căn.

619 Tâm ý thức: Ba tầng tâm thức, chỉ cho 8 thức tâm vương. Luận Câu xá, quyển 4: “Tập khởi gọi là tâm; tư lương gọi là ý; liễu biệt gọi là thức. Lại có giải thích: Các chủng loại tịnh và bất tịnh khác nhau nên gọi là tâm; chính tâm này làm sở y chỉ cho tâm kia nên gọi là ý; làm năng y chỉ gọi là thức. Do vậy, tâm, ý, thức, ba tên gọi cùng chỉ một nội hàm, tuy khác nhau nhưng thể chỉ là một.” (tr. 21c20)



có sai khác. Sự giáo hóa hữu tình phải dựa theo cái tuệ của kẻ ngu phu mà quyền thuyết phương tiện cho họ dễ đi vào giáo pháp.

[567c23] Hỏi: Có phải thành tựu thức a-lại-da thì cũng thành tựu chuyển thức? Giả sử thành tựu chuyển thức thì có thành tựu thức a-lại-da chăng?

Đáp: Ở đây có bốn câu: (1) Thành tựu thức a-lại-da, không phải chuyển thức: vô tâm thụy miên, vô tâm muộn tuyệt, nhập vô tướng định, sinh vô tướng thiên. (2) Có thành tựu chuyển thức, nhưng không thành tựu thức a-lại-da, đó là A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát hàng bất thối và các Như lai trú hữu tâm vị. (3) Thành tựu cả hai: các hàng hữu tình còn lại trụ hữu tâm vị. (4) Không thành tựu cả hai, đó là A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát hàng bất thối và các Như lai nhập diệt tận định, trú vô dư y niết bàn giới.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Tám

Phẩm Mười Một

NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH (phần 2)

[568a11] 2. Lại nữa, *sắc thái tâm sai biệt* được kiến lập, nên biết.

Kệ tụng:

Sở y, cảnh giới lực

Kiến lập tâm sai biệt

Lại do bảy hành tướng

Sai biệt khó biết rõ. (kệ 3)

[568a14] Luận giải: Sắc thái tâm sai biệt lại do lực sở y và lực sở duyên mà được kiến lập.

Lực sở y: Lập nhãn thức, cho đến ý thức.

Lực sở duyên: Lập sắc thức, cho đến pháp thức⁶²⁰; thanh thức, hoàng thức, cho đến khổ thức, lạc thức⁶²¹, đại loại như vậy.

Lại nữa, có bảy thứ hành tướng để hiểu biết về sự sai biệt của các tâm khó nhận biết: 1. Tướng khí thể gian sai biệt có tánh tương tục và cứu trụ bất khả tri; 2. Tướng nhiều thứ tướng cảnh sai biệt; 3.

620 Sắc thức = sắc cảnh. Như vậy, có thanh thức, hương thức, vị thức, xúc thức và pháp thức làm tướng phần cho nhãn thức, v.v... ý thức.

621 Thanh, hoàng, trường, đoãn, nam, nữ, oán, thân, khổ, lạc 青, 黃, 長, 短, 男, 女, 怨, 親, 苦, 樂: xanh, vàng, dài, ngắn, trai, gái, oán, thân, khổ, vui v.v... các đối tượng sai biệt được nhận thức, tư duy.



Tướng pháp câu hữu sai biệt⁶²²; 4. Tướng năng trị, sở trị sai biệt có sự hồi chuyển mau lẹ; 5. Tướng tập khí sai biệt⁶²³; 6. Tướng tục sinh sai biệt⁶²⁴; 7. Tướng tâm giải thoát sai biệt.

Lại nữa, kệ tụng:

Sở duyên không tự tại

Trú ác sở y chỉ

Tùy duyên lực sở chuyển

Tâm trói buộc nên biết. (kệ 4)

[568a24] Luận giải: Do ba lý do mà nói tâm bị trói buộc: 1. Không tự tại với cảnh sở duyên; 2. An trú ứ ác làm chỗ y chỉ; 3. Chuyển biến theo lực của các duyên.

Ở đây, *không tự tại với cảnh sở duyên*: Là nơi sự chế phục, nơi sự hóa độ, nơi biến hóa, v... không được tự tại trú cảnh như ý muốn.

Lại nữa, kệ tụng:

Tán loạn có sáu thứ

An trú mười lăm thứ

Duyên cảnh giới: sáu v.v...

Sở trị tâm chẳng một. (kệ 5)

622 Pháp câu hữu: Những yếu tố sắc tâm khi xuất hiện đồng thời xuất hiện cùng lúc với các yếu tố khác. Các yếu tố này tương tác và hợp tác, tổ chức thành một cơ cấu tồn tại và hoạt động của sắc và tâm.

623 Các chủng tử được tàng trữ trong kho chứa thức. Các chủng tử chính là ấn tượng được tích lũy từ những hành nghiệp quá khứ từ vô thủy. Các chủng tử là tâm, vì tâm tích lũy vô số tập khí sai biệt từ vô thủy. Vô số tập khí này được bao hàm trong hai nhóm: tập khí của nghiệp và tập khí của hai thủ. Hai thủ là năng thủ và sở thủ, chủ thể và đối tượng của nhận thức. Bởi vì mỗi khi thức xuất hiện là tự nó phân đôi thành chủ thể và đối tượng tương ứng.

624 Tục sinh 續生, cũng dịch là kết sinh tương tục: sát na tối sơ của sinh hữu, nối kết hai đời sống quá khứ và hiện tại. A-tỳ-đạt-ma Đại tỷ bà sa, No. 1545, tr. 119a05: "Thức là gì? Là tâm tục sinh và các trợ bạn của nó." Và quyển 72, tr. 371b16: "Tục sinh là nghiệp dụng của thức." Du-già sư địa luận, quyển 1, tr. 283a01~10: "Khi tham ái của cha mẹ đến cực điểm, mỗi bên phóng xuất một giọt tinh huyết. Cả hai hợp thành một, như giọt sữa đặc. Dị thực của tất cả chủng tử được chứa trong đó... Giai đoạn này được gọi là kiết-la-lam." (羯羅藍, kalalama, phôi mới kết).



[568b01] Luận giải: Tâm tán loạn có sáu thứ, tâm an trú có mười lăm thứ, tâm duyên cảnh có sáu thứ mà trong đó có nhiều sai biệt, sở đối trị tâm cũng chẳng phải có một thứ.

[568b04] *Tâm tán loạn có sáu thứ:*

1. Tác ý tâm tán loạn: Các Bồ-tát xả bỏ những tác ý hợp với Đại thừa mà rơi vào những tác ý thấp kém hợp với Thanh văn, Độc giác.

2. Ngoại tâm tán loạn: Những tìm cầu nào xuôi theo phiền não khi đối trước năm thứ dục lạc tuyệt hảo và những tướng trạng nào động bên ngoài; buông thả tâm trí ra mà tràn ngập vào ngoại cảnh.

3. Nội tâm tán loạn: Nội tâm xao động, tầm tức không yên ổn, vì hôn trầm và thụy miên, vì thấp kém⁶²⁵, vì đam mê về thiền định, vì sự nhuốm bản của một tùy phiền não nào đó trong khi tu các định.

4. Cảnh tướng tâm tán loạn: Dựa vào cảnh tướng ngoài định mà tác ý tư duy là cảnh tướng của định bên trong.

5. Thô trọng tâm tán loạn: Những cảm thọ do tác ý bên trong sinh ra mà cho là do cái thân thô trọng nên chấp tự ngã và ngã sở.⁶²⁶

6. Tự tánh tâm tán loạn: Là năm thức thân.

Tâm an trú có mười lăm thứ:

1. Sơ phát an trú tâm: Là tu tam-ma-địa làm phương tiện.

2. Chứng đắc an trú tâm: Là đã được vị chí tam-ma-địa⁶²⁷.

3. Viên mãn an trú tâm: Là đã được căn bản tĩnh lự tam-ma-địa.

625 Thấp kém: Chỉ cho sự thiếu tự tin, ngại tu chỉ quán, khác với hôn trầm là thân tâm nặng nề.

626 Kinh Giải thâm mật, quyển 3, phẩm Phân biệt Du-già: "Bạch đức Thế tôn, Bồ tát khi chỉ quán đã hiện ra thì phải biết có mấy thứ làm cho tâm tán động? Thiện nam tử, phải biết có năm thứ: 1. Tác ý tán động; 2. Ngoại tâm tán động; 3. Nội tâm tán động; 4. Cảnh tướng tán động; 5. Thô trọng tán động. ..." (tr. 701c14~28) Xem Du-già sư địa luận, quyển 77, tr. 727b15~29.

627 Cận phần định của Sơ tĩnh lự còn được gọi là vị chí định (tam-ma-địa).



4. Tự tại an trú tâm: Là từ tam-ma-địa có được những gì theo ý muốn.
5. Hữu động an trú tâm: Là từ đệ tam tĩnh lự trở xuống.
6. Vô động an trú tâm: Là đệ tứ tĩnh lự.
7. Từ vô động trở lên tịch tĩnh an trú tâm: Là tịch tĩnh Vô sắc nên giải thoát.⁶²⁸
8. Tối thắng tịch tĩnh an trú tâm: Là tướng thọ diệt nên giải thoát.⁶²⁹
9. Tín giải an trú tâm: Là *văn sở sinh trí*.
10. Quyết định an trú tâm: Là *tư sở sinh trí*.
11. Ảnh tượng an trú tâm: Là *thế gian tu sở sinh trí*.
12. Thành thật an trú tâm: Là *xuất thế gian tu sở sinh trí*.
13. Hữu tăng thượng mạn xuất ly an trú tâm: Là thế gian tĩnh lự Vô sắc.
14. Vô tăng thượng mạn xuất ly an trú tâm: Là xuất ly thế gian tĩnh lự Vô sắc.
15. Ba hành tạp nhiễm an trú tâm: Là thức tùy sắc mà trú, duyên sắc mà trú, y sắc mà trú. Như vậy cho đến tùy hành mà trú, duyên hành mà trú, y hành mà trú.

Ở đây, *tùy sắc mà trú*: Là sở y của chấp thọ. *Duyên sắc mà trú*: Là cảnh giới của thủ. *Y sắc mà trú*: Là do thô trọng. Như vậy cho đến tùy hành mà trú, v.v... Nên biết, thức không có thức trú,

628 Bốn Vô sắc giải thoát: 1. Không vô biên xứ giải thoát; 2. Thức vô biên xứ giải thoát; 3. Vô sở hữu xứ giải thoát; 4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát. Bốn vô sắc giải thoát này lấy bốn thiền định cõi Vô sắc làm thể.

629 Diệt thọ tướng định giải thoát, thân tác chứng cụ túc, nói tắt là Diệt tận định. Định này chủ yếu chán bỏ hai tâm thọ và tưởng, vĩnh viễn an trú vô tâm nên gọi là giải thoát.



duyên tự thể của tâm và tâm sở thì có khả năng đoạn hết tham ái.⁶³⁰

Duyên cảnh giới có sáu v.v...: 1. Duyên cảnh thường; 2. Duyên cảnh phi thường; 3. Duyên cảnh biến mãn; 4. Duyên cảnh tịnh hành; 5. Duyên cảnh thiện xảo; 6. Duyên cảnh tịnh hoặc. Trước hết là duyên cảnh như vậy.

Lại có nhiều thứ duyên cảnh giới khác: Dục giới hệ tâm⁶³¹ duyên cảnh Dục, cảnh Sắc, cảnh Vô sắc và cảnh Bất hệ. Cũng vậy, Sắc giới hệ tâm, Vô sắc giới hệ tâm và Bất hệ tâm, mỗi tâm duyên bốn thứ cảnh [ở trên].

Lại nữa, dựa vào Dục giới hệ tâm mà khởi Dục giới hệ tâm, Sắc giới hệ tâm, Vô sắc giới hệ tâm và Bất hệ tâm. Dựa vào Sắc giới hệ tâm mà khởi Sắc giới hệ tâm, Vô sắc giới hệ tâm và Bất hệ tâm. Dựa vào Vô sắc giới hệ tâm mà khởi Vô sắc giới hệ tâm và Bất hệ tâm.

Lại nữa, tâm quá khứ duyên quá khứ, vị lai, hiện tại. Cũng vậy, tâm vị lai và tâm hiện tại cũng duyên ba thời gian.

630 Thức tùy 4 uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành) mà trú, duyên 4 uẩn mà trú, y 4 uẩn mà trú. Thức không có thức trú, bởi vì có thức mới lập thức trú, và vì thức là chủ thể nhận thức nên phải có đối tượng nhận thức (4 uẩn) để tùy, duyên và y. Thức tùy, duyên, y vào đối cảnh thì đều là thủ, mà thể của thủ là phiền não. Cho nên để tâm an trú thì thức phải trú vào bên trong, tức nhận biết được tự thể của các tâm và tâm sở pháp toàn là bản sắc của trí. Sự chứng nghiệm tự thể ấy là không suy lý phân biệt, là không lầm lạc, do đó nó là hiện lượng, không có phiền não. Trung A-hàm, kinh Phân biệt quán pháp: "Này chư Hiền, thế nào gọi là tâm Tỳ-kheo không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn? Này chư Hiền, với con mắt, Tỳ-kheo thấy sắc, thức không chạy theo sắc tướng, thức không đắm trước lạc của sắc tướng, thức không bị trôi buộc bởi lạc của sắc tướng, vị ấy không bị vị ngọt của sắc tướng cột chặt tâm nên không hướng ra ngoài, không bị phân rải, tán loạn." ... "Lại nữa, chư Hiền, Tỳ-kheo vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ, thành tựu an trụ. Thức của vị ấy không trú trước vào vị ngọt của vô tưởng trí, không y vào đó, không trú vào đó, không duyên vào đó, không gắn chặt vào đó, nên thức trú vào bên trong. Này chư Hiền, như vậy gọi là tâm Tỳ-kheo trú vào bên trong." (Thích Tuệ Sỹ dịch)

631 Có 4 loại tâm: Dục giới hệ tâm, Sắc giới hệ tâm, Vô sắc giới hệ tâm và bất hệ tâm. Hệ tâm là tâm hệ thuộc hay tâm trôi buộc. Dục giới hệ tâm là tâm hệ thuộc Dục giới. Bất hệ tâm là tâm không hệ thuộc tam giới, không trôi buộc nơi tam giới.



Lại nữa, tâm thiện duyên thiện, bất thiện và vô ký. Cũng vậy, tâm bất thiện và tâm vô ký đều duyên ba tánh.

Lại nữa, *lạc câu hành tâm* duyên ba thứ cảnh giới: lạc câu hành, khổ câu hành và bất khổ bất lạc câu hành. Cũng vậy, *khổ câu hành tâm* và *bất khổ bất lạc câu hành tâm* đều duyên ba thứ cảnh giới.

Lại nữa, tâm tương ưng tham, tâm tương ưng sân và tâm tương ưng si, mỗi tâm duyên ba thứ cảnh giới tương ưng tham, sân, si.

[568c15] Lại nữa, *sở trị tâm chẳng một*: Dục giới hệ tâm có năm thứ tâm: 1. Kiến khổ sở đoạn tâm; 2. Kiến tập sở đoạn tâm; 3. Kiến diệt sở đoạn tâm; 4. Kiến đạo sở đoạn tâm; 5. Tu đạo sở đoạn tâm. Cũng vậy, Sắc giới hệ tâm và Vô sắc giới hệ tâm đều có năm thứ tâm. Hợp cùng với vô lậu tâm thành mười sáu thứ tâm.

Lại nữa, có hai mươi thứ tâm:

Dục giới hệ tâm có tám tâm: 1. Sinh đắc thiện tâm; 2. Phương tiện thiện tâm; 3.; 4. Hữu phú vô ký tâm; và vô phú vô ký tâm, phân làm bốn tâm: 5. Dị thực sinh tâm; 6. Uy nghi lộ tâm; 7. Công xảo xứ tâm; 8. Biến hóa tâm.

Sắc giới hệ tâm có sáu tâm: Giống Dục giới hệ tâm, trừ bất thiện tâm và công xảo xứ tâm.

Vô sắc giới hệ tâm có bốn tâm: Giống Dục giới hệ tâm, trừ bất thiện tâm, uy nghi lộ tâm, công xảo xứ tâm và biến hóa tâm.

Bất hệ tâm có hai tâm: Hữu học tâm và Vô học tâm.

Lại nữa, nay sẽ nói thắng quyết trạch về *tâm sở hữu sự*.



Kệ tụng:

Dựa nhiều cảnh liễu biệt

Đều là tự nghiệp sinh

Tâm pháp, không nên nghi

Vì tương tự cảnh chuyển. (kệ 6)

[568c27] Luận giải: Tâm sở hữu pháp y chỉ tám thức nên có thể duyên nhiều cảnh tướng. Mỗi tâm sở tạo tác tự nghiệp mà khởi, nương theo tâm mà có, cho nên gọi là tâm sở hữu pháp. Không nên tư duy thêm về cảnh sở duyên của chúng, vì các tâm sở hữu pháp và các thức duyên với nhau mà chuyển. Như khế kinh có nói: “*Nơi nào nếu có thọ, nơi đó có tư. Nơi nào nếu có tư, nơi đó có tưởng. Nơi nào nếu có tưởng, nơi đó có liễu biệt.*”⁶³²

Lại nữa, nay sẽ lược nói về sự tác nghiệp của năm tâm pháp biến hành: tác ý, xúc, thọ, tưởng và tư.

Kệ tụng:

Dẫn tâm, ba phân biệt

Lãnh vị, thâm liễu tướng

Đắc thất v.v... hoạt động

Gọi nghiệp: tác ý, v.v... (kệ 7)

632 Trung A-hàm, kinh Mật hoàn dụ, số 115: “Này chư Hiền, duyên nhãn và sắc mà sanh nhãn thức. Ba sự này cùng tụ hội liền có xúc. Do duyên xúc nên có cảm thọ. Có cảm thọ thì có tưởng. Có tưởng thì có tư duy. Có tư duy thì có niệm. Có niệm thì có phân biệt.” (Thích Tuệ Sỹ dịch, Cf. Trung bộ, kinh Mật hoàn). Trung A-hàm, kinh Đại Câu-hy-la, số 211: “Tôn giả Xá-lê Tử khen xong hoan hỷ phụng hành. Lại hỏi: Hiền giả Đại Câu-hy-la, thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất hay riêng biệt? Có thể thi thiết ba pháp này riêng biệt chăng? Tôn giả Đại Câu-hy-la đáp rằng: Thọ, tưởng, tư, ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt. Không thể thi thiết ba pháp này là riêng biệt. Vì sao? Những gì được cảm thọ bởi thọ, cũng được tưởng bởi tưởng, được tư bởi tư. Cho nên nói ba pháp này hiệp nhất không riêng biệt, và không thể thi thiết ba pháp này riêng biệt.” (Cf. Trung bộ, kinh Đại kinh Phương quang, số 43)



[569a06] Luận giải: (1) Dẫn tâm, phát khởi tâm [hướng đến đối tượng] là nghiệp dụng của tác ý. (2) Sự phân biệt [biến dị] trong tổ hợp ba (căn, cảnh và thức) là nghiệp dụng của xúc⁶³³. (3) Lãnh nạp [các hình thái đối tượng] nghịch, thuận, hay không có cả hai⁶³⁴ là nghiệp dụng của thọ. (4) Xét đoán, hiểu rõ ảnh tượng nơi đối tượng là nghiệp dụng của tưởng. (5) Chế tác công đức, tội lỗi, hay không có cả hai là nghiệp dụng của tư.

Nghiệp dụng của những tâm pháp khác đã nói rộng ở trước.⁶³⁵

Lại nữa, nay sẽ nói thắng quyết trạch về **sự sắc pháp**.

Kệ tụng:

Thượng giới không hương, vị

Đại tạo tùy khả đắc

Cực vi không tự thể

Chẳng thật có bẫy sự. (kệ 8)

[569a12] Luận giải: **Thượng giới không hương, vị**: Dục giới trở lên không có hương và vị.

Đại tạo tùy khả đắc: Bốn đại và sở tạo sắc hiện khởi tùy theo sự tụ hợp. Khả đắc, là tự tướng có mặt. Bất khả đắc, là không có tự tướng.

Cực vi không tự thể: Các cực vi chỉ được giả lập bằng giả tướng, thật sự không có tự thể.

Chẳng thật có bẫy sự: Bảy thứ sự không có thật thể: 1. Biểu sắc;

633 Tự tánh của xúc là làm cho tâm và tâm sở tiếp xúc với cảnh. Chức năng của nó là làm sở y cho thọ, tưởng các thứ. Ba sự (căn, cảnh và thức) đều có công năng dẫn đến sự sinh khởi của tâm sở, đó gọi là biến dị. Xúc sinh khởi tương tự với sự biến dị ấy được gọi là phân biệt.

634 Khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ.

635 Xem Hiển dương, quyển 1, phẩm Nhiếp sự, phần 1.



2. Hình sắc; 3. Ảnh tượng; 4. Hưởng âm; 5. Xúc xúc tạo sắc; 6. Luật nghi sắc; 7. Bất luật nghi sắc.⁶³⁶

Lại nữa, kệ tụng:

Vì hòa hợp không rời

Thiện ác không tự nhiên

Ba tướng, tướng ngoài không

Pháp xứ sắc mười hai. (kệ 9)

[569a21] Luận giải:

Vì hòa hợp không rời: Các tạo sắc xúc (bao gồm năng tạo và sở tạo) thường dựa vào các đại cực vi⁶³⁷, không tách rời chúng. Còn lại các xúc khác, các sắc hòa hay hợp thì cũng không tách rời nhau.

Thiện ác không tự nhiên: Sắc không phải là tự thể có tánh thiện, ác. Tùy theo cái tâm phát sinh mà giả thuyết là thiện hay ác.

Ba tướng, tướng ngoài không: Ngoài ba tướng sắc: hữu kiến hữu đối sắc, vô kiến hữu đối sắc và vô kiến vô đối sắc, thì không có sắc nào cả. Ngoài ba tướng sở hành sắc: sắc tướng, hữu đối tướng và chủng chủng biệt dị tướng, thì cũng không có sắc nào cả.

Pháp xứ sắc mười hai: Là pháp xứ sở nhiếp sắc⁶³⁸; lược nói có

636 Biểu sắc (hình thái), là những động tác như đi, đứng, ngồi, nằm, lấy, bỏ, co, duỗi v.v... Hình sắc (hình dạng), như dài ngắn vuông tròn, to nhỏ lớn bé, thẳng cong cao thấp v.v., là những tướng trạng của các sắc pháp. Ở đây, hình sắc được hiểu là: nghiệp và phi nghiệp; nghiệp là biểu sắc. Biểu sắc còn được hiểu là hư không – một trong hiển sắc (: xanh vàng đỏ trắng, ánh sáng bóng tối, mây khói bụi sương và hư không). Ảnh tượng là ấn tượng, hình ảnh được khởi bởi tánh biến kế sở chấp, chỉ là giả có. Hưởng âm là tiếng dội. Xúc xúc tạo sắc là thân căn được chấp thủ bởi 22 sở tạo xúc (: trơn, nhám, nhẹ, nặng, mềm, ẩm, gập, lạnh, đói, khát, no, lực, yếu, bí, ngứa, dính, bệnh, già, chết, mệt, nghỉ, mạnh), toàn là giả có. Luật nghi sắc và bất luật nghi sắc được giải thích ở quyển 1, phẩm Nhiếp sự, phần 1, mục Pháp xứ sở nhiếp sắc.

637 Đại cực vi: Cực vi của bốn đại hay năm đại (địa, thủy, hỏa, phong, không).

638 Pháp xứ sở nhiếp sắc: Loại sắc không thuộc sắc pháp, mà thuộc pháp xứ hay pháp giới, vì không phải là hiển sắc hay là hình sắc.



mười hai thứ tướng: 1. Tướng ảnh tượng; 2. Tướng sở tác thành tựu; 3. Tướng vô kiến; 4. Tướng vô đối; 5. Tướng không phải thật đại chủng sinh ra; 6. Tướng thuộc tâm [ý thức]; 7. Tướng thể gian; 8. Tướng bất khả tư nghị; 9. Tướng thể gian tam-ma-địa quả; 10. Tướng xuất thể gian tam-ma-địa quả; 11. Tướng tự địa, hạ địa cảnh giới; 12. Tướng chư Phật, Bồ-tát tùy tâm tự tại chuyển biến bất tư nghị [cảnh giới].

Lại nữa, nay sẽ nói thẳng quyết trạch về *tâm bất tương ưng hành*.

Kệ tụng:

Nên biết bất tương ưng

Đều giả thi thiết có

Sáu thứ tánh giả có

Thấy đều có ba lỗi. (kệ 10)

[569b08] Luận giải: Tâm bất tương ưng hành đều là giả có.⁶³⁹

Tánh chất của giả có, lược có sáu thứ. Vì sao là sáu? Sự vật nào mà khởi lên sáu thứ ngôn luận. Những gì là sáu thứ ngôn luận? 1. Ngôn luận thuộc chủ tương ưng; 2. Ngôn luận rời xa đây kia; 3. Ngôn luận chúng cộng thi thiết; 4. Ngôn luận chúng pháp tụ tập; 5. Ngôn luận không biến khắp tất cả; 6. Ngôn luận không phải thường.

(1) ***Ngôn luận thuộc chủ tương ưng***: Các ngôn luận mà phải kết hợp, tương thuộc với chủ mới hiểu được hành tướng của nó, không phải không thuộc chủ. Như khi nói về “sinh”, thì là sự sinh khởi cái gì? Xem xét sở thuộc chủ mới khởi ngôn luận rằng: sự sinh khởi của sắc, sự sinh khởi của thọ, tướng, hành, thức. Không phải như khi nói

639 Luận Câu xá, quyển 4, tr. 22a04~09: “Thế nào là các hành không tương ưng tâm? Đắc, phi đắc, đồng phần, v.v..., các pháp này không tương ưng với tâm; chúng cũng không phải là sắc; được nhiếp trong hành uẩn, vì vậy nói là tâm bất tương ưng hành.” Kinh bộ và Nhất thiết hữu bộ cho rằng tâm bất tương ưng hành là giả.



về “sắc”, thì là sắc của ai? Xem xét sở thuộc chủ mới khởi ngôn luận rằng: sinh như vậy, trú, di, vô thường, v.v... các loại tâm bất tương ưng hành. Theo chỗ thích hợp, phải nên biết hết. Đó là ngôn luận thuộc chủ tương ưng. Sự thể nào mà có thể khởi ngôn luận như vậy, nên biết đây là giả tướng.

[569b20] (2) ***Ngôn luận rời xa đây kia***: Các ngôn luận mà không phải lấy đây hiển thị đây, cũng không phải lấy kia hiển thị kia. Đó gọi là ngôn luận rời xa đây kia.

Ngôn luận lấy đây hiển thị đây: Là những ngôn luận ở nơi thật tướng chuyển khởi, cũng ở nơi giả tướng chuyển khởi.

Ngôn luận lấy kia hiển thị kia: Là những ngôn luận ở nơi thật tướng chuyển khởi, cũng ở nơi giả tướng chuyển khởi.

Ngôn luận không lấy đây hiển thị đây, cũng không lấy kia hiển thị kia: Là những ngôn luận chỉ một chiều ở nơi giả tướng chuyển khởi.

Thế nào là ngôn luận lấy đây hiển thị đây, ở nơi thật tướng chuyển khởi? Như nói sự cứng chắc của đất.

Thế nào là ngôn luận lấy đây hiển thị đây, ở nơi giả tướng chuyển khởi? Như nói sự tròn trịa của đá.

Như sự cứng chắc của đất, sự tròn trịa của đá, cũng vậy là sự ẩm ướt của nước, sự giọt của dầu, sự ấm của lửa, sự cháy bùng của ngọn lửa, sự lay động của gió, sự khua của gió lốc, nên biết cũng vậy.

Thế nào là ngôn luận lấy kia hiển thị kia, ở nơi thật tướng chuyển khởi? Như nói nhận thức của con mắt, cảm xúc của thân thể, đại loại như vậy.

Thế nào là ngôn luận lấy kia hiển thị kia, ở nơi giả tướng chuyển



khởi? Như nói đồ uống ăn, y phục, đồ trang sức của Phật-thọ, Đức hữu, đại loại như vậy.

Thế nào là ngôn luận không lấy đây hiển thị đây, cũng không lấy kia hiển thị kia, chỉ một chiều ở nơi giả tướng chuyển khởi? Như nói cửa của nhà, tường của nhà, cổ của vò, bụng của bình, xe của quân, cây của rừng, mùi của một trăm, ba của mười, đại loại như vậy.

Đó gọi là ngôn luận rời xa đây kia.

(3) **Ngôn luận chúng cộng thi thiết**: Là sáu sắc thái làm tự thể cho ngôn thuyết. Thiết lập ngôn thuyết qua sáu sắc thái: 1. Sắc thái sự; 2. Sắc thái sở thức; 3. Sắc thái tịnh diệu; 4. Sắc thái nhiều ích; 5. Sắc thái ngôn thuyết; 6. Sắc thái tà hành.

Sắc thái sự: Là sở thủ của thức.

Sắc thái sở thức: Là sở thủ của tác ý, cho nên khởi nơi thức.

Sắc thái tịnh diệu: Là sở thủ của xúc.

Sắc thái nhiều ích: Là sở thủ của thọ.

Sắc thái ngôn thuyết: Là sở thủ của tưởng.

Sắc thái tà hành: Là sở thủ của tư.

[569c14] (4) **Ngôn luận chúng pháp tụ tập**: Là ngôn luận an lập tự thể do nhiều pháp hòa hợp. Như nơi nội sắc gồm thọ, tưởng, hành, thức, có những ngôn luận về ngã, v.v...; nơi ngoại sắc gồm thanh, hương, vị, xúc, có những an lập [những tự thể] sai biệt cho nên có những ngôn luận về nhà cửa, cái vò, chiếc bình, quân lính, cây rừng v.v...

[569c17] (5) **Ngôn luận không biến khắp tất cả**: Là những ngôn luận có lúc tùy chuyển, có lúc rút lại. Như với nhà cửa, có ngôn



luận về nhà cửa, chỉ tùy chuyển nơi nhà cửa, còn thôn xóm, đình làng, v.v... thì rút lại [không dùng]; với cái vò, có ngôn luận về cái vò, chỉ tùy chuyển nơi cái vò, còn những đồ đựng nước khác thì rút lại [không dùng]; với quân lính, có ngôn luận về quân lính, chỉ tùy chuyển nơi quân lính, còn nam, nữ, v.v... khác nhau thì rút lại [không dùng]; với cây rừng, có ngôn luận về cây rừng, chỉ tùy chuyển nơi cây rừng, còn những cái khác như gốc, thân, cành, nhánh, lá, hoa, quả v.v... thì rút lại [không dùng].

[569c22] (6) **Ngôn luận không phải thường**: Nên biết có bốn thứ nhân: 1. Do phá hoại; 2. Do không phá hoại; 3. Do gia hành; 4. Do biến đổi.

Do phá hoại: Như bình lọ bị vỡ rồi, thì bỏ ngôn luận bình lọ, sinh ngôn luận miếng, mảnh.

Do không phá hoại: Như các thứ dược phẩm hòa trộn với nhau, làm thành dạng viên, hoặc dạng bột, thì bỏ ngôn luận các thứ dược phẩm, sinh ngôn luận dược phẩm viên hay bột.

Do gia hành: Như có một miếng vàng, khởi các gia hành chế tác thành đồ trang sức khác nhau như nhẫn, vòng tay v.v..., bấy giờ bỏ ngôn luận vàng miếng, sinh ngôn luận nhẫn, vòng tay v.v...

Do biến đổi: Như đồ ăn uống khi được biến đổi, bấy giờ bỏ ngôn luận đồ ăn uống, sinh ngôn luận phần, tiểu, v.v...

Đại loại như vậy gọi là ngôn luận không phải thường.

Theo các sự vật, phát khởi sáu thứ ngôn luận như vậy, nên biết các sự vật ấy đều là giả có.⁶⁴⁰

640 Phần giải thích 6 thứ ngôn luận nằm trong Du-già sư địa luận, quyển 16, Tư sở thành địa, mục "giả tướng hữu pháp", tr. 362a01~b28.



Hỏi: Các tâm bất tương ưng hành đều là giả có, nên hiểu thế nào?

Đáp: Do có hai lầm lỗi: 1. Lầm lỗi về nhân; 2. Lầm lỗi về thể.

Lầm lỗi về nhân: Nếu nói *sinh khởi nhân* là sự sinh, vì năng sinh ra sự sinh nên gọi là sinh, tức là không thể có quả nào khác sinh ra. Sự sinh này là gì? *Năng sinh nhân* nên nói là sinh.

Lầm lỗi về thể: Nếu nói *sinh khởi thể* là sự sinh, tức là từ cái khác sinh ra, thì không thể nói là năng sinh.

Như vậy, các tâm bất tương ưng hành khác, theo lý nên biết.

Lại nữa, các tâm sở khác và tâm bất tương ưng hành có tánh chất làm nhân cho các pháp hữu vi. Nay sẽ nói quyết trách về *tánh chất làm nhân*.

Kệ tụng:

Ba lỗi nhân, chẳng năm

Nhân tướng lược: hệ, hợp

Tướng, y xứ, sai biệt

Kiến lập: có nhiều thứ. (kệ 11)

[570a12] Luận giải: Có một thuyết khác lập ra sáu thứ nhân: 1. Đồng loại nhân; 2. Biến hành nhân; 3. Câu hữu nhân; 4. Tương ưng nhân; 5. Dị thực nhân; 6. Năng tác nhân.⁶⁴¹

641 Hiển dương bác bỏ cả 6 nhân theo quan điểm của Hữu bộ (Câu xá) vì cho rằng không có tánh nhân duyên. **Đại cương Câu xá luận, HT. Thích Thiện Siêu giải thích:**

1. Đồng loại nhân: Tánh đồng loại liên tục trong sự vật là nguyên nhân cho sự sanh thành của vật. Như niệm lành trước làm nhân cho niệm lành sau, niệm ác trước làm nhân cho niệm ác sau, nhiệt độ trong nước mới tăng dần thì nước mới sôi, nếu cứ đứt đoạn tăng giảm không chừng thì không thể nào sôi được. Như tục ngữ nói: „*Có công mài sắc, có ngày thành kim*“. Đồng loại nhân là nguyên nhân của sự đồng loại tương tục tự nội.

2. Biến hành nhân: Biến hành đồng nghĩa với *đồng loại*. Nó là một phần của đồng loại. Nhưng đồng loại nhân có phạm vi quán thông cả vũ trụ, còn biến hành nhân này chỉ giới hạn ở mười một phiến não biến hành đó là bảy món: thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, nghi, vô

Sáu thứ nhân như vậy, trừ dị thực nhân, năm nhân tánh còn lại là không hợp đạo lý, vì có ba thứ lầm lỗi. Những gì là ba?

minh trong mười hoặc (phiến não) do mê lý Khổ để sinh ra, cộng với bốn món: tà kiến, kiến thủ, nghi, vô minh trong bảy hoặc (phiến não) do mê lý Tập để sinh ra. Nó có tác dụng làm nhân phát sinh tất cả phiến não, nên gọi là biến hành nhân.

3. Câu hữu nhân: Thông thường về mặt thời gian, luôn luôn nhân trước quả sau, nhân quả khác thời; nhưng về mặt không gian, nhân quả lại đồng thời, cùng có một lúc, một chỗ nên gọi là câu hữu nhân. Có hai thứ:

a. *Hỗ vi quả câu hữu nhân:* (nguyên nhân hỗ tương), không có vật nào đứng riêng rẽ mà thành, phải từ hai vật trở lên nương nhau đáp đối làm nhân làm quả thì mới thành được. Như sự hỗ tương giữa bốn đại. Như tục ngữ nói: „*Cây đa cây thân, thân cây cây đa*“.

b. *Đồng nhất quả câu hữu nhân:* (Nguyên nhân hiệp đồng), một người không thể tổ chức thành một xã hội, nhiều người có cùng mục đích mới tổ chức thành xã hội. Hạt giống, đất, nước, phân,... tuy khác nhau, nhưng cùng chung tạo ra kết quả là cây lúa, bốn đại hợp nhau mới tồn tại và tạo ra sự vật. Như tục ngữ nói: „*Ba cây chụm lại thành hòn núi cao*“.

4. Tương ưng nhân: Tương ưng có nghĩa như câu hữu, vì nó là một phần của câu hữu nhân, chỉ khác là câu hữu nhân có phạm vi quán thông cả vũ trụ vạn hữu sắc tâm, còn tương ưng nhân thì chỉ giới hạn ở tâm vương và tâm sở. Hiện tượng tâm vương, tâm sở không thể tách rời mà phải tương ưng thuận hợp tư trợ cho nhau để phát sinh. Vậy chính sự tương ưng đó cũng là nguyên nhân. Giữa tâm vương và tâm sở có đủ năm sự đồng nhau mới thành tương ưng, như đã nói trên.

5. Dị thực nhân: Nhân và quả khác loại, khác tánh với nhau, hoặc biến đổi đưa đến quả thành thực, là nguyên nhân đưa đến quả báo dị thực, gọi là dị thực nhân. Do nhân thiện ác mà cảm quả dị thực vô ký. Như do nhân thiện mà cảm quả báo vui, do nhân ác nghiệp mà cảm quả báo khổ. Nhưng vui là vui, khổ là khổ, không thể bảo tự thân sự vui khổ là thiện hay ác, mặc dù đã báo vui khổ là do nghiệp nhân thiện ác gây ra. Đây là tâm của lý nhân quả. Tóm lại, nguyên nhân của vạn pháp tuy rộng lớn vô cùng, nhưng tóm lại không ngoài hai loại nhân quả đồng thời và nhân quả dị thời. Nguyên nhân đồng thời là xét về mặt không gian, các sự vật cùng nương nhau, giúp nhau phát khởi, như A-B nương nhau sinh tồn. Nguyên nhân dị thời là nhìn về mặt thời gian trước sau tiếp tục giúp nhau khởi, như hạt lúa trước sanh cây sanh lúa sau.

6. Năng tác nhân: Nhân là năng tác, quả là sở tác. Năng tác tức nhân, nên gọi là năng tác nhân. Bất kỳ dữ kiện nào dù không liên hệ trực tiếp, nhưng nếu có sự trợ giúp cho kết quả được sanh thành đều gọi là năng tác nhân. Nhân này có hai thứ:

a. *Hữu lực năng tác nhân:* Hữu lực là có sức giúp một cách tích cực. Như nhân căn đối với nhân thức, đất giúp cây cỏ mọc. Chỉ pháp hữu vi mới có tánh cách hữu lực năng tác nhân này; pháp vô vi thì không.

b. *Vô lực năng tác nhân:* Vô lực là chỉ giúp một cách tiêu cực. Nói cách khác, là không giúp gì cả, chỉ không làm trở ngại cho sự sanh thành của kết quả. Như hư không không làm trở ngại mọi vật phát sanh, tảng đá trên núi không làm trở ngại cây lúa mọc dưới đồng, v.v...

Pháp vô vi vô tướng, không làm chướng ngại gì, nên cũng thuộc vô lực năng tác nhân này. Như vậy, năng tác nhân có phạm vi rất rộng rãi, bao gồm cả hữu vi và vô vi, nhưng trừ tự thân của mỗi pháp chính nó, vì tự thân không thể làm nhân cho tự thân.

Hỏi: Nếu vậy, năm nhân kia cũng làm năng tác nhân được chứ?

Đáp: Được, nhưng vì năm nhân kia còn có công dụng khác và đã có tên gọi khác, nên không gọi chúng là năng tác nhân.

Trong sáu nhân này, hai nhân *câu hữu* và *tương ưng* thuộc về *nguyên nhân đồng thời*, dù câu hữu nhân thông cả vũ trụ vạn hữu và tương ưng nhân chỉ giới hạn ở tâm và tâm sở. Ba nhân *đồng loại*, *biến hành*, *dị thực* đều thuộc về *nguyên nhân dị thời*, dù đồng loại nhân thông cả vũ trụ vạn hữu, biến hành nhân chỉ giới hạn ở lãnh vực của tâm, dị thực nhân thì nhắm vào tánh nhân quả bất đồng mà nói. Chỉ riêng *năng tác nhân* là nguyên nhân bao trùm tất cả, không luận đồng thời, dị thời, nội tâm, ngoại vật, hữu vi vô vi đều có thể trở thành năng tác nhân cho nhau được cả.



Như là đồng loại nhân có ba lầm lỗi:

(1) Nếu nói cái nhân của sự đồng loại, gọi là đồng loại nhân, là đã thành lỗi. Vì sao? Nếu các pháp thiện v.v... trước đã thành tựu thể tánh thiện v.v... thì chúng cần gì nhân?

(2) Nếu nói sự đồng loại chính là nhân, gọi là đồng loại nhân, thì tức là không có quả, thế là có lỗi bất định. Vì sao? Không hiển thị cái quả thì cái gì là nhân? Lại nữa, không xác định thể của nhân là đồng loại thì pháp không tương tự cũng có thể làm nhân.

(3) Nếu nói không phải đồng loại chính là nhân, cũng tức là nói cái nhân của không phải đồng loại, thì có lỗi thiết lập trống rỗng. Đồng loại nhân mà nói không có chủ, thế là thiết lập vô ích. Như vậy, với bốn nhân còn lại, mỗi nhân cũng có ba thứ lầm lỗi, nên như lý nói rộng.

[570a24] Lại nữa, đã phá bỏ cái nhân không đúng lý, nay sẽ thiết lập sắc thái của cái nhân đúng lý. Nếu lược nói thì có hai thứ nhân: 1. Nhân hệ phục tượng; 2. Nhân hòa hợp tượng.

Nhân hệ phục tượng: Là phiền não tùy miên. Ở đây là dựa vào năng sinh *hậu hữu* mà nói.

Nhân hòa hợp tượng: Là nhân duyên hòa hợp mà pháp này, pháp kia sinh. Đây là dựa vào năng sinh ở thời hiện tại mà nói.

[570a29] Sau đây là lược nói về nhân: “*Twóng, y xư, sai biệt và kiến lập lại có nhiều thứ*”:⁶⁴²

[570b02] (1) *Twóng*: Nếu do cái này dẫn đầu, cái này làm kiến lập, cái này hòa hợp, thì các pháp này, pháp kia sinh, hoặc có được,

642 Xem thêm Du-già sư địa luận, quyển 5, mục Nhân duyên quả kiến lập giới: “Lược có 4 thứ: Do twóng, do sở y, do sai biệt, do kiến lập”, tr. 301a03-302b18.



hoặc thành lập, hoặc hoàn thành, hoặc khởi tác dụng. Nên biết, nói cái này chính là nói cái nhân của pháp kia.

[570b05] Hỏi: Lấy cái gì dẫn đầu? Cái gì làm kiến lập? Cái gì hòa hợp? Pháp gì sinh?

Đáp: Tự chủng tử dẫn đầu. Trừ sở y chung, các thứ khác như sắc sở y, phi sắc sở y⁶⁴³ và nghiệp, lấy đó làm kiến lập. Trợ bạn và sở duyên cảnh làm hòa hợp. Cho nên, theo sự thích ứng, các pháp sinh ở Dục hệ, Sắc hệ, Vô sắc hệ và Bất hệ [tam giới].

Hỏi: Lấy cái gì dẫn đầu? Cái gì làm kiến lập? Cái gì hòa hợp? Pháp gì có được?

Đáp: Chủng tánh của Thanh văn, Độc giác và Như lai dẫn đầu. Lực của nhân tố bên trong làm kiến lập. Lực của nhân tố bên ngoài làm hòa hợp. Cho nên phiền não ly hệ⁶⁴⁴, chứng đắc niết bàn.

Ở đây, *lực của nhân tố bên trong*: Phần thiện pháp bên trong là như lý tác ý, thiếu dục, tri túc, v.v... Lại có được thân người, sinh chỗ có bậc Thánh, các căn không khiếm khuyết, không có các nghiệp chướng, đối với Như lai có đủ tín tâm thanh tịnh. Các pháp đại loại như vậy gọi là lực của nhân tố bên trong.

Lực của nhân tố bên ngoài: Là chư Phật xuất thế, tuyên thuyết diệu pháp; những người trú chánh pháp cùng làm bạn bè; người đầy đủ bi tín lấy làm thí chủ. Các pháp đại loại như vậy gọi là lực của nhân tố bên ngoài.

[570b18] Hỏi: Lấy cái gì dẫn đầu? Cái gì làm kiến lập? Cái gì hòa hợp? Pháp gì thành lập?

643 Sắc sở y: Đại chủng. Phi sắc sở y: Thức giới.

644 Phiền não gọi là hệ phục. Phiền não diệt gọi là ly hệ. Trạch diệt là sự ly hệ (dứt trừ kết phục), tức là diệt đạt được do tuệ giải trạch.



Đáp: Ưa thích thắng giải đối với các pháp sở tri dẫn đầu. Tông, nhân và thí dụ lấy làm kiến lập. Không trái nghịch với đại chúng và người đối luận làm hòa hợp. Nghĩa muốn thiết lập mới được thành lập.

[570b22] Hỏi: Lấy cái gì dẫn đầu? Cái gì làm kiến lập? Cái gì hòa hợp? Pháp gì hoàn thành?

Đáp: Trí công xảo dẫn đầu. Theo trí ấy siêng năng chịu khó làm kiến lập. Các công cụ trong công xảo nghiệp xứ làm hòa hợp. Các loại công xảo nghiệp xứ hoàn thành. Lại nữa, ái dẫn đầu. Người sống nhờ ăn làm kiến lập. Bốn loại thức ăn⁶⁴⁵ làm hòa hợp. Hữu tình đã sinh, tồn tâm dưỡng tánh mà an trú.

[570b27] Hỏi: Lấy cái gì dẫn đầu? Cái gì làm kiến lập? Cái gì hòa hợp? Pháp gì khởi tác dụng?

Đáp: Tự chủng dẫn đầu. Đời sống trước kia làm kiến lập. Duyên với đời sống trước kia làm hòa hợp. Người tự tác nghiệp là tự mình khởi tác dụng để được hoàn thành.

Tự tác nghiệp: Như nghiệp thấy của con mắt, như vậy các căn khác đều có những tác nghiệp riêng biệt. Lại như đất có tác dụng nắm giữ, nước có tác dụng thổi rửa, lửa có tác dụng thiêu đốt, gió có tác dụng khô ráo. Đại loại như vậy gọi là pháp ở ngoài, mỗi pháp có tác nghiệp riêng biệt.

[570c04] (2) *Y xứ*: Có mười lăm thứ sở y xứ cho nhân duyên: 1. Ngũ; 2. Lãnh thọ; 3. Tập khí; 4. Hữu nhuận chủng tử; 5. Vô gián diệt; 6. Cảnh giới; 7. Căn; 8. Tác dụng; 9. Sĩ phu dụng; 10. Chân thật kiến;

645 Bốn loại thức ăn: thô đoàn thực, tế xúc thực, ý tư thực, thức thực.



11. Tùy thuận; 12. Sai biệt công năng; 13. Hòa hợp; 14. Chướng ngại; 15. Bất chướng ngại.⁶⁴⁶

(3) *Sai biệt*: Là mười nhân, bốn duyên và năm quả.

Mười nhân: 1. Tùy thuyết nhân; 2. Quan đãi nhân; 3. Khiên dẫn nhân; 4. Sinh khởi nhân; 5. Nhiếp thọ nhân; 6. Dẫn phát nhân; 7. Định biệt nhân; 8. Đồng sự nhân; 9. Tương vi nhân; 10. Bất tương vi nhân.

Bốn duyên: 1. Nhân duyên; 2. Đẳng vô gián duyên; 3. Sở duyên duyên; 4. Tăng thượng duyên.

646 Thành duy thức luận, tr. 41b14~c17:

(1) Ngũ y xứ, tính thể của ngôn ngữ được dẫn khởi bởi pháp, danh, tướng. Y trên cơ sở này mà lập tùy thuyết nhân. Theo đó, y trên ngữ này mà nói lên ý nghĩa của những gì được thấy, được nghe các thứ. Đây là cái nói làm nhân cho cái được nói. Luận giải khác nói, đó là danh, tướng và thấy. Tức là tùy theo danh tự, tướng được nắm bắt, được chấp chặt, mà tùy theo đó ngôn thuyết khởi lên. Theo luận giải này, vậy nhân này là y xứ của ngữ.

(2) Lãnh thọ y xứ, đó là tánh chất quan hệ tương tác giữa cái lãnh thọ và cái được lãnh thọ. Y trên cơ sở này mà lập quan đãi nhân. Tức là, do quan hệ tương tác với cái này mà các sự vật kia hoặc sinh, hoặc trụ, hoặc thành, hoặc đắc. Cái này là quan đãi nhân của cái kia.

(3) Tập khí y xứ, đó là chủng tử, hoặc nội tại hoặc ngoại tại, chưa đến giai đoạn chín muồi; y trên cơ sở này mà lập khiên dẫn nhân. Vì nó lôi kéo dẫn đến kết quả của chính nó.

(4) Hữu nhuận chủng tử y xứ, đó là các loại chủng tử nội hay ngoại tại đã đến giai đoạn chín muồi; y trên cơ sở này mà lập sinh khởi nhân; vì nó sản sinh kết quả gần của chính nó.

(5) Vô gián diệt y xứ, đó là đẳng vô gián duyên của tâm, tâm sở các thứ.

(6) Cảnh giới y xứ, đó là sở duyên duyên của tâm, tâm sở các thứ.

(7) Căn y xứ, đó là sáu căn làm sở y cho tâm, tâm sở.

(8) Tác dụng y xứ, đó là tác dụng công cụ đối với nghiệp được tạo tác. Tức trừ chủng tử, các duyên khác hiện diện trợ lực.

(9) Sĩ dụng y xứ, đó là tác dụng của tác giả đối với nghiệp được tạo tác. Tức trừ chủng tử, các duyên khác hiện diện tác thành.

(10) Chân thật kiến y xứ, đó là kiến vô lậu; trừ việc dẫn sinh chủng tử của chính nó, những gì hỗ trợ, dẫn sinh, chứng đắc pháp vô lậu. Y trên tổng thể sáu cơ sở này lập nhiếp thọ nhân. Tức là, năm điều kiện nhiếp thọ trợ lực hoàn thành pháp hữu lậu, và đủ cả sáu điều kiện nhiếp thọ trợ lực hoàn thành vô lậu.

(11) Tùy thuận y xứ, đó là các hành, bao gồm cả chủng tử và hiện hành, với các tánh chất vô ký, nhiễm, thiện; chúng tùy thuận các pháp đồng loại có ưu thế hơn. Y trên cơ sở này lập dẫn phát nhân.

(12) Sai biệt công năng y xứ, đó là các pháp hữu vi, mà mỗi thứ, có thể lực khiến phát khởi hay chứng đắc quả của chính nó; y trên cơ sở này lập định dị nhân. Tức là, mỗi thứ sản sinh quả trong giới hệ của nó, và khiến đạt được quả trong Thừa của nó.

(13) Hòa hiệp y xứ, lực hòa hiệp của các y xứ, từ lãnh thọ cho đến sai biệt công năng y xứ, trong sự sản sinh, tồn tại, hoàn thành, đạt quả. Y trên cơ sở này lập đồng sự nhân. Tức là, từ quan đãi nhân cho đến định dị nhân, các nhân này đều cùng chung hoạt động như sản sinh, tồn tại, v.v...

(14) Chướng ngại y xứ, đó là pháp gây chướng ngại trong quá trình sản sinh, tồn tại, hoàn thành, đạt quả. Y trên cơ sở này lập tương vi nhân. Vì nó vi nghịch các sự kiện sinh v.v...

(15) Bất chướng ngại y xứ, đó là pháp không gây chướng ngại trong quá trình sinh, trụ, thành, đắc. Y trên cơ sở này lập bất tương vi nhân. Vì nó không vi nghịch sự kiện sinh v.v... (Thích Tuệ Sĩ dịch)



Năm quả: 1. Dị thực quả; 2. Đẳng lưu quả; 3. Ly hệ quả; 4. Sĩ dụng quả; 5. Tăng thượng quả.

[570c14] Ở đây, tùy theo danh của tất cả pháp dẫn đầu nên tưởng, tưởng dẫn đầu nên ngôn thuyết, đó gọi là *tùy thuyết nhân* của các pháp kia.

Nếu quan sát đối đãi (quan đãi) với cái này, hay cái này làm nhân, thì có mong cầu, hay có thủ đắc đối với các sự kia, gọi đó là quan đãi nhân. Như quan đãi bàn tay, bàn tay làm nhân, khởi tác dụng cầm nắm. Quan đãi đôi chân, đôi chân làm nhân, khởi tác dụng đi đứng. Quan đãi khớp xương, khớp xương làm nhân, khởi tác dụng co duỗi. Quan đãi đói khát, đói khát làm nhân, mong cầu đồ ăn uống. Theo những loại như vậy có vô lượng thọ dụng, đều gọi là *quan đãi nhân*.

Nếu chủng tử ở tự quả tối hậu thì gọi là *khiên dẫn nhân*, tức là chủng tử ấy là *sinh khởi nhân* của tự quả. Trừ chủng tử ra, các duyên khác là *niếp thọ nhân*. Quả được sinh bởi chủng tử ấy chính là quả được khiên dẫn bởi chủng tử sau cùng, gọi là *dẫn phát nhân*. Nhân khác biệt có khả năng tạo tác các thứ dị loại, gọi là định biệt nhân.

Hoặc quan đãi nhân, hoặc khiên dẫn nhân, hoặc sinh khởi nhân, hoặc nhiếp thọ nhân, hoặc dẫn phát nhân, hoặc định biệt nhân, tổng nhiếp các nhân như vậy gọi là đồng sự nhân.

Nếu quả sinh rồi, có thể làm sự chướng ngại [cho cái khác], gọi là *tương vi nhân*; hoặc tách rời sự chướng ngại, gọi là *bất tương vi nhân*.

[570c28] Chủng tử của các pháp, đó là *nhân duyên*.⁶⁴⁷

Đẳng vô gián duyên: Nếu từ thức này (a-lại-da) mà đồng đẳng (:

647 Chỉ chủng tử mới có tánh nhân duyên.



trực tiếp) không gián cách, thì các thức v.v... quyết định sinh khởi. Đây là đẳng vô gián duyên của các thức v.v....⁶⁴⁸

Cảnh sở duyên của các tâm và tâm sở hữu pháp, gọi là *sở duyên duyên*.

Tăng thượng duyên: Trừ chủng tử ra, các sở y khác như nhân và các pháp cộng hữu đối với nhân thức v.v... Như vậy các căn khác v.v... đối với các thức khác v.v... Lại nữa, pháp thiện, pháp bất thiện nhiếp thọ quả ái, quả bất ái. Đại loại như vậy gọi là tăng thượng duyên.

Các pháp bất thiện chiêu cảm quả báo ác thú, các pháp thiện hữu lậu chiêu cảm quả báo thiện thú, đó gọi là *dị thực quả*.

Do tập quen pháp bất thiện, ưa trú pháp bất thiện, pháp bất thiện thêm nhiều; hoặc do tu tập pháp thiện, ưa trú pháp thiện, pháp thiện thêm nhiều; lại nữa, tương tự với nghiệp đời trước, quả đời sau tùy chuyển; gọi là đẳng lưu quả.

Do Thánh đạo tám chi⁶⁴⁹ mà các phiền não diệt, gọi là *ly hệ quả*. Sự diệt trừ các phiền não diệt bằng thế gian đạo của phàm phu, đó không phải cứu cánh chuyển, không phải ly hệ quả.

Người thế gian ở hiện tại, theo học một loại công xảo nghiệp xứ để khởi năng lực tác dụng của sĩ phu, như canh nông, thương mại, quan chức vua làm các việc như chép sách, kế toán, bói toán, thuật số, thủ ấn v.v... Do y theo nghề nghiệp đây mà hoa màu sung túc, gặt hái lợi ích thương mại v.v... thành tựu quả pháp. Đó gọi là *sĩ dụng quả*.

648 Du-già sư địa luận, quyển 52: "Nếu các tâm, tâm sở này không gián cách các tâm tâm sở tiếp theo sinh khởi, đó là đẳng vô gián duyên. Nếu sáu thức này làm điều kiện đẳng vô gián cho sáu thức kia, căn cứ theo đó gọi thức này là ý căn." (tr. 584b28)

649 Thánh bát chi đạo聖八支道: Bát Thánh đạo còn được gọi là con đường Thánh gồm có tám chi: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định.



[571a18] Hỏi: (4) **Kiến lập** là thế nào?

Đáp: Y trên ngữ làm y xứ cho nhân, để kiến lập tùy thuyết nhân. Vì sao? Do kiến lập pháp ở Dục giới hệ, pháp ở Sắc và Vô sắc giới hệ, và pháp ở Bất hệ, lấy danh dẫn đầu nên tướng chuyển, tướng dẫn đầu nên khởi sinh ngôn ngữ. Do có ngôn ngữ nên theo cái thấy, theo cái nghe, theo cái hay, theo cái biết mà khởi các ngôn thuyết. Đó là dựa vào *ngữ y xứ* để kiến lập *tùy thuyết nhân*.

[571a23] Y trên lãnh thọ làm y xứ cho nhân, để kiến lập quan đãi nhân. Vì sao? Những người mong cầu sự vui của Dục giới hệ, họ quan sát đối đãi đây, đối với các dục đủ loại, hoặc vì cầu được, hoặc cầu tích tập, hoặc cầu thọ dụng. Những người mong cầu sự vui của Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ, họ quan sát đối đãi đây, đối với các duyên của sự vui kia, hoặc vì cầu được, hoặc cầu thọ dụng. Những người mong cầu sự vui của Bất hệ, họ quan sát đối đãi đây, đối với các duyên của sự vui kia, hoặc vì cầu được, hoặc cầu thọ dụng. Những người không muốn khổ, họ quan sát đối đãi đây, đối với duyên sinh khổ, đối với duyên đoạn khổ, hoặc cầu rời xa, hoặc cầu thọ dụng. Đó là y trên *lãnh thọ y xứ* để kiến lập *quan đãi nhân*.

[571b02] Y trên tập khí làm y xứ cho nhân, để kiến lập khiên dẫn nhân. Vì sao? Do huân tập nghiệp tịnh, bất tịnh qua các hành trong ba giới, ở trong các thú khả ái hay bất khả ái, cảm được tự thân khả ái hay bất khả ái. Lại nữa, do lực tăng thượng này mà các của cải, đồ dùng ngoài thân thành mãn hay tổn giảm. Đó là y trên *tập khí y xứ* của nghiệp tịnh, bất tịnh qua các hành để kiến lập *khiên dẫn nhân*.

[571b07] Y trên chủng tử hữu nhuận làm y xứ cho nhân, để kiến lập sinh khởi nhân. Vì sao? Các pháp hệ thuộc Dục giới, các pháp hệ

thuộc sắc giới và Vô sắc giới, mỗi pháp từ chủng tử của nó mà được sinh khởi. Ái, là năng nhuận; *chủng tử*, là sở nhuận. Do những chủng tử được chín muồi (sở nhuận) này, trước được dẫn dắt, nay tự thể khác nhau được sinh khởi. Như kinh nói: “*Nghiệp làm cảm sinh nhân*⁶⁵⁰; *ái làm sinh khởi nhân*.” Đó là y trên *chủng tử hữu nhuận y xứ* để kiến lập *sinh khởi nhân*.

[571b13] Y trên vô gián diệt làm y xứ cho nhân, và cảnh giới, căn, tác dụng, sử dụng, chân thật kiến làm y xứ cho nhân, để kiến lập nhiếp thọ nhân. Vì sao? Do các pháp hệ thuộc Dục giới là do vô gián diệt nhiếp thọ, cảnh giới nhiếp thọ, căn nhiếp thọ, tác dụng nhiếp thọ, sử dụng nhiếp thọ, mà chư hành chuyển động. Như chư hành ở Dục giới hệ, chư hành Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ cũng như vậy. Nếu do chân thật kiến nhiếp thọ thì ở Bất hệ chư hành chuyển. Đó là y trên *vô gián diệt, cảnh giới, căn, tác dụng, sử dụng, chân thật kiến* làm y xứ để kiến lập *nhiếp thọ nhân*.

[571b20] Y trên tùy thuận làm y xứ cho nhân, để kiến lập dẫn phát nhân. Vì sao? Pháp thiện ở Dục giới hệ năng dẫn phát các pháp thắng thiện ở Dục giới hệ. Cũng vậy, pháp thiện ở Dục giới hệ năng dẫn phát các pháp thắng thiện ở Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ. Đó là do tùy thuận nơi nhân.

Như pháp thiện ở Dục giới hệ, cũng vậy pháp thiện ở Sắc giới hệ năng dẫn phát các pháp thắng thiện ở Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ, hoặc các pháp thắng thiện ở Bất hệ.

Như pháp thiện ở Sắc giới hệ, cũng vậy pháp thiện ở Vô sắc giới hệ năng dẫn phát các pháp thắng thiện ở Vô sắc giới hệ và pháp thiện ở Bất hệ.

650 Cảm sinh nhân = khiên dẫn nhân.



Như pháp thiện ở Vô sắc giới hệ, cũng vậy pháp thiện ở Bất hệ năng dẫn phát các pháp thắng thiện ở Bất hệ và năng dẫn phát pháp tác chứng vô vi.

Lại nữa, pháp bất thiện năng dẫn phát pháp thắng bất thiện: Như dục tham năng dẫn phát sân, si, mạn, kiến, nghi, thân ác hành, ngữ ác hành, ý ác hành. Như dục tham, cũng vậy sân, si, mạn, kiến, nghi, theo sự thích hợp nên biết hết [khả năng dẫn phát của chúng].

Lại nữa, pháp vô ký năng dẫn phát pháp thiện, bất thiện và vô ký; đó là thức a-lại-da năng duy trì chủng tử thiện, bất thiện và vô ký.

Lại nữa, pháp vô ký năng dẫn phát pháp thắng vô ký đồng loại: Sự đoàn thực năng dẫn phát hữu tình đã sinh khiến an trú, không hủy hoại, và năng dẫn phát hữu tình vui thích, mạnh khỏe, làm cho tăng trưởng. Đó là do tùy thuận nơi nhân.

Đó là y trên *tùy thuận nhân y xứ* để kiến lập *dẫn phát nhân*.

[571c07] Y trên *công năng sai biệt* làm y xứ cho nhân, để kiến lập định biệt nhân. Vì sao? Do các pháp ở Dục giới hệ, công năng của tự thể có sai biệt, nên sinh khởi đa dạng pháp tự thể sai biệt. Như các pháp ở Dục giới hệ, như vậy các pháp ở Sắc giới hệ, các pháp ở Vô sắc giới hệ và các pháp ở Bất hệ cũng vậy. Đó là y trên *công năng sai biệt y xứ* để kiến lập định biệt nhân.

Y trên *hòa hợp* làm y xứ cho nhân, để kiến lập đồng sự nhân. Vì sao? Chính yếu phải có được sự tự sinh hòa hợp mà các pháp ở Dục giới hệ sinh khởi. Như các pháp ở Dục giới hệ, như vậy các pháp ở Sắc giới hệ, các pháp ở Vô sắc giới hệ và các pháp ở Bất hệ cũng vậy. Như sinh hòa hợp, như vậy đắc hòa hợp, thành lập hòa hợp, hoàn thành hòa hợp, tác dụng hòa hợp cũng vậy. Đó là y trên *hòa hợp y xứ* để kiến lập đồng sự nhân.



[571c16] Y trên *hữu chướng ngại* làm y xứ cho nhân, để kiến lập tương vi nhân. Vì sao? Các pháp ở Dục giới hệ khi tương sinh, nếu hiện tại có chướng ngại thì không sinh khởi được. Như các pháp ở Dục giới hệ, như vậy các pháp ở Sắc giới hệ, các pháp ở Vô sắc giới hệ và các pháp ở Bất hệ cũng vậy. Như vì muốn sinh, như vậy vì muốn đắc, vì muốn thành lập, vì muốn hoàn thành, vì muốn tác dụng cũng vậy. Đó là y trên *hữu chướng ngại y xứ* để kiến lập *tương vi nhân*.

Y trên *vô chướng ngại* làm y xứ cho nhân, để kiến lập bất tương vi nhân. Vì sao? Các pháp ở Dục giới hệ khi tương sinh, nếu hiện tại không có chướng ngại thì sinh khởi được. Như các pháp ở Dục giới hệ, các pháp ở Sắc giới hệ, các pháp ở Vô sắc giới hệ và các pháp ở Bất hệ cũng vậy. Như sự sinh, như vậy sự đắc, thành lập, hoàn thành, tác dụng cũng vậy. Đó là y trên *vô chướng ngại y xứ* để kiến lập *bất tương vi nhân*.

[571c26] Lại nữa, y trên *chủng tử* làm y xứ cho duyên, để kiến lập *nhân duyên*. Y trên *vô gián diệt* làm y xứ cho duyên, để kiến lập đẳng vô gián duyên. Y trên *cảnh giới* làm y xứ cho duyên, để kiến lập *sở duyên duyên*. Y trên *vô gián diệt* làm y xứ cho duyên để kiến lập đẳng vô gián duyên. Y trên *ngữ, lãnh thọ, căn, tác dụng, sĩ dụng, chân thật kiến, tùy thuận, sai biệt công năng, hòa hợp, chướng ngại, bất chướng ngại* làm y xứ cho duyên, để kiến lập *tăng thượng duyên*.

[571c29] Lại nữa, y trên *tập khí* và *tùy thuận* làm y xứ cho nhân và làm y xứ cho duyên, để kiến lập *dị thực quả* và đẳng lưu quả. Y trên *chân thật kiến* làm y xứ cho nhân và làm y xứ cho duyên, để kiến lập *ly hệ quả*. Y trên *sĩ dụng* làm y xứ cho nhân và làm y xứ cho duyên, để kiến lập *sĩ dụng quả*. Y trên *ngữ, lãnh thọ, vô gián diệt, cảnh giới, căn, tác dụng, sai biệt công năng, hòa hợp, chướng ngại,*



bất chướng ngại làm y xứ cho nhân và làm y xứ cho duyên, để kiến lập *tăng thượng quả*.

[572a04] Lại nữa, nghĩa của thuận ích là nghĩa của nhân. Nghĩa của kiến lập là nghĩa của duyên. Nghĩa của hoàn thành là nghĩa của quả.

Lại nữa, nhân của sự kiến lập có năm sắc thái: 1. Năng sinh nhân; 2. Phương tiện nhân; 3. Câu hữu nhân; 4. Vô gián diệt nhân; 5. Cữu viễn ly nhân.

Năng sinh nhân là sinh khởi nhân.

Phương tiện nhân là tùy thuyết nhân, quán đãi nhân, lãnh thọ nhân, dẫn phát nhân, định biệt nhân, đồng sự nhân, tương vi nhân, bất tương vi nhân.

Câu hữu nhân là một phần của *nhiep thọ nhân*. Như nhãn đối với nhãn thức; như vậy, nhĩ, tỷ v.v... đối với các thức tương ứng.

Vô gián diệt nhân là sinh khởi nhân.

Cữu viễn ly nhân là khiên dẫn nhân.

Lại nữa, nhân của sự kiến lập có năm sắc thái: 1. Khả ái nhân; 2. Bất khả ái nhân; 3. Tăng trưởng nhân; 4. Lưu chuyển nhân; 5. Hoàn diệt nhân.

Lại nữa, nhân của sự kiến lập có bảy sắc thái:

(1) Pháp vô thường là nhân. Pháp không có thường được gọi là nhân vì nó làm nhân sinh, làm nhân đắc, làm nhân thành lập, làm nhân hoàn thành, làm nhân tác dụng.

(2) Tuy pháp vô thường làm nhân cho pháp vô thường, những cũng cùng tánh chất khác làm nhân, không phải tánh chất của chính nó, cũng cùng tự tánh sau đó làm nhân, không phải ngay nơi sát-na này.



(3) Khi cùng tánh chất khác làm nhân và tự tánh sau đó làm nhân, thì ắt đã sinh chưa diệt, không phải chưa sinh đã diệt.

(4) Khi đã sinh chưa diệt làm nhân, thì ắt có được những duyên khác, không phải không có được.

(5) Khi có được những duyên khác, thì ắt phải thành biến dị, không phải chưa thành biến dị.

(6) Khi thành biến dị, thì ắt có công năng tương ứng, không phải công năng thối lui.

(7) Khi có công năng tương ứng, thì ắt tương xứng, tùy thuận, không phải không tương xứng, không tùy thuận.

Như vậy là bảy sắc thái của nhân, theo chỗ thích hợp mà các nhân được kiến lập.

Lại nữa, nay sẽ nói quyết trạch về *vô vi*.

Kệ tụng:

Là tâm sở duyên v.v...

Là thanh tịnh sở duyên

Là bốn thứ ly hệ

Kiến lập tám vô vi. (kệ 12)

[572a25] Luận giải: Tám thứ vô vi, như phẩm Nhiếp sự đã nói.⁶⁵¹

Hư không vô vi: Do đặc tánh của cảnh sở duyên của tâm thì tương tự nên lập là thường; không phải duyên tâm kia, vì duyên cảnh giới [tương tự] kia có lúc biến đổi.

Do *thanh tịnh sở duyên* mà kiến lập chân như. Do chân như ấy, như thể tướng sở duyên khi thanh tịnh, vì thường an trú như vậy.

651 Hiền dương, phẩm Nhiếp sự, phần 1, mục Vô vi, [484b28]. Vô vi, có tám loại: hư không, phi trạch diệt, trạch diệt, bất động, tướng thọ diệt, thiện pháp chân như, bất thiện pháp chân như, vô ký pháp chân như.



Do *bốn thứ ly hệ* mà kiến lập bốn vô vi: phi trạch diệt, trạch diệt, bất động, tướng thọ diệt.

Bốn thứ ly hệ: (1) Do duyên sai thoát mà hoàn toàn ly hệ (phi trạch diệt vô vi); (2) do trạch diệt phiền não mà hoàn toàn ly hệ (trạch diệt vô vi); (3) do khổ lạc tạm thời ly hệ (bất động vô vi); (4) tâm tâm pháp tạm thời ly hệ (tướng thọ diệt vô vi).⁶⁵²

Như vậy là đã nói quyết trạch về *sự nhất thiết*.

Nay sẽ nói quyết trạch về *sự giới*.

Kệ tụng:

Ba giới phải nên biết

Mười hai tướng sai biệt

Sở trị và năng trị

Chỉ làm tổn phục chúng. (kệ 13)

[572b07] Luận giải: Nên biết ba giới: Dục, Sắc, Vô sắc, có mười hai thứ tướng sai biệt:

1. Đa chủng sai biệt: Đây lại có sáu thứ: đa chủng sở y, đa chủng tướng trạng, đa chủng xứ sở, đa chủng cảnh giới, đa chủng phiền não và đa chủng tác nghiệp.

2. Thú sai biệt.

3. Khổ, lạc, bất khổ bất lạc câu hành sai biệt.

4. Hữu nạn, vô nạn sai biệt: Dục giới hoặc có hữu nạn [xứ], hoặc vô nạn [xứ]. Hai giới ở trên (Sắc giới và Vô sắc giới) ít có khả năng có hữu nạn [xứ].⁶⁵³

652 Bất động và tướng thọ diệt tạm thời ly hệ nên bao hàm trong phi trạch diệt.

653 Hữu nạn: chỉ cho bát nạn. Bát nạn: Tám chỗ chướng nạn cho sự thấy Phật và nghe pháp, cũng gọi là tám chỗ không rành hờ mà tu hành. Đó là: 1. Địa ngục; 2. Ngạ quỷ; 3. Súc sinh; 4. Làm người mà sống ở đại châu Bắc cầu lô, sống quá sướng; 5. Trời Trường thọ, sống quá lâu; 6. Làm người mà đui, điếc, câm, ngọng; 7. Làm người mà thể trí biện thông, thông minh lý luận theo trí thức



5. Bất thanh tịnh xứ, bất thanh tịnh thân, v.v... sai biệt: (1) Hoặc có xứ bất thanh tịnh mà thân thanh tịnh: thọ sinh vô nạn xứ ở Dục giới. (2) Hoặc có xứ thanh tịnh, chẳng phải thân thanh tịnh: dị sinh ở Sắc giới và Vô sắc giới. (3) Hoặc có xứ bất thanh tịnh mà thân bất thanh tịnh: thọ sinh hữu nạn xứ ở Dục giới. (4) Hoặc có xứ thanh tịnh và thân thanh tịnh: bậc đã kiến đế ở Sắc giới và Vô sắc giới.

6. Thọ dụng sai biệt: Ở Dục giới có sự thọ dụng cảnh giới ngoại môn và sự thọ dụng bốn thức ăn. Hai giới ở trên có sự thọ dụng cảnh giới nội môn và sự thọ dụng ba thức ăn.

7. Thiện căn thẳng liệt sai biệt.

8. Thiện căn xen tạp ác hành, không xen tạp ác hành sai biệt.

9. Thô trọng [phiền não] dày mỏng sai biệt.

10. Sự sinh sai biệt.⁶⁵⁴

11. Đắc tự thể sai biệt: Dục giới có đủ bốn thứ đắc tự thể. Hai giới ở trên chỉ có một thứ đắc tự thể, do hai giới này không bị hủy hoại bởi chính mình, cũng không bị hủy hoại bởi người khác.⁶⁵⁵

thể gian; 8. Làm người mà sinh trước hay sau Phật xuất thế hoặc sống ở nơi không có Phật pháp.

654 Bốn cách sinh: noãn, thai, thấp, hóa. Dục giới có cả 4; Sắc giới và Vô sắc giới chỉ có hóa sinh.

655 Câu xá luận, quyển 5, Phân biệt căn, tr. 26c12~27a01: “Theo kinh có bốn trường hợp thành tựu đời sống, loại đời sống có thể bị hủy hoại bởi chính mình chứ không phải bởi người khác, v.v...: (1) Chỉ bị chính mình hủy hoại; đây là trường hợp của các chúng sinh ở các cõi Hỷ vọng niệm thiên (Kṛīḍāpradūṣika) và Ý phần nhuế thiên (Manahpradūṣika) thuộc Dục giới, tự hủy hoại mình bằng sự vui chơi hoặc sân hận quá độ; ở đây cần nói thêm trường hợp các vị Phật tự mình nhập vào Niết-bàn; (2) Chỉ vì người khác hủy hoại; đây là trường hợp các chúng sinh nằm trong thai hoặc trứng; (3) Bị chính mình và người khác hủy hoại; đây là trường hợp chung của các chúng sinh ở Dục giới; ở đây cần nói thêm trường hợp các chúng sinh ở địa ngục (nāraḱa) và trung hữu, v.v.; (4) Không bị chính mình hoặc người khác hủy hoại; đây là trường hợp của các chúng sinh ở trung hữu, tất cả chúng sinh ở Sắc giới và Vô sắc giới, một phần chúng sinh ở Dục giới, các chúng sinh ở địa ngục và ở Bắc cầu-lư châu (Uttarakuru), những người đang ở kiến đạo, đang nhập Tứ định, Vô tướng định, Diệt tận định, các vương tiên (rājaṛṣi) tức các chuyển luân thánh vương đã từ bỏ đời sống phạm tục, các sứ giả của Phật, những người đã được Phật thọ ký như Đạt-nhị-la (Dharmila), Ó-đát-la (Uttara), Khắc-kỳ-la (Gangila), những người con trai của trưởng giả Da-xá, Cư-ma-la (Yaśas, Kumāra), Thời-bà (Jīvaka), các Bồ-tát ở đời sống cuối cùng, các người mẹ đang mang thai các vị Bồ-tát này, các chuyển luân vương, các người mẹ đang mang thai các vị chuyển luân vương này. (Hỏi) Nếu vậy tại sao khi Xá-lợi-tử hỏi Phật: “Những chúng sinh nào mà đời sống của họ (tự thể, ātmabhāvapratiḷambha) không thể bị hủy hoại bởi chính mình cũng như bởi người khác?” thì Phật đã



12. Ngôn thuyết sai biệt: Ở Dục giới có đủ bốn thứ ngôn thuyết⁶⁵⁶. Sắc giới không có giác, không có suy đạc. Vô sắc giới không có ngôn thuyết nào cả.

Lại nữa, ba giới này có năng trị và sở trị sai biệt: Dục giới là sở trị; Sắc giới là năng trị, Sắc giới là sở trị; Vô sắc giới là năng trị.

Lại nữa, hạ địa là sở trị, thượng địa là năng trị. Như vậy, sự đối trị chỉ là đối trị chung tử tồn phục⁶⁵⁷, làm cho suy yếu, không phải vĩnh viễn hư hoại để tái sinh.

Lại nữa, kệ tụng:

Pháp vương, vị nước biển

Muốn ác thú trường thọ

Nhiều thế giới chung một

Mỗi hai thứ nhân duyên. (kệ 14)

[572c02] Luận giải: Vì nhân duyên gì quý vương Diêm Ma được gọi là Pháp vương? Do nhiếp ích chúng sinh kia. Có hai nguyên nhân

trả lời rằng: “Đó là những chúng sinh ở cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ”, tức ở Hữu đảnh là tầng trời cao nhất của Vô sắc giới. Như vậy theo đoạn kinh trên làm sao có thể nói rằng đời sống của tất cả chúng sinh ở Sắc giới và Vô sắc giới đều không bị hủy hoại bởi chính mình cũng như người khác? (Đáp) Truyền thuyết (Vibhāṣā, 151, 12) cho rằng đời sống của chúng sinh ở Sắc giới và ba tầng đầu của Vô sắc giới có thể bị làm tổn hại bởi chính mình - tức bởi Thánh đạo thuộc tự địa - và cũng có thể bị làm tổn hại bởi người khác - tức bởi Thánh đạo nằm ở gần (cận phần, sāmāntaka) tầng cao hơn. Tuy nhiên ở tầng cuối cùng của Vô sắc giới (Hữu đảnh) vì không có Thánh đạo thuộc về tầng này, cũng không có Thánh đạo thuộc về tầng cao hơn cho nên đời sống của các chúng sinh ở đây không bị làm tổn hại bởi chính mình cũng như bởi người khác.” (Đạo Sinh dịch)

656 Ngôn thuyết (nói năng) xuất từ thấy, nghe, hay, biết (kiến, văn, giác, tri), còn gọi là tứ chủng ngôn thuyết thức. Tất cả pháp xứ đều là đối tượng của nhận thức: kiến, văn, giác, tri, tức là cái biết của 6 thức: kiến là nhãn thức, văn là nhĩ thức, giác là 3 thứ tỷ thức, thiết thức và thân thức, tri là ý thức. Du-già sư địa luận, quyển 2: “Bốn thứ ngôn thuyết: Dựa vào sự thấy, nghe, hay, biết mà có ra ngôn thuyết. 1. Ngôn thuyết dựa vào cái thấy: y theo nhãn nên hiện thấy ngoại sắc; do nhân duyên này mà nói năng cho người khác. 2. Ngôn thuyết dựa vào cái nghe: Nghe từ người khác; do nhân duyên này mà nói năng cho người khác. 3. Ngôn thuyết dựa vào cái hay: không thấy, không nghe, chỉ tự tư duy, đo lường, quán sát; do nhân duyên này mà nói năng cho người khác. 4. Ngôn thuyết dựa vào cái biết: bên trong tự có cảm thọ, chứng nghiệm, tiếp xúc, thủ đắc, mỗi đối tượng riêng biệt, do nhân duyên này mà nói năng cho người khác.” (tr. 289b13~b21)

657 Tồn phục chủng 摺伏種: Chủng tử phiền não tạm thời bị đè ép là nhờ năng lực của đạo hữu lậu, nhưng nếu gặp duyên (điều kiện thuận lợi) thì lập tức chúng hiện hành trở lại, vì thế gọi là tồn phục.



có thể làm nhiếp ích: 1. Làm cho chúng sinh kia nhớ nghĩ những việc tạo tác ở đời trước, khiến họ tự trách và chán ghét ác nghiệp đời trước; 2. Làm cho họ ở chốn địa ngục không còn tạo thêm ác nghiệp khác, từ đó mau được ra khỏi địa ngục.

Vì nhân duyên gì nước trong các biển lớn đều có vị mặn [và đau buồn]? Do hai nguyên nhân: 1. Chúng sinh dưới nước tăng thêm phước lực, khiến chúng sinh khác không thể thú nhập; 2. Chúng sinh trên cạn tăng thêm phi phước, khiến họ không vào được [đáy biển] để lấy châu báu.

Vì nhân duyên gì một số chúng sinh nơi cõi địa ngục hay súc sinh có thọ lượng dài lâu, không phải chúng sinh ở thiện thú nơi Dục giới? Ác thú mà trường thọ là do hai nguyên nhân: 1. Pháp thiện ở Dục giới cần phải tư trạch và nỗ lực mới sinh khởi được; 2. Các pháp bất thiện nhiệm vận sinh khởi, không do tư trạch.

Vì nhân duyên gì trong ba ngàn thế giới đại thiên có nhiều thế giới, cho đến cõi trời Sắc cứu cánh⁶⁵⁸, thế mà đồng nói là một thế giới chỉ đến trời Phạm thế⁶⁵⁹? Do hai nguyên nhân: 1. Vì cùng thành hoại; 2. Vì kiến lập chúng hội.

658 Sắc cứu cánh thiên 色究竟天 (S: Akanīṣṭha). Hán âm: A-ca-ni-tra, A-ca-ni-su-tra, A-ca-ni-tra, A-ca-ni-sát-trá. Cũng gọi Ngại cứu cánh thiên, Chất ngại cứu cánh thiên, Nhất cứu cánh thiên, Nhất thiện thiên, Vô kết ái thiên, Vô tiểu thiên. Tầng trời cao nhất trong Tứ thiên thiên thuộc cõi Sắc, 1 trong 18 tầng trời cõi Sắc, 1 trong Ngũ tịnh cư thiên. Người tu Tứ thiên tối thượng phẩm được sinh về cõi trời này, quả báo ở đây thủ thắng nhất trong cõi Sắc.

659 Phạm thế 梵世 (S: Brahmāloka): Cũng gọi Phạm sắc giới, Phạm thế thiên, Phạm thế giới, Phạm giới (bao gồm các cõi trời Phạm chúng, Phạm phụ, Đại phạm). Chỉ cho thế giới do Phạm thiên vương thống lãnh, chi phối. Từ ngữ này cũng có thể được dùng để gọi chung các vị trời ở cõi Sắc, vì những người sống ở thế giới này đã dứt bỏ dâm dục, nên xưa nay ở Ấn Độ hạnh ly dục, thanh tịnh được gọi là Phạm hạnh.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Mười Chín

Phẩm Mười Một

NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH (phần 3)

[572c24] Luận giải: Như vậy là đã nói quyết trạch về *sự giới*. Trong thắng quyết trạch về *sự tạp nhiễm*⁶⁶⁰, (1) Nay sẽ nói thắng quyết trạch về *phiền não tạp nhiễm*.

Kệ tụng:

Ý tương ưng bốn hoặc

Biển hành mà cùng khởi

Vô ký, tối hậu diệt

Theo đó sinh tánh kia. (kệ 15)

[572c28] Luận giải: Ý (: thức mặt-na) tương ưng với phiền não thì biến hành tất cả vị, hiện hành cùng lúc với tất cả tâm hữu lậu thiện v.v..., không có trái nghịch

Lại nữa, phiền não này đều là câu sinh, không phải do phân biệt mà sinh khởi. Nó có tánh hữu phú vô ký, không phải là tánh bất thiện, được đoạn diệt tức khắc ở giai đoạn tối hậu là kim cang dụ định⁶⁶¹.

Lại nữa, phiền não này có bốn thứ: vô minh, sát-ca-da kiến, ngã

660 Sự tạp nhiễm, có 3: phiền não tạp nhiễm, nghiệp tạp nhiễm và sinh tạp nhiễm.

661 Theo Câu xá luận, tr. 126b20: Kim cang dụ định thuộc vô gián đạo thứ chín, đoạn trừ tu hoặc phiền não phẩm 9 thuộc Hữu danh; vị này được gọi là A-la-hán hướng. Tiếp theo là giải thoát đạo, tận trí xuất hiện, đặc quả Vô học A-la-hán.



mạn và ngã ái. Tùy theo bồ-đặc-già-la được sinh trong một giới địa, và ý này tương ưng với phiền não, tức là nói ý này được nhiếp vào thể tánh của giới địa ấy.

Lại nữa, kệ tụng:

Tất cả, sinh tương tục

Hiện khởi và với duyên

Tùy miên, cảnh, thô trọng

Mỗi sai biệt hai mươi. (kệ 16)

[573a08] Luận giải: Nếu sinh ở giới này, địa này, thì tức là trong giới địa ấy, tất cả phiền não sinh khởi liên tục.

Lại nữa, phiền não tạp nhiễm này hoặc hiện hành, hoặc duyên, hoặc tùy miên, hoặc cảnh sở duyên, hoặc thô trọng, mà mỗi thứ có hai mươi sắc thái.

Phiền não hiện hành có hai mươi thứ: 1. Phiền não hiện hành theo những ham muốn: là người tại gia; 2. Phiền não hiện hành không theo những ham muốn: là người xuất gia; 3. Phiền não hiện hành do không biết rõ: là người sống với pháp [luật] được thuyết một cách tệ hại; 4. Phiền não hiện hành do có biết rõ: là người sống với pháp [luật] được thuyết một cách khéo léo; 5. Phiền não hiện hành hổ tương tăng thượng: là người tham hành, sân hành và si hành; 6. Phiền não hiện hành đều bình đẳng: là người đặng phần hành; 7. Phiền não hiện hành nhỏ nhẹ: là người bạc trần hành;⁶⁶² 8. Phiền não hiện hành ngoại môn: là người chưa ly dục; 9. Phiền não hiện hành nội môn: là người ly dục bởi thể gian đạo; 10. Phiền não hiện hành tăng thượng: là các dị sinh;

662 Xem Hiển dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, mục Bảy hạng người: Nhuyến căn, lợi căn, tham hành, sân hành, si hành, đặng phần hành, bạc trần hành.



11. Phiền não hiện hành do thất niệm: là các bậc hữu học; 12. Phiền não hiện hành do phân biệt: là người chấp trước cứng chắc; 13. Phiền não hiện hành do câu sinh⁶⁶³: là người không chấp trước cứng chắc; 14. Phiền não hiện hành do quán sát (: tầm tư): là người ưa thích quán sát; 15. Phiền não hiện hành do không tự tại: là người thùy miên⁶⁶⁴; 16. Phiền não hiện hành do tự tại: là người giác ngộ; 17. Phiền não hiện hành bất khả cứu: là người không có pháp đưa đến niết bàn; 18. Phiền não hiện hành khả cứu: là người có pháp đưa đến niết bàn;⁶⁶⁵ 19. Phiền não hiện hành do nắm giữ các tướng: là người tầm tư tùy pháp quán mà nắm giữ các tướng; 20. Phiền não hiện hành do không nắm giữ các tướng: là người tầm tư tùy pháp quán mà không nắm giữ các tướng.⁶⁶⁶

Duyên của phiền não có hai mươi thứ: 1. Khổ; 2. Lạc; 3. Bất khổ bất lạc; 4. Dục; 5. Tầm; 6. Xúc; 7. Tập quen từ đời trước; 8. Tùy miên; 9. Không thân cận thiện hữu; 10. Không lắng nghe chánh pháp; 11. Không như lý tác ý; 12. Bất tín; 13. Giải đãi; 14. Thất niệm; 15. Tán loạn; 16. Bất chánh tri; 17. Phóng dật và phiền não; 18. Dị sinh tánh; 19. Chưa ly dục; 20. Do thọ sinh.⁶⁶⁷ [Dựa vào các duyên này mà phiền não hiện hành.]

[573b02] **Tùy miên của phiền não** có hai mươi thứ: 1. Tùy miên ở Bất định địa; 2. Tùy miên ở Định địa; 3. Tùy miên theo tự cảnh; 4. Tùy miên theo tha cảnh; 5. Tùy miên bị tổn; 6. Tùy miên chưa bị tổn;

663 Phiền não sinh khởi một cách tự nhiên.

664 Thùy miên: đó là sự muội lược khiến cho thân không được tự tại, tâm cực kỳ u tối. Nó cản trở cho sự tu quán.

665 Xem Hiển dương, quyển 12, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8, mục Khả cứu, bất khả cứu sai biệt.

666 Du-già sư địa luận, quyển 59, tr. 629b13~c08: "Hiện hành phiền não có 20 thứ, nghĩa là 20 loại bổ-đặc-già-la dựa vào 20 duyên để sinh khởi 20 thứ phiền não hiện hành."

667 Du-già sư địa luận không có duyên thọ sinh. Duyên phóng dật và duyên phiền não tách riêng ra.



7. Tùy miên tăng theo; 8. Tùy miên không tăng theo; 9. Tùy miên đầy đủ; 10. Tùy miên giảm thiểu; 11. Tùy miên có thể hại; 12. Tùy miên không thể hại; 13. Tùy miên thêm lên; 14. Tùy miên bình đẳng; 15. Tùy miên nhỏ nhẹ; 16. Tùy miên được giác ngộ; 17. Tùy miên không được giác ngộ; 18. Tùy miên sinh nhiều khổ; 19. Tùy miên sinh ít khổ; 20. Tùy miên không sinh khổ.⁶⁶⁸

668 Phiền não là chỉ cho các pháp tối tâm, phiền muộn như: Kiến, tư, vô minh... làm não loạn tâm thân. Tùy miên là những phiền não đeo đuổi chúng sinh, ngủ ngầm trong thức A-lại-da, khi đủ nhân duyên thì hiện khởi. Hai mươi loại phiền não tùy miên là: 1. Bất định địa tùy miên: Phiền não ở cõi Dục. Bất định địa chỉ cho cõi Dục, là cõi tán loạn; nghĩa là người ở cõi Dục vì không tu thiền định nên bị phiền não của các căn theo đuổi không bỏ. 2. Định địa tùy miên: Định địa chỉ cho cõi Sắc và cõi Vô sắc; nghĩa là người ở 2 cõi này tuy tu thiền định, xa lìa các khổ của cõi Dục, nhưng vẫn còn bị các phiền não: tham, si, ái và mạn theo đuổi, không bỏ. 3. Tùy tự cảnh tùy miên: Phiền não theo đuổi tự cảnh. Trong 3 cõi, mỗi cõi đều có cảnh sở nhiếp riêng, tùy theo các căn khởi diệt mà sinh ra các phiền não kiến chấp, đeo đuổi liên tục không ngừng. 4. Tùy tự tha cảnh tùy miên: Phiền não theo đuổi cảnh khác. Nghĩa là ở cõi Sắc mà khởi phiền não cõi Dục, hoặc ở cõi Vô sắc mà khởi phiền não cõi Sắc, hoặc ở cõi Dục mà ưa thích thiền định của 2 cõi trên, sinh ra đấm trước, không biết xa lìa. 5. Bị tổn tùy miên: Bị tổn hại bởi tùy miên; nghĩa là chúng sinh luôn luôn bị các phiền não của cõi Dục làm tổn hại, vì các phiền não ấy thường ngấm ngấm theo đuổi không thôi. 6. Bất bị tổn tùy miên: Không bị tổn hại bởi tùy miên; nghĩa là người đã sinh lên cõi Sắc nên không còn bị phiền não của cõi Dục làm tổn hại; hoặc chưa lìa cõi Dục, tuy phiền não thường ngấm ngấm đeo đuổi nhưng không gây tổn hại. 7. Tùy tăng tùy miên: Tùy miên tăng theo; nghĩa là chúng sinh trong 3 cõi đều khởi phiền não ở nơi cảnh của mình, tùy thời mà các phiền não ấy tăng trưởng, đeo đuổi ngấm không thôi. 8. Bất tùy tăng tùy miên: Tùy miên không tăng theo; nghĩa là người trong thiền định ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, không theo cảnh khác nên phiền não không tăng thêm, nhưng vì phiền não chưa bị đoạn trừ nên vẫn ngấm đeo đuổi, không rời bỏ. 9. Cụ phần tùy miên: Tùy miên toàn phần; nghĩa là chúng sinh đối với tất cả trần cảnh khởi lên đủ các phiền não tham, sân, si... không thiếu một phần nào. 10. Bất cụ phần tùy miên: Tùy miên không đủ phần; nghĩa là bậc Thánh Sơ quả Thanh văn (quả Tu đà hoàn) tuy đã dứt hết Kiến hoặc trong 3 cõi, nhưng còn Tư hoặc thì chưa dứt được toàn phần, nên gọi là Bất cụ phần tùy miên. 11. Khả hại tùy miên: Tùy miên có thể gây hại; nghĩa là bậc Thanh văn tu đạo phẩm (37 đạo phẩm), tuy đã dứt hết Kiến hoặc và Tư hoặc mà chứng niết bàn, nhưng tập khí vô minh vẫn còn đeo đuổi ngấm, không rời, nên có thể gây tổn hại. 12. Bất khả hại tùy miên: Tùy miên không thể hại; nghĩa là chúng sinh phạm phu không tu 37 đạo phẩm, không đoạn trừ phiền não hoặc nghiệp, cho nên phiền não theo đuổi không thôi. 13. Tăng thượng tùy miên: Tùy miên thêm lên; nghĩa là các phiền não tham, sân, si ... dần dần tăng thêm lên, theo đuổi không rời. 14. Bình đẳng tùy miên: Tùy miên bình đẳng; nghĩa là các phiền não tham, sân, si... cùng khởi lên 1 lúc, theo đuổi không ngừng. 15. Hạ liệt tùy miên: Tùy miên thấp kém (nhỏ nhẹ); nghĩa là người tu hành cầu ra khỏi cõi Dục, tầm niệm đối với các trần cảnh yếu kém, nên gọi là Hạ liệt tùy miên. 16. Giác ngộ tùy miên: Tùy miên được giác ngộ; nghĩa là người có khả năng biết tất cả phiền não và nghiệp quả đồng thời trôi lăn, tuy biết như thế nhưng chưa thể đoạn trừ được, cho nên gọi là Giác ngộ tùy miên. 17. Bất giác ngộ tùy miên: Tùy miên không được giác ngộ; nghĩa là hết thấy phiền não trôi buộc, đeo đuổi căn thức, không lìa bỏ nhau, vậy mà con người không hề hay biết nên gọi là Bất giác ngộ tùy miên. 18. Năng sinh đa khổ tùy miên: Tùy miên hay sinh nhiều khổ; nghĩa là các phiền não tham, sân ...



[573b10] **Cảnh sở duyên của phiền não** có hai mươi thứ: 1. Duyên cảnh hữu sự; 2. Duyên cảnh vô sự;⁶⁶⁹ 3. Duyên cảnh tự tướng; 4. Duyên cảnh cộng tướng; 5. Duyên cảnh hiện thấy; 6. Duyên cảnh không hiện thấy;⁶⁷⁰ 7. Duyên cảnh ngoại môn; 8. Duyên cảnh nội môn;⁶⁷¹ 9. Duyên cảnh phiền não tự loại; 10. Duyên cảnh phiền não tha loại;⁶⁷² 11. Duyên tự cảnh; 12. Duyên tha cảnh;⁶⁷³ 13. Duyên vô cảnh⁶⁷⁴; 14. Duyên cảnh hữu lậu; 15. Duyên cảnh vô lậu; 16. Duyên cảnh hữu vi; 17. Duyên cảnh vô vi; 18. Duyên cảnh tự tâm phân biệt⁶⁷⁵; 19. Duyên cảnh ức niệm phân biệt⁶⁷⁶; 20. Duyên cảnh sự tướng⁶⁷⁷.

Thô trọng của phiền não có hai mươi thứ: 1. Thô trọng tánh chấp; 2. Thô trọng tánh phiền não; 3. Thô trọng tánh nghiệp; 4. Thô

của cõi Dục hay sinh ra nhiều đau khổ. 19. Năng sinh thiếu khổ tùy miên: Tùy miên hay sinh ít khổ; nghĩa là người ở trong thiên định của cõi Sắc và cõi Vô sắc tuy không có các khổ của cõi Dục, nhưng vẫn còn tâm ưa thích cõi trên, nhàm chán cõi dưới, đó cũng là phiền não, cho nên gọi là Năng sinh thiếu khổ tùy miên. 20. Bất năng sinh khổ tùy miên: Tùy miên không thể sinh khổ; nghĩa là hàng Bồ tát tuy đã lìa các khổ, nhưng vẫn còn tâm tự hành lợi tha và đó cũng là phiền não.

669 Duyên cảnh hữu sự: là duyên đối tượng của tham dục. Duyên cảnh vô sự là duyên đối tượng của các kiến và mạn, vì trong các hành thật không có ngã mà có sự phân biệt. Đối tượng của vô minh và nghi thì gồm trong hữu sự và vô sự.

670 Cảnh hiện thấy là cảnh hiện tại. Cảnh không hiện thấy là cảnh quá khứ và vị lai.

671 Duyên cảnh ngoại môn là duyên năm thứ dục lạc. Duyên cảnh nội môn là duyên 6 xứ ở Bất định địa và Định địa mà sinh phiền não.

672 Tự thân một phiền não nào đó là tự loại phiền não. Một phiền não khác đối với phiền não này là tha loại phiền não. Như đang duyên với cảnh tham, rồi quay sang duyên với cảnh sân.

673 Duyên tự cảnh là duyên cảnh giới sở duyên của 5 thức thân, hoặc trực tiếp, hoặc không trực tiếp. Duyên tha cảnh là duyên pháp cảnh, đối tượng của ý thức. Lại nữa, tự cảnh là duyên các hành của chính Dục giới, Sắc giới hay Vô sắc giới; tha cảnh là Sắc giới duyên Dục giới, Vô sắc giới duyên Sắc giới.

674 Như khi duyên cảnh tượng quá khứ, vị lai và cảnh trong mộng, cảnh không thật như không hoa, lông rùa, sừng thỏ; chúng không phải cảnh thật mà thức vẫn hiện thấy có.

675 Tất cả các pháp tánh đều là cảnh giới của tự tâm phân biệt, hàng phàm phu không thể hiểu rõ.

676 Ưc niệm phân biệt còn gọi là tùy niệm phân biệt, đó là sự nhớ nghĩ, phân biệt cảnh giới quá khứ. v.v... mà sinh ra các hý luận. Sự phân biệt có 3 loại: danh ngôn phân biệt, tự tánh phân biệt và sai biệt phân biệt.

677 Cảnh sự tướng là cảnh giới của 6 trần, đối tượng của ý thức liễu biệt.



trọng phiền não chướng; 5. Thô trọng sở tri chướng; 6. Thô trọng định chướng; 7. Thô trọng nghiệp chướng; 8. Thô trọng báo chướng; 9. Thô trọng triền cái chướng; 10. Thô trọng tư duy không chính xác; 11. Thô trọng sâu não; 12. Thô trọng sợ hãi; 13. Thô trọng mệt mỏi; 14. Thô trọng bốn thức ăn; 15. Thô trọng chiêm bao; 16. Thô trọng dâm dục; 17. Thô trọng đại chúng chống trái; 18. Thô trọng thời phần biến đổi; 19. Thô trọng sự chết; 20. Thô trọng biến hành.

Lại nữa, nói, sự hiểu biết sơ lược về phiền não thì nó có năm sắc thái: sắc thái tự thể, sắc thái nguyên nhân, sắc thái phẩm loại, sắc thái tâm tán loạn khi đối cảnh và sắc thái kết quả.

Lại nữa, ngang đầu để biết phiền não tùy miên và bất thiện?

Kệ tụng:

Là tùy thuận tự sinh

Chủng tử, tăng thượng sự

Và sinh bốn làm lỗi

Là bất tịnh ba nhân. (kệ 17)

[573c01] Luận giải: Có bốn lý do để gọi là tùy miên: 1. Tùy thuận tự sinh: khi phiền não sự⁶⁷⁸ tùy thuận phiền não này; 2. Chủng tử

678 Sự là nguyên nhân. Phiền não sự là nguyên nhân của phiền não. Du-già sự địa luận, quyển 55: "Hỏi: Lúc phiền não sinh khởi, do bao nhiêu phiền não sự để được sinh? Đáp: Tham do 10 sự: 1. Thủ uẩn; 2. Các kiến; 3. Cảnh giới chưa được; 4. Cảnh giới đã được 5. Cảnh giới quá khứ đã thọ dụng; 6. Ác hạnh; 7. Nam nữ; 8. Thân hữu; 9. Cửa cái; 10. Hậu hữu và vô hữu ... Sân cũng có 10 sự: 1. Thân minh; 2. Những tình hữu tình yêu thích; 3. Những gì hữu tình không yêu thích; 4. Oán thân quá khứ; 5. Oán thân vị lai; 6. Oán thân hiện tại; 7. Cảnh không vừa ý; 8. Tật đổ; 9. Tập quen đời trước; 10. Tha kiến ... Vô minh nương 7 sự mà khởi: 1. Sự đời; 2. Sự an lập thế gian; 3. Sự chuyển vận; 4. Sự tối thắng; 5. Sự chân thật; 6. Sự tạp nhiễm và thanh tịnh; 7. Sự tăng thượng mạn ... Mạn nương 6 sự mà sinh: 1. Hữu tình kém hơn; 2. Hữu tình ngang bằng; 3. Hữu tình vượt hơn; 4. Nội thủ uẩn; 5. Đã đắc, chưa đắc điên đảo; 6. Công đức điên đảo. Nương 6 sự đầy sinh 7 chủng mạn là mạn, quá mạn, v.v... Nên biết hai mạn đầy nương sự vượt hơn hữu tình mà phát khởi; còn lại mỗi mạn nương một sự mà phát khởi ... Kiến nương 2 sự mà sinh: 1. Sự tăng thêm; 2. Sự tổn giảm ... Nghi nương 6 sự mà sinh: 1. Không được nghe chánh pháp; 2. Gặp thầy hành tà kiến; 3. Đã có tín thọ mà ý kiến sai khác; 4. Tánh tự ngu muội; 5. Pháp tánh thâm sâu; 6. Giáo pháp rộng sâu." (tr. 603b08~c23)



theo đuổi trời buộc; 3. Do sự thêm lên chủng tử; 4. Sinh bốn lầm lỗi.

Bốn lầm lỗi: 1. Lầm lỗi không tịch tĩnh; 2. Lầm lỗi sai biệt (: nội ngoại biến đổi)⁶⁷⁹; 4. Lầm lỗi phát khởi ác hành; 4. Lầm lỗi nhiếp thọ nhân.⁶⁸⁰ Ở đây, lầm lỗi thứ nhất do thứ hai hiển thị, và cả ba lầm lỗi do lầm lỗi thứ tư hiển thị.

Hỏi: Ngang đầu để biết sắc thái của phiền não bất thiện?

Đáp: Do ba lý do: 1. Cường thịnh; 2. Tán loạn hữu tình; 3. Chướng ngại điều thiện.

(2) Lại nữa, nay sẽ nói thắng quyết trách về *nghiệp tạp nhiễm*.

Kệ tụng:

Nghiệp tư, nghiệp dã tư

Sai biệt có mười ba

Quả ấy sáu, ba vị

Năm thứ nghiệp quyết định. (kệ 18)

[573c11] Luận giải: Nói sơ lược thì nghiệp có hai thứ: nghiệp tư và nghiệp dã tư.⁶⁸¹

679 Quy Sơn cảnh sách: “Nội cần khắc niệm chi công, ngoại hoàng bất tranh chi đức.” (Trong thi siêng về công phu khắc niệm, ngoài thì bữa ra đức tính không tranh)

680 Du-già sư địa luận, quyển 56: “Lầm lỗi thứ nhất gây ra sự quấy nhiễu hiện hành. Lầm lỗi thứ hai gây ra các phiền não sự theo đuổi phiền não. Lầm lỗi thứ ba gây ra nhân duyên cho phiền não. Lầm lỗi thứ tư gây ra sự dẫn phát hậu hữu.” (tr. 608a18-21)

681 Tư nghiệp cập tư dĩ nghiệp 思業及思已業: Nghiệp được tư duy, và nghiệp sau khi tư duy rồi hành động bởi thân, miệng và ý. Trung A-hàm, phẩm Lâm, kinh Đạt phạm hạnh, số 111: “Thế nào là biết nghiệp? Biết có hai nghiệp, nghiệp tư và nghiệp dã tư. Đó là biết nghiệp. Thế nào là biết nhân sanh của nghiệp? Biết từ do xúc nên có nghiệp. Đó là biết nhân sanh của nghiệp. Thế nào là biết hữu báo của nghiệp? Biết nghiệp đen có quả báo đen, nghiệp trắng có quả báo trắng, nghiệp đen trắng có quả báo đen trắng, hoặc nghiệp không đen không trắng thì không có quả báo và nghiệp tận. Đó là biết nghiệp có quả báo. Thế nào là biết sự thắng liệt của nghiệp? Biết có nghiệp sanh vào địa ngục, có nghiệp sanh vào súc sanh, có nghiệp sanh vào ngựa quỷ, có nghiệp sanh vào cõi trời, hoặc có nghiệp sanh vào cõi người. Đó là biết sự thắng liệt của nghiệp. Thế nào là biết sự diệt tận của nghiệp? Biết xúc diệt, nghiệp liền diệt. Đó là biết sự diệt tận của nghiệp. Thế nào là biết nghiệp diệt đạo? Biết Thánh đạo tám chi, từ chánh kiến cho đến chánh định. Đó là biết nghiệp diệt đạo. Nếu Tỷ-kheo biết nghiệp, biết nhân sanh của nghiệp, biết hữu báo của nghiệp, biết sự thắng liệt của nghiệp,



Nghiệp lại có mười ba thứ sai biệt: 1. Nghiệp thân; 2. Nghiệp ngữ; 3. Nghiệp ý; 4. Nghiệp luật nghi sở nhiếp; 5. Nghiệp bất luật nghi sở nhiếp; 6. Nghiệp phi luật nghi phi bất luật nghi sở nhiếp;⁶⁸² 7. Nghiệp phước; 8. Nghiệp phi phước; 9. Nghiệp bất động;⁶⁸³ 10. Nghiệp hắc hắc dị thực; 11. Nghiệp bạch bạch dị thực; 12. Nghiệp hắc bạch bạch dị thực; 13. Nghiệp phi hắc bạch vô dị thực, có năng lực đoạn tận các nghiệp.⁶⁸⁴

Các nghiệp như vậy có sáu quả và ba vị.

biết sự diệt tận của nghiệp, biết nghiệp diệt đạo như vậy, đó gọi là đạt phạm hạnh, có thể diệt tận tất cả nghiệp.” (Thích Tuệ Sỹ dịch) Người ta thường dùng từ “nghiệp dĩ” để nói cái nghiệp đã trôi làm, đã trôi mang, vốn như thế.

682 Ba thứ nghiệp được chia loại theo luật nghi: 1. Luật nghi sở nhiếp nghiệp (cũng gọi Luật nghi nhiếp), có 3 thứ: Nghiệp được nhiếp vào Biệt giải thoát luật nghi, nghiệp được nhiếp vào Tinh lự đẳng chí quả đoạn luật nghi và nghiệp được nhiếp vào Vô lậu luật nghi. 2. Bất luật nghi sở nhiếp nghiệp (cũng gọi Bất luật nghi nghiệp): Du-già sư địa luận, quyển 9 liệt kê 12 thứ Bất luật nghi sở nhiếp nghiệp là: Giết dê, bán gà, bán lợn, bắt chim, bẫy thỏ, trộm cắp, đồ tể, giữ ngục, dèm pha, cai ngục, bắt voi, dùng chú thuật hại rồng. 3. Phi luật nghi phi bất luật nghi sở nhiếp nghiệp (cũng gọi Phi luật nghi phi bất luật nghi nghiệp): Trừ Luật nghi nghiệp và Bất luật nghi nghiệp nói trên, tất cả thiện nghiệp, bất thiện nghiệp và vô ký nghiệp còn lại đều thuộc Phi luật nghi phi bất luật nghi sở nhiếp nghiệp.

683 Ba thứ nghiệp được chia loại theo cảnh giới trên dưới và cảm quả đáng ưa, không đáng ưa khác nhau. Đó là: 1. Nghiệp phước: Nghiệp chiêu cảm quả thiện cõi Dục; nghiệp này có công năng mang lại quả đáng ưa, có ích cho hữu tình. 2. Nghiệp phi phước: Cũng gọi Tội nghiệp, là nghiệp chiêu cảm quả ác ở cõi Dục; nghiệp này có công năng mang lại quả không đáng ưa, gây tổn hại cho hữu tình. 3. Nghiệp bất động: Nghiệp chiêu cảm quả thiện ở cõi Sắc và cõi Vô sắc. Nghiệp ở cõi Sắc và cõi Vô sắc, nhờ sức định nên nghiệp Sơ thiên chắc chắn cảm quả Sơ thiên, nghiệp Nhị thiên nhất định cảm quả Nhị thiên, nghiệp và quả này đều không biến động, vì thế gọi là bất động; trái lại, nghiệp cõi Dục thì thường bị các duyên khác làm cho biến động, cho nên gọi là động nghiệp.

684 Nhiều phẩm Kinh gọi các nghiệp thiện là bạch nghiệp (nghiệp trắng), gọi nghiệp ác là hắc nghiệp (nghiệp đen), gọi các hành động duy tác của các bậc Thánh là phi hắc, phi bạch (nghiệp không trắng, không đen). Nếu phân loại về tánh chất của nghiệp thì có thuyết Bốn nghiệp, đó là: Hắc hắc dị thực nghiệp, Bạch bạch dị thực nghiệp, Hắc bạch hắc bạch dị thực nghiệp, Phi hắc phi bạch vô dị thực nghiệp. Thứ nhất, Hắc hắc dị thực nghiệp là nghiệp tự nó là đen (tức là ác), do đó mà chiêu cảm quả dị thực ở ác thú. Thứ hai, Bạch bạch dị thực nghiệp là thiện nghiệp ở Sắc giới hệ và Vô sắc giới hệ. Thứ ba, Hắc bạch hắc bạch dị thực nghiệp là thiện nghiệp ở Dục giới hệ, chủ yếu cảm chiêu quả báo ở cõi người, cõi trời. Thứ tư, Phi hắc phi bạch vô dị thực nghiệp là nghiệp vô lậu không cảm dị thực, tức là chỉ cái công dụng của sự đã vĩnh viễn đoạn diệt nghiệp hữu lậu. Trong bốn nghiệp, có thể nói thứ tư là nghiệp giải thoát và đứng trên lập trường tu dưỡng. Bạch bạch dị thực nghiệp nếu ngưng ở ba cõi thì vẫn là còn chướng ngại đạo giải thoát. Vì vậy trong kinh gọi tắt phiền não chướng, nghiệp chướng và dị thực chướng là ba chướng chính ngăn ngại Thánh đạo và các thiện căn gia hạnh trước đó. Xuất xứ của bốn nghiệp này ở Trung A-hàm, quyển 27, kinh Đạt Phạm hạnh (Đại chính, 1, tr. 690, thượng). Tập dĩ môn túc luận, quyển 7 (Đại chính, 26, tr. 396, thượng); Bà sa, quyển 114 (Đại chính, 27, tr. 599, hạ); Câu xá, quyển 17; Thành Thật, quyển 8 (Tứ nghiệp phẩm 107).



Sáu quả: 1. Quả khả ái; 2. Quả không khả ái; 3. Quả thanh tịnh; 4. Quả dị thực; 5. Quả đẳng lưu; 6. Quả tăng thượng.

Ba vị: 1. Tác dụng vị; 2. Tập khí vị; 3. Dự quả vị.

Lại nữa, các nghiệp như vậy có năm thứ quyết định: 1. Quyết định hiện pháp thọ; 2. Quyết định sinh thọ; 3. Quyết định hậu sai biệt thọ;⁶⁸⁵ 4. Quyết định thọ báo; 5. Quyết định tác nghiệp.⁶⁸⁶

Lại nữa, kệ tụng:

Tự nghiệp v.v... bốn thứ

Đây tiên thực cũng bốn

Lại chín thứ nên biết

Tức hai thứ sai biệt. (kệ 19)

[573c25] Luận giải: Như đức Bạc-già-phạm dạy: “*Ma-nạp-bà*⁶⁸⁷ nên biết, tất cả hữu tình tạo tác tự nghiệp, nghiệp là gốc rễ tranh cãi, từ nghiệp được sinh ra, nghiệp làm chỗ y thú.”⁶⁸⁸

685 Ba quyết định đầu là thuận hiện nghiệp (nghiệp thiện ác tạo tác ở đời hiện tại chịu quả báo ngay ở đời hiện tại), thuận sinh nghiệp (nghiệp thiện ác tạo tác trong đời hiện tại sẽ chịu quả báo ở đời sau) và thuận hậu nghiệp (nghiệp đời này tạo tác đến đời thứ 3 về sau mới chịu quả báo).

686 A-tỳ-đạt-ma tập luận, quyển 7, tr. 679a21, nêu ra 3 thứ quyết định thọ nghiệp là: Tác nghiệp quyết định, Thọ dị thực quyết định và Phần vị quyết định, rồi luận này giải thích: 1. Tác nghiệp quyết định: Do sức nghiệp ở đời trước mà ở trong đời này nhất định sẽ tạo tác một loại nghiệp nào đó; 2. Thọ dị thực quyết định: Quả báo phải chịu đã quyết định; 3. Phần vị quyết định: Thời gian chịu quả và quả của Thuận hiện, Thuận sinh và Thuận hậu đã quyết định.

687 Ma-nạp-bà 摩訶婆 (S: Mānavaka): Cũng gọi Ma-nạp-phước-ca 摩訶縛迦, Ma-na-bà 摩那婆. Hán dịch: Nho đồng, Thiểu niên, Nhân đồng tử, Niên thiếu, Niên thiếu tịnh hành, Tịnh trì. Tức là thanh thiếu niên, đặc biệt chỉ cho thanh thiếu niên bà-la-môn.

688 Trung bộ kinh, Tiểu kinh Nghiệp phân biệt, số 135: “Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu.” (HT. Thích Minh Châu dịch) Kinh Bốn sự 本事經, No. 765: “Từ đức Thế Tôn tôi được nghe lời như vậy: ‘Các Bì-sô nên biết, tất cả hữu tình đều do tự nghiệp, nghiệp là người bạn, nghiệp là cửa thọ sinh, nghiệp là quyền thuộc, nghiệp là chỗ y thú. Nghiệp phân định được các phẩm loại thấp, vừa và cao của tất cả hữu tình. Cho nên các ông phải nên khéo biết về tự tánh của các nghiệp, nhân duyên của các nghiệp, phẩm loại của các nghiệp, dị thực của các nghiệp.’” (tr. 663b01~04) Tránh bốn 諍本: gốc rễ tranh cãi. Tự nghiệp: Tự tác nghiệp, trở lại tự thọ quả báo dị thực.



Như vậy, nghiệp là nghiệp tự mình tạo tác, có bốn đặc điểm nên biết: đối với sự tự tương tục, nghiệp (1) có năng lực đưa đến quả; (2) năng trị và sở trị ở ngay hiện tại; (3) từ đời quá khứ sinh đời hiện tại, chiêu cảm hữu ở vị lai; (4) làm nghiệp [năng dẫn] dứt hết; gọi nghiệp là chỗ y thú.

Lại nữa, về nghiệp báo nên biết có bốn thứ nghiệp báo thực trước sau: (1) Trọng nghiệp báo thực; (2) Tội cận nghiệp báo thực; (3) Quán tập nghiệp báo thực; (4) Tác nghiệp báo thực.⁶⁸⁹

Lại nữa, về nghiệp bất khả đoạn nên biết là dị thực quyết định⁶⁹⁰.

689 Tùy theo thứ tự ưu tiên của quả dị thực, nghiệp được phân làm 4 loại như sau:

(1) Trọng nghiệp: Đây là loại nghiệp tạo ra dị thực quả của nó ngay trong kiếp này hay kiếp kế. Về phương diện thiện của nghiệp này, thì các trạng thái tâm vi tế hay tâm thiền là trọng nghiệp. Bởi vì chúng tạo ra quả dị thực lạ hơn những trạng thái tâm thô thông thường. Ngược lại, năm loại trọng tội cho quả tức thời, được gọi là trọng nghiệp. Năm trọng tội đó là: giết cha, giết mẹ, giết một vị A-la-hán, làm thân Phật ra máu và phá hoại hợp Tăng.

(2) Cận tử nghiệp: Nghiệp này là hành động mà người ta thực hiện lúc lâm chung hoặc bằng thân hay bằng tâm; bằng tâm là nghĩ đến những hành động thiện hay ác mà họ đã làm trước đây, hay có những ý nghĩ tốt hoặc xấu. Đây chính là loại nghiệp, mà nếu không có trọng nghiệp, nó sẽ quyết định điều kiện tái sanh.

(3) Thường nghiệp (tập quán nghiệp): Là nghiệp mà người ta thường xuyên làm trong kiếp sống. Nghiệp này trong trường hợp không có cận tử nghiệp, sẽ tạo ra hay quyết định sự tái sanh.

(4) Tích lũy nghiệp: Là nghiệp sau cùng trong thứ tự ưu tiên của quả dị thực. Đây là nghiệp không dùng cạn của một chúng sanh đặc biệt, và nó tạo điều kiện cho lần sanh kế tiếp, nếu không có thường nghiệp tác động.

690 Nghiệp quyết định chịu quả dị thực và quyết định thời phần chịu quả dị thực. Luận Câu xá, quyển 15, chia nghiệp quyết định làm 3 loại:

1. Thuận hiện pháp thọ nghiệp (Thuận hiện nghiệp): Nghiệp được tạo tác ở đời này tăng trưởng thì ở đời này chịu quả báo dị thực.

2. Thuận thứ sinh thọ nghiệp (Thuận thứ nghiệp, Thuận sinh nghiệp): Nghiệp tạo tác ở đời này tăng trưởng, qua đời thứ 2 mới chịu quả báo dị thực.

3. Thuận hậu thọ nghiệp (Thuận hậu nghiệp): Nghiệp đời này tạo tác tăng trưởng, đến đời thứ 3, đời thứ 4 hoặc trong nhiều đời sau nữa mới chịu quả báo dị thực.

Cứ theo luận Đại tỷ bà sa, quyển 114, thì các nhà Thí dụ cho rằng tất cả nghiệp đều có thể chuyển, kể cả nghiệp vô gián, tức 3 loại nghiệp Thuận hiện, v.v... nói trên đều là nghiệp bất định. Tuy nhiên, A-tỳ-đạt-ma luận sư thì chủ trương 3 nghiệp Thuận bất định thọ là có thể chuyển. Luận Đại tỷ bà sa còn cho biết có các Luận sư khác lập các thuyết Ngũ nghiệp, Bất nghiệp ... Ngũ nghiệp là ngoài 3 loại Định nghiệp ra, Bất định nghiệp được chia làm 2 thứ là: nghiệp Dị thực quyết định và nghiệp Dị thực bất quyết định, cộng chung thành 5 thứ nghiệp, trong đó chỉ có nghiệp Dị thực bất quyết định là có thể chuyển. Còn thuyết Bất nghiệp là 4 nghiệp Thuận hiện, Thuận sinh, Thuận hậu, Thuận bất định, mỗi nghiệp được chia làm 2 thứ là Dị thực quyết định và Dị thực bất quyết định, trong đó, các nghiệp Dị thực quyết định đều không thể chuyển, còn các Dị thực bất quyết định thì đều có thể chuyển được. Tám thứ nghiệp này lại được phân biệt làm 4 câu: “Thời phần quyết định dị thực bất định, Dị thực quyết định thời phần bất định, Thời phần quyết định dị thực diệc định và Thời phần



Nếu là *ngiệp bất định báo* thì đối với sự ly dục đoạn, nó không thể làm chướng ngại.

Lại nữa, có ngoại đạo khởi kiến như vậy, lập luận như vậy: Tùy theo các nghiệp mà chúng sinh tạo tác, hoặc là lạc câu hành, hoặc là khổ câu hành; quả báo dị thực nhận chịu cũng lại như vậy, [hoặc là lạc câu hành, hoặc là khổ câu hành].

Kiến luận của các ngoại đạo ấy đều là vọng chấp. Vì sao? Vì có đủ hai thọ, nghĩa là các nghiệp thiện vừa thọ khổ báo vừa thọ lạc báo, các nghiệp bất thiện cũng lại như vậy, [vừa thọ khổ báo vừa thọ lạc báo].

Lại nữa, nên biết nghiệp dựa vào hai căn nên thành tánh thiện và tánh bất thiện: dựa vào thiện căn nên khởi các nghiệp thiện, và dựa vào bất thiện căn nên khởi các nghiệp bất thiện.

Lại nữa, sắc thái sai biệt của nghiệp thiện và nghiệp bất thiện do chín thứ nhân:

1. Do nhân và ruộng: Do thiện căn, bất thiện căn và các thửa ruộng: tôn trọng, v.v...⁶⁹¹ có sai biệt.
2. Do sự: Do sự viên mãn và sự không viên mãn.
3. Do phương tiện: Do [tu hành] không gián đoạn *phương tiện ân trọng*⁶⁹².

bất định dị thực diệt bất định". [X. luận Du-già sư địa Q.9, 60; luận Hiển dương thánh giáo Q.19; luận Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tập Q.4, 7; luận A-tỳ-đạt-ma thuận chính lý, Q.40; Câu xá luận quang ký, Q.15; Câu xá luận bảo sơ, Q.15; Thành duy thức luận liễu nghĩa đấng, Q.5, phần cuối]. (Tự điển Phật Quang)

691 Thửa ruộng tôn trọng là sư trưởng và cha mẹ. Thửa ruộng công đức là Tam bảo, tam thừa, các Thánh giả.

692 Ân trọng phương tiện 殷重方便: Do ưa thích một cách mạnh mẽ, cung kính một cách sâu xa mà có được tam-ma-địa.



4. Do y chỉ: Do y chỉ tịnh hay bất tịnh.
 5. Do tác ý: Do tịnh tín một cách mãnh lợi và triển cái thêm lên.
 6. Do muốn hiểu: Do hồi hướng, nguyện cầu quả báo hơn kém.
 7. Do trợ bạn: Do các pháp thiện hay bất thiện khác được nhiếp thọ.
 8. Do nhiều tu tập: Tự mình tu hành, cũng dạy bảo người khác tán thán, tùy hỷ, thấy người đồng pháp [tu] thì tâm sinh vui mừng.
 9. Do nhiều người: Cùng với nhiều người chung làm nghiệp này.
- (3) Lại nữa, nay sẽ nói thắng quyết trạch về *sinh tạp nhiễm*.

Kệ tụng:

Mạng chung: định, bất định

Chết trẻ do sáu nhân

Biết rõ vị ba tâm

Trung hữu có hoặc không. (kệ 20)

[574a23] Luận giải: Có hai loại mạng chung: 1. Quyết định: là [hữu tình ở] Bắc thắng thượng châu⁶⁹³; 2. Không quyết định: là [hữu tình ở] tất cả xứ còn lại.⁶⁹⁴

693 Bắc Thắng thượng châu 北勝上洲 = Bắc câu lô châu 北俱盧洲 (S: Uttara-kuru): Một trong bốn châu Tu di, cũng gọi Bắc châu, Bắc đôn việt, Uất đôn việt, Bắc uất đôn việt, Úc-đa-la cừu-lưu, Ót-đát-la củ-lồ. Dịch ý là Thắng xứ, Thắng sinh, Cao thượng.

694 Du-già sư địa luận, quyển 4: "Người Nam thiêm-bộ châu tuổi thọ không nhất định. Ở cõi người lấy 30 ngày đêm làm 1 tháng, 12 tháng làm 1 tuổi, hoặc có lúc thọ vô lượng tuổi, hoặc có lúc thọ 80.000 tuổi, hoặc có lúc tuổi thọ giảm dần cho đến 10 tuổi. Người Đông tỳ-đê-ha châu tuổi thọ nhất định là 250 tuổi. Người Tây cù-đa-ni châu tuổi thọ nhất định là 500 tuổi. Người Bắc câu-lô châu tuổi thọ nhất định là 1.000 tuổi. Lại 50 năm ở nhân gian bằng 1 ngày 1 đêm của trời Tứ đại vương chúng. Lấy ngày đêm đây tính 30 ngày đêm làm 1 tháng, 12 tháng làm 1 năm, thì các chúng trời kia tuổi thọ là 500 tuổi. Lại 100 năm ở nhân gian bằng 1 ngày 1 đêm của trời Tam thập tam, lấy ngày đêm đây như trước đã thuyết, thì các chúng trời kia tuổi thọ là 1.000 năm. Như vậy, các cõi trời còn lại cho đến trời Tha hóa tự tại, ngày đêm và tuổi thọ cứ dần dần tăng gấp đôi so với cõi trời trước. Lại trời Tứ đại vương chúng đầy đủ tuổi thọ là 500 năm, thì địa ngục Đấng hoạt là 1 ngày 1 đêm. Tức lấy ngày đêm đây tính 30 ngày làm 1 tháng, 12 tháng làm 1 năm thì địa ngục kia tuổi thọ 500 năm. Như lấy tuổi thọ của Tứ đại vương chúng thành tuổi thọ của địa ngục Đấng hoạt, thì lấy tuổi thọ của trời Tam thập tam thành tuổi thọ của địa ngục Hắc thắng; lấy tuổi thọ của trời Thời phân thành tuổi thọ của địa ngục Chúng hợp; lấy tuổi thọ của trời Tri túc thành tuổi thọ của địa ngục Hiệu khiêu; lấy tuổi thọ



Lại nữa, sự chết trẻ do sáu thứ nhân: 1. Không tránh né, không bình đẳng; 2. Niệm quên mất; 3. Ý tức giận; 4. Thọ mạng hết; 5. Nghiệp hết; 6. Phước hết.

Lại nữa, khi mạng chung có ba thứ tâm: 1. Tâm thiện; 2. Tâm bất thiện; 3. Tâm vô ký. Đây là trường hợp tâm còn phân minh. Nếu đến lúc tâm không còn phân minh thì chắc chắn chỉ có tâm vô ký.

Lại nữa, sau khi mạng chung, hoặc có giai đoạn *trung hữu*, vì sẽ sinh vào cõi hữu sắc; hoặc không có giai đoạn *trung hữu*, vì sẽ sinh vào cõi vô sắc.

Lại nữa, kệ tụng:

Dựa sở duyên hữu khác

Tâm nhiệm ô sinh khởi.

Ở trong bốn loài sinh

Và ba giới, năm thú. (kệ 21)

[574b04] Luận giải: Dựa vào trung hữu khác, duyên *sinh xứ* làm cảnh, tâm nhiệm ô sinh khởi để *sinh hữu* tương tục.⁶⁹⁵

của trời Hóa lạc thành tuổi thọ của địa ngục Đại hiệu khiêu; lấy tuổi thọ của trời Tha hóa tự tại thành tuổi thọ của địa ngục Thiêu nhiệt, nên biết cũng vậy. Hữu tình của địa ngục Cực thiêu nhiệt thọ nửa trung kiếp. Hữu tình của địa ngục Vô gián thọ 1 trung kiếp. Không phải thọ lượng cõi trời như trời Tam thập tam chư thiên, bàng sanh và ngạ quỷ có tuổi thọ không nhất định. Lại ở trong địa ngục Hàn, các địa ngục theo thứ lớp tiếp cận nhau có tuổi thọ giảm dần bằng một nửa. Lại hữu tình thọ sanh ở địa ngục Cận biên là địa ngục độc nhất có tuổi thọ không nhất định. Lại hữu tình của trời Phạm chúng thọ mạng một kiếp là 20 trung kiếp. Hữu tình của trời Phạm thiên thọ mạng một kiếp là 40 trung kiếp. Hữu tình của trời Đại phạm thọ mạng một kiếp là 60 trung kiếp. Hữu tình của trời Thiểu quang thọ mạng hai kiếp là 80 trung kiếp. Từ đây trở lên, cõi trời Sắc giới còn lại thọ mạng so với nhau mỗi lần dần tăng gấp bội. Chỉ trừ Vô vân, nên biết trời ấy thọ mạng giảm 3 kiếp. Không vô biên xứ thọ 20.000 kiếp. Thức vô biên xứ thọ 40.000 kiếp. Vô sở hữu xứ thọ 60.000 kiếp. Phi tưởng phi phi tưởng xứ thọ 80.000 kiếp. Trừ Bắc câu-lô châu, tất cả xứ còn lại đều có trường hợp chết trẻ. Lại loài người, quỷ, bàng sanh thú khi chết có thân cận bã còn sót lại. Cõi trời và địa ngục thì thân và thức đều mất, không còn sót lại thân cận bã.” (tr. 295b03~c06)

695 Trong một chu kỳ sinh tử, phân làm ba giai đoạn; sát na thứ nhất là sinh hữu; từ sát na thứ hai trở đi, bản hữu; sát na cuối cùng, tử hữu. Trung gian giữa tử hữu đời này và sinh hữu đời sau là trung hữu.



Lại nữa, ở trong bốn loài sinh: noãn sinh, thai sinh, thấp sinh và hóa sinh, thọ các sinh tử. Lại ở trong ba giới: Dục, Sắc, Vô sắc, và ở trong năm thú: địa ngục, quỷ, súc sinh, nhân và thiên, thọ các sinh tử.

Như vậy, hoặc tử, hoặc sinh, hoặc xứ sở, đã hiển thị sự quyết trạch về *sinh tạp nhiễm*.

Nay sẽ nói quyết trạch về *sự đế*.

Kệ tụng:

Nên biết thế tục đế

Ý giải nghĩa và thuyết.

Tịnh sở duyên, tánh tịnh

Phương tiện gọi thắng nghĩa. (kệ 22)

[574b12] Luận giải: Tất cả ngôn thuyết và nghĩa được ý giải ngang qua ngôn thuyết đều gọi là thế tục đế.

Thanh tịnh sở duyên, tánh thanh tịnh hay phương tiện của thanh tịnh đều gọi là thắng nghĩa đế.

Thanh tịnh sở duyên: Là bốn Thánh đế và chân như.

Tánh thanh tịnh: Là diệt đế thanh tịnh.

Phương tiện: Là đạo đế.

Lại nữa, kệ tụng:

Nên biết là bốn thứ

Nhiễm và tịnh được nhiếp

Chưa thấy, chưa cảm nhận

Như bệnh, bệnh diệt nhân. (kệ 23)



[574b19] Luận giải: Nên biết hai pháp nhiễm ô và thanh tịnh được nhiếp trong bốn đế. Nhiễm ô có hai thứ: quả và nhân; thanh tịnh cũng vậy. Như vậy bốn đế, từ vô thủy đến nay tất cả hữu tình chưa như thật thấy hai đế diệt và đạo, cũng chưa trải nghiệm, cảm nhận.

Lại nữa, như bệnh và bệnh diệt, cùng hai nguyên nhân của chúng, qua đó thiết lập bốn đế: khổ đế như bệnh, tập đế như nguyên nhân của bệnh, diệt đế như bệnh diệt, đạo đế như nguyên nhân của bệnh diệt.

Lại nữa, kệ tụng:

Nên biết tứ đế ấy

Mỗi bốn tướng, bốn hành

Biến tri v.v... bốn thứ

Tánh nhân quả phân biệt. (kệ 24)

[574b27] Luận giải: Nên biết bốn Thánh đế, mỗi đế có bốn tướng:

Khổ đế có bốn tướng: 1. Khổ khởi; 2. Khổ nội duyên; 3. Khổ ngoại duyên khổ; 4. Khổ thô trọng khổ. *Khổ khởi* là sinh khổ. *Khổ nội duyên* là già, bệnh, chết khổ. *Khổ ngoại duyên* là oán ghét mà phải gặp nhau khổ, yêu thương mà bị xa lìa khổ, mong muốn mà không được khổ. *Khổ thô trọng* là ngũ thủ uẩn khổ.

Tập đế có bốn tướng: 1. Luyến ái; 2. Ái hậu hữu; 3. Ái câu hành với hỷ và tham; 4. Hỷ ái chỗ này chỗ kia.

Diệt đế có bốn tướng: 1. Ái tận; 2. Ly dục; 3. Diệt; 4. Niết bàn.

Đạo đế có bốn tướng: 1. Khổ tri thông hành; 2. Khổ tức thông hành; 3. Lạc tri thông hành; 4. Lạc tức thông hành; đó là bốn thứ hành tích đã nói ở trước.⁶⁹⁶

696 Hiền dương, quyển 2, phẩm Nhiếp sự, phần 2, [490b07], mục Bốn thứ hành.



Lại nữa, mỗi đế có bốn hành, như phẩm Thành hiện quán đã nói.⁶⁹⁷

Lại nữa, nơi các đế có biến tri, vĩnh đoạn, tác chứng và tu đạo; là thể tánh của nhân quả. Biến tri, vĩnh đoạn và tác chứng là quả. Tu đạo là nhân: biến tri nhân của khổ, vĩnh đoạn nhân của tập và tác chứng nhân của diệt.

[574c09] Vì sao thế tục, v.v... gọi là đế?

Kệ tụng:

Hiểu biết không chống cãi

Pháp nhĩ chứng cũng vậy

Đế: ba thứ, chỉ thiện

Lại hai thứ nên biết. (kệ 25)

[574c12] Luận giải: **Hiểu biết không chống cãi pháp nhĩ**: Phạm phu ngu si v.v... ở thế gian, do pháp nhĩ⁶⁹⁸ nên hiểu biết về các pháp mà không có chống cãi⁶⁹⁹, gọi là thế tục đế.

Pháp nhĩ chứng cũng vậy: Pháp tánh mà chư vị đã kiến đế chứng ngộ thì không có chống cãi, gọi là thắng nghĩa đế. Do đạo lý

697 Hiền dương, quyển 16, phẩm Thành hiện quán, phần 1, [561c28], trí quán bốn đế qua mười sáu hành: 1. Khổ đế: vô thường, khổ, không, vô ngã; 2. Tập đế: nhân, tập, sinh, duyên; 3. Diệt đế: diệt, tĩnh, diệu, ly; 4. Đạo đế: đạo, như, hành, xuất.

698 Pháp nhĩ: Các pháp là thế đó, tức nói các pháp thường đồng thường biệt (thường duy nhất mà thường sai biệt). Như nói, tâm thế thì duy nhất nhưng tâm dụng có sai biệt.

699 Quai tránh 乖諍: chống cãi. Dịch sát là chống chọi, cãi cọ. Chống cãi là từ ngữ gọi thế giới luân hồi, bao gồm tất cả hoặc, nghiệp, khổ, vì toàn những thứ có tánh chất chống cãi. Còn pháp nhĩ hay pháp tánh thì không thể chống cãi. Trong Tăng chi bộ kinh, phẩm Kế chiến thắng, kinh Xuất hiện, số 134, có ghi rằng: Dù các Như lai có xuất hiện hay không xuất hiện, vẫn có cái được an trú, đó là pháp trú tánh của giới ấy, là pháp quyết định tánh, tức là tất cả các hành là vô thường, tất cả các hành là khổ, và tất cả các pháp là vô ngã. Như lai chánh giác tri, chánh giác ngộ, tuyên bố, thuyết giảng, tuyên thuyết, xác nhận, khai thị, phân biệt, hiển thị.



này, đức Bạc-già-phạm nói: “*Tất cả bậc Thánh lấy pháp tánh làm đế nên gọi là Thánh đế.*”⁷⁰⁰

Lại nữa, bốn đế: khô, tập, diệt, đạo; trong đó, khô và tập thông ba tánh: thiện, bất thiện và vô ký; diệt và đạo chỉ có tánh thiện.

Lại nữa, thiện có hai thứ: thế gian thiện và xuất thế gian thiện. Ở đây, lại có hai thứ được nhiếp [trong xuất thế gian thiện] là đoạn và đạo.⁷⁰¹

Như vậy là đã nói quyết trạch về *sự đế*.

Nay sẽ nói quyết trạch về *sự y chỉ*.

Kệ tụng:

Nên biết bảy y chỉ

Ba thứ tánh sở y

Kia có hai thiện xảo

Tứ cú phân biệt rộng. (kệ 26)

700 Du-già sư địa luận, quyển 95: “Các bậc Thánh biết đây chính là đế, nên gọi là Thánh đế. Nên biết ở đây do hai lý do được gọi là đế: 1. Pháp tánh: do nghĩa chân thật nên gọi là đế; 2. Thắng giải: do đối với nghĩa chân thật ấy khởi thắng giải chắc chắn nên gọi là đế. Tất cả ngu phu chỉ qua pháp tánh mà được gọi là đế, chẳng phải qua thắng giải. Nếu các thánh giả thì đủ hai thứ nên được gọi là đế; khéo nói về điều đó nên gọi là thánh đế.” (tr. 845a28~b05) Tập A-hàm, kinh Như như, số 417: “Tỳ-kheo bạch Phật: Thế Tôn nói khổ Thánh đế, con đều đã thọ trì, là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thâm sát chân thật, không điên đảo, là lý chân thật của bậc Thánh. Đó là Khổ Thánh đế. Thế Tôn dạy về Khổ tập Thánh đế, Khổ diệt Thánh đế, Khổ diệt đạo tịch Thánh đế, là như như, không lìa như, không khác như, chân thật, thâm sát chân thật, không điên đảo, là lý chân thật của bậc Thánh. Đó gọi là bốn Thánh đế mà Thế Tôn đã dạy, con đều đã thọ trì.” (Thích Đức Thắng dịch)

701 Đoạn là tứ ý đoạn (tứ chánh cần, tứ chánh đoạn). Đạo là 37 phẩm trợ đạo. Tăng nhất A-hàm, quyển 18, phẩm Tứ ý đoạn: “Trong các pháp thiện là ba mươi bảy đạo phẩm, pháp không phóng dật thật là đệ nhất. Nếu không phóng dật, thì Tỳ-kheo phải tu Tứ ý đoạn. Ở đây, Tỳ-kheo, pháp tặc chưa sanh, tìm phương tiện khiến chẳng sanh, tâm chẳng xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp tặc đã sanh, tìm phương tiện khiến chẳng sanh, tâm chẳng xa lìa, hằng muốn khiến diệt. Pháp thiện chưa sanh, tìm phương tiện khiến sanh. Pháp thiện đã sanh, lại khiến tăng thêm nhiều nữa, trọn không quên mất, tu hành đầy đủ, tâm ý chẳng quên. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy tu Tứ ý đoạn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!” (HT. Thích Thanh Từ dịch)



[0574c22] Luận giải: Nên biết do ba tánh chất sở y mà đức Bạc-già-phạm nói bảy y chỉ⁷⁰². Những gì gọi là ba thứ sở y? 1. Sở y của lậu tận; 2. Sở y của công đức phát khởi; 3. Sở y của hiện pháp lạc trú.

Lại nữa, y chỉ này có hai thứ thiện xảo: 1. Thiện xảo tam-ma-địa (đẳng tri); 2. Thiện xảo tam-ma-bát-đề (đẳng chí).

Ở đây có tứ cú để rộng phân biệt, như đức Bạc-già-phạm nói ôn-đà-nam già-tha:

Có bậc tu tinh lực

Thiện xảo tam-ma-địa

Hay tam-ma-bát-đề

Cả hai, không cả hai.

[575a01] (1) Vì sao thiện xảo tam-ma-địa không phải là thiện xảo tam-ma-bát-đề? Vì thiện xảo về ba tam-ma-địa: không, vô nguyện và vô tướng, thì không phải là thiện xảo về thắng xứ⁷⁰³, biến xứ⁷⁰⁴ hay diệt tận định v.v...

702 Bảy y chỉ: Chỉ cho 4 tinh lực và 3 định Vô sắc (Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định). Phi tưởng phi phi tưởng xứ định thuộc định thế gian nên không kể.

703 Tám thắng xứ: Là 8 chỗ thiên quán pháp sinh khởi thắng tri, thắng kiến để trừ bỏ lòng tham ái: 1. Trong có sắc tướng quán ngoại sắc ít, nghĩa là nội tâm có sắc tướng và vì quán đạo chưa tăng trưởng, nếu quán nhiều sắc sợ tán loạn, nên quán chút ít, chỉ quán nội thân bất tịnh, hoặc quán chút ít ngoại sắc thanh tịnh. 2. Trong có sắc tướng quán ngoại sắc nhiều, là quán đạo tạm thuần thực, quán nhiều ngoại sắc cũng không ngại, như quán nội tử thì cho đến quán mười, trăm, ngàn, vạn tử thi, hoặc quán rộng ngoại sắc thanh tịnh cũng không ngại. 3. Trong không sắc tướng quán ngoại sắc ít, là quán đạo tạm thù diệu, tuy quán ngoại sắc mà nội tâm không có sắc tướng; còn “quán chút ít sắc” thì nghĩa như trên nói. 4. Trong không sắc tướng quán ngoại sắc nhiều, là trong không còn sắc tướng mà quán ngoại sắc như trên. Hai thứ 3 & 4 thì quán tịnh bất tịnh xen lẫn. 5. Thắng xứ xanh là quán sắc xanh chuyển biến tự tại khiến ít làm nhiều, nhiều làm ít, không khởi tâm pháp ái đối với sắc xanh. 6. Thắng xứ vàng. 7. Thắng xứ đỏ. 8. Thắng xứ trắng; cũng quán như thắng xứ xanh.

704 Mười biến xứ: Cũng gọi là mười nhất thiết xứ, là quán 10 thứ sau đây mỗi biến khắp tất cả nơi, đó là xanh, vàng, đỏ, trắng, đất, nước, lửa, gió, không, thức. Trước quán xanh, vàng, đỏ, trắng mỗi mỗi biến khắp, lại suy nghĩ bốn sắc này nương đâu, biết rằng nương bốn đại, nên tiếp quán đất, nước, lửa, gió mỗi mỗi biến khắp mọi nơi. Lại suy nghĩ bốn đại nương đâu mà rộng lớn, biết nương hư không, nên tiếp quán hư không biến khắp mọi nơi. Lại suy nghĩ hay biết quán nương đâu, biết nương nơi thức, nên tiếp quán thức biến khắp mọi nơi.



(2) Vì sao thiện xảo tam-ma-bát-đề không phải là thiện xảo tam-ma-địa? Vì thiện xảo tam-ma-bát-đề để nhập hay xuất đối với thắng xứ, biến xứ hay vô tướng định v.v..., thì không phải là thiện xảo về ba tam-ma-địa.

(3) Vì sao thiện xảo cả hai? Vì thiện xảo cả hai: tam-ma-địa và tam-ma-bát-đề, được nói sai biệt ở trên.

(4) Vì sao không thiện xảo cả hai? Vì không thiện xảo cả hai: tam-ma-địa và tam-ma-bát-đề, được nói sai biệt ở trên.

Lại nữa, thiện xảo tam-ma-địa không phải là thiện xảo tam-ma-bát-đề: Khéo biết rõ sự sai biệt của danh, cú, văn thân để nhập tam-ma-địa, không phải khéo biết rõ các hành, trạng, tướng để nhập tam-ma-bát-đề.

Thiện xảo tam-ma-bát-đề không phải là thiện xảo tam-ma-địa: Như có một người khéo biết rõ các hành, trạng, tướng để nhập tam-ma-địa; nhưng nhập định ấy mà không khéo biết rõ sự sai biệt của danh, cú, văn thân của tam-ma-địa, nói rằng: *“Tôi nay nhập như vậy, như vậy là tam-ma-địa.”*

Lại nữa, có vị Bồ-tát nhập được một trăm tam-ma-địa, hoặc một ngàn tam-ma-địa; tuy nhiên vị ấy không có khả năng biết rõ sự sai biệt của danh, cú, văn thân của những định ấy, nói rằng: *“Tôi nay nhập như vậy, như vậy là tam-ma-địa,”* cho đến chưa được nghe [pháp] từ chư Phật và từ các đại Bồ-tát đã được đệ nhất cứu cánh, hoặc tự thân chưa được đệ nhất cứu cánh.

[0575a19] Hỏi: Thế nào là trú định?

Đáp: Như có một người năng nhập định, khéo nắm biết các hành, trạng, tướng. Vì khéo nắm biết nên khi nào muốn trú thì có thể nhập



định. Đối với các tam-ma-địa một khi đã đi vào thì không có thoái mất. Như vậy có hai loại trú: 1. An trú nơi định nên gọi là trú; 2. Khả năng không có thoái mất nên gọi là trú.

Hỏi: Thế nào là xuất định?

Đáp: Như có một người năng nhập định nhưng không tư duy các hành, trạng, tướng; chỉ lấy sự tác ý tư duy cái tướng phân biệt của bất định địa, tức các pháp không đồng loại lại nhiếp ở định địa, từ đó xuất ly tam-ma-địa: hoặc do việc làm tùy thuộc nên xuất định, hoặc do việc làm nhất định nên xuất định, hoặc do việc làm theo mong cầu nên xuất định.

Việc làm tùy thuộc: Là nghiệp y bát và các vật dụng cần thiết.

Việc làm nhất định: Là các hoạt động đại tiện, tiểu tiện, cung kính sư trưởng, khát thực, v.v...

Việc làm theo mong cầu: Như có người hứa hẹn làm việc gì cho ai, hoặc vì muốn nhập định khác nên phải xuất định này.

Hỏi: Thế nào là các hành?

Đáp: Nơi cảnh sở duyên tạo tác các loại hành để đi vào định, gọi là hành; nghĩa là dựa vào các hành: thô, tinh, bệnh, ung nhọt, gai nhọn, vô thường, khổ, không, phi ngã để khởi tam-ma-địa.

Hỏi: Thế nào là trạng?

Đáp: Khi người sắp nhập định, bấy giờ chắc chắn có định tướng⁷⁰⁵ sinh khởi. Do định tướng nên hành giả tự biết: *“Tôi không lâu sẽ nhập định với tướng trạng như vậy, như vậy.”* Hoặc đã chánh nhập.

705 Trung bộ kinh, Tiểu kinh Phương quảng: “- Thưa Ni sư (Dhammadinna) thế nào là định, thế nào là định tướng (samadhinimitte), thế nào là định tư cụ, thế nào là định tu tập? - Hiền giả Visakha, nhất tâm là định, bốn niệm xứ là định tướng, bốn tinh cần là định tư cụ; sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là định tu tập ở đây vậy.” (HT. Thích Minh Châu)



Lại nữa, vị giáo thọ sư cũng biết hành giả này có tướng trạng như vậy, như vậy sinh khởi, không lâu sẽ nhập định như vậy, như vậy.

[575b08] Thế nào gọi là tướng?

Đáp: Tướng có hai thứ: 1. Cảnh tướng; 2. Nhân tướng⁷⁰⁶.

Cảnh tướng: Là tướng phân biệt. Do duyên đây mà nhập vào định.

Nhân tướng: Là tư lương để nhập vào định, như là: tùy thuận ngôn giáo⁷⁰⁷, tích tập sở hành tư lương của các định, tu tâm ưa thích và yếm ly, rất khéo biết rõ các tướng tán loạn và không tán loạn, không bị xúc não gây ra bởi người, phi nhân, âm thanh hay dụng công.

[575b14] Thế nào là điều thuận?

Đáp: Tam-ma-địa bị câu chấp bởi các hành tướng thì giống như nước bị giữ lại. Pháp tánh bị câu chấp thì sự vắng lặng không có, sự nhiệm màu không có, đó là con đường không an ổn, không thể chứng được tâm định một cảnh. Nên biết, bấy giờ tam-ma-địa này không được gọi là điều thuận, vì không tùy ý an trú. Trái ngược đây gọi là điều thuận.

[575b18] Thế nào là sở hành?

Đáp: Đối với cảnh giới tam-ma-địa đã chứng đắc, nếu vượt qua cảnh giới định này thì không thể biết [cảnh giới định sau đó]; như nhập sơ tĩnh lự thì không thể thấy biết các việc của đệ nhị tĩnh lự⁷⁰⁸. Như vậy, đối với trạng huống của các căn [tánh] và trạng huống của các bổ-đặc-già-la cũng không thể thấy biết.

[575b21] Thế nào là dẫn phát?

706 Du-già sư địa: Sở duyên tướng và Nhân duyên tướng.

707 Ngôn giáo: Chỉ cho giáo giới và giáo thọ.

708 Các việc: chỉ cho tâm và tâm sở hữu pháp.



Đáp: Khả năng tóm lược nghĩa rộng của văn thân, cú thân, và khả năng phát khởi các công đức thù thắng.

[575b23] Hỏi: Trong tam-ma-địa, những gì được gọi là khả ái?

Đáp: Có đủ tầm quý, ái kính, tịnh tín, như lý tác ý, ức niệm (: chánh niệm), chánh tri, thủ hộ các căn, trì giới, vô hối, cho đến lạc là tối hậu, theo cái lạc đó mà nhập tam-ma-địa. Nên biết, trái ngược đây gọi là bất khả ái.

[575b27] Thế nào là khả ái: tầm quý v.v... và bất khả ái: vô tầm quý, v.v..., có ít phần thành tựu và có ít phần không thành tựu?

Đáp: Có đủ tầm quý, không có tương ưng với ái kính, v.v... cho đến nói rộng.

[575c01] Hỏi: Thế nào là tăng?

Đáp: Có được tam-ma-địa, rồi [càng thêm] tăng trưởng.

Hỏi: Thế nào là giảm?

Đáp: Có được tam-ma-địa, rồi [lại dần] thoái mất.

Hỏi: Thế nào là phương tiện?

Đáp: Con đường dẫn đến hai sự ở trên.⁷⁰⁹

[575c04] Hỏi: Thế nào là xa-ma-tha?

Đáp: Sắc thái tác ý ảnh tượng mà không có phân biệt.

[575c05] Hỏi: Thế nào là chấp thọ?

Đáp: Tùy theo ấn tượng là thanh tịnh hay là ánh sáng mà sinh khởi chấp thủ ấn tượng.

[575c07] Thế nào là khí xả (: vất bỏ)?

709 Từ ôn-đà-nam: "Có bậc tu tĩnh lự ..." cho đến câu này, tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 13, tr. 341b24~342b03.



Đáp: Đã được cái tâm bình đẳng thì xả bỏ thêm nữa đối với thiện phẩm.

Lại nữa, nay sẽ nói thắng quyết trạch về *sự y chỉ các tinh lự*.

Kệ tụng:

Tinh lự: số, chương, phần

Chúng được kiến lập rộng

Rời xa nơi khổ, động

Về sau phân thắng dị. (kệ 27)

[575c11] Luận giải: Ở trên đã nói về bốn thứ tinh lự.

Hỏi: Vì sao chỉ có bốn thứ tinh lự, không nhiều hơn, không ít hơn?

Đáp: Vì sự cứu cánh là xuất ly khổ lạc. Vì sao? Tuần tự [tu định từ sơ tinh lự] cho đến đệ tứ tinh lự thì [tuần tự] vượt qua được ưu, khổ, hỷ, lạc [mới đạt đến cứu cánh].

[575c14] Các chương phải được đối trị ở sơ tinh lự là gì?

Đáp: Có năm thứ, nên biết: 1. Dục tâm, sân tâm và hại tâm⁷¹⁰; 2. Khổ; 3. Ưu; 4. Phạm giới; 5. Tán loạn.

710 Tâm là sự tập trung của tâm. Nó có đặc tính của sự gắn tâm trên đối tượng. Nhờ nó, tâm được gắn chặt trên đối tượng. Ví như một người leo được lên cung điện của Đức Vua nhờ vào một người trong hoàng tộc hoặc một người bạn thân thiết của Vua, tâm cũng vậy, gắn được trên đối tượng nhờ vào tâm. Trong sơ thiền, tâm là yếu tố hướng tâm đến ảnh tượng. Trong tự thân, tâm không thiện cũng không bất thiện. Bản chất của nó là bất định và chỉ đơn thuần làm nhiệm vụ hướng tâm và các pháp đồng sinh khởi của tâm vào đối tượng. Khi tâm kết hợp với các bất thiện căn như tham, sân và si, nó trở thành bất thiện tâm (akusalavitakka); khi tâm kết hợp với các thiện căn như vô tham, vô sân, vô si, nó trở thành thiện tâm (kusalavitakka). Trong Kinh Điển, các bất thiện tâm này được phân thành ba loại là dục tâm (kāmavitakka), sân tâm (byāpādavītakka) và hại tâm (vihimsāvītakka). Dục tâm là tư duy hay tâm bắt nguồn từ căn tham; sân tâm và hại tâm là những bậc lộ khác nhau của tư duy bắt nguồn từ căn sân. Các bất thiện tâm cũng còn gọi là các bất thiện tư duy. Trung bộ kinh, Kinh An trú tâm, số 20: "Chư Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo ấy trong khi quán sát các nguy hiểm của những tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si vẫn khởi lên, thời này chư Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải không ức niệm, không tác ý những tâm ấy. Nhờ không ức niệm, không tác ý các tâm ấy, các ác bất thiện tâm liên hệ đến dục, liên hệ đến sân, liên hệ đến si được trừ diệt, đi đến diệt vong. Chính nhờ diệt trừ chúng, nội tâm được an trú, an tịnh, nhất tâm, định tĩnh." (HT. Thích Minh Châu dịch)



[575c16] Các chương phải được đối trị ở đệ nhị tinh lự là gì?

Đáp: Có năm thứ, nên biết: 1. Tham của sơ tinh lự; 2. Tâm tứ; 3. Khổ; 4. Trạo cử; 5. Tánh thấp kém của định (: sơ tinh lự).

[575c19] Hỏi: Các chương phải được đối trị ở đệ tam tinh lự là gì?

Đáp: Có bốn thứ, nên biết: 1. Tham của đệ nhị tinh lự; 2. Hỷ; 3. Xao động⁷¹¹; 4. Tánh thấp kém của định (: đệ nhị tinh lự).

[575c21] Hỏi: Các chương phải được đối trị ở đệ tứ tinh lự là gì?

Đáp: Có năm thứ, nên biết: 1. Hơi thở vào, hơi thở ra; 2. Tham của đệ tam tinh lự; 3. Lạc; 4. Tác ý vin nơi lạc; 5. Tánh thấp kém của định (: đệ tam tinh lự).

[575c24] Hỏi: Mỗi tinh lự có bao nhiêu chi?

Đáp: Sơ tinh lự có năm chi. Những gì là năm? 1. Tâm; 2. Tứ; 3. Hỷ; 4. Lạc; 5. Tâm nhất cảnh tánh.

Đệ nhị tinh lự có bốn chi: 1. Nội đẳng tịnh; 2. Hỷ; 3. Lạc; 4. Tâm nhất cảnh tánh.

Hỏi: Nội đẳng tịnh lấy pháp gì làm thể?

Đáp: Lấy niệm, chánh tri và xả làm thể.

Đệ tam tinh lự có năm chi: 1. Niệm; 2. Chánh tri; 3. Xả; 4. Lạc; 5. Tâm nhất cảnh tánh.

Đệ tứ tinh lự có bốn chi: 1. Xả thanh tịnh; 2. Niệm thanh tịnh; 3. Bất khổ bất lạc; 4. Tâm nhất cảnh tánh.

Hỏi: Tất cả xứ đều có niệm, chánh tri và xả, vì lý do gì không đề cập đến chúng trong sơ tinh lự, v.v...?

711 Dững được 踊躍: nhảy nhót, xao động, phấn chấn, hân hoan. Dững được là khi có hỷ mà kết hợp với tác ý thì sinh tán động.



Đáp: Ở sơ tĩnh lự, tầm tứ là cửa ngõ dẫn phát ra niệm, chánh tri và xả, tuy chúng có mặt nhưng không đề cập đến.⁷¹²

Ở đệ nhị tĩnh lự, có sự tác nghiệp của tự thể niệm, chánh tri và xả, nhưng nội tâm vẫn có sự xao động do có chút ít phiền não trôi buộc, che lấp, cho nên gọi chung là *nội đẳng tịnh*.

Ở đệ tam tĩnh lự, chút ít phiền não đều viễn ly, cho nên nhấn mạnh đến tự tướng của tâm, như trong kinh thường nói là “*viễn ly cái tham hỷ*”. Ở sơ tĩnh lự tuy đã rời dục tham⁷¹³, nhưng chưa rời cái tham hỷ. Ở đệ nhị tĩnh lự, tuy đã rời cái tham tầm tứ, nhưng chưa rời cái tham hỷ.

Ở đệ tứ tĩnh lự, “*xả niệm cực thanh tịnh*” hiển thị cho nội tâm ở cấp độ này.⁷¹⁴

Như vậy, theo chỗ thích hợp mà biết sự [tùy chuyển] sai biệt của các tĩnh lự.

[576a11] Hỏi: Vì sao ở bốn tĩnh lự kiến lập bốn chi hay năm chi?

Đáp: (1) Vì trú sở y, vì trú thuận ích và vì trú tự thể.⁷¹⁵

(2) Lại nữa, vì tư duy cảnh giới, vì thọ dụng cảnh giới, và vì ở nơi cảnh [sở duyên] không có tán loạn.⁷¹⁶

712 Sơ tĩnh lự sinh khởi khi hội đủ 5 chi: tầm, tứ, hỷ, lạc và định. Năm chi này phát triển vững mạnh, trở thành 5 chi thiền.

713 Dục tham (P: kāmaccanda): Những khoái lạc của giác quan.

714 “Ly hỷ trú xả, chánh niệm tĩnh giác, thân cảm lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú đệ tam tĩnh lự.” Do xả hỷ mà hành giả đạt tới cảnh giới “xả niệm lạc trú”, thế nhưng hành giả nhận thấy, bỏ hỷ vẫn còn lạc, còn động tâm, dù là một động tâm rất nhỏ nhiệm vi tế, cho nên, hành giả xả lạc, để chứng đệ tứ tĩnh lự “không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.”

715 Trú: là định trú nhất cảnh. Trú sở y: là do chi đối trị có khả năng đoạn định chướng, làm định sinh khởi, làm chỗ dựa cho định. Thuận ích: là chi lợi ích, là nội tâm có hỷ lạc, đi vào định trọn vẹn. Tự thể: là tự thể của định. (Du-già luận ký, tr. 701c29)

716 Tư duy cảnh giới: là quán các chướng được đối trị mà sinh yếm ly, đó là chi đối trị. Thọ dụng cảnh giới: là hỷ lạc khi đối duyên mà có sự thọ dụng, đó là chi lợi ích. Nơi cảnh sở duyên không có tán loạn: là chi tâm nhất. (Du-già luận ký, tr. 702a04)



(3) Lại nữa, vì làm sở y cho thuận ích, vì làm sở y cho tăng thượng tâm, vì làm sở y cho tăng thượng tuệ.⁷¹⁷

(4) Lại nữa, vì đối trị cái chướng của ba thứ trú não loạn.

Ba thứ trú não loạn: 1. Trú nhiễm ô; 2. Trú khổ não; 3. Trú mê loạn.

(5) Lại nữa, như người thọ dụng năm dục thì có ba việc làm căn bản để hiển thị người kia thọ dụng các dục: 1. Cầu sự thọ dụng bằng phương tiện; 2. Cầu được rồi thì thọ dụng; 3. Tự tại tùy chuyển. Như vậy, người tu tĩnh lự cũng dựa vào ba việc làm căn bản⁷¹⁸, theo đó kiến lập các chi phân thích hợp.

(6) Lại nữa, vì đối trị các hạnh tự khổ não mà người tu tĩnh lự kiến lập các chi phần. Ở đây có ba thứ đối trị: 1. Đối trị ly dục; 2. Đối trị ngưng dứt sự bức não thân tâm; 3. Đối trị tâm tán loạn, không vắng lặng nơi ngoại cảnh.

Hỏi: Vì sao ở sơ tĩnh lự đã nói “*ly dục*” mà còn nói “*viễn ly ác bất thiện pháp*”?

Đáp: Vì hiển thị tự tướng của các dục và hiển thị sắc thái quá hoạn của các dục.

Sắc thái quá hoạn của các dục: Do các dục mà khởi ác hành, rồi rơi xuống cõi rất thấp, nên gọi là ác. Trái ngược với thiện pháp sinh, nên gọi là bất thiện.

Lại nữa, vì hiển thị khả năng đoạn *phiền não tạp nhiễm*, và vì hiển thị khả năng đoạn *nghiệp tạp nhiễm* tích tập từ đời trước.

717 Sở y cho thuận ích: do đối trị chướng làm sở y nên lợi ích cho định. Sở y cho tăng thượng tâm: hỷ lạc v.v... làm chỗ dựa cho tăng thượng định. Sở y cho tăng thượng tuệ: định làm chỗ dựa cho tuệ. (Du-già luận ký, tr. 702a07)

718 Ba việc làm căn bản: chi đối trị, chi lợi ích và chi tâm nhất.



Lại nữa, vì hiển thị người tại gia đoạn các dục được sinh do sự thọ dụng, và hiển thị người xuất gia đoạn các pháp được sinh do tâm tứ.

Lại nữa, vì hiển thị sự đoạn dục tâm, và hiển thị sự đoạn sân tâm, hại tâm.

Lại nữa, vì hiển thị tướng sở đắc giống với các tiên ngoại đạo, và vì hiển thị sự đoạn việc thoái lui rồi khởi ác chú của họ.

[576b03] Hỏi: Vì sao nói ở sơ tĩnh lự chưa có đoạn khổ căn?

Đáp: Vì ở sơ tĩnh lự, chưa viễn ly thô trọng phẩm.⁷¹⁹ Nếu ở sơ tĩnh lự mà đã đoạn được thô trọng phẩm của khổ căn, thì khi trú đệ nhị tĩnh lự phải không có khác biệt. Nên biết ở sơ tĩnh lự chưa đoạn được thô trọng phẩm của khổ căn.

Hỏi: Các pháp như tâm, tứ, v.v... ở trong sơ tĩnh lự, v.v... đều đưa tới thuận ích [cho tam-ma-địa], nhiếp thọ tự địa khiến được thanh tịnh, vì sao đức Như lai nói những pháp ấy là xao động?

Đáp: So sánh với tha địa nên nói là xao động, chứ không phải so sánh với tự địa.

[576b10] Hỏi: Vì sao từ Dục giới trở lên, ở sơ tĩnh lự, v.v... kiến lập các chi phần ở sau hơn hẳn các chi phần ở trước?

Đáp: Lược có ba lý do: 1. Vì năng trị, sở trị; 2. Vì chứng lợi ích; 3. Vì chứng tự thể. Ba lý do như vậy, theo chỗ thích hợp, được nhiếp vào năm chi của bốn tĩnh lự.

Hỏi: Đệ nhị tĩnh lự so với sơ tĩnh lự có gì hơn khác?

Đáp: Hơn khác vì tam-ma-địa viên mãn.

⁷¹⁹ Khổ thọ tuy không có nhưng còn có khổ thô trọng. Thô trọng chính là tánh chưa điều nhu, tánh chưa an ổn của khổ căn. Ở sơ tĩnh lự, vì có hỷ mà chưa đầy đủ nên chủng tử khổ căn vẫn còn.



Hỏi: Đệ tam tĩnh lự so với đệ nhị tĩnh lự có gì hơn khác?

Đáp: Hơn khác vì thuận ích viên mãn.

Hỏi: Đệ tứ tĩnh lự so với đệ tam tĩnh lự có gì hơn khác?

Đáp: Hơn khác vì thanh tịnh viên mãn.⁷²⁰

Lại nữa, kệ tụng:

Cận phần hỷ có động

Chỉ sơ dứt hết lậu

Và hai thứ duyên thanh

Tám đẳng chí xả tám. (kệ 28)

[576b20] Luận giải: Hỷ của sơ cận phần và sơ tĩnh lự thì có xao động, không phải như hỷ của các căn bản tĩnh lự.⁷²¹

Lại nữa, sơ cận phần hay vị chí định⁷²² được nhiếp vào định mà có khả năng đoạn tận các lậu không còn dư tàn.

⁷²⁰ Từ kệ tụng cho đến đây thì tương đương với Du-già sư địa luận, quyển 63, Tam-ma-hi-địa địa, tr. 649a16~650a04.

⁷²¹ Thành duy thức luận, Năm thọ: “Cảm thọ thích ý khoan khoái tương ứng với năm thức luôn luôn được gọi là lạc. Tương ứng với ý, nếu ở trong Dục giới, trong cận phần của hai tĩnh lự đầu, cảm thọ này được gọi là hỷ; vì đó duy hỷ là sự khoan khoái của tâm. Nếu trong căn bản hai tĩnh lự đầu, nó được gọi là lạc và hỷ, vì đó là sự khoan khoái của thân và tâm. Nếu trong cận phần và căn bản của tĩnh lự thứ ba, cảm thọ này được gọi là lạc, vì không phân biệt an tĩnh và trầm trọng. Cảm thọ bậc bách tương ứng với năm thức luôn luôn được gọi là khổ.” (Thích Tuệ Sỹ dịch) Hiển dương, quyển 2, phẩm Nhiếp sự, phần 2: “Như trong kinh nói, ‘Ngay trong thân này có hỷ lạc do đẳng tri phát sinh, thấm nhuần khắp cả, thấm nhuần một cách phổ biến, ưa thích khắp cả, sung mãn khắp cả,’ đó là cận phần của đệ nhị tĩnh lự. Kinh lại nói, ‘Ngay trong thân này, mọi chỗ, không có thiếu phần, hỷ lạc do đẳng tri sinh không chỗ nào không biến mãn,’ đó là căn bản của đệ nhị tĩnh lự.”

⁷²² Có 8 cận phần định là nhập môn cho 8 căn bản định (4 Sắc giới tĩnh lự và 4 Vô sắc định). Trong cận phần định thì, cận phần của sơ tĩnh lự gọi là sơ cận phần hay vị chí định (chưa vào định, trình độ gần đạt mức căn bản), và 7 giai đoạn chuẩn bị vào 7 căn bản định còn lại thì gọi là cận phần định. Ngoài ra, giữa cận phần định của sơ tĩnh lự và đệ nhị tĩnh lự có giai đoạn trung gian, gọi là trung gian tĩnh lự hay trung gian định; người nào tu tập định này thì được sinh lên Trời Đại phạm. Như vậy, nói một cách tổng quát thì định gồm có: 8 định căn bản, 7 cận phần định, vị chí định (sơ cận phần) và trung gian định. Phật giáo căn cứ vào sự có mặt hay không có mặt của hai tâm sở tâm và tứ mà phân chia thành ba loại định: 1. Tam-ma-địa có tâm có tứ: vị chí định và sơ tĩnh lự; 2. Tam-ma-địa không tâm có tứ: trung gian định; 3. Tam-ma-địa không tâm không tứ: đệ nhị tĩnh lự trở lên.



Lại nữa, sơ cận phần có hai thứ: 1. Sơ cận phần thuộc thể gian; 2. Sơ cận phần thuộc xuất thể gian. Các cận phần khác chỉ thuộc thể gian. Do sơ căn bản tịnh lự đã được vô lậu, nên các cận phần định ở thượng địa không có vô lậu hiện tiền.

Lại nữa, ở trong định xứ, khi thủ đắc (: nghe) âm thanh ở ngoài, nên biết do hai thứ thủ: 1. Do biết rõ cảnh sở duyên của định và các thứ cảnh sở duyên của ý thức;⁷²³ 2. Do nhĩ thức câu sinh với định.

Tám đẳng chí xả tám: Tám thứ tam-ma-bát-đề có thể xả bỏ tám sự. Xả tám sự gì? Xả ngữ, tầm, hỷ và lạc, nên chứng bốn tĩnh lự tam-ma-bát-đề; xả các tướng về sắc, không, thức và vô sở hữu xứ, nên chứng bốn Vô sắc tam-ma-bát-đề.

Lại nữa, kệ tụng:

Hiện pháp trú an lạc

Năng nhập nơi hiện quán

Tán thuyết, tưởng giải thoát

Bốn thứ nhân nên biết. (kệ 29)

[576c04] Luận giải: Chỉ có các tĩnh lự là có tánh chất của sự trú an lạc nơi hiện pháp, tức có đủ hai thứ: thân an và tâm an; không như Vô sắc định không có thân an.

723 Kinh Giải thâm mật: “Như vậy nếu một lúc nào đó chỉ có một thức phát sinh thì lúc đó chỉ có một ý thức cùng phát sinh với một thức ấy, nếu một lúc nào đó có hai đến năm thức phát sinh thì lúc đó cũng chỉ có một ý thức cùng phát sinh với hai đến năm thức ấy. Ví như dòng nước chảy vừa mạnh vừa lớn, nếu có duyên tổ nổi một cơn sóng thì một cơn sóng nổi lên, nếu có duyên tổ nổi hai đến nhiều cơn sóng thì hai đến nhiều cơn sóng nổi lên, nhưng bản thân dòng nước vẫn chảy mãi, không đứt không hết. Lại như mặt gương tốt và sáng, nếu có duyên tổ hiện một hình ảnh thì chỉ một hình ảnh hiện ra, nếu có hai đến nhiều duyên tổ hiện hai đến nhiều hình ảnh thì hai đến nhiều hình ảnh hiện ra, nhưng không phải mặt gương biến thành hình ảnh, cũng không có sự hết hiện hình ảnh. Tương tự như vậy, do dòng nước a đã na thức làm nền tảng và xây dựng, nên một lúc nào đó có duyên tổ phát sinh của một thức thì lúc đó một thức phát sinh, nếu một lúc nào đó có duyên tổ phát sinh của hai đến năm thức thì lúc đó có hai đến năm thức phát sinh.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



Lại nữa, dựa vào các tịnh lự thì có khả năng đi vào hiện quán, không phải dựa vào Vô sắc định, bởi vì tỳ-bát-xá-na của các tĩnh lự thì cực kỳ nhạy bén.

Lại nữa, người tu tĩnh lự và các định thường nhập, thường xuất ở [bốn] Vô sắc giải thoát⁷²⁴, vì vậy tán thuyết hành tướng ấy là cực kỳ tịch tĩnh. Lại nữa, các ngoại đạo đối với Vô sắc định khởi ý tưởng giải thoát, cho nên thường xuyên tán thuyết.

Lại nữa, dựa vào *hữu tướng tam-ma-địa giải thoát* thì dứt hết các lậu, cho đến [dựa vào] *vô sở hữu xứ tam-ma-địa* cực kỳ nhạy bén. Cho nên đức Bạc-già-phạm nói: “*Chỉ dựa vào hữu tướng tam-ma-bát-đề thì lãnh ngộ, thông đạt [các pháp], không phải ở địa nào khác.*”

Bốn thứ nhân tố: Các tam-ma-bát-đề làm được bốn thứ *nhân tố dựa vào*, theo thứ tự là: trú an lạc nơi hiện pháp, khả năng đi vào hiện quán, tán thuyết và giải thoát các tướng.

Lại nữa, kệ tụng:

Ái vị, v.v... nên biết

Mười thứ, sáu, ba thứ

Thoái tương tục chương trị

Mỗi nhiều thứ sai biệt. (kệ 30)

[576c17] Luận giải: Các tĩnh lự tương ưng ba tánh chất: ái vị, thanh tịnh và vô lậu, theo thứ tự có mười thứ, sáu thứ và ba thứ.

Thế nào là *mười thứ ái vị*? Như trong phẩm Nhiếp sự đã nói.⁷²⁵

724 Bốn Vô sắc giải thoát: Không vô biên xứ giải thoát, Thức vô biên xứ giải thoát, Vô sở hữu xứ giải thoát và Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.

725 Hiền dương, quyển 2, phẩm Nhiếp sự, phần 2: “Tập nhiễm, là đối với thượng tĩnh lự khởi sáu ái vị, kiến, mạn và nghi. Ái vị, có mười thứ: 1. Ái vị do tác ý câu sinh; 2. Ái vị do tác ý phân biệt sở khởi; 3. Ái vị do tác ý tự địa; 4. Ái vị do tác ý tha địa; 5. Ái vị quá khứ; 6. Ái vị vị lai; 7. Ái vị hiện tại; 8.



Thế nào là *sáu thứ thanh tịnh*? 1. Dẫn phát thanh tịnh; 2. Thượng luyện thanh tịnh; 3. Hậu đắc thanh tịnh; 4. Cấu nhiễm thanh tịnh; 5. Sở nhiếp thanh tịnh; 6. Kham nhiệm thanh tịnh.

Thế nào là *ba thứ vô lậu*? 1. Xuất thế gian vô lậu; 2. Ly hệ vô lậu; 3. Hậu đắc vô lậu.

[576c23] Lại nữa, từ sự ly dục, thoái lui sự liên tục ly dục, thoái lui sự đối trị chướng ngại của ly dục, có nhiều trường hợp:

Hoặc do nương tựa vị Bất bình đẳng⁷²⁶ nên thoái lui.

Như có người mắc phải chứng bệnh nặng nên thoái mất nơi định.

Như tôn giả Phạt-lặc-ca-lê⁷²⁷ nói: “*Nay tôi không thể chứng nhập tam-ma-địa này, sẽ không trú trong tam-ma-địa này, do có nhiều thô trọng mà thoái mất chăng?*”

Lại như có người do tập khí đời trước nên tâm tánh có nhiều thô trọng; do tâm tánh có nhiều thô trọng nên thoái mất tam-ma-địa.

Hoặc do cảnh giới thắng diệu nên thoái mất: như có người có được cảnh giới thắng diệu ở hiện tiền nên thoái mất định. Như nghe có một tiên nhân ngoại đạo đạt được phi tướng phi phi tướng xứ định, do xúc chạm thân thiếu nữ đẹp đẽ khả ái nên thoái mất định kia.

Hoặc do kính dưỡng nên thoái mất: như có một người hiện tiền được sự kính dưỡng thắng diệu liền thoái mất định, như được so sánh bằng ông trời.

Ái vị bậc thấp; 9. Ái vị bậc vừa; 10. Ái vị bậc cao. Khiết bạch, là tịnh và vô lậu. Tịnh, lại có ba thứ: 1. Dẫn phát; 2. Thượng luyện; 3. Trừ cấu, sở nhiếp và kham nhiệm. Vô lậu, cũng có 3 thứ: 1. Xuất thế gian vô lậu; 2. Đẳng lưu vô lậu; 3. Ly hệ vô lậu.”

726 Bất bình đẳng chỉ cho vị Tự tại thiên (hay Thượng đế) mà tự thể là thật, phổ biến, thường hằng, sanh ra các pháp (từ hành cho đến lão tử).

727 Phạt-lặc-ca-lê 伐勒迦梨 (Balakṛti): tên một vị Tỳ-kheo, Hán dịch là Đẩu Lực 鬪力.



Hoặc do khinh chê nên thoái mất: như có người bị người khác nóng giận, chê bai, mắng trách liền thoái mất định, và như các tiên nhân ngoại đạo giận dữ nên thoái mất định, rồi hành các ác chú.

Hoặc do kiêu mạn nên thoái mất: như có người đã được định mà đề cao mình, khinh chê người, nên thoái mất nơi định.

Hoặc do tăng thượng mạn nên thoái mất: như có người đã được định, đối với cái định chưa được mà khởi tăng thượng mạn nói rằng đã đạt được, nên thoái mất cái định đã được.

Hoặc do không tác ý nên thoái mất: như có người trước do có các hành - trạng - tướng như vậy mà được nhập các định; người ấy về sau không tư duy về các hành - trạng - tướng này, nên thoái mất nơi định.

Hoặc do không thuần thực nên thoái mất: như có người tu tập nghiệp ban đầu là xây dựng, phát huy thiện phẩm, [nhưng do không thuần thực nên thoái mất định].

Hoặc do mình có nhiều phiền não trong đời sống hiện tại nên thoái mất định: như có người ưa thích thượng tinh lự, rồi thì nghi ngờ thượng tinh lự, nên thoái mất định.

Hoặc do thọ mạng hết, phước hết, nghiệp hết nên thoái mất: như có người từ sinh xứ thượng địa, xả mạng thì sinh xuống hạ địa.

Lại nữa, (1) nếu bồ-đặc-già-la có phiền não hạ phẩm, thiện căn hạ phẩm, thì do nhiều sát-na dụng công mới thoái mất định, do nhiều sát-na dụng công mới được nhập định. (2) Nếu bồ-đặc-già-la có phiền não hạ phẩm, thiện căn thượng phẩm, thì do nhiều sát-na dụng công mới thoái mất định, do một sát-na dụng công mau được nhập định. (3) Nếu bồ-đặc-già-la có phiền não thượng phẩm, thiện căn hạ phẩm, thì



do một sát-na mau thoái mất định, do nhiều niệm dụng công mới được nhập định. (4) Nếu bổ-đặc-già-la có phiền não thượng phẩm, thiện căn thượng phẩm, thì do một sát-na mau thoái mất định, do một sát-na mau được nhập định.

Lại nữa, kệ tụng:

Lợi căn và sinh chuyển

Nên biết không có thoái

Y hạ địa phát định

Ly dục về sau sinh. (kệ 31)

[577a26] Luận giải: Người lợi căn thì không thoái mất định. Nếu chuyển thành dị sinh, tuy là người độn căn cũng không có thoái mất.

Lại nữa, các tĩnh lự, các định trước phải dựa vào hạ địa phát khởi, bởi trước ở giai đoạn này nhập định, rồi sau sinh địa kia. Vì sao? Trước phải ly dục, thời gian sau được sinh địa kia.

Như vậy là đã nói quyết trách về ***sự y chỉ***.

Nay sẽ nói quyết trách về ***sự giác phần***.

Kệ tụng:

Y nhị thừa, đại thừa

Do hai mươi bảy tướng

Chánh phương tiện nên biết

Kiến lập nơi giác phần. (kệ 32)

[577b04] Luận giải: Y theo hai thừa: Thanh văn và Độc giác, và y theo đại thừa mà kiến lập giác phần. Chánh phương tiện có hai mươi bảy sắc thái. Những gì là hai mươi bảy chánh phương tiện? 1. Phương tiện chánh quán hệ thuộc sở duyên; 2. Phương tiện nhiếp tịnh



xả ly nhiễm ô; 3. Phương tiện điều thuận tu trị nội tâm; 4. Phương tiện chánh pháp dẫn phát xuất thế; 5. Phương tiện chánh pháp không gián khuyết; 6. Phương tiện hiện giác chân thật; 7. Phương tiện chứng tịch diệt vô dư; 8. Phương tiện nhập [các pháp] sở tri; 9. Phương tiện nhập đoạn [các lậu]; 10. Phương tiện thông đạt bất tịnh, không vui, có khổ; 11. Phương tiện học viên mãn; 12. Phương tiện quán sát không tán loạn nơi cảnh; 13. Phương tiện [đức tin] Thánh giáo bất hoại; 14. Phương tiện nhiếp quả do trí mới biết; 15. Phương tiện chí nguyện; 16. Phương tiện bi mẫn hữu tình; 17. Phương tiện trí tu trị; 18. Phương tiện hiện quán pháp; 19. Phương tiện tiến đến năng trị sở tri; 20. Phương tiện tích tập tư lương phước đức [trí tuệ]; 21. Phương tiện thành thực hữu tình; 22. Phương tiện đạo nhiếp tất cả bờ-đề; 23. Phương tiện dẫn phát uy đức; 24. Phương tiện dẫn phát ngôn giáo; 25. Phương tiện tích tập cái tâm sâu xa, rộng lớn; 26. Phương tiện rời xa cái nghiệp thiếu mất chánh pháp⁷²⁸; 27. Phương tiện an trú hai cảnh giới sinh tử niết bàn⁷²⁹.

Lại nữa, kệ tụng:

Thân, thọ, ..., ba sai biệt

Tùy quán ảnh tượng kia

Ba trí: văn, tư, tu

Niệm pháp không mê hoặc. (kệ 33)

[577b20] Luận giải: Nên biết thân, thọ, tâm, pháp, mỗi xứ có ba thứ sai biệt.

728 Luận Biện trung biên, phẩm Biện chương: “Sự không nghe chánh pháp làm sinh trưởng năng lực cảm ra cái nghiệp thiếu mất chánh pháp.” (tr. 467a25)

729 Chánh văn là hữu tình niết bàn. Đây chỉ cho niết bàn vô trú của đại thừa: là bỏ tập nhiễm (phiền não) mà không bỏ sinh tử, nên không trú nơi sinh tử mà cũng không trú nơi niết bàn. “Do vậy, đối với sinh tử không phải xả bỏ không phải không xả bỏ, cũng tức là đối với niết bàn không phải chứng đắc không phải không chứng đắc.” (Nhiếp luận)



Thân có ba thứ: 1. Có phần thân mang bản chất dơ bẩn, như phần bên trong của thân; 2. Có phần thân tương tự trong sạch, như phần da của thân; 3. Có phần thân biến hoại thành bất tịnh, như sau khi mạng chung, phần thân bầm xanh, sinh tương, cho đến xương trắng dính nhau, v.v...

Thọ có ba thứ: Khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ.

Tâm có ba thứ: Giống như thọ, tâm có khổ, lạc và bất khổ bất lạc.

Pháp có ba thứ: Hắc pháp, bạch pháp và tạp pháp.

Tùy quán ảnh tượng kia: Như kinh Tàm tư: “*Tùy quán nơi ảnh tượng của thân, thọ, tâm, pháp.*”⁷³⁰

Đồng phần, đồng loại với sự mà được biết đến, gọi là *ảnh tượng (ảnh tượng)*.

Chữ “*tùy*” mang ý nghĩa *tương tự*.

Lại nữa, *tùy quán* chính là ba trí: văn sở sinh trí, tư sở sinh trí và tu sở sinh trí. Ba trí như vậy là do niệm lực. Tăng thượng duyên cho niệm lực là đối với giáo pháp: khế kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tự thuyết, duyên khởi, thí dụ, bản sự, bản sinh, phương quảng, vị tăng hữu pháp và luận nghị, mà không có mê hoặc. Cho nên nói rằng: “*niệm trú nơi thân, thọ, tâm, pháp*”, vì nhờ có niệm lực mà an trú.⁷³¹

730 Xem Tăng chi bộ kinh, chương 8, mục 30, kinh Đại tàm tư của tôn giả A-na-luật (Anuruddha).

731 Kinh Giải thâm mật, phẩm Phân biệt Du-già: “Đại Bồ Tát Từ thị thừa Phật: bạch đức Thế tôn, Bồ Tát do bốn đối cảnh sở duyên như trên mà cầu về chỉ và khéo về quán là như thế nào? Đức Thế tôn dạy đại Bồ Tát Từ thị: Thiện nam tử, giáo pháp của Như lai thiết lập cho Bồ Tát là khế kinh, ứng tụng, ký biệt, phúng tụng, tự thuyết, nhân duyên, thí dụ, bản sự, bản sinh, phương quảng, hy pháp, luận nghị; đối với giáo pháp ấy, Bồ Tát khéo lắng nghe, khéo tiếp nhận, văn khéo rành rẽ, ý khéo tìm tòi, thấy khéo thông suốt; rồi chính nơi giáo pháp phải khéo tư duy như vậy, Bồ Tát một mình ở chỗ không phiền không ồn mà tác ý tư duy; sự tư duy này phải được nội tâm liên tục tác ý tư duy: hễ đứng vững rất nhiều trong cái chánh hạnh ấy, sinh ra sự khinh an nơi thân và sự khinh an nơi tâm, thì đó là chỉ, và Bồ Tát như vậy là cầu về chỉ. Bồ Tát này do cái thân tâm khinh an trên đây làm nền tảng, đối với ấn tượng chánh định theo giáo pháp phải khéo tư duy nói trên, hãy quan sát, thăng giải, bỏ cái tâm tương về chỉ: hễ đối với ấn tượng chánh định cần phải chứng biết ấy mà chính xác quyết Trạch, cùng



Lại nữa, kệ tụng:

Sở trị kia chín thứ

Biết tác ý có hai

Tu sai biệt có ba

Hai thứ không mất hoại. (kệ 34)

[577c05] Luận giải: Các niệm trú có chín thứ chướng được đối trị⁷³²: 1. Không yếm ly; 2. Không tác ý; 3. Ngừng quán sát tùy phiền não; 4. Hôn trầm thấp kém; 5. Không thể kham nhẫn; 6. Hỷ túc ít ỏi; 7. Quên mất sự dạy bảo; 8. Vi phạm giới hạnh; 9. Trừ bỏ cái ách của các điều thiện⁷³³ làm cho dục lạc tăng thêm mạnh mẽ.⁷³⁴

Lại nữa, tu niệm trú có hai thứ tác ý: 1. Tác ý không buông lơi; 2. Tác ý không nhiễm ô. Khế kinh ghi: “*xí thanh*”⁷³⁵, đây chỉ cho tác ý thứ nhất; “*chánh trí, ức niệm, trừ tham ưu thế gian*”⁷³⁶, đây chỉ cho tác ý thứ hai.

Lại nữa, tác ý không nhiễm ô có khả năng trừ khử ba thứ tạp nhiễm. Những gì gọi là ba thứ tạp nhiễm? 1. Phạm giới làm nhân

cực quyết Trạch, tàm tư toàn bộ, tứ sát toàn bộ, rồi xác nhận, ưa thích, hiểu biết, nhìn thấy, xét thấy, thì đó là quán, và Bồ Tát như vậy là khéo về quán.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

732 Nói cách khác, vì đối trị chín thứ chướng cần được đối trị nên phải tu bốn niệm trú.

733 Trong kinh Đại thừa thường nói “tu tập thiện pháp, bất xả thiện ách”. Ách là khúc gỗ ở hai bên xe, bắc qua cổ của trâu, ngựa để kiềm chế. Trừ bỏ thiện ách là từ bỏ tinh tiến tu tập thiện pháp.

734 Du-già sư địa luận, quyển 70, tr. 688a02.

735 Xí thanh: là tu tập thêm và hơn trong từng ý nghĩ.

736 Tạp A-hàm, kinh Mục-liên sở vấn, số 538: “Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hỏi Tôn giả A-na-luật: ‘Nhờ công đức gì, tu tập, tu tập nhiều, mà đạt được oai đức, thần lực lớn như vậy?’ Tôn giả A-na-luật trả lời tôn giả Đại Mục-kiền-liên: ‘Đối với pháp bốn Niệm xứ tu tập, tu tập nhiều, nhờ đó nên thành tựu oai đức, thần lực lớn này. Bốn Niệm xứ là gì? Niệm xứ quán thân trên nội thân, tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian. Cũng vậy, niệm xứ quán thân trên ngoại, nội ngoại thân; nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; nội tâm, ngoại tâm, nội ngoại tâm; nội pháp, ngoại pháp, nội ngoại pháp; tinh cần phương tiện, chánh niệm, chánh trí, điều phục tham ưu thế gian. Đó gọi là bốn Niệm xứ được tu tập, tu tập nhiều, sẽ thành tựu oai đức, thần lực lớn này.’” (Thích Đức Thắng dịch)



duyên cho tâm sinh hối hận⁷³⁷: Do chướng này mà làm cho lúc đầu tâm không được định; 2. Nội tâm hôn trầm: Tuy đã được định nhưng do chướng này mà tâm trở nên chìm đắm, quên mất cảnh sở duyên; 3. Ngoại tâm tán loạn: Tuy đã chứng pháp thắng tiến nhưng do chướng này mà dính mắc tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, hoặc chưa thể chứng được pháp thắng tiến nên tâm sinh ưu não.

Tu sai biệt có ba: Tu các niệm trú, mỗi xứ đều có ba thứ: Tùy quán nội thân, ngoại thân và nội ngoại thân; tùy quán nội thọ, ngoại thọ, nội ngoại thọ; v.v...

Lại nữa, nơi thân: (1) hoặc chỉ có quán ảnh tượng, (2) hoặc lấy ảnh tượng so sánh với thân, (3) hoặc kết hợp lại mà quán chung. Nơi thân có ba thứ quán sai biệt như vậy, cho đến nơi pháp cũng như vậy.

Lại nữa, các niệm trú có hai thứ không mất hoại: 1. Ban đầu không mất hoại: Là không có tán loạn; do cái lực này mà thiện pháp phát khởi được; 2. Về sau không mất hoại: Là không có tăng thượng mạn; do cái lực này khéo tu đến cứu cánh.

Lại nữa, kệ tụng:

Vì đoạn nơi trầm, trạo

Tương ưng đạo hai thứ

Quán sát xả phiền não

Và vì tận hai ái. (kệ 35)

[577c26] Luận giải: Ở trong giai vị tu [bốn] niệm trú, vì đoạn

737 Biến hối 變悔, Pāli: avipparisāro.



hôn trầm và trạo cử nên phải tu hai thứ đạo tương ứng. Như *kinh Tỳ-kheo-ni*⁷³⁸ và *kinh Thủ tự tâm tướng*⁷³⁹ có đề cập.

Kinh Tỳ-kheo-ni nói thế nào? Như kinh ấy nói: Vì đoạn tâm

738 Tạp A-hàm, kinh Tỳ-kheo-ni, số 615: “Các Tỳ-kheo-ni đánh lễ dưới chân Tôn giả A-nan, rồi ngồi lui qua một bên, bạch Tôn giả A-nan: ‘Các Tỳ-kheo-ni chúng con đang sống buộc tâm tu bốn Niệm xứ, tự biết có sự trước sau lên xuống.’ Tôn giả A-nan bảo các Tỳ-kheo-ni: ‘Lành thay! Lành thay! Các cô! Hãy như những gì các cô đã nói mà học. Phạm tu tập bốn Niệm xứ, an trú với tâm được buộc chặt, tự biết có sự trước sau lên xuống như vậy.’ Rồi, Tôn giả A-nan vì các Tỳ-kheo-ni thuyết pháp với nhiều hình thức. Sau khi thuyết pháp với nhiều hình thức xong, từ chỗ ngồi đứng dậy ra về. Bấy giờ, Tôn giả A-nan sau khi vào thành Xá-vệ khát thực trở về, cất y bát, rửa chân xong, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân sát Phật, rồi ngồi lui qua một bên, đem những gì các Tỳ-kheo-ni đã nói, trình bày lại đầy đủ cho Thế Tôn. Phật bảo Tôn giả A-nan: ‘Lành thay! Lành thay! Nên học như vậy, an trú nơi bốn Niệm xứ với tâm được buộc chặt, biết có sự trước sau lên xuống. Vì sao? Tâm tìm cầu bên ngoài, sau đó mới chế phục khiến tìm cầu tâm ấy; tâm tán loạn, không giải thoát, thầy đều như thật biết. Nếu Tỳ-kheo an trú niệm xứ quán thân trên thân; vị ấy sau khi an trú niệm xứ quán thân trên thân, nếu thân ham ngủ, tâm pháp biếng nhác, thì Tỳ-kheo này nên khởi tịnh tín, nắm lấy tướng tịnh. Sau khi khởi tín tâm thanh tịnh, nhớ nghĩ tướng tịnh rồi, tâm vị ấy sẽ khoan khoái; do tâm khoan khoái mà sanh hỷ. Do tâm hỷ nên thân khinh an. Sau khi thân khinh an thì sẽ được cảm thọ thân lạc. Sau khi cảm thọ thân lạc thì tâm sẽ định. Với tâm định, Thánh đệ tử hãy học điều này: ‘Tôi đối với nghĩa này, nếu tâm còn phân tán ra ngoài, thì nên nhiếp phục khiến cho nó dừng nghỉ, không còn khởi giác tưởng và quán tưởng. Không giác, không quán, an trú lạc với ý xả và chánh niệm. Sau an trú lạc, thì biết như thật. Niệm xứ thọ, tâm, pháp cũng nói như vậy.’” (Thích Đức Thắng dịch)

739 Kinh Thủ tự tâm tướng 取自心相經 = Tạp A-hàm, kinh Trù sĩ (Đầu bếp), số 616: “Hãy nắm chặt tướng tự tâm, chớ để phân tán ra ngoài. Vì sao? Vì nếu Tỳ-kheo ngu si, không hiểu biết rõ ràng, không khéo léo, không nắm lấy tướng nội tâm, mà chạy theo tướng bên ngoài, thì Tỳ-kheo này sau đó sẽ bị thoái giảm và tự sanh ra chướng ngại. Giống như người đầu bếp ngu si nếu không hiểu biết, không khéo léo điều hòa các vị để phụng dưỡng tôn chủ; chua, mặn, lạt, không vừa ý; không giỏi nắm bắt sở thích của chủ để điều các vị chua, mặn, lạt; không hay tự thân hầu hạ hai bên chủ, dò xem những nhu cầu của chủ, lắng nghe những sở thích của chủ, khéo nắm bắt được tâm ý chủ, rồi tùy ý pha chế điều hòa các vị để dâng cho chủ. Nếu không vừa ý, ông chủ sẽ không vui lòng; vì không vui lòng nên không ban thưởng và cũng không thương mến. Tỳ-kheo ngu si cũng lại như vậy, nếu không hiểu biết, không khéo léo, sống quán thân trên thân mà không thể dứt trừ tùy phiền não, không thể nhiếp giữ tâm mình; lại cũng không được nội tâm tịch tĩnh, không được chánh niệm, chánh tri thẳng diệu; trong hiện tại, cũng không được bốn thứ pháp tăng thượng tâm sống an lạc ngay trong hiện tại, cứu cánh Niết-bàn an ổn vốn chưa chứng đắc thì không thể chứng đắc. Đó gọi là Tỳ-kheo ngu si không hiểu biết, không khéo léo, không thể khéo thu nhiếp tướng nội tâm, mà chạy theo tướng bên ngoài, tự sanh chướng ngại.”

“Nếu Tỳ-kheo nào, có trí tuệ biện tài, có phương tiện thiện xảo, sau khi nắm chặt nội tâm, rồi sau đó tiếp nhận tướng bên ngoài, thì Tỳ-kheo này về sau hoàn toàn không bị thoái giảm, hay tự tạo ra chướng ngại. Giống như người đầu bếp trí tuệ thông minh hiểu biết, có phương tiện thiện xảo, để cung phụng tôn chủ; có khả năng điều hòa các vị chua, ngọt, lạt, mặn; khéo nắm bắt dấu hiệu sở thích của chủ mà điều hòa các vị làm sao cho vừa lòng; lắng nghe vị mà chủ ưa thích, nhiều lần cung phụng. Khi chủ đã vừa lòng rồi, thì chắc chắn sẽ được yêu mến gấp bội và sẽ được trọng thưởng. Như vậy người đầu bếp có trí tuệ, khéo léo nắm bắt được tâm người chủ. Tỳ-kheo cũng lại như vậy, sống quán thân trên thân, đoạn trừ tùy phiền não, khéo biết nhiếp tâm mình, nội tâm tịch tĩnh, chánh niệm, chánh tri, đạt được bốn pháp tăng thượng tâm, sống an lạc ngay trong đời, đạt được cứu cánh an ổn Niết-bàn vốn chưa từng chứng đắc. Đó gọi là Tỳ-kheo có trí tuệ, biện tài, có phương tiện thiện xảo, hay nắm bắt tướng nội tâm và nắm bắt tướng bên ngoài, không bao giờ thoái giảm và tự bị chướng ngại. Quán thọ, tâm, pháp cũng như vậy.” (Thích Đức Thắng dịch)



trầm một nên phải tư duy một chút phần tướng mạo khả ái, thanh tịnh; vì đoạn tâm trạo động nên phải nhiếp phục tâm.

Kinh Thủ tự tâm tướng nói thế nào? Như kinh ấy nói: Do không nhiếp giữ tướng tự tâm nên tâm trầm một. Do nhiếp giữ một chút phần tướng bên ngoài khả ái nên tùy phiền não mà trầm một được đoạn dứt tạm thời. Tuy nhiên tâm chưa được định, liền phải nhiếp giữ tâm ấy. Thấy tâm trầm một ngang qua sự nắm giữ tướng bên ngoài. Thấy tâm trạo động ngang qua sự nắm giữ tướng tự tâm. Bấy giờ đoạn được tùy phiền não khi trầm một hay khi trạo động, tâm được chánh định, nhiếp phục tâm mình, nắm giữ tướng tự tâm, rời trầm một và trạo động.

[578a07] Lại nữa, do quán sát đạo tương ứng mà có thể xả bỏ phiền não, như kinh Yên⁷⁴⁰ có đề cập.

740 Kinh Yên 鶻經: Tập A-hàm, kinh Điều, số 617: "Thời quá khứ có một con chim tên là La-bà, bị chim Ưng bắt bay lên hư không. Ở giữa hư không nó kêu la: 'Vi ta không tự cảnh giác nên bỗng gặp nạn này. Vì ta đã lìa bỏ chỗ ở của cha mẹ mà đi chơi chỗ khác nên mới gặp nạn này. Hôm nay bị kẻ khác làm khốn khổ, không được tự do!'"

"Chim Ưng bảo La-bà: 'Nơi nào là chỗ ở tự do của ngươi?'"

"La-bà đáp: 'Tôi có cảnh giới của mình nơi rãnh cây trong đồng ruộng, đủ để tránh các tai nạn. Đó là nhà tôi, cảnh giới của cha mẹ nhà tôi.'"

"Chim Ưng tỏ vẻ kiêu mạn đối với La-bà, bảo: 'Cho ngươi trở về nơi rãnh cây trong đồng ruộng, thử có thoát được không?'"

"La-bà này thoát khỏi móng vuốt chim Ưng trở về ở yên dưới một khối đất to nơi rãnh cây. Sau đó ở trên khối đất to, La-bà muốn khiêu chiến cùng chim Ưng. Chim Ưng phẫn nộ mắng: 'Ngươi là loài chim nhỏ mà muốn giao chiến cùng ta sao?'"

"Quá đối phần nộ chim Ưng bay lao thẳng tới bắt lấy, nhưng La-bà lại núp vào dưới khối đất to; chim Ưng đang đã lao tới, ngực bị va vào khối đất cứng, nát thân chết liền. ..."

"Như vậy, này Tỳ-kheo, như chim Ưng kia, ngu si bỏ cảnh giới của cha mẹ, dạo chơi nơi khác, đến nơi phải bị tai họa. Tỳ-kheo các ông cũng nên như vậy, phải ở nơi chính cảnh giới sở hành của mình, nên khéo giữ gìn và tránh xa cảnh giới kẻ khác. Hãy nên học."

"Này các Tỳ-kheo, chỗ của kẻ khác, cảnh giới của kẻ khác, là chỉ cho cảnh giới của năm dục: Sắc nhận thức bởi mắt, đẹp, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, được đắm nhiễm với dục tâm; tai biết tiếng, mũi biết mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc, đáng yêu, đáng thích, đáng nhớ, được đắm nhiễm với dục tâm. Đó gọi là chỗ của kẻ khác, cảnh giới của kẻ khác đối với Tỳ-kheo."

"Này các Tỳ-kheo, ở nơi cảnh giới của cha mẹ mình, là chỉ cho bốn Niệm xứ. Những gì là bốn? Đó là niệm xứ quán thân trên thân; niệm xứ quán thọ, tâm, pháp trên thọ, tâm, pháp. Cho nên, Tỳ-kheo hãy đi dạo nơi cảnh giới của cha mẹ mình, tránh xa chỗ khác, cảnh giới kẻ khác. Hãy học như vậy." Xem Tương ưng bộ, 47.6 – Con chim ưng.



Kinh Yên nói: (1) *Chim yến* dụ cho tâm hành của hành giả. (2) Đi không phải chỗ hành xứ của mình dụ cho cảnh giới khả ái mà hành giả ấy tư duy. (3) *Bị con chim ưng bắt* dụ cho hành giả ấy bị tham triền nắm giữ. (4) *Chim yến kêu la* dụ cho hành giả ấy sinh tâm hối hận. (5) *Tạm buông tha* dụ cho tham triền của hành giả ấy tạm dứt. (6) *Khối đất* dụ cho năm thủ uẩn. (7) *Rãnh cây dài* dụ cho vô thường quán. (8) *Hang hốc* dụ cho thấu suốt chân như quán. (9) *Mời gọi chim ưng* dụ cho quán sát tác ý. (10) *Chim ưng lao thẳng tới* dụ cho tham ái trời buộc ngay trong hiện tại. (11) *Chui vào hang hốc* dụ cho tư duy chân như quán. (12) *Chim ưng tự bề ngực* dụ cho tùy miên đoạn dứt.⁷⁴¹

[578a16] Lại nữa, đạo tương ứng này có thể dứt hết ba ái: 1. Ái trợ bạn; 2. Ái lợi dưỡng; 3. Ái hậu hữu. Vì đối trị các ái này mà hiển thị ngã và pháp không có sai khác.

Lại nữa, kệ tụng:

Vì đoạn tăng thượng mạn

Vị sở y, diên đảo

Và ba tâm thú nhập

***Tu tập nơi niệm trú.* (kệ 36)**

741 So sánh Du-già sư địa luận, quyển 97: "Lại nữa, có các Bì-sô ở nơi các niệm trú chánh cần tu tập, tuy còn là dị sanh: (1) Hoặc có cảnh giới thắng diệu khả ái đang hiện tại tiền, hoặc lại riêng ở một mình mà đắc các tướng trạng. (2) Do quên mất chánh niệm, nên lấy ý tưởng không như lý làm chỗ nương, bỗng nhiên phát khởi tham triền mãnh lợi. (3) Người kia ở nơi triền đây, thân tâm nhàm chán hồ thẹn như thân mình bị đọa ở chốn ách nạn cực đơ uế, phát khởi tư duy, tâm xa lìa mạnh mẽ. (4) Do hành như vậy, nên ở nơi triền kia, tâm được giải thoát. (5) Đã giải thoát rồi, tâm sinh hoan hỷ, từ đây về sau khởi nhàm chán mạnh mẽ. (6) Đã nhàm chán mạnh mẽ, sau có được cái tướng về vô thường, như cây lớn vạch đất thành những đường dài. (7) Ở nơi Thánh đế như thật hiện quán, lấy đây làm chỗ nương, nương tựa Niết bàn. (8) Lại ở giai đoạn hữu học mà tác ý quán sát, ở nơi cảnh thắng diệu tư duy về tướng tịnh diệu. (9) Tuy chưa vĩnh viễn đoạn tham tùy miên, nếu lúc tham triền bỗng nhiên sinh khởi hiện tiền, thì tầm tư về tham triền ấy để thấy sâu sự quá họa của nó. (10) Vì muốn đoạn triền đây và tùy miên, nên nhập vô tướng định, như vậy là năng đoạn pháp chưa đoạn còn lại. (11) Từ định khởi xuất rồi, như thật rõ biết tất cả đã đoạn, lãnh thọ giải thoát hỷ lạc vi diệu, như thật quán thấy tự mình thành tựu đại trí lực, nên gọi là cường thịnh, các lực của ma vương đều trở nên yếu kém." (tr. 860c16-861a02)



[578a21] Luận giải: Vì muốn đối trị tăng thượng mạn, vì muốn đối trị ái vị y chỉ nơi định⁷⁴², và vì đối trị bốn điên đảo mà tu tập niệm trú.⁷⁴³

Vì muốn đối trị tăng thượng mạn: Như kinh nói: “*Chỉ nên ở nơi thân, thọ, tâm, pháp mà trú trong sự nhớ nghĩ,*” cho đến hoặc “*chỉ có trí,*” hoặc “*chỉ có kiến,*” hoặc “*chỉ buộc niệm.*”

Tăng thượng mạn này có hai thứ: 1. Chưa đoạn [phiền não] thô trọng đối với thân, thọ, tâm, pháp nên chướng khởi; 2. Chưa viên mãn nơi chỉ, quán và cả hai nên đối trị khởi.

Vì muốn đối trị ái vị y chỉ nơi định: Như kinh nói: “*Không có chỗ y chỉ.*”

Vì đối trị bốn điên đảo: Như kinh nói: “*Đối với thế gian không ít chấp thủ.*” Do điên đảo đoạn nên không còn chấp năm thủ uẩn là thường, là lạc, là ngã, là tịnh.

Lại đi vào sự tu tập niệm trú bằng ba tâm thú hướng: (1) Khi du hành nơi thôn xóm thì tâm thú hướng xuất ly; (2) Khi ở chỗ huyền não thì tâm thú hướng viễn ly; (3) Khi ở tĩnh thất thì tâm thú hướng niết bàn.

Lại nữa, (1) thú hướng xuất ly sinh tử; (2) thú hướng viễn ly phiền não; (3) ưa thích tịch diệt nên tâm thú hướng niết bàn.⁷⁴⁴

742 Xem 10 thứ ái vị.

743 Về Niệm xứ, xem Tập A-hàm, từ kinh 605 – 639; Tương ưng bộ, thiên Đại phẩm, chương Tương ưng Niệm xứ; Trung bộ, kinh Niệm xứ, số 10.

744 Du-già sư địa luận, quyển 70, tr. 687b01-06.



Luận Hiển Dương Thánh Giáo

Quyển Hai Mươi

Phẩm Mười Một

NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH (phần 4)

[578b13] Như vậy là đã nói quyết trạch về *sự giác phần*. Nay sẽ nói quyết trạch về *sự bồ-đặc-già-la*.

Kệ tụng:

Do các căn sai biệt

Kiến lập năm duy hai

Giả thiết có năm nhân

Ba sự thành viên mãn. (kệ 37)

[578b17] Luận giải: Do các căn sai biệt nên kiến lập năm loại duy hai⁷⁴⁵. Như trong kinh có nói: “*Do chỉ có hai căn làm duyên nên có thể biết chỉ có hai tác ý; chỉ có hai tác ý làm duyên nên có thể biết chỉ có hai tu; chỉ có hai tu định làm duyên nên có thể biết chỉ có hai hành; chỉ có hai hành làm duyên nên có thể biết chỉ có hai bồ-đặc-già-la.*”

Hành: Là tu tập dẫn ra tập khí.

Lại nữa, bồ-đặc-già-la giả lập do năm lý do: 1. Do chủng tánh:

745 Năm loại duy hai (duy nhị): 1. Hai căn: thắng và liệt; 2. Hai tác ý: thắng và liệt, thắng giải ngang đầu thì tác ý cầu định tới đó; 3. Hai tu định: vì tác ý trước là liệt, sau là thắng, nên định có liệt, có thắng; 4. Hai hành: do hữu lậu tính lự có thắng, có liệt, vô duyên, làm cho bất động hành cũng có 2 thứ; 5. Hai bồ-đặc-già-la: do bất động hành có 2 thứ thắng và liệt nên hữu tình cảm thọ sinh có thắng liệt, cao thấp.



khả cứu và bất khả cứu⁷⁴⁶; 2. Do thú nhập: Thanh văn thừa, v.v...; 3. Do học: Học và vô học; 4. Do chứng đắc: trú bốn quả và ba hướng⁷⁴⁷; 5. Do tội lỗi và công đức: có chướng, không chướng, cụ phược, không cụ phược⁷⁴⁸.

Lại nữa, do ba sự [học] nên kiến lập ba viên mãn: 1. Viên mãn căn: là có được pháp bất động; 2. Viên mãn định: là đắc diệt tận định; 3. Viên mãn quả: là chứng quả A-la-hán.⁷⁴⁹

[578b28] Như vậy là đã nói quyết trạch về **sự bổ-đặc-già-la**.

Nay sẽ nói quyết trạch về **sự quả**.

Kệ tụng:

Chứng chuyển y không khởi

Hai nhân quả không thoái

Ba nhân nên đoạn thường

Ba quả, ba nhân ký. (kệ 38)

[578c03] Luận giải: Do chứng được chuyển y nên các phiền não không khởi. Nên biết *chuyển y* được gọi là đoạn.

Lại nữa, do hai thứ nhân nên quả không có thoái: (1) Nếu chưa vĩnh hại chủng tử phiền não mà chứng A-la-hán là không đúng đạo lý;

746 Xem Hiền dương, quyển 12, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 8, mục Khả cứu, bất khả cứu.

747 Bốn quả và ba hướng: Dự lưu quả, Nhất lai hướng, Nhất lai quả, Bất hoàn hướng, Bất hoàn quả, A-la-hán hướng, A-la-hán quả; tất cả thuộc tu đạo. Dự lưu hướng thuộc kiến đạo.

748 Hiền dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3: Có chướng: Có ba chướng: 1. Phiền não chướng; 2. Nghiệp chướng; 3. Báo chướng; vì có thể chướng ngại sự tu tập thiện pháp. Không chướng: Ngược với có chướng. Cụ phược: là hàng dị sinh. Không cụ phược: là sáu bậc thánh giả hữu học, từ Dự lưu quả thứ hai đến A-la-hán hướng thứ sáu.

749 Đây là 3 sự học viên mãn của hàng Vô học. Còn hàng Hữu học thì: 1. Viên mãn căn: là có được lợi căn; 2. Viên mãn định: là 8 giải thoát định; 3. Viên mãn quả: là các quả của Hữu học. (Du-già sư địa luận, quyển 57, tr. 618c28)



(2) Nếu đã vĩnh hại chủng tử phiền não thì phiền não chắc chắn không sinh khởi, vì không có *chủng nhân*.

Lại nữa, có ba nguyên nhân mà đoạn⁷⁵⁰ là thường tánh: 1. Không hý luận; do đó hý luận hiện kiến không phải là thường tánh; 2. Thanh tịnh chân như được hiển lộ, giống như vàng ròng có tánh điều nhu; 3. Tánh chất phiền não không sinh, vì trước sau không khác biệt.

Lại nữa, ba thứ quả là do ba nhân, nên Như lai ký biệt (: xác nhận):

1. **Chứng tịnh ký biệt:** Là Dự lưu quả, do có được bốn chứng tịnh⁷⁵¹ ở kiến đạo.

2. **Hỷ xứ ký biệt:** Là Nhất lai quả, sắp được căn bản định, đã cảm nhận chút phần hỷ.

3. **Tùy niệm ký biệt:** Là Bất hoàn quả, đã được căn bản định, hiện thấy các thiên chúng và Phạm chúng, v.v... hứng thú nói chuyện, những mong cầu tùy tâm niệm, tùy công đức có được, vì chưa viên mãn.

Như vậy là đã nói quyết trạch về **sự quả**.

Nay sẽ nói quyết trạch về **sự công đức**.

Kệ tụng:

Kiến lập các công đức

Do mười bảy tầng thượng

Sai biệt ấy vô biên

Vì trị chướng sở trị. (kệ 39)

750 Đoạn = chuyển y. Chuyển y thì không hý luận, thanh tịnh chân như hiển lộ và phiền não không sinh.

751 Bốn chứng tịnh 四證淨: Cũng nói là bốn bất hoại tín 四不壞信, cũng nói là bốn bất động tín 四不動信 hay bốn Dự lưu chi 四預流支: tín Phật, tín Pháp, tín Tăng, tín Thánh giới.



[578c19] Luận giải: Do mười bảy thứ lực tăng thượng mà kiến lập công đức:

1. *Tăng thượng do thương xót hữu tình*: Là bốn vô lượng.
2. *Tăng thượng do sáu chướng tịnh*: Là tám giải thoát⁷⁵², tám thắng xứ, mười biến xứ. Ở đây tám thắng xứ và mười biến xứ làm phương tiện cho tám giải thoát thành mãn.

Sáu chướng tịnh: (1) Chướng thanh tịnh bởi sự biến hóa: Là do hai giải thoát đầu tiên. (2) Chướng thanh tịnh bởi tối cực hiện pháp lạc trú: Là do giải thoát thứ ba, tịnh và bất tịnh đều là thanh tịnh hiển hiện. (3) Chướng thanh tịnh bởi sự vắng hoàn: Là do giải thoát thứ tư. (4) Chướng thanh tịnh bởi sự dẫn phát công đức của các

752 HT. Thích Thiện Siêu, Đại cương về luận Câu-xá:

1. Nội hữu sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát, nghĩa là có lòng tham sắc tướng đối với nội thân. Muốn trừ lòng tham đó, quán sát sắc bất tịnh ở bên ngoài như thấy chết bầm xanh v.v... thì lòng tham sắc về tướng ở nội thân không khởi lên được, đây gọi là giải thoát.
 2. Nội vô sắc tướng quán ngoại sắc giải thoát, nghĩa là không còn lòng tham về sắc tướng đối với nội thân, vì lòng tham ấy đã trừ, song muốn cho vững chắc, nên vẫn tiếp tục quán sát bất tịnh bên ngoài, lòng tham kia không khởi lên được nữa.
 3. Tịnh giải thoát thân tác chứng cụ túc trú, nghĩa là bây giờ dù nhìn tịnh sắc, lòng tham vẫn không khởi lên, đây là tịnh giải thoát và chứng đắc tính cách tịnh giải thoát ngay trong thân đầy đủ viên mãn, an trú nơi định đó gọi là thân tác chứng cụ túc trú.
 4. Không vô biên xứ giải thoát.
 5. Thức vô biên xứ giải thoát.
 6. Vô sở hữu xứ giải thoát.
 7. Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.
- Bốn giải thoát này đều xả bỏ lòng tham của các địa dưới gọi là giải thoát.
8. Diệt thọ tưởng định giải thoát, thân tác chứng cụ túc nói tắt là Diệt tận định, định này chủ yếu chán bỏ hai tâm thọ và tưởng, vĩnh viễn an trú vô tâm nên gọi là giải thoát.
- Trong tám giải thoát, ba thứ đầu lấy vô tham làm thể, và trong ba thứ này, hai thứ đầu nương tựa vào sơ nhị tịnh lực lấy cảnh sắc đáng ghét ở cõi Dục làm đối tượng. Cái thứ ba nương tựa vào tịnh lực thứ tư, duyên lấy cảnh sắc đáng ưa ở cõi Dục làm đối tượng. Còn bốn vô sắc giải thoát kia thì lấy bốn thiền định cõi Vô sắc làm thể, và tự duyên lấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo ở tự địa và địa trên, cùng duyên đạo loại trí của chín địa làm đối tượng.
- Lại trong tám giải thoát này, chỉ cái thứ ba, thứ tám còn kèm theo chữ thân tác chứng là vì sao? Vì hai lẽ: Vì thù thắng nghĩa là cái giải thoát thứ ba chỉ quán về tịnh tướng vẫn không khởi tâm tham ái. Còn cái giải thoát thứ tám là vô tâm, còn bảy cái giải thoát kia là hữu tâm. Vì nó ở vào cuối cùng của cõi Sắc và cõi Vô sắc, nghĩa là cái giải thoát thứ ba thì nương tựa tịnh lực thứ tư cõi Sắc, còn cái giải thoát thứ tám thì nương tựa Hữu định địa của Vô sắc giới.



Thánh như vô tránh, nguyện trí, v.v...: Là do giải thoát thứ năm.⁷⁵³

(5) Chướng thanh tịnh bởi các lậu và các hữu: Là do giải thoát thứ sáu và thứ bảy. (6) Chướng thanh tịnh bởi sự an trú tịch tĩnh tối cực: Là do giải thoát thứ tám.

3. *Tăng thượng do biết lúc đi*: Là công đức của vô tránh.⁷⁵⁴
4. *Tăng thượng do quán sát [các pháp] sở tri*: Là nguyện trí.⁷⁵⁵
5. *Tăng thượng do ngôn giáo*: Là bốn vô ngại giải.
6. *Tăng thượng do sáu xứ thiện xảo*: Là sáu thần thông.

Sáu xứ thiện xảo: (1) Thiện xảo dẫn nhiếp; (2) Thiện xảo nghe kỹ ngôn ngữ: nhờ thiện xảo này, dùng ngôn ngữ để bẻ gãy những luận nạn, rồi vì người thuyết chánh pháp; (3) Thiện xảo muốn lý giải tùy miên; (4) Thiện xảo đi đến; (5) Thiện xảo ra đi; (6) Thiện xảo giải thoát.

753 Du-già sư địa luận, quyển 62, tr. 645b28~c07: "Người quán hành tu tập mười biến xứ thì có năng lực làm năm việc. Những gì là năm? 1. Do tu tập địa biến xứ cho đến bạch biến xứ, thì dẫn phát các Thánh thần thông của sự hóa, sự biến của. 2. Do tu tập Không vô biên xứ nhất thiết xứ, thì dẫn phát các Thánh thần thông của sự vắng hoàn (đến đi) vô ngại. 3. Do tu tập Thức vô biên xứ nhất thiết xứ, thì dẫn phát các công đức thù thắng như vô tránh, nguyện trí, vô ngại giải. 4. Do Thức vô biên xứ biến xứ thành mãn, thì thành tựu trọn vẹn Vô sở hữu xứ giải thoát và Phi tưởng Phi phi tưởng xứ giải thoát. 5. Do cái nhân thành mãn này mà chứng nhập Tưởng thọ diệt giải thoát, nhiếp thuộc tối thắng trí."

754 Trí thời vắng: Biết lúc đi tới. Sự vô tránh của Phật là hủy diệt sự tranh cãi của chúng sanh mà cõi nguồn là phiền não, mê hoặc và nhiễm ô. Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Kính Phật: "Công đức thù thắng của vô tránh: 1. Ngăn chặn phiền não khởi: Tất cả chúng sinh khởi phiền não, mọi việc làm của Phật đều làm cho chúng sinh không khởi phiền não; 2. Diệt tổn hại mê hoặc: Tất cả mê hoặc nếu đã khởi thì Phật cũng có thể giúp cho chúng sinh khởi phương tiện đối trị."

755 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Kính Phật: "Nguyện trí của Phật có năm sự thù thắng: 1. Không còn khởi dụng công; 2. Không vướng mắc ở đối cảnh; 3. Không bị ngăn ngại ở trong tâm; 4. Thường xuyên tịch tĩnh; 5. Giải đáp các hoài nghi. Do có năm nghĩa này nên gọi là thù thắng. Nguyện trí của bậc khác là: 1. Không phải không dụng công, vì còn khởi tác ý; 2. Không phải không vướng mắc, vì có định lực giả dối; 3. Không phải không ngăn ngại, vì sự thấy biết chút phần; 4. Không phải thường xuyên tịch tĩnh, vì không phải là định thường tịch; 5. Không giải đáp các hoài nghi, vì có chỗ không biết tới."



7. *Tăng thượng do người khác sinh đức tin*: Là các tướng hảo⁷⁵⁶.
8. *Tăng thượng do ba chướng thanh tịnh*: Là bốn thứ biến thanh tịnh⁷⁵⁷.
- Ba chướng*: 1. Chướng sở y; 2. Chướng sở duyên; 3. Chướng tâm trí.
9. *Tăng thượng do tất cả vấn ký*: Là các lực⁷⁵⁸.
10. *Tăng thượng do bề gãy tất cả luận thuyết của người khác*: Là bốn vô úy⁷⁵⁹.
11. *Tăng thượng do tâm không thiên lệch đối với đại chúng được nhiếp*: Là ba bất hộ⁷⁶⁰.
12. *Tăng thượng do năng lực nhiếp hóa đồ chúng*: Là ba niệm trú⁷⁶¹.
13. *Tăng thượng do việc làm ở trong mọi thời gian thể hiện bậc Nhất thiết trí*: Là vĩnh viễn nhỏ bỏ tất cả tập khí.

756 Tướng hảo là 32 tướng đại tướng phu và 80 vẻ đẹp tùy hình.

757 Tứ chủng biến thanh tịnh 四種遍清淨 = tứ nhất thiết tướng thanh tịnh 四一切相清淨: 1. Y chỉ thanh tịnh; 2. Cảnh giới thanh tịnh; 3. Tâm thanh tịnh; 4. Trí thanh tịnh. Xem *Hiển dương*, quyển 4, phẩm *Nhiếp sự*, phần 4, mục *Thanh tịnh*.

758 Các lực là 10 lực của Như lai. Xem *Hiển dương*, quyển 4, phẩm *Nhiếp sự*, phần 4, mục *Các lực*.

759 Khi thuyết pháp, Phật có bốn sự tự tin, không sợ hãi, dũng mãnh: 1. Phật nói rõ, Ta là bậc Nhất thiết trí, đó là nhất thiết trí vô úy; 2. Phật nói rõ, Ta đã đoạn tận tất cả phiền não, đó là lậu tận vô úy; 3. Phật nói chánh đạo đưa đến sự diệt tận khổ đau như giới, định, tuệ v.v... mà không sợ hãi, đó là thuyết tận khổ đạo vô úy; 4. Phật nói các pháp chướng ngại như hoặc, nghiệp v.v... mà không sợ hãi, đó là thuyết chướng đạo vô úy. Hai vô úy trước là trí đức và đoạn đức thuộc công đức lợi mình. Hai vô úy sau là tu tập trí đức và tu tập đoạn đức thuộc công đức lợi người.

760 Ba bất hộ: Thân miệng ý của Phật thuần tịnh thuần trí, nên không có gì cần phải giữ gìn, và khi thuyết pháp cho đại chúng thì điều phục họ bằng thân miệng ý ấy.

761 Ba niệm trú: Phật vĩnh viễn sống trong chánh niệm và chánh trí, cho nên, một là, ai khen cũng không vui mừng; hai là, ai chê cũng không buồn ghét; ba là, ai khen chê cũng không vui mừng, cũng không buồn ghét. Thành thật luận, phẩm *Ba bất hộ*: "Mỗi khi thuyết pháp, thính giả có lắng nghe, Phật chẳng lấy làm mừng, hay thính giả không lắng nghe, Phật cũng chẳng lấy làm buồn, vì Phật thường tu xả tâm. Vì sao? Vì tập khí tham sân của Phật không còn chút mây may."

14. *Tăng thượng do không bỏ lỡ thời cơ đối với việc ứng hóa*: Là pháp không lãng quên⁷⁶².

15. *Tăng thượng do ngày đêm sáu thời quán sát thế gian*: Là tâm đại bi⁷⁶³.

16. *Tăng thượng do vượt qua Thanh văn, Độc giác*: Là mười tám pháp bất cộng của Phật⁷⁶⁴.

17. *Tăng thượng do thành tựu sở tác sự của chư Như lai*: Là nhất thiết chủng diệu trí⁷⁶⁵.

Lại nữa, các công đức để đối trị những chướng sở trị thì sai biệt, cho nên biết có vô biên sai biệt [công đức như thế].

762 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm *Kính Phật*: "Trong sự lợi ích yên vui cho chúng sinh, việc Như lai làm thường xuyên đúng lúc và không bỏ lỡ cơ hội; đây là nghiệp dụng của pháp không lãng quên. Trong mọi thời gian, việc Như lai làm đều không có hư dối; đây là tự tánh của pháp không lãng quên."

763 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm *Kính Phật*: "Bằng tâm đại bi, Như lai ngày đêm sáu thời quán sát chúng sinh, ai thoái, ai tiến: người chưa khởi thiện căn, Ngài làm cho người ấy khởi thiện căn; người đã khởi thiện căn, Ngài làm cho người ấy tăng tiến thiện căn. Tuy một ngày có sáu thời mà thật ra Ngài thường chuyển pháp luân trong mọi thời gian, vì Ngài có đầy đủ tâm đại bi; đây chính là nghiệp dụng của tâm đại bi. Như lai thường khởi tâm ý lợi lạc cho tất cả chúng sanh; đây là tự tánh của tâm đại bi."

764 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm *Kính Phật*: "Phật có mười tám pháp bất cộng: 1. Thân không làm lỗi; 2. Miệng không làm lỗi; 3. Ý không làm lỗi; 4. Không có ý tưởng riêng khác; 5. Không lúc nào tâm không trú định; 6. Không có sự không biết mà đã xả; 7. Nguyên dục không giảm; 8. Tinh tiến không giảm; 9. Niệm không giảm; 10. Tuệ không giảm; 11. Giải thoát không giảm; 12. Giải thoát trí kiến không giảm; 13. Trí biết đời quá khứ không vướng mắc, không chướng ngại; 14. Trí biết đời vị lai không vướng mắc, không chướng ngại; 15. Trí biết đời hiện tại không vướng mắc, không chướng ngại; 16. Thân nghiệp hành động theo trí tuệ; 17. Khẩu nghiệp hành động theo trí tuệ; 18. Ý nghiệp hành động theo trí tuệ."

765 Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm *Kính Phật*: "Công đức thù thắng của nhất thiết chủng trí: Ba thân: 1. Tự tánh thân; 2. Thọ dụng thân; 3. Hóa thân. Đây là nói tự tánh của nhất thiết chủng trí. Hỏi: Trí này biết tất cả chủng loại trong tất cả cảnh là thế nào? Đáp: Tất cả chúng sinh ở khắp mọi nơi sanh nghi hoặc, trí này có thể đoạn diệt những nghi hoặc ấy. Đây là nghiệp dụng của nhất thiết chủng trí." Chứng đắc nhất thiết chủng trí tức có đủ mọi phẩm chất của đại bồ đề, nghĩa là thủ đắc 3 thân.



Lại nữa, kệ tụng:

Tư duy nghĩa, lạc, khổ

Tác ý và an trú

Gian nan và sắc thái

Thù đặc, không thù đặc. (kệ 40)

[579a20] Luận giải: Các công đức ấy, dù là sở đối trị hay năng đối trị đều nên tư duy. Tư duy thế nào? Tư duy về nghĩa, lạc, khổ, tác ý, an trú, gian nan, sắc thái, thù đặc hay không thù đặc.

[579a23] (1) ***Tư duy về nghĩa***: Là các câu cú bao gồm nghĩa của cái *tuệ đến-bờ-bến-kia*. Có năm *nghĩa vì gì*: 1. Nghĩa vì khởi cung kính đối với người thuyết pháp; 2. Nghĩa vì nhiếp chúng; 3. Nghĩa vì khởi tôn trọng đối với ngôn giáo; 4. Nghĩa vì tự thuật sự; 5. Nghĩa vì khởi nhiều việc làm đối với nghĩa giáo chân thật.

[579a27] Lại nữa, tất cả pháp có ba thứ nghĩa: 1. Nghĩa năng tăng ích; 2. Nghĩa sở tăng ích; 3. Nghĩa pháp tánh. Như sắc có ba thứ: sắc năng tăng ích, sắc sở tăng ích và pháp tánh của sắc. Nên biết tất cả xứ đều như vậy.⁷⁶⁶

[579b01] Lại có cái nghĩa *lý thú ba luân* để tuyên thuyết các pháp: Dựa vào lý thú của thế tục để để tuyên thuyết *người tạo tác*, tuyên thuyết *công cụ tạo tác*, tuyên thuyết *nghiệp tạo tác*⁷⁶⁷. Như

766 Luận Biện trung biên 辯中邊論, phẩm Biện chân thật: “Mười pháp: uẩn, giới, xứ, duyên khởi, xứ phi xứ, căn, thể, đế, thừa và hữu vi vô vi, mỗi pháp có ba nghĩa. Thí dụ, trong sắc uẩn có ba nghĩa: 1. Sở chấp nghĩa sắc, là tánh biến kế sở chấp của sắc; 2. Phân biệt nghĩa sắc, là tánh y tha khởi của sắc; vì lấy sự phân biệt nơi y tha làm sắc; 3. Pháp tánh nghĩa sắc, là tánh viên thành thật của sắc. Giống như trong sắc uẩn có ba nghĩa này, bốn uẩn: thọ, tưởng, hành, thức, và chín pháp: giới, xứ, duyên khởi, xứ phi xứ, căn, thể, đế, thừa, hữu vi vô vi, mỗi pháp đều có ba nghĩa tùy ứng. Mười pháp: uẩn, giới, xứ, v.v... do ba nghĩa mà có sai biệt, nhưng không một pháp nào mà không nhiếp vào trong ba tánh căn bản.” (No. 1600, tr. 470a17)

767 Tác giả, tác cụ và tác nghiệp: Như một người dùng cây búa để chẻ củi.

người thí, hạnh thí và người nhận vật thí: người thường hành bố thí do thực thi sự thí này đến với người nhận vật thí. Nên biết tất cả xứ đều như vậy.

[579b05] Lại có cái nghĩa *bốn thứ lý thú ngôn giáo*: 1. Lý thú ngôn giáo sai biệt; 2. Lý thú ngôn giáo kiến lập; 3. Lý thú ngôn giáo không khác; 4. Lý thú ngôn giáo không tác dụng.

Lý thú ngôn giáo sai biệt: Là “*sắc pháp cho đến Nhất thiết chủng trí*”⁷⁶⁸ có tánh chất sai biệt.

Lý thú ngôn giáo kiến lập: Là năm thứ kiến lập: 1. Kiến lập thú nhập; 2. Kiến lập giáo thọ; 3. Kiến lập học; 4. Kiến lập chứng đắc; 5. Kiến lập tội lỗi và công đức.⁷⁶⁹

Lý thú ngôn giáo không khác: Có sáu thứ: 1. *Hữu phi hữu* không khác: sắc và tánh không của sắc; tất cả xứ đều như vậy; 2. *Lăn nhau* không khác: các uẩn tiếp cận lẫn nhau; tất cả xứ đều như vậy; 3. *Ba đời* không khác: quán nơi tiền tế, trung tế và hậu tế; tất cả xứ đều như vậy; 4. *Bổ-đặc-già-la* không khác: các hữu tình triển chuyển tiếp cận; 5. *Chương trị* không khác: thường - vô thường, cho đến lưu chuyển - tịch diệt; 6. *Văn tự* không khác: danh thân, cú thân, văn thân.

768 Sắc pháp cho đến Nhất thiết chủng trí 色乃至一切種智: Câu này xuất hiện trong kinh Đại bát nhã ba-la-mật-đa và Đại trí độ luận, viết tắt để nói pháp tu chỉ quán của Bồ tát (hay đại thừa) là từ sự quán chiếu 5 uẩn, 4 niệm xứ, 18 pháp bất cộng, cho đến Nhất thiết chủng trí. Xem 17 tầng thượng ở đoạn trên. Kinh Đại bát nhã ba-la-mật-đa, quyển 8, phẩm Vô sinh: “Những gì là quán? Lúc thật hành Bát-nhã ba la mật, đại Bồ-tát quán sắc chẳng phải tướng chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc chẳng phải khổ, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã, chẳng phải không chẳng phải bất không, chẳng phải tướng chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác chẳng phải vô tác, chẳng phải tịch diệt chẳng phải chẳng tịch diệt, chẳng phải ly chẳng phải chẳng ly. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đản-na ba la mật đến Bát-nhã ba la mật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, tứ niệm xứ đến bất cộng pháp, tất cả môn tam muội đến nhất thiết chủng trí cũng như vậy. Đây gọi là đại Bồ-tát lúc thật hành Bát-nhã ba la mật quán các pháp.” (HT. Thích Trí Tịnh dịch)

769 Ở đoạn trên, quyết trạch về bổ-đặc-già-la có ghi: “Bổ-đặc-già-la giả lập do năm lý do: 1. Do chúng tánh: khả cứu và bất khả cứu; 2. Do thú nhập: Thanh văn thừa, v.v...; 3. Do học: Học và vô học; 4. Do chứng đắc: trú bốn quả và ba hướng; 5. Do tội lỗi và công đức: có chương, không chương, cụ phược, không cụ phược.”



Lý thú ngôn giáo không tác dụng: Là ba luân thanh tịnh. Tùy ở các xứ, không có người tạo tác chân thật khả đắc, không có công cụ tạo tác, cũng không có nghiệp tạo tác; không có bồ-đặc-già-la, không có thuyết pháp, không có pháp khả thuyết; không có bồ-đặc-già-la, không có học, không có pháp khả học; không có bồ-đặc-già-la, không có chứng đắc, không có pháp khả chứng; không có bồ-đặc-già-la, không có an trú tội lỗi hay công đức, không có chỗ trú, không thủ, không pháp; như vậy tất cả.

[579b22] Lại có hai thứ nghĩa *vô lượng*: 1. Phát khởi vẫn luận vô lượng; 2. Hồi hướng vô sở đắc vô lượng.

[579b24] Lại vì đối trị ba thứ xứ sở mà nói cái nghĩa *không nên trú ở nơi sắc*, cho đến cái nghĩa *không nên trú ở nơi tất cả pháp*.

Ba thứ xứ sở: 1. Xứ sở chấp trước; 2. Xứ sở tùy chuyển; 3. Xứ sở tuệ hành [nơi trung đạo, không] hý luận.

[579b27] Lại có ba thứ nghĩa *vô tướng*: 1. Vô tướng vô thể; 2. Vô tướng không phải thể kia; 3. Vô tướng không hiển hiện. Giống như vô tướng, như vậy vô tánh, vô tự thể, bất sinh, bất diệt, vô sở chấp trước, vô sở vi tác, vô sở nhiếp thọ, nên biết cũng vậy.

[579c02] Lại có ba thứ nghĩa *hữu sở đắc*: 1. Hữu sở đắc sự; 2. Hữu sở đắc hữu sở đắc; 3. Hữu sở đắc vô sở đắc. Giống như hữu sở đắc, như vậy hữu chấp trước, vi tác, hý luận, thủ, kiến, kế chấp, nên biết cũng vậy.

[579c05] Lại có ba thứ nghĩa *hữu sở đắc*: 1. Hữu sở đắc tự thể; 2. Hữu sở đắc không viễn ly; 3. Hữu sở đắc không suy tích.

Lại có ba thứ nghĩa *vô sở đắc*: 1. Vô sở đắc tự thể; 2. Vô sở đắc viễn ly; 3. Vô sở đắc suy tích. Giống như vô sở đắc, như vậy không,



vô chấp trước, vô vi tác, vô hý luận, vô thủ, vô kiến, vô kế chấp, nên biết cũng vậy.

Lại có ba thứ nghĩa *vô sở đắc*: 1. Vô sở đắc hữu tánh; 2. Vô sở đắc thể kia; 3. Vô sở đắc không hiển hiện.

Vô sở đắc: Suy tìm các pháp thì không thấy tự tánh. Không phải mọi thứ đều vô sở đắc, tuy nhiên dựa vào tự tánh biến kế sở chấp, khi vô sở đắc, cũng không quán sát tự tướng y tha của nó.

[579c14] Lại nữa, khế kinh nói: “*Vì tương ưng vô sở đắc*.” Có phải các pháp tương ưng vô sở đắc? Nên lập bốn câu:

1. Vô sở đắc, chẳng tương ưng: Như có người đối với sự quảng đại đều vô sở đắc.

2. Có tương ưng, chẳng vô sở đắc: Do thể gian đạo nên tu các thiện pháp.

3. Vô sở đắc, cũng tương ưng: Do xuất thể gian đạo nên tu các thiện pháp.

4. Chẳng vô sở đắc, cũng chẳng tương ưng: Pháp nhiễm ô và pháp vô ký ở ngay hiện tại.

[579c20] Lại có năm thứ nghĩa *bất chánh thủ*⁷⁷⁰: 1. Bất chánh thủ bồ-đặc-già-la; 2. Bất chánh thủ pháp; 3. Bất chánh thủ biến dị; 4. Bất chánh thủ tổn giảm; 5. Bất chánh thủ sai biệt.⁷⁷¹

770 Bất chánh thủ 不正取: Thủ không đúng, thủ không chính xác.

771 Hiền dương, quyển 16, phẩm Thành Vô tánh: “Tự tánh của các hành lưu chuyển từ vô thủy, vì sức tập quen mà dị sinh đối với mình người tương tục nên khởi tà chấp chúng sinh, như vậy ở trong đêm dài [sinh tử] tập quen ngôn ngữ diễn tả, huân tập nơi tâm. Do phương tiện ấy khởi vọng biến kế, chấp có các pháp. Tà chấp pháp này giống như tà chấp chúng sinh, vì tăng thêm vọng [biến kế] chấp mà biết là điên đảo.” Hiền dương, quyển 16, phẩm Thành Không: “Các sự tu này (: có 18 sai biệt) đối trị năm thứ tà chấp: 1. Tà chấp chúng sinh; 2. Tà chấp pháp; 3. Tà chấp tổn giảm; 4. Tà chấp sai biệt; 5. Tà chấp biến dị. Tà chấp chúng sinh: Đối với các uẩn, chấp có hữu tình, tác giả, thọ giả. Tà chấp pháp: Như trước có nói, chấp có sắc, v.v... tự thể sai biệt. Tà chấp tổn giảm: Chấp tất cả tướng của các pháp. Tà chấp sai biệt: Chấp các pháp, ngã, vô ngã, v.v... có thể tánh biệt lập. Tà chấp biến dị: Chấp các pháp trước thật có cái ngã, sau thành vô ngã.”



[579c23] Lại có bốn thứ nghĩa ngôn giáo: 1. Ngôn định, ý bất định; 2. Ý định, ngôn bất định; 3. Ngôn ý cùng định; 4. Ngôn ý cùng bất định.⁷⁷²

[579c25] Lại có hai thứ nghĩa *sở đối trị*: 1. Sở đối trị của ba giải thoát môn: Là phân biệt tướng và phân biệt nguyên;⁷⁷³ 2. Sở đối trị của đến-bờ-bến-kia: Là keo lẩn, phạm giới, phẫn nộ, biếng nhác, tán động, trí tuệ ác hại.⁷⁷⁴

[579c28] Lại có hai thứ nghĩa *sở đối trị của không*: 1. Mười sáu thứ tà tướng hiện hành⁷⁷⁵; 2. Mười bốn thứ tướng phược⁷⁷⁶.

772 Ngôn giáo 言教 (S: Nirukti): Chỉ cho giáo pháp do đức Như lai dùng ngôn ngữ để diễn bày. Kinh Pháp hoa, phẩm Phương tiện nói: “Các loại nhân duyên, các loại thí dụ, diễn rộng ngôn giáo.” (種種因緣, 種種譬喻, 廣演言教.) Thông thường cho rằng lời dạy của Phật “nói hữu, nói vô, nói phi hữu, nói phi vô” đều là để giải bày giáo pháp. Giáo lý ấy tuy là pháp đã được giải bày, nhưng chân đế không tên, lý chẳng thể nói, thì ngôn giáo đã rơi vào Đệ nhị nghĩa. Nhi đề nghĩa 二諦義, quyển thượng: “Giáo có lời để nói, lý thì không thể nói; lý đã không thể nói thì làm thế nào để ngộ được? Cho nên người ngộ được lý ấy phải mượn lời để nói, vì lẽ ấy nên nói có, nói không, nói chẳng phải có, chẳng phải không, đều là giáo khiến cho ngộ lý.” (No. 1854, tr. 90b26)

773 Tam giải thoát môn 三解脱門 (Trīni vimokṣa-mukhāni): Ba pháp môn giúp hành giả được giải thoát, đến niết bàn. Đó là: 1. Không môn (Sūnyatā): Quán xét tất cả các pháp đều không tự tính, do nhân duyên hòa hợp mà sinh; nếu thông suốt lý ấy thì đối với các pháp được tự tại. 2. Vô tướng môn (Animitta), cũng gọi Vô tướng môn: Đã biết tất cả pháp là Không, liền quán tưởng các tướng nam nữ, nhất dị... thực bất khả đắc; nếu thông suốt lý các pháp vô tướng, thì lìa tướng sai biệt mà được tự tại. 3. Vô nguyện môn (Apraṇihita), cũng gọi Vô tác môn, Vô dục môn: Nếu biết tất cả pháp vô tướng thì trong 3 cõi không mong cầu điều gì; nếu không mong cầu thì không tạo tác nghiệp sinh tử; nếu không tạo nghiệp sinh tử thì không phải chịu quả khổ, do đó được tự tại.

774 Nhiếp đại thừa luận bản, tr. 144b22~c01: “Sáu ba la mật này rất hơn hết, có năng lực đạt đến bờ bến bên kia, nên gọi chung là ba la mật. Rồi (một) có năng lực phá nát sự keo lẩn, bần cùng, lại có năng lực dẫn ra phước đức từ lương, đem lại tiền tài địa vị rộng lớn, nên gọi là thí. (Hai) có năng lực hủy diệt giới luật ác, nẻo đường ác, lại có năng lực thủ đắc nẻo đường lành, sự đấng trị, nên gọi là giới. (Ba) có năng lực tận diệt phẫn nộ, oán thù, lại có năng lực khéo sống trong sự yên ổn mình người, nên gọi là nhẫn. (Bốn) có năng lực rời xa mọi sự biếng nhác, ác, bất thiện, lại có năng lực xuất sinh và tăng trưởng vô lượng thiện pháp, nên gọi là tiến. (Năm) có năng lực tiêu trừ mọi sự tán động, lại có năng lực dẫn ra sự đứng yên nơi nội tâm, nên gọi là định. (Sáu) có năng lực hủy bỏ mọi kiến thức sai lầm, mọi trí tuệ ác hại. lại có năng lực biết các pháp đúng với chân thật và phẩm loại, nên gọi là tuệ.” (HT. Thích Trí Quang dịch)

775 Các tướng phược mà 16 cái không trừ khử. Hiển dương, quyển 15, phẩm Thành Không, nói 6 tướng phược; và kinh Giải thâm mật nói đến 10 thứ tướng phược (xem chú thích ở phẩm Thành Không). Mười sáu cái không: nội không, ngoại không, nội ngoại không, đại không, không không, thắng nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, tất cánh không, vô sơ hậu không (: vô tế không), vô tồn tận không (: vô tán không), tánh không (: bản tánh không), tướng không (: tự tướng không), nhất thiết pháp không, vô tánh không (: bất khả đắc không), vô tánh tự tánh không.

776 Hiển dương, quyển 15, phẩm Thành Không: “Mười bốn thứ tướng phược và thô trọng phược: 1. Phược do các căn; 2. Phược do hữu tình bị nhiễm ô; 3. Phược do sở y: dựa vào khí thể gian mà



[580a01] Lại có hai thứ nghĩa *hành đến-bờ-bến-kia*: 1. Hành hữu sở đắc thế gian; 2. Hành vô sở đắc xuất thế gian.

Lại nữa, hành [hữu sở đắc] thế gian đến-bờ-bến-kia chỉ là *tương tự*, chẳng phải chân thật. Giống như tương tự, *có độc, có chương, không phương tiện* cũng như vậy.⁷⁷⁷ Nên biết, hành [vô sở đắc] xuất thế gian đến-bờ-bến-kia thì trái ngược ở trên.

[580a05] Lại nữa, lược nói về nghĩa *tự thể của tuệ đến-bờ-bến-kia*, thì có ba sắc thái: 1. Sắc thái sở y; 2. Sắc thái sở duyên; 3. Sắc thái hành.

Sắc thái sở y: Là bờ đề tâm.

Sắc thái sở duyên: Là sắc pháp, v.v...

Sắc thái hành: Có hai thứ: hành thế gian và hành xuất thế gian.

(1) *Hành thế gian*: các hành là vô thường, khổ, không, vô ngã, như bệnh, như ung nhọt, như gai nhọn. (2) *Hành xuất thế gian*: các hành tương ưng vô sở đắc.

Lại có ba thứ nghĩa *khéo tích tập tu ba-la-mật-đa*: 1. Đem tác ý tương ưng tánh của nhất thiết trí để cùng với tất cả hữu tình hồi hướng về quả A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề;⁷⁷⁸ 2. An trú thật

các căn lưu chuyển; 4. Phược do vô trí đối với trí; 5. Phược do vọng cảnh đối với cảnh; 6. Phược do khát ái hậu hữu; 7. Phược do khát ái vô hữu; 8. Phược do chấp vô nhân, bất bình đẳng nhân; 9. Phược do chấp được thượng mạn; 10. Phược do chấp tự tánh biến kế sở chấp; 11. Phược do chấp tự tánh các pháp; 12. Phược do chấp tự tánh các pháp được biến trí; 13. Phược do chấp tự tánh bổ-đặc-già-la; 14. Phược do chấp bổ-đặc-già-la được biến trí.”

777 Hành [hữu sở đắc] thế gian đến-bờ-bến-kia chỉ có độc, có chương, không phương tiện, chẳng phải không độc, chẳng phải không chương, chẳng phải không phương tiện.

778 Kinh Duy-ma-cật sở thuyết, phẩm Pháp môn Bát nhị: “Bồ tát Vô Tận Ý nói: ‘Bồ thí và hồi hướng đến nhất thiết trí là hai. Nhưng tánh của bồ thí chính là sự hồi hướng đến nhất thiết trí. Cũng vậy, trí giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ với hồi hướng nhất thiết trí là hai. Nhưng tánh của trí tuệ là tánh của hồi hướng nhất thiết trí. Ở trong đây mà thâm nhập nhất tướng, là vào Pháp môn bát nhị.’” (Thích Tuệ Sỹ dịch)



tế⁷⁷⁹ bằng các ba-la-mật-đa; 3. Ở nơi thật tế mà không tác chứng.

[580a14] Lại nữa, như nói “*tâm là bất khả tư nghị.*” Vì lý do gì tâm là bất khả tư nghị? Do sở y này, do sở duyên này làm cho tâm an trú. Cả hai, sở y và sở duyên của tâm, đều vô tánh. Nếu là vô tánh tức là thanh tịnh, cũng là bất khả tư nghị. Bất khả tư nghị ấy là hữu tánh hoặc vô tánh, và cùng tâm ấy là dị tánh hoặc bất dị tánh.⁷⁸⁰

[580a19] Lại nữa, hành tướng của *tất cả hy luận* thì có ba nhân duyên làm cho tâm lưu chuyển: 1. Do thân cận; 2. Do sở duyên; 3. Do kiến lập.

Do thân cận: Năm giữ sở y⁷⁸¹ khi được quả báo.

Do sở duyên: Lãnh thọ các thứ cảnh giới và khởi tác các thứ gia hành.

Do kiến lập: Vọng tưởng huân tập từ vô thủy đến nay.

[580a24] Lại có bốn thứ nghĩa *phân biệt [các pháp]*: 1. Phân biệt có; 2. Phân biệt không; 3. Phân biệt có và không; 4. Phân biệt chẳng có và chẳng không.

779 Thật tế 實際: là nghĩa không có hư vọng, nghĩa là trên bình diện để lý chân thật thì không thủ chấp một mây bụi trần, tất cả các pháp đều là cứu cách không tịch, chân thật không có hư dối.

780 Du-già sư địa luận, quyển 16: “Năm thứ hữu tánh: 1. Hữu tánh viên thành thật tướng; 2. Hữu tánh y tha khởi tướng; 3. Hữu tánh biến kế sở chấp tướng; 4. Hữu tánh sai biệt tướng; 5. Hữu tánh bất khả thuyết tướng. Viên thành thật tướng là thắng nghĩa tướng. Y tha khởi tướng là tướng của duyên sinh tướng. Biến kế sở chấp tướng là giả thi thiết tướng. Sai biệt tướng là tướng không hai, tướng sinh, tướng lão, tướng trụ, tướng vô thường, tướng khổ, tướng không, tướng vô ngã, tướng sự, tướng sở thức, tướng sở thủ, tướng tịnh diệu, tướng nhiều ích, tướng của tướng ngôn thuyết, tướng của tướng tà hành. Bất khả thuyết tướng không là do bốn thứ bất khả thuyết, nên gọi là bất khả thuyết tướng: (1) Vì không nên bất khả thuyết; đó là có bổ-đặc-già-la đối với các uẩn kia, không thể tuyên nói là khác hay không khác. (2) Vì thăm sâu nên bất khả thuyết; đó là pháp tánh ly ngôn, bất khả tư nghị, như pháp thân Như Lai bất khả tư nghị, cảnh giới chư Phật Như Lai diệt rồi về sau hoặc có hoặc không ... bất khả thuyết. (3) Vì năng dẫn vô nghĩa nên bất khả thuyết; đó là các pháp không thể năng dẫn phát pháp nghĩa phạm hạnh; chư Phật Thế Tôn tuy chứng mà không thể tuyên thuyết. (4) Vì sự an lập của pháp tướng pháp nhĩ nên bất khả thuyết; chỗ gọi là chân như, so với các hành ... không thể tuyên thuyết là dị tánh hay bất dị tánh. Năm thứ vô tánh: 1. Vô tánh thắng nghĩa tướng; 2. Vô tánh tự y tướng; 3. Vô tánh tất cảnh tự tướng; 4. Vô tánh vô sai biệt tướng; 5. Vô tánh bất khả thuyết tướng.” (tr. 362c22~363a10)

781 Sở y là thức A-lại-da.



[580a26] Lại có bốn thứ nghĩa *không phân biệt*: 1. Ngu si thì không phân biệt; 2. Phi tình thì không phân biệt; 3. Không tác dụng thì không phân biệt; 4. Pháp tánh thì không phân biệt.

[580a28] Lại có hai thứ nghĩa *ngôn giáo*: 1. Ngôn giáo thế tục; 2. Ngôn giáo thắng nghĩa.

Ngôn giáo thế tục: Lý thú ngôn giáo sai biệt và lý thú ngôn giáo kiến lập.

Ngôn giáo thắng nghĩa: Lý thú ngôn giáo không khác và lý thú ngôn giáo không tác dụng.

[580b02] Lại nữa, đối với thắng nghĩa để thì không thể tuyên thuyết; còn với ngôn thuyết thì có ba thứ tướng: 1. Tướng các tướng; 2. Tướng tạp nhiễm; 3. Tướng thanh tịnh.

[580b04] Lại do ba tướng *biến tri* để hiển quán các pháp: 1. Tướng giả lập; 2. Tướng liễu biệt; 3. Cả hai chỉ là lượng⁷⁸².

(2) *Tư duy về lạc:* Các Bồ-tát v.v... lấy gì làm lạc? Lấy sự lợi ích chúng sinh làm lạc.

(3) *Tư duy về khổ:* Các Bồ-tát v.v... lấy gì làm khổ? Lấy sự tổn não của chúng sinh làm khổ.

(4) *Tư duy về tác ý:* Các Bồ-tát v.v... lấy gì làm tác ý? Lấy tư duy sự lợi ích cho tất cả chúng sinh làm tác ý.

(5) *Tư duy về an trú:* Các Bồ-tát v.v... lấy gì làm an trú? Lấy sự vô phân biệt làm an trú.

782 Duy lượng: duy chỉ là cái đó, tức duy chỉ là thức, vì đối tượng của thức không tồn tại. Nó mang tánh nhị nguyên, vì một thức xuất hiện như là hai phần chủ thể (kiến phần) và khách thể (tướng phần), và mang tánh đa thù, vì mỗi phần biến thái thành nhiều hình thái ảnh tượng khác nhau. Hai tướng đầu là tướng biến kế sở chấp, tướng thứ ba là tướng y tha khởi.



[580b09] (6) **Tư duy về gian nan:** Lại nữa, Bồ-tát ma-ha-tát có mười hai sự gian nan:

Bồ-tát thông duệ cần phải biết rõ:

1. Đối với chúng sinh trái vượt pháp thức, hoặc trị phạt, hoặc xả bỏ. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

2. Phương tiện hiện hành mà sự khổ bức não, thì phòng hộ tự tâm khiến không khởi phiền não. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

3. Vô lượng chúng sinh hiện tiền tìm cầu tài vật phi pháp để sở hữu trong hiện tại. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

4. Bồ-tát chỉ có một thân, nhưng vô lượng chúng sinh với các sự nghiệp đa dạng ở khắp mọi nơi cùng lúc đến thỉnh cầu làm trợ bạn. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

5. Đối với chúng sinh sống ở nơi phóng dật, hoặc trú diệu định thể gian khả ái, hoặc sinh cõi trời thù diệu mà khiến tâm họ điều thuận. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

6. Thường muốn làm việc lợi ích khắp cả cho chúng sinh, nhưng lại không đủ sức, không có khả năng. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

7. Đối với các chúng sinh ngu si, giả dối, cang cường, vì họ thuyết pháp để họ từ bỏ [những tập khí xấu ác]. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

8. Thường ở trong sinh tử thấy những tội lỗi lớn, vì muốn lợi ích chúng sinh nên chẳng từ bỏ [chúng sinh]. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

9. Chưa chứng ý lạc thanh tịnh tăng thượng, phần nhiều [lo sợ] quên mất chánh niệm khi mạng chung. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.



10. Chưa chứng ý lạc thanh tịnh tăng thượng, mà người đến cầu xin vật yêu quý tối thắng bậc nhất. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

11. Chúng sinh hiện tiền có đa dạng ý kiến, đa dạng lạc dục (thắng giải), hoặc dạy bảo, hoặc xả bỏ. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

12. Thường hành không phóng dật đầu rất nhỏ, hành mà lại không đoạn trừ tất cả phiền não. Đây là sự gian nan của Bồ-tát.

[580c01] Nếu chư Bồ-tát gặp phải các sự gian nan như vậy, nên ở trong ấy quán xét nặng nhẹ, tùy theo chỗ thích hợp mà kiến lập phương tiện: hoặc nên giản trách tường tận cho các bồ-đặc-già-la; hoặc phải gắng sức nhiếp thọ theo sự chuyển của nhân duyên; hoặc phát chánh nguyện; hoặc chế ngự tâm trí không cho phóng túng; hoặc phải an trú tâm, quán sát bén nhạy, không sinh chán nản, mệt mỏi mà phải tự an nhẫn; hoặc khởi tâm từ bi nên tâm được phóng xả; hoặc nên phát khởi tinh tiến mạnh mẽ; hoặc tư duy thêm nữa những quyền phương tiện thiện xảo. Như vậy là những thiện xảo đối trị, Bồ-tát ma-ha-tát tuy gặp phải những sự gian nan như vậy ngay trong đời sống hiện tại, mà tâm không khiếp sợ, tự có khả năng vượt thoát.⁷⁸³

[580c09] (7) **Tư duy về sắc thái:** Lại nữa, có năm sắc thái chân thật của Bồ-tát. Do thành tựu những sắc thái này mà nhập vào số lượng Bồ-tát. Thế nào là năm? 1. Thương xót chúng sinh; 2. Thường nói ái ngữ; 3. Việc làm quyết đoán và mạnh mẽ; 4. Dạng tay ra ơn bố thí; 5. Khéo phân tích nghĩa lý sâu xa.

Thương xót có hai đặc tánh: (1) Ưa muốn; (2) Chánh hành. Ưa muốn là các Bồ-tát đối với chúng sinh khởi ý lợi ích và ý an lạc. *Chánh hành* là các Bồ-tát đối với chúng sinh có những ưa muốn gì thì tùy sức,

783 Mười hai sự gian nan: Du-già sư địa luận, quyển 48, tr. 564b15~c18.



tùy khả năng mà thực hiện nhiếp hóa bằng thân nghiệp và ngữ nghiệp. Đây gọi là thương xót.

Ái ngữ là hoan hỷ, an ủi, chỉ dạy, tuyên dương ân đức; đó gọi là Bồ-tát đối với các chúng sinh thường nói ái ngữ.

Việc làm quyết đoán và mạnh mẽ là uy mãnh, không khiếp sợ và thành tựu thắng lợi; đó là việc làm quyết đoán và mạnh mẽ của Bồ-tát.

Dang tay ra ơn bố thí là các Bồ-tát thực hiện sự bố thí rộng lớn, hành thí mà không nhiễm trước; đó gọi là dang tay ra ơn bố thí của Bồ-tát.

Nếu các Bồ-tát khéo phát khởi *bốn vô ngại giải* qua chánh phương tiện trí; đó gọi là bồ-tát *khéo phân tích tự thể bằng nghĩa lý sâu xa*.

[580c22] (8) **Tư duy về thù đặc và không thù đặc**: Lại nữa, Bồ-tát có năm sắc thái *thù đặc* và năm sắc thái *không thù đặc*, như trong phẩm Nhiếp tịnh nghĩa đã nói.⁷⁸⁴

[580c24] Lại nữa, trong *sự công đức*, nay sẽ nói thắng quyết trạch về *sự y chỉ Đại thừa*.

Kệ tụng:

Chủng tánh, Như lai thuyết

Nhiều Phật và nhất thừa

Năm thứ và mười thứ

Sáu, sáu thứ đạo lý. (kệ 41)

[580c28] Luận giải: (1) Chủng tánh sai biệt; (2) Ngôn giáo của Đại thừa là đức Như lai thuyết; (3) Trong một thời gian có nhiều Phật

784 Hiền dương, quyển 8, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 4, [517c18].



xuất thế; (4) Nhất thừa tánh. Theo thứ tự trên, có năm thứ, mười thứ, sáu thứ và sáu thứ đạo lý cần phải biết.

[581a02] (1) Hỏi: **Thế nào là năm thứ đạo lý của chủng tánh sai biệt?**

Đáp: 1. Tất cả giới sai biệt thì khả đắc; 2. Hữu tình mà không có căn là không đúng đạo lý; 3. Thí dụ đồng loại là không đúng đạo lý, [vì lấy hữu tình làm đồng loại]; 4. Thí dụ dị loại là không đúng đạo lý, [vì lấy vô tình làm dị loại]; 5. “Chỉ có đời hiện tại, không có pháp bất niết bàn” là không đúng đạo lý.

[581a06] (1) **Tất cả giới sai biệt thì khả đắc**: Đức Phật đã nói về hữu tình giới. Có đa dạng hữu tình giới, không phải có một hữu tình giới: có hữu tình giới thấp kém, có hữu tình giới thắng diệu, có hữu tình giới của Thanh văn thừa, v.v..., có hữu tình giới của chủng tánh bất niết bàn, có hữu tình giới của chủng tánh bất niết bàn.

[581a10] (2) **Hữu tình mà không có căn là không đúng đạo lý**: Không thể nói do đạo lý này mà có được hữu tình vô căn. Vì sao? Hữu tình mà vô căn thì như đất, nước, v.v... ở ngoài, không phải hữu tình.

[581a13] (3) **Thí dụ đồng loại là không đúng đạo lý**: Không nên nói rằng, “sát-đế-lợi không phải là sát-đế-lợi,” v.v..., vì chủng loại có thể chuyển, và rằng “na-lạc-ca không phải là na-lạc-ca,” v.v..., vì tánh chất của các thú có thể chuyển. Như vậy, chủng tánh bất niết bàn hay chủng tánh bất niết bàn cũng có thể chuyển. Vì sao? Sát-đế-lợi, v.v..., na-lạc-ca, v.v..., thì đầy đủ tất cả *chủng loại giới tánh* và *chư thú giới tánh*. Hai chủng tánh: bất niết bàn và bất niết bàn, thì trái ngược nhau. Nếu không có các giới tánh (chủng loại, chư thú) thì các chủng tánh hoàn toàn không thể hồi chuyển. Cho nên thí dụ đồng loại là không đúng đạo lý.



[581a21] (4) *Thí dụ dị loại là không đúng đạo lý*: Không thể nói rằng, “tầng đất ở chỗ này chỗ kia, hoặc trước có các thứ chủng tánh vật loại như vàng, bạc, đồng, sắt, muối, v.v..., về sau lại không có, hoặc trước không sau có.” Như vậy, chủng tánh pháp bát niết bàn cũng nên trước có sau không, hay trước không sau có. Vì sao? Vì nếu có cái lý này thì thuận giải thoát phần phải trống rỗng, không có quả. Cho nên thí dụ dị loại cũng không đúng đạo lý.

[581a27] (5) *“Chỉ có đời hiện tại, không có pháp bát niết bàn” là không đúng đạo lý*: Không nên nói rằng, “ở đời hiện tại tuy không có pháp bát niết bàn nhưng ở trong đời khác lại có thể chuyển thành pháp bát niết bàn.” Vì sao? Vì không có chủng tánh của pháp bát niết bàn. Lại nữa, nếu ở đời này, trước đã tích tập thiện căn thuận giải thoát phần, thì sao không gọi là pháp bát niết bàn. Nếu ở đời này mà chưa tích tập thiện căn thuận giải thoát phần, thì đời sau làm gì có bát niết bàn. Cho nên chắc chắn có hữu tình với chủng tánh không có bát niết bàn.

[581b05] (2) *Hỏi: Vì sao biết ngôn giáo của Đại thừa là đức Như lai thuyết?*⁷⁸⁵

785 Luận Đại thừa trang nghiệm kinh, phẩm Thành tông, nêu 8 điểm chứng minh Đại thừa là do Phật thuyết: “Sự thành lập đại thừa lược có tám nhân tố: (1) Không dự ký: Khi chánh pháp đã diệt mất thì sau đó một đức Phật chánh thức xuất hiện. Nếu đại thừa không phải là chánh pháp, tại sao đức Thế Tôn ban đầu không dự ký việc đó? Giả dụ như trong thời gian vị lai mà có giáo pháp nào khác thì ắt hẳn đức Thế Tôn đã dự ký, cho nên sự không dự ký (của đức Thế Tôn) cho thấy đại thừa là do Phật thuyết. (2) Cùng thực hành: Thanh văn thừa và đại thừa không thể nói rằng thừa nào có trước, thừa nào có sau, mà đồng thời cả hai thừa cùng thực hành (chánh pháp). Ông làm sao biết chỉ riêng pháp đại thừa là không phải do Phật thuyết? (3) Không cùng thực hành: Pháp đại thừa sâu rộng, không phải là đối tượng phỏng đoán của con người để có thể tin hiểu, huống là có thể thực hành. Luận thuyết của ngoại đạo không có luận điểm nào cho thấy họ thủ đắc đại thừa, nói cách khác là họ không thực hành pháp đại thừa. Do ngoại đạo không cùng thực hành pháp đại thừa nên đại thừa là do Phật thuyết. (4) Thành tựu bồ đề: Nếu ông nói rằng bậc nào đó chứng đắc bồ đề nói có đại thừa, chứ không phải đức Phật Thích Ca nói có đại thừa, như vậy quan điểm của ông đồng với quan điểm của tôi: bậc chứng đắc bồ đề nói có đại thừa cũng tức là nói đức Phật Thích Ca có nói như vậy. (5) Thể đại thừa: Nếu ông nói đức Phật khác thì có cái thể đại thừa còn đức Phật Thích Ca không có cái thể đại thừa, như vậy quan điểm của ông đồng với quan điểm của tôi: đại thừa không



Đáp: Do mười thứ nhân:

1. Trước không ký biệt.
2. Nay không thể biết.
3. Có nhiều công việc.
4. Chương cực trọng.
5. Không phải cảnh giới tầm tư: Nếu trước chưa nghe thì không thể suy tìm kế đặc như vậy, cho nên nếu bảo rằng Đại thừa do ai đó thuyết là không đúng đạo lý.
6. Chứng đắc tuệ giác vĩ đại: Nếu chưa thành Phật mà có thể nói được như lời dạy của Phật, là không đúng đạo lý.
7. Không có sai lầm ở thừa thứ ba (: Bồ-tát thừa).
8. Đại thừa nếu mà không có thì phải không có bậc Nhất thiết trí, thành ra sai lầm.
9. Duyên Đại thừa làm đối tượng cho sự như lý tác ý để đối trị tất cả phiền não.
10. Không nên nói rằng Đại thừa lấy ý tưởng của Thanh văn thừa.

[581b14] (3) *Hỏi: Vì sao biết trong một thời gian có nhiều Phật xuất hiện ở đời?*

có cái thể sai biệt mà là nhất thể. (6) Chẳng phải thể đại thừa: Nếu ông nói đức Phật Thích Ca không có cái thể đại thừa, thì thanh văn thừa cũng vô thể. Nếu ông nói thanh văn thừa là do Phật nói nên hữu thể, đại thừa không phải do Phật nói nên vô thể. Quan điểm như vậy của ông là hết sức sai lầm. Nếu không có Phật thừa mà có Phật xuất thế nói thanh văn thừa, lý lẽ đó không đúng. (7) Khả năng đối trị: Do y theo pháp đại thừa tu hành được trí vô phân biệt. Trí vô phân biệt có năng lực phá các phiền não. Vì nhân tố đối trị phiền não nên không được nói rằng không có đại thừa. (8) Văn nghĩa khác lạ: Pháp đại thừa sâu xa, không phải văn nghĩa bình thường. Không nên chỉ một mặt chạy theo văn, nắm lấy nghĩa mà nói rằng văn nghĩa đó không phải lời Phật. Lại nữa, nếu ông nói ban đầu Phật không dự ký là do Phật với cái tâm vô công dụng mà buông bỏ. Quan điểm của ông như vậy là không hợp nghĩa lý.”



Đáp: Do sáu nhân:

1. Vô lượng hữu tình cùng một thời gian phát đại giác nguyện, thật sự có được.
2. Vô lượng hữu tình cùng tu phương tiện làm tư lương Bồ-đề, thật sự có được.
3. [Hai điều trên] chướng ngại lẫn nhau là không hợp lý.
4. [Hai Bồ-tát đồng thời tu tập] tư lương Bồ-đề mà đồng thời viên mãn, cùng xuất hiện ở thế gian, là không hợp lý.⁷⁸⁶
5. Thứ tự xuất hiện, là không hợp lý.
6. Rốt cuộc không thành, là không hợp lý.⁷⁸⁷

[581b20] (4) Hỏi: *Vì sao đức Như lai tuyên thuyết nhất thừa?*

Đáp: Do sáu nhân:

786 Du-già sư địa luận, quyển 38: “Ở mười phương hiện có vô lượng vô số tam thiên đại thiên Phật độ, không có hai Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề mà đồng thời viên mãn, nơi một Phật độ, cùng xuất hiện nơi đời, cùng lúc thành Phật, huống là ở trong một thế giới mà có vô lượng vô số Bồ-tát cùng lúc thành Phật.” (tr. 499c22~26)

787 Du-già sư địa luận, quyển 38: “Lại không nên nói: ‘Nhiều chư Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề, đồng thời viên mãn, trước sau tránh lẫn nhau, thứ tự thành Phật.’ Cũng không nên nói: ‘Tất cả Bồ-tát đều không thành Phật.’ Cho nên phải biết nhiều chư Bồ-tát đồng thời tu tập tư lương Bồ-đề, đồng thời viên mãn, nghĩa là ở nơi mười phương, vô lượng vô số quốc độ chư Phật, tùy theo chỗ tịnh không, không có Như Lai, mỗi một Bồ-tát xuất thế khác nhau, đồng thời thành Phật. Do đạo lý đây, trong nhiều thế giới quyết định phải có nhiều chư Bồ-tát đồng thời thành Phật, nhưng quyết chắc trong một Phật độ không có hai Như Lai đồng thời xuất hiện nơi đời. Vì sao? Trong đêm dài [sinh tử] Bồ-tát khởi nguyện như vậy, theo đó tăng trưởng: ‘Ta sẽ một mình ở trong các thế giới không người dẫn đường. Nay Ta làm người dẫn đường, điều phục hữu tình, khiến họ thoát khổ, chứng đắc bất niết bàn.’ Vì thế, trong đêm dài như vậy Bồ-tát đã khởi nguyện lớn, theo đó khiến tăng trưởng, nhiếp thọ chánh hạnh, cho đến được thành tựu viên mãn. Cho nên không có hai Như Lai đồng thời xuất hiện trong một thế giới. Lại ở một Tam thiên đại thiên Phật độ, một Như Lai năng thí khắp cả, làm tất cả Phật sự. Cho nên nếu xuất hiện Như Lai thứ hai trên đời, thì không có chỗ để làm lợi ích. Lại trong một Phật độ, có một Như Lai xuất hiện nơi đời, khiến các hữu tình thành tựu nghĩa tự lợi, rất mạnh mẽ, rất tùy thuận. Vì sao? Vì hữu tình kia tác ý tư duy: ‘Tất cả thế gian chỉ có một Như Lai, lại không có Như Lai thứ hai. Nếu ở quốc độ đây, sự giáo hóa của Như Lai đã hoàn thành, Ngài hoặc đi đến phương khác, hoặc nhập diệt, chúng ta biết nương vào đâu để tu hành phạm hạnh, chúng ta nương vào đâu để được nghe chánh pháp.’ Do suy nghĩ như vậy, người kia phát khởi ý muốn sâu xa, siêng năng tinh tiến dũng mãnh, mau tu phạm hạnh, mau nghe chánh pháp. Nếu ở một Phật độ mà có nhiều Phật xuất thế, người kia sẽ không mau tu phạm hạnh, không mau nghe chánh pháp. Nên một Phật độ chỉ có một Phật xuất thế, mới khiến các hữu tình thành tựu nghĩa tự lợi, rất mạnh mẽ, rất tùy thuận.”

1. Các pháp nhất thừa là đứng về tướng không sai biệt mà tuyên thuyết.
2. Đứng về hành tướng vô phân biệt mà tuyên thuyết.
3. Chúng sinh vô ngã và pháp vô ngã thì bình đẳng.
4. Giải thoát thì bình đẳng: sự tìm cầu sai biệt, hữu sự, hư vọng phân biệt, phiền não, đối trị sở duyên thì không chống trái pháp tánh.
5. Khéo năng trú biến hóa (: hóa thân).
6. Hành cứu cánh.⁷⁸⁸

Lại nữa, kệ tụng:

Chư Phật diệu công năng

Phật quả, độ thanh tịnh

Giải thoát và pháp thân

Đẳng, bất tư, vô thượng. (kệ 42)

[581b28] Luận giải: Tất cả công năng sở tác sự⁷⁸⁹ của tất cả Như lai thì bình đẳng. Quả của công năng kia, Phật độ thanh tịnh, giải thoát

788 Nhiếp Đại thừa luận bản: “Nếu pháp thân, cái thân thích ứng đầy đủ với công đức, của chư Phật không phải chung có với thanh văn và duyên giác, thì vì ý gì Phật nói về nhất thừa? Ở đây có 2 bài chính cú: 1. Vì dẫn dắt cho một loại thanh văn và giữ gìn cho một số bồ tát, nghĩa là do những người không cố định mà Phật nói về nhất thừa. (Ghi chú: Vì dẫn dắt thanh văn xoay về đại thừa, vì giữ gìn bồ tát có khuynh hướng không phải đại thừa, nói tóm, vì 2 số người thuộc loại không cố định này mà Phật nói nhất thừa.) 2. Vì pháp tánh, vô ngã và giải thoát thì đồng đẳng, vì những người thuộc loại không cố định, vì thủ đắc 2 ý lạc, vì thanh văn và duyên giác có một số chỉ là hóa thân, vì sự rốt ráo, vì 8 lý do này mà Phật nói nhất thừa. (Ghi Chú: Vì pháp tánh, vô ngã và giải thoát, 3 điều này thì Phật với thanh văn duyên giác đồng đẳng, nên Phật nói nhất thừa. Những người thuộc loại không cố định là thanh văn và bồ tát mà bài chính cú trên mới nói. Ý lạc có 2, có nhân ý lạc, mình người bình đẳng, có pháp ý lạc, pháp pháp bình đẳng. Thanh văn còn có 1 loại nữa là hóa thân của Phật. Sự rốt ráo là cứu cánh, là chung cực, cuối cùng - thì chỉ là một. Vì 5 lý do này nữa, cộng với 3 lý do trước, có tất cả 8 lý do mà Phật nói nhất thừa.” (HT. Thích Trí Quang dịch và ghi chú, tr. 151b17~20)

789 Sở tác sự = Phật sự.



thân và pháp thân⁷⁹⁰ của tất cả chư Phật đều bình đẳng, đều bất khả tư nghị và đều không có ai hơn.

Lại nữa, kệ tụng:

Tuy không gia hành dụng

Trước nguyện lực dẫn dắt

Y vô vi phát khởi

Sở tác không hai tướng. (kệ 43)

[581c05] Luận giải: Y chỉ pháp thân vô vi, tuy không có gia hành dụng công, nhưng do bản nguyện lực dẫn dắt, nhiệm vận phát khởi tất cả sở tác Phật sự của Như lai. Thí như hành giả từ diệt tận định [nhiệm vận] khởi. Lại nữa, Phật sự được khởi là tướng vô tận (: không ngừng nghỉ), không phải tướng sinh tử, cũng không phải tướng niết bàn.⁷⁹¹

[581c09] Thế nào là tổ-đát-lãm tạng? Thế nào là tỳ-nại-da tạng? Thế nào là ma-đát-lý-ca tạng?

Kệ tụng:

Tuyên thuyết các sự pháp

Biệt giải thoát phân biệt

Các pháp tướng mười một

Kinh, luật, bản mẫu tạng. (kệ 44)

790 Nhiếp Đại thừa luận bản: “Bạch đức Thế tôn, chuyển y của Thanh văn và Độc giác được gọi là pháp thân không? Thiện nam tử, không. Bạch đức Thế tôn, vậy nên gọi là gì? Thiện nam tử, nên gọi là giải thoát thân. Do giải thoát thân nên nói Thanh văn Độc giác cùng với Như lai rất bình đẳng, nhưng do pháp thân nên có khác biệt.” (HT. Thích Trí Quang dịch) Giải thoát thân, cái thân tịnh trừ phiền não, còn gọi là ngũ phần pháp thân. Do giải thoát thân nên Phật cũng được gọi là A-la-hán, nhưng không phải chỉ là A-la-hán, vì Phật có pháp thân (hay trí thân).

791 Chư Phật thì không còn dụng công nên mọi việc Phật làm đều không ngừng nghỉ; không ngừng nghỉ nên không bỏ sinh tử, không trú niết bàn, đó là niết bàn vô trú. Nhiếp Đại thừa luận bản: “Sự thành tựu việc làm, nghĩa là chư vị Như lai thì Phật sự vận dụng tự nhiên mà không có ngừng nghỉ, đối với các pháp ba la mật mà các Ngài đã viên mãn các Ngài lại hoạt dụng các pháp ấy.” (HT. Thích Trí Quang dịch)



[581c13] Luận giải: Chư Phật Thế tôn chỉ dựa vào *niếp sự* để hiểu rõ các pháp, đó là **tổ-đát-lãm tạng**.

Hỏi: Những gì là nhiếp sự?

Đáp: Là bốn sự, chín sự và hai mươi chín sự.

Những gì là **bốn sự**? 1. Sự lắng nghe; 2. Sự quy thú; 3. Sự tu học; 4. Sự Bồ-đề.⁷⁹²

Chín sự: 1. Sự giả lập hữu tình; 2. Sự hữu tình được thọ dụng; 3. Sự hữu tình thọ sinh; 4. Sự hữu tình sinh rồi trú; 5. Sự hữu tình nhiễm ô và thanh tịnh; 6. Sự hữu tình đa dạng sai biệt; 7. Sự người thuyết; 8. Sự pháp được thuyết; 9. Sự chúng hội.⁷⁹³

Hai mươi chín sự: Bảng bạc trong các kinh là chín sự⁷⁹⁴, trong đó:

Y cứ phẩm loại tạp nhiễm, có bốn sự:

1. Sự nhiếp các hành;
2. Sự thứ tự lưu chuyển trong các hành;

792 Hiền dương, quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, có kệ tụng: “Văn, quy, học, Bồ-đề”, trong đó sự lắng nghe (6 thứ) và sự quy y (3 thứ), được nói trong quyển 6; còn ba học (12 thứ) và Bồ-đề (5 thứ) được nói ở quyển 7. Sự lắng nghe, là hai tuệ văn và tư (nghe và nghĩ); sự quy thú, là ba quy y (đức tin); sự tu học, là ba học; sự Bồ-đề, là 37 Bồ-đề phần, 4 hành tích, xa-ma-tha, tỳ-bát-xá-na, v.v... đưa đến đại Bồ-đề.

793 Chín sự: 1. Sự giả lập hữu tình: là 5 uẩn; 2. Sự hữu tình được thọ dụng: là 12 xứ, tức 6 căn, 6 trần hỗ tương thọ dụng; 3. Sự hữu tình thọ sinh: là 12 hữu chi; 4. Sự hữu tình sinh rồi trú: là 4 thức ăn; 5. Sự hữu tình nhiễm ô và thanh tịnh: là 4 đế, khổ tập là nhiễm, diệt đạo là tịnh; 6. Sự hữu tình đa dạng sai biệt: là 5 loại giới: hữu tình giới, khí thể giới, pháp giới, điều phục hữu tình giới và điều phục phương tiện giới; 7. Sự người năng thuyết: là chư Phật; 8. Sự pháp được thuyết: là giáo pháp; 9. Sự chúng hội: là 8 chúng; nhân loại có 4 chúng: sát-đế-lợi, sa-môn, bà-la-môn và trưởng giả; chư thiên có 4 chúng: trời tứ thiên vương, trời Tam thập tam, trời Diêm ma, trời Phạm thiên.

794 Chánh văn là “biển nhiếp cứu sự kinh” 遍攝九事經, có người hiểu là Kinh Biển nhiếp cứu sự, vì đoạn sau có nhắc đến “tạp nhiễm phẩm” và “thanh tịnh phẩm”. Xét kinh Giải thâm mật, phần nói về kệ kinh, điều phục (luật), bản mẫu (luận), thì không có “biển nhiếp cứu sự kinh” (tr. 708c16) Du-già sư địa luận, quyển 78, tr. 734a21 cũng không có. Cho nên phải hiểu như được dịch. Chín sự: 1. Nhất thiết pháp; 2. Giới; 3. Tạp nhiễm; 4. Đế; 5. Y chí; 6. Giác phần; 7. Bồ-đặc-già-la; 8. Quả; 9. Công đức. Những gì đức Phật Thích Ca giảng dạy không ngoài 9 sự này.



3. Sự kiến lập *chúng sinh tướng* (: ngã chấp) làm nhân lưu chuyển trong các hành ở vị lai;

4. Sự kiến lập *pháp tướng* (: pháp chấp) làm nhân lưu chuyển trong các hành ở vị lai.

Lại y cứ *phẩm loại thanh tịnh* mà nói có hai mươi lăm sự:

1. Sự an trú [chánh niệm] đối với cảnh sở duyên;
2. Sự tinh tiến trong sự an trú ấy;
3. Sự tâm an định; 4. Sự hiện pháp lạc trú;
5. Sự phương tiện giải thoát tất cả sở duyên của khổ não;
6. Sự biến tri khổ não: sự này có ba là (a) biến tri y xứ của những thứ điên đảo, (b) biến tri y xứ của những thứ tà hành, (c) biến tri y xứ của những thứ nội ly tăng thượng mạn;
7. Sự tu y xứ (: diệt nhân);
8. Sự tác chứng;
9. Sự tu tập;
10. Sự kiên cố của sự tu tập;
11. Sự hành tướng của sự tu tập;
12. Sự sở duyên của sự tu tập;
13. Sự thiện xảo quan sát cái đã đoạn và cái chưa đoạn của sự tu tập;
14. Sự tán loạn của sự tu tập;
15. Sự không tán loạn của sự tu tập;
16. Sự y xứ của sự không tán loạn;
17. Sự tu tập phương tiện một cách cần cù nỗ lực, không rời xa;



18. Sự thắng lợi của sự tu tập;
19. Sự bền chắc của sự thắng lợi;
20. Sự thu hoạch tuệ giác của Hiền Thánh;
21. Sự được viễn ly bởi sự thu hoạch của tuệ giác của Hiền Thánh;
22. Sự thông suốt chân như;
23. Sự chứng đắc niết bàn;
24. Sự vượt qua chánh kiến của tất cả ngoại đạo bởi sự chánh kiến về pháp luật được thuyết một cách khéo léo, mặc dù sự chánh kiến ấy đang còn hữu lậu;
25. Sự thoái giảm của sự chánh kiến ấy bởi không tu tập – đó là đối với pháp luật được thuyết một cách khéo léo nhưng không tu tập nên nói là thoái giảm, chứ không phải sự chánh kiến ấy có gì sai lầm.⁷⁹⁵

795 Hai mươi chín sự này chia ra 2 loại là tạp nhiễm và thanh tịnh. Loại tạp nhiễm có 4 sự: sự 1 là 5 uẩn, sự 2 là 12 duyên sinh, sự 3 là ngã chấp, sự 4 là pháp chấp. Loại thanh tịnh chia 2 phần là thế gian và xuất thế. Loại thanh tịnh thuộc phần thế gian có 4 sự 1 đến sự 4. Loại thanh tịnh thuộc phần xuất thế chia làm 6 nhóm: (1) nhóm giải thoát phần có 1 sự là sự 5, (2) nhóm tứ đế hay quyết trạch phần có 4 sự là sự 6 đến sự 9, (3) nhóm kiến đạo có 4 sự là sự 10 đến sự 13, (4) nhóm tu đạo có 4 sự là sự 14 đến sự 17, (5) nhóm giải thoát đạo hay vô học đạo có 6 sự là sự 18 đến sự 23, (6) nhóm thù thắng và không thù thắng có 2 sự là sự 24 và sự 25. Giải thích thêm: sự nhiếp các hành là 5 uẩn. Sự thứ tự lưu chuyển trong các hành là 12 duyên khởi. Sự tâm an định là Vị chí định ở cõi Dục. Sự hiện pháp lạc trú là căn bản định của Sơ tĩnh lự trở lên. Sự phương tiện giải thoát tất cả sở duyên của khổ não là nói tổng quát phần xuất thế. Sự biến tri khổ não, trong đó biến tri y xứ của những thứ điên đảo là chỉ cho chúng sinh Dục giới (: ngã chấp); biến tri y xứ của những thứ tà hành là chỗ mà người tu 4 thiên định hướng đến, họ theo tà kiến cho rằng Phạm thiên hay Đại tự tại thiên ở Sắc giới là chúa tể (: tát-ca-da kiến); biến tri y xứ của những thứ nội ly tăng thượng mạn là chỗ những người tu 4 Vô sắc định hướng đến, những người này bên trong mới hết sự muốn hình sắc mà đã sinh thượng mạn, chưa giải thoát cho là đã giải thoát, chỗ ấy là cõi Vô sắc (: vô ngã chấp). Sự tu y xứ là chỗ mà sự tu tập hướng đến. Kiên cố là kiến đạo thì không còn thoái đạo ác đạo nữa (: hành bất thoái). Hành tướng là tu tập thuộc hữu tướng hành. Sở duyên là sở duyên cảnh, tức đối tượng của hiện quán. Cái đã đoạn là kiến hoặc, cái chưa đoạn là tu hoặc. Sự thắng lợi của sự tu tập là không còn tạp nhiễm. Sự bền chắc của sự thắng lợi là nhờ tu gia hành và chánh định mà đoạn trừ tu sở đoạn phiền não ở Dục giới. Sự thu hoạch tuệ giác của Hiền Thánh là nhờ tu vô gián đạo và giải thoát đạo mà đoạn trừ tu sở đoạn phiền não ở Dục giới. Sự được viễn ly bởi sự thu hoạch của tuệ giác của Hiền Thánh là nhờ tu vô gián đạo và giải thoát đạo mà đoạn trừ tu sở đoạn phiền não ở Sắc giới. Sự thông suốt chân như là nhờ tu vô gián đạo mà đoạn trừ tu sở đoạn phiền não ở Vô sắc giới, nhập Kim cang dụ định. Sự chứng đắc niết bàn là được chánh trí vô sinh, hậu đắc trí, nhất thiết chủng trí, chứng đắc niết bàn sự. Ngoài ra, sự thu hoạch tuệ giác Hiền Thánh được hiểu



[582a10] Lại nữa, Phật Thế tôn vì các vị Thanh văn và các vị Bồ-tát mà nói về pháp biệt giải thoát và phân biệt rộng về pháp tương ứng với biệt giải thoát, đó là **tỳ-nại-da tạng**. Ở đây, do bảy sắc thái tóm lược pháp biệt giải thoát của Bồ-tát: 1. Nói về quy tắc thọ giới và giữ giới; 2. Nói về giới pháp ba-la-xà-dĩ-ca⁷⁹⁶; 3. Nói về sự hủy phạm giới; 4. Nói về thể tánh còn phạm giới; 5. Nói về thể tánh không phạm giới; 6. Nói về phương cách ra khỏi sự phạm giới; 7. Nói về sự xả bỏ luật nghi.

[582a17] Chư Phật Thế tôn lấy mười một sắc thái để hiểu rõ, phân biệt, khai thị các pháp, đó là **ma-đát-lý-ca tạng**. Thế nào là mười một sắc thái: 1. Thế tục đế; 2. Thắng nghĩa đế; 3. Sở duyên của các pháp bồ đề phần; 4. Hành tướng; 5. Tự tánh; 6. Quả của tự tánh; 7. Sự tiếp nhận khai thị của tự tánh; 8. Pháp chướng ngại của tự tánh; 9. Pháp tùy thuận của tự tánh; 10. Tội lỗi của tự tánh; 11. Thắng ích của tự tánh.

là bồ-đề của Thanh văn, Độc giác và Vô thượng, và sự được viễn ly bởi sự thu hoạch của tuệ giác Hiền Thánh là 2 loại tư lương phước đức trí tuệ. Thiện thuyết pháp luật là pháp luật được thuyết một cách khéo léo. Thế gian chánh kiến được dịch là chánh kiến đang còn hữu lậu.

796 Ba-la-xà-dĩ-ca 波羅闍已迦 = ba-la-di 波羅夷 (pārājika): Dịch ý là tha thắng. Tha thắng nghĩa là bị cái khác chiến thắng, cái khác ấy là tội ác. Tha thắng được nói đến là vì đứng đầu các loại giới pháp. Người tu hành nếu phạm giới này thì: 1. Mất tư cách tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, không có phần trong đạo quả; 2. Bị giáo đoàn trục xuất, không được ở chung với Tăng; 3. Sau khi chết rơi vào địa ngục. Tội này cũng giống như tội hình bị chặt đầu, không sống lại được, vĩnh viễn bị đuổi ra ngoài cửa Phật, nên gọi là cực ác. Lại tội này hay phá giới thể của sa-môn, khiến người ấy rơi xuống, ma quân được thắng thế, nên gọi là tha thắng; pháp lành gọi là mình, pháp ác gọi là người, vì pháp ác thắng pháp lành, nên phạm tội này gọi là tha thắng tội. Bốn Ba-la-di của tỳ-kheo là chỉ 4 tội: giết hại, trộm cướp, dâm dục, nói dối. Tỳ-kheo-ni thì ngoài bốn tội trên đây còn thêm 4 tội nữa là: vuốt ve, tám sự thành tội nặng, che dấu tội nặng cho tỳ-kheo-ni khác, về hứa với tỳ-kheo-ni đã bị xử tội mà Ni đoàn can gián 3 lần không nghe; như vậy tỳ-kheo-ni có 8 ba-la-di. Bốn tội ba-la-di của tỳ-kheo giới và tám tội ba-la-di của tỳ-kheo-ni giới, gọi chung là bốn nặng tám nặng. Trong giới Đại thừa, tội ba-la-di của Bồ-tát khác với Tiểu thừa, hơn nữa, trong các kinh luận nói cũng có chỗ bất đồng. Như kinh Bồ tát anh lạc bản nghiệp lấy 10 tội: giết hại, trộm cướp, dâm dục, nói dối, bán rượu, nói xấu bốn chúng, khen mình chê người, keo kiệt bòn sẻn, nóng giận không chịu hối cải, chê bai Tam bảo, lập thành 10 tội ba-la-di. Kinh Đại Nhật, quyển 6, phẩm Thọ phương tiện học xứ, lấy 4 pháp: chê bai các pháp, lia bỏ tâm Bồ-đề, keo kiệt, náo hại chúng sinh, làm 4 tội căn bản. Đại Nhật kinh sơ, quyển 17, ngoài 4 pháp kể trên, thêm 6 giới nữa là: không chê tất cả kinh pháp ba thừa, đối với tất cả pháp không sinh tâm keo kiệt, không được tà kiến, đối trước người phát tâm lớn khuyến họ phát tâm không để họ trở lui, đối trước người Tiểu thừa, nếu chưa xét kỹ căn cơ thì không được nói pháp lớn và các việc làm bố thí v.v... mà gọi chung là 10 trọng giới của Bồ-tát.



[582a23] (1) **Thế tục đế**: (a) Nói về bồ-đặc-già-la (: ngã chấp); (b) Nói về tự tánh biến kế chấp; (c) Nói về tác dụng, nghiệp cụ v.v... của các pháp (: tự tánh y tha khởi).⁷⁹⁷

(2) **Thắng nghĩa đế**: Là nói về bảy chân như.⁷⁹⁸

(3) **Sở duyên của các pháp bồ đề phần**: Là nói về tất cả chủng loại sở tri.

[582a27] (4) **Hành tướng**: Là nói tám hành quán sát: 1. Hành quán sát để thật; 2. Hành quán sát kiến lập; 3. Hành quán sát tội lỗi; 4. Hành quán sát công đức; 5. Hành quán sát lý thú; 6. Hành quán sát lưu chuyển; 7. Hành quán sát đạo lý; 8. Hành quán sát quảng lược (: tổng quát).

Để thật: Là nói về chân như của các pháp.

Kiến lập: Là lập ra bồ-đặc-già-la (: ngã chấp), là lập ra tự tánh biến kế sở chấp, là lập ra bốn ký luận: quyết định, phân tách, hỏi lại và lãng bỏ,⁷⁹⁹ là lập ra ký luận ẩn mật và minh bạch.⁸⁰⁰

Tội lỗi: Là các pháp tạp nhiễm được Phật nói thì có nhiều mặt tội lỗi, không phải có một mặt.

Công đức: Là các pháp thanh tịnh được Phật nói thì có nhiều mặt thắng ích, không phải có một mặt.

Lý thú: Có sáu thứ: 1. Lý thú chân nghĩa; 2. Lý thú chứng đắc;

797 Hiền dương, quyển 5, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 1, [503a15]: “Ngã, pháp và tác dụng chính là thế tục đế, và chúng tuy chẳng thật có, nhưng y theo thế tục nên nói có.”

798 Bảy chân như: 1. Chân như nơi sự lưu chuyển; 2. Chân như nơi thật tướng; 3. Chân như nơi duy thức; 4. Chân như nơi sự an lập; 5. Chân như nơi sự tà hành; 6. Chân như nơi sự thanh tịnh; 7. Chân như nơi sự chánh hành. Xem Hiền dương, quyển 3, phẩm Nhiếp sự, phần 3, [493b10].

799 Bốn loại ký luận hay vấn ký: nhất hướng ký, phân biệt ký, phản vấn ký (cật vấn ký), trí ký (chỉ ký).

800 Hiền dương, quyển 5, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 1, mục Nghĩa sở biến tri.



3. Lý thú giáo đạo; 4. Lý thú ly nhị biên; 5. Lý thú bất tư nghị; 6. Lý thú ý lạc. Như phẩm Nhiếp sự [và phẩm Nhiếp tịnh nghĩa] đã nói.⁸⁰¹

Lưu chuyển: Là ba thời gian, ba hữu vi tướng⁸⁰² và bốn duyên tố⁸⁰³.

Đạo lý: Là bốn đạo lý: (1) Đạo lý quán đãi; (2) Đạo lý tác dụng; (3) Đạo lý chứng thành; (4) Đạo lý pháp nhĩ.

Đạo lý quán đãi là do nhân tố và duyên tố mà phát sinh các hành và phát sinh ngôn từ liên quan các hành.

Đạo lý tác dụng là do nhân tố và duyên tố mà các pháp sinh, các pháp thành, các pháp sinh thành rồi tác dụng.

Đạo lý chứng thành là do nhân tố và duyên tố mà làm cho ý nghĩa nói ra được xác lập và làm cho người nghe hiểu biết chính xác.

Lại nữa, đạo lý chứng thành có hai loại: 1. Thanh tịnh; 2. Bất thanh tịnh. Do năm sắc thái mà thanh tịnh, và do bảy sắc thái mà bất thanh tịnh.

(Một) *Do năm sắc thái mà thanh tịnh*: (1) Hiện lượng thấy được; (2) Dựa vào sự hiện thấy (: suy luận); (3) Dẫn chứng từ những thí dụ cùng tính chất (: luận cứ); (4) Thành tựu; (5) Những ngôn giáo tốt đẹp trong sáng (: chánh giáo).

Hiện lượng thấy được: Là các hành vô thường, các hành khổ

801 Hiền dương, quyển 4, phẩm Nhiếp sự, phần 4, và quyển 6, phẩm Nhiếp tịnh nghĩa, phần 2.

802 Ba hữu vi tướng: Là sắc pháp, tâm pháp và phi sắc phi tâm pháp. (1) Sắc pháp: Pháp chất ngại. Theo tông Câu xá của Tiểu thừa, chỉ cho 11 pháp: 5 căn, 5 cảnh và vô biểu sắc; còn theo tông Pháp tướng của Đại thừa thì chỉ cho 11 pháp: 5 căn, 5 cảnh và pháp xứ sở nhiếp sắc. (2) Tâm pháp: Pháp suy biết. Theo Câu xá thì chỉ cho 1 tâm vương và 46 tâm sở; còn theo Đại thừa thì chỉ cho 8 tâm vương và 51 tâm sở. (3) Phi sắc phi tâm pháp: Pháp không thuộc sắc không thuộc tâm. Theo Câu xá thì chỉ cho 14 pháp Bất tương ưng; còn theo Đại thừa thì chỉ cho 24 pháp Bất tương ưng. Ba loại pháp trên đây đều do sự tạo tác của nhân duyên nên gọi là pháp hữu vi. Trong hết thấy các pháp, trừ pháp vô vi, còn lại đều thuộc pháp hữu vi.

803 Bốn duyên tố: Nhân duyên, đấng vô gián duyên, sở duyên duyên và tăng thượng duyên.



não, các pháp vô ngã, đại loại như vậy, đó là những điều mà thế gian thấy được bằng hiện lượng.

Dựa vào sự hiện thấy: Là xét thấy các hành là tánh sát na, là tính có đời sau, là tính nghiệp lành nghiệp dữ không mất. *Tánh sát na* là do sự vô thường thô thiên mà hiện lượng thấy được. *Tánh có đời sau* là do chúng sinh có nhiều loại vì có nhiều loại nghiệp mà hiện lượng thấy được. *Tánh nghiệp lành nghiệp dữ không mất* là do chúng sinh có vui, có khổ mà hiện lượng thấy được. Đại loại như vậy, đó là những điều không hiện thấy mà có thể suy luận qua sự hiện lượng thấy được.

Dẫn chứng từ những thí dụ cùng tính chất: Là đối với các hành nơi bản thân hay nơi ngoại giới đều có thể dẫn sự sống chết mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn mọi sự khổ não của sự sống chết mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn sự bất tự do mà ai cũng biết để ví dụ, dẫn sự thịnh suy mà ai cũng biết để ví dụ, đại loại như vậy.

Thành tựu: Là do hiện lượng thấy được và do dẫn chứng từ những thí dụ cùng tính chất, từ đó chủ thuyết lập ra được quyết định.

Những ngôn giáo tốt đẹp trong sáng: Là những tuyên thuyết của bậc Nhất thiết trí, như tuyên thuyết niết bàn là vắng lặng trọn vẹn, đại loại như vậy.

Ở đây có năm sắc thái có thể biểu thị chân thật về một bậc Nhất thiết trí. Những gì là năm? Một là, bậc Nhất thiết trí xuất hiện thế giới thì cái danh tiếng chánh thật vang dội thế giới; hai là, toàn hảo ba mươi hai tướng quý của bậc đại trượng phu; ba là, đầy đủ mười trí lực mà đoạn được mọi lưới nghi hoặc cho chúng sinh; bốn là, tự xưng đầy đủ bốn vô sở úy [để tuyên thuyết chánh pháp], không bị sự biện luận của ai khuất phục mà lại khuất phục được những sự tà luận; năm là, trong chánh pháp luật được tuyên thuyết thì tám chi Thánh đạo và bốn sa-



môn quả v.v... toàn là những cái có thể thực hiện ngay trong hiện tại. Sự xuất hiện thế giới [với danh tiếng Nhất thiết trí và đầy đủ các tướng quý], sự giải quyết nghi hoặc, sự không bị khuất phục mà khuất phục được người khác, sự hiện tại có thể thực hiện Thánh đạo và sa-môn quả, năm sắc thái như vậy biểu thị chân thật về bậc Nhất thiết trí.

Như vậy, đạo lý chứng thành do hiện lượng, do tỷ lượng đi cùng những thí dụ và sự thành tựu của tỷ lượng ấy, và do chánh giáo lượng, do 5 sắc thái như vậy mà gọi là thanh tịnh.

(Hai) *Do bảy sắc thái mà bất thanh tịnh*: (1) Một phần cùng tánh chất; (2) Một phần khác tánh chất; (3) Toàn phần cùng tánh chất; (4) Toàn phần khác tánh chất; (5) Thí dụ khác tánh chất; (6) Không phải thành tựu; (7) Những ngôn giáo không tốt đẹp trong sáng.

Nếu đưa ra lý do vì ý thức nhận biết tất cả pháp thì đó là *toàn phần cùng tánh chất*. Nếu đưa ra lý do vì sắc thái, vì đặc tính, vì tác dụng, vì nhân quả, v.v... mỗi lý do riêng biệt của mỗi pháp, quyết định các pháp là cùng tánh chất hay khác tánh chất, thì đó là *một phần cùng tánh chất* hay *một phần khác tánh chất*. Nếu đưa ra lý do vì sự khác nhau hoàn toàn để quyết định các pháp, thì đó là *toàn phần khác tánh chất*. Nếu một phần cùng tánh chất và thí dụ lại là toàn phần khác tánh chất thì vì vậy mà chủ thuyết lập ra không được quyết định, nên đó là *không phải thành tựu*. Nếu đưa ra lý do mà một phần khác tánh chất và thí dụ lại là toàn phần cùng tánh chất thì vì vậy mà chủ thuyết lập ra không được quyết định, nên đó là *không phải thành tựu*. Do không phải thành tựu, nên gọi là quan sát bất thanh tịnh. Do quan sát bất thanh tịnh nên không đáng học tập. *Những ngôn giáo không tốt đẹp trong sáng*, nghĩa là bản chất của những giáo huấn ấy toàn là bất thanh tịnh.



Đạo lý pháp nhĩ là Như lai xuất thế hay không xuất thế, pháp tánh các pháp vẫn an lập, pháp giới các pháp vẫn an trú, không biến đổi.

Quảng lược: Là trước nói tổng quát bằng một câu về pháp, sau đó nói những câu phân tách khác nhau làm cho rõ ràng trọn vẹn.

[583a03] (5) **Tự tánh**: Là sự tu hành và sự duyên theo để thủ đắc các pháp bồ đề phần là bốn niệm trú và các mục cùng loại.

(6) **Quả của tự tánh**: Là những sự diệt trừ phiền não và những thành quả công đức thuộc cả phạm vi thế gian và phạm vi xuất thế gian.

[583a07] (7) **Sự tiếp nhận khai thị của tự tánh**: Là đối với cái quả nói trên, đem cái trí giải thoát mà lãnh nhận và khai thị phong phú cho người.

[583a10] (8) **Pháp chướng ngại của tự tánh**: Là chính các pháp nhiệm ô gây chướng ngại cho sự tu hành các pháp bồ đề phần.

(9) **Pháp** tùy thuận của tự tánh: Là những gì làm cho sự tu hành ấy nhiều hơn lên.

[583a14] (10) **Tội lỗi của tự tánh**: Là những tội lỗi của các pháp chướng ngại nói trên.

[583a16] (11) **Thắng ích của tự tánh**: Là những công đức của các pháp tùy thuận nói trên.

Theo từng trường hợp, chư Phật Thế tôn lấy mười một sắc thái trên để hiểu rõ, phân biệt, khai thị các pháp, đó là **ma-đát-lý-ca tạng**.⁸⁰⁴

804 Mười một sắc thái này được trích từ kinh Giải thâm mật, tr. 709a17~710b04, và Du-già sư địa luận, quyển 78. Tr. 734b17~735c03.



Lại nữa, kệ tụng:

Các tướng và đoạn diệt

Không đánh mất phương tiện

Hai quả trên, sai biệt

Nói lược nghĩa các kinh. (kệ 45)

[583a22] Luận giải: Nghĩa của các kinh, lược nói có năm điều:

1. Các tướng; 2. Đoạn diệt; 3. Không mất hoại và phương tiện không mất hoại⁸⁰⁵; 4. Hai quả của không mất hoại và phương tiện không mất hoại; 5. Sai biệt không mất hoại.

Như kinh Thiện Sinh⁸⁰⁶ có nói sơ lược năm điều này: “*Phật bảo Thiện Sinh: ‘Này người dòng họ cao quý, có hai sự đều là tốt đẹp.’*” Tốt đẹp là chỉ cho các tướng.

Đoạn diệt: Có hai thứ sự, nghĩa là: “*Muốn có được sự đoạn diệt*

và có được sự đoạn diệt y sự.’ Câu kinh này cũng hiển thị cho hai thứ: không mất hoại và phương tiện không mất hoại.

Không mất hoại và phương tiện không mất hoại: Là “*Một là cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà; hai là đã tận trừ các hữu lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’*”

Hai quả của không mất hoại và phương tiện không mất hoại: Thành quả của sự không mất hoại và phương tiện không mất hoại là tánh tịch tĩnh.

Sai biệt không mất hoại: Là năm sự tịch tĩnh sai biệt: 1. Các triền tịch tĩnh; 2. Thế gian ly dục tịch tĩnh; 3. Thuận hạ phần tịch tĩnh⁸⁰⁷; 4. Thuận thượng phần tịch tĩnh⁸⁰⁸; 5. Y sự tịch tĩnh.⁸⁰⁹

805 Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạp luận, quyển 15: “Mất hoại là dính mắc nội ngoại y sự. Nội y sự là năm thủ uẩn làm tướng. Ngoại y sự là nhà cửa, vợ con, của cải, v.v... Không mất hoại là là rời xa hai sự dính mắc ở trên. Mất hoại phương tiện là không xuất gia, hay tuy xuất gia mà hành phóng dật, không được lậu tận. Không mất hoại phương tiện là trái ngược với điều trên.” (tr. 766a28~b02)

806 Tạp A-hàm, Kinh Thiện Sinh, số 1062: “Tôi nghe như vậy: Một thời Đức Phật ở trong vườn Cấp cô độc, rừng cây Kỳ-đà, tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tôn giả Thiện Sinh vừa mới cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín xuất gia học đạo, sống không nhà; đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi lui qua một bên. Khi ấy Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo, nên biết thiện nam tử Thiện Sinh này có hai chỗ đoạn nghiêm: Một là cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa, chánh tín, xuất gia học đạo, sống không nhà; hai là đã tận trừ các hữu lậu, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, hiện tại tự biết tác chứng: ‘Ta, sự sanh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những việc cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sanh đời sau nữa.’”

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Tịch tĩnh, sạch các lậu,
Tỷ-kheo trang nghiêm tốt;
Ly dục, đoạn các kết,
Không tái sanh, Niết-bàn.
Giữ thân sau cùng này,
Hàng phục giặc ma oán.

Phật nói kinh này xong, các Tỷ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.” (Thích Đức Thắng dịch)

807 Ngũ thuận hạ phần kết 五順下分結: Năm loại phiền não trói buộc chúng sinh hữu tình ở Dục giới. Câu-xá luận, quyển 21, ghi: “Năm hạ phần kết là gì? Đó là thân kiến, giới cấm thủ kiến, nghi, dục tham, sân khuê. Chúng được gọi là Thuận hạ phần (avarabhāgīya) bởi vì chúng có liên hệ và thuận hợp với “phần ở phía dưới”, tức chỉ cho Dục giới. Như vậy trong số này có hai kết sử khiến cho người ta không thể vượt qua được Dục giới và ba kết sử khiến cho người ta phải trở lại Dục giới. Dục tham và sân khuê ngăn chặn sự xuất ly Dục giới; thân kiến, giới cấm thủ kiến và nghi làm cho những người đã xuất ly Dục giới phải trở lại Dục giới.”

808 Ngũ thuận thượng phần kết: Năm loại phiền não tồn tại ở Sắc giới và Vô sắc giới. Câu-xá luận, quyển 21, ghi: “Thuận thượng phần có năm thứ: tham Sắc giới, tham Vô sắc giới, trạo cử, mạn, vô minh, khiến cho chúng sinh không thể siêu thoát”. 1. Tham Sắc giới, gọi là Sắc ái kết, tức là những phiền não do chúng sinh tham đắm 5 thứ dục lạc (sắc, thanh, hương, vị, xúc); 2. Tham Vô sắc giới, gọi là Vô sắc ái kết, là những phiền não do tham đắm và vướng mắc trong cảnh giới thiên định ở cõi Vô sắc giới; 3. Trạo kết, là phiền não do tâm niệm của chúng sinh dao động, khiến cho thiên định thối thất hoặc đánh mất; 4. Mạn kết, là phiền não do chúng sinh tự cao, tự đại, cho mình hơn người rồi lẩn lớt, kiêu mạn; 5. Vô minh kết, là phiền não do chúng sinh si mê, ngu muội, không thấy được Thánh đế. Theo Đại tỷ-bà-sa luận, năm thuận thượng phần kết này phải nhờ tu tập mới có thể đoạn trừ được (tu sở đoạn).

809 Do thế gian đạo mà ly dục. Do xuất thế gian đạo mà vĩnh đoạn thuận hạ phần kết, vĩnh đoạn thượng phần kết và vĩnh đoạn nội y sự. Đây là nói nhân tận, quả tận, cũng là hiển thị sự sai biệt không mất hoại.



Để hiển thị năm sự tịch tĩnh ở trên, kinh Thiện Sinh có chính cú rằng:

Các tỳ-kheo tốt đẹp

Tịch tĩnh, lia các lậu

Ly dục, ly hệ phược

Không thọ sinh, niết bàn

Gìn giữ thân sau cùng

Hàng phục giặc ma oán.

[583b08] Lại nữa, kệ tụng:

Lược nói Du-già đạo

Duyên chánh pháp được nghe

Xa-ma-tha và quán

Y ảnh tượng, thành tựu. (kệ 46)

[583b11] Luận giải: Nếu lược nói Du-già đạo, nên biết đa văn được nhiếp, chánh pháp làm cảnh giới, xa-ma-tha và tỳ-bát-xá-na làm tự thể, y chỉ ảnh tượng và y chỉ sự thành tựu. Như đức Bạc già phạm nói: “*Có năm thứ pháp có thể nhiếp lấy tất cả hành giả Du-già, các Du-già địa, đó là trì, trú, minh, kính và chuyển y*”. Nên biết, nghe chánh pháp là trì, sở duyên là trú (: nhậm), chỉ quán là minh, ảnh tượng là kính, sự thành tựu là chuyển y.⁸¹⁰

810 Đại thừa A-tỳ-đạt-ma tạng tập luận, quyển 11, phẩm Quyết trạch phần trung pháp: “Địa này (Du-già địa) lược có 5 thứ: trì, nhậm, kính, minh, y. Trì, là tích tập tư lương bỏ đề rồi, ở nơi noãn vị v.v...”



dựa vào các thánh đế mà có được đa văn; từ những gì đa văn an lập đối cảnh sở duyên cho chí quán, gọi là trì. Lại tích tập tư lương bỏ đề rồi, vì cầu hiện quán chắc thật mà lắng nghe và tiếp nhận giáo pháp nơi khế kinh v.v..., gọi là đa văn (huân tập). Nhậm, là duyên đối cảnh chỉ quán mà tác ý đúng lý; do tác ý như vậy và dựa vào sự đa văn mà tư duy không điên đảo về nghĩa tướng (của giáo pháp), nắm giữ nội tâm một cách tự nhiên. Kính, duyên đối cảnh chỉ quán mà tu chánh định hữu tướng; chánh định này duyên với sự đa văn; vì đối cảnh và ảnh tượng trong định cùng có mặt nên gọi là hữu tướng. Do chánh định này còn mang ảnh tượng có phân biệt của quán, và chánh định này có năng lực quán sát thấu hiểu các pháp cần thấu hiểu, nên ví như tấm gương. Minh, là trí không có thủ đắc năng thủ và sở thủ; do trí này mà nhiếp lấy hiện quán chuyển y ở kiến đạo. Vì sao các bồ tát dựa vào phương tiện tu học của Du-già địa để chứng sự không thể thủ đắc? Đó là các bồ tát đã khéo dồn chứa hai thứ tư lương phước đức và trí tuệ, trải qua vô số đại kiếp thứ nhất, đa văn và tùy thuận sự thấu triệt chân như, tác ý đúng lý về giáo pháp nơi khế kinh v.v... mà tu tập chánh định dựa vào sự khinh an nơi tâm, tư duy đối với ảnh tượng được xác lập trong định, quán ảnh tượng ấy không biệt lập với sự khinh an nơi tâm. Dựa vào ảnh tượng này để buông xả phân biệt ngoại cảnh, chỉ quán chuyên chú vào ảnh tượng có phân biệt của chánh định. Bấy giờ bỏ tất liễu tri các pháp chỉ là tự tâm, trú ở nơi nội tâm, biết tất cả cảnh giới sở thủ đều không sở hữu. Vì sở thủ không có nên tất cả năng thủ cũng chẳng phải chân thật, cho nên liễu tri năng thủ chẳng có. Lại nữa, nơi nội tâm xả ly hai thứ sở đắc, nơi tự tánh chứng vô sở đắc. Dựa vào đạo lý này mà đức Phật khéo tuyên thuyết, bỏ tất ở định vị quán ảnh tượng chánh định là tâm thức, phân biệt về nghĩa đã dứt trừ, thấu triệt chỉ là sự tự phân biệt, biết đã an trú nội tâm, biết sở thủ chẳng có, biết năng thủ cũng không, sau đó chạm đến sự vô sở đắc. Y, là chuyển y, nghĩa là rời xa tất cả (tạp nhiễm) thô trọng mà được thanh tịnh chuyển y.” Luận Đại thừa trang nghiêm kinh, phẩm Thuật cầu: “Nên biết năm học cảnh: Chánh pháp, chánh ức niệm/ Tâm giới, hữu phi hữu/ Thứ năm là chuyển y. [0614a18] Giải thích: Năng tướng kia lại có năm thứ đối cảnh tu học: 1. Năng trì; 2. Sở trì; 3. Kính tượng; 4. Minh ngộ; 5. Chuyển y. Năng trì, là chánh pháp của Phật thuyết, vì chánh pháp nuôi giữ sự năng duyên của hiện quán. Sở trì, là nghĩ nhớ chánh pháp, tức lấy chánh pháp làm đối tượng nắm giữ. Kính tượng, là tâm giới, có được bằng thiền định, nghĩa là, như trước đã nói, an trú tâm nơi pháp giới thì thấy các pháp toàn là danh ngôn; định tâm dụ cho tấm kính, pháp giới dụ cho ảnh tượng. Minh ngộ, là tuệ giác xuất thế gian, rằng các pháp có thì như thật thấy có, các pháp chẳng có thì như thật thấy chẳng có; thấy có là thấy các pháp vô ngã, thấy chẳng có là thấy rõ ràng các pháp toàn là năng thủ và sở thủ. Chuyển y là: Thánh tánh chứng bình đẳng/ Sự giải thoát cũng một/ Thắng thì có năm nghĩa/ Không giảm cũng không tăng. [0614a28] Giải thích: Thánh tánh chứng bình đẳng, Sự giải thoát cũng một: Thánh tánh, là pháp giới vô lậu. Chứng bình đẳng, là chư thánh đồng chứng đắc pháp giới vô lậu. Sự giải thoát cũng một: Thánh tánh của chư Phật cùng thánh tánh của hàng thanh văn, duyên giác thì bình đẳng, do sự giải thoát thì đồng nhất. Thắng thì có năm nghĩa, Không giảm cũng không tăng: Tuy rằng thánh tánh thì bình đẳng nhưng chư Phật thì tối thắng, tự có năm nghĩa: 1. Thanh tịnh thắng, do dứt sạch tập khí phiền não; 2. Phổ biến thắng, do quốc độ đều thông suốt và thanh tịnh; 3. Thân thắng, do thân ấy là pháp thân; 4. Thọ dụng thắng, do chuyển pháp luân và thọ dụng không ngừng nghỉ; 5. Nghiệp thắng, do trú Đâu suất thiên, hiện các hóa sự làm lợi ích chúng sanh. Không giảm, là khi phần nhiễm ô giảm, (pháp giới vô lậu cũng không giảm). Không tăng, là khi phần thanh tịnh tăng, (pháp giới vô lậu cũng không tăng). Trên đây là hành tướng của năm thứ tu học của Du-già địa, mà sự giải thoát của sự tu học ấy y cứ pháp sở tướng và ba loại pháp năng tướng.”



PHỤ LỤC

HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO LUẬN TỤNG

顯揚聖教論頌

Thiện Thệ khéo thuyết ba thân màu
 Vô úy, vô lưu chứng giáo pháp
 Thượng thừa chân thật Mâu Ni tử
 Nay con chí thành xin tán lễ
 Cúi đầu kính lạy Đại từ tôn
 Sẽ nói chúng trí đáng Pháp vương
 Không dựa thế gian làm quy thú
 Bậc tuyên thuyết Du-già sư địa.
 Xưa con Vô Trước từ Thầy nghe
 Nay tổng hợp yếu nghĩa các địa
 Hiển dương thánh giáo đáng Từ bi
 Văn gọn, nghĩa tròn mà dễ hiểu:
 Nhiếp sự, Tịnh nghĩa, Thành thiện xảo
 Vô thường, Khô, Không và Vô tánh
 Hiện quán, Du-già, Bất tư nghị
 Nhiếp thắng quyết trạch: mười một phẩm.



善逝善說妙三身
 無畏無流證教法
 上乘真實牟尼子
 我今至誠先讚禮
 稽首次敬大慈尊
 將紹種智法王位
 無依世間所歸趣
 宣說瑜伽師地者
 昔我無著從彼聞
 今當錯綜地中要
 顯揚聖教慈悲故
 文約義周而易曉
 攝事淨義成善巧
 無常苦空與無性
 現觀瑜伽不思議
 攝勝決擇十一品



Phẩm Một: NHIẾP SỰ

攝事品第一

1. Nhất thiết, giới, tạp nhiễm

Đế, y chỉ, giác phân

Bồ-đặc-già-la, quả

Các công đức: chín sự.

一切界雜染

諦依止覺分

補特伽羅果

諸功德九事

2. Tâm, tâm sở hữu, sắc

Bất tương ưng, vô vi.

Giới: Dục, Sắc, Vô sắc

Và tam thiên thể giới.

心心所有色

不相應無為

界謂欲色等

及與三千界

3. Phiền não, nghiệp, sinh tánh

Tướng tạp nhiễm nên biết.

Các đế có sáu loại

Y chỉ tám và hai.



煩惱業生性

雜染相應知

諸諦有六種

依止八與二

4. Giác phân có rất nhiều

Trước hết ba mươi bảy

Trí và giải thoát môn

Hành, tích và chỉ quán.

覺分有眾多

最初三十七

智與解脫門

行跡及止觀

5. Cư xứ và sở y

Phát tâm và bi mẫn

Các hành, thông đạt tánh

Địa, ba-la-mật-đa.

居處及所依

發心與悲愍

諸行通達性

地波羅蜜多

6. Bồ-tát hành, nhiếp sự

Và đà-la-ni môn

Các tam-ma-địa môn

Những vô lượng tác ý.



菩薩行攝事
及彼陀羅尼
三摩地等門
諸無量作意

7. Tướng tác ý chân như
Tín giải bất tư nghị
A-thê-da rộng lớn
Nên biết các tự số.

真如作意相
信解不思議
廣大阿世耶
應知諸自數

8. Tùy tín hành, bảy hạng
Còn tám bậc nên biết
Cực thất phản vân vân
Thối pháp đẳng có sáu.

隨信行等七
復八種應知
及極七反等
退法等有六

9. Nhuyễn căn đẳng bảy hạng
Tại tục và xuất gia
Có ba: Thanh văn thừa
Khả cứu, bất khả cứu.



軟根等七種
在俗及出家
聲聞乘等三
可救不可救

10. Có chín: nhập phương tiện
Sinh sai biệt có hai
Do các giới sai biệt
Nên biết mười ba bậc.

入方便等九
生差別故二
復由諸界別
應知十三種

11. Quả đoạn có năm thứ
Biển tri và thanh tịnh
Tịnh, quả, giới, bò-đề
Vô học, do tự số.

果斷有五種
遍知及清淨
淨果界菩提
無學由自數

12. Đoạn nhiều nhân nên đoạn
Từ đâu thiết lập đoạn
Do tác ý, y, tu
Được đoạn theo thứ tự.



斷多因故斷
建立斷所從
由作意依修
及得斷次第

13. Đoạn sai biệt nên biết
Đoạn hành tướng lợi ích
Cả hai như được nói
Đều nên biết nhiều thứ.

斷差別應知
及斷相利益
如是如所說
復應知多種

14. Vô lượng, các giải thoát
Thắng xứ và biến xứ
Vô tránh, diệu nguyện trí
Vô ngại giải, thần thông.

無量諸解脫
勝處與遍處
無諍妙願智
無礙解神通

15. Các tướng hảo, thanh tịnh
Và các lực, vô úy
Bất hộ và niệm trú
Vĩnh đoạn các tập khí.



諸相好清淨
及諸力無畏
不護與念住
永斷諸習氣

16. Không quên mất diệu pháp
Và Như lai đại bi
Phật bất cộng đức pháp
Nhất thiết chủng diệu trí.

無忘失妙法
及如來大悲
佛不共德法
一切種妙智

17. Nên biết chín sự trên
Đầu là hai sở y
Tiếp hai, sau sáu chủng:
Nhiếp tạp nhiễm, thanh tịnh.

當知前九事
初為二所依
次二後六種
攝雜染清淨

18. Là nhiễm y sai biệt
Là thanh tịnh sở duyên
Vì tâm chẳng lưu tán
Nên chánh tu phương tiện.



染依差別故
清淨所緣故
心不流散故
正修方便故

19. Là phân vị sai biệt
Ngôn thuyết đẳng các nhân
Quả là các công đức
Số, thứ tự chỉ vậy.

彼位差別故
言說等因故
彼果故德故
數次第唯爾

20. Muốn tư lượng vô lượng
Các vấn đáp sai biệt
Do chư Phật ngữ ngôn
Sự nhiếp và tương nhiếp.

欲思量無量
諸問答差別
由諸佛語言
事與相攝故

(1) Cú, mê hoặc, hý luận
Trú, chân thật, tịnh, diệu
Tịch tĩnh, tánh, đạo lý
Giả thi thiết, hiện quán



句迷惑戲論
住真實淨妙
寂靜性道理
假施設現觀

(2) Phương sở, vị, phân biệt
Tác, chấp trì, tăng, giảm
Ám, ngữ, sở giác, thượng
Viễn ly, chuyển, tàng hộ

方所位分別
作執持增減
闇語所覺上
遠離轉藏護

(3) Giải trạch và hiện hành
Thụy miên và tương thuộc
Các tương nhiếp, tương ứng
Thuyết, nhiệm trì, thứ đệ

簡擇與現行
睡眠及相屬
諸相攝相應
說任持次第

(4) Sở tác, cảnh, du-già
Xa-ma-tha và quán
Chư tác ý, giáo thọ
Đức, bồ-đề, thánh giáo.



所作境瑜伽
奢摩他與觀
諸作意教授
德菩提聖教

21. Nếu muốn chánh tu hành
Biển tri đẳng công đức
Cần mười thứ pháp hành
Và sáu thứ lý thú.

若欲正修行
遍知等功德
由十種法行
及六種理趣

Phẩm Hai: NHIẾP TỊNH NGHĨA

攝淨義品第二

1. Thắng luận trong các luận
Cũng khéo nhập Du-già
Nên biết thanh tịnh nghĩa
Do đủ bốn tịnh đức.

諸論中勝論
亦善入瑜伽
清淨義應知
由具四淨德



2.Nhiếp tất cả các nghĩa
Ngoại đạo không hoại được
Vì dễ nhập; đã nhập
Tu hành không hoại mất.

攝一切義故
彼外不壞故
易入故入已
行不失壞故

3.Chư Phật thuyết diệu pháp
Chính dựa vào hai đế
Một là thế tục đế
Hai là thắng nghĩa đế.

諸佛說妙法
正依於二諦
一者名世俗
二者名勝義

4.Trước nói ngã, pháp, dụng
Theo cái khác mà nói
Bảy thứ và bốn thứ
Chân như gọi thắng nghĩa.

初說我法用
為隨餘故說
七種及四種
真如名勝義



5.Tự tánh, nghĩa, kiến lập
Số, thứ đệ, thiện xảo
Tưởng sai biệt nên biết
Hiển uẩn thể tục nghĩa.

自性義建立
數次第善巧
想差別應知
顯蘊世俗義

6.Năm, ba pháp, chân thật
Kia có bốn nên biết
Và bốn thứ tâm tư
Bốn thứ như thật trí.

五三法真實
彼復四應知
及四種尋思
四種如實智

7.Ba tự tánh: thành lập
Sai biệt, nghiệp, ẩn mật
Phương tiện, nhiếp, biệt dị
Mỗi đều có nhiều thứ.

三自性成立
差別業隱密
方便攝別異
是各有多種



8.Nghe mười hai phần giáo
Ba tối thắng quy y
Ba học, ba bò-đề
Vì hữu tình tịnh thuyết.

聞十二分教
三最勝歸依
三學三菩提
為有情淨說

9.Văn, quy, học, bò-đề
Sáu, ba, mười hai, năm
Lần lượt theo danh số
Cần phải rộng phân biệt.

聞歸學菩提
六三十二五
隨名數次第
如應廣分別

10.Thánh hành, vô thượng thừa
Đại bò-đề, công đức
Dị luận, luận pháp, thích
Mỗi danh có nhiều thứ.

聖行無上乘
大菩提功德
異論論法釋
應知各多種



(1)Thù đặc, không thù đặc
 Tâm bình đẳng, lợi ích
 Báo ân và hân tán
 Không dối phương tiện hành.

殊特非殊特
 平等心利益
 報恩與欣讚
 不虛方便行

(2)Phương tiện không điên đảo
 Thoái đọa và thắng tiến
 Công đức tương tự, thật
 Khéo điều phục hữu tình.

不顛倒方便
 退墮與勝進
 相似實功德
 善調伏有情

(3) Các Bồ-tát thọ ký
 Roi vào số quyết định
 Định tác, thường phải tác
 Pháp tôi thắng nên biết.

諸菩薩受記
 墮於決定數
 定作常應作
 最勝法應知



(4)Các thi thiết kiến lập
 Tầm tư tất cả pháp
 Và như thật biến trí
 Cùng với các vô lượng.

諸施設建立
 一切法尋思
 及如實遍智
 并及諸無量

(5)Quả lợi ích tuyên thuyết
 Đại thừa tánh và nhiếp
 Bồ-tát có mười bậc
 Thiết lập các danh hiệu.

宣說果利益
 大乘性與攝
 菩薩十應知
 建立諸名號

(6)Chấp trong nhân có quả
 Hiển liễu, khứ lai hữu
 Ngã, thường, túc tác nhân
 Tự tại đẳng, hại pháp.

執因中有果
 顯了有去來
 我常宿作因
 自在等害法



(7)Biên, vô biên, kiêu loạn
Kiến: vô nhân, đoạn, không
Chấp thắng, tịnh, cát tường
Là mười sáu dị luận.

邊無邊矯亂
見無因斷空
計勝淨吉祥
名十六異論

(8)Công năng không thể tánh
Nhiếp, không nhiếp: tương vi
Có dụng và không dụng
Làm nhân, thành làm lỗi.

功能無體性
攝不攝相違
有用及無用
為因成大過

(9)Luận thể, luận xứ sở
Luận cứ, luận trang nghiêm
Luận phụ, luận xuất ly
Luận đa sở tác pháp.

論體論處所
論據論莊嚴
論負論出離
論多所作法



(10)Thể: văn, nghĩa; thích: pháp
Khởi, nghĩa, nạn, thứ; sự,
Thuyết chúng, thính, tán Phật:
Lược, quảng; học thắng lợi.

體釋文義法
起義難次師
說眾聽讚佛
略廣學勝利

(11)Chư địa, tướng, tác ý
Y xứ, đức, phi đức
Sở đối trị, năng trị
Lược, quảng nghĩa, nên biết.

諸地相作意
依處德非德
所對治能治
略廣義應知

Phẩm Ba: THÀNH THIỆN XẢO

成善巧品第三

1.Nơi các uẩn, giới, xứ,
Và các pháp duyên khởi,
Xứ phi xứ, căn, đế,
Nên biết thiện xảo sự.



於諸蘊界處
及眾緣起法
處非處根諦
善巧事應知

2. Thân giả, tự tại đẳng
Vô nhân, thân giả trú
Lưu chuyển, tác các nghiệp
Và tăng thượng hai thứ.

身者自在等
無因身者住
流轉作諸業
及增上二種

3. Với thân giả, đẳng khởi,
Thật ngã được trú giữ,
Lưu chuyển giả, tác giả,
Và các tăng thượng nghĩa,

於身者等起
實我所住持
流轉者作者
及諸增上義

4. Nhiễm ô hoặc thanh tịnh,
Khởi bảy thứ ngu si.
Đối trị đây nên biết
Nhiếp bảy thứ thiện xảo.



染污若清淨
起七種愚癡
對治此應知
攝七種善巧

5. Vọng kể ngã thân giả
Y chi các căn trú
Với cảnh giới hồi chuyển;
Thọ dụng ái phi ái;

妄計我身者
依止諸根住
於境界迴轉
受用愛非愛

6. Ngôn thuyết sở y trú;
Tác giả, có giác giả.
Do nơi uẩn sai biệt
Chung thấy một cái thân.

言說所依住
作者有覺者
由於差別蘊
總見一身者

7. Vì mê hoặc sơ nhân
Chấp thường nhân, vô nhân.
Ngã trú giữ các căn
Nãn xúc và năng thọ.



迷惑初因故
計常因無因
我住持諸根
能觸及能受

8. Từ đây sinh tử xứ
Chấp có người lưu chuyển
Tác giả: pháp, phi pháp
Và quả ấy tăng thượng.

從此死生處
計有流轉者
法非法作者
及彼果增上

9. Với tu tập tà hành
Chấp là người nhiễm ô
Với tu tập chánh hành
Vọng chấp người giải thoát.

於修習邪行
計為染污者
於修習正行
妄計解脫者

10. Khi Phật chưa ra đời
Ngu si chuyển như vậy
Do Phật hiện thế gian
Nói bảy thứ thiện xảo.



佛未出於世
如是愚癡轉
由佛現世間
說七種善巧

11. Biết ba đời sai biệt
Năng trừ nhất hợp tướng
Tức ly và giải thoát
Chúng sinh bất khả đắc.

知世等別故
能除一合想
即離與解脫
眾生不可得

12. Đa chủng và tổng lược
Cùng có sai biệt chuyển
Trí tăng ích tổn giảm
Thiện xảo uẩn nên biết.

多種及總略
共有差別轉
增益損減智
蘊善巧應知

13. Vì thấy ba nhân sinh
Gọi là thiện xảo giới
Từ vô thủy tự chủng
Nhiều chủng loại sinh khởi.



見三因生故
說名界善巧
從無始自種
多種種生起

14. Do đây và ở đây
Năm giữ không thể được
Vì y tự trí thành
Trừ được tánh thấp kém.

由此及於此
取者不可得
依自智成故
能除下劣性

15. Biết các xúc, các thọ
Do hai thứ sinh môn
Y chỉ vào các xúc
Nên biết thiện xảo xứ.

知諸觸諸受
由二種生門
依止於觸故
當知處善巧

16. Như pháp xứ, thiên xứ
Về sau được y chỉ
Do vì thế tục đế
Biết rõ hai thứ tánh.



知法處天處
後後所依止
由世俗諦故
了知二種性

17. Biết chưa đoạn vô thường
Nhân sinh ra các quả
Tự tương tục, tương tự
Gọi thiện xảo duyên khởi.

知未斷無常
因能生諸果
自相續相似
名緣起善巧

18. Chúng sinh bất khả đắc
Mà có xả, tục giả
Do thấu suốt sâu xa
Bốn thứ duyên khởi vậy.

眾生不可得
而有捨續者
由了達甚深
四種緣起故

19. Không làm, không đến, được
Hai, thể khác không chuyển
Tịnh kiến không còn nghiệp
Phi ngã tự tại hai.



不作不趣得
二餘體不轉
淨見無餘業
非我自在二

20.Như vậy trí năng trí
Thiện xảo xử phi xử
Nơi tự quả định xử
Khác đây nói phi xử.

如是智能知
處非處善巧
於自果定處
異此說非處

21.Nơi năng thủ, sinh, trú
Và nhiễm ô, thanh tịnh
Vô lý ngã quán thêm
Ở quả kia tăng thượng.

於能取生住
及染污清淨
無理我觀餘
於彼果增上

22.Nơi phương tiện như vậy
Gọi là thiện xảo căn
Là với thủ, sinh, trú
Nhiễm, tịnh, tăng thượng vậy.



於如是方便
名為根善巧
謂於取生住
染淨增上故

23.Hai thứ: tự tánh khổ
Khổ hợp, không đúng lý
Do không nhân, có nhân
Và năm thứ thí dụ.

二自性苦故
合故不應理
由無因有因
及五種譬喻

24.Như vậy do tùy giác
Nên biết thiện xảo để
Tùy giác chưa từng thấy
Chưa thọ nghĩa, nhân duyên.

如是隨覺故
應知諦善巧
隨覺未曾見
未受義因緣

25.Nên biết các thiện xảo
Sai biệt hai mươi ba
Dị nhiếp luận làm đầu
Sau tối cực thanh tịnh.



當知諸善巧
差別二十三
異攝論為先
後最極清淨

Phẩm Bốn: THÀNH VÔ THƯỜNG 成無常品第四

1.Vô thường gọi hữu vi
Tương ưng với ba tướng
Vô thường nghĩa như ứng
Sáu, tám thứ nên biết.

無常謂有為
三相相應故
無常義如應
六八種應知

2.Vô tánh, hoại, chuyển dị
Biệt ly, đặc, đương hữu
Sát na, tục, bệnh đẳng
Là tâm, khí, thọ dụng.

無性壞轉異
別離得當有
剎那續病等
心器受用故



3.Biến dị cần phải biết
Mười lăm thứ sai biệt
Gọi là phần vị đẳng
Bị tám duyên bức bách.

變異應當知
十五種差別
所謂分位等
八緣所逼故

4.Hạ giới đủ tất cả
Trung giới lia ba môn
Đủ ba thứ biến dị
Thượng giới lại trừ khí.

下界具一切
中界離三門
具三種變異
上界復除器

5.Nghĩa vô tánh vô thường
Là biến kế sở chấp
Những nghĩa vô thường khác
Y tha khởi nên biết.

無性義無常
遍計之所執
所餘無常義
依他起應知



6.Chư vô thường đều khổ
 Các khổ bị xen tạp
 Người ngu mê pháp tánh
 Bị hại mà không biết.

諸無常皆苦
 眾苦所雜故
 迷法性愚夫
 得為害不覺

7.Chư hành là tâm quả
 Sinh rồi tự nhiên diệt
 Sau có được biến dị
 Niệm niệm diệt, nên biết.

由彼心果故
 生已自然滅
 後變異可得
 念念滅應知

8.Tâm huân tập tăng thượng
 Định chuyển biến tự tại
 Ảnh tượng sinh đạo lý
 Và ba thứ Thánh giáo.

心熏習增上
 定轉變自在
 影像生道理
 及三種聖教



9.Vì sinh nhân tương vi
 Không hai nhân trú diệt
 Tự nhiên trú thường – lỗi
 Nên biết nhiệm vận diệt.

生因相違故
 無住滅兩因
 自然住常過
 當知任運滅

10.Không nước, lửa, gió diệt
 Do vì cùng khởi diệt
 Tướng kia phải diệt rồi
 Còn sinh nhân biến dị.

非水火風滅
 以俱起滅故
 彼相應滅已
 餘變異生因

11.Tương vi, tương tục đoạn
 Hai tướng thành không tướng
 Ngược thế gian hiện thấy
 Không pháp và nhân khác.

相違相續斷
 二相成無相
 違世間現見
 無法及餘因



12. Chẳng phải thân, sữa, rùng
Trước không có biến dị
Cũng chẳng trước không hoại
Lúc sau cùng mới diệt.

非身乳林等
先無有變異
亦非初不壞
最後時方滅

13. Vị, tư, phiền não, phần
Chẳng phải thường biến dị
Đây nếu không biến dị
Thọ, tác, thoát: phi lý.

位思煩惱分
非常變異故
此若無變異
受作脫非理

14. Vì công năng không có
Nhiếp, không nhiếp: tương vi
Có dụng và không dụng
Làm nhân, thành lầm lỗi.

功能無有故
攝不攝相違
有用及無用
為因成過失



15. Tự tánh, biến dị tướng
Có, không: chẳng hợp lý
Không sai biệt, vô thường
Có sai biệt, năm lỗi:

自性變異相
有無不應理
無差別無常
有差別五失

16. Không tướng và không nhân
Chẳng tự tánh hằng biến
Trước không có biến dị
Ngã nên thường giải thoát.

無相亦無因
非自性恒異
先無有變異
我應常解脫

17. Thường tạo không đúng lý
Là do hai, ba nhân
Tài có tình tăng thượng
Cực vi chẳng thường trú.

常造不應理
由二三因故
財有情增上
極微非常住



18. Kia y chỉ vô thường
Thứ đệ, sai biệt chuyển
Các thọ đẳng khác nhau
Cái biết là vô thường.

無常為彼依
次第差別轉
諸受等異故
當知覺無常

19. Với vô thường vô trí
Căn bản bốn điên đảo
Thế gian đạo tiến lên
Sức ngu si thêm chuyển.

於無常無智
四顛倒根本
當知世上道
愚癡力轉增

20. Do phóng dật, giải đãi
Kiến, ngu, thiếu tư lương
Bạn ác, phi chánh pháp
Nên biết nhân vô trí.

由放逸懈怠
見昧乏資糧
惡友非正法
當知無智因



21. Tác ý không như lý
Nghĩ nhớ tiền tế đẳng
Tương tự, tương tục chuyển
Nơi vô thường chấp thường.

不如理作意
憶念前際等
相似相續轉
於無常計常

22. Sinh: sơ, hậu, trung gian
Thủ ba tướng hữu vi.
Vô thường, trí điều phục
Nên biết do hai nhân.
Thấy kia có sáu thứ
Duyên khởi có bốn thứ.

生初後中間
取三有為相
無常調伏智
當知由二因
彼見有六種
及緣起四種

23. Tự chủng: chẳng phải tha
Đợi duyên: chẳng phải tự
Vô tác: chẳng phải cộng
Dụng: chẳng phải vô nhân.



自種故非他
待緣故非自
無作故非共
用故非無因

Phẩm Năm: THÀNH KHỔ

成苦品第五

1. Sinh làm nhân muốn rời
Diệt sinh muốn hòa hợp
Đào, vô đào, yếm ly
Nhân kia là tướng khổ.

生為欲離因
滅生和合欲
倒無倒厭離
彼因為苦相

2. Y ba thọ sai biệt
Kiến lập ba tướng khổ
Nên nói tất cả thọ
Thể tánh đều là khổ.

依三受差別
建立三苦相
故說一切受
體性皆是苦



3. Tánh các hành là khổ
Thô trọng đều đi theo
Lạc, xả, không hợp lý
Đồng lỗi không giải thoát.

當知行性苦
皆龜重隨故
樂捨不應理
同無解脫過

4. Lợi, thâm, đặng, chướng ngại
Y, tiến, trú, thừa (chấp) không
Chấp trước, tánh thấp kém
Điên đảo và nhiễm ô.

利深等障礙
依進住乘空
執著性下劣
顛倒及染污

5. Như nhọt, lác, hủi, v.v...
Chỗ dựa của ba thọ
Thọ năng phát ba xúc
Thủ lạc đặng tùy duyên.

如癰疥癩等
三受之所依
彼能發三觸
取樂等隨轉



6. Tự tướng, tự phân biệt
 Không yên ổn - tánh khổ
 Nên biết năm mươi lăm
 Được nhiếp trong ba khổ.

自相自分別
 不安隱苦性
 五十五應知
 三苦之所攝

7. Giới, duyên, thân đẳng, thú
 Chủng loại, đế, tam thể
 Thời, mạng, phẩm dị biệt
 Dẫn các khổ sai biệt.

界緣身等趣
 種類諦三世
 時命品異故
 引眾苦差別

8. Chưa ly Dục, Sắc, v.v...
 Ba thứ địa nên biết
 Dục giới tất cả chủng
 Sắc, Vô sắc trừ hai.

未離欲色等
 三種地應知
 欲界一切種
 色無色除二



9. Thế tục có hai thứ
 Thắng nghĩa gọi biến hành
 Hai duyên thông thượng địa
 Nên biết không hiện, nhiễm.

世俗有二種
 勝義謂遍行
 二緣通上地
 當知無現染

10. Vô sắc chẳng gánh nặng
 Biến hành, thiên, thô trọng
 Tội hậu biên của đế
 Còn bảy, thượng tùy phược.

非無色重擔
 遍行天龜重
 及諦最後邊
 餘七上隨縛

11. Nên biết sinh, v.v... khổ
 Mỗi có năm sai biệt
 Khổ thô trọng tương ưng
 Chỗ y chỉ ba khổ.

當知生等苦
 各五種差別
 苦龜重相應
 三苦所依止



12.Sau cùng và sau cùng
Mỗi sở y bốn khổ
Gọi sinh, sinh căn bản
Và khổ tánh, biến hoại.

最後與最後
各四苦所依
謂生根本
及苦性變壞

13.Ba đời khổ được nhiếp
Thượng chẳng hai duyên khổ
Đã nói, các khổ khác
Đều chỉ ở Dục giới.

三世之所攝
二緣苦非上
所說餘諸苦
皆欲界應知

14.Mất niệm, không công dụng
Loạn, không chánh tư duy
Không hiểu đúng: ngu si
Và do phóng dật v.v.

失念無功用
亂不正思惟
不正了愚癡
及由放逸等



15.Do ngu muội, yếu đuối
Và sinh khởi phóng dật
Cùng tương tục đoạn tuyệt
Chuyển thành quên mất niệm.

昧故羸劣故
及起放逸故
相續斷絕故
忘念轉應知

16.Do ngu muội, phóng dật
Gìn giữ pháp hiện tại
Không tin sẽ có khổ
Không công dụng phát khởi.

昧故放逸故
保重現法故
不信當苦故
無功用發起

17.Tương tự tương tục chuyển
Vọng phân biệt đối trị
Quán tập, tổng chấp thủ
Khởi bốn thứ điên đảo.

相似相續轉
對治妄分別
串習總取故
起四種顛倒



18. Giới biệt, duyên khởi biệt
 Vị biệt, thứ đệ biệt
 Và tương tục sai biệt
 Nên biết mỗi nhiều loại.

界別緣起別
 位別次第別
 及相續差別
 當知各多種

19. Tín giải và tư trạch
 Bất loạn, tâm yếm ly
 Kiến, tu và cứu cánh
 Như trước nói mười một.

信解與思擇
 不亂心厭離
 見修及究竟
 又如前十一

20. Triền, nghi, không ưa rời
 Trâm, ác thú, các thú
 Hành thấp kém sinh khởi
 Khấp, riêng các khổ hết.

纏疑不樂離
 沈惡趣餘趣
 下劣行所起
 遍獨眾苦盡



Phẩm Sáu: THÀNH KHÔNG

成空品第六

1. Nếu ở đây không có
 Cái còn lại ở đây
 Theo hai thứ đạo lý
 Nói tướng không: không hai.

若於此無有
 及此餘所有
 隨二種道理
 說空相無二

2. Tướng thậm thâm nên biết
 Thủ xả không thêm bớt.
 Sai biệt có nhiều thứ
 Như đây kia tuyên thuyết.

甚深相應知
 取捨無增減
 差別有眾多
 如彼彼宣說

3. Chi là giả thành lỗi
 Uẩn không ngã thành lỗi
 Ngã không thân thành lỗi
 Ba ngã không đúng lý.



唯假過失故
蘊無我過故
我無身過故
三我不應理

4.Như chủ, lửa, sáng, không
Hình khác, lỗi y tha
Vô thường, không nghiệp dụng
Chẳng nhân, chẳng có ngã.

如主火明空
形異依他過
無常無業用
非因非有我

5.Ngã chỉ là giả lập
Thí dụ không thể được
Bảy dụ vọng phân biệt
Không ba chấp: thấy, v.v...

我唯應是假
譬喻不可得
七喻妄分別
無見者等三

6.Như hạt giống vô thường
Người chế tác thành giả
Người thành thực thần thông
Tự tại ở thế tục.



若如種無常
作者應成假
如成就神通
應世俗自在

7.Ngã như địa, như không
Phải vô thường, vô tánh
Phải như hai: vô tác
Phân minh nghiệp có được.

我如地如空
應無常無性
應如二無作
分明業可得

8.Đốt cháy và cắt đứt
Chỉ lửa, dao làm ra
Ngã với đồ thấy, nghe
Không phải như lửa, dao.

能燒及能斷
唯火等所作
我於見等具
非如刀火等

9.Như ánh sáng soi chiếu
Lìa sáng không dị thể
Cho nên ở trong ngoài
Nghĩa không, vô ngã thành.



如光能照用
離光無異體
是故於內外
空無我義成

10.Như ngoại vật thế gian
Lìa ngã có tồn ích
Nội tuy không thật ngã
Nghĩa nhiệm tịnh nên thành.

如世間外物
離我有損益
內雖無實我
染淨義應成

11.Vị, tư, phiền não, phân
Là vô thường biến dị
Ngã thường không chuyển đổi
Thọ, tác, thoát nên không.

位思煩惱分
無常變異故
我常無轉易
受作脫應無

12.Pháp tánh từ duyên sinh
Triển chuyển hiện tương tục
Có nhân mà không trú
Biến đổi nên gọi chuyển.



法性從緣生
展轉現相續
有因而不住
變異故名轉

13.Như thân, răng, sông, đèn
Có các thứ tác dụng
Ngã thường không biến đổi
Chuyển, hoàn không hợp lý.

如身牙河燈
有種種作用
我常無變異
轉還不應理

14.Y ngã khởi danh tướng
Thấy hai thứ lầm lỗi
Cho nên biến khắp cả
Tánh thật ngã đều không.

依我起名想
見二種過失
是故遍一切
實我性都無

15.Vì ngôn thuyết dễ hiểu
Vì tùy thuận thế gian
Vì đoạn trừ sợ hãi
Hiện hai thứ: đức, lỗi.



為言說易故
隨順世間故
斷除怖畏故
顯得失二故

16.Đột nhiên giác loạn khởi
Thế gian hiện có được
Giác làm đầu tác nghiệp
Có mười thứ lầm lỗi.

率爾覺亂起
世間現可得
覺為先作業
有十種過失

17.Giác, ngã nhân, công dụng
Tự tại đẳng mỗi hai
Có nhân và không nhân
Phải biết mười thứ lỗi.

覺我因功用
自在等各二
有因及無因
當知十種過

18.Không tham quyết, biến hành
Tăng ích và vô sự
Với sự sợ vọng kiến
Thí dụ có năm thứ.



不審決遍行
增益及無事
於事怖妄見
譬喻五應知

19.Vô thể và viễn ly
Trừ khử, dựa ba thứ
Đối trị các phược tướng
Mười sáu thứ sai biệt.

無體及遠離
除遣依三種
對治諸縛想
十六種差別

20.Tự tánh và chấp trước
Không hiểu rõ, thất niệm
Khấp tất cả, một phần
Ngu sai biệt lưu chuyển.

自性與執著
不開解失念
一切遍一分
愚差別流轉

21.Pháp trú, cầu tự tâm
Trú tự tâm, trừ phược
Sợ, không hai, nhiễm, tịnh
Chứng được lý chân không.



法住求自心
住自心除縛
怖無二染淨
證得真空理

22. Tu sai biệt mười tám
Hoặc có độc, không độc
Đối trị năm thứ chấp
Lược hai thứ nên biết.

修差別十八
或有毒無毒
對治五種執
略二種應知

23. Tu quả phải nên biết
Ba bờ-đề, công đức
Y chỉ tánh chuyển y
Các việc làm thành tựu.

修果應當知
三菩提功德
依止轉依性
所作事成就



Phẩm Bảy: THÀNH VÔ TÁNH 成無性品第七

1. Ba tự tánh nên biết
Đầu biến kế sở chấp
Tiếp y tha khởi tánh
Sau cùng viên thành thật.

三自性應知
初遍計所執
次依他起性
最後圓成實

2. Ba vô tánh nên biết
Không lia ba tự tánh
Do tướng vô, sinh vô
Và thắng nghĩa vô tánh.

三無性應知
不離三自性
由相無生無
及勝義無性

3. Năm sự không được nhiếp
Ngoài đây càng không có
Do danh với nghĩa chuyển
Hai luân phiên làm khách.



非五事所攝
此外更無有
由名於義轉
二更互為客

4. Trước có danh, không biết
Nhiều danh và bất định
Nơi hữu nghĩa, vô nghĩa
Chuyên, phi lý, nghĩa thành.

於名前覺無
多名及不定
於有義無義
轉非理義成

5. Vì thủ rồi lập danh
Chưa hiểu không thủ đắc
Như chúng sinh tà chấp
Tăng ích làm điên đảo.

取己立名故
餘即不能取
如眾生邪執
增益為顛倒

6. Do huân khởi y tha
Y tha sinh điên đảo
Như vậy duyên lẫn nhau
Triển chuyển sinh tương tục.



由熏起依他
依此生顛倒
如是互為緣
展轉生相續

7. Tự tánh và sai biệt
Có giác ngộ, tùy miên
Gia hành, gọi biến kế
Lại nên biết năm thứ.

自性與差別
有覺悟隨眠
加行名遍計
又當知五種

8. Phân biệt có tám thứ
Năng sinh nơi ba sự
Thể phân biệt nên biết
Hai giới: tâm, tâm pháp.

分別有八種
能生於三事
分別體應知
三界心心法

9. Do hai phược trói buộc
Chấp chặt hai thứ tánh
Khi hai phược giải thoát
Chính vô đắc, vô kiến.



由二縛所縛
堅執二自性
故二縛解脫
正無得無見

10. Giả có, nhân sở y
Nếu khác, hoại hai thứ
Tạp nhiễm mà có được
Nên biết y tha có.

假有所依因
若異壞二種
雜染可得故
當知依他起

11. Tướng, thô trọng làm thể
Chúng duyên sinh cho nhau
Chẳng phải tự nhiên có
Nên nói sinh vô tánh.

相麤重為體
此更互緣生
非自然是有
故說生無性

12. Không xác định có, không
Tất cả chúng đều nhận
Thông hai tánh: giả, thật
Thể tục nói là có.



非決定有無
一切種皆許
通假實二性
世俗說為有

13. Nói ngã, pháp, tác dụng
Đều gọi là thể tục
Nên biết thắng nghĩa đế
Gọi bảy thứ chân như.

宣說我法用
皆名為世俗
當知勝義諦
謂七種真如

14. Tự tánh viên thành thật
Hai tối thắng trí nghĩa
Không có các hý luận
Rời xa tánh: nhất, dị.

圓成實自性
二最勝智義
無有諸戲論
遠離一異性

15. Sở duyên của thanh tịnh
Thường không có biến đổi
Tánh thiện và tánh lạc
Tất cả đều thành tựu.



清淨之所緣
常無有變異
善性及樂性
一切皆成就

16. Thật thắng nghĩa vô tánh
Hý luận, ngã không có
Y tha không tướng ấy
Đó thắng nghĩa vô tánh.

實勝義無性
戲論我無故
依他無彼相
亦勝義無性

17. Nên biết dựa ba tướng
Kiến lập năm thứ tướng
Ba tướng theo thích ứng
Mỗi tướng có năm nghiệp.

依三相應知
建立五種相
彼如其所應
別別有五業

18. Vì pháp chấp, người ngu
Khởi chúng sinh chấp kia
Kia trừ, ngộ pháp tánh
Ngộ pháp, ngã chấp đoạn.



法執故愚夫
起彼眾生執
彼除覺法性
覺法我執斷

19. Y tha chấp biến kế
Huân tập thành tạp nhiễm
Không chấp: viên thành thật
Huân tập thành thanh tịnh.

於依他執初
熏習成雜染
無執圓成實
熏習成清淨

20. Tạp nhiễm: tánh hữu lậu
Thanh tịnh: tánh vô lậu
Đây nên biết chuyên y
Bất tư nghị hai thứ.

雜染有漏性
清淨則無漏
此當知轉依
不思議二種

21. Chân thật và tự thể
Tịch tĩnh và công đức
Tất cả bất tư nghị
Là do bốn đạo lý.



真實及自體
寂靜與功德
一切不思議
當知由四道

22.Thanh văn có hai thứ
Tịch tĩnh, hướng bờ-đề
Y chỉ thân biến hóa
Đến Vô thượng chánh giác.

聲聞有二種
趣寂趣菩提
依止變化身
趣無上正覺

23.Các Thanh văn chuyên y
Được nhờ tu yếm ly
Bồ-tát tu phương tiện
Y chỉ trí không hai.

諸聲聞轉依
厭背修所得
菩薩方便修
無二智依止

24.Vì không trú sinh diệt
Chư Phật trí vô thượng
Lợi lạc các hữu tình
Bất tự nghị, không hai.



不住生滅故
諸佛智無上
利樂諸有情
不思議無二

Phẩm Tám: THÀNH HIỆN QUÁN 成現觀品第八

1.Nên biết hiện sở quán
Hạ, trung, thượng phẩm sự
Hữu lậu và vô lậu
Chưa thấy, chưa thọ, biến.

當知現所觀
下中上品事
有漏及無漏
未見未受遍

2.Xuất thế gian thắng trí
Năng trừ kiến sở đoạn
Chứng đắc vô phân biệt
Duy y chỉ tĩnh lự.

出世間勝智
能除見所斷
無分別證得
唯依止靜慮



3. Rất buồn, chẳng ác thú
 Rất vui, chẳng hai trên
 Người trời sống cõi Dục
 Phật xuất thế hiện quán.

極感非惡趣
 極欣非上二
 處欲界人天
 佛出世現觀

4. Chưa ly dục, bội ly
 Và người đã ly dục
 Độc nhất, chứng chánh giác
 Tối thắng ngã đượ sinh.

未離欲倍離
 及已離欲者
 獨一證正覺
 最勝我所生

5. Phi ngã làm trí nhân
 Cũng không tự thủ cảnh
 Ngã không tự hiện quán
 Vì chấp ái tự ngã.

非我為智因
 亦非自取境
 我非自現觀
 執愛自我故



6. Vô thường có cảnh giới
 Đợi duyên, trí sinh khởi
 Đoạn ba: thô trọng, v.v...
 Nên y tâm hiện quán.

無常有境界
 待緣智生起
 斷麤重等三
 故依心現觀

7. Đã thành thực tương tục
 Hoặc lắng nghe chánh pháp
 Tự nhiên, cực như lý
 Tác ý mà hiện quán.

已成熟相續
 或聽聞正法
 自然極如理
 作意故現觀

8. Buộc niệm nơi sở duyên
 Tinh cần, tu tĩnh định
 Tăng thượng, thiện căn lực
 Chứng Thánh giác đạo phần.

繫念於所緣
 精勤修靜定
 增上善根力
 證聖覺道分



9. Từ đó nhập kiến đạo
 Vô lậu chánh kiến khởi
 Vĩnh đoạn nơi ba kết
 Chứng hiện quán, nên biết.

從是入見道
 無漏正見起
 永斷於三結
 證現觀應知

10. Dù ác thú tạp nhiễm
 Chấp đã khởi, hoặc đoạn
 Cảnh, kiến, đạo sư v.v...
 Tùy sinh ba được nhiếp.

雖惡趣雜染
 計所起惑斷
 境見導師等
 隨生三所攝

11. Trước có thể gian trí
 Giản trạch để rốt ráo
 Nơi để không gia hành
 Quyết định sinh khởi tướng.

由先世間智
 簡擇諦究竟
 於諦無加行
 決定生起相



12. Trí cảnh hòa hợp tướng
 Nơi sở tri cứu cánh
 Nên biết để hiện quán
 Nơi mười thứ quyết định.

智境和合相
 於所知究竟
 當知諦現觀
 於十種決定

13. Ngã, tánh không, ba có
 Bất diệt, không có hai
 Vô phân biệt, không sợ
 Tự tại: quyết định đoạn.

我性無三有
 不滅無有二
 無分別無怖
 自斷中決定

14. Phát khởi, chứng, đẳng lưu
 Thành mãn: bốn thứ đệ
 Lại trí pháp trú, v.v...
 Tám thứ đệ, nên biết.

發起證等流
 成滿次第四
 又法住智等
 次第八應知



15. Vô hối, trú sở duyên
 Như thật thấy cảnh giới
 Đạo sở y vô hoặc
 Thuần, sai biệt, hành đoạn.

無悔住所緣
 如實見境界
 道所依無惑
 純差別行斷

16. Ba tịnh nhiếp bảy thứ
 Giới tịnh và tâm tịnh
 Cảnh giới, y chỉ, đạo
 Nói là tuệ thanh tịnh.

三淨攝應知
 戒淨及心淨
 境界依止道
 說為慧清淨

17. Biết thân, thọ, ... nhân duyên
 Khéo thấu nơi ba đời
 Kế hiệu rõ bốn khổ
 Còn tám khổ nên biết.

知身等因緣
 善達於三世
 次了知四苦
 復八苦應知



18. Từ đây chánh quán để
 Khởi mười sáu hành trí
 Vì trị bốn điên đảo
 Chỗ dựa cho cái sau.

從是正觀諦
 起十六行智
 為治四顛倒
 後後之所依

19. Từ đây chuyên tu tập
 Nơi tâm tổng yếm ly
 Để giản trạch, quyết định
 Cứu cánh giác sinh khởi.

從是轉修習
 於心總厭離
 諦簡擇決定
 究竟覺生起

20. Từ đây không gia hành
 Giải thoát trí ba tâm
 Có một trăm mười hai
 Phiền não đoạn, mười nhiếp.

從此無加行
 解脫智三心
 一百一十二
 煩惱斷十攝



21. Đây chứng bồ-đề phần
Sáu thứ tịnh trí tương
Vì hành vô phân biệt
Theo sở tác kiến lập.

此證菩提分
六種淨智相
行無分別故
隨所作建立

22. Bồ-tát tại vị này
Trước tu sức thắng nhân
Khổ nơi thân mình người
Khởi bình đẳng tâm tánh.

菩薩在此位
先修勝因力
於自他身苦
起平等心性

23. Là ý lạc đại ngã
Nơi tự tánh vô đặc
Và ý lạc quảng đại
Hai tánh vô phân biệt.

是大我意樂
於自性無得
廣意樂當知
二性無分別



24. Trở lên mười sáu hành
Thanh tịnh thể gian trí
Vì đối trị giới địa
Cứu cánh sự thành tựu.

次上十六行
清淨世間智
對治界地故
究竟事成就

25. Hiện quán ấy sai biệt
Có sáu hoặc mười tám
Tương thắng lợi có nhiều
Theo kinh luận đã nói.

此現觀差別
或六或十八
相勝利眾多
隨經論廣說

Phẩm Chín: THÀNH DU GIÀ

成瑜伽品第九

1. Bát-nhã độ du-già
Đẳng chí, vô phân biệt
Tất cả, tất cả chúng
Vì không có phân biệt.



般若度瑜伽
等至無分別
一切一切種
無有分別故

2. Tất cả, tất cả chúng:

Ba tướng và ba luân
Gọi danh tướng, nhiễm tịnh
Và không cả hai thứ.

一切一切種
三相與三輪
謂名相染淨
及俱非二種

3. Nơi pháp và pháp không

Không hai thứ hý luận
Vô phân biệt, vô cùng
Trên đây không đúng lý.

於法及法空
無二種戲論
無分別無窮
此上非應理

4. Nếu toàn không gì thủ

Không tuệ cũng không độ
Cùng thành, thủ ly ngôn
Là thuận, chẳng không dụng.



若都無所取
無慧亦無度
俱成取離言
為順非無用

Phẩm Mười: THÀNH BẤT TƯ NGHỊ

成不思議品第十

1. Chín sự bất tư nghị

Do y chỉ năm sự
Vì có năm lý do
Được, mất đều ba thứ.

九事不思議
由依止五處
有五種因故
得失俱三種

2. Không nghĩ, không xác định

Nên biết do bốn nhân
Chẳng nhất định, sâu xa
Dẫn vô nghĩa, tướng trú.

不應思不記
當知由四因
非定一甚深
引無義相住



3. Không nghĩ ngã có – không
 Vì thành hai lầm lỗi
 Với người cũng hai lỗi
 Không nên nghĩ: một – khác.

不思我有無
 成二過失故
 於他亦二失
 不應思一異

4. Hai tuy không y kiến
 Thành nên không phải nghĩ
 Không nghĩ sinh như vậy
 Vì ba lỗi đi theo.

二雖不依見
 成故不應思
 不思如是生
 三過所隨故

5. Thiện thú và ác thú
 Hai tác giả chẳng định
 Quá khứ nghiệp thiện ác
 Xứ, sự v.v... khó nghĩ.

善趣與惡趣
 二作者非定
 過去善惡業
 處事等難思



6. Chân như, tánh vô lậu
 Thành sở tác nghĩa lợi
 Bạc tỉnh lự, Như lai
 Vì không dụ, tự tại.

真如無漏性
 成所作義利
 靜慮者如來
 無譬自在故

7. Tuyên thuyết của ngoại đạo
 Dẫn đến không nghĩa lợi
 Phi lý, rời bốn xứ
 Vô ký không nên nghĩ.

外道所宣說
 能引無義利
 非理遠四處
 無記不應思

8. Phi xứ siêng dụng công
 Hủy báng nghĩa đại ngã
 Không tu thanh tịnh thiện
 Nên thành ba lầm lỗi.

非處勤功用
 毀謗於大我
 不修清淨善
 故成三過失



9. Rời xa không tư nghị
Nghĩ khả tư nghị xứ
Đủ tám thứ công đức
Nên như lý tư duy.

遠離不思議
思可思議處
具八種功德
故如理應思

10. Giáo pháp chư Phật thuyết
Biên tri, đoạn ... không trái
Vì năm nhân, hai nhân
Ở đây không nên nghĩ.

諸佛之所說
遍知等無違
五因二因故
於此不應思

Phẩm Mười Một:
NHIẾP THẮNG QUYẾT TRẠCH
攝勝決擇品第十一

1. Số, tướng, biệt, hữu, xứ
Biên tế và sinh khởi
Tướng, thiện xảo, nhiếp v.v...
Các sự thắng quyết trạch.



數相別有處
邊際與生起
想善巧攝等
勝決擇諸事

2. Tâm tánh có hai thứ
Dị thực tâm, chuyển tâm
Đầu a-lại-da thức
Chủng tử, hai nên biết.

心性有二種
異熟及與轉
初阿賴耶識
種子二應知

(1) Cháp thọ, sơ, minh liễu
Chủng tử, nghiệp, thân thọ
Vô tâm định, mạng chung
Vô đều không đúng lý.

執受初明了
種子業身受
無心定命終
無皆不應理

(2) Sở duyên cảnh, tương ưng
Hỗ tương hai nhân tánh
Các thức cùng lưu chuyển
Tạp nhiễm ô hoàn diệt.



所緣境相應
更互二因性
識等俱流轉
雜染污還滅

3.Sở y, cảnh giới lực
Kiến lập tâm sai biệt
Lại do bảy hành tướng
Sai biệt khó biết rõ.

所依境界力
建立心差別
復由七種行
難了相應知

4.Sở duyên không tự tại
Trú ác sở y chỉ
Tùy duyên lực sở chuyển
Tâm trói buộc nên biết.

所緣無自在
住惡所依止
隨緣力所轉
心繫縛應知

5.Tán loạn có sáu thứ
An trú mười lăm thứ
Duyên cảnh giới: sáu v.v...
Sở trị tâm chẳng một.



散亂及安住
六種十五種
緣境界六等
所治心非一

6.Dựa nhiều cảnh liễu biệt
Đều là tự nghiệp sinh
Tâm pháp, không nên nghĩ
Vì tương tự cảnh chuyển.

依多境了別
各為自業生
心法不應思
相似境轉故

7.Dẫn tâm, ba phân biệt
Lãnh vị, thâm liễu tướng
Đắc thất, v.v... hoạt động
Gọi nghiệp: tác ý, v.v...

引心三分別
領位審了相
得失等營為
名作意等業

8.Thượng giới không hương, vị
Đại tạo tùy khả đắc
Cực vi không tự thể
Chẳng thật có bảy sự.



上界無香味
大造隨可得
極微無自體
非實有七事

9. Vi hòa hợp không rời
Thiện ác không tự nhiên
Ba tướng, tướng ngoài không
Pháp xứ sắc mười hai

微和合不離
善惡無自然
三相想外無
法處色十二

10. Nên biết bất tương ưng
Đều giả thi thiết có
Sáu thứ tánh giả có
Thấy đều có ba lỗi.

當知不相應
皆假施設有
假有性六種
彼皆二過故

11. Ba lỗi nhân, chẳng năm
Nhân tướng lược: hệ, hợp
Tướng, y xứ, sai biệt
Kiến lập: có nhiều thứ.



三過因非五
因相略繫合
相依處差別
建立有多種

12. Là tâm sở duyên v.v...
Là thanh tịnh sở duyên
Là bốn thứ ly hệ
Kiến lập tám vô vi.

心所緣等故
清淨所緣故
四種離繫故
建立八無為

13. Ba giới phải nên biết
Mười hai tướng sai biệt
Sở trị và năng trị
Chỉ làm tổn phục chủng.

三界應當知
十二相差別
所治及能治
唯能損伏種

14. Pháp vương, vị nước biển
Muôn ác thú trường thọ
Nhiều thế giới chung một
Mỗi hai thứ nhân duyên.



法王海鹹味
欲惡趣長壽
多世界共一
各二種因緣

15. Ý tương ưng bốn hoặc
Biến hành mà cùng khởi
Vô ký, tối hậu diệt
Theo đó sinh tánh kia.

意相應四惑
遍行而俱起
無記最後滅
隨所生彼性

16. Tất cả, sinh tương tục
Hiện khởi và với duyên
Tùy miên, cảnh, thô trọng
Mỗi sai biệt hai mươi.

一切生相續
現起及與緣
隨眠境麤重
各差別二十

17. Là tùy thuận tự sinh
Chủng tử, tăng thượng sự
Và sinh bốn làm lỗi
Là bất tịnh ba nhân.



隨順自生故
種子事故
生四過失故
不淨三因故

18. Nghiệp tư, nghiệp đã tư
Sai biệt có mười ba
Quả ấy sáu, ba vị
Năm thứ nghiệp quyết định.

業思及思已
差別有十三
彼果六三位
業決定五種

19. Tự nghiệp v.v... bốn thứ
Đây tiên thực cũng bốn
Lại chín thứ nên biết
Tức hai thứ sai biệt.

自業等四種
此先熟亦四
復九種當知
即二種差別

20. Mạng chung: định, bất định
Chết trẻ do sáu nhân
Biết rõ vị ba tâm
Trung hữu có hoặc không.



命終定不定
中歿由六因
明了位三心
中有或有無

21. Dựa sở duyên hữu khác
Tâm nhiễm ô sinh khởi.
Ở trong bốn loài sinh
Và ba giới, năm thú.

依餘有所緣
染污心生起
於四種生中
及三界五趣

22. Nên biết thế tục đế
Ý giải nghĩa và thuyết.
Tịnh sở duyên, tánh tịnh
Phương tiện gọi thắng nghĩa.

當知世俗諦
意解義及說
淨所緣彼性
方便名勝義

23. Nên biết là bốn thứ
Nhiễm và tịnh được nhiếp
Chưa thấy, chưa cảm nhận
Như bệnh, bệnh diệt nhân.



當知是四種
染淨之所攝
未見未經受
如病病滅因

24. Nên biết tứ đế ấy
Mỗi bốn tướng, bốn hành
Biên tri v.v... bốn thứ
Tánh nhân quả phân biệt.

當知是四諦
各四相四行
遍知等四種
因果性差別

25. Hiểu biết không chống cãi
Pháp nhĩ chứng cũng vậy
Đế: ba thứ, chỉ thiện
Lại hai thứ nên biết.

彼覺無乖諍
法爾證亦然
諦三種唯善
復二種應知

26. Nên biết bảy y chỉ
Ba thứ tánh sở y
Kia có hai thiện xảo
Tứ cú phân biệt rộng.



當知七依止
三種所依性
彼善巧二種
四句等廣說

27. Tỉnh lự: số, chương, phần
Chúng được kiến lập rộng
Rời xa nơi khổ, động
Về sau phân thẳng dị.

靜慮數障分
及彼廣建立
遠離於苦動
後後分勝異

28. Cận phân hỷ có động
Chỉ sơ dứt hết lậu
Và hai thứ duyên thanh
Tám đẳng chí xả tám.

近分喜有動
唯初能盡漏
亦二種緣聲
八等至捨八

29. Hiện pháp trú an lạc
Năng nhập nơi hiện quán
Tán thuyết, tướng giải thoát
Bốn thứ nhân nên biết.



現法安樂住
能入於現觀
讚說想解脫
四種因當知

30. Ái vị, v.v... nên biết
Mười thứ, sáu, ba thứ
Thoái tương tục chương trì
Mỗi nhiều thứ sai biệt.

愛味等當知
十種六三種
退相續障治
各多種差別

31. Lợi căn và sinh chuyển
Nên biết không có thoái
Y hạ địa phát định
Ly dục về sau sinh.

利根及生轉
當知無有退
依下地發定
離欲後生故

32. Y nhị thừa, đại thừa
Do hai mươi bảy tướng
Chánh phương tiện nên biết
Kiến lập nơi giác phần.



依二乘大乘
由二十七相
正方便當知
建立於覺分

33.Thân, thọ, ..., ba sai biệt
Tùy quán ảnh tượng kia
Ba trí: văn, tư, tu
Niệm pháp không mê hoặc.

身等三差別
彼影像隨觀
由聞等三智
念法無迷惑

34.Sở trị kia chín thứ
Biết tác ý có hai
Tu sai biệt có ba
Hai thứ không mất hoại.

彼所治九種
作意當知二
修差別有三
二種無失壞

35.Vì đoạn nơi trầm, trạo
Tương ưng đạo hai thứ
Quán sát xả phiền não
Và vì tận hai ái.



為斷於沈掉
相應道二種
觀察捨煩惱
及為盡三愛

36.Vì đoạn tăng thượng mạn
Vị sở y, điên đảo
Và ba tâm thú nhập
Tu tập nơi niệm trú.

為斷增上慢
味所依顛倒
及三心趣入
修習於念住

37.Do các căn sai biệt
Kiến lập năm duy hai
Giả thiết có năm nhân
Ba sự thành viên mãn.

由根等差別
建立五唯二
假設五應知
三事成圓滿

38.Chứng chuyển y không khởi
Hai nhân quả không thoái
Ba nhân nên đoạn thường
Ba quả, ba nhân ký.



證轉依不起
二因果無退
三因故斷常
三果三因記

39.Kiến lập các công đức
Do mười bảy tầng thượng
Sai biệt ấy vô biên
Vì trị chướng sở trị.

建立諸功德
由十七增上
彼差別無邊
治所治障故

40.Tư duy nghĩa, lạc, khô
Tác ý và an trú
Gian nan và sắc thái
Thù đặc, không thù đặc.

思惟義樂苦
作意及安住
艱難與相貌
殊特非殊特

41.Chủng tánh, Như lai thuyết
Nhiều Phật và nhất thừa
Năm thứ và mười thứ
Sáu, sáu thứ đạo lý.



種性如來說
多佛與二乘
五種及十種
六六種道理

42.Chư Phật diệu công năng
Phật quả, độ thanh tịnh
Giải thoát và pháp thân
Đẳng, bất tư, vô thượng.

諸佛妙功能
彼果土清淨
解脫與法身
等不思無上

43.Tuy không gia hành dụng
Trước nguyện lực dẫn dắt
Y vô vi phát khởi
Sở tác không hai tướng.

雖不用加行
先願力所引
依無為發起
所作無二相

44.Tuyên thuyết các sự pháp
Biệt giải thoát phân biệt
Các pháp tướng mười một
Kinh, luật, bản mẫu tạng.



宣說諸事法
別解脫分別
諸法相十一
是經律本藏

45.Các tướng và đoạn diệt
Không đánh mất phương tiện
Hai quả trên, sai biệt
Nói lược nghĩa các kinh.

諸相與斷滅
無失壞方便
彼二果差別
是諸經略義

46.Lược nói Du-già đạo
Duyên chánh pháp được nghe
Xa-ma-tha và quán
Y ảnh tượng, thành tựu.

略說瑜伽道
緣所聞正法
奢摩他與觀
依影像成就

Phật tử **Quảng Minh Hoàng Thanh Tuyên** chuyển dịch và chú thích
Khởi dịch ngày 19 tháng 8 năm 2014 (24/7/Giáp Ngọ) – PL.2558
Hoàn thành ngày 17 tháng 8 năm 2016 (15/7/Bính Thân) – PL.2560

Đại sĩ **VÔ TRƯỚC** tạo luận

Hán dịch từ Phạn bản
Pháp sư HUYỀN TRANG

Việt dịch và chú giải
QUẢNG MINH

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024) 37822845

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

LUẬN HIỂN DƯƠNG THÁNH GIÁO

顯揚聖教論

Prakaraṇāryavācā-sāstra

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc

ThS. NGUYỄN HỮU CỐ

Chịu trách nhiệm nội dung:

Q. Tổng Biên Tập

LÊ HỒNG SƠN

Biên tập: **VŨ VĂN HIẾU**

Trình bày & Sửa bản in: **LÂM ĐẶNG**

Bìa: **QUẢNG MINH**

Liên kết xuất bản:

CÔNG TY TNHH TM HÙNG KHANG

Địa chỉ: 339/81 Nguyễn Thái Bình, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

In số lượng 500 cuốn. Khổ 15 x 21 cm

Tại: Công ty Cổ phần In Thương mại Đông Dương

Địa chỉ: 161/1 Lũy Bán Bích, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP.HCM

Số_ĐKXB: 1795-2022/CXBIPH/03-62/TG

Mã ISBN: 978-604-61-8543-7

QĐXB: 308/QĐ-NXBTG ngày 01 tháng 06 năm 2022

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2022